VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP TÁM



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP TÁM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP TÁM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

10-2006/CXB/169-2018/GD

Mã số : 7X416N6 -CNĐ

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

Tổ Phiên dịch Viện Sử học phiên dịch

ĐẠI NAM THỰC LỤC

TẬP TÁM

Phiên dịch : **Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân, Trần Huy Hân, Nguyễn Trọng Hân Đỗ Mộng Khương,**

Hiệu đính : **Nguyễn Trọng Hân, Cao Huy Giu**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN L*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Giáp Tuất, Tự Đức năm thứ 27 [1874], (Thanh, Đồng Trị năm thứ 13), **mùa xuân, tháng giêng**, cho Vũ sinh và các quân Tuyển phong, Thủy dũng, Chiến tâm ở Kinh và tỉnh ngoài lệ thuộc về hàng ngũ trước.

Dụ rằng : Binh lính là để giữ nước, quý về khỏe mạnh mà tinh nhanh, tài giỏi lại càng quý, biền binh, Vũ sinh, Tuyển phong, Thủy dũng, Chiến tâm, lúc trước đặt riêng chính là muốn chọn người khỏe mạnh mà huấn luyện, tới khi sai phái mới mong được việc, nhưng nghĩ biền binh tuyển mộ ở Kinh và tỉnh ngoài đều có ngạch thất nhất định ; Vũ sinh và Tuyển phong ở nhà Vũ học ở Kinh, hai hạng ấy đều là chính danh, không đặt hư, gặp khi thường phái đi đánh giặc, có thể cùng đi mà không coi khác. Nay nếu ở các vệ, cơ, chọn lấy người khỏe mạnh đặt riêng vệ, đội, chia đặt quản suất, thì quân tập hợp ở các vệ, cơ, khỏe, yếu không giống nhau khó thành đội, vệ ; mà khi chọn ra, thì vệ, cơ trước đã thành khuyết ngạch, không thể sung điền được, sổ quân lại giương số hư, tức như các quân Tuyển phong, Thủy dũng ở Kinh ; Vũ sinh, Thủy dũng, Chiến tâm ở tỉnh ngoài, hoặc trích ở giản binh, hoặc mộ dân khỏe mạnh, đại khái chỉ có danh mà không có thực, gần đây khi có phái đi làm việc bắt giặc, khó được đủ số, không khỏi lại phái quân không huấn luyện ở các vệ, cơ, thì hình dáng đã phân biệt, lại ngọt đắng không cùng nhau, mà ngày thường phải đặt thêm quản, suất trông coi rất nhiều, chỉ thêm những phí. Nay cho Vũ sinh và các quân Tuyển phong, Thủy dũng, Chiến tâm ở Kinh và tỉnh ngoài

đều đình bãi. Binh đinh người nào là hạng tuyển thì giao về vệ, cơ, đội, ngũ cũ ; người nào là hạng mộ thì dồn vào các vệ lính mộ. Vũ sinh ở Kinh, các lính mộ dồn trước ấy và dân xin thi vào thì dồn vào vệ Tuyển phong, nhưng nghiêm sức cho thượng ty và quản suất ở Kinh và tỉnh ngoài đều phải chăm chỉ huấn luyện. Các lính đi thi không đỗ thì đều về hàng ngũ cũ, phàm có khuyết thì điền ngay, để cho không vệ nào là không đầy đủ, không người lính nào là không rèn luyện, thì tới khi có việc sai phái, được toàn cả vệ, cơ, mà cùng một lòng, cùng tinh kỹ thuật, mới mong được việc. Hễ làm được như thế thì thượng ty và quản suất đều được liệu thưởng, để khuyến khích ; không thế thì phạt nặng đến cách chức, không tha, đều phải kính theo Dụ này chớ quên.

Khi trước xảy ra việc biến loạn về An Nghiệp, các hạt Hưng Yên, Hà Nội, Hải Dương, Nam Định, đường sông nghẽn, thuyền buôn ít, thuế quan tấn đình bãi, đến nay điều ước thông thương tạm thành, vua chuẩn cho tính thu.

Dân ở các châu miền thượng du tỉnh Thái Nguyên, tránh giặc, xiêu tán đói khát, quan tỉnh ấy là Vũ Trọng Bình dâng sớ xin chọn người khỏe mạnh (32 tên) làm lính, hằng tháng cấp tiền, gạo ; đàn bà, người già, trẻ con hơn 100 người, chia hạng chẩn cấp. Vua y cho.

Sai đệ thư sang tỉnh Quảng Tây. (Tháng 12 năm ngoái tiếp công văn nước Đại Thanh nói : Sứ thần ta dâng sớ xin sức phái quân đi đánh dẹp các giặc, đã được vua nước Thanh xuống Dụ sai Tuần phủ họ Lưu, Đề đốc họ Phùng trù liệu cho thỏa đáng tâu ngay lên. Đến nay đưa thư cho họ Lưu, họ Phùng xin trù liệu sớm cho).

Giặc nước Thanh hơn 1.000 người kéo đến quấy nhiễu miền thượng du tỉnh Thanh Hóa, huyện Trình Cố không giữ được ; quan tỉnh ấy đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : Tỉnh ngươi cùng với nha Sơn phòng phải hết sức dẹp cho yên ngay, chớ để quấy nhiễu thêm.

Chuẩn cho phong dòng dõi nhà Lê là Lê Duy Kiến (hiện an trí ở tỉnh Bình Định) làm Phó quản cơ Diên tự nam, cấp cho mũ áo, đi đường trạm về Thanh Hóa để coi việc thờ tự (miếu nhà Lê ở Thanh Hóa), sai bộ Lễ đòi đến xét hỏi. Duy Kiến đến bộ bẩm rằng : Năm trước an trí ở Bình Định (khoảng năm Minh Mệnh vì Duy Hoán, Duy Lương mưu phản nghịch, theo cha là Duy Canh vào an trí ở đấy), ăn ở đã yên ; nay được về Thanh Hóa gần gặn tiên tổ, vẫn là mong muốn lắm, sợ hoặc có kẻ mượn cớ sinh sự lại chóng phải tội thành phụ ơn đức của triều đình thương cho được toàn vẹn ; tình nguyện vẫn ở lại chỗ an trí để được nhờ ơn lâu dài.

Quan ở bộ đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : Cho theo lòng mong muốn ấy, để cho đời sống được yên và đình việc kế tiếp, giữ việc thờ tự. Còn điển lệ tế tự ở

miếu nhà Lê cùng với điển lệ tế tự các triều đại trước, Nhà nước làm cho, rồi cho Lê Duy Kiến được miễn đi lính, đi phu và thuế thân suốt đời.

Thống sát nước Pháp là Hoắc Đạo Sinh cùng Khâm sai Nguyễn Văn Tường từ Bắc Kỳ về đến sứ quán. Vua cho là Đạo Sinh đi chuyến này rất là có lòng vì mình (cứ lời Văn Tường nói), sai quan viện bạc đến hỏi thăm, đặc cách cho 1 đạo Dụ để nêu công lao, tài năng. (Trong Dụ nói các ý : Mùa đông năm ngoái An Nghiệp sinh việc, viện ấy vâng theo mệnh lệnh tướng đến Bắc Kỳ giao trả 4 tỉnh, sau khi xong việc, lại biết hiểu dụ dẹp yên, giữ lòng thuần cố xử sự ổn thỏa như thế không những có thể dãi tỏ lòng sẵn có của tướng, cũng có tiếng tốt ở nước Nam ta, trẫm thực rất khen ngợi, đặc cách ban Dụ này để nêu công lao, tài năng). (Khi ấy Văn Tường xét tâu, đã ủy cho Nguyễn Hoằng dò xem ý viên ấy muốn được sắc Dụ khen ngợi viết vào lụa để làm của báu đời đời, cho nên đặc ơn ban cho, để thỏa lòng viên ấy) và thưởng một cái khánh vàng (nặng 3 đồng cân, mặt khắc 2 chữ "kỷ công"), cùng các thứ kim tiền, ngân tiền, lụa màu hàng nam, hàng Trung Quốc, quan có trách nhiệm vâng Chỉ tuyên ban. (Kim tiền : khắc chữ "ngũ phúc", "tứ mỹ", "tam thọ", "nhị nghi" mỗi thứ 1 đồng ; ngân tiền khắc chữ "vạn thế vĩnh lại" hạng nhất 2 đồng, hạng nhì 2 đồng ; ngân tiền chọn 2 con rồng hạng lớn, hạng nhỏ mỗi hạng 3 đồng ; nhiễu trơn màu, nhiễu hoa mỗi thứ 2 cuộn ; sa nam tốt nhuộm màu 3 tấm ; lụa nam màu 10 tấm ; sa nam 5 tấm ; trừu hoa 5 tấm).

Lại hoãn kỳ thi Hương văn, võ ở 2 trường Hà Nội, Nam Định (trước nhân có việc hoãn đến tháng 2, tháng 3 mùa xuân năm nay cử hành. Đến nay quan tỉnh ấy lại vì nhiều việc, trường thi tu bổ chưa xong, xin hoãn, bèn hoãn đến tháng 7, tháng 8 ; còn thi Hội thì vẫn hoãn đến năm sau).

Nguyễn Văn Tường vì ốm xin cho người thay. Vua bảo rằng : Ước mới với sứ nước Pháp chưa định, điều trẫm rất lấy làm lo, ngươi làm việc sứ thần, phải mưu tính về sau, đặc cách ban cho sâm, quế của vua dùng (sâm Cao Ly, hạng lớn 15 chỉ, quế Thanh Hóa hạng nhất, hạng nhì, hạng ba mỗi thứ 2 phiến), xuống Dụ sai điều trị cho khỏi để cùng đi với Hoắc Đạo Sinh.

Vua cho là Hà Nội ở giữa, 4 mặt công việc càng nhiều, Tổng đốc Trần Đình Túc già yếu, kiểm xét không thể khắp được, chuẩn cho Bố chính Bắc Ninh Phạm Thận Duật thự Tuần phủ Hà Nội để giúp bàn tính làm việc.

Thống sát nước Pháp là Hoắc Đạo Sinh cùng với Phó sứ Nguyễn Văn Tường đi vào Gia Định, vua sai quan viện bạc đi tiễn, lại dặn giúp ta cho thành ước.

Vua cho là trong Kinh và tỉnh ngoài tấu đối nhiều lời quá, Dụ rằng : Thể thức tấu đối, nói cho hiểu biết mà thôi, chương sớ trong quân càng phải rõ ràng, giản dị. Từ nay về sau, phàm các quân thứ và các tỉnh những trận được thua nho nhỏ, theo lệ

làm tờ tâu lên, không được đem việc nhỏ nói rờm. Sớ sách ở Kinh và tỉnh ngoài, cần phải giản dị, rõ ràng, nếu sự lý nhiều lắm cho chia làm 2 - 3 bản, lần lượt tâu lên, không nên theo như trước nói thừa nhiều, lẫn lộn khó xem. Định làm lệ mãi.

Vua cho hiện tình ở Bắc Kỳ vẫn chưa yên lặng tất cả, mật Dụ cho Kinh lược Nguyễn Chính và các quan tỉnh rằng : Trước khi có việc, bọn không thỏa chí nhân sơ hở, lẻn lút phát ra, đến nay còn phiền đánh bắt, trừ bọn lớn phải dùng sức quân ra, còn những cướp bóc nhỏ mọn chính nên khéo dùng thổ hào, thu thập thổ dõng, như Nguyễn Văn Tường ở Hà Nội trước, biết khéo dùng thì lo gì không kiềm chế được. Này như cấm kẻ bạo ngược, cho nhân dân yên là quyền của viên trị một trọng trấn, trách nhiệm của viên coi một địa phương, không được đùn cho người ngoài, vậy viên Kinh lược và quan các tỉnh ấy cho đều hạn ngặt 2 tháng, khu xử dân lương, dân giáo, dẹp yên trộm cướp, sớm báo yên lặng để thư mối lo về miền Bắc của trẫm.

Sai trích phái lính Kinh, người quê quán ở tỉnh Bình Định đến Bình Định để đánh giặc Man. (Vệ Tả bảo nhất, Tả bảo nhị, vệ Tiền phong hữu, đều là người ở đấy, am hiểu kỹ nghệ của người Man đã lâu, chọn phái hơn 400 người đi đánh).

Chuẩn cho các thượng ty xét kỹ liêu thuộc người nào là giữ một chức đã lâu ngày, không gặp khuyết mà chưa được thăng chuyển, thì đều đem đủ sự trạng chiểu lệ 2 lần xét công, 3 lần xét công, chọn trích ra làm thành tập tâu lên, do bộ (văn do bộ Lại, võ do bộ Binh tra xét) làm phiếu tâu lại, đợi Chỉ chuẩn lượng thăng, để cho đều biết khuyến khích.

Nguyễn Văn Tường lại đến Gia Định (cùng đi với Hoắc Đạo Sinh) cùng Lê Tuấn và tướng nước Pháp định điều ước.

Thuyền giặc biển đốt cướp nhà dân ở cửa Quyền. Quan tỉnh Nghệ An và quan đi bắt giặc (quản suất đi tuần tiễu) đều bị giáng chức. Người bị đốt, bị chết chia hạng cấp cho.

Bọn Trần Tấn, Đặng Như Mai ở Nghệ An (bọn ấy đều quê ở huyện Thanh Chương, nguyên là Tú tài, trước can án đốt phá, án nghĩ xử trảm giam hậu, nhưng vì đều có cha mẹ già, chuẩn cho về nuôi), họp bè lũ làm phản, Tổng đốc An - Tĩnh Tôn Thất Triệt dâng sớ xin quân. Vua bảo rằng : Về việc dân lương, dân đạo, triều đình nhiều lần dụ bảo thiết tha, thế mà thân sĩ tỉnh Nghệ An riêng giữ bàn ngang không hiểu việc biến đổi ở đời, như bọn Tấn, Mai lấy tiếng là giết người theo đạo mà mê hoặc mọi người làm loạn, phải nên đánh giết ngay, chớ để lan thêm ra. Vậy cho Tổng thống Hồ Oai, Tham tán Chu Đình Kế đem lính Kinh hiện đóng ở Thanh Hóa 600 người, quân tỉnh Nghệ An 500 người đi về tỉnh Nghệ để trấn áp, tìm cách đánh bắt.

Nhân nghĩ, người cậy ác suốt đời, cố nhiên tội không tha được, những người lầm lỡ, cũng nên lấy nghĩa lý hiểu bảo cấm trấp. Cho lấy Quang lộc Tự khanh sung Sứ quán Toản tu Đặng Văn Kiều (người Hà Tĩnh) sung làm Khâm phái, đi khắp hiểu bảo về đức ý của triều đình, khiến cho đều giải tán và chóng được cùng yên.

(Lời hiểu bảo nói các ý : Chúng tự làm ra tội ác, tự dẫn bước vào phải chém giết, cố nhiên không đáng tiếc, nhưng người không tội liên lụy rất nhiều, triều đình dẫu muốn khoan dung, cũng không thể được, tất đến tan cửa nhà, mất cơ nghiệp, sao bằng cùng ở yên không sinh sự với nhau, đều thỏa đời sống là bằng phẳng êm đẹp. Huống chi đều là đất của vua, đều là dân của vua, đạo giáo dù khác nhưng mạng người thì giống nhau, sao nỡ tự tàn hại nhau, tự bóc lột của cải của nhau, không hầu như dạy khỉ trèo cây ư ?).

Giặc nước Thanh là Chu Kiến Tân, Triệu Hoa Đan đem bè lũ 300 người đến tỉnh Thái Nguyên thú tội, xin hết sức làm việc. Vua chuẩn cho đều thưởng bằng bạc (518 lạng) rồi sức đi thượng du đánh dẹp.

Hòa ước mới định (tất cả 22 khoản) đã làm xong. (Lời ước rằng : Nay vua nước Đại Nam và vua nước Đại Pháp cần muốn kết lời thề hòa hiếu hòa thuận bền chặt để cho hai nước được giao thiệp với nhau lâu dài ; nhân đó cùng bàn nên định ước mới kết giao, để thay thế điều ước đã định tại ngày mồng 9 tháng 5 năm Nhâm Tuất, Tự Đức năm thứ 15, tức là ngày 5 tháng 6 năm 1862, cho nên đặc cách phái Toàn quyền đại thần để tiện làm việc.

Vua nước Đại Nam đặc cách phái Hình bộ Thượng thư khâm sung định ước Chánh sứ Toàn quyền đại thần Lê Tuấn ; Lễ bộ Tả tham tri khâm sung định ước Phó sứ Toàn quyền đại thần là Nguyễn Văn Tường.

Vua nước Đại Pháp đặc cách phái Tổng thống Nam Kỳ thủy, lục quân dân Đại nguyên soái, Ngự tứ đệ nhất đẳng thưởng công đại bội tinh, tuyên giáo bội tinh, khâm sung định ước Toàn quyền đại thần là Du-bi-lê. Hai bên đã chiếu sắc khâm sai Toàn quyền công đồng so sánh xét duyệt, đều là thỏa đáng, sẽ đem điều ước lập ra kê khai như sau :

Khoản thứ I : Từ nay về sau, nước Đại Nam cùng với nước Đại Pháp đời đời kết giao hòa hiếu, tình bạn thực thà.

Khoản thứ II : Vua nước Đại Pháp biết rõ vua nước Đại Nam là giữ quyền tự chủ, không theo phục nước nào, nên vua nước Đại Pháp tự hứa giúp đỡ, lại ước định như hoặc nước Đại Nam nếu có giặc và nước ngoài đến xâm nhiễu, mà vua nước Đại Nam có tư xin giúp cho, thì vua nước Đại Pháp tức thì phải tùy cơ giúp đỡ, cốt cho dẹp yên, cũng muốn đánh hết giặc biển quấy nhiễu cướp bóc ở phận biển nước Đại Nam, các phí tổn đều do nước Đại Pháp tự chịu và không đòi trả lại.

Khoản thứ III : Vua nước Đại Nam nên đền đáp tình hứa giúp ấy, ước định nếu có giao thông với các nước ngoài thì phải góp ý với nước Đại Pháp nếu từ trước có giao thiệp đi lại thông sứ với nước ngoài nào, nay nên theo như cũ, không nên đổi khác. Duy nước Đại Nam muốn giao thông buôn bán, bàn định thương ước với nước nào đều được tùy tiện ; nhưng thương ước ấy không nên trái với thương ước của nước Đại Nam cùng với nước Đại Pháp hiện đã định. Lại khi nào cùng với nước nào định thương ước ấy, thì báo trước cho triều đình nước Đại Pháp biết.

Khoản thứ IV : Vua nước Đại Pháp ước định cho thêm vua nước Đại Nam các thứ đồ dùng mà không đòi tiền, kê ra sau này :

- 5 chiếc tàu chiến (tàu ấy chiều dài, chiều ngang bao nhiêu, lớn hay nhỏ, sẽ có giấy biên để làm bằng), sức máy 5 tàu ấy thông tính ngang với sức ngựa ước 500 máy móc, gỗ ván và nồi dẫn nước ở 5 chiếc tàu ấy đều là bền chặt và tốt hết cả. Lại các hạng súng ống vật liệu kèm theo tàu đầy đủ y như lệ đồ dùng ở tàu chiến của nước Đại Pháp.

- Về súng lớn 100 cỗ, lòng súng ấy đường kính từ 7 phân đến 1 tấc 6 phân (đều dùng thuốc của nước Đại Pháp), mỗi cỗ thuốc đạn đều 200 viên.

- Về súng điểu sang mở ở bụng 1.000 cây, thuốc đạn 500.000 viên. Các đồ vật trên này, đợi sau khi hòa ước cùng giao cho nhau, hạn trong 1 năm đưa đến Gia Định giao cho nước Đại Nam nhận dùng. Lại như nước Đại Nam có muốn mượn người nước Đại Pháp dạy lính thủy, lính bộ và các thợ thuyền làm giúp máy móc cùng người am hiểu thuế lệ, thu giúp thuế buôn bán ở các cửa biển và các người am hiểu tiếng, chữ, kỹ nghệ làm trường để dạy, mua thêm tàu chiến, thuốc đạn để đủ dùng về việc quân, các khoản ấy thì nước Đại Pháp đều phải làm giúp cho. Còn như tiền công mượn các người ấy và giá tiền mua thêm tàu và súng, tới khi ấy hai nước cùng định, cần phải thỏa đáng với nhau.

Khoản thứ V : Vua nước Đại Nam biết rõ địa hạt nước Đại Pháp hiện được cai trị, tức là 6 tỉnh : Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, phía đông giáp biển và địa đầu phía tây tỉnh Bình Thuận nước Đại Nam, phía tây, phía nam đều giáp biển, phía bắc giáp nước Cao Miên và địa đầu phía nam tỉnh Bình Thuận nước Đại Nam, đều về quản hạt của nước Đại Pháp, riêng giữ quyền tự hữu. Duy nước Đại Nam có phần mộ quê ngoại về họ Phạm, họ Hồ cộng 14 sở ; trong đó họ Phạm 11 sở, ở thôn Tân Niên Đông và thôn Tân Quan Đông thuộc tỉnh Gia Định ; họ Hồ 3 sở ở thôn Linh Chiểu Tây và xã Tân Mai thuộc tỉnh Biên Hòa, các mộ ấy nghiêm cấm các hạng người đều không được xâm phạm. Nước Đại Pháp lại xin trích 200 mẫu ruộng đất gần mộ, trong số đó giao cho họ Phạm 100 mẫu, họ Hồ 100 mẫu, để làm nhu phí vâng giữ các phần mộ. Còn như ruộng đất ấy và

nhân đinh họ Phạm, họ Hồ, nước Đại Pháp đều miễn trừ đi lính, đi phu và các thuế đinh, thuế điền.

Khoản thứ VI : Chiểu theo điều ước cũ năm Nhâm Tuất [1862], nước Đại Nam còn thiếu tiền bồi thường cho nước Đại Pháp 1.000.000 đồng bạc (mỗi đồng bạc nặng 7 đồng cân 2 phân), nay được bỏ hết, không đòi hỏi nữa.

Khoản thứ VII : Nguyên điều ước cũ năm Nhâm Tuất, nước Đại Nam còn thiếu tiền bồi thường cho nước Y Pha Nho 1.000.000 đồng bạc (mỗi đồng bạc nặng 7 đồng cân 2 phân), vua nước Đại Nam ước định trả cho triều đình nước Đại Pháp để chuyển giao cho nước Y Pha Nho, phải đợi ngày nào nước Đại Nam chiểu thu thuế quan các cửa biển đã mở cho các nước Tây dương và Tân thế giới thông thương, mỗi năm thu được bao nhiêu, trừ số chi phí trong 1 năm ra, hiện còn bao nhiêu chia làm 2 thành, trích lấy 1 thành bồi vào số tiền bạc thiếu ấy. Mỗi năm bồi bao nhiêu giao cho Nguyên soái nước Đại Pháp ở tỉnh Gia Định biên nhận, chuyển giao cho nước Y Pha Nho, lấy giấy biên của nước ấy, giao cho nước Đại Nam giữ làm bằng, nhưng không kể là mấy năm, năm nào bồi xong thì thôi.

Khoản thứ VIII : Người nước Đại Nam có giúp nước Đại Pháp việc gì hoặc nước Đại Pháp có giúp nước Đại Nam việc gì, tự phản bội nước mình mà có can phạm pháp luật của nước, phải tịch biên gia sản thì từ khi đã định hòa ước trở về trước ; vua nước Đại Pháp và vua nước Đại Nam đều khoan tha, cho trả lại gia sản, duy gia sản ấy đã từng bán đi, không còn ở Nhà nước nữa, không phải trả về.

Khoản thứ IX : Vua nước Đại Nam biết rõ đạo Thiên Chúa nguyên để khuyên người làm điều lành, nay đem các giấy tờ cấm đạo Thiên Chúa từ trước bỏ hết đi ; lại cho phép người nước Đại Nam có muốn theo đạo và giữ đạo, đều được thong dong tự tiện, vì thế người theo giáo trong nước đều được tùy tiện các việc hội nhau đọc kinh lễ bái, không kể số người, người ngoài không được vin cớ bức bách dân theo đạo Thiên Chúa làm việc gì trái phép đạo và không bắt giáo dân khai riêng sổ sách. Từ nay về sau giáo dân ấy đều được đi thi ra làm quan mà chớ bắt phải trái phép đạo.

Vua nước Đại Nam ước định : đem sổ riêng từ trước bỏ đi tất cả, còn sổ sách binh dao, thuế khóa phàm các việc đều cùng giống như nhân dân và cấm từ nay về sau nói năng, giấy tờ không nên lại dùng chữ nào, câu nào có làm nhục đến đạo Thiên Chúa cùng là trong 10 điều, nếu có những chữ, những câu như thế cũng đều chữa lại. Giám mục, linh mục nước Đại Pháp đến ở nước Đại Nam để giảng đạo, người nào hễ trình có giấy thông hành của Nguyên soái nước Đại Pháp ở Gia Định cấp cho, có đủ bộ Lễ hoặc quan tỉnh của nước Đại Nam đóng ấn phê chữ "dĩ trình" mới được vào nước Đại Nam và tùy tiện đi lại ở trong địa phận thuộc về giám mục ấy,

tự do giảng đạo, chớ nên phân biệt bắt phải quản thúc, còn hoặc có ra đi không trở lại, sức cho các xã thôn sở tại khai báo như trước. Linh mục nước Đại Nam giảng kinh truyền giáo cũng như linh mục nước Đại Pháp. Nếu linh mục nước Đại Nam có phạm tội phải phạt đánh roi, đánh trượng thì nên chiểu lệ cho lấy tiền chuộc thay, không nên thực hành đánh roi, đánh trượng. Giám mục, linh mục nước Đại Pháp và linh mục nước Đại Nam đều được thuê mua ruộng đất làm đạo đường, đạo quán, nhà dục anh, nhà dưỡng bệnh và các nhà thuộc về truyền giáo.

Giáo dân ấy trước can phải giam, đi an trí, gia sản đã bị tịch biên, nay nếu hãy còn ở Nhà nước, thì nên giao trả cho giáo dân ấy nhận lấy ; nếu đã bán mất rồi, không còn ở Nhà nước nữa thì thôi. Các khoản trên đây thì giám mục, linh mục nước Y Pha Nho cũng đều được nhờ ơn như thế cả. Sau khi hòa ước này cũng giao cho nhau, nên ban sắc Dụ xuống báo cáo cả nước cho dân xã đều biết vua nước Đại Nam đã rộng ban ơn huệ, chuẩn cho giáo dân được tự do theo đạo như thế.

Khoản thứ X : Nước Đại Nam đều có làm trường học ở thành Gia Định để tiện dạy học trò, thì có quan bộ Lại của nước Đại Pháp ở Gia Định trông nom giúp cho. Trong trường học ấy không được giảng dạy việc gì có trái phong hóa và trái quyền của nước Đại Pháp như có làm đền miếu tế tự việc gì đều cho tùy tiện. Nếu giáo sư ấy có trái khoản ấy thì phải trao trả nước ta, hoặc có làm việc gì nặng hơn việc ấy, thì trường ấy cũng phải thôi không đặt nữa.

Khoản thứ XI : Cửa biển Thi Nại tỉnh Bình Định cùng cửa biển Ninh Hải tỉnh Hải Dương của nước Đại Nam và từ cửa biển ấy ngược lên một giải sông Nhị Hà suốt đến địa phận tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh và phố Hà Nội thì triều đình nước Đại Nam nên để cho người Tây dương và các người Tân thế giới thông thương buôn bán, sẽ định thương ước kèm với hòa ước này, về điều khoản thông thương với bàn định cũng chiểu điều ước này tuân theo một thể. Trong đó cửa biển Ninh Hải cùng phố Hà Nội và theo sông Nhị Hà suốt đến địa phận tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh, thì nên đợi khi điều ước này cùng giao cho nhau hoặc trước khi chưa giao cho nhau nên định ngày nào khai thương làm tiện, tới khi ấy do hai nước bàn định. Duy cửa biển Thi Nại tỉnh Bình Định, phải đợi sau khi cùng giao cho nhau 1 năm thì đem khai thương. Còn như các cửa biển, các sông, đợi sau này buôn bán nếu có phồn thịnh ích lợi, nên mở ra buôn bán mà có lợi thì sẽ cho nước Đại Nam nghĩ định làm việc.

Khoản thứ XII : Các người nước Đại Pháp và thuộc địa cùng các nước Tây dương và Tân thế giới, người nào hễ tuân theo luật lệ nước Đại Nam, phải được ước định khai thương ở các cửa biển, mua đất làm nhà, tùy ý buôn bán và đặt làm máy móc kỹ nghệ ở nước Đại Nam, nhưng phải nhờ quan nước Đại Nam chỉ định xứ sở,

không được lẫn lộn. Trong đó chỗ đất ở hoặc đất công hoặc đất tư chiểu giá thuận mua và cả nhà ở, thuế lệ phải nộp là bao nhiêu, thì chiểu lệ định, đưa nộp cho quan nước Đại Nam. Các người đi buôn cho phép được thông hành buôn bán từ cửa biển Ninh Hải suốt lên sông Nhị Hà cho đến tỉnh Vân Nam ; về thuế lệ thuyền và thuế hàng hóa là bao nhiêu, cũng chiểu lệ đưa nộp cho quan nước Đại Nam. Còn như từ cửa biển Ninh Hải theo sông Nhị Hà đến Hà Nội, lại từ Hà Nội suốt đến Vân Nam các chỗ cạn ở ven sông, người Tây đều được buôn bán. Người các nước trên đây đều được tùy tiện thuê mượn người nước Nam làm giúp các hạng tài phó, thông ngôn, thư ký, thợ thuyền, phu chèo thuyền, làm công việc trong nhà.

Khoản thứ XIII : Nước Đại Pháp được liệu đặt lãnh sự hoặc 1 viên chuyên làm việc ở các cửa biển đã khai thương ở nước Đại Nam, mỗi sở mang theo quân cốt đủ để sai phái, nhưng không được quá số 100 tên, để tiện tự vệ và tuần phòng canh giữ, cho khỏi người các nước sinh sự, đợi khi nào yên ổn không ngại gì, thì lãnh sự ở lại làm việc, quân lính mang theo rút về hết cả.

Khoản thứ XIV : Người nước Đại Nam cũng được các khoản đi lại để buôn bán và mua đất làm nhà ở nước Đại Pháp và các thuộc địa. Duy phải tuân theo luật lệ nước Đại Pháp. Nếu vua nước Đại Nam muốn đặt lãnh sự ở các cửa biển, các phố ở nước Đại Pháp và các thuộc địa để tiện coi giữ người nước mình, đều được tùy tiện.

Khoản thứ XV : Người đi buôn của nước Đại Pháp và các thuộc địa cùng các nước khác, muốn đến nước Đại Nam khai thương ở các cửa biển, ở để buôn bán phải kê khai tên và quê quán trình nộp ở quan nước Đại Pháp, quan nước Đại Pháp lại chuyển tư cho quan nước Đại Nam biết. Dân nước Đại Nam muốn đến nước Đại Pháp và các thuộc địa ở để buôn bán cũng chiểu theo như thế mà làm. Nếu người đi buôn của nước Đại Pháp và các nước khác muốn đi lại xứ khác trong nước Đại Nam có việc gì, phải có giấy thông hành của quan nước Đại Pháp cấp cho và quan nước Đại Nam thuận phê chữ "dĩ trình" mới được thông hành, nhưng cấm không được buôn bán vật hạng ở dọc đường, nếu trái lệnh cấm thì hàng hóa của người buôn ấy do quan sở tại nước Đại Nam tịch thu hết. Nhưng hiện nay sĩ dân trong nước Đại Nam còn giữ lòng nọ kia, chưa yên lặng hết, thì người nước ngoài chưa tiện thông hành nên đợi ngày nào quan nước Đại Nam cùng quan Khâm sứ nước Đại Pháp, bàn xét hiện tình, quả đã yên ổn, mới có thể cấp giấy cho đi. Và người nước Đại Pháp muốn đến xứ nào trong nước Đại Nam tìm học bác vật, cũng phải tư cho quan nước Đại Nam biết ; vì người ấy có ý du học, tất phải giữ gìn cho và cấp giấy tờ đầy đủ giúp cho người ấy được tiện đi lại thông hành tìm học.

Khoản thứ XVI : Người nước Đại Pháp kiện nhau hoặc kiện với người nước khác, đều do quan Lãnh sự nước Đại Pháp xét xử. Người nước Đại Pháp và

người nước khác kiện nhau với người nước Đại Nam, hoặc xin bày tỏ việc gì, phải trước hết do quan lãnh sự nước Đại Pháp hết sức công bằng phân xử, cốt cho ổn thỏa. Nếu có khoản gì trở ngại, quan nước Đại Pháp thế khó xử đoán một mình được, tức phải tư xin quan nước Đại Nam hội đồng làm giúp. Quan hai nước xét xử đã được công bằng, thì đôi bên đều phải tuân theo. Người nước Đại Nam kiện nhau với người nước Đại Pháp hoặc người nước khác phải trước hết do quan nước Đại Nam hết sức công bằng phân xử, cốt được ổn thỏa, nếu có khoản gì trở ngại, quan nước Đại Nam thế khó xử đoán một mình được, thì phải tư xin quan nước Đại Pháp hội đồng làm giúp, quan hai nước xét xử đã được công bằng thì hai bên đều phải tuân theo. Còn người nước Đại Pháp kiện nhau, hoặc kiện với người nước khác, thì chuyên do nước Đại Pháp xét xử.

Khoản thứ XVII : Người nước Đại Pháp và người nước khác đến địa hạt nước Đại Nam mà phạm tội thì phải giao về các tòa ở Gia Định xét xử ; nếu người phạm tội ấy trốn tránh ở địa phận nước Đại Nam, phải tư cho quan nước Đại Nam nã bắt, thì quan nước Đại Nam cũng phải hết sức dò bắt giao cho quan nước Đại Pháp nhận để làm việc. Nếu người nước Đại Nam đến ở địa phận nước Đại Pháp mà phạm tội, thì quan nước Đại Pháp chiểu luật lệ nước ấy xét xử, nhưng tư cho quan lãnh sự nước Đại Nam biết để theo lệ tra xét.

Khoản thứ XVIII : Phàm có giặc ở địa phận nước Đại Pháp, như có phạm các tội làm loạn và trộm cướp, mà trốn ở địa hạt nước Đại Nam, được quan nước Đại Pháp tư cho quan nước Đại Nam biết, thì quan nước Đại Nam tức phải hết sức dò bắt, giao cho quan nước Đại Pháp xét xử.

Nước Đại Nam có giặc phạm các tội làm loạn và trộm cướp, mà trốn đến địa hạt nước Đại Pháp, được quan nước Đại Nam tư cho quan nước Đại Pháp biết, quan nước Đại Pháp cũng phải hết sức dò bắt, giao cho quan nước Đại Nam xét xử.

Khoản thứ XIX : Người nước Đại Pháp và người nước khác có chết ở địa hạt nước Đại Nam, người nước Đại Nam có chết ở địa hạt nước Đại Pháp, gia sản của người chết ấy phải giao cho con cháu người ấy người đáng được hưởng, nếu hiện tại không có người đáng được hưởng, thì gia sản của người chết ấy đều phải giao cho quan nước ấy chuyển giao cho thân thuộc của người chết ấy ở trong nước nhận lấy.

Khoản thứ XX : Từ ngày quan đại thần hai nước định hòa ước đã ký tên, đóng ấn trở về sau, đợi đủ 1 năm, vua nước Đại Pháp đặc cách phái 1 người được sung làm quan Khâm sứ hạng nhì đến Kinh đô nước Đại Nam để tiện theo giữ các khoản đã định trong hòa ước, chức trách phải làm của quan Khâm sứ ấy là khiến cho hai nước tình giao hiếu thường hòa, nghĩa bạn càng hậu. Vua nước Đại Nam nếu muốn đặt quan Khâm sứ đến ở kinh đô nước Đại Pháp, cũng theo như thế mà

làm việc. Duy phẩm trật nghi chế của quan Khâm sứ ấy, phải đợi hai nước bàn định, cốt được tương đương. Còn bổng lệ của quan Khâm sứ ấy và các hạng chi phí, phải do các nước ấy chiểu cấp.

Khoản thứ XXI : Nay ước mới này được đem thay thế điều ước cũ năm Nhâm Tuất trước. Nước Đại Pháp lại muốn chuyển nói với nước Y Pha Nho cùng theo giữ ước mới này mà bỏ ước cũ đi, nếu hoặc nước Y Pha Nho không chịu thay đổi các khoản ước cũ, thì ước mới ấy nước Đại Pháp và nước Đại Nam đều cùng theo giữ, mà khoản nào ở ước cũ là thuộc nước Y Pha Nho cùng nước Đại Nam đã định, đều phải theo như cũ. Duy khoản nước Đại Nam còn thiếu tiền bồi thường cho nước Y Pha Nho, thì nước Đại Pháp tự nhận bồi thay, nước Đại Nam lại chiểu khoản thứ 7 trong điều ước mới trả dần nợ bạc ấy cho nước Đại Pháp đủ số.

Khoản thứ XXII : Nay ước mới đã định, thì hai nước cùng nhau cùng giữ ước ấy, đời đời chớ trái, đủ 1 năm hoặc chưa tới 1 năm, đợi được vua hai nước phê chuẩn, thì đem đến Kinh thành nước Đại Nam cùng giao cho nhau để lưu chiểu. Khi việc đã xong, lại đem hòa ước ấy đều tuyên bố ở trong nước, khiến cho đều biết cả. Và ước mới ấy đã làm 4 bản, Toàn quyền đại thần hai nước cùng nhau so sánh phù hợp phải ký tên đóng ấn vào.

Hòa ước trên này bàn định ổn thỏa ở phủ Nguyên soái thành Gia Định, niên hiệu biên ngày ta là ngày 27 tháng giêng năm Tự Đức thứ 27. Lịch dương lịch là ngày 15 tháng 3 năm 1874.

Tướng nước Pháp ở Gia Định là Du-bi-lê về nước, tướng quyền là Kha-răng-du sang thay.

Tướng giặc ở Hà Nội là bọn tên đội Tĩnh (tên quản Thiều, tên quản Hỗ, tên phó Thủ, tên quận Bắc) đem bè lũ quấy nhiễu bừa ở các huyện Thanh Oai, Thanh Trì, Chương Đức, lần lượt bắt được chém ngay. Các viên huyện và tổng lý đều cho chước thưởng, nhân thế xuống Dụ cho các quan tỉnh đều theo thế mà làm, cần được yên sớm.

Vua cần nghĩ đến sự nương nhờ của dân, từng xem tập *Khâm định khang tế* của nước Đại Thanh, Càn Long nước Thanh năm thứ 4, Cấp sự trung là Nghê Quốc Liễn dâng tập cứu đói (sách này nguyên là sách của Giám sinh Lục Tăng Vũ làm ra, khi sách làm xong chưa kịp khắc in thì chết, Quốc Liễn cho là sách ấy có thể dùng được, cho nên tiến lên), sách ấy trước thuật lại phép cứu đói của đời trước, sau đến chính sách trước khi có việc, chính sách tới khi có việc, chính sách sau khi có việc, sau cùng trích điều cốt yếu để đủ xem. Mỗi điều trước dẫn kinh sử, sau thêm bàn luận, đại khái đều là ý giúp dân được ở yên. Vua nhà Thanh ngợi khen, nhân sai quan có văn học sửa lại, gọi tên là *Khang tế lục* (nguyên 1 bộ cộng 6 bản), nhân chọn lấy những việc có thể châm chước thi hành ở nước ta được chấm son để đánh

dấu, tất cả có 116 điều, sai bộ Hộ sao lục (sao các điều có chấm son), chia từng loại làm 3 bản, giao cho Sử quán khắc in, ban cấp cho các bộ, nha, tỉnh, đạo mỗi nơi 1 bộ (mỗi bộ có 3 bản). Vua bảo rằng : đấy là thực hiện vì dân, thông biến mà làm, đủ nhiều ích lợi.

Quan tỉnh Nam Định và Hưng Yên xin làm khí giới dùng cho việc quân. Vua y cho.

Cho tỉnh Bắc Ninh chi tiền mua gang sắt để dùng cho việc quân.

Sai quan tỉnh Nghệ An tìm cách treo thưởng, cần bắt được giặc Mai, giặc Tấn kết án trị tội (bắt được hoặc giết chết đem nộp hoặc dẫn ra thú, đều thưởng bạc 400 lạng và cho chức quan Chánh thất phẩm). Còn những người bị bắt hiếp phải theo, cho đều giải tán về yên nghiệp làm ăn ; nếu vẫn nghe lầm, phụ theo giúp giặc, tức thì đem đại đội quan quân đến đánh giết rất ác liệt.

Sai tỉnh Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương xét chọn viên phủ, huyện thuộc hạt.

Dụ rằng : Phủ huyện là chức gần dân, lợi hại quan hệ 4 tỉnh vừa mới lấy lại, sung chức phủ, huyện phần nhiều là người học trò, lại dịch giúp việc vặt, cũng là cần kíp tạm thời, hiện nay việc võ yên dân đã được xong, nên chọn người thanh liêm cần cán sung vào, còn thì đều bãi bỏ, để cho đường làm quan được trong sạch.

Cho Lê Dụ (nguyên Bố chính lĩnh Tuần phủ Nam - Ngãi) làm Tả tham tri bộ Hình ; Trần Văn Thiều (nguyên thự Hình bộ Tả tham tri) làm Tuần phủ Nam - Ngãi. Vua Dụ rằng : Việc án ở bộ Hình đọng lại thành đống, đời sống của dân Quảng Nam đã làm không được thỏa. Nay các ngươi đổi cho nhau, đều nghĩ cố gắng gấp hai, hăng hái làm việc, trẫm đợi xem thành hiệu, có thưởng không có lỗi.

Vua nghĩ nghị hòa ở Bắc Kỳ đã thành, thưởng cho tướng nước Pháp kim tiền hạng rất lớn (đồng tiền có chữ "Vạn thế vĩnh lại" một mặt khắc bài thơ) và thưởng cho tất cả quan quân ở tàu nước Tây phái đi, ngân bài, ngân tiền có thứ bậc. (Tướng ấy phái 2 thuyền đi hộ vệ Phó sứ Nguyễn Văn Tường đi đến Bắc Kỳ bàn hòa ước, khi ấy có đánh giúp giặc biển đắc lực, trước đã phát giao 2 cái kim khánh đợi để thưởng. Đến nay bàn quan ở thuyền ấy phẩm trật thấp, không phải như thống sát, bèn thưởng bằng ngân bài), nhưng giao cho tướng ấy chuyển cấp. Lại cho là Nguyễn Hoằng và bọn Giám mục Bình, Linh mục Đăng đi chuyến ấy có bổ ích nhiều, đều hậu thưởng để đền công khó nhọc. (Hành nhân là Nguyễn Hoằng nguyên là Giám mục, nghĩ thưởng quan chức, tên ấy không muốn, bèn thưởng kim khánh để đeo cho được vinh hiển, thưởng thêm 20 lạng bạc ; Giám mục Bình thưởng 1 đồng kim tiền ngũ phúc và 3 đồng ngân tiền các hạng ; Linh mục Đăng thưởng 1 đồng kim tiền tam thọ và 3 đồng ngân tiền các hạng).

Nguyên Khâm sai Nguyễn Văn Tường nghĩ thuộc viên ở Nội các, mùa đông năm ngoái, tùy phái đi ra Bắc Kỳ là Nguyễn Đăng Ngoạn (lĩnh Trước tác), Đoàn Như Bích (lĩnh Biên tu), trong khi đi làm việc đắc lực, tâu xin nghĩ thưởng. Vua chuẩn cho đều được thực thụ và gia thưởng ngân tiền (Ngoạn 4 đồng, Bích 3 đồng) và thưởng cho lính đi theo tiền lương một tháng có thứ bậc, để tỏ ý thể tất.

Sai quan ở Cơ mật viện và Thương bạc vẽ đồ bản đầu địa giới phát giao cho tướng nước Pháp giữ làm bằng. (Năm trước, tướng nước Pháp đưa thư xin vẽ bản đồ đầu địa giới giao cho viên ấy giữ làm bằng. Đến nay vẽ thành 2 bản đồ, đệ đến quan tỉnh Bình Thuận, 1 bản giao cho tướng nước Pháp, 1 bản lưu ở tỉnh).

Sai Khâm thiên giám xét ở trong lịch, các ngày kỵ đều nêu 1 chữ ở trên, ngày tế hưởng, ngày đản đều thế, để cho dễ biết, rồi giao ra 2 quyển quan lịch theo từng khoản kính viết làm kiểu mẫu đăng trình, sau đều in vào lịch. (Ngày kỵ Tiên đế ở Thái miếu thì nêu lên 1 chữ "trường", ngày kỵ Thái hậu thì nêu lên 1 chữ "vĩnh" ; ngày kỵ ở 3 điện và Hưng miếu đều nêu 1 chữ "cận").

Giặc ở Bắc Kỳ cướp bóc các huyện Chương Đức, Thanh Liêm (thuộc tỉnh Hà Nội). Việc ấy tâu lên, vua giáng Dụ cho quan Kinh lược là Nguyễn Chính khẩn cấp đánh dẹp cho yên ngay (hạn ngặt 2 tháng), rồi đi khắp xét hỏi quan lại phải truất hay được thăng, để mong tốt về sau.

Quan tỉnh Hưng Hóa xin chọn lấy dân trong hạt đoàn kết lại để tự vệ. Vua nghe theo.

Tháng 2, định lại lệ phân xử quan coi việc học sát hạch lấy học trò đi thi không tinh.

(Học trò vào thi, không làm thành bài, không làm đủ quyển, mang sách vào, 1 tên thì huấn giáo phê lấy trước phải phạt bổng 1 năm, mỗi 3 tên lại gia 1 bậc, tội chỉ đến 100 trượng, giáng 4 cấp đổi đi nơi khác ; điển học, đốc học, tư nghiệp, tế tửu giáng 1 bậc, 1 tên thì phạt bổng 9 tháng, mỗi 3 tên lại gia 1 bậc, tội chỉ đến giáng 3 cấp, lưu nhiệm lại, có tình riêng ăn tiền hối lộ, lại chiếu luật nghĩ xử. Tên nào huấn giáo truất đi mà thượng ty lại lấy thì đem tội của huấn giáo bắt tội thượng ty, huấn giáo được miễn nghị. Nếu lâm thời huyền khuyết, quan ở tỉnh đạo phái viên khác làm thay, thì viên làm thay ấy được giảm 2 bậc ; thay huấn giáo, thì từ 1 tên phạt bổng 6 tháng, tội chỉ giáng hai cấp lưu, thay học quan thì 1 tên phạt bổng 3 tháng, tội chỉ giáng một cấp lưu, cũng chiếu theo trên mà suy ra).

Vua bảo quan Cơ mật viện và Thương bạc rằng : Điều hay thì không điều nhỏ nào là không ghi lấy, huống chi là công lớn, Viêm và Thuyết mùa đông năm ngoái giết được đầu sỏ giặc, làm mất khí thế của chúng, Nguyễn Văn Tường nhân đấy dễ làm nên việc, Văn Tường nói : Tuy có trở ngại một chút, nhưng thực giúp được

nhiều, đấy là lời bình tâm không khoe công. Viêm và Thuyết nên phong tước lại giả chức quan. Bèn thưởng thụ Hoàng Tá Viêm là Hiệp biện Đại học sĩ, tấn phong là Địch Trung tử, vẫn sung làm Tam Tuyên quân thứ Thống đốc đại thần ; Tôn Thất Thuyết làm Binh bộ Hữu tham tri, tấn phong là Vệ Chính nam, vẫn sung làm Tham tán đại thần ; đều gia thưởng kim khánh, kim tiền.

Dân theo đạo ở Nghệ An lánh nạn ở quanh thành tỉnh, Giám mục Hậu xin trích bạc kho 1.000 lạng cho mượn để cấp, sẽ nộp lại. Vua chuẩn cấp cho để tỏ ý thể tất. Hậu lại xin tự đem đoàn kết dân đạo, để cùng bảo vệ nhau, quan tỉnh đề tâu lên. Vua bảo rằng như thế thêm phiền, nên không chuẩn cho.

Tướng giặc (bọn giặc ở tỉnh Nghệ) là Lương Dự Khánh bị giết, các người thám nã được việc, đều thưởng chức hàm để khuyến khích. (Thưởng cho Cai tổng tổng Cát Ngạn là Nguyễn Huy Diệu hàm Chánh bát phẩm thiên hộ ; Phó tổng là Phan Văn Dư hàm Chánh cửu phẩm bách hộ).

Chuẩn cho Lưu Vĩnh Phúc được nhắc bổ làm Phó lãnh binh quân thứ ấy. Đoàn quân ấy từ quản đội trở xuống thưởng cho thăng 3 trật và thưởng tất cả binh dõng đi trận ấy bạc lạng và tiền (bạc 345 lạng, tiền 3.000 quan) là xét công đánh trận ở Cầu Giấy.

Hữu quân là Lê Sỹ vì có việc phải cách lưu.

Khi ấy tế Giao, hoàng trưởng tử sung chức tế thay, mới đến đàn sở, Sỹ đem quạt lông tặng Hoàng tử, Giáo đạo là Nguyễn Dục hặc tâu lên, bộ Hình xử phải cách, Sỹ lại tâu xin lượng giảm. Nội các vẫn nghĩ xử cách. Vua bảo rằng : Tuy cùng với yết kiến riêng có khác, nhưng cũng là nịnh, không những tự làm nên tội, nếu liên lụy đến Hoàng tử thì sao, Nội các nói phải, nhưng nghĩ trước có công lao bắt giặc một chút, nên cho cách lưu, để cho tỉnh ngộ. Thưởng cho Dục sa lụa và thông sức để khuyên răn. Từ nay nhất thiết phải tuân theo phép đã có sẵn, không được viện lệ.

Cho 4 tỉnh Hà Nội, Ninh Bình, Hải Dương, Nam Định mộ lính cấp lương, để phòng sai phái.

Dụ rằng : Bắc Kỳ có việc, sức quân còn thiếu, cần phải tạm thời thu mộ, lúc không việc thì luyện tập để hạn chế lòng làm điều trái, lúc có việc thì xua đi trước để phải cố sức đánh, tưởng cũng là một kế định ngay lúc đầu, nhưng phải kiểm thúc có phương pháp, chớ để ngại về sau.

Vua bảo bộ Lại rằng : Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, rất để lòng về việc nuôi dân, cho nên về khoản nêu khen quan lại tốt, thường thường lưu ý. Từ trước đến nay, các phủ, huyện, châu người nào đích xác có công trạng tất được thưởng. Ty ấy xét tâu, nhiều lần đã tùy việc thưởng lục, mà quan tỉnh chưa nghe thấy có người nào,

là cớ tại sao ? Thái thú đời xưa có người được thêm trật, được cho vàng, không biết ai xét, ai cử, hay là do đình thần xét hỏi mà được thế. Nay quan to ở các tỉnh trong Nam ngoài Bắc có nhiều, làm việc giỏi giang, há không có người nào, thế mà không ai đề đạt lên cho, trẫm bởi đâu mà biết, để kịp thời ban hành phép nêu thưởng.

Vậy bộ ngươi xét kỹ điển lệ khảo xét quan to của người đời xưa, có thể thi hành ở đời nay được, thì châm chước bàn định tâu lên. (Lời bàn tâu lên xem ở sau, về năm thứ 32).

Bọn giặc ở Nghệ An đốt nhà giết người ngày càng quá lắm. (Giết dân đạo đến hơn 1.000 người, đốt không biết bao nhiêu nhà, quan tỉnh và quan ở quân thứ làm việc chậm chưa dẹp yên).

Vua xuống Dụ khiển trách rằng : Trước đây tên Mai, tên Tấn làm giặc, đã phái Hồ Oai, Chu Đình Kế đem quân chuyển về đánh bắt và chuẩn cho Đặng Văn Kiều tuyên bảo đức ý của triều đình, khiến cho giải tán và chóng được cùng yên với nhau. Nay đã gần 1 tháng, chưa thấy đánh ác liệt một phen nào, nên 2 tên giặc ấy vẫn đốt nhà, giết người làm hại quá lắm. Bọn Hồ Oai các ngươi cầm quân ngồi nhìn, thường khi nói là tình hình hơi yên, hầu dối ai chăng ? Đặng Văn Kiều ngươi vâng mệnh sai đi chức phận làm việc gì, thế mà gần đây công việc hiện làm, không đem tâu lên, sự lo của triều đình không biết đến bao giờ cho hết. Kìa như người trông coi quân, trách nhiệm ở giết kẻ làm loạn, ngươi tuyên bố mệnh lệnh, trách nhiệm ở làm cho dân yên, tạm bợ nuôi kẻ gian như thế, hầu đến bao giờ có thể thư được lo đêm, lo ngày của vua cha và khỏi liên lụy đến dân thường được ?

Bọn Hồ Oai phải lập tức đem ngay quan quân, chia đường đánh bắt ; Đặng Văn Kiều phải theo Dụ trước, đi khắp hiểu bảo. Bọn cử nhân, tú tài, sĩ nhân trong hạt, nếu có người muốn đem con em, đầy tớ theo quan quân đi đánh bắt thì chuẩn cho bọn các ngươi xét thực được tùy tiện sai phái, để dãi tỏ tấm lòng, nếu có công trạng thực, tâu xin bổ dụng. Còn như bọn quan tỉnh là Tôn Thất Triệt, Phạm Hy Lương, Nguyễn Đôn nhiều lần được tin cấp báo, tạm giáng 2 cấp lưu nghiêm sức cho cùng với các viên Tổng thống, Tham tán, tùy cơ trấn áp đánh dẹp, hạn trong 1 tháng phải dẹp yên ngay, thế mà nhiều lần cứ theo quan ở viện đem tờ báo của tỉnh ngươi trình lên, thì bọn tên Mai, tên Tấn vẫn chưa bắt được bè lũ hắn, tìm chỗ này lẩn trốn chỗ kia, thảm trạng đốt nhà, giết người chưa hết hẳn được, thực là thiếu chức phận quá lắm, giáng thêm 2 cấp nữa, tức là bắt phải kính theo Chỉ chuẩn gần đây, đem bắt chém ngay tên thủ phạm ấy, phá tan bè lũ vây cánh, cốt trong tháng này dẹp yên tất cả ; nếu lại chậm trễ chút nào thì tội không tha diết, tất đem bọn ngươi cách chức, bắt trói đem về Kinh xét xử nghĩ.

Lúc trước tỉnh Hải Dương có việc, đồ ký, kiểm ngà ở các cơ, vệ phần nhiều mất mát, quan tỉnh tâu xin làm để cấp cho. Bộ Lễ đem việc ấy tâu lên. Vua quở rằng :

Bốn tỉnh Bắc Kỳ mũ áo, ấn kiếm bị mất rất nhiều, nhiều lần cứ theo NguyễnVăn Tường và tỉnh Ninh Bình tư tâu, thì phần nhiều do thuộc viên ở tỉnh và người ngoài nhân đấy mà lấy trộm, không phải là người Tây lấy cả ; ở tỉnh đều làm cho xong việc, không hết sức thu lại, ở bộ cũng cẩu thả cho xong, không tiếc, nay làm thì cũng dễ, chỉ nhọc mệt người thôi.

Vua đi chơi cửa biển Thuận An xem bắn bù nhìn, bảo bộ Binh rằng : Lần này tập bắn tuy chưa được đều nhau tất cả, thế cũng không khỏi được, nhưng lần lượt đổi nhau bắn tiếp, đã được nhanh nhẹn ; liên lạc đi đứng, chỉ huy cũng được quen thạo, đặc cách thưởng cho quan quân ngân tiền đều có thứ bậc.

Khi ấy các nha ở 6 bộ làm việc phần nhiều chậm trễ. Nhân đó vua giáng Dụ rằng : Công việc cả nước nhiều lắm không phải 1 người có thể làm một mình được. Vì thế cho nên các nha ở bộ, viện đặt ra Trưởng quan để cai quản, Tham tá để làm việc, khiến cho được cùng lòng cùng giúp cho được việc, thế mà gần đây theo thói cũ lười biếng khinh thường, phàm việc thường phiền phê sức, mới làm và tiến được, tham nhàn nuôi danh vọng như thế, đối với việc chọn ủy thì sao ? Từ nay phàm thượng ty các nha hết thảy những việc phải làm, tất phải chính mình thân đem các quan làm tốt mọi việc ; nếu lại bỏ thiếu chức vụ, đã có hình phạt theo phép thường.

Định lại trình hạn hết án giao nghị.

(Hạn hết án : Việc mạng người trộm cướp, hạn 3 tháng ; hộ hôn tài sản, điền thổ, đánh nhau, hạn 2 tháng ; việc chửi nhau, tiền nợ, các việc kiện vặt, hạn 1 tháng ; đều lấy ngày bên bị giao đến làm bắt đầu, quá hạn và đúng hạn theo nghị trước thưởng phạt có thứ bậc.

Xin lui hạn lại hết hạn không xong, thì phải hặc tội ngay, nhưng xét nguyên do chậm trễ bởi tại nha nào, xét nghĩ gia lên 1 bậc. Hạn giao nghị, việc nhiều lắm, hạn 5 ngày ; việc phải tư xét thì hạn 10 ngày, hoặc lui hạn hằng tuần hay hạn hằng tháng, tâu xin xét lại, theo thế mà làm. Nếu hết hạn không xin lui hạn lại, hay hết hạn xin lui ấy không làm xong, tức thì tâu lên hặc tội, nhưng đợi làm xong, đều tham chiếu án hạn 1 tháng (án hạn 1 tháng, ngoài hạn quá đến 1 tháng, thì phạt bổng 3 tháng, sau này cứ mỗi tháng gia lên 1 bậc, tội chỉ đến giáng 3 cấp lưu ; còn quá hạn chưa đầy 1 tháng thì miễn nghị từ 2 án trở lên, nghị xử cả 2 án, tội chỉ giáng 4 cấp đổi đi, tính trừ ngày mà nghị xử).

Vua xuống Dụ : Trước đây thấy bộ Binh đem tờ tư của tỉnh Hưng Hóa tiến trình, trong đó nói các việc quân nước ngoài người tỉnh Vân Nam hiện đóng ở huyện Trấn Yên tỉnh ấy (xã Y Cau) mang bè lũ trốn đi, tràn qua các huyện Văn Chấn, tỉnh ấy hiện sức canh phòng nghiêm ngặt. Lại nói kèm, tháng 11 năm ngoái viên châu Thủy Vĩ đem quân úp bắt thổ phỉ, việc ấy đều có liên quan đến việc lớn

việc quân, việc nước. Thế mà quan tỉnh không lập tức làm tập tâu lên, quan ở bộ cũng coi thường giấu đi, thì nơi biên phương động tĩnh, trẫm không bởi đâu biết được, khi có chếch lệch, lỡ việc không phải là nhỏ. Các quan tỉnh ấy tạm phải quở mắng một lần. Từ nay địa phương ấy có việc giống như thế, thì đem việc ấy làm tập tâu lên, nếu khinh suất làm tờ tư, bộ không biết hặc, đều theo luật trị tội nặng.

Bãi bỏ lệ xã, thôn thiếu lính quyên tiền gấp hai. Năm thứ 22, lệ định các xã, thôn thiếu lính phải quyên tiền gấp hai (lệ quyên 800 quan, phải gấp 2, cộng 1.600 quan). Đến nay đình thần bàn, lo về người phải chịu phần lính, lấy tiền của để tránh việc, cho nên bãi bỏ đi. (Trong xã thiếu lính, trừ những người độc đinh và người không dự chịu phần lính, chiểu theo lệ quyên 800 quan tiền làm việc không kể, còn người phải chịu phần lính thì chiểu lệ sung điền).

Thưởng cho nghĩa dân xã Bạch Lựu Hạ, tỉnh Sơn Tây. Khi ấy, giặc trốn của nước Thanh thường quấy nhiễu, dân xã ấy đoàn kết cầm phòng, đều có thực trạng. Quan tỉnh là Trần Bình đem việc ấy tâu lên. Vua sai nêu thưởng. (Đầu mục được thưởng hàm chánh cửu phẩm. Dân xã ấy được miễn dao dịch, thuế thân 5 năm, được 1 tấm biển, khắc những chữ : "Bạch Lựu Hạ xã nghĩa dân").

Lại hoãn kỳ xét công 3 năm và kỳ xét công năm ấy. Trước đấy, các ấn quan 3 năm 1 lần xét công, đã chuẩn cho đình lại, sau khi việc ở Bắc Kỳ yên, đem cả 9 năm làm danh sách tâu một thể (khóa trước là năm thứ 21, đã hoãn đến khóa sau là năm thứ 24, khi ấy bộ làm danh sách chưa xong, đến ngày tháng giêng năm thứ 25 làm xong tiến trình, rồi chuẩn cho lại đình 1 lần nữa, việc đã thấy ở trên), các thuộc viên đủ lệ xét công vẫn chuẩn cho theo lệ làm danh sách tâu để xét. (Nhiều lần đều đã làm xong). Đến nay đến khóa xét công, bộ Lại, bộ Binh nghĩ tâu cho là ấn quan có tài năng hay không đã thuộc nhà vua xét, cùng là phủ huyện, quản suất, thực có tiếng tài giỏi, có công trạng thực, lần lượt đã được khen và cất nhắc. Còn các thuộc viên đã có lệ xét tư, xét cử và thượng ty xem xét, đều là tùy việc giáng chức và thăng chức. Hiện nay ở ven biên giới phòng giữ đánh dẹp chưa xong, mà 4 tỉnh Hà Nội, Hải Yên, Hải Dương, Nam Định mới bắt đầu sửa sang, công hay lỗi chưa định, vậy kỳ xét công 3 năm của ấn quan và kỳ xét công của thuộc viên năm nay, xin tạm hoãn đến năm thứ 30 làm một thể, để cho được giản tiện. Vua theo lời.

Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Vũ lâm Tả dực là Nguyễn Thanh Luật, thự Chưởng vệ sung chức Phòng luyện ở cửa biển Thuận An là Lê Hữu Dực (chuẩn cho thực thụ), đều theo niên lệ về hưu trí. Vua cho mỗi người 20 lạng bạc và 3 tấm lụa. Chuẩn cho Chưởng vệ ở quân thứ Tĩnh Nam tỉnh Quảng Ngãi là Ngô Đắc Quang đổi làm Chưởng dinh Vũ lâm Tả dực ; Cấm binh Vệ úy sung chức Phó phòng luyện ở cửa Thuận An là Tôn Thất Duyệt thăng thụ Chưởng vệ vẫn sung chức Phòng luyện.

Mới định cách thưởng bắt giải lính trốn, tù phạm trốn cho các đồn, cửa ải, giải nộp. (Mỗi tên thưởng tiền 6 quan, nhưng chi tiền cấp ngay trước mặt, sẽ cử người đốc canh và tổng lý thu điền).

Vua nghĩ gần đây vì thi tạm hoãn, sai trong Kinh và tỉnh ngoài xét cử người hiền tài.

Dụ rằng : Bắc Kỳ mới yên, học trò chưa được chăm chỉ việc học, hãy đợi đến kỳ thi về mùa thu, từ Thanh - Nghệ trở vào phía Nam đến Bình Thuận, đã từng thi Hương, đều sai thượng ty hội đồng với học chính giáo huấn xét hỏi cử tú và học trò trong hạt, ai là người hiền lành ngay thẳng, học rộng thông thạo, học và hạnh đều hơn người, vốn được làng mạc bè bạn suy phục, mùa xuân năm nay đều đem sự thực tâu lên ; đưa bộ xét thực ban cho bậc đỗ lục dụng. Các ấn quan ở Kinh và tỉnh ngoài nếu có biết đích xác người nào, cũng cho đem thực người tiến lên ; còn trúng hay hỏng, thưởng phạt liền theo, thế mà đã lâu không cử được người nào. Đến nay vua bảo bộ Lễ rằng : Người hiền là của báu trong nước, mà cầu người hiền chỉ có khoa mục là đường chính, trước đã xuống Dụ chuẩn cho ở Kinh và tỉnh ngoài xét cử, hạn đến mùa xuân năm nay tâu lên đợi sát hạch cho đỗ, sao lâu chưa thấy. Quan ở bộ tâu nói : Nhiều lần tiếp được, ở Kinh thì bộ Hộ, bộ Binh, ty Vũ khố, phủ Nội vụ, Thương trường, viện Đô sát ; ở tỉnh ngoài thì Bình Thuận, Bình Định, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Phú Yên, đều tư nói không có người có thể sung tuyển được, còn thì đã tư giục, nhưng chưa thấy trả lời đến. Gần đây có 1 tập xét cử của quan đạo Hà Tĩnh là Mạnh Tuyển, nhưng gọi là thông giỏi cũng không chỉ rõ sự thực, tưởng chưa đủ để kính đáp thịnh ý cầu tài, xin lại do quan đạo ấy lại phải xét kỹ.

Vua bảo rằng : Trước đây Hà Duy Phiên cử Phạm Thanh, thực tốt, trẫm thường khen nhớ, nay sao lại không có người tài, chỉ riêng mình quá lạm mà thôi. Rồi vì tới kỳ thi Hội, việc ấy bèn thôi. (Sau này thi Hội cũng lại hoãn).

Giặc biển vào cửa biển Thừa Phúc (thuộc phủ Thừa Thiên) đốt nhà cướp của rồi đi. Sai bộ Binh phái bắt tàu thủy đi đánh.

Lĩnh Hình bộ Thượng thư sung như Tây Chánh sứ Lê Tuấn (đỗ Tiến sĩ, người tỉnh Hà Tĩnh) chết ở Gia Định. Tướng nước Pháp đem tàu binh hộ tống sứ bộ và quan cữu Chánh sứ về Kinh.

Vua Dụ rằng : Lê Tuấn đỗ cao sớm, làm quan từng trải lâu năm, vâng mệnh đi sứ sang nước Tây, giữ nghĩa không từ khó nhọc, lại cùng bạn đồng sự được việc trở về, rất có giúp ích, muôn dặm trở về, ghi công sử sách, trẫm đương ngày đêm mong đợi. Nay tình giao hiếu với nước láng giềng vừa định, cờ tiết của sứ thần tạm trở về, bỗng nhiên bị bệnh chết, rất đáng thương tiếc. Vậy chuẩn cho thực thụ Thượng thư, tặng Hiệp biện Đại học sĩ, thân làm văn viếng, đặc cách sai Hoàng trưởng tử vâng

mệnh ban rượu và tế một tuần, cho tàu binh hộ tống từ Kinh về quê quán, cấp cho gấm, sa, tiền, lụa để sung vào việc chôn cất, đợi sau chuẩn cho được thờ ở đền Hiền Lương.

Sai thuê thuyền của dân cùng với tàu thủy chia đi tuần tiễu và vận tải ở trong Nam, ngoài Bắc.

Bãi bỏ chức Giang phòng sứ ở Quảng Nam. (Mùa đông năm trước vì có việc nghĩ đặt).

Tha cho binh phải tù ở tỉnh Khánh Hòa sắp xếp vào ở đồn điền.

Lê Thị Đoàn ở tỉnh Hà Tĩnh đánh chết con dâu, nhân sai con là Phan Đắc Điển làm giả ra tự thắt cổ chết, để hòng thoát vạ. Quan đạo ấy nghĩ xử tội cả. (Lê Thị Đoàn phải đánh trượng và tội đồ, con thị ấy là Phan Đắc Điển phải 80 trượng), đem việc ấy tâu lên. Vua cho là con giấu cho mẹ, tha tội cho Đắc Điển.

Bọn giặc ở Nghệ An đã bị quan quân đánh tan, tướng giặc là Trần Tấn, Đặng Như Mai trốn ở Man rừng núi. Vua sai quan tỉnh và quan ở quân thứ đuổi bắt. Lại sai đem việc ấy đưa thư cho tướng nước Pháp và bảo bọn giám mục, linh mục, đạo trưởng biết để chúng khỏi nghi ngờ.

Bọn đầu mục ra thú ở quân thứ Bắc Ninh là Chu Kiến Tân, Triệu Hoa Đan đem quân tiến đánh bọn giặc hàng tuần, hàng tháng được luôn, lấy lại được thành huyện Đại Từ. Vua sai quan quân thứ là bọn Nguyễn Uy khao thưởng. (Thưởng tiền bạc, trâu, rượu).

Khi ấy dân xiêu tán tỉnh Quảng Yên phần nhiều dữ tợn mà bọn Trần Chước Quýnh, Từ Gia Dương là thủ ác. Hai tỉnh Quảng đưa công văn nói : Quan quân châu Khâm, châu Liêm bất nhật tiến đến vây bắt, vua bèn chuẩn cho Đàm Quang Văn (Viên ngoại lang quản đốc thủy đạo, là người thổ, trước am hiểu giỏi giang) theo hàm Tòng tứ phẩm lĩnh Tri phủ phủ Hải Ninh cùng với quan nhà Thanh cùng làm việc.

Chuẩn cho thự Lễ bộ Thượng thư là Lê Bá Thận, thự Hộ bộ Thượng thư là Phạm Phú Thứ đều được thực thụ.

Khi ấy phái viên nước Pháp là Lê Na thường triệu tàu binh tụ tập ở Hà Nội. Vua sai mật tư cho bọn Thống đốc Tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết, Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ là Nguyễn Chính phải trù nghĩ cho khéo để được yên ổn.

Tháng 3, sai quan ở bộ phái lại dịch sao *Hội điển* phát giao cho Bắc Kỳ phụng giữ. (Vì cớ sổ sách thất lạc).

Sai lấy thuốc súng ở tỉnh Nghệ An giao cho tỉnh Ninh Bình để dùng về việc quân.

Tha hoãn bắt lính thu thuế (vì cớ có giặc) cho 3 huyện (Động Hỷ, Phổ Yên, Tư Nông) ở tỉnh Thái Nguyên.

Quan tỉnh Lạng Sơn sao tờ hiểu thị của đốc phủ 2 tỉnh Quảng dâng lên. (Hiểu thị giặc, dân xiêu tán, giặc tẩu tán nước Thanh). Vua sai bộ Binh sao ra giao cho các quân thứ và các tỉnh niêm yết.

Tướng giặc ở Nghệ An là Trần Quang Cán sinh sự ở các huyện Hương Khê, (Quang Cán tức là tên Đội Lựu, người huyện Hương Sơn, năm trước lĩnh giấy mộ người khai khẩn ở phận rừng huyện Hương Khê, giáp cuối địa giới tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình).

Trước đây, Quang Cán mượn tiếng là người khai khẩn, ngầm có chí khác, giao thông với bọn Tấn và Mai mưu phản nghịch. Sau Tấn và Mai nổi lên trước, mà Cán chưa kịp phát ra, quan tỉnh ấy phái người đến dụ dỗ. Cán đưa con làm con tin, để lấp chỗ nghi ngờ, nhưng còn lần lữa trông ngóng có hấn rồi nổi lên. Tới khi Tấn và Mai bị thua, lẩn vào Man rừng núi, thu lại bọn quân tàn, thông nhau với Cán, thường giục Cán luôn, Cán mời họp bè lũ đến vài nghìn người, cùng bọn Tấn, Mai đều nổi lên cả, chia đường quấy nhiễu bừa, chiếm cứ phủ huyện. (Bọn Tấn, Mai chiếm giữ các phủ, huyện : Trương Dương, Quỳ Châu, Anh Sơn, Thanh Chương, Diễn Châu ; bọn Cán chiếm giữ các phủ, huyện : Hương Sơn, Hương Khê, Đức Thọ) ngăn chặn đường trạm, thế rất hung hăng, hiện tình so với trước lại càng khẩn cấp.

Tổng đốc Hà - Ninh là Trần Đình Túc vì già ốm xin về làm việc ở Kinh. Vua sai Hộ đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Trần Bình đến thay. Rồi lại cho là Đình Túc nguyên làm việc giao thiệp với nước ngoài, còn nhiều việc chưa xong, lại vẫn giữ chức cũ, Trần Bình chuẩn cho về Kinh đợi bổ.

Cho Hoàng Tá Viêm lĩnh Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên vẫn kiêm sung Thống đốc quân vụ ; Tôn Thất Thuyết đổi bổ Tuần phủ Sơn Tây vẫn kiêm sung làm Tham tán. (Khi ấy quan ở quân thứ và ở tỉnh đùn đẩy cho nhau, nên có mệnh lệnh này).

Bộ Hộ tâu nói : Kinh sư là chỗ căn bản rất quan trọng, của chứa chưa được thừa thãi. (Thóc gạo cộng 980.000 hộc, phương ; tiền 535.000 quan), xin đem gạo lương của công tôn và quan viên chia ra từng thành, chiết cấp bằng tiền (công tôn chia làm 3 thành, thực cấp bằng gạo 1 thành ; quan viên chia làm 2 thành, thực cấp bằng gạo 1 thành). Vua y cho.

Định lại lệ nên hạch hay nên miễn cho những xuất thân là tôn sinh, giám sinh, ấm sinh, tú tài, học trò và lại điển. (Những hạng người này chưa từng sát hạch mà cử lên đến chủ sự, tư vụ như ở Kinh thì phủ Tôn nhân, viện Cơ mật, 6 bộ, viện Đô sát, tự Đại lý, ty Cẩn tín và trưởng sử, tư vụ ở Dục Đức đường, theo lệ có phải biết viết và các tỉnh, đạo ở ngoài thì thông phán, kinh lịch, phủ huyện chiểu theo lệ

nghị định sát hạch ngày tháng 2 năm ngoái mà làm. Còn như các nha ít việc ở Kinh (như loại 2 ty Thái thường, Quang lộc ở bộ Lễ ; ty Hỏa pháo, kho súng ống, kho thuốc đạn ở bộ Binh ; 3 ty Chế tạo, Tiết thận, Tài mộc ở bộ Công ; Thủ hộ sứ ở Quốc tử giám, ty Điển nghi, ty tả hữu Từ tế, ty Hộ thành binh mã, ty Cẩn tín) cùng người coi giữ kho (như loại phủ Nội vụ, ty Vũ khố, Thương trường) và sung vào các hiệu thuyền đồng, trong đó nha theo lệ có đặt đến Lang trung, Viên ngoại, phẩm hàm hơi cao, chưa từng sát hạch thì chiểu theo lệ mà sát hạch, còn lục thất phẩm trở xuống miễn hạch).

Đạo Hà Tĩnh có tên Nguyễn Huy Điển (tức gọi là Tú Khanh, người huyện Thạch Hà, trước can án đốt phá bị cách) vẫn cùng với Tù trưởng người Man ở tỉnh Quảng Bình là Trương Quang Thủ (tức gọi là Đội Ngọc, từ ông cha tên ấy đến tên ấy đời đời kế tiếp cai quản các sách Thanh Lãng, Kim Lũ), đi lại giao kết, ngầm mưu làm trái phép, cổ động dân Man a dua đi theo rất nhiều. Quan đạo ấy dò biết tình trạng, gặp lúc Điển hiện ở quê nhà, nhân dụ đến bắt trói lấy. Điển ngầm thông với Quang Thủ hòng mong giải thoát. Quang Thủ liền họp bè lũ vài trăm người, làm đồn đặt súng, cướp lấy thuyền của dân sinh sự ở cửa Ve. Vua đã chuẩn cho quan tỉnh ấy đem quân đến thượng du để hiểu dụ, Quang Thủ thác ốm để từ chối, xảo trá nghĩ làm càn, nghe tin giặc Cán đem bè lũ tràn xuống, mới từ cửa Ve tìm đường lẻn đến huyện Hương Khê thông nhau làm ngạch trở, mưu muốn đánh quấy tỉnh Hà Tĩnh để cho Điển được thoát.

Việc ấy tâu lên, vua bèn sai : Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Vũ lâm Tả dực là Ngô Đắc Quang, Hồng lô Tự khanh Biện lý Công bộ là Đinh Văn Khoa sung làm Khâm phái đem 500 lính Kinh đến tỉnh Hà Tĩnh đóng để trấn áp. (Về dực ấy chuẩn cho Vệ úy quyền Chưởng dinh Tiền phong là Lê Bình quyền quản cả, đợi Quang về lại theo như cũ mới thôi).

Chuẩn cho Nguyễn Tư Giản thăng thự Thượng thư bộ Lại (trước quyền lĩnh nay thăng thự) kiêm lĩnh Quốc tử giám. Sau vì giám ấy kiêm lĩnh, theo lệ có 2 viên đại thần, lại chuẩn cho Thượng thư bộ Hộ là Phạm Phú Thứ theo nguyên hàm kiêm lĩnh. Nhân Dụ rằng : Quốc tử giám là nơi dưỡng dục nhân tài, để cho học rộng, lòng ngay, giúp việc Nhà nước sau này quan hệ rất lớn, từ trước đến nay quen coi là chức nhàn, không chịu để ý gây dựng, nên học trò đức hạnh không thuần, nhân tài không phát đạt, người chuyên trách ở Quốc tử giám, quyết không chối được lỗi. Nay chuẩn cho ngươi cùng với Nguyễn Tư Giản kiêm lĩnh, các ngươi đều là người có học, nên thời thường lần lượt đến thúc giục khuyến khích, cốt học giỏi có nết na, giúp ích cho thực dụng, phải kính theo và cố gắng.

Cho Bắc Kỳ Kinh lược sứ Nguyễn Chính lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh sung Hiệp thống đại thần, kiêm nhiếp Bố chính Thái Nguyên Vũ Trọng Bình lĩnh Tuần phủ

Nghệ An. Khi ấy vì lương dân đạo chưa yên, mà quan tỉnh là bọn Tôn Thất Triệt, Phạm Hy Lương, Nguyễn Đôn (riêng tin lời nói không căn cứ, thường khi xin giúp thêm quân), đều bị cách chức cho làm việc chuộc tội ; Khâm phái Đặng Văn Kiều (hiểu thị và dẹp yên không được việc) rút về Sử quán, cho nên có mệnh lệnh ấy.

Tấn phong Khiêm phi họ Nguyễn Văn hàm Học phi.

Tham tán Tôn Thất Thuyết đánh dẹp được giặc Hoàng Anh ở châu An Lập (thuộc tỉnh Tuyên Quang). Tin thắng trận tâu lên. Vua bảo rằng : Giặc Hoàng Anh lan tràn làm ngăn trở đã lâu, nay được như thế thì cũng có thể thông được đến tỉnh Tuyên Quang, trẫm rất mừng.

Quan Cơ mật viện tâu nói : Giặc Hoàng Anh quấy nhiễu các hạt, binh dõng ở quân thứ tỉnh Tuyên Quang kể cũng có hàng vạn, không phải không đủ để đánh, thế mà quan tỉnh và quan quân thứ ở Tam Tuyên trù nghĩ thì muốn bắt binh dõng ở các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn. Tư cho Hà Nội thì muốn mượn binh thuyền của nước Pháp, tư cho Lạng Sơn thì bảo Lưu Ngọc Thành nói thác để từ chối rút quân về, tình hình giặc, mọi lời bàn phân vân như thế, thực khó ở xa mà tính được. Trộm nghĩ mưu kế làm cho yên ở biên giới, chỉ có đánh dẹp hay phủ dụ thôi.

Nay xin : Một mặt thì do Nguyễn Uy lại viết thư cho Lưu Ngọc Thành, bảo rằng : Nước tôi cùng với nước Pháp kết nghĩa giao hiếu mới hơn 10 năm, mà tướng nước ấy muốn đánh giúp không phải là không có lòng công phẫn ; quý Tổng thống làm việc từ trước đến sau, lại vội muốn rút quân về, thì về tình nghĩa nghìn trăm năm bảo sao ? Một mặt do quan tỉnh Hà Nội thử hỏi phái viên nước Pháp là Lê Na đánh giúp, cho thông đường buôn bán, xem phái viên ấy trả lời thế nào, sẽ nghĩ định công việc nên làm. Vua theo lời.

Sai Hình bộ Tham tri Lê Dụ đến Nghệ An hiểu dụ dân lương, đạo. (Vì cớ Lê Dụ là người ở đấy).

Chuẩn cho Doanh điền Phó sứ là Đỗ Phát vẫn ở quê cũ cùng với Phạm Văn Nghị (Hải phòng sứ) dẹp dạy sĩ dân và khai khẩn làm ruộng.

Trước đấy Bắc Kỳ có việc, viên ấy nhân có lệnh ở quê quán để điều trị đến khi việc đã yên, quan Kinh lược và Tổng đốc Nam Định cho là mang lòng riêng bỏ thiếu chức vụ, tâu lên hặc tội, xin bắt trói đưa về Kinh xét nghĩ. Vua sắc giao viện Cơ mật xét thực sự tâu trả lời. Sau viện tâu trả lời là có bệnh thực, tuy không biết cố gắng đi đánh giặc, nhưng đã ủy cho con rể (Ngô Phú Diên) đem quân đã mộ được ở lại tỉnh để phòng sai phái, nguyên không phải để thân ra ngoài phận sự, huống chi lại biết dạy nuôi dân, không đến nỗi sinh biến, giữ toàn vẹn được quê hương huyện hạt, chí hướng ấy cũng đáng tha, xin tha cho, nên có mệnh lệnh ấy.

Mùa hạ, tháng 4, tấn phong Thọ Xuân công Miên Định, Ninh Thuận công Miên Nghi làm Quận vương. Dụ rằng : Hai tước công đều là chú của trẫm, nay tuổi đã gần 70, già cả trung hậu, càng già càng phúc hậu, là người có danh vọng, phên che của trẫm, trẫm rất yêu kính, đều tấn phong 2 tước công làm Quận vương. Hai tước công cho là quốc triều từ khi đại định đến nay, thân công chưa có ai sinh phong quận vương, dâng sớ xin từ. Vua đều không nghe.

Cho nguyên Công bộ Hữu tham tri sung Khâm sai là Trần Văn Tuy đổi bổ thự Hình bộ Tả tham tri kiêm quản ty Thông chính sứ.

Sứ thần (Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Tăng Doãn) tiến 20 tập sách chữ Tây (4 tập *Khung giang bát vật đồ chí*, 3 tập *Lãng sa kỳ đăng hiệu*, 11 tập *Nam Kỳ điều lệ*, 1 tập thuế lệ, 1 tập binh thuyền, trong đó có tập thì tướng nước Pháp tặng, có tập hỏi mua mà quan Tây không lấy tiền). Vua bảo rằng : Đấy thực là có lòng có ích, giao viện giữ cẩn thận, đợi dịch rõ để tiện xem.

Nguyên Tuần phủ Hưng Yên Tôn Thất Đản vì có việc bị tội phải giảo giam hậu. Trước Đản làm quân thứ đại thần bị hặc tội tâu lên vì các khoản nhũng nhiễu, hèn kém, kiêu căng, xa xỉ (Thị sư Lê Tuấn, Thống đốc Hoàng Tá Viêm lần lượt hặc tội tổng cộng 8 khoản : làm nhà riêng, dung túng cho người nhà cho lính hầu sách nhiễu, cho đánh bạc lấy tiền, sớm đêm có trống cấm người đi đứng, ngày sinh nhật sức hàng phố treo đèn, mưu cầu lấy đồ cổ của người ta, đòi lấy tiền đút lót của Suất đội Tân), đã chuẩn cho cách chức, giao Tuần phủ mới là Đặng Xuân Bảng hội đồng với Khoa đạo Nguyễn Duy Chí (nguyên Khâm phái điều tễ) xét nghĩ, tội chỉ phạt trượng và cách chức.

Vua xem án phê rằng : Có phi pháp lắm, cho nên bị người công bằng ngay thẳng đàn hặc, nay án nghĩ khoản nào cũng đều không rõ ràng đích xác, hầu cố ý tha, sao trị 1 người để răn 100 người được. Lại sai thự Công bộ Hữu tham tri Trần Văn Tuy sung làm Khâm sai đi tra xét. Đến nay án thành (3 tội xử cách, 4 tội đồ, 1 tội xử giảo giam hậu), theo một khoản nặng xử giảo giam hậu, đổi theo họ mẹ là Nguyễn Đản, giao phủ Thừa Thiên bắt giam. Còn những viên xét trước vì định án lạo thảo sơ suất, đều bị phạt trượng và cách chức. (Sau Đản lại can án bớt xén để thiếu của kho ở tỉnh, cũng xử giảo giam hậu, tịch biên gia sản để bồi thường. Đến Tự Đức năm thứ 36 mới được tha. Khoảng năm Đồng Khánh lại trở lại là họ Tôn Thất. Sau lại khai phục hàm Biên tu về hưu).

Bọn giặc tràn sang huyện Thạch Hà (thuộc đạo Hà Tĩnh), Khâm phái là Lê Dụ, Đinh Văn Khoa và quan đạo ấy là bọn Mạnh Tuyển, Tô Huân đều chuẩn cho giáng 2 cấp, lưu lại làm việc.

Vua cho là viện Cơ mật và nha Thương bạc việc nhiều, chức trách nặng, chuẩn định từ nay về sau, phàm sung làm Cơ mật viện đại thần và Thương bạc đại thần,

đồng niên đều thêm tiền lương 300 quan, bị giáng, bị phạt được miễn khấu trừ, định làm lệ mãi.

Lại cho Nội các là nơi giữ chức Cơ mật, viện Đô sát là trách nhiệm nghe trông, đều là công việc nhiều, chức trách nặng ; đều chuẩn định thêm lương có thứ bậc, để cho xứng đáng với việc làm (Ấn quan sung làm việc Nội các, đồng niên cấp thêm tiền lương mỗi người 200 quan, trông coi viện Đô sát cấp thêm 150 quan, Khoa đạo mỗi viên đều cấp thêm 100 quan, bị giáng, bị phạt không khấu trừ, định làm lệ mãi). Lại chuẩn cho chức tư nghiệp ở nhà Quốc tử giám, chức Chưởng ấn ở 6 khoa thứ bậc ở trên Lang trung ; Khoa đạo thứ bậc ở trên Viên ngoại lang, một là để trọng chức làm thầy, một là trọng người có trách nhiệm can ngăn.

Định lại việc xét xử chủ thủ để mất tù. (Từ nay phàm án chủ thủ để mất tù, trừ các hạng tù đã có nghị định chém, thắt cổ, phát đi sung quân, lưu, đồ và chưa có nghị định mà thú cung đã rõ, các chứng cớ đã đích xác, đáng phải tội chém, thắt cổ, phát sung quân, lưu, đồ, đều chiểu luật lệ phân xử không kể, còn thì những tên phạm như cung chứng chưa đích xác, tội không thể xét ngay thì chiểu lệ lặc hạn tra xét ; ngoài hạn truy bắt không được thì trước hết đem những người lính cai đề lao để xử ngoài 100 trượng ; người có chức dịch thì cách bãi, người không có chức dịch thì đóng gông 1 tháng, tội do người làm ra phải chịu, còn thì lần lượt giảm dần, nhưng đem đích tên canh giữ để mất tù giam ngay. Lại lặc hạn ủy cho thân nhân tên canh giữ để mất tù ấy đi tìm bắt, đợi tên tù ấy thành án, hoặc án ấy kết đệ mà có đủ các chứng đều cung tên phạm bị mất ấy đáng phải tội gì, thì người đốc canh và phần canh đều chiểu luật lệ nghĩ xử. Hoặc có tình khác ăn tiền lót buông tha, sẽ xử theo luật nặng. Nếu sau cùng vẫn không bắt được, mà nhân chứng lại chưa rõ ràng đích xác, thì lại đem đích danh tên canh giữ để mất sung vào phải khổ sai 2 năm, hết hạn thì tha ra).

Chuẩn cho các tỉnh đạo, thổ dân thuộc hạt có người muốn đi học thì liệu đặt chức dạy học. Trước đấy, dân mới theo về ở tỉnh Bình Thuận là Lê Ngọc Toản đỗ hạch. Vua chuẩn cho vào thi (quan tỉnh tư bộ có nên cho vào thi hay không, vua chuẩn cho vào thi, việc ở tháng 6 năm ngoái), nhân bảo bộ Lễ rằng : Việc học đều phải đặt chức dạy, để cho đổi cả, bộ phải tuân lệnh tư cho các tỉnh, đạo gián hoặc có dân Thổ muốn đi học, xét tâu trả lời. Sau tâu trả lời thì phủ Quỳ Châu ở tỉnh Nghệ An gần đây được 10 người đi thi, và phủ Hải Ninh châu Tiên Yên ở tỉnh Quảng Yên ; 2 phủ Trường Khánh, Trường Định ở Lạng Sơn các thổ dân cũng có người muốn đi học, mới đặt chức giáo thụ ở phủ Quỳ Châu, lấy người đỗ tú tài sung vào chức ấy, để cho có khác với trung châu. Còn các nơi khác lượng đặt tổng giáo để dạy. (Chọn người đỗ tú tài hoặc là học trò ở trong hạt người nào hơi thông văn học, hiểu biết tiếng Kinh, tiếng Thổ, chiểu theo năm Minh Mệnh thứ 19 (mỗi tổng

đặt 1 tổng giáo, dạy bảo con em thổ dân) tùy theo học trò nhiều ít, địa thế xa gần, 1 tổng hoặc 2 tổng đặt 1 tổng giáo, chuyên dạy về chữ nghĩa, lễ phép và tiếng Kinh. Đợi sau 3 năm, học trò thổ dân nhiều thêm lên, học tập hơi tiến, do quan tỉnh ấy xét thực xin bổ chức hàm nhỏ nhặt cho sung làm tổng giáo). Đợi phong hóa văn học dần phấn chấn lên, có nên đặt giáo thụ, huấn đạo sẽ định sau.

Chuẩn cho Khâm phái đại thần Lê Dụ quyền hộ Tổng đốc An - Tĩnh. (Vì cớ Nguyễn Chính chưa đến kịp lỵ sở) bắt phải cùng Bố chính Trần Nhượng, Án sát Lâm Hoành đều chiểu chức sự hết lòng bàn tính làm cho xong việc ngay.

Chẩn cấp cho dân Mán đói ở Bình Thuận.

Định lại lệ truy tặng và cấp tiền tuất cho những người đi đánh bắt giặc nước Thanh, giặc Mán, giặc Thổ, giặc biển bị chết. Từ nay phàm những người đi đánh bắt giặc nước Thanh, giặc Mán, giặc Thổ và giặc biển (dưới cũng vậy), người nào hăng hái tiến lên trước được thắng trận mà bị chết, người có thực hàm thì chiểu lệ trước gia tặng 2 trật chiểu hàm được truy tặng cấp tiền tuất gấp hai. Người hàm lĩnh : từ suất đội trở lên, như lĩnh 1 trật cho thực thụ, hoặc lĩnh 2 - 3 - 4 trật, chỉ truy thu 1 trật, nhưng đều gia tặng 2 trật. Từ đội trưởng thí sai, thự lĩnh suất đội đến cấp bằng đội trưởng, đều cho thực thụ, lại gia tăng 2 trật, chiểu hàm được tặng cấp tiền tuất. Còn người quyền sung như : ngũ trưởng quyền sung đội trưởng, đội trưởng quyền sung suất đội, đều truy tặng 2 trật (như Cấm binh ngũ trưởng tặng Cấm binh chánh đội trưởng ; Cấm binh đội trưởng tặng Tinh binh chánh đội trưởng suất đội ; Tinh binh đội trưởng tặng Cấm binh chánh đội trưởng), nhưng cấp tiền tuất gấp hai. Quản đoàn, suất đoàn người nào có thực hàm (như hưu quan hoặc thiên hộ, bách hộ), chiểu theo lệ người có thực hàm ở trên truy tặng 2 trật. Người nào là cấp bằng thí sinh, đã có phẩm hàm thì chiểu lệ thực thụ mà làm, lại gia tặng 2 trật. Người nào là hương hào vật lực, chưa có phẩm hàm, quản đoàn thì tặng chánh bát phẩm bách hộ ; suất đoàn thì tặng tòng bát phẩm bách hộ ; Cấm binh tặng Cấm binh đội trưởng, Tinh binh tặng Tinh binh đội trưởng ; dân dõng, thủ dõng đều tặng chánh cửu phẩm bách hộ, đều chiểu hàm được tặng cấp tiền tuất.

Các hạng kể trên đều chiểu lệ cho nhiêu ấm (như chánh nhị phẩm cho 1 người, con hoặc em, hoặc cháu được tập ấm làm chánh thất phẩm đội trưởng ; tòng nhị phẩm cho 1 người, con hoặc em, hoặc cháu được tập ấm làm tòng thất phẩm đội trưởng ; chánh tam phẩm cho tập ấm làm chánh bát phẩm bách hộ ; tòng tam phẩm cho tập ấm làm tòng bát phẩm bách hộ ; chánh tòng tứ phẩm cho tập ấm làm chánh cửu phẩm bách hộ ; chánh tòng ngũ phẩm cho tập ấm làm tòng cửu phẩm bách hộ). Lục phẩm trở xuống đều tha cho 1 người, con hoặc em, hoặc cháu suốt đời không phải đi lính, đi phu. Người nào khinh suất tiến lên, nhưng được thắng trận mà bị chết : người có thực hàm thì gia tặng 1 trật, cấp tiền tuất gấp đôi. Còn hàm lĩnh từ

suất đội trở lên, như lĩnh 1 trật thì được thực thụ lĩnh tiền 2 - 4 trật, chỉ truy thụ 1 trật, lại gia tặng 1 trật, từ đội trưởng thí sai, thự, lĩnh suất đội đến cấp bằng đội trưởng, đều cho thực thụ, lại gia tặng 1 trật, còn người quyền sung như : ngũ trưởng quyền sung đội trưởng ; đội trưởng quyền sung suất đội, đều truy tặng 1 trật. (Như Cấm binh ngũ trưởng, tặng Cấm binh đội trưởng, Tinh binh ngũ trưởng tặng Tinh binh đội trưởng, Cấm binh đội trưởng tặng Cấm binh chánh binh đội trưởng, Tinh binh đội trưởng tặng Tinh binh chánh đội trưởng). Quản đoàn, suất đoàn, người nào có thực hàm thì chiểu lệ có thực hàm ở trên truy tặng 1 trật, người nào là cấp bằng thí sai đã có phẩm hàm thì chiểu lệ thực hàm mà làm, lại gia tặng 1 trật, người nào là hương hào vật lực chưa có phẩm hàm thì quản đoàn tặng tòng bát phẩm bách hộ ; suất đoàn tặng chánh cửu phẩm bách hộ, Cấm binh tặng Tinh binh đội trưởng (tòng thất), Tinh binh tặng chánh bát phẩm đội trưởng, dân dõng, thủ dõng đều tặng tòng cửu phẩm bách hộ, đều chiểu hàm tặng cấp tiền tuất gấp hai. Các hạng kể trên cũng chiểu lệ cho nhiêu ấm. (Lệ cũng như trên).

Người nào khinh suất tiến đánh không có lợi mà bị chết, thì người có thực hàm tặng 1 trật, người hàm lĩnh từ suất đội trở lên, như lĩnh 1 trật cho thực thụ, lĩnh đến 2 - 4 trật, chỉ truy 1 trật, lại gia tặng 1 trật, từ đội trưởng thí sai, thí thự, sung lĩnh suất đội, đến cấp bằng đội trưởng đều được thực thụ, lại gia tặng 1 trật, còn về người quyền sung, cũng đều truy tặng 1 trật (trên đã chua rõ). Quản đoàn, suất đoàn người nào có thực hàm, chiểu theo lệ có thực hàm ở trên truy tặng 1 trật, người nào là cấp bằng, thí sai đã có phẩm hàm, thì chiểu lệ thực thụ mà làm, lại gia tặng một bậc, người nào chưa có phẩm hàm, thì quản đoàn tặng tòng bát phẩm bách hộ, suất đoàn tặng chánh cửu phẩm bách hộ, Cấm binh tặng Tinh binh đội trưởng, Tinh binh tặng chánh bát phẩm đội trưởng, dân dõng, thủ dõng đều tặng tòng cửu phẩm bách hộ. Các người kể trên đều chiểu hàm được tặng cấp tiền tuất gấp đôi, đình lệ nhiêu ấm.

- Người nào đi thuyền tuần tiễu bắt giặc cùng chở vật hạng, như gặp có giặc, người nào hăng hái tiến lên đánh, được thắng trận ; người nào khinh suất tiến lên đánh, nhưng được thắng trận ; người nào khinh suất tiến lên, đánh không thắng lợi, mà trong đó có người bị chết thì đều chiểu theo 3 khoản đánh giặc trên bộ bị chết ở trên mà làm. Còn như đi các thuyền hiệu (tuần tiễu bắt giặc, chở vật hạng nặng), nhân gió bị đắm mà chết thì người chưa có thực hàm, truy tặng 1 trật ; người hàm lĩnh từ suất đội trở lên, như lĩnh 1 trật, thì cho thực thụ, lĩnh 2 - 4 trật cũng truy 1 trật, lại gia tặng 1 trật, còn người quyền sung cũng đều truy tặng 1 trật ; quản đoàn, suất đoàn có người thực hàm, thì chiểu lệ thực hàm ở trên, truy tặng 1 trật ; người nào là cấp bằng, thí sai, đã có phẩm hàm thì chiểu lệ thực thụ mà làm, lại gia tặng 1 trật ; người nào chưa có phẩm hàm thì quản đoàn truy tặng chánh cửu phẩm

bách hộ ; suất đoàn tặng tòng cửu phẩm bách hộ ; Cấm binh tặng Tinh binh đội trưởng, Tinh binh tặng chánh bát phẩm đội trưởng, đều chiểu hàm tặng cấp tiền tuất. Dân dõng thủ dõng, đều cấp tiền tuất. Các hạng kể trên, đều không được nhiêu ấm.

- Nhân viên bị cách cho làm việc để chuộc tội, người nào hăng hái tiến đánh được thắng trận mà bị chết, trừ người nào nguyên trước là ấn quan trở lên, tới khi ấy do bộ trình bày được đặc Chỉ không kể, còn thuộc viên người nào, nguyên là chánh tòng tam phẩm thì tặng chánh ngũ phẩm ; nguyên là chánh tòng tứ phẩm thì tặng tòng ngũ phẩm ; nguyên là chánh tòng ngũ phẩm thì tặng chánh lục phẩm ; nguyên là chánh tòng lục phẩm thì tặng chánh thất phẩm ; nguyên là chánh tòng thất phẩm thì tặng chánh bát phẩm ; nguyên là chánh tòng bát phẩm thì tặng chánh cửu phẩm, đều chiểu hàm tặng cấp tiền tuất gấp hai ; nguyên là chánh tòng cửu phẩm đã là thấp kém, đều truy cho nguyên hàm, chiểu hàm cấp tiền tuất, các hạng trên này đều chiểu lệ được nhiêu ấm.

Người nào khinh suất tiến đánh nhưng được thắng trận mà bị chết, thì người nào nguyên chánh tòng tam phẩm, tặng tòng ngũ phẩm ; nguyên chánh tòng tứ phẩm tặng tòng lục phẩm ; nguyên chánh tòng ngũ phẩm tặng chánh thất phẩm ; nguyên chánh tòng lục phẩm tặng chánh bát phẩm ; nguyên chánh tòng thất phẩm tặng tòng bát phẩm, đều chiểu hàm tặng cấp tiền tuất gấp hai, các người kể trên đều chiểu lệ được nhiêu ấm. Nguyên chánh tòng bát phẩm đều tặng chánh cửu phẩm, chiểu hàm tặng cấp tiền tuất ; nguyên chánh tòng cửu phẩm truy cho nguyên hàm cấp tiền tuất, đều không được nhiêu ấm.

Người nào khinh suất tiến đánh không được lợi mà bị chết thì người nào nguyên là chánh tòng tam phẩm tặng tòng lục phẩm ; nguyên chánh tòng tứ phẩm tặng chánh thất phẩm ; nguyên chánh tòng ngũ phẩm tặng chánh bát phẩm ; nguyên chánh tòng lục phẩm tặng tòng bát phẩm ; nguyên chánh tòng thất phẩm tặng chánh cửu phẩm, đều chiểu hàm tặng cấp tiền tuất gấp hai : nguyên chánh tòng bát phẩm tặng chánh cửu phẩm, chiểu hàm tặng cấp tiền tuất, nguyên chánh tòng cửu phẩm truy cho nguyên hàm cấp tiền tuất, đều không được nhiêu ấm.

Lại các nhân viên ấy theo đi quân thứ lâu ngày không may bị ốm chết, mà dưới chỗ tên trong sổ hiện chua là có thực trạng bắt, chém, đâm, bắn được giặc, thì chiểu theo người không lợi bị chết và viên phải cách ở khoản trên mà tặng và cấp tuất giống như thế, nếu không có thực trạng, đều chiểu lệ binh đinh cấp tiền tuất. (Tiền 8 quan, vải nửa tấm), trong đó ai nguyên trước vẫn có công trạng, trích ra tâu lên xin Chỉ.

- Điển ty các quân, người nào hăng hái tiến lên, được thắng trận mà bị chết, thì nguyên hàm chánh bát phẩm tặng chánh thất phẩm tri bạ ; tòng bát phẩm tặng

tòng thất phẩm tri bạ ; nguyên tòng cửu phẩm tặng tòng bát phẩm điển ty (thế là đều 2 trật). Người nào khinh suất tiến lên nhưng được thắng trận mà bị chết, thì nguyên hàm chánh bát phẩm tặng tòng thất phẩm tri bạ, nguyên tòng bát phẩm tặng chánh bát phẩm điển ty ; nguyên chánh cửu phẩm tặng tòng bát phẩm điển ty ; nguyên tòng cửu phẩm tặng chánh cửu phẩm điển ty (thế là đều 1 trật), đều chiểu hàm tặng cấp tiền tuất gấp hai ; nhưng đều chiểu lệ được nhiêu ấm. Người nào khinh suất tiến lên không lợi mà bị chết, thì nguyên hàm chánh bát phẩm tặng tòng thất phẩm tri bạ ; nguyên tòng bát phẩm tặng chánh bát phẩm điển ty ; nguyên chánh cửu phẩm điển ty tặng tòng bát phẩm điển ty ; nguyên tòng cửu phẩm điển ty tặng chánh cửu phẩm điển ty ; đều chiểu hàm tặng mà cấp tiền tuất gấp hai, không được nhiêu ấm.

- Vị nhập lưu thư lại ở các quân người nào hăng hái tiến lên được thắng trận mà bị chết thì tặng chánh cửu phẩm thư lại ở dinh, vệ, cơ, đội ấy chiểu hàm tặng mà cấp tiền tuất ; người nào khinh suất tiến lên nhưng được thắng trận mà bị chết, thì tặng tòng cửu phẩm thư lại ở dinh, vệ, cơ, đội ấy, chiểu hàm tặng mà cấp tiền tuất, các hạng kể trên đều chiểu lệ được nhiêu ấm. Người nào khinh suất tiến lên không lợi mà bị chết, thì tặng tòng cửu phẩm thư lại ở dinh, vệ, cơ, đội ấy, chiểu hàm tặng cấp tiền tuất gấp hai, không được nhiêu nam.

- Quyền quản, quyền suất quân mộ, người nào hăng hái tiến đánh thắng trận mà bị chết, thì người nào nguyên có thực trạng bắt, chém, đâm, bắn được giặc, chiểu lệ mộ mà truy tặng. (Mộ 500 tên tặng quản cơ, 400 tên tặng phó quản cơ, 300 tên tặng Cấm binh cai đội, 200 tên tặng Tinh binh cai đội ; mộ 50 tên trở lên tặng chánh lục phẩm suất đội ; 40 tên tặng tòng lục phẩm suất đội ; 30 tên tặng chánh thất phẩm đội trưởng ; 20 tên tặng tòng thất phẩm đội trưởng), người nào nguyên không có thực trạng bắt, chém, đâm, bắn giặc, thì chiểu lệ mộ đều giảm hai bậc truy tặng (như loại mộ 500 tên giảm xuống tặng chánh ngũ phẩm cai đội, dưới cũng thế). Người nào khinh suất tiến lên, nhưng được thắng trận mà bị chết, thì người nào nguyên có thực trạng bắt, chém, đâm, bắn được giặc, đều truy tặng kém 3 bậc (như loại mộ 500 tên, giảm xuống tặng tòng ngũ phẩm cai đội, dưới cũng thế). Các hạng người trên này đều chiểu lệ được nhiêu ấm. Người nào khinh suất tiến lên đánh không lợi mà bị chết, thì người nào nguyên có thực trạng bắt, chém, đâm, bắn giặc thì chiểu lệ mộ truy tặng đều giảm 3 bậc, người nào nguyên không có thực trạng bắt, chém, đâm, bắn giặc, thì chiểu lệ mộ truy tặng đều giảm 4 bậc. (Như loại mộ 500 tên giảm xuống tặng chánh lục phẩm suất đội), đều chiểu hàm tặng cấp tiền tuất gấp hai ; nhưng đều không được nhiêu ấm.

Còn như các người ấy bị ốm chết, người nào ứng mộ đã được 3 tháng trở lên, mà dưới chỗ biên tên trong sổ có ghi thực trạng bắt, chém được giặc, thì chiểu lệ

mộ truy tặng. Ứng mộ từ 3 tháng trở lên đều có từng theo đi bắt giặc, mà không có thực trạng bắt chém, thì chiểu lệ mộ truy tặng kém 2 bậc, ứng mộ 3 tháng trở lên không có thực trạng bắt, chém được giặc mà chỉ là canh phòng ngăn chặn ở trong hạt, thì truy tặng kém đi 4 bậc, đều chiểu phẩm cấp tiền tuất. Như có tự biện khí giới lương thực, thì được tiền tuất gấp hai và chưa được 3 tháng lại đều giảm 1 bậc).

Định lại lệ thưởng cho đồn ải bắt được tù phạm trốn, lính trốn.

(Từ nay về sau, phàm bắt được người đi làm việc chuộc tội và tù phát đi quân, lưu, đồ, binh bỏ trốn, là tái phạm thì mỗi tên phạm thưởng cho người bắt được 10 quan (nguyên trước 6 quan), còn trốn mà không phải tái phạm, thì tên nào là làm việc chuộc tội và tù quân, lưu thì được thưởng 6 quan (nguyên trước 4 quan), tên nào là tù tội đồ và làm binh thì được thưởng 4 quan (nguyên trước 2 quan), phàm binh đinh trốn tránh, xét hỏi bắt được giải nộp, thì được thưởng 6 quan (nguyên trước 3 quan).

Lương thực của quân ở tỉnh Tuyên Quang bị thiếu hết, biền binh phần nhiều ốm chết trốn đi (hơn 500 người trốn, 300 người chết), quan tỉnh ấy đem việc ấy tâu lên, vua bảo rằng : Bọn Thống đốc, Tham tán ở Tam Tuyên nhất vị điềm nhiên ngồi trông, không cứu giúp chẩn cấp ngay, lỗi không thể chối được. Trẫm nghĩ giặc ở biên giới chưa quét sạch, gia ơn giáng 4 cấp lưu, đều phải tùy thế phái vận tải lương thực, để giúp khi cấp bách.

Quan ở quân thứ là bọn Hoàng Tá Viêm đánh được giặc Hoàng Anh ở An Lâm (địa phận huyện Lập Thạch, tỉnh Sơn Tây), tin thắng trận tâu lên, vua bảo rằng : Quan ở nơi quân thứ tiết chế nghiêm ngặt, điều khiển được thích hợp, đáng lẽ phải trọng thưởng ngay, nhưng tỉnh Tuyên Quang lương quân hết đã lâu, thường đốc sức không được việc, chưa có thể lấy công trừ lỗi được, phải đem thực trạng làm xong việc cấp ở Tuyên Quang tâu lên ngay, sẽ bàn thưởng công sau.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. (Lê Thanh Danh, Nguyễn Văn Bản, Dương Đức Hóa, Nguyễn Văn Khánh ở tỉnh Quảng Nam ; Trần Văn Kiểm, Đào Văn Luyện, Hoàng Văn Hao ở tỉnh Quảng Ngãi).

Lại thông sức cho các địa phương, từ nay về sau, phàm thường dân nước Thanh có ai muốn ở lại, nhiều người thì do bang trưởng ghi tên vào sổ cấp phiếu ; ít người thì do lý trưởng nhận thực cho vào sổ riêng ; vì cớ người nước Thanh trú ngụ ở nước ta, sổ ngạch không phân minh.

Vua rước Hoàng thái hậu đi chơi cửa biển Thuận An nghỉ mát mùa hạ và xem bờ biển, duyệt quân canh phòng ở biển 5 ngày về cung.

Trước đây Tổng đốc Nghệ An là Tôn Thất Triệt tâu nói về công việc kinh lý ở miền thượng du nói : khuyết chức phòng ngữ ở phủ Trấn Ninh, xin chuẩn cho Thiều Ứng

thăng lĩnh. Lại cho viên tri phủ con em và cháu của Thiều Ứng mộ người khai khẩn, nếu có hiệu quả thì cho chức, hàm, nói : xin dời phủ Trương Dương đến xã Xá Lượng, huyện Kỳ Sơn, lại mở trường giao dịch, do viên phủ ấy nghiêm sức người buôn dân Kinh, không được quấy nhiễu dọa nạt, đến nay bộ đem tập ấy dâng lên. Vua cho là phải, cho Tổng đốc mới xét kỹ làm cho thỏa đáng, cốt có thành hiệu không có lệ.

Chuẩn cho bổ Nguyễn Văn Hùng (Chưởng vệ) làm Đề đốc quân thứ Bắc Ninh.

Khi ấy phái viên nước Pháp là Lê Na dời đến đóng ở Hải Dương, (nguyên trước đóng ở Hà Nội) đưa thư xin sao và giao cho án xử chém của 4 tỉnh (các án từ tháng chạp năm ngoái đến tháng 2, nhân dân các tỉnh bị xử chém), quan ở Cơ mật viện và nha Thương bạc tâu nói : Phái viên nước Pháp chuyên coi việc buôn bán, lại muốn lấn quyền, xin giữ lễ bác đi. Vua khen là phải.

Tướng giặc là Trần Quang Cán uỷ bè lũ của hắn là Nguyễn Vĩnh Khanh hợp với giặc Man là Trương Quang Thủ đánh vây thành đạo Hà Tĩnh, nhân thế Nguyễn Huy Điển thoát ra được, cùng nhau chiếm giữ thành ấy. Khâm phái là Đinh Văn Khoa, Quản đạo là Mạnh Tuyển, Lãnh binh là Lê Văn Thất bị chết, Phó quản đạo là Tô Huân bị bắt (sau khi Đinh Văn Khoa chiểu hàm Quang lộc Tự khanh cấp tiền tuất Mạnh Tuyển, Lê Văn Nhất đều giáng 1 trật cấp tiền tuất. Tô Huân bị cách bãi).

Việc ấy tâu lên, vua sai Lễ bộ Thượng thư Lê Bá Thận sung Khâm sai đại thần, Chưởng vệ Nguyễn Đình Khoa sung Khâm phái, đem 500 quân đi đánh. Rồi cho Cấm binh Vệ úy quyền Chưởng dinh Tiền phong kiêm Chưởng dinh Vũ lâm Tả dực là Lê Bình sung làm Đề đốc quân thứ (2 dinh ấy chuẩn cho giao Phó vệ úy Tôn Thất Phê tạm trông coi, đợi Bình về lại thôi, vẫn như cũ), Nguyễn Đình Khoa đổi sung làm Phó đề đốc, Lang trung Phạm Tiến sung làm Tán tương, đem 1.000 quân ở Kinh đến tỉnh Quảng Bình đóng để trấn áp.

Chuẩn cho thự Lại bộ Thượng thư Nguyễn Tư Giản kiêm coi bộ Lễ.

Thống đốc đại thần ở Nghệ An là Hồ Oai ốm nặng. Vua chuẩn cho ban sâm, quế của vua dùng, sai thị vệ mang đi để cấp cho.

Bọn quyền Tổng đốc An - Tĩnh Lê Dụ, Đề đốc Lê Thập, Tham tán Chu Đình Kế vâng mệnh phái đi làm không được việc. Thập giáng làm Vệ úy, Kế đổi sung làm Tán lý, còn Lê Dụ đặt cách chuẩn cho về Kinh đợi Chỉ. (Sau giáng làm Quang lộc Tự khanh Biện lý bộ Hộ).

Vua đi chơi núi Thúy Vân và cửa biển Tư Hiền xem việc canh phòng bờ biển, 5 ngày về cung.

Vua cho là việc cơ mật phần nhiều tiết lộ, giáng Dụ : Sai việc cơ mật quan yếu, chuyên do đại thần tự làm, sau khi được Chỉ, cũng phong kín đánh dấu giữ cẩn thận, chớ cho thuộc viên ở viện dự biết chút nào, lục sức đến nha nào, tỉnh nào, cũng chỉ do chính tay đường quan thân hành nhận làm, ngoài ra như việc thăng bổ giáng phạt tất cả việc thường có lẫn vào, thì sau khi được Chỉ, phải đem lục sức ngay, nhưng do quan ứng trực ở các bộ xét và đối chiếu, để không bỏ sót và lầm lẫn, nếu trái lệnh để tiết lộ thì có lỗi.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LI*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Giáp Tuất, Tự Đức năm thứ 27 [1874], mùa hạ, tháng 5. Vua bảo bộ Công rằng : Trước đây trẫm lên núi Thúy Vân trông thấy từ đồn Vinh Hòa trở ra phía ngoài một dải đê cát rất mỏng mảnh, có chỗ như đường quai nhỏ, cho nên năm trước gặp lụt có chỗ bị vỡ, nên sức cho giám thành theo từng đoạn đo ngang đến cửa biển, các chỗ rộng, hẹp viết vào đồ bản tiến lên. (Vinh Hòa là tên đồn ở cửa biển Tư Hòa).

Chuẩn định ngày nghỉ làm việc cho các sở thợ ở Kinh. (Tiết Đoan dương nghỉ 1 ngày chính, tiết Thánh thọ, tiết Vạn thọ đều nghỉ 2 ngày (trước ngày chính 1 ngày), tiết Nguyên đán nghỉ từ 28 tháng chạp đến ngày 8 tháng giêng mới làm việc, định làm lệ lâu dài).

Sai Hoàng Tá Viêm phái đi mua chè Vân, liệu cấp cho đoàn quân của Lương Văn Quang, Lưu Vĩnh Phúc.

Bọn Hoàng Tá Viêm đánh lấy lại được thành phủ Đoan Hùng, giặc chiếm giữ thành ấy chạy trốn, (Hoàng Anh rút về An Long, Bạch Quế Hương rút về Đại Đồng) bèn đem binh thuyền các đạo tiến đánh đến thành tỉnh Tuyên Quang để trấn áp.

Sai đem chở tiền, gạo ở tỉnh Nam Định, Hưng Yên, Ninh Bình mỗi thứ 150.000 đưa về Kinh để đủ chi ra. (Về tiền : Ninh Bình 50.000, Nam Định 100.000. Về gạo : Hưng Yên, Ninh Bình mỗi tỉnh 30.000, Nam Định 90.000).

Cho tạm hàm Tham tri sung như Tây phó sứ Nguyễn Văn Tường làm Hình bộ Thượng thư (trước đây Nguyễn Bỉnh về hưu trí, ấn triện chuẩn giao cho Tham tri trở xuống tạm giữ, đến nay mới được chọn bổ) sung Cơ mật viện đại thần, tấn phong Kỳ Vĩ bá cho Trần Tiễn Thành là Hiệp biện Đại học sĩ thăng thụ Văn Minh điện Đại học sĩ kiêm hàm sung như cũ. (Tiễn Thành nguyên trước cử Văn Tường, mùa đông năm ngoái giảng giải lấy về 4 tỉnh, cho nên đều được thăng lên).

Kỳ thi Hương về văn và võ ở 2 trường Hà Nội, Nam Định, trước cho hoãn đến tháng 7, tháng 8 năm nay cử hành, đến nay vì tỉnh Hà Tĩnh có việc, đường trạm chưa thông, lại triển hoãn đến tháng 10 (thi văn) tháng 11 (thi võ).

Vua cho là tướng giặc ở Nghệ An mờ tối ngoan cố, kẻ ùa theo lại phần nhiều bị mê hoặc ; nhân xuống Dụ rằng : Triều đình làm việc, châm trước việc đời, sĩ dân chưa mất hết lương tâm, nên phải hối cải ngay, chớ theo làm việc trái phép, nếu bắt sống được tên Tấn, tên Cán, tức thì được trọng thưởng (bạc 1.000 lạng, cho quan Tứ phẩm), quan quân đi đến đâu phàm kẻ cầm khí giới chống cự lại quan thì giết không tha, nếu đã đem giáo mác đầu hàng, thì không hỏi tội.

Thưởng cấp cho các xã dân quyên giúp đồ dùng của quân ở tỉnh Hà Nội có thứ bậc. (Bốn xã Đông Ngạc, Hạ Xá, Thượng Hội, Nghĩa Đô, đều thưởng mỗi xã một tấm biển có khắc 4 chữ "Mỹ tục khả phong". Các làng Đại Mỗ 24 xã đều khoản cấp rượu, thịt và gạo nếp).

Giặc biển ở tỉnh Hải Dương đột nhập trong sông cướp lấy 2 chiếc thuyền Trường long rồi trốn đi, lại sức cho quan Tuần phủ Hồ Trọng Đĩnh dò thám đánh giết cho hết giặc biển.

Trích bạc kho (2.000 lạng) giao cho Nguyễn Huy Côn là Khâm phái tàu Đằng Huy đến Hương Cảng mua súng nước Tây để dùng.

Viện Cơ mật và quan thái giám vì truyền sắc, phụng sắc sai lầm, đều bị phạt. Khi ấy người Pháp ở thuyền xin đến nhà đạo, quan ở viện là Lê Bá Thận đem việc ấy nhờ tâu lên. Vua sai thái giám Nguyễn Túc truyền sắc chuẩn cho đi, đến khi viện phụng sắc lại gia thêm một câu.

(Trước nha Hải Phòng tư cho bộ Lễ nói : 2 tên người Pháp ở thuyền xin đến nhà đạo Kim Long, có nên theo lời xin phái dẫn hay không. Bộ đem tờ tư ấy trình quan ở viện xét. Lê Bá Thận liền chiểu tờ tư gửi tâu lên. Sau thái giám Nguyễn Túc truyền phụng sắc : Cứ bộ Lễ gửi tâu, vào 2 tên người Pháp ở thuyền là La Căn và Đan Phì xin đến nhà thờ đạo Kim Long hỏi thêm được chuẩn y cho đi. Viện ấy sức cho Viên ngoại lang là Đồng Sĩ Vịnh sao ra giao cho thi hành, trong đó có thêm vào câu "nhưng giao cho phủ Thừa Thiên phái người dân đi"). Vua cho là lời nói ở sắc Chỉ là quan trọng, lại sai lầm như thế, việc chớm có ấy không thể để cho thêm ra,

giao cho quan Nội các xét nghĩ, 2 bên đổ lẫn cho nhau, Nội các thần không thể quyết được. (Tâu nói : Nguyễn Túc khai rằng không có truyền những lời ấy. Sĩ Vịnh thì nói rằng không dám tự ý thêm vào, người này nói có, người kia nói không, không thể theo vào đâu mà nghĩ định được. Vậy lượng cho trừng phạt, xin đợi Chỉ quyết định).

Vua bảo rằng : Đương lúc có nhiều việc cần dùng người cũ, không nỡ ruồng bỏ ngay, tạm khoan tha trừng phạt qua loa 1 lần, Lê Bá Thận cho giáng 4 cấp lưu, Đồng Sĩ Vịnh giáng 2 cấp lưu, 4 đại thần cùng viện đã nói rằng cùng nghe thấy cũng khó chối được lỗi, đều giáng 1 cấp lưu, Nguyễn Túc truyền nhận không cẩn thận, cho túc vệ lập tức đánh ngay 80 trượng, để răn sau này. Từ nay về sau, nếu phàm trái phép đều trừng trị theo như pháp luật. Phàm các quan lớn nhỏ chỉ biết sợ phép giữ phép, thì không việc gì là không làm xong, cũng có thể khỏi được lỗi lớn, không thế thì là trái đạo.

Trước đây, nha Đê chính coi giữ nước sông, đã lâu không có công trạng gì, các hạng của công chi ra đã chuẩn cho bắt bồi, (các năm Tự Đức thứ 11 đến năm thứ 14, tiền gạo công tư đã chi đến hơn trăm vạn, trừ đã được khoan tha ra, còn bắt bồi là 309.165 quan tiền, 101.709 phương gạo), sau đều chưa thể nộp bồi được, đến nay đình thần đem sự trạng nha ấy coi giữ nước sông và việc làm không xong việc tâu bày. (Nói sau khi sông Chiêm Đức đã sửa sang, đê sông gián hoặc có xói vỡ, nhưng nước sông Nhĩ Hà đã được chia dòng chảy đi, so với năm thứ 9, thứ 10 trước đây, tai hại về nước sông 10 phần đã bớt được 7 - 8 phần. Lại năm thứ 13, thứ 14 ở Đà Nẵng có việc ; Bắc Kỳ nhân đấy phải phòng giữ nghiêm ngặt nhọc tốn ; về việc đê chỉ vá đắp ít chút, mà nên cao rộng thêm, không dám tâu xin hưng công. Sau rồi giặc ở tỉnh Đông nhiễu loạn, Nguyễn Tư Giản được phái làm Tham biện quân vụ ở Hải An, nha Đê chính bãi bỏ, mới không làm xong được việc).

Vua bảo rằng : Năm thứ 14 bãi nha ấy, sau năm thứ 19 mới vỡ, thì không làm xong việc đã mưu tính, đều có thể tha thứ, nhưng làm thử đã 3 - 4 năm mà không thành công, cũng khó khỏi lỗi không có tài năng. Nay còn phải bồi bao nhiêu, lại miễn cho 5 thành (tiền hơn 154.582 quan, gạo hơn 50.850 phương), còn 5 thành chiểu theo năm tháng lâu, chóng chia nhau phải bồi. (Nguyên án trước, đường quan bồi 6 thành, thuộc viên bồi 4 thành) do bộ Hình cho hạn nộp đủ. (Nguyên Quản lý Vũ Trọng Bình, Hiệp lý Nguyễn Tư Giản, Tham biện Nguyễn Văn Vĩ và Viên ngoại lang trước là Hà Văn Trung, Chủ sự Hoàng Tạo đã chết, Tư vụ Trần Đức Phác đã chết, Chủ sự Nguyễn Địch Cát đã chết ; Chủ sự Lê Đản, Tư vụ Đặng Phác đã chết, Chủ sự Phan Huân đã chết, Tư vụ Tống Hữu Trí đều phải chia nhau bồi thường, người nào chết thì sức cho vợ con người ấy phải bồi. Trong đó có Hoàng Tạo, Đặng Phác đều chết vì việc nước được miễn).

Khi ấy bọn giặc ở Hà Tĩnh, Nghệ An lấy sơn man làm nơi sào huyệt đi về, cho Khâm sai Lê Bá Thận đổi sung làm Thống đốc, Thống chế Vũ Lã làm Hiệp đốc, Tham tri Nguyễn Văn Thúy làm Hiệp tán, sung Biện các vụ Trần Văn Chuẩn làm Tán lý, cai quản đem thuyền quân đến sông Linh Giang đóng giữ đánh dẹp, quan ở quân thứ Tĩnh man là Đỗ Đệ đem 1.000 quân Man đánh ngay ở đường núi Hoành Sơn.

Vua cho là tỉnh Quảng Bình việc canh phòng đánh dẹp, giải vận bận rộn lắm. Bèn lấy Lại bộ Thị lang sung Biện các vụ Trần Hy Tăng làm Tuần phủ Bình - Trị để trông coi việc ấy (chuyên đóng ở Quảng Bình).

Mùa hạ năm ấy, tỉnh Quảng Ngãi được mùa to, các địa phương khác gián hoặc có tổn hại, thì thuế lệ đều chiểu hạng tha giảm có thứ bậc.

Trước đấy tỉnh Hà Nội có việc, các phủ, huyện kế tiếp nhau thất thủ, chỉ có Tri phủ Ứng Hòa Phan Đức Trạch bám lấy thành cố giữ, Tri huyện Hoài An là Nguyễn Trọng Ấn cùng hợp sức chiêu tập quân lính phòng giữ đánh dẹp. Vua sai nêu thưởng. (Phan Đức Trạch cho hàm Thị độc, Nguyễn Trọng Ấn được bổ Tri phủ và thưởng mỗi người 1 cái kim khánh bằng vàng tía có chữ kỷ công).

Bộ Binh tâu nói : Các hạng biền binh, gần đây phần nhiều phái ra ngoài, xin liệu dồn võ học sinh ước hơn 300 người, chọn người có kỹ nghệ hơi giỏi làm quản suất, cấp khí giới lương thực cho thao diễn, để phòng sai phái. Vua y cho.

Vua cho là Lê Bá Thận mang quân đi đã quá một tháng, lần chần mãi không tiến lên ; bèn sai Hình bộ Thượng thư Nguyễn Văn Tường sung chức Khâm sai đến quân thứ Quảng Bình cùng với Bá Thận bàn tính việc phòng giữ đánh dẹp.

Khi ấy đường chạy trạm ở Nghệ An, Hà Tĩnh ngăn trở từ Thanh Hóa trở ra Bắc, tin tức không biết, nhân dụ các quan quân thứ và các quan tỉnh : Phàm có công việc quan trọng khẩn cấp, phải phát đến tỉnh Thanh Hóa, phải bắt viên coi thuyền quản nhận, đi đường biển đệ đến Quảng Bình, chuyển giao cho trạm đệ đi cho được đến nhanh, bất nhật thông với Thanh Hóa lại chiếu lệ mà làm việc.

Chuẩn cho Nguyễn Trực (Thông phán tỉnh Khánh Hòa) làm Lang trung bộ Binh, Lê Hữu Huân (lại mục phủ Ninh Hóa) làm Tri huyện, Nguyễn Văn Hội (học sinh) hàm Chánh cửu phẩm. Khi ấy Điển nông sứ tỉnh Bình Thuận là Phan Trung tâu nói : Bọn Trực có tiết tháo liêm chính, hiếu hạnh đáng khen. Vua mới cất nhắc lên. (Bọn Trực đều là người trong Nam).

Tháng 6, vua bảo bộ Công rằng : Làm cho trăm thợ vui lòng đến, là một đầu mối lớn của chính thể vương giả ; huống chi nay đương cần kỹ nghệ, há chịu thua người, không nghĩ tự phấn chấn lên ; nhiều lần xuống Dụ, xét cử người am hiểu tinh khéo, toàn không hưởng ứng, đặt ra 4 người quản biện ở sở Đốc công, Vũ khố,

chỉ làm việc giấy tờ, toàn không có kỹ nghệ, thì sao trông coi được. Thế là quan ở bộ đã không có tài năng lại che lấp người có tài, có thể gọi là đương quan ngồi làm vì, cho giáng ngay 2 cấp, lưu, để được chọn cử kỹ càng hơn.

Bộ Lễ tâu nói : Quan tỉnh Quảng Ngãi tư rằng : Gần đây mưa ít, nắng nhiều, việc làm ruộng không tiện lợi.

Vua bảo rằng chức trách chăn nuôi dân để đâu ? Đã nói rằng không tiện lợi, mà lại cứ im lặng, tư cho tỉnh ấy xét quả nên cầu đảo, thì phải tâu ngay mà làm. Lại sắc cho từ nay trở đi, phàm hạt nào, ít mưa, việc làm ruộng không được tiện lợi, không chịu cầu đảo ngay thì đều quở phạt.

Trước đây, 4 tỉnh thất thủ, lần lượt giao đình thần làm án nghĩ xử. Đến khi xét xong án về tỉnh Hà Nội, tiến lên vua xem. Vua cho là việc án là việc trọng đại, rất quan hệ đến lẽ phải của nước và tiết nghĩa của bề tôi, thế mà coi thường phần nhiều giảm nhẹ, (nguyên nghĩ xử : Thự đốc Bùi Thức Kiên phải trảm giam hậu và tước bỏ tên ở bia, sổ Tiến sĩ ; Đại thần Nguyễn Tri Phương cách mất chức hàm, còn án trảm giam hậu mãi ; Đề đốc Đặng Văn Siêu phải trảm giam hậu ; Bố chính Vũ Đường, Lãnh binh Nguyễn Đăng Nghiễm, Phó lãnh binh Lê Tiến Khoa xử giảm xuống phải phạt trượng và phát lưu ; Phó lãnh binh Nguyễn Khắc Uy lại giảm xuống phải tội trượng, đồ ; lĩnh Án sát Tôn Thất Trác lại giảm xuống phải phạt trượng, cách chức cho làm việc chuộc tội ; Khâm phái Phan Đình Bình phải cách chức trả lại nguyên chức Tiến sĩ), chưa là xứng đáng, lại giao nghị lại và giao cả án ở tỉnh Lạng Sơn năm trước, sai châm chước điển cố, cân nhắc sự thế, nghĩ xử tâu lên tất cả, đợi Chỉ quyết định.

Đến nay nghị dâng lên. Vua mở xem phê bảo rằng : Người làm vua giữ phép lớn khuyên răn, để cai trị trăm quan chỉ cốt rất ngay thẳng, rất công bằng, không lấy luật pháp mà hại đến ơn tình, không lấy ơn tình mà che lấp pháp luật, cho nên người chết về việc nước thì có thờ tự, người để mất đất thì có luật pháp, đời xưa có điều lệ rõ ràng. Trẫm nay xem 2 án ấy, cân nhắc hai, ba lần, cần cho được vừa phải, Nguyễn Tri Phương là quan to, nhận trách nhiệm coi giữ một địa phương, khi ấy dời đóng ở Hà Nội, không biết dự phòng trước khi có việc, nói về chủ trương sai khiến tất cả các việc, đáng phải cách mất chức hàm, còn để án trảm hậu mãi, nhưng nghĩ viên đã chết ấy suốt đời trung thành dũng cảm, trẫm đã xét biết, cả nhà có tiết nghĩa, khó nhọc từ trước đến sau, so với Bùi Thức Kiên, cầu sống tạm không có công trạng gì thì khác xa, hãy gia ơn tạm cho khai phục Binh bộ Tả tham tri và tước bá được trước (trước vì có công dẹp giặc Man, phong là Tráng Liệt bá) không phải lấy lại. Còn như Bùi Thức Kiên, chính mình làm Tổng đốc, thế mà trước không biết xem cơ hội xếp đặt, sau lại chịu nhẫn nhục để sống cho qua, rất là đáng giận một cách lạ lùng, cho xử trảm giam hậu và tước bỏ tên ở bia, sổ Tiến sĩ ; bọn Đề đốc

Đặng Văn Siêu, Bố chính Vũ Đường, Lãnh binh Nguyễn Đăng Nghiễm, Phó lãnh binh Lê Tiến Khoa không biết hợp sức cố giữ, tội cùng như nhau, cũng đều xử trảm giam hậu ; Phan Đình Bình vâng lệnh phái đi không tính toán chút nào, hiện chuẩn cho cách chức, làm việc chuộc tội, đã là may lắm ; Phó lãnh binh Nguyễn Khắc Uy là ở quân thứ tỉnh Tuyên Quang chọn phái đi, không ví như người chuyên có trách nhiệm giữ thành, giảm xuống xử đánh 100 trượng, đồ 3 năm ; Án sát Tôn Thất Trác đốc thúc chống cự bị thương, rồi lại đến Sơn Tây làm việc sai phái, hơi biết sợ tội hối lỗi, giảm xuống xử phạt trượng và cách chức, nhưng đều chuẩn cho theo quân thứ để sai phái, đợi xem hiệu quả, không được lạm cấp chức hàm, còn thì y lời đình thần nghị xử. Còn về việc án ở tỉnh Lạng Sơn, các quan lần lượt bị lỗi như : Vũ Trọng Bình, Đặng Toán, Ông Ích Khiêm, Đinh Hội, Lê Văn Trinh, Nguyễn Văn Tường, Hoàng Tướng Hiệp, hoặc chuẩn cho hàm tạm làm việc, hoặc cho cách chức lưu lại làm việc, đấy là lúc ấy nhiều việc cần phải suy ân, để xem hiệu quả về sau, chỉ có Đoàn Thọ, chính mình làm Thủ tướng, lại lỗi về sơ phòng, bỗng chốc sinh ra biến cố, tội ấy cố nhiên khó chối được, nhưng tên ấy là quan võ, đương lúc bọn giặc đánh úp ấy, lại biết đem Lãnh binh Lê Văn Dã liều chết chống đánh, tiết nghĩa thực đáng khen, chuẩn cho đổi làm Trung quân Đô thống (nguyên trước là Trung quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự). Chiểu hàm cấp tiền tuất và cấp thêm cho 1.000 quan tiền để lập đền thờ ở nhà ; Lê Văn Dã chức thấp hơi khác, chuẩn cho truy tặng hàm Chưởng vệ, chiểu theo hàm tặng cấp tiền tuất, hai án ấy, trẫm đã hết lòng vì bầy tôi nêu tiết nghĩa, vì nước trù tính kỹ, trong đó không có kẻ hơn người kém chút nào, phàm người có lương tâm đều nên coi đấy làm gương mà răn chừa. Sau việc án ở 3 tỉnh Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định làm xong (phân biệt xử về tội lưu, tội đồ), tiếp tục tiến lên.

Vua bảo rằng : Việc án nặng như thế, lại dám xử nhẹ, thì việc khác còn có thể xét hỏi xử ư ? Thuyền nước Pháp đến đã lâu, thành Hà Nội thất thủ cũng đã hàng tuần hàng tháng, các quan thực biết phòng bị trước, thì đâu đến nỗi khổ cực như thế. Huống chi thành trì, dinh thự tổn hại ít, mà quan, viên không một ai chết hay bị thương, so với người đời xưa thế cùng sức kém, còn biết chết vì tiết nghĩa, cũng rất không sánh được, nay hết thảy không một người nào xử bằng phép nặng, thì sao răn bảo sâu xa được và luật thất thủ, tội chỉ đến giam hậu đã thấy chưa đủ che được tội lưu, tội đồ, thế là luật lệ gì, bác đi, giao nghĩ xử lại, để cho rất thích đáng.

Rồi lại nghị tâu lên, vua lại châm chước nhẹ nặng, thân tự quyết định, cho tội danh được chính. Án của tỉnh Hải Dương, nguyên trước nghĩ xử : Hộ đốc Lê Hữu Thường, quyền Tuần phủ Đặng Xuân Bảng ; Bố chính Nguyễn Hữu Chính, Án sát Nguyễn Đại, Chánh - Phó lãnh binh Lê Văn Danh, Nguyễn Đắc Danh, Hoàng Cù, Nguyễn Văn Chư, Đặng Duy Ngọ, Đoàn Huyền, Hải phòng sứ Nguyễn Duy Tự,

Nguyễn Lệ Trạch đều xử trảm giam hậu ; Phó lãnh binh Nguyễn Quý Lợi (nguyên phái đi tuần bắt giặc, tới khi nghe tỉnh thành thất thủ, lẻn trốn vào nhà dân), xử cách chức cho làm việc chuộc tội. Được chuẩn cho Nguyễn Văn Chư (sau khi việc xảy ra, còn biết đem quân theo sai phái rất có công lao) và Đặng Duy Ngọ, Đoàn Huyền (đều là dẫn phái binh đi đóng đồn), Nguyễn Duy Tự, Nguyễn Lệ Trạch (sau khi việc xảy ra hoặc quyền coi việc tỉnh, vỗ yên dân địa phương, hoặc vâng phái đi tuần tiễu, thu được súng và khí giới), còn có thể tha thứ một chút, đều cách chức, phát giao cho quân thứ Bắc Ninh, Thái Nguyên để làm việc chuộc tội. Việc án ở tỉnh Ninh Bình, nguyên nghĩ xử : Hộ phủ Nguyễn Thứ, Án sát Phạm Đăng Tuấn, Chánh, Phó lãnh binh Nguyễn Văn Bích, Bùi Văn Thú đều xử trảm giam hậu, nguyên Hà Nội Đề đốc Phan Đề xử cách chức cho làm việc chuộc tội. Được chuẩn cho Nguyễn Thứ phải chém ngay ; Phạm Đăng Tuấn, Bùi Văn Thú phải thắt cổ ngay, để tiết nghĩa làm tôi được chính, khuyến khích đạo ở đời, Phan Đề (nhân đường mắc nghẽn, tạm đóng lại, vốn không phải là phận sự), giáng làm Phó quản cơ, xét bổ. Việc án ở tỉnh Nam Định, nguyên nghĩ xử : Lĩnh Tổng đốc Nguyễn Hiên, Bố chính Bùi Thái Bút, Án sát Nghiêm Xuân Lượng, Hải phòng Đề đốc Hồ Đăng Chất, Phó lãnh binh Lê Văn Khuê, Thương biện hải phòng Phạm Văn Nghị, đóng giữ đồn Phù Sa là Lãnh binh Nguyễn Văn Lại đều xử trảm giam hậu ; kiêm biện hải phòng Đỗ Phát, Doãn Khuê xử phải phạt trượng và phát lưu, được chuẩn cho Đỗ Phát, Doãn Khuê đều phải phạt trượng tội đồ tột bậc (vì già ốm không nỡ phát lưu ở nơi xa), Phạm Văn Nghị phải cách chức (vì trước thì đem thủ hạ tới tỉnh ngăn chặn ; sau lại hiệu triệu thân hào giữ toàn vẹn được vài hạt), còn y lời đình thần nghị xử.

Nhân lại Dụ thêm rằng : Đại khái người làm tôi gặp việc mới thấy tài, đến lúc cùng mới thấy tiết nghĩa ; người đời từ cổ ai không chết, để tấm lòng son rạng sử xanh ; đã giao cho đem lễ tiếp kiến thì dâng cả thân mình, có trách nhiệm coi giữ một địa phương, thì cùng với thành cùng còn, cùng mất mới là phải ; cho nên Nguyễn Tri Phương, Đoàn Thọ còn có thể khen về tiết nghĩa, còn không có công lao tài năng thu chuyển, mà mượn cớ trốn trước, thì chỉ là giữ lấy thân mà thôi ; dẫu có trăm miệng muôn đời cũng không thể khỏi tội được, đâu đáng kể đến làm gì ? (Sau rồi con Bùi Văn Thú đánh trống kêu lên, nói khi ấy ra yết kiến quan nước Pháp, là do Nguyễn Thứ bức bách sai đi, nay cùng với Nguyễn Thứ cùng phải tội chết thực là oan. Và cha của Phạm Đăng Tuấn, cho cháu kêu rằng : Viên ấy già ốm sắp chết, cha con không bao giờ trông thấy nhau, xin giải Đăng Tuấn về chém ở nguyên quán để được trông thấy một lần nữa là may. Đình thần lại xin đợi sang năm sau khi tế Giao mới chém. Được vua chuẩn cho hoãn chém đợi xét. Về sau để giam, rồi được phát đi đến quân thứ, làm việc để chuộc tội. Còn bọn Bùi Thức Kiên

và Lê Hữu Thường, sau cũng lần lượt tha cho đi làm việc chuộc tội, trong đó có nhiều người được lượng cho khai phục).

Tuần phủ Sơn Tây sung Tham tán Tôn Thất Thuyết đem quân (2.000 người) và voi (2 con) chuyển đến Thanh Hóa, Nghệ An hội lại cùng đánh. Trước đây quan tỉnh Thanh Hóa (Hộ đốc Tôn Thất Tĩnh, Bố chính Hoàng Hữu Xứng, Án sát Nguyễn Khuyến) cho là bọn giặc từ địa giới Nghệ An lan tràn đến gần, hạt ấy là nơi quê hương nhà vua, nên phải bị phòng bị nghiêm ngặt, tư báo quân thứ Bắc Kỳ cho vũ sinh tỉnh ấy về (nguyên trước trích phái đi theo làm việc bắt giặc ở quân thứ Thái Nguyên) và bàn uỷ biền binh tiếp viện đánh dẹp. Thuyết được tờ tư của tỉnh Thanh, lại được tỉnh Nghệ báo là giặc chiếm giữ thành Hà Tĩnh, quan quân ở quân thứ Quảng Bình, hiện chưa tiến đánh, bèn cùng Thống đốc Hoàng Tá Viêm bàn định hiện tình ở quân thứ hơi thư (hạt Sơn Tây đã dẹp yên, giặc tràn sang Hưng Hóa, Tuyên Quang cũng đã rút trốn, quan quân chuyển về chỗ gần đóng giữ luyện tập), chính nên đi đến chỗ cần kíp, cho nên đem cả Đề đốc Nguyễn Văn Hùng, Lãnh binh Lê Văn Điếm, Phó lãnh binh Lê Văn Hổ đem quân và voi đạo ấy đi và vũ sinh tỉnh Thanh Hóa từ tỉnh Sơn Tây tiến đi rồi đem việc ấy tâu ngay lên. Vua khen là có lòng với nhà vua, thưởng trước cho. (Tá Viêm và Thuyết đều tức thì thưởng trước gia 2 cấp).

Lại Dụ rằng : Ngươi là giỏi việc đánh trận, cho được thi thố, chóng báo tin thắng trận to, không những được yên lòng trẫm, cũng có thể được yên lòng ngươi. Đến khi đến tỉnh Thanh Hóa, lại xin lấy Nguyễn Đình Thi sung chức Tán lý, Trương Văn Đễ quyền sung Tán tương. (Đình Thi nguyên là Bố chính Thái Nguyên, vâng Chỉ về Kinh, vì đường nghẽn ở lại tỉnh Thanh Hóa ; Văn Đễ nguyên bị cách chức, cho làm việc chuộc tội, hiện ở Hà Nội chữa bệnh, Thuyết qua đấy mang đi). Vua đều y lời xin, để cho bàn bạc giúp việc.

Khi ấy bọn giặc ở Nghệ An từ xã Hoàng Mai (thuộc huyện Quỳnh Lưu, giáp núi Ngọc Sơn) tràn sang phủ hạt Tĩnh Gia đánh và quấy nhiễu. (Các sở đóng để ngăn chặn như Hà Niệm Thượng, Hà Niệm Trung, Du Xuyên, Sơn Châu, Đội Trà, quan quân nguyên đóng ở đấy đều tan vỡ cả), quan tỉnh Thanh Hóa đã phái quan quân đem 700 quân chia làm 3 đường tiến đánh. Thuyết tức thì đem bọn Đề đốc, Lãnh binh tiến quân, hợp với tỉnh Thanh Hóa đánh giáp lại, toàn được thắng trận (chém được đầu giặc, thu được tang vật của giặc rất nhiều, mà toàn quân chỉ có 4 người bị thương nhẹ), đuổi thẳng đến địa giới Tuần La (giáp Nghệ An), giặc ấy đều trốn chạy tan, rút quân về tỉnh đóng để trấn áp. Lần ấy các người đi đánh dẹp được việc, chuẩn cho đều thưởng cho có thứ bậc (Thuyết được thưởng quân công kỷ lục 3 thứ, bọn Đề đốc, Lãnh binh đều thưởng quân công kỷ lục 2 thứ. Quyền sung Tán tương tỉnh Thanh Hóa là Hồ Tư Cung, quyền sung Lãnh binh Lê Vi Quý, Đốc binh

Lê Tước đều thưởng quân công kỷ lục 1 thứ, binh dõng thưởng cho 300 quan tiền), sau giặc ấy chuyển về hạt Nghệ An, rồi lại gọi nhau tụ họp ở các xã Thiện Kỵ, Hoàng Mai, đường trạm không thông được, Thuyết bèn mang quân đến địa giới Nghệ An tiến đánh, giặc thấy thanh thế quân lừng lẫy (khi ấy quan quân tỉnh Nghệ An hiện đương tiến đánh đến đấy), đã chạy trốn trước. Thuyết nhân tiện đến thẳng trường thi tỉnh Nghệ đóng quân, cùng với Tổng thống Nguyễn Chính hội bàn cùng đánh.

Vua ra chơi xã Bao Vĩnh, xã Kim Đôi (tên 2 xã thuộc phủ Thừa Thiên) thấy các đường sông nông cạn, bảo rằng : đường sông nhiều chỗ nông, không thời thường xem xét khơi đào, để cho thuyền công thuyền tư tiện đi và cũng giúp cho việc tắm tưới, thì trách nhiệm quan địa phương ở đâu. Vậy 2 viên huyện ở Hương Trà, Hương Thủy đều giáng 1 cấp lưu lại làm việc, 3 viên quan ở phủ đều phạt lương 9 tháng.

Từ khi Nam Kỳ, Bắc Kỳ có việc, giấy tờ ngày càng nhiều, vua phải ngày đêm không rỗi, muốn sửa bớt đi, cho có tiết hạn, đã sai đình thần bàn định, tâu rõ, đợi Chỉ chuẩn cho.

Đến nay đình thần nghĩ tâu về việc giảm bớt giấy tờ 30 điều :

(- Về giấy sớ, án kiện xét nghĩ và giao bàn, việc nào do các thượng ty ấy nghiêm sức, thì thuộc viên theo nghị định các lần (nghị định năm Minh Mệnh thứ 14, năm Tự Đức thứ 14 và thứ 25) mà làm, còn như về việc tiến bài, trừ việc thuộc phiền phức cần kíp, không nên hạn định ra, còn nha nhiều việc thì 5 - 6 tờ (nhiều chữ thì không cứ số ấy), nha ít việc thì 2 - 4 tờ (không có việc phải xét làm thì không cứ số ấy), trái lệ ấy thì do Nội các, Khoa đạo đem ra hặc tội tâu lên.

- Các lại điển, học trò và tú tài được ấm bổ, khi nào cử đến lang trung, viên ngoại và tôn sinh, ấm sinh bổ ra ngoài làm phủ huyện, nên theo như cũ sát hạch, còn thì đều chuyên do các thượng ty ấy theo lệ xét cử lên. Về việc sát hạch thuộc viên lục, thất phẩm trở xuống thì bãi bỏ.

- Các hoàng thân công sinh được công tử, bẩm phủ Tôn nhân đặt tên và bỗng nhiên chết mất, hằng năm cứ đến tháng giêng hội làm danh sách tâu lên 1 lần (lệ trước cứ 6 tháng 1 lần).

- Các tỉnh, phủ, đạo, như có chọn bổ các cai, phó tổng, thông lại, y sinh, do thượng ty chiểu lệ cấp bằng làm việc, rồi tư cho bộ Binh, bộ Hộ xét xem trong xã có khuyết lính hay không, nếu đã hợp lệ, do quan 2 bộ ấy tư trả lời cho chi lương điền vào ngạch ; lại tư cho bộ Lại để lưu chuyển, đợi đến cuối năm, đem các hạng chọn bổ trong 1 năm là bao nhiêu người, hoặc có bãi đổi tên nào tháng nào, kể cả làm thành danh sách, tư cho bộ Lại lưu chiểu, để sau tiện bổ thụ bằng cứ vào đấy

để xét, còn như lệ trước việc tư cho bộ Lại và bộ Lại chuyển tư cho bộ Hộ, bộ Binh thì bãi bỏ.

Các tỉnh đến cuối tháng tư khai vật giá, theo lệ cứ 3 tháng hội lại làm tờ tâu một lần, nhưng thời giá nguyên không nhất định, Nhà nước như có cần mua, đã có giá của các tỉnh mỗi tháng 1 lần tư về bộ, do bộ Hộ tâu xin ; tới khi ấy nếu giá có cao hạ gấp đôi giá thường, sẽ nghị tâu lên, còn việc hội lại làm tờ tâu thì bãi bỏ.

- Về việc hao hụt được triển hoãn. Phàm có trái lệ thì nhất thiết không chuẩn cho, còn được chiểu lệ (như nạn bão, nạn lụt, tật dịch, chiến tranh, mất mùa có người không có ruộng) thì hằng năm chia làm 2 kỳ (từ tháng giêng đến tháng 7, từ tháng 7 đến tháng giêng năm sau) tư cho bộ Hộ làm chung danh sách tâu lên, mỗi kỳ 1 lần. Về việc hoãn lính cũng theo thế mà làm.

Về cấp phát cho các hạng bị nạn bão, nước, lửa, tật dịch, nạn hổ, túng đói, nếu có tình trạng nặng khác thường, phải tâu lên ngay (số ít là thường, số nhiều là khác thường, lại như đi thuyền bị nạn gió và nạn hổ cũng là thường) còn thì đều xét tình hình đích xác, theo lệ chiểu hạng cấp phát. Khi làm xong việc tư bộ để xét, đến cuối năm bộ Hộ làm tờ tâu chung 1 lần.

- Danh sách về lịch ban, chỉ nói ở Kinh và tỉnh ngoài, phẩm nào bao nhiêu viên, được cấp bao nhiêu quyển, kể tóm tắt số lớn (như nhất phẩm mấy viên, mỗi viên mấy quyển, cộng lịch là mấy quyển, v.v...). Sau danh sách hợp cộng lịch là bao nhiêu. Còn như số nhỏ (nói quan hàm nào, được mấy quyển) thì bãi bỏ.

- Hằng năm, vua đi chơi tiết Thanh minh, cửa biển Thuận An, Tư Hiền, thưởng tất cả cho quan quân đã có bộ Lại, bộ Binh thanh đơn, sẽ do bộ Hộ chiểu cấp. Khi xong việc đem tất cả số lớn phúc tâu lên, rồi tư cho quan ở Nội các xét, còn liệt kê như trước (nhân viên nào, nha, thự, dinh, vệ nào nên được thưởng cấp bao nhiêu), nên bỏ bớt.

- Các cố đạo nước Pháp ở giảng đạo hạt này muốn đến hạt khác, người nào hễ đi tắt, không đến tỉnh, đạo nguyên ở trước lĩnh giấy và hạt xin đến, xét ra không phải là tướng nước ấy cấp giấy cho đến hạt ấy (như tướng cấp giấy cho đến Quảng Trị, Quảng Bình mà xin đến Thanh Hoá, Nghệ An) thì vẫn chiểu lệ tâu bày. Còn như theo lệ đến tỉnh, đạo lĩnh giấy và xét hợp lệ, tướng nước ấy cấp cho đến trong hạt ấy, thì do quan tỉnh, đạo cấp giấy, nhưng tư cho bộ Lễ để biết, còn lệ trước đều phải tâu bày thì bãi bỏ.

- Sinh viên theo lệ đến năm khiêu tuyển, do học thần, giám thần chiểu lệ (đủ 6 năm) xét kỹ, như có bao nhiêu người theo lệ được dự chọn bổ, tư cho bộ Lễ xem xét, phù hợp thì làm chung tờ tâu, tư cho bộ Lại theo thế mà làm, còn việc giám thần và tỉnh thần mỗi người đều làm danh sách tâu lên thì bãi bỏ.

- Những lại dịch theo làm việc về kỳ thi Hội, do bộ Lễ chiểu theo các người ở các nha tư khai không có trở ngại gì khác thì kể qua số lớn, chiểu theo việc phải đi cho đủ, còn lệ trước về khoản kê khai tên hàm thì bãi bỏ.

- Việc thi Hương ở các trường xong, do bộ Lễ xem xét chiểu lệ làm danh sách tư giao bộ Lại chiểu lệ nghị định thưởng, phạt học thần, còn lệ trước làm danh sách tâu lên thì bãi bỏ.

- Hằng năm 4 tháng quý, ở bộ phái thuộc viên hội đồng với viên khoa đạo chuyên xét kiểm điểm khí giới xong việc làm tờ tâu lên, nay chước định 2 tháng quý về mùa xuân, mùa thu theo lệ mà làm, còn 2 tháng quý mùa hạ, mùa đông thì bãi bỏ.

- Áo đi trận ở các dinh, vệ rách nát, lệ trước làm danh sách, khai tiêu, tâu xin đổi cấp, nay đổi làm tờ tư, do bộ làm chung danh sách tâu lên.

- Con cháu các quan viên đã được tập ấm, hễ ai là hàm về ban võ, nếu có tình nguyện coi quân do quan địa phương sở tại xét thực tư bộ, đợi đủ 10 người, sát hạch, tâu xin lượng cho lục dụng. Và quan viên, người nào nhà có cha mẹ già, tuổi tới 70 trở lên, không có con thứ, mà nhà lại túng thiếu, không thể hầu hạ nuôi nấng được, tình nguyện xét bổ nơi gần cho tiện, phụng dưỡng, thì do bộ xét thực tâu xin. Nay xin ở các tập án bổ thụ làm cả một thể.

- Phàm đỗ võ cử sung vào học tập ở nhà học võ thì chiểu lệ cử nhân văn, qua một kỳ thi Hội, nếu có tình nguyện đi làm việc, thì do nhà học võ đem tờ khai tư bổ chiểu lệ nghĩ bổ, còn lệ trước về khoản sát hạch chia hạng làm danh sách tâu lên thì bãi bỏ.

- Người đỗ võ cử về thăm nhà hết hạn, tức thì do bộ Binh chiểu lệ sức tới nhà học võ học tập rồi tư bộ Hộ chiểu lệ chi lương, còn lệ trước việc lại làm danh sách tâu xin thì bãi bỏ.

- Hằng năm 2 tháng quý hạ, quý đông, các tỉnh, đạo sát hạch lính mộ làm danh sách tâu lên mỗi quý một lần. Nay xin đầu xuân sát hạch làm danh sách tâu lên một lần.

- Phận biển ở các tỉnh, các đạo đi tuần thấy thuyền giặc đi lại, hoặc tạm dừng lại bỏ neo, cũng có tư xét. Việc liên quan đến tình hình giặc, đều có tâu lên trả lời. Nay hễ gặp có ngầm phát ra các việc đốt nhà giết người, cướp bóc, sẽ phải tâu lên trả lời ; còn thì chỉ lưu chiểu cho khỏi nhầm.

- Những biền binh tiến đi bắt giặc, tuần tiễu, vận tải, hoặc ở quân thứ lâu ngày, cho về đều được thưởng cấp tiền đều có tư xét, tâu lên trả lời. Nay xin người nào hễ trái lệ hãy tâu ; còn hợp lệ thì để lưu chiểu ở bộ.

- Ở quân thứ Tĩnh man, mỗi tháng tư hỏi về yên lặng một lần, đều có tâu trả lời. Nay xin trừ tháng nào giặc Man lẻn lút phát ra nên tư thì sẽ tư xét không kể, còn như yên lặng, thì cứ 3 tháng tư 1 lần.

- Các hạt gián hoặc có phái biền binh đi đổi giữ đồn ải, kho tàng, đấy là theo lệ mà làm cũng có việc phải tư. Nay xin nêu để lưu chiểu không phải tâu bày.

- Các tỉnh đạo phái quân đóng đổi hoặc tuần tiễu, vận tải, trong đó có việc thì tâu, có việc thì tư không nhất định. Nay xin đều làm tập tâu dâng lên cho hợp thể, mà phiếu dâng lên cũng bớt đi.

- Các quan võ phải cách, bãi, giáng đổi đi nơi khác, truy thu bằng sắc (nguyên trước ty xét công làm cả), xin cho ty Phong cao chuyên làm tất cả, cho tiện một thể.

- Các nha môn xét việc hình, theo lệ trước, phàm các tù phạm hiện giam đã kết thành án là bao nhiêu, chưa kết thành án là bao nhiêu, mỗi năm 2 lần làm chung danh sách dâng trình. Nay xin trừ chưa kết là bao nhiêu án, tù phạm hiện giam là bao nhiêu, vẫn theo lệ chia ra 2 tháng quý hạ, quý đông làm danh sách tiến lên không kể, còn đã kết bao nhiêu án và thành án năm nay, thành án năm trước để lại cũng hạt khác đưa tù đến, từ tội bị chém bị thắt cổ đến tội đồ, phát làm lính mỗi hạng là bao nhiêu, dồn cả về tháng quý đông làm danh sách tiến lên 1 lần.

- Ở các địa phương, trừ ra hạt nào cướp phát ra đến 6 nơi trở lên, hoặc chưa đến 6 nơi mà bọn cướp nhiều đến 30 đứa trở lên, theo lệ trước làm tập tâu đệ lên ; còn lẻn lút tầm thường và các địa phương yên ổn, theo lệ trước chiểu tháng quý làm danh sách tư báo bộ, bộ Hình dồn cả đến 2 tháng, quý hạ, quý đông dâng trình, và tính suốt hạt nào 4 tháng quý toàn được yên ổn thì nghĩ thưởng.

- Ở Kinh và tỉnh ngoài, như có các việc sửa làm hành cung, miếu vũ, kho tàng, sảnh thự, xưởng nhà, cùng cầu cống, thành trì, thuyền bè và các vật kiện theo vào súng, do thượng ty chiểu lệ khám xét rõ ràng làm danh sách đệ lên, còn như phải cần dùng hạng nào bao nhiêu, cũng xét tính tư bộ Công chiểu lệ hạn trong 10 ngày xem xét hợp lệ thì đưa giao cho ty giữ việc tuân làm, nếu có quan ngại thì đem tâu lên, còn thì xin do bộ Công đem tất cả danh sách trù tính nắm lấy đại khái cứ 3 tháng làm tờ tâu 1 lần, không phải theo như trước mọi việc lại làm tờ tâu.

- Tôn sinh, sinh viên ở Giám, nếu xét có các tệ lười biếng chơi đùa, cho nha ấy chiểu lệ sẽ tư cho bộ Lễ để lưu chiểu, đợi đến cuối năm cùng làm tờ tâu một thể dâng trình, còn lệ trước mỗi lần dâng trình thì bãi bỏ.

- Sở Khâm thiên giám hằng năm cứ đến tháng xuân, tháng hạ mưa xuống được mấy phân, mấy tấc nước, theo từng ngày ghi lấy, đến cuối tháng làm chung tờ tâu 1 lần, còn lệ trước theo từng ngày làm tờ tâu lên thì bãi bỏ ; duy gặp hạn mà được mưa thì đều làm tờ tâu).

Vua chuẩn cho thi hành, rồi lại phê bảo rằng : Tỉnh giảm được rất ít, lại nghĩ xem còn có việc nào còn phiếm không ? Nhưng do người không siêng năng làm việc công bằng, trong sạch, cho nên tệ nhiều dân oán, sinh việc để lo ; tệ ấy không trừ bỏ đi, mà muốn bớt việc, cũng không thể được. Sau đình thần lại tâu nói : Việc của triều đình rất nhiều đầu mối, trong khi châm chước, chỉ cần được vừa phải, một lúc xét làm, tưởng cũng khó chu đáo. Xin từ nay phàm các nha làm việc gì nên bớt, thì vẫn do nha ấy lần lượt chuyển trình, bọn thần theo từng khoản xét nghĩ và bọn thần gián hoặc có nghĩ được việc gì, sẽ tâu xin thi hành mới mong được chu đáo. Vua y cho.

Lấy lại được thành đạo Hà Tĩnh, vua sai thưởng cho có thứ bậc. Khi ấy bọn Khâm sai Nguyễn Văn Tường theo Dụ đi tàu thủy nước Tây đem ngay thuyền công và thuyền đánh cá, chia ra bắn vào đồn giặc ở các xứ Mũi Dao, Đèo Con, Thần Đầu, đốt hết cả, giặc sợ chạy tan. Thống đốc Lê Bá Thận cùng quân các đạo kế tiếp tiến đến, giặc nghe đại binh đến, bỏ thành huyện Kỳ Anh trốn đi. Cử nhân Lê Nhất Hoàn đem quân bắt được bọn tướng giặc, báo quân vào thành huyện. Quan quân tiến đến gần thành đạo ; Chưởng ấn sung Tán tương Trần Đình Thức phi báo là hiện đã triệu tập thân hào, dân dõng 2 huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên đánh giặc, lấy lại được thành đạo, quan quân bèn vào thành đạo, làm ngay tập tâu tâu lên.

Vua làm thơ ghi tin mừng, sai thưởng cho Văn Tường, Bá Thận quân công đều 1 cấp, bọn Hoàn 300 quan tiền, Đình Thức được thưởng thụ Quang lộc tự khanh, thưởng thân hào 2 huyện 2.000 quan tiền. Lê Bá Thận lại tâu : Lần này quan quân tiến đến gần thành đạo, bọn giặc liền trốn ngay từ trước, việc Trần Đình Thức báo, là mạo báo để khoe công. Vua sai đình thưởng, giao cho quan ở quân thứ xét nghĩ, Thức sau bị cách chức.

Vua Dụ bọn Lê Bá Thận rằng : Trẫm nghe quan quân đi đến đâu, dân trong hạt phần nhiều đem sản vật thổ ngơi khoản tiếp, chẳng những có thẹn vừa đổi, còn có thể sửa được lỗi trước, tuy đem giỏ cơm bầu nước, để rước quân nhà vua, đối với đời xưa có kém gì, hiện nay đường quan chạy trạm đã thông, quan quân thứ các ngươi phải nên xem cơ hội đánh bắt, cốt cho kẻ có tội phải chịu tội với pháp luật, người bị hiếp phải theo thì chớ trị tội, để kịp rút quân về được sớm.

Sau Hình bộ Thượng thư Nguyễn Văn Tường, Lại bộ Thị lang Nguyễn Tăng Doãn đều sung Toàn quyền đại thần bàn định thương ước lại đến Gia Định cùng với Toàn quyền đại thần nước Pháp là Kha-răng-du Ly-pha-lang-sa E-mi-ly hội định điều ước buôn bán. Quan nha Thương bạc tâu nói : Nay việc ở Nghệ - Tĩnh đã yên, mà dân giáo tụ họp chia đặt để báo thù, đốt giết giặc biển ở Bắc Kỳ quấy nhiễu, tướng nước Pháp từng muốn đánh giúp, để tiện mở đường thông thương. Xin tư cho

sứ thần đem việc ấy bàn với tướng Pháp phân xử, ngõ hầu mong được chóng xong việc. Vua nghe theo.

Tha thuế kỳ nam cho tỉnh Khánh Hòa. Trước đấy, bọn Nguyễn Hàm Anh mộ dân lưu tán (50 tên) dồn làm một hộ đi lấy kỳ nam, đồng niên nộp thuế (mỗi tên nộp 3 lạng) không đủ, theo giá nộp tiền (giá Nhà nước mỗi lạng 13 quan) chưa được 1 năm, Hàm Anh chết, dân mộ trốn đi, quan tỉnh xin tịch biên gia sản để thu cho đủ. Vua bảo rằng : Gia ơn tạm tha cho, ngõ hầu không khổ dân.

Giặc biển (tên là Khách Công) ở Hải Dương cố kết bè lũ vào sông quấy nhiễu tràn, thế rất hung hăng (thuyền đến hơn 40 chiếc), các phủ huyện Ninh Giang, Kinh Môn, Nam Sách, Thủy Đường, Đông Triều kế tiếp nhau thất thủ, sau rồi bức tỉnh thành, tỉnh ấy và các tỉnh Hà Nội, Nam Định đưa giấy cho nhau cáo cấp ; khi ấy tỉnh đã thương thuyết với phái viên nước Pháp là La-đăng đánh giúp, nhưng đùn đẩy không chịu làm thực (chỉ phái thuyền đến phận biển Quảng Yên, gọi là đi tuần bắt giặc, nhưng thực thì đi xem xét mỏ than, không chịu vào sông đánh giúp), liền tư cho 2 tỉnh Nam Định, Ninh Bình cùng giúp, số quân còn ít (1.500 người), xin phái thêm quân thủy quân bộ để đánh.

Vua nghe tin báo, khiển trách quan tỉnh ấy và các viên để thất thủ (các viên phủ, huyện trước hết phải cách chức, lưu lại làm việc, quan tỉnh là Phạm Ý, Nguyễn Phiên, Nguyễn Hữu Hoán đều giáng 4 cấp lưu lại làm việc), liền chuẩn cho Tham tán Tôn Thất Thuyết (hiện đóng ở quân thứ Nghệ An) lấy 500 phái binh giao cho Đề đốc Nguyễn Văn Hùng, Tán lý Nguyễn Đình Thi đi gấp đường đến cứu viện. Lại chuẩn cho phái ra 2 chiếc tàu Mẫn Thỏa và Thuận Tiệp (hiện ở Thuận An) do Thống đốc Lê Bá Thận (hiện ở quân thứ Hà Tĩnh) lấy 400 lính thủy, nguyên trước phái đến Hà Tĩnh, giao cho Tán tương Phạm Tiến, quyền sung Tán tương Trương Văn Đễ trông coi (2 thuyền đều đến cửa Nhượng ở Hà Tĩnh đến đón để chở đi, còn Trương Văn Đễ hiện theo Tôn Thất Thuyết ở quân thứ, nay giục ngay đi đường bộ về cửa Nhượng để tiện cùng với Phạm Tiến trông coi) đi ngay để cùng đánh. Quân các đạo tiến ra chưa kịp đến nơi, Án sát tỉnh ấy là Nguyễn Hữu Hoán đã đem binh dõng trước, viện binh các tỉnh hợp lại cùng đánh, phái viên nước Pháp ấy cũng đánh giúp. (Trước không chịu đánh, viện thần mới tư cho quan tỉnh ấy thương thuyết với phái viên ấy, nói các ý thư của sứ thần ta báo cho viện nói : Đã thương thuyết với tướng nước ấy, lại sức cho phái viên ấy hết sức đánh cho hết sạch giặc biển, nay giặc đã tràn vào, nên đánh giúp cho sạch ngay. Đến nay phái viên ấy mới yết thị cho giặc biển để rút lui), giặc bèn rút tản ra biển. Quan tỉnh ấy đem việc ấy tâu lên. (Nói : Quan quân đánh dẹp, phái viên nước Pháp sức cho giặc phải rút lui, phái viên ấy đã thu hiệu cờ của giặc, còn tướng giặc đã đến phái viên ấy xin nói

với quan tỉnh tha cho đuổi bắt, quan án sát tỉnh ấy hiện đem quân về tỉnh canh phòng nghiêm ngặt đợi xét).

Vua cho là hạt ấy giặc đã rút đem tàu thủy về để hộ tải. Chuẩn cho Phạm Tiến, Trương Văn Đễ và thủy binh vẫn ở lại quân thứ Nghệ - Tĩnh để đánh giặc. Rồi chuẩn cho Nguyễn Văn Hùng về quân thứ Sơn Tây đóng chặn, Nguyễn Đình Thi về Kinh đợi Chỉ. Lại chuẩn cho quan tỉnh ấy khéo thương thuyết với phái viên nước Pháp, nếu giặc ấy ra ngoài đảo lại nảy ra thói cũ, phải đánh cho sạch, cốt khiến cho không để lo về sau mãi.

Hộ đốc Nam Định, Hưng Yên là Nguyễn Trọng Hợp cho là quân ở Nghệ An sung làm đóng đồn, nhiều lần nhân khi có việc bỏ trốn thiếu đến hơn 200 tên (nguyên trước 500 tên) đã chọn dần võ sinh và các hạng mộ binh điền vào để sai phái, xin chi lương để cho canh giữ, đợi khi việc yên, sẽ bắt cho đủ số ở sổ trước. Vua y cho.

Tham tán Tôn Thất Thuyết đóng quân ở hạt Nghệ An vài ngày, nghe tin báo đã lấy lại được thành đạo Hà Tĩnh, việc canh phòng đánh dẹp hơi thư, dâng sớ xin đem quân chuyển về Thanh Hóa, trù nghĩ cho chu đáo vững bền, sẽ đến Tam Tuyên làm việc. Vua y cho. (Sau đến tháng 8 rồi về tỉnh Sơn Tây).

Ngụy phạm là bọn tên Hiên từ Nghệ An lẻn đến các hạt Quảng Nam, Quảng Ngãi ngầm dỗ dành dân. Tĩnh man Tiểu phủ sứ Đỗ Đệ, Tham biện Phan Văn Tuyển ủy phái đi thám nã bắt được, cả bè lũ hắn 4 tên và ấn, kiếm, giấy tờ. Vua chuẩn thưởng cho mỗi người 1 cấp ; còn quân đi dò thám cũng thưởng cho chức đội trưởng để khuyến khích. Lại sức cho các hạt từ tỉnh Quảng Trị trở vào Nam phải dò xét mật, phòng bị trước.

Định lại lệ thay đổi áo đi trận cho các quân. (Lệ trước áo đi trận bằng bông thì 10 năm, áo đi trận bằng dạ đen thì 12 năm đều 1 lần đổi. Nay chuẩn cho từ sau phàm dinh, vệ các quân, áo đi trận may bằng vải xanh mỗi chiếc thân dài 1 thước 4 tấc, định lại 3 năm 1 lần đổi, các vệ, cơ ở các tỉnh, đạo ở ngoài, cũng chiếu theo hạn ấy mà làm).

Mùa thu, tháng 7, Thống đốc Hoàng Tá Viêm dâng tập tâu về tình hình giặc ở Hưng Hóa, Tuyên Quang.

Vua Dụ rằng : Ở Tam Tuyên giặc Hoàng Anh chiếm cứ lan tràn, đã 5 - 6 năm nay, hao của nhọc sức, nay oai quân đã lừng lẫy, thế giặc đã cùng, ngươi nên chia đường tiến đánh, để hết mầm mống ác, cần chớ nghe chúng xảo trá hoãn lại, để lo ngại về sau.

Ninh Thuận quận vương là Miên Nghi trước có Chỉ được tấn phong (tháng 4 năm ấy), nhân có bệnh chưa kịp tuyên phong, đến nay chết. Vua nghỉ coi chầu 3 ngày,

cho tên thụy là Đoan Túc, tước quận vương chuẩn cho đổi làm tặng phong, về việc đưa đám chiểu lệ quận vương mà làm.

Tướng giặc là Trương Quang Thủ lại gọi nhau tụ họp ở Thanh Lãng cửa biển Ve (thuộc tỉnh Quảng Bình), sai Thống đốc Lê Bá Thận, Hiệp đốc Vũ Lã phái quân đi ngay đánh dẹp. (Chia đường từ cửa biển Quảng Tuần tiến đánh sào huyệt cửa Ve).

Đình cấp khẩu lương cho thân thuộc những kẻ tòng phạm ở các tỉnh, các đạo. (Tuần phủ Quảng Bình, Quảng Trị là Trần Hy Tăng cho là chi tiêu về việc quân rất nhiều, tâu xin đình cấp, vua theo lời).

Bố chính Thái Nguyên là Vũ Huy Thụy tâu nói : Khẩu lương đàn bà, trẻ con của 2 đoàn giặc đầu hàng người nước Thanh là Chu Tường Lân, Triệu Ba Đan đã đình cấp, xin cho bọn ấy coi lĩnh thuế 3 bến tuần Đông Mỗ, Mão Chi, Bắc Kạn, giảm thành bắt nộp, để cho có chỗ trông nhờ. Lại nói : Dân hạt ấy thường gặp binh hỏa, nay mới trở về, tìm kiếm lâm sản để đổi chác với nhà buôn. Một khi gặp mưa gió, nhà buôn không đến, thì không trông vào đâu được. Xin đặt ty mua bán để làm cách sinh động cứu đói. Vua đều nghe theo.

(Tháng chạp năm ngoái Thị sư là Nguyễn Uy tâu xin chuẩn cho con trai, con gái của 2 đoàn họ Chu, họ Triệu hơn 1.000 người, đến xin được nuôi, cấp cho khẩu lương 3 tháng, mỗi người mỗi.tháng 1 phương gạo, 1 quan tiền. Đến nay hết hạn 3 tháng, thôi không cấp, 2 đoàn ấy hiện theo đi đánh giặc, cho nên cho lĩnh trưng thuế bến tuần).

Tướng nước Pháp (Kha-răng) sai Tham biện (Sô-ma-rô) mang thư cùng với Phó sứ Nguyễn Tăng Doãn cùng đến nói : Trong khoản thương ước nói thêm mở phố buôn bán và đặt lãnh sự ở Hà Nội. Vua y cho.

Vua bảo quan Cơ mật viện rằng : Dân ngu coi thường pháp luật, mỗi xứ phần nhiều có kẻ cường hào xui giục, lúc ngày thường thì ăn hiếp trong làng, cấu kết với kẻ côn đồ trộm cướp, lúc có việc thì làm thủ xướng, vốn không thèm ghét dân ấy, trừ đi cũng không hết, nhưng phải đem kẻ quá lắm mà trừ đi, thì kẻ khác cũng biết răn chừa không thể làm được nữa. Vậy mật tư cho các quan tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An nên đem hết đích tên phạm theo giặc cổ động mê hoặc có tiếng ác, bắt hết kết án trị tội, cho hết hẳn mầm ác, chớ để hại cho dân. Và tư cho Bắc Kỳ theo thế mà làm.

Tỉnh Bình Thuận có bệnh dịch (nhiễm bệnh chết 700 người). Vua bảo rằng : Phàm cầu đảo đều không có hiệu, nhưng cứ yên lặng ngồi nhìn thì không yên tâm, mà không có phép gì cho khỏi được. Chỉ đốc sức các phủ, huyện đi xuống làng ấp gia tâm thăm hỏi, người ốm thì cho thuốc, người đói thì cho cơm, xét khuyên những

nhà giàu thương nhau chu cấp cho nhau, không đủ thì cấp gạo kho công cho chóng được yên nghỉ, rồi tâu lên.

Lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Trần Đình Túc dâng tập tâu đem sự trạng những người trước đi theo quan nước Pháp để lại sai phái, xin bỏ tội lỗi lại dùng.

Phạm Quang Diệu (nguyên trước ngầm theo đạo làm dịch thừa phái viên nước Pháp cho làm Tham biện tỉnh vụ), Nguyễn Quý Cát (phái viên nước Pháp cho làm Lãnh binh), bọn ấy đều là hào phú, đồ đệ cũng nhiều ; mùa đông năm ngoái Khâm sai Nguyễn Văn Tường tạm thời xử trí, xin hãy để lại đợi để sai phái cho yên lòng phản trắc và bọn ấy đem thủ hạ mộ trước hơn 800 người để phòng sai phái. Nguyên trước cùng với bọn Quang Diệu cùng nhận chức quan của Tây là bọn Lê Văn Tốn (đỗ Tú tài, phái viên nước Pháp cho làm Án sát), Nguyễn Tích (Tú tài, phái viên nước Pháp cho làm Bố chính), Đỗ Đình Huyên (phái viên nước Pháp cho làm Phó lãnh binh) nghe thấy, bèn đến xin thú, hết sức làm việc, cũng cho cả. Sau quan tỉnh ấy phái Diệu và Tốn đến Lý Nhân, Thanh Oai đóng để ngăn chặn ; Tích, Cát và Huyên đến Chương Đức đánh dẹp toán giặc, gần đây chi lương sai phái, chưa có công trạng đích xác. Đến nay quan tỉnh ấy nhân bọn ấy kêu, cho là cũng biết cố gắng, tạm cho tiến lên, cũng không ngại gì, tâu xin cho Diệu được bổ thụ Cai đội lĩnh Phó quản cơ ; Tốn cho làm Suất đội, Cai đội ; Cát, Tích, Huyên đều cho làm Đội trưởng, thí sai Chánh đội trưởng Suất đội, theo quan quân đánh bắt giặc Thổ, đợi có công trạng, sẽ xin thăng thưởng, để tỏ thu dùng cả).

Quan Cơ mật viện làm phiếu nghĩ định, nên cho tỉnh ấy chiểu hàm thất phẩm cấp lương, theo quan tỉnh phái đi đánh giặc.

Vua bảo rằng : Những kẻ gian ngoan tráo trở rất đáng ghét, chúng thấy thế không thể làm gì được, cho nên mới thế, há phải chân thành đâu, có công gì mà vội cho thất phẩm, trẫm không phải là câu nệ, nhưng thiên tư che chở cũng không thể chuẩn cho được, nên nghĩ lại cho thoả đáng đem dùng không mất lẽ chính mới được. Viện vì nghĩ sơ suất xin nhận lỗi, nhưng xin lại cho tỉnh ấy xét kỹ, nếu có tình khác trông ngóng, thì nên phải xử trí ngay, hoặc phải khéo phủ dụ, cho đến quân thứ Tam Tuyên làm việc sai phái, đợi có công trạng thực tâu xin chuẩn cho sau. Vua lại phê bảo rằng : Xử trí kẻ gian giảo, cần phải quả quyết, do dự thì chúng sinh ngờ, hoặc chỉ do quan tỉnh tự vỗ về khéo và làm thế nào cho hết mầm ác mà thôi, cho chức tước thì trẫm quyết không cho. Quan ở viện lại tâu : Cứ như lời ước (trước khoản ước của Hoắc Đạo Sinh có nói : Những người ấy nếu tài nghệ có thể dùng được thì dùng, không thể dùng được thì thôi) thì đuổi bỏ đi cũng được, mà bắt tội thì cũng chưa tiện, trong đó như Tốn và Tích thì có hay không không đáng kể, nên cho về yên nghiệp làm ăn, còn bọn Diệu, Cát, Huyên, vốn gọi là người hào hữu,

nay nhất khái bỏ đi, hoặc đến sinh lòng khác, xin lại để ở tỉnh sai phái cho tiện ràng buộc mới ổn.

Vua lại bảo rằng : Còn ở trong khoảng đáng để sống, đáng giết chết, không khéo xử trí, dễ đến sinh sự, tóm lại là do Văn Tường khi ấy xử vội thêm khó, Túc lại làm gượng, không xét hư thực, thì danh vị sao lại lạm thế ; nếu cổ vũ hào kiệt thì sao lại ở lũ bất trung ? Nay tỉnh Bắc Ninh hiện đương đánh giặc, việc nhiều và khẩn cấp, nên cho bọn ấy đều đem thủ hạ đi theo Nguyễn Uy sai phái, đợi có công trạng thực, do Nguyễn Uy xét tâu lục dụng, mới cho. Nguyễn Uy cũng phải khéo kiềm chế vỗ về, xét có tình tiết phản nghịch, tức thì trừ bỏ trước khi việc xảy ra, có lẽ mới là ổn định cả.

Viện tuân theo lục sức cho Đình Túc và Nguyễn Uy biết và làm việc. Sau Đình Huyên mắc bệnh xin về yên nghiệp, Quang Diệu cũng vì can án khác, triệt về để xét còn thì tên khác đều coi đem thủ hạ đến tỉnh Bắc Ninh theo để sai phái. (Án Quang Diệu bị can, sau xử phải tội lưu, nhưng tên ấy thác bệnh được Lãnh sự Hà Nội là Kê-la-đích bênh vực, rút cục không phải tống đi).

Giặc biển ở Hải Yên được quan nước Pháp đánh giúp, rút lui dần, gián hoặc còn gọi nhau tụ họp (ở các hạt Kinh Môn, Thủy Đường, Đông Triều), thự đốc Phạm Ý chỉ muốn nhờ giúp ở người. Vua mật Dụ khiển trách, nhưng chuẩn cho phải hết sức tự làm việc, cho hết trách nhiệm coi một địa phương.

Sắc cho các nha ở Cơ mật viện và Nội các lục sức làm các việc công không được lạo thảo sơ suất như trước.

(Vì gần đây các nha ở viện, các lục sức làm việc gián hoặc phần nhiều lạo thảo sơ suất ; tức như việc viện thần nghĩ cấp tiền chi phí cho tàu Đằng Huy, giao tiền bao nhiêu đã có Chỉ chuẩn giấy tờ rõ ràng để làm bằng cứ, lại lược đem câu sáo đã được nghĩ chuẩn, tự tiện tư cho Nội vụ chi phát, Nội vụ cũng chẳng nhận xem quả đã có phê điểm thế nào hay không tự ý chi cấp, trước đã xuống Dụ quở trách. Nay cho từ nay về sau, lục sức làm các việc công, phải đem có phê, gạch, khuyên, chấm, hoặc Chỉ, Dụ thế nào nhất nhất sao lục hết, không được tự tiện bỏ bớt, trong đó có việc bí mật không tiện sao lục cả, cũng đem việc có chuẩn cho hay không, nhất nhất sao lục rõ, để tiện cho quan có trách nhiệm nhận làm, không được theo câu sáo như trước, chỉ đem 2 chữ nghĩ chuẩn, lờ mờ tư cho làm, nên việc phần nhiều sai lầm, để hại rất lớn. Phàm các người giữ việc, đều phải kính theo điển lệ, thực lực thừa hành ; nếu dám trái lệnh theo ý muốn, vượt phép làm gian, thì nha có liên quan tất phải nghĩ xử nghiêm ngặt).

Sắc cho thuộc viên ở bộ, viện, các đều do đường quan răn, xét. Nếu có khinh suất để tiết lộ sự cơ, lập tức hặc tội đuổi bỏ.

Tỉnh Quảng Yên đất hẻo lánh, của chứa ít, việc tuần phòng đánh dẹp rất khẩn. Quan tỉnh dâng sớ xin cho dân trong hạt quyên tiền 100 quan hãy tạm cấp cho hàm tòng cửu phẩm, đợi sau tiếp tục quyên nghĩ định (theo lệ cứ 600 quan thưởng 1 trật). Bộ Hộ tâu nói : Đương lúc đồ dùng việc quân rất cần này, nên cho quan tỉnh ở Bắc Kỳ hiểu thị dân trong hạt ai có thể quyên đủ (600 quan) lĩnh thực hàm cố nhiên là tốt ; nếu sức nhà không đủ, muốn bỏ trước ra nhiều ít lĩnh bằng (quyền cấp tòng cửu phẩm bách hộ) hạn cho 6 tháng nộp tiếp đủ số, nếu hết hạn không nộp đủ, thì cứ 100 quan được miễn dao dịch 4 năm. Như thế thì ở đâu đã không cầu may được, ở quan cũng không có tệ bắt ép. Vua nghe theo.

Sắc cho bộ Lại rằng : Sau khi bốn tỉnh lấy lại được từ phủ, huyện cho đến bọn bát, cửu phẩm, duy tỉnh Hà Nội đã từng nghị xử, còn các tỉnh khác cũng phải tư giục, để kết nghĩ được sớm. Lại lần này tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Quảng Yên [1] giáp giới với Hà Nội, Ninh Bình, lại biết hết lòng giữ bờ cõi được đến không lo ngại gì, đã chuẩn cho thăng thụ. Duy có quan tỉnh Hưng Yên đương lúc ấy thuyền nước Pháp thường thường đi lại, xử trí được khéo, cũng là đáng khen. Vậy Bố chính lĩnh Tuần phủ Nguyễn Đức Đạt chuẩn cho thăng thụ Tuần phủ ; Án sát Tôn Thất Phiên lấy khó nhọc đền lỗi, miễn cho tội trước. Ngoài ra, các quan to có nên chọn thưởng, giao cho bộ Lại, bộ Binh nghĩ tâu, đợi cho thăng thưởng, để khuyến khích. (Phiên trước can án lại dịch coi kho những lạm, không biết xét sửa, xử tội trượng đồ tột bậc).

Điều ước thông thương (cộng 29 điều) đã làm xong. (Ước rằng : Nay vua nước Đại Nam và vua nước Pháp nhân muốn giữ vững lời thề 2 nước kết giao với nhau và muốn cho tiện lợi dễ dàng về việc thông thương để rộng đường giàu thịnh 2 nước, nên vua nước Đại Nam đặc cách phái Hình bộ Thượng thư, Kỳ Vĩ bá, Chánh sứ Nguyễn Văn Tường, Lại bộ Thị lang Phó sứ Nguyễn Tăng Doãn đều sung chức Giảng định thương ước Toàn quyền đại thần. Vua nước Pháp đặc cách phái Khâm sai Tổng thống Nam Kỳ thủy, lục quân dân kiêm thống Đại Thanh, Nhật Bản lưỡng quốc ngoại dương chư binh thuyền Đại nguyên soái Kha-răng-du Ly-pha-lang-sa Ê-mi-ly, khâm thưởng đại hạng thưởng công kim bội tinh khâm sung Giảng định thương ước Toàn quyền đại thần. Hai bên đã đem sắc chiếu được làm toàn quyền công đồng so sánh tra xét, đều được thỏa đáng. Liền đem bàn lập điều khoản kê khai ở sau :

- Khoản 1 : Chiểu theo khoản thứ 11 ở tờ hòa ước mới năm nay (ngày 27 tháng 1 Nam, ngày 15 tháng 7 Tây), đã phân biệt nghị định.

Vua nước Đại Nam chuẩn cho mở cửa biển Ninh Hải, tỉnh Hải Dương ngược lên sông Nhĩ Hà suốt đến địa giới tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh và phố Hà Nội

(1) *Quảng Yên* : chữ ấy có lẽ in nhầm, vì giáp giới sao được với Hà Nội, Ninh Bình.

cùng cửa biển Thi Nại, tỉnh Bình Định, cho thuyền buôn các nước ngoài, không cứ nước nào hiệu cờ sắc gì, đều được đi lại mua bán ở các cửa biển ấy.

- Khoản 2 : Phàm các cửa biển đã chuẩn cho khai thương ở trong điều ước nên chiểu theo lệ hàng hóa được chở ra chở vào, trị giá cứ 100 phần thì lấy ra 5 phần đem nộp thuế quan ; khi đã nộp thuế xong, thì các hàng hóa đều được thông thương mua bán, thong dong tự tiện. Duy muối trắng nên chiểu giá cứ 100 phần lấy ra 10 phần, để nộp thuế. Còn súng ống, khí giới, thuốc đạn tất cả các loại về quân khí, đều không cho mua bán, không được vận chở ra vào. Lại mua bán thuốc phiện nên chiểu theo lệ riêng của nước Đại Nam đã định. Còn như gạo, người buôn thường được tùy tiện chở vào cửa biển và vào phố, về thuế chỉ chiểu 100 phần phải nộp 5 phần, nếu tải ra khỏi cửa biển thì phải có giấy tờ rõ ràng của triều đình nước Đại Nam tạm chuẩn cho và tư cho quan Khâm sứ nước Pháp ở Kinh biết, mới được tải ra ; và thuế gạo tải ra phải chiểu 100 phần thu lấy 10 phần. Lại như vận chở tơ sống và gỗ thiết thường được vào cửa biển ; nếu ra khỏi cửa biển tất phải các xã, thôn sở tại nhận nộp thuế thổ sản xong và phải đợi triều đình nước Đại Nam đặt mua các hạng ấy đủ dùng, việc xong, mới được chở ra, còn thuế lệ chiểu theo các hàng hóa nhận nộp 5/100. Hai hạng ấy đến khi ấy nước Đại Nam cho chở ra hoặc không cho chở ra, đều nên trước khi ấy 1 tháng tư cho quan Khâm sứ nước Pháp ở Kinh biết. Trong đó các hạng cấm, trừ các thứ khí giới, thuốc đạn, súng ống, đồ dùng về việc quân không được triều đình nước Đại Nam cho chở thì không được chở không kể, ngoài ra những hàng hóa khác có lệ cấm đều cho tải từ nước ngoài đi qua suốt đến Vân Nam và chở từ Vân Nam đi qua ra biển thì không cùng can thiệp. Duy triều đình nước Đại Nam tùy tiện được nghị định quy luật điều lệ để ngăn ngừa hoặc có kẻ đem hạng cấp ấy giả mạo đem lên bộ trà trộn vào trong địa hạt nước mình. Phàm các hàng hóa được tải đi qua, hoặc từ biển vào tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh, hoặc từ tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh mà ra biển, thì mỗi khi tải đến địa hạt nước Đại Nam, chiểu nộp thuế quan 1 lần thôi. Phàm các hàng hóa vào cửa biển đã theo lệ chiểu nộp thuế quan, mà hoặc có từ tỉnh này đến tỉnh khác, từ phố này đến phố khác, chuyển đi mua bán với nhau, đều không được định thêm thứ thuế lệ nào khác.

Lại muốn cho 2 nước khỏi sinh dị nghị, cho nên lần này phải nghĩ nhất định ; phàm thuyền buôn nước Đại Thanh chở hàng hóa vào, ra về hạng cấm cùng thuế quan, phải chiểu theo hàng hóa được tải ra, vào của các hiệu thuyền nước Tây và Tân thế giới (tức 2 tờ ước gọi là cờ các nước ngoài) theo nộp như nhau, duy thuế phải nộp của các thuyền buôn nước Đại Thanh và nước Đại Nam là bao nhiêu, đều thuộc về quan ty Thuế quan nước Đại Nam thu riêng cất riêng, nếu muốn chi tiêu việc gì, chỉ quan nước Đại Nam tính liệu riêng mà thôi, còn như hàng cấm thì thuyền buôn nước Đại Nam cũng giống như các nước.

- Khoản 3 : Phàm thuyền buôn ra, vào cửa biển 2 lần đều có chở hàng hóa thì phải cứ trọng tải mỗi tôn nộp tiền thuế đèn chỉ đường và thuế bỏ neo là 3 đồng cân bạc, nếu có thuyền nào lúc vào không có hàng hóa, mà lúc ra chở hàng hóa, hoặc lúc vào có hàng hóa mà lúc ra không có hàng hóa, phải cứ trọng tải mỗi tôn nộp bạc thuế 1 đồng cân 5 phân, nếu ra, vào 2 lần đều không chở hàng hóa thì miễn cho tiền thuế. Lại như sức thuyền chở được 20 phần mà hàng tải trong thuyền chưa tới 1 phần, giá trị mỗi tôn lại không tới 5 quan tiền thì cũng coi như thuyền ra vào đều không chở hàng hóa, miễn tiền thuế tất cả.

- Khoản 4 : Phàm hàng hóa từ Gia Định chở đến các cửa biển nước Đại Nam hiện cho mở mang buôn bán, hoặc muốn đi thẳng sông Nhĩ Hà chở đến địa giới Vân Nam, lại từ địa giới tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh hoặc từ các cửa biển nước Đại Nam hiện cho mở mang buôn bán mà chở đến Gia Định, về hàng hóa nên chiểu theo cùng với thuế lệ đã định về hàng hóa từ xứ khác chở đến cửa biển mở mang buôn bán ở nước Đại Nam hoặc lên thẳng Vân Nam và từ Vân Nam hoặc từ cửa biển mở mang buôn bán ở nước Đại Nam chở đến xứ khác chước thu nửa phần mà thôi. Lại muốn lấp hẳn lệ dối trá mà phải thực có bằng cứ, cho nên phàm thuyền nào hàng hóa từ Gia Định chở đi, phải có quan Tấn thủ nước Pháp và quan Lãnh sự nước Đại Nam ở Gia Định cấp giấy ký tên đóng ấn làm bằng, mới được chước giảm. Thuyền nào từ địa giới Vân Nam hoặc từ các cửa biển hiện cho khai thương ở nước Đại Nam mà chở đến Gia Định thì ty thuế quan có thể tùy tiện bắt mượn người bảo lãnh số thuế nửa phần đã nói ở trên ; nếu không có người bảo lãnh hoặc có bảo lãnh mà không đủ làm bằng, cũng có thể bắt phải gửi nộp cả số thuế nửa phần được chước giảm ấy, đợi có bằng cứ đích thực, sẽ trả lại sau.

- Khoản 5 : Hai tỉnh Bình Thuận và Biên Hòa do đường bộ đi lại buôn bán thì từ trước đến nay hạng thuế nào có thu hay không, nay nên vẫn như cũ, không nên thêm bớt thay đổi ; đợi sau khi thương ước cùng giao cho nhau, hạn trong 1 năm sẽ nghĩ định điều riêng về buôn bán đường bộ, phụ theo điều ước ấy. Tuy vậy có người ở địa hạt nước Đại Nam mua ngựa đem đến tỉnh Biên Hòa để bán thì tất phải chiểu theo thuế lệ hiện hành, không nên gia nặng thêm.

- Khoản 6 : Muốn được chiểu liệu đánh thu thuế quan và khỏi để khách buôn các nước ngoài trở ngại với quan nước Đại Nam, cho nên triều đình nước Pháp giúp triều đình nước Đại Nam lựa chọn viên quan nước Pháp, nhưng phải theo quan bộ Hộ nước Đại Nam chỉ bảo đủ để theo giúp việc thuế quan. Triều đình nước Pháp cũng giúp triều đình nước Đại Nam tìm cách tuần phòng ngoài biển, cốt được nghiêm mật để giữ cho dân buôn. Phàm trước khi chưa bồi xong số bạc bồi phí tổn còn thiếu của nước Y Pha Nho, thì không được thuê người nước Tây nào khác không phải là người nước Pháp mà quan Khâm sứ hoặc quan Lãnh sự có ý không

bằng lòng cho làm việc thuế quan ; đợi khi nào bồi xong số bạc thiếu của nước Y Pha Nho và quan nước Đại Nam đã am hiểu việc đánh thuế, thu thuế không phải phiền cậy người nước Pháp làm giúp, thì đến khi ấy 2 nước sẽ hội nghĩ nên làm thế nào, tùy tiện thay đổi.

- Khoản 7 : Phàm ty Thuế quan ở các cửa biển đã cho mở ra cho người các nước ngoài thông thương, đều thuộc quan nước Đại Nam 1 viên đóng ở cửa Ninh Hải để trông coi, lại có 1 viên người nước Pháp giúp nước Đại Nam giữ việc thuế quan của người buôn Tây cũng cùng đóng ở cửa biển ấy, phàm luật lệ thuế buôn ở các đồn thuế quan ấy, do 2 viên ấy cộng đồng làm cho thỏa đáng. Các người Tây theo làm việc ở các đồn thuế quan đều do quan nước Pháp ấy cai quản cả. Viên ấy cũng có thể thời thường gửi thư cho quan Lãnh sự và quan Khâm sứ nước Pháp để bày tỏ các việc thuế quan và thông thương, còn 2 viên quản lý và thống nhiếp ấy, đến khi việc thu thuế nếu có khoản nào phải tư trình quan bộ Hộ nước Đại Nam xét bảo, thì đều phải cùng ký tên tư đi. Trong đó nếu có khoản nào 2 viên ấy ý kiến không hợp nhau thì đều cứ đem ý kiến của mình tư cho quan bộ Hộ xét xử.

- Khoản 8 : Phàm người nước Pháp theo giúp nước Đại Nam, nên được phẩm trật, lương bổng và cùng với quan nước Đại Nam đi lại lễ tết nên ở thứ bậc nào, sẽ đợi 2 nước hội đồng bàn định.

- Khoản 9 : Phàm sổ sách biên thu thuế lệ nên đều làm riêng 2 bản : 1 bản để ở ty Thuế quan người buôn nước Tây, 1 bản để ở ty Thương trường chiểu thu các thuế quan do triều đình nước Đại Nam đã định. Về đơn nộp thuế cùng giấy biên hoặc chi tiền bạc ở kho ấy ra đem để ở kho khác, cũng phải có chữ của quan nước Đại Nam và quan nước Pháp ký tên đóng ấn, cứ đến cuối tháng đều đem sổ thuế hội đồng đối chiếu.

- Khoản 10 : Phàm chi phí trong 1 năm phải lấy ở tiền thuế đèn chỉ đường và bỏ neo để chi nếu hạng ấy chi không đủ, lại cho lấy ở các thuế quan, nhưng không được chi quá nửa phần.

Về việc nên chi : 1. Cấp phát lương bổng cho người Tây theo giúp việc thuế quan ở nước Đại Nam cùng quan viên nước Đại Nam và ngoài ra quan viên nước khác dự làm việc thuế không phải ở phương Tây ; 2. Dựng làm các sở nha môn, sảnh, thự ở ty Thuế quan ; 3. Tu bổ thuyền, cắm đèn, cột đèn ; 4. Đào sông, đo nước cùng tất cả các khoản chi phí mà có ích cho việc buôn bán.

- Khoản 11 : Phàm thuế lệ đã định ở điều ước thông thương này, phải theo giữ kể từ sau khi giao cho nhau, hạn đủ 10 năm, trong hạn ấy nếu có khoản nào nên sửa đổi, thì kể từ ngày trong 2 nước có 1 nước xướng nghị trở về sau, đủ 1 năm, được 2 nước hội đồng bàn định, mới được thay đổi.

- Khoản 12 : Phàm người buôn các nước cùng với các quan viên ty thuế quan có vì sự lệ thuế quan mà không bằng lòng, sinh ra kiện tụng, thì do quan sở tại nước Đại Nam cùng với quan Lãnh sự nước Pháp hội đồng xét xử.

- Khoản 13 : Phàm các thuyền của nước Pháp và nước khác đến cửa biển nước Đại Nam hiện chuẩn cho khai thương, đều cho thuê người dẫn thủy dẫn đường vào cửa biển, khi nào thuyền ấy tuân theo nộp thuế lệ xong mà muốn ra khỏi cửa biển, cũng được thuê người dẫn thủy dẫn ra, đều không ngăn trở để chậm. Người nào muốn làm nghề dẫn thủy phải có 3 người chủ thuyền buôn biên giấy nhận thực, người ấy thực là có thể làm được thì quan lãnh sự nước Pháp và quan tấn thủ nước Đại Nam cấp bằng cho làm dẫn thủy. Về giá thuê dẫn thủy, phải do quan Tấn thủ và quan Lãnh sự hoặc Phó lãnh sự chiểu theo cửa biển xa hay gần, hiểm trở hay dễ dàng liệu định.

- Khoản 14 : Hễ người dẫn thủy dẫn thuyền nước ngoài vào cửa biển xong, quan ở ty Thuế quan phái ngay 1 - 2 người coi giữ, để thuyền ấy khỏi thầm trái điều lệ thuế buôn, các người coi giữ ấy được tùy tiện hoặc ở thuyền mình, hoặc ở thuyền buôn ấy, còn như lương bổng tiền bạc ăn hằng ngày, và tiêu dùng sẽ do ty Thuế quan chi cấp, không được đến chủ thuyền và chủ có hàng hóa ấy đòi tính tiền phí tổn, nếu trái lệnh thì chiểu tính tang đòi lấy ấy nhiều hay ít trị tội, rồi đòi lại tiền tang đưa trả sự chủ.

- Khoản 15 : Phàm thuyền buôn các nước ngoài đến cửa biển hiện chuẩn cho thông thương, hạn 1 ngày đêm, trừ ra thuyền nào thực có duyên cớ trở ngại, chủ thuyền, chủ có hàng hóa ấy hoặc người thay mặt phải đem ngay bài thuyền, hóa đơn, tên người đưa trình quan lãnh sự nước Pháp ; lại hạn 1 ngày đêm, quan Lãnh sự ấy đem cả tên thuyền, tên người và lệ trọng tải cùng hàng hóa gì, số là bao nhiêu khai rõ kỹ càng, chuyển tư cho quan ty Thuế quan biết, nếu chủ thuyền ấy lười biếng khinh nhờn mà sau khi vào cửa biển đã 2 ngày đêm, chưa chịu tuân theo lệ ấy, thì cứ quá 1 ngày đêm phạt bạc 50 đồng, về tiền phạt chỉ đến 200 đồng là cùng, còn tiền phạt ấy được thu vào kho thuế quan. Quan ở ty Thuế quan đã tiếp được quan lãnh sự tư đến, tức thì cấp phát giấy biên, cho chủ thuyền ấy mở khoang thuyền bốc hàng hoá, nếu chủ thuyền ấy chưa lĩnh được giấy biên mà đã vội mở khung thuyền bốc hàng hoá, thì phải phạt bạc chỉ 500 đồng, và tất cả hàng hoá bốc ra khỏi thuyền đều phải tịch thu vào kho thuế quan.

Lại thuyền buôn vượt biển, như có mang theo súng ống, thuốc đạn để tự vệ, mà đã có biên kê ở trong bài thuyền, thì lúc mới đến đồn cửa biển kê khai đơn hàng cũng đều khai cả một thể. Nếu quan nước Đại Nam cho là súng ống, khí giới, thuốc đạn ấy không tiện để ở thuyền, thì chủ thuyền ấy phải đem súng ống, thuốc đạn ấy lên trên cạn nộp gửi quan Tấn thủ ở đồn địa đầu và quan Lãnh sự nước Pháp, đợi khi

nào thuyền ấy hoặc ra khỏi cửa biển, hoặc chuyển về tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh thì trả lại. Như từ cửa biển Hải Ninh mà chuyển đến Vân Nam, khi đi có phải mang theo khí giới để tự vệ, thì do quan quản lý nước Đại Nam và quan Lãnh sự nước Pháp hội đồng liệu định. Trái lệ ấy thì súng ống, khí giới, thuốc đạn đều tịch thu vào kho công nước Đại Nam, lại phạt bạc chỉ đến 500 đồng.

Lại nếu có thuyền nào là người nước Tây và nước Tân thế giới chở trộm khí giới, thuốc đạn lên bộ ở trong địa phận nước Đại Nam, nếu khí giới, thuốc đạn ít thì thu lấy nộp vào kho công, lại phạt bạc 500 đồng ; nhiều mà có ngại, thì có thể lại bắt giam, thuyền ấy bị tịch ký, và tịch ký cả hàng hoá ở thuyền hoặc tịch ký mấy phần, tới khi ấy sẽ tùy nhẹ nặng nghĩ định, còn như tịch ký án ấy thì 2 nước xét xử.

- Khoản 16 : Phàm chủ thuyền và người buôn các nước ngoài cho được tuỳ ý thuê mượn thuyền vận tải, thuyền nhỏ để chở người đi và hàng hoá, còn giá thuê thuyền đó là bao nhiêu, cho 2 bên đối giá vừa phải với nhau, quan nước Đại Nam không phải trông nom giúp. Nếu thuyền đò ấy hoặc có lừa dối chở của cải của người buôn chạy đi mất, thì quan nước Đại Nam cũng không có lý phải bảo hiểm và bồi thường. Các thuyền đò ấy không phải hạn số là mấy chiếc, cũng không nên cho người giữ lấy, và không cho người phu khuân vác nắm cả bốc hàng lên, đưa hàng xuống.

- Khoản 17 : Phàm người buôn các nước ngoài, mỗi lần bốc hàng đem hàng xuống, phải kê khai đơn hàng trước cho minh bạch, để trình quan Lãnh sự, quan Lãnh sự ấy tức thì chuyển tường quan ở ty Thuế quan cấp giấy chuẩn cho bốc hàng lên đem hàng xuống, nhưng tra xét các hàng hoá đã khai ấy cho thỏa đáng, để cho đôi bên đều không phải thiệt.

Hễ khi đến xem xét hàng hoá định thuế, người buôn ấy nếu không muốn tự phải cùng xét, phải ủy người am hiểu làm thay, thì cũng cho tuỳ tiện. Nếu đương lúc xét hàng hoá định thuế, mà người buôn ấy không theo lệ cùng xét, thì sau dù có kêu ca lẽ gì cũng không được chấp nhận. Nếu hoặc người buôn cùng với quan ở ty Thuế quan định giá hàng hoá có không hợp, thì 2 bên đều nên chiêu tập người buôn mỗi bên 2 - 3 người, đến đấy đối chiếu cùng so sánh giá, trong đó có người nào trị giá cao, thì phải theo giá ấy mà đánh thuế. Phàm nộp thuế quan thì lấy hàng hoá trần làm đích, nếu có gói bọc, thì phải bỏ đi. Nếu người buôn cùng ty Thuế quan so sánh định bì gói của hàng hoá không hợp, thì 2 bên đều đem 1 - 2 hòm, thùng, bao hàng hoá ấy có cả bì đem cân qua, xem nguyên nặng là bao nhiêu. Lại bỏ bì ra cân xem nặng là mấy cân, rồi sau đem các thứ nặng nhẹ không đều nhau tính suốt chia đều làm chuẩn đích ; cái khác theo lệ ấy mà suy ra. Nếu đương lúc kiểm tra hàng hoá mà có sự gì ngăn trở không thể phân giải được thì người buôn ấy nên lập tức xin quan Lãnh sự liệu định. Quan Lãnh sự ấy cũng tư cho quan ở ty Thuế quan biết,

trong đó hết sức điều đình làm cho phải, cốt cho 2 bên cùng bằng lòng ; duy người buôn ấy như có kêu ca gì, không ở trong hạn 1 ngày đêm, nếu quá hạn, hết thảy không được chấp nhận đơn. Lại đương lúc hai bên không hợp nhau, chưa được xét định, thì quan ở ty Thuế quan chớ đem hàng hoá ấy biên vào trong sổ, đợi 2 bên xét rõ thỏa đáng, mới được ghi chép vào sổ. Lại như hàng hoá có bị duyên cớ gì mà thiếu hụt, thì lập tức phải khám xét lại ; về thuế lệ cũng chiểu số thiếu hụt là bao nhiêu lượng giảm, hoặc nên chiểu theo như trên chiêu tập các người buôn đã am hiểu đối chiếu xét xem cũng được.

- Khoản 18 : Phàm các thuyền buôn đã vào cửa biển hiện chuẩn cho khai thương, mà chưa lĩnh giấy cấp cho bốc dỡ hàng như khoản trên đã nói, thì hạn cho 2 ngày đêm có thể ra khỏi cửa biển đi đến cửa biển khác, thì thuế quan, thuế hàng hoá, cửa biển ấy không phải đòi thu, đợi đến cửa biển khác bán hàng hóa sẽ phải chiểu lệ nộp thuế.

- Khoản 19 : Phàm chủ thuyền hay người buôn, điều lệ dỡ hàng nộp đủ thuế, đều chiểu theo hàng hoá đã dỡ ấy đã được xét, lần lượt nộp thuế bốc hàng xuống thuyền để xuất khẩu, cũng chiểu theo lệ ấy mà làm. Các thuế thuyền, thuế hàng hoá đã nộp đủ xong rồi thì quan ở ty Thuế quan phải cấp ngay cho giấy biên nhận đã thu cả để trình quan Lãnh sự xét rõ, đem ngay bài thuyền và các giấy biên đã nộp trước giao trả, chuẩn cho ra khỏi cửa biển. Tuy vậy, nếu chủ thuyền ấy cùng ty Thuế quan còn hợp ý, mà muốn cho việc buôn bán được tiện lợi dễ dàng, thì cũng được chiểu theo bài thuyền và hóa đơn mà đánh thuế, thu thuế, không phải đợi dỡ bốc hàng để khám xét.

- Khoản 20 : Phàm thuyền buôn tiến đến cửa biển đã quá hạn 2 ngày đêm, như khoản 18 đã định, và trước khi chưa bốc dỡ hàng hóa, phải đem ngay tiền thuế đèn chỉ đường và bỏ neo nộp đủ, theo như khoản thứ 3 đã định ; không được lại sinh cớ khác yêu sách tính tiền phí tổn. Lúc nộp tiền thuế, quan ở ty Thuế quan cấp phát ngay giấy chấp chiểu, khai rõ thuế thuyền đã từng nộp xong. Nếu thuyền ấy tùy tiện chở đến cửa biển khác, đem ngay giấy chấp chiểu ấy đưa trình quan ở ty Thuế quan sở tại tra xét quả thực, thì miễn nộp thuế thuyền lần nữa.

Lại phàm thuyền buôn các nước ngoài đến buôn ở cửa biển nước Đại Nam hiện chuẩn cho khai thương mỗi 1 lần từ nước ngoài tiến đến nước Đại Nam, chỉ nộp thuế thuyền 1 lần mà thôi.

- Khoản 21 : Phàm thuyền buôn các nước ngoài đã tiến vào cửa biển hiện chuẩn cho khai thương, nếu đem hàng hóa bốc lên ít nhiều ở cửa biển ấy, thì chiểu số hàng hóa đã bốc ấy nộp thuế. Về hàng hóa còn lại tuỳ ý mang đến cửa biển khác bốc lên để bán, thì phải đợi khi đến cửa biển khác sẽ nộp. Nếu có thuyền nào ở cửa

biển đã đem thuế hàng hóa nộp đủ xong việc, muốn đem hàng hóa ấy chuyển đến cửa biển khác để bán, thì báo rõ với quan Lãnh sự, tư cho quan ở ty Thuế quan biết, xét rõ hàng hóa ấy quả là nguyên phong không động đến, thì phải cấp cho bài chỉ giữ làm bằng, chưa rõ hàng hóa ấy đã từng nộp đủ thuế ở cửa biển nào, để cho người buôn ấy đến cửa biển khác chỉ đem bài chỉ ấy trình quan Lãnh sự chuyển đưa cho quan ở ty Thuế quan sở tại tra xét, miễn thuế cho, liền cất ngay bài chỉ bốc dỡ hàng hóa, tất cả tính tiền phí tổn đều không. Duy lúc quan ở ty Thuế quan xem xét, hàng hóa ấy, thấy đích thực có tình lệ lậu thuế hàng hóa và gian dối, tức thì tịch thu hết hàng hóa ấy vào kho thuế quan.

- Khoản 22 : Phàm hàng hóa trong thuyền người buôn, trừ được có giấy tờ cấp riêng và gặp có việc cần phải chuyển vận không kể, ngoài ra không được tự tiện chuyển vận đến thuyền khác, chỗ khác, gặp có việc không chuyển vận không được, người buôn ấy phải báo rõ với quan Lãnh sự cấp cho giấy chấp chiếu, đệ trình quan ở ty Thuế quan xét và chuẩn cho, nhưng phải sai nha thuộc đến nơi khám xét nếu không phải vì nguy hiểm và chưa lĩnh giấy tờ mà tự tiện chuyển vận, thì những hàng hóa đã chuyển vận ấy đều đem tịch thu vào kho thuế quan.

- Khoản 23 : Phàm các nha thự thuế quan ở các cửa biển thông thương đều lĩnh các thứ cân, quả cân, trượng, thước của bộ Hộ nước Đại Nam ban cấp cho mỗi thứ một bộ, và phải sẽ lĩnh 1 bộ đưa đến để ở dinh quan Lãnh sự ; các cân, thước nặng nhẹ, dài ngắn, chiểu theo giống như của nước Đại Nam vẫn dùng không khác, mỗi cái đều có khắc ghi dấu tích của bộ để làm chuẩn đích. Phàm cân đo hàng hóa ở thuyền cùng thuế quan và số bạc chi cấp, đều theo cân và quả cân ấy giao dịch với nhau, nếu 2 bên có tranh dành dài, ngắn, nặng, nhẹ không nhất định, thì lấy cân, thước ấy làm nhất định.

- Khoản 24 : Phàm các chủ thuyền và người buôn ra vào các cửa biển thông thương, người nào dám chở trộm hàng hóa gì ra vào cửa biển, thì không kể chở nhiều hay ít, hàng hóa gì, giá bao nhiêu, cùng vật cấm đã chở mà trá mạo đem lên bờ, đều phải do quan địa phương sở tại tra bắt, tịch thu vào Nhà nước. Triều đình nước Đại Nam lại có thể sức bắt thuyền buôn gian ấy tính xong số thuế và phải lập tức ra khỏi cửa biển, sau này không được lại đến buôn bán ở các cửa biển thông thương của nước Đại Nam nữa.

Lại nếu có thuyền buôn nước này mà dám giả mạo dùng cờ hiệu của nước khác, thì do quan nước Pháp tuỳ việc tìm cách ngăn cấm trừng trị, để ngăn thói điêu. Lại phàm tiền phạt cùng hàng hóa tịch thu đem bán được tiền là bao nhiêu, đều thu vào kho thuế quan.

- Khoản 25 : Vua nước Pháp được tuỳ tiện phá tàu binh đậu ở cửa biển hiện chuẩn cho thông thương ở nước Đại Nam để đàn áp thuỷ thủ các thuyền buôn và

giúp uy quyền cho quan Lãnh sự. Lại sẽ định điều luật hạn chế để khỏi do tàu binh ấy đậu ở sông và cửa biển mà gây ra sự trở ngại. Phàm tàu binh đều miễn nộp các hạng thuế quan và tiền lương.

- Khoản 26 : Phàm tàu binh nước Pháp đi lại tuần phòng hộ vệ thuyền buôn, hễ đến cửa biển nào ở nước Đại Nam, đều lấy tình hữu nghị tiếp đãi, các tàu binh ấy được nhờ mua các vật ăn dùng, nếu có hư hỏng cũng được mua vật liệu tu bổ đều không trở ngại. Tàu buôn các nước ngoài nếu có hư hỏng và các việc nhân nạn bão nguy cấp, cần phải tiến đến cửa biển để lánh, thì không cứ cửa biển nào, cũng chiếu lệ ấy trông coi đối đãi. Nhưng tàu ấy cũng phải đậu tạm, đợi yên lặng thì phải đi ngay, không được ở lâu bốc dỡ hàng hóa buôn bán. Nếu các hạng tàu ấy không may đắm vỡ ở gần bờ biển nước Đại Nam, quan địa phương sở tại khi nghe tin báo, phải cứu vớt ngay và liệu biện giúp các việc cần dùng. Lại tìm cách cứu giúp vật liệu, hàng hóa ở thuyền ấy ; rồi tư ngay cho quan Lãnh sự ở gần đấy biết hội đồng với quan địa phương tìm cách cho các người chân sào ở thuyền buôn ấy về nước, và đem trả các thứ ván gỗ, hóa vật hiện vớt được, như được hạng nào bao nhiêu giao trả cho chủ cũ. Còn như cửa biển Thuận An, là nơi gần đường sông ở Kinh đô nước Đại Nam, các hạng tàu binh tàu buôn ấy không được chạy đến đậu lại. Nếu tàu binh nước Pháp có được phái đến việc công gì với triều đình nước Đại Nam hoặc với quan khâm sứ nước ấy, mà xin vào cửa biển ấy, đến khi ấy phải có nước Đại Nam chuẩn cho vào cửa biển mới được chạy vào.

- Khoản 27 : Phàm thuyền buôn nước Đại Nam nếu buôn bán ở nước Pháp hoặc thuộc địa nước ấy như các cửa biển ở 6 tỉnh Nam Kỳ, cũng chỉ chiếu theo như thuyền buôn của nước mà nước Pháp đối đãi rất hậu, nộp các hạng thuế quan.

- Khoản 28 : Triều đình nước Pháp lại xin theo khoản thứ 2 trong tờ hòa ước ngày 15 tháng 3 Tây năm nay đã nói, phải hết sức đánh giết giặc thủy bộ làm ngăn trở đường buôn bán, mà ở các cửa biển, các phố gần đây hiện chuẩn cho thông thương càng phải hết sức để cho người buôn được thông hành buôn bán.

- Khoản 29 : Thương ước này cũng nên phụ với hòa ước mới năm nay (ngày 27 tháng giêng Nam, 15 tháng 3 Tây) cùng chiếu theo một thể mà làm, hễ việc giao cho nhau xong, hai nước phải nên theo giữ, nếu thương ước ấy có thể làm xong kịp, cũng không được quá ngày 15 tháng 3 Tây năm sau, nên Khâm sai toàn quyền đại thần hai nước đều phải ký tên đóng dấu làm bằng cứ.

Thương ước trên này viết bằng chữ Tây và chữ Nam mỗi thứ 2 bản đối chiếu chữ Tây phù hợp với những điều đã thỏa định ở phủ Nguyên soái thành Gia Định. Niên hiệu ngày 20 tháng 7 năm Tự Đức thứ 27, tức lịch Tây ngày 31 tháng 8 năm 1874.

Lại tục nghị : Toàn quyền đại thần hai nước định thêm 1 khoản, để khỏi sau này một hai câu trong thương ước, hòa ước có nghĩa ngờ, khoản ấy cũng phụ theo với thương ước theo giữ như nhau.

Và xét phố Hà Nội đã cho người Tây các nước ngoài đến buôn, thì phải đặt 1 quan Lãnh sự và lính đi theo. Và người buôn nước Tây làm nhà chứa hàng hóa, ở buôn bán, và một sở thuế quan theo như cửa biển Thi Nại và Ninh Hải, nếu sau lại xét ty Thuế quan cửa Ninh Hải đủ để đánh thuế, thu thuế, thì ty Thuế quan ở Hà Nội được bỏ bớt ngay, nhưng quan Lãnh sự cùng lính đi theo và người buôn nước Tây vẫn ở lại Hà Nội buôn bán. Nơi mà nước Đại Nam đã cho các quan Lãnh sự nước Pháp và lính đi theo ở, mỗi nơi đất rộng theo thước Nam là 5 mẫu, thành thước Tây ước 2 mẫu rưỡi, đất ấy không phải trả tiền. Nếu người buôn nước Tây có mua đất làm nhà, thì phải chiểu giá trả tiền, mà quan nước Đại Nam cùng quan lãnh sự nước Pháp ở đấy hội đồng định giá, cốt được vừa phải.

Lại người buôn nước Tây làm nhà, tất phải rất gần nha thự quan lãnh sự ; không được xâm phạm đến chùa, miếu, phần mộ. Trong đó nếu có nhà của người mà chủ nhà tình nguyện bán đi, thì người Tây mới được chiểu giá nộp trả, cần phải xứng đáng. Phàm đất người buôn Tây đã ở, phải nộp thuế lệ bao nhiêu, đều theo lệ định hiện nay theo thế mà nộp thôi, không có thuế khác ở ngoài lệ. Còn như lãnh sự và lính đi theo đóng ở Ninh Hải, nay hãy ở lại đồn Ninh Hải, để tiện tuần phòng kiểm xét, đợi khi nào việc buôn yên ổn, quan Lãnh sự và lính đi theo ấy lại dời đến ở chỗ đất 5 mẫu của nước Đại Nam đã cho, còn đồn Ninh Hải giao lại cho quan nước Đại Nam coi đóng. Niên hiệu biên ngày 20 tháng 7 năm Tự Đức thứ 27, tức lịch Tây là ngày 31 tháng 8 năm 1874.

Lại tục nghị : Hình bộ Thượng thư Kỳ Vĩ bá, sung Chánh sứ Toàn quyền đại thần của nước Đại Nam là Nguyễn Văn Tường, Tổng thống Nam Kỳ thủy, lục quân dân kiêm thống Đại Thanh, Nhật Bản lưỡng quốc ngoại dương chư binh thuyền Đại nguyên soái của nước Đại Pháp Kha-răng được thưởng đại hạng thưởng công kim bội tinh sung Toàn quyền đại thần ; hội đồng nghĩ định, đem các lời nói ở khoản thứ 2 trong thương ước năm nay (ngày 20 tháng 7 Nam, ngày 31 tháng 8 Tây) nói : Từ chữ "nhất định phàm thuyền buôn nước Đại Thanh chở hàng hóa ra, vào, về hàng cấm cùng thuế quan phải chiểu theo hàng hóa được tải ra, vào của các hiệu thuyền nước Tây và Tân thế giới (tức 2 tờ ước gọi là cờ các nước ngoài) theo nộp như nhau, duy thuế phải nộp của các thuyền buôn nước Đại Thanh và nước Đại Nam là bao nhiêu, đều thuộc về quan ở ty Thuế quan nước Đại Nam thu riêng cất riêng ; nếu muốn chi tiêu việc gì, chỉ quan nước Đại Nam tính liệu riêng mà thôi, còn như hàng cấm thì thuyền buôn của nước Đại Nam cũng giống như các nước".

Nay nên nghĩ lại rằng : Phàm thuyền buôn của nước Đại Thanh cùng thuyền buôn của nước Đại Nam chở hàng hóa từ nước ngoài vào các cửa biển nước Đại Nam hiện chuẩn cho khai thương, hoặc từ các cửa biển nước Đại Nam hiện chuẩn cho khai thương ra các nước ngoài, thì lệ cấm và thuế quan cũng giống như các thuyền buôn hiệu cờ nước Tây và Tân thế giới chở hàng hóa ra vào, còn thuế lệ cũng thuộc viên quan ở ty Thuế quan thu cất cùng các nước giống nhau không khác. Ngoài ra theo như khoản cũ. Điều ấy đợi đến khi thương ước đã định ngày 31 tháng 8 Tây năm nay cùng giao cho nhau thì viết thêm đính vào làm một với thương ước ấy. Niên hiệu biên ngày 15 tháng 10 năm Tự Đức thứ 27, tức lịch Tây ngày 23 tháng 11 năm 1874.

Giáng Tổng thống quân thứ Nghệ An là Hồ Oai làm Chưởng vệ, vẫn lĩnh Tiền quân (vâng phái không được việc).

Tuần phủ tỉnh Quảng Yên Hồ Trọng Đĩnh xin lại đặt các đồn Đoan Lễ, Đồng Binh, Liên Xá để phòng giặc biển. Vua nghe theo. (Hạt ấy nhiều ngả đường sông, giặc biển dễ ẩn nấp, từ trước nguyên đặt đồn 16 sở, gần đây vì đồn nhiều, quân lính ít ; triệt bỏ các đồn ấy, để thuyền giặc nhân lúc sơ hở kéo đến quấy nhiễu, cho nên xin lại đặt).

Vua bảo bộ Hình rằng : Bọn giặc ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, chính yếu phạm (Tốn, Mai, Cán, Khanh, Thủ) đều phải tịch thu gia sản, thân thuộc phải tội lây ; thứ yếu phạm (như đầu mục có tiếng) đều phải tịch thu gia sản, đều bắt phải nã bắt cho được, chiểu luật trị tội ngay, những kẻ ở trong bọn giặc đã đưa nộp giáo mác, về với dân làm lính thì thôi, để cho khoan hồng và nghiêm ngặt được vừa phải, phàm kẻ làm ác coi đấy làm răn, không dám khinh thường phạm pháp nữa.

Bang biện Bắc Ninh, Thái Nguyên là Đặng Huy Trứ chết ở xã Cao Đằng, tỉnh Hà Nội, dặn lại rằng tạm chôn ở đất ấy. Quan tỉnh Hà Nội cho là Huy Trứ can việc thiếu tiền công (Trứ trước theo hàm Bố chính sung làm việc ở ty Bình chuẩn can thiếu tiền công hơn 34.000 quan, phải giáng xuống Trước tác sung làm Bang biện, rồi bồi được hơn 33.000 quan) cùng việc làm còn nhiều việc chưa xong, tư cho bộ Lại, bộ Hộ xét rõ, bộ Lại đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Đặng Huy Trứ hơi có học vấn, cũng không phải là lũ vô dụng, nhưng lập tâm hơi thiện, sợ không bổ ích, vội làm mưu khác, hầu được mảy may, nhưng khốn nỗi nói thì cao mà tài lại kém, chưa thấy có hiệu mà đã thấy tổn hại, sợ không mặt mũi nào trông thấy cha anh họ hàng, cho nên tự chết cho chóng, đáng thương đáng giận, hầu làm người có tội trong danh giáo, kẻ sĩ phu quân tử có nên không có cây gốc không ? Chuẩn cho gia ơn cấp cho nhà ấy 100 quan tiền, chuẩn cho tỉnh ấy đưa về chôn (huyện Quảng Điền), chớ nghe lời nói càn quên gốc của hắn khi còn sống. Đợi bộ Hộ xét bắt bồi xong sẽ chuẩn cho khai phục.

Tháng 8, Lại bộ Thị lang Nguyễn Tăng Doãn nguyên sung Giảng định thương ước Phó sứ làm Khâm phái, mang thư của tướng Pháp đến Hải Dương thương thuyết với phái viên nước Pháp là La-đăng (thư của tướng Pháp nói đánh giúp giặc biển), liền phải xét kỹ địa thế tỉnh Hải Dương và ngoài thành Hà Nội chọn chỗ làm nhà để cho quan quân nước Pháp ở.

Tiết mừng Vạn thọ, cho quan quân các quân thứ ăn yến một lần để úy lạo.

Vua ngự điện Văn Minh, triệu các đại thần cho ngồi, ban cho uống nước chè.

Sắc rằng : Nước ta hiện đương nhiều việc, các quan nên bàn tính thế nào, tức như việc binh, khoảng năm Minh Mệnh, ở Kinh mỗi vệ đều đủ 500 tên, sau mỗi vệ 400 tên, nay chỉ còn 200 hay 100 tên không thành đội ngũ ; hỏi ra ngày thường lại chẳng thấy có huấn luyện gì, các tỉnh đạo ở ngoài đều có quân lính, có việc khẩn cấp phái lính Kinh mới được việc, nay của dùng lại thiếu, không biết ngày nào mới trù tính được, trẫm chỉ giữ đại cương mà thôi, các quan phải mưu tính ngay, không nên bỏ qua.

Nguyễn Văn Tường tâu nói : Khâm sứ và lãnh sự cùng đặt ở với nhau (khoản 1 ở ước trước, ta đặt khâm sứ ở Kinh đô nước Pháp, đặt lãnh sự ở Gia Định, nước Pháp cũng có khâm sứ và lãnh sự ở Kinh đô nước ta) là để bàn việc công, thông tình hiếu, nhưng xem các nước Tây phiên đi lại hòa hợp, tiếng nói, chữ viết cùng thông, lại có điện báo để thông tin tức, nếu ta giao thiệp với nước ấy, chỉ dựa vào giấy tờ, một khi phiên dịch sai đi, lại sinh không hợp, thì đặt khâm sứ ở Kinh đô nước Pháp không có ích gì. Nếu đặt sứ ở Gia Định, là ngang hàng với Kinh đô, chưa là thỏa đáng, hoặc chỉ đặt Lãnh sự thì phẩm trật danh vọng thấp kém, theo tục nước Tây không được dự bàn việc công, nghị đặt một viên Khâm phái kiêm sung Lãnh sự ở Gia Định, lại đặt thêm 1 viên Phó lãnh sự để giúp ủy làm việc. Thần trước phụng mạng đi sứ, đã từng thương thuyết với tướng ấy ý hợp, nếu được chuẩn cho, xin giao cho đình thần dự chọn và nghĩ làm công việc. Vua theo lời.

Tướng giặc là Trần Quang Cán bị giết. Trước đây Cán cùng với Trần Tấn, bè lũ đã tan, chỉ mang được vài tên thủ hạ trốn vào địa phận hạt Cam Môn, lánh mình cầu sống tạm, sau Tấn bị bệnh chết. (Về sau bắt được con tên phạm ấy là Hướng, bắt phải đem đầu Tấn đến nộp, việc xem ở năm 28), Cán chỉ còn một mình lẻn trốn ở chùa Na Hương (thuộc huyện Cam Môn), quan quân đuổi bắt, sức cho thổ binh hướng dẫn, bắt được giải tỉnh chém ngay. Những người thám nã đắc lực, đều thưởng có thứ bậc.

Giặc Hoàng Anh lại đưa thư đến xin hàng, Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem việc tâu lên. Vua bảo rằng : Làm thế nào được yên hẳn mới được, nếu làm cho xong việc để ngại về sau, tất phải giáng bãi, chớ hối.

Trước đây người Kinh, người Thổ trong Nam bị người nước Pháp bắt làm việc, nhân khi sơ hở trốn đến các hạt Bình Thuận, Khánh Hòa, Điển nông sứ là Phan Trung nhận cho ở (41 người), đến nay tướng Pháp đem lòng ngờ, đưa thư bắt phải bắt, quan Cơ mật viện và nha Thương bạc tâu xin tư cho tỉnh Bình Thuận phải yết nã ngay, sẽ viết thư trả lời, để cho khỏi ngờ. Vua theo lời.

Tướng giặc Đặng Như Mai đem bè lũ lẻn đến chiếm giữ phủ Quỳ Châu, bọn quyền Lãnh binh Ngô Đạt, Bang biện Đào Trọng Kỳ đem quân đánh phá, Như Mai trốn chạy, bọn Tú tài Phan Dư đem dân dõng bắt sống được. Việc ấy tâu lên, chuẩn cho chém ngay.

Lại Dụ rằng : Hạt ấy là nơi rừng suối, mà quân đạo ấy ngày đêm đi gấp đường, đuổi giặc bất ngờ, lấy lại được phủ lỵ, công ấy đáng ghi. Vậy thưởng cho bọn Ngô Đạt quân công kỷ lục 3 thứ, bọn Phan Dư tòng bát phẩm văn giai, ngoài ra đều khen thưởng để khuyến khích.

Triệu bọn Thống đốc Lê Bá Thận, Hiệp đốc Vũ Lã về Kinh. Dụ rằng : Sự thế ở Quảng Bình, Hà Tĩnh được ít việc, tướng giặc bọn Như Mai đã bị giết, duy còn 2 tên phạm là Thủ và Khanh, phải bắt ngay cho tro tàn lại cháy, đại binh ở lâu, chỉ thêm khó nhọc phí tổn, bọn ngươi phải đi ngay về châu, để đỡ lo nghĩ khó nhọc. Còn đạo Hà Tĩnh giao cho quan quân thứ và quan tỉnh Nghệ An là bọn Nguyễn Chính, Vũ Trọng Bình ; cửa tuần ở Quảng Bình giao cho Tán lý Trần Văn Chuẩn, quan tỉnh Quảng Bình Trần Hy Tăng, đều hết lòng trông coi cả, đốc suất làm việc cho được chu đáo ổn thỏa.

Sắc rằng : Đặt khoa thi chọn lấy học trò, vốn cầu để cung giúp việc Nhà nước, về hạng tú tài, một khi lấy rộng quá, rồi chỉ để đấy không dùng cũng là vô ích, trừ người nào đã bổ quan không kể, còn tú tài các khoa từ trước đến nay hết thảy bỏ tên ở sổ, từ nay về sau thi Hương chuẩn cho lấy hạng cử nhân thôi, việc lấy đỗ tú tài đình bãi cả, bắt đầu từ 2 trường Hà Nội, Nam Định năm nay.

Bộ Lễ tâu : Từ trước đến nay, quan viên can tội nặng mới tước bỏ tên trong sổ xuất thân là tiến sĩ, phó bảng, cử nhân, tú tài, nay cả nước nguyên lấy đỗ tú tài, 4.000 - 5.000 người, nhất khái bỏ hết tên ở sổ, hoặc sinh dị nghị, về việc bỏ tên ở sổ, xin gia ơn cho đình miễn. Vả lại, thi Hương năm nay ở trường Hà Nội, Nam Định là làm bù cho khoa Quý Dậu. Khoa thi Hương 4 trường Thừa Thiên, Bình Định, Nghệ An, Thanh Hóa năm ngoái tú tài đã từng lấy đỗ ; nay nếu vội đình, sợ có không đều, làm cho người nghe thấy lấy làm lạ. Vậy 2 trường Hà Nội, Nam Định năm nay và từ nay về sau các trường ở Kinh và tỉnh ngoài, về hạng lấy đỗ tú tài, xin nên vẫn làm như cũ, nhưng do quan trường phải xét kỹ bỏ, lấy, không được phiếm lạm chút nào. Vua bảo rằng : Tất phải xứng đáng mà ít mới được.

Chuẩn cho đem trích các thứ hạng đồ đồng, kẽm, thiếc ở Vũ khố tùy việc chi phát. (Đồng và kẽm giao cho Hà Nội đúc tiền ; đồ thiếc giao cho phủ Thừa Thiên đem bán).

Giặc (Hoàng Anh) chiếm giữ Trấn Hà ở tỉnh Hưng Hóa, cậy chỗ bền vững đã lâu năm, đến nay Tuần phủ Nguyễn Huy Kỷ đem đoàn quân họ Lưu đánh lấy được, Thống đốc Hoàng Tá Viêm làm tập tâu tâu lên. Vua khen thưởng. Phó lãnh binh làm việc là Lưu Vĩnh Phúc thưởng thăng Lãnh binh, đợi thừa thắng cố sức đuổi, bắt được ngay Hoàng Anh, sớm diệt hết giặc còn sót ở lại Tam Tuyên, tất được khen và cất nhắc, Tá Viêm, Huy Kỷ đều thưởng gia quân công 1 cấp.

Giặc tên là Trận ở Bắc Ninh (tên Trận lúc đầu họp bè lũ ở xã Thượng Phúc, huyện Kim Anh ước 400 người, là một toán giặc nhỏ đi cướp ăn, về sau hùa theo nhau bè lũ đến hơn 2.000 người) kết hợp với giặc lẩn trốn của nước Thanh chia ra quấy nhiễu các phủ huyện Lạng Giang, Yên Dũng, Thị sư Nguyễn Uy tâu xin 1.000 quân tinh nhuệ để giúp đánh dẹp. Vua mới sai Tham tán Tôn Thất Thuyết đem theo bọn Trương Văn Đễ và quan quân đến ngay hạt Bắc đánh dẹp.

Nguyễn Văn Tường tâu nói : Nay người nước Pháp yêu cầu ở Hà Nội, vì có người buôn nước Thanh tụ họp ở đấy nhiều. Người buôn chỉ chỗ nào có lợi là chạy đến dời đi bất thường, nay mở chợ chứa hàng hóa, làm nhà, chiêu mộ người buôn ở sông Cấm cửa Ninh Hải, khiến cho thành chỗ buôn bán vui vẻ, người buôn nước Thanh đã về ở đấy, thì người buôn nước Tây không cần bỏ chỗ ấy mà đi tìm chỗ khác. Xin mật tư cho 2 tỉnh Hà Nội, Nam Định sức cho tất cả các người buôn trong hạt, nếu có tình nguyện làm nhà ở, buôn ở cửa Ninh Hải thì hạn trong 3 tháng, đều đầu đơn ở quan tỉnh Hải Dương xin làm nhà mở chợ ở 2 bên bờ sông Cấm từ đồn Ninh Hải trở lên. Lại xin sắc xuống cho đình thần hội đồng chọn người trông coi việc buôn, để cho được việc. Vua cho là phải.

Trước đây bọn giặc ở miền thượng du hạt Tuyên Quang quấy nhiễu, các sông Lô, sông Thao đều ngăn cấm cả. Đến nay Thống đốc Hoàng Tá Viêm xin bỏ lệ cấm thông thương, đã để giúp cho đoàn quân họ Lưu, cũng không khổ dân. Bộ Binh cho là ngăn sông cấm buôn là để làm cho giặc phải khốn cùng, nay giặc Hoàng Anh tuy khốn cùng, vẫn chiếm giữ tụ họp ở thượng du, bè lũ còn sót lại vẫn quấy nhiễu ở các hạt Hưng Hóa, Thanh Hóa, Ninh Bình, vội bỏ lệ cấm, chẳng cũng có hại đến việc lớn sắp thành. Bèn sai Tá Viêm xét kỹ lại, nếu quả diệt sớm được giặc Hoàng Anh, bỏ lệ cấm không ngại gì, sẽ tâu lại đợi Chỉ chuẩn cho. Sau Tá Viêm tâu lại rằng : Đánh giết giặc Hoàng Anh, hiện đương trù tính, nhờ uy linh của nhà vua, tưởng cũng có thể tâu thành công được.

Vua bảo rằng : Nếu quả không ngại, thì y cho bỏ lệ cấm, để Vĩnh Phúc được lợi về san sẻ của người có hết lòng đánh giặc, mà dân địa phương ấy cũng khỏi chịu hại, nếu hoặc để ngại, tất trách cứ trị tội.

(Nguyên xin bỏ cấm ở sông Thao, giao cho đoàn quân họ Lưu trông coi, nhưng sông Lô từ thành Tuyên Quang trở lên vẫn cấm, còn từ thành Tuyên Quang trở xuống đều cho thông thương).

Nguyễn Văn Tường từ Gia Định về xin đem súng Tây đã mua được cung tiến (1 khẩu súng lục 500 viên đạn, theo giá bạc tính thành tiền là 180 quan). Vua khen là nhậy lắm, có thể dùng được, sắc cho giữ cẩn thận để phòng sai phái. Lại đi Nam Kỳ lần này gọi được 5 người thông dịch, 7 người biết máy móc (đều là người Gia Định) tâu xin liệu cấp tiền lương đợi để sai phái. Vua y cho. (Trước đã chuẩn cho thuê người trong Nam và người nước Thanh biết thông dịch và biết máy móc để dùng, cho nên mới gọi).

Bắc Kỳ bị bão, lụt (nhà cửa đổ nát, thuyền bè chìm mất, nhân dân có nhiều người bị chết). Vua sai quan các tỉnh khám xét cứu chữa.

Cho nguyên thự Đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Trần Bình đổi bổ thự Thượng thư bộ Công.

(Trước Ngụy Khắc Đản chết, ấn triện chuẩn giao cho từ tham tri trở xuống tạm giữ, đến nay mới được chọn bổ).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LII*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Giáp Tuất, Tự Đức năm thứ 27 [1874], mùa thu, tháng 9, chuẩn cho Lê Bá Thận thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ.

Bá Thận dâng sớ tâu nói : Thần vâng mệnh đi trù tính việc quân may nhờ mưu kế của tổ tiên, giữ yên cho dân địa phương ấy, thần không có tài năng gì ; nay lạm dự vào viện Cơ mật, tâm cơ, thù ứng cho khéo nghĩ làm nhanh nhẹn tinh tường, thần không bằng Phạm Phú Thứ ; học thức sâu rộng, mưu chước tinh thâm, thần không bằng Nguyễn Tư Giản ; làm việc tính kế thường hợp cơ nghi, có tài hoạt bát ứng biến, thần không bằng Nguyễn Văn Tường. Lần này vâng mệnh phái đi, được cho vào hạng thưởng, càng thấy quá bổn phận, còn như nhất phẩm là bậc cao, triều đình phải so sánh, thần sợ sức không đủ mà làm gương, thì lo không gì lớn bằng, xin thu về mệnh lệnh mới, chuẩn cho vẫn ở chức cũ (Thượng thư bộ Lễ).

Vua bảo rằng : Khuyến khích người có công, đền đắp sự khó nhọc là điển lệ thường của Nhà nước, hầu bỏ điển lệ, thì lấy gì khuyên đời, mà tự cam chịu không tài, quên cả tấm lòng mong báo ư ? Trẫm rất không khen, chuẩn cho không phải bàn.

Ban cấp 2 bản hòa ước, thương ước cho các địa phương. Khi ấy 2 bản ước cùng với người nước Pháp đã bàn định xong, đình thần lo về lòng người ngờ vực, xin ban mệnh lệnh trước.

Vua mới Dụ rằng : Năm ngoái Bắc Kỳ có việc, dân cũng khó nhọc, trẫm không nỡ để cho dân khốn khổ nữa, y theo lời xin của Du-bi-lê là tướng nước Pháp định

lại hòa hiếu sau rồi lấy lại được 4 tỉnh, chốn miếu đường, đỡ lo về trông coi miền Bắc, nhân dân có lòng mong được nghỉ ngơi, từ xưa vẫn không phải cậy hòa để dựng nước, mà chưa từng không giảng hòa để cho quân nghỉ ngơi, tạm thời làm việc phải đều là tính cho dân.

Hòa ước đã định, bắt đầu thi hành từ năm nay, mùa xuân sang năm sau khi giao bản hòa ước cho nhau, thì thương ước cũng sẽ cử hành vào lúc ấy, về phố Hà Nội và cửa Ninh Hải đã chuẩn cho quan Tây đặt lãnh sự để coi những thuyền buôn các nước, ta cũng mở cửa quan sang thu thuế các tàu biển, làm nhà ở buôn, việc tuy mới làm, nhưng tài hóa lưu thông, nước được đầy đủ, 2 bên đều có lợi, thương ước thành mà hòa hiếu có thể lâu dài, cùng yên với nhau, không xảy ra việc gì ở cả chỗ ấy. Vả lại, định ước khai thương, tất phải theo lệnh mà làm, ai trái lệnh đã tự có pháp luật, đợi gì phải nói nhiều.

Duy nghĩ : Thường tình người ta, quen ở thói thường, tình thế trong ngoài, không trông thấy rõ, thì ý kiến này khác, hoặc chưa bỏ hết nên phải không sợ phiền, hiểu bảo cặn kẽ trước khi có việc, đều đặt lẽ phải ở lòng mình, nên lấy việc nước làm trọng, chớ lấy kế riêng làm đầu, chớ đem bàn ngang khác nhau ở đường ngõ, chớ cho lời răn bảo của triều đình làm tờ giấy suông. Xưa Lê Thái Tổ cùng triều đình nhà Minh gây chiến, sau khi giảng hòa, cho dân buôn Trung Quốc đến nhiều đất nước ta, đến nay hơn 400 năm, quen mà ở yên. Gần đây triều đình Trung Quốc cùng 4 nước ở biển Tây giảng hòa, cũng cho đặt khâm sứ, lãnh sự và các người buôn nước Tây buôn bán ở cửa biển Trung Quốc, đây đều là việc dĩ nhiên, ai cũng tai nghe mắt thấy, không phải mới ở ngày nay, cũng không phải một mình nước ta, phải nên nghĩ kỹ trước sau, trên dưới cùng lòng, để giữ toàn cục, trẫm có lòng mong lắm.

Còn như người buôn ở các cửa biển, các phố Hà Nội, Nam Định có muốn làm nhà buôn bán ở cửa biển Ninh Hải, cho được do quan chọn đất, nhận cửa hàng, đánh thu thuế lệ, trừ hòa ước, thương ước sẽ chuẩn cho in cấp cho tỉnh, đạo, phủ đều 1 bản để niêm yết và thông sức cho các phủ huyện đều biết ra, đặc cách giáng Dụ này bảo cho biết cho đều tuân theo chớ quên.

Thự Tổng đốc Hải - Yên là Phạm Ý thương thuyết với quan Tây đem binh thuyền đánh giặc biển ở các sở Phù Lưu, Khánh Chủ thắng trận. Vua thưởng cho có thứ bậc ; nhân sai quan tỉnh cùng với Khâm phái Nguyễn Tăng Doãn thương thuyết với quan Tây đánh giúp cho hết giặc và đem ngay quân bắt giặc cùng các phủ, huyện tuỳ cơ đánh trận.

Hộ bộ Thượng thư Phạm Phú Thứ tâu nói : Kho chứa ở Kinh chỉ chi được 3 tháng, tới khi cần đến không khỏi phải chi đến số tích trữ trước (thóc 660.000 hộc) ;

thuyền công tiến đi hơi chậm, xin đem ngay các thuyền dân chở thêm, cấp thêm giá cước (gấp rưỡi thêm lên gấp đôi, gấp đôi thêm lên gấp đôi rưỡi), tới kỳ phải chở để kịp chi dùng.

Vua bảo rằng : Năm nay không đủ cũng có cớ (giặc biển, bão, lụt), nghĩ tuy cấp thiết nhưng thực hành không được ; hằng năm vào mùa xuân còn có gió bắc làm hỏng việc, huống chi sau tiết Đông chí khó đi, đi gượng thì thuyền và của kho mất hết, mà mạng người đáng thương, chưa nên chuẩn cho, nghĩ lại cho thỏa đáng ; hoặc khuyên nhiều người buôn nước Thanh và người buôn các tỉnh chở nhiều gạo đến Kinh để bán, trả giá thêm lên để mua và miễn thuế cho, ngõ hầu không ngại, mà sang năm đốc thúc chở phải đầy đủ, chớ quen như cũ là được.

Sứ bộ sang nước Thanh là bọn Phan Sĩ Thục trở về, nhân đường mắc nghẽn (giặc Trận ở Bắc Ninh quấy nhiều) ở lâu ở thành Lạng Sơn, làm sớ tâu lên. Vua bảo rằng : Các ngươi cách năm lặn lội, muôn dặm khó nhọc, nay may trở về, sớm lấy làm vui mừng. Trước đây nghe nói đường quan lộ tiếp giáp hạt Bắc Ninh có ngăn trở, đã chuẩn cho các quan quân thứ và quan tỉnh dẹp yên để tiện trở về được tất, các ngươi nên phải xem xét cẩn thận, đi về bình yên mới được. Nhân xuống Dụ quở trách quan quân thứ rằng : Nguyễn Uy là chức trách Thị sư, ở trong quân trù tính xin việc gì cũng nghe theo cả, đến nay chưa dẹp yên, trước đã xin đến mùa xuân năm nay là xong, lời nói ấy để đâu, rất đáng giận lắm. Tôn Thất Thuyết từ xa đến cùng đánh, đến nay đã quá một tháng, thắng trận bé nhỏ, lòng người chưa được hả lắm, để đến nỗi xe sứ bộ trở về đã lâu còn nghẽn, nay cho bắt ngay, bọn ngươi đều phải đốc sức quân bắt giặc, quét sạch bọn giặc không để sót một tên nào, hộ vệ sứ bộ trở về chóng đến Kinh sư, thì công của các ngươi còn có thể trừ được lỗi.

Sai người (4 người) đến Gia Định học phép bắn súng nhỏ đạn chạy. Trước đây, bọn Nguyễn Văn Tường tâu : Súng nhỏ đạn chạy ria phỏng giá bạc 202 đồng, nếu được chuẩn cho mua, xin do bộ Binh chọn ở quân Thần cơ, Cảnh tất, hơi am hiểu phép bắn đến Gia Định học tập cho thạo kỹ, mới có thể mua để dùng. Vua theo lời.

Sai Nguyễn Tăng Doãn là Khâm phái ở Hải Dương khám xét chỗ quan Tây đóng, đóng ở bờ biển, hình thế như thế nào, đến cửa biển nào, tỉnh nào, xa hay gần, hết thảy vẽ bản đồ chung cả tỉnh ấy và 4 phía, tiến lên vua xem.

Vua cho là 9 châu ở đạo Cam Lộ, từ khi định nộp thuế đến giờ, lại không bằng trước đã tiến sản vật địa phương là lợn (định nộp thuế hơn 1.200 người chiết nạp bằng tiền đồng niên 856 quan, sản vật địa phương : voi đực 4 con, trâu đen 4 con, ngà voi 2 chiếc, sừng tê 7 chiếc, sáp vàng cân nặng 23 quan tiền, màn vải 2 bức, vải trắng 75 đoạn, dao đánh lửa 60 chiếc, đá lửa 4 sọt). Nay cần dùng voi, nên sai cống voi mà tha cho thuế, mới sai bộ Hộ, bộ Lễ nghĩ định, tâu trả lời. Quan ở bộ sau tâu nói : Thổ ty cho là cống phẩm giá cao, xin nộp thuế là tiện. Vua y cho.

Bộ Hộ tâu nói : Các dinh quân nước Thanh ở quân thứ Bắc Ninh đi qua các tỉnh đòi mượn bạc lạng, tiền, gạo, chỉ dựa vào 1 tờ giấy, doanh hiệu, dấu triện, hoặc có hoặc không, tới khi hỏi xét, quân ấy phần nhiều đem bác đi, đã tư cho các tỉnh xét rõ, các giấy bác đi ấy đều không phải đích tình phù lạm giả mạo, xâm phạm nhiễm chỉ, có được khai tiêu hay không, đợi Chỉ chuẩn cho.

Vua bảo rằng : Cũng gia ân chuẩn cho khai tiêu, từ sau không được làm sơ suất như thế. Bèn sai Thị sư Nguyễn Uy hội làm danh sách lượng trình lên Đề đốc họ Phùng và đem việc ấy nói kèm.

Vua bảo bộ Lễ rằng : Gặp ngày kỵ, ngày đản đã dâng tiến nghi lễ ở miếu riêng, đã là hợp tình hợp lễ, lại dâng tiến ở điện, ở lăng tuy là quá hậu, nhưng không phải là kính riêng, từ nay về sau nên đều bớt đi, chỉ dùng các lễ phẩm chè, rượu, do 1 viên thủ hộ sứ lễ dâng cũng được, giao bộ nghĩ lại, tâu để thi hành.

Bộ thần sau tâu : Tham khảo châm chước điển lễ nhà Minh, sau này có gặp các lễ kỵ, lễ đản ở điện Phụng Tiên, điện Hiếu Tư, điện Long An, trước khi lễ do viên thủ hộ sứ chiểu theo các lệ ấy (trừ cỗ bàn ra) dự lĩnh các thứ vàng, bạc, hương, nến, trầm, chè, trầu, rượu, hễ đến chính ngày làm lễ theo như tiến dâng ở điện Minh Thành và điện Gia Thành, do 1 viên chánh phó sứ được sung lễ dâng theo như nghi thức, rất là thỏa đáng thích hợp. Vua theo lời.

Hoang Man ở Hòa Xá (hơn 60 tên) đốt cướp trường giao dịch ở nguyên Thạch Thành đạo Phú Yên, quan đạo ấy là Lê Văn Phổ, Ngô Đức Bình, Lãnh binh là Thai Súy vì phòng giữ sơ suất, đều giáng 1 cấp lưu lại làm việc, rồi sai phải phòng bị nghiêm ngặt hơn, để yên dân ở biên giới.

Định lại điển lễ thờ tự miếu đế vương các triều đại ở các địa phương. Nơi nào là miếu riêng chỉ thờ 1 vị (như các vị Kinh Dương, Thục An Dương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành) thì đồng niên cấp tiền 100 quan, 10 người miếu phu ; đấy là chỉ vào chỗ miếu chính ; nếu lại có chỗ khác thì cấp tiền 50 quan, phu 6 tên. Nơi nào thờ chung nhiều vị (như các miếu nhà Lý, nhà Trần, nhà Lê) nhà Lý, nhà Trần đều cấp tiền 300 quan, phu 20 tên ; nhà Lê thì cấp tiền 800 quan, phu 30 tên ; nếu có nơi khác, số thờ ít thì chiểu theo thứ tự giảm bớt đi.

(Lệ trước các vị thờ riêng như Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đều lập miếu riêng ở 2 xã Trường An Thượng, Trường An Hạ, tỉnh Ninh Bình, mỗi miếu ruộng tế 80 mẫu, miếu phu 20 tên. Miếu vua nước Chiêm Thành ở thôn Quảng Hợp, huyện Hòa Đa, tỉnh Bình Thuận, 2 lễ về mùa xuân, mùa thu, mỗi lễ 1 con trâu, 1 con lợn, nến sáp, mâm xôi, vàng, bạc, trầu, rượu, lĩnh tiền công sắm đủ, miếu phu 20 tên. Các vị thờ chung : miếu các vua triều Lý ở xã Đình Bảng, huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh, đồng niên cấp tiền 100 quan, miếu phu 25 tên. Miếu các vua triều Lê ở

xã Kiều Đại, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, năm Minh Mệnh thứ 16 được chuẩn cho 100 mẫu tự điền, năm Tự Đức thứ 3, đổi cấp đồng niên tiền công là 729 quan, miếu phu 60 tên. Còn như miếu Kinh Dương Vương ở xã Á Lữ, huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh ; miếu Hùng Vương ở núi Hy Lĩnh, xã Hy Cương, huyện Sơn Vi, tỉnh Sơn Tây ; miếu Thục An Dương Vương ở núi Mỗi Dạ, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An, lại 1 miếu nữa ở xã Cổ Loa, huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh ; miếu Trưng Nữ Vương ở xã Hát Môn, huyện Phú Thị, tỉnh Sơn Tây ; miếu Mai Hắc Đế ở xã Đông Liệt, huyện Nam Đường (trở xuống) tỉnh Nghệ An, lại một miếu nữa ở xã Hương Lãm ; miếu Sỹ Vương ở xã Tam Liễu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (trở xuống) và 1 miếu nữa ở xã Lũng Khê, huyện Siêu Loại ; miếu Tiền Lý Nam Đế ở xã Tử Đường, huyện Thụy Anh, tỉnh Nam Định ; miếu Triệu Việt Vương ở thôn Phúc Thịnh, huyện An Thành, tỉnh Nghệ An và 1 miếu nữa ở xã Trinh Hà, huyện Mỹ Hóa, Thanh Hóa ; miếu Tiền Ngô Vương ở xã Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây ; miếu các vua triều nhà Trần ở xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định và 1 miếu nữa ở xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương, từ trước đến nay chưa được ân cấp tự điền, đến nay đều ở điền lệ thờ tự. Nơi nào phụng thờ 2 miếu thì tiền công chuẩn do nơi phát tích, đóng đô mà từ trước đến nay các khánh điển đã được dự tế chiểu lĩnh, như Thục An Dương Vương thì miếu ở xã Cổ Loa ; Mai Hắc Đế thì miếu ở xã Hương Lãm ; Sỹ Vương thì miếu ở xã Lũng Khê ; Triệu Việt Vương thì miếu ở xã Trinh Hà ; các vua triều Trần thì miếu ở xã Tức Mặc, đều là dự khánh điển tế. Một chỗ miếu thờ Kinh Dương Vương, từ trước đến nay, gặp các khánh điển, chưa được ân tế nay kê thêm vào dự tế, nếu lăng miếu có hư hỏng, địa phương xét thực, xin chi tiền giao cho dân sở tại tu bổ và cấm cắt cỏ, chăn trâu, định làm lệ mãi.

Kỳ thu thẩm năm ấy các hạng tù 85 tên phạm. Chuẩn cho chém 3 tên, ngoài ra hoãn chém và phát đi, tha ra cùng để giam có thứ bậc. (Trong đó hoãn chém 4 tên, trảm giam hậu 61 tên, phát đi sung quân 11 tên, phát lưu 4 tên, tha ra 3 tên).

Mùa đông, tháng 10, tỉnh Khánh Hòa nhiễm lệ khí, vua sai quan tỉnh cùng phủ, huyện làm nhiều thuốc để chữa, người dân bị chết thì cấp tiền tuất.

Dụ thưởng cho bọn Ngự y, Viện phán ở viện Thái y thăng trật và ngân tiền, và ban cho hoàng thân đến các quan văn, võ từ ngũ phẩm trở lên kim tiền, ngân tiền có thứ bậc. (Ngày gần đây vua ốm, đến nay đã khỏi, ngự ở điện nghe triều chính, hoàng thân và các bầy tôi làm lễ mừng, vua giáng Dụ ban thưởng).

Tha thuế vụ hạ và thuế các năm trước để thiếu cho 3 huyện (Hàm Yên, Thu Châu, Chiêm Hóa) ở tỉnh Tuyên Quang (vì cớ có giặc).

Sai quan tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh cứu chữa cho lương dân bị hại (bọn giặc đốt nhà giết người).

Tham tán Tôn Thất Thuyết tâu xin thưởng hậu, phạt nặng được tùy tiện làm việc.

Vua bảo rằng : Trước đã có Dụ chuẩn cho thưởng phạt quan to và các việc quan trọng, tất phải tâu lên đợi Chỉ, ngoài ra thưởng phạt nho nhỏ đều cho được tùy tiện làm việc, nếu dám trái lệnh để đến hỏng việc, tự có phép quân, việc gì phải nói, nhưng phải cẩn thận chớ giết quá lạm.

Định lại phép thi văn. (Tháng 2 năm ấy) vua sắc cho bộ Lễ rằng : Quốc triều ta về khoa thi Tiến sĩ năm trước mỗi khoa lấy đỗ nhiều thì hơn 10 người, ít cũng 7 - 8 người ; thế mà gần đây người đỗ ít, thậm chí có khoa chỉ có 3 - 4 người, có lẽ học nghiệp không bằng trước, hay là câu nệ về mực thước quá mà thế chăng ? Không thế thì trước kia Phó bảng theo lệ không được phúc thí, mà người đỗ cao sao lại thế ; gần đây, chuẩn cho Phó bảng cũng được phúc thí, sao lấy đỗ lại ngày kém đi. Vả lại, xét ra khoảng năm Minh Mệnh, người dự giáp khoa phần nhiều là những người học nhiều rộng khắp (như bọn Tô Trân, Đỗ Quang, dự hầu ở nhà Kinh diên thấy rất tinh kỹ). Gần đây, phù hoa thì nhiều, rộng khắp thì ít, có lẽ phép thi chưa được tốt lắm chăng ? Vậy giao bộ bàn cho xác đáng là bởi từ đâu, cốt trúng tệ ấy. Lại tra điển lệ, châm chước bàn định phép thi thế nào, có thể lấy được nhiều người, không bỏ sót người có tài, để đáp chí ý ngồi một bên chiếu để cầu người hiền của trẫm.

Đến nay bộ bàn cho là trước khi chưa đổi phép thi, phàm người dự đỗ chưa từng thiếu người học thức sâu rộng, là vì nghĩa lý *Ngũ kinh*, *Tứ thư* sâu rộng, học giả tất phải tinh kỹ, mới làm được văn chương hay. Từ khi làm phép ám tả thi hành, người trên lấy phép ấy cầu tài, tức người dưới lấy phép ấy ứng đáp, không kể đến học ghi nhớ, tính nghĩa không liên quan, mà cả năm chỉ học 1 kinh, sách khác chưa khỏi lỗ mãng, thậm chí học trò vào trường, 1 người nói 100 người nghe, mô tả chỉ dựa theo lời đã có sẵn, khó phân biệt thật hay dối ; tới khi quan trường chấm thi cũng chỉ theo ở văn lý mà bỏ hay lấy, về khoản ấy cũng tưởng coi là văn sáo ; nhân tài dần dần không được như trước, chưa chắc không bởi cớ ấy. Cầu lấy chính học thuật, được thực tài, mà mực thước không quá câu nệ, cũng không lỗi về lấy rộng, thì sửa định phép thi, phải nên châm chước điển lệ mà làm. Bàn nghĩ kỹ điều khoản tâu lên.

Vua giao quan đình thần và quan Nội các xét tâu lại, chuẩn định thi hành.

(Thi Hương, số học trò rất nhiều, không ví như thi Hội, vẫn theo y lệ trước, 3 kỳ, theo từng kỳ ra bảng, để cho có phân biệt, kỳ đệ nhất vẫn dùng 1 bài kinh, 1 bài truyện, còn như chuyên về 1 kinh, ám tả và cẩn án đều đình chỉ. Kỳ đệ nhị đổi

dùng 1 bài thơ luật thất ngôn [1], 1 bài phú 6 - 7 vần, bài chiếu, bài biểu, bài luận để làm đầu bài phúc hạch. Kỳ đệ tam : 1 đạo văn sách, đầu bài trước hết lập một đề án [2], sau dùng 7 - 8 đoạn về *Ngũ kinh, Tứ thư*, các sách tử, các sách sử và 1 - 2 đoạn văn kim về thời vụ.

Về thi Hội : Chuẩn cho vào suốt 4 kỳ, so sánh suốt cả văn hay hay là kém để mà lấy bỏ. Về các kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam vẫn theo nghị định trước mà làm ; kỳ đệ tứ hỏi về sách, hơn 10 đoạn về *Ngũ kinh, Tứ thư*, các sách tử, sách sử, về thời vụ trên dưới 4 - 5 đoạn, cốt được 10 phần rộng khắp. Người nào 4 kỳ đều có phân số, 8 phân trở lên, đem là trúng cách (đấy là tham xét nghị định năm Tự Đức thứ 18. Vì lấy 10 phân trở lên mới cho trúng cách, thì người dự đỗ sợ cũng không mấy, đợi vào Đình đối, lượng chia các thứ bậc, không đánh hỏng nữa. Ngoài ra, 4 kỳ được 4 phân trở lên đến 7 phân và 3 kỳ dự trúng, 1 kỳ không tới 1 phân, mà được 10 phân trở lên, đem làm phó bảng, không phải phúc thí).

Chuẩn cho dân đi đạo đổi gọi là giáo dân, dân đi lương đổi gọi là bình dân. (Từ trước đến nay dân theo đạo, hoặc gọi là dữu dân, hoặc gọi là tả đạo, từ khi bỏ cấm, bỏ các chữ *dữu*, chữ *tả* chỉ gọi đơn giản bằng chữ *đạo*. Gần đây cứ lời Khâm sứ đóng ở Kinh nói rằng : lương, đạo đều gọi, chưa khỏi sỉ nhục giáo ấy. Đã chuẩn cho quan ở nha Thương bạc đem nghĩa 2 chữ ấy trả lời, nói : Lương là an thường thủ phận, không làm gian ác ; Đạo là khuyên người làm lành, không làm bất chính. Hai chữ đối nhau, văn nghĩa giống nhau, lại tốt xấu gì, đạo gọi là đạo mà lương không gọi là lương thì gọi là gì ? Rồi sứ ấy đã biết chữ lương không để bỏ được, lại yêu cầu phàm những người theo giáo ấy gọi là nghĩa dân, đức dân, quan ở nha Thương bạc cho là sứ ấy đã nói nhiều như thế, xin gọi là giáo dân. Vua y cho, nhân chuẩn cho dân lương cũng đổi gọi là bình dân).

Bắt được tướng giặc là Nguyễn Huy Điển ở huyện Cam Cát, giết ngay. Trước giặc Điển từ khi nghe quan quân tiến đánh, bỏ thành đạo Hà Tĩnh lẻn đến huyện Cam Cát ở thượng du, ẩn nấp ở chỗ giáp nước Xiêm. Đến nay Bang biện Lê Kinh Hợp (Cử nhân, nguyên lĩnh Tư vụ sung chức Bang biện huyện Hương Sơn) dụ người Kinh, người Thổ hợp sức vây bắt. Kinh Hợp được vua chuẩn tho thưởng thụ Tư vụ, còn thì đều thưởng có thứ bậc.

Cho thự Hình bộ Tả tham tri Trần Văn Tuy đổi làm thự Hộ bộ Hữu tham tri, thự Hộ bộ Hữu tham tri Tôn Thất Tích đổi làm thự Hình bộ Tả tham tri.

---

(1) *Thơ luật thất ngôn* : là thơ mỗi câu 7 chữ có luật bằng, luật trắc.

(2) *Đề án* : một đạo văn sách trường thiên, thì đầu có 1 câu đề án đề nói về chủ yếu đạo văn sách ấy hỏi việc gì ? Ví dụ hỏi về việc làm ruộng : thì đầu bài văn sách ấy có câu "việc làm ruộng là gốc lớn của thiên hạ" rồi 7 - 8 đoạn sau và 1 - 2 đoạn văn kim cũng hỏi về việc làm ruộng.

Vua cho là việc buôn mới thi hành, các nước tụ họp, đi lại, sự thể thù ứng khó khăn quan trọng, tất phải là người thông hiểu nhanh nhẹn giỏi giang, mới mong có lợi không tệ. Bèn chuẩn cho thự Hộ bộ Thượng thư Phạm Phú Thứ đổi làm thự Hải - An Tổng đốc kiêm sung Tổng lý thương chính đại thần. Vì Phú Thứ đã từng ở Cơ mật viện, am hiểu trước sau. Lại cho Lại bộ Thị lang (hiện sung Khâm phái) Nguyễn Tăng Doãn lĩnh Tuần phủ Hải Dương ; Hy Tăng đổi lĩnh Tuần phủ Hà Nội, hết thảy việc buôn do 2 viên ấy cùng bàn với Tổng lý thương chính đại thần dự trù cho kịp việc. Còn nguyên thự Tuần phủ Hà Nội Phạm Thận Duật về Kinh đợi Chỉ bổ đi nơi khác. Khi ấy Phú Thứ lại xin về quê thăm nhà, 10 ngày xong việc, về Kinh bái mạng, đi nhận chức. Vua y cho. Nhân Dụ rằng : Nhà Phạm Thú Thứ hình như không nghèo ; nhưng hầu gần ở Cơ mật viện đã lâu, nay đương lúc lắm việc lại về quê thăm nhà, cho phủ Nội vụ tức thì ban cho 10 đĩnh bạc 10 lạng, để tỏ thể tất công khó nhọc, khuyến khích thanh liêm. Ngươi mang về để cúng tế tự và chia cho, để vinh hạnh được của vua cho, khi đến lỵ sở phải giữ công bằng thanh liêm, chớ bắt chước thói quen, để phụ những điều đã học, đã nói là được.

Cho Nguyễn Thành Ý sung Gia Định kiêm Khâm phái lãnh sự ; Phan Kiêm Ích sung Phó lãnh sự, chuẩn cho đều thăng trật bổ hàm để tỏ khuyến khích. (Thành Ý là Hải phòng sứ ở Quảng Nam, chuẩn cho thăng Hồng lô tự khanh ; Kiêm Ích là Chủ sự bộ Binh, chuẩn cho thăng Viên ngoại lang).

Quan tỉnh Bình Thuận chê gièm lẫn nhau đều phải tội. Trước đây thự Tuần phủ Trần Điển, Bố chính Nguyễn Văn Phương mật tâu hặc tội Án sát Lê Trung Lượng không phải đạo (như các khoản ghi hội giảng huấn điều, lắc đầu không phục và trỏ nói việc ở trong cung mắng nhục đại thần), trong đó nhiều điều thêu dệt ra. Sắc cho giải chức của Lượng, giao bộ Lại xét nghĩ. Sau vì Lượng không chịu nhận, lại chỉ ra các việc Điển, Phương trái lệ (như làm đàn ở hội nghị, cho người lên đồng múa hát, và giữ lính hạ ban đến 5 - 6 ngày), việc thuộc chê gièm lẫn nhau, tâu xin phái người đến đòi tất cả nhân chứng, xét rõ kết án đệ lên để chính hình pháp.

Vua bèn sai Biện lý Lại bộ Đoàn Văn Hội hội đồng với Giám sát Ngự sử Phạm Đăng Giảng đến tra xét. Án dâng lên (Lượng phải tội giảo giam hậu, Điển, Phương phải phạt 100 trượng, đồ 3 năm). Vua xem bảo rằng : Án ấy toàn không phải đạo làm tôi và phương pháp làm quan, cẩu thả kết cho xong việc, chưa hợp ; lại chuẩn giao Nội các và Cơ mật viện xét lại tâu lên. Lượng sau vì dối trá lăng nhục, cuồng trái, phải tội xử trảm giam hậu. Điển, Phương, vì giảo quyệt, nham hiểm, hãm hại người, phải 100 trượng, lưu 3.000 dặm, những người bị liên can hoặc cách, hoặc giáng. Còn phái viên cũng vì định án lạo thảo sơ suất đều cách chức lưu lại làm việc.

Cho Trần Bình (thự Thượng thư bộ Công) thự Thượng thư bộ Hộ ; Phạm Y (thự Tổng đốc Hải - An) thự Thượng thư bộ Công kiêm lĩnh Quốc tử giám.

Cho Bố chính Khánh Hòa Lê Đình Tuấn thăng thự Tuần phủ Thuận - Khánh.

Khi ấy đã gần đến kỳ thi 2 trường Hà Nội, Nam Định, vua Dụ rằng : Về khoản tú tài hãy làm việc theo như cũ, nhưng mỗi trường lấy đỗ không được quá 50 tên. Chủ khảo trường Nam Định, bọn Lê Đắc Quang tâu : Thi Hương năm nay ở 2 trường Hà Nội, Nam Định là làm bù về khoa Quý Dậu, năm ngoái 4 trường Thừa Thiên, Bình Định, Nghệ An, Thanh Hóa hạng tú tài đều được vẫn như cũ, lấy đỗ số nhiều. Nay 2 trường ấy xin gia ơn chuẩn cho liệu lấy hạng tú tài phỏng trên dưới 100 tên, cho đều được nhờ ơn. Vua chuẩn gia ơn theo như lời tâu, để khuyến khích những người thích làm việc nghĩa năm ngoái. (Khi 4 tỉnh có việc, thân sĩ phần nhiều có triệu tập binh, dõng đánh để ngăn trở quân nước Pháp).

Ban thơ quan chức của vua làm (70 bài thơ, đều đem hiện chức, hiện việc để khuyên, răn) cho trong ngoài, sai đều niêm yết lên bảng treo ở giữa công đường, sớm chiều xem để cố gắng.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu xin điều quân 4 đạo (1 đạo của Lưu Vĩnh Phúc ở Hưng Hóa, 1 đạo của Đinh Quán Trinh ở Lạng Sơn, 1 đạo của Lương Tuấn Tú ở Cao Bằng, 1 đạo của Nông Hùng Phúc ở Tuyên Quang) đến Tuyên Quang đánh giặc Hoàng Anh, cấp cho Lãnh binh Lưu Vĩnh Phúc quyền sung Tam Tuyên quân vụ Phó đề đốc kiêm coi các đạo. Vua y cho.

Sai từ Thanh - Nghệ trở vào Nam đến Thuận - Khánh và các tỉnh đạo theo lệ có phát đi vận tải, xét tâu công việc vận chở.

Mùa thu năm ấy, các tỉnh Quảng Ngãi, Nghệ An, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Yên được mùa to, tỉnh Phú Yên được mùa vừa. Còn các địa phương khác gián hoặc có tổn hại, thì thuế lệ đều chiểu hạng tha giảm có thứ bậc.

Cho Nguyễn Tư Giản kiêm sung nha Thương bạc, Giản dâng sớ xin từ. Vua bảo rằng : Chức Thương bạc của nước ta chỉ là hàm hư, để tiện làm giấy tờ giao thiệp mà thôi không phải ví như nha môn tổng lý ở nước Thanh, phàm việc đã cùng với viện bàn làm ; chỉ thảo giấy tờ, lại có viện bàn để sửa chữa, xét ra không có việc gì khó lắm, tưởng ngươi có thể làm được. Duy có trong khi đi lại bàn bạc, tưởng để cho ngươi cũng tập mà biết, cho có nhiều nhân tài, không chỉ một người giữ mãi, ngươi cũng không thể tất ý ấy chăng ? Nhưng lúc này thường xem ngươi, về khoa ngôn ngữ hình như chưa được giỏi ; nay đương được chức ấy, chỉ Nguyễn Văn Tường, làm việc ấy từ trước đến sau vốn đã am hiểu thông thạo, đã không lĩnh chức Thương chính cũng lĩnh chức Thương bạc, để việc giao thiệp với nước ngoài được phát triển mưu mô, nói hết lời xem hiệu quả, cho xứng ý trẫm bắt phải làm cho xong. Nguyễn Văn Tường, ngươi phải kiêm sung chức ấy, Nguyễn Tư Giản, ngươi cũng không được giữ ý kiến, mà không bắt chước người giỏi hư văn mà ít thực dụng, mới là không hổ thẹn.

Khi ấy quân nước Thanh đóng ở Cao Bằng, Lạng Sơn, giặc nước Thanh ngày thêm nhiều quân lêu lổng hoặc có cướp bóc, sai quân đi lại, hoặc đánh nhau với người Pháp. Vua muốn đưa thư cho rút đi, giao xuống đình thần bàn. Khi bàn dâng lên, cho là nước Thanh nghe tin nước ta cùng với nước Pháp định tờ ước, cho mượn đường buôn bán ở Vân Nam, lại ngờ là mượn thế nước Pháp lấy lại 2 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, nên ở lâu để tự vệ, nhưng Cao Bằng, Lạng Sơn 2 - 3 năm nay, may được không có quấy nhiễu, thì quân nước Thanh ở đấy không phải toàn là vô ích. Xin viết quốc thư đến Tuần phủ họ Lưu ở Quảng Tây, nhờ xét kỹ công việc, nghiêm cấm ngặt thêm. Vua y cho.

Giáng Nguyễn Uy làm Thị lang, cách mất hàm Thị sư (vì đánh giặc ở Bắc Ninh lâu mãi chưa xong), vẫn quyền hộ Tổng đốc Ninh - Thái kiêm coi việc quân ở Lạng Sơn, Cao Bằng.

Ban áo mặc rét cho hoàng thân, hoàng tử, công chúa và các quan ở Kinh, văn từ ngũ phẩm, võ từ hiệp quản trở lên, bảo về chí ý hậu với người thân, thể tất bề tôi, để cho quên rét. (Lệ trước đôi khi có cấp cho áo mặc rét, mấy năm nay việc quân nổi lên, của ít, mới đình cấp, nay đặc ân ban cho).

Tháng 11, sai quan Thương bạc đưa thư cho tướng Pháp mua tàu thủy đánh giặc biển.

Chuẩn cho lĩnh Quảng Bình Bố chính Hoàng Tướng Hiệp quyền hộ lý Tuần phủ Bình - Trị.

Tù sung quân là Phan Văn Tín bắt được kẻ phạm (Lê Văn Thu can án ăn cướp, xử trảm giam hậu) chuộc tội ; phủ Thừa Thiên tâu xin tha cho tội.

Vua bảo rằng : Lê Văn Thu nhân tán lạc mới trốn, lại không phạm lần thứ hai, còn có một chút có thể hoãn được, chuẩn cho vẫn trảm giam hậu. Phan Văn Tín là đứa du côn, là thân thuộc của Nhàn Tần, năm ngoái can án, Nhàn Tần đã đến cung Gia Thọ lạy kêu rằng : Chỉ một đứa cháu để coi việc thừa tự, xin châm chước giảm cho. Hoàng thái hậu bảo rằng : Việc ở ngoài thân già này không dự, làm thế nào có thể chuẩn cho được, chỉ bảo cho Hoàng đế biết thôi. Trẫm nghĩ án có thực sự rõ ràng, phép công không tư vị được, cho nên để đấy, do quan có trách nhiệm giữ phép mà làm, thường thấy có kẻ can án ăn cướp phải chém là tội nặng, bắt được kẻ cùng bọn, sau khi được tha, cũng làm điều ác không chừa, vì điều ấy chưa thỏa đáng. Nay đã viện lệ, Phan Văn Tín cho vẫn để giam, đợi bắt được 3 - 4 tên phạm và cung thêm rằng : "nếu sau này làm điều trái phép tức thì chém ngay", mới chuẩn cho lấy công trừ lỗi được tha. (Văn Tín năm ngoái cùng bọn cướp nhà công chúa, phải tội phát đi sung quân).

Sai bộ Binh, bộ Công thông sức cho các địa phương sửa sang đường chạy trạm ven núi (vì có nạn cọp).

Phạm Phú Thứ sắp đến tỉnh Hải Dương cung chức, từ tỉnh Quảng Nam về Kinh bái mạng, dâng sớ nói : Hải Dương, Quảng Yên tiếp giáp nhau, việc cầm phòng thực khẩn, hết thảy nhờ ở người, thì tỏ ra mình yếu lắm. Ngày gần đây tướng tài ở đất Bắc chỉ có Tôn Thất Thuyết và viên phải cách là Ông Ích Khiêm là hơi khá, nay Ích Khiêm cáo bệnh ở nhà, thần lần này về quê, đi qua thăm hỏi, viên ấy nói : Bệnh cũ ngày một hết, tuổi ngày thêm nhiều, không ra mưu toan báo đáp là phụ ơn phụ lòng, xét về lời nói, hỏi những thân thích hàng xóm, thì bệnh viên ấy đã khỏi, kính xin ban ơn cho Ích Khiêm theo thần đến tỉnh, tạm cấp cho hàm giúp việc coi quân, ủy cho tên ấy hết sức làm việc, thần vẫn điều khiển, may nhờ uy linh nhà vua, có thể ít việc được, thần được chuyên tâm về việc dân, việc buôn, đấy là thần tuân theo đức ý, phải lo ở trong chức phận, không dám lấy tình riêng cùng châu, cùng làng giúp địa vị cho tên ấy.

Vua bảo rằng : Ngươi hầu gần đã lâu, phàm việc hiểu hết, nay đến lỵ sở khó khăn quan trọng ấy, về việc vỗ yên phòng giữ cốt được vững bền, việc thương chính cũng rất quan hệ, nên đem hết mưu kế, cốt cho có lợi không tệ. Nhưng cần phải giữ lòng gắng sức, hết thảy giữ công bằng trong sạch, lòng rất không khoáng sáng suốt thì mọi việc đều chu đáo. Lại bảo rằng : Ích Khiêm đổi hết lỗi trước, không cho quân đi cướp bóc, không cậy khỏe mà vô lễ, không giấu điều xấu, phô điều tốt, tới việc mà biết sợ, chuộng mưu mà được việc, quân có kỷ luật mới được ; già thì nghĩ điều trái, giao người khéo cảm hóa. Lại bảo rằng : Ngươi đều biết, cần làm như lời đã nói, nhân cho một bài thơ để khuyên, chuẩn cho họa ngay dâng lên để kịp đi.

Lệ cũ, quan tỉnh Bình Thuận đệ tặng tướng Pháp, phần nhiều bằng trâu, dê, đến nay Cơ mật viện và Thương bạc xin đổi dùng ngựa thổ ngơi (do quan nước Pháp cho trâu, dê là khinh). Vua nghe theo.

Sai Tôn nhân và đình thần bàn định về việc hoàng tử.

Dụ rằng : Lễ không gì trọng bằng đạo làm người, chính sự không gì trước hơn gốc của nước, lời nói định trước thì nói không vấp váp, việc làm định trước thì làm không khó khăn. Trẫm tư chất yếu hiếm con nối, rất nghĩ đến kế hay của Xã tắc phải giữ lòng rất công, trước đã chọn nuôi 2 con, đã từng giáng Dụ bá cáo rõ, sau lại nuôi thêm con thứ 2 của Kiên Quốc công là Ưng Đăng, khi ấy mới 2 tuổi, các hoàng thân Tôn nhân phủ và các quan đều biết cả ; vì nghĩ em ta tâm tật khó khỏi, rất thương các cháu nghèo thiếu, cho nên đặc biệt gia hậu, không phải là thiên ái. Nay Ưng Thị đã 11 tuổi, Ưng Đăng đã 6 tuổi, Hoàng thái hậu vui chơi với cháu quanh dưới gối và cùng với Ưng Chân thương yêu như một, người lớn thì chọn quan sư phó sớm hôm giảng dạy, người bé thì cũng dạy đọc sách, đều mong cho đức tiến nết tốt. Trẫm nếu may mà có con, thì bọn ấy rút xuống phong làm phiên vương, ban nhiều bổng lộc, thẳng hoặc điềm sinh con trai vẫn không có, bóng câu không lường

được thì tất chỉ người hiền là cho, vì thiên hạ được người là khó, trẫm có dụng tâm gì đâu.

Kìa như đạo làm con của người, kinh sử bàn đã kỹ, trẫm không có thì giờ dẫn khắp, nói thừa, chỉ ở người bàn định chọn điều phải mà theo đó thôi, nếu biết quyết đoán để ra khác, 2 bên thuận tình, phải có minh văn, công bố cho mọi người biết không có lời nói về sau, cùng cách khéo xử sau này, làm thế nào có thể hợp lẽ trời, thuận lòng người mà đi đến chính đáng, nên sai Tôn nhân và đình thần bàn rồi tâu lên để quyết định, giao cho Sử quán để làm án nhất định, sau dám có nịnh hót mê hoặc mà thay đổi, thì tất cả thần tử của bản triều đều được đem pháp luật mà giết đi, để cho lẽ phải của nước được vững ; nếu lấy giàu có bổng lộc chu cấp cho nhau, không hại đến nghĩa lý, thì ngày nay cũng từng khuyên bảo, nguyên không cấm cách, huống chi ngày khác ư ? (Về nghị định sau, xem ở năm thứ 29).

Chuẩn cho Thọ Xuân quận vương ăn yến, cho miễn quỳ, lạy, bảo cho ý kính người già, hậu với người thân. (Khi ấy quận vương tuổi hơn 60).

Sai quan bộ Lại, bộ Hộ phái thuộc viên mang sâm, quế, tiền, lụa ban cho mẹ đẻ của Bình - Phú Tổng đốc Hoàng Văn Tuyển, hỏi thăm sức khỏe cùng 2 em và con viên ấy đã lớn chưa, có thể nuôi được không, về trả lời. Rồi sai đem việc ấy lục sức cho Văn Tuyển biết, cho yên tâm làm hết chức vụ.

Sứ bộ bọn Phan Sĩ Thục đi thẳng về nguyên quán thăm nhà bị khoa đạo bọn Đồng Sĩ Vịnh hặc về tự tiện. Vua chuẩn giao bộ Lại nghị xử và Dụ rằng : Sứ thần đi gần 2 năm, nếu có lòng thành nhớ cửa của vua thì đã về ngay, sao phải đợi thúc giục ; nay lại tự tiện về, chưa đến, là vô tâm quá lắm, nếu đã đến không cho vào lạy chầu, đợi nghị xử xong sẽ làm.

Khi ấy tướng Pháp bắt Nguyễn Văn Phương (người Bắc Kỳ), đưa đến tỉnh Bình Thuận. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên.

Cơ mật viện và Thương bạc tâu : Ở Bắc Kỳ phần nhiều có bọn côn đồ không thỏa chí ngầm đến Gia Định, giả thác yêu cầu về việc đề phòng sự không ngờ, cũng nên nghĩ trước. Nguyễn Văn Phương tuy không có lòng khác, nhưng không có giấy tờ bị tướng nước ấy bắt được, tưởng nên chiểu luật trị tội nặng, để răn kẻ khác ; rồi bảo khắp các tỉnh hạt biết, để cho những kẻ làm bậy biết phép nước không nên phạm, mà tướng Pháp cũng không dung thứ được, hoặc có thể bớt việc ; và lại đưa thư cho tướng ấy từ sau nên xét làm như thế, để phòng kẻ tiểu nhân gian dối mà tỏ lòng tin nhau. Vua nghe theo ; bàn sai tư cho tỉnh ấy xích Nguyễn Văn Phương giải giao cho bộ Hình nghĩ xử. Nhân cho định điều lệ bảo khắp các tỉnh hạt Nam Kỳ, Bắc Kỳ biết để theo. (Phàm người không có giấy tờ và có giấy tờ mà mạo tên đến Gia Định, thì chiểu luật vượt qua cửa ải ven biên giới xử 100 trượng, đồ 3 năm, lại dám sinh sự thì gia thêm bậc lên).

Hiểu thị quan lại, sĩ dân ở Bắc Kỳ :

Dụ rằng : Thói quen làm thay đổi lòng người quá lắm, không có người hiền và người có đức vọng ở dân, đứng lên mà sửa chữa, thì khó lắm thay ! Bắc Kỳ từ trước đến nay phong tục vẫn kiêu bạc xa xỉ, phóng đãng, tuy trong đó có nhiều lương gia, thiện sĩ, nghĩa phu, tiết phụ, cố nhiên không ít, nhưng dân du thủ, du thực, ngoan phu, đãng tử, gái đĩ bợm, buôn gian giảo, lại không biết gấp mấy, cùng chuộng hào phóng, quẫn bách đến nay, phàm việc giả danh phạm nghĩa, không việc gì là không làm từ trước đến nay, chợt yên chợt động, cố tật không thể bỏ hết được, trong đó tựu trung Bắc Ninh, Thái Nguyên là quá lắm, rồi thứ đến Hải - Yên và Tam Tuyên. Hà Nội vốn gọi là nơi đô hội phồn thịnh mà trộm cướp thường phát ra, dân chúng sợ không đâu, chỉ hạt Nam Định cũng gọi là nơi đất tốt, mà lòng người hơi được thuần thục thực thà, còn là khá. Kìa như Phạm Văn Nghị, Doãn Khuê, Đỗ Phát, các người ấy cũng là người nhà nho lão luyện, là vị hưu quan, thế mà biết vì nước dạy bảo dân, không đến nỗi để lo cho triều đình, ngoài ra như bọn Nguyễn Bỉnh, Lê Đình Diên, Nguyễn Thành, đều là người có danh vọng của sĩ dân, lại những người trẫm không thể biết hết được, chỗ nào cũng có, sao lại không biết bảo dân, dạy học trò, khiến cho đổi điều ác làm điều lành, trừ kẻ bạo ngược, cho dân yên để thư lòng lo về miền Bắc của trẫm.

Nay giặc nước Thanh trốn lẩn, lấn át bờ cõi ta, làm xóm làng ta xiêu bạt, cướp nhục con trai, con gái ta, chính phải cùng căm thù, địch với kẻ giận, thề tất đánh 1 trận giết và đuổi đi hết, mới tỏ ý giữ gìn giúp đỡ nhau, tại sao lại dung túng cho kẻ du đãng của ta hại lương dân ta, giúp cho bạo ngược thêm lên, thì bất nhân càng quá lắm. Quan lại tướng hiệu vỗ yên đánh dẹp đã bất lực, thầy trò khuyên bảo lại không có thuật, trẫm sao lại có thể nằm yên 1 khắc được.

Từ nay về sau thực muốn các quan chăn dân các địa phương, cha anh, thầy bạn trong làng đều lấy lòng lành nết tốt dạy bảo con em, đổi điều lỗi, theo điều lành, đều đến đạo hay cả, để đáp ứng chí của trẫm, chớ coi thường lời nói của trẫm. (Văn Nghị, Khuê, Phát là người Nam Định, Đình Diên là người Hà Nội).

Vua xem tập bàn giao của Bố chính Khánh Hòa là Phạm Bỉnh, Dụ rằng : Phàm làm quan lại, 4 chữ "liêm, bình, cần, cán" không thể thiếu một chữ nào, lũ các ngươi sớm đêm ghi vào dạ, lòng thương tôn kính uy nhà vua, coi như cách có gang thước, làm thế nào cho có tiếng hay, công tất khác hẳn để lại tiếng thơm trăm đời, là tốt. Nếu bảo rằng dễ nói dối theo lợi riêng, tự để mối lo, hối sao cho kịp, cũng không thành người, cho bộ Lại thông sức cho các viên tỉnh, đạo, phủ, huyện, châu mãi mãi không quên, mới là không phụ đời sống ấy.

Sai cấp tiền, gạo cho vợ nguyên An Giang Lãnh binh Trương Định đã chết (Thị Thưởng).

(Trước người nước Pháp đánh chiếm các tỉnh ở Nam Kỳ, Trương Định mộ quân chống đánh, sau thua bị chết, con là Tuệ sau cũng chết về việc quân, vợ Định là Lê Thị Thưởng không chỗ nương nhờ, trở về nguyên quán ở xã Tứ Cung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, quan tỉnh ấy thấy Định là người nghĩa khái đáng khen, mà vợ viên ấy có một thân một mình, nghèo khổ ốm đau, tình thật đáng thương, tâu xin giúp, được Chỉ chuẩn cho cấp mỗi tháng 20 quan tiền, 2 phương gạo, hết đời thì thôi).

Trước đây, quan tỉnh Nghệ An vì việc biến tên Mai, tên Tấn đã chuẩn cho cách chức, làm việc chuộc tội, lại giao đình thần nghĩ án. Đến nay án đã thành ; Tổng đốc Tôn Thất Triệt vì chuyên coi địa phương ấy không biết khéo làm, để đến phải nhọc nhiễu lắm, chuẩn cho phạt 100 trượng phát đi sung quân ở nơi biên giới xa (nhưng theo lệ kỳ nhân [1], chọn nhà không ở vệ Cẩm y, giam cấm 80 ngày, hết hạn tha ra, lưu về nhàn tản), Bố chính Phạm Hy Lượng, Án sát Nguyễn Đôn đều là người giúp việc, tội cũng không chối được, đều chuẩn cho phạt 100 trượng, đồ 3 năm. (Rồi theo lệ giao phủ Thừa Thiên giam giữ).

Trước đây quan viên được đặc cách cất dùng, khen thưởng, đều được dâng biểu tạ ơn, ngoài ra thăng chuyển, phong, tặng, biểu văn đều bãi bỏ, nay vua cho là văn học và chính sự không phải có 2 đường, cho nên học với làm quan cùng gồm có cả, nếu có do lại dịch xuất thân, không làm được văn, nhưng mượn người làm có thông hay không cũng có thể biết được người ấy. Nay nên lại làm như cũ, phàm nhờ ơn như thế nào thì được dâng biểu trình bày tạ ơn, nhưng do tự lòng thành, không phù phiếm, cũng có thể xem được lời nói.

Bèn sai bộ Lại, bộ Lễ nghĩ tâu trả lời. Sau bộ nghĩ định điều khoản tâu trả lời, vua chuẩn cho theo như điều khoản đã nghĩ mà làm.

(- Văn từ chánh nhị phẩm trở lên, như có viên nào được thăng thụ, hoặc thự hàm được thực thụ, phải làm biểu tạ, còn từ tòng nhị phẩm đến chánh tòng tứ phẩm ấn quan được cất nhắc vượt bậc, hoặc có công được thưởng, mới được làm biểu để tạ, như có viên nào trong lòng cảm khích cũng cho dâng biểu trình bày.

- Viên nào được tấn phong công, hầu, bá, tử, nam, hễ mới được phong hay phong thêm, phải làm biểu tạ, còn người được tập tước thì miễn.

- Những viên dự được phong tặng cho cha mẹ, theo lệ trước các viên ở Kinh làm chung 1 đạo biểu văn, ở tỉnh ngoài mỗi tỉnh làm chung 1 đạo biểu văn, do bộ Lại tiến lên vua xem.

- Phàm tứ phẩm ấn quan trở lên, cha mẹ hoặc thân mình, nhà mình được đặc cách ban ơn cho các hạng như thuốc, đồ vật, tiền bạc, thực có cảm động thiết tha, cho được làm biểu dâng tạ.

---

(1) *Kỳ nhân* : là người Mãn Thanh ở Trung Quốc.

- Quan võ, viên nào có được đặc cách ban ơn mà lòng cảm ý thông, hay đặt ra lời văn không lầm, cũng cho làm biểu dâng tạ, để thông lòng thành thực.

Định lại lệ xử phân về tội dâng thư tâu việc lầm lỡ. (Từ nay phàm dâng thư tâu việc lầm lỡ có hại cho việc, thì theo luật này xét xử đánh 60 trượng ; tuy có lầm lỡ mà không hại đến việc thì xử đánh 30 roi ; lại điển phải tội trước, tá lãnh và đường quan theo thứ tự được giảm dần, nếu chỉ viết lầm một vài chữ xen vào thì đều khoan tha).

Toàn quyền nước Pháp ở Gia Định là Kha-răng-du về Tây, tướng cũ là Du-bi-lê đến thay.

Chuẩn cho Hộ bộ Thượng thư Trần Bình kiêm sung Cơ mật viện đại thần, còn người sung chức ấy trước là Lại bộ Thượng thư Nguyễn Tư Giản, kiêm sung đã nhiều, chuẩn cho trả việc ở viện, cho công việc đều xứng đáng.

Nguyễn Văn Nhuận là người tỉnh Quảng Nam chém chết mẹ kế là Lê Thị Luận. Quan tỉnh là Trần Văn Thiều chiểu luật bắt tội Nhuận phải lăng trì xử tử. Bộ Hình cho là : Tội thực rất nặng, từ trước đến nay, không có án nào giống như thế. Duy xét ở luật, thì mẹ đẻ so với các mẹ có khác. (Con cháu trái phạm lệnh dạy, mà ông bà cha mẹ đánh không phải lẽ (không theo phép quyết phạt mà đánh quá nhiều), 100 trượng. Cố ý giết (không vi phạm lệnh dạy) 60 trượng, đồ 1 năm, đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu [1], dưỡng mẫu giết thì gia lên một bậc, để cho đến nỗi tuyệt tự thì giảo giam hậu) suy diễn ý luật thì Nguyễn Văn Nhuận xin giảm bậc, xử tội chém ngay lập tức.

Vua bảo rằng : Sợ nhiều việc lắm, xét chưa hết, cũng khó, ta muốn các quan có trách nhiệm, phàm gặp việc gì khác thường khó xử, đều ghi án giữ riêng hoặc ghi vào điển lệ để tiện lâm thời xem xét, thế mới là để tâm về việc nước, tại sao người giữ chức vụ mờ mịt chẳng biết.

Lại bảo rằng : Bộ xét nghĩ sợ chưa hết, giao đình thần xét lại. Về sau đình thần bàn cho là chiểu luật vợ, con đánh mẹ thứ, xử trảm giam hậu sợ nhẹ quá ; chiểu luật con cháu đánh cha mẹ xử tội lăng trì, sợ nặng quá ; xin tham chiểu 2 luật xử trảm quyết, nhưng để đợi xét. Vua theo lời.

Khi ấy giặc ở Thái Nguyên (bọn đầu đoàn ra thú là Chu Tường Lân, Triệu Ba Đan), bề ngoài thì quy thuận, bề trong thì vẫn phản bội, ngầm thông nhau họp thành bọn. Tham tán Tôn Thất Thuyết tâu nói : Vì tỉnh Thái Nguyên vỗ về khinh thường, cho nên có lúc sợ, có lúc ẩn giấu, xin sắc xuống cho quan tỉnh phải ra sức hội đánh.

---

(1) *Từ mẫu* : vợ lẽ của cha, nuôi mình thành người, gọi là từ mẫu (xem ở thiên *Tăng tử vấn, Kinh Lễ*).

Vua bảo rằng : Đoàn họ Chu, họ Triệu ra thú, Vũ Huy Thụy vỗ về, Nguyễn Uy thì làm cho thành, nếu cứ giữ mãi đấy để đợi người thì trách nhiệm quan địa phương ra sao, bèn theo lời xin ấy.

Giặc ở các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên quấy nhiễu, thường cướp ống thư chạy trạm, nhiều lần đã nghiêm trách quan quân thứ đánh ngay, gặp bộ Binh đem số quân, voi, thuyền, súng của Tôn Thất Thuyết lần lượt tư dâng trình.

Vua bảo rằng : Quân và voi nhiều gấp đôi, súng ống, khí giới tốt và đầy đủ ; giặc có tài năng gì mà không dẹp yên được, rất phụ trách nhiệm đã giao phó cho. Vậy giáng cấp lưu lại làm việc, để khuyên răn, hạn trong năm nay phải quét sạch ngay, nếu vô hiệu, tất xử tội nặng.

Định lại lệ nghĩ xử thêm bậc về trong khóa thanh tra, truy bồi không được việc.

(Bộ Hình nghĩ tâu : Về khoản truy thu tang vật phải bồi, đã có lệ định ; duy 6 năm 1 khóa thanh tra, rồi sau chiểu số thiếu nghĩ xử, thì hạn quá rộng, mà phủ, huyện, tổng, lý bỏ sót không bàn tới ; thì để mình ra ngoài phận sự, không chịu đốc thúc, nên số bồi phần nhiều là hão huyền.

Nay xin từ sau phàm các địa phương, cứ đến cuối năm tức thì đem số tang vật phải bồi về phần thu trong 1 năm, thu được bao nhiêu, còn thiếu bao nhiêu và đem quan phủ, tỉnh, đạo cùng nhân viên chuyên giữ việc ấy và phủ, huyện, tổng, lý chiểu theo năm tháng lâu hay mới, tham chiểu nguyên lệ năm Tự Đức thứ 11, đều nghĩ xử gia lên một bậc. Hạt nào thiếu đến 5 phần trở lên, thì án sát, phủ doãn, phủ thừa, chánh phó quản đạo tại chức 1 năm, giáng 1 cấp, lưu lại làm việc (lệ cũ phạt bổng 1 năm), tổng đốc, tuần phủ, đề đốc phạt bổng 1 năm (lệ cũ 9 tháng), tá lãnh và viên phủ huyện phạt bổng 9 tháng (lệ cũ 6 tháng), lại điển, tổng lý đánh ngay 40 roi (lệ cũ 30 roi). Án sát, phủ doãn, phủ thừa, chánh, phó quản đạo tại chức 6 tháng phạt bổng 1 năm (lệ cũ 9 tháng), tổng đốc, tuần phủ, đề đốc 9 tháng (lệ cũ 6 tháng), tá lãnh và viên phủ huyện 6 tháng (lệ cũ 3 tháng), lại điển, tổng lý đánh ngay 30 roi (lệ cũ 20 roi). Hạt nào thiếu 3 - 4 phần, án sát, phủ doãn, phủ thừa, chánh phó quản đạo tại chức 1 năm, phạt bổng 1 năm (lệ cũ 9 tháng), tổng đốc, tuần phủ, đề đốc 9 tháng (lệ cũ 6 tháng), tá lãnh và viên phủ, huyện 6 tháng (lệ cũ 3 tháng), lại điển, tổng lý đánh ngay 30 roi (lệ cũ 20 roi), án sát, phủ doãn, phủ thừa, chánh, phó quản đạo tại chức 6 tháng trở lên phạt bổng 9 tháng (lệ cũ 6 tháng), tổng đốc, tuần phủ, đề đốc 6 tháng (lệ cũ 3 tháng), tá lãnh và viên phủ, huyện 3 tháng (lệ cũ 2 tháng). Hạt nào thiếu 1 - 2 phần, thì án sát, phủ doãn, phủ thừa, chánh, phó quản đạo tại chức 1 năm phạt bổng 9 tháng (lệ cũ 6 tháng), tổng đốc, tuần phủ, đề đốc 6 tháng (lệ cũ 3 tháng), tá lãnh và viên phủ huyện 3 tháng (lệ cũ 2 tháng), lại điển, tổng lý đánh ngay 20 roi (lệ cũ 10 roi), án sát, phủ doãn, phủ thừa, chánh, phó quản đạo tại

chức 6 tháng phải phạt bổng 6 tháng (lệ cũ 3 tháng), tổng đốc, tuần phủ, đề đốc 3 tháng (lệ cũ 2 tháng), tá lãnh và viên phủ huyện 2 tháng (lệ cũ 1 tháng), lại điển, tổng lý đánh ngay 10 roi (lệ cũ được miễn).

Ngoài ra, tại chức chưa đầy 6 tháng, thiếu không tới 1 phần trở xuống thì miễn nghị, làm danh sách tâu lên do bộ xét lại thi hành.

Viên nào tại chức 3 năm, mỗi năm đều thiếu 5 phần trở lên thì án sát, phủ doãn, phủ thừa, chánh, phó quản đạo phải giáng 3 cấp đổi đi tất cả, tá lãnh, phủ huyện cũng tính số phải phạt là mấy cấp mà đổi đi ; lại điển, tổng lý đều phải xử phân thì đều phải cách bãi. Còn như lặc hạn về năm, xin lấy số phải bồi trong 1 năm, theo từng tháng, chia ra từng thành, nghĩ xử cả (như can bồi không tới 20 lạng, hạn 1 năm, mỗi tháng phải thu hơn 1 lạng, ngoài ra theo lệ ấy mà suy ra).

Lại chính người phạm chết, người nào nghèo nàn, trước hết do tổng lý, phủ huyện khám xét làm giấy cam đoan, quan tỉnh, phủ, đạo xét thực mới được làm danh sách nghĩ miễn, nếu sau tìm được tình trạng gian, thu bồi được bao nhiêu, chiểu số nghĩ thưởng (như thu được tiền 10 quan thì thưởng 2 quan, thu được bạc 10 lạng thì thưởng 2 lạng, hoặc thưởng kỷ lục hay cấp bậc). Về số thưởng ấy cùng số tang vật tên phạm ấy phải bồi, còn thiếu là bao nhiêu vẫn cứ phủ, huyện, tổng, lý đoan kết trước và quan tỉnh, phủ, đạo trách thu ; lại chiểu luật ẩn lậu, man khai gia sản tịch thu vào Nhà nước nghĩ xử. Đến kỳ thanh tra, viên trông coi việc ấy đem tất cả các danh sách cuối năm xét thấy phù hợp, làm danh sách riêng, do bộ ấy để xét các lẽ. Vua chuẩn cho theo nghị mà làm.

Tháng 12, lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh Trần Đình Túc và nguyên Khâm phái Nguyễn Tăng Doãn vì vội vàng làm việc sơ suất đều phải phạt. Trước đây tàu nước Tây chở thuê hàng hóa cho người buôn nước Thanh, đã chuẩn cho nghiêm cấm, đợi sau khi định thương ước mới thi hành, thế mà tự tiện cho La-đăng đáp để buôn và cho phái viên nước Tây đắp thêm khu đất (100 thước) di táng (An Nghiệp) đều là không hợp pháp. Đình Túc phải giáng 1 cấp lưu lại làm việc, Tăng Doãn phải phạt bổng 1 năm.

Đoàn thuyền của Phổ Nghĩa nhân ở lâu bị quẫn bách. Tổng lý Thương chính Phạm Phú Thứ đem việc ấy tâu lên. Vua chuẩn cho tạm cho chở thuê hàng hóa nước Thanh 1 lần lấy lợi, để giúp lộ phí nhưng phải chiểu lệ nộp thuế.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu : Giặc ở sông Thao đã yên, các chỗ quan yếu lợi hại từ Hưng Hóa đến Bảo Thắng (như Quán Ty, Trấn Hà) nghĩ nên đặt đồn bảo, phái quân canh giữ và chọn viên giỏi giang để khống chế, phòng giữ cho được vững lâu dài. Vua nghe theo.

Bắt đầu đặt huyện Minh Hóa ở tỉnh Quảng Bình. (7 sách ở 2 huyện Kim Linh, Cơ Sa về miền thượng du phủ Quảng Trạch, địa thế chơ vơ xa cách phủ khó trông coi khắp được. Gần đây được quan tỉnh xin đem 7 sách ở 2 nguyên ấy gồm với tổng Thượng Lưu, huyện Minh Chính, đặt làm huyện Minh Hóa. Đến nay mới đặt quan, lấy người Thổ trước làm chức ấy).

Vua cho là lính mộ ở Bắc Ninh, Thái Nguyên có danh ít có thực, sai quan tỉnh bọn Nguyễn Uy gia tâm chọn thải kỹ càng.

Vua bảo Cơ mật viện rằng : Việc dẹp yên giặc ở Tam Tuyên lấy đạo quân xưa Lưu Vĩnh Phúc làm việc chính, thế mà tên ấy lại về giữ ở Bảo Thắng, thường phái đến Tuyên Quang không chịu đi. Và Bảo Thắng là cửa ngõ để thông thương, việc buôn bất nhật thi hành, nếu có ngạnh trở, người Pháp hoặc có tức giận, thì làm thế nào ?

Bọn Trần Tiễn Thành thưa rằng : Hoàng Tá Viêm nhiều lần vâng mệnh điều khiển, việc đánh dẹp đã thành công, nên cho làm chọn việc đã mưu toan ; hiện nay Tá Viêm điều khiển 3 đạo quân đến Tuyên Quang đánh giặc Hoàng Anh. Gần đây tiếp tờ tư thì đều đã tiến hành, Vĩnh Phúc cũng bấm bắt phu và lương tiến đến ; như thế là thế đã thành, người đã nhiều, chính có thể thừa cơ được ; huống chi việc binh nhanh chóng bất ngờ, người thân đi đến mới biết rõ. Xin mật Dụ cho quan ở quân thứ bảo ban Vĩnh Phúc, khiến cho yên tâm hết sức đánh dẹp, dẹp yên ngay giặc Hoàng Anh, cho biên giới được yên, mà hết trách nhiệm bắt phải làm cho thành công. Vua cho là phải.

Sai quan các tỉnh sửa soạn việc quân. Khi ấy Ngự sử Vũ Ích Khiêm tâu : Hiện nay việc quân có nhiều tệ, cơ, vệ các tỉnh, đạo phủ, huyện tình thế liên can với nhau, chưa chắc đã công tâm giữ phép. Xin chọn quan đại thần công bằng, liêm chính, sáng suốt, quyết đoán, đi khắp Nam Kỳ, Bắc Kỳ, trông coi việc quân. Lại xin các tỉnh, đạo đều lập nhà học võ.

Vua bảo rằng : Nhà học võ ở tỉnh ngoài đã giao cho bộ Binh bàn rồi. Từ trước theo lệ có chọn phái người trông coi xem xét đồ dùng việc quân, nhưng mấy năm nay có nhiều việc, quân phái đi nhiều, cho nên chưa tiện làm ; nhưng đấy chỉ là tạm thời, hoặc có làm gượng che lỗi, sao bằng lúc này thường vốn cùng thân thiết. Phàm trách nhiệm quân dân đều là việc trong chức phận, nếu không để tâm, cố sức xem xét chỉnh đốn, thì khi tới việc không làm được việc, mất cả thân danh, há nên coi thường không nghĩ ư ? Bèn xuống Dụ : Sức cho các tỉnh ấy tự làm lấy, hết lòng chỉnh đốn xem xét, mong có thực hiệu.

Dụ rằng : Có quân không thể không có pháp luật, mà chỉ có pháp luật không thì không thể tự làm được ; có phép trị không thể không có người để trị. Từ đời Hạ, Thương, Chu trở về sau, binh chế không đời nào tốt bằng đời Đường, chưa khỏi cái tệ trốn tránh, là bởi người làm ra tệ mà thôi.

Binh chế Nhà nước ta, từ Quảng Bình trở vào Nam, hoặc 3 đinh lấy 1, hoặc 5 đinh lấy 1 ; trở ra Bắc thì 7 đinh chỉ lấy 1, chước lượng từng nơi giảm ngạch, không cầu lấy nhiều, thực muốn quân tinh giỏi mà sổ quân đầy đủ. Thế mà quân miền Bắc phần nhiều lười nhát, sổ quân cũng không đầy đủ, lại không bằng quân miền Nam có thể dùng được ; như thế có phải là phép chưa tốt hay là dùng quân chưa được người chăng ? Trước kia, đời nhà Đinh định ra quân thập đạo, quân không kém 1.000.000 ; đời nhà Trần biên đinh tráng làm quân, mà châu Hoan, châu Diễn đã đến 100.000, ngạch quân nhiều so với ngày nay gấp mấy, thế mà lúc bấy giờ, gọi là mạnh mẽ, ít nghe thấy trốn tránh. Tướng quân ở quân thập đạo, nhân đấy để phá quân nhà Tống, mà lòng quân không lìa bỏ ; các tướng đời trung hưng dùng để dẹp quân nhà Nguyên, mà các quân đều còn cả, ai bảo là quân miền Bắc không thể dùng được ư ?

Gần đây nghe nói cái tệ của quân ngoài Bắc có nhiều cớ, hương lý thì hạn năm lập ra khóa, tha người giàu, sai người nghèo ; quản suất thì đưa vào hàng ngũ, mong đi đóng đồn, sách nhiễu trăm đường, lại có tệ tha cho về nghỉ, có tệ đội tên người khác. Huống chi từ quản suất trở lên, tiêu phí bắt lính cung cấp, mà kỹ nghệ tập hay không tập chẳng hỏi đến ; quân không huấn luyện sẵn đến khi đánh giặc sao khỏi không thua, bảo rằng không phải là người làm ra tệ ư ? Nếu nắm được cốt yếu, thì tệ nào chẳng trừ được. Hiện nay các tỉnh ở Bắc Kỳ, tổng đốc, tuần phủ đều có trách nhiệm giao phó cho ở ngoài biên giới, trẫm đương ủy dụng, bắt phải làm cho thành công ; quân lính như thế không từng để ý trù nghĩ chấn chỉnh, thì lúc ngày thường cùng với ai mà giữ, lúc có việc cùng với ai mà đánh ; việc xảy ra ở Hà Nội, Ninh Bình, Hải Dương, Nam Định về mùa đông năm ngoái, vết xe đổ đáng làm gương, mà há không sờn lòng ư ? Nay cho các quan tổng đốc, tuần phủ, đề đốc, bố chính, án sát, lãnh binh các tỉnh ở Bắc Kỳ, phải hết lòng bàn tính thế nào chấn chỉnh một phen có thể đổi hết thói tệ, chuyển thành quân tinh nhuệ, trẫm đều cho hết sức làm, cốt khiến cho quân lính vui lòng làm việc, sổ sách thường đầy đủ, đi đến đâu có công đến đấy, dẹp yên trộm cướp, vài năm hay chẵn tháng, quả có thực hiệu, thì trẫm ban ơn khen thưởng hậu, không có tiếc gì. Nếu chỉ đặt lời văn hão noi theo thói tệ, khiến cho ngày càng bỏ bễ, thì phạt nặng theo liền, quyết không tha thứ.

Sai quan ở quân thứ Tam Tuyên trù nghĩ tình hình ở biên giới và việc quân. Khi ấy đem quân đi lâu ngày, kẻ trốn, người chết, thải về, tản đi, đội ngũ linh tinh. (Mỗi đội 2 - 4 tên, hoặc 5 - 6 tên, hoặc 10 tên).

Vua bảo bộ Binh rằng : Đại để dụng binh không nên lâu, lâu thì chỉ có quân đóng đồn, hằng năm thay đổi, đâu có quân phái đi đánh dẹp mà có để ở lâu đến 4 - 5 năm, lúc đi thì đủ, ở lại thì thiếu, thậm chí sắp hết sạch cả, mấy năm nay phần nhiều như thế, sao điều đủ được, tệ về việc binh không gì hơn. Trong đó lính ở

Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định lại xa, bất đắc dĩ phải điều động đi một thời gian, không nên để ở lại lâu, càng nên thương xót vỗ về ; thế mà quan ở biên giới, không làm được việc, nhẫn tâm ngồi trông đến thế, quan ở bộ cũng không mưu kế gì có thể chấn chỉnh đổi được, theo mà lặng yên ngồi nhìn, theo lệ cũ ; đều không vừa ý trẫm quá lắm. Chuẩn cho Tá Viêm trù nghĩ thế nào để sớm xong việc ở biên giới ; mà không hỏng việc quân, tức thì tâu lên chuẩn cho thi hành.

Sau Tá Viêm tâu nói : Không có kế hay nào khác, duy Nghệ An vừa mới yên, lại hiện đương đánh giặc lan tràn ở Trấn Ninh, thì 4 vệ Hoàn, Phấn, Nghiêm, Thiện mới cũ phái đi của tỉnh ấy, cho về tỉnh hết ; còn các hạng quân vẫn để ở lại theo quân thứ để sai phái, đều chiếu theo năm tháng lâu hay chóng, thưởng cấp có thứ bậc.

Vua theo lời.

Giặc biển ở Quảng Yên tên là Khách Công đem thuyền và quân nã bắt được tướng giặc, thuyền, súng, giao người đến xin giải nộp lĩnh thưởng, nhân xin họp đoàn hội đánh. Tuần phủ Hồ Trọng Đĩnh tâu xin chi cấp chiêu dụ vỗ yên. Khi ấy quan nước Thanh đã đốc đem binh dõng tiến giáp Hải Ninh đánh và phủ dụ. Vua bảo rằng : Xét quả có công trạng thực, chiếu lệ thưởng cấp, cho theo đánh giặc, nhưng tên ấy là do quan nước Thanh chiêu dụ, sau khi việc yên, thì Khách Công ấy giao cho quan nước Thanh dẫn về nước để được vỗ yên.

Giảm bớt chùa chiền. Khi ấy quan phủ Thừa Thiên là Nguyễn Hanh xin thuê dân và thợ sửa chùa Giác Hoàng, bộ Công đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Mấy năm nay, việc nhiều của ít, phàm cung điện vườn tược, tất cả những chỗ ít đi chơi đều bãi bỏ cả, các đền miếu cũng đều đổi bớt ; duy các nhà chùa, vẫn lại tu bổ nhọc tốn càng nhiều, để giữ dấu tích cũ là được. Còn những chỗ rộng quá thì hợp lại để thờ, liệu giảm bớt mới là hợp thời.

Bọn Đề đốc Nguyễn Văn Hùng đánh giặc nước Thanh ở các xứ Cổ Loa, Phù Lai, thắng trận. Tham tán Tôn Thất Thuyết tâu nói : 2 trận ấy rất là khó nhọc, ngay khi ấy thưởng chung tất cả 2.500 quan tiền. Vua sai gia thưởng Tôn Thất Thuyết và bọn đề đốc đều có thứ bậc. Lại cho là 2 trận ấy đánh giết giặc người Kinh đến 500 - 600 người, sai hiểu Dụ cho dân các xã ở Bắc Ninh, Sơn Tây, Thái Nguyên, phàm những người bị giặc nói dối, dỗ dành, đều giải tán trở về ngay, hoặc bắt, chém tên đầu mục giặc giải nộp, thì được khỏi tội và lĩnh thưởng.

Cho Chưởng vệ lĩnh Tiền quân là Hồ Oai kiêm coi cả Hậu quân. (Nguyên quyền Chưởng Hậu quân là Vũ Lã có tang).

Khi ấy sứ bộ là bọn Phan Sĩ Thục trở về, đã về quê nhà trước, vật hạng mua về phần nhiều không thích dụng, bộ Lại xét nghĩ làm tập tâu lên. Nội các xét nghĩ xin cách chức.

Vua bảo rằng : Chậm trễ, khinh thường, sơ suất, lòng làm tôi ra sao ? Bộ dẫn đi sứ mà nghị cần, rất không phải ; đi sứ cũng có phân biệt, như có khó nhọc làm được việc quan trọng, há không thể nghị cần được ư ? Nếu chỉ theo lệ thường, lại không có tài năng mà có lỗi, đâu có thể dẫn bậy được, đáng lẽ đều phải cách, nhưng lòng trẫm thể tất bề tôi, tạm theo phép rộng, Sĩ Thục giáng làm Hồng lô tự khanh biện lý Lại bộ ; Văn Quan giáng làm Hồng lô tự Thiếu khanh biện lý Binh bộ ; Tu giáng làm Tòng ngũ phẩm lĩnh Viên ngoại lang ; những người tùy tùng đều giáng 1 trật. (Sĩ Thục nguyên thự Lễ bộ Thị lang ; Văn Quan nguyên là Thị độc Học sĩ ; Tu nguyên là Hồng lô tự Thiếu khanh).

Đến khi bọn Sĩ Thục vào tạ, vua nhân hỏi rằng : Nước Thanh xử trí với nước Tây thế nào ? Và chính sự của vua Đồng Trị, quan lại được hay hỏng thế nào ? Thế nước có thịnh hay không ? Thục thưa rằng : Nước Thanh đối với người Tây, chia đất cho ở (trấn Hán Dương, chỗ người nước ngoài có lập bia đá, khắc chữ Đại Anh quảng long địa giới) làm nhà để ở. (Chỗ ở đều dựng hiệu cờ để phân biệt). Tổng đốc Hồ Bắc là Lý Hàn Chương làm Thông thương đại thần, để thông đi lại, phủ thành Chính Định có nhà thờ đạo ở trong thành, Yên Kinh cũng vậy, sĩ phu không nghe có lời bàn ngang. Người có kiến thức hoặc có người bảo rằng : Vua Đồng Trị tuổi còn ít, lại thêm vài mươi năm nay, quân mỏi mệt, của sút kém, tạm hãy chịu để hồi hộ ; gần đây đã sắc xuống cho quân cơ sửa soạn phương lược dẹp yên ở Giang Tô, lại mở cục kỹ xảo, các tỉnh sai tập súng của Tây, lúc nào cũng tự cố gắng, còn như xử trí với người Tây ấy, ở chỗ quân cơ bọn thần không nghe thấy. Vua Đồng Trị từ khi thân coi việc nước đến giờ, chính sự thì hết thảy tuân theo điển lệ trước, chuyên dùng bầy tôi cũ. Quan lại thì từ năm Hàm Phong đến giờ, đường làm quan phức tạp, tham nhũng nhiều, mà đời sống của dân ngày càng quẫn bách, quyên nộp sinh ra tệ. Hỏi về tổng đốc các tỉnh, thì Lý Hồng Chương ở Trực Lệ, Tôn Thất Đường ở Thiểm Cam, đều là tướng có nho học ; Lý Hàn Chương ở Hồ Quảng thì là người trầm tĩnh có mưu cơ ; Lưu Trường Hựu là Tuần phủ Quảng Tây thì nghiêm trọng mà am hiểu việc hàng trận, cùng Đan Mậu Khiêm ở bộ Binh, Vạn Thanh Lê ở bộ Lễ, đều là bề tôi có danh tiếng. Lại nghe nói giặc ở Cam Túc làm hại đã hơn 10 năm, chuyên do Tả Tôn Đường trù tính, mùa đông năm ngoái đã dẹp yên, hiện nay 4 phương không xảy ra việc gì, và dọc đường bọn thần đi, xem về đại thể, đến khi ở Yên Kinh, xem các nhật báo, đại khái của dùng trong nước hơi thiếu, nhưng sức quân vẫn mạnh, còn như việc ở nơi quân cơ, bọn thần không thể biết được.

Nhân dâng ngọc trai và phương thuốc tiêu để đánh mắt. (Ngọc trai đem chiếu vào đèn hay Mặt Trời mà soi thấy trong có 2 bóng là thật, dùng để đánh mắt. Thanh nhiệt tiên phương có nói rằng : Người già đau mắt lâu có màng, lấy vị thuốc Thanh Bì xông rửa vài ngày thì sạch bụi ở mắt, hơn 100 ngày thì màng dần dần tiêu đi, người ta bắt chước dùng có nhiều hiệu nghiệm).

Vua muốn biết hết tình người dưới, mở rộng đường tâu nói mới xuống Dụ rằng : Nghe nhiều thì sáng suốt, là đức của người làm vua ; thờ vua không ẩn giấu, là đạo của người làm tôi. Trẫm mình giữ mọi việc, một ngày muôn việc, trong đó quan lại có tài hay không, chính sự được hay hỏng, dân gian lợi hay hại, phong tục tốt hay xấu, tình giặc mạnh hay yếu, binh bị thịnh hay suy, có khi không phải tai mắt có thể biết được ; thường sợ một người không dãi tỏ được hết tình thực, một việc chưa hợp lẽ phải, bệnh cũ chưa chấn chỉnh được, nhưng điều u ẩn khó biết khắp được, nhiều lần đã xuống Dụ cầu lời nói, và quan các tỉnh hằng năm 2 tháng mạnh xuân, mạnh thu theo lệ có sớ tâu lên ; quan viên dẫn vào yết kiến, theo lệ có thủ bản, đều cho lần lượt trình bày, thật muốn dẫn bảo cho nói, để mở chỗ che lấp, thế mà gần đây người tâu việc hoặc nhặt theo lời bàn thường, cẩu thả cho xong để tắc trách ; hoặc càn rỡ ức đạc, không hợp thời nghi, cầu về không phiếm, không giấu, mà đối với lòng người và chí kế rất có bổ ích, thì cũng không thấy nhiều ; ý hẳn có kiêng kỵ mà không dám nói chăng ? Hay là cho rằng nói suông không bổ ích mà không chịu nói chăng ? Kìa như vua yêu bề tôi, chỉ cần gửi thân cho vua, làm ơn cho dân ; bầy tôi xử sự, tất phải nghĩ làm việc lợi, bỏ việc hại, nếu cho việc công là khó làm xong, lấy im lặng làm lão thành, thì sao mong cho mở mang trị hóa được. Các người đã đem thân làm con tin để thờ vua, thì về việc đời, việc dân trong lúc này, ngày thường tai nghe mắt thấy, tất có điều hay, biết mà không nói, nói mà không nói hết, tự hỏi trong lòng có yên không ? Từ nay về sau, quan viên ở trong Kinh và tỉnh ngoài, phàm các mưu kế việc quân, chính sự trong nước, cách cai trị của quan lại, phong tục của nhân dân, có quan hệ thì thói tệ gì nên đổi, việc lợi gì nên làm, đều cho nói hết không giấu, nếu có thể lấy được, sẽ chuẩn cho thi hành.

Xây thêm thành tỉnh Nghệ An. (Nguyên trước cao 1 trượng, 1 thước, 5 tấc, nay cao thêm 1 thước, dày 1 thước 2 tấc) theo lời xin của quan tỉnh là Nguyễn Chính và Vũ Trọng Bình.

Tấn phong Đề đốc ở quân thứ Bắc Ninh là Nguyễn Văn Hùng làm Mậu Công nam. (Vì nhiều lần đánh giặc, thắng trận, Hoàng Tá Viêm tâu xin).

Đầu mục giặc (ngụy Tiền quân) ở tỉnh Hải Dương là Hồ Văn Vạn bị giết. Trước đây giặc biển kéo đến quấy nhiễu hạt ấy, đã bị quan quân đánh tan ; còn đầu mục là tên Vạn lẩn trốn, đến nay quân nước Thanh là Hoàng Tài Thắng đem bè lũ nã bắt được, đến tỉnh giải nộp, rồi xin sắp xếp cho ở làm ăn ở phủ Hải Ninh ; quan tỉnh ấy đem việc ấy tâu lên. Vua chuẩn cho đem tên Vạn chém ngay, còn bè lũ Hoàng Tài Thắng đều thưởng cấp cho (bạc 1.500 lạng), rồi phê bảo quan tỉnh ấy rằng : Quân nước Thanh ấy tuy biết quy thuận lập công, nhưng nguyên là kẻ côn đồ bất đắc chí, tỉnh ngươi đã từng phủ dụ, nên tự xử lấy, nếu chia giao cho các tỉnh,

không khỏi phiền ngại, nên chọn chỗ thuận tiện ở hạt tỉnh ấy sắp xếp cho ở, chọn người đầu mục bảo lĩnh, cho có thống thuộc, ngõ hầu không để lo về sau.

Định lại điều lệ bắt kẻ phạm chuộc tội. (Nhiều lần nghị định chỉ cứ tội nặng, nhẹ không phân biệt bắt khó hay dễ, và sau khi đã tha, lại phạm lần nữa, còn chuẩn cho bắt để chuộc tội, lại lỗi về quá rộng. Nay bộ Hình nghị xin chuẩn cho : Sau này phàm những thủ phạm, tòng phạm về tội làm giặc, ăn cướp, án mạng và các án tạp phạm, tên nào nghe thấy nã bắt mà biết tự đi bắt kẻ phạm giải đến thú, về tên phạm bắt được ấy không cứ là cùng bạn hay là án khác (dưới cũng như thế), nhưng tội nặng hơn kẻ phạm ấy mà khó bắt (như giặc còn ở trong toán giặc, trộm đã trốn đi hạt khác) bắt được 1 tên phạm, dễ bắt (như giặc đã thua chạy, trộm còn ở nguyên quán), bắt được 2 tên phạm ; tội tình giống nhau mà khó bắt, bắt được 2 tên phạm, dễ bắt, bắt được 3 tên phạm ; tội nhẹ hơn tội người ấy (như bản phạm tội bị tội chết mà bắt được tên phạm bị tội lưu ; bản phạm tội lưu mà bắt được tên phạm bị tội đồ, tội phạt xuy, phạt trượng thì không cho) mà khó bắt, bắt được 3 tên phạm, dễ bắt, bắt được 4 tên phạm. Và bản phạm bị người bắt được mà ủy cho thân nhân đi bắt phạm chuộc tội, về tên phạm bắt được ấy tội nặng hơn tội bản phạm mà khó bắt, bắt được 2 tên phạm, dễ bắt, bắt được 3 tên phạm ; tội giống nhau mà khó bắt, bắt được 3 tên phạm, dễ bắt, bắt được 4 tên phạm ; tội nhẹ hơn tội của người ấy mà khó bắt, bắt được 4 tên phạm, dễ bắt, bắt được 5 tên phạm ; đều chuẩn cho lấy công trừ tội mà tha ra, không nên nghị thưởng. Duy tới khi nã bắt có khó, dễ, thừa, thiếu không giống nhau, thì lấy 1 khó khấu trừ cho 2 dễ, hoặc lấy 2 dễ khấu trừ cho 2 khó, thiếu thì đợi cho đủ cả, thừa thì trích ra chiểu lệ cấp thưởng.

Những tên phạm đáng được miễn tội kể ở trên, nếu sau khi được tha lại tái phạm, tội phạm ấy nặng hơn tội trước thì xử theo tội nặng, nhẹ thì chiểu theo tội trước xử trị, không chuẩn cho lại đi bắt kẻ phạm chuộc tội nữa).

Khi ấy quan tỉnh Hải Dương trích đem các xã, thôn bị giặc (126 xã, thôn) chia ra làm hạng thiệt hại lắm và thiệt hại vừa, tâu xin tha miễn thuế và tiền quyên còn thiếu đã chuẩn cho khoan miễn có thứ bậc.

Ý vua còn chưa bằng lòng, mới Dụ rằng : Đấng vương giả nhân để nuôi muôn vật, nghĩa để chính muôn dân, vốn có lòng nhân, tất quyết đoán bằng việc nghĩa, khiến cho người biết thích làm việc nghĩa mà cùng theo lòng nhân của ta, cho nên việc nghĩa lập nên thì lòng nhân càng rõ rệt. Gần đây cứ tỉnh Hải Dương dâng tập tâu, chỉ lấy bị giặc, chia hạng hại lắm, hạng hại vừa, không phân biệt là có theo giặc hay không theo giặc mà nhất thiết tâu xin miễn thuế, ý trẫm rất chưa bằng lòng. Kìa như Nhà nước chia đất cho dân ở, làng xóm họ hàng ở liền nhau, khiến cho lúc không việc thì ở yên với nhau, lúc có việc thì cùng nhau giữ gìn bền vững, đó là

lòng người có thể cậy được. Biết như thế thì dân không theo giặc, giặc không thể vào, rất là đáng khen, tha cho là phải, nếu lúc ngày thường nhà nào biết nhà ấy, không trông nom nhau, thế đã lìa tan, giặc lại lấy gì mà chống ; hoặc thế còn có thể chống được mà cái không chống chỉ ngồi nhìn để đợi quan quân ; quan quân đến mà giặc đã đi, tuy có thiệt hại lắm cũng là tự chuốc lấy, sao có thể tha hết thảy được. Huống chi dân ngu không biết hối cải cố gắng, ngày nay như thế, ngày mai lại thế, bớt của kho để cấp, cũng vẫn không khỏi sắc được. Vả lại có hủy bỏ pháp luật là giặc, che đậy cho giặc là chứa chấp, tiếng là chủ chứa, dùng để nhờ kẻ gian, có phép thường không tha, ở 9 luật hình không quên ; thế mà điều ác không bỏ, giặc lại không chống cự, hủy bỏ pháp luật, che đậy cho giặc, tuy không làm trộm cướp, thế cũng là trộm cướp, làm việc nước là phải bỏ hết trộm cướp, sao lại thưởng cho trộm cướp, thưởng cho trộm cướp, là gọi trộm cướp đến, lại có thể cấm được ư ? Cho nên nuôi dân bằng ơn huệ mà khiến cho dân không thể không theo điều nghĩa.

Sau này phàm các xã, thôn bị giặc ở các tỉnh xứ Bắc Kỳ, như quả không xâm phạm, không theo giặc, có thực trạng đích xác thì chuẩn cho tâu xin tha miễn, để khuyến khích kẻ thích làm việc nghĩa, còn xã thôn nào ngày thường có dẫn giặc, theo giặc mà bao dung giấu giếm cho nhau, để quấy nhiễu cướp bóc thì đều không được tâu xin giúp cho, để tỏ ý nêu rõ người lành, ghét kẻ ác.

Thôn Phú Thái, huyện Hương Trà thuộc phủ Thừa Thiên có cướp phát ra hơn 1 tháng chưa bắt được kẻ phạm. Vua xuống Dụ khiển trách rằng : Những kẻ giặc cướp gian nhũng, phép nhà vua tất giết, mà phép phải làm từ chỗ gần trước, Kinh sư là nơi khuôn phép đầu tiên, giáo hóa trước nhất, việc trị yên canh phòng rất cần, việc chọn thú, lệnh cũng rất quan trọng, là vì cớ gần vua. Xưa kia Triệu Quảng Hán làm quan ở Kinh Triệu, những kẻ thiếu niên ở Trường An mưu toan ăn cướp, nói còn chưa dứt lời, đã bắt để trị tội, người được như thế, thì trộm cướp phát ra vào đâu được. Nay các huyện ở phủ Thừa Thiên, cũng như đất Kinh triệu đời xưa, nơi ấy rất gần cho nên thấm giáo hóa rất nhiều, phong tục thuần đẹp, đã trăm năm nay ; thế mà gần đây ở phủ hạt có cướp phát ra, ở nơi Kinh sư sao lại có như thế. Bọn ngươi làm tiêu biểu các châu quận, không biết tuyên dương đức hóa để đến nỗi phong khí tập tục ở dân gian rất không được như trước, đóng cửa ngồi mà nghĩ, há không biết lỗi. Lần này bọn cướp đến hơn 10 người, lại chưa từng bắt được lấy 1 người, đối với chức phận dẹp trộm cướp cho yên dân để ở đâu ? Trước đây tâu lên, đã trừng phạt nhẹ, khiến cho biết hối hận tỉnh ngộ, hết sức nã bắt kết án trị tội để chuộc lỗi trước ; nay đã quá 1 tháng, mà việc bắt trộm cướp không có hiệu quả gì ; há coi là việc thường mà không để ý chăng ? Hay là cho khiển trách là lời suông mà tự cam chịu không tài năng chăng ? Không thế thì trong hoàn thành có xa xôi hiểm trở gì, nếu để ý bắt, thì kẻ gian trốn vào đâu được. Nay cho nghiêm trách quan phủ, huyện các

ngươi, phải trong hạn xét bắt cho được cả bọn, tức thì kết nghĩ nghiêm ngặt, để tỏ ra răn bảo rõ ràng ; hầu khiến cho bọn giặc cỏ không nổi lên, còn hoặc công có thể trừ cho tội. Nếu ngoài hạn không bắt được, trừ ra tổng lý sở tại đều phải nghĩ xử nghiêm ngặt, còn viên phủ huyện bất lực, cũng khó chối được lỗi, nên phải kính tuân.

Chuẩn định từ sau phàm văn thơ của vua làm đều để niên hiệu lên đầu. (Thơ hoặc văn hoặc tập gì, vua Minh Mệnh hoặc vua Thiệu Trị làm), muôn đời cũng gọi như thế ; rồi sai bộ, các ghi nhớ mà làm ; trong ngoài đều chớ sai. (Trở về trước làm việc có xưng là thánh thanh chế, chưa là trang nhã thỏa đáng, cho nên có Chỉ chuẩn này).

Xuống Dụ hiểu bảo tình trạng con cháu nhà Lê. Trước đấy, đầu mục giặc ở Hải Dương là Hồ Văn Vạn mạo xưng là con cháu nhà Lê, ngầm cầu tướng Pháp giúp đỡ.

Vua cho là nước Pháp mới cùng ta hòa, tuy không nên nói rõ về giúp kẻ ác, cũng nên đem nguyên ủy việc nhà Lê bảo bằng giấy tờ, một là để giải sự nghe lầm của dân ta ; một là để ngăn lòng khác của tướng nước Pháp ; bèn Dụ sĩ dân Bắc Hà rằng : Người quân tử đời xưa đối với thiên hạ, tất phải chính danh, vì danh không chính thì nói không thuận, nói không thuận thì việc không làm nên, một việc gì, một vật gì bé nhỏ, còn không thể lấy sự không thuận, không chính mà làm nên được, huống chi thiên hạ là vật lớn, mệnh trời rất trọng, mà có thể mượn tạm cầu may được ư ? Năm trước như Tạ Văn Phượng, ngày gần đây như Hồ Văn Vạn, hoặc giả xưng là con cháu nhà Lê, hoặc nói dối là con cháu thờ nhà Lê, dấy quân ở nơi bãi biển, ngấp nghé mong làm không phải, thậm chí xướng lên cầu tướng nước Pháp cùng giúp, làm điều bất chính, bất thuận, thế là đã quá lắm, người đều biết là trái lẽ loạn đạo, thì người đều được giết đi đợi gì nói nhiều. Duy sợ những kẻ bị chúng nói dối dỗ dành, hoặc chưa hiểu hết, nhưng đối với việc thuận nghịch, còn mất, một kẻ xướng lên làm loạn, muôn họ khổ sở, trẫm rất thương xót không nỡ ngồi nhìn loạn ngày thêm lên, nên bất đắc dĩ mà phải nói.

Xưa kia họ Mạc cướp ngôi vua, ngôi nhà Lê đứt giữa quãng. Triệu tổ Tĩnh hoàng đế ta rước lập Trang Tông lên làm vua ở nước Ai Lao, nhà Lê trung hưng lên, thực bởi triều ta gây dựng lại, khốn nỗi từ sau khi lấy lại được Kinh đô cũ là thành Thăng Long, chính sự do ở họ Trịnh, vua Lê không có quyền gì, chỉ như cái dải thừa, khi ấy thần dân cả nước chỉ biết có họ Trịnh mà lại không biết có nhà Lê.

Triều ta đối với nhà Lê, có công Xã tắc, đối với họ Trịnh, có ơn nuôi nấng ; thế mà chúng quyền gian thế thành thấy lợi quên nghĩa, Thái tổ Gia dụ Hoàng đế ta thương chính sự nhà Lê không có rường mối, nghĩa không cùng với kẻ gian hùng cùng ở đời, vì thế vâng mệnh trời, thuận lòng dân, bỏ đất Mân, đến ở núi Kỳ, ở bờ cõi miền Nam ấy, hơn 200 năm. Đến cuối đời Lê, Trịnh Sâm cậy thế làm ác, xâm lấn bờ cõi ta ; Tây Sơn Nguyễn Quang Bình nhân đấy, lẻn vào chiếm cứ kinh

Phú Xuân của ta ; liền lấy tiếng là diệt họ Trịnh, bức họ Lê mà lấy mất nước. Thế là triều Lê bị mất, trước bởi họ Trịnh không giữ đạo làm tôi ; sau bởi Tây Sơn càn ác ; trời làm mất nhà Lê đã gần 2 kỷ [1]. Thế tổ Cao hoàng đế ta mới đem quân 1 lữ ở Gia Định, kính vâng mệnh trời, diệt Tây Sơn lấy lại Thần Kinh, đem quân ruổi thẳng ra miền Bắc, có cả toàn nước Việt, thế là lấy được thiên hạ ở tay Tây Sơn, nhà Lê có dự gì. Triều ta lập nước, quang minh chính đại biết là chừng nào, khắp cả bốn biển, ai là không biết.

Lúc mới đại định, Hoàng tổ ta nghĩ thương hai đời cuối [2], không cùng lòng với nhau, Kỷ Hầu [3] bỏ nước đi, sai sứ sang Trung Quốc đem hài cốt Lê Xuất đế về, táng ở Lam Sơn, hậu gia lễ đặc biệt, chí sĩ trung thần, nghĩa dân, liệt phụ ở đời Lê, đều được nêu thưởng, rất là có nhân có nghĩa, không ai nói vào đâu được. Rồi lại phong Lê Duy Hoán làm Diên Tự công, để phụng thờ nhà Lê, ban ơn cho triều trước, chưa có ai được hậu như thế. Ngờ đâu bọn Duy Hoán và Duy Lương, nối tiếp nhau làm phản, tự mình làm cho tiêu diệt, đúng như *Kinh Thư* nói rằng : "Tự mình làm ra tai vạ thì không thể tránh được. Khi ấy lệnh sắp xếp cho ở một nơi ban xuống, cũng nghĩ Vương Lang giả dối xưng là con cháu nhà Hán, Hàn Lâm Nhi mạo chép hiệu nhà Tống, dân gian mê hoặc, liên lụy đến kẻ không có tội, cho nên phải dời đi xa, để giữ cho toàn vẹn. Nay con cháu họ Lê ở Nam Kỳ, đều đã yên phận, vui vẻ làm ăn, việc thờ tự các vua nhà Lê, quan lại thời thường đến tế lễ, miếu mạo, lăng phần, đều vẫn như cũ. Vừa rồi trẫm nghĩ chưa phong cho con cháu nhà Lê, đặc cách sai quan có trách nhiệm hỏi tìm phải đích nhà Lê lập lên làm người thừa tự ; Lê Duy Kiến đã phát trạm triệu về Kinh, vẫn sợ kẻ gian giả dối, hiềm nghi phải lánh xa không dám lại về Thanh Hóa để tập phong. Bản triều đối đãi nhà Lê trước sau không khác, nhưng con cháu nhà Lê biết giữ bổn phận, lại như con cháu nhà Ân thần phục nhà Chu, trẫm thực khen ngợi. Bọn Hồ Văn Vạn kia là người thế nào ? Chẳng qua là bọn cướp ở biển, tụ họp nhau sống tạm mà thôi, thế mà dám bảo là con cháu nhà Lê, mê hoặc dân ngu, cổ động nhau làm loạn, tội ấy đã là trời đất không dung thứ, thì lời ấy há lại làm cho sĩ dân nghe lầm được ư ?

---

(1) Mỗi kỷ là 12 năm, 2 kỷ là 24 năm.

(2) *Nhị thúc* : nghĩa là hai đời cuối. Chữ Hán là "Điếu nhị thúc chi bất hàm" là : Chu Công ở đời nhà Chu thấy cuối đời Hạ và đời Ân xa thân thích không cùng lòng với nhau để giữ nước, nên nước suy yếu đến nỗi mất.

(3) *Kỷ Hầu* : ở thời Xuân Thu, nước Kỷ bị nước Tề đến xâm chiếm, Kỷ Hầu thấy thế không chống nổi, lại không muốn hàng phục nước Tề, đem nước cho Kỷ Quý rồi bỏ nước đi thẳng.

(Hai điển này đều ở sách *Tả truyện*. Bài Dụ này dùng để ám chỉ cuối đời Lê suy yếu, bị Tây Sơn đánh chiếm, Lê Mẫn đế bỏ nước chạy sang nước Thanh rồi chết ; Thế tổ nhà Nguyễn nghĩ thương, sai sứ sang đưa hài cốt về).

Lại như mùa đông năm ngoái, Lê Duy Quý theo phái viên Tây là An Nghiệp xin ứng mộ, giả sử quả là con cháu nhà Lê đã là hạng người không đáng đếm xỉa đến, huống chi lại là trá mạo ư ? Tướng giặc hiện bắt được là Hồ Văn Vạn cung xưng là con cháu nhà Lê không có người nào cả, càng có thể biết là bọn côn đồ mất vía, trộm danh tiếng nói dối dân chúng, dân ta tất không đến nỗi bị mù điếc mà tự gieo mình vào lưới pháp luật, còn như lời ngụy thư trước kia nói còn là con cháu nhà Lê, cầu tướng nước Pháp giúp đỡ, càng là vô lý lắm, tại sao thế ? Vì nước Pháp đương hòa với ta, yêu ghét cùng như nhau. Nay Hải Dương, Hà Nội ta đã cho làm nhà mở ra buôn bán ; tướng nước Pháp lại ước đem tàu chiến, súng lớn để giúp ta ; triều ta được nước là chính nghĩa, và cớ triều Lê mất nước, tướng Pháp ở gần với ta đã lâu, nên đã biết rõ, đâu có bỏ điều lợi vô cùng, quên tình nghĩa hòa hiếu, mà bị kẻ ngu dại nói dối được, giúp cho kẻ làm ác. Gần đây phái viên Tây là La-đăng giúp ta đánh giặc biển, thường có công trạng thực bắt được giặc, đấy càng là chứng cớ rõ ràng không chịu giúp cho giặc. Nay quan quân tiến đánh, bè lũ giặc làm nội ứng, Hồ Văn Vạn hiện đã bị bắt, giặc còn sót lại sớm muộn cũng đi đến chỗ tiêu diệt hết, sau này nếu có bọn vô lại dám đến tướng Pháp và quan Tây, nói càn là con cháu nhà Lê, thì tướng Pháp và quan Tây tất phải vì ta biết rõ là giặc, lập tức bắt đưa nghiêm trị, để hết kế ly gián của bọn giặc, tỏ lòng thực hòa tin nhau, lại quyết nhiên có thể biết được. Kìa như mệnh trời rất công, ngôi vua rất lớn, không thể lấy khôn khéo, sức mạnh mà mưu toan được. Trẫm đối với thiên hạ, cũng chỉ thản nhiên không tư vị mà thôi, giữ gìn không lười biếng, mà thôi. Vả lại mệnh trời bỏ nhà Lê gần trăm năm rồi ; nước Pháp hòa hiếu với ta không phải là 1 ngày, phàm sĩ dân ta nên nghĩ : Trong thì yên về ơn sinh dục dạy nuôi của triều đình, ngoài thì hiểu biết ý cùng lợi cùng vui của nước láng giềng, chớ nghe nhầm lời nói không căn cứ, chớ làm đầu sỏ giặc, để cùng hưởng phúc thái bình, há chẳng tốt ư ?

Vua nước Thanh chết (miếu hiệu Mục Tông), Hoàng tử là Tái Quát lên ngôi, lấy năm sau làm năm Quang Tự thứ nhất.

Ban cho bọn Hoàng Tá Viêm, Phạm Phú Thứ, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Chính, Trần Đình Túc, Hoàng Văn Tuyển, mỗi người 2 chi toàn sâm kiêm cương thượng hạng ở Quan Đông và mỗi người 1 bình chè bích loa thượng hạng. (Sâm và chè này là sứ bộ sang nước Thanh mua về).

Dụ rằng : Những người đều làm nhiều việc ở nơi biên giới phồn kịch, cho nên không quên.

Năm ấy các hạng thuyền tuần tiễu và vận tải ở Kinh và tỉnh ngoài cộng 273 chiếc, bị hỏng việc (nhân gió và giặc) 9 chiếc, còn thì đều thanh thỏa cả.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LIII*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Ất Hợi, Tự Đức năm thứ 28 [1875] (Thanh, Quang Tự năm đầu), **mùa xuân, tháng giêng**, ngày mồng một, Quảng Yên báo tin thắng trận. (Tuần phủ Hồ Trọng Đĩnh dâng tập tâu giặc Đám Dài ở Phù Long chiếm giữ chỗ hiểm. Tháng chạp năm ngoái, Phó lãnh binh Hoàng Đình Thượng được ủy mật mưu thúc đánh được thắng, bắt sống được bọn đầu sỏ giặc trên 100 tên, thu súng, thuyền, đốt phá hết sạch).

Vua bảo rằng : Sớm nay tiếp được tin ấy, rất tốt, bộ Binh làm phiếu ngay để định thưởng. Bộ nên ghi lấy. Nếu quả dẹp yên hết, nên gia thăng thưởng đền công. Nhân thế vua làm thơ để ghi nhớ việc ấy.

Vua ngự điện Văn Minh nghe việc chính, triệu hoàng thân và văn võ đại thần cho ngồi, ban nước chè. Sai Trần TiễnThành đọc thơ vua làm (1 bài thơ về tết Nguyên đán, 1 bài thơ về Quảng Yên báo tin thắng trận) rồi bảo cho ý cùng khuyên bảo nhau.

Chuẩn định lệ các nha, bộ, viện, các đề cử thuộc viên. (Từ sau phàm cử thuộc viên, nếu trong nha 1 - 2 người chuyển cho nhau và không cất nhắc gì, thì làm tờ tâu. Nếu cử người nha khác và thăng lên, thì theo lệ làm tập tâu, giao cho quan có trách nhiệm xét định, để cho công tội sự trạng ghi ở dưới lên có nên cho hay không hầu được tỏ thực, không nên sơ suất làm tờ tâu, cầu may được chấm, cho chính thể thận trọng. Định làm lệnh mãi, người trái lệnh sẽ phải chịu tội).

Chuẩn định lệ ấm sinh mà người cha bị giáng chức thì chiểu phẩm nên được để ấm hay trả về làng. (Các tên đã được bổ vào ấm sinh, người nào hễ cha đã bị giáng, đổi, mà người con hiện để ở ấm học tập ở Giám, ở tỉnh chưa được chọn bổ, như ấn quan tứ phẩm trở lên, giáng xuống ấn quan ngũ phẩm, cho con được lưu ấm 3 tên, giáng xuống thuộc viên tứ phẩm, cho lưu 2 tên, giáng đến thuộc viên ngũ phẩm được 1 tên. Ấn quan ngũ phẩm và thuộc viên tứ phẩm giáng đến thuộc viên ngũ phẩm, cũng cho con được lưu ấm 1 tên, còn thì chiểu phẩm hiện giáng, đáng được viên tử mấy tên, theo lệ đều phải rút về, còn thừa mấy tên đều phải cho đăng sai. Thuộc viên ngũ phẩm giáng đến lục phẩm, thì con phải tước mất ngạch ấm, nhưng được về ngạch viên tử. (Như anh hay em đã có theo lệ đem về hạng viên tử, thì tên ấy rút về đăng sai). Giáng đến thất, bát, cửu phẩm, thì con bắt phải về đăng sai, đợi khi nào cha người ấy lại được thăng đến ngũ phẩm trở lên, thì lại được theo lệ mà làm).

Định rõ lệ quan viên cách, lưu, khai phục, đổi giáng. (Lệ trước phàm các viên cách lưu, gặp năm đại khánh mới được làm danh sách tâu, nên có người đã 6 - 7 năm hoặc đến 10 năm, vẫn giữ cách, lưu, nay chuẩn định phàm quan viên cách lưu trừ những người được đặc ân ra, còn thì người nào tội vì việc công, chuẩn cho 1 năm, tội vì việc tư, chuẩn cho 2 năm, mãn hạn ấy, do 2 bộ Lại, Binh theo nghị trước làm danh sách tâu lên, chờ chuẩn cho khai phục, đổi giáng. Lại như can tội việc quân phải cách lưu, giáng cấp, trước xét đều theo tội việc tư xử đoán. (Như năm đại khánh, tội việc công cách lưu, đổi làm giáng 4 cấp lưu ; tội việc tư và việc quân, bị cách đổi làm giáng 5 cấp) chưa khỏi quá khắc nghiệt. Nay chuẩn cho từ sau phàm can việc quân phải xử phân trừ người công trạng đặc cách cho khai phục ra, còn thì cũng theo tội vì việc công nghĩ xử tất cả, để tỏ có thể tất).

Thự Văn Minh điện Đại học sĩ Trần Tiễn Thành tuổi cao, danh vọng trọng, vua lấy lễ hậu đãi, thường gọi là họ Trần mà không gọi là tên Tiễn Thành, càng kính cẩn lắm. Gần đây mắc chứng đau bụng xin nghỉ, mới hơi khỏi, liền cố gắng vào lạy tạ, chầu hầu.

Vua nhân đấy tuyên triệu hỏi rằng : Bệnh trước của ngươi đã khỏi chưa ? Tiễn Thành thưa rằng : Bệnh của thần may nay đã hơi giảm, rồi lại đến sân lạy tạ. Vua bảo rằng : Trẫm thường thể tất các quan, thấy ngươi một lúc lạy tạ đến 2 lần, lòng trẫm chưa yên, ngươi nên hết lòng làm việc cho nước nhà được yên, còn tiểu tiết trẫm không nỡ trách.

Quan tỉnh Thanh Hoá Tôn Thất Tĩnh dâng tập tâu : Sơn phòng sứ bọn Trương Quang Đản lấy lại được huyện lỵ Trình Cố. (Huyện ấy tháng 11 năm thứ 26 bị giặc đất Thanh tràn sang chiếm cứ. Quang Đản mới đến nhận chức, thân đem quan quân đánh lấy lại). Vua sai khen thưởng có thứ bậc. (Quang Đản được thực thụ Án sát vẫn sung làm Sơn phòng sứ, vua lại làm 1 bài thơ ban cho ; Tham biện Hồ Tư Cung

lĩnh chức Phó lãnh binh, Lê Tước đều thăng 1 trật ; quan quân đi trận được thưởng chung 500 quan tiền). Lại sai tỉnh và quân thứ trù tính công việc xếp đặt sau này, nhân sai bộ Binh tư cho 4 tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình đều vẽ các phủ, châu thổ man thượng du đến các nơi tiếp giáp (như Khung Giang, Nam Chưởng, Vạn Tượng, Xiêm Man, Lào, nước Thanh) đầy đủ tất cả, ghi chép rõ ràng minh bạch (tên gọi, núi, sông, đường sá, xa gần) đệ dâng để vua xem.

Ban cân, quả cân, trượng, thước cho các nha, thự Thương chính. (Theo thương ước : Phàm thông thương, các nha, thự thuế quan ở các cửa biển đều lĩnh cân, quả cân, trượng, thước của bộ Hộ nước Đại Nam).

Vua bảo các tỉnh dọc biên giới giáp biên giới nước Thanh : Mấy năm gần đây giặc trốn nước Thanh phần nhiều vượt hiểm tràn sang lén lút cướp bóc, đều do quan lại ở biên giới chống trị thất sách, bèn thông sức cho quan các tỉnh dọc biên giới và trung châu, cần phải xét hỏi trừng trị, cốt cho trong hạt yên ổn, vĩnh viễn không lo về sau, mới là không phụ sự ủy thác.

Vua cho là gần đây bộ Lại bổ quan phần nhiều dụng tâm lấy riêng.

Vua Dụ rằng : Nhà nước làm việc, không có gì cần bằng được người, cốt yếu về được người, chỉ công bằng mà thôi. Gần đây nghe tin có bộ Lại bổ quan đã không tùy tài bổ chức, không biết công bằng thanh liêm tự nhủ, chỉ theo nơi làm việc chỗ tốt, chỗ thường, chỗ xa, chỗ gần mà dụng ý cao, hạ, chức quan có định giá, coi như nơi chợ, một bộ như thế, bộ khác có thể biết được. Không một việc gì không lấy tiền, không một chỗ nào không đặt giá, quan 6 bộ như thế đối với việc nước còn ra sao ? Nước mà hỏng việc, là do quan bất chính, quan thiếu chức vụ là tại ăn hối lộ. Bộ Lại là đầu 6 bộ, cần phải đổi ngay để dẫn đầu, nếu không đổi hết được lỗi trước, quyết không khoan tha. Vả lại, Nhà nước đặt ra ngôn quan, giữ chức đàn hặc, tại sao im lặng bao dung ? Nay bộ Lại làm việc như thế, mà Lại khoa chưa nghe thấy đàn hặc, thì việc khác cũng thế. Chỉ nhặt 1 - 2 việc nhỏ mọn, tạm cho xong việc tắc trách, thì có ích gì cho việc. Từ sau, ngôn quan biết mà không hặc, đều xử tội giống như nha có trách nhiệm ấy.

Ngày Đinh Mão, duyệt binh lớn. Theo lệ, hằng năm đầu xuân duyệt binh cho việc quân nghiêm chỉnh, mấy năm nay có việc quân ở Kinh phân phái nhiều ngả, đình duyệt đã lâu. Đến nay quân thứ các tỉnh đều đã cho về, quân Kinh tập hợp cả, bèn sai lĩnh Thượng thư bộ Binh Trần Tiễn Thành sung làm Xuất lệnh đại thần ; Hữu quân Đô thống kiêm Chưởng Trung quân Lê Sĩ, thự Thống chế quyền Chưởng dinh Thần cơ Tôn Thất Tư sung làm Chánh tổng duyệt đại thần ; Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Hổ oai Hoàng Văn Thu, Hữu tham tri bộ Hộ Trần Văn Tuy sung làm Phó tổng duyệt đại thần, duyệt binh thủy, bộ (bộ binh do Lê Sĩ, Hoàng Văn Thu

duyệt, thủy binh do Tôn Thất Tư, Trần Văn Tuy duyệt), tất cả quan quân khí giới thuyền mành, đều chuẩn cho 4 viên ấy dự kiểm sát thao diễn trước, cốt phải nghiêm chỉnh. Đến ngày ấy, vua ngự lầu Ngọ Môn duyệt coi. (Tự Đức năm thứ nhất, vì có sự lo của nước, phái đi làm việc nhiều ngả, phải đình duyệt. Năm thứ 2 trở về sau, sai quan duyệt, duy năm thứ 4, thứ 7, thứ 9, thứ 12, vua thân duyệt. Sau vì 2 kỳ có việc, đình duyệt. Đến nay mới duyệt).

Chuẩn cho Ông Ích Khiêm quyền cấp Tán tương đến quân thứ miền Bắc đánh dẹp. Trước kia Ích Khiêm có lỗi bị cách, gắng sức làm việc chuộc tội, sau nhân bị bệnh cáo về ở nhà đã lâu. Mùa đông năm ngoái, thự Đốc Hải Dương Phạm Phú Thứ xét biết bệnh lo phiền đã khỏi, tâu xin cho khởi dụng. Vua y cho. Đến nay Ích Khiêm về Kinh đợi Chỉ, cho nên có Chỉ chuẩn cho này. Lại thấy Ích Khiêm vốn hăng hái mà vô lễ. Nhân đấy răn rằng : Người ta có lễ,thì yên tâm chăm đọc Thi, Thư mới làm nho tướng.

Cho Tả thị lang bộ Công kiêm quản viện Đô sát Phan Huy Kiêm thăng thự Tả phó Đô ngự sử, nhưng chuẩn cho không kiêm chức ở bộ, để cho có chuyên trách (viện Đô sát năm gần đây phần nhiều lấy quan ở bộ phải kiêm. Đến nay, viện ấy vì là nơi phong kiến, quan hệ rất lớn, xin đặt chuyên viên. Đặc cách chuẩn y lời xin, cho nên có mệnh lệnh ấy).

Bộ Lại làm tờ tâu, đem 16 bản sách Tây dâng trình (*Cổ kim vũ bị* 1 bộ 2 quyển ; *Tây phương quốc ngữ luật lệ* 1 bộ 2 quyển ; *Binh thư tập yếu* 1 quyển ; sách dạy lặn mò dưới nước 1 quyển ; sách dạy chế đạn phá và phát hỏa 1 quyển ; sách về luật pháp cưỡi ngựa, bắn súng 1 bộ 4 quyển ; sách luật pháp về bộ binh 1 bộ 2 quyển ; sách luật pháp thao luyện lính kỵ mã 1 bộ 3 quyển).

Sai bộ Lễ sức cho bọn Nguyễn Hoằng (nguyên là Linh mục lĩnh chức Chủ sự ty Hành nhân) phiên dịch. Đến nay, bộ Lễ tâu bọn Hoằng bẩm rằng các sách ấy đều thuộc máy móc kỹ nghệ, nghĩa và chữ rất khó. Bọn ấy học tập chữ nước Pháp chỉ hơi biết giấy tờ đi lại, còn như máy móc kỹ nghệ, đều không biết rõ. Trong số đó chỉ có sách dạy lặn mò dưới nước hơi dễ, xin cho trong 2 - 3 tháng dịch xong trình lên. Ngoài ra các hạng sách khác nói với linh mục người Tây là Đăng cũng không phiên dịch được. Nếu phỏng thuê người Tây trị giá rất cao, lại lâu ngày. (Giấy hạng rộng 1 tờ giá 5 quan tiền, hạng vừa 4 quan, hạng nhỏ 2 quan. Công trình 1 người làm 6 - 7 năm mới xong). Các sách ấy xin giao cho Cơ mật viện nhận giữ, chờ các người phái đi Tây học tập, học thành tài về dịch. Vua nghe theo.

Trước có Chỉ phong hoàng nữ triều trước là Thục Tư làm Xuân Hòa công chúa, chưa kịp tuyên phong, Thục Tư vì việc làm bất chính phải tước mất, (năm thứ 23 can án Thị Cát dỗ dành) giáng làm tôn nữ, giao cho chị gái (công chúa An Cát Thục Nhu)

và phủ Tôn nhân răn dạy. Đến nay phủ Tôn nhân tâu nói : Tôn nữ Thục Tư, từ khi bị khiển trách đến nay, chị tôn nữ ấy đem về nuôi dạy, bọn thần theo lệ thường dạy răn, đã trên 4 năm, tôn nữ ấy đã biết hối chừa, không nghe việc làm bất chính, nay chị tôn nữ ấy bẩm xin đề tâu giúp, tình thuộc đáng tha.

Vua bảo rằng : Tôn nữ Thục Tư đã biết hối sửa, gia ân chuẩn cho được phong như cũ, để tỏ thực hậu, nhưng do phủ thường phải dạy bảo kiểm thúc, cho giữ được tiếng tốt mãi, ngoài ra đều coi đấy không coi thường ơn tự điểm nhục. Lại chuẩn cho công chúa ấy nguyên phong sách bằng đồng do bộ phủ phái thuộc viên đệ đến tới 7 ban cấp, không nên sai quan tuyên phong, để cho có phân biệt.

Bộ Hình dâng bản án ở Kinh và tỉnh ngoài (chưa kết án cộng 843 án, người hiện giam cộng 753 người) Sơn Tây, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Hưng Yên nhiều hình án để đọng. Vua bảo rằng : Việc hình ngục không xử xong như thế, dân sao được vui sống, khí hòa sao cảm triệu được. Sơn Tây, Bắc Ninh còn lấy bắt giặc công việc nhiều để nói, Thanh Hóa ít việc, Hưng Yên thực không có việc, sao cũng để đọng, thường giam chờ nhiều, mỗi khi có sơ suất trốn thoát sinh việc, phải soi gương phải đề phòng. Nếu bảo là việc nhiều, thì ai cũng đều có chức vụ, chức đề hình liên quan gì đến việc lương tướng, phủ huyện cũng có nơi không có giặc, sao được vin cớ. Tóm lại án giam đều là thêm nhiều, chức vụ ở chỗ nào. Vậy Nội các nghĩ dụ thông sức, đem quan 4 tỉnh ấy giao cho bộ Hình gia bậc nghị xử, bộ cũng nên tự cố gắng để cho noi theo. (Bây giờ nghị chia ra 3 bậc, nơi không có việc là nặng nhất, nơi ít việc hay có việc lần lượt giảm dần).

Sai bộ Lễ xét rõ quốc triều những người chết vì việc binh, người nào chưa ban tế, lập đền thờ, đều chiểu lệ nghĩ xin ban tế và dựng đền thờ.

Chưởng vệ quyền Chưởng Tiền quân Hồ Oai chết, cho truy phục hàm trước Tiền quân Đô thống. (Hồ Oai, ngày tháng 8 năm thứ 19, vì đi đầu tiên hăng hái chống giặc, được thăng Tiền quân Đô thống. Năm thứ 27, vì ở Nghệ An đánh giặc không nên công trạng, bị giáng là Chưởng vệ, đến nay chết, nghĩ đến công trước, nên cho truy phục).

Tháng 2, chước định thể lệ đình nghị phàm việc thuộc về cẩn mật, thì đến Cơ mật viện, việc gì không phải việc mật, mà phải giải quyết ngay, thì bàn ở tả vu, việc nào nghị định pháp chế, như quy thức thành trì, chương trình chuyển vận và đình cử các chức khuyết, thì đều họp ở viện Tả đãi lậu bàn bạc.

Sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm định thời hạn đánh giặc. Bấy giờ chiến tranh nổi lên 6 - 7 năm, các giặc ở biên giới phía Bắc diệt trừ gần hết. Tên giặc lão luyện Hoàng Anh chỉ còn hơi thở tàn. Vua đã cho hạn làm việc. Tá Viêm tâu nói : Không dám định liệu trước, chỉ biết hết lòng hết sức trù tính làm việc, trông chờ uy đức của triều đình, may được xong việc.

Vua bảo rằng : Hoàng Anh gây loạn, triều đình lo ngại bắt ngươi làm xong ngay, thế mà nói là chưa xong, thì binh dân ngày nào mới nghỉ ngơi, của cải sức lực cấp sao được mãi. Huống chi binh dõng các đạo chỉnh tề gắng sức, há nên chậm phí ư ? Ngươi phải hết sức tính đánh, phỏng 2 - 3 tháng, hay tháng nào xong được việc, định hẹn tâu lên, để đỡ trông ngóng.

Cho vua nước Thủy Xá là Phiêu Y, họ là Vĩnh, tên là Khác. (Tháng 3 năm ngoái, vua nước ấy là Vĩnh Tuân bị bệnh chết, Phiêu Y được lập lên).

Dân bị nạn bão ở Bình Thuận từ Hương Cảng về. (Nạn dân tỉnh ấy 14 nam, 5 phụ nữ, hiện an trí ở phủ thự Tuần lý. Bấy giờ viên cai quản tàu thủy Đằng Huy đến Hương Cảng công cán, nghe biết tin ấy, xét ra sự thực nhận về trụ sở, chi tiền công để cấp dưỡng. Hỏi ra có tàu thủy nước Anh đến Gia Định, nhân tiện đáp về, viết thư cho tướng nước Pháp chuyển giao về tỉnh Bình Thuận, các tiền cước phí, lương ăn, áo quần cộng 171 đồng bạc làm tờ chi tiêu). Vua y cho.

Cho nguyên Cần Chính điện Đại học sĩ, Tuy Thịnh quận công, tặng Thái sư, thụy Văn Lương, Trương Đăng Quế đã chết, được thờ phụ ở nhà Thế thất. Đăng Quế từng thờ 3 triều vua, 2 lần nhận lời chiếu để lại, Thiệu Trị năm thứ nhất kính vâng Thánh dụ, theo lời thánh huấn khen là trọn tiết làm tôi, thực là công thần kỳ cựu, chuẩn cho ngày sau được thờ phụ ở Thế thất. Khi vua lên ngôi, lấy Đăng Quế sung làm Phụ chính đại thần. Đến khi 6 tỉnh Nam Kỳ bị mất, Đăng Quế vì già yếu về hưu, sau 2 năm thì chết. Vua cho là bờ cõi mất chưa khôi phục được, hoãn việc thờ phụ, muốn cho các quan trong ngoài coi đấy cố gắng. Đến nay vua Dụ rằng : Mệnh lệnh trước không dám trái mãi, đức cũ không nên không báo đền, viên đại thần ấy có công với Xã tắc, tuy lúc tuổi già gặp việc biến ở biên giới, không ngăn được từ đầu nhưng lấy dài bỏ ngắn, vết không che được ngọc tốt, cho bộ Lễ chọn ngày lành, sửa lễ nghi kính theo lời thánh huấn, chuẩn cho đem viên đại thần ấy được thờ phụ ở Thế thất, cho hợp với mệnh để lại, thỏa linh hồn trung thần, bèn được thờ phụ ở án thứ 7, nhà bên hữu Thế miếu, ở dưới Vĩnh Lại hầu Mai Đức Nghị.

Hoãn kỳ thi Hội cho thi hành vào tháng 4. (Vì tháng 3 có sứ nước Pháp đến triều cùng giao hòa ước).

Đình lệ ở Giám chọn tâu người được ưu luôn. Cho ở Kinh và tỉnh ngoài xét cử người kinh thuật thông suốt, học hành thuần chính và thần đồng thông minh khác thường cứ thực tâu lên.

Dụ rằng : Người quân tử lập thân, không cần hư danh, triều đình chọn người, cốt được thực tài. Nếu không có thực, mà chỉ chuộng danh, thì đối với người sao được cố gắng, đối với việc sao được bổ ích, cho nên tìm hiền sĩ, tuy không phải một cách, nhưng không thể không theo danh tiếng để đòi hỏi sự thực. Trẫm lên ngôi đến

nay 28 năm, về việc chấn hưng văn học, bỏ trống chỗ ngồi để cầu người hiền, chỉ lấy tôn sùng phong nhã, truất bỏ phù phiếm làm cốt yếu, thế mà trong khi gây dựng, kẻ sĩ chưa biết chăm nghiệp cũ để đáp ứng nhu cầu của trên, phải chăng người láu lỉnh thì liền được tâu lên, mà người học hạnh thuần rộng thì không tự biết mà thế chăng ? Sinh viên học ở Giám, trước đã chuẩn định người nào trong 3 năm, 2 kỳ hạch mùa xuân, mùa thu liền được 4 ưu, 2 bình, thì chọn tâu đợi Chỉ, nhưng quan ở Giám xét hạch phần nhiều không thực, nên chọn tâu đều chưa xứng ý trẫm. Khoản ấy từ nay cho đình chỉ. Nhân nghĩ rằng : 1 ấp có 10 nhà, tất có người trung tín, cả nước rộng lớn, há không có hiền tài ư ? Đức hạnh, văn học của học trò đức Khổng, đỗ khoa Hiếu liêm, khoa Minh kinh đời Hán, ngoài ra như 12 tuổi làm tướng, 7 tuổi ngâm thơ, đời thường vẫn có người, sao được nhất khái nói dối 1 đời. Nay cho ấn quan trong Kinh và tỉnh ngoài đều nên xét rõ trong hạt không cứ là cử nhân, tú tài, học sinh, sĩ nhân, người nào đích thực kinh thuật thông hiểu, tài học giỏi giang, hành trạng thuần chính, vốn được lũ ở làng xóm kính phục cảm hóa, không nói xen vào đâu được và có thần đồng thông minh khác thường, tuổi từ 12 trở xuống được thông kinh sử, làm văn hay tài hạnh, bàn luận vượt hẳn mọi người, cho đều xét rõ thực trạng tâu lên chờ xét lục dụng. Đề cử được người thì được thưởng hậu, cử người không chính đáng phải phạt nặng. Đều thông lục để làm lệ mãi.

Viên ngoại lang bộ Công có Vũ Duy Trinh, trước là đứa ra thú, dần dà được cho lục dụng, mới vài năm từng thăng đến hàm ấy. Khoa đạo là Chu Duy Trinh hặc tâu là Vũ Duy Trinh trước đã theo giặc nhận chức thống lĩnh ngụy, lúc cùng mới ra thú, triều đình đối đãi không giết, thực là may lắm, nay lại nghiễm nhiên ngang với hàng quan trong triều, xem ngôn ngữ cử chỉ hấn không giống sĩ phu, huống chi lại nịnh nọt đưa đón, tài giỏi của kẻ tiểu nhân, quân thứ tạm cho chức tán tương, bộ Lại dâng tờ tâu cho dự hàng án sát, người quan chiêm vào, thể thống còn ra sao ? Vả lại viên ấy theo giặc, có chứng cớ rõ ràng (tháng 11 năm thứ 16, tờ tư của bộ Hình nói viên ấy nhận chức thống lĩnh ngụy). Đã bị nguyên Thống đốc Lê Bá Thận nêu hặc, chuẩn cho giao bộ Binh xét lại, bộ Binh vẫn để trì trệ, bộ Lại làm tờ tâu chỉ trình bày là sĩ nhân ở Hải Dương, giấu việc theo giặc. Vậy Vũ Duy Trinh nên tước hàm chờ xét, hai bộ Lại, Binh giao Nội các xét xử, cho phương pháp làm quan được nghiêm, mà công luận được thỏa đáng. Vua nghe theo. (Giao đình thần nghị. Nghị dâng lên, Duy Trinh phải cách, phát giao đi làm việc [chuộc tội] ở sơn phòng Quảng Nam. Sau vì khi ở Hải Dương mưu việc cướp bóc, việc phát giác bèn phải chém).

Bây giờ toán giặc ở Bắc Ninh chưa dẹp yên, 2 đoàn Chu, Triệu lại làm phản. Vua cho là Nguyễn Uy ở Bắc Ninh đã lâu, chi phí rất nhiều, rút cục không được việc chút nào, chuẩn cho giải chức (rồi giao cho Tôn Thất Thuyết kiêm hàm ấy

sai phái làm việc, sau xin kiêm hàm làm việc ở quân thứ Thái Nguyên), lấy Tham tán Tôn Thất Thuyết đổi bổ làm Tuần phủ, hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái, kiêm Tổng đốc các việc quân Ninh, Thái, Lạng, Bằng. Lại cho là việc phòng tiễu ở Bắc Ninh rất khẩn, nên đặt thêm tuần phủ. Vua chuẩn cho lấy nguyên thự Tuần phủ Hà Nội Phạm Thận Duật thăng thụ Tuần phủ Bắc Ninh. Thuyết tâu nói : Học thức ít, bệnh tật nhiều, xin vẫn theo chức cũ.

Vua bảo rằng : Trẫm đã xét rõ cả rồi, tất phải quân thứ và tỉnh hợp nhất, việc và quyền mới chuyên, ở Sơn Tây cũng thế. Huống chi lại đặt thêm tuần phủ, đủ để làm được việc. Ngươi chuyên việc đánh dẹp, kiêm giữ việc trọng thì suy nghĩ chu đáo, thi hành càng tiện, phong tục người Man hung bạo, không ân uy đều dùng, đánh và vỗ về thích hợp, chưa thể đổi thói bạc đem lại thói thuần, ngươi nên cố gắng, nghĩa không nên từ, chớ để trẫm lo nhục.

Ra lệnh cho trong ngoài Kinh thành ban đêm không được đánh trống lớn 3 hồi, 3 tiếng như quân lệnh và đánh thanh la kêu ồn, nếu không có tế lễ, châm chước dùng trống nhỏ, định làm lệ mãi.

Bố chính Tuyên Quang Mai Quý tâu xin chuyển phong cho cha mẹ, vua không y cho. Quý vì cha đã chết từng can án có tội (mạo khai đi thi, việc phát giác, bị án nghĩ phạt trượng và lưu), theo lệ phải đình phong. Đến nay viện điển lệ nước Thanh xin chuyển phong nửa cấp (điển lệ nước Thanh : Ông cha phải tội và đã bị khảo xét làm dân, không được thụ phong thì có lệ xin đình điển lệ phong của bản thân, tâu xin đổi phong). Bộ Lại xin theo điển lệ trước, bác đi. Vua bảo rằng : Biết đem hiếu làm trung, lập thân nổi tiếng, làm cho cha mẹ hiển vinh đó cũng là hiếu. Còn như điển lệ công, sao được lấy về việc riêng của mình xin bậy. Không chuẩn cho.

Vĩnh Lộc quận công Miên Tri vay nợ ở nghĩa thương 1.000 quan tiền để sửa chữa phủ đệ. (Nghị trước định : Hoàng thân sửa chữa phủ đệ, cho vay 1.000 quan, hàng năm trả nợ 300 quan tiền). Mới một tháng mà huy hoắc đã hết cả, lại xin lĩnh lương trước 2 - 3 năm, quan phủ Tôn nhân Miên Định lấy lý răn bảo, sợ không phục tình, bèn đem việc ấy hặc tâu. Vua bảo rằng : Nhà người ta phàm việc còn có cha anh, không dạy lỗi ở huynh trưởng, trong luật đã có điều rõ. Vương công phải sửa mình cho người noi theo, sao không phục tình, cho được dạy răn chỉ cốt thỏa đáng mà thôi.

Cho thự Thống chế dinh Thần cơ Tôn Thất Ty kiêm coi Tiền quân.

Lại hạ lệnh cho các quan văn võ đều đến mùa thu, mùa đông diễn tập bắn súng điểu thương ở trường bắn Đông Gia. Theo lệ cũ (năm thứ 8), quan viên văn, võ đều có diễn tập. Sau vì việc nhiều quan văn không có thì giờ đến trường bắn. Đến nay bộ Binh tâu xin theo nghị cũ diễn tập. Vua nghe theo, nhân đấy phê bảo rằng :

Đời xưa các nước chư hầu, khanh, đại phu, sĩ đều có tập bắn để xem đức, săn bắn cũng cùng đi để sửa chữa võ bị, vì có việc văn, phải có việc võ, dạy nuôi có dự sẵn. Văn còn thế huống chi là võ. Nay sao không thế, chỉ là hình thức văn hoa, cho nên đều không thực tế.

Sai sửa định luật lệnh. Cho Vũ Khoa (Hữu thị lang bộ Hộ) sung chức Toản tu, Phan Sĩ Thục (Hồng lô Tự khanh biện lý bộ Hình) sung làm Phó toản tu, Chu Duy Tĩnh (lĩnh Giám sát Ngự sử) và Ngô Quý Thông (Nội các Thị độc) đều sung làm Tham biện (lại do các nha 6 bộ đều phái 1 bát, cửu phẩm, 2 thư lại theo làm việc, lấy nhà phía tây Sử quán làm nơi cùng hội để làm).

Vua Dụ rằng : Điển lệnh của Nhà nước phải có phép tắc nhất định, điều khoản không thay đổi, để cho quan có trách nhiệm có chỗ giữ theo, không trái, vượt để có lỗi, là chính sách rất lớn. Đời xưa, Tiên vương lấy đạo đức đặt ra pháp chế, lấy pháp chế làm việc, thần kỳ mà cảm hóa, thích hợp với dân. Đến đời sau mới có luật lệ, nhưng luật là phép nhất định, mà lệ thì tùy thời thay đổi, chỉ vì các mục rất nhiều, người thừa hành lẫn lộn, hoặc cùng một tội mà nhẹ, nặng xử khác, hoặc cùng một việc mà trước sau định khác, lâm thời chuẩn đoán để lầm lẫn, phải chấn chỉnh mà tổng quát lại, cho dân dễ tránh mà khó phạm. Luật lệ triều ta Gia Long năm thứ 13 đã được định ra, khoảng năm Thiệu Trị lại được *Khâm định Đại Nam hội điển*, điển chương một đời rõ ràng đầy đủ. Nhưng điều mục rất nhiều, cũng có việc luật không có triều chính mà đặt thêm một lệ ; có việc do đặc chỉ nhất thời mà vin lấy đấy làm lệ ; có việc trước đã nghị định, sau lại đổi nghị, bổ nghị thêm vào. Huống chi từ Tự Đức năm thứ 5 đến nay, định lại càng nhiều, chưa biên chép được, hoặc phân tán ở tào, cục, hoặc phức tạp về sổ sách, kẻ giữ pháp luật lơ mơ không biết làm thế nào cho phải ; tức như gần đây, bộ Hình xét nghĩ việc Dương Văn Kiều tỉnh Bình Định đổi tên lại đi làm, một mặt thì dẫn nghị cũ khoảng năm Minh Mệnh, một mặt thì dẫn nghị mới năm Tự Đức thứ 26, đều cho là phải cả, hầu theo đường nào. Hôm trước, đình thần ban văn tuân theo lời phê tâu xin chọn người sửa định cho tiện việc tuân theo, các viên toản tu, tham biện đã chuẩn cho chọn những người sung theo làm việc, đều chuẩn cho do các nha chọn phái người làm việc. Nhân nghĩ buổi đầu sửa định mực thước muôn đời, quan hệ đến mệnh dân sống chết, chính sự hay dở, nếu lầm lẫn thiếu sót một tý, thì lấy gì để chứng tỏ lòng tin. Nay cho tìm ngược lại các điều lệ của Dụ, Chỉ, nghị xin mọi lần cùng với luật lệ hội điển bản triều, chiểu theo từng môn, từng loại sửa định lại, khoản nào hiện hành thì để lại, trùng điệp và thừa thì bỏ đi, khoản nào thiếu mà đã thi hành thì bổ thêm vào, chưa nghĩ định thì nghĩ định xin bổ thêm, cốt được tỏ tường xác thực thiết đáng, chớ bỏ sót, chớ thừa, chớ khinh thường tự ý thay đổi. Các điều khoản được để lại không được bỏ bớt càn bậy, để cho nghĩa văn tối và khó đọc, gián hoặc có điều gì hiện hành ở hội điển,

thì chớ hàm hỗn biên vào tất cả, hầu được đơn giản minh bạch ; quan có trách nhiệm dễ làm việc, không được tự tay thêm bớt. Phàm các viên sung làm toản tu đều chiểu theo công việc các nha nhiều, ít, lần lượt xem xét, chuyển trình đình thần xét xong làm tờ tâu lên, đợi trẫm quyết định. Đợi khi sách làm xong gọi là "*Đại Nam tụ trân điển lệ hội biên*", giao cho khắc in ban bố thi hành. Việc ấy là phép lớn một đời, quan hệ đến chính yếu. Các ngươi nên hết lòng làm ngay cho xứng với ý trẫm (sau vì nhiều việc, nên hoãn, rồi không quả quyết làm).

Quan tỉnh Tuyên Quang đã đem tình hình 3 huyện, châu : Hàm Yên, Thu Châu, Chiêm Hóa thuộc hạt ấy bị giặc quấy phải lánh đi, xin tha cho thuế chính cung mùa hạ năm ngoái (thuế lệ hạt ấy : tiền thu về mùa hạ, bạc và thóc thu về mùa đông) cùng lệ thuế để thiếu các năm trước, đã chuẩn cho tha miễn hết cả (tháng 10 mùa đông năm ngoái). Đến nay lại đem tình hình thiệt hại hiện nay (3 huyện, châu ấy khốn khó không thu nộp vào đâu được và 5 xã ở Chiêm Hóa hao đinh, hết hạn không sung điền được) thì thuế lệ mùa đông năm ngoái (thóc : 1.449 hộc, bạc : 311 lạng) xin tha cho.

Vua xem tờ tâu, phê rằng : Hạt ngươi mấy năm gần đây bị giặc quấy dân sợ chạy đi, tình hình thực là cấp thiết. Vậy 3 huyện, châu ấy gia ân lại cho miễn thuế một lần nữa. Nhưng các ngươi có trách nhiệm giữ bờ cõi chăn dân, thế mà một mực không biết thi thố ngồi nhìn, dân xiêu, thuế thiếu cũng thiếu chức vụ lắm, Mai Quý, Ngô Xuân Quỳnh, đều giáng 2 cấp, Tôn Thất Môi giáng 1 cấp, các viên hiện làm việc 3 hạt ấy cũng đều giáng 1 cấp, đều được lưu nhiệm để đều cố gắng, không được nản chí.

Tuần phủ Quảng Yên Hồ Trọng Đĩnh dâng tập tâu đem huyện Nghiêu Phong thuộc hạt nhiều lần bị giặc đốt cướp rất hại, lại biết đoàn kết đem tráng dõng theo quan đi đánh dẹp, tình thực đáng xét. Vậy thuế lệ năm nay xin tha cho (tiền 425 quan, thóc 4 hộc, bạc 22 lạng), chuẩn cho được miễn, cho dân ốm lâu được tỉnh lại. Nhưng bảo phải hết lòng chiêu tập phủ dụ cho dân về ngay được nhiều, không được năng thác cớ cầu ban ơn để thiếu chức vụ.

Định lại lệ nộp tiền chuộc tội xuy trượng. (Theo nghị bộ Hình chuẩn cho : phạt roi, phạt trượng là đối với tội nhẹ. Nhưng roi mà đánh ngay người còn chịu được, trượng mà đánh ngay tất phải hại đến đời sống, cho nên phạt roi, phạt trượng mà cho chuộc là đã châm chước về tình và pháp luật, cũng là ý xưa để lại đánh roi chuộc tiền. Nhưng lệ trước, có muốn chuộc, không muốn chuộc, luật pháp không nhất định, nên khi thi hành được xê xích, mà lệ chuộc lại chia trong Kinh và tỉnh ngoài, cũng không phải để cho thống nhất. Nay chước định từ sau các nha xét hỏi việc hình ở Kinh và tỉnh ngoài, trong can án nếu có người nào can tội phạt roi, phạt trượng thì đều nhất luật cho chuộc, mà mỗi roi, mỗi trượng phải chuộc bao nhiêu tiền,

ở Kinh và tỉnh ngoài cũng cùng 1 lệ. (Như : tội việc công 10 roi chuộc 5 tiền, 10 trượng chuộc 1 quan ; tội việc riêng 10 roi chuộc 1 quan, 10 trượng chuộc 1 quan 5 tiền). Duy có ngũ trưởng, binh đinh và hạng thợ thuyền phần nhiều nghèo túng, bắt bồi cố nhiên là khó, mà tha cho cả lại không lấy gì để răn, nên châm chước cho giảm nộp nửa số tiền chuộc. (Như lệ phải chuộc 1 quan thì giảm 5 tiền, phải chuộc 5 tiền thì giảm 2 tiền 30 đồng) để tỏ ra có thể tất. Còn phạm tội phạt roi, phạt trượng được chuộc là bao nhiêu người, ở Kinh tư cho bộ Hình, ở tỉnh ngoài tư cho các phủ, tỉnh, đạo, nhưng do các nha, vệ, đội lệ thuộc ấy phải thu, ở Kinh do bộ Hình đệ nộp, ở tỉnh ngoài do Niết ty đệ nộp. Nộp vào kho, cốt phải tùy án nộp cho xong, nếu không xong phải bồi. Các nha ở Kinh thì cứ tá lãnh ; vệ đội thì cứ thống quản ; ở tỉnh ngoài, lại, lệ, tổng, lý, nhân dân thì có phủ, huyện ; binh lính thì cứ quản suất).

Dụ sai các nha ở Kinh và tỉnh ngoài, phàm có phê hỏi và sai nghĩ định tâu lại việc gì, đều chiểu theo hạn định làm cho xong, không được chậm trái. (Từ sau các phủ, tỉnh, đạo ở ngoài, trừ tâu về đã có lệ không kể, còn phàm có Dụ chuẩn cho hoặc phê vào tờ tâu, chuẩn cho việc gì, hoặc có sức hỏi và sai nghĩ định việc gì, việc không có sự lý gì và việc rất quan khẩn thì hạn cho sau khi tiếp nhận trong 3 hay 5 ngày, sự lý hơi phiền và việc thuộc quan khẩn thì hạn trong 10 ngày phải làm xong. Nếu việc quả là nhiều và khó, đường sá xa xôi, hỏi và trả lời chậm trễ, thì hạn trong nửa tháng, hoặc 1 tháng phải làm xong. Ở Kinh cũng theo lệ ấy mà làm. Trong đó việc sai nghĩ định, hoặc việc làm được, hoặc làm không được, nên chăng thế nào, cũng đều cứ thực tâu rõ. Ở tỉnh ngoài cũng thế, không được điềm nhiên. Nếu chậm, trái thì đều phải hặc tâu trị tội).

Ban cho Phạm Văn Nghị 100 lạng bạc. Năm trước người Pháp đánh úp Nam Định. Văn Nghị (Tiến sĩ ở Nam Định làm việc tỉnh ấy) đem quân đến chặn đồn Độc Bộ cùng đánh nhau, bị thua phải cách chức về hưu, người Pháp ghét lắm. Đến nay đuổi đến ở động núi Ninh Nình để cho khỏi ngờ. Vua nghĩ Nghị nghèo và già, tuy có tội (không giữ được đồn Độc Bộ) nhưng chí đáng chuộng, bèn sai Tổng đốc Hà - Ninh ban cho 100 lạng bạc, để tỏ đại ý triều đình khích lệ, bồi dưỡng.

Ngày Bính Thân, làm sinh phần cho 2 cung (1 làm cho bà vua, 1 cho mẹ vua).

Quan quân thứ và quan tỉnh Ninh - Thái Tôn Thất Thuyết sai bọn Đề, Tán là Nguyễn Văn Hùng, Trương Văn Đễ, Ngô Tất Ninh, Trương Văn Ban chia đường đánh giặc người Thanh, người Kinh ở các nơi An Viên, Đông Lỗ, xông pha tiến quân như mưa đều hạ được đồn lũy, bắt được đầu sỏ giặc là tên Trận (ngụy xưng Đại nguyên soái), đem chém, bêu đầu cho mọi người biết. Bắt chém giặc người Thanh, người Kinh trên 1.400 tên, thu được khí giới vô kể. Tin thắng trận tâu lên, vua làm thơ ghi việc vui, thưởng cho Thuyết thăng thự Tổng đốc Ninh - Thái,

gia thưởng cho 1 bài đeo bằng ngọc quý, 1 nhẫn vàng khảm ngọc châu hỏa tề, kim tiền "Long vân khế hội" hạng nhất, hạng nhì mỗi thứ 1 đồng. Bọn đề, tán được thăng thưởng có thứ bậc.

Tháng 3, ngày Mậu Tuất có Nhật thực.

Bấy giờ, các toán dõng mộ trước ở Bắc Ninh trên 1.500 người, có Chỉ triệt bỏ. Quan tỉnh ấy cho là hiện nay lũ giặc tràn quấy, lại thêm cả dân gian thiếu ăn. Nay nếu triệt bãi đi, không những không có người phòng thủ vừa thêm đảng gian, tư bộ xin tạm để lại để sai phái. Bộ Binh tâu lên. Vua bảo rằng : Nếu biết tập hợp người khỏe cấp lương đi đánh giặc, người hơi yếu sung việc vận chuyển, đã thay việc phát chẩn, khỏi hư phí, mà lại khỏi có kẻ đói cùng theo giặc làm gian. Quan quân thứ và quan tỉnh đều nên hết lòng làm cho khéo, cốt có thực trạng.

Sai Khâm phái đại thần Nguyễn Văn Tường, Phó khâm phái Phạm Ý cùng với Chánh khâm sứ nước Pháp là Ba-long-bô, Phó khâm sứ là Lê-nho cùng giao hòa ước cho nhau (khoản 22 nói rõ ở trên) ở trước sân dưới lầu Ngọ Môn.

Sứ nước Pháp vào triều yết ở điện Cần Chính (sứ nước Pháp làm 1 lễ vái, kính bưng bội tinh và phẩm nghi của Quốc trưởng nước Pháp kính tặng, dâng lên, đến khi truyền Chỉ khen nhận. Viên sứ ấy lại làm lễ 3 vái).

Làm 7 chiếc khánh vàng tặng vua nước Pháp và quản lý ngoại quốc sự vụ đại thần, tướng mới, tướng cũ ở Gia Định, chánh, phó sứ giao hòa ước (trừ các thứ nhục quế, trầm hương, ngà voi, sừng tê, sa, lụa ra, tặng thêm vua nước ấy 1 chiếc ngọc trân châu, san hô to nhất có dây buông xuống khắc 4 chữ "giảng tín tu mục" [1], còn 6 chiếc đều bằng ngọc có dây buông xuống khắc 2 chữ "khác cẩn" [2], tặng quản lý ngoại quốc sự vụ đại thần 1 chiếc, tướng cũ Ca-lăng 1 chiếc, tướng mới Du-bi-lê 1 chiếc, lại nghĩ Du-bi-lê năm trước đã sung làm tướng cũ, tặng riêng 1 chiếc, chánh phó sứ giao hòa ước mỗi người 1 chiếc), từ tham biện trở xuống cũng thưởng ngân tiền, sa, lụa có thứ bậc.

Sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm hội các quân tiến đánh giặc Hoàng Anh. Quân nước Thanh, dinh Triệu Đạo đón đầu đánh xuống, đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc từ dưới đánh lên, binh thuyền Sơn Tây, thổ mục người Mèo, đồng thời cùng đánh. Vua bảo Viêm : Điều khiển hiệu lệnh, cốt phải nghiêm minh, đốc sức giải vận cốt được tiếp tế, phải trong tháng này xong việc.

Mới định lệ chôn cá voi chết giạt đến các tỉnh hạt. (Theo lệ, phủ Thừa Thiên mỗi con cá cấp cho 1 tấm vải, 10 quan tiền).

---

(1) *Giảng tín tu* mục : Bàn thực thà sửa hòa thuận.

(2) *Khác cẩn* : kính cẩn.

Hoãn kỳ tuyển sinh cho Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Ninh Bình (4 tỉnh ấy đều lấy các năm Ất, Canh làm khóa tuyển. Bấy giờ Hà Tĩnh, Ninh Bình mới được thu phục cho cùng với Thanh, Nghệ, đến tháng 6 năm sau).

Sai Tuần phủ Quảng Yên Hồ Trọng Đĩnh đem binh thuyền gấp đến Đầm Lộng, Cao Lô và phủ hạt Hải Ninh sửa sang việc phòng giữ (vì cớ lưu dân nước Thanh kéo đến ở làm bậy). Lấy viên phải cách là Phan Đình Bình tạm làm việc tỉnh (khi ấy Đình Bình theo làm việc Thương chính ở Hải Dương).

Sai Tế tửu Quốc tử giám Nguyễn Quang Bích kiểm duyệt sách "*Khâm định Việt sử cương mục*".

Vua cho là khi sứ nước Pháp vào triều yết, bọn quận công Miên Trữ đứng hầu không có lễ phép, xuống Dụ khiển trách rằng : Ở chốn triều đình lễ cốt ở kính, phàm các quan đều phải yên lặng ở ngôi mình, kính cẩn có uy nghi để làm phép cho dân bắt chước, đâu dám tự bỏ yên lặng, để thêm nhiều lỗi. Gần đây, sứ nước Pháp vào chầu lễ phép nghiêm túc đến bậc nào ! Chúng là người ngoài vòng đức hóa, còn biết kính giữ pháp độ, rất sợ thất lễ, để người chê cười. Thế mà dự ở ban đứng trên điện là Tòng Hóa quận công Miên Trữ, Trấn Tĩnh quận công Miên Dần thì cúi xuống nhòm trông ; 2 ông huyện đứng gần viên phó sứ ấy ở bên hữu trước sân, thì cùng nhau ngửng trông, nói nhỏ, cười sẽ, rất thiếu vẻ nhã quan, ở chốn điện đình, ở trước vua cha, sao lại không biết tự xét, mà quen làm thói thiếu niên phóng đãng, trông xem không nghiêm chỉnh, không sợ người ngoài chê cười, đó là tâm địa ra sao ? 4 người ấy cho đều phạt lương 1 năm, các viên khoa đạo dự vào kiểm sát lễ nghi không biết xét hặc, đều phạt lương 9 tháng. Vương công phủ Tôn nhân và Tôn khanh 2 bên tả, hữu, ngày thường không biết dạy bảo, đều phạt lương 3 tháng, tạm trừng phạt nhẹ, để răn người không biết cấm ước. Phép vua không vị người thân, lời trẫm không nói hai lời, phải đều kính theo, chớ coi thường.

Sửa đắp đê Văn Giang.

Đạo Quảng Trị ít mưa. Quan đạo ấy cùng các viên huyện lần lượt cầu đảo, chỉ được mưa nhỏ, lại thêm gió bắc rét lạnh, tình hình tỉnh Quảng Nam cũng đại khái như vậy. Vua bảo bộ Lễ rằng : Gần đây Quảng Nam, Quảng Trị ít mưa, cầu đảo chưa được lênh láng, lại chuyển sinh ra gió bắc không tiện, không bằng cố sức rót tưới, nhàm quá không nên.

Định việc Khâm sứ nước Pháp đóng ở Kinh 14 khoản (1 khoản : xe ngựa, võng, lọng của khâm sứ nước ấy giống như Tham tri nước ta ; 1 khoản : Khâm sứ nước ấy đóng ở nước ta không phải nộp hạng thuế lệ nào ; 1 khoản : Người nước ta không được tự tiện dự vào việc gì trong dinh thự viên Khâm sứ ấy ; bộ thuộc của viên ấy cũng không được tự tiện dự vào việc gì ở dinh thự các quan nước ta ; 1 khoản :

Người theo hầu của Khâm sứ nước ấy hoặc can phạm khoản gì, ta bắt giao cho viên khâm sứ theo lẽ công bằng xử trị ; 1 khoản : Văn thư của viên Khâm sứ ấy giao cho người nước ta không được bóc ra tự tiện xem ; 1 khoản : Khâm sứ nước ấy đến công thự của Thương bạc đại thần, phải đưa giấy thông báo cho biết ; 1 khoản : Nước ấy đưa thư cho nước ta, việc thuộc về nước ấy, do Khâm sứ ấy xét trước chuyển sang, việc thuộc về nước ta, do viên Lãnh sự nước ta xét trước chuyển sang ; 1 khoản : Tham biện của Khâm sứ ấy bằng Lang trung nước ta, ký lục bằng tư vụ ; 1 khoản : Quan đại thần đóng ở Kinh của 2 nước, làm việc công gì, đều chiểu theo lễ tục nước ấy ; 1 khoản : Sắc thư của nước ấy đưa đến cho đại viên đóng ở Kinh thành nước ta, thì đại viên ấy phải mặc triều phục bưng đến giao cho Thương bạc đại thần nước ta xem xét ; 1 khoản : Khâm sứ nước ấy mua gỗ làm dinh thự, thứ nào hạng cấm, không được mua bán ; 1 khoản : Người theo hầu của Khâm sứ ấy không được tự tiện vào trong Kinh thành, cả các nơi cấm ở ngoài thành ; 1 khoản : Nước ta đặt quan Lãnh sự đóng ở Gia Định, cũng giống với các nước đặt ra ; 1 khoản : Binh thuyền nước ấy đến cửa biển Thuận An, thì chiểu theo khoản thứ 26 thương ước đã định (không được quá 1 chiếc thuyền, không được chở binh khí). Các khoản ấy Khâm phái Nguyễn Văn Tường, Phạm Ý cùng với sứ nước Pháp là Ba-long-bô và Lê-nho hội đồng nghĩ định, đã giao đình thần xét, cùng tâu xin chuẩn cho thi hành, lập biên bản giao mỗi bên 1 bản chấp chiểu).

Mới sai các tỉnh, đạo, chiểu theo cách thức chế làm đồ thờ, nghi trượng, áo trận. (Lệ trước các hạng ấy do Nội vụ, Đốc công làm ra để chế phát. Đến nay, các tỉnh, đạo, hạng nào mua được, làm được đều chiểu theo cách thức làm. Không làm được mới được xin cấp).

Quyền Phó đề đốc Lưu Vĩnh Phúc đem quân đi phá sào huyệt giặc Hoàng Anh ở các nơi Bắc Pha, Bản Quả (thuộc châu Lục Yên, Hưng Hóa), sai ban thưởng cho (1 cấp quân công, 1 chiếc bài bằng vàng tía).

Bắt đầu làm dinh thự Thương chính ở cửa biển Ninh Hải, tỉnh Hải Dương và Đồn Thủy, Hà Nội. (Bấy giờ theo thương ước sẽ làm dinh thự tạm bằng tranh và tre, chờ có kết quả mới làm thực).

Sai các tỉnh có việc dựng đền Trung dũng tế các tướng sĩ chết trận. (Trước đấy các tỉnh Quảng Nam, Bình Thuận, Hải Yên, Tam Tuyên, Bắc - Thái, Lạng - Bằng tâu xin lập đền thờ. Vua chuẩn cho bộ Binh xét rõ hàm, tên, sự trạng, giao đình thần bàn định. Đến nay, bộ Lễ tâu người chết trận nhiều, thế khó xét nhanh được. Nếu chờ xét rõ, không tránh khỏi năm, tháng phải lâu. Xin lập đền thờ 5 gian, bày thờ 5 án, đều làm bài vị đề chung. Còn như hàm tên các người chết vì việc nước, ở Kinh sư đã có đền Trung nghĩa thờ chung, chờ khi xét xong thờ thêm vào. Vua nghe theo).

Cấp thêm lương ăn cho nhân viên Quốc sử quán. (Minh Mệnh năm thứ 2, chuẩn định mỗi tháng mỗi viên toản tu 5 quan tiền, biên tu 3 quan, khảo hiệu 2 quan, thu chưởng, đằng lục 1 quan 5 tiền. Đến nay cho thêm lên làm toản tu 8 quan, biên tu 5 quan, khảo hiệu 3 quan, thu chưởng, đằng lục 2 quan, để cho chăm chỉ chức vụ).

Định lệ giữ hẳn lại các viên phủ, huyện, châu. (Lệ cũ tri phủ, tri huyện, tri châu được thăng chuyển, cấp trên phần nhiều lấy 3 việc binh, lương, hình chưa xong, giữ lại. Nay chuẩn cho nếu có việc quan thiết không thể thay được, mới được xin lưu lại, còn thì lục sức đến, phải phái người làm thay ngay, nếu 3 việc chưa xong, cấp trên theo lệ xử phân, giao cho người làm thay nhận làm, còn lệ giữ lại phải đình chỉ hẳn).

Định lại lệ các nha trong ngoài tư tấu (việc thuộc bí mật và việc quân cơ quan trọng, tư cho Cơ mật viện. Ngoài ra việc thường, chuyên do nha chính phải làm (như các loại văn do bộ Lại, võ do bộ Binh, đinh, điền do bộ Hộ), các tỉnh, đạo xét thấy tệ quan lại, tình dân phải tâu sẽ làm tập tâu nói rõ, xin giao cho nha liên quan làm phiếu dâng lên, không được nhân việc tâu xin kèm, để cho có phân biệt).

Rút bọn Đề đốc Hải Dương Phạm Trinh, Lãnh binh Nguyễn Túy, Phó lãnh binh Hoàng Đức Đính về Kinh để xét. Khi ấy, Tổng đốc Phạm Phú Thứ cho là Trinh chỉ nhân rượu hăng hái mà chưa biết đem quân, bọn Tuý không quen thao luyện, tâu xin đổi bổ. Vua sai ban võ chọn cử, cốt được người giỏi, bọn Trinh rút về. Trinh sau đổi làm Chưởng vệ quyền coi dinh Long võ.

Cho tế những người chết vì việc nước trước và sau năm thứ 26 chưa được dự tế từ Quảng Bình trở về Bắc.

Chuẩn cho Nguyễn Tri Phương, Đoàn Thọ được thờ vào đền Trung nghĩa.

Định rõ lệ ngạch lấy đỗ tú tài thi Hương và lệ cử nhân, tú tài bổ làm quan. (Gần đây chuẩn cho lấy đỗ tú tài phải xứng đáng mà còn trẻ, mới được giao cho đình thần bàn. Đến nay nghị định mỗi một tên cử nhân lấy 2 tên tú tài. Phàm đỗ tú tài đã 2 khoa không đỗ cử nhân, tình nguyện ra làm việc, từ Quảng Bình trở vào Nam, tuổi 40 trở lên, từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, tuổi 45 trở lên, đều chiểu lệ xét bổ. Còn như tú tài các khoa từ trước, vẫn ở sổ đinh và danh sách thi, đều chua ở vai các chữ "nguyên trước tú tài khoa nào" để cho có phân biệt. Nếu đến niên hạn mà tình nguyện ra làm việc, cũng cho cùng với tú tài hạng mới, nhưng hằng năm đều định lấy 2 tháng cuối mùa đông, cuối mùa hạ, do quan địa phương, quả là tính hạnh thuần cẩn, không có điêu toa, liên can khoản nào, làm danh sách tư bộ chờ sát hạch, dự hạng thì chiểu lệ bổ, người không dự hạng cũng bổ làm việc ở các nha, (lệ trước, không dự hạng trả về sổ cũ tú tài) đợi đủ 2 năm, do cấp trên xét quả là siêng năng làm việc giỏi, lượng xin bổ phẩm trật (tòng cửu) được chuẩn cho theo nghị thi hành. Nhưng nay bốn biển một nhà, há nên phân biệt về niên hạn tú tài, không cứ Nam, Bắc

đều chuẩn cho 40 tuổi trở lên muốn ra làm việc thì xét bổ, còn như cử nhân lệ định từ Quảng Bình trở vào Nam 30 tuổi, từ Hà Tĩnh trở ra Bắc 35 tuổi trở lên, đã thi Hội 2 khoa mới được xét bổ. Nay Nam, Bắc cũng đều chuẩn cho lấy 30 tuổi làm hạn, cho cùng giống nhau).

Thống đốc Hoàng Tá Viêm, gần đây vì lương thực ở quân thứ phải chi nhiều, xin trích tỉnh nào hiện trữ hơi nhiều, thì giải giao tiền, gạo để đủ cấp. Đã chuẩn cho Hà Nội (tiền 50.000 quan), Hưng Yên (30.000 quan), Nam Định (gạo 50.000 phương), tính số phải giải giao ngay. Đến nay lại tâu nói : 5 dinh quân nước Thanh và các toán quân Cao - Lạng, Bảo Lạc hội lại cùng đánh đồn Suối Bốc ngoại, thắng liền mãi, đã được quan tỉnh Tuyên Quang phái người khoản đãi yên ủi, nhưng xét các đạo quân tỉnh ấy và quân nước Thanh chi phí việc quân rất nhiều (mỗi tháng lương gạo đến 7.000 - 8.000 phương). Xin thêm 50.000 phương gạo, 50.000 quan tiền tiếp tục giao cho để kịp dùng. Lại chuẩn cho trích ở Hà Nội tiền 60.000 quan, ở Ninh Bình gạo 30.000 phương và các tỉnh hiện giải lần trước thiếu bao nhiêu, đều phải biện ngay.

Lại giáng Dụ bảo về ý đốc thúc đánh, đốc thúc vận tải và khuyên quyên, đại khái nói : Sự thế như thế không nên lỡ việc lần nữa, không nhọc mệt một phen, không được nhàn rỗi lâu, không tạm tốn, không được yên ổn hẳn, phen này quyết phải dẹp xong, để dân ta sớm được nghỉ ngơi. Phàm người đảm đương công việc hết sức trù tính đánh dẹp vận chuyển, nơi tiếp cận thì cùng lòng dự trữ, vận chuyển ngay, thì có thể không việc gì là không xong. Nay bắt ngay quan các tỉnh, phàm tiếp được sức giải lương quân tức thì giải ngay, cốt được tiếp tế. Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết, thì nghĩ cách điều đốc thế nào, cốt mùa xuân này phải định xong, chuyển vận thế nào, hoặc chiêu dụ dân Kinh, dân Thổ đói khát lưu tán, người khỏe thì dồn làm quân đi theo giữ đánh, người hơi yếu thì cấp lương sung làm vận chuyển lương thực, lấy công việc thay phát chẩn.

Làm thế thì một mặt giết được bọn giặc, bớt được nhọc khổ cho dân xa, một mặt để dân thiếu ăn đều được giúp đỡ, Nhà nước cũng bớt hư phí, há chẳng rất tiện ư ? Nếu còn không làm xong, không đầy đủ, phụ lòng rất mong của trẫm, tất đem lỗi làm hỏng việc, nghiêm nghị không tha.

Vua lại phê bảo rằng : Quân nhu điều tễ như thế là nhiều, nhu phí nhiều năm, kho tàng đã rỗng, không sao kế tiếp được. Các tỉnh thường bị binh biến tai hại, dân gian cũng tỏ ra thiếu thốn, trẫm đã biết cả, còn có lòng nào đâu ? Nhưng nước với dân liên quan với nhau, việc công, việc tư rất quan hệ, không cùng lòng, cùng sức sao được việc được. Trong đó cũng có nhiều người thích việc nghĩa, há cam làm kẻ giữ tiền ư ? Duy từ trước đến nay có lệnh quyên, quan lại địa phương phần nhiều không cần việc công để làm cho khéo, hoặc cưỡng sách làm cho khó khăn, phí tổn

ngoài lệ rất nhiều, nên dân phải khổ. Trẫm rất giận lắm, muốn quan lại, sĩ dân đều để tâm đến việc quân, việc nước, đều tùy sức giúp, bỏ của ra giúp việc quân, đều chiểu theo lệ năm thứ 17 mà làm (bạc 700, tiền, gạo 800) đều thu ngay chiểu lệ cấp cho phẩm và bằng để yên vui ngay. Lại lần lượt làm danh sách ngay do bộ nghĩ thưởng, cấp sắc. Nghiêm răn quan lại phủ, huyện và tổng lý không được sách nhiễu chút nào, ở Hà Nội trách cứ Túc, Tằng, Hội ; ở Bắc Ninh trách cứ Duật, Diệu ; ở Sơn Tây trách cứ Viêm, Trường ; ở Hải Dương trách cứ Thứ, Phiên ; ở Nam Định trách cứ Hợp, Tạo ; ở Hưng Yên trách cứ Đạt ; ở Ninh Bình trách cứ Toán, đều nhận làm trách nhiệm của mình thân đi xem xét làm cho ổn thỏa cốt đều vui lòng nộp để giúp. Nếu lại chậm trễ khó khăn sẽ do tỉnh và bộ trị tội nặng. Sau rồi quan tỉnh Bắc Ninh cũng đem tỉnh ấy tiền gạo hiện chi hết nhiều, xin trích đủ cấp. Vua lại chuẩn cho Hải Dương trích 50.000 quan tiền, Hưng Yên trích trong số gạo tải vào Kinh 20.000 phương, đều thượng khẩn giải giao cho tỉnh Bắc Ninh nhận để làm việc. Lại cho quan tỉnh ấy xét rõ trong hạt nơi nào còn có thể cố gắng làm được, thì đốc thu tiền gạo quyên và thuế hiện thiếu, và khuyên bảo dân trong hạt quyên giúp chi tiêu, cùng phải đánh bắt ngay các giặc, cho chóng xong, để đỡ phí tổn nhiều, không được đòi hỏi luôn ở người, để chậm trễ tốn lương, cũng khó kế tiếp cấp được. Lại nghĩ quân nhu rất cần, mà tiền gạo hiện trữ ở các tỉnh đã ít, lại khó giải vận, lại sắc cho bộ Hộ xét rõ các tỉnh từ Thanh - Nghệ trở vào Nam, tỉnh nào là chứa bạc hơi nhiều, thì liệu trích giao cho tỉnh Sơn Tây nhận giữ chuyển giao cho tỉnh Tuyên tùy tiện mua gạo để cấp, hoặc chưa tiện thì cho tỉnh Sơn Tây mua gạo chở cấp ngay cho kịp việc. Nếu các tỉnh số bạc trữ có ít, chuẩn cho trích tiền kho ở Kinh phát giao để chi, cốt được xong việc sớm, không tiếc tổn đâu.

Khi ấy, giáo dân ở An - Tĩnh, vì trước bị đốt giết, đến tỉnh đạo kêu đòi bồi thường, quan tỉnh đạo ấy đem việc tâu lên, vua bèn giáng Dụ rằng : Vua đối với dân cũng như trời đất đối với vạn vật, cha mẹ đối với các con, che chở, nuôi dạy như nhau, trong đó có phân biệt người này người khác đâu, Nhà nước ta lấy lễ nghĩa đãi sĩ phu, lấy nhân hậu nuôi dân, ơn đức thấm nhuần đã nhiều lại lâu, mưu tính về lòng người, phong tục rất hậu. Phàm là dân ta, không cứ lương giáo, cố nhiên phải trông nhau làm việc thiện, không theo kẻ trái phép, không phóng túng vô độ, đều giữ phép của mình thừa hưởng phúc trời, mới không phụ chí ý dạy nuôi của triều đình. Nay sĩ dân ở An - Tĩnh sao riêng không thế, như việc năm trước, dân lương gây ra trước rồi dân giáo nối theo trong đám náo loạn, ai phân biệt cong thẳng, họa tự làm ra thì oán lại ai. Huống chi dân lương hay dân giáo, đều là dân ta, thì đều là con đỏ của ta. Tự thù hằn nhau, đã là không nên, lại thù hằn với người Pháp còn ra thế nào. Nghe nói dân lương hạt ấy, chỉ có văn thân xui khiến, nên có kẻ trái đạo đem lại tổn hại, không hiểu văn thân sao lại xui khiến thế, phải chăng một vài kẻ

nhà nho mượn tiếng thói ngu mà dân không biết, hay vì viên phái đi trước là bọn bạo ngược quá lắm mà thế chăng ? Bọn ấy đều là hiểu biết ít, không biết thể theo đức ý triều đình, cũng có làm việc đốt, giết sĩ phu, binh, dân gián hoặc nhiều người thất nghiệp, cửa vua xa muôn dặm, trẫm không được nghe rõ, phàm các việc ấy không phải ý trẫm. Đến khi hơi nghe biết, liền đem người ấy truất giáng ngay, lòng giận chốc lát đâu không bỏ được, mà phong tục tại sao quá lệch. Nay còn vin, lập bè đảng, bênh vực lẫn nhau, chỉ nghị để theo lòng mình. Kìa như sợ uy như sợ bệnh tật, là người trên của dân, mới được dân sợ, theo lòng muốn bỏ uy, là kẻ dưới của dân, làm thế nào sai khiến được dân, huống chi lại chống người Pháp, chống cả quan, còn sợ gì nữa, thậm chí lại xui người trái phép nhân đấy sinh biến, như việc trước đây, quan sợ phải tội, không dám buộc bằng pháp luật, thế là không có quan theo mệnh lệnh. Quan vâng mệnh lệnh mà đến làm quan để giữ đất ấy, trị dân ấy ; không có quan theo mệnh lệnh, là không biết mệnh lệnh, là không biết nghĩa phận, luân thường. Không ngờ phong tục thuần phác văn học, biến đổi đến thế, việc ấy cốt nhiên có kẻ xướng xuất mà dân ta bị lừa dối mà thôi. Ôi ! Ai xướng xuất là bất nhân quá lắm, sao không trừ bỏ lòng ấy, lấy sự hoà làm ơn cho dân, nếu có tình trạng thực không thể được, sao không đến tố cáo ở cửa khuyết, người nào làm việc gì, việc làm có tệ hại gì, còn có pháp luật, sao được làm càn, mà tự phải tội. Lại nghe nói dân giáo hoặc còn kêu bậy không thôi, không biết dân của ngươi sao lại nói thế, ngươi chỉ ngang ngược để gây ra biến, nên mới đến thế, chúng cũng chỉ vì dân của ngươi, để đến bị hại, ngươi sao còn có không công bằng, như bảo : Dân giáo của ngươi nhiều người bị chết, dân lương há không chết nhiều ư ? Bảo rằng của cải dân giáo mất nhiều, dân lương bị mất, so với ngươi há lại chẳng gấp đôi ư ? Nếu hết thảy phải đền ngươi, thì dân lương bị mất, sẽ ai phải đền, hai bên không chịu kém nhau, nên mới tranh nhau như thế, dân giáo của ngươi có được lợi riêng chăng ? Tránh cho dân giáo bị thù giết hai lần bị thua đều hại, thì lợi hại như thế nào, tranh nhau không thôi, để cho triều đình lấy uy để trị, trong khi chiến tranh, ngọc, đá đều cháy, việc trước há chẳng đáng làm gương ư ? Triều đình xử trí cho hai bên không ngờ ghét nhau, không phải chỉ để yên lòng dân lương, cũng khiến cho dân của ngươi đều yên cả. Ngươi nếu lấy ác trả bằng ác thực, đối với ngươi có yên không ? Sao dễ nhầm mà khó hiểu thế ? Sao không sớm tự hối đổi, hối mà muộn còn sợ hỏng việc, huống chi vẫn không hối. Bỏ lời dạy và hình phạt coi thường quan, phạm pháp lệnh đâu có thể được. Từ nay về sau, cần phải yên thường, giữ bổn phận, lương giáo đều thế, dân lương thì không được mang lòng trông ngóng, dân giáo thì không được thưa kiện càn rỡ, đều làm ăn yên ổn, đổi hết lỗi trước, cho sớm được nghỉ ngơi hơn trước kia, ngõ hầu không phụ thói thuần hậu, chất phác. Có lỗi mà biết đổi, hay không gì hơn, phong tục được tốt, thì chỉ ở các

ngươi, trẫm lo nhọc vỗ thương cũng không thể khắp được. Kể thì lần này dân lương, dân giáo khích nhau gây ra rắc rối, thường phiền đến triều đình phải xếp đặt, tội ấy vốn không tha giết. Nhưng nghĩ đều do ta đùm bọc, lòng thương như một, các việc bị phải đốt, giết đều là đáng thương, vậy quan tỉnh đạo các ngươi đều phải khám rõ chia hạng nghĩ tâu, điều tễ thế nào, cần phải chờ ban ơn cho. Còn như bọn đầu sỏ làm giặc, kẻ nào có chứng cớ đích xác, cũng xét rõ ngay nghiêm trị, nhưng không được để lụy nhiều người, lại sinh phiền nhiễu. Ngoài ra kẻ ngu mê nhất thời và bị ức hiếp phải theo, đều phải khoan tha cho đều đổi mới, không được chỉ xích nhau cho cùng thấm nhuần đức hiếu sinh, đó là trẫm tha tội lỗi, thương tai nạn, ngày mong trở nên hay, không thèm truy việc đã qua, cũng đã là hậu vậy. Các ngươi quan lại hai hạt cũng đều vỗ yên răn dạy, cho chóng biến đổi hết cả, cần không nên khinh rẻ dân. Dân ấy chưa hòa hợp với nhau, không những một mình trẫm lo, hay cũng là người giúp việc phải hổ thẹn. Nên phải suy nghĩ.

Hưng Yên, Thanh Hóa theo lệ (tiết đông rét theo lệ có cấp phát) trích tiền nộp chuộc tội phạt roi, phạt trượng, cấp cho tù phạm, tư bộ làm phiếu trình lên. Vua y cho, nhưng phê bảo rằng : Kẻ phạm tội không giống nhau, nếu không hỏi xứng đáng hay không, cấp cho tất cả, thì chúng đã làm việc ác, phạm pháp, không những tự hại mình, còn hại người, hại việc không ít. Tội chưa phải chém tạm giam lại, cho biết khốn khổ, để sinh lòng hối, đổi ác làm thiện, đó cũng là trong pháp luật kiêm cả dạy răn. Nếu được cấp dưỡng nhiều, kẻ không biết lại lấy đấy làm thỏa lòng làm điều không phải, sẽ khiến cho người coi nhẹ phạm tội mà hình ngục càng nhiều, đấy là ban ơn quá rộng, hại lẽ phải. Vậy từ sau đều xét thực, hễ lỡ phạm tội, mà đích là cùng khốn không thể chịu được mới được theo lệ ấy cấp cho, nhưng đều tâu thực. Ngoài ra chớ quá lạm, đều lục sức cho biết cả.

Sứ nước Pháp là Ba-long-bô đưa thư đến nói : Giám mục Hòa lại kêu giáo dân Nghệ - Tĩnh từng bị đốt, giết, xin truy xét tài sản cấp trả. Vua sai bộ Lễ đến sứ quán đòi Giám mục Hòa, tuân lệnh đem các lẽ trong Dụ hiểu thị cho hắn rõ ràng, cho hắn biết triều đình xử trí, giữ mực rất công bằng, không có chia rẽ. Tập kêu của Giám mục Hậu đã giao tỉnh ấy xử trí, nên về bình tĩnh chờ, chớ nên kêu hộ. Lại sai đưa thư cho tướng Pháp để khỏi nghi ngờ.

Sai Thương bạc viết thư đưa đến tướng Pháp. (- Nói : Từ Bình Thuận đến Hải Yên giặc biển ngăn trở, xin tướng ấy bảo phái viên nước ấy khi đi nhân tiện đánh đuổi thuyền giặc. Và ở Bắc Kỳ nước tôi bỗng nhân thiếu ăn, mong gạo rất cần, xin sức khắp cho thuyền buôn ở Nam Kỳ chở nhiều gạo ra Bắc để bán lấy lời. – Nói : Vĩnh Phúc theo hàng nước tôi, cũng là thần tử nước tôi trước cùng với An Nghiệp[1]

(1) *An Nghiệp* : tức là Francis Garnier đã bị Lưu Vĩnh Phúc giết ở trận Cầu Giấy.

hai bên không kém nhau, vì hòa ước chưa định mà thôi, nay hòa ước đã định, đều bỏ hết chớ ngờ để khỏi sinh hiềm khích. – Nói : Tuần phủ Quảng Tây là họ Lưu có tư giấy nói viên Tuần phủ ấy đệ tờ tâu xin chuẩn cho chờ khi Tam Tuyên [1] được bình tĩnh, đường sá thông suốt, mới có thể đi đến Vân Nam).

Trị tội bọn Đào Trọng Kỳ (Tri phủ Kiến Xương) và Lê Đình Quyên, Nguyễn Văn Quy (đều sung làm Hiệp quản). Trước thuyền nước Pháp kéo vào quấy rối Nam Định, bọn ấy đều đến đầu hàng. Trọng Kỳ lại đưa thư cho phái viên nước Pháp nói khoe là mạnh, là nhân, là tín. Việc ấy tâu lên, vua cho là tâm tích đáng ghét, sai nghị tội bọn ấy. Đến nay nghị định chuẩn cho tước bỏ tên Trọng Kỳ trong sổ Cử nhân, (trước vì phủ ấy thất thủ đã phải cách cho làm việc chuộc tội) không được ra làm việc hẳn. Bọn Đình Quyên đều bị cách về, để răn.

Khi ấy hạt tỉnh Thái Nguyên, có xã Trung Năng, huyện Phổ Yên, xã Bá Vân ở huyện Đại Từ tự đem quân đoàn luyện đến chống giữ, giặc không thể đánh được. Vua khen thưởng cho, đầu mục được thưởng hàm Chánh bát phẩm, nhân dân được miễn binh dao, thuế thân 5 năm. Lại thưởng một tấm biển (trong khắc các chữ "Nghĩa dân xã mỗ"). Nhân bảo quan tỉnh ở Bắc Kỳ rằng : Phép lập quân đoàn luyện, người xưa có làm, từ khi phép làng mạc họ hàng bỏ đi, mà cầu hòa nhận giúp đỡ nhau để ngăn cản trộm cướp, không gì hay hơn việc ấy. Biên giới Bắc Kỳ, rừng và gò đống nhiều ngả, khi có việc dù có phái quân đi nhưng đường cách trở gập ghềnh, nước xa khôn cứu lửa gần, sao bằng đoàn kết chả là tiện ư ? Trước đã có Dụ chuẩn các tỉnh đoàn kết lại, đã bảo cho để làm, lại thưởng để khuyến khích. Nay cho quan các tỉnh Tam Tuyên, Ninh - Thái, Lạng - Bằng, Hải Dương, Quảng Yên nghiêm sức các phủ, huyện gia tâm khuyên bảo, hoặc hư ứng cẩu thả, tất giao nghiêm nghị.

Cho Phạm Đăng Ân, quê ngoại ở Gia Định, quyền sung chức coi giữ việc thờ cúng. Bấy giờ Đăng Đường tuy là ngành trưởng nhưng là người hèn kém, không thể coi giữ được. Đăng Ân tạm làm được. Vua vâng ý chỉ Thái hậu, y cho.

Vua bảo đình thần rằng : Ban phong 5 tước là để đãi người có công đặc biệt, được thưởng lâu đời, đời xưa đều có ấp ăn lộc, phép nhà Hán người có công to thì ăn lộc huyện hầu, công nhỏ ăn lộc hương hầu, đình hầu ; phép nhà Đường ấp ăn lộc, có 5 hạng 3.000 hộ, 7 hạng 300 hộ. Nay công thần phong tước chỉ được theo đời giáng xuống tập phong, tưởng chưa đủ để tỏ báo ơn dày, khuyến khích hậu, nên bàn cấp ruộng hoặc thêm bổng lộc, để khuyến khích người có công lao tài năng. Sau đình thần bàn cấp ruộng, được chuẩn cho tước công 10 mẫu, tước hầu 8 mẫu, tước bá 6 mẫu, tước tử 4 mẫu, tước nam 3 mẫu, do quan địa phương các nguyên quán

(1) *Tam Tuyên* : Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang.

viên ấy trích ruộng công, hoặc mua ruộng tư, chiểu lệ cấp (đều dùng ruộng tốt). Công thần ấy đã quá cố thì để cung việc thờ cúng, hiện còn thì để cung làm ruộng lộc điền (trừ lệ bổng ra), đời đời con cháu làm nghiệp riêng mãi, thuế lệ đều miễn cả (trừ Minh Mệnh năm thứ 11 trở về trước, lạm cho tước hiệu (lúc mới dựng nước, chuẩn cho tứ phẩm trở lên tước hầu ; ngũ phẩm tước bá, lục, thất phẩm tước tử ; bát phẩm đến vị nhập lưu đều tước nam ; Minh Mệnh năm thứ 12 bỏ bớt các chữ hầu, bá, tử, nam cùng là ân phong, tập phong (như ông cha được phong mà con cháu được tập tước giáng phong) và người không có người coi giữ việc thờ, không nên cấp ra, còn thì từ Minh Mệnh năm thứ 12 trở về sau, các quan được vinh ban tước hiệu, chưa được cấp ruộng, thì chiểu theo số mẫu mới định trích cấp, người nào là nguyên trước đã có cấp ruộng, thì theo lệ mới liệu để lại ; ít thì theo lệ mới cấp thêm. Lại như ruộng tự điền cấp trước ở 6 tỉnh Nam Kỳ, sau được đổi cấp bằng tiền, cũng đều ở nơi con cháu hiện ở, đổi cấp bằng ruộng thực).

Mùa hạ tháng 4, thi Hội ban văn (khoa Giáp Tuất lùi lại đến năm nay).

Trước quan tỉnh Hưng Hóa là Lương Tư Thứ (nguyên là Huy Ý) vì dân đói hạt ấy và hạt khác (Sơn, Tuyên) hơn 600 người hàng đàn đến phố tỉnh kiếm ăn, xin trích tiền thóc nghĩa thương và gạo kho công chẩn cấp, đã được chuẩn y cho làm (ngày tháng 2). Sau rồi dân đói ngày đến càng đông (trên 2.800 người), tỉnh ấy đã tạm vay thóc kho, phái lãnh binh và thông phán chiểu theo ngày chẩn cấp (từ mồng 1 tháng 3 đến mồng 10 tháng ấy, ước gạo chi trên 1.000 phương) đem việc ấy tâu lên. Vua xem tờ tâu phê bảo rằng : Hiện nay dân đói đợi ăn đến trên 2.000 người, trong đó cũng không khỏi chết đói ngoài đường, cảnh khổ của dân biên giới, trẫm rất thương lắm, Thống đốc Hoàng Tá Viêm có trách nhiệm cai quản cả hạt, không biết dự trù và trông nom, mà số dân Sơn Tây đến ăn nhiều gấp đôi tỉnh Hưng (Hưng Hóa hơn 600, Sơn Tây trên 1.000), thì không có phương pháp cứu giúp, không phải riêng một tỉnh Hưng và dân ở Bắc Ninh, Thái Nguyên tưởng cũng rất nhiều, sao điểm nhiên không tâu báo. Nghệ An cũng thế, đều phải nghiêm túc, đương khi dân đói này, thì phàm kho tàng cũng đều vì dân mà dự trữ, trừ số liệu để làm lương quân ra còn thừa bao nhiêu cũng nên lấy để chu cấp, có tiếc gì đâu mà thường bảo tiếc, chỉ ở người để tâm đến sự khổ của dân, nhiều phương pháp làm khéo, thì công tư cũng được việc, không những hết chức vụ mà làm việc âm đức ấy lại hơn việc khác đến muôn vạn lần, sao không hết sức mà làm, hoặc dời dân cho đi kiếm ăn nơi này nơi khác, chia đến các nơi gạo rẻ lĩnh chẩn. Phàm các tỉnh thấy có hạng ấy, chia ra để chẩn tuất ngay, cốt được sống cả, thóc chín chuyển về. Lại khuyên nhiều dân trong hạt đi mua đem đến bán thì có thể được việc. Quan các tỉnh hết lòng mà làm, mới xứng ý trẫm, phải lục sức ngay cho từ Nghệ An trở ra Bắc theo thế mà làm, dân được thư hay không, thường tâu báo để biết.

Sau rồi bộ Hộ đem số gạo các tỉnh giải giao cho quân thứ làm phiếu dâng lên. Vua lại phê bảo rằng : Quân nhu và lương thực của dân, hai việc đều quan hệ. Dân ở Sơn Tây, Bắc Ninh, Nghệ An đói như thế, trong Kinh thường chi rất nhiều, kho tàng chưa sung điền, tuy cũng cần thiết, nhưng tùy thời bổ cứu, còn là hoãn được phần nào, nếu dân một ngày không ăn, tất đến chết đầy ngòi lạch, việc rất khẩn thiết. Bộ xét như các tỉnh ấy hiện trữ, trừ số quân nhu phát chở ra, còn có thể rút nơi nhiều thêm cho nơi ít được không ? (Thanh Hóa chuyển giao cho Nghệ An, Bắc Kỳ chuyển giao cho nhau) cốt phải dự bị để bán ra, phát chẩn, tất được kế tiếp sống cả và các tỉnh gần đây có quyên giúp không ? Có sung cứu tế không ? Không thì châm chước giải bớt số tải về Kinh, để làm phát chẩn cho dân, cốt xứng ý của trẫm.

Vua rước Thái hậu chơi ở cửa biển Thuận An hóng mát mùa hạ cho thư thái và xem việc canh phòng ở biển, 4 ngày về cung.

Chuẩn cho các phủ, huyện đặt trước, nơi nào hễ sơ khoáng thì chọn chỗ (xã nào đông dân, tường lũy kiên cố) dời đi, vẫn lấy dân sở tại sung làm lệ dịch.

Tổng đốc Thanh Hóa Tôn Thất Tĩnh, Sơn phòng sứ Trương Quang Đản vâng lệnh trù nghĩ công việc xếp đặt về sau. Xin thông sức cho huyện thổ Trình Cố, Sầm Na, Man Duy, đều liệu tùy theo số dân nhiều, ít, tuyển dồn thổ dõng mỗi nơi một cơ. (Trình Cố 500, Sầm Na 300, Man Duy 250) có đặt quản, suất, đội, ngũ để cho xướng suất, lại chọn 1 viên nha thuộc hiểu biết được việc, để thường đi tuần xét vỗ yên (3 tháng 1 lần), cho tình ý cùng tin, để tiện khi có việc gọi có hưởng ứng. Hai châu Thường Xuân, Lương Chánh, mỗi châu cũng chọn đặt 1 châu úy (dùng người địa phương ấy) phàm có việc công, binh, thuế, cho châu úy sức cho tổng lý lệ theo nha phủ Thọ Xuân làm việc trưng thu. Lại cho cùng với các người quản suất châu ấy huấn luyện thổ binh canh giữ. Đồn Hồi Xuân (thuộc châu Quan Hóa, phủ Quảng Hóa) nghĩ nên đắp thêm bờ hào kiên cố, bàn giao cho tham biện, lãnh binh đem biền binh lần lượt đến đóng để trấn áp và mật sức cho các xã ven núi ngầm đem gia sản, vợ con dời về châu Quan Hóa ở để làm ăn sinh sống. Và lấp cấm ven núi, thuyền buôn các đường sông không cho muối, gạo lọt đến thượng du để hết giúp cho giặc. Vua chuẩn y cho làm, lại bảo rằng : Kiến thiết buổi đầu, lòng người không khỏi ngờ sợ, các việc phải hết lòng trù tính thế nào, cốt có thành hiệu, mà không đến nỗi khổ dân, mới xứng sự ủy thác.

Sai Lang trung Cao Hữu Sung đem 2 người thợ vẽ giám thành cùng với Linh đài lang Mã Trinh đến Quảng Nam hội khám đường sông tỉnh thành ấy. Trước đấy, Phạm Phú Thứ nói : Hạt ấy đặt tỉnh thành, đào sông Vĩnh Điện không hợp phong thủy, dân vật kém yên. Sơn phòng sứ Quảng Nam Nguyễn Tạo dâng sớ xin dời đặt tỉnh thành ở địa phận Quế Sơn hoặc Duy Xuyên. Lại xin lấp sông Vĩnh Điện, khai sông Ái Nghĩa. Đến nay sai Hữu Sung đến cùng với quan tỉnh là Trần Văn Thiều hội

khám. Rồi bọn Thiều, Sung làm tập tâu : Tỉnh thành ấy thấp ẩm, không hợp phong thủy, Mỹ Khê (thuộc Duy Xuyên) cao ráo, hình thế trung chính, đường sá đều phẳng, dời đến đấy xem ra tiện hơn. Từ sau khi khai sông Vĩnh Điện, nước sông chảy về phía bắc, đường sông ngày càng nông, làm ruộng, đi buôn, đánh cá đều không lợi. Nên trước hết khai sông Ái Nghĩa và 1 đoạn Cẩm Lũ - Thi Lai, cho thế nước chia ra, để xói cát bồi, tiện lấp sông Vĩnh Điện và vẽ đồ bản dâng lên. Vua cho là việc ấy khó khăn, trọng đại, sai Nguyễn Tạo và quan tỉnh xét kỹ, khuyến quyên tích trữ sẵn, đợi khi tài lực hạt tỉnh ấy tạm thư, tâu xin làm việc.

Cho viên lĩnh Tuần phủ Nghệ An Vũ Trọng Bình đổi lĩnh Tả tham tri bộ Lại (bấy giờ Tuần phủ Nghệ An vì ít việc nên bỏ đi).

Vua Dụ rằng : Vũ Trọng Bình từng trải đã lâu, vốn rõ việc dân, cho đổi ngay lĩnh chức Tả tham tri bộ Lại để đem thói liêm chính sẵn có, làm phép cân nhắc, chắc được xứng chức.

Cho các nha, dinh, tỉnh ở Kinh và tỉnh ngoài những ấn triện, ấn quan phòng, ấn kiểm cái... thứ nào bằng chất bạc đổi dùng chất đồng (hơi to) khắc bằng ngà (hơi nhỏ). Còn chất bạc nộp kho đúc thành thoi để chi. (Nhân ấn bạc bộ Lễ để mất, bèn sai đổi dùng bằng đồng, cho tiện giữ gìn).

Bấy giờ Thống lĩnh nước Thanh bọn Lưu Ngọc Thành, Triệu Ốc phân phái quân các dinh đi đánh giặc. Vua nghĩ chọn phu vận lương, thực thấy rất khó, bèn sai Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết đem tình thực bảo với quân nước Thanh, để cho tự biện. (Quan nước Thanh sau cũng trả lời theo thế mà làm). Việc phu, lương ở Tam Tuyên do Viêm, ở Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng do Thuyết tùy việc làm ngay, tất được xong sớm.

Sai Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Yên, Hưng Hóa mộ quân. (Bấy giờ các tỉnh ngoài biên ít quân, bèn chuẩn cho chiêu mộ, không cứ trong Nam, ngoài Bắc dồn làm ngạch quân thuộc tỉnh), lúc có việc thì điệu phái, lúc không có việc thì chia ban).

Sai các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Phú Yên khéo xử với dân Man. Dụ rằng : Người Man tính thất thường, phải phòng bị ngay, nhưng biết lấy đức giáo dạy cho quen dần là hơn nhất, sau khi dùng người Man thuần phục, khống chế người Man ở xa, cho cùng yên ổn làm ăn, mới là hết sức hay. Nếu chỉ lấy oai quân để trị, thì bắt chém không được mấy, nó có thể hết được mầm ác, giả sử san phẳng sân, quét sạch sào huyệt, cho không còn mống nào sống, cũng không phải đức trời lòng nhân nỡ thế, mà một phen vất vả phí tổn, đốt phá cầu và hàng rào, chứa chất thất nghiệp, sinh oán, lại phải phái quân đóng giữ thêm phòng bị nhiều việc, cũng không phải kế hay. Phàm có trách nhiệm là quan địa phương, nên thể theo lòng trẫm mà nghĩ kỹ.

Sai giải nguyên quyền Tán tương quân thứ Bắc Ninh là Ông Ích Khiêm về Kinh đợi án. Bấy giờ Ích Khiêm đem quân đánh giặc ở An Định (thuộc Bắc Ninh) tự thu quân về. Tổng đốc Bắc Ninh Tôn Thất Thuyết cho là Ích Khiêm đánh giặc thương tổn nhiều, tự tiện đem quân về, không theo lệnh tướng, bắt xích giam ngay, tâu xin xử trí. Quan tỉnh Hải Dương Phạm Phú Thứ nghe nói Ích Khiêm đánh thắng đã trình rồi về. Xin phái quan to đến tra xét và xin điệu về Hải Dương để trấn áp. Vua sai giải giao cho tỉnh Đông phái đi làm việc. Tôn Thất Thuyết lại tâu : Tỉnh Đông hiện có phái viên nước Pháp ở đấy bàn bạc, sự thể tỉnh Đông, tỉnh Bắc cùng quan trọng mà Ích Khiêm thì tâm tình ngôn ngữ không phải là người yên thường giữ phận, sợ đến dỗ dành người khác sinh sự, tưởng quan Tổng đốc tỉnh Đông không áp chế được, xin chuẩn cho đem Ích Khiêm về Kinh xử trị, để khỏi trở ngại.

Vua nghe theo, sai giải giao cho Hà Nội xét qua giải thẳng về Kinh chờ án (sau Ích Khiêm đến Kinh, mắc bệnh tâm hỏa, liền cho về quê).

Khai đường nước chảy ở bãi cát Vạn Phúc (thuộc phía đông bắc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội. Hà Nội, Hưng Yên cùng làm, đường khai rộng 5 trượng, sâu 5 thước, cho nước chảy thông bớt lụt).

Đê mới ở Văn Giang vỡ. Án sát Bắc Ninh Ma Xuân Vinh, Tri huyện Trình Hữu Văn phải bị cách, đốc phủ phải giáng, đều được lưu nhiệm. Vua sai quan tỉnh bắt đào khơi ngay, cốt cho nước được tiêu sớm. Bấy giờ nước lụt đến đâu, dân các tỉnh phần nhiều bị hại, liền lấy Tả tham tri bộ Lại Vũ Trọng Bình sung làm Khâm phái, đến Bắc Kỳ khám xét phát chẩn và sửa đê điều cho vững. Trọng Bình liền cùng với các quan tỉnh đem các xã thôn bị lụt tâu xin tha hoãn tô thuế. Vua nghe theo.

Giáng Dụ cho các quan quân thứ và quan tỉnh Tam Tuyên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng. Phàm việc điều khiển, thưởng phạt trong quân hết thảy phải theo lệnh tướng, không được trái vượt. Bấy giờ Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem cả các quan hội đánh giặc ở đất Thanh, quân thứ và tỉnh Tuyên Quang mỗi khi có việc thường phải tự tiện tâu lên, rồi tư cho Thống đốc sau, cho nên nghiêm sức thế.

Bấy giờ các quan có trách nhiệm tiếp được tờ tư, tờ tâu của các địa phương có liên quan đến tai nạn của dân và việc quân mà làm việc chậm, vua đều tùy theo việc nặng nhẹ khiển trách. Nhân đấy lại giáng Dụ rằng : Vua ở xa trên chốn miếu đường, tình trạng bên ngoài không thể biết được hết. Các quan giúp việc nên phải thời thường tâu vào, hầu mong biết hết nỗi uẩn. Xưa Lý Hãng làm tướng, hằng ngày đem việc lụt, hạn 4 phương tâu lên, lo cho dân sao cần thiết như thế. Gần đây các ty 6 bộ, mỗi khi tiếp được tờ tư, tờ tâu các tỉnh, hoặc có việc liên quan đến tai nạn của dân và việc quân, không làm phiếu tiến ngay, như tập tâu của Nghệ An, đem các

việc hạt ấy gạo đắt, đói kém, xin trích gạo kho giảm giá bán ra, bộ Hộ tiếp được đã trải 7 ngày mới làm phiếu tiến, chậm trễ như thế là thiếu chức vụ. Nay cho sức rõ : Từ sau phàm tiếp được tập tâu, tờ tư của các tỉnh, đạo, việc nào là tai nạn, việc quân, ngay hôm ấy làm phiếu tiến trình, sự tình hơi nhẹ, cũng không quá 3 ngày, gián hoặc có việc sự lý phiền phức và khó, phải cần kê cứu, thì cũng lập tức đem ngay nguyên tập trình lên và phải xin gia hạn, theo hạn làm xong. Các địa phương ở ngoài, cũng tùy theo nhẹ nặng tâu tư không được chậm trễ giấu giếm. Vả lại đời sống của dân chưa thỏa mãn, nơi biên giới chưa yên, không những một mình ta lo, cũng là trăm quan giúp việc thẹn nhục, đều phải chăm chỉ chức việc cẩn thận giữ bổn phận, chớ nên lười biếng bỏ việc, để phụ chí ý bắt phải thành công.

Định rõ nghi lễ khánh hạ tiết Đoan dương. (Tự Đức năm thứ 3, đặt nghi lễ đại triều ở điện Thái Hòa, thân dẫn trăm quan, mặc triều phục đến cung Gia Thọ lạy mừng. Vua về điện ấy nhận lễ mừng. Năm thứ 13, đổi đặt lệ thường triều ở điện Cần Chính, vua mặc áo đẹp, qua Đại nội đến cung Gia Thọ làm lễ người nhà. Về cung nghỉ một chút, vua ngự điện ấy, trăm quan làm lễ mừng. Đến nay, châm chước nghĩ định đến ngày ấy đặt thường triều ở điện Cần Chính, văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm và tôn tước tam phẩm trở lên, đều mặc áo có bố tử, đứng chờ ở trong cửa Thọ Chỉ, vua mặc áo đẹp qua Đại nội đến cung Gia Thọ, tuyên triệu hoàng thân, hoàng tử, văn võ, ấn quan, cùng là tôn tước tam phẩm trở lên và phò mã tiến vào. Văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm và tôn tước tứ phẩm đều đứng hầu ở trước cửa Thọ Chỉ, vua đi trước làm lễ lạy mừng xong, trăm quan đều lạy. Vua về điện Cần Chính, trăm quan lạy mừng theo nghi lễ ban cho ăn yến một lần, ghi làm lệ mãi.

Cho thần dân có phương thuật tài năng được tự tiến. Dụ rằng : Trẫm lấy đức mỏng, được nối ngôi báu giao phó cho công khanh sĩ dân, đến nay đã 28 năm, tư chất yếu, nhiều bệnh, có lỗi, không công, ơn huệ không ban cho trăm họ, giặc giã tai nạn luôn luôn, sầu oán chứa đầy trong bụng, ngày ấy sang ngày khác, như lội vực sâu băng mỏng. May nhờ tinh linh của trời, đất, xã miếu, lòng trung nghĩa của thần dân, thường bị nguy sợ, hầu được tạm yên, đau đỡ lo đau, càng già càng hối, không phải là không chân, thực bất đắc dĩ, phần thì con nối hiếm hoi, phần thì thái bình chưa đến, ai là tội to, ai là thường tình, mọi người đều đã biết, tóm lại việc người cũng có mệnh trời đó. Kể thì khí huyết đã suy, hiền ngu không chắc hẳn, kỳ tài khó được người giàu mạnh, rất chậm trễ. Khổng Tử chẳng đã nói ư : Nếu có thể cầu được, dù làm người cầm roi ta cũng làm, *Kinh Thi* cũng nói : Đã được cố định, không người nào là không được, chính nên ở nơi bình chính để chờ. Thường nghĩ ơn sâu Hoàng khảo ta ban cho thánh mẫu ta nhân từ, tích phúc, phải sớm được vui chơi với cháu, để xứng lời dạy không thẹn đã sinh ra, tại sao chỉ lo cho già, muôn đời về sau ra sao ? Cho nên thà chịu trăm lần nói dối mong được một lần thành công,

cầu cái không thể được là để hết sức người để lòng trời đem lại, được cái không thể cầu, cũng là trời không làm hết người mà thôi. Huống chi lòng người chưa hết sao biết được đạo trời. Xưa Tần Hiếu Công cầu người giúp cho nước mạnh, Hán Vũ Đế mộ sứ đi cõi xa, được như mong muốn cả. Nay Nam, Bắc một nhà, giữ đạo thường vốn có, trẫm đã nhờ đó để giữ được cái đã có, há lại không biết nhờ đấy để thỏa lòng cầu mong hay sao ? Nhưng sợ cửa vua xa muôn dặm, quan có trách nhiệm không vâng theo lời chiếu của ta, có khi đến thế mà thôi. Nếu bảo cả nước không có người giỏi, ta không tin được. Vậy cho thần dân to nhỏ trong ngoài không cứ tôn giáo, nước ta hay nước khác, người nào quả có phương thuật tài năng, tất xứng được mong ước, cho tự tiến lên, tự tâu bày, chớ nên che giấu, thực biết gửi thân cố chết, tất được tôn trọng vinh hiển, báo đáp hậu, được thưởng lâu đời, cùng với nước cùng hưởng phúc, quyết không sai lời, chỉ răn dối trá càn bậy.

Tháng 5, chuẩn cho hằng năm vua ngự chơi 2 cửa biển Thuận An, Tư Hiền. Dân các xã đặt án ở dọc đường để đón, tiễn đưa, mỗi năm chỉ 1 lần đầu mà thôi, còn thì đều miễn, để đỡ tốn cho dân.

Định tiền quyên ruộng đất các hạt. Trước đây, theo nghị chuẩn cho tiền quyên ruộng đất mỗi năm thu 1 lần, khi việc ở biên giới xong thì thôi. Đến nay, quan ở bộ là bọn Trần Bình cho là quân nhu giúp đỡ còn nhiều, mà kho tàng hơi ít. Xin gia hạn quyên thu năm nay 1 lần, để giúp chi phí. (Phỏng trên 1 năm 10 vạn quan tiền). Vua bảo rằng : Việc quân so với trước hơi thư, cho đình việc quyên để tỏ lệnh thực thà.

Người nước Pháp làm dinh thự nha Thương chính ở Hải Dương (xã Gia Viên), làm trụ sở cho lãnh sự, quan thu thuế và quân lính đi theo.

Cho Linh mục Nguyễn Hữu Cư làm Tham biện ty Thương chính Hải Dương (bấy giờ lại lấy Nguyễn Hoằng coi ty Hành nhân làm việc thương bạc).

Bọn Quản đạo Lê Văn Phổ, Phó quản đạo Tôn Thất Dực ở phủ Yên phải tội. Bấy giờ chánh, phó quản đạo và bọn ty thuộc nhiều người nhân công việc ăn tiền hối lộ, bị Tri huyện Đoàn Tiến Thiện phát giác tố cáo, đã sai tra xét, đúng thực. Phổ phải phạt trượng cách chức, Dực phải phạt trượng và tội đồ, còn thì đều xử trị có thứ bậc.

Chuẩn cho tạm đặt bang biện (vì cớ quân nước Thanh và quân các đạo hội lại đánh giặc, việc nhiều) ở 4 phủ, huyện, châu (Tương Yên, Vĩnh Tuy, Vị Xuyên, Lục Yên) thuộc tỉnh Tuyên Quang.

Khi trước Cử nhân ở Bình Thuận là Nguyễn Hữu Huân và Âu Dương Lân cùng với văn thân 6 tỉnh hội với người nước Thanh triệu tập quân được 3.000 người nhiều lần chống đánh với người Pháp, được thắng. Đến nay tướng Pháp bắt được giết đi.

(Huân năm trước mộ nghĩa quân, bị đày ra nước ngoài cho về, lại cùng bọn Lân khởi sự, bị tướng Pháp bắt được, Huân, Lân và đầu mục hơn trăm người đều bị giết).

Trước dân tỉnh Khánh Hòa 8 xã nghĩ tiền thóc nghĩa thương khá nhiều, xin trích nộp vào kho công. Vua khen là lòng thực, thích việc nghĩa, đã chuẩn cho khen thưởng. (Xã Đại Điền xin nộp 2.000 hộc thóc, xã Bình Lộc 300 hộc, xã Mỹ Lộc 200 hộc, xã Thịnh Minh 200 hộc, xã Trường Lạc 100 hộc, xã Phú Lộc 300 hộc, xã Đại Mỹ 500 hộc thóc, 1.000 quan tiền, xã Phú Lợi 300 hộc thóc, 1.500 quan tiền. Chuẩn cho thưởng cả xã dê, rượu và mỗi xã có 1 tấm biển có chữ "Thiện tục khả phong", còn các người xướng xuất quyên và đặt kho, châm chước thưởng hàm tòng cửu hoặc chánh cửu phẩm. Sau rồi quan tỉnh Bình Định xin trích thóc nghĩa thương 80 xã để chở nộp, lại sắc cho tỉnh ấy xét rõ quả có lòng thực, thích việc nghĩa xin nộp, thì cũng nghĩ thưởng cả để khuyên. Sau xét lại quả là thành thực (các xã đều nói thóc kho hiện trữ khá nhiều, tình nguyện lượng trích cùng nộp. Nếu được điền trả, không dám nhận lĩnh) đã trích thóc đem nộp xay thành gạo 17.000 phương, phát giao cho đoàn thuyền chở về Kinh dâng nộp).

Vua bảo rằng : Chứa giàu ở dân, như thế mới là cùng dân cùng giàu, hoãn cấp có thể giúp được, lòng nghĩa cũng là đáng khen, cho bộ Lễ tham chiểu lệ định và Chỉ chuẩn gần đây thưởng dân Khánh Hòa châm chước thưởng cho. Hai thôn Bảo Đức, Thọ Lộc chiểu lệ binh, lương không thiếu, dân không lưu tán, chết đói (dưới cũng thế), không có án phát ra, hiện số [1] xem ra hơn trước, mà xin nộp đến 400 - 500 phương, thưởng cả xã 1 tấm biển có chữ "Thiện tục khả phong" và dê, rượu. Lại 2 thôn Thái Thuận, An Chinh hiện số hơn, số trước gấp 3 lần ; trong đó 1 thôn không có án phát ra mà nộp 100 phương ; 1 thôn có 1 án phát ra mà nộp 300 phương, trước đã thưởng tấm biển và dê, rượu, nay thưởng thêm dê, rượu ; 31 thôn gián hoặc có án phát ra hoặc thiếu số trước mà xin nộp 100 phương trở lên, đều thưởng dê, rượu ; 25 thôn hiện số xem ra thiếu số trước, lại có án phát ra mà xin nộp 100 phương trở lên, cũng đều thưởng dê, rượu ; 20 thôn hoặc hơi hơn số trước, hoặc thiếu số trước, mà xin nộp không đến 100 phương thì đình thưởng, nhưng do tỉnh ấy khuyên bảo làm việc thực, đợi sau 3 năm thành hiệu sẽ xét xem.

Nhân đấy vua Dụ rằng : Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, quốc kế, dân sinh cần chú ý lắm, năm trước theo nghị chuẩn cho xướng xuất quyên trích ruộng để lập nghĩa thương, thực là để súc tích nhiều, thì khi gặp nạn lụt, hạn, dân có chỗ nhờ, mà của của dân đều là của của nước, quốc dụng quân nhu cũng có bổ ích. Nhiều lần cứ theo Khánh Hòa, Bình Định tâu báo dân xã ấy kho chứa ngày càng nhiều, tình nguyện nộp vào kho công, trẫm rất khen ngợi, chuẩn cho đều ban thưởng, để

(1) *Hiện số* : đây nói số đinh.

khuyến khích. Nhân nghĩ đến hạt phủ Thừa Thiên, vốn khen là thuần tốt, thế mà việc ấy cứ im không nghe nói đến, phải chăng người làm quan trưởng của dân bảo không khéo, mà việc hay không bảo, cho nên lòng tốt của dân không phấn chấn chăng ? Không thế, người cùng lòng ấy, lòng cùng lẽ ấy, sao thích việc nghĩa cần việc công, Bình Định, Khánh Hòa được khen riêng. Kể thì muôn dân chỉ phải nộp thuế chính cung, còn thừa thì giúp nhau là đủ rồi, Nhà nước có cần gì đâu, nhưng biết hết lòng khuyên bảo, thực tâm làm việc thực, trông thấy thành hiệu, còn vui nào bằng. Từ nay, cho quan phủ ấy cần phải bảo dân bằng lẽ phải, không cứ hưu quan, hương lão, sĩ, thứ hoặc muốn tự quyên tiền, thóc, xướng xuất cả làng làm kho để chứa, thu phát kịp thời, phòng bị đói và mất mùa ; sau 3 năm thực có thành hiệu thì tức chiểu lệ ban thưởng để khuyến khích. Các địa phương ở ngoài cũng theo thế mà làm. Dân có đức tốt, thì các quan cũng được tiếng to. Nên xét kỹ mà làm, để xứng ý trẫm.

Định lệ tặng phong cho quan nhất, nhị phẩm và cung giai nội đình. Dụ rằng : Điển lễ phong tặng, xét trong sách vở ghi chép, như bia mộ ở Lung Cương của Âu Dương Tu có nói : Nhà vua ban ơn, khen đến 3 đời, thì đời xưa đãi bầy tôi như thế là hậu. Để cho lễ báo của sĩ phu được trọng, triều ta Gia Long năm thứ 3 vâng Chỉ chuẩn cho : Quan chánh, tòng nhất phẩm nên được lần lượt phong tặng 3 đời, chánh tòng nhị phẩm nên được phong tặng 2 đời. Minh Mệnh năm thứ 18 kính gặp tiết tuần đại khánh của Hoàng thái hậu, kính vâng minh Dụ : quan văn, võ nhất phẩm, trừ cha mẹ sinh ra cho theo ân chiếu làm việc ra, lại gia ơn ông bà của quan nhất phẩm cũng được phong tặng. Năm thứ 21 gặp tiết ngũ tuần đại khánh, chuẩn cho văn võ chánh tòng nhất phẩm được phong tặng 3 đời ; chánh tòng nhị phẩm phong tặng 2 đời, nhưng đều cho đặc Chỉ nhất thời, chưa có ghi chép thành quy thức nhất định. Khánh điển các năm Tự Đức thứ 21 - 22 cũng chỉ phong đến cha mẹ sinh ra, mà 3 đời, 2 đời chưa có bàn đến. Vả lại ơn ban cho người con hiếu của triều đình, bởi tình đặt ra lễ, quan đến nhị phẩm, đã dự vào bậc cao, phép thường báo cho, nên theo lòng hậu. Nay định làm từ sau, phàm khánh điển tặng phong quan viên văn, võ, chánh tòng nhị phẩm thì 2 đời, chánh tòng nhất phẩm thì 3 đời, đều coi hàm của con cháu người ấy theo thứ tự phong tặng dần để sáng tỏ đức trước. Lại cha mẹ các văn, võ ấn quan, năm thường hay năm có khánh điển đều được phong tặng, mà riêng nội đình thì không, chưa khỏi có lệch. Kìa như nhà vua ban ân, tất từ người gần trước, đâu có con gái đã dự vào hàng cung giai, mà cha mẹ người ấy vẫn là dân thường, thực thấy chưa ổn. Nay trừ người nào hễ phẩm của ông cha đã cao so với lệ không được dự ra, còn thì bậc nào được phong thế nào, bộ Lễ bàn kỹ, đình thần xét lại, tâu xin chuẩn cho thi hành. Sau nghị dâng lên, chuẩn cho theo nghị thi hành. (Trừ quan viên theo Dụ làm việc ra, ở nội đình : trên bậc nhất giai, cha được

phong tặng tòng nhất phẩm ; nhất giai, cha chánh nhị phẩm ; nhị giai, cha chánh tam phẩm ; tam giai, cha chánh tứ phẩm ; tứ giai, cha chánh ngũ phẩm ; ngũ giai, cha chánh lục phẩm ; lục giai, cha chánh thất phẩm ; thất giai, cha chánh bát phẩm ; bát giai, cha tòng bát phẩm ; cửu giai, cha chánh cửu phẩm. Các phẩm trên đây mẹ đều theo hàm cha. Tài nhân chưa vào bậc nào, được chuẩn cho miễn binh dao. Còn gặp khánh điển và lâm thời vâng theo đặc Chỉ, thì không cứ niên hạn, ngoài ra lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm định lệ, nhưng theo các điều khoản mọi lần phong tặng cho cha mẹ quan viên (theo thực hàm của con, không kể hàm tặng) mà làm. Trong đó ở bậc nhị giai trở lên, nếu gặp khánh điển cũng chuẩn cho theo thứ tự phong tặng 2 đời (nhị giai), 3 đời (nhất giai và trên bậc nhất giai). Lại đã được phong tặng, sau gặp ân điển được gia, thì cũng được tham chiểu lệ định mà làm).

Sai in 200 bản điều ước hòa thương (xem năm thứ 27) cấp cho các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Nghệ An, Thanh Hóa, Nam Định, Hà Nội, Hải Dương, phân phát cho thuyền buôn nước Thanh.

Định lệ tâu báo của phái viên (phàm quan viên văn, võ được phái đi đánh dẹp, và đi kinh lược điều tễ, có Chỉ triệu về Kinh, lập tức một mặt đem tình hình hiện tại công việc hiện làm và kỳ hạn trở về làm tập tâu tâu lên ; một mặt tuân lệnh về ngay, nếu việc phải tâu, không tâu và chưa triệu đã về, đã triệu mà về chậm đều chiểu luật trị tội).

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở Quảng Ngãi (Nguyễn Văn Lương).

Tướng giặc ở Thái Nguyên Dương Đình Tín (ngụy xưng Trung quân Phó đô tướng) dẫn bè lũ ra xin thú (đầu mục 14 đứa, bè lũ 290 tên).

Vua sai thự Đốc Ninh - Thái Tôn Thất Thuyết và quan tỉnh Thái Nguyên Mai Văn Chất phải xử trí cho khéo. (Bấy giờ tướng giặc tên Biểu, tên Tôm cũng đều lục tục ra thú).

Sai Tôn Thất Thuyết phái ngay đề đốc, lãnh binh mỗi chức 1 viên đem theo 1.000 lính Kinh và tỉnh đến quân thứ Sơn - Hưng - Tuyên. Bấy giờ bọn giặc ở Ninh - Thái dần yên mà quân thứ Tuyên Quang cần quân, cho nên trích phái để đánh giặc Anh.

Hoãn thuế mùa hạ (vì cớ bị giặc quấy, sợ đi cả) cho 3 hạt Hàm Yên, Thu Châu, Chiêm Hóa ở Tuyên Quang.

Vua rước Thái hậu đi chơi cửa biển Thuận An, nghỉ mát mùa hạ cho thư và xem việc tuần phòng ở biển, 5 ngày về cung. Dụ rằng : Lần này trẫm ra chơi cửa biển Thuận An, thân duyệt các trận thủy lục và biền binh bắn bù nhìn, đều được chỉnh tề, nhanh nhẹn, trẫm rất khen ngợi. Vậy chuyên coi việc tập là bọn Hữu quân Đô thống Lê Sĩ và Thượng thư bộ Binh Trần Tiễn Thành đều được thưởng kỷ lục 2 thứ,

phụ việc tập là thự Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm Tôn Thất Thải cùng kiểm sức là bọn Hữu tham tri bộ Binh Lê Hữu Tá đều được thưởng kỷ lục 1 thứ, còn biền binh thưởng chung cả 3.000 quan tiền, để cổ động cho phấn khởi.

Làm sở Thương bạc ở ngoài thành cửa Đông nam.

Sai Thương bạc viết thư trả lời cho tướng nước Pháp ở Gia Định. Bấy giờ quân của Tôn Thất Thuyết đóng ở quân thứ Bắc Ninh, phái viên nước Pháp là tướng La-đăng có ý rất nghi kỵ, tướng Du đưa thư đến, cũng đem việc ấy ra cho nên sai đưa thư biện bạch rõ để cho khỏi ngờ. (Ngày tháng 10 năm ngoái, tướng nước Pháp phái La-đăng đem tàu Sắc-tê chở thức ăn đến cấp cho Đô Phối, người đi theo khi ấy hiện ở Hải Dương).

Thi phúc hạch cử nhân trúng cách. Sai Thượng thư bộ Hình sung Đại thần Cơ mật viện, Kỳ Vĩ bá Nguyễn Văn Tường, thự Thượng thư bộ Lại Nguyễn Tư Giản sung chức Đọc quyển ; Tả thị lang bộ Lại Trần Văn Chuẩn, Quang lộc Tự khanh sung làm việc Nội các Bùi Ân Niên, đều sung chức Duyệt quyển. Cho bọn Phạm Như Xương 11 người đỗ Tiến sĩ, Đồng tiến sĩ xuất thân có thứ bậc. Lại lấy đỗ Phó bảng 6 người. (Tiến sĩ : Phạm Như Xương, Nguyễn Hữu Chính ; Đồng tiến sĩ : Đinh Nho Điển, Đinh Văn Chất, Phan Du, Hoàng Hữu Thường, Tống Duy Tân, Lê Duy Thụy, Vũ Hữu Lợi, Trần Văn Rư, Cao Đệ ; Phó bảng : Lê Trinh, Hồ Bá Ôn, Đỗ Thiện Kế, Phạm Xuân, Đỗ Huy Điển, Tạ Thúc Dĩnh. Mùa đông năm trước, đã chuẩn cho 4 kỳ được 8 phân là trúng cách, thi Đình không phải truất nữa ; 4 kỳ được 4 phân đến 7 phân và 3 kỳ được 10 phân là phó bảng, đình việc thi phúc hạch. Đến kỳ thi lại vì số trúng cách ít, chuẩn cho nguyên trúng cách thì vẫn theo nghị mới làm việc, còn các quyển 4 kỳ 4 phân trở lên và 3 kỳ 7 phân, đều gia ơn đem làm thứ trúng cách, cho vào thi Đình. Như Xương, Hữu Chính, Nho Điển và Du đều nguyên là thứ trúng cách).

Quan tỉnh Thái Nguyên xin dồn dân xiêu tán (242 tên) làm vệ Thái dũng. Vua y cho.

Thi Hội võ, đều cho đỗ phó bảng, đình thi phúc hạch. (Lấy thứ trúng cách 13 tên, đều không biết chữ, cho nên đình phúc hạch).

Khi ấy làm điện Long An, Thượng thư Phạm Ý cùng Hoàng Văn Thu trông coi làm việc. Vua nghe mẹ Ý già ốm, chuẩn cho về thăm nuôi mẹ.

Sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm khao tặng quân nước Thanh (sản vật thổ ngơi và trâu rượu) vì cớ quan nước Thanh là Triệu Ốc (Đạo Đài) đến quân thứ có lòng giúp việc đánh.

Vua bảo bộ Lại rằng : Gần đây chỉ thấy Nguyễn Trọng Hợp, Nguyễn Chính hay biết xét tâu, còn người khác thì tốt xấu đều không cả, sao nêu phong thanh được, nhân đấy sai quan ở bộ thông sức đi.

Nêu thưởng cho nhà Tòng cửu phẩm bách hộ là Phạm Đình Phụng ở Nghệ An (xã Hữu Bằng, huyện Hương Sơn) khi trước con Đinh Phụng là Cai tổng Như Kỳ, con Như Kỳ là Như Chân, khi giặc Cán khởi sự, đoàn kết thủ dõng ngăn đường trọng yếu, bọn Cán xúm lại vây bắt. Như Kỳ và con hắn đều bị hại, Đinh Phụng lại sai con cháu là Phạm Duy Trinh, Phạm Hữu Quý nã bắt được đích thân giặc Hướng (con giặc Tấn) và đầu sỏ giặc Tấn. Việc ấy tâu lên, vua chuẩn thưởng cho 1 tấm biển khắc chữ "Nhất môn nghĩa dũng", thưởng cho Đinh Phụng - Chánh cửu phẩm bách hộ, tặng Như Kỳ - Tòng bát phẩm bách hộ, Như Chân - Tòng cửu phẩm bách hộ.

Ở Hải Dương động đất (mặt đất chuyển động một chút).

Tú tài thôn Đông Thái, tỉnh Nghệ An là Phan Đình Tuấn trước đã quyên lập xã thương thành hiệu, lại biết trích nộp quân nhu, quan tỉnh đem việc tâu lên, vua sai thưởng cho Tuấn hàm Cung phụng, thôn ấy đãi cho dê, rượu và thưởng 1 tấm biển khắc chữ "Thiện tục khả phong".

Mùa hạ năm ấy các tỉnh Khánh Hòa, Nam Định, Thanh Hóa được mùa to, các địa phương khác hoặc có thiệt hại, thì thuế lệ, đều chiểu hạng tha giảm có từng bậc.

Tháng 6, sai các tỉnh từ nay về sau có thuyền dân trong hạt đến trong Nam và thuyền trong Nam đến các hạt buôn bán, hằng năm có bao nhiêu chiếc, đều tư cho bộ Hộ tâu lên.

Cho Thượng thư bộ Hình Nguyễn Văn Tường đổi bổ Thượng thư bộ Hộ, vẫn sung Đại thần Cơ mật viện, quản lý công việc Thương bạc ; thự Thượng thư bộ Hộ Trần Bình đổi thự Thượng thư bộ Hình kiêm coi bộ Công (khi ấy Phạm Ý có tang mẹ xin nghỉ 3 tháng, cho nên sai Bình kiêm coi), vua bảo Trần Bình rằng : 6 bộ chia chức đều để cai quản thuộc viên, dẫu không phải là việc công, ngươi nên cố gắng nhiều hơn, việc bộ Hình phải sáng, thực trong ít, việc bộ Công phải tinh nhanh xứng đáng. Có lệ phải đổi, mới khỏi ăn không ngồi làm vì.

Cho tế các nhân viên thuyền vận tải bị đắm ở bãi biển Thuận An (năm thứ 26 : 20 chiếc, 52 người ; năm thứ 27 : 9 chiếc, 79 người).

Khi ấy, 2 quân thứ Sơn Tây, Bắc Ninh, lương quân thiếu thốn, cho tàu Mẫn Thỏa tải 2 vạn lạng bạc trong kho giao cho tỉnh ấy mua để cấp, cho dân đỡ vất vả.

Phó đề đốc quân thứ Tuyên Quang là Trần Bân, quyền Phó đề đốc là Lưu Vĩnh Phúc đánh phá sào huyệt giặc ở Thác Mòn, Uông, Miêu, tiến thẳng đến đánh phá 1 sào huyệt cũ ở An Long và 7 sào huyệt giặc giữ ở bên. Vua cho là bọn Bân 1 lần đi đánh, bèn được thắng luôn, đều cho thưởng cấp và kim ngân tiền có từng bậc.

Sai Tuần phủ Hưng Hóa Nguyễn Huy Kỷ và quan quân thứ Nguyễn Văn Giáo chia nhau đến Thập Châu ngăn chặn giặc Anh. Khi ấy quan nước Thanh và quan quân ta chia đường tiến đánh, giặc Anh thế cùng, mưu trốn đến Thập Châu. Cho nên sai đi để chặn.

Gửi thư cho Tuần phủ Quảng Tây nước Thanh để tạ ơn về việc phái quân đánh giúp và xin sức cho giảm bớt trưng binh vận lương (vì quân nước Thanh trưng bắt rất nhiều), nói cả việc đến buôn ở Vân Nam, nước Pháp nay chưa thi hành ngay.

Làm đền Trung hiếu ở xã Đường Long, phủ Thừa Thiên. Khi ấy, vua nghĩ Nguyễn Tri Phương (truy thụ Tả tham tri bộ Binh) và em là Nguyễn Duy (tặng Tả tham tri bộ Binh), con là Nguyễn Lân (tặng Tả thị lang bộ Binh) hoặc vì nước bỏ mình, hoặc cùng người thân tuẫn tiết, trung, hiếu, tiết, nghĩa ở cả nhà, nhà họ Biện đời xưa cũng không hơn được, cho nên sai làm đền thờ ở làng ấy, hằng năm sai quan huyện sở tại đến tế.

Vua bảo các quan rằng : Lòng trẫm phàm một kẻ mất nơi nương tựa cũng thương, không kể lớn nhỏ, mỗi khi thấy người già chậm thăng đều thương, cho nên chuẩn cho ở quân lâu ngày được bổ đội trưởng cho về hưu, quan lại cũng thế, muốn cho mọi người đều được nhờ ơn thực. Nhưng thế không thể khắp được, đó là Nghiêu, Thuấn vẫn còn phải lo. Khốn nỗi người ngoài không lấy lòng trẫm làm lòng mình, dù một cấp cũng không có tiền không được hạch cử cũng thế, đó là lòng nghĩ ra sao ? Há không sợ việc tứ tri [1] ư ? Thường nói cũng không chịu đổi, đó chỉ là hình người mà thôi ! Sao được mọi người đều có lòng như trẫm, thì cả nước may lắm.

Định luật nghiêm cấm lấy trộm của công. (Phàm lấy trộm của kho công trị giá thành tiền 1.000 quan tiền trở lên, án thành, đều cho hạn 1 năm phải giảm và bồi thường, đủ số thì lượng giảm, nếu không đủ tâu lại, tức phải chém ngay).

Sửa làm 2 đồn Trấn Hà, Quán Ty (thuộc Hưng Hóa), đồn ở miền thượng du sông Thao, là nơi rất quan yếu, mấy năm gần đây, giặc thường lén lút chiếm giữ, đánh dẹp rất khó, cho nên làm gấp ngay.

Định lại lệ phái thuyền đến các nước thông thương. Trước đấy vua nghĩ khoảng năm Minh Mệnh, Thiệu Trị thường phái thuyền ra nước ngoài để mua và dò xét, sau này đình chỉ, vì thế nên không được hiểu hết các nước hội họp với nhau, bèn sai viện bạc cùng các quan bộ Hộ, bộ Công bàn bạc cho thỏa đáng. Đến nay nghị dâng lên (trích lấy 1 chiếc tàu thủy, 1 thuyền bọc đồng, chuyên sung việc phái ra nước ngoài, các hàng hóa Nội vụ, Vũ khố trích phát ra, còn thì bộ Hộ tư cho các tỉnh đặt mua hàng hóa sản vật, tỉnh lớn 40.000 - 50.000, tỉnh vừa và nhỏ 20.000 - 30.000,

(1) *Tứ tri* : xưa có người mang 10 cân vàng đưa cho Dương Chấn và nói đêm hôm không ai biết. Chấn nói : trời biết, quỷ thần biết, ta biết, ngươi biết, đó là 4 người biết.

hằng năm đến tháng 11 chứa sẵn ở kho các cửa biển trở vào Nam do Đà Nẵng, Thi Nại, trở ra Bắc do Hải Lãng, Cấm Giang, Biện Sơn, đến tháng 12, phái khoa đạo 2 viên đi xem xét, giao cho phái viên xếp vào thuyền vận tải trên dưới 20.000 quan, nếu chưa đủ cho đáp chở hàng của khách. Về bán ra, mỗi 100.000 quan, tính lợi được 20.000 quan, trích ra 1.000 quan để chia thưởng, lỗ vốn do phái viên thuyền ấy phải bồi thường. Nếu thuyền ấy ngộ có phái đi việc khác, thì do các tỉnh sức cho người lái buôn nước Thanh thuê tàu nước Tây nhận chở, phái viên đáp đi theo để bán, cho hàng hóa không ứ đọng). Vua chuẩn cho sang năm làm ngay để xem hiệu quả.

Giặc trốn ở Quảng Bình là Trương Quang Thủ đến tỉnh Nghệ An đầu thú. Vua cho là bọn Nguyễn Chính xử trí được việc, gia thưởng cho có thứ bậc. Tên phạm ra thú giao cho tỉnh Nghệ An kiểm thúc phái đi làm việc chuộc tội.

Sứ nước Pháp là Lê-na đến (thuyền Lê-na đến cửa biển Thuận An. Sai bộ Lễ phái người đi hộ tiếp. Lê-na đến sứ quán đệ giao quốc thư cho nha Thương bạc).

Sai quân thứ các tỉnh Bắc Kỳ nã bắt ngay bọn vô lại nước Thanh. Khi ấy tướng giặc là bọn Hoàng Anh, Chu Kiến Tân, đều đã chạy trốn. Quan quân ở quân thứ Bắc Kỳ cùng với đạo quân họ Lưu tiến đánh sào huyệt cũ giặc ở đã lâu ở 2 phủ Thông, Tòng, 2 giặc họ Chu, họ Triệu tan chạy, quan quân ở quân thứ Tuyên Quang và đạo quân họ Triệu đánh bật sào huyệt giặc ở Hà Dương, An Long, giặc Anh chạy trốn, lại bị thổ man Tụ Long chặn đánh khi ấy sợ chúng chạy trốn, thông sức cho quan các quân thứ các tỉnh đốc sức lùng bắt, tuần phòng, cốt cho các giặc lẻ tẻ nước Thanh hết sạch, nếu có quân lang thang, giặc tản mát, không có giấy tờ, thì bắt giao cho quan nước Thanh đuổi hết về nước cho khỏi lo ngại về sau.

Phái tàu thủy Mẫn Thỏa hợp với thuyền tuần tiễu các tỉnh đi tuần ở biển. Khi ấy Từ Úc ở Quảng Bình đến Biện Sơn ở Thanh Hóa có nhiều giặc biển lén lút cướp bóc, để cho các thuyền vận tải ngăn trở chậm trễ (năm ấy các tỉnh giải gạo phải nộp 490.000 phương, hiện nộp mới được 10.350 phương), cho nên sai phái tuần tiễu cho hết giặc biển mà được nhanh chóng. (Lại sai các tỉnh sức cho người buôn nước Thanh thuê thuyền lĩnh chở).

Sắc cho học trò nghiên cứu học vần cho tinh. (Vì khoa thi gần đây, vần phú phần nhiều cưỡng ép, mà quan trường nhân theo, lấy rộng, cho nên sai những âm : bình, thượng, khứ, nhập, không được dùng lẫn).

Sai bộ Binh làm ngay danh sách người đánh giặc có công trạng. (Vì việc nhiều đọng lại, nhiều người cô vọng).

Án sát Nam Định Nguyễn Tái tâu xin từ sau nhà kho các tỉnh đều theo như kho ở Kinh, làm nhà riêng để chứa thóc gạo ; kho tiền để riêng chỗ khác (mỗi chỗ 10.000 quan), lần lượt trích cấp, quan tỉnh mỗi tháng 1 lần kiểm xét để phòng hố gian.

Vua nghe theo, sai thông sức cho các địa phương theo thế mà làm. Lại chuẩn định từ sau phàm phát ra việc lại dịch ở kho tàng bớt sén, ở Kinh có giám lâm, ở tỉnh có bố chính, kho khác có phủ, huyện nếu biết trích phát, thu để sung điền, thì lại chiểu luật thất sát xử theo tội công ; nếu không biết trích, chỉ kém quan lại gian 2 bậc, xử theo tội về việc riêng. Đốc phủ lại giảm 1 bậc, tuần phủ kiêm bố chính không được giảm.

Chuẩn cho đền Trung nghĩa được cấp lục chỉ, bãi bỏ biển tên. Trước tòa chính đền ấy 9 án đều có biển, phàm người chết vì việc nước từ thất phẩm trở lên đều viết hàm và tên. Đến nay vì người được thờ thêm có nhiều, đổi sạch tất cả, rất có chỗ chưa tiện. Định lại mỗi án làm một bài vị, đề chung quan phẩm người ấy, án nào bày thờ viên nào, đều cấp lục chỉ, để cả 1 hòm, đặt trước bài vị, còn biển tên trước đốt đi.

Định lại lệ cấp đồ chôn cất của hoàng thân, vương công, công chúa. (Thân vương được đổi cấp 10 chiếc áo các màu, 5 chiếc quần, 38 thước đoạn gấm đều màu đỏ, 33 thước nhiễu thường, hoa, màu hàng nam, 28 thước nhiễu cống, 35 thước nhiễu trơn hàng nam sắc đỏ, 28 thước lụa dày sắc đỏ, 338 thước lụa thường các sắc, 2.500 quan tiền. – Quận vương, các hạng cũng cấp thế, tiền giảm 500 quan. – Thân công, 8 cái áo, 4 cái quần, 20 thước gấm đoạn Tống màu lục, 18 thước nhiễu thường sắc đỏ hàng nam, 33 thước đoạn tơ 8 sợi sắc lam và lục, 28 thước sa cống màu, 35 thước nhiễu trơn hàng nam màu đỏ, 28 thước lụa dày, 337 thước lụa thường, (2 hạng dưới cũng thế), 1.600 quan tiền. – Quốc công, 7 chiếc áo, 4 chiếc quần, 20 thước đoạn gấm giả màu lam, 18 thước nhiễu thường màu đỏ hàng nam, 33 thước đoạn tơ 8 sợi màu lam và lục, 28 thước sa thường, 35 thước nhiễu trơn hàng nam sắc đỏ, 1.200 quan tiền. – Quận công, 6 chiếc áo, 4 chiếc quần, 20 thước đoạn gấm giả màu lục, 18 thước nhiễu thường sắc đỏ hàng nam, 33 thước đoạn tơ 8 sợi màu lam lục, 28 thước sa hạng thường các màu, 35 thước nhiễu trơn hàng nam màu đỏ, 1.000 quan tiền. – Hoàng thân chưa được phong, đã có phủ đệ, tuổi từ 12 trở lên, 5 chiếc áo, 4 chiếc quần, 20 thước nhiễu thường sắc đỏ hàng nam, 51 thước đoạn tơ 8 sợi màu lam lục, 28 thước sa thường, 32 thước nhiễu trơn hàng nam màu đỏ, 28 thước lụa dày, 270 thước lụa thường, 800 quan tiền. – Công chúa đã được phong, 6 chiếc áo, 4 chiếc quần, 20 thước gấm đoạn giả màu lục, 18 thước nhiễu thường màu đỏ hàng nam, 33 thước đoạn tơ 8 sợi màu lam lục, 28 thước sa thường các sắc, 35 thước nhiễu trơn hàng nam sắc đỏ, 28 thước lụa dày, 337 thước lụa thường, 2 hạng dưới cũng thế, 1.000 quan tiền. – Công chúa chưa được phong đã gả chồng, 5 chiếc áo, 4 chiếc quần, 20 thước nhiễu thường sắc đỏ hàng nam, 51 thước đoạn tơ 8 sợi màu lam lục, 28 thước sa hạng thường, 35 thước nhiễu trơn sắc đỏ hàng nam, 800 quan tiền. – Hoàng thân chưa được phong, chưa có phủ đệ,

tuổi từ 12 trở lên, 5 chiếc áo, 4 chiếc quần, còn tiền và các đồ vật để liệm đều theo như nghị trước, 2 khoản dưới cũng thế. – Hoàng thân 12 tuổi trở xuống, 4 chiếc áo, 4 chiếc quần. – Công chúa chưa gả chồng, 4 chiếc áo, 3 chiếc quần. Quan tài và tiền, thân vương, quận vương, thân công 250 quan, quốc công, quận công và các công chúa đã được phong đều cấp 200 quan, hoàng thân, công chúa chưa được phong đều cấp 150 quan).

Sai thu thuế thiếc ở Hà Nội. (Hằng năm 10.000 quan tiền). Thiếc sản xuất ở Vân Nam người buôn nước Thanh mang đến Hà Nội đáp đến Quảng Đông để bán, nguyên trước có lệ thuế (hằng năm 73.000 quan). Gần đây vì đường thượng du bị nghẽn, nên đình lại. Đến nay đường sông đều thông, lại giảm giá bắt đầu thu.

Định lệ cử người có võ nghệ (các dinh vệ và quản suất ở ngoài và viên tử binh dân, hoặc ai có sức khỏe khác thường, hoặc nghề võ, phép bắn tinh thông, hơn hẳn mọi người, cho đều chỉ tên bảo cử tâu lên, đợi xét lục dụng, định làm lệ mãi.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở Hà Tĩnh (Bùi Văn Cộng).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LIV*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Ất Hợi, Tự Đức năm thứ 28, mùa thu, tháng 7 [1875].

Vua cho là Tri phủ Nam Sách (thuộc Hải Dương) Vũ Túc vốn có tiếng giỏi, là người xuất sắc (giữ lòng, không quấy nhiễu, gặp việc không cẩu thả, nhận xét kỹ, được quan tỉnh đề cử lên) trong đám các phủ, huyện, thưởng cho thực thụ Thị độc, vẫn giữ chức cũ, để khuyên người hết lòng vì việc dân.

Quan tỉnh Hải Dương Phạm Phú Thứ đem nạn sâu, nước lụt hạt ấy tư cho bộ Hộ, quan ở bộ tâu lên. Vua bảo rằng : Phàm có chức vụ, không vì nước thì vì dân tùy cách mà làm, chuyển họa làm phúc, cầu cho không phụ lòng mà thôi, chỉ báo không dự làm giấy tờ, còn dùng chúng làm gì ? Sai thông sức cho đều biết.

Phát chẩn cho 2 thôn Tân Phú, Tân Phượng ở Bình Định bị hỏa tai.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở Quảng Nam (Bùi Văn Hà, Hoàng Đức Ngư).

Các tỉnh Sơn Tây, Hưng Yên, Khánh Hòa, Phú Yên nhiễm chứng dịch lệ, sai các tỉnh, đạo, phủ, huyện cầu đảo, chữa thuốc, dân bị chết cấp cho tiền tuất.

Sai trong Kinh và tỉnh ngoài nghiêm cấm đánh bạc. Dụ rằng : Việc hại người không có gì tệ hơn đánh bạc, mất nhà, mất cửa, cùng quân sinh gian thường xảy ra án. Dân ngu không biết không nghĩ đến thế, thậm chí hoàng thân, quốc thích, quan viên, nha thuộc dự có danh sắc ở triều đình, không biết tự trọng, lại cùng người buôn nước Thanh, người buôn nước ngoài, họp nhau đánh bạc, há chẳng đáng thẹn

lắm ư ? Đến như con em nhà quan, kiêu đãng quen thói, nhàn rỗi sinh làm không phải để cho nhà cao cửa rộng, không khỏi bị tiểu nhân chê cười, đều do đánh bạc sinh ra. Từ sau cho phải nghiêm cấm hẳn tất cả, rồi giao bộ Hình tra ngay luật lệ bàn kỹ, xử tội nặng hơn, để cho người trọng phạm pháp mà biết răn chừa, cũng là để dạy nữa, thông sức cho trong ngoài biết. (Bộ Hình nghị xin chuẩn cho chủ chứa thì tịch thu tài sản, chủ chứa ở trong Kinh thành phạt 80 trượng, đồ 2 năm ; ở tỉnh ngoài phạt 70 trượng, đồ 1 năm rưỡi, người cùng đánh bạc tội kém chủ chứa một bậc, quan, dân, cũng thế).

Lĩnh Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Tá Viêm dâng tập tâu xin kỳ thu lương ở tỉnh Sơn Tây, phái 3 tên thuộc viên sung làm cai lại (lệ cũ đến kỳ thu lương, phái thuộc viên ở tỉnh sung làm cai lại, huyện lớn mỗi huyện một tên, huyện nhỏ hai huyện một tên. Nay đi thu ở tỉnh Sơn Tây 12 huyện (trừ đi thu ở Hưng - Tuyên) theo lệ phái thuộc viên 11 tên, quan tỉnh cho là hố tệ của cai lại trăm mối, sung phái cũng khó có người, cho nên chỉ xin phái ba tên). Vua y cho. Lại xin : Dân xã nộp thóc 1 hộc, phải nộp tiền ngoại phụ 30 đồng, điền 1 tên lính, phải tiền ngoại phụ 1 quan, để dùng làm tiền phí tổn, còn thì tất cả hố tệ đều phải cấm chỉ. Đình thần tâu : Thay thế 1 tên lính cho 1 quan tiền là vừa phải, xin y. Còn nộp thóc xin mỗi hộc cho tiền ngoại phụ 6 đồng, còn thì y nghĩ định. Vua nghe theo. Sai thông sức cho các địa phương theo thế mà làm.

Tỉnh Bắc Ninh vỡ đê, quan tỉnh ở phủ, huyện đều phải giáng, lưu. Nhân sắc rằng : Nay là mùa cày cấy ruộng mùa, bị lụt ngập thế, tình hình khẩn thiết, cho quan Khâm phái Vũ Trọng Bình và quan tỉnh đi ngay nghiêm đốc phủ, huyện đều ở hạ lưu tùy thế khơi thông cho nước tiêu đi và thêm phu, vật liệu để chống giữ. Chờ nước rút phải tìm cách lấp kín, để phòng lụt về sau.

Cho thuế ruộng công tư từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, chiểu theo thuế lệ từ Quảng Bình trở vào Nam trưng thu, bắt đầu từ năm sau (Quảng Bình trở vào Nam, ruộng công, tư mỗi mẫu hạng nhất 40 thưng thóc, hạng nhì 30 thưng, hạng ba 20 thưng. Mà Hà Tĩnh trở ra Bắc, ruộng công hạng nhất thóc thuế 80 thưng, hạng nhì 56 thưng, hạng ba 33 thưng. Ruộng tư hạng nhất 26 thưng, hạng nhì 20 thưng, hạng ba 13 thưng, so với trở vào Nam ruộng công rất nặng, ruộng tư rất nhẹ, cho nên cho đều nhau).

Thượng thư bộ Lại Nguyễn Tư Giản bị bãi. Khi ấy, học trò Tư Giản là Phan Văn Nhã làm giả ấn quan phòng tỉnh Thanh mạc làm Cửu phẩm cấp bằng chờ bổ, xin bổ ở bộ. Tư Giản và Tham tri Nguyễn Văn Thúy, Thị lang Nguyễn Mậu Đạo đều đóng ấn ký tên, Biện lý Tôn Thất Phiên đem việc ấy tâu lên. Vua cho giao Pháp ty xét nghĩ : Phan Văn Nhã phải trảm giam hậu (hiện trốn chờ bắt được sẽ chiểu án thi hành), Tư Giản không tra xét phải giáng 4 cấp đổi bổ chức khác, Thúy và Đạo phải

phạt 6 tháng lương. Quan Nội các tâu nghĩ xử bọn Tư Giản chưa xứng đáng. Vua lại sai báo, giao cho xét lại. Đến khi án đệ lên, Tư Giản lại phải phạt trượng tột bậc và tội đồ (vì Tư Giản tâu về so với lời khai các người làm chứng, chi tiết hơi sai, chiểu luật trả lời vua dâng thư không thực, phải phạt trượng tột bậc và tội đồ). Quan Nội các tâu xin giúp cho (nói viên ấy tâu về, ở chỗ tội tình nặng của tên Nhã, cũng không phải không thực. Vậy tội danh đáng phải chờ Chỉ định đoạt).

Vua phê bảo : Tư Giản thiên tư dung túng, rất phụ lòng yêu dùng của trẫm, phải cách chức ngay, chuẩn cho đến miền núi mộ dân khẩn hoang làm việc chuộc tội, Văn Thúy, Mậu Đạo đều giáng 1 trật (Văn Thúy giáng xuống Thị lang, vẫn lĩnh chức Tham tri ; Mậu Đạo giáng xuống Quang lộc Tự khanh, vẫn lĩnh chức Thị lang) để răn kẻ hùa theo. Tôn Thất Phiên cáo giác được thực thưởng thăng Quang lộc Tự khanh (vẫn làm Biện lý), để khuyến khích.

Cho thự Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lễ là Lê Bá Thận kiêm coi bộ Lại.

Làm đồn Lộng Khê ở Nam Định, liệu để quân (50 tên), súng (3 khẩu phách sơn, 1 khẩu thần công) phòng giữ.

Dụ rằng : Dọc biên giới Bắc Kỳ, nơi ấy có nhiều rừng rậm, giặc lẩn trốn nước Thanh lấy đấy làm sào huyệt, trước thì Ngô Côn, nay thì Hoàng Anh, Chu, Triệu, cướp nhiễu bừa bãi 6 - 7 năm nay, đánh dẹp tiêu tốn không biết bao nhiêu mà kể. Nước Thanh tuy có sai tướng đánh giúp, nhưng quan nước Thanh ở xa đến sợ nhọc, đánh cho xong lần, năm trước hết lời yêu cầu, nhưng nước ấy nói là vì cách cửa quan xa. Nay may có đạo viên nước Thanh là Triệu Ốc, Thống lĩnh là Lương Ngọc Thành đánh bắt ở thượng du Tuyên Quang, Lạng Sơn, các tướng giặc Anh, Triệu đều đã chạy trốn, gặp cơ hội ấy nên phải tính ngay cho hết giặc, Thống lĩnh Hoàng Tá Viêm, Tổng đốc Tôn Thất Thuyết phải đến ngay Tuyên Quang, Thái Nguyên nghiêm đốc tướng sĩ cùng với quân nước Thanh tìm bắt các đầu sỏ giặc : Anh, Chu, Triệu kết án, trị tội, cho hết mầm ác.

Tổng đốc An - Tĩnh Nguyễn Chính làm sớ tâu : Dân hạt nước ấy bị đốt, giết, tâu xin giúp đỡ cho (9.050 hộ bị đốt nhà, chiểu lệ bị hỏa hoạn, hạng nặng mỗi hộ cấp 1 quan tiền, 1 phương gạo ; hạng nhẹ mỗi hộ cấp 1 quan tiền, nửa phương gạo), liệu miễn cho thóc thuế, thóc vay năm nay và tiền thuế năm trước. Vua nghe theo, sai xét đích xác số bị đốt và số tiền, thóc đáng tha, lấy chỗ nhiều bù chỗ ít, miễn cấp cốt được đều nhau.

Sai Thương bạc đại thần Nguyễn Văn Tường cùng với Khâm sứ nước Pháp là Lê Na giao thương ước cho nhau (29 khoản xem ở trên) ở dinh nha Thương bạc (khi ấy tướng nước Pháp đưa thư cho nha Thương bạc nói thương ước đã được vua nước ấy chuẩn phê ký tên đóng ấn mang đến, đã phái tàu thủy đệ giao cho Khâm sứ đóng

ở Kinh theo đó thi hành. Khâm sứ và Thương bạc đều là trông coi công việc nước ngoài, xin cùng bàn bạc châm chước làm lễ cùng giao cho nhau, nên dùng lễ thường làm việc. Quan Thương bạc đem việc tâu lên, vua chuẩn cho thi hành).

Tha miễn thuế thổ vụ hạ cho các xã thôn bị lụt ở Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên (lệ không cho bớt) 3 thành, còn 7 thành cho hoãn.

Định rõ lệ giao nhận, coi giữ tờ tâu mật, (lệ trước tờ tâu mật của đình thần, hoặc người nào mật tâu làm phiếu nghĩ xong, do viện giữ, gián hoặc cũng có việc giao cho Nội các làm phiếu nghĩ, làm việc thực là không nhất định. Nay định phàm tờ tâu mật, trừ giao cho viện xét nghĩ làm phiếu xong phải do viện giữ ra, còn thì việc nào hễ giao Nội các hoặc giao đình thần xét nghĩ, đều đến viện xét nghĩ làm phiếu xong, thì bản cũ do viện giữ cả, để cho cẩn mật).

Định rõ lệ biên phiếu thu thuế quan. (Từ trước đến nay, thuyền buôn đến cửa quan, không có khai báo hàng hóa, chỉ do tuần ty xét ước lược đánh thuế. Hàng to nặng thì lấy thước đo, hàng bé nhỏ thì đánh phỏng, mà dân buôn cũng muốn chóng xong để đi, không có theo hàng hóa trình xét, để cho bọn lĩnh trưng ấy vin cớ hàng hóa không nhất định, lạm thu gấp đôi, dân buôn nếu không chịu nộp thì chúng mượn cớ làm khó khăn, nên dân buôn thường phải chịu khuất. Nay định chuẩn cho phàm thuyền buôn đến cửa quan, đem ngay hàng hóa lần lượt khai báo, tuần ty xét thực, theo lệ đánh thuế, hàng hóa dẫu nhiều không được quá 3 ngày. Nếu thuyền buôn khai lậu hàng hóa hoặc nguyên là nhỏ báo là to và tuần ty thu lạm từ 1 tiền trở lên và làm khó khăn để quá ngày, thì đều báo quan xét. Quả là khai lậu thì hàng hóa tịch thu hết sung công, tuần ty nào thu lạm, gây khó khăn, cũng chiểu theo số hàng hóa thuyền giá ấy bao nhiêu để bắt phạt. Tuần ty và dân buôn về phiếu thuế dám có thông đồng ẩn lậu số hàng, số thuế, báo quan không hết, việc phát giác ra, thuyền và hàng hóa tịch thu tất cả và chiểu số hàng hóa ở thuyền ấy giá bao nhiêu, trách cứ tuần ty tịch thu sung công, lại chiểu luật nghiêm trị nặng hơn. Quan sở tại che chở, được đến tố cáo ở các hạt khác, đúng thực, chiểu luật che chở nghĩ xử tội tăng. Còn tuần ty phải chiểu lệ (như hàng hóa 40 phần lấy 1 phần, thuốc phiện 40 phần lấy 3 phần) thu thuế biên phiếu, theo từng khoản nói rõ ngày giờ nào đến tuần ty, số hàng hóa bao nhiêu, số tiền thuế phải thu là bao nhiêu, ngày giờ nào thu xong, giao cho dân buôn chấp chiểu để sau tính trừ, không được ghi lược là nộp xong mà thôi. Cứ mỗi 3 tháng bọn lính trưng ấy kê tất cả thu hạng thuế nào được bao nhiêu, chiểu đem họ tên, quê quán chủ thuyền phải nộp thuế ấy, ngày giờ nào đến tuần ty thu xong, bẩm rõ tất cả để quan sở tại đối chiếu các người buôn, chủ thuyền đã đi qua cửa quan nào, phải nộp thuế bao nhiêu, còn phiếu cũ trình nộp ở tỉnh đến buôn, hoặc về tỉnh, phủ, huyện nơi quê mình đều cho tuỳ tiện. Quan lại

tiếp nhận được, lập tức đem phiếu phát giao cho tỉnh có quan tấn để đối xét. Nếu để khó khăn chậm phát và đòi lấy lễ, thì chiểu luật nghiêm xử nặng hơn.

Tháng 8, thự đốc Hải - Yên, Tổng lý Thương chính Phạm Phú Thứ dâng sớ xin về Kinh, vua không cho. Khi trước Thương chính mới đặt, đình thần cho là viên ấy am hiểu, tâu xin sung làm chức ấy. Gần đây, vì tướng Pháp không bằng lòng (tướng Pháp đưa thư nói viên ấy không có lòng tốt), xin từ chức ấy về Kinh. Vua Dụ lưu lại, để xứng với chức được ủy.

Vua bảo bộ Binh rằng : Hiện nay việc binh rất là trọng yếu, mà súng ống lại là đồ dùng cho việc binh trước nhất, nên trước hết phải luyện tập cho đều tinh thạo, khi cần đến mới mong được việc, nếu có sai phái, cung liệu để lại học tập, đâu có thể ủy cho việc nhiều mà bổ không luyện tập được.

Thưởng cho quan quân ngoài tỉnh Quảng Yên là bọn Hoàng Đình Thượng (lĩnh chức Phó lãnh binh) 18 người được thăng trật đều có thứ bậc (năm trước các tỉnh có việc, bọn Đình Thượng chiêu dõng quyên tiền, mộ quân giữ đánh khó nhọc, tỉnh ấy giữ được không ngại, cho nên thưởng).

Thự Tổng đốc Ninh - Thái Tôn Thất Thuyết tâu xin lương quân.

Vua sắc cho Nam Định trích thêm 20.000 phương gạo tải vào Kinh, bắt thuyền giải giao nhận cấp cho Bắc Ninh, thu ngay tiền, thóc thuế còn thiếu để phòng cấp tiếp.

Quan quân ở quân thứ Tuyên Quang bắt sống tướng giặc Hoàng Anh. Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem việc tâu lên. Vua sai theo cách treo thưởng của quân thứ Tuyên Quang thưởng 5.000 lạng bạc. Còn bọn giặc ấy do quan quân thứ Tuyên Quang cùng với quan nước Thanh tra xét nơi ẩn nấp của bè lũ bọn ấy, tức phải bắt ngay. Rồi hội đồng xử lăng trì bêu đầu truyền cho Bắc Kỳ, đóng hòm đưa sang nước Thanh. Khi ấy, Tá Viêm đã đem đầu sỏ Hoàng Anh đóng hòm đưa đi dâng tù, vua không cho, sai lần lượt tư cho nơi sắp đến, chuyển giao đầu giặc ấy theo Chỉ trước mà làm.

Nhân giáng Dụ rằng : Các tỉnh dọc biên giới Bắc Kỳ, giặc trốn nước Thanh quấy rối đã gần 10 năm. Sai tướng đem quân vì dân trừ hại, lâu chưa tâu công. Gần đây Hoàng Tá Viêm quyết kế tiến đánh, ba đạo quân cùng mưu tính, vừa gặp quan nước Thanh là Triệu Ốc cũng hăng hái tiến đánh, một lòng cho yên ngoài biên, cho nên phá được sào huyệt giặc, bắt được bọn đầu sỏ, để tỏ phép công quân nhà vua đánh kẻ có tội, rửa sạch lòng giận của thần và người, công ấy to lắm, tuy chưa bình định được cả, mà hết lòng trung chứa lo nghĩ, làm việc cầu được vạn toàn, cũng là nho thần thung dung áo đai, là tướng chống ngoài giữ trong. Tổng đốc Tôn Thất Thuyết là tướng có uy vũ ra trận bắt, chém giặc, đến đâu được đấy. Tuy gần đây

chưa thỏa, nhưng công lao trước cũng không thể quên được. Cho đều ban thưởng để đáp công lao. Bọn ngươi nên cố gắng cho xong công việc mưu tính để thấm nhuần ơn huệ thực. (Tá Viêm và Thuyết đều thưởng 1 áo mặc ở trong bằng đoạn tơ 8 sợi, 1 kim khánh lớn và các thứ sâm, quế của vua dùng, kính dưỡng mục, kính thiên lý mạ vàng, ngựa tốt, súng Tây...). Lại cho là Mai Quý, Lã Xuân Oai, Lương Tuấn Tú cũng đều có công lao, đều thưởng yên ủi cả.

Trước Sơn phòng sứ Thanh Hóa Trương Quang Đản nghĩ tâu công việc làm đồn điền khẩn hoang, nói đại khái rằng : Xét ra tỉnh Thanh từ Cẩm Thủy (tên huyện) trở lên, đất bỏ hoang chưa khai khẩn và người Mán gieo trồng ruộng thuộc rất nhiều. Nay muốn sơn phòng giữ vững, cần nên đặt ty Doanh điền và giao cho sơn phòng kiêm trông coi hoặc mộ dân làm quân, hoặc khuyên dân quyên tiền, hoặc vay vốn công, liệu cấp cho trâu cày, đồ làm ruộng, cho tùy thế đất khai khẩn, sau 3 - 4 năm số quân đầy đủ, ruộng đất mở mang, có thể thành một nơi đô hội lớn. Một hạt Thanh Hóa chưa hẳn không phải nhờ đấy để khống chế được.

Vua cho là sơn phòng đã không nên không, đồn điền cũng không nên ít, đã chuẩn y cho làm. Đến đây lại tâu nói, nhìn xem sự thế hiện nay, Nam Kỳ thì bờ cõi cũ chưa khôi phục được, Bắc Kỳ thì liền năm dùng quân, của dân ít mà kho Nhà nước thiếu thốn, bờ cõi hẹp mà phên giậu mỏng, kế sách tự cường tự trị không thể không sớm phải làm, hiện nay chỉ chuyên làm việc ở trung châu, bổ ích có hạn sao bằng thay cũ mà đổi mới, để ý vào biên phòng, chấn hưng mối lợi tự nhiên của trời đất, làm nền tảng mở mang của nước nhà. Nay xin, các tỉnh Tả kỳ thì Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa ; Hữu kỳ thì Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình đều đặt Sơn phòng đồn điền khai khẩn, cho việc phòng bị được nghiêm, tuy nói rằng : Để vững bờ cõi ta, thực để phòng bị mối lo không ngờ. Vả lại, về việc trị sở ở biên giới, tình thế rất khổ, trách nhiệm của sơn phòng không thể không chuyên, mà quyền càng không thể không trọng. Nên lấy quan nhị, tam phẩm có danh vọng sung làm chức ấy, hết thảy việc biên giới cho tùy tiện làm việc, mới có thể mong thành công được. Lại xin trích các huyện, châu, tổng ở thượng du Thanh Hóa (Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy, Thạch Quảng, Lương Thường, Quan Hóa, Trình Cố, Man Duy, Sầm Na và các tổng Khoái Lạc ở Yên Định ; Lân Du ở Nông Cống ; Bái Đô, Mục Sơn ở Lôi Dương ; Ngọc Lặc, Quảng Thi, Yên Trường ở Thụy Nguyên) cùng Mai Châu ở Hưng Hóa đặt làm một tỉnh hoặc đạo, chọn phái quan có khí thức để trị, nhưng bắt phải khẩn hoang, lập ấp, chứa thóc, đóng quân để dùng cho ngày khác.

Vua xem tờ tâu phê bảo rằng : Lập đồn điền khai khẩn là công việc phải làm của các nha Sơn phòng, chuyên do các nha ấy tùy việc, tâu tư, để hết sức xếp đặt. Duy sự thể trọng đại, phải hội đồng quan tỉnh sở tại để góp nhiều trí, nha Sơn phòng ấy

chiểu Chỉ chuẩn cho trước theo thế mà làm. Chờ sau 3 năm khai khẩn mở mang quả được kiến hiệu, có nên xếp đặt thế nào, sẽ làm sau. (Sơn phòng các tỉnh lập đồn điền khai khẩn, đều chuẩn cho lục sức giao cho để theo đấy mà làm).

Định lại lệ cử nhân mới bổ đủ lệ xét tư. (Người nào là cử nhân mới bổ, tại chức được hơn 2 năm, đều do thượng ty tuân theo, nghị chuẩn mọi lần, phải khảo sát trước, đều nêu rõ cái giỏi của người ấy, viên nào có thể làm được châu, huyện, nơi làm việc nào ? (nhiều việc lắm, nhiều việc, nhiều việc vừa, ít việc) hoặc làm được chức dạy học, đều phải lần lượt theo từng khoản kê tư cho bộ chờ xét. Nếu thuộc hạ còn có người đến hạn (2 năm) được khảo sát mà có ý không chịu xét tư và để quá hạn, thì tức do bộ xét hạch hặc tội trừng trị. Lại sau khi xét tư lên, người ấy được bổ theo nơi làm việc mà không xứng, thì đều chiểu lệ xét xử).

Chuẩn định lệ giáo dân được đi thi và ra làm quan. (Đình thần đem điều khoản trong hòa ước tâu xin chuẩn cho từ sau giáo dân nếu có tình nguyện đi thi, không cứ văn hay võ, cho sở tại đều chiểu lệ đi thi sức cho lý dịch khai nhận đích thực nên cho vào thi. Và gặp có điền thế binh đinh, hoặc đưa vào làm thư lại, đều ở bên cạnh tên chua vào hai chữ "giáo dân". Người nào thi đỗ mà muốn ra làm quan thì phàm ở quan làm việc thì đều theo thể lệ nước ta (như loại triều mừng, tế lễ...), không được trái, hoặc có kẻ làm nhục chức quan, phạm điều luật, đều chiểu luật nghĩ xử, không được viện cớ hẳn là giáo dân sinh nghị luận khác).

Định lại lệ thu lương thiếu số chia nhau bồi thường. Từ nay về sau phàm thuế chính cung trưng thu, thiếu bao nhiêu theo lệ xét nghĩ, còn số thiếu phải bồi lại chia làm 2 phần, lý trưởng bồi 1 phần ; nếu không xong cử các người bảo kết và cai phó tổng, lại mục, hoặc thông lại chia nhau đền, cai lại đền 1 phần ; nếu không xong lại chia làm 2 phần : phủ, huyện đền 1 phần, quan tỉnh đền 1 phần. Còn như năm trước để thiếu, cứ tổng lý, phủ, huyện, châu, viên dịch nguyên làm việc lần trước chiểu lệ thuế chính cung xử nghĩ, lại ra hạn bắt bồi.

Cho Khâm phái Vũ Trọng Bình quyền sung Tuần phủ Sơn Tây, hộ lý Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên. Khi ấy lĩnh chức Tổng đốc hạt ấy là Hoàng Tá Viêm, vì vâng Chỉ đến quân thứ Tuyên Quang hội với đạo viên họ Triệu đánh dẹp giặc còn lại, trù tính công việc xếp đặt về sau, tâu xin chọn viên làm thay việc tỉnh, cho nên có mệnh lệnh ấy.

Sai viết thư đưa cho Tổng đốc Lưỡng Quảng yêu cầu cử phái viên đem trả viên châu Khâm đến ngay Quảng Yên hội với quan Tuần phủ xử trí dân lưu tán. (Dân lưu tán nguyên an trí ở châu Khâm tự đến Hải Ninh cướp giết dân thường, ức chiếm ruộng đất).

Thống đốc Hoàng Tá Viêm dâng sớ nói công việc xếp đặt về sau ở tỉnh Tuyên gồm 12 khoản (- Lựa chọn viên phủ, huyện làm việc giỏi giang. - Đoàn kết dân,

dõng, người Thổ, Mán, Mèo. - Xử trí tổng Đông Quan (dân Thổ giao cho thổ mục xướng suất, dân Mèo giao cho quản đoàn xướng suất). - Cứu giúp dân lưu tán. - Xử trí đoàn quân họ Lưu. - Phân biệt kẻ thiện kẻ ác. - Khai thông đường chở muối. - Để quân đóng trấn áp. - Định lại điều cấm ở cửa quan. - Xử trí quân lưu tán. - Kiểm soát bọn gian. - Chiêu hồi giặc ra thú). Vua đều nghe theo.

Khi ấy giặc Anh bị bắt, bọn còn lại vẫn cần bắt đánh. Vua sai Tổng đốc Ninh - Thái Tôn Thất Thuyết đến ngay tỉnh Thái Nguyên đốc thúc làm gấp ngay, cùng với quan nước Thanh là Lưu Ngọc Thành trù tính các việc xếp đặt về sau. Thuyết tâu nói : Nay Thống lĩnh Lưu Ngọc Thành hiện đóng ở tỉnh Bắc Ninh, thần xin ở lại bàn bạc châm chước để tiện làm việc tỉnh (khi ấy Thuyết nhân mắc bệnh, vâng Dụ chuẩn cho điều trị gấp 5 - 3 ngày). Còn việc ở biên giới do Thống đốc Hoàng Tá Viêm cùng với Triệu Ốc bàn cho ổn thỏa.

Vua Dụ rằng : Tuyên Quang, Thái Nguyên địa thế liên tiếp với phía tây nam nước Thanh, bọn giặc dễ đường đi lại, thì việc tìm bắt ngăn chặn rất là khó khăn khẩn cấp. Lần này bắt được giặc Anh, là do Triệu Ốc thân đến đôn đốc, thì ở xa đôn đốc không bằng thân đến đôn đốc, nghe trù tính, không bằng mắt thấy trù tính thì hơn, cho người tuân theo Chỉ chuẩn cho trước điều trị ngay bệnh tình, nói khéo cốt cho viên ấy cùng đi thúc nã bắt ngay, cho sớm xong việc để xứng với ủy thác quan trọng.

Hoãn bắt lính thiếu các xã bị điêu háo ở tỉnh Hải Dương (41 xã bị giặc tàn phá, thêm gặp bão lụt, các lính thiếu cho hoãn lại hoặc 2 năm, hoặc 1 năm).

Chuẩn cho Nghệ An đúc thêm 100 khẩu súng thần công ngắn cất đi để dùng. (Vì súng ấy nhẹ và nhạy, tiện cho đánh trận, năm trước trên 400 khẩu, giao cho các tỉnh hết cả).

Định lệ thưởng cho các hộ làm nghề dệt nhung vải ở Hà Nội. (Sai quan tỉnh Hà Nội khuyên bảo dân xã Sam Cầu người nào tinh xảo thì tạm cấp cho tòng cửu phẩm, hộ trưởng được mộ dân lập hộ. Trong một năm dệt được tốt đẹp, hộ trưởng được thưởng thụ tòng cửu phẩm, hộ phu được miễn binh dao, thuế thân. Cả năm mỗi tên nộp thay 4 thước nhung sợi).

Nhân đấy, Dụ rằng : Lập xưởng thợ làm thành đồ, là để có lợi cho cả nước, nước ta đồ dùng đều có thể làm được, nếu biết hết lòng tìm tòi, nhân xấu đến tốt thì lo gì nghề nghiệp không mở rộng mà cam chịu kém người. Nay thông sức cho quan các tỉnh trong Nam, ngoài Bắc, phàm có việc ích quốc lợi dân, thì khuyên bảo sĩ dân trong hạt hết lòng suy nghĩ, không chỉ các nghề dệt, nhuộm, nung, đúc mà thôi. Phàm máy móc như xe, thuyền, súng, khí giới, đồng hồ, cho đến các đồ dùng về cày, dệt, có thể bớt được sức người mà dùng được tiện lợi, thì hết thảy phải khuyên

bảo khéo, có người có tài năng thì đều đem tên tâu lên không cứ hạng người nào, nếu muôn thân hiển vinh để tiếng về sau, tính nghề gì thạo có thể giúp ích cho thực dụng, đều cho không ẩn giấu, đợi lại xét thực thêm, tùy được ích lợi nhiều ít liệu thưởng cho chức quan, để biết được khuyến khích. Nếu vâng chiếu không chăm, rút cục không có thực hiệu, là các ngươi thiếu chức vụ.

Vua cho là các tỉnh lớn như Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Nam Định và các tỉnh nhỏ như Ninh Bình, Hưng Yên, Hưng Hóa, Quảng Yên, hiện nay việc giao thiệp nhiều, nếu hết thảy đợi báo, có khi khó kịp công việc, bèn Dụ rằng : Quan các tỉnh các người đều có trách nhiệm chuyên coi một địa phương, được ủy dụng long trọng, nên lấy lòng trẫm làm lòng mình, đem hết mưu mô làm việc có chính sự. Từ sau, phàm các tỉnh có tỉnh liên quan đến việc buôn và các việc giao thiệp mà là khẩn cấp, thì trừ việc rất trọng đại quan ngại, tâu ngay đợi Chỉ ra, còn thì chuẩn cho được cùng lòng dựng nước châm chước tùy theo tình thế, đều chiếu theo ước cũ trước, tuân theo ý Chỉ làm cho thỏa đáng, cốt phải trong yên ngoài tin, rất có lợi ích, một mặt làm ngay cho kịp việc, một mặt tâu gấp để biết, để cho việc bắt phải thành công được trọng mà công việc được mau chóng, là trẫm rất mong lắm.

Tháng 9, nguyên chức Dực thiện là Phùng Danh Lưu (Tú tài ở Sơn Tây) trước vì quyên tiền, được thưởng hàm Thị giảng. Khi ấy đã hơn 70 tuổi lại xin quyên thêm 256 lạng bạc, gọi là để giúp quân nhu, may được sung bổ một chức để hết sức làm việc. Vua cho là Lưu rất có lòng, chuẩn cho thưởng thụ Lang trung, do bộ Lại xét bổ, để cho người biết khuyến khích.

Cho thự Thống chế dinh Thần cơ, kiêm coi Tiền quân Tôn Thất Ty coi giữ Tiền quân kiêm Tả quân (Tả quân nguyên Tôn Thất Thế thự Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm kiêm coi, nay đình lại) ; Vệ úy Tôn Thất Phê quyền coi dinh Thần cơ.

Bây giờ sứ nước Pháp (Lê Na) đến nha Thương bạc hội thương, yêu cầu cùng với Biện lý bộ Công là Nguyễn Văn Chất cùng đến địa phận xã Dương Xuân, xã Nguyệt Điều (2 xã thuộc Hương Thủy), khám chọn trụ sở, liền đem theo 30 tên giáo dân đến núi Thọ Cương cắt cỏ, vẽ bản đồ. Việc ấy tâu lên, vua bảo rằng : Hắn dám khinh thường làm càn, đều do quan Thương bạc mà ra. Nguyễn Văn Chất không biết giữ lý can ngăn, phủ, huyện không biết dạy dân, đều đáng có lỗi, đều phải giáng lưu, để cho răn sửa. (Khi ấy quan Thương bạc chỉ nhận mệnh lệnh hội thương, mà khinh thường nghe lời cùng đi với). Nhân thế sai đưa thư trách sứ Pháp. Sau rồi tướng nước Pháp ở Gia Định biết lấy làm thẹn, sai người giúp việc ở phủ đến giảng thuyết.

Vua bảo rằng : Việc trước không nói nữa. Từ sau phàm người hai nước đối xử với nhau, đều đem lòng thành thực tin nhau, không nên làm nhục nhau.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm dâng tập tâu xin đến Hưng Hóa coi làm đường thông thương. Vua sai đến ngay quân thứ Tuyên Quang làm việc xong chuyển ngay đến Thập Châu xử trí đoàn quân họ Lưu. Tá Viêm liền tâu : Tuân lệnh đi thương thuyết, đạo viên họ Triệu đã phái quân đánh giặc và trù tính hỏi đến xếp đặt về sau, đã dâng sớ tâu xin cho làm, xin không đi nữa. Liền làm đồn lớn ở xã Thục Luyện, tỉnh Hưng Hóa (thuộc huyện Thanh Sơn) đóng để làm việc. (Nhân đồn trước làm rộng thêm dinh thự, kho tàng đều đủ).

Vua bảo bộ Binh rằng : Điền binh theo lệ, có phái người giải, là vì quân lính quen trốn nhiều, cho nên có người kiểm chế để giữ. Nhưng ngày thường, thiếu sự chọn cấp công bằng, bồi dưỡng yên ủi để cho vui lòng quên khó nhọc, lại đem lòng ức cấp bắt đóng góp, thường để cho trốn, đến nỗi phải phái người giải đi giống như người có tội, cũng chẳng qua là tạm giữ, rốt cục cũng không thể khiến cho không trốn được. Lại thêm bán để lấy tiền, xét xử công, tư cùng khổ, sau vẫn vô ích, pháp luật đều như thế, không xét tận gốc, khiến cho biết thẹn mà đổi. Trẫm rất thẹn lắm, thế gọi là thô bỉ làm hại dân, trẫm rất không khen, phải định lại thế nào cho thỏa đáng và thông sức cho mọi người biết (định lại xem ở sau, năm thứ 32).

Lãnh sự nước Pháp ở Hải Dương xin đi đến thượng du. Quan viện Thương bạc đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : Hắn chưa đi đến Vân Nam, thì đi đến thượng du làm gì ? Rất không phả chí ý an toàn của 2 nước, bèn sai quan Thương bạc viết thư nói rõ thư của tướng Pháp (nói chưa nên sang Vân Nam) và lời cuả La-đăng (nói thượng du chưa yên, đâu nên đi vào nơi nguy ấy) đưa cho tướng Pháp bảo viên Lãnh sự biết và tuân lệnh.

Giáng Trấn Tĩnh quận công Miên Dần là Trấn Tĩnh Đường hầu. Trước đây, lễ Thu hưởng ở Hưng miếu, Miên Dần được sung làm Khâm mệnh, không giữ lễ (mặc áo trắng từ cửa tả vào). Bộ Lễ đem việc ấy hặc tâu. Vua bảo rằng : Miên Dần thường phạm tội phải nghị xử. Trước đã phải giáng (Thiệu Trị năm thứ 7, vì chơi bời, giáng làm Kỳ Nội hầu), vẫn không biết đổi lỗi. Nay phạm lỗi ấy là đại bất kính, hầu như gỗ mục không chạm trổ được. Nếu lấy ân làm sai pháp luật, sẽ khiến cho trẫm có lỗi với tôn miếu chăng ? Nói đến rất đáng phàn nàn và giận ! Tạm giáng làm Trấn Tĩnh Đình hầu, lột bỏ áo mũ và sách phong, không cho theo ban vào chầu mừng, dự việc sai phái, để đóng cửa xét lỗi, do phủ Tôn nhân cần phải răn dạy, vài ba năm sau quả là bỏ hết ác cũ, do phủ ấy bảo cử tâu lên, sẽ liệu ban ơn cho. Phàm thân thích của ta, thể tất khổ tâm cho ta. Nghe lời nói thì bỗng cảm động hiểu biết, không cậy quyền quý kiêu ngông, tự để mối lo và trái phép nhà, có tội với tiền triều lại nặng hơn người khác.

Định lệ tâu báo của nha Thương chính Hải Dương. (Mỗi tháng thuyền hạng nào xuất nhập bao nhiêu, thu thuế bao nhiêu đến cuối tháng làm bảng tư về bộ

trình lên xem, cả năm làm bản tâu một lần, còn tình trạng đình hay báo, kiểm thu, phát mại, khó hay dễ, thường hay phức tạp, xét cho thực, không ẩn giấu. Từ sau Hà Nội, Bình Định cũng theo thế).

Lại định lệ quyên nộp tiền ra làm quan. (Lệ ấy trước đã bãi bỏ, đến nay Vũ Trọng Bình nghĩ có chiến tranh và mất mùa, xin lại đặt ra, được chuẩn cho : Từ nay, phàm sĩ phu, thứ dân người nào hễ xin quyên nạp, đều chiếu lệ thưởng trật, quyên từ tam phẩm trở lên, cứ 2.000 quan gia một trật, đến tòng nhị phẩm là cùng, quyên từ thất phẩm trở lên, mà thực có học thức tài nghệ, xin ra làm việc thì cho được sát hạch đổi bổ làm lang trung, viên ngoại, chủ sự, tư vụ ở Kinh ; và ở ngoài thì không phải là chức phủ, huyện, giáo thụ, huấn đạo, nếu có khoa mục cũng được bổ. Chức võ thì không cứ ở Kinh hay ở ngoài, nếu sát hạch không đúng thực, chiếu nghị đều gia 1 bậc. Quyên đến tam phẩm trở lên, thì bổ ngay thực hàm, cũng theo thuộc viên chánh tứ phẩm, còn trật thừa ghi vào lý lịch, đợi được 2 năm, thượng ty ấy xét là làm được việc chuẩn cho thăng lên ấn quan, chưa thể làm được thì vẫn chức cũ, đủ 1 - 2 năm, lại xét tâu xin thăng lên ấn quan. Sau cứ 3 năm có công không lỗi cũng sẽ thăng dần đến tòng nhị phẩm trật quyên trước là cùng. Có được thăng chưa đủ trật quyên, không may mà chết, cũng được truy thụ cho đủ trật đã quyên. Còn làm đến ấn quan, đáng được phong tặng, cũng chuẩn cho được phong tặng. Đàn bà góa có muốn quyên cũng chiểu sổ quyên truy thưởng cho chồng. Lệ quyên của người Thanh cũng thế. Có người không muốn làm quan, muốn buôn bán cũng cho, có người đều không muốn gì cả, mà quyên đến tam phẩm trở lên, thì bổ hàm võ, như quan hưu trí, hưu dưỡng. Bang trưởng, cảng trưởng biết khuyên bảo khách buôn quyên riêng và quyên chung được 20 - 30 vạn, thì bang trưởng, cảng trưởng cũng thưởng cho phẩm hàm, cứ 3 vạn quan 1 trật, hoặc kim tiền, ngân bài để khuyến khích).

Sai Tổng đốc Ninh - Thái Tôn Thất Thuyết đến quân thứ Thái Nguyên chuyên coi việc quân ; lấy Tuần phủ Bắc Ninh Phạm Thận Duật hộ lý Tổng đốc. Khi ấy Thuyết ở Bắc Ninh, phái viên nước Pháp nghi kỵ, Thuyết xin cho người làm thay, tuân lệnh đến Thái Nguyên, Tuyên Quang coi việc đánh dẹp. Vua nhân đấy, sai Thuyết dẹp xong giặc ở Thái Nguyên, đến ngay quân thứ Tuyên Quang, Hưng Hóa đổi làm Hiệp đốc quân vụ đại thần, cùng với Hoàng Tá Viêm dẹp xong giặc còn lại và xử trí đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc. (Khi ấy phái viên nước Pháp ở Hà Nội, Hải Dương lại lo về đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc, nói phao mê hoặc ồn ào, vua nghe biết, bảo các quan Hải Dương, Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Nam Định đều phải một lòng lo việc nước, tùy tiện làm cho thỏa đáng, để đều được yên ổn).

Giáng Tuần phủ Thuận - Khánh Lê Đình Tuấn làm Quang lộc Tự khanh, đổi lĩnh Bố chính Hà Nội, lấy Bố chính Hà Nội Trương Gia Hội lĩnh Tuần phủ

Thuận - Khánh. Trước đây, Đình Tuấn cùng với Điển nông sứ Phan Trung theo người nước Thanh là Trần Khai Kim (ngụ ở Bình Thuận) xin ủy cho đi vào trong Nam, người Pháp ngờ Khai Kim ngầm thông với Cử nhân Huân (ở trong Nam giải nguyên Huân cùng văn thân 6 tỉnh hội với người Thanh tóc dài triệu tập nghĩa binh đánh quân Pháp). Tướng Pháp đưa thư đến cậy ta giải đến để xét. Vua chuẩn cho quan tỉnh ấy giải giao, Khai Kim xin đến đối chất, giữa đường trở về, rồi thì lẻn trốn, tướng Pháp bảo Đình Tuấn che chở, thường đưa thư đến trách, Khâm sứ đóng ở Kinh cũng đem việc ấy ra nói, quan viện Thương bạc tâu xin chuẩn cho Đình Tuấn nếu để ở đấy sợ mất lòng họ, Bố chính Hà Nội Trương Gia Hội là người trong Nam, địa thế và tình xa được am hiểu cả, trước đã từng ở với họ, họ cũng phục tình, lấy Gia Hội để thay. Gia Hội đến Kinh. Vua triệu bảo rằng : Bình Thuận là nơi địa đầu, Trương Gia Hội đương khi có việc, nguyên làm Tri phủ, xử trí thích hợp, nghe nói họ cũng tin phục, nay làm việc ở đấy giao thiệp với họ, sự thể có quan yếu, nên xét cẩn thận làm cho khéo chớ để lo ngại về sau. Còn như người trong Nam, trẫm cũng để ý bồi dưỡng, ngươi đối xử cũng nên ổn thỏa cả, chớ để hình tích gì là được.

Tha tội phải bồi cho Thượng thư đã chết là Lê Tuấn. Khi ấy bộ Hình cho là Tuấn trước sau can án khơi đào sông ở Thanh Hóa không đúng như cách thức, chiểu lệ phải truy bồi. Vua nghĩ Tuấn rất có công lao, tài năng, không nỡ để lụy cho vợ con, đặc cách tha cho, để khuyến khích người hết lòng vì việc nước.

Vua cho là gần đây đình nghị thường có chậm trễ và sai lầm. Dụ rằng : Phàm á khanh trở xuống đều là chân tay tai mắt của trẫm, nên ngày đêm phải chăm chỉ làm việc cho sớm được ổn thỏa, không giấu để bù vào lỗi chính khanh vì việc nhiều sinh lầm lẫn, mới là nghĩa cùng nhau kính cẩn, nên ghi lấy chớ quên.

Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị bị bão lụt (lúa sớm gián hoặc có thiệt hại).

Định lại lệ lính thú. (Từ nay về sau chiểu theo Dụ chuẩn năm Tự Đức thứ 24 ngoài lệ cũ ra, trích thêm 2 vệ ở Nghệ An hợp với 4 vệ phái đi đóng trước, cộng 6 vệ, chia đóng ở Hà Nội (2 vệ), Hưng Yên (nửa vệ), Sơn Tây (2 vệ), Nam Định (1 vệ rưỡi). Trích thêm 2 vệ ở Thanh Hóa hợp với 2 vệ đi đóng trước cộng 4 vệ, chia đóng ở Hải Dương (2 vệ), Bắc Ninh (2 vệ). Trích 1 vệ ở Hà Tĩnh phái đóng ở Ninh Bình (lệ cũ phải đóng có nửa vệ). Vẫn lấy 1 vệ ở Nam Định đóng ở Hà Tĩnh ; Hà Nội, Sơn Tây mỗi tỉnh 1 vệ đóng ở Nghệ An ; Hải Dương, Bắc Ninh mỗi tỉnh 1 vệ đóng ở Thanh Hóa ; Ninh Bình 1 vệ đóng ở Quảng Yên).

Định lại lệ lính mộ trốn tránh. (Lệ cũ trừ ngạch phải chịu thuế, nay chiểu theo lệ giảm binh trốn tránh, lần đầu bắt được thì phạt 90 trượng, phạm lần thứ hai thì đóng gông bêu 3 tháng, đánh 100 trượng, đều phải sung ngũ, phạm lần thứ ba thì

phải giảo giam hậu ; trong hạn thú thì phạm lần đầu được tha tội, phạm lần thứ hai phạt 80 trượng, phạm lần thứ ba đóng gông đeo 2 tháng, phạt 100 trượng, đều phải sung ngũ, phạm lần thứ tư thì giảo giam hậu. Liệu giảm 1 bậc để cho biết sợ chừa).

Sai Hữu thị lang bộ Hộ Vũ Khoa, Tả thị lang bộ Hình Phan Sĩ Thục chia nhau đi đánh Nam Kỳ, Bắc Kỳ. (Gần đây vì công việc mệt nhọc, cần phải điều dưỡng, mà viện Thái y dâng chưa thấy có phương thuốc hay, bèn sai đưa đi các địa phương xét hỏi người tinh thông phương thuốc, cấp cho đi đường trạm về Kinh vào hầu).

Cho thự Thượng thư bộ Công Phạm Ý đổi làm thự Tổng đốc Bình - Phú ; thự Tổng đốc Bình - Phú Hoàng Văn Tuyển đổi làm Thượng thư bộ Công (Tuyển nhà có mẹ già, dâng sớ xin về gần để hầu nuôi, cho nên đổi). Vua triệu Ý, bảo rằng : Bình Định là tỉnh lớn ở Tả kỳ, làm việc ở đấy thật khó có người, ngươi trước đã từng làm Bố chính, tình thế tưởng đã hiểu hết, hiện nay man ở Trà Vân, Chí Đốc (tên hai nguồn), ở hạt ấy quấy rối, nên xử trí thế nào để cho yên hẳn được ? Ý thưa rằng : Hỏi ra được biết man hạt Bình Định không có mấy, chỉ có Quảng Ngãi là nhiều, mà Quảng Ngãi đã có quan quân đóng chặn nên man ấy thường tràn sang quấy nhiễu ở Bình Định. Nếu Bình Định cũng đặt chuyên viên, hai bên cùng phòng bị, man ấy cũng biết sợ hãi. Năm trước thần cai trị ở đấy, thấy man ấy thường tràn sang quấy rối, quan Tổng đốc trước Thân Văn Nhiếp bàn phái quan quân đến làm việc, lại chia tiền mua các hạng muối, vải để cho. Man ấy nhân thấy yên ổn được vài năm. Nay nên phủ dụ, nên đánh dẹp thế nào, thần xin đi xem xét, sẽ tâu lên sau.

Vua bảo rằng : Ngươi cùng với Thân Văn Nhiếp cùng làm việc, xét thấy Thân Văn Nhiếp ở đấy thế nào. Ý thưa : Văn Nhiếp là người liêm khiết, hết lòng với việc dân, phàm việc đều trở thành thực bảo ban, nên nhiều người yêu mến.

Vua bảo rằng : Người ta bảo ngươi thực thà, trước ở Hải Dương, rất là đắc lực. Nay đến Bình Định nên như khi ở Hải Dương, làm thế nào để dân được yên, đó là xứng với chức. Lại phải công bằng thanh liêm làm gốc, chớ để Thân Văn Nhiếp được khen một mình như trước. Còn như ngày sau khai thương, các việc còn nhiều việc khó, ngươi nên xét kỹ chước ứng, trẫm cũng chuẩn cho tùy tiện, làm cho thỏa đáng, nhưng được dân yêu, đó là điều rất mong.

Lại bảo rằng : Trước Trần Bình đến cai trị Hà Nội, trẫm từng đem thơ cổ (nơi ấy nhiều ngọc báu, cần chẳng chán nghèo trong) để bảo, không từng nghe ta, đến khi đến Sơn Tây, thường có tiếng tăm, việc đã qua không trách, nhân than thở mà thôi.

Vua nghe tin phu khiêng vác ở các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng phần nhiều bị quân Thanh giết bừa, sai quan các tỉnh đem việc ấy bàn với Thống lĩnh Lưu Ngọc Thành và bọn quản đái, để đều nghiêm cấm thuộc hạ, không nên che chở.

Sai quan tỉnh Quảng Yên, Nam Định tìm cách tra bắt giặc biển. Khi ấy bọn giặc tụ họp ở cửa biển Trà Lý (thuộc Nam Định) cùng với dân lưu tán ở Quảng Yên thông đồng cấu kết nhau làm trở ngại ở biển, cho nên sai tra bắt, để hết mầm gian. (Lại sai quan tỉnh Hải Dương bàn với quan Tây phái thuyền đánh giúp).

Cho Tả phó Đô ngự sử viện Đô sát Phan Huy Kiêm sung làm Khâm sai đến Nghệ An tra xét việc đốt nhà, giết người. Khi ấy dân lương, dân giáo ở Nghệ An nghi kỵ nhau, Giám mục Ngô Gia Hậu đến Kinh kêu lên. Đã chuẩn cho quan tỉnh xét xử, thế mà không xét ngay, để chúng phải tranh luận nhiều, sứ Pháp đưa thư lời rất bất mãn, bèn sai Huy Kiêm hội đồng với quan tỉnh làm cho ổn thỏa.

Vua Dụ rằng : Chớ khuất khúc, chớ tư vị, để cho hai dân thỏa thiếp cùng yên tất cả, đấy là cần nhất.

Cấp thêm lương bổng, áo mặc cho nha Thương chính. (Phàm các quan lại, biền binh, tham biện, thông ngôn dự làm việc thương chính ở Hà Nội, Hải Dương và đốc phủ sở tại kiêm quản thuế quan, đều chiếu lệ lương bổng đồng niên tăng gấp đôi, còn gạo cấp thêm đều chiết cấp bằng tiền, mỗi phương 3 quan. Nếu có giáng phạt, chỉ theo lương cũ mà khấu, mỗi năm mùa đông, mùa hạ đều cấp cho áo mặc). Khi ấy vì Thương chính giao thiệp nhiều việc đi lại thù tiếp, không tránh khỏi chi phí, cho nên đặc cách cấp thêm.

Kỳ thu thẩm năm ấy, các hạng tù phạm có 91 tên, chuẩn cho chém ngay 5 tên, còn thì hoãn chém và để giam có thứ bậc. (Trong đó chém ngay lại để hoãn chém 3 tên, vẫn để trảm giam hậu 56 tên, vẫn để giảo giam hậu 27 tên).

Đặt nha Sơn phòng ở Sơn Tây và định lại lệ thưởng phạt về mộ dân khai khẩn. Khi ấy, lĩnh Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Hoàng Tá Viêm cho là hai huyện Mỹ Lương, Bất Bạt thuộc tỉnh Sơn Tây rừng rậm xa vắng, kẻ gian tế dễ sinh, xin đặt nha Sơn phòng, chọn nơi làm đồn điền khẩn hoang, chọn phái người am hiểu được việc sung làm chánh, phó sứ, chuyên coi công việc ấy. Nhưng chiếu nghị lập đồn điền khẩn hoang, thực là việc cần họp dân để mở mang. Duy việc ấy gian khổ, không có trọng thưởng để khuyến khích, thì lòng người sẽ khó, chưa chắc vui lòng hưởng ứng.

Vua bảo rằng : Thành công lớn tất không tiếc hậu thưởng, duy phải được hiệu quả thực là khó mà thôi, nếu quả làm được, thì phàm các hạt dọc biên giới đều nên làm suốt, mở đất giữ dân, thực là việc khẩn cấp. Cho giao đình thần bàn cho thỏa đáng, sau châm chước nghị định tâu lại, nhân chuẩn cho theo nghị đặt nha Sơn phòng tỉnh ấy làm đồn điền khẩn hoang. Lại đem lệ thưởng phạt thông sức cho các địa phương trong Nam, ngoài Bắc thi hành. (Phàm các tỉnh dọc biên giới cùng tỉnh nào gián hoặc có các chỗ phận núi bỏ không, người nào hễ mộ (không cứ người Kinh, người Thổ) được 5 người khai khẩn được ruộng 10 mẫu trở lên, chuẩn cho

được miễn binh, dao và thuế thân suốt đời (nếu người nào không phải dao dịch và thuế, thì cho con hoặc em, hoặc cháu một người được miễn, dưới cũng thế). Mộ 10 người trở lên (dưới cũng thế), ruộng 20 mẫu thì thưởng tòng cửu phẩm bá hộ ; mộ 20 người, ruộng 30 mẫu thì thưởng chánh cửu phẩm bá hộ ; mộ 30 người, ruộng 40 mẫu thì thưởng tòng bát phẩm bá hộ ; mộ 40 người, ruộng 50 mẫu thì thưởng chánh bát phẩm bá hộ. Ngoài ra mộ mỗi lần thêm 10 người, ruộng thêm 10 mẫu, liệu gia 1 trật. Các nơi bỏ hoang ở trung châu, người nào mộ được 10 người, vỡ hoang được 20 mẫu ruộng, chuẩn cho được miễn binh dao và thuế thân suốt đời ; mộ 20 người, vỡ 30 mẫu ruộng, thì thưởng tòng cửu phẩm bá hộ ; mộ 30 người, vỡ 40 mẫu ruộng thì thưởng chánh cửu phẩm bá hộ ; mộ 40 người, vỡ 50 mẫu ruộng thì thưởng tòng bát phẩm bá hộ ; mộ 50 người, vỡ 60 mẫu ruộng thì thưởng chánh bát phẩm bá hộ. Ngoài ra cứ mộ thêm 20 người, vỡ thêm 30 mẫu ruộng, liệu gia 1 trật, người nào có phẩm hàm, đều chiểu nguyên hàm chiểu hạng gia trật. Trong đó, người nào đinh không đủ lệ, mà ruộng vỡ gấp đôi, hoặc ruộng không đủ lệ, mà người mộ gấp đôi, cũng theo đây thưởng trật. Còn những người nhận làm, mộ bao nhiêu người, khẩn được bao nhiêu ruộng do quan sở tại chiểu hạng cấp bằng cho chấp chiểu và tư bộ lưu trữ. Hạn trong 3 năm, người không trốn thiếu, ruộng bắt đầu thu thuế lại phải xét khám, ruộng đã nộp thuế, người đã tuyển lính, đem thực trạng tâu xin bổ thụ thực hàm. Nếu đã được thưởng, sau 2 năm người thiếu, ruộng bỏ hoang, chiểu theo lệ định năm thứ 24 nghị xử nặng hơn. Người nào hễ để ruộng hoang, đinh thiếu chưa đến 1 phần, phạt 60 trượng (lệ trước miễn nghị) ; thiếu 1 phần phạt 70 trượng (lệ trước 60 trượng) ; thiếu 2 phần phạt 80 trượng (lệ trước 70 trượng) ; thiếu 3 phần phạt 90 trượng (lệ trước 80 trượng) ; 4 phần trở lên, phạt 100 trượng (lệ trước 90 trượng), nguyên trước được thưởng miễn dao dịch và thuế thì truy thu lại, nguyên trước thưởng chức hàm, thì cách chức nhưng đều cho gia hạn sung điền, liệu cho khai phục, không đủ tất phải cách bãi. Còn như người nào biết tự bỏ của nhà mộ người khai khẩn các phận núi dọc biên giới, lập thành tỉnh phủ, huyện, quả được nhân dân tụ họp đông làm ăn yên ổn, công to đáng thưởng hậu. Lập được 1 huyện cho làm tri huyện huyện ấy, lại cho con đến cháu 4 đời, kế tiếp làm tri huyện huyện ấy ; lập được 1 phủ, cho làm tri phủ phủ ấy, lại cho con cháu 5 đời kế tiếp làm tri phủ phủ ấy ; lập được 1 tỉnh, cho làm quan tỉnh ấy (tỉnh to làm tổng đốc, tỉnh vừa làm tuần phủ hoặc bố chính), lại cho con đến cháu xa đời kế tiếp làm quan tỉnh ấy, nhưng đều lần lượt giáng dần 1 trật. Người đáng được thưởng hàm trên đây, nếu con vô học, đích thực không thể làm nổi việc, cũng đều chiểu hạng ở nhà nối theo, đều được miễn binh dao và thuế thân, nhưng đợi chọn người sung bổ. Số ruộng mộ người khai khẩn trước, sau khi chết, do quan địa phương chước lượng trích giao cho con cháu người ấy nhận làm ruộng thế nghiệp và thờ cúng để dùng vào đèn hương.

Còn mộ người lập thành tổng, xã, phủ, huyện đều tùy theo địa thế gần tiện, lệ thuộc vào đồ bản, sổ sách, do địa phương coi giữ. Các nha Sơn phòng, Doanh điền sứ các hạt nếu biết khuyên bảo, thực có thành hiệu, đến lúc ấy chiểu theo sự trạng, cùng chiểu lệ này, chờ được khen thưởng. Nếu sau 3 năm, lính thiếu, ruộng bỏ hoang, chiểu nghị định năm thứ 24, chia từng phần gia bậc nghĩ xử. Các hạng người mộ đinh khẩn hoang trên đây nếu sinh sự làm bậy, không theo lẽ công, không theo pháp luật, khi cáo giác ra, chiểu luật trị tội.

Định lại lệ các hạng tù phạm nộp tiền chuộc gấp đôi. (Bộ Hình nghị xin chuẩn cho từ sau, phàm các hạng tù phải trảm, giảo giam hậu và sung quân, lưu, đồ, làm binh, làm nô, trừ ra quan và lại dịch dối trá, tham tang và người thực phạm tội chết, can phạm 10 tội ác, chính hung phạm mưu giết, cố ý giết người, phạm tội gian, phạm tội trộm, nhận tiền cố ý tha tù, trong luật đã chép tha thường không được tha, cùng là lầm lỡ giết người, làm người bị thương, luật có chính điều cùng can tội phải bồi thường chưa xong, và hết thảy tạp phạm, nguyên phải trảm, giảo giam hậu, chưa được 2 kỳ xét trở lên, những khoản ấy không được viện lệ để chuộc. Còn các hạng tù phải trảm, giảo giam hậu và sung quân, lưu, đồ binh, gián hoặc có tội tình hơi nhẹ, thì chiểu theo tội danh thứ bậc, nhẹ, nặng, đều liệu thêm gấp rưỡi, lệ chuộc cũ (như loại lệ cũ đồ 1 năm, nộp 60 hộc thóc, nay thêm gấp rưỡi, nộp 90 hộc, ngoài ra theo thế mà suy). Chuẩn cho nộp tiền chuộc, các hạng nào mỗi hạng bao nhiêu kê sau đây : - Tội đồ 1 năm nộp thóc (lệ cũ nộp 60 hộc) 90 hộc (hoặc gạo thì 90 phương, nếu nộp tiền, thì cứ 3 quan tiền kẽm khấu 1 hộc thóc, cộng 270 quan tiền). - Đồ 1 năm rưỡi, nộp thóc (trước 80 hộc) 120 hộc (hoặc 180 phương gạo, hoặc 360 quan tiền). - Đồ 2 năm, nộp thóc (trước 100 hộc) 150 hộc (hoặc 150 phương gạo, hoặc 450 quan tiền). - Đồ 2 năm rưỡi, nộp thóc (trước 120 hộc) 180 hộc (hoặc 180 phương gạo, hoặc 540 quan tiền). - Đồ 3 năm, nộp thóc (trước 140 hộc) 210 hộc (hoặc 210 phương gạo, hoặc 630 quan tiền). Phàm các tù tội để gián hoặc có người đi làm việc mà tình nguyện nộp tiền chuộc tội thì được liệu khấu trừ hạn đã đi làm việc, như đồ 3 năm, đã đi làm việc nửa năm thì trừ cho 30 hộc thóc, phải nộp 180 hộc, đã làm việc được 1 năm thì trừ 60 hộc, nộp 150 hộc, mỗi nửa năm đều khấu trừ 30 hộc. - Phát làm binh, làm đầy tớ, nộp thóc (trước 160 hộc) 240 hộc (hoặc gạo, hoặc tiền theo trên suy ra, dưới cũng thế). - Tội lưu 2.000 dặm, đổi phát làm đầy tớ, nộp thóc (trước 180 hộc) 270 hộc. - Lưu 2.500 dặm, đổi phát làm đầy tớ, nộp thóc (trước 250 hộc) 330 hộc. - Lưu 3.000 dặm, đổi phát làm đầy tớ, nộp thóc (trước 260 hộc) 390 hộc. - Lưu 2.000 dặm và sung quân ở biên giới phụ cận, nộp thóc (trước 180 hộc) 270 hộc. - Lưu 2.500 dặm và sung quân ở biên giới xa, nộp thóc (trước 220 hộc) 330 hộc. - Lưu 3.000 dặm và sung quân ở biên giới xa, nộp thóc (trước 260 hộc) 390 hộc. - Tội phải chết giản phát làm quân, lưu, binh, nô,

nộp thóc (trước 300 hộc) 450 hộc. - Tội giảo giam hậu hoặc giảo quyết được đổi làm giảo giam hậu, nộp thóc (trước 350 hộc) 525 hộc. - Tội trảm giam hậu hoặc trảm quyết mà được trảm giam hậu, nộp thóc (trước 400 hộc) 600 hộc. Phàm can án nặng nghĩ xử phải đền, nộp chuộc đã xong, lại chiểu lệ thu thẩm giảm làm phát lưu, trách thu tiền mai táng 20 lạng bạc cấp cho nhà người chết. Các hạng cho chuộc trên đây, phàm quan viên văn võ và tản quan phải tội hạng nào, gián hoặc có hơi nhẹ, nếu có người muốn chuộc thì cũng theo như dân thường, trừ khoản nặng (xem ở trên), theo lệ không cho chuộc ra còn thì can tội việc công, đều gia gấp rưỡi (như đồ 1 năm, dân thường nộp thóc 90 hộc, quan và tản quan tăng gấp rưỡi, nộp 135 hộc v.v...) ; can tội việc riêng đều tăng gấp đôi (như đồ 1 năm, dân thường nộp thóc 90 hộc, tăng gấp đôi, nộp 180 hộc, còn các hạng khác cũng theo đấy suy ra). Nhưng chiểu số cho nộp thay bằng tiền, để tỏ có phân biệt. Còn như quan viên và dân thường có ông cha đã chết can án, con cháu người ấy muốn quyên chuộc tội, thì so với chuộc tha hiện tội cho bản thân có khác, chỉ trừ nguyên trước can án thực phạm tội làm giặc ra, còn thì đều cho cứ tội phải chịu ở án trước chiểu theo như lệ dân thường (xem các khoản ở trên), chuẩn cho chuộc thay bằng tiền. Lại như phàm giáo dân can án, theo lệ được nộp chuộc thì cho chiểu tội nguyên phải chịu, cũng theo như dân lương phạm tội, được theo lệ nộp chuộc thay bằng tiền.

Khi ấy, Tôn Thất Thuyết hiện theo Chỉ chuẩn cho đi đến Thái Nguyên, cha tên ấy là Tôn Thất Đính ở ngụ sở dưỡng bệnh. Vua nghĩ Thuyết tài khí đáng khen, nhưng là người hơi thiếu thuần cẩn, muốn cho Đính để khuyến khích Thuyết. Bèn bảo bộ Binh đem sự trạng của Đính tâu lên để xét lại. Sau bộ tư xét tâu trả lời (tâu lại nói : Cứ lời Tôn Thất Đính khai, viên ấy nguyên là Chưởng vệ đổi sung làm Đề đốc quân thứ Hải Dương, nhưng phải giáng 8 cấp lưu. Tự Đức năm thứ 17 mắc các chứng đau bụng, mắt mờ được chuẩn cho về ngụ sở điều trị. Năm nay 64 tuổi, bệnh đau bụng đã khỏi, mắt mờ đỡ được một nửa, về cử chỉ thì sức không bằng trước. Sinh được 4 con trai, con cả là Thuyết, được làm thự Tổng đốc Ninh - Thái, kiêm trông coi việc quân Ninh - Thái, Lạng - Bằng. Con thứ là Đức, lệ đều là tôn sinh ở Giám, con út là Chí còn bé, các lời như thế), nhân đấy, vua phê bảo Đính rằng : Ngươi nguyên là ở Túc vệ chọn bổ, không may chưa báo đáp đã bị bệnh tật, nhưng đẻ con biết dạy như thế, là công đức ngươi có thể không bao giờ hết, ngươi nên thường phải răn dạy con, một lòng công trung, thuần cẩn, hết sức làm việc, không tự làm ra tội lỗi để không phụ nước, không phụ nhà, mới là tốt đẹp, nếu có tài năng mà không cẩn thận, hăng hái mà vô lễ, sợ lụy đến nhà ngươi.

Thưởng công đánh giặc cho dân làng Hướng Hóa (thuộc phủ Hải Ninh, tỉnh Quảng Yên). Trước giặc đất Thanh là Áng Công Sinh (tức là Toàn Thắng), Tô Á Đặng (con của Tô Tứ), Long Đức Tử (tức Khương Long Đức, Khương Đạt Xuyên)

đều là rất kiệt hiệt trong đám đầu sỏ, năm gần đây tụ tập bè lũ làm ngạnh trở đường thủy. Quan quân đã đánh chưa được. Đến nay, dân làng ấy bèn họp ngầm mật mưu đánh giết, lại bắt chém được bè lũ bọn ấy rất nhiều, quan tỉnh cho là nghĩa khái đáng khen, tâu xin chuẩn cho thưởng 50 lạng bạc, đầu mục làng ấy được thưởng tòng cửu phẩm bá hộ, còn viên phủ và quan tỉnh cùng đều được thưởng có thứ bậc. (Lĩnh Tri phủ là Đàm Quang Văn vì phái sức được việc, thưởng gia quân công 1 cấp, chiếc kim tiền ; quan tỉnh là Hồ Trọng Đĩnh, Hoàng Vĩ vì đốc thúc được việc, đều thưởng gia quân công 1 cấp). Đặt nha Sơn phòng ở Quảng Nam. Trước đấy, lĩnh Bố chính Nam Định là Nguyễn Tạo (người tỉnh Quảng Nam) thường nhân tâu việc, tâu kèm xin đi kinh lý phận rừng Quảng Nam, cho là thượng du hạt ấy, một dải tả giang từ đồn Bảo Định đến đồn Phúc Sơn, rừng đồi bỏ hoang thực là rộng tốt. Xin đặt nha Sơn phòng, chọn người giỏi Thổ trước, sung vào nha ấy, cho chuyên coi công việc, rồi trích một cơ hương binh, phân phái đến đóng để khai khẩn. Lại lượng tha tù phạm cho ở đấy khẩn hoang và mộ dân nghèo tha cho dao dịch, theo đi khai khẩn. Và hiểu dụ các người thân hào có vật lực, người nào tình nguyện chiêu mộ điền tốt, tự sắp khí giới, lương thực, đồ làm ruộng, dồn thành đội ngũ, tạm đặt viên quản suất cho theo làm việc, còn đáng được thưởng hay phạt, theo lệ mới mà làm. Đến nay, vua cho là viên ấy cũng là lương thiện mà có tài làm việc, đối với công việc ở Quảng Nam, đã là có lòng kinh lý, chuẩn cho theo nguyên hàm Thị độc Học sĩ, đổi lĩnh Doanh điền sứ Sơn phòng Quảng Nam, để cho thi thố hết tài, theo như lời xin. (Sau viên ấy lại xin đặt thêm phó sứ và chủ sự, tư vụ bát, cửu phẩm, mỗi chức 1 người, vị nhập lưu thư lại 6 người, sẽ do viên ấy chọn người Thổ trước sung bổ. Vua đều y cho).

Cho Hữu tham tri bộ Hộ Trần Văn Tuy kiêm quản viện Đô sát. (Viện Đô sát sau cũng theo lệ như trước, phần nhiều lấy hàm bộ kiêm quản).

Mùa đông, tháng 10, bắt đầu đánh thuế vải và bông. Người buôn nước Thanh xin lĩnh trưng các hạt Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Phú Yên, đồng niên bạc thuế 1.500 lạng. Vua y cho.

Khai mỏ bạc Thạch Lâm (thuộc Cao Bằng). Trước nhân giặc quấy rối, lấp kín, nay Thiên hộ Hà Hoành Hy khai trưng hằng năm bạc thuế 100 lạng (kém trước 270 lạng).

Trước, thự Đốc Bình - Phú là Hoàng Văn Tuyển kết án thông gian, đệ trình (nói : Nguyễn Thị Dư có chồng, sinh được con trai, con gái 6 người, dám tư tình thông gian với Bá hộ Từ Văn Sĩ, sinh được 1 con gái. Họ và làng bắt được giải nộp) nguyên nghĩ xử gian phu bị phạt trượng và tội lưu, gian phụ phát làm đầy tớ. (Đây là theo nghị Tự Đức năm thứ 10, kẻ phạm gian có chồng thì không kể có con hay không con, gian phu phạt 100 trượng, lưu 3.000 dặm, gian phụ bắt làm đầy tớ).

Bộ Hình làm phiếu dâng lên, vua bảo rằng : Nghị ấy đổi lại rất là không phải, không lấy gì làm hậu luân thường, phong hóa, để cho dân dễ phạm cũng không phải là ý ngăn việc hình. Như án này hiện có chồng, nhiều con mà trai gái bèn đến không thẹn không sợ, nên chém ngay để răn, vì hại luân thường quá lắm. Giao cho bộ Hộ tra luật lệ cũ xét xử lại. Được bộ Hình tra lại luật (phàm cùng nhau thông gian phạt 80 trượng, kẻ có chồng phạt 90 trượng) và nghị mới (nghị năm thứ 10 xem ở trên) và nghị chuẩn năm Minh Mệnh thứ 8 (cùng nhau thông gian hay lừa dối thông gian, người có chồng không con, thì gian phu, gian phụ đều phải giảo giam hậu, người có chồng có con thì đều xử thắt cổ ngay. Lại một khoản : Quan chức mà thông gian vợ của quân, dân, vì người sang thông gian với kẻ hèn, thì gian phu xử giảo ngay, gian phụ xử giảo giam hậu) đều có điều luật, vậy Từ Văn Sĩ xin đổi xử giảo ngay, Nguyễn Thị Dư đổi xử giảo giam hậu. (Đây là chiểu lệ năm Minh Mệnh).

Vua lại phê bảo rằng : Phàm thông gian là con gái bằng lòng trước, cho nên con trai mới được thỏa chí, nếu con gái cố ý chống cự, thì dù kẻ cường bạo cũng không thể ô nhục được, tội ở con gái nhiều hơn, con trai mà vô sỉ cũng không phải là con trai. Huống chi bọn ấy không phải là sang lắm, nên đều xử giảo ngay, nhưng lệ ấy đã đổi, chưa nghị lại, nên do đình thần nghị định tiện biên vào luật lệ làm lần này để tiện noi theo và thông sức để theo đấy mà làm. (Lần này làm luật lệ, rồi cũng giữa chừng lại thôi, đã chua ở trên). Đến nay đình thần theo lời phê, hội đồng xét tra luật lệ phạm gian gồm 34 điều, châm chước định khoản nào theo luật, khoản nào theo lệ, lần lượt kê ra tâu lên chờ Chỉ quyết định. Trong đó có 21 điều theo nghị Minh Mệnh năm thứ 8 ; 2 điều theo nghị Tự Đức năm thứ 10. (Trong đó có một câu "cha nuôi bắt ức con gái nuôi không chồng thông gian với người", Tự Đức năm thứ 10, nghị phạt 100 trượng, gian phu phạt 80 trượng, được vua phê : Trích lấy nghị Minh Mệnh năm thứ 8 bổ thêm vào (phạt 60 trượng, đồ 1 năm, gian phu phạt 100 trượng). Còn thì đều theo luật lệ cũ mà làm. Vua y cho.

Định lại lệ thuê cấp người chuyển lương ở tỉnh Hưng Hóa, Tuyên Quang. (- Phu đài tải đường dài, trừ chuyển lần lượt và đến ngay tỉnh Hưng, mỗi tên tiền 20 đồng, tỉnh Tuyên, mỗi tên 40 đồng, gạo đều 1 bát ; còn chuyển đường dài tính được 6 ngày đến 15 ngày, cứ 5 ngày đều cấp thêm 20 đồng. - Thuyền nan tre đều dồn thành đoàn, mỗi chiếc 2 tên thủy thủ, chuyển vận dọc dài, mỗi ngày cấp cho tiền 20 đồng, gạo 1 bát. Đầu mục cấp thêm 10 đồng. Chiếc nào chở nổi từ 15 phương đến 20 phương cấp thêm người cầm lái và thủy thủ 3 người. Chiếc thuyền lấy được và thuyền độc mộc thu mua, có phải bắt người lái và thủy thủ, thì mỗi chiếc người lái cấp tiền 40 đồng, gạo 1 bát, thủy thủ ngồi theo thuyền mỗi tên mỗi ngày cấp cho tiền 20 đồng, gạo 1 bát ; - Chuyển bằng đường thủy, tỉnh Hưng từ

Quán Ty đến Trấn Hà, Bảo Thắng, tỉnh Tuyên từ tỉnh đến Linh Hồ, đều mất 40 ngày đường, cứ 100 phương gạo, 2.000 quan tiền, hằng ngày cấp cho tiền công 2 quan 4 tiền). Trước đấy đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc tiến đánh Bắc Pha, bắt phu vận tải nhọc mệt, cho nên sai cấp thêm để xứng với việc.

Ruộng tịch điền được mùa. Vua làm thơ ghi sự mừng ấy.

Nêu thưởng nghĩa dân hai tổng ở Quảng Yên (tổng Hà Nam 6 xã : Phong Lưu, Hưng Học, Hải Yến, Vị Dương, Quỳnh Biểu, Lưu Khê ; tổng Hà Bắc 4 xã : Yên Hưng, Yên Trì, Quỳnh Lâu, La Khê). Trước kia 4 tỉnh bị mất, thuyền giặc biển kéo vào giao chiến ở sông Bạch Đằng, sông Chanh quanh tỉnh (xem năm thứ 26), thân hào, tổng lý 2 tổng ấy một lòng đánh giữ, giặc không tràn lan được, dân xã cũng không một người theo giặc, cho nên nêu thưởng. (Mỗi xã đều cho 1 biển có khắc chữ "Nghĩa dân", thân hào, tổng lý đều được thưởng chức hàm, ngân tiền có thứ bậc).

Thượng thư bộ Hình là Trần Bình, tâu bày công việc đê điều (đại khái nói : Đời xưa trị thủy, ông Cổn ngăn lại thì không thành, vua Vũ cho thuận dòng chảy đi thì được thành công, bậc đại trí làm ở lúc không có việc như thế. Nước ta ở Bắc Kỳ, bên tả thì sông Nguyệt Đức, Chiêm Đức ; bên hữu thì sông Hát, đều hút nước sông Nhĩ Hà. Trong đó, sông Chiêm Đức, Nguyệt Đức phát nguyên ở Thái Nguyên, Lạng Sơn chảy vào sông Lục Đầu, sông nhỏ thế nước yếu, khoảng giữa sông Nhĩ Hà hợp với các sông : Thao, Đà, Trôi, Lô, Đáy chảy thẳng xuống Nam Định ra biển, nước to, thế nước xói nhưng nguồn tiếp nông, tới biển gần, không ví như sông Hoàng Hà ở Bắc Quốc. Đời trước lòng sông còn sâu, đê điều đắp qua, tự ngăn được lụt. Về sau, đê công, quai riêng đoạn ấy, đoạn khác ngăn lấp, nước mới không yên, bỗng có vỡ lở, lại phải đắp đê mới khác (đắp quanh vào ruộng có khi đến 1.000 - 2.000 trượng), đê đắp vòng quanh, nước cũng chảy vòng quanh, bùn cát ứ đọng, để cho lòng sông ngày càng nông, cho nên thế nước hằng năm tăng lên, không may mà vỡ lở, nhà dân, đình chùa đều ngập mất cả, rất tốn của sức công, tư không tranh được với nước. Dân ở ngoài đê, thì không dự phần đê, ở nơi đất bãi tốt và cao, trồng cấy hoa lợi, lúa ruộng tốt tươi, theo nước lụt lên xuống, cũng như dân ven sông ở Kinh mà thôi. Xem hiện tình ấy, có thể thấy : Đắp thì hại, mà bỏ thì lợi ; huống chi nay nước chảy phần nhiều không phải dòng cũ, càng nên nhân thế đê cho thuận. Hỏi ra thì cửa biển Nam Định, cát bồi cửa biển nông, các dòng sông bên trong không được chảy nhanh. Nay nếu nghĩ định là phải thôi đắp đê, nên theo chỗ thấp làm việc phàm các sông ngòi gần cửa biển đều cho khai vét cốt cho rộng sâu. Còn các tỉnh có đê, trước hết đem đê bối công tư phía dưới thuận dòng nước, theo từng đoạn khai thông, không phải tốn sức làm cả. Phía trên hãy theo như cũ chống đắp để giữ nước xói. Đến mùa hạ nước lớn, thì dòng nước đã thuận, chảy ra biển tất chóng. Nếu phía trên có vỡ đê thì nước tràn vào có chỗ tiêu ra, không đến nỗi ngâm

lâu hại lớn. Các chỗ khai thông, gián hoặc có ruộng sâu hơn sông, thì bỏ cấy, đổi hạng, thế không thể không được, nhưng cũng không có mấy. Huống chi chỗ bị nước đọng tuy tạm bỏ, nhưng đất sông bồi, có thể ở và cày cấy. Lấy chỗ này đổi chỗ kia, công tư cũng không thiệt lắm, đợi sau 1 - 2 năm, lòng người quen đi, đê bỏ dần, có thể đem đến công hiệu tự nhiên. Hoặc có người lo bỏ đê, sợ các tỉnh hạ du chiếm, mùa không có lúa, thì xem như năm thứ 24 đều có vỡ đê, có bỏ hết đâu ? Năm trước đình nghị dâng tập tâu nói : Bạt đê đi thì 6 tỉnh là chằm chứa nước, sợ chưa hẳn thế chỉ là lòng người sợ hãi về việc làm đột nhiên, quen với hiểu biết cũ, một phen kinh lý rất là khó khăn trọng đại, phải có một quan đại thần tài giỏi am hiểu quyết đoán thân đến xét lại, cứ thực làm tập tâu xin, hội cùng sở tại, hết lòng hết sức làm việc, mới có thể thành công, nếu chỉ ức đoán, bàn suông, rốt cục không xong được). Vua cho là lời nói rõ hết, sai bộ Công sao lục giao cho các tỉnh có đê xét hỏi quả có thể làm được không, tâu thực chờ Chỉ quyết định. Sau quan 4 tỉnh Hải Dương, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên cùng làm tập tâu nói : Nguyên xin bỏ đê nhưng hãy chống đắp như cũ để ngăn nước xói, đương lúc của ít sức hết này, thế không thể không làm như thế, nghĩ nên ở chỗ đê vỡ (trên từ xã Công Luận, huyện Văn Giang, dưới đến xã Hương Trù huyện Đông An dài trên 3.800 trượng, trước hết đắp đường quai, để giữ lúa chiêm, nước lụt mùa thu cho tràn qua. Lại giao đình thần xét, đình thần cho là đắp đường quai quá dài cũng bị nước mạnh chảy xói vào, sau này chưa chắc giữ vững. Nay xin đem chỗ vỡ đê cũ trước (từ xã Phi Liệt tỉnh Bắc Ninh đến xã Nhạn Tháp tỉnh Hưng Yên) tìm cách lấp kín chỉ dài 70 - 80 trượng. Dọc đê phía ngoài (dài hơn 600 trượng) lại thêm sọt tre đựng đất, hoặc lấy đá núi đắp ấp vào, ngoài cắm cừ gỗ để giữ chân đê, và làm mỏ kè để giữ nước xói bên ngoài thì công trình xem ra cũng đỡ và tiện.

Vua bảo rằng : Đình thần đã bày kế trị thủy rất nhiều cũng hợp thời nghi. Chuẩn cho theo thế mà làm, để xem công hiệu tốt.

Thị độc gia hàm Hồng lô Tự khanh sung quản lý Thương chính Hải Dương kiêm làm việc phòng giữ bờ biển là Nguyễn Hữu Độ từ Hải Dương về (nơi ngụ ở Kinh thăm nhà thăm mộ) vào chầu.

Vua nghĩ Hữu Độ ở ngoài đã lâu, nhân hỏi đến công việc ở Bắc Kỳ. Hữu Độ tâu nói : Ở Bắc Kỳ có 3 việc rất khó : một là đê chính, hai là lưu dân, ba là thương chính (đại khái nói rằng : Từ sau khi các tỉnh bị binh hỏa đến nay, đời sống của dân thiếu thốn, 10 nhà thì 9 nhà không có gì, mà Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên là quá lắm. Bốn năm năm nay vỡ đê Văn Giang, dân phần nhiều phải lưu đãng, đã nhiều lần cứu giúp hơi được tỉnh nghỉ, nhưng việc đê rất khó, công trình phí tổn rất nhiều, một phen xếp đặt, quan hệ đến lợi hại muôn đời, xin đến tận nơi khám rõ, bàn với quan tỉnh làm tập tâu đệ lên sau. Lưu dân ở Hải - Yên là giặc trốn của nước

Thanh tụ tập, kiêu ngạo hung ác, tính khó tập quen, từ trước đến nay hư phí tiền lương vẫn khó xong việc. Xin do quan tỉnh ấy gia tâm hiểu bảo, cho chúng về nước, hoặc chọn nơi cho ở, nếu chúng ngu bướng không nghe, đem việc ấy tư ngay cho Tổng đốc Lưỡng Quảng biết để xét xử. Nếu một mực hồi hộ, xin mật đem tình thế lợi hại bàn với phái viên nước Pháp ở Hải Phòng đem tàu thủy cùng với binh thuyền của ta đánh rất mạnh, tưởng cũng là một cách khu xử lưu dân. Việc thương chính, buổi đầu cũng là việc khó, thần thấy phái viên nước Pháp ở đây chi dùng đã nhiều, lại thêm làm kho tạm, đắp đất ở, công trình phí tổn không biết bao nhiêu mà kể. Hiện nay việc buôn tuy thi hành thuế buôn chưa được dồi dào, việc làm như thế, chắc hẳn có thâm ý gì khác. Họ thường đến nói với thần mở đường buôn bán ngược lên các tỉnh thượng du, suốt đến Vân Nam, để thông đường lợi. Thần thường từ chối là đường nghẽn, họ tuy tạm hoãn, nhưng lòng cầu mong tưởng không chịu bỏ. Vả lại ở thượng du lợi hại còn chưa thể biết, mà họ vội đến đấy thì đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc ở đấy, không khỏi một phen sinh việc. Xin chuẩn cho quan tỉnh Sơn Tây châm chước làm việc, ngõ hầu giữ được không ngại. Lại nói phái viên nước Pháp có nói : Các mỏ ở thượng du, há chẳng nhiều lợi, sao không khai lấy để chi dùng việc nước, thì ngay khai mỏ việc tất phải làm. Nếu cố chấp từ chối, đến lúc ấy, thế khó ngăn được. Xin tạm thời phái nhiều viên có tài cùng với họ chia đi coi làm, cốt để ta nắm được quyền lợi, mà họ không dám khinh thường bừa bãi, tưởng là được cả hai việc). Trong khi ấy vừa trình bày các việc phải làm. Vua khen và nhận, chuẩn cho thăng thự Hồng lô Tự khanh, Biện lý bộ Lại, sung làm cả công việc nha Thương bạc.

Chuẩn cho dời trường thi đến bên tả chùa Linh Mụ. (Vì trước làm ở trong thành, chỗ ấy thấp, hẹp, sĩ tử tụ họp rất nhiều không tiện, bèn sai dời đi).

Vua cho là biên giới Bắc Kỳ chưa yên, quan nước Thanh muốn rút, bắt ngay Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết dẹp yên giặc còn lại, cùng với quan nước Thanh nghĩ định công việc xếp đặt về sau và kinh lý việc ở biên giới (chọn người khai mỏ để chiếm quyền lợi, đường buôn, các chỗ trọng yếu liệu đặt phòng thủ, chọn nơi yên lành cho đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc ở).

Bảo các quan đem hết lòng thành tâu ngay trước mặt, đại khái nói : Đặt ra triều tham tấu, là để thỏa chí tình làm mọi việc, không phải chiểu lệ đặt hão, thế mà từ trước đến giờ, coi triều, các nha chỉ đem một vài việc nhỏ tâu qua, có việc phải bàn quyết định thì không đem tâu, ấn quan không có ý kiến tâu ngay trước mặt, gián hoặc có ai hỏi mưu, cũng xin lui về bàn, có trái với nghĩa không ẩn giấu, thế mà muốn trên dưới thông tình, việc đều thỏa đáng thì có được không ? Từ nay về sau, văn, võ ấn quan chầu hầu, trừ phải đem chính sự châm chước được tâu ngay trước mặt, chớ theo thói hủ, còn thì ngày nào ít việc, không cứ người nào có kiến văn

nghĩ ngợi có thể hưng lợi, bỏ hại, cũng cho hết lòng thành thực tâu bày. Phàm có hỏi đến, đều nên tâu rõ, chớ giấu, chớ hiềm là trái vượt, để bỏ thói a dua.

Tàu nước Pháp đến phận sông Sơn Tây đo nước.

Đặt nha Kinh lý Sơn phòng tỉnh Quảng Trị. (Văn, võ chánh, phó sứ mỗi chức 1 người) lấy 2 huyện Thành Hóa, Hương Hóa lệ thuộc vào, theo lời xin của Nguyễn Văn Tường. (Tường cho là đồn Trấn Lao huyện Thành Hoá, giáp giới với Long Giang, đất tốt lợi nhiều, có thế khống chế. Trước vâng lệnh kinh lý nhưng không chuyên trách, sau không thành công. Xin châm chước công việc sơn phòng ở Sơn Tây ; đặt sơn phòng để được thực tế).

Các quân thứ ở Tam Tuyên, Ninh - Thái nhiều người vì lam sơn chướng khí nhiễm bệnh (quân quan bị ốm đến trên 1.600 người).

Vua nghe tin mà thương, nhưng vì ở Kinh xa cách, sai nơi ở gần Hà Nội, Nam Định đối chứng chế nhiều thuốc viên đem cấp để điều trị.

Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết tâu : Quân lính ở quân thứ Thái Nguyên mắc bệnh quá nửa, xin điệu quân ở Nghệ An (600), Hà Tĩnh (300), Nam Định (400), Hà Nội (300) đổi phái.

Vua cho là Nghệ An, Hà Tĩnh chưa tiện lấy, nhưng sai 2 tỉnh Nam Định, Hà Nội chọn phái đi (Nam Định - 500, Hà Nội - 400). Nhân bảo Thuyết rằng : Buổi đầu mới yên, đặc biệt châm chước theo như lời xin, để giúp việc phòng giữ vỗ yên, nhưng việc ấy đâu có thể lâu được, ngươi phải cùng với thống đốc trù hoạch khéo thế nào, để không phiền đến quân ở xa, mà được yên mãi, mới xứng sự uỷ thác. Kể thì việc quân bất đắc dĩ mới dùng, huống chi ở khu lam chướng.

Mùa thu năm ấy, Sơn Tây được mùa to. Các địa phương khác ruộng lúa gián hoặc có thiệt hại, thì thuế lệ đều chiểu các hạng tha giảm có thứ bậc.

Tháng 11, dụ lại đình thần buổi sớm ngày chẵn, đều tập hợp ở Tả vu bàn việc, định làm lệ mãi. (Phàm có vắng thiếu, thì ngôn quan đem ra hặc tâu, nếu bị người khác hặc tâu trước, ngôn quan cũng phải tội cũng như thế). Lại sai Nội các hằng ngày đều đến làm việc xong, mới lui. Người túc trực vẫn túc trực.

Cho Thượng thư bộ Công Hoàng Văn Tuyển sung làm Cơ mật viện đại thần kiêm coi Quốc tử giám.

Quyền sung Tán tương ở quân thứ Tĩnh man Hoàng Thâm, Lãnh binh Phan Văn Cựu vì gièm pha nhau phải giải chức. (Thâm vạch Cựu 4 khoản, Cựu vạch Thâm 11 khoản). Phái Khoa đạo Trần Đình Liêm đến Quảng Ngãi cùng với tỉnh thần cùng xét. Sau án dâng lên, vua chuẩn cho Thâm phải phạt 100 trượng, lưu 3.000 dặm (vì khoản nặng tư gian với tù làm đầy tớ), Cựu, giáng 1 cấp đổi đi (vì hặc Thâm, hoặc có vu tội nhẹ làm tội nặng).

Tàu của phái viên nước Pháp hiện đậu ở Hà Nội đi thẳng đến thượng du vẽ lấy đồ bản, đến núi Kim Bôi (gọi là Chợ Bến) đào tìm chất vàng, đến tỉnh nói là đào lấy được vàng, quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua cho là quan tỉnh ấy không biết răn bảo trước để có việc đi ấy rất là trái ngược, sai quở mắng. Lại sai từ sau phái viên ấy có xin đi nữa, phải bàn khéo ngăn lại.

Gửi thư cho Tuần phủ Quảng Tây. Khi ấy quân nước Thanh sắp rút, mà Thái Nguyên, Tuyên Quang còn nhiều giặc trốn không hết mầm gian, sợ để việc khó về sau. Cho nên đưa thư cho Tuần phủ họ Lưu yêu cầu để quân các dinh lại để giúp quan quân ta dẹp xong, để tính việc hay về sau. (Tuần phủ họ Lưu sau trả lời vì đã được Dụ của vua Thanh phải rút quân về cửa quan. Vua sai lại viết thư yêu cầu để Triệu Ốc ở lại vài tháng cho xong việc. Sau rồi Thống lĩnh họ Lưu rút quân về cửa quan, đạo đài họ Triệu vẫn ở lại giúp việc đánh dẹp).

Bắt đầu đánh thuế dầu hồi ở Lạng Sơn. (Quan tỉnh Lạng Sơn là Lương Quy Chính nói : Thuộc hạt tiếp giáp các huyện châu Thượng Thạch, Bằng Tường địa phận nước Thanh, nguyên trước dân hạt ấy bắt chước giông đại hồi làm dầu bán cho nước Thanh được lợi rất to chưa có lệ thuế, nên đánh thuế sản vật hồi xuất : 1 năm nở hoa, 1 năm kết quả, hoặc cách 1 năm mới nở hoa kết quả. Đánh thuế nghị định 3 năm làm 1 hạn, xin cho người buôn nước Thanh lĩnh trưng, tiền thuế 3 năm là 4.000 quan. Vua y theo).

Quan tỉnh Thái Nguyên tâu : Thượng du hạt ấy, 5 huyện giặc quấy rối (Bạch Thông, Cảm Hoá, Định Châu, Văn Lãng, Võ Nhai) xin tha thuế lệ, các huyện ở hạ du (Tư Nông, Phổ Yên, Động Hỷ, Đại Từ, Phú Lương) dân hạt ấy hoặc có bị giặc bỏ cấy, xin tha cho thuế ruộng. Vua y cho).

Vua cho là chức Khoa đạo là do chọn bổ, không ví như lệ thuộc viên, sai : Từ sau phàm vì việc phải cáo về, đều do quản viện làm tờ tâu. Lại đổi Lục sự viện Đô sát làm Tư vụ.

Cấp thêm cho Biện lý bộ Lại sung Tham biện Thương bạc Nguyễn Hữu Độ 200 quan tiền. Khi ấy Nguyễn Văn Tường tâu nói : Thần sung làm việc ở viện bạc, ngoài số lương thường, hằng năm được thêm tiền bổng 600 quan (viện thêm được 300, thương bạc thêm 300), Hữu Độ chưa dự hàng đại thần nhưng việc công cùng giúp đỡ lẫn nhau, đều có san sẻ khó nhọc. Thần xin vâng lĩnh tiền viện 300 quan, còn tiền bổng 300 quan thương bạc thêm cho, xin chờ Chỉ chuẩn cho chia cấp cho Tham biện Hữu Độ.

Vua không nghe, cấp thêm cho Độ hằng năm 200 quan.

Định lại đạo phần hoàng phong tặng, truy tặng đều dùng ấn bộ. (Trước dùng ấn vàng, đến nay đổi dùng ấn 2 bộ Lại, Binh, văn do bộ Lại, võ do bộ Binh).

Tha các thuế để thiếu về năm thứ 26 cho Hà Nội. (Vì cớ có công việc và bị tai hại).

Đúc ống khói tàu Mẫn Thoả đã xong (58 ống), thưởng cho sở Đốc công, cục Thợ đúc được thăng trật có bậc. (Thợ ta mới tập đúc, cho nên thưởng hậu để khuyến khích).

Sai Tham biện Thương bạc Nguyễn Hữu Độ đến Gia Định thăm tiễn tướng nước Pháp Du-bi-lê sắp về nước).

Truy tặng quan quân đi bắt giặc bị chết trận năm trước (từ năm thứ 22 trở về sau), là bọn Phan Văn Việt (Phó quản cơ tặng Tinh binh Vệ úy) 29 người.

Định lại lệ xét xử chủ thủ ăn bớt. (Từ sau, phàm chủ thủ, chiểu luật giám thủ tự ăn trộm xét xử. Ở trong thì giám lâm, ở ngoài thì phủ doãn, bố chính, quản đạo, phủ huyện có kho riêng, và tuần phủ kiêm bố chính, trước khi việc phát giác mà thu đủ thì giáng 2 cấp, lưu. Không biết phát giác, sổ thu không đủ, chiểu tội chủ thủ giảm 2 bậc, xử theo tội việc riêng. Nếu đến cuối khóa, mới trích thu cho đủ, chiểu luật thất sát, xử theo tội việc công, phải giáng 4 cấp, đổi đi. Thu không đủ, kém tội chủ thủ 3 bậc (như chủ thủ xử tử, thì xử đồ 2 năm). Còn số tang vật thiếu, không cứ phát giác trước hay không phát giác và cuối khóa phát giác, trừ số tang trong sổ hiện thu được bao nhiêu, còn thiếu bao nhiêu chia làm 10 phần. Các viên giám lâm và phủ doãn, bố chính, quản đạo, phủ huyện có kho riêng khác và tuần phủ kiêm bố chính, đều chia nhau bồi 3 phần, còn thì cứ chủ thủ giảm thu cho đủ số. Các án ăn bớt, thu đủ hay không đủ, đốc phủ và án sát, phủ thừa, phó quản đạo đều có dự bàn, lại giảm đi 1 bậc. – (Tuần phủ kiêm bố chính không giảm. Như bố chính, phủ doãn, quản đạo, theo tội công, giáng 4 cấp đổi đi, thì giáng 3 cấp lưu ; theo tội tư xử đồ 3 năm, thì xử đồ 2 năm rưỡi), người không có dự bàn thì miễn nghị, còn người có dự làm thì phải tội cũng như phủ doãn, bố chính, quản đạo, phủ huyện có kho riêng và tuần phủ kiêm bố chính. Các khoản xét nghĩ trên đây, trừ trong một khóa, các viên giám lâm, phủ [Thừa Thiên], tỉnh, đạo, phủ, huyện tại chức làm việc từ trước đến sau, thì phải chiểu lệ trước xét xử, còn thì tại chức, gián hoặc có lâu chóng không đều, thì phải cứ chủ thủ ấy khai ra, bọn ấy bớt xén vào năm tháng nào, bao nhiêu tra rõ thuộc viên giám lâm, phủ, đạo, huyện ấy tại chức về phần năm tháng nào bao nhiêu, tùy năm, tháng lâu chóng, số tang nhiều ít, chước nghĩ cho thích đáng. Thanh tra trong ngoài, theo làm việc không biết phát giác việc gian xử tội kém chủ thủ 1 bậc, đồng lý kém tùy biện 3 bậc, như tùy biện tội lưu, thì xử tội đồ 2 năm, nếu xét ra số tang nhiều, thì xử theo số tang. Kẻ gian lại, án nào mỗi phần số bồi 1.500 quan trở xuống, thì không phải xử khác, như chia nhau bồi mỗi người đến 2.000 quan trở lên (mỗi kho tàng, chủ thủ chỉ có 3 - 4 người), cho hạn 3 năm thu đủ (lệ trước 5 năm), chiểu theo án trước đều giảm 1 bậc. Nếu bồi được 5 phần trở lên, y án, lại hạn cho

1 năm giảm thu. Hết hạn còn thiếu cả và thiếu đến 8 phần trở lên, thực là cố ý để lại, nếu giảm thu lâu, của kho vẫn không thu được, phải đều xử chém ngay để tỏ khuyên răn, tang số tha không đòi).

Đặt nha Sơn phòng tỉnh Hà Nội. Trước kia (tháng 7 năm ngoái) nguyên Đốc phủ tỉnh ấy, bọn Trần Bình, Phạm Thận Duật cho là phận rừng 3 phủ, huyện Ứng Hòa, Hoài Yên, Chương Đức thuộc hạt ấy, địa thế rộng rãi, trông nom không thể khắp, bỏ hoang rất nhiều, phải đi kinh lý, tâu xin đặt nha Sơn phòng do viên Tuần phủ tỉnh ấy kiêm làm việc, lại đem 600 điền tốt do Dương Khuê (viên ấy trước vì có việc phải giáng, theo Kinh lược Nguyễn Chính sai phái làm việc, đến khi Nguyễn Chính trù tính làm chưa xong đổi đi nơi khác, lại ủy cho ở lại làm việc) mộ trước, dồn làm 2 cơ chia đi đóng đồn khẩn hoang ; còn Bang biện ở tỉnh vụ là Nguyễn Vĩ cũng tình nguyện mộ thêm cùng làm.

Vua cho việc ấy là ở đất hoang, kiêm cả sơn phòng, chuẩn cho làm thử, còn việc phòng giữ khẩn hoang chuyên do Dương Khuê, Nguyễn Vĩ trông coi làm việc, quan tỉnh thường trông coi thêm, mong cho được việc ổn thỏa, đợi sau 3 tháng xét kỹ tình thế, quả thành hiệu hay không, lại phải lần lượt tâu lên, có nên đặt nha Sơn phòng cấp cho ấn quan phòng, sẽ chuẩn cho làm sau. Đến nay Đốc phủ mới là bọn Trần Đình Túc, Trần Hy Tăng xét khám hiện tình dâng tập tâu, cho là chốn ấy đất đá lẫn lộn, khai khẩn rất khó (hiện được ước 100 mẫu, chỉ có thể thành đất, không thể thành ruộng), nhưng đường rừng nhiều ngả, phòng bị rất là quan yếu. Hiện nay, Sơn Tây, Thanh Hóa tiếp giáp hạt ấy đã đặt Sơn phòng, thì hạt ấy cũng không nên không phòng bị. Bèn chuẩn y cho làm, cho xong việc mưu tính ấy mà việc phòng giữ nghiêm ngặt. Nhưng bảo về phàm làm việc, cốt phải thành hiệu, 3 năm tâu bày công trạng làm việc, nếu bổ ích ít, thì có làm gì. (Sau khai khẩn không thành hiệu, nên bãi đi, rồi đổi đặt làm đạo Mỹ Đức).

Miễn thu thuế chở bạc vào cửa biển cho người buôn nước Thanh (thuộc Thừa Thiên). (Thuyền ấy đến Thanh Hóa, Nghệ An, nhận chở các thứ chum đất, ván gỗ vàng tâm, về đến phận biển Quảng Bình, nồi lớn bị hở thủng, đã vá chữa được, về đến phận biển Thai Dương, nồi lớn phá vỡ, thân thuyền vỡ sạch. Quản đốc bọn Hồ Văn Long 36 người chết đuối).

Chuẩn cho con cháu các đại thần quá cố được tập ấm 10 người (con Đông các Vũ Xuân Cẩn là Vũ Xuân Đạm, cháu trưởng của Văn Minh Đặng Văn Hòa là Đặng Hữu Chuẩn, con Hiệp biện Phan Khắc Thận là Phan Khắc Khải, con Tổng đốc Thân Văn Nhiếp là Thân Trọng Chữ, con Tổng đốc Bùi Tuấn là Bùi Tập, cháu Hiệp biện Ngụy Khắc Tuần là Ngụy Khắc Kiều, con Thượng thư Trần Văn Trung là Trần Văn Nghiệp, con Tổng đốc Nguyễn Văn Phong là Nguyễn Hữu Nghi, con

Hiệp biện Nguyễn Trung Mậu là Nguyễn Tư Hội, con Văn Minh Hà Duy Phiên là Hà Duy Phương. Bọn ấy, cha hoặc anh đã được tập ấm, nay lại cho nữa). Đấy là ơn riêng.

Sai đem 7 cơ thổ binh đặt trước ở các huyện thượng du tỉnh Thanh Hóa thuộc nha Sơn phòng làm đồn điền khẩn hoang.

Trước, quan Thương bạc tiếp được thư của người Ý Đại Lợi nói việc thông thương ở Địa Trung Hải, đã hỏi sứ nước Pháp, nói người ấy là người làm thuê, không biết lai lịch. Lại tiếp thư của người làm thuê ở tàu của Đồ Phổ Nghĩa tên là Ba-răng xin coi việc ở tàu, đã nghĩ định cho hỏi viên sứ ấy chịu kết nhận thì thuê làm. Sai hỏi thì sứ ấy nói chúng là bọn cừu thù, tưởng không nên thuê. Quan Thương bạc tâu nói : Cứ sứ ấy trình bày thì 2 người ấy không nên gọi thuê, thư của bọn ấy cũng không trả lời.

Vua nghe theo, nhân phê bảo rằng : Nước ta giao tiếp, hiểu biết rất hẹp, nên bị họ hạn chế, họ cũng chẳng muốn người đến, hình như người các nước cũng muốn đến mà bị họ ngăn lại mà thôi, hoặc nên chúng đã đến, nếu thân thấy hỏi xét thực là dùng được, cũng nên gọi đến dần, may ra có ích. Nếu nhất khái cự tuyệt, cô lậu nào bằng, nhưng bọn chúng hoạnh nhiều, tất phải tiến thoái không ngại mới được, nên phải nghĩ kỹ.

Năm ấy, từ mùa thu đến mùa đông, các tỉnh (Phú Yên, Bình Thuận, Hà Nội, Ninh Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hưng Hóa, Hải Dương, Nam Định, Sơn Tây, Tuyên Quang, Thái Nguyên) hoặc bị nhiễm dịch lệ nhiều, mà Khánh Hòa là quá lắm. Vua nhiều lần giáng Dụ sai cứu chữa.

Tháng 12, thưởng cho quan sống lâu là Vũ Phẩm (người tỉnh Bình Định làm quan Vệ úy, thọ 83 tuổi), bạc 15 lạng, sa 2 tấm.

Khi ấy bộ Lễ làm tờ tâu : Số học trò thi đỗ ở các tỉnh, đạo năm ngoái, tỉnh ở biên giới người dự đỗ ít hoặc không người. (Thái Nguyên, Quảng Yên, Bình Thuận đỗ ít ; Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang đều không người nào).

Vua đặc cách giáng Dụ rằng : Thanh giáo của bậc vương giả đến cả bốn biển là nhờ ở người giữ việc dạy ở dưới biết theo sự trôi đi mà tuyên giáo hóa. Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, thường lấy giáo hóa làm việc đầu, mà đối với người Nùng, Man, các huyện, châu thì tổng giáo cũng chuẩn cho liệu đặt, dân mới cũng chuẩn cho đi thi, tỏ giáo hóa dạy dỗ dân, vốn không chia rẽ, thế mà sao hiệu quả ít ỏi như vậy. Vả lại phong khí ngày một mở mang, văn hóa loài người ngày một rõ rệt, đó là lẽ tất nhiên. Nay các thổ dân Nùng, Mán lệ thuộc đồ bản, sổ sách đã lâu, mà văn tự lễ phép không giống người Kinh, há phải tà khí mà không thể dạy được chăng ? Hay quan địa phương coi là ngoài vòng giáo hóa mà không để ý chăng ? Xưa Văn Ông[1]

(1) *Văn Ông* : người đời Hán cai trị quận Thục, thích giáo hóa mở học hiệu.

đem văn học trị nước Thục, dân trong quận đều cảm hóa. Kể thì lòng người không cứ xưa nay, nếu khuyên bảo có phép thì dần nên thói hay. Lại biết đâu loài có vẩy, có mai không thể mũ áo, người cầm cung kiếm không thể đàn hát được ư ? Nên sai các tỉnh, đạo, đều phải tuyên khắp giáo hóa thịnh trị, hoặc khuyên dân chăm học, hoặc chọn người làm người dạy, hoặc sai mời thầy dạy riêng, hoặc sai đến tận nơi giảng tập, làm thế nào cho phong hóa của dân ngày một tiến, để thành phúc tốt cùng đạo, cùng phong tục. Đấy là điều rất mong của trẫm.

Xét chiến công 2 xứ Phù Long, Đám Dài ở Quảng Yên. Trước đây, giặc lêu lổng chiếm giữ chỗ hiểm ở nơi ấy, bọn Lãnh binh Hoàng Đình Thượng, mật đem quân thủy lục cùng đánh dẹp yên được. Đến nay xét công ấy (trông coi việc đánh, thúc đánh, đều cho thăng thụ, khai phục. Còn thì dư thưởng đội trưởng, bá hộ, tất cả 36 người).

Cho người con hiếu ở Khánh Hòa là Lê Minh Thuyết (nguyên phu trạm xã Mỹ Thịnh) 10 lạng bạc. (Thuyết thờ cha trước sau trọn đạo hiếu, hơn khác người thường, chiểu hạng thứ thưởng cho).

Bộ Binh xin đem các điều nhiều lần các quan tâu bày về tệ binh, sao lục bảo cho các địa phương. (Nguyên Án sát Bắc Ninh Hoàng Diệu tâu nói : Giản binh ở Bắc Ninh phần nhiều không thành cơ, đội. Xin liệu dồn mỗi cơ cốt đủ 300 - 400, chọn để quản suất, cho đủ người, còn thì cho về chờ bổ, để bớt những quân. Lại nói ở Bắc Ninh, quân phần nhiều hư mạo, xin sắc cho quan tổng đốc xét tâu lên. Tổng đốc Hải - Yên Lê Hữu Thường tâu nói : Binh lính ở Bắc Kỳ từ trước đến nay dân xã bị lập lệ khoán riêng hoặc 3 năm, hoặc 5 - 6 năm mãn khóa thì về, nên nhiều người nhát, yếu. Xin cho phủ, huyện cấm hẳn. Nhưng định lấy 15 năm làm hạn. Trong đó người nào mãn hạn xin ở lại, xét ra trước không trốn tránh và am hiểu võ nghệ, lượng cho chức dịch để khuyến khích. Bố chính Khánh Hòa Lê Đình Tuấn tâu nói : Quân lính trốn và người chứa chấp, điều cấm tuy nghiêm, nhưng phụng hành coi là nói suông, có phần nhiều có che giấu, nên cùng bắt chước dại, thường trốn luôn. Xin từ sau có lính trốn, đưa nã, do sở tại nghiêm sức đem đích tên ấy giải điền. Nếu quả trốn đi nơi khác, hạn trong 1 tháng, do lý trưởng cam kết, lập tức đem anh em thân thuộc tên ấy để thay thế. Sau có bắt được, chiểu lệ lính trốn xét xử, giao cho dân lĩnh về quản thúc, khi có lính chết hay thải, đem ngay tên ấy để thay thế, nếu lý trưởng dám có che giấu, người khác cáo giác ra, lý trưởng bị xử tội nặng hơn, chiểu lệ thu tiền gấp đôi, thưởng cho người cáo giác, hầu khiến cho người ở lính yên tâm nơi hàng ngũ. Án sát Bình Thuận Tôn Thất Soạn tâu nói : Việc tuyển tinh binh, hiện nay có cơ hội làm được. Các công việc ở Kinh và tỉnh ngoài, xin đều tạm đình 1 năm, để cho binh lính đều do quản suất luyện tập, hằng năm chia làm 2 kỳ, ở Kinh do bộ Binh, ở ngoài do quan tỉnh, đạo sát hạch. Nếu một đội có 7 - 8 tên chưa am hiểu thì

quản suất, thống lĩnh phân biệt phạt lương. Lại nói dân xã ở Bắc Kỳ phần nhiều có mua hương nhiêu, hương chính, hương sử, được miễn sai dịch, quân lính phần nhiều sớm thay, chiều trốn là bởi cớ ấy, xin sắc xuống nghiêm cấm. Đề đốc Hải Dương Tôn Thất Hòa tâu xin lục người thi võ trúng nhị, tam trường, dồn thành đội ngũ riêng, lấy người võ cử xuất thân để cai quản, còn binh đinh cấp tiền lương gấp đôi, lại lập nhà học cho, ở Bắc Kỳ họp ở cả Hà Nội, ở Nam Kỳ họp ở cả Kinh sư, lúc không có việc thì diễn tập chờ khoa, lúc có việc thì tùy tiện sai phái). Sai quan các tỉnh, đạo xem xét sửa sang, cốt có thực hiệu. Vua y cho.

Thưởng cho tướng sĩ ở quân thứ biên giới Bắc Kỳ và quân ở dinh nước Thanh. Khi ấy gần đến tết Nguyên đán, vua nghĩ tướng sĩ lâu ngày khó nhọc ở ngoài, mà quân ở dinh nước Thanh giúp việc đánh cũng vất vả, nên đều tặng thưởng để yên ủi (bạc lạng tất cả 2.847 lạng, bạc đĩnh hạng đĩnh 5 đồng cân 6.600 đĩnh ; hạng đĩnh 3 đồng cân 182 đĩnh, tất cả hơn 6.700 đĩnh). Lại nghĩ quan nước Thanh là Triệu Ốc có lòng tốt, mà là người thanh liêm (khoản tặng phần nhiều không nhận), sai bộ Hộ lấy các thứ quý để hậu đãi.

Định rõ lệ thưởng người quyên tiền dựng nghĩa chủng [1] (các xã thôn xin quyên cùng làm, đều chiểu theo số mộ nhiều ít chia hạng thưởng cho, từ 100 mộ đến 500 mộ, từ 600 mộ đến 1.400 mộ, chia hạng thưởng dê, rượu. Từ 1.500 mộ trở lên, hậu thưởng dê, rượu và 1 tấm bia. Người xướng xuất quyên tiền đều tuỳ hạng thưởng ngân tiền. Còn như các người xin quyên, tuy không đến 50 quan cũng đều thưởng cho ngân tiền có từng bậc).

Sai tỉnh Hải Dương uỷ phái viên có tài cán đến Quảng Yên xét hỏi tình trạng dân lưu tán. Khi ấy dân lưu tán châu Khâm trốn đến ở Quảng Yên, nhiều kẻ làm bậy, mà quan châu Khâm lại che chở. Trước tuy đưa thư đến Lưỡng Quảng phái viên đến hội xét, nhưng Cao Liêm Đạo được phái đi lại thoái thác đùn đẩy chưa chịu hội ngay, quan Tuần phủ Hồ Trọng Đĩnh xin lại đem việc ấy đưa đến Lưỡng Quảng. Vua cho là việc liên quan đến bờ cõi, mà Trọng Đĩnh hình như thiên về tình hình biên giới, chưa biết quả thực hay không, nên sai xét hỏi.

Bộ Lễ tâu năm nay ruộng tịch điền và ruộng ở vườn Phong Trạch, gạo nếp, gạo tám được khá nhiều. (Năm ngoái 410 thăng, 4 vốc). Xin chước định lệ làm lễ. Vua bảo rằng may mà được mùa, nông phu cũng siêng năng, cho thưởng 100 quan tiền. Ba viên ở Thừa Thiên đều thưởng kỷ lục 2 thứ.

Đắp đê mới Văn Giang. (Vì chỗ vỡ đê cũ, nước xói xoáy thành đầm, không thể lấp kín được, mới đắp đê mới khác dài 211 trượng, trên giáp xã Phi Liệt, dưới giáp xã Dương Liệt chỗ vỡ đê cũ).

---

(1) *Nghĩa chủng* : mộ vô thừa nhận.

Lại lấy 3 đạo Quảng Trị, Phú Yên, Hà Tĩnh làm tỉnh. (Tên quan đều vẫn như cũ, Quảng Trị, Hà Tĩnh là tỉnh vừa mỗi tỉnh 1 tuần phủ, 1 án sát ; Phú Yên là tỉnh nhỏ, 1 bố chính, 1 án sát, đốc học mỗi tỉnh 1 viên). Ba hạt ấy, khoảng năm Minh Mệnh đổi trấn làm tỉnh, Tự Đức năm đầu, vì việc ít, muốn bớt quan, bớt việc, nên đổi tỉnh làm đạo, sự và quyền đã nhẹ, kiềm chế khó ngăn. Đến nay đình thần xin đặt tỉnh như cũ. Vua nghe theo. Hà Tĩnh vẫn theo như cũ, lại đặt phủ Hà Thanh coi cả 3 huyện. Trích 5 huyện (Nghi Xuân, Can Lộc, La Sơn, Hương Sơn, Hương Khê) thuộc phủ Đức Thọ (nguyên thuộc Hà Tĩnh), năm thứ 6 đổi thuộc Nghệ An lại lệ thuộc về Hà Tĩnh. Còn thành thì vẫn để thành đất ở chỗ cũ, phải bồi đắp thêm. (Thành của đạo hiện đóng, thấp, hẹp không tiện). Quảng Trị, Phú Yên phủ, huyện, thành trì vẫn như cũ. (Thành tỉnh Hà Tĩnh sau cũng xây gạch đá).

Chuẩn cho trích thuế lệ 4 tổng Lương Tri, Kinh Doanh, Vạn Phúc, Đức Lân ; huyện An Phúc (thuộc Bình Thuận) đổi thu nộp ở tỉnh Khánh Hòa. (Sau rồi quan tỉnh Bình Thuận tâu : Bốn tổng ấy theo nộp ở tỉnh Khánh Hòa, đài tải phí tổn, khó nhọc, xin lại cho nộp ở kho phủ Ninh Thuận để tiện cho dân. Vua y cho).

Cấm mạo tuổi. Khi ấy quan viên nhiều người tuổi và nét mặt không hợp. (Như chỉ huy Trương Văn Hùng, chấp kim ngô Phạm Viết Trang tuổi khai thặng hơn 10 tuổi). Cho nên cấm (trước đấy đều cho cải chính).

Tỉnh Hải Dương ít mưa (cầu đảo ba lần chưa ứng nghiệm).

Định lệ phạt lính trốn ở Bắc Kỳ. (Quan tỉnh Hải Dương Phạm Phú Thứ dâng tập tâu nói : Binh đinh phần nhiều có trốn thiếu, nếu không xét xử cho nghiêm, sợ không ngăn được mối tệ. Xin từ nay phàm người trốn, mỗi lần phạt 10 quan tiền, người trốn lâu không ra thú thì chiểu tính số tháng, mỗi tháng phạt 10 quan tiền, vẫn do phủ huyện trách cứ, tổng lý chiểu thu. Nếu binh lính ấy không thể nộp đủ, cứ tổng lý phải bồi thường, nhưng chiểu lệ thu lương, chia ra từng thành xét xử. Còn như lính ấy dụng tình trốn biệt, chọn người khác thay thế, cũng một mặt giao về đội ngũ, một mặt thu tiền, thường đến cuối mùa hạ, mùa đông đem cả số phạt tư bộ Hộ để xét. Nếu phủ huyện truy thu bất lực, cũng bắt phải bồi để khỏi hư ứng. Chuẩn cho theo nghĩ thông sức cho từ Ninh Bình trở ra Bắc nhất luật tuân theo, nhưng trừ các tỉnh biên giới ra.

Năm ấy, các hạng thuyền tuần tiễu vận tải ở Kinh và tỉnh ngoài 403 chiếc, hỏng việc (bị gió, bị giặc) 9 chiếc, còn thì đều về thanh thỏa cả.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LV*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Bính Tý, Tự Đức năm thứ 29 [1876], (Thanh, Quang Tự năm thứ 2), **mùa xuân, tháng giêng**, Tuần phủ Hưng Yên Nguyễn Đức Đạt, dâng sớ nói lệ mới thuế ruộng, xin khoan gia hạn cho 3 năm. Vua khiển trách rằng : Bắc Kỳ thu thuế chia đều là để cho chính sách công bằng, lòng dân đều được cả, đã chuẩn cho thi hành. Gần đây, Tổng đốc Nam Định Nguyễn Trọng Hợp dâng tập tâu cho là tiện cho dân, ngươi lại theo ý kiến riêng của mình, viện cớ nước lụt, xin gia hạn, hầu muốn trái lệnh chăng ? Vả lại, mấy năm gần đây, các hạt trở ra Bắc bị nạn giặc, triều đình giúp đỡ không việc gì không chu đáo, ngươi há không biết ư ? Ngươi là người chăn dân một tỉnh, điềm nhiên không một kế bổ cứu, lại muốn rộng tiếng khoa đại, mà chẳng nghĩ đến chính kinh thường. Thực rất không hợp, cho giáng 2 cấp, lưu.

Chuẩn cho Hộ đốc Thanh Hóa Tôn Thất Tĩnh thăng thự Tổng đốc.

Người buôn nước Thanh là Ngô Liên Đức, Trình Xuân Điền xin thuê thuyền nước Thanh đến Bắc Kỳ nhận tải. Vua y cho. (Khi ấy, đường biển phần nhiều có giặc ngăn trở, thuyền công tuần tiễu hộ vệ không đủ).

Quan Khâm mệnh chọn ngày tế Giao là Nguyễn Văn Tường tâu xin đem ngày tốt : thứ nhất, thứ nhì, thứ ba cầu đảo gieo thẻ, đều chưa được cùng tốt, xin chịu tội. (Gia Long năm thứ 6, nghị chuẩn trung tuần tháng giêng làm lễ bói gieo thẻ, chọn bói ba ngày vào kỳ tháng 2, được ngày nào tốt, thì tế).

Vua lại sai Lê Bá Thận lại bói gieo thẻ, được ngày mồng 9 tháng 2 là ngày Tân Mùi cũng tốt, chuẩn cho quan có trách nhiệm theo lệnh làm. Vua bảo rằng : Chọn ngày tốt chỉ phỏng theo phép nhà Minh. Lễ cổ và các đời đều không có, mà chữ "giao" xét trong sách cũng không có nghĩa ấy. Nhân theo bọn tục lại, sinh ra ngờ đoán. Từ sau tuỳ chọn ngày Tân ở tháng 2 cùng tốt, sai quan lấy ngày ấy kính cáo, theo lệ làm lễ.

Quyền sung Tuần phủ Sơn Tây hộ lý Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Vũ Trọng Bình theo lệ tuổi già (70 tuổi) xin nghỉ việc. Vua Dụ rằng : Ngươi một lòng công trung, trước sau không đổi. Huống chi quá chưa sửa, ân chưa gia. Hiện nay, việc nhiều, chính là lúc dùng người cũ để hòng báo, thế mà vội viện lệ xin rút lui, trẫm không thích nghe, vậy không cho. Ngươi nên cố gắng.

Định lại kỳ hạn thanh tra. (Kho cửa Thọ Chỉ hạn 3 tháng (trước 2 tháng), kho hỏa dược hạn 2 tháng (trước 1 tháng), Nội vụ, Vũ khố, Thương trường hạn 6 tháng (trước 4 tháng), Mộc thương hạn 3 tháng (trước 2 tháng), Quảng Trị, Phúc Yên, Hà Tĩnh (trước 2 tháng), Quảng Bình, Quảng Ngãi (trước 2 tháng 15 ngày), Thừa Thiên, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Yên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng (trước 3 tháng) đều hạn 4 tháng. Nghệ An (trước 3 tháng 15 ngày), Bình Định, Thanh Hóa (trước 4 tháng), Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định (trước 4 tháng 15 ngày) đều hạn 6 tháng. Khi ấy vì từ khi có chiến tranh đến nay, kho tàng tiêu hay còn, số mục rất nhiều, cho nên rộng gia hạn tháng cho tiện kê cứu. Từ sau theo đấy mà làm.

Vua cho là tấn thủ các cửa biển, tất phải thuỷ quân mới quen đi ở biển. Sai thuỷ vệ xét suất đội tiêu thuộc có thể làm được thì tư cho bộ Binh chọn bổ ; định làm lệ mãi.

Năm trước thầy thuốc người nước Đồ Bà là Hu Tu lĩnh giấy của Tham biện nước Pháp đến Bình Thuận ở để chữa thuốc. Sai quan tỉnh giữ ước, bảo hắn phải về. Đến nay quan tỉnh nói giữ ước chống cự, sợ có không tốt, xin cho hắn ở lại, sức cho phải dò xét. Vua y cho.

Tháng 2, giặc nước Thanh là bọn Bạch Quế Hương xin được vỗ nuôi, Tổng đốc An - Tĩnh Nguyễn Chính theo Chỉ chuẩn đi hiểu thị khuyên dụ (uỷ cho viên phủ Trấn Ninh Cao Bỉnh Tâm bàn bảo Chung Tử Tường khuyên dụ bọn Bạch Quế Hương, phải đều đem bè lũ về quê cũ ở Thập Châu hoặc tản cư đến Xiêm La, Nam Chưởng) đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Việc ở Trấn Ninh, nhiều lần đã chuẩn cho người phải trù liệu ngay đinh ninh đến mức nào, từ trước đến nay chưa thấy có mưu kế gì tâu lên. Hiện nay hai đảng họ Hoàng, họ Bạch đều đã đến nơi xin được vỗ nuôi, thì việc vỗ yên dân đã được xong. Vả lại, lòng giặc không thể lường được, tính phóng túng

khó quen dần. Trước đây họ Tô, họ Đặng, họ Chu, họ Triệu việc vỗ nuôi không thành, lại sinh khó khăn trở ngại, đã đủ làm gương. Kẻ đảm đương công việc tất phải xét cẩn thận, trù tính kỹ, xử trí cho khéo, mới khỏi lo về sau. Vậy ngươi lại phải xét kỹ hiện tình, trù tính khẩn cấp thế nào cho mười phần chu đáo, không ngại, tâu ngay để làm. Sau tâu nói : Giặc lan tràn ở Trấn Ninh, hôm trước đã xin vỗ nuôi, thần đã tạm tuỳ tình thế nghĩ phái người hiểu thị, để làm kế quân được nghỉ đỡ tốn. Gần đây cứ viên phủ ấy bảo rằng : Giặc ấy mới bị người nước Nam Chưởng đánh, tan về đồn cũ ở huyện Khâm, dân địa phương ấy đều muốn hết sức chống giặc, có thể thừa cơ được, xin. Nhân lòng dân cho hết sức đánh giết, ở tỉnh phái quân đến để làm chủ, các tình hình như thế. Kể thì bọn cũ tuy đến theo hàng, nhưng bọn mới không theo (bọn họ Bạch mới đến không theo đã dò xét đích xác), lòng giặc thực khó tin được, thì tuỳ cơ xét tình thế, trước nhân chúng xin mà ta cho, nay nhân chúng có hấn mà ta đánh, tưởng thế là thỏa đáng. Nghĩ xin thêm 300 hay 500 quân, uỷ đề đốc hoặc lãnh binh đem đi điều khiển, để kịp việc quân.

Vua chuẩn cho xem cơ hội làm cho khéo, cốt được thích hợp, rồi cho sức ngay cho viên phủ ấy hiểu dụ bọn thổ hào, thổ mục, mọi người đều ra sức đánh dẹp để giữ mình, giữ nhà mà đón hậu thưởng. Và xét kỹ, giặc ấy quả đã suy tan, người địa phương ấy quả biết đánh giết, lập tức đem ngay quân bắt giặc hết sức, sách ứng, chớ nên chậm trễ lỡ mất cơ hội, cũng chớ nên coi thường để bị khinh, phải làm cho khéo. Sau rồi giặc ấy tràn xuống xã Chiêu Lưu. Viên phủ ấy, hiện dồn biền binh đi ngay ngăn chặn, xin phái quân tiến đánh. Việc ấy tâu lên. Vua khiển trách rằng : Từ trước đến nay phái làm việc gì, mà giặc đã tràn xuống, kế hay của nhà binh, từng có thế ư ? Nay cho ngươi chọn ngay người giỏi, phái đến chỗ giặc tụ họp, xét rõ hiện tình, nếu quả là nên đánh, thì lập tức báo cho bọn thổ hào, thổ mục tập họp lại, chờ quan quân tiến hành, làm sách ứng giết giặc. Còn biền binh hiện đem đi, nếu đã tiến đi, tạm hãy chọn nơi đóng giữ, để làm thanh ứng từ xa, cốt phải trong ngoài mười phần chu đáo, vững chắc, đánh một trận là giết được hết, thì mới nên làm việc, thế mới là theo được lời mà không phụ việc uỷ thác.

Định việc ban yến và khoản đãi tàu An-ti-lạp của nước Pháp. (Tàu ấy thường đi lại công cán, trước đấy mỗi khi đến cửa Thuận An, được ban yến và khoản đãi cho thức ăn, đến nay nước Pháp phái viên Khâm sứ xin thôi, vua y theo).

Ở Kinh kỳ và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ít mưa, sai quan phủ, tỉnh cầu đảo.

Tướng nước Pháp ở Gia Định là Du-bi-lê về Tây, tướng tạm quyền là Bô-giang sang thay.

Đặt nha Sơn phòng ở Ninh Bình. Trước, quan tỉnh ấy cho là phủ Nho Quan thuộc hạt ấy đường sá nhiều ngả, địa thế cũng là xung yếu, việc phòng bị không thể sơ suất, xin đặt nha Sơn phòng cũng lấy người Thổ trước sung làm chánh phó sứ mỗi chức 1 người, chọn nơi mộ dân, làm đồn điền khẩn hoang, việc phòng bị được nghiêm. Vua y cho.

Hà Tĩnh mưa đá to (xã Đại Nại tất cả 6 xã thuộc đạo thành ấy mưa đá hòn ấy hòn khác hình như đá trắng ước trên dưới 5 - 7 phân, 1 khắc thì mưa tạnh).

Quan tỉnh Tuyên Quang xin cấp bạc cho Ma Sĩ Hùng (người phủ Tương An), Triệu Tiến Quốc (người Man, quyền Bá hộ), để chiêu mộ dân lưu tán. (Tư nói đến hạt ấy bị giặc quấy, hao tán, Sĩ Hùng, Tiến Quốc xin chiêu dân cày cấy khẩn hoang, buổi đầu chiêu mộ không lấy gì sinh sống, xin cấp cho mỗi tên 20 lạng bạc, để chia cấp cho nhân dân tiện mua trâu cày và đồ làm ruộng). Vua y cho.

Dân huyện Sơn Dương, tỉnh Sơn Tây bị đói (8 tổng thượng du bị giặc quấy, dân bị lưu tán mất 450 người cả đàn ông, đàn bà). Chuẩn cho quan tỉnh trích gạo kho công phát chẩn.

Làm đồn ở đảo Cát Bà, tỉnh Quảng Yên. (Đảo Cát Bà chỗ ấy hình thế tốt, làm đồn ở nơi cao, khi có thuyền giặc có thể trông bốn phía, biết để phòng giữ. Lại có quân nước Pháp giữ thêm, sách ứng cũng nhanh).

Chuẩn cho hai tàu thuỷ Thuận Tiệp, Đằng Huy đi tuần tiễu ở tận biển Nam Kỳ, Bắc Kỳ. Khi ấy giặc biển rất nhiều, làm ngăn trở thuyền buôn, thuyền vận tải. Sai bàn kế dẹp yên giặc biển. Ba bộ Hộ, Binh, Công dâng sớ cho là giặc biển chẳng qua chỉ là lũ cướp lương thực, lấy đảo, vụng làm nơi ẩn trốn, lấy biển xa làm chạy thoát, không phải cùng với quan quân đối địch, gặp thuyền buôn thì tiến, gặp thuyền đi tuần thì rút lui. Ta hợp sức mà bắt thì chúng thuận gió giương buồm, trời cao biển rộng, ta cũng không làm thế nào được. Muốn đánh cho chúng chết thì tất phải có thuyền bền, súng tốt, quân sĩ tinh, am hiểu ra vào vụng, đảo để tiễu trừ, đi lại luôn luôn ngoài biển để ngăn chặn, mới hết được mối lo chúng nhòm ngó. Nay xin cho tàu Thuận Tiệp, Đằng Huy, liền nhau mà đi để làm thế dựa nhau, tìm khắp các chỗ chúng có để đậu trốn, như Nam Kỳ thì đảo Cù, vụng Quất, đảo Lý, hòn Chiêm ; Bắc Kỳ thì núi Ni, núi Vân, vụng Từ, hết thảy, thân đến đánh thẳng, giết sạch, hoặc đuổi đánh thuyền giặc ở ngoài biển, cốt cho thuyền buôn, thuyền vận tải không lo ngại. Việc thưởng phạt phải theo lệ mà làm. Đợi đầu mùa thu, thuyền tải, thuyền buôn hơi vãn, giặc biển hơi thư, hai tàu ấy nhân đấy mà vận tải cả. Vua theo lời.

Cho lĩnh Bố chính Nghệ An Lê Đình Tuấn (Đình Tuấn nguyên Tuần phủ Thuận - Khánh, giáng làm Bố chính Hà Nội, sau đổi Bố chính Nghệ An, khi đến nhận chức, đi đường qua phủ Thừa Thiên, xin ở lại quê làm lễ Phần hoàng), hộ lý

Tuần phủ Trị - Bình (trước Trần Hy Tăng lĩnh chức Tuần phủ, nay nhân việc phòng bị đặt thêm. Khi ấy Quảng Trị là đạo, cai trị cả Quảng Bình. Nay Đình Tuấn làm hộ phủ, thế là đạo Quảng Trị lại làm tỉnh, theo như cũ đặt Tuần phủ Trị - Bình, còn dinh đóng ở Quảng Trị. Nguyên quyền hộ Tuần phủ là Hoàng Tướng Hiệp theo như cũ lĩnh chức Bố chính Quảng Bình). Thị lang bộ Hộ Đoàn Văn Hội lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh (vì đạo Hà Tĩnh lại làm tỉnh, theo như cũ đặt làm Tuần phủ). Thị lang bộ Lại sung làm việc Nội các Trần Văn Chuẩn lĩnh Tuần phủ Hưng Yên (nguyên Tuần phủ Nguyễn Đức Đạt bị bệnh cáo). Nhân triệu đến bảo rằng : Quảng Trị giáp gần Kinh đô, việc cũng ít, nhưng ruộng xấu dân nghèo, nguồn sống chưa dồi dào. Đình Tuấn từng làm việc đã lâu, đến đây nên hết lòng vì dân, làm lợi trừ hại, cốt được tỉnh táo nghỉ ngơi để yên lòng trẫm. Cam Lộ cũng là nơi quan yếu lắm, nên thường trông coi trù tính. Hà Tĩnh hơi ít việc, nhưng là cổ họng trong Nam ngoài Bắc, nơi ấy quan yếu, xử trí dân lương, dân giáo cũng rất khó khăn. Hội lịch duyệt đã nhiều, nên hết lòng làm việc cho ổn thỏa, để xứng với việc uỷ thác. Hưng Yên hiện nay chỉ có việc đê rất là khẩn yếu. Chuẩn là người hăng hái tài cán, nên thân đến khám xét làm việc cho xong và bền vững ngay, để khỏi lo cho dân, còn thì tất cả việc tỉnh, tuỳ tiện làm cho ổn thỏa, cho dân sớm được tươi tỉnh, nghỉ ngơi.

Chẩn cấp cho dân hạt (thôn Hòa, thôn Kiều Lộc) huyện An Dương (thuộc Sơn Tây) bị hỏa hoạn.

Tháng 3, sai các tỉnh phàm các khoản giáo dân có tranh kiện đã lâu, thì chiểu hòa ước xét xử cho thỏa đáng. (Hòa ước nói : Giáo dân trước can án bị giam an trí, gia sản bị tịch biên, nay nếu vẫn còn ở Nhà nước, thì phải trả ngay cho dân ấy nhận lấy. Nếu đã bán mất không có ở Nhà nước thì thôi).

Lãnh sự nước Pháp ở Hải Dương xin đến Đông Triều (Quảng Yên) tìm lấy mỏ than. Vua y cho.

Khi ấy ở Bắc Kỳ mới ban hành lệ đánh thuế đều 5 tỉnh : Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hưng Hóa, Sơn Tây bị lụt, bị giặc, tình hình rất khẩn thiết, các thóc tô thu thêm, cho nộp thay bằng tiền.

Tha cho từ Hà Tĩnh trở về Bắc số tiền quyên về điền mẫu hiện thiếu.

Vua Dụ rằng : Các tỉnh ở Bắc Kỳ mấy năm nay có việc, chi tiêu về việc quân rất nhiều, nhiều lần cho quyên nộp tiền ruộng đất, tất cả 6 lần, để giúp vào nhu phí. Vì lúc đầu triều đình cũng bất đắc dĩ mà làm việc tạm theo tình thế cho thích hợp ấy, nay từ Hà Tĩnh trở về Bắc, số thiếu còn nhiều. Hiện nay việc ở biên giới hơi thư, mà đời sống của dân ít thỏa mãn, làm ăn chưa yên, nên phải cứu giúp nhiều hơn, để gia ơn cho dân. Vậy các hạt từ Hà Tĩnh trở về Bắc, số tiền quyên điền mẫu hiện còn thiếu bao nhiêu, khoan tha cho tất cả.

Quân lính ở phủ Văn Lãng quận công (tên Ngô, tên Đàm, tên Thừa) vì bắt trói thuộc hạ của sứ Pháp, đều phải tội. Trước quận công ấy mừng thọ, hai tên thuộc binh của sứ Pháp (người Nam Kỳ) đến phủ xem tuồng, vì đội khăn trắng bị lính phủ bắt trói. Sứ ấy đưa thư trình quan Thương bạc xét xử và nói truy thu các đồ vật giao trả. (Thuộc hạ của sứ ấy tố cáo lính phủ thu lấy đồ vật đem theo, giá tiền đến trên 400 quan), quan Thương bạc đã tâu xin chuẩn cho quan phủ Tôn nhân xét lại, và giao bộ Hình hỏi rõ giao cả cho quan viện bạc xét xử. Đến khi án dâng lên, bọn lính phủ đều phải phạt trượng và tội đồ (tên Ngô phạt 70 trượng, đồ 1 năm rưỡi ; tên Đàm, tên Thừa đều phạt 60 trượng, đồ 1 năm), quận công ấy cũng chiểu luật phạt lương (chiểu luật không biết ngăn cấm con em làm kẻ trộm, phạt 6 tháng lương). Còn vật bị mất xét không có việc thực rõ ràng, nên thôi (nguyên số tiền quận công ấy thu để đợi đền, lại giao trả chiểu nhận).

Định lại quan võ thăng đến chánh tứ phẩm mà hạn mãn theo lệ được thăng chánh, tòng tam phẩm, thì Chỉ chuẩn cho thăng 1 trật (lệ trước 2 trật), hầu khỏi tiến nhanh.

Trích hai huyện Phong Doanh, Ý Yên đổi thuộc tỉnh Ninh Bình (hai huyện ấy nguyên thuộc tỉnh Nam Định, đến nay vì địa thế gần liền với Ninh Bình, tiện cho quản hạt, cho nên trích về Ninh Bình, do phủ Yên Khánh kiêm lý).

Thái Nguyên có mưa đá, 1 khắc lập tức có trận mưa xuống liền.

Đắp đê giữ nước mặn ở huyện Giao Thuỷ (thuộc Nam Định) dài hơn 3.000 trượng. Lại lấp cửa sông Ngư Dũng ở huyện Tiền Hải để giữ nước mặn ; phía bắc Long Hầu khai cửa cống để tiêu nước ứ.

Khi ấy đường biển ngăn trở, thuyền ít, tải nộp tiền, gạo, thường không đủ số, chuẩn cho bổng lệ quan viên văn võ ở Kinh, người muốn lĩnh ở nguyên quán cũng cho, người lĩnh ở kho Kinh thì chiểu cấp bạc thoi.

Đốc học nước Pháp là Trương Vĩnh Ký (người Gia Định) từ Thanh Hóa đi Nam Định, Ninh Bình du học về bác vật.

Kinh kỳ có mưa. Trước đấy ít mưa, vua sai Tham tri Nguyễn Văn Thuý, Biện lý Chu Đình Kế, Hà Văn Quan cầu đảo khắp. Đến nay được mưa lênh láng, đồng ruộng thấm khắp.

Sắc cho bộ Binh rằng : Ở Kinh và tỉnh ngoài, xử án các hạng tù, chỉ tù tội đồ theo lệ có phát đi làm việc, tù quân, lưu chỉ xích giam lại. Biên giới nước ta đất rộng người thưa, hiện đặt đồn điền khai khẩn. Nếu đem lũ ấy liệu xếp đặt cho ở nơi thực là biên giới, cho có việc làm có thể mở ra con đường tự đổi mới, và khỏi phải lụy giam lâu. Giao cho bộ bàn định thế nào, hoặc nơi thực hiện, hoặc sai làm việc, cốt lợi nhiều hại ít, tâu lại rõ ràng. Sau đó tâu lại xét ra tù quân lưu theo lệ có dồn

làm điền tốt, cho có việc làm để tự đổi mới. Nếu lại cứ giam cấm mãi, chỉ phí vô ích. Bèn chuẩn cho các hạt suốt cả nước xét kỹ các hạng tù có nên tha, xếp đặt cho khai khẩn thì đều đến tận nơi giải giao cho Sơn phòng, Điển nông sứ xếp đặt khai khẩn.

Khai đào sông Ba Sát thuộc Nam Định (nước ứ, hại việc làm ruộng).

Sai Cơ mật viện, bộ Lễ, Nội các, viện Thái y hội đồng sát hạch các người ứng cử nghề làm thuốc. (Một quyển của Tư vụ Lê Kinh Hợp bàn luận rõ ràng ; các quyển của Tú tài Dương Bá Nghị, Nguyễn Địch, Phan Huân, viên tử Phạm Văn Tuệ, sĩ nhân Trần Đức Mậu, nửa được nửa hỏng, đều bổ làm quan. Còn không dự hạng, đều cấp cho mỗi người 20 quan tiền, đi đường trạm về quê quán).

Vua bảo đình thần rằng : Từ trước đến nay, đặt ra nghĩa thương, xã thương (năm thứ 18 nghị lập xã thương, năm thứ 20 nghị lập nghĩa thương) đều không thành hiệu, khi gặp năm mất mùa, để dân chết đói, người làm cha mẹ dân, trong lòng nghĩ sao ? Nay muốn ruộng thư theo lệ nộp thuế mỗi hộc nộp thêm 1 bát, đều đặt nghĩa thương ở các phủ, huyện, châu, thu trữ vào sổ, do viên thuộc các phủ, huyện, châu ấy giữ, năm ấy năm khác đem sự thực tâu lên, để phòng khi mất mùa. Như thế số ít dễ nộp, chúng cũng không tốn mà góp ít thành nhiều, lợi chung của dân, ở quan không ở dân, thì không hư trương phí riêng, có ăn bớt, hụt thiếu thì dễ bắt bồi thường. Còn như thu vào, phát ra được thích hợp, là do ở người, tuỳ năm được mùa nhiều hay vừa, hay ít mà làm, cốt không để thiếu. Sau nếu nhiều thì đình lại, thiếu thì theo như cũ mà làm, tưởng là giản tiện. Đình thần tâu nói : Đặt nghĩa thương, lấy của riêng phụ thêm vào, để bù vào năm không đủ, đó thực là việc cần phòng năm mất mùa, xin chiểu theo Chỉ trước định điều khoản, lục sức cho làm. (Đã đặt nghĩa thương thì theo như trước, thóc của nghĩa thương, xã thương hợp lại được bao nhiêu, do tỉnh sức cho viên phủ, huyện thu lại đem cất, làm danh sách tư bộ để xét, còn các khoản sổ sách thu, chi, thanh tra, hụt, thiếu, bắt bồi..., đều theo lệ kho tỉnh mà làm). Duy Bắc Kỳ mấy năm nay có việc trưng binh, điệu lương phải làm nhiều. Vả lại hiện nay lệnh đánh thuế đều mới thi hành, cũng lạ tai mắt người, nay nếu lại thu thóc riêng nộp thêm vào nghĩa thương, lệnh mới thi hành nhiều, hoặc sợ làm cho người nghe thấy sinh ngờ. Xin, trước hết sức các tỉnh từ Quảng Bình trở vào Nam tuân theo làm việc, còn từ Hà Tĩnh trở ra Bắc hãy hoãn 2 năm sẽ làm sau. Vua chuẩn cho theo nghị thi hành.

Bộ Hình đem phu trạm nhiều lần chạy trạm chậm trễ, can phải phạt roi, phạt trượng, xin đem đánh ngay, tha cho chuộc (trừ thừa mục, biện lại can phải phạt roi, phạt trượng theo lệ nộp tiền chuộc tội ra, còn như phu trạm đều là nghèo hèn, nên bắt đến tỉnh đường đánh đau, ghi vào sổ để răn, tha cho chuộc). Vua y theo. Nhân lại Dụ thêm quở mắng : Từ sau, phàm trạm nào thừa mục, phu dịch dám có lười

biếng trái nhờn, do quan địa phương phải hặc, cách, răn, thải ngay, chọn người cẩn thận được việc điền bổ, nếu có chậm trễ, trở ngại, cứ hỏi tội quan địa phương. Lại gần đây vận tải đường thuỷ thường thiếu, nên đồ vật cần dùng phần nhiều phát phu trạm đi đường bộ, phái đi nhiều ngả, không khỏi chậm trễ, đều chuẩn cho hai bộ Hộ, Binh định ngay thuê bắt dân phu đi đường, thuỷ hay bộ tuỳ tiện thay nhau chuyển đệ, để cho phu trạm được thư sức, chuyên đệ văn thư, chớ để cho nhọc mệt lười biếng. Duy hạng này rất cần lắm không thể đừng được, và theo lệ phải phát đi thì mới được phát đi đường bộ, còn thì đều theo lệ chở nộp.

Ban sách *Uyên giám loại hàm* cho các trường học ở Kinh và tỉnh ngoài. Trước bộ Lễ và Sử quán cho là sách ấy có liên quan đến học tập của sĩ tử, tâu xin chuẩn cho giao cục ấn thư khắc bản in để truyền bá được rộng. Đến nay, khắc in đã xong dâng trình, bèn sai ban cấp.

Đặt nha Sơn phòng ở Hưng Hóa. Khi ấy, Thống đốc Hoàng Tá Viêm cho là thượng du hạt ấy địa thế rộng rãi, rừng đồi nhiều ngả, nên bọn côn đồ được đến chỗ hiểm chọn nơi rậm rạp. Nếu không có một phen kinh lý, để làm nơi bỏ hoang, lại là giúp cho giặc. Xin đặt nha Sơn phòng, chọn phái viên thuộc chuyên làm công việc đồn điền khẩn hoang. Sức cho các người lĩnh mộ, đều đến nơi hoang rậm tuỳ sức khai khẩn, rồi đem nơi liên lạc với nhau cứ từ 50 đến 100 suất đinh lập làm 1 xóm, 10 xóm hoặc 8 - 9 xóm (suất đinh phải được trên dưới 500 tên) lập làm 1 làng, sổ ngạch ghi chép ở huyện, châu sở tại, ngõ hầu được người họp nhiều, đất mở rộng, mà thanh thế lừng lẫy. Đủ hạn, chiểu lệ thưởng phạt chuẩn cho theo nghĩ mà làm. Còn phòng sứ ấy, Hoàng Tá Viêm đã lấy Tế tửu Quốc tử giám Nguyễn Quang Bích xin cho sung vào, vua cũng y cho. (Nha Sơn phòng ấy đặt ở phía hữu đồn Thục Luyện, huyện hạt Thanh Sơn, công việc cũng hơi giống như Sơn phòng tỉnh Sơn Tây).

Bỏ lệ cấm xuống biển đi buôn. Khi ấy đình thần theo nghị cho là khoảng năm Gia Long, Minh Mệnh xuống biển đi buôn đều có điều cấm (thuyền và hàng sung công, kẻ buôn gian phạt 100 trượng, lưu 3.000 dặm). Vì buổi đầu đặt ra pháp luật sợ là có kẻ buôn gian vượt biển, hoặc nhân đấy mà tiết lộ sự cơ, phòng sự bất ngờ cố nhiên càng phải cẩn thận. Duy thời thế mỗi khác, cũng nên thông biến. Hiện nay, việc buôn mở mang thi hành, chính là lúc trăm mối lợi phải thịnh. Huống chi núi rừng nước ta sản xuất nhiều của quý lạ (như loại : tơ, bông, vải, lụa, kỳ nam, quế, đồng, sắt, gỗ lim và nâu) cũng là vật ở các nước tất phải mua. Từ trước đến nay, dân ta chỉ buôn bán ở trong nước, lợi thu về có hạn, mà thuyền buôn nước Thanh, nước Tây vào cửa biển nước ta thu mua hàng hóa bán cho nước ngoài, được rất nhiều lợi. Thế là đồ vật của cải sinh ra ở nước ta, bị chúng cướp lấy lợi. Dân ta bó buộc về pháp luật ngăn cấm, lại không được nắm lấy lợi quyền, của cải càng quẫn thiếu. Nay xin chuẩn cho tha cấm đi buôn để mở đường lợi, cũng là một việc

làm lợi cho dân. Từ sau, xin cho dân đều tuỳ theo vốn liếng, hoặc góp vốn lĩnh thẻ bài thuyền đến nước ngoài đi buôn, các thuyền buôn ấy bắt đầu chở hàng từ tỉnh nào, do tỉnh ấy cho giấy, rồi chiểu giá hàng hóa thu thuế 100 phần lấy 5 phần. Thuyền buôn nước ta từ nước ngoài chở hàng về cửa biển tỉnh nào, chiểu số hàng hóa nộp thuế, 100 phần lấy 5 phần. Nếu có chở vật cấm ra biển đi buôn (như quân khí, súng đạn và các người đàn bà, con gái nước ta), và trốn thuế sinh sự thì chiểu theo nghị định Minh Mệnh năm thứ 9 xử tội. Vua nghe theo.

Mùa hạ, tháng 4, giáng Hiệp biện Đại học sĩ Địch Trung tử Hoàng Tá Viêm làm Tổng đốc, nhưng vẫn đeo cách, lưu ; thự Tổng đốc Vệ Chính nam Tôn Thất Thuyết làm Tham tri, đều cách bỏ tước tử, tước nam, vẫn sung chức Thống đốc, Hiệp đốc.

Vua Dụ rằng : Các ngươi là hai đại thần, trách nhiệm coi việc quân mấy mươi năm nay, nhu phí đã lắm, mà bọn giặc trốn Chu Thành Huy, Hoàng Ngọc Bạch, Mã Nhị úp phá Đài Đồn (thuộc tỉnh Tuyên). Ở Hưng Hóa thì Bạch Cương Chính đem bè lũ đi đâu không biết ; 2 đoàn Văn Diệp đã được vỗ nuôi, còn tốn đóng giữ. Đã chuẩn cho tỉnh Tuyên, tỉnh Thái hợp làm một quân thứ, bọn ngươi cùng bàn điều đốc. Thế mà các ngươi hai đại thần, tiếp được Dụ chuẩn, đều lấy cớ ốm từ chối, trong đó tình ý lời lẽ nói trong tập tâu không khỏi thắc mắc đùn tránh, theo đạo vua ra lệnh, bề tôi kính theo, người sẽ bảo sao ? Trẫm quyết nghiêm trị, chính pháp không khó gì, nhưng nghĩ lâu ngày hết sức khó nhọc ở ngoài, nếu vội bỏ ngay, có trái với đạo thể tất bầy tôi. Nay cho đều theo như cũ chia nhau làm việc : Tam Tuyên và đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc thì trách cứ Hoàng Tá Viêm ; Ninh - Thái, Lạng - Bằng thì trách cứ Tôn Thất Thuyết đều phải chia nhau trông coi, hạn bao nhiêu ngày, tháng được xong việc ngay, để theo lời ấy. Nếu để hoặc lỡ sự cơ, bọn ngươi đều tự chịu lấy tội. Nên đều kính theo.

Nguyên Quản đốc tàu thuyền Mẫn Thỏa Hoàng Văn Xưởng dâng sớ xin thuê đóng tàu thuỷ để chuyên việc vận tải, thuyền của dân cho về đi buôn, để thêm thuế. (Đại khái nói : Từ trước đến nay mỗi năm các tỉnh vận tải gạo lương về Kinh, số ấy rất nhiều, thuê, bắt thuyền dân đi tải, hoặc bị giặc cướp bóc, hoặc nhân gió bão hỏng việc, vận tải không xong, không bằng thuê đóng một chiếc tàu thuỷ (dài 13 trượng, 8 thước, ăn sâu xuống nước 7 thước, giá 75.000 lạng bạc), chuyên tải số gạo lương các tỉnh trong một năm phải tải. Còn thuyền buôn đại dịch cho về đi buôn, thì ngạch thuế nhiều thêm). Vua nghe theo.

Chuẩn cho Khâm sứ nước Pháp là Lê Na làm dinh ở bờ phía nam sông Hương, giáp địa phận quân xá Thuỷ sư (đông, tây, nam, bắc, dọc, ngang, tính suất thành điền 6 mẫu, 6 sào, 14 thước, 6 tấc, trong đó có quân xá thuỷ sư và xưởng thuyền,

đều phải dời đi). Sai quan Thương bạc thần biên giao cho sứ ấy đóng dấu ký biên nhận, cho có bằng cứ.

Di binh xá hai vệ Thuỷ sư (60 gian) và xưởng thuyền (8 nhà) đến xã Vĩ Dã (để tiện cho dinh ở của sứ Pháp được suốt đến tận sông).

Đặt chung Tào chính, Thương chính làm 1 nha. Lấy Tham tri bộ Lại Trần Như Sơn trông coi công việc vận chuyển và buôn bán, sự thể liên quan với nhau, cho nên hợp lại. Sau vì đùn đẩy để chậm lỡ việc. Chuẩn cho Tào chính vẫn lệ thuộc vào bộ Hộ như cũ).

Thống đốc Hoàng Tá Viêm dâng sớ trù nghĩ việc phòng giữ biên giới và công việc xếp đặt về sau 7 điều (1 điều : Về trù nghĩ biên phòng, tỉnh hạt Hưng Hóa cắt lấy hơn 10 phủ, huyện, châu ở thượng du đặt thêm một tỉnh, đặt thêm quan lại, lương cấp cho binh lính, để quân côn đồ nước Thanh không được chiếm cứ làm sào huyệt gần. 6 điều về công việc xếp đặt về sau : Một là sửa sang đồn lũy, để cầm phòng cho nghiêm ; hai là kinh lý châu, huyện để được tụ họp mở mang ; ba là giúp đỡ dân ở châu ; bốn là khen thưởng khuyến khích người tài giỏi ; năm là yên ủi người bị giặc bắt theo ; sáu là sắp xếp chỗ ở cho đứa ra thú).

Vua nghe theo. Bèn đặt đạo Tân Hóa ở thượng du Hưng Hóa. (Chọn chỗ làm một đồn lớn, chánh, phó quản đạo, mỗi chức một người, chánh, phó lãnh binh mỗi chức một người, huyện, châu dùng người thổ trước ; Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nội, Nam Định phái 800 lính để đóng giữ).

Thượng thư bộ Công sung Cơ mật viện Hoàng Văn Tuyển, Hữu tham tri bộ Hộ kiêm quản Đô sát viện Trần Văn Tuy đều vì việc phải tội. Trước, Tổng đốc Hải - Yên Phạm Phú Thứ đến nhận chức, đi đường qua Thanh Hóa, Nam Định, nghe nói Phạm Đức Trạch, nguyên là Án sát Thanh Hóa, hiện lĩnh Bố chính Nam Định đem lòng làm việc, nhiều điều không hợp (Phú Thứ đến Thanh Hóa nghe người nói Đức Trạch ở chức mới 1 năm mà túi làm quan hơn số thu vào của Bố chính Hoàng Hữu Xứng 10 năm. Đến khi đến Nam Định, lại nghe nói đến lỵ sở chưa bao lâu, đã muốn lấn quyền tự dụng, mà đem lòng làm việc không khác khi ở Thanh) mật làm tờ tâu lên, giao Cơ mật viện xét lại. Quan ở viện là Hoàng Văn Tuyển đem việc ấy bảo Văn Tuy, Văn Tuy cũng nhân đấy làm tờ tâu hặc tội Đức Trạch.

Vua thấy tờ tâu cùng với lời hặc tội trước của Phú Thứ như ở một người mà ra, chuẩn cho Văn Tuy tâu lại rõ ràng, Văn Tuy sợ tội, nói phun ra cả.

Vua cho là Văn Tuy đem lòng dối trá, Văn Tuyển thân làm đại thần, dám đem việc viện nói riêng với người, Văn Tuy phải giải chức, Văn Tuyển phải giải hàm viện và giao bộ Lại xét định. Đến nay, án dâng lên, Văn Tuy chiểu luật dâng thư

nói dối không thực, phải tội phạt trượng tột bậc và đồ ; Văn Tuyển chiểu luật tiết lộ việc thường cơ mật, phải tội phạt 100 trượng, cách chức, không được bổ dụng.

Vua bảo rằng : Văn Tuy xảo trá đến thế, vô tâm quá lắm. Văn Tuyển khinh thường bởi lời nói, lại tự chuốc lấy, đó đều là tội dụng tâm, không răn không được. Cho đều theo nghĩ định. Văn Tuyển giao cho nha Thương chính sai phái làm việc chuộc tội, Văn Tuy không cho nộp tiền chuộc tội, chờ mãn hạn đồ, cũng giao đến nha ấy để làm việc chuộc tội, để đều mở che lấp, cho tự đổi mới, ở đời không có người bỏ đi.

(Đức Trạch sau chuẩn giao cho Tổng đốc Thanh Hóa, Nam Định là Tôn Thất Tĩnh, Nguyễn Trọng Hợp xét tâu, đều không có việc thực tham nhũng đáng nêu ra, sau rồi bỏ đi).

Cho thự Tổng đốc Thanh Hóa là Tôn Thất Tĩnh, đổi làm Thượng thư bộ Công.

Cho thự Thống chế quyền Chưởng Tiền quân Tả quân kiêm coi Tả tôn khanh là Tôn Thất Ty làm Tổng đốc Thanh Hóa. Vua triệu đến bảo rằng : Ngươi ngày thường tài thức thế nào, trẫm chưa biết rõ. Thanh Hóa là nơi thang mộc, quý trọng, khoảng năm Minh Mệnh, Thiệu Trị, quan võ họ Tôn thất đã nhiều người cai trị ở đấy, không phải chỉ có quan văn mà thôi. Ngươi đến đấy, phải cố gắng. Lĩnh Bố chính Trương Quang Đản là người am hiểu tài cán ở đấy đã lâu, phàm việc ngươi nên cùng lòng bàn bạc, để giúp chỗ sót của ngươi, chớ phụ chí ý uỷ dụng của trẫm.

Sứ nước Pháp đưa thư đến xin uỷ cho Lãnh sự Hà Nội đi thăm xét ở thượng du. Vua y cho.

Vua cho là gần đây ống thư chạy trạm phần nhiều có gãy rời, sai bộ Binh thông sức từ sau phàm việc kín ở Kinh và tỉnh ngoài, cần phải cẩn thận chắc chắn hơn (các khoản : phong bì, giấy dán, dây buộc, dấu vết gắn cánh kiến) không được di chuyển. Nếu dám bẻ xé mất sự thực, tất phải tra xét, quả thực, đem kẻ phạm ấy chém ngay để làm răn.

Cho Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm Tôn Thất Thải quyền coi Tiền quân, Tả quân.

Chuẩn cho thự Hữu thị lang bộ Binh Lê Điều quyền kiêm quản viện Đô sát.

Bắt đầu định lệ tập ấm cho cung giai. Phàm các cung giai (cung giai các triều trước cũng thế) người hiện còn thì không cứ có con hay không con, đều chuẩn cho tập ấm, để sung coi việc thờ tự, còn trên bậc nhất giai. Hoàng quý phi, cha mẹ được phong tặng tòng nhất phẩm, thì anh em hoặc cháu 1 người (dưới cũng thế) được ấm thụ chánh thất phẩm thiên hộ ; nhất giai (các phi trở xuống, cha mẹ phong tặng chánh nhị phẩm) ; nhị giai (cha mẹ phong tặng chánh tam phẩm) đều được ấm thụ

tòng thất phẩm phó thiên hộ ; tam giai (các cung tần trở xuống cha mẹ được phong tặng chánh tứ phẩm) ; tứ giai (cha mẹ được phong tặng chánh ngũ phẩm) ; ngũ giai (cha mẹ được phong tặng chánh lục phẩm) đều ấm thụ chánh bát phẩm bách hộ ; lục giai (tiệp dư, cha mẹ được phong tặng chánh thất phẩm) được ấm thụ tòng bát phẩm bách hộ ; thất giai (quý nhân, cha mẹ phong tặng chánh bát phẩm) ; bát giai (mỹ nhân, cha mẹ phong tặng tòng bát phẩm) đều được ấm thụ chánh cửu phẩm bách hộ) ; cửu giai (tài nhân, cha mẹ phong tặng tòng bát phẩm) được ấm thụ tòng cửu phẩm bách hộ (so với cha mẹ được phong tặng cùng hàm, chỉ vì không còn trật nào thấp hơn). Còn như tài nhân chưa vào cấp bậc cho đến cung nhân (cha chuẩn cho miễn dao) đều chuẩn cho miễn binh dao suốt đời, đều 1 đời mà thôi. Trong đó, anh em và cháu có duyên cớ (như chết mất, tật bệnh, gian trộm v.v...) chiểu lệ, lấy anh em họ hoặc cháu họ được tập ấm 1 người, nhưng kém 1 trật (như anh, em, cháu họ được miễn binh dao, nếu theo lệ chỉ được miễn binh dao, thì anh, em, cháu họ cũng vẫn cho miễn binh dao).

Người đáng thừa ấm trên đây, tuổi đến 20 trở lên, do các cung giai chọn kỹ, thuận cho, lại do làng, họ bảo kết, đều cứ thực làm đơn trình do quan địa phương (bản quán, hoặc ngụ quán) xét thực, theo lệ xin tập ấm, tự lên bộ hội cả lại làm tờ tâu. Còn như chuẩn cho miễn binh dao, do quan địa phương phê giấy đem vào hạng ấy, rồi tư cho 3 bộ Hộ, Binh, Lễ xét biết.

Chuẩn định lệ thưởng phạt dân ở trong thành cùng quan quân tuần kiểm và phường trưởng. Khi ấy đến đầu mùa hạ, vua cho là ở Kinh thành người ở phức tạp, phần nhiều làm nhà tranh, tiết mùa hạ thường nghe bị cháy, chưa được yên tĩnh, muốn đổi lợp ngói, sợ không làm được, sai phủ Thừa Thiên và nha Hộ thành cùng nghĩ thế nào để không lo hoả hoạn nữa. Lại cho là ở trong thành đã chia ra phường và nơi canh phòng phải nghiêm minh, tuần sát phải chu đáo. Tuy không nỡ ghét đuổi, cũng không nên che chở để im. Vậy đình thần phải nghĩ và làm cho ổn thoả. Sau nghị dâng lên, chuẩn cho theo nghị thi hành. (Trừ các phường ở đã cách nhau ra, còn thì phàm viên, dịch, quân lính, thợ thuyền dự có việc công và dân xã Phú Xuân ở đã thành nền móng thì lượng cho ở lại. Nhưng cứ mỗi 3 nhà 1 dãy (1 nhà phỏng 2 gian, 1 dãy 6 gian). Trước, sau và hai bên đều cách 1 trượng trở lên, đều đặt 1 chậu chứa nước để đồ đạc cứu hoả, để phòng đến lúc ấy đi cứu. Còn như các phường gần chợ ở đông, đều theo từng đoạn, chia từng khu, khu nào sức có thể đổi lợp ngói được thì phải đổi ngay, còn thì cũng đều sửa sang tất cả. Còn nhà bếp làm riêng 1 gian, xung quanh trát đất bùn để che, để phòng lo ngại khác. Hàng cơm dọc đường chỉ cho theo trong khu, trong phường để tiện mua, còn thì tất cả kéo đến ở gần đường sá, nha trại đều đuổi ra ngoài thành. Về việc thưởng phạt tuần kiểm,

trừ phường và nơi canh phòng nào hoặc có phát ra các việc uống rượu, đánh bạc, hút thuốc phiện, vẫn theo lệ trước mà làm ra. Từ sau, phàm mỗi khi đến cuối năm, tính suốt các phường ấy, phường nào được yên ổn (không hỏa hoạn và không nạn trộm) thì trưởng phường ấy được thưởng Phi long ngân tiền lớn nhỏ mỗi thứ 1 đồng (cấp bằng tiền). Hoặc có phát ra trộm, phát ra cháy, mà tức thời bắt được, cứu được, đích có việc thực (bắt được trộm, diệt được lửa), thưởng cho tiền ấy như trên. Nếu phường nào phát ra cháy, phát ra trộm, lại không cứu được, bắt được, thì lần đầu 1 án phạt 60 trượng, 2 án phạt 70 trượng, cứ mỗi 1 án gia một bậc ; 5 án trở lên chỉ xử phạt 60 trượng, đồ 1 năm. Các viên trông coi làm việc ở sở tuần và ty Hộ thành binh mã các đạo trong ấy trong 1 năm phận canh phòng được yên ổn cả thì đều thưởng, thăng 1 trật. Hoặc phát hỏa, phát trộm chỉ 1 - 2 án mà biết tức thời cứu bắt, thì thưởng gia 1 cấp (như bát, cửu phẩm), người thấp thì thưởng tiền lương 3 tháng. Các viên chánh, phó sứ, trong 1 năm, tính suốt chuyên trông coi 10 đạo ấy được yên ổn thì đều thưởng gia 3 cấp, 1 đạo việc phát ra, chỉ 1 - 2 án, bèn biết đốc sức bắt, cứu thì đều thưởng gia 2 cấp ; đủ 2 năm nếu công nhiều tội ít, chuẩn cho thăng 2 trật. Đề đốc ở Kinh thành kém 1 bậc, phủ doãn, phủ thừa lại kém 1 bậc bàn thưởng. Nếu nơi canh phòng và đạo nào kiểm soát không chu đáo, để việc phát, lại không bắt, cứu (dưới cũng thế), thì các viên bang biện ở sở tuần chuyên làm việc trong nơi canh phòng phát ra 1 án giáng 1 cấp, 2 án giáng 2 cấp, mỗi 1 án gia 1 bậc, 5 án trở lên tội chỉ phạt 60 trượng, đồ 1 năm. Các viên chánh, phó sứ trong đạo phát ra 1 án, phạt lương 1 năm, 2 án giáng 1 cấp, mỗi 1 án đều thêm 1 bậc, 6 án trở lên tội chỉ phạt trượng tột bậc và cách chức. Đề đốc lần đầu 1 án phạt lương 9 tháng, 2 án phạt 1 năm, mỗi 1 án thêm 1 bậc, 7 án trở lên, tội chỉ phạt trượng tột bậc và cách chức, phàm giáng đều đổi đi dùng làm việc, phủ doãn, phủ thừa giảm 1 bậc, lần đầu 1 án phạt lương 6 tháng, 2 án 9 tháng, mỗi 1 án gia 1 bậc, 8 án trở lên tội chỉ phạt 90 trượng, giáng 1 cấp, đổi đi.

Nhân sắc bảo rằng : Từ nay phàm 4 mùa, mùa nào nắng nhiều, có ngại, thì tất cả các sở thủ hộ, điển hộ và bộ, viện, các nha, kho, quân xá, phải nên xem xét phòng giữ ngặt hơn, đèn, đuốc, đun nấu và các thứ bắt lửa. Nếu không cẩn thận tất phải nghiêm trị.

Chuẩn định lệ thăng bổ cho người được ấm thụ ra làm quan. (Từ nay về sau phàm con cháu quan văn đã được ấm thụ, tình nguyện ra làm việc thì theo lệ sát hạch xét bổ. Còn bậc thăng bổ đều theo như lệ người làm quan nhiều việc hay ít việc mà làm, người nào hễ đáng thăng bổ phủ, huyện, phải do thượng ty ấy chiểu lệ xem xét mà làm.

Tháng 5, nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở Quảng Ngãi (Đỗ Văn Sơn).

Giặc trốn nước Thanh lẻn sang châu Thoát Lãng, tỉnh Lạng Sơn đánh quấy phố Đồng Văn. Tri châu châu ấy Nguyễn Trọng Quang, Châu uý Lư Vĩnh Tài đem binh, dõng phá được, được thưởng có từng bậc.

Vua nhân đấy Dụ các hạt Lạng - Bằng, Hưng - Tuyên - Thái, Quảng Yên khuyên bảo châu, huyện sở tại triệu tập đốc suất binh dân hết sức giữ đánh, giặc đến mà giết được thì tức được hậu thưởng ; nếu sơ phòng mà giặc tràn thêm, tức theo quân Pháp làm việc, để mọi người đều biết khuyên răn.

Mùa hạ năm ấy, 3 tỉnh Quảng Bình, Ninh Bình, Hải Dương được mùa, còn các địa phương khác hoặc có thiệt hại, thì thuế lệ đều chuẩn từng hạng tha, giảm có từng bậc.

Tha hoãn bắt lính và thuế cho tỉnh Thái Nguyên (vì cớ giặc quấy nhiễu, dân phải lưu tán).

Cho thự Hữu tham tri bộ Binh Lê Hữu Tá đổi là thự Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái. (Nguyên Hộ đốc Phạm Thận Duật có bệnh cáo).

Sai các địa phương sửa đổi phong tục. Dụ rằng : Phong tục là việc lớn, thuần hay kiêu, hậu hay bạc là do phong khí tập quán. Người ở trên biết để khuyên bảo mà chuyển dời thay đổi đi, thì đổi kiêu làm thuần, đổi bạc làm hậu, có khó khăn gì đâu ? Nước nhà ta phong hóa tốt rất nhiều, thấm vào lòng người đã lâu, định lệnh cấm, ban giáo điều, rất mưu tính đến phong tục, thế mà dân gian theo nhau, còn nhiều thói hủ, trẫm rất không ưa. Như nhà dân bị cháy, người làng và hàng xóm không cho người ấy vào nhà ở nhờ, cùng là nhân bị cháy giả cách đến cứu để lấy của, thói hủ như thế, mà người làm cha mẹ dân im lặng không lấy làm lạ, thực là lòng dạ ra sao ? Quan địa phương không biết đem nghĩa lý hiểu bảo, để đổi thói bạc, theo lòng trung, không phải là ý triều đình đặt ra quan là vì dân. Nay cho sức rõ các quan địa phương, cần phải thời thường hiểu dụ, khiến cho giữ gìn nhau, thân yêu nhau, giúp nhau khi nguy cấp, không mất thói trung hậu. Ngoài ra như thuốc độc, thói ác bắt ngay trị tội nặng. Lại răn cấm các thói tệ đồng bóng, bói toán, dâm đãng, xa xỉ. Phải đều kính theo chớ coi thường.

Vua xem tờ tâu của Hiệp đốc quân thứ Thái Nguyên Tôn Thất Thuyết tâu về tình trạng hiện làm, tâu kèm cả chỉ nghi chỗ kém của Thống đốc Hoàng Tá Viêm, ý rất không bằng lòng, muốn khuyên bảo. Nhân xuống Dụ bảo Thuyết và Tá Viêm rằng : Bọn ngươi cùng là vâng mệnh chuyên việc đánh giặc 5 - 6 năm, nay quân mỏi mệt, của hao tổn, chưa được xong việc, sao lại tự kiêu, tự mãn, lười nhác, thói cũ không chừa, xa tâu giấy không thiết thực, chê trách lẫn nhau, trên thì trái lệnh triều đình, dưới thì nhụt sĩ khí, công cuộc 10 năm, một khi không xong, bọn ngươi

cam lòng đem 1 dải dọc biên giới sẽ cho làm sào huyệt của giặc cướp ư ? Vả nay ở biên giới nước Thanh thường động, dân vô nghệ, quân lưu tán, quen tìm sào huyệt, bọn ngươi phải bên tả cầm, bên hữu xách, ngày đêm lo gấp, còn sợ chưa xong. Huống chi dám còn ý kiến thắc mắc cẩu thả ư ? Muốn bọn ngươi lấy lòng trẫm làm lòng mình, coi việc nước như việc nhà, bắt chước như đình thần nhà Ngu, cùng nhau một lòng, như bầy tôi nhà Tấn, cùng nhường nhịn nhau, như Phùng Dị ngồi một mình ở gốc cây to, như Tào Bân, cáng đáng ở Giang Nam, trước sau không đổi, nên chăng giúp đỡ nhau sớm xong việc lớn, không để lo về sau, thì triều đình yên lòng lắm, quân dân may lắm. Trẫm muốn ngươi Tôn Thất Thuyết chăm học thi, lễ, có phong thái nho tướng, liệu địch dành lấy thắng, có phong thái trí tướng, vỗ yên quân dân, có phong thái nhân tướng, không nên chuyên cậy uy võ mà thôi. Xưa Bạch Khởi hối hận về đa sát, Trần Bình than thở về có âm mưu, há không lấy làm răn ư ? Đấy đều là lời cách ngôn, chỉ luận của thánh hiền, không phải lời trẫm. Xưa Tử Trương viết vào giải áo, Tử Lộ xin suốt đời làm theo. Bọn ngươi sao không để tâm, chớ tự bỏ đi !

Cho nguyên Thống chế Vũ Lã (hết hạn có tang) quyền coi Hậu quân, sung Phó sứ hải phòng ở Kinh kỳ.

Trong Kinh kỳ bị lụt.

Tổng đốc Hải Dương Phạm Phú Thứ xin đặt trường mua gạo ở chợ An Biên (thuộc huyện An Dương) và xã Đồn Sơn (thuộc huyện Đông Triều) cho dân mua gạo, đánh thuế. (Trừ mua không đến 1 phương được miễn thuế ra, còn thì chiểu lệ 100 phần lấy 5 phần, như giá gạo mỗi 100 quan thu thuế 5 quan). Vua y cho. (Vì cấm gạo tuy nghiêm, không khỏi mua ngầm, chẳng gì bằng bỏ cấm mà thu dần lấy lợi. Thế là trong việc cứu giúp lương thực cho dân, lại ngụ ý bổ ích được kinh phí).

Chuẩn định lệ kỳ hạn gia thêm thành và lĩnh trưng các thuế. (Từ sau phàm các thuế mỗi khi đến kỳ lĩnh trưng, trước khi hết hạn 2 tháng, do sở tại sức cho người trưng trước tự liệu, nên theo giá cũ hoặc thêm mấy thành làm giấy rõ ràng, để sau không được tranh nhau gia thêm. Rồi đem giá trưng trước và xin thêm niêm yết tất cả và tư khắp các tỉnh bên cạnh và tư bộ để xét. Nếu có người nào xin thêm ở sở tại, và tỉnh bên cạnh hoặc đến bộ, cho được tự tiện : Người giá hơn thì được lĩnh trưng, người trưng trước không được vin cớ, trở ngại. Nếu giá ngang với giá trưng trước mới cho người trưng trước, nhưng lấy trong hạn yết sức và ngày tâu xin chuẩn cho làm định. Quá hạn ấy thì có gia hơn bao nhiêu thành, không được lại xin. Định làm lệ mãi).

Chiến thuyền nước Pháp trước (tháng 3) đến tỉnh Đông, theo sông Lục Đầu, ngược theo sông Nguyệt Đức ngự chạy đến Đáp Cầu. Đến nay lại theo sông

Lục Đầu ngược theo sông Nhật Đức, chạy đến Lục Ngạn (thuộc Bắc Ninh), quan tỉnh Bắc Ninh đem việc ấy tâu lên.

Vua chuẩn cho tư cho các tỉnh Hà Nội, Hải Dương xét tâu lại. Sau tâu lại (Hải Dương tâu lại thuyền ấy nói là phái đi tuần xét ; Hà Nội tâu lại thuyền ấy nói là đi xem núi, sông) cũng không có việc gì. Quan Cơ mật viện và Thương bạc tâu nói : Theo hòa ước trước, thuyền ấy đi lại tuần hộ chỉ ở cửa biển ngoài biển, thế mà tự tiện vào trong sông chạy đi, thực là trái ngược, xin giữ lời ước, viết thư trách. Bèn sai viện, bạc viết thư tư cho sứ ấy để bảo cho biết. (Thư nói : Xin sức cho binh thuyền quý quốc từ sau nên đi lại ngoài biển, nếu có vào sông, chỉ nên đi từ sông Cấm đến Hà Nội mà thôi, không nên đi nơi khác).

Khi ấy, các bộ, nha phàm giao làm phiếu, giao cho bàn và tiếp nhận sớ sách, thường nhiều khi để chậm, Nội các và viện theo lệ có đối duyệt, cũng im lặng không đem hặc tâu.

Vua cho là đương lúc việc nhiều này mà làm việc coi thường như thế, sao được việc được, bèn sai bộ Lại chiểu theo lệ phạt định trước lại định phạt nặng thêm, để biết răn chừa. Sau khi nghị dâng lên, chuẩn cho theo nghị thi hành. (- Phàm có các việc phê bảo giao ra làm phiếu ngay theo phê chuẩn năm Tự Đức thứ 14 (không được quá 3 ngày) mà làm. Nếu có không xong, thì nha nghĩ định chiểu luật để chậm chế thư (1 ngày phạt 10 roi, mỗi 1 ngày thêm 1 bậc, tội chỉ đến 100 trượng) xét xử thêm bậc (như chậm 1 ngày phạt 60 trượng, mỗi 1 ngày thêm 2 bậc, tội cũng chỉ phạt 100 trượng thôi). – Phàm có các việc giao cho đình thần bàn, bộ bàn, theo Dụ chuẩn tháng 2 năm thứ 28 việc nào không có sự lý gì, và rất quan khẩn, thì hạn 5 ngày hoặc 3 ngày, sự lý hơi phiền và thuộc việc quan khẩn thì hạn 10 ngày, việc quả phiền khó và đường sá xa xôi, hỏi và trả lời chậm trễ thì hạn nửa tháng (hoặc trong 1 tháng) mà làm. Nếu ngoài hạn không xong, thì chủ thảo và nha nghĩ định chiểu theo lệ mới để chậm giấy tờ việc quan (1 ngày phạt 10 roi, mỗi 3 ngày thêm 1 bậc, đến 10 ngày phạt 40 roi, 11 ngày đến 1 tháng phạt 50 roi. Ngoài 1 tháng, cứ 2 tháng thêm 1 bậc, đến 3 tháng, phạt 60 trượng, 5 tháng phạt 70 trượng, ngoài 7 tháng đều phạt 80 trượng tuỳ việc nặng nhẹ phân biệt xét xử thêm bậc. (Việc dễ làm và quan khẩn, chiểu lệ ấy thêm 2 bậc, như lệ trước, 1 ngày phạt 10 roi, thêm 1 ngày phạt 30 roi, còn thì đều thêm dần, tội chỉ phạt 100 trượng. Các việc phiền khó và cần phải tra xét, chiểu lệ ấy thêm 1 bậc, như lệ trước, 1 ngày phạt 10 roi, thêm 1 ngày phạt 20 roi, còn thì đều thêm dần, tội chỉ đến 100 trượng. Các phủ, tỉnh, đạo ở ngoài cũng theo thế mà làm). – Phàm các nha tiếp nhận các bản chương sớ, sổ sách do ty Thông chính chuyển giao, chiểu nghị định năm Tự Đức thứ 26 mà làm. Nếu ngoài hạn không xong, thì nha nghĩ định cũng chiểu theo lệ mới để chậm trễ giấy tờ việc quan xét xử thêm bậc (việc quan khẩn thêm 2 bậc, việc cần phải tra

xét thêm 1 bậc, đều giống như trên). Nếu các nha trong Kinh và tỉnh ngoài, tư và trả lời nếu có ngoài hạn (hạn theo lệ định Minh Mệnh năm thứ 16), do nha nghĩ định, ở tờ tâu tâu kèm xin xét xử (cũng tuỳ việc nhẹ nặng xét xử thêm bậc cũng giống trên). – Phàm các việc phải xin gia hạn và phải cứ thực tâu rõ, chiểu theo nghĩ định năm thứ 12 (việc cần phải kê cứu hoặc tư tra, đều trong 10 ngày chước lượng sự lý nhiều hay ít, xin gia hạn 10 ngày hoặc hạn 1 tháng. Hết hạn chưa xong, lại xin gia hạn và Dụ chuẩn năm thứ 28 (nha nào có Dụ, Chỉ phê hỏi và hội nghĩ, trong đó hoặc việc làm được, hoặc là không làm được, nên chăng thế nào, cũng đều cứ thực tâu rõ, không được im lặng theo đấy mà làm, người làm trái thì chiểu luật trái thêm 2 bậc (phạt 70 trượng) xét xử. Các việc trên đây chủ thảo và nha xét hỏi nếu có chậm trái, ở bộ thì do các, viện, ở các thì do bộ, viện, ở viện thì do bộ, các, cùng phải hặc tâu lẫn nhau. Đã được nghị chuẩn rồi, nếu có che giấu, không hặc, xin chiểu luật trái lệnh, tuỳ theo nhẹ, nặng thêm bậc phân biệt xét xử. (Như việc rất quan khẩn, thêm 2 bậc, phạt 70 trượng, các việc cần phải tra xét, thêm 1 bậc phạt 60 trượng).

Trước người trong Nam khởi nghĩa, bị nước Pháp bắt được, phát giam làm việc ở Côn Lôn, lẻn trốn 24 người, tướng Pháp bắt phải nã bắt. Đến nay bọn Trần Ngọc Trúc 7 người trốn về Bình Thuận, quan tỉnh là Trương Gia Hội đem việc tâu lên, sai bảo phải lánh xa. Sau vì tiếng tăm khó che, sai giam ngay giải giao cho tướng Pháp.

Chuẩn định lệ viên nhân can tội phải bồi đã bị giáng phạt, gặp có ân điển và sát hạch đáng được kê khai. (Đình thần nghị xin chuẩn cho từ sau phàm viên nhân can án bồi thường, trừ án trước xử đến tội đồ, lưu và đã giải chức, cách chức không nên lại bàn ra, còn thì các viên hiện có chức dịch, trước xử án can tội phải bồi, nhờ được các hạng cách lưu, và giáng lưu phạt lương, người nào hễ nhân việc công sai lầm, không thuộc ý riêng mà tham tang từ dưới 100 lạng (mỗi lạng 8 quan, 100 lạng thành tiền 800 quan, theo lệ được cho hạn 2 năm), nếu có kính gặp ân chiếu, đáng được kê khai tên cả, chờ cho khai phục (cách lưu, giáng lưu) khoan tha (phạt bổng) gặp có sát hạch cũng được kê khai cả, chờ cho xét thăng. Nếu thành tích tuy nhân việc công nhưng tình thuộc việc riêng, thì không cứ số tang nhiều ít, và nhân việc công mà số tang đến trên 100 lạng thì (lệ được cho hạn 3 năm) đều không được kê lẫn vào danh sách sát hạch. Trong đó, các viên không được kê khai, trước khi chưa can bồi, và sau khi đã can bồi, hoặc có can riêng khoản khác, nhờ được cách lưu, phạt bổng, gặp có ân chiếu cho được đem kê vào khoản riêng, chờ cho khai phục, khoan tha, còn các viên can tội phải bồi được kê vào, khi tạm ấy do 2 bộ Lại, Binh sẽ làm danh sách riêng, nhưng đem cả án hình, số tang, và tội gì, kê rõ vào danh sách, chờ xin quyết định. Còn các viên nhân việc công số tang nhiều và tình thuộc việc riêng, theo lệ không được kê vào danh sách, thì cũng đều đem án tình, số tang, và tội, để riêng ở sau danh sách).

Tháng 5 nhuận, giặc trốn nước Thanh là bọn Tăng Á Công, cướp ở Chàng Sơn (thuộc Quảng Yên). Lãnh binh Hoàng Đình Thượng đem binh, dõng đi đánh ngay, bắt sống được bọn Á Công 7 tên (bọn Lương Gia, Phương Bảo, Chu Quý Thu, Hoàng Khai Khôi, Lý Truyền, Hoàng Đông Tú, Lư Á Bình) đem chém. Thưởng cho Đình Thượng 1 cấp quân công, binh, dõng được ngân tiền có từng bậc.

Cho Tham biện Thương bạc Nguyễn Hữu Độ sung làm Khâm sai đến Gia Định kiểm nhận chiến thuyền có máy do nước Pháp có lòng tốt đem tặng. Nước Pháp đưa thư cho Thương bạc nói nước ấy theo hòa ước tặng thuyền và súng ống, khí giới, đạn dược theo thuyền hiện ở Gia Định, yêu cầu phái quan đến nhận. Quan Thương bạc tâu lên, cho nên có lệnh ấy.

Chánh quản đốc tàu thuỷ Đằng Huy bọn Kiều Văn Cơ đánh phá thuyền giặc (đón cướp thuyền vận tải) ở phận biển Hà Tĩnh, bắt được 1 thuyền, 6 tên giặc. Thưởng Văn Cơ gia 1 cấp, cả thuyền 300 quan tiền.

Vua cho là bộ Binh nhiều việc và đọng lại, vậy thị lang, biện lý chuẩn cho đều đặt thêm cho đủ viên. Lại cho là chức đại thần không nhỏ thân làm việc nhỏ, huống chi tuổi cao, khí suy, càng nên xét thương, đặc cách chuẩn cho lĩnh Thượng thư bộ Binh Trần Tiễn Thành, từ sau phàm việc ở bộ, việc gì thuộc về thăng bổ, làm, bỏ, việc chiến trận, việc quân, tất cả, sự thể quan trọng chưa có lệ định, thì đều bày tỏ trước, bàn định để tên xét tâu, còn phàm có điều lệ phải theo và các việc tự báo tầm thường, đều chuẩn cho các viên thị lang, biện lý ấy cùng bàn nhau xét mà làm, không phải phiền nhiễu, để được thư nhàn coi xét các việc đình nghị. Và bảo phải tụ hội tinh thần, mưu sâu, lo xa mong ngày càng giúp đỡ, cho thành công hiệu lớn.

Tướng quyền nước Pháp ở Gia Định là Bô-giăng về Tây, tướng cũ là Du-bi-lê sang thay.

Dụ rằng : Ngày mồng 3 tháng này các quan văn bái mạng ở sân điện, Từ tế sứ là Tôn Thất Lệ đi tiến lên trên Biện lý Lâm Hoành. Lại hôm trước các quan xem nhạc ở nhà Duyệt Thị, Thủ hộ sứ là Tôn Thất Tích ngồi ở trên các thị lang, đều là vượt thứ bậc trái lễ. Lệ là tòng tứ phẩm, không phải ấn quan, mà mạo ở trên quan chánh tứ phẩm ấn quan, có được không ? Tích ngồi ở sau thị lang mới phải, sao được trái vượt, không tự biết ư ? Kìa như người có lễ thì yên, triều đình không gì trọng bằng tước, cho nên lời chê ở thơ tướng thử, thực đáng răn lắm. Quan viên Tôn thất, dự hàng họ nhà vua, dù quá khiêm tốn nhưng người vẫn cho là kiêu ngạo xa xỉ, huống chi bọn người dương dương tự đắc, rất trái với gia pháp của trẫm. Trẫm không muốn bọn ngươi lại giữ thói cũ, tự mưu tính, tự bỏ để phụ ơn nước, phạm phép nước. Bộ Lại dẫn bảo đã không hợp, viện Đô sát cũng không hặc tội, thì coi nghi lễ ở triều, khuôn phép làm quan như thế nào ? Tôn Thất Lệ cho giáng 3 cấp,

Tôn Thất Tích cho giáng 2 cấp, bộ Lại Lê Bá Thận, Tôn Thất Phiên, Nguyễn Hữu Độ, Đô sát Lê Điều, Khoa đạo Vũ Duy Vỹ cho đều giáng 1 cấp, đều lưu dụng để răn người khác. Lại như từ trước đến nay quan viên phàm đã có lỗi phải cách, mà bè bạn, làng họ vẫn theo chức cũ mà gọi. Kìa như danh khí rất trọng, do tự triều định mà ra, đâu được theo ý riêng tự tiện mà cho. Từ sau đều phải đổi ngay, chớ phạm pháp luật.

Sai các địa phương đặt đàn tế các tướng sĩ chết trận và người phái đi việc công chết vì việc nước (vua cho là lệ khí lưu hành, hằng năm chuyển vận vẫn có, và sau khi chiến tranh, tất có năm mất mùa, quỷ không nương nhờ vào đâu, hoặc phải làm ra dịch lệ, ở Bắc Kỳ trước đã cho tế, sợ chưa chu đáo. Bèn sai từ Hà Tĩnh trở ra Bắc và Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định đều chọn ngày đặt đàn ban tế, để cho đều yên siêu thoát nơi xa, không cho lưu hành, các hạt khác đều chóng được yên vui).

Định lại điều lệ thu thuế thương chính, phàm thuyền buôn nước ta như có mua đường, quế, dầu, sa, trừu, vải, lụa, rượu, cau khô, ngà, sừng, trầm hương, tốc hương, nâu, gỗ, hạng nặng, trừ có lĩnh trưng ra, còn thì từ tỉnh này tải sang tỉnh khác, mà ra, vào cửa biển thì không cứ giá trị nhiều ít, theo như thương ước (khoản thứ 4). Dân ở 6 tỉnh đi buôn ở Ninh Hải, Thi Nại thì đều theo hàng hóa hiện có, hết thảy thu nửa thuế. (Như mỗi 100 quan, thu 2 quan 5 tiền). Còn như dân gian buôn bán các vật nhỏ mọn, đều miễn thuế, do nha Thương chính thông sức cho tỉnh và cửa biển có ty Thuế quan ở Kinh và tỉnh ngoài tuân theo làm việc tất cả.

Hai nước Thuỷ Xá, Hỏa Xá sai sứ là bọn Sơn Bái đến cống (3 chiếc ngà voi, 3 chiếc sừng tê).

Nêu thưởng cho dân thọ 100 tuổi ở Quảng Nam, Quảng Ngãi. (Quảng Nam : Vũ Văn Vạn, Quảng Ngãi : Nguyễn Văn Tường).

Nêu thưởng tiết phụ ở Cao Bằng (Bế Thị Nhu hạng bình).

Bãi nha Thương chính ở Kinh kỳ (vì ở Kinh người buôn bán nước Thanh ra vào cũng ít, thuế thu được rất ít, mà tệ rất nhiều, cho nên bỏ đi, thuộc cả bộ Hộ xét duyệt làm, phái thuộc viên ở cửa biển, theo lệ thu thuế).

Dụ rằng : Tất cả việc trong nước, về cả 6 bộ là đủ, từ xưa đến nay đều thế, sinh 1 việc không bằng bớt 1 việc. Lấy 1 người trông coi và 3 - 4 thuộc viên giúp việc, sao bằng đường quan, thuộc viên 1 bộ nhiều người, nên chăng giúp nhau, thì chia ra không bằng hợp lại là tiện, cho theo như cũ thuộc về bộ Hộ, để bớt nhũng phí.

Định lại phong hiệu mệnh phụ nhị phẩm, thất phẩm, bát phẩm. Phép cũ nhất phẩm là nhất phẩm phu nhân, nhị phẩm là phu nhân, lục phẩm là an nhân, thất phẩm là thất phẩm an nhân, bát phẩm là nhụ nhân, cửu phẩm là cửu phẩm nhụ nhân. Đến nay định lại nhị phẩm là đoan nhân, thất phẩm là nhu nhân, bát phẩm là

cẩn nhân thì mệnh phụ nhất phẩm và thất phẩm, cửu phẩm, bỏ các chữ "nhất, thất, cửu phẩm".

Vợ quan Ba nước Pháp là Bi-di-o (Phạm Thị Năm, người phủ Kiến Thụy, tỉnh Hải Dương vốn là gái nhà hát, nhân tạm bợ với Bi-di-o, cùng đóng ở hạt phủ), thường cậy quyền thế, dọa nạt sách nhiễu dân thường, sai đem chém.

Nha Thương chính Hải Dương dịch "*Phép diễn tập súng Tây*" dâng lên (phép diễn xem ở sau).

Cho Thị lang lĩnh Tuần phủ Hưng Yên Trần Văn Chuẩn sung Tham tán đại thần xử trí việc quân ở Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng. Trước đấy, Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết mắc bệnh về Bắc Ninh điều trị, chuẩn cho Đề đốc Nguyễn Văn Hùng, Tiểu phủ sứ Vũ Huy Thụy tạm cùng cai quản. Đến nay vua cho là quân du côn nước Thanh lẻn trốn, việc giữ đánh là cần, bọn Văn Hùng, Huy Thụy, công việc chưa từng trải, phẩm vọng lại kém, sợ chưa đương nổi. Trần Văn Chuẩn người trong khoa giáp, cũng từng dự làm việc quân, người khen khỏe giỏi, dũng cảm, cho nên có lệnh ấy.

Cho Thị lang bộ Hộ là Đỗ Đệ thăng thụ Hữu tham tri.

Cho Bố chính Hà Nội Trần Nhượng quyền hộ Tuần phủ Hưng Yên.

Tháng 6, sai sứ sang nước Thanh (cống hằng năm). Lấy Quang lộc Tự khanh sung làm việc Nội các Bùi Ân Niên, gia hàm Hữu thị lang bộ Lễ, sung làm Chánh sứ ; Hồng lô Tự khanh Lâm Hoàng sung giáp Phó sứ, Thị giảng Học sĩ Lê Cát sung ất Phó sứ. Khi Ân Niên ra đi, vua làm thơ ban cho, lại bảo rằng bậc đại phu mang đồ lễ vật ra ngoài, rất là khó khăn trọng đại. Nếu việc nào có ích cho nước nhà, làm được rất tốt, cần phải cùng lòng giúp nhau. Như người xưa có 5 điều tốt [1] mới là không hổ thẹn.

Đinh thân tâu : Tháng 3 năm nay, được chuẩn cho Tào chính và Thương chính ở bộ Hộ đặt chung làm một nha. Sau được chuẩn cho Tào chính vẫn thuộc bộ Hộ như cũ. Nay nha Thương chính lại được chuẩn cho thuộc cả bộ Hộ xem xét, xét ra bộ Hộ công việc đã nhiều. Nay Thương chính thuộc cả bộ Hộ, thì việc vận tải lương kho công, đổi chác tàu thuỷ, xem xét thuế quan, giấy tờ lý hội, việc lại thêm nhiều, phải nhiều người để chia ra, lại có chuyên viên để trông coi, mới mong được việc. Xin kính theo Chỉ chuẩn cho trước, Thương chính hợp với Tào chính làm 1 ty, kính xin chọn bổ người thanh liêm được việc theo hàm bộ Hộ sung làm, chuyên coi công việc ấy, phàm các công việc Thương chính, Tào chính, tàu thuỷ đổi chác, do

(1) *Năm điều tốt* : lời khen sứ thần ở thơ "*Hoàng hoa*" trong *Kinh Thi* là : tư tư, tư đạc, tư tuân, tư tu, tư mưu.

chuyên viên phải xét định làm trước bàn với bộ Hộ xét lại tâu xin, hầu mong cùng được việc. Còn chuyên viên miễn dự bộ. Vua bảo rằng : hình như chia ra không hợp thể, tạm chuẩn cho.

Giặc trốn là Bạch Quế Hương trước tràn lan đến phủ Trấn Ninh hạt Nghệ An, lại trốn về Hưng Hóa. Gần đây bị quân họ Diệp đánh đuổi, trốn vào thượng du Thanh Hóa, lại cũng gần ngay Trấn Ninh.

Vua bảo quan tỉnh Nghệ An rằng : Nhiều lần tỉnh Thanh và quan Thống đốc tâu bảo : Bạch Quế Hương đem bè lũ trốn ở các huyện Sầm Na. Tỉnh ngươi thượng du Trấn Ninh liên tiếp với Thanh Hóa, Hưng Hóa, Bạch Quế Hương quen đi đến chỗ hiểm, tìm chỗ rậm. Hiện nay, giặc ấy mưu trốn đến hạt Hưng Hóa, đã chuẩn cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm thúc ngay quân của Diệp Thành Lâm đánh bắt. Tỉnh Thanh dò xét đích xác, phòng giữ nghiêm ngặt đến Phong Giang, Thanh Dã, giặc ấy bất nhật đói, quẫn trốn về Hưng Hóa tràn sang Thanh Hóa không được, tất đến Trấn Ninh làm kế tạm sống. Người là quan tỉnh phải tính liệu trước, điều đốc quan quân phủ ấy ngăn chặn cho chu đáo vững chắc, cốt cho giặc ấy không trốn đâu được, đó là cốt yếu.

Cấp cho thuyền đánh cá người nước Thanh bị nạn bão. (Thuyền ở Quảng Đông nhân gặp bão giạt vào đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị).

Chuẩn định lệ thưởng người mộ quân theo phái đi bắt giặc. (Từ sau phàm các người mộ quân theo phái đi bắt giặc, được 3 tháng trở lên mà có công trạng thực bắt, chém, đâm, bắn được, chiểu lệ mộ, thưởng thụ, như mộ 50 tên theo đi thượng du thì thưởng thụ tòng ngũ phẩm cai đội, theo ở hạ du thì thưởng thụ chánh lục phẩm suất đội, đều theo đấy suy ra), người nào hễ từng theo đi bắt giặc được 3 tháng trở lên, mà không có công trạng thực như thế, chiểu lệ mộ thưởng thụ giảm đi 2 bậc, (như mộ 50 tên theo đi thượng du thì thưởng thụ tòng lục phẩm suất đội, theo đi hạ du thì thưởng thụ chánh thất phẩm đội trưởng), còn thì theo thế suy ra, người nào không đi bắt giặc mà đã từng giữ chặn hạt khác được 3 tháng trở lên, theo lệ mộ, thưởng thụ giảm đi 3 bậc, giảm 4 bậc để thưởng, (như mộ 50 tên theo đi thượng du thì thưởng thụ chánh thất phẩm đội trưởng ; theo đi hạ du thì thưởng thụ tòng thất phẩm đội trưởng v.v...), người nào hễ giữ chặn trong hạt được 3 tháng trở lên, chiểu lệ mộ, thưởng thụ giảm đi 4 bậc (như mộ được 50 tên theo đi thượng du thì thưởng thụ tòng thất phẩm đội trưởng, theo ở hạ du thì thưởng thụ chánh bát phẩm bách hộ v.v...), người nào hễ chưa được 3 tháng, lại đều lần lượt theo người đã mộ được, đều thưởng thụ giảm đi một bậc có từng bậc (như mộ được 50 tên theo đi thượng du được 1 - 2 tháng mà dự có công trạng thực bắt, chém, đâm, bắn được, thưởng thụ chánh lục phẩm ; theo đi hạ du được 1 - 2 tháng mà có công trạng thực thế,

thì thưởng thụ tòng lục phẩm v.v...). Người nào hễ hết bậc giảm; chước thưởng cấp bằng tòng cửu phẩm bách hộ và chuẩn cho được miễn dao dịch và thuế suốt đời, hoặc 10 năm, hoặc 5 năm có từng bậc. Như mộ được 10 tên theo đi thượng du được 3 tháng trở lên dự có công trạng thực bắt, chém, đâm, bắn được thưởng thụ tòng bát phẩm bách hộ, nếu giảm 3 bậc trở lên, là đủ giảm hết bậc. Nay chước định, người nào hễ giảm 3 bậc, thì thưởng cấp tòng cửu phẩm ; giảm 4 bậc thưởng cho miễn dao dịch và thuế suốt đời ; giảm 5 bậc chuẩn cho miễn dao dịch và thuế 10 năm. Người theo đi hạ du được 3 tháng trở lên, dự có công trạng thực bắt, chém, đâm, bắn được thưởng chánh cửu phẩm bách hộ. Nếu giảm 2 - 3 bậc trở lên, là đã giảm hết bậc. Nay chước định người nào hễ giảm 2 bậc thì thưởng cấp bằng tòng cửu phẩm bách hộ ; giảm 3 bậc thì chuẩn cho miễn dao dịch và thuế suốt đời ; giảm 4 bậc thì chuẩn cho miễn dao dịch và thuế 10 năm ; giảm 5 bậc thì chuẩn cho miễn dao dịch và thuế 5 năm, nhưng đều cho dự chỗ ngồi trong làng ở dưới chức sắc và hạng miễn sai, để được vẻ vang. Ngoài ra, mộ được 200 trở lên đến 400 - 500, đều theo lệ ấy châm chước, tuỳ theo có công trạng hay không và số tháng được 3 tháng trở lên cùng chưa được 3 tháng, phải theo giảm mà làm.

Định lại lệ khoan tha giáng phạt về năm đại khánh, thường khánh. (Khoảng năm Minh Mệnh lệ định : Quan viên giáng đến 4 cấp trở lên, do bộ tâu rõ đợi Chỉ. Gần đây cho là lập pháp hơi nghiêm mà phiền, đã chuẩn cho phàm có ân chiếu, ân dụ, quan viên can phải tội việc riêng, theo lệ hặc tâu lên ; tội về việc kê khai chung tất để tỏ có phân biệt, thế mà quan ở bộ không biết xét nhận, phàm có ân chiếu không cứ tội việc công, việc tư, phải giáng mấy cấp, làm danh sách tâu lên tất cả. Đến nay chuẩn định phàm gặp năm đại khánh, quan viên văn võ can tội việc tư, giáng 4 cấp trở xuống, và tội công tư cùng lẫn giáng 10 cấp trở xuống thì vẫn chuẩn cho kê khai cả, còn giáng 1 - 2 cấp, cho khai phục cả, giáng 3 - 4 cấp đổi làm giáng 1 cấp ; giáng 5 - 6 cấp đổi làm giáng 2 cấp ; giáng 7 - 8 cấp đổi làm giáng 3 cấp ; giáng 9 - 10 cấp đổi làm giáng 4 cấp, đều lưu dụng. Nếu gặp năm khánh tiết thường, cũng theo thế mà làm, nhưng chỉ tội công mà thôi. Còn người nào là tội tư mà giáng đến 5 cấp trở lên, và tội công giáng đến 10 cấp trở lên, và công tư cùng lẫn, cho lấy 1 cấp tội tư, trừ 2 cấp tội công, tính đến 10 cấp trở lên, thì cho 2 bộ Lại, Binh đem ngay tâu lên đợi Chỉ, lượng cho giáng thực, cách thực, không được theo như trước đợi làm danh sách tâu lên, chép làm lệnh mãi.

Vua cho là bờ cõi cũ ở Nam Kỳ chưa lấy lại được, đem tội tự chê.

Dụ rằng : Trẫm tuổi trẻ lên ngôi, là nhờ phúc trước, nước nhà toàn thịnh, việc chính, việc đời, chưa từng để ý, mê muội lời răn "ở lúc yên lo lúc nguy" chỉ ham vui chơi, nên trên phạm trời trách, dưới chứa dân oán, ngoài để nước láng giềng

giận, trong thiếu mưu kế hay, việc dân mà lo, không cứu nổi việc gượng theo mưu bậc lão thành, bỏ đất đai nhân dân 6 tỉnh Nam Kỳ ấy, để thời chiến tranh cho yên cả nước, hơn 200 năm gây dựng khó nhọc, bỗng chốc bỏ đi, là tội của tiểu tử này, không thể nói xiết. Nếu có công đức gì, cũng không thể chuộc được, huống chi không có công đức, chỉ thẹn mặt ngồi làm vì, lâu ngày để đến già yếu, người không nỡ chê trách, ta há không lòng nào ? Nay tình láng giềng càng hậu, mà bờ cõi cũ chưa trả về, xót thương, sĩ tử, như mất cha mẹ. Trẫm vốn không có tài gì khác, chỉ có lòng yêu dân, già mà càng tha thiết. Cúi, ngẩng, trông, xem sống không còn mặt nào, chết cũng không thể nhắm mắt. Còn như Sở Tử, để mất quân, xin tên thuỵ là Lê đế, nhà Hán bàn phép thờ ở Tôn miếu, từ Hoà đế trở xuống không công có tội lỗi không đáng được tôn, trẫm há không tự biết ư ? Thực không nỡ đem lòng yêu ấy để chuộc lỗi của mình. Nếu may được nước láng giềng cảm lòng thành thực, giao trả lại ngay, cho trẫm được kịp thấy, thực là nghĩa lớn, nếu chưa toại nguyện, mà trẫm không may giữ chí đến chết, dù quan dân có không nỡ bỏ, viện lệ được thờ, phụ vào Thế miếu, thì trẫm là người có tội, không đáng lạm để nhục ngôi thứ ấy, nếu miễn cưỡng mà làm, hồn phách cũng không được yên lắm. Nên truất thờ ở chỗ khác, không cho tên thuỵ để răn người làm vua có lỗi muôn đời, cho trẫm được cùng với bầy tôi có lỗi, chia chê cùng thẹn, đấy là chí của trẫm. Lời nói từ trong lòng ra, đừng trái, đừng lạm, báo cáo cả nước, cho đều nghe biết. (Dụ ấy sau được đình thần kêu xin chỉ cho ấn quan xem kín, rồi xin nộp trả lại, xin như thế 2 lần, vua mới chuẩn y).

Vua rước Từ giá [1] đi thuyền ra chơi cửa Thuận An, nghỉ mát và xem việc phòng giữ bờ biển. Thuyền của Từ giá đường mạch gián hoặc có chỗ thủng hở (vua rước Từ giá về lầu yến như về dự yến ở thuyền phải hầu chờ).

Vua cho là thuyền rồng kính giữ không cẩn thận, giáng Vệ uý vệ Long thuyền Lê Tiến Vịnh làm Quản cơ, Phó vệ uý Đoàn Văn Điểm làm Phó quản cơ, Đô thống Nguyễn Chí làm Đề đốc, Hiệp lý Nguyễn Đình Thi làm Hồng lô Tự khanh. Còn đến thị vệ, hành dinh không xem xét, cũng đều phải giáng. Lại sai bộ Công xem xét chữa ngay, cho sớm được chỉnh đốn chắc chắn, 5 ngày về cung.

Mùa thu, tháng 7, nêu thưởng tiết phụ ở Nam Định, Hà Nội, (ở Nam Định, Phạm Thị Đoan hạng ưu. Ở Hà Nội, Nguyễn Thị Tám, Nguyễn Thị Đô, Phạm Thị Giảng, Vũ Thị Sáu đều hạng thứ).

Khuyên thưởng quân thứ biên giới Bắc Kỳ. Dụ rằng : Từ xưa đến nay, việc quân chưa bao giờ có rất chậm và lâu như biên giới Bắc Kỳ nước ta, về nhu mà phí,

(1) *Từ giá* : chỉ mẹ vua.

mệt mỏi, đã không nói xiết được, mà há chẳng nhớ về, sợ lệnh răn ấy ; đấy là tình người, há chẳng nhớ về, việc vua chẳng rõi đó là nghĩa công, tướng tá lớn nhỏ, ai không có lòng ấy. Khốn nỗi tình thế và nguyện vọng trái nhau, không thể không cố gắng. Nay công đã gần thành, thế mà hoặc lấy bệnh cáo, hoặc đánh dẹp, chẳng yên, giặc còn lại chưa hết, dân lưu tán chưa về, công việc xếp đặt về sau chưa chu đáo, khu xử chưa quyết. Thế thì đã hết lòng chăng ? Hay là chưa hết lòng chăng ? Hoặc còn cho là chưa lâu, lại đợi đến bao giờ chăng ? Không nghĩ đến việc ấy mà mưu tính ngay, sao xứng với trách nhiệm. Nay 2 đại thần Thống đốc, Hiệp đốc và Tham tán Trần Văn Chuẩn, Tuần phủ Mai Quý, cùng đề tiễu, tán bang và các quan to ở quân thứ và tỉnh Tam Tuyên, Ninh - Thái, Lạng - Bằng, mọi người đều nhận làm trách nhiệm của mình, đem hết mưu mô, đem công việc trên đây làm cho ổn thỏa ngay, cho sớm yên ổn, vững chắc, hạn cho trong năm nay phải xong tất cả, để tiện sang xuân cho rút quân nghỉ ngơi, uống rượu ban thưởng, các nơi đều tự phải giữ, cốt hết phận sự, bọn ngươi chớ trái lời khuyên răn. Nay lại gần đến tiết Vạn thọ, thì các quân thứ các tỉnh ấy hiện theo làm việc quân từ đại thần đến binh dõng đều thưởng cho gạo, tiền lương tháng. Và cho các tỉnh theo lệ trước mà làm, ban yến, yên ủi khắp cả một lần để tỏ thể tất.

Chuẩn định niên hạn khai phục cho người bị cách làm việc chuộc tội. (Tội công phải cách làm việc chuộc tội 3 năm, tội tư 4 năm, có người không được bổ dụng 5 năm đều công trạng thực mới tâu xin cho khai phục. Nếu tội tư chưa có công trạng, lại đều hoãn 1 năm, tội công thì hết hạn vẫn tâu, không phân biệt).

Giặc nước Thanh, bọn Lục Chi Bình, Trương Thập Nhị, Lý Quảng Long, Chu Thành Quang, Đường Vãn, đến quân thứ Thái Nguyên xin hàng. Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết đem việc tâu lên. Vua chuẩn cho quân thứ ấy phái đi làm việc.

Thừa Thiên có bệnh dịch. Vua sai quan phủ ấy đến khắp đền thiêng cầu đảo, người bị bệnh thì cấp thuốc, người chết thì cấp tiền tuất.

Khi ấy đê điều Văn Giang (thuộc Bắc Ninh) thường vỡ. Vua cho là đê vỡ cũng do chưa có người giỏi trị thuỷ, sai quan tỉnh ấy hỏi tìm người Tây, người trị thuỷ giỏi thì thuê làm. (Nghe nói phép trị thuỷ của người Tây rất giỏi. Hiện nay việc buôn đã thi hành, người nước ngoài tụ tập đông, nên mới sai hỏi).

Thống chế quyền Chưởng Hậu quân sung Phó sứ Hải phòng ở Kinh kỳ là Vũ Lã chết, được truy tặng Đô thống.

Tàu thuỷ Đằng Huy mắc cạn, chìm vỡ ở vụng Áng (phận biển Hà Tĩnh). Bọn Quản đốc Kiều Văn Cơ và quản suất, lính thợ cùng thuyền đều phải xích giam, giao nghị tội bồi thường (tính tang rút đi một nửa, xét xử chánh, phó quản đốc phạt 100 trượng, đồ 3 năm, bồi thường 5 thành, còn thì đều giảm dần).

Bắt đầu đặt Tuần phủ, Đề đốc ở Tuyên Quang, cho Bố chính tỉnh ấy Mai Quý thăng thụ Tuần phủ, kiêm coi việc biên giới Thái Nguyên ; Phó đề đốc Trần Bân thăng thụ Chưởng vệ sung Đề đốc. (Tỉnh ấy hiện nay việc quân nhiều và khẩn cấp, cho nên đặt thêm).

Ở Kinh kỳ mưa. Tháng trước nắng nhiều, đã sai kính đảo. Đến nay mưa xuống thấm khắp.

Bờ bên hữu sông Cửu An tỉnh Hưng Yên vỡ (hơn 600 trượng). Vua cho là bờ đê có quan hệ đến đời sống của dân, lợi hại ở đấy, tỉnh, phủ, huyện và các viên đốc biện phái bộ, không chịu gia tâm trông coi làm việc, đều giáng phạt có thứ bậc. Lại sai quan tỉnh ấy hết lòng làm cho tốt, tìm nhiều phương pháp sửa chữa, để giữ lúa ở ruộng, giúp lương ăn cho dân.

Bộ Binh dâng sớ đem thuộc biền, binh dõng thuộc các phủ, tỉnh (Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Nam, Nam Định, Hưng Hóa) đi bắt giặc bị chết trận, thất lạc (Cai đội Trần Hữu Niên, Suất đội Ngô Thúc Sán, Đội trưởng (dưới cũng thế) Lê Trung Thành, Trần Văn Khả, Phan Văn Thông, Bùi Viết Vy, cấp bằng Đội trưởng (dưới cũng thế) Nguyễn Như Thản, Phạm Bá Hoán, Bùi Văn Đính, binh Nguyễn Văn Tứ, Ngũ trưởng Lê Trung Thế, binh Nguyễn Viết Tiến, Hoàng Đình Huân, Ngũ trưởng Trần Gia Hồi, binh Nguyễn Điền, Nguyễn Quán, Phan Văn Tĩnh, Thư lại Đặng Đình Hợp, thủ dõng (dưới cũng thế) Nguyễn Văn Tham, Đinh Văn Hoàn, Nguyễn Văn Dĩnh, Nguyễn Văn Mỹ, Đinh Văn Hạnh, Khuất Văn Nhiễm, Nguyễn Văn Kình, Nguyễn Văn Luyến, Đinh Văn Xâm) xin theo lệ cũ tặng tuất, ấm, nhiêu.

Vua y cho, Dụ rằng : Loại ấy tưởng còn nhiều. Từ khi Đà Nẵng có việc đến nay, mất tích không người khai báo, vẫn là chết mất, đáng thương. Bộ sức khắp cả, đừng để sót.

Giám mục nước Pháp là Phu-chi-nhi (ở Hà Nội) đi đến Thanh Hóa, vì giáo dân tỉnh Thanh kêu xin uỷ bẩm đơn quốc ngữ, Tổng đốc Tôn Thất Tư sức dịch ra chữ Hán. (Một khoản nói : Năm trước nghiêm cấm và năm sau đã sức cho dân giáo vâng khai số đinh, trích được nhiều đinh lậu. Nay triều đình đã bỏ sổ sách dân giáo, xin theo sổ trước chưa sáp nhập cung nộp chịu thuế, còn đinh lậu xin đều bỏ ra. Một khoản nói : Dân theo gián đoạn, hoặc có ruộng công, hoặc trích ra 12 mẫu, hoặc 15 mẫu, hoặc 20 mẫu, sung làm ruộng thần từ phật tự, dân giáo đã không được nhờ gì, đến khi chia bổ thuế, lương, giáo cùng chịu tất cả. Nay xin từ sau cứ sổ đinh mà chia, ruộng công ấy người nào muốn lập ruộng đạo điền, hoặc muốn sung làm ruộng thần, phật, đều trích ruộng phần của mình sung vào, thuế lệ chiểu phần thu nộp). Đem việc ấy tâu lên.

Vua khiển trách rằng : Lương, giáo đều là dân ta, triều đình vốn không chia rẽ. Giám mục ấy là ở hạt khác, giữ chức giảng đạo giáo mà thôi, sao được dự việc của

nhân dân. Dân tỉnh Thanh không nêu ở tỉnh, lại dám kêu vượt, giám mục cũng dám tư vượt. Quan tỉnh ấy bọn Tôn Thất Tư, Trương Quang Đản, Nguyễn Khoa Luận không biết giữ lẽ bác đi, đều phạt 9 tháng lương.

Sắc bảo các quan tỉnh.

Dụ rằng : "Chính sự cốt ở nuôi dân" là chỉ sẵn có của trẫm ; từ trước đến nay để ý võ thương, tuy gặp lúc đương nhiều việc, của ít, cũng chưa từng tiếc chút nào. Không gì hại bằng binh lửa vừa chém giết, lụt, hạn, tật, dịch không thể hết hẳn thêm khổ dân ta, đều là trẫm đức ít bạc. Ở Bắc Kỳ, thì Tam Tuyên, Ninh - Thái, Lạng - Bằng, Hưng Yên, Hải - Yên ; và Hữu kỳ thì Nghệ An, Hà Tĩnh là hại hơn cả, rồi thứ nhì đến Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, thường ban đặc ân, giúp đỡ rất hậu, vẫn sợ ngầm giấu khó chu đáo, tệ giam chứa lâu, sao được đều thấm ơn huệ thực, bệnh cũ chóng hồi, để xứng lòng mong của trẫm. Vậy sai quan các tỉnh, và phủ, huyện đều phải xét kỹ lòng trẫm, khám xét kỹ hơn, phàm dân gian bị đau khổ, phương pháp nào có thể giúp đỡ trăm họ, chẩn cấp kẻ cung thiếu, phục hồi kẻ lưu vong, đều thực tâm thực lực trù tính, tất cả thời thường tâu vào, báo cáo chờ lệnh cho thi hành, sớm thấy hiệu quả đầy đủ yên vui, là điều rất mong của trẫm. Tuy thế, người cùng với trẫm cùng vỗ về trăm họ, có phải là quan hiền không ? Cho nên cốt phải sạch nguồn, ngăn mầm mống, dẹp tranh chấp, trừ mối hại, chăm giáo hóa, bớt kiện tụng, khuyên cày cấy, vững giữ che, nếu biết cùng nhau cố gắng thực hành, tất sẽ kiến hiệu. Trước năm Trinh Quán [nhà Đường] liền năm tai lạ, đói, mất mùa, Thái Tông nghe lời nhân nghĩa của Ngụy Trưng, chăm lo vỗ yên, sau thấy thái bình thịnh trị. Trẫm đức bạc chẳng dám mong xa nhưng chí dẫu già không thay đổi, vẫn mong quan lại hiền lương, hoặc giúp được việc.

Sau Quảng Nam cũng tâu báo túng thiếu, lại lục sức một thể để khuyên nhủ.

Tháng 8, cho Đề đốc Kinh thành Nguyễn Hanh đổi làm Thống chế, quyền coi Hậu quân, sung làm Phó sứ Hải phòng ; Chưởng vệ quyền coi dinh Kỳ võ Tôn Thất Kỳ đổi lĩnh Đề đốc Kinh thành, Phó vệ uý quyền coi dinh Hổ oai Hoàng Văn Thu, quyền coi dinh Kỳ võ ; Phó vệ uý Nguyễn Thịnh thăng thụ Chưởng vệ quyền coi dinh Hổ oai.

Trước trường thi văn ở Nghệ An phúc khảo là Đặng Huy Hoán (người tỉnh Thanh Hóa, hiện bổ Giáo thụ phủ Thiệu Hóa) tự tiện mang hộp mực vào trường. (Minh Mệnh năm thứ 15, nghị chuẩn : Quan trường khi tiến trường không được mang theo sách vở, thoi mực, giấy có chữ, xét được có tội). Giám sát là Tống Phúc Trạch, Giám khảo là Phạm Bành, xét bắt được, Chủ khảo bọn Nguyễn Lẫm đem đủ chứng cớ tâu bày. Đến nay bộ Lễ tâu xin nghĩ chuẩn : Đặng Huy Hoán, theo điều luật "Cống cử phi nhân" (trong có 1 khoản : Cử nhân, giám sinh, học trò đi thi và

các quan lại, nếu có mang giấu giấy có chữ, bạc lạng, bắt được tại chỗ thì phạt 100 trượng, cách chức) xử phạt 100 trượng, cách chức về quê. Phạm Bành, Tống Phúc Trạch thưởng kỷ lục mỗi người 1 thứ.

Nước Pháp đệ giao các thứ tàu, súng, thuốc đạn do lòng tốt tặng cho, theo như hòa ước. Bộ Binh tâu : Nước Pháp tặng cho súng điểu thương mở ở bụng, mài dũa đã xong, xin cho bắn thử ở trường bắn ở cửa Thuận An.

Vua sai bọn Thống chưởng quân Thần cơ Tôn Thất Phê, Biện lý bộ Binh Hà Văn Quan chọn 18 người quân Thần cơ, đeo 10 cây súng, đến cửa biển Thuận An hội đồng với Tham biện hải phòng bắn thử. Lại sai quan bộ Binh và Nguyễn Văn Tường thương thuyết với sứ Pháp là Lê Na cho đốc công nước ấy hoặc 1 người lính súng nước Pháp am hiểu nghề súng đi đến chỉ bảo phương pháp bắn. Sứ pháp phái lính tên là Nê-cô đi theo cùng đến trường bắn chỉ bảo phương pháp. (Lính ấy lấy súng, làm ra thế bắn đứng, trước hết đem súng dựng ở đấy, sau rút thanh kiếm cắm ở miệng súng ra, cho vào hộp đeo ở thắt lưng bên tả. Sau mang súng đeo ngang, tay tả cầm súng, tay hữu cắp báng súng vào nách, cầm thân súng thật vững. Sau lấy tay hữu đẩy máy dẫn lửa lên, sau mở lòng súng, lấy thuốc đạn nạp vào xong, lại đóng súng kín đáo như cũ, tay hữu bắn ra, tay tả cầm súng, rồi sau đem hình đứng ở bia. Còn cách đứng : Chân tả tiến lên phía trước, chân hữu lùi về phía sau, đều lấy gân đứng, cầm súng áp vào má, giơ lên tìm đích, đem cầm để bắn. Bắn xong, lại theo như trước, tay tả cầm súng, tay hữu cặp báng súng vào nách cho chắc, lại mở lòng súng, kéo cái máy sắt áp ở lòng súng ấy rút về phía sau, nghiêng súng cho vỏ đạn rơi ra, bèn đem thuốc đạn bắn lần sau nạp vào, lại bắn, hơi giống như súng điểu thương máy đá, nhưng thế đứng hơi khác, lính Pháp ấy nói rằng : Súng ấy khi bắn, giật hơi mạnh, cho nên thế đứng cùng với súng điểu thương nước ấy không giống nhau. Lại bảo về thế bắn ngồi, hễ cho thuốc đạn vào xong, quỳ xuống, chân bên hữu co về phía sau, dựa vào đùi, tay bên tả đem ra trước, lấy đầu gối đỡ tay bên hữu cong khuỷu tay cầm súng áp má, tìm đích mà bắn, bỏ thuốc đạn xong, rút gươm cắm vào miệng súng, hộp gươm vẫn để ở thắt lưng bên hữu, làm ra dáng tiến, lùi đánh giặc. Lính Pháp ấy đến gần giặc, bèn dùng gươm ở cạnh đánh, đâm).

Việc bắn thử xong, bọn Phê, Văn Quan tâu : Lính Pháp là Nê-cô đến trường bắn chỉ bảo rất cẩn thận có lòng.

Vua sai thưởng cho sứ Pháp 1 chiếc khay vuông bằng gỗ đỏ khảm xà cừ, 1 đồng ngân tiền lớn song long, thưởng cho Nê-cô 20 quan tiền kẽm.

Vua cho là súng điểu thương sứ Pháp mới tặng, hôm trước bộ thí nghiệm, chỉ là bắn thường, còn như độ đi xa gần, chưa được thử, lại sai lập tức chọn chỗ đất rộng ở cửa Thuận An làm trường bắn tạm, lại đem hạng súng ấy bắn thử. Do nha Thương bạc

uỷ người nói với sứ ấy bảo lính Pháp trước đến nơi chỉ bảo độ chuẩn đích (độ thứ nhất 300 thước Tây, mỗi thước bằng 2 thước 5 tấc thước gỗ công nước ta, độ thứ 2 đến độ thứ 8, đều thêm lên 100 thước Tây). Sức phải bắn thử, lấy đủ độ số đạn đi xa gần, tâu lại rõ ràng. Nhân sai giải 200 cây súng và thuốc đạn giao cho quân thứ Thái Nguyên.

Cho nguyên Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái là Phạm Thận Duật (ốm khỏi về Kinh) làm Tả tham tri bộ Lại, kiêm Tả phó Đô ngự sử viện Đô sát. Quang lộc Tự khanh sung Tán lý quân thứ Hưng Yên là Nguyễn Văn Thận thăng thụ Bố chính thự Tuần phủ Hưng Yên. (Quyền Hộ phủ trước là Trần Nhượng đổi điệu làm Thị lang bộ Lại).

Sĩ dân Hưng Yên nghĩ Tuần phủ trước là Trần Văn Chuẩn thanh liêm, siêng năng, vỗ nuôi chính mình cai quản suất thuộc lại, dân đều tin yêu, từ khi đổi sung làm Tham tán quân thứ Thái Nguyên, không kế gì ngăn giữ được, tình không đừng được, bèn kể rõ các khoản công trạng làm việc. (- Một khoản : 5 huyện hạt ấy từ năm Tự Đức, Tân Mùi đến nay, bị vỡ đê luôn, dân gian túng thiếu. Tháng giêng năm ngoái bắt đầu đắp đê ấy, quan tuần ấy đến cai trị, liền thân đi ngày đêm đốc sức, lại đề tâu xin cấp thêm tiền gạo, và liệu cho vay thóc công, dân vui lòng đi làm, việc đắp đê chóng xong. - Một khoản : Quan tuần phủ ấy dâng sớ tâu xin sửa đắp sông Cửu An để giữ việc làm ruộng 3 huyện bờ bên hữu, tạm đã xong việc, bỗng nghe quan tuần phủ ấy đến quân thứ, lòng người sinh lười biếng, đê ấy nhân thế vỡ lở. - Một khoản : Nghiêm cấm quản suất bắt đóng góp, quân lính được yên ở hàng ngũ. - Một khoản : Đến kỳ thuế, ngày thường ngồi ở trường thuế coi thu, nghiêm sức lại lệ ở kho không được để khó, tổng lý không được thu quá lạm. - Một khoản : Kiện tụng tầm thường, lập tức xử ngay tại chỗ cho về, không có đà lụy trói giam. - Một khoản : Dân đạo hạt ấy mưu nhận đình, chùa, nhà công, quan tuần phủ ấy khéo dụ, phải thôi. - Một khoản : Nghiêm sức 2 ty và quan lại phủ huyện, việc công không được để đọng và sách nhiễu. - Một khoản : Trích phát việc tên Phúc trá mạo trát văn, chiểu luật nghĩ xử. - Một khoản : Nghiêm cấm quân gian, dân địa phương được yên ổn. Ngoài ra như các việc : Thờ kính, chấn hưng sĩ tử, ưa chuộng cần kiệm, từ chối cho biếu, không thể kể hết), đến thống hạt bẩm xin để tâu giúp, hộ lý Tổng đốc Định - Yên Nguyễn Trọng Hợp đề đạt lên cho, nhân nói đến tỉnh ấy liền mấy năm nước lụt, thường tỏ ra túng thiếu, cai trị ở đấy thực khó có người. Viên ấy vâng mệnh đến cai trị, mới khoảng 4 tháng, dân tình tin yêu như thế. Như thế, tưởng xứng với uỷ thác.

Vua bảo rằng : Tuy không có công lạ, cũng là hết sức, sẽ có Chỉ sau. (Về sau (tháng 12) Trần Văn Chuẩn tuy vì việc quân bị cách lưu, nhưng lại được điệu về tỉnh ấy).

Quan tỉnh Hải Dương dâng sớ tâu xin tự bàn với phái viên nước Pháp cùng đánh giặc biển.

Vua khiển trách rằng : Ở ta, binh thuyền thuỷ, bộ đã đầy đủ cả, nên phải đi đánh dẹp ngay, đâu phải mượn tàu thuỷ, sao lười quá thế. Ngươi : bọn Phạm Phú Thứ, nên thức ngay cùng đánh, đem ngay giặc ấy bắt chém, để cho xong việc.

Lĩnh Doanh điền sứ Sơn phòng Quảng Nam là Nguyễn Tạo dâng sớ xin đào sông Ái Nghĩa, lấp sông Vĩnh Điện. Vua sai quan Nội các Nguyễn Thuật xét lại. Thuật tâu nói : Từ khi sông Vĩnh Điện đã khai, các cửa sông bên hữu ngày càng lấp mất, thuyền bè khó đi, ruộng không nước tưới, sông ấy nên lấp, văn võ sĩ thứ, vui lòng rất nhiều, theo hiểu biết của thần, cũng không trái khác. Năm ngoái quan Khâm phái : Bọn Cao Hữu Sung, khám xét xin đào ngay sông Ái Nghĩa xứ Tam Bào, để nước ở thượng lưu chảy ra Cẩm Lệ. Lại đào 1 đoạn đường cảng Cẩm Lũ, Thi Lai để nước chảy thẳng ra Sài Giang, liệu làm 2 đoạn kè để chia thế nước, để ngăn mọi lẽ là cát bồi, đã xét rõ hình thế nghĩ xin nhân công. Phí tổn cũng không nhiều lắm. Xin nêu tạm cho theo thế mà làm, đợi sau 4 - 5 năm, đất cát bồi lấp, cửa sông nông dần, dòng sông yếu dần, rồi sau ra công đắp lấp, mới mong thành công. Vua cho là phải.

Viên dạy bảo ở nhà Dục Đức là Nguyễn Dục vì đến lệ tuổi già (70 tuổi) lại ốm xin về hưu. Vua cho là Dục hay nghiêm chính, việc trong ngoài ở nhà ấy, không việc gì là không xem xét, sửa sang, hoàng trưởng cũng rất phải kính sợ, chuẩn cho nghỉ 3 tháng về điều trị, ban cho 50 lạng bạc, quan tỉnh thường phải thăm hỏi, hết hạn tâu lại.

Bắc Ninh bị lụt. Hộ đốc Lê Hữu Tá dâng sớ xin giúp đỡ. Vua cho là hạt ấy mấy năm nay thường bị giặc, bị lụt, năm nay lại bị đê vỡ, các dân bị lụt 192 xã thôn hiện thiếu tiền thóc, thuế sản vật, ngạch lính, năm trước và phải nộp vụ hạ này còn thiếu các hạng bao nhiêu, chuẩn cho tha, hoãn đều có thứ bậc.

Bộ Hộ đem số nhân đinh ruộng đất bọn Doanh điền sứ Thừa Thiên trước Trần Đình Túc, Nguyễn Lâm, nhiều lần mộ khẩn (nhân đinh : 205 người ; ruộng, đất : 3.093 mẫu) tâu lên. Vua chuẩn cho thưởng Túc gia trật (Nguyễn Lâm trước đã thưởng gia 2 trật, Trần Đình Túc mộ khẩn hiện được 67 đinh ; ruộng đất hơn 1.200 mẫu, chưa được nghĩ thưởng).

Quảng Ngãi gạo đắt, quan tỉnh ấy xin trích tiền thóc nghĩa thương xã cho vay.

Vua bảo rằng : Hạt ấy từ mùa đông năm ngoái đến nay, bão, lụt, hạn hán, nhiều lần bị tai họa riêng, quan tỉnh lạo thảo hư ứng, sao cứu giúp được. Nay cho phái Ngự sử đạo Trị - Bình Nguyễn Ngọc Chấn đi ngay dò xét đích xác, nếu quả túng thiếu quá đáng, chuẩn cho hội đồng với quan tỉnh chi thóc kho ra, giảm giá đem bán, để thư khẩn cấp cho dân.

Án sát Sơn Tây Nguyễn Văn Trang, tâu bày việc đê điều không ngoài 2 việc vét sông, đào sông, nhưng phải được người chuyên coi việc ấy mới được thành hiệu. Xin đặc cách cho 1 viên đại thần sung làm Đê chánh sứ, đi khắp địa phương có đê sông, hội cùng các quan tỉnh xét rõ, trù định, vẽ bản đồ, tâu ngay đợi Chỉ thi hành. Bộ Công xin giao cho quan tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên hội đồng trù tính. Vua nghe theo.

Vua cho là Thương chính đặt ra, việc thuộc phiền trọng. Chuẩn cho Tổng đốc Hải - Yên Phạm Phú Thứ, vẫn hàm Tổng lý (kế toán ở Hà Nội thuộc cả Hải Dương), Tổng đốc Hà - Ninh Trần Đình Túc ; Tuần phủ Hà Nội Trần Hy Tăng ; Tổng đốc Bình - Phú Phạm Ý ; Tuần phủ Hải Dương Nguyễn Tăng Doãn, đều theo nguyên hàm kiêm coi công việc thương chính.

Khi ấy bộ Lễ dâng nghi chú khánh tiết Vạn thọ.

Vua bảo : Lệ khí chưa hết, dân chưa vui, trẫm đâu được vui. Sai bãi bỏ múa bát dật, đèn hoa, đốt cây bông và diễn tuồng 3 ngày. Nhân đấy phủ Tôn nhân và đình thần xin đình việc ban yến. (Lệ trước : trước chính ngày khánh tiết 1 ngày, hoàng thân và văn từ chánh lục phẩm, võ từ chánh ngũ phẩm trở lên, đều được ban yến 1 lần).

Vua bảo rằng : Việc ban yến, đối với tình và lễ rất nên, sao được bỏ, nếu bỏ yến thì cũng bỏ mừng, lấy gì làm tình, làm lễ.

Khánh tiết Vạn thọ, sứ Pháp thân đến chúc mừng. (Lễ khánh hạ xong, dẫn sứ ấy đến đứng ở hàng tòng nhị phẩm, sứ ấy tay cất mũ chầu làm lễ 3 vái, gửi lời chúc mừng, đến khi vua truyền Chỉ xong, sứ ấy làm lễ 3 vái, rồi dẫn ra).

Tuần phủ Lạng - Bằng Lương Quy Chính và Án sát Lạng Sơn Nguyễn Mậu Kiến vì gièm pha nhau đều phải tội.

Trước đấy, Mậu Kiến đem hặc Quy Chính gồm 8 khoản. (Một khoản : Viên Án sát ấy nhận đơn kiện của La Quang Lý đã trình, viên Tuần phủ ấy bảo rằng hãy tạm hoãn tra xét. Một khoản : Viên Tuần phủ ấy nhận đơn của Hoàng Văn Tường bịa đặt kiện viên Án sát ấy đòi tiền, mà không xét xử. Một khoản : Viên Tuần phủ ấy giúp đỡ Hoàng Văn Tường dâng sớ xin mộ quân cầu thưởng. Một khoản : Lương tháng của các trạm, bị lại dịch giữ lại đòi thế, phát, đã trình, viên Tuần phủ không chịu răn bảo. Một khoản : Lính mộ hư ứng sung điểm, mà chiểu tháng lĩnh lương, làm hao phí. Một khoản : Viên Tuần phủ ấy bán bạc, giảm giá bán gạo lấy lợi. Một khoản : Viên Tuần phủ ấy rút sớ văn của viên Án sát ấy để sao viết. Một khoản : Viên Tuần phủ ấy đã nhận cái án Giáng Duệ Hiền giết người, không chịu tra xét) đã chuẩn cho lục sức giao Lương Quy Chính cứ thực tâu lại. Trong đó có 2 khoản (khoản thu nhận hai đơn kiện của La Quang Lý, Hoàng Văn Tường) liên can đến Nguyễn Mậu Kiến (mất án, nhận tiền). Án ấy thành ra gièm pha nhau, chuẩn giao

cho Tổng đốc Bắc Ninh trước là Tôn Thất Thuyết xét nghĩ. Đến khi án dâng lên, vua phê bảo : Lương Quy Chính phải theo khoản nặng : tăng, giảm giá gạo, giá bạc, xử phạt 100 trượng, đồ 3 năm ; nhưng nghĩ viên ấy ở Lạng Sơn đã quen, gần đây xử trí cũng được yên ổn, chưa nỡ vội bỏ, cho cách chức theo tỉnh ấy sai phái làm việc, đi lại khuyên bảo hào, dõng hết sức giữ đánh, cốt có công trạng thực, lấy công chuộc tội. Nguyễn Mậu Kiến nhận tiền hối lộ, đáng phải tội thắt cổ ; nhưng bạc ấy chưa tiêu, lại đương có việc mộ quân mưu đánh giặc, rất là có lòng, cho gia ơn cách chức, phát giao cho quân thứ Ninh - Thái, làm việc chuộc tội.

Chuẩn định lễ gia cấp tiền tuất cho quan viên (Tự Đức năm thứ 8, nghị chuẩn ấn quan, văn từ tứ phẩm, võ từ chánh tam phẩm trở lên, không cứ tại chức hay hưu trí, người nào hễ ốm chết, chết trận, theo lệ được cấp áo triều thì cấp thêm tiền tuất : chánh nhất phẩm 800 quan, tòng nhất phẩm 700, chánh nhị phẩm 600, tòng nhị phẩm 500, chánh tam phẩm 400, tòng tam phẩm 300, chánh tứ phẩm 200, tòng tứ phẩm 100. Võ từ chánh tam phẩm, thuộc tiêu, văn chánh tứ phẩm thuộc viên trở xuống, theo lệ không có áo triều mang theo, tiền tuất : chánh tam phẩm 100, tòng tam phẩm 80, chánh tứ phẩm 60, tòng tứ phẩm 40, chánh ngũ phẩm 35, tòng ngũ phẩm 32, chánh lục phẩm 30, tòng lục phẩm 25, chánh thất phẩm 22, tòng thất phẩm 20, chánh bát phẩm 18, tòng bát phẩm 15, chánh cửu phẩm 12, tòng cửu phẩm 10, thư lại, lính, thợ đều 3 quan. Từ ngũ phẩm trở xuống, người nào là về hưu không phải là bắt về hưu và nhân ốm chết, lượng cấp nửa tiền tuất. Đến nay, cấp thêm, ấn quan, chánh nhất phẩm 900, tòng nhất phẩm 800, chánh nhị phẩm 700, tòng nhị phẩm 600, chánh tam phẩm 500, tòng tam phẩm 400, chánh tứ phẩm 300, tòng tứ phẩm 200. Thuộc viên chánh tam phẩm 200, tòng tam phẩm 150, chánh tứ phẩm 100, tòng tứ phẩm 80, chánh ngũ phẩm 70, tòng ngũ phẩm 60, chánh lục phẩm 50, tòng lục phẩm 40, chánh thất phẩm 35, tòng thất phẩm 30, chánh bát phẩm 25, tòng bát phẩm 20, chánh cửu phẩm 18, tòng cửu phẩm 15, thư lại, lính, thợ đều 6 quan.

Vua cho là gần đây cử người mình biết, không được người thực. Nhân đấy bảo ấn quan trong ngoài xét rõ người. Ai phẩm hạnh ngay thẳng, học rộng, biết nhiều như Nguyễn Văn Giao, Phạm Thanh thì cho được thường đề cử người mình biết, chờ cho cất dùng.

Đặt thêm Đề đốc ở Nghệ An. Cho Phó lãnh binh quyền sung Hải phòng Đề đốc Lê Chuẩn sung Đề đốc tỉnh ấy. (Trước nhân việc phòng giữ, tạm đặt Hải phòng Đề đốc. Đến nay vì việc ít, nên đình. Đặc cách chuẩn cho đặt thêm đề đốc tỉnh ấy, cho có chuyên trách).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LVI*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Bính Tý, Tự Đức năm thứ 29 [1876], mùa thu, tháng 9, viết thư cho Tuần phủ Quảng Tây nước Thanh. Khi ấy Lãnh sự nước Pháp Kê-la-đích ở Hà Nội, hẹn ngày (trước, sau ngày 15 tháng ấy) đến sông Thao xét xem đường sông thông thương. Sợ hắn hoặc vượt biên giới (thượng du Hưng Hóa tiếp giáp với tỉnh Vân Nam nước Thanh), sai viết thư đến Quảng Tây biết trước, để định liệu.

Xét chiến công quân đi bắt giặc ở quân thứ Thái Nguyên (nhiều lần đánh giặc các trận ở Lăng Sao, Cao Thượng, Tiên Lục, Thịnh Liệt, Thanh Lương, Vạn Phái, Ngọc Lâm, Đông Lỗ, Thượng Vụ, Đàm Ban, Yên Định, được thắng trận. Tất cả 195 người được thăng thưởng).

Tha thuế sáp (vì dân bỏ đi, ruộng bỏ hoang) cho thôn Hưng Nhân (dân Man) tỉnh Bình Thuận.

Trả lại hàm Hồng lô Tự khanh cho Nguyễn Uy đã chết (Đồng tiến sĩ, người Thừa Thiên) nguyên trước cho làm việc ở quân thứ Thái Nguyên. Trước, Nguyễn Uy vì khoản tự tiện cho người làm việc chuộc tội, đi theo sai phái, phải tội sung quân. (Viên ấy, năm Tự Đức thứ 25, hiện làm Tuần phủ Bình Thuận, vâng Chỉ về Kinh. Khi ấy có người cùng làng là Nguyễn Phác phải tội sung quân được tha phát đi làm việc khai khẩn ruộng hoang ở Bình Thuận. Viên ấy nghĩ tình xóm làng, riêng cho theo về. Đến khi chuẩn cho thự Tổng đốc Ninh - Thái kiêm chức Thị sư, lại cho theo đi, tư bộ chi lương, bị bộ hặc tâu, giao nghị xử, phải tội dối trá, xử

sung quân). Vua gia ơn khoan tha cho, nhưng sai sức cho biết để lo làm việc chuộc tội. Sau rồi đánh giặc, chậm mãi không xong, bèn phải giáng. (Năm thứ 27, giáng làm Thị lang, cách hàm Thị sư, vẫn sung chức Tổng đốc Ninh - Thái, kiêm coi việc quân Ninh - Thái, Lạng - Bằng). Sau can khoản khác phải giải chức, tạm cho hàm. Năm thứ 28, vì hai đoàn họ Chu, họ Triệu làm phản, chuẩn cho giải chức, giao cho Tôn Thất Thuyết, cho hàm Thương biện Thái Nguyên thứ vụ). Chưa bao lâu bị bệnh, xin cáo về quê, đến nay chết.

Vua thương nhớ Dụ rằng : Nguyễn Uy trước can án nặng, dối trá, phải tội sung quân, thực không oan uổng, gia ơn cho chức hàm để lập công đền tội, cũng không công trạng, nhưng năm thứ 26, khi 4 tỉnh có việc, viên đã chết ấy ở Bắc Kỳ biết xếp đặt chống giữ, công lao ấy cũng phải nên nhớ, vả lại viên ấy xuất thân khoa giáp, làm việc hơn 30 năm, cũng là đáng thương, cho khai phục hàm Hồng lô Tự khanh, chiểu hàm cấp tiền tuất để tỏ ý trung hậu thể tất bầy tôi.

Cho Án sát Hưng Hóa, thăng lĩnh chức Bố chính Lạng Sơn, hộ lý Tuần phủ Lạng - Bằng.

Cho Chưởng vệ quyền coi dinh Long võ Trương Văn Hùng thăng thự Thống chế Hữu dực dinh Vũ lâm, Chưởng vệ Phạm Trinh quyền coi dinh Long võ.

Quan tỉnh Hải Dương dâng sớ xin làm thêm 10 chiếc Dũng thuyền (100 binh dõng) ở Úc Tân, đóng thêm để tiện tuần tập phận sông, biển trong hạt. Vua y cho.

Dụ quan có trách nhiệm ở Kinh và tỉnh ngoài. Từ sau phàm việc thuộc ty của mình, trừ việc theo lệ phải làm ra, hoặc có việc gì quan hệ đến lợi hại, cần thiết đến thời nghi, thực nên sửa sang, thì đều phải lưu tâm xét định, tuỳ việc tâu lên, đợi Chỉ chuẩn cho thi hành, nhưng cốt yếu không đến thay đổi sinh tệ, thế là được mà thôi.

Đặt tên cho 5 chiếc tàu thuỷ nước Pháp tặng (thứ nhất là Lợi Tải, thứ nhì là Lợi Tế, thứ ba là Lợi Đạt, thứ tư là Lợi Dụng, thứ 5 là Lợi Phiếm, đều tên ban cho). Đều khắc tên ở lái sau và làm hiệu cờ (khắc ngang ở lái sau một hàng 6 chữ "đệ nhất Lợi Tải cơ thuyền", hiệu cờ đính 4 chữ "Lợi Tải cơ thuyền"). Còn phỏng theo thế.

Định lại lệ kêu kiện của dân lương, giáo. (Từ sau dân lương, dân giáo có bị ức, trước hết kêu kiện ở tổng lý và huyện nha. Nếu không minh, mới được kêu lại ở phủ, tỉnh, nếu lại không minh, cho đệ đơn kêu ở Pháp ty. Nếu kiện vượt và không qua nơi cai quản của mình mà đi nơi khác, thì chiểu luật việt khống. Còn có đã kêu mà không xét xử cho, thì chiểu luật có giấy kêu không thụ lý. Còn như giáo huấn và giám mục, linh mục đi kiện thay hoặc nói hộ thì chiểu luật "xui giục kiện tụng và nói hộ việc và xử kiện tránh mặt". Các điều trên đây nếu có người phạm, đều chiểu luật này, thêm bậc xét xử).

Sức lại các ấn quan văn, võ trong ngoài đều để cử người mình biết. Trước đây, nhiều lần bảo để cử người mình biết mà văn, võ đại thần chưa có người để cử, cho nên lại bảo phải để ý hỏi khắp, xét kỹ văn võ, đều theo tài khí phẩm trật, thực là có thể làm được, đem việc thực bầu cử, hoặc có tài ẩn hơn người, làm được việc lớn, cũng nên thiết thực tiến lên, đặc cách bổ dùng, được xứng đáng, thì thưởng cũng khác thường.

Có Dụ răn dạy bảo Hoàng trưởng tử và giáng trách Thái y viện sứ Nguyễn Tán. Khi ấy, Hoàng trưởng tử có con nhỏ bị ốm, đã uống thuốc của Tán, chưa đỡ. Vua nghe biết, liền sắc cho Thái y phái người đến chữa ngay. Hoàng trưởng tử nhân giữ Tán lại, Tán cũng nghe theo, bảo sai Nguyễn Tăng Cáp trực thay. Vua cho là việc ấy tuy là thường tình việc riêng, nhưng rất quan hệ đến đạo nghĩa, bèn giáng Dụ nghiêm trách. Hoàng trưởng tử phải phạt lương 1 năm, Tán phải giáng làm Tả viện phán, cho vẫn làm việc. Còn bọn giáo đạo, giảng tập không biết sửa giúp, đều giáng 2 cấp lưu.

Bắt đầu thu thuế đĩnh phấn [1] ở Thanh Hóa và thuế cau khô ở Quảng Nam. (Người buôn nước Thanh lĩnh trưng bằng năm tiền thuế đĩnh phấn 400 lạng bạc, thuế cau khô 300 lạng).

Quân thứ Tĩnh man tỉnh Quảng Ngãi tiến đánh các trại Man lâu ngày (từ tháng 2 đến tháng 5), bắn, đâm người Man, thu về nhiều người và súc vật, thưởng cho quan quân cấp kỷ, tiền bổng có từng bậc.

Khi ấy, giấy tờ nước Pháp phát trạm đệ đi nhiều và khẩn, hoặc có chậm trễ, phải khiển trách. Vua bảo rằng : Giấy tờ nước ấy rất nhiều, hoặc cần cấp cũng theo như phát vào Kinh, vào Nam, Bắc Kỳ. Sau tâu báo : Linh mục nước Pháp ở Khánh Hoà là Di-bô-lê uỷ người mang thư nhờ phát giao cho Lãnh sự cửa Thi Nại, tỉnh Bình Định, quan tỉnh ấy giữ lệ từ chối. (Lệ định tất cả giấy tờ đi lại hỏi thăm, không được trạm đệ đi). Rồi tư cho viện Cơ mật xét định. (Nói giấy tờ của đạo trưởng có được phát đi hay không ? Từ trước đến nay không định đến). Quan viện ấy cho là thư riêng, không liên quan đến việc công, nếu cũng trạm đệ đi, phiền không nói xiết mà tin tức thông luôn, thành thêm nhiều việc. Từ sau, phàm đưa đệ giấy tờ, trừ tướng nước Pháp và lãnh sự nước ấy đưa gửi, phải theo lệ phát ra, còn tất cả thư riêng (linh mục và tư nhân nước ấy) không được tự tiện phát đi để đỡ phức tạp. Chuẩn cho theo nghĩ thông sức cho đều biết.

Cho Đề đốc Hà Nội Nguyễn Giao, sung làm Phó đề đốc quân thứ Thái Nguyên ; Lãnh binh quân thứ Tuyên Quang Lê Văn Trinh lĩnh Đề đốc Hà Nội.

---

(1) *Đĩnh phấn* : không hiểu là gì, tra chưa được.

Hộ phủ Trị - Bình Lê Đình Tuấn cho là tỉnh ấy bắt đầu lại đặt, công việc bận nhiều, hiện quân chọn mộ chỉ có hơn 600, xin đặt thêm một cơ (10 đội) lính mộ, chia ban làm việc công. Vua y cho. Sau theo mộ gọi là cơ Trị tráng.

Chuẩn cho Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết về Bắc Ninh điều trị bệnh, vẫn xử trí việc quân thứ.

Sắc rằng : Trong năm nay xong việc hay không, chỉ hỏi ở ngươi. Thuyết sau cũng cố gượng đến Thái Nguyên.

Vua triệu Phạm Thận Duật hỏi về hiện tình các giặc ở thượng du Bắc Ninh, Thái Nguyên. Thận Duật tâu nói : Hạt Bắc Ninh chỉ còn 1 - 2 tên giặc trốn, giặc tàn ở Thái Nguyên chỉ còn vài bọn, đều xin thú, sắp xếp cho chỗ ở, quan Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết thường nói : Giặc còn sót lại nước Thanh, nên cho thú một nửa, còn một nửa phải đánh mạnh, tưởng làm như thế mới giữ không lo ngại. Duy việc xếp đặt về sau, tưởng nên xem đặt thổ quan, mới mong được việc. Nhưng hiện nay thổ tù hạt Thái Nguyên người được việc thì ít, chỉ có Nguyễn Văn Vụ, Nguyễn Văn Thạch nhiều lần theo đi đánh giặc, có công trạng thực, có thể làm được thổ quan. Vua lại hỏi phong tục ở Bắc Ninh, Thận Duật tâu : Phong tục ở Bắc Ninh một nửa là văn nhã, một nửa là dữ tợn.

Sai trong ngoài tìm thầy thuốc giỏi. Dụ rằng : Trong làng 10 nhà, tất có người trung tín, 3 người cùng đi, tất có người làm thầy ta, huống chi một nước rộng rãi không lo không có người, lo không biết người mà thôi, sao lại tìm không được, hay hoặc ẩn mà không rõ. Nay không cứ quan lại, sĩ thứ, xa gần, trai gái, người nào chữa khỏi bệnh đau mắt và sinh nhiều con nối, quả được kiến hiệu, thì thưởng cho quan tam phẩm, cho 5.000 lạng bạc, nếu có phẩm quan đã cao sẽ cho hậu thưởng, thăng đến chức cao thì được tự tâu bày, chờ dung, người chức thấp thì cho đến kêu ở pháp ty hoặc ở thượng ty sở tại, xét quả thực thì tâu ngay, không được giấu, kêu bậy không thực thì theo luật dâng thư không thực, xử tội đồ không tha. Nếu cho giấu thượng ty sẽ phải tội. Cho bộ Lễ sao thông sức cho biết khắp cả.

Truy tặng chức hàm cho các viên nhân bị chết trận nhiều lần ở tỉnh Sơn Tây đều có thứ bậc (từ Suất đội Nguyễn Văn Cán đến Võ cử Nguyễn Văn Nghị, tất cả 105 người đều được tăng hàm, cấp tiền tuất, cho ấm, nhiêu theo như lệ).

Hộ đốc Định - Yên Nguyễn Trọng Hợp tâu nói : Tỉnh ấy nhiều lần đắp đê làm nhà và mất mùa, chuẩn cấp, đều nhờ của công cấp cho. Nay trong hạt, lúa mùa hơi tốt, xin đến khi gặt mùa (thượng tuần tháng 10) lấy tiền kho 20.000 - 30.000 đặt giá mua thóc trữ riêng, chờ giá gạo hơn nhắc lên đem bán, đến trả tiền trước, còn thừa cho vào ngạch để chi dùng. Vua y cho.

Phái Lang trung bộ Lại Nguyễn Hữu Thanh, Viên ngoại lang Nguyễn Lập đến Quảng Nam khám xét các mỏ vàng, bạc, đồng, sắt. (Phan Tôn tâu nói : Tỉnh

Quảng Nam mỏ đồng ở các xã Trung Phúc, Thạch Kiều, Đức Bố và nơi được khai chưa khám như Trà Sơn và xã Trung An, mỗi nơi một mỏ bạc, xã Trà Kiều, một sở mỏ vàng, huyện Quế Sơn, một mỏ than đá, huyện Duy Xuyên một sở mỏ bạc, huyện Hòa Vinh nhiều nơi có vàng, bạc, đồng, sắt, bèn sai đi khám. Sau rồi Hữu Thanh và Lập cứ theo Tôn báo trở, lấy các hạng đá nấu thử, chẳng thành hạng gì).

Thưởng cho giặc đầu hàng nước Thanh là Diệp Thành Lâm quyền sung chức Tuyên uý đồng tri. Trước đấy, Thành Lâm đến Thống đốc Hoàng Tá Viêm chịu vỗ về yên ủi, được phái theo đi đánh giặc họ Bạch được thắng trận, cho nên sai Tá Viêm cấp bằng cho quyền sung chức ấy, để biết cảm động khuyến khích.

Lãnh sự nước Pháp đến cửa biển Thi Nại, tỉnh Bình Định mở việc buôn.

Khi ấy quan ở Nội các bọn Nguyễn Thuật, vâng mệnh nghĩ Dụ Chỉ, sức lại cho 2 tỉnh Thanh - Nghệ đào vét đường cửa biển, lời giản dị, lẽ rõ ràng, không dùng điển cố, vua xem rồi bảo rằng khá thông và rõ. Từ sau phàm việc gì không phải thuộc về văn chương, phải dùng điển cũ thì không phải xét dẫn, để được chóng hiểu. Thử xem hình dáng mây, dáng núi, sông, tự biết thành văn, việc gì phải tô điểm, thế gọi là văn của trời đất.

Cấm phủ đệ hoàng thân, tôn tước không được thu nuôi các người trong cung tha ra.

Đặt thêm huyện Đông Anh (thuộc phủ Từ Sơn). Khi ấy vì thượng du Bắc Ninh, địa phận các phủ, huyện bãi phẳng, đồng rộng, quân gian dễ tụ họp, cho nên đặc cách đặt thêm. (3 tổng huyện Đông Ngạn, 1 tổng huyện Kim Anh, đều lấy toàn tổng. Lại lấy tổng Phù Lỗ, thuộc Kim Anh (5 xã) đặt làm tổng Xuân Nộn ; tổng Phương La, thuộc Yên Phong (3 xã) đặt làm tổng Thư Lâm, lệ thuộc vào, tất cả 38 xã, thôn).

Khi ấy, các nha làm phiếu nghĩ chương sớ, phần nhiều cho là việc thuộc nha khác, đem ra đùn đẩy nhau. (Như bộ Hộ nghĩ tập tâu của tỉnh Hưng Yên, chỉ nhận một khoản cấp tiền tuất cho dân, còn 2 khoản tặng tiền tuất và nghĩa chủng đem xin giao cho 2 bộ Lễ, Binh).

Vua nhân đấy bảo rằng : Nhà nước chia thành từng ty, định từng cục, tuy đều có chức phận, nhưng lệ định ấy thì phải cùng biết, đâu có người ở quan, làm việc mà còn bảo là không biết, nếu rất là quan trọng, không phải việc ta phải làm, cũng chẳng dám vượt, việc tế lễ thay người làm bếp để tự mang tội. Còn như việc quan thiệp tầm thường, sao được nên nhất khái câu nệ. Cho nghiêm sức các nha 6 bộ, từ sau phàm tiếp được chương sớ, gián hoặc có việc thuộc nha khác, việc gì trọng đại, chưa từng có lệ định. Nghĩ nghị khó khăn mới được đem tâu giao cho làm việc, còn việc nào không có sự lý gì, đã có lệ sẵn, thì do nha tiếp được, phải kê cứu nghĩ phiếu tất cả, nếu đem đùn đẩy cho nhau như trước tất can tội nặng.

Phát chẩn cho phố An Biên, tỉnh Hải Dương bị hỏa tai. (Lệ trước : Bị hỏa tai 100 hộ trở lên mới được chẩn cấp, phố An Biên thất hỏa chỉ hơn 30 hộ. Khi ấy Lãnh sự nước Pháp tự bỏ tiền công 300 quan cấp phát, quan tỉnh nghĩ phố ấy mới chiêu tập lần đầu, ta há nên cố chấp vào lệ mà im. Nhân đấy xin châm chước lệ chẩn cấp. Vua y cho.

Trước, Tổng đốc Hải Dương Phạm Phú Thứ dâng tập tâu : Thuộc hạt ấy (xã Xuân Dục, huyện Đường Hào) có Nguyễn Văn Hân là con Nguyễn Văn Tố đã chết ; nguyên là Án sát tỉnh Tuyên Quang (can tội bỏ thành hàng giặc) tình nguyện quyên tiền cầu xin vào thi, viện lệ Phạm Thanh (năm trước Tham tri bộ Lại) Mai Quý (hiện bổ Bố chính Tuyên Quang) xin cho vào thi. Đến nay bộ Lễ tâu nói : Điều lệ thi Hương trong có 1 khoản : Thân thuộc các hạng người phạm, như tên chính phạm ấy hoặc có tư tình tha giặc, bị tội chết, tuy không phải cùng tội với giặc, nhưng tội tình rất nặng, con đẻ của tên ấy không được đi thi. Mai Quý can về khoản cha tên ấy là Mai Chuẩn chỉ là tuân theo khai mạo, nên được vào thi. (Mai Quý là con Mai Chuẩn, cháu Mai Đĩnh, Đĩnh can tội con tên ấy là Mai Phu ngầm làm giặc phải xử chém. Mai Chuẩn tuổi trẻ, không có phải tội lây, theo học đi thi, khi cung khai tam đại, về khoản cha tên ấy là Mai Đĩnh can án, đại khái giấu bớt, mạo khai là hiệu sinh đời Lê trước, con tên ấy là Mai Quý, Mai Tích đi thi, cũng theo như cha tên ấy là Mai Chuẩn cung khai mà điền vào. Thiệu Trị năm thứ 6, khoa Giáp Ngọ, Mai Quý dự đỗ Cử nhân, đến trình bày thú tội ở quan trường, đã bị tỉnh Nghệ An xử án đệ tâu, phụng Chỉ : Cha hắn là Mai Chuẩn tự trá mạo, phạt 100 trượng, lưu 3.000 dặm, Mai Quý, Mai Tích nhân theo khai mạo, phạt 100 trượng, đồ 3 năm, suốt đời không được đi thi. Tự Đức năm đầu, bọn Mai Quý, Mai Tích đến ty Tam pháp kêu xin vào thi. Ty ấy tâu xin, phụng Chỉ gia ơn đình thi 2 khoa, hết hạn lại cho vào thi). Cha Phạm Thanh là Phạm Phổ can tội, chỉ là vô trị trái phép, tội chỉ cách chức (Phạm Phổ nguyên thự Bố chính Tuyên Quang, vì can tội giặc Nông Văn Vân gây việc phải cách lưu. Sau tiến đánh bị vây, tự tử, đã được khai phục, lại chuẩn cho vẫn cách). Phạm Thanh chưa từng không được đi thi. Nay cha Nguyễn Văn Hân là Nguyễn Văn Tố án xử bỏ thành hàng giặc, không ví như cha Phạm Thanh, Mai Quý được. Nguyễn Văn Hân theo lệ phải không được đi thi là để khuyến khích tiết làm tôi, mà sửa lòng người. Tỉnh ấy nhất khái vin việc Phạm Thanh, Mai Quý, đã hàm hỗn kéo ép đem tên ấy xin quyên tiền vào thi, tâu xin cho, chẳng hóa ra lấy văn hành công khí làm chỗ bán lấy lợi ư ? Vậy Nguyễn Văn Hân xin, nên theo lệ không cho vào thi, còn tiền quyên xin sức giao trả, để cho hợp với nghị định, mà phép trường thi được nghiêm. Vua cho là phải.

Dụ bảo quân thứ Thái Nguyên và quan tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng hẹn ngày đi đánh giặc. Khi ấy quân thứ Thái Nguyên bè lũ giặc tàn linh tinh không mấy (hoặc

40 - 50, hoặc 100 - 200) mà Tham tán Trần Văn Chuẩn trù tính không xong, Đề đốc Nguyễn Văn Hùng, Tiễu phủ Vũ Huy Thụy thường thường kéo dài chậm trễ, quan tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng cũng không hội đánh, để cho bọn giặc vẫn được trốn thoát, bèn sức ngay để bảo, đều hẹn ngày vây giết, lấy công đền tội.

Tham tán quân thứ Thái Nguyên Trần Văn Chuẩn coi đốc 3 toán binh dõng trên 700 người đến đánh giặc chiếm giữ ở chòm ngoài núi Lũng Kim (tên đất), khinh thường tiến quân, bị thua (biền binh bị thương nặng 33 người, bị thương nhẹ 29 người, bị chết 34 người, tán lạc 119 người, khí giới mất rất nhiều). Dâng tập tâu xin chịu tội và xin Hộ đốc Lê Hữu Tá đến Thái Nguyên điều đốc, bắt ngay Cao Bằng, Lạng Sơn họp lại cùng đánh, rồi đem biền binh đến đồn Cạn (tên đồn), đến đồn Mèo (tên đồn) đóng để thăm dò thúc đánh.

Vua bảo rằng : Lê Hữu Tá đến Thái Nguyên thì tỉnh Bắc lại bỏ không, thêm ngại, nên không chuẩn cho. Trần Văn Chuẩn điều khiển trái phép, phải giáng 4 cấp lưu, nhưng phải cố gắng xét kỹ ngay hết sức thúc đánh, để chuộc tội trước. Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết tuy ốm về điều trị, nhưng việc vẫn chuẩn cho trông coi cả, thế mà xử trí không chu đáo, cũng giáng 2 cấp lưu, Lương Quy Chính ở Lạng đã lâu lòng quân tin phục, cho hàm Tán lý chuyên đem các đạo binh dõng ở Lạng Sơn, Cao Bằng đi ngay cùng đánh. Thống đốc Hoàng Tá Viêm phái nhiều quân tinh tráng đến cùng đánh và nói khéo đoàn quân họ Lưu đến Thái Nguyên cùng đánh. Nghiêm sức Tuần phủ, Đề đốc Tuyên Quang, hội cùng quân thứ Thái Nguyên giáp đánh.

Sai quan 2 tỉnh Hải Dương, Quảng Yên khu xử dân lưu tán ở Hà Cối. Khi ấy dân lưu tán nước Thanh ở Hà Cối phần nhiều có lòng ác từ trước (hoặc sửa sang thuyền súng, dựng làm đồn trại, hoặc chiêu họp bọn giặc làm càn cướp giết, mà tỉnh Hải Dương xin phủ dụ, tỉnh Quảng Yên xin đánh, lại là trái nhau. Bèn sai quan tỉnh Quảng Yên đem cả Thương biện Lương Văn Tiến (Tiến từ Hải Dương đi tàu thuỷ nước Pháp đến ngay quân thứ Quảng Yên) xét rõ hiện tình hoặc đánh, hoặc phủ dụ, tất phải xong ngay. Nếu quả hối cải quay về, thì sức ngay cho đem thuyền, súng ra thú nộp, chờ tuỳ theo xử trí, nếu tạm làm quẫy đuôi xin thương, lập tức phải định ngày đánh giết. Sau tâu lại : Gần đây chuẩn cho phái đến hiểu bảo, dân lưu tán ấy đều đã đến xin phủ dụ. Không đáng nghi ngờ chút nào, duy còn điền hộ nhân đinh, phải đem khám đo, đặt bang trưởng đầu mục khai sổ, chịu thuế, hiện đương lần lượt tiếp tục làm. Lại xin chọn phái 1 viên lãnh binh làm được việc đóng thêm ở phận sông Hà Cối để tuần phòng, mới mong được việc nhanh chóng. Vua chuẩn cho theo thế mà làm, để yên biên giới. Rồi lại phê bảo cần phải làm thế nào để không ngại về sau mãi mới được.

Sắc cho bộ Lễ từ sau phàm thiên văn địa lý và xem bói, tướng, số, nhà sư, đạo sĩ, có người quả là tinh giỏi, nên hỏi khắp để dùng, để không bỏ sót người có tài.

Mùa đông, tháng 10, Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu : Lần này Hoàng Anh phải bắt, kính nhờ uy đức triều đình xa thêm, thần minh giúp hộ. Vậy số 5.000 lạng bạc được thưởng trước, xin giao cho quan tỉnh Tuyên Quang 1.000 lạng để tế tạ. (1.000 lạng tế tạ các thần từ trong hạt và tế tướng sĩ trận vong, 4.000 lạng để thưởng nhân viên, binh dõng dự làm việc). Vua y cho.

Định lại lệ xét xử thuế sản vật. Lệ cũ, thuế sản vật để chậm thiếu, thì theo lệ thu lương, giảm bậc phân xử (như thu lương thiếu hơn một phần, giáng 1 cấp. Thuế sản vật, giảm 1 bậc : phạt lương 1 năm). Đến nay vì thuế sản vật thiếu nhiều, chuẩn cho thuế sản vật để thiếu, theo lệ thu lương xét xử.

Hoãn lệ thuế đánh đều, thu thêm thuế cho dân các xã bị giặc và lụt ở Bắc Ninh (491 xã được hoãn 2 năm, 293 xã được hoãn 1 năm).

Đặt kho tạm tỉnh Thanh Hóa, ở địa phận giáp Vinh, tổng Vân Trai (kho gần cửa biển Biện Sơn, cửa biển ấy hằng năm tàu thuỷ đồng đậu ở đấy nhận chở và giải giao đồ vật kho công rất nhiều, cho nên đặt tạm để tiện cho dân).

Định lệ cấp tuất và phần mộ cho hoàng tôn chưa phong tước và hoàng nữ tôn. (Hoàng tôn từ 1 tuổi đến 8 tuổi cấp tiền tuất 100 quan, 9 tuổi đến 19 tuổi cấp tiền 120 quan, 20 tuổi đến 30 tuổi cấp tiền 140 quan, 31 tuổi trở lên cấp tiền 160 quan. Hoàng nữ tôn 1 tuổi đến 8 tuổi cấp tiền 80 quan, 9 tuổi đến 19 tuổi cấp tiền 100 quan, 20 tuổi đến 30 tuổi cấp tiền 120 quan, 31 tuổi trở lên cấp tiền 140 quan. Đã gả chồng không cứ tuổi đều cấp tiền 80 quan, chồng chết không người nương nhờ thêm gấp rưỡi, thành tiền 120 quan. Còn như mồ mả 20 tuổi trở lên, đã là thành nhân thì chiểu lệ sơn phần của thị nữ từ 9 tuổi đến 19 tuổi, 1 tuổi đến 8 tuổi, lại đều lượng giảm chước cấp.

Bắt đầu thu thuế đỗ, lạc và bã dầu lạc ở Quảng Ngãi (đồng niên tiền thuế 1.500 quan, do người buôn nước Thanh lĩnh trưng, nhưng định chở ra khỏi cửa biển mới thu. Tục gọi là đậu phụng họa sinh, để nấu dầu, bã dầu phàm các thực vật đều lấy thứ ấy bón đất. Hai hạng ấy phàm dân gian mua bán trao đổi ở chợ, không được hoạch thuế, chỉ chở ra khỏi cửa biển thì theo lệ đánh thuế).

Định lại lệ xét xử cai lại, lại mục và tổng lý thu lương thiếu số. (Phàm thu lương, lý trưởng chiểu số thuế trong xã chia làm 10 phần, thiếu chưa đến 1 phần thì phạt 100 trượng, nộp tiền chuộc được lưu làm việc, thiếu 1 phần trở lên, thì bãi dịch, cai, phó tổng chiểu số thuế trong tổng. Cai lại, lại mục đều chiểu số thuế trong phủ, huyện thuộc phần mình, thiếu chưa đến 1 phần, thì miễn nghị, thiếu hơn 1 phần phạt 100 trượng cho nộp thóc, ở lại làm việc, thiếu 2 phần trở lên thì cách bãi).

Tham tán quân thứ Thái Nguyên Trần Văn Chuẩn đánh giặc bị thương ở đồn Mèo. Đề đốc Nguyễn Văn Hùng, Tiểu phủ Vũ Huy Thụy bị thất lạc, Lãnh binh Lê Văn Hổ, Tán tương Nguyễn Văn Ái bị thương, biền binh bị thương, bị chết, tán lạc rất nhiều (bị thương 28 người, chết 17 người, tán lạc 83 người). Việc ấy tâu lên, vua cho là Chuẩn điều động không linh nghiệm, trước hết phải cách lưu nhưng cho ở lại trông coi cùng các tướng tá thu nhặt biền binh, khí giới, sớm được tinh nhuệ chấn chỉnh để chờ quân cứu viện mới. Sai Ngô Tất Ninh làm Đề đốc, do tỉnh Sơn Tây chọn phái 300 thú binh giao cho Ninh cai quản đến ngay Thái Nguyên để sai phái. Rồi sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm phải đi ngay, vì nước giết hết giặc mà trở về, rất tốt, nếu ốm yếu không thể đi đến Thái Nguyên được, cũng phải đến ngay chỗ 3 hạt Sơn - Thái - Bắc giáp nhau đóng ngay ở đấy để xử trí. Chuẩn cho cai quản cả việc quân ở biên giới Bắc Kỳ đều theo tiết chế, lại chọn uỷ Nguyễn Huy Kỷ cho sung làm Tham tán đại thần cùng Ngô Tất Ninh đến ngay quân thứ Thái Nguyên điều khiển đánh giặc.

Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết đem theo Y chính Đinh Văn Tiến gượng đến quân thứ Thái Nguyên đóng để điều trị, chước liệu làm việc, đến khi đến Hà Châu rồi lại đem bệnh tình kêu xin về Bắc. Vua bảo rằng : Hà Châu cách Thái Nguyên đường sá không xa, mà giặc ở Thái Nguyên chưa dẹp yên, cũng là trách nhiệm của ngươi chưa xong. Ngươi phải đóng ở Thái Nguyên khéo liệu thêm thuốc, cơm trù tính coi việc đánh dẹp mới vẹn thuỷ chung, quyết không cho lại có lời nào để tự rút lui.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu : Lần này quan quân đạo Thái Nguyên không lợi, quan Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết đã gượng ốm đem theo Ngô Tất Ninh tiến đến Thái Nguyên điều khiển, vậy việc quân ở Bắc - Thái, Cao - Lạng kính xin chuẩn cho quan Hiệp đốc điều khiển như cũ, để cho quyền tướng được chuyên, hiệu lệnh thống nhất. Thần xin đến thượng tuần tháng sau đến Thái Nguyên họp mặt với quan hiệp đốc, bàn tính việc quân, vài ngày lại chuyển về đóng ở Hưng Hóa làm việc. Còn như quan Tuần phủ Hưng Hóa Nguyễn Huy Kỷ ở làm việc lâu ngày, tình thế đã am hiểu, xin nên ở đấy vẫn làm việc. Vua y cho.

Tri huyện huyện Bất Bạt (thuộc Sơn Tây) là Trần Chước nhận tiền của làm trái pháp luật. Chước (Cử nhân ở Nam Định) trong hạt phát ra cướp và án mạng, đã dẫn dân xã, khổ chủ đến tỉnh xin thôi, lại dám đòi lấy tiền của dân 83 lạng bạc, bị dân kiện, thú nhận xin bồi thường, cũng không được giảm bậc, phải xử thắt cổ, giam chờ xét.

Định lệ cấp tiền tiêu công cho tàu thuỷ. (Tàu Lợi Tải đồng niên cấp 200 quan tiền, 600 cân dầu ; tàu Thuận Tiệp, Lợi Tế, Lợi Đạt, Lợi Dụng, mỗi chiếc đồng niên đều cấp 180 quan, 500 cân dầu ; tàu Lợi Phiếm đồng niên cấp 80 quan, 300 cân dầu).

Sai quan tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An nghiêm sức các phủ, huyện, châu ở thượng du bắt quân ngăn bắt giặc họ Bạch. Khi ấy Bạch Quế Hương nhiều lần bị đoàn quân họ Diệp đánh thua, chia ra từng toán chạy sang Lão Qua và các châu Điện Biên, Thạch Bi, Đà Mai là tiếp giáp với thượng du Thanh Hóa và Nghệ An, cho nên có lệnh ấy.

Hợp 2 quân thứ Tĩnh man ở Bình Định, Quảng Ngãi làm quân thứ Ngãi - Định. Trước Tổng đốc Bình Định Phạm Ý trù tâu công việc ở quân thứ. Nghĩ xin 2 quân thứ Quảng Ngãi, Bình Định hợp làm 1 quân là quân thứ Ngãi - Định. Quan quân đồn luỹ ở quân thứ Quảng Ngãi chia đi canh phòng, đều theo như cũ, phó đề đốc mỗi chức 1 viên cấp ấn quan phòng để chuyên coi công việc. Lại chọn nơi trung độ đặt đồn đóng quân để tiện trông coi cả. Quân thứ Bình Định xin theo Chỉ chuẩn phái lãnh binh, phó lãnh binh, bang biện mỗi chức 1 người để có người cùng làm việc ; biền binh thì trích 2 vệ, cơ : trung, hữu và 1 đội pháo thủ thuộc Bồng Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Viễn, lính tỉnh hiện số 983 tên hợp với cơ sơn phòng 500 tên, lệ thuộc theo ngạch quân thứ, để đủ chia giữ. Luỹ dài do quan quân thứ trù liệu xin biền binh ở lại cả một năm, cứ theo đường cũ luỹ Quảng Ngãi bồi đắp. Quân thứ Bình Định cứ theo đường mới đắp lên cho liền với luỹ Quảng Ngãi, nhưng ở trước luỹ đào hào, trong trồng tre gai. Còn đoạn từ Chí Đốc đến Ô Liêm sẽ do quan quân thứ đánh dẹp, còn công việc đánh dẹp phải làm đầu do 2 viên tiểu phủ, đề đốc điều khiển, tán tương, chánh phó lãnh binh cùng viên biền quản suất đều chiểu theo phận cửa biển canh giữ, cửa biển nào có giặc phát ra, trách cứ người chuyên đóng phân xử. Để cho biết khuyên răn.

Vua theo lời ấy, hợp 2 quân thứ làm một, rồi cho Thị độc Trương Văn Đễ (hiện sung Tán lý quân thứ Thái Nguyên) sung làm Tiễu phủ sứ, Vệ uý Lê Thập lĩnh Đề đốc.

Mùa thu năm ấy, lúa ruộng ở Quảng Nam, Nam Định, Quảng Yên được mùa, các địa phương khác gián hoặc có nơi thiệt hại thì thuế lệ đều chiểu theo hạng tha giảm có từng bậc.

Tha thuế và tiền vay cho tỉnh Thái Nguyên (6 huyện hạ du khổ về cung đốn cho yên, tha cho thuế, tiền thóc vay năm trước hiện thiếu và thuế bạc người Man, 5 huyện, châu thượng du nhiều năm bị giặc quấy, tha cho thuế lệ phải nộp năm ấy).

Tha giảm thuế để thiếu cho dân xã bị lụt ở Hưng Yên (hạng quá lắm miễn 5 thành, hạng vừa miễn 3 thành).

Giúp đỡ các xã thôn bị giặc tàn phá ở Sơn Tây (290 xã thôn, các thuế lệ để thiếu từ năm thứ 27 trở về trước : Hạng quá lắm tha 6 thành, hạng vừa tha 4 thành. Dân bị chết cho chia từng thành, cho hoãn điền tục từ 6 tháng đến 1 năm, 1 năm rưỡi, 2 năm có từng bậc).

Cho Tả tham tri bộ Lại Phạm Thận Duật sung làm Khâm sai kinh lý Hà đê sứ. Trước đấy, đê điều ở Bắc Kỳ thường vỡ. Vua sai các quan đều tâu bày công việc trị thuỷ. Thận Duật tâu bày 3 việc : (Xin : Theo nhiều lần chuẩn cho khơi vét các sông ở hạ lưu để giảm thế nước. Xin : Chỗ đê vỡ ở Văn Giang tạm cho thông ra sông, tuỳ tiện đắp đường qua để giữ lúa chiêm. Xin : Cùng theo như trước làm việc, thu tiền điền mẫu để sung cấp cho thuê làm). Đã chuẩn cho lục sức giao cho 4 tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên chọn điều phải mà định. Đến nay, quan 4 tỉnh ấy tâu xin trước hết theo các sông cũ 3 nhánh (Đạo Khê, Nghĩa Trụ, Quảng Lãng) và các sông ở hạ lưu khơi sâu. Lại từ cửa vỡ ở Văn Giang trở xuống đắp đường quai 2 bên tả hữu và đắp lấp ngang dòng các sông (ngã ba Thanh Nga, ngã ba Phân Dương, cửa sông Kinh Dương). Nhưng việc thuộc khó khăn trọng đại, gián hoặc ý kiến không giống nhau, tất phải có người chuyên trông coi, mới khỏi họp nhau kiện tụng.

Vua bèn sai Thận Duật đi ngay hội cùng quan 4 tỉnh trù tính công việc. Thận Duật vâng lệnh đi hội đồng khám xét dâng sớ tâu lên (xin : Tỉnh Hưng Yên thì tạm trước hết ở hữu ngạn sông Cửu An đến Biện Tân, tỉnh Hải Dương thì tạm ở bờ sông Nghĩa Trụ đến Bảo Cố, Thượng Đồng đều nhân đê điều cũ mà đắp. Lại từ xã Phụng Công, tỉnh Bắc Ninh đến Từ Hồ, qua Thanh Nga đến Sài Trang, đắp lên đường quai mới. Còn 2 bên tả, hữu sông Nghĩa Trụ đều đắp đường quai nhỏ. Từ xã Nhị Mễ, tỉnh Hưng Yên đi qua các xã Bình Phú đến Điêu Nha lại đắp một dải đường quai. Lại nói rằng tỉnh Hưng Yên nguyên trước nghĩ định làm kè, còn như đê mới (nguyên đê cũ một đoạn từ xã Phượng Lâu, Hoàng Xá bị lở, đã được quan tỉnh ấy nghĩ xin dời đắp đê mới từ Diên An đến Hoàng Xá dài 900 trượng, lại xin làm kè 2 đoạn), nửa đoạn dưới làm gần bờ sông. Xin ở bên trong lùi ra 2 - 3 trượng, mới giữ được vững cả, còn công việc làm trích tiền điền mẫu trả công thuê). Giao đình thần xét tâu lại. Sau tâu lại việc nghĩ định ấy tình thế lợi hại đã kỹ. Vua chuẩn cho theo thế mà làm để hết trách nhiệm. Xem hiệu quả.

Chuẩn định lệ quan viên phạm tội mãn hạn giam cấm tha đi làm việc. Từ sau phàm quan viên văn, võ lớn nhỏ ở Kinh và tỉnh ngoài, phàm phạm tội, theo lệ phải giam cấm như : các tội phạm nguyên can tội chết được giảm phát đi sung quân hay lưu, đều tính từ ngày phát đi làm bắt đầu hạn, tù lưu đã đủ 4 năm (người thường đủ 5 năm), tù sung quân đã đủ 5 năm (người thường đủ 7 năm), tù lưu trước định đủ 3 năm (do can tội mãn đồ 3 năm mới được tha), tù sung quân đủ 4 năm, hết hạn, sẽ do quan sở tại xét thực phân biệt tư bộ tâu xin tha, đều tha dồn, bổ làm lính, đến khi tha, sắp xếp cho đi khẩn điền, lại hạn 3 năm xét xem làm việc, để cho có phân biệt. Lại chuẩn cho nếu có người khỏe mạnh tình nguyện đi làm việc thì cũng cho.

Chuẩn cho Hữu thị lang bộ Lễ Hoàng Tướng Hiệp kiêm coi viện Đô sát.

Lãnh sự nước Pháp đóng ở Hà Nội đi thăm thượng du (theo sông Nhĩ Hà, đi suốt đến thượng lưu sông Thao, đến châu Thuỷ Vĩ).

Tha cho quan phạm tội năm trước thất thủ và can về việc quân đến các quân thứ biên giới Bắc Kỳ làm việc chuộc tội. (Quan văn phạm tội gồm Bùi Thức Tiên, Lê Hữu Thường, Nguyễn Thứ, Đặng Xuân Bảng, Vũ Đường, Bùi Thái Bút, Nguyễn Hữu Chính, Phạm Đăng Tuấn, Phạm Xuân Lượng, Nguyễn Đại. Quan võ phạm tội gồm Nguyễn Hiên, Đặng Văn Siêu, Hồ Đăng Chất, Nguyễn Văn Bích, Nguyễn Đăng Nghiễm, Lê Tiến Khoa, Nguyễn Văn Lợi, Lê Văn Khuê, Lê Văn Danh, Nguyễn Đắc Danh, Hoàng Cù và bọn Nguyễn Hữu Nhu phạm tội quân thứ Hà Tĩnh đã được xét, gồm 22 viên).

Nhân Dụ rằng : Trời đất không có vật bỏ đi, thánh hiền không có người bỏ đi. Trẫm đã ban ân rộng rãi, bọn ngươi còn có lương tri, lương năng cần phải mười phần hổ thẹn, cố gắng, lo nghĩ che về sau, để đáp ơn sống lại, không thế là tự giết, pháp luật có thường khuất được đâu ?

Sai Biện lý bộ Hình Nguyễn Hữu Hoán đến Gia Định thưởng cho tướng Pháp.

Quyền Khâm sứ nước Pháp là Hoắc Đạo Sinh đến đóng ở Kinh. (Lê Na bị bệnh về, Đạo Sinh sang thay).

Khi ấy, giặc nước Thanh là bọn Lục Chi Bình, Đàm Tứ Tỷ cùng với Đường Vãn, La Tú thông đồng quấy rối. Hoàng Tá Viêm xin do Hà Nội chọn quân và phái. Vua sai phái 300 quân đến quân thứ Tuyên Quang cùng đánh.

Định lại lệ nêu thưởng thọ quan, thọ dân, năm đời cùng còn sống, con hiếu, cháu thảo, nghĩa phu, tiết phụ, trinh nữ. (Về định lại dưới đây : Cách thưởng tất cả quan, dân thọ 100 tuổi, quan nhất phẩm 100 lạng bạc, quan nhị phẩm 80 lạng bạc, sa nam, sa tàu mỗi thứ 2 tấm, trừu nam và lụa mỗi thứ 2 tấm, một tấm biển sơn son thếp vàng, mặt trước khắc 2 chữ "Sắc tứ", ở giữa khắc ngang 2 chữ to "Thọ quan", hàng dưới khắc các chữ họ, tên... phẩm quan ấy, người ở tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã nào, thọ được 100 tuổi, đặt cách ban nêu thưởng để tỏ điểm người đời thăng bình, sau khắc niên hiệu, tháng, ngày, dưới cũng thế, Nhà nước làm nhà cho. Cứ thêm 10 tuổi đều thêm 30 lạng bạc, sa nam, sa tàu mỗi thứ 2 tấm, trừu nam và lụa mỗi thứ 1 tấm. Quan tam, tứ phẩm đều 70 lạng bạc, sa nam, sa tàu mỗi thứ 2 tấm, trừu nam và lụa mỗi thứ 1 tấm, biển và nhà đều 1 chiếc, cứ thêm 10 tuổi đều thêm 25 lạng bạc, sa tàu 2 tấm, sa nam 1 tấm, trừu nam và lụa mỗi thứ 1 tấm. Quan ngũ, lục phẩm đều 60 lạng bạc, sa tàu 1 tấm, sa nam 2 tấm, trừu nam và lụa mỗi thứ 1 tấm, biển và nhà đều 1 chiếc, cứ thêm 10 tuổi đều thêm 20 lạng bạc, sa nam, sa tàu mỗi thứ 1 tấm, trừu nam và lụa mỗi thứ 1 tấm. Quan thất, bát, cửu phẩm được thưởng 40 lạng bạc, 2 tấm sa nam, trừu nam và lụa mỗi thứ 1 tấm, 1 tấm biển không

có làm nhà. Hai khoản dưới cũng thế, cứ thêm 10 tuổi được thêm 15 lạng bạc, sa nam 2 tấm, lụa màu 1 tấm. Bọn học trò, hương trưởng 20 lạng bạc, vải lụa mỗi thứ 2 tấm, 1 tấm biển, ở giữa biển khắc ngang 2 chữ to "thọ dân", hàng dưới khắc người hạng nào v.v... dưới cũng thế. Cứ thêm 10 tuổi, thêm 10 lạng bạc, vải, lụa, mỗi thứ 1 tấm. Dân đàn ông, 15 lạng bạc, vải 2 tấm, lụa 1 tấm, 1 tấm biển, cứ thêm 10 tuổi đều thêm 8 lạng bạc, 1 tấm lụa.

- Về theo lệ cũ dưới đây : Cách thưởng tất cả quan viên thọ 90 tuổi : Nhất phẩm 60 lạng bạc, nhị phẩm 50 lạng, tam phẩm 40 lạng, sa nam mỗi người 4 tấm, quan văn tứ, ngũ phẩm và quan phủ, châu, huyện, quan võ tứ phẩm đều 20 lạng bạc, sa nam mỗi người 3 tấm.

- Về cách thưởng quan viên thọ 80 tuổi : Nhất phẩm 50 lạng bạc, nhị phẩm 40 lạng, tam phẩm 30 lạng, sa nam mỗi người 3 tấm. Văn tứ phẩm, võ tam phẩm đều 15 lạng bạc, sa nam mỗi người 2 tấm.

- Về cách thưởng quan hoặc dân thọ được 100 tuổi 5 đời cùng còn sống, về cách thưởng thọ 100 tuổi, sẽ theo khoản trước mà làm, không ở lệ ấy. Nếu cùng tâu báo thì thưởng cả, dưới cũng thế. Quan nhất, nhị, tam phẩm thưởng 20 lạng bạc, sa tàu 4 tấm, vải màu, lụa màu, mỗi thứ 4 tấm, 1 tấm biển, chung quanh khắc hồi văn, rồng hoa, sơn son thếp vàng, trước khắc 2 chữ "Sắc tứ", giữa khắc ngang 4 chữ to "dịch diệp diễn tường", hàng dưới khắc các chữ họ, tên, phẩm quan nào, hoặc người nào ở tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã nào. Thọ được 100 tuổi, 5 đời cùng còn sống, đặc cách ban nêu thưởng, để tỏ điềm người đời thăng bình, sau khắc niên hiệu, tháng, ngày, dưới cũng thế, Nhà nước làm nhà cho, dưới cũng thế. Quan tứ, ngũ, lục phẩm thưởng 15 lạng bạc, sa nam 3 tấm, vải màu, lụa màu mỗi thứ 3 tấm. Quan thất, bát, cửu phẩm thưởng 10 lạng bạc, sa nam 2 tấm, vải màu, lụa màu mỗi thứ đều 2 tấm, 1 chiếc biển, không làm nhà, dưới cũng thế. Bọn học trò, hương trưởng, thưởng 8 lạng bạc, vải màu, lụa màu mỗi thứ 2 tấm, dân đàn ông thưởng 6 lạng bạc, lụa màu 1 tấm, vải màu 2 tấm.

- Cách thưởng quan viên thọ 70, 80, 90 tuổi trở lên, 5 đời cùng còn sống, quan nhất, nhị, tam phẩm thưởng 15 lạng bạc, sa tàu 3 tấm, vải màu, lụa màu mỗi thứ 3 tấm, 1 tấm biển, Nhà nước làm nhà cho, dưới cũng thế. Quan tứ, ngũ, lục phẩm thưởng 10 lạng bạc, sa nam 2 tấm, vải màu, lụa màu mỗi thứ 2 tấm. Quan thất, bát, cửu phẩm thưởng 8 lạng bạc, sa nam 1 tấm, lụa màu 1 tấm, vải màu 2 tấm, 1 tấm biển, không làm nhà cho, dưới cũng thế. Bọn học trò, hương trưởng thưởng 6 lạng bạc, lụa màu 1 tấm, vải màu 2 tấm. Dân đàn ông, thưởng 5 lạng bạc, vải màu, lụa màu mỗi thứ 1 tấm.

- Về định lại dưới đây : con hiếu, cháu thảo, chồng có nghĩa, vợ giữ tiết, hạng ưu thưởng 30 lạng bạc, 2 tấm sa nam, 1 tấm biển, xung quanh chạm hồi văn, rồng, hoa, sơn son thếp vàng, trước khắc 2 chữ "Sắc tứ", ở giữa khắc ngang 4 chữ to, như con hiếu, khắc "Hiếu hạnh khả phong", cháu thảo khắc "Hiếu thuận khả phong", chồng có nghĩa khắc "Hạnh nghĩa khả phong", vợ giữ tiết khắc "Tiết hạnh khả phong", hàng dưới khắc các chữ họ, tên người ấy, người ở tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã nào, hiếu hạnh có tiếng, đặc cách cho nêu thưởng, để khuyên người sau. Còn thì theo thế suy ra, sau, khắc niên hiệu ngày, tháng, dưới cũng thế, Nhà nước làm nhà cho. Nếu tiết phụ là vợ thứ, vợ lẽ, chiểu theo hạng bình thì tiết phụ là vợ cả, thưởng 20 lạng bạc, sa nam 1 tấm, 1 tấm biển, hạng bình cũng thưởng 20 lạng bạc, sa nam 1 tấm, 1 tấm biển. Nếu tiết phụ là vợ thứ, vợ lẽ, chiểu theo hạng thứ thì tiết phụ là vợ cả, thưởng 15 lạng bạc, hạng thứ cũng thưởng 15 lạng bạc. Nếu tiết phụ là vợ thứ, vợ lẽ thưởng 10 lạng bạc.

- Về theo lệ cũ dưới đây : Phàm tiết phụ quyên sinh, thưởng 1 tấm biển, chạm khắc như tiết phụ là vợ cả, vợ thứ, vợ lẽ, Nhà nước làm nhà cho.

- Về : Trinh nữ, thưởng 1 tấm biển trước khắc 2 chữ to "Sắc tứ", ngang khắc 4 chữ to "Trinh tiết khả phong", hàng dưới khắc các chữ họ, tên người ấy, người ở tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã nào, trinh tiết nổi tiếng, đặc cách cho nêu thưởng, để khuyên người sau, sau khắc niên hiệu tháng, ngày, Nhà nước làm nhà cho. Các khoản ấy theo lệ trước thưởng nhiều, sau vì nhiều việc cho nên giảm bớt. Nay được phê bảo, hạng người ấy có biểu dương càng nên theo hậu, cho liệu theo lệ cũ, giảm đi một chút để khuyến khích, bèn châm chước nghĩ định, gián hoặc có theo lệ cũ liệu giảm hoặc theo lệ mới liệu thêm, cũng có lệ nhất định, trước làm đã chu đáo, vẫn theo lệ trước mà làm việc).

Khi ấy giặc Long Châu nước Thanh là bọn Lý Lục, Vương Sĩ Lâm thông đồng với các giặc ở Thái Nguyên, Ông Thất, Đường Vãn giữ đồn Ngân Sơn (tên đồn), Lục Chi Bình, Đàm Tứ Tỷ giữ Kim Mã (tên đất), đầu sỏ giặc Mã Vương Bá, Hoàng Xuân Ký đến chiếm 2 tổng Quảng Khê, Nhu Viễn, chia đi quấy nhiễu Lũng Kim, quan tỉnh và quân thứ đem việc ấy tâu lên.

Vua sai viết quốc thư đưa cho Tuần phủ Quảng Tây xin phái đạo viên họ Triệu, đem cả binh dõng vài bốn dinh đến ngay Thái Nguyên hội đánh. Lại sai quan tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn nghiêm sức các viên phủ, huyện, châu đem quân đến chỗ tiếp giáp ngăn chặn nơi ách yếu cho vững chắc, chớ để giặc trốn lan tràn vào, lại sinh khó khăn trở ngại.

Cho người buôn nước Thanh lĩnh trưng các thuế sản vật. Trước đấy, người buôn nước Thanh xin trưng thuế sản vật, đều không cho, đến nay vua muốn thông biến

tiện cho dân, nhân cho các người buôn đã nhiều lần xin lĩnh trưng nhận trưng. Nhưng sắc cho bộ Hộ và các quan tỉnh phàm nghe thấy có tệ, lập tức trừng trị ngay phải thôi.

Chuẩn cho từ nay về sau, phàm án kiện đã phái viên tra xét, các quan tỉnh như có cùng hội tra xét thì thưởng, phạt cũng giống với viên khâm phái.

Định lại các kỳ thi về thi Hương ở Kinh và tỉnh ngoài. (Hai trường Thừa Thiên, Bình Định, thi văn tháng 4, thi võ tháng 5. Hai trường Thanh Hóa, Nghệ An thi văn tháng 6, thi võ tháng 7. Hai trường Hà Nội, Nam Định thi văn tháng 10, thi võ tháng 11, khảo hạch sĩ tử, nếu gặp có khoa thi, đều định vào trước 3 tháng).

Trường thi văn tỉnh Bình Định, hạng cử nhân có 4 tên ba kỳ đều thứ. Bộ, Các, Viện xin truất xuống làm tú tài, quan trường nghĩ xử. Vua nghe theo.

Định lại lệ thưởng về quyên chung. (Cả xã quyên từ 1.000 quan trở lên, thưởng 1 tấm biển, 900 đến 700 quan thưởng 20 quan tiền, 600 đến 500 quan thưởng 15 quan tiền, nhưng do phủ, huyện sở tại chi tiền thưởng ấy, sức sửa soạn rượu và cỗ, gọi cả thân hào lý dịch xã ấy dự yến lạo một lần. Nhân dân quyên tiền 50 quan, theo lệ miễn dao dịch và thuế 1 năm, còn thì linh tinh quyên chung thành tiền 1.000 quan trở lên thưởng chung 30 quan tiền, 900 đến 700 quan, thưởng chung 24 quan tiền, 600 đến 500 quan thưởng chung 18 quan tiền, cũng do sở tại chi tiền thưởng ấy, sắm rượu và cỗ gọi các chủ quyên yến lạo một lần).

Bắt đầu thu thuế (do người nước Thanh lĩnh trưng tiền thuế đồng niên 1.000 quan) cánh kiến, hoàng thảo ở Nghệ An (hoàng thảo tục gọi là thạch hộc là vị thuốc chất mát).

Chuẩn định quy chế 5 hiệu thuyền (Lợi Tải, Lợi Tế, Lợi Đạt, Lợi Dụng, Lợi Phiếm), 15 khoản. (Lính và thợ ở thuyền do quản đốc chiểu số chia ba, ngày thì trực, đêm thì canh, các người xem làm máy móc, đều miễn canh gác, thường trực. Các hạng : buồm, gác súng, khí giới đều có chuyên trách, do các quản suất tàu ấy thường bảo cho mài rũa ; nếu có hỏng rách, thì chi các thứ để sửa chữa. Trong ngoài thân thuyền và đồ dùng hằng ngày thường rửa sạch, nếu lười biếng có tội. Cầu thang 2 bên thuyền, mỗi ngày sau khi sưu thông thì phải bảo treo lên 2 tầng trên và giữa, nếu có tàu nào đậu gần, hỏi có việc công, mới cho đậu vào. - Từ ống khói đến bánh lái đằng sau không được đem lửa soi, than lửa đi lại, ban ngày chỉ cho 2 bữa nấu ăn sớm chiều mà thôi. Ngoài ra lấy lửa phải dùng lồng ấp. - Mỗi chiếc thuyền ván gỗ sam, phải cho lính và thợ tập đi, xong việc lại bảo treo che cẩn thận. - Khi thuyền ra trận lại do quan ở tàu bày ngay khí giới ở tầng trên, sai bảo canh giữ. Tàu phái đi nước ngoài trao đổi, quan ở tàu nghiêm sức, lính thợ không được dời khỏi tàu đi chơi, thất thể. – Phàm các quan quân sung phái mỗi khi đủ 2 năm, nên để lại

và đổi một nửa, cho mới cũ giúp nhau, mà khó nhọc nhàn rỗi được đều. - Khi ra biển, chuyên do phó quản đôn đốc xem giữ địa bàn ở bánh lái phía sau, còn người lái vẫn lấy suất đội, đội trưởng chia nhau trông coi. - Các người trong thuyền ốm chết, chôn tạm đợi lúc về giao cho thân nhân nhận chôn. Đồ vật trong thuyền bị mất, đều cứ người giữ việc ấy bắt đền. - Quan quân và thợ ở thuyền, giờ Mão cơm sớm, giờ Thân cơm chiều, biền binh thì từ giữa giờ Mão đến cuối giờ Thìn rửa súng ở tàu, đầu giờ tập phép bắn hoa. Từ giờ Mão đến giờ Tỵ mài sửa máy móc, giờ Ngọ đều cho nghỉ ngơi, giờ Mùi đến giờ Thân biền binh luyện tập, cầm thả dây mỏ neo, bắn súng, thợ thuyền mài sửa máy móc. - Các người xem hoa tiêu, xem máy, các việc đi đứng tất phải bàn trình với quan ở tàu, không được trái phép tự tiện. - Các người xem hoa tiêu và xem máy có thư gửi cho tướng Pháp hoặc quê nhà phải trình quan ở tàu biết, để tiện chuyển tư phát đi, hằng tháng không được quá 2 - 3 lần).

Tháng 11, định lại lệ tâu, tư. (Phàm việc thuộc phức tạp, nhỏ nhặt và tầm thường mới được tư làm, việc thuộc sự thể, pháp độ, quân cơ, quan trọng và việc gì nếu đều theo lệ đề tâu). Tâu và tư trước có định lệ, khi ấy bộ, nha các tỉnh phần nhiều trái lệ, làm việc sơ suất, vua sợ có khi che giấu, cho nên nhân đấy, giáng Dụ định lại.

Vua làm bài ký *Thuyền ngũ lợi* cho Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Văn Tường (đoạn cuối trong thiên ấy nói : "Trang Tử nước Ngụy hòa với Nhung Địch có 5 điều lợi. Điệu Công đặc cách ban nhạc Kim thạch, có danh, có thực, cho nên cùng vui. Nay có danh chưa có thực, thì nhạc Kim thạch ban cho, thực sẽ còn phải đợi", là ngụ ý khuyến khích, nhân cho Văn Tường để sớm hôm đọc nhớ).

Cho thuyền buôn đem thổ vật (một hộp Nhật Bản, gỗ đỏ khảm xà cừ, một hộp tròn) và thư tặng quan Đề đốc tổng binh Đông-đô nước Bút Tu Kê [1] ; khi ấy, đàn bà con gái nước ta (5 người) bị thuyền giặc bắt để ở nước ấy, viên Đề đốc ấy bắt được, thuê thuyền cho đáp giao trả nước ta, cho nên sai viết thư đưa tặng để tỏ lòng tốt.

Chuẩn định điển lễ của hoàng tử. Vua trước chọn nuôi hoàng tử, nhiều lần đã răn dụ bảo khắp, lại sai Tôn nhân đình thần bàn các việc thỏa đáng. Đến nay định nghị tâu nói : Vâng lệnh tra phép trước, các bề tôi nhà Hán, nhà Tống, nhà Minh bàn (nhà Hán thì Sư Đan, nhà Tống thì Vương Khuê, Tư Mã Quang, Trình Di, nhà Minh thì Dương Đình Hòa, Tưởng Miện, các người ấy bàn, đại khái làm con người thì nên bớt ơn sinh ra mình, để bù vào nghĩa nuôi làm con, như gọi là : Con của chư hầu làm con nuôi Thiên tử, thì thờ cha ở Thiên tử nuôi mình làm con, mà không được thờ cha ở chư hầu sinh ra mình. Lại đối với cha mẹ sinh ra mình, chỉ xưng là hoàng bá phụ, hoàng bá mẫu, hay hoàng thúc phụ hay hoàng thúc mẫu, không được

(1) *Bút Tu Kê* : Portugal - Bồ Đào Nha.

xưng khảo, xưng tỉ, xưng đế, thờ vào miếu, các lời bàn như thế), thế là làm con nuôi người, không được nghĩ đến tình thân riêng, nhưng bởi tình mà ra, hoàng tử ấy đối với cha sinh ra mình, xem cùng các chú, tưởng nên hơi phân biệt, phải xem xét các lễ cổ và phép có sẵn của bản triều, châm chước bàn định, hầu hợp tình, hợp lễ và yên tâm. Nay xin nghĩ định về lễ xưng hô tiếp xúc, thì cha sinh ra mình ngày nay chỉ xưng là chú, ngày sau xưng là hoàng thúc, anh em mình xưng là anh em họ, tiếp xúc theo như thế. Còn như sau này xử trí, cha sinh ra mình chỉ nên ưu đãi lộc nhiều, tôn cho tước vương (tước đến chữ vương là cùng). Chầu mừng và ăn yến theo như lệ trước, thứ bậc được ở trên điện, Minh Mệnh năm thứ 3, nghị định : Hoàng thân, vương, công thứ bậc ở trên điện nhưng chỉ nên tôn trọng là không phải xưng tên, không phải lạy, hơi tỏ ra phân biệt. Còn như việc tang tế khi chết, nên hết thảy theo lễ tước vương liệu gia thêm (chua nhỏ ở dưới) mà làm (tang lễ, chiểu theo nghị chuẩn Tự Đức năm thứ 2, việc đám ma Kiến An vương, còn khám thờ, thần chủ đồ tế, minh tinh, minh khí và một tòa thăng dư lớn, chi của trong kho làm mới, còn linh sa, án thư, hương án, phật đình đều thực làm, nhưng chi của kho để sửa chữa. Về nghi trượng, hai chiếc tán tròn bằng gấm màu (nay thêm 2 chiếc, cộng 4 chiếc), 2 chiếc tán tròn bằng là đỏ vẽ hoa, 2 cây tán vuông bằng đoạn xanh, 5 đôi gươm hầu, 5 đôi cờ ngũ sắc (nay thêm 2 đôi, cộng 7 đôi), 20 đôi nghi trượng sơn son (nay thêm 10 đôi, cộng 30 đôi), 3 đôi quạt bằng vóc và phủ, việt, mác gỗ sơn 13 đôi. Việc tế lễ chiểu theo Gia Long năm thứ 3 cho làm đền thờ 2 vương Tuyên, Mục cùng thờ ở xã Long Hồ, chọn 1 người ở phủ Tôn nhân coi giữ thờ phụng. Hằng năm hai lễ hưởng xuân, thu đều tế vào ngày Miếu hưởng. Lễ phẩm bằng lợn (nay đổi dùng tam sinh), xôi và cỗ đều hai cả. Ngày giỗ, hai lễ đều dùng tam sinh, xôi và cỗ đều hai cả. Các lễ ngày 30 tết Nguyên đán, Đoan dương, Tế chạp, Cáo kỵ, đều dùng 2 mâm cỗ, do viên giám thủ làm lễ. Còn từ đường và giám thủ, mộ phu, thủ hộ đều liệu thêm lên. (Nguyên trước nhà thờ một tòa, nay thêm một tòa tiền đường và hành lang hai bên tả hữu đều 3 gian. Còn như cửa lầu, thân thành, theo cách thức cũ mà làm, nguyên trước giám thủ, bát phẩm, thư lại, mỗi chức 1 người, nay thêm 1 tư vụ, 1 vị nhập lưu thư lại cộng 4 viên. Trước phu coi mộ, thủ hộ 12 người, nay thêm 12 nữa). Không được gọi là khảo, gọi là tỉ, gọi là đế, gọi là hậu, hằng năm thờ riêng ở lăng, không được thờ vào miếu, để trọng dòng dõi chính. Về để trở thì ngày nay nếu có gặp việc ấy ở trong phủ, mặc áo xô vén gấu, không chống gậy, trở 1 năm. Ngày khác cũng theo thế để trở, chỉ làm lễ người nhà mà thôi, còn gặp có triều mừng, đều theo lệ trước mà làm. Tập tước xin theo nghị chuẩn Tự Đức năm thứ 21 : Thân vương, quận vương, người nào đã từng làm hoàng tử mà được tấn phong tước hiệu đều tập tước 5 đời (con của thân vương, quận vương, được tập tước quận công, cháu tập tước hương công, cháu 4 đời tập kỳ ngoại hầu, cháu 5 đời tập tá quốc khanh, cháu xa tập phụng quốc uý).

Vua cho theo nghị, nhưng nghĩ việc thuộc điển lễ, càng phải thận trọng, sai làm lời văn rõ ràng, giao Nội các, Sử quán cất cao. (Minh văn trước nói, lời Dụ sau nói, nghị tâu, sau nói. Nay công nghị đã định, đại nghĩa đã rõ, với lẽ trời tình người, chắc đã đủ cả, sau này hoặc có người xướng lên lời bàn khác để loạn lẽ phải của nước tức là đại nghịch vô đạo, xin nên đem xử trọng hình, cho hết mầm gian, mà để làm phép mãi, không phải đến khi ấy nghĩ đoán làm gì. Các lời như thế, rồi cho cả Tôn nhân, đình thần, ấn quan văn, võ trong Kinh và tỉnh ngoài đều đề tên áp triện ở cuối giấy, ghim cả tập tâu trong ngoài nhiều lần tâu 39 bản, 4 tờ tâu của thân công hoàng tử, minh văn ấy 2 bản, 1 bản giao Nội các cất cao lên tầng trên, 1 bản giao Sử quán cất vào hòm sắt) để cho giữ theo mãi mãi về sau, không dám trái vượt.

Đổi chữ khắc vào biển thưởng cho cả xã quyên tiền. (Lệ trước, thưởng tấm biển khắc 4 chữ "Thiện tục khả phong", vua cho là 4 chữ ấy bao quát rộng, tất phải làm có công nghĩa, thuần lương mới xứng. Nếu chỉ lạc quyên mà được thế là lạm. Riêng cho đổi làm "lạc quyên nghĩa thương").

Tri phủ Trường Khánh Vi Văn Lý, Tri huyện lĩnh Tri phủ Trường Định Đinh Quán Trinh quyên nộp tiền thóc (Văn Lý quyên thóc 200 hộc, Quán Trinh quyên tiền 1.800 quan), thưởng Văn Lý 1 đạo lục Chỉ, thưởng Quán Trinh thăng 1 trật.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm xin cho Nguyễn Mậu Kiến (làm việc chuộc tội) đổi giao cho Sơn phòng Hưng Hóa mộ dân khẩn hoang. (Mậu Kiến người Nam Định, nguyên là Giám sinh vì quyên được làm quan, bổ Án sát Lạng Sơn, can án phải cách, giao cho quân thứ Thái Nguyên làm việc chuộc tội). Nói nhà giàu to ấy có thể bỏ của ra mộ dân khẩn hoang.

Vua bảo rằng : Lạng Sơn, Cao Bằng rất gần biên giới nước Thanh, trẫm thường có ý ấy, nhưng chưa có người, Mậu Kiến thích làm việc nghĩa, lại ở Lạng lâu, nếu muốn bỏ của tụ dân đến Lạng hoặc Thái, mở đất họp dân giữ đánh, thực có công trạng, chiểu nghị thưởng cho để xướng suất người sau.

Định lại cách thức kỳ đệ nhị thi võ. (Trước năm khoản, nay múa khiên dao dài chuôi, gươm dài 3 bài hợp làm 1 khoản, cùng với 1 khoản múa mộc côn, 1 khoản đâm bù nhìn, đổ đồng, định thứ bậc cho được giản tiện, cho bắt đầu từ khóa sau).

Tha thuế ruộng bị lụt cho tỉnh Hưng Yên (nhân lụt bỏ cấy cộng hơn 6.290 mẫu).

Giết đứa con bạo ngược là Nguyễn Đình Huân (Huân người tỉnh Nghệ An, ngày thường không chịu nuôi bố, người bố khổ quá đi ăn xin, rồi lại nổi hung lấy dao chém chân bố bị thương. Người bố đau nằm mươi ngày, đi tả rồi chết. Huân phải tội lăng trì, xử tử).

Khi ấy, tỉnh Hà Nội có người khách buôn thuyền ở Tô Châu chở tiền đồng cổ ra khỏi cửa biển, quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua chuẩn cho từ sau phàm thuyền

buôn (không cứ người nước Thanh hay nước ta) xuất cảng không cứ tiền hiệu nước nào, đều phải nghiêm cấm, dám có chở trộm, xét ra, lập tức tịch thu.

Chuẩn cho từ sau, phàm các án kêu ở Kinh, giao tra xét, trong đó có can xét, người nào hễ dụ có chức hàm thuộc phải xử phân thì theo lệ làm tờ tâu lên. Nếu can mà được miễn nghị theo lệ phải làm tờ tư cũng được, tư để xét, không phải nhất khái làm tập tâu.

Sứ nước Pháp là Hoắc Đạo Sinh, muốn học sách Nho, đưa thư cho quan Thương bạc, nhờ mời thầy làm bạn giảng dạy. Quan Thương bạc tâu lên, vua chuẩn cho thuộc viên nha Thương bạc Cao Hữu Trung (Cử nhân xuất thân) đến sứ quán ở làm bạn cho tiện học hỏi, lại ban cấp của quý cần dùng ở án sách (các thứ : lọ nước, giá bút, nghiên đá, chặn giấy, ống bút) để khuyến khích. Sứ ấy cúi đầu nhận lĩnh cảm tạ, xin chăm hơn để xứng ý vua.

Định lại lệ giam cấm quan phạm tội. (Theo lệ trước quan phạm tội, trói ngay giải về Kinh, tuỳ án trừng trị. Còn như tội nào giao cho sở nào, chưa có nghị định, nên nhiều lần bộ Hình tư giao cho phủ Thừa Thiên nhận làm, hoặc tội nặng giam ở phủ hoặc tội nhẹ giam ở ngục, cùng có tội giống nhau mà giam cấm thì khác, lâm thời xét xử chưa khỏi yêu ghét. Bèn nghị chuẩn : Từ nay phàm quan phạm tội, trừ hiện can tra xét theo lệ phải tống giao trấn phủ giam giữ ra, còn thành án định tội, người nào hễ xử chém, thắt cổ, giam chờ Chỉ, thì giải giao ngục thất phủ Thừa Thiên giam giữ (nhưng ở sở khác, không cùng giam với tù phạm, hễ có ốm đau tư cho bộ Hình hội đồng với quan phủ khám thực giải về binh xá phủ ấy để tiện điều dưỡng, khi khỏi giải ngay ngục, người nào hễ xử phải tội đồ, tội lưu, thì tống giao binh xá nha ấy giam giữ. Trong đó tội phải chém, thắt cổ mà đã được xét giảm, thì cũng cho đem về giam ở binh xá, còn lính canh phải xét (mỗi tháng 2 lần bộ phái thuộc viên xét. Nếu không đúng phép, lập tức phải hặc tâu, trị tội) theo như lệ trước mà làm.

Tuần phủ Quảng Nam, Quảng Ngãi Trần Văn Thiều vì việc phải tội. Khi ấy, người buôn nước Thanh nguyên lĩnh trưng thuế thuốc phiện ở Quảng Nam là Lâm Phú Ký, thì theo giá thường lại trưng, tỉnh ấy cho trưng. Sau rồi Trần Phong Điển tăng giá xin trưng ở bộ, bộ Hộ tâu xin chuẩn cho lục sức làm việc. Tỉnh ấy nói là đã trót cho người trưng trước, ngăn trở Phong Điển phải thôi. Phong Điển đến bộ trình kêu. Bộ Hộ đem việc tâu lên. Vua chuẩn giao bộ Lại nghiêm nghị. Khi án dâng lên, Văn Thiều vì phạm có tình tiết, phải phạt trượng tột bậc và đồ, Bố chính Nguyễn Thanh Tân cũng bị giáng đổi.

Tha tù phạm sung quân và phát lưu ở Thanh Hóa (61 tên), giải giao cho Hưng Hóa sắp xếp khẩn hoang.

Tàu thuỷ Lợi Tế mắc cạn, chìm vỡ ở phận biển ấp Đường Thiên (thuộc Thừa Thiên), Quản đốc bọn Cao Thọ Trương và quản suất, lính thợ đi cùng tàu đều phải xích giam giao nghị tội, bồi thường (chiểu việc trước tàu Đằng Huy mắc cạn bị vỡ nghĩ xử).

Giúp đỡ dân lưu tán ở Tuyên Quang, đều chia hạng tha thuế 5 thành (tỉnh Tuyên Quang hạng thiết hại nhất 124 xã, phường, vạn, trại, tha 5 năm ; hạng thiết hại vừa 66 xã, phố, tha 4 năm ; hạng hơi thiết hại 63 xã, phố, phường, trại, tha 3 năm. Tỉnh Hưng Hóa hạng thiết hại nhất như Phù Yên, Mộc Châu, An Châu, Mai Sơn, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Tuần Giáo, Luân Châu, 3 tổng châu Văn Chấn, tha 5 năm ; hạng thiết hại vừa như Điện Biên, Trấn Biên, Văn Bàn, Chiêu Tấn, 1 tổng châu Văn Chấn, tha 4 năm ; hạng hơi thiết hại như 2 châu Mai, Đà và 2 huyện Thanh Sơn, Thanh Thuỷ 13 xã tha 3 năm).

Thu thêm thuế bãi trồng trầu (7 sở) ở Bình Thuận. (Nguyên trước thuế 5.100 quan, giao dân xã sở tại trưng nộp. Khi ấy người buôn xin thêm 2 thành lĩnh trưng, vì chỗ nộp thuế ấy đều thuộc dân Man, người buôn không tiện, giao cho lý dịch trưng làm.

Định lại lệ lính mộ các tôn tước từ quận công trở xuống. (Huyện công, hương công mỗi tước 8 tên, huyện hầu, hương hầu mỗi tước 6 tên. Kỳ nội đình hầu, kỳ ngoại đình hầu mỗi tước 4 tên, lính mộ trên đây chia ban, 1 ở 1 về, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc uý, tá quốc uý, phụng quốc uý, trợ quốc lang, tá quốc lang, mỗi tước 2 tên, không chia ban).

Khi ấy, Hiệp đốc quân thứ Thái Nguyên Tôn Thất Thuyết tự tiện về tỉnh Bắc, xin chuẩn cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm cai quản cả việc quân các tỉnh ở biên giới Bắc Kỳ, Tuần phủ Tuyên Quang Mai Quý chuyên làm việc biên giới Thái Nguyên.

Vua cho là Thuyết kiêu mạn đùn đẩy, giáng 4 cấp, lưu, giáng Dụ ngay thiết trách, tất phải tính định hợp nhau, lập tức phải xong việc ngay.

Đề đốc quân thứ Trương Văn Ban phải tội (tự tiện sai quân lính lấy củi chặt cây đem bán kiếm lợi riêng). Thống đốc Hoàng Tá Viêm dâng sớ xin cách chức, nhưng cho hàm Lãnh binh, theo quân thứ phái đi làm việc.

Vua bảo rằng : Chưa đủ che được tội mà nghiêm việc quân, nhưng tạm y một lần, để biết sỉ sửa đổi và trọng tin lời tướng, nếu không công trạng và lại thể, quyết không được viện cớ.

Tên phạm tội trốn thoát ở Quảng Yên Trương Thập (tên ấy người động Hà Châu thuộc phận châu Khâm, năm trước can án, phủ Hải Ninh bắt được giam để tra xét, tên ấy nhân sơ hở trốn thoát họp với kẻ du đảng dân khách hơn 300 đứa đến đánh trại Lộc Phù (thuộc phủ Hải Ninh). Phó lãnh binh Hoàng Đình Thượng chết trận,

vua chuẩn cho tặng tuất. Còn Tuần phủ Hồ Trọng Đĩnh và viên phủ Đàm Quang Văn đều giáng 1 cấp, nhưng bắt phải đi ngay đánh bắt để kết án. Sau quan quân tiến đánh đốt phá sào huyệt giặc. Trương Thập đem bè lũ còn lại trốn xa sang đất nước Thanh. Viên phủ ấy tư cho châu Khâm nã bắt.

Thống lĩnh nước Thanh Tô Nguyên Chương thay Lưu Ngọc Thành (bổ thụ Tổng binh trấn Hữu Giang) đóng giữ Long Châu (thuộc Quảng Tây) đưa thư cho tỉnh Lạng Sơn nhờ đem ý công trừ kẻ bạo ngược cho dân lành được yên của quân môn ấy tâu lên và xét rõ tình hình giặc bẩm báo cho biết. Hộ phủ Lạng - Bằng Lương Tự Thứ đem việc tâu lên.

Vua sai bộ Lễ nghĩ giúp tờ bẩm cho tỉnh Lạng Sơn và sao quốc thư đưa sang Quảng Tây hồi tháng 10, giao cho xem. (Tờ bẩm rằng : Hiện nay, đầu sỏ tướng giặc là Đàm Tứ Tỷ vẫn tụ kết hợp với giặc chiếm giữ Thông Hóa nước tôi, bọn Đường Vãn, La Tứ, Lục Chi Bình, Mã Nhị, Trần Đại, Hà Đại họp quân vài nghìn giết hại lương dân, cần phải tìm cách vây bắt để làm kế nhọc một lần nhàn mãi mãi. Cốt cho tro tàn không lại cháy được, biên cương yên ổn, nhờ ơn nhiều lắm. Còn như thế giặc, tình hình biên giới đã nói cả ở trong quốc thư).

Bắt đầu đặt huấn đạo ở Quý Hương. (Quý Hương từ trước đến nay, sĩ tử tuỳ tiện học tập, thí khóa không nhiều, hương lão xin dựng học đường, đặt huấn đạo cho tiện học tập. Vua liền sai đặt, lấy cử nhân bổ vào).

Tháng 12, chuẩn cho từ nay về sau, phàm võ - đội trưởng, văn - thư lại, bát, cửu phẩm trở xuống, trừ người tội nặng can phải nghĩ cách trở lên, thì vẫn chiểu chức hàm theo lệ làm tờ tâu đợi lệnh định đoạt, mà biết tình trạng, còn người can phải lầm lỡ tội công xét xử chỉ phạt roi, phạt trượng, thì tư cho nha có liên quan xét lại phát giao cho theo thế mà làm, khỏi phải làm tập tâu đỡ phiền.

Tha miễn thuế cho các dân xã bị đốt giết năm trước (năm thứ 27) ở Nghệ An. (Tất cả 27 xã, thôn, phường, trại, giáp, sách, tha cho tiền và thóc cùng thuế gỗ lim, chiết can thành tiền hơn 15.651 quan).

Chuẩn cho cục Ấn thư ở Quốc sử quán, giảm tiền công in để truyền bá được rộng. (Lệ trước, cứ 100 tờ, tiền công 2 tiền 30 đồng. Nay giảm một phần tiền là 50 đồng, còn thu 2 phần tiền là 1 tiền 40 đồng).

Lĩnh đốc Nghệ An Nguyễn Chính vì phân xử dân lương, dân giáo, án nghĩ quá hạn chưa xong. (Tháng 9 bắt đầu, hạn 3 tháng, nay đã hết). Xin gia hạn 6 tháng và xin do nha Thương bạc đem sổ bồi thường của dân lương tư cho tướng suý biết, để hiểu bảo dân giáo thôi không khiếu nại. Quan tâu nói : Lương, giáo thù nhau đã lâu. Nay khiến dân giáo yêu dân lương khoan giảm cho, sợ không có lý ấy. Việc của dân giáo mà khiến cho tướng suý ấy bảo chúng chịu khuất, lại sợ không được thế,

năm tháng kéo dài sinh nhiều chi tiết (tức như tờ tâu nói : "Tài sản đã xong rồi, mà đạo lại đòi nhà đạo đã thôi, án mạng lại đòi"). Nếu chỉ đem số bồi thường kê tư, không khỏi bỉ chúng nhòm ngó. Xin hãy do quan Tổng đốc kết án ngay đệ lên, phải bồi thường, quả là bất lực, mới nên cùng tính khoan giảm.

Vua cho là phải, sai đem ngay mật sức cho Chính biết, rồi lại gia hạn 3 tháng nữa.

Hoãn điền lính thiếu cho dân các xã điêu tàn hao tổn ở Quảng Nam, Hà Nội (Quảng Nam 22 xã, thôn, phường, châu ấp ; Hà Nội 71 xã).

Thưởng các nhân viên năm trước quyên tiền lập nghĩa chủng. (Người phủ Thừa Thiên và 5 tỉnh Quảng Trị, Hưng Yên, Thanh Hóa, Hải Dương, Bình Định) được lục chỉ, ngân tiền có thứ bậc.

Chuẩn cho Tham tán Trần Văn Chuẩn lại về lĩnh Tuần phủ Hưng Yên. (Khi ấy, Tuần phủ Hưng Yên Nguyễn Văn Thận theo Chỉ chuẩn cho về Kinh).

Vua bảo rằng : Trần Văn Chuẩn việc quân chưa am hiểu, ở lại cũng không có việc mà san sẻ trách nhiệm, cho về ngay Hưng Yên lĩnh chức Tuần phủ, vẫn mang cách lưu, là nhân lòng mong muốn của dân, cho nên được nhẹ. (Chuẩn trước ở Hưng Yên hết lòng chăm việc dân, sĩ dân cùng xin giữ lại).

Hiệp đốc quân thứ Thái Nguyên Tôn Thất Thuyết tâu : Kính vâng lời huấn dụ nghiêm thiết, sợ hãi không kể xiết. Nay bệnh tật hiện trầm trọng không thể một mình đương nổi việc biên cương. Xin chuẩn cho Hoàng Tá Viêm cai quản cả biên giới Bắc Kỳ, tính suốt đại cục. Thần xin tuỳ tiện cùng lòng, may được nhờ lẫn nhau cùng làm được việc. Và nói : Tiên tổ thần là Uy quốc công Tôn Thất Hiệp, về già đi tu, thần rất kính mến, đã có lòng muốn cắt tóc.

Vua xem tờ tâu bảo rằng : Ngươi không phải cuồng dũng như Ông Ích Khiêm, ít học như Trương Văn Đễ, cho nên Lê Tuấn cũng từng khen là biết lễ, sao lại còn làm ra lòng trốn ở chùa không làm việc, trẫm rất không khen, cha ngươi cũng chẳng thích nghe ! Ngươi nếu ốm không trù tính được, thì sao lại hăng hái đi, rồi lại nửa chừng bỏ. Ngươi cũng không nghĩ lòng riêng của mình cùng với quốc kế gia phong, đằng nào là trọng, mà còn không phấn khởi lo toan cho trọn có được không ? Viêm đùn cho ngươi, ngươi lại đùn cho Viêm, thế là đạo nghĩa gì ?

Khai đào đường sông các nơi Ái Nghĩa, Cẩm Lũ, Phi Lai ở Quảng Nam.

Đình việc thưởng lạo quan quân thứ, quan tỉnh thần ở biên giới Bắc Kỳ về tết Nguyên đán năm sau.

Vua cho là việc quân ở Hưng, Tuyên, Thái, Lạng, Bằng đã lâu chưa xong, Quảng Yên xử trí dân lưu tán chưa hợp, nên đình thưởng để cho biết sỉ nhục.

Chuẩn cấp cho tàu bị nạn nước Pháp. (Tàu mắc cạn ở phận biển Nghệ An, chết đuối nhiều, sai cấp cho thức ăn, đồ dùng và đủ đồ mai táng. Chờ có tàu khác đến vận tải, nên phái dân thu giúp đỡ để tỏ lòng thể tất).

Khi ấy tỉnh Thanh Hóa mới đệ thứ quế tốt nhất ít có gọi là thần cho, quế dày, vị ngọt, tuy hạng ba, hạng tư cũng tốt hơn hạng nhất, hạng nhì từ trước đến nay.

Vua bảo rằng : Phàm được của quý ngon ngọt, nhớ cho người thân, người giúp việc cùng hưởng, bèn chia cho hoàng thân, hoàng tử, công chúa, ấn quan trong ngoài có tầng bậc. (Tòng nhị phẩm trở lên đều 1 phiến hạng ba, ấn quan tam, tứ, ngũ phẩm đều 1 phiến hạng tư).

Dời làm hành cung lợp ngói ở cửa Thuận An đến chỗ hành cung mới tạm. (Ở dưới chợ Thai Dương, trên Phương Đồn) dựng bia thơ vua làm (80 bài vịnh cửa Thuận An).

Truy tặng các người chết vì việc nước ở các trận Cổ Linh, Lũng Kim, Miêu Đồn, Yến Lạc (dự tặng tất cả trên 120 người).

Định tội quan đi bắt giặc ở 2 trận Lũng Kim, Miêu Đồn (trận Lũng Kim, lãnh binh, đốc binh, đều giáng 3 cấp, quản suất đều giáng 1 cấp ; trận Miêu Đồn, tán tương, lãnh binh, đốc binh đều cách lưu, quản suất đều giáng 4 cấp. Người về trước phải cách, cho làm việc chuộc tội).

Định rõ lệ ấm bổ. (Lệ trước : Người được lĩnh hàm và hộ lý, quyền chưởng mà được truy thu, truy tặng, mà con được ấm bổ chỉ theo hàm cũ của cha.

(Vua cho là không công bằng, cho nên định lại từ sau : Có người nào từng dự việc quân, thực có công lao, sau khi chết được tặng hàm và người nào vốn có tiếng tốt, có công trạng làm việc, đã có Dụ chuẩn cho khen thưởng, truy thụ, thì đều chiếu hàm tặng ấm bổ cho con).

Khi ấy Thống lĩnh nước Thanh Tô Nguyên Chương đưa giấy báo cho tỉnh Lạng trù lương trước để đợi quân đến. Quan tỉnh ấy đem việc tâu lên, gặp lúc Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết đem hiện tình tâu nói : Đàm Tứ, Ông Thất, Đường Văn đem bè lũ đến Nhạn Môn, Bộc Bố cướp bóc, Lục Chi Bình, Trương Thập Nhị ở An Mã chờ xin vỗ nuôi.

Vua phê bảo rằng : Cầu quân Thanh xa xôi, là tại bọn ngươi chậm lâu, không biết cùng lòng, hết sức làm xong, nên bất đắc dĩ phải dùng kế cuối ấy. Nếu quân ấy đến nhiều, lại thêm nhọc tốn. Vậy cho xét tính ngay đánh và phủ dụ hai việc ấy làm thế nào cho chóng xong việc, nên hoãn nên đình, tâu lên rõ ràng và làm việc. Sau tâu lại thì Tá Viêm chủ chiêu phủ, Thuyết chủ đánh, vẫn chưa có định cục. Lại sai xét rõ tình thế có nên đánh mà được hoàn toàn, biên giới yên hẳn, có chỗ nên chiêu phủ mà không lo ngại về sau và hợp thời nghi, lập tức đều trù tính ngay,

không được để nhọc quân, tốn lương, chuyển thành khó khăn nhiều. Quan quân thứ ấy hiện đương trù nghĩ, bỗng tiếp được quan Tuần phủ Tuyên Quang Mai Quý tư nói : Bọn họ Đàm, họ Lục, họ Trương, thực lòng đến xin vỗ nuôi (xin cấp lương ăn 12 tháng) cung kết rõ ràng. Còn Ông Thất, Đường Vãn chờ hiểu thị lại, sẽ định sau. Bộ Binh làm phiếu dâng, vua bèn chuẩn cho bọn Tá Viêm, Thuyết tư cho quan Tuần phủ Tuyên Quang phải làm cho ổn ngay. Còn giặc ấy xin cấp lương ăn, hãy liệu cho ít nhiều trước, để tỏ lòng tin cho được nhờ sống, nhưng bắt bọn ấy bảo họ Ông, họ Đường đều theo hàng cả, để tỏ lòng thực, hoặc cùng mưu tính như Diệp Thành Lâm đuổi bè lũ họ Bạch, càng thấy báo hiệu, rồi sau mới cấp cả, không để chúng lừa dối được, thế mới được.

Nhân bảo bộ Binh rằng : Việc quân nước Thanh hội đánh, trước vì bảo khẩn, nên viết thư yêu cầu mới, sau bọn giặc đã đến xin vỗ nuôi, quân thứ hiện đang xét tâu : Nên cho Tuần phủ Lạng Sơn Lương Tư Thứ nói với họ tạm hoãn. (Khi ấy, sai ngay quan bộ Lễ đem hiện tình nghĩ giúp tờ bẩm thay cho tỉnh Lạng Sơn, đại khái nói : Xin hãy đóng ở biên giới phòng giữ cho nghiêm, không cho giặc lêu lổng đến thêm, để chờ đánh dẹp vỗ yên ra sao, sẽ báo để làm việc sau, cho khỏi thêm nhọc. Nếu hoặc nghĩ tình ra sức, có nên phải đi, hãy chia đóng vài dinh ở Cao - Lạng để tiện báo gần, cũng tốt. Các ý như thế, sao lục giao cho Tư Thứ viết gửi cho họ Tô thống lĩnh biết để làm việc). Bỗng gặp (ngày 29 tháng ấy), Thống lĩnh họ Tô phái người (Kinh lịch Lã Nhữ Huân, du kích Lưu Văn Thành) đi đến Lạng Sơn hội bàn. (Viên thống lĩnh ấy đã truyền cùng ra cửa quan, hẹn đến mồng 8 tháng giêng sang năm 2 dinh tiên phong đi trước, ngày 15, thống lĩnh ấy sẽ đem 3 dinh tiến từ Lạng Sơn rồi Bắc Ninh đến Thái Nguyên và tư cho đạo viên họ Triệu ở Hữu Giang liệu đem 3 - 4 dinh đi từ Cao Bằng đến Thái Nguyên trước đã có giấy báo 2 đại thần trù biện lương thảo, thế mà chưa thấy bẩm lên, cho nên phái người đến. Quan tỉnh đem việc ấy tâu lên, vua chuẩn cho Lương Tư Thứ hãy đem hiện tình nói với sai quan ấy về báo cho Thống lĩnh ấy tạm hoãn để chờ. (Khi ấy tờ bẩm chưa kịp phát đến Lạng Sơn, mà phái viên ấy đã đến, cho nên có Chỉ chuẩn cho ấy. Còn như tờ bẩm hãy đình lại). Lại cho là ngày đi của quân Thanh đến nơi, Dụ bảo Tôn Thất Thuyết rằng : hoặc Thống lĩnh ấy hiện đã đến Lạng Sơn, tuần phủ Lạng Sơn theo lệnh bẩm lên, hãy đóng để trấn áp, cố nhiên là tốt. Nếu đã qua Lạng Sơn đến Bắc Ninh rồi đến Thái Nguyên, thì cho là ngươi phải khoản tiếp khéo cho hợp thể, tư ngay cho Tá Viêm làm cho chóng xong để tiện báo với thống lĩnh ấy, khỏi phải phiền phí, sau vì họ Ông, họ Đường xin vỗ nuôi không rõ. (Tỉnh Tuyên tâu báo), vua lại chuẩn cho bọn Tá Viêm, Thuyết nói khéo với quan nước Thanh hội đánh.

Quan 2 tỉnh Hà Nội, Hải Dương kính đệ lễ Nguyên đán (Hà Nội thì bánh phục linh, rượu sen, rượu cúc ; Hải Dương thì danh nham hảo trà).

Chuẩn định lệ dựng nêu, hạ nêu. (Lệ trước : ngày 30 Tết trồng nêu, mồng 7 tháng giêng năm sau hạ nêu, đều cho Khâm thiên giám chọn giờ lành. Sau chuẩn cho đều lấy giờ Thìn làm nhất định).

Năm ấy các hạng thuyền tuần tiễu vận tải 458 chiếc, hỏng việc (vì bão, giặc) 22 chiếc, còn thì đều về thanh thoả cả.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LVII*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Đinh Sửu, Tự Đức năm thứ 30 [1877] (Thanh, Quang Tự năm thứ 3), **mùa xuân, tháng giêng,** các người Mán, Mèo ở tỉnh Tuyên Quang theo hàng. (Trước kia Mán, Mèo là bọn Ngô Nhị, cùng thông đồng với bọn côn đồ ở phủ Khai Hoá để rình cướp bóc, Phủ uý là Nùng Hùng Ân xin mộ thổ dõng nước Thanh để đánh dẹp, đến nay bọn côn đồ đã tan, Ngô Nhị lại cùng Hùng Ân giảng hoà), quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua bảo rằng : Như thế cũng có thể làm cho dân một phương ấy mừng và yên tâm, nhưng quân lưu lại thì ít, mà dân mới theo về thì nhiều, phải khéo gia tâm phòng thủ và vỗ về, mới giữ được vô ngại ; dụ sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm, chiểu tuỳ hiện tình trù tính, để cho được cùng yên.

Chuẩn cho dân hạt Quảng Nam được triển hoãn tuyển lính nộp thuế có thứ bậc (24 xã, thôn được hoãn tuyển lính ; 79 xã, thôn được hoãn nộp thuế, vì cớ dân điêu háo).

Quan tỉnh Thanh Hoá xin đặt kho tạm thời ở phủ Tĩnh Gia để quyên trữ các thứ hoá vật công, cho tiện tàu vận tải. Vua y cho.

Kiến Thuỵ công là Hồng Y chết. Vua nghỉ triều 8 ngày, truy tặng là Kiến Thuỵ quận vương, cho tên thuỵ là Tuệ Đạt, việc làm ma chiểu lệ quận vương, gia hậu lên, ngày thành phục, sai Hoàng trưởng tử (là con thứ 2 của Kiến Thuỵ công sinh ra) đặt hương án ở khoảng giữa nhà sau Dục Đức đường, dùng khăn áo vải thâm, chiểu trong đồ 5 bậc để tang, đứng vào hàng cháu làm lễ, đến khi an táng, nhà vua lại thân làm bài văn viếng để tế.

Cho ruộng Thọ Xuân quận vương là Miên Định. Vương tuổi cao đức tốt, trung cần không đổi tiết. Vua vốn kính yêu, chuẩn cho quan phủ (Tôn nhân) chọn 50 mẫu ruộng tốt (thuộc địa phận xã Mậu Tài, huyện Phú Vinh) cho làm thế nghiệp lâu dài.

Công tử là Hồng Sâm vốn có văn học, quan Nội các là Ngô Quý Đồng cử người mình biết, rồi sát hạch được dự hạng, vua ban Dụ khen, cất bổ chức Trước tác, chuẩn cho vào Nội các, đặc cách cho lĩnh cả quan bổng (lệ cũ, công tử bổ quan, từ tứ phẩm trở xuống đều theo lệ bổng của công tử trước, từ tam phẩm trở lên, chiểu theo quan bổng, không được lĩnh cả hai đằng), lại cho là cử lên được người thực tài, thưởng cả cho Quý Đồng (gia 1 cấp).

Khuyến miễn các quan trong Kinh và tỉnh ngoài, Dụ rằng : Vua là tâm, các bề tôi là trăm cơ thể, các cơ thể gián hoặc có bệnh mà tâm không có bệnh, còn có thể gắng gượng sai khiến vận động, để giúp đỡ đôi chút mà thôi, nếu tâm đã có bệnh mà các cơ thể lại phần nhiều không cử động, thì là một người ốm lìm lịm đó thôi còn làm gì được.

Ta sinh không gặp thời, vận mệnh khó khăn, phúc bạc, cảnh ngộ đều gặp những sự gian truân, sầu khổ, người không thể chịu được, trẫm đã không có phúc đức, đủ để chuyển đi ngấm ngầm, lại không có tài lực, có thể mở mang thi thố, lại thêm tư bẩm rất bạc, người đời xưa đời nay đều chưa từng có ai có khí chất như thế, cho nên từ lúc trẻ đến lúc khôn lớn, cho đến lúc già, bệnh nươm ở người, dựa vào thuốc làm sinh mệnh, tuy trong khoảng một ngày, cũng chưa từng nhàn rỗi chút nào, năm nay gần đến 50 tuổi, mà gân sức rất mỏi mệt, ăn uống không tiêu hoá, chứng uất trệ thường có luôn, diện mạo xanh xao, da thịt gầy mòn, đầu nặng, mắt hoa, trông coi rất không được như trước, tuy không cố tật gì có thể chỉ rõ ra, nhưng cái chứng hay chóng mặt choáng váng, rất là không thể lường được đáng sợ, phàm những lúc đi, đứng hoặc ngồi xem gì hơi lâu, thì thấy khí xung lên muốn ngã ra, nói nhiều thì khí thiếu, thấp nhiệt thì khí bốc lên, cho nên nghi tiết lễ nghĩa các mùa trong một năm, ngày thường triều tham, sức không theo được như bụng, muốn cố gắng cũng không được, đều bởi cái bệnh to rất đáng sợ có luôn luôn, thần khí suy tổn không phải một lúc, người khoẻ mạnh còn không chịu được, huống chi người yếu quá ư ? Tuy đã điều bổ thêm lên, nhưng thầy thuốc không phải như Hoà, Biển[1], cỏ cây không phải là thứ khí huyết có tình, cũng như nước giội xuống đá, sao có thể chốc lát mà thần hiệu được, nhiều lần đã tìm rộng cũng không có người đáp ứng, kể thì tật bệnh ai cũng thường có, mà mình trẫm đến như thế, trẫm thường tự lấy làm lạ, mình vốn đã ghét, không phải đợi người ta trông thấy mà chán, không có công chỉ có lỗi, mà tuổi ngày một thêm lên, lịch số thêm dài ra, phúc chăng hay

(1) *Hòa, Biển* : Hòa với Biển Thước, làm thuốc hay có tiếng ở thời cổ.

hoạ chăng, thực là khó ức đạc được ; vả lại công đức như Quang Vũ đế, suốt đời cổ không ai bằng, mà còn nói rằng nhân dân oán khí đầy cả bụng, còn như trẫm bản chất vốn yếu, oán nữ, khoáng phu[1] còn nói hết thế nào được, bởi thế thường nghĩ mà lo sợ, được 1 tháng mới kể là 1 tháng, đầy 1 năm mới gọi là 1 năm, chỉ vì điều quá cữu, điều hổ thẹn không dãi tỏ ra được, không đừng được mà phải tạm hết lòng để đợi mệnh Trời, từ trước đến giờ các việc khó khăn, trọng đại đều nhờ sức vài ba bề tôi giỏi, may được hơi thư, cho đến ngày thường, những văn thư của các ty, cũng nhờ quan có chức trách làm phiếu nghĩ, trẫm chỉ chấp kỳ đại cương để quyết định việc nên chăng, trẫm có tài năng gì đâu, thế mà sổ sách kỳ hội, còn thấy đọng lại chồng chất, người phải nói nhiều, còn như mưu xa trị nước, hình như không lưu ý đến, há phải là chức trách của vua và các quan đại thần chăng ?

Vả lại, triều ta dựng nước, quy mô rõ ràng chu đáo, điển lệ rất nhiều, năm trước ít việc, tinh lực của trẫm còn chưa suy lắm, chưa hiện ra vẻ kiệt quệ, từ khi 2 kỳ có việc đến nay, việc ngày một nhiều, người ngày một suy, cố đã bỏ hết mọi sự phồn hoa, không dùng đến sự tai nghe mắt thấy, cho đến các sách vở giúp ích cho tâm trí, cũng ít có thì giờ xem đến, trừ hằng ngày ngoài 3 thìa cơm ra, đêm lại đến ngày, chỉ hết sức làm việc ở các tờ tư tấu, cũng chỉ làm các việc cần kíp, cũng chưa xong hết, các quan cũng thường cho là chăm chỉ, khó nhọc, lại không biết là phiền toái vụn vặt, ngoài ra có nhiều việc trái phép chuyên quyền, giấu không tâu lên, thì việc tâu coi như là không quan hệ gì, việc không nên tâu lại để cho tắc trách, việc khinh việc trọng, việc hoãn việc cấp không có thứ tự, không bao giờ quá đến như thế, thế mà cứ lần lữa làm với nhau, không ai hặc tội vạch ra, việc sao xong xuôi được, người sao khuyến miễn được, các việc toàn ở giấy tờ, lấy văn chương sửa sang cho đẹp, ngự triều coi chính, có gì đáng nói, chỉ im lặng không muốn hở răng, vả lại tự nghĩ, sinh ra một việc không bằng bớt đi một việc, việc hiện làm chưa xong, huống chi lại thêm ra nhiều việc bàn phiếm, dù có nói, không xin lui về bàn tính, thì cũng ứng đối bừa đi, việc lợi, hại, việc nên chăng, chưa từng bày tỏ trước mặt, thì ngồi ở triều đình bàn luận, chỉ là hư văn, há chẳng nghe thấy người ta chê những người dựa dẫm không định được phải trái, thay đổi ý kiến đến 2 - 3 lần ư ? Cũng không nghe thấy thường tranh luận ở trên thượng điện phân biệt hoà với đồng, tị với chu ư [2], thánh nhân nói vẫn nghiêm ngặt, việc gì phải cẩn thận vụn vặt, khiêm nhượng nhỏ mọn, để thêm thói quê, làm lỡ công việc. Còn bàn một việc không qua từng mùa từng tháng cũng đến hàng năm, đến khi tâu lên, còn phiền đến 3 - 4 lần đổi đi bác lại, cho nên nhiều lần đã bàn đến giảm bớt giấy tờ, nhưng cũng không thấy giảm chút

(1) *Oán nữ, khoáng phu* : oán nữ là con gái không có chồng, khoáng phu là đàn ông không có vợ.

(2) *Hoà, đồng, tị, chu* : chữ trong sách *Luận ngữ*, Khổng tử nói : Hoà là hoà với nhau, đồng là kết bọn với nhau, tị là riêng lẻ từng cách, chu là khắp tất cả.

nào, đó là người làm ra tệ, thế không làm thế nào được, muốn cho khỏi bệnh, cũng không thể được, huống chi nay vì việc công mà quên việc riêng, ngày đêm không trễ nải, có được mấy người ? Lấy không tham làm của báu, lấy thiên hạ làm trách nhiệm của mình, lại được mấy người ? Gặp việc có thể biết, sao phải phân tích làm gì ? Không thế, thì cứ cố sức mà làm, cũng như người đi đường, tuy xa, dần dần cũng có thể đến được, đâu có trọn đời mà không làm được việc gì ?

Trẫm trừng trị than thói tục chuyển di con người quá lắm, vả lại sáng nghiệp với thủ thành cũng là một hạng người, nhưng tập quen khó nhọc thì chỉ có một lòng, tập quen dong dài ham muốn thì có rất nhiều bụng, một bụng thì việc gì mà không làm xong, nhiều bụng thì một việc cũng không làm trọn, vì gặp thời đã khó, được người lại khó, dù có tư chất như Hán Tuyên đế, Đường Hiến Tông, cũng chưa dễ bỗng chốc mà đổi ngay đi được, huống chi trẫm hèn yếu, khoan hậu nhân từ dễ nói dối, nói không thì có ích gì, càng biết thủ thành là khó, khó hơn sáng nghiệp rất nhiều, tiếng và dung nghi thịnh mà võ bị sơ, bàn luận nhiều mà thành công ít, thế là cái bệnh to của người nhà Tống, đời sau vẫn chê, không ngờ ngày nay lại thấy, sao khỏi được sự chê bai của người đời sau. Cổ ngữ lại có câu : Cuối đời nhà Chu không có năm rét, khi nhà Tần mất, không có năm ấm, là điềm ứng về sự khoan hoà hay nghiêm khắc đó ; gần đây rét ít ấm nhiều, so với khoảng năm Minh Mệnh khác hẳn, không những trẫm được chính mình xem xét, những người kỳ cựu ai cũng nói thế, chẳng qua quen đều do cái thói lười biếng nên mới đến thế. Vả lại vua tôi có nghĩa cùng giúp đỡ nhau, khoan dung để giúp cho sự nghiêm ngặt, nghiêm ngặt để giúp cho sự khoan dung, mới mong có ích mà không có tệ, nhưng cái mà trẫm nói, là xử sự thì cung kính mà làm việc thì giản dị, siêng năng thì có công, không phải là nghiêm cấp thao thiết để hại đến nguyên khí, các quan sao không xét nhận, nay trẫm đã thế này, các quan lại như thế, thế là tâm đã có bệnh mà các cơ thể cũng có bệnh, thì cùng ai mà làm mọi việc ?

Thế mà còn nói việc đã dần ít, đã có đầu mối, xin cho nghỉ ngơi, để bớt khó nhọc, trẫm xem đến lo sợ hổ thẹn vô cùng không biết là nói thế nào, người đời xưa ở lúc yên nghĩ đến lúc nguy, tuy 2 đời đế 3 đời vương, nhưng bậc vua tôi thánh triết vũ trụ thái hoà vẫn không dám tự mình nhàn rỗi, còn như sự thế ngày nay quả gọi là đã yên đã trị, đã giữ được không lo ngại gì, thì âm dương đã điều hoà rồi, thóc hằng năm đã được mùa luôn rồi, nhân vật đã thịnh yên rồi, kho tàng kho đụn đã đầy giàn cả rồi, bờ cõi bị mất đã lấy lại rồi, giặc phương Bắc đã dẹp yên ngay được rồi, hiền tài rất nhiều chỉ để sai khiến, không đi đêm mà không mê hoặc vì danh lợi rồi, quân có sức mạnh phòng thủ chống giặc mà không có tệ trốn thiếu nhát hèn, dân đều chăm việc công, muốn làm việc nghĩa, cả một vùng cùng một phong tục, thói đút lót không có, nhà ngục bỏ không, chính sự giảm bớt, hình ngục xong xuôi, trẫm đã

yên gối nằm khểnh không lo gì rồi, không phải dùng thuốc mà khỏi bệnh, việc gì đến nỗi quá muộn không thuốc nào chữa được nữa, thế mà không nghĩ như thế, mờ mịt tự khoan, nếu hỏng việc thì sao ? Nếu thêm mãi thói tệ thì sao ? Thế có khác gì đi lùi bước mà mong theo kịp người đi trước, thêm củi vào mà cầu cho nước không sôi, như sĩ phu chuộng thanh đàm về đời nhà Tấn, các quan cứ tìm nơi cảnh đẹp mà đi chơi về đời nhà Đường, trăm đời về sau còn có lời chê để lại, sao không lấy đó làm răn, trẫm tự trách mình không rồi, còn rỗi đâu mà trách người, chỉ uất tích ở trong lòng đã lâu, cho nên không giữ được sự phát ra ngoài nhiều quá.

Kìa như sang đến làm vua, giàu có cả bốn biển, lòng ham muốn to của người đời, có vui nào to hơn được, mà trẫm gặp cảnh ngộ như thế, không bằng bọn người ăn cơm rau, uống nước lã, gối đầu bằng cánh tay mà nằm, vui vẫn ở trong chỗ đó, mà công khanh quan lại không ai là không có cái vui nối dõi trong gia đình, chỉ có một mình trẫm không được như thế, trông cả bốn mặt, không có tình gì, việc hiện nay đã khó, mà việc sau lại càng khó, ngoài lo trong nghĩ, bụng không khắc nào được yên, từng đọc thơ họ Đào, trong 3.000 tội, không có con là tội cần nhất, khiến cho người thấy thẹn mặt, mồ hôi ra ướt cả áo lúc nào không biết, cho nên hình ra thơ văn, không câu nào là không gốc ở trong tính tình, muốn thôi cũng không thể được, đó đều là cái cảnh người ta không thể chịu được, mà trẫm xử vào cảnh đó vẫn vui vẻ tự nhiên, tuy không dám dạy bảo đạo đức, nhưng cũng do đọc sách mà hơi có lĩnh hội được, há chẳng thấy khi chương tấu đến 19 tờ dâng lên, cũng không nghe chi đến, chỉ tựa vào ghế mà viết, nước mắt giàn ra mà khóc, thế là người thế nào ? Chỉ nghĩ còn có mẹ già sớm chiều nương tựa, không thể không vui vẻ nét mặt, tiếng nói hoà nhã, để hầu vui cầu thọ, giữ được nước nhà là hiếu, hết việc vui của bản tính mình, ngoài ra thì sức không đủ, còn dám gượng mong gì, lại sợ vận mệnh bất thường, năm cứ đi mà không chiều ý, đã già không thể khoẻ mạnh lại được, như cây khô mấy khi lại được xanh tươi, cho nên phàm trăm công việc, cho đến những văn chương làm ra trước, đều muốn kiểm điểm cho chóng xong, không bỏ sót sức thừa, há không biết mỏi mệt, cầu yên trong lòng.

Khốn nỗi người ta ai cũng có lòng, thực khó mà yên ủi được, tuy đã gần đến 50 tuổi, lòng chí thành của thần tử dù muốn bày đặt ra làm lễ chúc mừng, nhưng tự liệu sức thực không đủ, tất cả những nghi chương phức tạp, tiếp kiến tần phiền, rất biết là không thể kham được, thì lấy gì mà yên ủi được cả mọi người, kìa như không có bệnh mà cứ rên rỉ, đâu phải là lòng người trên hoà dưới vui, trẫm rất muốn lắm, nhưng tình trạng như thế, muốn cố gắng cũng không được, mọi người hoặc tha thứ cho, trẫm cũng tự lấy làm hổ thẹn, vả lại vui do tự trong lòng, không phải mượn ở ngoài, trong lòng nếu không vui, tuy bày đặt ra nhiều hư văn cũng có làm gì, xét kỹ hiện tình, cứ như cây có mọt, thuyền có lỗ dò, nếu không bồi lấp ngay, hoặc có sự gì

bất trắc sợ lại quá hơn vết xe trước [đi lạc bánh] lấy sức đâu mà chống giữ được, như trẫm lúc tuổi trẻ, mất sự điều dưỡng, nay hối cũng đã muộn rồi, cho nên việc phải lo trước, mới được vui sau.

Trẫm thường mến Gia Cát Vũ Hầu làm người không chuộc ơn nhỏ, mà siêng mọi việc, nghĩ nhiều càng rộng, thưởng phạt không thiên tư, luôn năm đánh dẹp mà dẫu không biết đến việc binh, lập đồn điền chứa thóc, nước đến thịnh giàu, lấy nước Thục là một nước nhỏ ở một góc, có Vũ Hầu thì yên, không có Vũ Hầu thì nguy, thế thì an nguy không quan hệ ở chỗ nước lớn nước nhỏ, chỉ do ở người thế nào đó thôi. Kìa như lấy nhỏ địch với nước lớn, vạn phần không thể chống lại được, khôn như Vũ Hầu đâu không tính ra, nhưng mà hết lòng báo nước, thì chỉ biết có nước mình, mà không biết đến người khác, cho nên thường nói rằng : "Giặc nhà Hán không thể cùng đứng, nghiệp vương không thể cầu yên ở một phương, hết sức về việc nước, đến chết mới thôi, còn như việc thành hay bại, lợi hay hại, tôi không thể biết trước được, bởi vì đạo làm bề tôi không lấy khó dễ mà hoài nghi, không vì thịnh suy mà đổi tiết, chỉ làm theo chí, cốt được yên lòng, cũng có thể đối với thiên hạ được". Trẫm nếu được người như thế, thì có thể không bệnh mà không lo, đâu như người đời nay, phàm việc cứ tránh khó mà thoái thác, chọn sự thuận tiện mà để lo về sau, so với người đời xưa, muôn phần không được một phần, như thế không bệnh, không lo sao được.

Kìa như trung nghĩa, gốc ở tính trời, người ta đều có, không học mà hay, không cố gắng mà cũng trúng, há đợi dạy bảo mà sau mới biết, chỉ vì lòng dục riêng che lấp, cho nên thắng được lòng dục riêng của mình để đem lại lẽ phải là khó, nếu biết dùng lực vào chỗ ấy, mới khỏi hư sinh một đời, trẫm bất đắc dĩ phải ân cần cặn kẽ như thế, không phải có ý nén xuống hay cất lên, vốn đã nhờ rồi, cũng tất phải nhờ để cho trọn trước trọn sau, hầu được chóng tiến hiệu, nếu coi thường mà không nói, sợ trái với lòng thực sửa lẫn cho nhau, nói mà không nói hết, thì không biết đâu mà theo, cũng như là không nói. Từ nay về sau, các quan trong Kinh, tỉnh ngoài, nếu nghĩ đến trẫm 30 năm nay tình huống như thế nào, lo nhọc cùng chung, công tư cùng liên hệ, tất phải trừ hết thói tệ, đổi hết lòng riêng, bớt hết văn thư phiền toái, cốt cho được giản yếu, phàm việc thường đã có điển lệ, tuân theo mà làm, đem lòng công mà kết hợp với nhau, chớ nên làm rối bụng trẫm để cho sức trẫm được thư đôi chút, rộng lòng nghĩ của các quan, thế cũng là cái ý của Văn Vương không xâm đến những việc hiệu lệnh, những việc ngục tụng, những việc cấp giới, chỉ để cho các quan có chức trách chăn dân, răn bảo những kẻ theo mệnh hay trái mệnh [1], cho nên đều đem thực tâm, thực lực, tính việc có ích, bỏ việc vô ích, ngăn ngừa họa hoạn

(1) Cả đoạn này trích lấy ở trong thiên *Lập chính*, *Kinh Thư*.

khi chưa xảy ra, giữ tiết của mình không ai cướp lấy được, làm một việc tốt là xong một việc, nói ra một lời tất giữ được như lời, kể tháng thì không đủ, kể năm thì có thừa, mong cho trăm việc đều chính đáng, mọi công việc đều mở rộng, nước nhà cường thịnh, trong ngoài yên ổn, tật bệnh tội lỗi, như khí xuân trở lại, như váng nước tan ra, giải được uất kết lâu năm của trẫm, vun trồng nguyên khí đến không cùng, thế thì rõ ràng phấn khởi mà làm mọi việc, trọng hậu rộng rãi để thành chính trị khoan hoà [1], hai đằng gồm có cả trẫm nếu khốn yếu bất thường, cũng có thể không di hận được, nếu chỉ coi là hư văn, không đem lòng mình thể tất lòng trẫm, lần lữa cẩu thả, thì táng tận lương tâm quá lắm, không thể cùng nói được, còn làm thế nào để đứng ở triều đình mà đối trước mặt trẫm được, thông lục cho các quan trong Kinh và tỉnh ngoài, viết lời Dụ này vào giải áo mãi mãi.

Thống lĩnh nước Thanh là Tô Nguyên Chương đem quân 3 dinh đến ngay Bắc - Thái giúp việc đánh giặc, việc ấy tâu lên, vua sắc rằng : Quân nước Thanh đến chuyến này, quân phí rất nhiều, kho 2 tỉnh chứa không được bao nhiêu, chuẩn cho 2 tỉnh Hà Nội, Hải Dương trích sẵn tiền gạo mỗi tỉnh 20.000 quan tiền, 20.000 phương gạo, giải giao để cấp. Sau rồi quân nước Thanh đến tỉnh Lạng Sơn, Tuần phủ Lạng Sơn là Lương Tú Thứ tuân lời chuẩn cho, trước nói hoãn lại, viên thống lĩnh ấy vì thế trong lòng áy náy, để ý vào việc ấy, bàn muốn trở về, quan ở quân thứ là Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết cũng cho là giặc tàn họ Ông, họ Đường không có trò gì khác, không cần đánh giúp. (Gần đây vì giặc ấy xin ra thư không rõ ràng, đã chuẩn cho quan ở quân thứ khéo nói với quan nước Thanh giúp, nay bọn giặc ấy hiện đã đều xin thú, đã sắp xếp cho ở một nơi, nhận lương ăn, thì chú ý ở sự vỗ về, cho nên để cho quân nước Thanh tự rút về). Viên thống lĩnh ấy rồi lại rút quân vào cửa quan.

Cho Chưởng vệ quyền Chưởng Tả dực dinh Vũ lâm là Đinh Hội thăng thự Thống chế dực ấy.

Phục chức cho Thuỷ sư Đề đốc là Nguyễn Chí làm Đô thống. (Chí trước can vào việc phụng thủ Long thuyền không cẩn thận phải giáng, đến nay chuẩn cho khai phục).

Tướng nước Pháp đệ tiến các phẩm vật (2 cái kính đeo mắt, 2 cái đồng hồ, 3 cái ống nhòm), chuẩn thưởng cho mà nhận lấy, nhưng châm chước tặng lại các thứ thổ ngơi (ngà voi, sừng tê và các thứ trầm, quế) để đáp lại lòng tốt, lại vì tàu và súng chiểu như lời ước tặng xong, lại gia thưởng cho 1 chiếc kim khánh (mặt khắc 2 chữ tư nghĩa).

Tổng đốc An - Tĩnh là Nguyễn Chính, dâng sớ xin sai sứ sang Xiêm (trong sớ nói : Gần đây, phái viên quyền Tri phủ Trấn Ninh là Cao Bỉnh Trâm đi dò thám bọn

(1) Cả đoạn này trích lấy ở trong thiên *Lạc các, Kinh Thư.*

giặc Hoàng Lâm, bị quân Xiêm bắt được, rồi biết là phái viên của tỉnh Nghệ, hậu đãi cho về, có cả thư của viên tướng nước Xiêm, xin sai quan đem thổ sản đến tặng, nhân dò thám cả tình hình ở biên giới). Vua cho là nước Xiêm vốn có tình cũ với ta, lại ở rất gần nhau, cũng nên giao thiệp rộng, chuẩn cho các quan trong viện nghĩ định làm việc.

Dạy khuyên các quan chăm chỉ chức vụ. Dụ rằng : Chính sự cốt có phép thường, lời văn cần phải có thể yếu, phép thường thì được lâu, có thể yếu thì dễ theo, trời chuyển vận 4 mùa tuần hoàn, người ta cũng theo đấy để tự gắng không thôi, trong khoảng năm, tháng, ngày, giờ, lúc nào không phải là chức sự của mình, thế mà cố ý làm ra lúc khó nhọc, lúc rỗi rãi, lúc làm, lúc thôi không đều nhau (tức như hộp tấu thư, tháng đầu xuân không được một phần, đến tháng cuối mùa đông thêm lên đến gấp mười. Ty Thông chính cuối tháng hội sổ sách, đầu xuân số không đầy 100, các tháng trên dưới 100, tháng trọng đông lên đến 300) ngày hôm ấy không làm, hãy đợi ngày hôm sau, nếu để chừa lại mà khó nhọc, khó nhọc mà làm nhầm lẫn, sao bằng đến lúc nào làm lúc ấy, ít thì nhàn, nhàn thì kỹ, đã yên trong lòng, lại làm được xong việc. Còn như văn thư tâu lên, đã có thể tài, phải cốt yếu, phải thực sự, để tiện xem xét, là vì giữ một chức gì, hợp cả sức đường, thuộc[1] vào, cứu thảo duyệt nhuận đến 2 - 3 lần, còn không khỏi có sót và nhầm lẫn, huống chi xem xét hết cả muôn việc, sức nào chịu nổi, thế là không xét nghĩ, mỗi việc phần nhiều phô trương phiền nhũng, nói nhiều làm rối cho người nghe không biết theo đường nào, vả lại người ta sở chủ chỉ có lòng và mắt cùng làm trong ngoài dựa theo nhau, là rất quý rất quan hệ, mắt chăm chú nhìn thì lòng mệt nhọc, lòng mệt nhọc thì tinh thần mỏi mệt, tinh thần mỏi mệt thì khí tán, khí tán thì tinh tiết, tạng ấy một khi bị bệnh, thì các tạng cũng bị bệnh theo, mà các cơ thể không cử động được; sao không chịu để cho có tiết độ, mà chỉ trách thuốc chữa không hay, có lý thế không ? Trẫm đã nói luôn mãi, nay không cần phải tần phiền, hãy bảo cho điều cốt yếu, các quan đều có tri năng, tự xét thế nào là phải là không phải, chớ quen thói cũ, chớ phiền bẻ bác, hầu được yên tâm, hình phạt thi hành với kẻ tiểu nhân, đức nghĩa đối với người quân tử, trẫm đã hậu đãi, không nỡ nói hết lời, sao nỡ cứ im đi mà không thay đổi, không cố gắng ư ?

Cho lĩnh Hữu tham tri bộ Lại Nguyễn Văn Thuý đổi bổ lĩnh Hữu tham tri bộ Lễ kiêm quản Thông chính sứ ty.

Trả lại hàm tước cho Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết. (Tá Viêm nguyên hàm Hiệp biện Đại học sĩ, tước Địch Trung tử ; Thuyết nguyên hàm thự Tổng đốc, tước Vệ Chính nam, ngày tháng 4 năm ngoái, giáng Viêm làm Tổng đốc, Thuyết làm

(1) *Đường* : tức đường quan ; *thuộc* : tức thuộc viên.

Tham tri, cách mất tước tử, tước nam, vẫn sung Thống đốc, Hiệp đốc đến nay trả lại). Dụ rằng : Hai đại thần hết sức khó nhọc lâu ngày, gần đây trù tính vào hợp công việc, nên gia ân chuẩn cho khai phục, đợi việc ngoài biên xong sớm, lại gia hậu thưởng.

Cho hộ lý Tuần phủ Trị - Bình là Lê Đình Tuấn thăng thụ Thị lang, thự Tả tham tri bộ Hình.

Quân nhu ở quân thứ Bắc Kỳ thiếu, chuẩn cho tỉnh Lạng Sơn trích hoa ngân ra, giao cho tỉnh Cao Bằng để chi dùng. Nhân Dụ cho quân thứ đại thần rằng : Một giải biên giới Bắc Kỳ, mấy năm nay bọn côn đồ càn dữ, trẫm không nỡ để cho dân ấy khổ lâu, sai tướng đem quân, chỉ cần cho yên mà thôi, thế mà tướng suý cầm quân, coi thường giặc, dân phải cung ứng như lấp vào cái hang lớn, những thứ vận tải của nước như rót vào cái chén dò, tiền của không phải quỷ thần vận tải đến, dù hết mưu sức của người, không thể cung cấp cho đủ được, nay phải hối cải cố gắng, quét sạch các giặc, cho tài lực, cho quân dân được thư, thì các ngươi còn có thể nghĩ đến công khó nhọc, không thế đã có quân chính còn đó.

Hộ phủ Thuận - Khánh là Trương Gia Hội tìm được vàng sống dâng lên 1 cân 54 khối (chất vàng vốn tự nhiên, không phải đúc rèn, sản xuất ở núi Trà Linh, thuộc trại Man, huyện Hoà Đa. Tục truyền thứ vàng ấy ma quỷ vẫn sợ, dùng để trấn áp chỗ đất độc thì khí độc tan đi, cho trẻ con đeo thì tránh được ma quỷ. Trước đấy, Hải phòng sứ tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Chính Tâm tiến trình lên 1 khối. Bộ Hộ phụng chuẩn, tư cho tỉnh Bình Thuận tìm kiếm để dâng lên, đến nay tìm được tiến trình), sai bộ Hộ đem 1 - 2 khối giao cho sứ Pháp thử rèn đúc xem.

Cho Hữu thị lang bộ Lễ Chu Đình Kế thăng thự Tuần phủ Nam - Ngãi (Tuần phủ trước là Trần Văn Thiềm can án).

Tháng 2, định lại lệ công tử và tôn sinh thi đỗ bổ quan. Dụ rằng : Nhà nước dùng khoa mục để lấy nhân tài, tuỳ thứ bậc mà cho phẩm hàm, tuy con của hoàng thân, vương công, cũng bắt phải học sách cổ rồi mới ra làm quan, mong cho không hư phụ giáo dục, công tử, tôn sinh thi đỗ bổ quan, chiểu theo lệ định (tôn sinh thi đỗ tú tài sơ thụ chánh bát phẩm, công tử sơ thụ kiểm thảo ; tôn sinh đỗ cử nhân sơ thụ kiểm thảo, công tử sơ thụ biên tu ; tôn sinh đỗ phó bảng sơ thụ biên tu, công tử sơ thụ tu soạn ; tôn sinh đỗ tam giáp đồng tiến sĩ sơ thụ tu soạn, công tử sơ thụ trước tác ; tôn sinh đỗ nhị giáp tiến sĩ sơ thụ trước tác, công tử sơ thụ thị giảng ; đỗ nhất giáp thì công tử đặc cách bổ dụng, tôn sinh thì tên thứ 3 sơ thụ thừa chỉ, tên thứ 2 sơ thụ thị độc, tên thứ nhất sơ thụ thị giảng học sĩ) đã ngụ ý khuyến khích, nhưng gần đây ít chăm nghiệp học, phần nhiều say đắm vui chơi, nếu không cổ vũ,

thì không chịu cố gắng. Nay chiểu nghị trước đều cho lên một trật, để biết triều đình hậu đãi, tiến đức tu nghiệp, được thành tài nhiều là điều rất mong của trẫm.

Tỉnh Quảng Trị dân đói, sai trích thóc kho xã thương và tải gạo ở Kinh để phát chẩn và cho vay.

Tên giặc trốn ở tỉnh Quảng Yên là Trương Thập bị xử tử. Trương Thập vốn người nước Thanh, ngụ ở phủ Hải Ninh, trước can bị kêu về các khoản đem bè lũ đi cướp bóc, viên phủ là Đàm Quang Văn bắt giam để tra cứu, sau rồi trốn thoát. Viên phủ ấy bắt vợ cả, vợ lẽ của y giam lại, tên phạm ấy lại họp bọn làm giặc, đến nay bắt được, tra nhận xác thực rõ ràng. Quan tỉnh là Hồ Trọng Đĩnh tâu lên, chuẩn cho đem tên phạm ấy lăng trì xử tử ngay, vợ cả, vợ lẽ của y giải giao về họ cũ, viên phủ vì công lỗi ngang nhau, được miễn nghị.

Vua cho là ở Kinh giá gạo đắt, dân gian có vẻ gieo neo, sai bộ Hộ châm chước nghĩ trước, hoặc cho quan viên lĩnh gạo lương trước, khiến cho hạt gạo lưu thông để lương ăn của dân được thư. Quan ở bộ tâu lên, chuẩn cho lĩnh gạo trước hơn 8.000 phương (thất phẩm đến tứ phẩm, kỳ lĩnh hơi gần, đều chuẩn cho lĩnh trước) lại nghiêm sức cho các nhà giàu không được giữ thóc lại mà không bán ra (sai quan phủ nghiêm sức cho nhà giàu, phàm nhà nào có chứa thóc lại, liệu để dùng, còn thì đều phải đem ra chiểu giá chợ mà bán, không được giữ lại không bán, để thu mối lợi).

Sai đình thần bàn kỹ phép thẩm án. Dụ rằng : Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, đối với việc hình phạt, thường để bụng kính cẩn xót thương, chưa từng dùng pháp luật nghiêm ngặt, thay đổi phép cũ, nhưng người thừa hành, năm tháng dễ trôi, phần nhiều không hiểu việc đời, đua nhau về hư văn. Như việc thẩm án về mùa thu, mấy năm nay trẫm từng thấy trong án nói, hoặc kẻ hung tợn cố ý phạm pháp, tang chứng đã rõ ràng, hoặc kẻ trộm cướp cố ý phạm, làm hại người đã nhiều, hoặc kẻ gian giảo thay đổi giấy tờ, xén bớt của công đã nhiều, mà đều được giam hậu để đợi xét, huống chi trong đó lại có nhiều trường hợp không nên ghi vào được xét, như người có bệnh phong thành cố tật, người phải bồi những tang vật mà chưa bồi xong, người được tạm tha về nuôi cha mẹ, cũng đều liệt vào danh sách tâu nhàm, thực là 10 phần chưa được thoả đáng, phải nên chấn chỉnh một phen cho đến chỗ phải. Chuẩn cho đình thần hội đồng bàn kỹ, phàm những tù phạm phải xét ngừa mà tình tội không còn ngờ thì phải nghĩ luận quyết ngay trong khi vựng án, người nào tình còn đáng ngờ, phải lưu giam hậu để được xét lại, người nào nên thôi không xét, sẽ để vào tập hồ sơ, việc nào cũng phải chiểu tuỳ tội danh, luật lệ, phân biệt châm chước đoán định, cốt được rõ ràng, giản dị thích đáng có thể noi theo lâu dài, làm ngay tập tâu lên, đợi Chỉ chuẩn cho thi hành, lấy kỳ thu thẩm năm nay làm bắt đầu.

Sau đình nghị tâu xin, từ nay phàm các nha xét hỏi việc đình đệ lên, những tù phạm được xét, chiểu theo lệ cũ thi hành, phân biệt việc nào đã rõ tình thực, việc nào còn phải hoãn xử, việc nào tình nên thương và còn ngờ, làm thành bản danh sách (kẻ nào mưu giết người, cố ý giết, kẻ nào hung tợn cố ý phạm mà tang chứng đã rõ, hoặc trộm cướp mà cố ý phạm làm hại người rất nhiều, hoặc gian giảo thay đổi giấy tờ, bớt xén của công nhiều, những loại ấy tình tội không còn ngờ, thì biên vào bản danh sách tình thực ; việc nào tình còn đáng ngờ, tội chưa nên xử ngay thì biên vào bản danh sách hoãn quyết để giam đợi xét, người nào tình đáng thương, tội nên nghị giảm, thì biên vào bản danh sách đáng thương còn ngờ, để xin giảm) hết thảy chiểu tuỳ tội danh, luật lệ, phân biệt chước định cho thoả đáng, đệ lên. Đến khi pháp ty xét hỏi, làm danh sách dâng lên, đều giao cho đình thần xét lại, việc nào tình tội nên giảm hoặc nên xử ngay, mà danh sách trước nghị chưa hợp thì lại đều đem tâu lên (như tình tội chưa có đáng thương nên giảm, mà danh sách trước nói nên xử ngay hoặc nên giảm, thì tâu xin lượng giảm ; tình tội nặng lắm không ngờ, nên xử ngay, danh sách trước lại nói lưu giam, thì tâu xin xử trị, không được dựa dẫm thành án cẩu thả cho xong việc, cũng không cứ đã phát thẩm hay chưa phát thẩm mấy lần vẫn đều phải đem tâu lên), còn ngoài ra nên lưu giam, làm riêng một danh sách, kê tên để đợi Chỉ chuẩn ; còn như các kẻ phạm tội chưa đến xử ngay (như kẻ có bệnh phong giết người, đáng phải giam cấm mãi và nguyên xử trảm giảo, mà tạm tha cho về nuôi cha mẹ, cùng người phải bồi tang mà chưa bồi xong) do các địa phương ấy và pháp ty làm riêng một bản danh sách làm lưu hồ sơ, không xét lại cho đỡ phiền, đợi xong sẽ thi hành (các tên phạm có bệnh phong đã khỏi đem tha ra và các tên phạm cho về nuôi cha mẹ, việc xong, giải đến quan để giam lại).

Vua chuẩn y nghị ấy, lại chuẩn cho từ nay phàm những việc triều đình thẩm, như có tình tội nên giảm, mà danh sách trước nghĩ nên xử ngay, nên giam ; tình tội xác thực thâm trọng, mà danh sách trước lại xin lưu giam, đã qua pháp ty xét hỏi mà cũng không trích phát ra được, trừ phạm 1 - 2 lần thì tha luận tội, nếu phạm đến 3 lần trở lên thì lập tức đem nha định trước và pháp ty phân biệt nghĩ xử, để cho biết cẩn thận thêm lên (vì danh sách xét án trước từ các nha xét hỏi việc hình xét và làm tờ tâu, đến pháp ty chiểu xét, đã có án trước kê tra, thế mà gần đây đình thẩm, gián hoặc có 1 - 2 án nguyên trước xét chưa hợp, chỉ tâu xin nghĩ lại mà thôi, còn như các nha xét hỏi việc hình xét trước không đúng và pháp ty không làm trọn trách nhiệm, không có nghĩ đến nên nhiều khi cẩn thận coi là theo lệ mà làm, không chịu gia tâm, cho nên mới có chuẩn định này).

Hai tỉnh Bình Định, Bình Thuận, dân phần nhiều truyền nhiễm chứng lệ khí, sai quan tỉnh tìm thuốc chữa và cấp tuất cho.

Khâm sai kinh lý việc hà đê là Phạm Thận Duật dâng sớ lên nói : Đê mới 4 tỉnh (Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên) công làm và vật liệu phải cần dùng đến số nhiều (thành tiền hơn 50.900 quan), xin trích trước tiền công để cấp cho làm, đợi sau chiểu thu tiền điền mẫu điền trả lại. Vua y cho.

Lúc bấy giờ, tờ lục tư của nha các bộ và tập tâu các tỉnh, quân thứ tâu lên, phần nhiều chưa hợp thể lệ. (Việc đã được Chỉ mà không cung lục, chỉ tự tiện tư ngay đi, như những sự trạng bộ Lại tâu lên nói bộ Hộ tư đem nhân viên sở Quan thuế do bộ chọn bổ, lại tỉnh Thanh Hoá xin chọn phái biền binh và quân thứ Thái Nguyên tuân xét việc đánh giặc, các tập đều toàn dẫn lời bộ Binh lục trị, tiếp được bản bộ làm phiếu nghĩ tiến trình, phụng Chỉ v.v..., đều không hợp lệ).

Vua giáng Dụ quở, đại khái nói rằng : Trên chỗ triều đình, thống kỷ quan hệ ở đó, một chính sự gì, một mệnh lệnh gì, bề tôi giúp mà nhà vua chủ trương, lẽ cố nhiên phải thế, mà quyền cũng không nên giao cho chút nào, triều đình ta lệ định, Dụ Chỉ, chỉ để tên phê phụng ở chỗ dưới niên hiệu, phàm có việc gì quan trọng, cũng phải xin Chỉ trước, rồi sau mới theo lệnh làm phiếu, thế mà nay sao lục, sơ suất, mà chỉ dẫn lại càn, đạo làm tôi có nên như thế không ? Chuẩn cho sức rõ cho các nha 6 bộ ở Kinh từ sau có tuân lục Dụ Chỉ đều phải theo lệ. (Chỉ ở bên dưới niên hiệu để tên phê phụng) ý thức lục tống theo thế mà làm, còn việc nào tâu lên đã chuẩn cho rồi, hoặc phải sao lục cả, hoặc phải trích lục, tuỳ việc tuân lục, không được sơ suất làm ra tờ tư, việc nào phụng sắc, theo lệnh tư đi, mới được làm ra thể tờ tư, còn các nha và các tỉnh ngoài tiếp được, cũng phải xét nhận kỹ lưỡng, nếu có dẫn vào tập tâu, chỉ nói phụng Chỉ hoặc tiếp lục v.v..., không được nói những chữ nha nào phiếu nghĩ, cho biết chỉ từ trên quyết định, quyền có thống thuộc để răn những người trái vượt, nếu nha nào sơ suất sao lục như trước và những nha nhận được không biết đem hặc nêu ra, đều nghĩ vào tội đáng phải chịu.

Cho Tả thị lang bộ Hộ Vũ Khoa thăng thự Tuần phủ Trị - Bình, khi vào bệ từ, vua bảo rằng : Trẫm thấy ngươi như có cảm khích, thực thà, thẳng thắn, cho nên chọn cất lên chức ấy, hạt ấy dân thuần việc ít, nhưng gần đây dân lương, dân giáo chưa được cùng yên với nhau lắm, không khỏi coi nhau như lửa với nước, ngươi nên giữ một lòng công, phàm việc giữ phép mà làm, chớ nên thiên tư mà coi phân biệt, mới có thể được việc ổn thoả, còn ruộng đất cao ráo, không bằng hạt ở Kinh, phải nên gia tâm vỗ về, để cho dân được giàu đủ. Còn như việc kinh lý đạo Cam Lộ, là việc tính xa, tuy có nha riêng, cũng phải thời thường trông nom bảo ban cả, để cho có thành hiệu, phàm vài điều ấy, ngươi nên thực hành, để không phụ lòng chọn người mà giao phó, thế mới được.

Tháng 3, sát hạch bọn hoàng thân, hoàng đệ ở tiện điện (Hoà Thịnh quận công Miên Tuấn, Cẩm Xuyên quận công Miên Ký, Triệu Phong quận công Miên Thoán,

Quỳ Châu quận công Miên Liệu, Thái quốc công Hồng Phó, Hoằng Trị quận công Hồng Tố, Gia Hưng công Hồng Hưu, Kỳ Anh quận công Hồng Đình, Văn Lãng quận công Hồng Dật, tất cả 9 người). Duyệt xong Dụ rằng : Minh Vương đời cổ lấy lễ kể thứ bậc, lấy nghĩa hoà họ hàng, tuy vương công là dòng dõi quý tộc, tất phải khiến cho chăm học hơn, trọng thuật nghiệp, mài dũa cho thành tài, không những cho phẩm tước long trọng, cho ăn lộc đầy đủ mà thôi. Trẫm kính theo chí của tiền nhân, lòng ân cần hậu với người thân, rất muốn người trong họ nhà vua đều có đức tốt phồn thịnh, nhân hậu, trước chuẩn cho hoàng thân, hoàng đệ 9 người vào tiện điện, ra đầu bài để sát hạch, duyệt cả các quyển đều chưa thông lắm, tìm người giỏi trong đám kém, chỉ có Triệu Phong quận công Miên Thoán, văn lý hơi hơn, chuẩn thưởng cho 1 đồng tiền vàng ngũ phúc, tiền bạc : ngũ phúc, tứ mỹ, tam thọ, nhị thắng, nhất đức mỗi thứ 1 đồng, tuy chưa xứng lắm, nhưng cũng không tiếc thưởng hậu để khuyên người khác ; thứ đến Cẩm Xuyên quận công Miên Ký, Văn Lãng quận công Hồng Dật, nhưng phải học thêm tiến thêm mới được ; còn ngoài ra các hoàng thân, hoàng đệ, hoàng tử, cần phải học ngày càng chăm, nết ngày càng sửa, trông nhau mà làm điều thiện, để được thành tài, vì người ta không thể không học, huống chi lại bẩm sinh vào dòng dõi nhà vua, được gần bóng sáng Mặt Trời ư ? Triều ta phép nhà rất hay, dạy bảo rất nghiêm, trước đã đặt ra giảng đường để dạy các hoàng thân, lại có nhà học ở phủ Tôn nhân để dạy các công tử, cái ơn đôn thân mục tộc, nuôi nấng tác thành, không chỗ nào là không đầy đủ. Sau vì các hoàng thân tuổi đã lớn, thôi không giảng tập, các công tử, công tôn đến học cũng ít, lại đổi đặt ra chức Dực thiện để chuyên việc dạy, nhưng sinh trưởng ở nơi phú quý, thường đắm đuối vào sự yên vui, không học thì không có trí thuật, thường khi trái lễ, gián hoặc có người ham học, cũng là học 1 buổi nghỉ 10 buổi, không chăm học tập được, nếu không xét thực ngặt hơn để khuyên răn, sao mong đức nghiệp ngày một tiến được. Từ nay, hằng năm bất thần sai phủ Tôn nhân xét hỏi các hoàng thân, công tử, người nào học hạnh đáng xét cử lên làm tờ tâu kê ra tiến trình đợi Chỉ khảo sát, không phải ấn định nhật kỳ, nhưng chiểu tuỳ người khá hay người không khá mà thưởng phạt, người nào học thức xứng đáng lấy được, hoặc vinh phong cho, hoặc gia hậu thưởng, nếu được huý khảo luôn thì cất dùng ngay để khuyến khích, người không tiến, không thông thì phạt cũng theo liền, ngày trước Trần Tư [1] xin thi ngay trước mặt, Bành Thành [2] trọng chuộng văn sử, đều lấy phong nhã nổi tiếng, các bậc vương công tiền bối về bản triều cũng nhiều bậc học hạnh thuần tuý để tiếng cho phái nhà vua, nay nhờ đội ơn sâu đức hậu gốc cành ngày nhiều, mà gọi phên

(1) *Trần Tư* : biệt hiệu của Trà Thực, đương diện làm thơ ở trước mặt Tào Phi (tra ở vần *Trí chi*, trong *Vận phủ*).

(2) *Bành Thành* : không biết điển tích ở đâu, chưa tra cứu được.

giậu thành quách sao lại vắng thế, há chẳng tự hổ thẹn và tự cố gắng ư ? Ôi, cái thói kiêu ngoa xa xỉ gây ra ở chỗ bổng lộc hậu học thì sau mới biết là không đủ, đạo học nhờ ở thầy bạn, tất phải có nghiêm sư mà sau đạo mới tôn, gần đây, hoàng thân, công tử chưa thấy tiến ích, tuy do tự ngăn lại [con đường tiến] hay cũng là chức Dực thiện chưa được tốt hết. Từ nay, phàm chức Dực thiện ở các phủ có khuyết, chuẩn cho bộ Lại phải chọn những cử nhân, tú tài, mà thực là nhiều tuổi, học thông thái, hạnh thuần cẩn, lại kiêm có văn nhã, có thể dạy học thì cho sung bổ vào, nếu chỉ là tầm thường, không xứng đáng với chức vụ, để cho người nói đến, thì bộ không tránh được lỗi ấy. Hoàng thân đối với viên Dực thiện, phải đối đãi bằng lễ thầy bạn, không được bắt làm các việc trong phủ, chỉ chuyên dạy về kinh sử, thơ văn và thường khuyên về hiếu đễ, trung tín. Hằng năm hoàng thân, công tử nếu có người sát hạch dự trúng, thì viên Dực thiện cũng dự có thưởng, nếu không biết bảo điều phải, ngăn điều trái, để các phủ có việc gì làm càn, lại không đem việc tố giác ra, tất phạm lỗi đến mình.

Bộ Binh tra cứu đem những quân nhiều lần đi đánh giặc bị tan mất và chết ở Đà Nẵng (mất tích không có người khai báo) làm danh sách trình lên xin cho tặng tuất, nhiêu ấm. Vua y cho. Nhân Dụ cho bộ Binh rằng : Năm trước việc ở Đà Nẵng, nghe nói 1 người Anh danh (không nhớ tên, hình như tên là Triêm) là con Nguyễn Cửu Đức (nguyên Kinh thành Đề đốc) mất tích đã lâu, con ngu không khai ra, nên chưa được cùng nhờ ân trạch, khoản ấy còn nhiều người mai một, bộ phải tra cứu để thi hành, phàm lệ, các người được tập ấm, đường quan phải sức cho thuộc viên không được yêu sách, để cho mọi người đều được nhờ, rồi xét lại Nguyễn Cửu Triêm quả là đi đánh trận mất tích, chuẩn cho truy tặng (Tinh binh Đội trưởng).

Kinh thành có chứng lệ khí truyền nhiễm, sai viện Thái y phái thuộc viên để chữa.

Tỉnh Sơn Tây có mưa đá (hình to như nắm tay, như cái đấu, lại sấm gió cùng nổi lên, dân gian phần nhiều tổn hại hư hỏng, nhà cửa, thuyền bè, lúa má bị hỏng và hại), sai quan tỉnh khám thực trù tính cách giúp đỡ.

Cung nhân triều trước là Trần Thị Nghiêm (mẹ đẻ ra Phù Mỹ quận công Miên Phú) tuổi thọ đến 80, phủ Tôn nhân xin lượng tăng lương hằng năm, chuẩn cho gia ân, chiểu nguyên lương đồng niên, gia cấp 20 quan tiền, 10 phương gạo, để tỏ ra thương người già, từ sau cứ theo thế mà thi hành.

Cho Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Lễ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện đại thần Lê Bá Thận kiêm sung chức thầy dạy học ở Dục Đức đường. Dụ rằng : Đời xưa có chức sư bảo là để dạy cho làm việc dẫn dụ cho các đức, điển lệ cũ của bản triều, phần nhiều chọn bậc lão thần thuần chính, siêng năng, cẩn thận sung vào, cho nên

các vương công bậc tiền bối, nhờ có thầy bạn giúp ích, đều được thành tựu đức nghiệp, nay hoàng tử Ưng Chân tuổi còn trẻ, hiểu biết chưa rộng, càng lớn sợ càng tự chấp, trách nhiệm, giúp sửa chưa được người, ngươi là người chính đính cẩn thận có kiến thức, chuẩn cho vào chức sư bảo, nên thời thường thân đến nhà ấy dạy bảo, dẫn bảo điều phải, ngăn ngừa điều trái, khiến cho hoàng tử ngày thêm tiến tu, để đền đáp lòng tốt trách thành của trẫm.

Án sát Quảng Ngãi Lê Bảng, Lãnh binh Nguyễn Gia Trưng đều có việc bị tội. Trước đấy (năm thứ 27) [1874], viên tấn thủ ở cửa biển Thái Cần báo có 3 chiếc thuyền giặc vào cửa biển đốt phá, cướp bóc (ngày 14 tháng 2), Lê Bảng ưng cho Nguyễn Gia Trưng đem quân đi đánh, rồi thì một chiếc thuyền chạy đi, còn 2 chiếc nhởn nhơ ở ngoài biển ; Lê Bảng tiếp đến (ngày 17) chợt thấy dân xã Định Phúc ở Hải Ninh báo có chiếc thuyền giặc chực muốn lên bờ, lập tức phái đi dò thám (Suất đội Thức) về báo tình hình giặc có thực. Lê Bảng vội vàng đem quân các đạo đánh giết, đốt cả thuyền, (bắt sống được 30 tên, chém hết vứt xuống biển) về tỉnh đem việc tâu lên. Đến sau (ngày 16 tháng 3) người lái buôn nước Thanh là bọn Trương Tu Phúc, Trương Tu Chí đến Kinh đánh trống lên kêu, (kêu nói rằng bọn chúng và 36 tên chân sào đi thuyền qua phận cửa biển Thái Cần, bị giặc đuổi gấp, chạy vào trong cửa biển, bị quan quân giết chết 34 tên, còn bọn chúng trốn thoát).

Vua sai Biện lý bộ Hình Nguyễn Huy Du đến để tra xét, đến khi án dâng lên (Lê Bảng vì giết nhầm phải thuyền buôn nước Thanh, phải xử trảm giam hậu), cuộc ấy giao đình thần xét lại, lại giao Nội các và Khoa đạo xét rõ, Lê Bảng chiểu như nguyên nghĩ giảm xuống xử giảo giam hậu (lời đình thần tâu lại nói : Cứ theo nguyên đơn kêu, thì nhất định là người đi buôn, cứ theo lời khai thì nhất định là giặc, mà các chứng phức tạp thì là người đi buôn hay là giặc, còn có một chút đáng ngờ, duy có cầu công giết bậy, thực là thảm độc) còn đồng mưu là Nguyễn Gia Trưng giảm xuống một bậc, xử phạt trượng hết bậc và đi đồ, còn bọn quản suất đều nghĩ xử giảm dần.

Lúc trước, việc buôn sắp thi hành, đình thần đem dời đoàn quân của Lưu Vĩnh Phúc tránh xa đường thông thương (đoàn quân của Lưu Vĩnh Phúc hiện ở Bảo Thắng, mà đường thông thương của người Pháp tất phải qua Bảo Thắng đến Vân Nam, cho nên xin dời đi).

Vua cho là Hoàng Tá Viêm kết nạp được ở lúc trước, tất nghĩ được lúc sau, mới sai trù tính việc ấy, Tá Viêm tâu nói : Vĩnh Phúc ở Bảo Thắng, bị người Pháp ghét, Phúc đã tự biết, đã đến tôi cầu xin một chức ở Hải Ninh, để làm nơi nương ở, tôi nhân đem việc đánh giặc Hoàng Sùng Anh nước Thanh, nêu có hậu thưởng, để hiểu thị, tên ấy đã hết lòng đánh dẹp nhưng núi khe xa xôi, hiểm trở, còn phải hàng tuần hàng tháng, mà việc buôn sang năm đã thi hành, xin sắc cho quan nha Thương chính,

thương thuyết với phái viên nước Pháp là La-đăng, hãy thông thương với các tỉnh phố ở hạ du, nếu đi đường thuỷ đến Vân Nam, còn có giặc chiếm cứ, phải đợi dẹp xong, rồi sau thông thương mới là ổn thoả. Còn ở Vĩnh Phúc nếu quả làm được thành công, xin theo như lời y xin, cho đến Hải Ninh để làm phên giậu. Còn như Bảo Thắng, nguyên có đặt đồn, mấy năm nay nhiều việc chưa có thì giờ tính đến, nay nên chỉnh lý lại, chọn viên làm được việc sung làm phòng ngự sứ (phái quân khoảng độ 300 quân, cứ 6 tháng một lần đổi, đợi vài năm sau đông đúc, cho chiêu một dân thổ trước 100 - 200 sung vào đóng ở đó, quân phái đến thì rút về) cùng với viên châu ở đấy gọi dân về mà vỗ yên, để đem lại sự phồn thịnh như năm trước.

Vua bảo rằng : Vĩnh Phúc cầu xin một chức ở Hải Ninh thì lòng hắn đã hơi biết thu liễm lại mà tránh đi, duy có ta để Vĩnh Phúc ở đấy, không phải là không giúp cho ta, nhưng Hải Ninh thuộc về phận biển tỉnh Quảng Yên, tiếp giáp với tỉnh Đông, dời Vĩnh Phúc đến đấy sao cho im hơi lặng tiếng được cũng chưa ổn thoả, chuẩn cho Viêm hãy tư cho quan Thương chính, đến phái viên nước Pháp thử nói, nếu họ nghe cho thì tốt, Hoàng Tá Viêm ngươi cũng phải hỏi rõ ngay Vĩnh Phúc, tự liệu có thể bỏ được sự thù hằn với người Pháp, vẫn ở Bảo Thắng sinh lý mà không ngại gì thì cho, hoặc dời ở nơi nào hơi xa đường thông thương, như 2 hạt Hưng Hoá, Thái Nguyên để khai mỏ doanh sinh mà đối với ta có ích, đối với nước Pháp không hại gì thì cũng cho, cần phải cấm trấp bè lũ đừng làm ngăn trở việc thông thương là được rồi, nếu cho ở quá xa thì hoặc có sinh lòng khác khó chế ngự, cũng không phải là kế hoàn toàn, còn Bảo Thắng nên đặt đồn chuẩn y cho thi hành, ngươi nên xét kỹ cho hoàn toàn mà trù tính ngay.

Tá Viêm lại tâu rằng : Người Pháp chỉ ở thông sang Vân Nam, đường đi tất phải đi qua Bảo Thắng, mà Vĩnh Phúc ở Bảo Thắng thì mối thù mối lợi công kích nhau, bảo rằng cấm trấp bè lũ không làm ngăn trở việc thông thương, tội không thể liệu trước được, cần cho đối với ta có ích, đối với người Pháp không hại, thì như lời tôi xin trước (đợi khi có công cho được một chức ở Hải Ninh), đã hết một chút nghĩ ngu, xin giao đình nghị để cho được thoả đáng. Sau đình thần nghị tâu lại rằng : Phủ Hải Ninh tiếp giáp với 2 châu Khâm, Liêm, Vĩnh Phúc đến đó thông với côn đồ nước Thanh, khó mà kiềm chế được, duy chỉ một hạt Thái Nguyên sản xuất ra loài ngũ kim, nên cho y sung làm Đề đốc Thái Nguyên, nhưng lĩnh một phủ hoặc một huyện, chọn quân để khai mỏ, cũng là một kế làm cho biên giới được đầy đủ. Hoặc sung thực nơi biên cương, nên cho đến Hải Ninh, xin tư cho quan 2 tỉnh Hải Dương và Quảng Yên bàn định trả lời thi hành ; đến khi tư trả lời, thì quan 2 tỉnh (Đề đốc Hải Dương Phạm Phú Thứ, Tuần phủ Quảng Yên Hồ Trọng Đĩnh) đều cho là không tiện (một đằng thì dân lưu tán chưa được yên để cho thông nhau và cổ động làm loạn, một đằng thì bọn giặc biển khi ẩn khi hiện, sợ người Pháp ngờ là đoàn quân ấy [của Lưu Vĩnh Phúc] làm.

Vua bảo rằng cho ở Hải Ninh không bằng cho ở Thái Nguyên, chuẩn giao cho Tá Viêm tuân hành. Tá Viêm tuân theo Chỉ chuẩn, hiểu thị cho Vĩnh Phúc, Vĩnh Phúc nói : Đoàn quân của y đến hơn 1.000 người, nếu đến ở Thái Nguyên, không lấy gì mưu sinh, mà khai mỏ thì nghề đã không quen, lại không có vốn, thực khó giở tay, trở đi trở lại 2 - 3 lần, y nhất vị cố xin ở Hải Ninh. Tá Viêm lại tâu xin gia ơn cho đời đời được kế tiếp ở phủ Hải Ninh, khiến cho dời đến ở ngay mới có thể bớt việc được.

Vua bảo rằng, nếu xuất lược như thế, làm không được, lại trở ngại về sau, nếu cho ở Thái mà y còn kêu, thì cho ở chỗ giáp Bắc Ninh, Thái Nguyên, hoặc cho ở Hưng Hoá chỗ giáp với Ninh Bình, Thanh Hoá, chỗ nào có thể giúp được, cũng dễ kiềm chế dễ gọi, nếu cho ở Bảo Thắng, tất phải liệu nói thế nào cho hợp ý cả hai bên mới được, cho hết lòng trù tính kỹ tâu lên đợi chuẩn y. Tá Viêm lại hỏi Vĩnh Phúc, thì Vĩnh Phúc nói y không biết chỗ nào có thể đi được, y cũng không có ý tưởng gì khác, xin vẫn ở lại Bảo Thắng, để cố gắng giữ việc phòng ngự, cho biên giới vững vàng. Rồi Tá Viêm lại cứ tình thực tâu lên nói rằng : Vĩnh Phúc trước xin ở Hải Ninh không được toại nguyện, nay lại xin ở lại Bảo Thắng, tâm tích hắn cố nhiên không thể biết được, duy có người Pháp chú trọng khí mà Vĩnh Phúc lại không phải là người chịu kém khí, ở lại đấy sợ không chịu kém nhau, lại sinh khó về sau, nếu để cho mang khí để cầu thoả chí là nguy và khó, sao bằng khiến cho bỏ nguy đến yên là thuận và dễ, phủ Hải Ninh ở lệch về một góc, cùng với Hải Phòng cách nhau hơi xa, đem cho đã tỏ được tín nghĩa, khu xử lại xa thanh tích, tôi ngu tối tưởng như thế hơi ổn, xin lưu ý nghĩ đi nghĩ lại.

Vua lại giao xuống cho đình thần nghị lại, đình nghị cho là việc xử trí đoàn quân họ Lưu, quan Thống đốc hình như tất ở Hải Ninh làm đắc sách, mà chúng tôi và quan các tỉnh Hải Yên rất lấy làm ngại. Xin theo Chỉ chuẩn cho trước, dời đến ở Hưng Hoá hoặc Thái Nguyên, để giữ cho không có ngại gì, nhưng do quan Thống đốc nói thẳng với Vĩnh Phúc và phỏng chọn chỗ ở để bảo cho, cốt y nghe lời mà nhận lấy (như các nơi Điện Biên, Đà Bắc, Thuận Châu, cho chọn lấy một nơi để khai khẩn, quả lập thành được 1 phủ, 1 huyện, theo Chỉ chuẩn cho đời đời được tập tước, đội ơn lâu dài) ; lại hội đồng với quan Tuần phủ Hưng Hoá (Nguyễn Huy Kỷ) khám thực định giới hạn và trù tính việc chiêu tập khai khẩn, cùng công việc nên cho thế tập cho chu thoả, để cho y sợ uy mến đức mãi mãi, không sinh lòng khác, thì làm tập tâu vẽ thành đồ bản đệ tâu lên. Vua cho là phải, chuẩn cho theo như nghị lục sức cho thi hành.

Đến nay, Tá Viêm tuân theo nói với Vĩnh Phúc, y lại kêu rằng đoàn đinh của y đều không phải nghề làm ruộng, y là người nước Thanh, nếu muốn mộ dân lập ấp, sợ không ai tin theo, huống chi y vốn không có tư sản, nay được thu dùng, cho ký ngụ

ở Bảo Thắng, chiêu tập thuyền buôn đi lại, nhờ lấy của những người có, để giúp cho sự cấp dưỡng, nay nếu bỏ chỗ ấy đi chỗ khác, hơn nghìn người không lấy gì độ sống, xin vẫn ở lại đấy, làm tôi tớ vĩnh viễn, kính theo mệnh lệnh, người Pháp nếu có đi đến Vân Nam, để cho họ đi lại tự do, không dám trở ngại. Tá Viêm xét tình ý và lời lẽ ân cần, lại xin hãy cho ở lại Bảo Thắng, đợi sau có nên giúp cho phí tổn để dời đi ở nơi khác thế nào, sẽ tuỳ cơ châm chước thi hành. Vua ưng cho.

Mùa hạ, tháng 4, nêu thưởng cho người dân thọ trăm tuổi ở tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi (Nguyễn Văn Vân, Nguyễn Văn Địch người tỉnh Quảng Nam ; Nguyễn Thanh Chiếu người tỉnh Quảng Ngãi).

Một chiếc tàu thuỷ của nước Xích Mao (gọi là tàu Đan Lò) chạy vào cửa biển tỉnh Hải Dương, khi bấy giờ nha Thương chính đã làm, thuyền buôn các nước đều đến buôn bán, theo hàng hoá kiểm xét đánh thuế như trong điều ước.

Định lại lệ tâu việc trong Kinh và tỉnh ngoài (ở trong Kinh thì các nha 6 bộ, ở tỉnh ngoài thì các tỉnh đạo, như cả nha gặp có việc gì cùng bẩm hoặc cùng nghĩ nên tâu thì thôi, hoặc trong nha có viên nào nghĩ riêng khoản nào và người nào bẩm xin để tâu giúp, thì cũng phải tường với trưởng quan và những người đồng sự hội bàn cho xác đáng, tâu lên, nếu trưởng quan ấy và các viên đồng sự ý kiến không giống nhau, không chịu tâu nghĩ, mới được tâu riêng, cũng phải đem việc ấy tâu kèm, còn như cùng một nha mà gặp việc cùng củ hặc lẫn nhau, thì không cứ trưởng quan hay đồng sự, không phải thương thuyết, đều chuẩn cho tâu riêng). Khi bấy giờ có Cử nhân ở tỉnh Quảng Ngãi là Nguyễn Duật tình nguyện bỏ tiền ra đóng thuyền mộ quân để tuần giữ giúp thuyền vận tải hạt ấy, Biện lý bộ Binh là Hà Văn Quan và Trần Thúc Nhận tâu giúp cho. Vua y cho, chỉ vì không tường bộ trưởng và viên đồng sự cùng tấu, hơi chưa hợp thể, nên sức lại, nhân chuẩn định làm lệ.

Bấy giờ, Kinh sư ít mưa, chứng lệ khí lưu hành, sung biện Các vụ Nguyễn Thuật dâng sớ xin sửa chữa việc của người để trừ tai biến của trời, đại khái nói rằng : Trời và người giao cảm với nhau rất gần không xa, vì trời không trị được dân mà ký thác cho vua, vua không trị dân được một mình, mà nhờ ở bề tôi, cái việc gọi là giúp vua điều lý âm dương, thuận 4 mùa, để cho muôn vật được thoả mãn, là chức trách của ai ? Con trâu mùa xuân thở giốc, tể tướng phải lo, thuỷ hạn bất thần, đại thần nhận lỗi, thực không dám đem trách nhiệm sợ hãi tu tỉnh đổ cả cho một mình vua, nay thời trời như thế, tai nạn của dân như thế, Hoàng thượng sớm chiều không yên, nhiều lần giáng Dụ để tự trách mình, đến đem câu nói cuối đời nhà Chu không có năm rét, khi nhà Tần mất không có năm ấm, để mà khuyên răn, các quan ở triều đình khỏi sợ hãi, kính cẩn việc công, để cầu điềm tốt ứng đến, thế mà khanh sĩ quên nghĩa xét công việc hàng tháng, gián đài thiếu lời bàn giúp thời, giấy tờ cho là hết chức phận, nhẫm lỗi coi cũng như không, sợ không phải là bổ cứu giúp đỡ, tôi xin

đem những việc quan trọng cần thiết ra nói : Chết vì việc nước phải nên khen. Thế mà mấy năm nay, những viên biền, binh dõng chết trận, chưa chắc ai ai cũng được tặng tuất, lập đàn ban tế và phụ thờ với các quan quân ở 2 đền Hiền Lương, Trung Nghĩa, bộ Lễ cứu xét vẫn chưa thấy thi hành. Hình ngục phải nên xét xử cho xong, thế mà bộ Hình và ty ở Kinh án để chồng chất lại rất nhiều, hằng năm việc án tâu lên, tù phạm phải giam thêm lên không giảm, ngoài ra như công việc tầm thường ở Kinh thành, quan bộ Công không có khẩn sức, hoặc đến hết năm này tháng khác không làm xong, về mùa nắng dữ bắt người làm việc, sao tiết kiệm nuôi được sức lực quân. Người nước Thanh lĩnh trưng các thuế như các thứ dầu, đường, cau khô, sa, lụa ở 2 hạt Thừa Thiên, Quảng Nam, gián hoặc phái nhiều người đi đón chặn đánh thuế cao ngoài lệ, dân buôn bán mất mối lợi, khách đi đường không tiện, những thói tệ sinh ra như thế, không biết quan ở bộ, quan tỉnh có xét biết không ? Kính xin sắc ngay cho quan các bộ, phàm có những việc quan hệ, đều phải xem xét kỹ lưỡng, các quan trong Kinh và tỉnh ngoài đều phải mài giũa cạnh góc, hết lòng sửa sang tính toán, phàm việc để hưng lợi trừ hại, trừ tai biến, đem lại khí hoà, được đem kế hay tâu vào, để tình kẻ dưới thấu suốt đến trên, trăm việc trong sạch, quan lại trong sạch mà đời sống của dân được thoả mãn, để lòng uỷ thác mong mỏi của Hoàng thượng ta, hợp cảnh tượng tốt lành khắp vũ trụ, là nguyện vọng rất lớn của tôi. Vua nhận lời xin ấy.

Tỉnh Quảng Ngãi ít mưa đã bao tuần, quan tỉnh là bọn Trà Quý Bình, Nguyễn Khuyến lặng yên không xin cầu đảo, đều phải phạt 9 tháng lương.

Bấy giờ, quan bộ Công là bọn Tôn Thất Tĩnh không có tâu lên, tự tiện tư đến viện Võ bị hỏi những số cung tên vua dùng nặng nhẹ nhiều ít, quản viện là Hồ Văn Hiểu tự tìm trả lời, việc phát giác ra, đều phải giáng 2 cấp lưu, nhân sắc xuống, từ nay phàm các nha Thị vệ, Thái y, Thượng trà, Thượng thiện, Phụng thiện, Võ bị, có liên quan đến việc trong cung, thì các nha ở ngoài, không có điển lệ sắc Chỉ, không được tự tiện tư hỏi, nếu có khinh thường tư hỏi, mà các nha ấy không ai hặc ra, lại khinh thường trả lời, đều theo luật trái phép luận tội, nếu gặp việc gì phải làm, mà từ trước đến nay không có lệ cũng phải xin Chỉ mới được tư trả lời :

Tặng quế Thanh cho Thống lĩnh nước Thanh là Tô Nguyên Chương (Thống lĩnh ấy mới đến Lạng Sơn nhờ mua quế Thanh hạng tốt, Tuần phủ Lạng Sơn khó tìm được, đem việc tâu lên, chuẩn cho lấy 3 phiến để tặng, hiện chưa đệ đến mà Thống lĩnh ấy đã đến cửa quan, nhưng do Tuần phủ Lạng Sơn uỷ phái viên đi tặng).

Dân các tỉnh Bình Thuận, Bình Định, Thanh Hoá bị chết dịch nhiều, chuẩn cho bỏ tên ở sổ đinh tha thuế, hoãn kỳ hạn tục điền.

Tuần phủ tỉnh Tuyên Quang là Mai Quý (đỗ Đồng tiến sĩ, người tỉnh Hà Tĩnh) chết. Vua bảo rằng : Mai Quý ở lâu về việc ngoài biên, khó nhọc thì có khó nhọc,

nhưng chưa thấy có thực hiệu, mới được thăng thụ, nay chưa nên gia tặng, chuẩn cho chiểu hàm cấp tuất gấp rưỡi để tỏ lòng thương (nguyên lệ 600 quan, lại gia cấp 300 quan).

Cho Thượng thư bộ Hình là Trần Bình kiêm coi bộ Lại. (Trước chuẩn cho Thượng thư bộ Công là Tôn Thất Tĩnh kiêm coi, đến nay vì bộ Công nhiều việc mới sai Trần Bình kiêm).

Định lại lệ thưởng phạt, trình hạn mộ dân khẩn điền cho sơn phòng các tỉnh ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ. (Các hạt dọc biên giới chánh, phó sứ sơn phòng và các viên doanh điền, người nào hễ khuyến đốc, trong 1 năm mộ được 100 đinh (đã có cơ chỉ, dưới cũng thế) khẩn được 200 mẫu ruộng (đã báo khám bắt đầu thu thuế, dưới cũng thế) thưởng gia 1 cấp, năm sau tính suất, đinh được 200 tên, ruộng được 400 mẫu, thưởng thăng 1 trật ; 3 năm tính suất, đinh được 300 tên, ruộng được 600 mẫu thưởng thăng 2 trật. Các hạt trung châu, trong 1 năm mộ được đinh 200 tên, ruộng khẩn được 400 mẫu, thưởng gia 1 cấp ; năm sau tính suất, đinh được 300 tên, ruộng đươc 600 mẫu, thưởng thăng 1 trật ; 3 năm tính suất, đinh được 400 tên, ruộng được 800 mẫu, thưởng thăng 2 trật, vẫn sung chức ấy. Nếu trong 3 năm mà khuyến đốc khẩn mộ đều không đủ lệ, thì đều chia làm 10 thành nghĩ phạt, trong 1 năm thiếu 1 - 2 thành thì được miễn nghị, thiếu 3 - 4 thành thì phạt bổng 1 năm, thiếu 5 thành trở lên phải giáng 1 cấp, năm sau thiếu 1 - 2 thành thì phạt bổng 1 năm, thiếu 3 - 4 thành thì giáng 1 cấp, thiếu 5 thành trở lên giáng 2 cấp ; 3 năm thiếu 1 - 2 thành giáng 1 cấp, thiếu 3 - 4 thành giáng 2 cấp, thiếu 5 thành trở lên giáng 4 cấp điệu, nhưng cho sung lĩnh. Lại gia hạn 1 năm, có được sung số thiếu ấy lượng cho khai phục, nếu không sung số thì cách chức, lệ thuộc vào nha ấy sai phái).

Dụ cho các nha xét hỏi việc hình ở trong Kinh và tỉnh ngoài phải xét xử xong những việc hình ngục còn đọng lại, đại khái nói rằng :

Hình ngục là mệnh lớn của cả nước, hình phạt không thích trung thì dân không đặt tay chân làm gì được, không những hại cho chính sự, lại phạm cả khí hoà. Người đàn bà nước Tề bị oan mà đến đại hạn, Trâu Diễn bị vào ngục mà sương bay, đời xưa vẫn có điều ứng thực không thể không cẩn thận được. Gần đây, ở Kinh và tỉnh ngoài chứng lệ khí có khi phát ra, 4 tỉnh Trực kỳ và các tỉnh Hà Tĩnh, Bình Định liên tiếp ít mưa, âm dương chưa hoà, dân vật chưa thoả, thực bởi chính sự thiếu sót, nên mới đến thế. Hiện nay các nha xét hỏi việc hình ở trong Kinh và tỉnh ngoài, các việc án thường phần nhiều để chồng chất, như bộ Hình xét xử việc tên biền binh là Đinh Đại, án đã đến 10 năm chưa xử xong, tỉnh Cao Bằng xét xử việc án của bọn Nguyễn Phan gièm chê lẫn nhau, cũng đến 5 - 6 năm chưa xét ra được, loại ấy rất nhiều, còn mong gì hình ngục xong xuôi được. Còn như những án phải

sung quân, phát lưu trở xuống, địa phương khinh thường xét hỏi kết án, bộ Hình xét lại, cũng cho là không đến tai người trên, lược qua rất nhiều, trong đó không khỏi có người oan lạm và việc án để quá hạn, tuy có xử phân, nhưng nguyên nghị rất nhẹ, nên quan có chức trách phần nhiều không sợ, không cố gắng, thậm chí có những bọn tham nhũng, dụng tình bỏ bê trệ lại, chực đầy túi tham, kẻ phạm tội chưa chết với pháp luật đã chết với kẻ lại, việc đục khoét phạm đến khí hoà, không gì tệ hơn việc ấy. Chuẩn sức rõ cho các nha xét hỏi việc hình ở các địa phương, những án để lại từ trước, nghiêm hạn cho 3 tháng, án nào không tra cứu vào đâu được, thì đem duyên cớ tâu xin tiêu đi, án nào hễ tình lý khó khăn thì chia hạn xin gia hạn, đều phải trong kỳ hạn làm tập tâu lên, còn án nào phải tra xét kết án, thì theo như hạn 1 - 2 - 3 tháng kết án đệ lên, nếu vẫn bỏ bê trệ như trước, để quá hạn không xét xử xong thì gia đẳng nghĩ xử. Những án sung quân phát lưu trở xuống, cốt phải thể theo lòng kính cẩn thương xót của trẫm, xét cẩn thận kỹ càng, nghĩ xử phải hợp với pháp luật, tình tội phải được công bằng, nếu còn dám khinh suất cẩu thả, xét ra các tình oan lạm, thì nghĩ xử nghiêm ngặt. Lại phải xem xét tệ gian, không được che giấu, nếu bất thần phái quan thám xét ra, phải phạm lỗi nặng, đó là hình phạt rõ ràng, pháp độ nghiêm ngặt, là một đầu mối lớn của chính nhân, từ sau phải vĩnh viễn tuân hành, để cho biết sợ pháp luật, giữ chức phận, những việc đọng tích lại phải làm cho xong, những tình hình u uẩn phải thông đạt lên, hình phạt trung bình thì được vui vẻ, hình phạt mong cho không có hình phạt mới có thể tiêu được tai nạn, triệu được khí hoà, vì dân cầu phúc, để yên lòng muốn trị, khỏi được lỗi bỏ thiếu chức quan.

Bấy giờ, bọn giặc trốn nước Thanh cùng với giặc Thổ ở tỉnh Quảng Yên hợp lại quấy nhiễu tỉnh Lạng Sơn, quan tỉnh là Lương Tú Thứ tâu xin phái bắt binh dõng để ngăn đánh và đưa thư cho phủ Thái Bình (thuộc nước Thanh) cùng Thống lĩnh họ Tô để bắt giặc. Vua y lời xin ấy, lại sai trông coi nghiêm ngặt những nơi tiếp giáp biên giới nước Thanh và tư cho tỉnh Quảng Yên khẩn sức trong thuộc hạt, đều phải hết lòng phòng giữ cho chắc chắn, bọn giặc ấy nếu có trốn tràn lan phải chặn bắt trị tội, để mong hậu thưởng, nếu canh phòng sơ suất tất phạm việc quân. (Đến sau Thống lĩnh họ Tô đến đóng ở địa giới để trấn áp, nhưng phái tham phủ họ Mạc đến ngay để giúp việc đánh giặc, viên phủ Thái Bình cũng sức cho chặn bắt).

Nêu thưởng người đàn bà có nghĩa ở tỉnh Hưng Yên bỏ tiền ra lạc quyên (Nguyễn Thị Dạng người xã Tây Nha, chồng chết không có con, lạc quyên 1.100 quan tiền, chuẩn cho thưởng một tấm biển có 4 chữ "Lạc quyên nghĩa phụ").

Dân hạt Tuyên Quang sau khi trải qua chiến tranh và mất mùa, tình rất gieo neo, quan tỉnh xin cấp cho mỗi xã 50 quan tiền, 10 phương gạo (cộng 202 xã, cấp

tiền 10.100 quan, gạo 2.020 phương) để cho mua trâu bò, đồ làm ruộng cày cấy sinh nhai, khiến cho chóng được tỉnh lại (nhưng chia làm 3 thành, mỗi năm thu 1 thành). Vua y cho.

Bấy giờ, quan viên có người can nghị tự tiện bày tỏ tâu lên, mới giáng Dụ rằng : Gần đây, quan viên bị người củ hặc giao nghị, phần nhiều có người không chịu bình tĩnh để chờ, không đợi xét rõ, tự tiện tâu nhàm, rất trái thể pháp. Vả lại người nói có người nói không, đợi xét hỏi tự khắc rõ, tình tội nặng nhẹ đã có vua quyết định, khi nào từng có tư vị che lấp nếu quả không có dấu vết đáng chỉ ra, thì đâu có thể buộc tội được, quan xét hỏi nếu không công minh, thiên tư ức chế, thì đến khi ấy kêu cũng chưa muộn, sao được bị can tham hặc, liền tranh luận tự giữ lẽ phải, trong lòng gần như khinh thường pháp luật, hình tích thì thuộc về gièm chê lẫn nhau ở chốn triều đình, gần như họp nhau kiện tụng, thế là phép tắc đạo lý gì ? Trẫm rất không thích nghe. Chuẩn cho từ nay về sau nhất thiết nghiêm cấm, nếu còn dám lại như thế nữa, tuy việc làm được thực, cũng nhất khái đem bác không xét đến, để cho phép làm tôi được chính, mà kỷ cương của triều đình được nghiêm. (Sau bộ Hình xin chuẩn cho viên nào bị hặc, quả có sự oan ức, tất phải đợi án thành, mới được trình bày kêu lên, xét quả là thực, thì đem viên hặc trước nghĩ xử, nếu không thực, thì chiểu luật gia lên một bậc để trị tội).

Vua rước Từ giá[1] đi chơi cửa biển Thuận An, nghỉ mát mùa hạ và xem bờ biển 5 ngày về cung.

Nguyên Tả thị lang bộ Lễ sung chức giáo đạo ở Dục Đức đường là Nguyễn Dục lại vì bệnh tình tâu xin ở quê hương để chữa thuốc và dưỡng bệnh. Quan tỉnh Quảng Nam tâu giúp lên cho. Vua bảo rằng : Nguyễn Dục trước ở chức ấy, tuy văn học không giỏi, nhưng đức hạnh thuần chính, lão luyện, phàm việc siêng năng cẩn thận, xét bảo hoàng tử, hơi có kính sợ, trước vì bệnh xin về, trẫm thương là già yếu, gượng theo lời xin ấy, tưởng sau rồi lại đến, cho nên chỉ ban cho vàng chưa gia ân mệnh, nay tuổi đã quá già, phải nên ban ơn và yên ủi. Chuẩn cho thăng thự Hữu tham tri bộ Lễ, cho ở quê hương để chữa thuốc dưỡng bệnh, nhưng chuẩn cho được chi nửa lương, khi nào hơi khỏi, phải đến ngay Kinh cung chức, để trọn nghĩa trước sau, mới không phụ ân đãi ngộ của trẫm. Dục sau lại vì bệnh chết ở nhà.

Bắt đầu định lệ thuế đinh, thuế điền của 4 bang lưu dân (Tân Mĩ, Tân Hỉ, Tân An, Tân Bình) ở tỉnh Quảng Yên (nhân đinh cộng 125 tên, ruộng 33 mẫu 5 sào, thổ 18 mẫu 1 sào), đồng niên tiền thuế 274 quan, thóc thuế 8 hộc 3 bát).

---

(1) *Từ giá* : mẹ vua.

Tháng 5, nêu thưởng dân sống lâu 100 tuổi ở tỉnh Quảng Ngãi (Phạm Văn Tại, Nguyễn Văn Duật).

Định lại lệ nghỉ ngơi cho quân đi bắt giặc việc công về và Giáo dưỡng, Anh danh. (Quân đi đánh giặc, lệ trước được nghỉ 1 tháng, nay không cứ đường sá xa hay gần, 5 - 6 năm cho hạn nghỉ 3 tháng ; 3 - 4 năm 2 tháng ; 1 - 2 năm 1 tháng, trừ những ngày đi về ra. Giáo dưỡng, Anh danh chiểu lệ các quân hằng năm cứ vào kỳ tháng 7 thì chia ban lần lượt đổi nhau nghỉ ngơi, đến tháng giêng năm sau, phải họp cả lại).

Vua đi chơi núi Thuý Vân, cửa biển Tư Hiền, duyệt coi việc phòng giữ bờ biển 7 ngày về cung.

Doanh điền sứ tỉnh Bình Thuận là Nguyễn Thông tâu bọn người mộ nghĩa ở Nam Kỳ (hơn 50 người) tình nguyện đến các xứ Đồng My để ở đấy khai khẩn, vua y cho, nhưng sắc cho Nguyễn Thông hiểu thị cấm trấp để cho biết cất giấu.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu nói : Những quan viên ở tỉnh và quân thứ Tam Tuyên, hoặc yếu đau không quen lam chướng, hoặc tài lực tầm thường, không chịu được nơi phồn kịch, xin sắc cho đình thần chọn bổ, để cho kịp phòng thủ vỗ yên. Vua nghe theo.

Tỉnh Hưng Hoá mưa đá.

Tỉnh Cao Bằng mưa xuống những hạt đen, (hình như hạt thóc, hạt gạo).

Phúc thí các cử nhân trúng cách. Lấy Thượng thư bộ Hộ sung Cơ mật viện đại thần, tước Kỳ Vĩ bá Nguyễn Văn Tường sung chức Đọc quyển. Hồng lô Tự khanh Biện lý bộ Lại Nguyễn Hữu Độ, Thị độc Học sĩ sung biện Các vụ Nguyễn Thuật đều sung việc Duyệt quyển, cho bọn Phan Đình Phùng 4 người đỗ Đồng tiến sĩ xuất thân (Phan Đình Phùng, Trần Hữu Khác, Trần Phát, Nguyễn Tài Tuyển). Lại lấy 3 tên Phó bảng (Nguyễn Quang, Phạm Văn Hành, Hoàng Côn) trước khi chưa truyền lô, Biện lý bộ Lễ Trần Thúc Nhận, Biện lý bộ Binh Hà Văn Quan, Tham biện Các vụ Tôn Thất Trạc họp ngồi với nhau ở Tả vu, khinh thường bàn đến việc trường thi, Thị lang bộ Binh Tôn Thất Phiên, cùng với trực thần là Phạm Đề, Khoa đạo Lê Đình Dương cho là tiết lậu việc phúc thí, tâu lên hặc tội (trong tờ tâu nói : Các viên ấy ở nhà Tả vu cùng ngồi, nghe thấy Trần Thúc Nhận nói rằng : Việc Điện thí năm nay, hiện được 1 quyển 3 phân, 4 quyển 1 phân, 2 quyển không được phân nào ; Hà Văn Quan nói : quyển 3 phân ấy nếu không phải là Trần Phát thì là Phan Đình Phùng ; Tôn Thất Phiên hỏi việc thuộc cẩn mật, sao lại biết được ; Tôn Thất Trạc trả lời rằng, việc đã tâu lên rồi, cho nên mới biết).

Vua bảo rằng : Phép thi rất là nghiêm mật, sao lại tiết lậu nông nổi táo bạo đến thế, cho giao bộ Lễ xét rõ nghĩ xử để răn cho chừa, sau tâu trả lời đối cứu quyển thi,

chỉ có 1 quyển 3 phân, câu nói ấy ngẫu nhiên mà trúng, còn thì phần nhiều không hợp (cứ tờ tâu của quan phúc thí mà đối cứu, trong đó nói 3 phân, 2 phân mỗi hạng 1 quyển, 1 phân nguyên nghĩ 1 quyển, lại phụng ân chuẩn 1 quyển, hiện còn 3 quyển bất cập) thế là các viên ấy ức đạc, không phải đích là nghe thấy, nhưng thứ bậc chưa được chuẩn định, thế mà trong chỗ ngồi công, vội đem ý kiến khinh suất họp bàn, rất là không hợp, xin đều giáng lưu, để răn những người nói khinh thường không cẩn thận (Trần Thúc Nhận giáng 2 cấp, Hà Văn Quan, Tôn Thất Trạc đều 1 cấp, cùng chiểu luật dâng thư tâu việc nhầm lẫn, Phan phải phạt 50 roi, chuẩn cho phạt bổng 9 tháng, Đề và Dương giảm 1 bậc, phạt bổng 6 tháng, nghị dâng lên, vua chuẩn y. Nhân phê bảo rằng : Dùng người nên lấy người trọng hậu làm đầu, nếu có tài làm việc mà khinh táo muốn làm những sự khôn vặt, may được trúng thì hại lại càng quá, bọn ấy sao không kính theo ý tốt của trẫm quen làm thói tệ, rất không phải là ý tác thành của trẫm, đáng lẽ phải xét cho cùng để răn, tạm phạt nhẹ để cho sửa đổi, không thì phải trị tội nặng.

Lại lấy phúc thí làm Điện thí, nhưng định lại pháp trình thi Hội và thi Điện (4 kỳ thi Hội, suốt cả kỳ đệ nhất và đệ nhị, trong đó 1 kỳ có phân số mới được vào kỳ đệ tam, trong 3 kỳ mà 2 kỳ có phân số mới được vào kỳ đệ tứ, còn 4 kỳ đều có phân số được 4 phân trở lên, chuẩn cho là trúng cách không phải chia làm hạng thứ, 3 kỳ được 7 phân trở lên, chuẩn cho do quan trường đem dâng lên chờ Chỉ lựa chọn, nhưng chiểu theo điển lệ cũ khoảng năm Minh Mệnh ở tả hữu vu đem làm chỗ thi Điện, còn sai quan trông nom việc thi và những công việc nên làm, đều theo lệ thi hành. Đến ngày thi, các quan và thuộc văn võ đều ứng trực ở viện Đãi lậu 2 bên tả hữu vu một ngày, đến giờ thu không nộp quyển thí sĩ, ra hết, mới được chiểu lệ vào trực, còn các quyển thi Điện, do quan đọc quyển, duyệt quyển theo lệ đem tiến lên vua xem, chờ Chỉ định đoạt chia cho giáp đệ và phó bảng, nhưng lấy khoa sau làm bắt đầu).

Lại cho là các khoa gần đây, số dự trúng hơi kém hơn trước, nhân Dụ rằng : Lòng yêu học trò của trẫm, ngồi một bên để chờ người hiền đã lâu, cần người hiền tài ở khoa thi, mong cất 10 người được 5 người, để cho có người mà dùng, những người đỗ các năm trước, còn có người yêm thông nhã chính như Phạm Thanh, Nguyễn Văn Giao, đều không phụ ơn đãi ngộ, thế mà mấy năm gần đây, người đỗ các khoa rất ít, trong đó phần nhiều là người tuổi trẻ học ít, có lẽ sĩ tử phần nhiều không phải là người học nhiều chỉ hòng cầu may được tiến thân mà thế chăng ? Quan coi việc học là mô phạm cho học trò, thế mà lại chỉ là quan thanh nhàn ngồi dựa chiếu mà không giảng dạy, cần được tô điểm văn nhã, làm tiêu chuẩn cho

sĩ phu, như Dương Thành[1], Hồ Viên[2] vắng không nghe thấy, thầy bạn như thế thì khuôn phép trông vào đâu, từ sau nên gia tâm dạy bảo, khuyên kẻ chăm, răn kẻ biếng, trọng văn nhã, truất phù hoa, còn làm học trò cũng phải chăm học tập, học hết kinh sách để ra làm việc, tu tỉnh ở nhà, cống hiến ở triều đình, để đền đáp lòng răn bảo gây dựng của trẫm, nếu vẫn ít người đỗ như trước, là đạo làm thầy không rõ nên mới đến thế, tất đem quân coi việc học xét xử giáng chức, cách chức, quyết không để cho pháp luật lại cong. Quan to các địa phương đều có chức trách làm việc và dạy ở một phương, từ sau phải lưu tâm thường xét, quan coi việc học nếu có không xứng chức, học trò nếu không chăm học, người lớn thì tâu hặc để trị, người nhỏ thì răn bảo, khiến cho ngày thêm tiến tu, không thế là cũng thiếu chức vụ.

Quân nước Thanh là Tham phủ họ Mạc đem theo quan quân đến tỉnh Quảng Yên giúp việc đánh giặc được thắng trận, việc ấy tâu lên, vua bảo rằng : Việc làm của Tham phủ họ Mạc quả có công trạng thực, chuẩn cho trích phẩm vật trong kho (quế Thanh - Nghệ mỗi thứ 2 phiến, trầm hương 10 lạng, yến sào 1 cân) đem tặng để yên lòng người xa.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết cùng nhau đem việc trù tính việc ngoài biên làm tập tâu lên (trong tập tấu nói : Bọn giặc họ Ông, họ Đường trước đã xin vỗ yên, nay đã hơn một tháng không thấy đến hầu, tình giặc như thế, tưởng không thể cho vỗ yên được, lại nói đợi khi nước lụt xuống, phái quân đi đánh). Vua Dụ quở rằng : Đối địch với kẻ vua ghét, là lòng trung của bề tôi, yên được ngoài biên, là tài giỏi của viên tướng, người đời xưa đem hết quân ra đi, giết hết giặc rồi về, cần về việc công vẫn phải như thế, việc biên cương ở Tuyên, Thái, trẫm giao cho 2 đại thần, đã mấy năm nay, phải nên tìm cho được giặc, để việc quân chóng xong, mới là không phụ trách nhiệm giao cho ở biên giới, thế mà lại nuôi giặc để thêm lo, có được không ? Hiện nay công việc ngoài biên sắp xong, bọn giặc còn lại, chẳng qua như hơi thở tàn, không đánh giết ngay cho trọn công việc đã tính, để chúng như đám tro tàn lại cháy lên, bất đắc dĩ mà cầu cứu ở người, thực là kế kém quá lắm, lại không chịu cùng lòng bàn với nhau cho được việc, người nọ người kia đùn đẩy cùng nhau, đánh dẹp rối rít đều giữ ý kiến như mái chèo và cái sào. Vả lại, tình giặc không thể lường được, việc xin vỗ yên, trẫm vẫn ngờ là khó, chắc nhiều lần chuẩn cho 2 đại thần ấy xét kỹ mà làm, đừng để phải khó về sau. Thế mà Hoàng Tá Viêm trước đã lấy vỗ yên làm đắc sách, thường xin chi cấp cho họ Đàm, họ Lục, họ Hoàng, họ Trương và bọn Dương Đại, Trần Nhị là bè lũ của họ Ông,

(1) *Dương Thành* : Tiến sĩ đời Đường, thường ẩn ở trong núi, Đức Tông triệu ra làm Gián nghị đại phu, có dâng sớ lưu Lục Chí lại.

(2) *Hồ Viên* : người đời Tống làm Giáo thụ ở Hồ Châu, học trò đến vài trăm người.

họ Đường, số tiền lương đã nhiều, nên quân nước Thanh khó đến, lại ngăn lại để họ về không, làm lỡ cơ hội. Nay lại nói giặc họ Ông dựa vào địa thế yêu sách, định đi là phải, thì lúc trước chủ việc vỗ yên là ai mà lại nói đánh ? Và về đại thế, không khỏi như trẫm đã liệu, hai đại thần sao trong bụng không có mưu kế sẵn, mà làm việc không hợp như thế. Huống chi lại xin đợi đến khi nước lụt xuống, rồi mới phái đi đánh, thì dong dài qua năm tháng, đến bao giờ cho xong việc, chẳng gần như coi việc nước làm trò trẻ chăng ? Hầu nuôi giặc để làm công chăng ? Việc quân không phải là nhỏ, việc biên khẩn đã có chuyên trách, thế mà dám tính sơ suất như thế, việc quân rất nghiêm, quyết không tha thứ luôn được. Chuẩn cho giao đình thần hội bàn việc nhiều lần làm việc không hợp xét xử để răn, nhưng lặc hạn nghiêm trách phải trù liệu ngay, khiến cho bọn giặc còn lại chóng quét sạch, biên giới được vững chắc lâu dài, để chuộc lỗi trước, nếu cứ như thế không chịu cố gắng, tất phải đem quân pháp mà trị, không tha. Sau đình thần tấu lại hai đại thần ấy, xin chiểu luật trái với chế thư, đều giáng 4 cấp bổ đi nơi khác, đợi được ban ân chuẩn cho lượng lưu lại để tính việc hay về sau, nghiêm hạn cho 6 tháng phải làm cho xong việc. Vua y cho.

Chuẩn cho thự Hữu thị lang bộ Lễ Hoàng Tướng Hiệp được thực thụ, lại thăng lĩnh Tuần phủ tỉnh Tuyên Quang, kiêm giúp việc quân ở quân thứ tỉnh ấy.

Sắc rằng : Ngươi là người trong khoa giáp, đương chỗ phồn kịch ấy nên phải trù tính cho hết giặc, yên biên cương, chóng có thành hiệu, để nổi thanh danh, nhận hậu thưởng, chớ phụ lòng tốt kén chọn nhắc bổ của trẫm.

Tha thóc thuế và tiền vay năm trước cho 6 huyện thượng du tỉnh Hải Dương (Đường An, Thanh Miện, Đường Hào, Cẩm Giàng, Tứ Kỳ, An Dương) vì có bị giặc.

Chuẩn cho Tả thị lang bộ Lại là Hoàng Hữu Xứng kiêm coi viện Đô sát (nguyên trước Hoàng Tướng Hiệp kiêm coi).

Mùa hạ năm nay, lúa ruộng tỉnh Hải Dương được mùa to, các địa phương khác gián hoặc có thiệt hại thì thuế lệ đều chiểu từng hạng tha hoặc giảm có từng bậc.

Chuẩn cho huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh thuế vụ hạ chiết nạp bằng tiền (vì huyện với kho ở tỉnh hơi xa, đài tải phí tổn nhiều, chuẩn cho mỗi hộc chiết nộp 4 quan).

Vua rước Từ giá đi chơi cửa biển Thuận An nghỉ mát mùa hạ, xem phòng giữ bờ biển 7 ngày về cung.

Bắt đầu đặt nha Kinh lý An Khê (thuộc tỉnh Bình Định), lấy Bố chính tỉnh Bình Định là Phan Văn Điển (người tỉnh Quảng Ngãi) sung chức Chánh kinh lý, Phó quản cơ dinh Vũ lâm là Đỗ Văn Thôn (người tỉnh Bình Định) làm phó. Trước Tả thị lang bộ Hình là Phạm Sĩ Thục đi vào Nam tìm thuốc, về tâu xin ở xứ An Khê (sau núi Tỉnh Sơn) chọn đất đặt đồn, chọn quan đóng lâu, lượng trích quân ở tỉnh, hậu cấp cho vốn, làm kế phòng thủ và khai khẩn.

Vua sai quan tỉnh khám tình thế cho xác thực, tâu trả lời lên, Tổng đốc là Phạm Ý tâu trả lời nói đất nơi ấy phần nhiều rộng rãi mà tốt, dân giáo và các dân Mán ở đó, lợi tự nhiên không nên bỏ, mà việc đề phòng bất ngờ không nên không, đặt nha đóng đồn để khai khẩn, tình thế cũng hợp. Bèn sai Phạm Ý chọn cử viên sung làm chánh, phó, rồi chuẩn cho trích tiền nộp chuộc tội (tìm phạt xuy, phạt trượng) ở kho tỉnh và tiền quyên điền mẫu (ruộng công mỗi mẫu 3 quan, thổ mỗi mẫu 1 quan 5 tiền, ruộng tư mỗi mẫu 1 quan, thổ mỗi mẫu 5 tiền, để sung vào phí tổn và lượng trích quân ở vệ Hậu bảo (là nguyên thuộc tỉnh binh mà ở gần nơi ấy) 100 - 200 tên, cùng cơ binh tỉnh ấy (là quê ở thôn An Khê) 39 tên, theo nha Kinh lý sai phái làm việc).

Tháng 6, đình lệnh khuyên dân lạc quyên. Dụ rằng : Trước cứ bộ Hộ tâu đem bản danh sách khuyên quyên của quan tỉnh Bình Định, tâu xin khen thưởng, trẫm đã chuẩn cho thi hành rồi, nhân nghĩ lệnh khuyên quyên, là vì mấy năm nay có việc quân và gặp có tai hại, nên phải cung ứng trù tính giúp đỡ, phí tổn rất nhiều, hết thảy lấy ở của công, hoặc có khi không đủ, cho nên bất đắc dĩ cho dân quyên giúp, để khuyên phong tục tốt, cũng là việc tạm một thời, không phải là lệ lâu dài, thế mà gần đây quan các tỉnh phần nhiều không khéo thể tất, khuyên quyên luôn luôn, rất không phải ý chứa giàu ở dân của trẫm, này như dân giàu là mẹ dân nghèo, chính sự không gì cần bằng làm cho người giàu, cổ ngữ chẳng nói đấy ư, nhân dân đủ thì vua khi nào không đủ, cho nên triều đình tất phải trước hết vun trồng cho nhân dân, để cho sinh kế được dư dụ mà gốc nước vững bền, sao lại chăm chú lấy của dân để làm giàu cho mình ; huống chi những kẻ thừa hành, nha lại nhân đó mà sinh tệ, tiêu công chưa đủ, mà túi riêng đã đầy, những nơi làng mạc xa vắng sẽ chịu sao nổi, trừ nơi biên giới Bắc Kỳ có việc và các tỉnh đóng đồn khai khẩn, mở đường buôn, đào sông, cho chiểu lệ làm việc ra, còn thì đều đình bãi, nhưng chuẩn cho hạt nào gặp việc gì phải khuyến quyên thì tâu lên đợi Chỉ chuẩn cho mới được, còn như người nào hễ gia tư giàu có, muốn được danh sắc, do tự lòng thành, thì cho do bộ hoặc do tỉnh bẩm xin quyên nộp, không vào hạng đình.

Tỉnh Quảng Trị bị bệnh dịch, sai quan tỉnh cầu đảo và tìm thuốc chữa.

Tôn Thất Thuyết đem bệnh tình tâu xin, vua bảo rằng : Hiện nay việc quân thứ gần xong, còn lại chẳng qua 1 - 2 đám giặc họ Ông, họ Đường, xin vỗ yên đã lâu, nay cho đem công việc hiện làm ở quân thứ Bắc Ninh, Thái Nguyên giao cho Tham tán Lương Quy Chính chuyên trông coi, cùng với Lê Hữu Tá, Phan Đình Bình (lĩnh Bố chính Bắc Ninh) bàn tính việc điều đốc. Ngươi thì chuẩn cho ở tỉnh thành Bắc Ninh tĩnh dưỡng chữa thuốc cho chóng khỏi, thuốc thang cho do tỉnh ấy cấp cho đầy đủ.

Vua lại đi chơi núi Thuý Vân và cửa biển Tư Hiền, xét xem bờ biển 4 ngày về cung.

Đúc các thứ đạn bằng gang (41.700 viên).

Tướng nước Pháp phái tàu thuỷ Bô Liêm đi tuần bắt giặc ở biển, việc ấy tâu lên, vua sai bộ Binh phải tư cho các cửa biển từ Đà Nẵng trở ra Bắc đều phải tuần thám ở ngoài biển, hễ thấy tàu ấy thì báo chỉ cho nơi có giặc, hợp sức đánh bắt, nếu có vào cửa biển nào, chiểu lệ khoản đốn cho đắc thể.

Định lại lệ xét xử bồi tang về hao hụt của công. (Từ nay, phàm nha lại, kẻ giữ kho đồ vật của công nếu có hao hụt, người nào trước khi chưa đến kỳ thanh tra mà tự đem ra thú tội bồi xong, thì không cứ có ý riêng hay không, số tang nhiều hay ít, có chức hàm hay không đều được tha tội, vẫn cho làm việc như cũ, để khuyên người biết sợ pháp luật ; còn như người nào đến kỳ thanh tra mới thú xin bồi và bị người trích phát ra, mà trong hạn bồi xong (hạn định xem năm Tự Đức thứ 11 [1858]) thế cũng là hơi biết sợ, biết hối, duy có việc phát ra mới bồi xong và trong hạn bồi đủ, đều là đã trích phát ra mới chịu lo để bồi, tình tội không khác nhau lắm, thế mà lệ định trước kia, về khi việc phát ra thì vẫn cho làm việc như cũ, về trong hạn thì giáng 2 cấp đổi đi nơi khác, thực là phân biệt quá (nghị định năm Tự Đức thứ 23 [1870] : Người nào khi việc phát ra, phải đổ của ra bồi đủ, đều được miễn tội, cho vẫn làm việc như cũ ; người nào mới hạn đầu đã bồi xong, trước xử phải phạt xuy, phạt trượng, cũng đều tha tội, ở lại làm việc ; người nào bị tội đồ trở lên, đã phải giải chức thì đều tha tội, nhưng đều phải giáng 2 trật bổ đi nơi khác). Nay người nào tự biết trích phát ra, đã có nghị định vẫn cho làm việc như cũ, thì những tội danh đồ, lưu trở lên việc phát ra bồi xong và trong hạn bồi đủ, phải xét xử tất cả, hễ có chức hàm thì đều phải giáng 2 cấp đổi đi nơi khác, người không có trật để giáng được, đều cho làm việc như cũ, 3 năm không được thăng bổ. Còn khoản lệ cũ việc phát ra, bồi đủ vẫn cho làm việc như cũ thì đình chỉ, ngoài ra như các khoản nguyên can tội danh phạt xuy, phạt trượng và 2 hạn, 3 hạn, 4 hạn, đều chiểu theo nguyên nghị thi hành).

Thuyền buôn nước Thanh gặp giặc, trôi giạt vào phận cửa biển tỉnh Quảng Ngãi, việc ấy tâu lên, vua sai quan tỉnh chẩn cấp cho.

Bấy giờ, các hạt Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà, phần nhiều có tai nạn cọp, sai quan địa phương chọn dân nội, ngoại tịch, quy thành 1 - 2 đội, bộ Binh lượng phái quân Kinh ở Võng thành am hiểu nghề vây bắt, 2 - 3 tên đến để dạy tập cho quen.

Vua rước Từ giá lại ra chơi cửa biển Thuận An, nghỉ mát mùa hạ và xem bờ biển 5 ngày về cung.

Huyện Tiên Minh, tỉnh Hải Dương có sâu cắn lúa.

Sắc cho các tỉnh Bắc Kỳ sức rõ cho các cửa quan, cửa biển xét hỏi những người buôn nước Thanh, không có giấy cấp cho thì bắt giải ngay. Trước đấy, người buôn nước Thanh là bọn Đặng Tường Ký (hơn 30 người) đem thuốc phiện sống đến Hà Nội bán, chuyến đi ấy đã không có giấy đi đường, lại tự tiện mang binh khí, tỉnh Bắc Ninh bắt giải đến tỉnh Lạng Sơn, viết thư cho phủ Thái Bình nước Thanh xét hỏi. Sau trả lời, nên sức rõ cho các cửa quan, cửa biển hết sức xét hỏi dân buôn nước ấy, người nào hễ không có giấy cấp cho thì bắt để trị tội (không được sau khi cho vào mới trói bắt giải đi, sinh phiền) ; quân tỉnh Lạng đã tư cho tỉnh Bắc theo thế mà làm, đem việc tâu lên, cho nên có sắc lệnh này.

Ban cấp cho Khâm sứ nước Pháp là Hoắc Đạo Sinh một bộ luật. (Viên sứ ấy nói bộ luật của nước ta rất là kỹ và thích hợp, muốn mua để học, cho nên chuẩn cho ban cấp).

Tên đầu sỏ giặc là Đường Vãn đánh đồn An Biên, bị thua chạy trốn, đầu mục Man là bọn Đặng Đức Đạt đem quân thổ dõng chặn đường giết được, thưởng cấp có thứ bậc.

Tổng đốc Hải - Yên Phạm Phú Thứ, Bố chính Nguyễn Phiên vì có việc đều bị giáng. Trước đấy, Phạm Phú Thứ tâu hặc Nguyễn Phiên, hiện chưa giao xét, Nguyễn Phiên nghi hoặc, mới dâng sớ tâu xin về hưu, lời lẽ kín hở, vua bảo Nguyễn Phiên đã bị thanh chủng, không nghĩ để ngăn lời chê gièm, lại còn nhiều lời, có phạm đến thể pháp, chuẩn giao đình nghị. Sau rồi Phạm Phú Thứ lại mật tâu Nguyễn Phiên hiện có bệnh lo nghĩ nhiều thành tật, xin chuẩn cho về quê tĩnh dưỡng. Vua bảo rằng : Một mình Nguyễn Phiên, trước sau do Phạm Phú Thứ hoặc cất lên hoặc gièm chê, nay lại xin cho giải chức, đều giao cho đình nghị tâu trả lời. Sau tâu trả lời nói : Nguyễn Phiên xuất thân nhã sĩ, làm quan đến Tam phẩm, nên phải cảm kích cố gắng, thế mà càn rỡ theo ý riêng, tạo ra những lời phù phiếm, trong tập tâu có đoạn nói 4 cớ nên về hưu, khéo đặt ra những lời không thực, vài điều ở đoạn sau, xét ý nói lại muốn cầu tiến. Phạm Phú Thứ đối với một mình Nguyễn Phiên, trước thì cất lên, sau thì gièm chê, đến khi Nguyễn Phiên nói nhiều lời cuồng bậy, lại đem tâm tật nói để gỡ cho, không phải là thiên tư bênh vực là gì. Đại để 2 viên ấy, một người thì tự chuốc lấy sự gièm chê mà nói càn, một người thì muốn gièm chê người mà trách oán, mới đến thiếu đạo làm tôi, đạo công không rõ, cái manh mối ấy đều không thể để thêm mãi ra, xin đều chiểu luật nghĩ xử (Nguyễn Phiên chiểu luật dâng thư nói khéo để cầu tiến, phạt 100 trượng cách ly, Phạm Phú Thứ chiểu luật thiên tư bênh vực, giáng 3 cấp điệu). Đến khi nghị dâng lên, vua sửa lại, Nguyễn Phiên giáng làm Lang trung, điệu về Kinh, Phạm Phú Thứ giáng 2 cấp lưu (dưới tên đã ghi cách lưu, đợi khi khai phục sẽ xét mà làm).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LVIII*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Đinh Sửu, Tự Đức năm thứ 30 [1877], mùa thu, tháng 7, tập *Ngự chế Việt sử tổng vịnh* in đã xong, ban cấp cho trong Kinh và tỉnh ngoài (hoàng thân công, hoàng thân, công chúa và Quốc tử giám, học đường các tỉnh, phủ, huyện, châu cùng ấn quan ban văn mỗi người 1 bộ).

Vua cho là thầy, trò ở Giám, dạy và học phần nhiều không vụ thực, mới giáng Dụ sức rõ ràng : Thành quân[1] ở chốn Kinh sư là nguồn gốc của giáo hoá, Nhà nước phải đào tạo nhân tài ở ngày thường, mà để dùng cho sau này, quan viên ở Quốc tử giám của bản triều, đều do triều đình cử ra, khoa mục xuất thân vốn có phẩm hạnh để sung vào, chức không phải là không trọng, sinh viên thì cấp lương cho, coi như quan ngũ, lục phẩm, nuôi không phải là không hậu, cũng phải biết triều đình sở dĩ uỷ dụng, mong mỏi là ở chỗ nào ? Năm trước, người giữ chức ấy như bọn Phạm Tam Tỉnh, Vũ Duy Thanh, Vũ Huy Dực, khi ấy nhiều bậc túc học lão thành, đáng làm khuôn phép, lại biết để bụng vào đào tạo, mong cho được thành tài, bấy giờ ở Giám tấp nập vui vẻ, nhiều học trò học kết kinh sử có thực học như Nguyễn Cửu Trường, Phan Thúc Trực, học hạnh khoa danh đều không hổ thẹn, là vì người dạy và người học đều hết phương pháp cả. Gần đây, thầy dạy học coi là chức nhàn, giảng tập phần nhiều cẩu thả, nên học trò không chăm học, đi thi đỗ được ít, lòng tự hỏi lòng có hổ thẹn hay không ?

---

(1) *Thành quân* : là nhà đại học đời xưa.

Sao không nghĩ người đời xưa làm chức tế tửu suốt đời không ân hận gì, ở nhà Thái học 10 năm không về, cốt để cho việc dạy và nghiệp học được thành, muôn đời khen ngợi, những người ấy là người nào ? Các ngươi cùng với người xưa, lại không bắt chước người đời xưa, hay là chỉ lấy tiếng ư ? Sao không biết nghĩ quá đến thế. Từ nay về sau phải vụ thực học, hết sức làm, phàm những thói từ trước nhất thiết phải tẩy trừ đi hết, người dạy chớ lấy khảo khoá làm tắc trách, mà điềm nhiên không gia tâm, người học chớ lấy sự tuyển bổ làm bậc thang mà chỉ cầu cho đủ lệ, có thể khiến cho thầy dạy học không phải đặt ra làm vì, học trò tranh nhau mài gọt, gây dựng nhân tài, để làm việc nước dùng, mới không phụ ý tốt, trọng việc học, hậu đãi người hiền của trẫm, đều phải kính cẩn tuân theo.

Chuẩn cho Thuỷ sư Đô thống Nguyễn Chí về hưu trí (bấy giờ 73 tuổi). Vua cho là Nguyễn Chí làm việc đã lâu ngày, rất là chăm chỉ, khó nhọc, nay đã quá niên lệ, già yếu đáng thương, đã chuẩn cho về hưu trí để di dưỡng, cho trọn tuổi trời, lại gia ân ban cho sa, lụa mỗi thứ 3 tấm, 50 lạng bạc, bảo cho biết ý tốt thể tất bề tôi.

Trước kia, quan trường chấm thi Hội là bọn Trần Bình (Thượng thư bộ Hình sung Chủ khảo), Lê Đại (Tham biện Nội các sung Tri cống cử) lấy đỗ quá lạm không xứng đáng, hình tích ám muội. Biện lý bộ Lại Nguyễn Hữu Độ đem việc tâu hặc, giao đình thần xét nghĩ, đến nay đình thần nghĩ tâu lại, công việc các quan trường ấy làm phần nhiều trái lầm, trong đó văn lý vụng kém, mà theo kỳ gia thêm phân số, thì lại là Khuất Duy Nhận (Cử nhân), là thầy dạy học ở nhà Trần Bình ; bài thơ thất luật mà tâu xin lấy thêm, lại là Nguyễn Văn Bình (ấm sinh Tú tài, sau đổi là Chất, lại đổi là Trữ) là em rể Lê Đại. Vậy bọn Bình, Đại, xin theo lệ Minh Mệnh năm thứ 16 [1835] (quan trường thi Hội và các người đi thi thông đồng thỉnh thác, thì quan trường đều phải cách chức, người đi thi phải xử phạt trượng tội đồ) đều xét nghĩ cách chức trả về sổ xuất thân trước (Bình là Cử nhân, Đại là Đồng tiến sĩ), bọn Khuất Duy Nhận, Nguyễn Văn Bình tra xét không có tang vật đút lót, đều tha cho tội đồ, nhưng cách mất biên tên cử nhân, tú tài ; Phó chủ khảo là Đặng Văn Kiều tư vị che chở phải giáng 3 cấp đổi đi nơi khác, Khoa đạo là Lê Huy không củ hặc phải giáng 2 cấp đổi đi nơi khác ; Lang trung là Nguyễn Đình Tiếp thu giữ quyển không cẩn thận, để tiết lộ ra, giáng 2 cấp lưu, bọn Lễ bộ Lê Bá Thận đều giáng cấp có thứ bậc.

Vua chuẩn y lời đình nghị, để cho sự tà tâm của quan trường được sửa đổi, tập tục của học trò được ngay thẳng, còn Nguyễn Hữu Độ trích tấu đúng sự thực, thưởng thụ Quang lộc Tự khanh ; lại cho là sách ở Sử quán phần nhiều chưa xong, chuẩn cho Đặng Văn Kiều vẫn bổ chức ở Sử quán, bọn Bình và Đại cho hết sức làm việc chuộc tội ở Sử quán.

Sắc cho các địa phương xét cử những người đàn bà biết làm thơ, văn, sung vào việc dạy học ở nội đình.

Vua bảo Khâm thiên giám rằng : Trong lịch chỉ chép 130 năm, ý trẫm muốn đem từ Gia Long năm thứ nhất [1802] trở về sau, đều biên chép vào, đến nghìn muôn năm cũng thế, để rõ chính thống và khuyên con cháu về sau, nhưng ở dưới cũng vẫn lấy 120 năm làm thường lệ, không được chua phiếm, Khâm thiên giám liệu có được không ? Thì lấy năm nay làm bắt đầu. Sau [Khâm thiên giám] tâu trả lời lệ trước chép năm chia làm 2 khoản (khoản trên chép từ 1 năm đến 60 năm, khoản dưới chép từ 61 năm đến 120 năm), nay chép các năm Gia Long vào, xin ở trên năm Tự Đức thứ 15 [1862] chép thêm Gia Long thứ nhất (vì năm ấy đều là Nhâm Tuất), năm thứ 2 trở đi theo như thế mà chép nối vào, nhân làm ra quy thức tiến trình. Vua y cho.

Nguyên lĩnh Bố chính tỉnh Cao Bằng là Đặng Duy Trinh vì có việc phải cách cho làm việc chuộc tội. Trước Duy Trinh nhiều lần cùng Nguyễn Phan gièm chê lẫn nhau, đã giao xét nghĩ, rất lâu chưa xong (năm thứ 24 [1871] có 1 án, giao cho Hoàng Tá Viêm xét nghĩ, đến năm thứ 25, lại kế tiếp phát 1 án nữa, mới phái Khoa đạo là Nguyễn Đức Kỳ đến hội đồng với Bố chính, Án sát mới là Hoàng Tướng Hiệp, Nguyễn Đình Nhuận cùng nhau xét nghĩ. Sau Đức Kỳ có tang về quê, Tướng Hiệp bỗng đổi bổ [đi nơi khác], một mình Bố chính mới là Nguyễn Đình Nhuận tra cứu, kết án đệ lên). Đến nay, quan tỉnh ấy là Nguyễn Đình Nhuận xét xong các án để chồng chất, lần lượt đệ tâu lên : về án thứ 1 (án sau) đệ lên trước, Duy Trinh về mang lòng hiềm cóp nhặt những việc Nguyễn Phan ngăn trở, xử phải cách chức (Nguyễn Phan vì việc bắt phu tải gạo, xử phải phạt trượng, nhưng năm thứ 28 [1875] đã chết thì thôi), sau can khoản khác, đợi xử tội nặng. Rồi lại một bản án (án trước tiếp tục đệ lên, Duy Trinh lại vì mạo công dối trá, xử phạt trượng tội đồ hết bậc, chuẩn cho gia ân tha cho tội đồ, nhưng phạt 100 trượng, phát giao quân thứ Hoàng Tá Viêm hết sức làm việc để chuộc tội. Sau viên ấy lại can việc để thiếu của kho (khi Duy Trinh đến Thái Nguyên, tư trích lấy lương chứa ở kho tỉnh Cao Bằng để chi biện, đến khi tỉnh ấy kiểm tra số hiện thiếu, liên can đến Duy Trinh), án nghĩ phải bồi và phạt trượng phát lưu (trượng 100, lưu 2.000 dặm, còn số thiếu chia nhau phải bồi, 30 lạng bạc, 360 quan tiền, 23 phương gạo). Vua cho rằng xét ra là làm việc công, nguyên không phải lấy cho mình, tha cho, chuẩn cho theo như Chỉ trước thi hành.

Định lại lệ phạt về truy thu tang vật mà bất lực (theo lệ trước, truy thu tang vật mà bất lực, thì Niết ty chuyên đốc và lại điển, tổng lý phân thu, đã tại chức 3 năm, đều thiếu 5 phần trở lên, mới phải giáng đổi đi nơi khác (Niết ty), cách bãi (lại điển, tổng lý) gián hoặc phải thuyên chuyển, niên hạn chưa đủ, hoặc trong đó dùng dằng

tìm cách khôn khéo, chưa nghe thấy thực có cách bãi, nên người không biết sợ mà cố gắng, của công không bù lại được). Nay chuẩn định, từ sau phàm các địa phương truy thu những khoản tang bồi, trừ người nào hễ tại chức 6 tháng, thiếu từ 1 - 4 phần và tá lãnh chuyên ty cùng bọn phủ, huyện với đốc, phủ, đề đốc thừa lệnh thôi thu, đều theo nghị năm thứ 27 [1874] mà làm, còn thiếu 5 phần trở lên, thì các viên phủ doãn, phủ thừa, án sát tại chức 1 năm theo lệ trước phải giáng 1 cấp lưu, nay đều đổi đi làm việc nơi khác ; lại điển và tổng lý, theo lệ cũ phải phạt 40 roi, nay đều phải cách bãi, không phải đợi đến 3 năm).

Chuẩn định lệ quan viên kết nhận. (Từ nay về sau, phàm đưa vào làm lại dịch, bổ vào Anh danh, Giáo dưỡng, hoặc xin hồi tị, hoặc xin đến nơi gần, hoặc ấm bổ, hoặc đi hạch đi thi, cùng tất cả người phải kết nhận, trừ có quan trên ở địa phương tư cho làm việc và lý trưởng, kỳ lão cung kết ra, còn thì người nào vì có duyên cớ xa xôi cách trở, cho đều được tuỳ tiện do thuộc viên văn tứ, ngũ phẩm, võ tam, tứ phẩm trở lên ở cùng làng, cùng hạt hoặc hạt khác mà vốn có quen biết xét rõ người ấy nguyên trước không có can án và các việc trá mạo, mới được kết nhận (quan có trách nhiệm xét thực là xa xôi cách trở, mới được cho kết nhận, nếu không thực thì phải theo lệ làm việc, không được nghe ngay) nếu hàm thấp mà tự tiện nhận ngay, thì không chuẩn cho, còn như những viên đáng được kết nhận, không có xét rõ nhận ngay, sau người ấy có người phát giác ra các vật can án và trá mạo, trừ ăn tiền đút lót dặn dò theo phải xử nặng ra, còn thì chỉ vì nể nang, chiểu tội của người ấy phải chịu, giảm đi một bậc nghĩ xử).

Trước quan tỉnh Lạng Sơn phái người (Trần Đình Phong) sang Long Châu, không tư trước cho phủ Thái Bình biết, đến khi phủ ấy tư sang nói sau có phái người sang đất Trung Quốc, phải báo trước cho biết, việc ấy tâu lên, đã chuẩn cho tư trả lời, nói đó là nhân theo việc làm gần đây không có sự gì trái lạ).

Nhân Dụ bảo rằng : Chức giữ bờ cõi, đều có giới hạn từ trước điển lệ đã nghiêm, gần đây về dọc biên giới nhiều việc, quan quân nước ấy đi đến giúp ta đánh giặc, quan ở quân thứ các tỉnh nhiều khi phái viên sang nói rõ việc quân, đem đưa tặng phẩm hoặc việc khẩn cấp không kịp báo trước, từ trước đến giờ, hai bên đi lại, quen cho là thường, không có điều tiếng gì. Nay phủ ấy chẳng qua nhân ta thường đem tố cáo người nước ấy vượt qua biên giới, cho nên tìm kiếm ra việc này để trả miếng lại, hòng che lỗi của mình, không phải có lòng xem xét nghiêm ngặt, nhưng về phần ta cũng nên giữ phép, đừng cho là thói quen mà bắt chước dại, để cho họ nói được. Nay chuẩn cho sức rõ cho quan tỉnh Lạng Sơn từ sau phàm có việc gì, không được sai người đến thẳng nước ấy, nếu có dò xét hoặc đưa tặng và việc gì cần kíp nên sai người đi, phải tâu lên nói rõ, đợi Chỉ chuẩn cho mới được, nhưng phải báo trước cho họ biết, nếu có dám tự tiện phái người sang, tất phải chiểu lệ

trị tội nặng, các tỉnh Quảng Yên và Cao Bằng cũng theo thế mà làm. Còn như sai quan và người đi buôn nước ấy đến đất nước ta, phải do quan lại ta xét kỹ, thực có giấy đi đường hoặc tín bài mới được cho đi, chớ cho người không tốt tràn vào, biên giới quan hệ, cần chớ sơ suất khinh thường như trước để chịu lỗi trái.

Định lại phép khảo khoá sĩ tử (vì từ trước đến nay, số đỗ khoá nhiều, mà số có thể đi thi ít, trong đó những người tìm cớ trốn không đi thi và thuê người làm gà, tệ đó không thể không được ; mới định lại, từ nay, phàm phép khảo khoá, chiểu theo lệ cũ mà làm, nhưng đều phải trước kỳ khảo (ngày nộp quyển), quan phủ, quan tỉnh sức xuống cho phủ, huyện, bắt lý dịch phải đem số sĩ tử trong làng đã đi khảo khoá mấy lần, đi thi mấy khoa, người chưa đi thi có duyên cớ như thế nào (như những loại có đại tang và bị ốm) và người mới đi khảo khoá lần đầu, khai và cam kết rõ ràng, do học đường sát, hễ đã có đi thi và chưa đi thi mà có duyên cớ và không có duyên cớ mà khảo khoá mới 3 - 4 lần, cùng mới đi khảo khoá lần đầu, cho đều nộp quyển đi khoá ; nếu không có duyên cớ mà đã 5 - 6 khoá vẫn chưa chịu đi thi, thì không cho đi khảo khoá, giao về làng vào sổ chịu sai dịch, nếu lý dịch khai gian và quan coi việc học thiên tư che chở, việc phát giác ra, chiểu luật trị tội ; còn như quyển làm văn các quan coi việc học điểm duyệt xong, hội đồng với các quan phủ, tỉnh cân nhắc, văn lý có thể lấy 10 phần không được quá 6 phần (như sĩ số 2.000 thì lấy đỗ trên dưới 1.200 người) ; nếu văn lý hơi kém không được đến số ấy, thà rằng ít không lấy quá lạm, còn các hạt thuộc về 4 trường Thừa Thiên, Bình Định, Nghệ An, Thanh Hoá, nếu gặp năm có thi Hương, thì khảo khoá gồm cả vào kỳ hạch, không gặp năm thi Hương, đều theo lệ cũ mà làm).

Chuẩn cho Chưởng vệ Trung dinh quân Thuỷ sư là Nguyễn Bái thăng thự Đề đốc quân Thuỷ sư ở Kinh kỳ.

Cho Bố chính tỉnh Bắc Ninh là Hoàng Diệu thăng thự Hữu tham tri bộ Hình.

Vua cho là giặc cướp ở các hạt xứ Bắc Kỳ mang án trốn đi, phần nhiều bị ức hiếp phải theo và mê hoặc, muốn cho tự đổi mới. Dụ rằng : Muôn sống ghét giết là lòng của trời đất, dùng đức hoãn việc hình là chính lớn của nhà vua, tiểu dân không người nào không phải là xích tử của triều đình, một khi vì lầm mà phạm pháp, mới mắc phải tội, không những có hại chính thể, lại phạm cả khí hoà, rất không phải là ý vâng thuận mệnh trời vỗ yên muôn dân của trẫm. Trẫm rất nghĩ một người dân không có chỗ nương nhờ là đức hoá chưa ban, rất là hổ thẹn, huống chi lại do đó mà bắt tội, há phải đừng được đâu. Nay chuẩn cho các tỉnh từ Thanh - Nghệ trở ra Bắc, các tội phạm mang án đi trốn, trừ việc trộm cướp án mạng tầm thường, chiểu lệ bắt trị tội ra, còn các tội phạm làm giặc ăn cướp mà án để chồng chất, có kẻ nào biết hối lỗi tự sửa đổi, hạn trong 3 tháng (kể bắt đầu từ ngày đạo Dụ này đến, cho đến cửa quân Thống đốc Hoàng Tá Viêm xin thú, làm ngay danh sách kê tội trạng

tâu lên, đợi Chỉ cho tha tội, phải đi làm việc để chuộc tội lỗi trước, rồi do đại thần ấy xét có công trạng thực, sẽ tâu xin lượng cho lục dụng, nếu đã được khoan tha mà còn dám quen thói cũ, không chịu ra thú, chuẩn cho các địa phương bắt ngay trị tội cho hết mầm ác, chớ để hại cho dân.

Tháng 8, quan tỉnh Thanh Hoá tâu xin xây thêm tường nhỏ ở trên thành, để đặt thêm các cỗ súng (64 sở), vua y cho (trên thành tỉnh ấy nguyên không có tường nhỏ, đặt súng ở 4 sở lầu cửa thành và 20 sở ở nhà để súng).

Vua cho là năm trước (năm thứ 28) [1875], nước Pháp sai sứ đưa các hạng (tàu và súng) tiến tặng, nước ta chưa có đáp lễ lại, mới sai chọn cử sứ thần sang Tây, đình thần cử Tuần phủ Hà Nội Trần Hy Tăng, triệu ngay về, đổi bổ Tả tham tri bộ Lễ sung làm Chánh sứ, lại lấy Tả thị lang bộ Lại Trần Nhượng sung Phó sứ, Hồng lô tự Thiếu khanh, Biện lý bộ Công Hoàng Văn Vận sung làm bồi sứ ; còn chức Tuần phủ Hà Nội thì cho Quang lộc Tự khanh, Biện lý bộ Lại là Nguyễn Hữu Độ lĩnh chức ấy, nhưng chuẩn cho kiêm coi công việc thương chính. Sắc rằng : Ngươi trước ở tỉnh Hải Dương thù tiếp với sứ nước Pháp, tình ý cùng tin nhau, trước được phái đến Gia Định, tướng nước Pháp cũng yêu trọng mong lại đến nữa, ngày thường người ngợi khen rất nhiều, từ khi về Kinh đến nay, chẳng qua chỉ sai phái việc tầm thường, chưa có công trạng gì có thể báo đền cho xứng đáng, nay đến Hà Nội, việc làm cốt phải 10 phần được yên ổn như khi ở Hải Dương, mới không phụ lòng giao cho làm việc. Hà Nội việc nhiều, lại thuộc về giao thiệp, Trần Đình Túc tuổi đã già, trẫm rất nghĩ ngợi, nhưng thay chức đó cũng khó có người, ngươi là người đảm đương được, đến đấy phải cùng lòng cùng giúp việc, hết sức làm cho ổn thoả, cốt cho một phương được ninh thiếp để yên lòng trẫm, không hổ thẹn đạo làm tôi mới được.

Cho nguyên thự Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Văn Thận bổ thự Hữu tham tri bộ Lại, kiêm coi viện Đô sát. (Khi ấy sắp đến lễ khánh tiết triều hạ, việc trưởng đô sát theo lệ phải chầu trực nghi tiết, kiêm coi viện ấy trước là Hoàng Hữu Xứng vì trước gặp có tang, hết hạn, được lại làm chức cũ, dâng sớ xin từ, cho nên chọn người thay).

Sơn phòng sứ tỉnh Quảng Trị là Phan Khắc Kiệm dâng sớ lên nói : Thổ dân các châu Cam Lộ tình hình gieo neo, xin tạm trích gạo ở kho và vay thóc gạo nhà giàu trong hạt, phát giao cho phủ, huyện nhận cấp, đợi khi lúa chín, thu trả lại.

Vua bảo rằng : Thổ dân cũng đều là xích tử của triều đình, chuẩn cho ngươi tuỳ tiện mà cứu giúp, cho đều được thấm nhuần ơn trạch.

Chuẩn cho Trần Văn Tuy khai phục hàm Hồng lô Tự khanh (Văn Tuy trước phạm lỗi phải xử tội đồ, sau vì Vũ Trọng Bình xin tha cho, để theo sai phái ở tỉnh

Sơn Tây, rồi sung chức Bang biện, đến nay chuẩn cho khai phục hàm ấy), Hộ lý Tuần phủ tỉnh Quảng Yên ; Tuần phủ trước là Hồ Trọng Đĩnh điệu bổ Hữu tham tri bộ Công.

Lại sai ấn quan văn, võ ở Kinh và tỉnh ngoài đều cử người mình biết. Dụ rằng : Lòng yêu quý học trò của trẫm thường như nói không xiết, ngoài thi cử ra lại còn tuyển cử, chưa từng lấy một cách mà hạn chế nhân tài, về việc cử người mình biết, mấy năm nay xuống Dụ chuẩn cho chẳng những 3 - 4 lần, thế mà người được cử chưa đáp ứng được lòng mong mỏi của trẫm, có quả là đời không có người chăng ? Hay là có mà không được tiến lên chăng ? Nay đều phải theo thể lệ hết lòng xét hỏi thuộc hạ của mình, trong hạt của mình, không cứ quan to hay quan nhỏ, đã làm quan hay chưa làm quan, người nào đức hạnh thuần chính, tài trí nhanh nhẹn thông minh, khéo vỗ về cai trị dân, giỏi về việc dụng binh lý tài, từ trát thông hiểu, văn học rộng khắp được một điều giỏi, được mọi người khen ngợi, cùng là người có một tài một nghề mà có thể dùng được, đều cho làm tập tâu cử lên, nhưng phải xét kỹ cẩn thận, tiến cử được thực tài, liệu cho lục dụng, để cho việc trị nước được nhiều người, được lòng yêu quý học trò 30 năm nay của trẫm, dưới không để tội che lấp người hiền của trăm quan các ngươi, là điều trẫm vẫn mong mỏi lắm.

Bắt đầu đặt nha Tuần tải (chánh, phó quản đốc mỗi chức 1 người, bát, cửu phẩm mỗi chức 1 người, thư lại 6 người, mộ dõng quyền quản 2 người, quyền suất 6 người, điển ty 1 người) lấy Biên tu lĩnh Trước tác là Bùi Viện (Cử nhân ở Nam Định) sung chức Chánh quản đốc.

Sai Khâm phái kiêm Lãnh sự tỉnh Gia Định là Nguyễn Thành Ý cùng với bọn Tham biện Vũ Văn Phú đem các hàng hoá thổ ngơi đưa sang nước Pháp đấu xảo. (Lấy Biện lý bộ Lễ Nguyễn Lập thay vào chức của Thành Ý). Trước sứ nước Pháp bàn với quan viện Cơ mật nói : Nước ấy 2 năm sau sẽ đặt trường đấu xảo (ở thành Ba Lê), các nước đều đem sản vật địa phương đến đấu xảo, những vật hạng của nước ta sản xuất ra (như các thứ ngà voi, sừng tê, xà cừ, đồi mồi, đồng đỏ lẫn vàng bạc), thợ chế tạo ra cũng rất tinh xảo, phái đem đi thi chọi, há không được tiếng giỏi, huống chi sau khi đấu xảo đem bán, có thể được giá tốt, quan ở viện cho là việc đi ấy có thể rộng được mắt thấy tai nghe, cũng có bổ ích, tâu xin, chuẩn cho đem những vật hạng hiện để trong phủ Nội vụ (như các loại ghế dựa, hòm tủ khảm xà cừ) phát giao 2 tỉnh Hà Nội, Nam Định theo kiểu mẫu chế sẵn, làm xong cất đi. Đến nay phái đi, nhưng sai viết thư báo cho tướng nước Pháp để cùng Thành Ý bàn cho ổn thoả, đợi cùng với sứ bộ sang tặng đồ đáp lễ (việc xem tháng 10 ở dưới) cùng đi.

Chuẩn cho các viên hậu bổ, hành tẩu do thượng ty đều chiểu từng ty phái đi làm việc, phàm các việc cùng với tá lãnh cùng làm, chức tá lãnh có khuyết thì đem

bọn ấy chọn bổ điền vào, cho có chuyên trách mà quen thể thức làm việc, đó là theo lời xin của quan ở Nội các. (Quan Nội các tâu nói : Hậu bổ và hành tẩu từ trước đến nay không có phân tào chuyên cục, thượng ty không có đốc trách đến, ở ngoài gián hoặc phái đi quyền nhiếp, ở bộ thực không có việc gì, thế là có cái tiếng là đi làm việc, nhưng không có sự thực làm việc, đến khi chọn bổ, không khỏi sinh ra sơ suất, cho nên có Chỉ chuẩn này).

Tháng 9, viên nhiếp huyện huyện Phù Mỹ ở tỉnh Bình Định là Nguyễn Văn Chinh nhầm lỡ về buộc tội cho người, phải cách chức. (Việc án mạng tên Lưỡng, viên huyện ấy khinh thường dựa vào chứng vụ, đem tên Điểu bị chiêu xưng không thực, kết nghĩ giảo giam hậu, đến khi chuẩn cho bác đi, tra xét lại, thì án tình quả không thực, mới phải cách chức về quê quán). Vua nhân sắc bảo bộ Hình rằng : Trẫm đối với việc hình ngục, càng rất chú ý, mà kẻ thừa hành chưa nghe thấy công bằng đúng pháp luật, đem ngay việc án mạng ở tỉnh Bình Định ấy mà xem, rất đáng sự đáng thương thì có người hàm oan phạm đến khí hoà không lấy gì làm lạ. Từ nay các nha xét hỏi việc hình, đều phải xét cẩn thận hơn lên, không được có một chút nào thiên tư che chở, bộ, viện xét lại cũng thế, cốt không có mảy may nào trái pháp luật và lạm hình, mới là hết chức phận, không thế thì không phải là phúc của dân, cũng không phải là cái tốt của hình quan các ngươi. Chuẩn cho sao bản án ấy thông sức cho biết để theo, chớ có khinh thường.

Giặc trốn nước Thanh là bọn còn sót lại của Ông Thất, quấy nhiễu cướp bóc ở địa phận tỉnh Cao Bằng (tổng Kim Mã), quan tỉnh phái quân cùng với quân nước Thanh đánh bắt, bọn giặc tan về hạt Thái Nguyên, việc ấy tâu lên, vua bảo Hoàng Tá Viêm nhân cơ hội ấy đem ngay các đạo, hết sức hợp lại bắt giặc cho chóng quét sạch, không được giữ ý kiến ngồi không mà chờ.

Tỉnh Bình Thuận động đất (địa phận phủ Hàm Thuận từ đấy đến tháng 12 tất cả 3 lần, lần đầu nước sông cuốn lên, nhà ngói cũng rung động, 2 lần sau hơi nhẹ).

Tướng nước Pháp đóng ở tỉnh Gia Định là Du-bi-lê về Tây, La-phong đến thay.

Hai tàu buôn của nước Anh (Cát Lợi) nước Pháp (Lãng Sa) mắc cạn ở phận cửa biển Nam Định (Ba Lạt), sai quan tỉnh cứu giúp, tỉnh ấy phái tàu binh kéo đưa vào chỗ yên ổn.

Vua cho là Khâm sứ nước Pháp là Hoắc Đạo Sinh hơi biết chăm học, sai ban tập *Ngự chế Việt sử tổng vịnh* cho sứ quán (sứ nước ấy bái lĩnh nói với quan viện Thương bạc (được phái đi ban cấp) rằng : Thường được ban cho, đã biết là hậu đãi, nay lại ban cho bộ sách này, thực là rất quý, ơn vượt ngoài phận sự, cảm khích vô cùng).

Cấp thêm tiền gạo cho các trạm từ phủ Thừa Thiên trở ra Bắc (nguyên trước cấp cho mỗi trạm tiền 10 quan, gạo 10 phương, chuẩn cho cấp thêm tiền 12 quan,

gạo 8 phương (năm thứ 23 [1870] đã chuẩn cho cấp thêm, tháng 2 năm ngoái đình lại, đến nay lại cấp thêm) vì việc quân bận nhiều, chạy trạm đệ đi rất là khó nhọc.

Lại tha thuế lệ 10 năm cho xã Văn Xá (thuộc phủ Thừa Thiên) là làng họ ngoại. (Năm Minh Mệnh thứ 2 [1821] chuẩn cho tha 30 năm, năm Tự Đức thứ 4 [1851] chuẩn cho tha 10 năm, hết hạn cũng không nộp, chuẩn cho lại tha 10 năm).

Tôn nhân, đình thần tâu : Sang năm kính gặp ngũ tuần khánh tiết, xin tham chiểu thịnh điển năm Minh Mệnh thứ 21 [1840] cử hành, để yên lòng mọi người. Vua tự giảm bớt phê bảo rằng : Nếu được thái bình toàn thịnh, khoẻ mạnh không sao, còn nói gì nữa, nhưng trẫm nghĩ đời người đến 50 tuổi gọi là tóc lốm đốm bạc, bắt đầu suy, chưa có thể gọi là thọ được, huống chi trẫm thì phúc và tư bẩm đều kém, bệnh hoạn luôn luôn, phàm các chính sự nghi văn, sức đều không đủ, đã không lấy gì làm cho dân lợi, làm cho nước dư dụ, lại nhân ngày thêm suy háo, 5 phúc ở thiên *Hồng phạm* của Cơ Tử là sống lâu, là giàu, là khoẻ mạnh, trẫm đã thiếu mất 3, sáu việc xấu là ốm, là lo, là nghèo, là yếu, thì trẫm có cả 4, cho nên biết phàm những việc phúc khánh, không phải là người bạc nhược có thể đương được, thực rất tự thẹn, đâu dám tự xa xỉ. Nếu bảo rằng điển lễ trước còn đó, dân cùng một lòng, không thể lặng im, để phụ lòng mọi người mong muốn, là lại rất không phải, sao dám viện dẫn. Vả lại Hoàng tổ ta, lấy đức thánh ở ngôi trời, mình làm nên nghiệp thái bình, thịnh vượng rực rỡ, không chỗ nào là không thích hợp, nay thì bờ cõi đã hẹp, tài lực, nhân tài đã thiếu, các việc rất không như trước, nếu muốn nhắm mắt mà bày đặt ra, thế cũng không đủ, chỉ thêm hổ thẹn, việc đó đều là mọi người cùng biết, thế mà còn đem việc ấy để thỉnh cầu, ta sẽ dối ai, dối trời chăng ? Này như trẫm lấy tấm thân gầy yếu lo ốm, mà trên nhờ trời và tổ tiên ban ơn để có ngày nay, há chẳng muốn cùng mọi người cùng vui, để không phụ ơn lớn ban xuống, duy có một điều rất phải nghĩ ngợi đau đớn, không gì bằng lỗi lớn suốt đời, nếu chuẩn cho cả nước cử hành khánh điển, mà Nam Kỳ riêng ở ngoài, không được dự vào hàng ấy, đời xưa có nói : Đầy nhà uống rượu, có một người hướng vào xó nhà mà thương khóc, thì cả nhà đều vì thế mà không vui. Nay hướng vào xó nhà, có phải chỉ một người đâu, nếu nước láng giềng có lòng nghĩ đến, tưởng cũng vì thế mà không vui, cái nghĩa cùng một nước là thế nào ? Đó càng nên hoãn lại để đợi, may mà được cả, chẳng cũng vui ư ? Trẫm đã lấy lòng thành từng bảo, không phải vụ tiếng khiêm nhượng, mọi người đã biết sẵn, đều phải thể lượng việc khánh tiết sang năm, chuẩn cho châm chước điển lễ trước, phải giảm bớt nhiều, cốt làm thế nào cho hợp cả thời nghi, chớ phô trương hão, cùng bàn cho thoả đáng, tâu trước lên để đợi quyết định, giảm hết hư văn phù phí, mà rộng ra ân cách, cốt cho dân mấy năm nay bị chinh dịch tai thương, những người mong ơn, đều được thấm nhuần ơn huệ, thực là thoả lòng trẫm, chớ nên nói nhàm.

Bấy giờ, chức ở Sử quán giảm bớt, các sách hiện làm chưa xong, chuẩn cho lại đặt toản tu sung vào 3 viên, biên tu sung vào 6 viên, sức phải làm ngay. (Nguyên trước đặt 4 toản tu, 8 biên tu, Tự Đức năm thứ 21 [1868] giảm bớt, để lại 2 toản tu, 2 biên tu, đến nay lại đặt thêm). Dụ rằng : Từ trước *Thực lục Tiền biên, Chính biên* không ngoài vài mươi năm mà xong được 3 bộ, nay đã 30 năm, mà *Chính biên* kỷ thứ III chưa xong, không phải chăm với lười khác nhau là gì ? Rất trái với ý nối theo của trẫm, các quan so với tiền bối há không hổ thẹn ư ? Ngoài ra các sách *Chính yếu bảo huấn, Nhất thống chí, Liệt truyện* cũng phần nhiều chưa xong, thế là đặt quan chia chức là hư vị và thừa ư ? Vậy Chánh, Phó tổng tài bọn Trần Tiễn Thành, Lê Bá Thận đều giáng 1 cấp lưu, để trách quan đại thần không biết làm tiêu biểu xướng xuất. Vả lại hiện nay, tuổi cao học rộng, há phải thiếu người, chỉ không chịu lưu ý xét cử mà thôi. Nay chuẩn cho sức lại cho đình thần, phải xét cử ngay, người nào thực có thể làm được chức ở Sử quán, thì chọn bổ cho đủ người, các sách hiện đương làm, lặc hạn lần lượt làm xong, không được hư ứng tắc trách, nếu cho là việc nhiều, không phải là việc cần kíp, lại đợi đến bao giờ, sợ để lâu ngày thất lạc, há không ân hận về sau.

Nguyên Tuần phủ sung phái đi sứ là Trần Hy Tăng phụng mệnh về Kinh, rồi ốm chết. Vua bảo rằng : Hy Tăng xuất thân khoa giáp, có học, có kiến thức, trẫm đương mong thi thố làm được việc, mà anh khí phát tiết ra quá, không làm trọn được việc, chỉ mang chí ấy mà chết, xiết bao thương tiếc, mới làm thơ để tỏ lòng thương, lại cho 1 tấm gấm, 2 tấm lụa, 5 tấm vải và gia cấp 200 quan tiền, sai bắt phu đưa về, đợi đến quê hương (Nam Định), quan tỉnh ấy khâm mệnh ban cho rượu, đọc bài thơ, ngày an táng lại ban tế.

Năm ấy kỳ thẩm án về mùa thu, các hạng từ 131 tên phạm, chuẩn cho xử chém ngay 3 tên, còn thì để giam có từng bậc. Trong đó vẫn để trảm giam hậu 67 tên, vẫn để giảo giam hậu 61 tên).

Mùa đông, tháng 10, cho Tuần phủ Hải Dương Nguyễn Tăng Doãn đổi bổ Tả tham tri bộ Lại, sung làm Chánh sứ sang Tây, thự Tả thị lang bộ Binh đổi sang thự Tả thị lang bộ Lễ là Tôn Thất Phiên sung làm Phó sứ (nguyên phái sung Phó sứ Trần Nhượng, rồi lại vì ở ngoài mới về, chuẩn cho vẫn chức cũ, cho nên chọn Phan sung vào), Hồng lô tự Thiếu khanh Biện lý bộ Công Hoàng Văn Vận sung làm bồi sứ. Bấy giờ bờ cõi bị mất chưa lấy lại được, vua muốn nhân việc trù tính lấy về, sai sứ thần tuỳ cơ biện bác cho khéo. (Phê bảo rằng : Đi chuyến này, chỉ là theo hoà ước, hỏi thăm và tỏ tình giao hảo, các việc đều không nên tiết lộ, đợi khi đến nơi xét kỹ, nếu có thể đầu cơ được, mới được nói đến việc đất đai, phàm không nói thì thôi, nói tất phải hợp lẽ phải, đừng để họ nhòm nhỏ được mà yêu cầu, lại để tâm xét kỹ, hoặc cùng với người khác ở các nước mạnh đi lại thử dò, may ra có sự tiện lợi,

mà không trúng vào chỗ nghi kỵ của nước ấy thì mới ổn thoả, may mà được ra thì hay nhất, không thì cũng biết được việc cốt yếu để thu về, về báo, để tiện việc mưu tính sau này, mới không phí công đi). Cấp riêng cho mật thư và sắc Dụ toàn quyền đại thần đều cho mang theo, để tiện lâm thời châm chước ứng đối. Khi ra đi, lại bảo rằng : Quan đại phu ra khỏi bờ cõi, gặp việc nên làm thì làm, nếu có lợi cho nước nhà, cứ cố gắng mà trù tính, làm thế nào trên có thể đáp được đức của tổ tông dưới có thể báo được ơn tri ngộ, thế là không phụ, các ngươi đi chuyến này, phàm việc phải cùng lòng giúp nhau, cốt được 10 phần thoả đáng là trẫm lấy làm mong lắm.

Chuẩn cho thự Thị lang bộ Binh Lê Tiến Thông được thực thụ, lĩnh Tuần phủ Hải Dương.

Cải cấp tự điền cho Lạng Giang quận công Tôn Thất Hội. Trước tự điền ở thôn Hoà Thuận, tỉnh Định Tường, 185 mẫu, là họ ngoại để lại cho, trung hưng sơ miễn thuế, sung làm tự điền ; đến khi Nam Kỳ có việc, sứ nước Pháp quản chiếm thu thuế, không lấy gì để cung việc tế tự, cháu 4 đời là Tôn Thất Bá xin đổi cấp cho nơi gần, để tiện việc phụng tự, mới sai quan phủ Thừa Thiên trích lấy 10 mẫu ruộng công (ở địa phận xã Mậu Tài) cải cấp cho và miễn thuế.

Cho Bố chính Bình Thuận Hồ Đăng Phong lĩnh Tuần phủ Thuận - Khánh (Tuần phủ trước là Trương Gia Hội ốm khuyết).

Giáng thự Hữu tham tri bộ Lại Nguyễn Văn Thận làm Thái bộc Tự khanh, Biện lý công việc bộ Hình (vì trước ở tỉnh Hưng Yên can về việc bày ra tiệc hát đãi khách) ; cho thự Hữu tham tri bộ Hình Hoàng Diệu đổi bổ thự Hữu tham tri bộ Lại kiêm coi viện Đô sát.

Đình bãi lệ sau khi phân ban diễn tập súng. (Nguyên lệ cũ hằng năm điểm binh về đầu mùa xuân và sau tháng 7 sau khi phân ban, diễn hạch những súng điểu sang, thần công và quá sơn đều 2 lần ; tháng giêng năm nay, quan Nội các tâu xin chuẩn cho sau khi điểm binh, sai quan hội đồng hạch duyệt rồi làm danh sách thưởng phạt, đến nay mới xong, bộ Binh vì thế, xin đình lệ diễn hạch sau khi phân ban. Vua bảo rằng : Từ nay về sau, việc ấy đình đi là tiện.

Nguyên Án sát Nam Định Nguyễn Tái vì có việc phải tội đồ. Trước Tái vì giấu bớt những tài sản của người tuyệt tự (kể tang hơn 3.330 quan) uỷ riêng cho người nhà nhận mua, bị Hộ đốc là Nguyễn Trọng Hợp tâu hặc, đã phái Ngự sử Tống Phúc Trạch (nguyên khâm phái đến Hà Nội tra xét việc án, nhân sai gần đấy đến Nam Định tra xét) đi tra án nghĩ giáng 1 cấp đổi đi nơi khác ; sau kinh lý Hà đê sứ Phạm Thận Duật tâu nói, án ấy tra nghĩ dụng tình tư vị, mới chuẩn cho Nguyễn Tái và Tống Phúc Trạch đều phải triệt lưu hậu cứu, đổi phái Binh khoa Chưởng ấn Ngô Trọng Tố đến ngay hội đồng với đốc, phủ Hà Nội (Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Độ)

xét nghĩ. Đến nay án đệ lên, Nguyễn Tái phải chiểu luật che giấu gian dối, gia sản tịch thu vào quan, xử tội phạt trượng và đồ (trượng 90, đồ 2 năm rưỡi), Tống Phúc Trạch phải chiểu luật định án lạo thảo sơ suất, xử tội phạt trượng hết bậc và cách chức, vì viên ấy lại can án dùng lạm võng màu đỏ, đã bị cách, chuẩn cho theo một án xử cách chức phải đi Tam Tuyên làm việc chuộc tội.

Thự Tuần phủ Hà Nội Nguyễn Hữu Độ tâu dâng kế sách, trong sửa sang chính sự, ngoài ngăn ngừa giặc cướp, đại khái nói rằng : Trong nước cũng như nhà của người, phên giậu chắc chắn, con em khoẻ mạnh, thì kẻ cướp ở bên cạnh cũng phải rút lui. Hiện nay binh hoả luôn năm, của hết sức thiếu, bọn chúng ý muốn phá lời thề, gây thù hằn, mà ta thì chưa thừa kế được, xin nên giãi lòng thực tỏ lẽ công, ngoài thì khéo khoản tiếp để cho chúng yên lòng, trong thì vỗ yên dân ta, giữ vững bờ cõi ta, để cho con em mạnh khoẻ, phên giậu vững vàng. Lại xin chia trong nước làm 5 đạo Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi làm đạo Kinh trực ; Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoá làm 1 đạo ; Sơn - Hưng - Tuyên, Hà - Ninh làm 1 đạo ; Bắc - Thái, Lạng - Cao, Hải - Yên, Định - An làm 1 đạo ; Bình Định trở vào Nam làm 1 đạo, đều đặt Tuyên sát kinh lược truất trắc đại thần, phàm công việc thuộc các đạo, phải xem xét tất cả, nhưng xét những thân hào địa phương ấy người nào có thể dùng để sai khiến được, thì tâu xin lục dụng, để trong ngoài có chỗ ký thác, như nanh vuốt cùng giữ lẫn nhau, chúng hoặc sinh lòng gì, quanh cả lại mà cùng đối phó, dù tàu vững chắc, súng tốt, cũng không thi thố vào đâu được. Vua ngợi khen, giao cho đình thần xét nghĩ, sau rồi không quả quyết thi hành.

Tha thuế ruộng cho 2 huyện (Ngọc Quan, Hùng Quan) ở tỉnh Sơn Tây (vì sương và sâu cắn lúa tổn hại nhiều), 3 huyện (Phù Ninh, Lập Thạch, Tam Dương) (71 xã, thôn), tiền thóc để thiếu về các năm trước cũng gia hạn cho hoãn (vì giặc quấy nhiễu dân phải lưu tán).

Trước Khâm sai kinh lý Hà đê sứ là bọn Phạm Thận Duật trù tính tâu công việc hà đê (kho ở hạ lưu, đắp đê nhỏ, việc xem ở tháng 10 năm ngoái), đã chuẩn y cho thi hành, sau rồi Thống đốc Hoàng Tá Viêm xin hưu đê. (Đại khái nói, gần đây đê điều ở huyện Văn Giang, đắp luôn, vỡ luôn, tuy do việc của người làm chưa chu đáo, cũng là thế khiến như vậy, cách trị đê ngày nay, chỉ nhân thế ấy bỏ đi mà thôi, bỏ đê không phải bỏ đi một loạt tất cả, về hữu ngạn Nhị Hà từ trước đến nay không việc gì, vẫn cày cấy như cũ, để dùng làm chỗ dời dân dời thóc, trong đó có phải vá lấp đôi chút, cho quan địa phương và dân sở tại tự làm lấy. Còn ở tả ngạn đê đã vỡ luôn, sông muốn đổi đường, thì nhân thế tự nhiên, không tranh với sông, xin sắc cho Hà đê sứ đến tận nơi khám, từ chỗ vỡ đến sông Chanh, những chỗ nước chảy đi qua, khơi đào thêm để cho thành đường khe nước chảy, đợi khi nước lũ lên, tự thành ra đường sông, nhưng hiểu bảo cho các dân xã ở gần sông, liệu tìm nơi dời đi xa,

đợi vài năm sau, đường sông đã thành, dân ở tả ngạn đã được ở yên, rồi sau sẽ đem các đê ở hữu ngạn, liệu khai những chỗ đắp đập, cho nước ở hạ du có chỗ tiêu đi, đê điều ở thượng du nên bỏ hay nên để, đê cao thấp ở mình, thì các tỉnh ở dọc sông, không phải lo ngại mãi, vì có đê thì nước không chảy yên một dòng, bỏ đê thì nước cứ thuận dòng chảy đi, mới gọi là nhân thế ấy là ở đó).

Vua bảo rằng : Việc này từ trước đến nay, tranh nhau bàn bạc mãi, rút cục chưa làm được, không thân đến tận nơi xét kỹ, sao làm xong được công trình to tát ấy, chuẩn giao cho Thận Duật hội với quan các tỉnh xét kỹ có nên làm hay không, tâu trả lời ngay, đợi Chỉ chuẩn cho. Sau tâu trả lời nói : Hoàng Tá Viêm xin chỗ đê vỡ ở huyện Văn Giang cho để chảy thông đi, nhưng tùy thế đắp đê nhỏ, xét ra cùng với sự thể hiện năm nay hơi giống nhau, lại nói đắp đê nhỏ chỉ giữ được lúa chiêm, nếu muốn giữ cả lúa mùa, phải đắp đê to mới được ; rồi lại tâu (ngày tháng 8) xin đến sau khi nước lụt xuống, bấy giờ các tỉnh tâu vì lụt đê vỡ lúa mùa ngập cả) chỉ tu bổ những đê nhỏ mới đắp và khơi vét những chỗ sông nhỏ rất nông, còn thì đều bỏ bớt cho đỡ khó nhọc, phí tổn.

Vua cho là nhiều lần nghĩ xin, rút cục không được nhất định, mà việc làm gần một năm nay chưa thấy chút hiệu quả gì, giáng Dụ quở trách, nhưng bắt phải nhân khi nước sông xuống bớt lại phải hội khám cho đích xác, để có nhất định, cốt được thành công, tâu lên, đợi Chỉ chuẩn cho. Đến nay, Thận Duật, lại hội đồng với các quan ở Bắc Kỳ (Tổng đốc Hải - Yên Phạm Phú Thứ, Tổng đốc Hà - Ninh Trần Đình Túc, lĩnh Đốc Sơn - Hưng - Tuyên Vũ Trọng Bình, Hộ đốc Ninh - Thái Lê Hữu Tá, Hộ đốc Định - Yên Nguyễn Trọng Hợp, lĩnh phủ Hưng Yên Trần Văn Chuẩn) khám nghĩ rồi tâu lên nói, xét rõ chỗ đê vỡ ở về huyện Văn Giang và Đông An thế đã khó đắp, cũng không nên đắp, tuy các huyện hạt, thế nước chảy đến không thể giữ được cả lúa mùa, nhưng khi nước lụt xuống, lại cấy lúa chiêm thu lợi, không khác gì lúa mùa, huống chi ruộng cấy mùa ít mà ruộng cấy chiêm nhiều (tức như tỉnh Hà Nội, ruộng cấy chiêm 20.000 mẫu, ruộng cấy mùa chỉ hơn 400 mẫu) thì đắp đê nhỏ để chuyên giữ lúa chiêm, cũng có thể thu được hiệu quả, duy có địa thế hơi khác, lòng dân lại không giống nhau, nên tuỳ thế chước nghĩ. Nay xin 2 tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh vẫn ở chỗ đê nhỏ năm nay hiện đã đắp xong nếu vỡ lở thì điền bổ lại, lại tạm đắp khúc đê ngắn ở cửa sông Kinh Khương về tỉnh Hải Dương, những đê nhỏ ở Điều Mễ, Ngoại Sa 2 huyện Văn Giang, Đông An thuộc tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên (của dân xã đắp riêng) cũng vá những chỗ vỡ lở ; về tỉnh Nam Định thì khơi vét sông Bạc Hà và đắp cả các đê nhỏ ở hai bên sông, hễ lúa chiêm gặt xong, nước lụt cho chảy tràn qua, để tiêu nước sông Nhị Hà. Còn như sông Nghĩa Trụ về tỉnh Hải Dương, tỉnh Hưng Yên, những chỗ nông lấp thì khơi vét đi, cùng sông Quảng Lãng tỉnh Hưng Yên có nhiều cầu đá và đập chắn ngang, thì

bạt bỏ đi để thông đường nước chảy, sông Chanh ở tỉnh Nam Định hiện có đê nhỏ ở vùng ngoài (nguyên có 2 đê trong và ngoài) thì khai phá đi, cho rộng dòng nước chảy, như thế nước sông Nhị Hà có chỗ tiêu đi, thì 3 tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, Nam Định, việc hộ đê hơi thư, 3 tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên đê nhỏ tự giữ, dân 17 huyện làm ăn, không đến hại lắm, tính suốt phân số lợi hại tưởng cũng lợi nhiều mà hại ít. Tờ tâu dâng lên, chuẩn cho theo nghị thi hành nhưng sai phải bắt đầu làm ngay : (việc đắp đê nhỏ bắt đầu làm từ tháng 12 năm nay, việc khơi lòng sông bắt đầu làm từ tháng sau, đều hạn 2 tháng phải xong).

Định lại điều lệ đi thi và tờ tâu, tờ tư nhầm phạm phải chữ huý. Từ nay về sau, phàm chính những chữ tôn trọng, làm văn phải đổi dùng chữ khác (chữ nào nên bỏ đi 1 nét, nên bỏ trống 1 bên, nên thêm nét vào cho khác đi, nghị trước điều lệ đã rõ ràng, các khoản dưới cũng thế) phàm phạm phải thì chiểu luật trái phép, thi Đình thì phạt trượng 100, người nào là tôn sinh, ấm sinh, cống sinh, giám sinh, cử nhân thì cách bỏ sổ ghi tên, người nào hễ có phẩm trật (như các tư vụ, huấn đạo, kiểm thảo, hậu bổ, thi Hội cũng thế) giáng 4 cấp đổi đi nơi khác, không có cấp bậc đổi được, thì cho cách về sổ xuất thân cũ. Thi Hội phạt trượng 90, có phẩm trật thì giáng 3 cấp đổi đi nơi khác (lệ định tư tội thì 1 - 2 - 3 cấp đều đổi đi, công tội thì 4 cấp mới đổi đi. Gần đây có người phạm phải chữ một bên có chữ huý và chữ gần giống như chữ huý, đều chuẩn cho theo công tội giáng lưu, nếu các chữ tên rất là long trọng, đã ăn lộc mà không biết kính tránh, sẽ cho giáng đổi đi để răn tội bất kính, xuống dưới thi Hương cũng thế). Thi Hương phạt 80 trượng, người có phẩm trật (như những người tú tài, ấm sinh bổ bát, cửu phẩm thừa biện, quyên tiền mộ dõng thưởng thụ thất, bát, cửu phẩm), giáng 2 cấp đổi đi. Còn người thi Hương, thi Hội mà không có phẩm trật thì đều chiểu lệ tư tội nộp tiền chuộc tội (các khoản dưới cũng thế). Còn như lệ phải bỏ đi 1 nét và những chữ cùng tiếng, chữ gần giống, chữ có chữ huý ở một bên theo lệ phải bỏ trống 1 bên, nhầm phạm phải, thì chiểu luật phạm huý, thi Đình phạt 80 trượng, người nào có phẩm trật (các khoản dưới cũng thế) chuẩn cho giáng 2 cấp lưu, thi Hội phạt 70 trượng, chuẩn cho giáng 1 cấp lưu, thi Hương phạt 80 trượng, chuẩn cho phạt bổng 1 năm. Còn như theo lệ phải thêm nét vào cho khác đi và khác tiếng mà có những chữ gần giống, chữ có chữ huý một bên cùng tiếng, cùng những chữ khác tiếng mà chữ bên cạnh cùng dáng chữ, nhầm phạm phải thì chiểu luật này xét xử giảm nhẹ hơn, thi Đình phạt 70 trượng, chuẩn cho giáng 1 cấp lưu, thi Hội phạt 60 trượng, chuẩn cho phạt bổng 1 năm, thi Hương phạt 50 roi, chuẩn cho phạt bổng 9 tháng, cùng văn thư các nha ở Kinh và tỉnh ngoài phạm phải tờ tâu thì chiểu lệ thi Đình, tờ tư thì chiểu lệ thi Hội thi hành. Còn các chữ cùng tiếng mà có tiếng khác và chữ huý ở một bên chữ khác tiếng và cùng tiếng mà hình chữ có khác đã chuẩn cho dùng, thì được miễn nghị).

Khuyên bảo Thống đốc đại thần Hoàng Tá Viêm. Dụ rằng : Tướng sĩ ở biên giới Bắc Kỳ khó nhọc ở ngoài, năm tháng đã lâu, chưa được khúc hát thắng trận kéo về, tuy triều đình lo lắng, kho tàng kêu thiếu vẫn chưa đáng nói, mà người đi đánh vất vả, gia đình nhớ mong, ai không có lòng ấy, càng phải thể tất, thường đọc thơ Thái Vi, thơ Đễ Đỗ[1] khiến cho người thương nhớ vô cùng, nay đắp ngọn núi cao 9 nhận, công thiếu không đầy một sọt đất, há chẳng muốn tiến lên ư, hay là thế chưa thể tiến được đó thôi. Thống đốc Hoàng Tá Viêm, ngươi là lão thành mưu việc nước, làm việc nghĩ đến vạn toàn, việc nghĩ liệu đổi quân mới ở trấn vài ba năm, chiêu tập nhân dân, đóng đồn khai khẩn, là cũng trù tính đã kỹ, không như thế không được, nếu không có ngươi chịu khó thân trông coi thì việc phòng giữ biên giới chưa chắc đã không để mối lo, việc chiêu tập cho đông để mở mang, chưa chắc được thành hiệu. Nhưng nghĩ đến sang năm, chính gặp tuần đại khánh, gần xa không người nào là không đội ơn, mà quan đại thần và tướng tá giúp việc, chưa được triệu về cùng mừng vui, trẫm lấy gì làm có tình, nếu triệu về mà chưa được không phải lo, thì không những lòng trẫm chưa yên, mà lòng người chắc cũng không nỡ bỏ qua. Nay ngươi nên tức khắc trù tính, hoặc đánh hoặc vỗ yên thế nào, nhất định cho xong ngay, nghiêm đốc các quan tỉnh chiêu tập dân để khai khẩn chóng thấy sự phồn thịnh, uỷ thác cho quan lại, khéo dùng thổ hào, binh dõng để chia ra mà phòng thủ, nơi nào cũng cốt được người, bờ cõi được vững chắc, không cho giống khác ở chen vào để tiện kịp sang năm tâu thắng trận, kéo quân về, chớ nên thường hẹn thường sai như trước. Đến gần kỳ, nếu triệu ngươi về chầu mừng thì ngươi xếp đặt đều đã ổn thoả, không để đến phải lo, mà lòng trẫm, lòng ngươi đều được yên ủi, ngươi nên cố gắng lo toan, đừng trái chí ý của trẫm.

Chuẩn định lệ làm sổ đinh, người nào là chức sắc mà khuyết thì chia từng hạng mà sung điền vào, (từ trước đến nay, số nhân dân trốn đi hay chết bao nhiêu, theo lệ có điền tiếp vào, còn như chức sắc có điền tục hay không chưa có nói đến. Đến nay bộ nghị, chuẩn cho chức sắc nếu không điền tục, thì số đinh ngày một hao hụt, từ nay, phàm những hạng người ấy, nếu có khuyết, không cứ là văn hay võ, ấn quan trở lên, đợi đến kỳ tuyển định, sẽ sức loại khai điền tục, các người thuộc viên trở xuống cho đến tú tài, đều phải khuyết đâu điền đấy cho đủ số đinh mà tỏ ra có phân biệt).

Giặc trốn nước Thanh là Hoàng Tường Anh, đem bè lũ đốt phá phủ Tương An, Tuần phủ tỉnh Tuyên Quang là Hoàng Tướng Hiệp tâu lên. Vua sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm cùng với quan tỉnh nghiêm sức chặn đường mà đánh.

Tha số tiền thóc năm nay và năm trước còn để thiếu cho 3 huyện (Đông An, Phù Cừ, Ân Thi) tỉnh Hưng Yên (vì bị nước lụt).

---

(1) *Thái Vi, Đễ Đỗ* : hai thơ trong *Kinh Thi*, là thơ Tuyên Vương sai quân đi đánh giặc.

Khuyên bảo các quan trong Kinh và tỉnh ngoài. Dụ rằng, Trời sinh ra dân, đặt ra vua để đứng đầu mà cai trị. Vua vâng mệnh Trời, chia cho bề tôi để giúp đỡ, chức bề tôi tuy có trong ngoài lớn nhỏ khác nhau, cũng đều là để làm việc cho vua, yêu dân của vua, để cho hết chức phận, tất phải cùng cung kính cùng lòng, chính sự phải tốt, còn sợ chức sự thiếu mà việc Trời bỏ, huống chi dám đem lòng riêng để làm, mà không sợ Trời ư ? Trẫm rất suy yếu, đức ít, tư chất tối, nhận những việc khó khăn to lớn ấy, rất sợ không gánh vác nổi. Nay tuổi đã cao, sức càng suy, xem nghe tính nghĩ, thực khó chu đáo, lại từ khi ngoài bờ biển có việc đến giờ, công việc quan hệ khẩn yếu gấp đôi, gấp năm khi trước, mà tất cả phép thường phải làm, lại khó giảm bớt, thế là lấy thân một người mà làm cả hai việc nặng, muốn cho không trì trệ nhầm sót, thế không thể được, không đừng được, phải bớt chỗ phiền mà đến chỗ giảm, giữ điều cốt yếu mà bắt phải làm cho xong. Nhưng nghĩ sự lý nhiều mối, lòng người thực dối cũng không cùng tận, hoặc ngoài đã tìm cách để che lấp, trong cũng cẩu thả, nên phải trái lẫn lộn, thưởng phạt không xứng đáng, cũng có kẻ mượn việc công để làm việc tư, che sửa điều trái điều lỗi, pháp luật càng nghiêm ngặt, tệ lại càng quá. Trẫm sở dĩ sợ cái sức không đủ còn ít, mà càng sợ sự che lấp để cho dễ nhầm lại càng nhiều, nhân dân có lỗi, ở một mình trẫm, huống chi các bề tôi cùng với trẫm như một, lỗi sẽ về ai, nếu biết mà bị lỗi phụ ân, sao bằng hết lòng trung, đừng nói dối là tốt nhất. Kìa như nước nhờ ở dân, vua nhờ ở bề tôi, đã thay việc Trời, trị dân Trời, mà còn tàn ngược với dân, nói dối vua để mắc vào tội nói dối Trời ư ? Từ nay về sau, phàm làm các việc, cốt phải giữ phép làm quan, giữ công đạo, phải sáng suốt, phải tín thực, không hổ thẹn trong lòng, trong ngoài cùng gìn giữ, trước sau không biến đổi, thưởng phạt không thiên tư, công việc xong xuôi, trên thì mình trẫm sức lực may được thư, dưới thì nhân dân được nhờ phúc nhiều, rất là mong ở các bề tôi.

Mùa thu năm nay, tỉnh Quảng Ngãi lúa ruộng được mùa, còn các địa phương khác, gián hoặc có tổn hại, thì thuế lệ đều chiểu hạng tha, giảm có thứ bậc.

Tháng 11, định lại lệ tú tài sát hạch bổ dụng. Lệ cũ, mỗi năm cứ đến 2 tháng quý hạ và quý đông, sát hạch 2 lần, rất là quá nhiều, mà số dự hạng cũng không bổ hết được. Nay chước định cứ 2 năm vào tháng quý hạ sát hạch một lần, các tú tài đi hạch, trừ người dự hạng đều chiểu lệ bổ ra, người dự hạng mà tuổi 50 trở xuống thì chiểu lệ ký bổ, còn thì tuổi đến 50 trở lên, sức vóc đã suy, mà đem án bổ vào các nha làm việc, sai phái đã khó đắc lực, lại thêm ngồi làm vì cho thừa, thì cho ở quê hương để đợi khoa, sau có tình nguyện lại cho hạch lại một lần, không dự hạng thì thôi, người tuổi 50 trở xuống nên bổ, mà tình nguyện ở nhà để đợi khoa lại hạch, cũng cho.

Bắt đầu đặt nha môn Hải phòng ở cửa biển Thuận An. (Nguyên trước, chức hải phòng sứ chuyên lấy quan văn, quan võ kiêm, đến nay mới đặt các viên phòng luyện, tham biện và chủ sự, tư vụ, bát phẩm mỗi chức 1 người, cửu phẩm 2 người, vị nhập lưu thư lại 6 người).

Chân thành Hải Thành (ở cửa biển Thuận An) bị sóng biển khoét vào, sai bộ Lễ và các viên tham biện Hải phòng sửa lễ kính cẩn cầu đảo.

Trước tàu Mẫn Thoả bị đắm vỡ ra, đã chuẩn cho đem những viên nhân tàu ấy giao cho bộ Công xét nghĩ xử tội và bắt đền, đến nay bộ xét làm bản in dâng lên từ Quản đốc Hồ Văn Long và các người quản suất đều phải tội và phải đền có thứ bậc. Vua bảo rằng : Tàu ấy thiệt hại, hư hỏng, lại nhân tiết mùa đông cho tàu chạy gượng trái phép, do Văn Long không biết, không ví như 2 chiếc tàu Lợi Tế, Đằng Huy (việc thấy ở tháng 11 và ngày tháng 7 năm thứ 29 [1876] chạy nhầm đường, mà lần này tàu ấy bị đắm, chết đuối đến 36 người, tình cũng đáng thương, chuẩn cho gia ân đều tha cho tội và phải đền, người còn sống thì vẫn theo như cũ, người chết thì chiểu danh cấp cho tiền tuất, để tỏ ra khoan hậu.

Truy thụ Hoàng Tạo làm Thị giảng Học sĩ (nguyên Thị giảng lĩnh Án sát Cao Bằng) và truy phục Trần Văn Mỹ làm Trước tác (nguyên Trước tác bang biện ở Thái Nguyên bị cách lưu). Trước Tạo ở tỉnh Cao Bằng khinh thường nghe bọn Trình Âu, Lộc Tuyến, để cho giặc thông nhau đánh úp tỉnh thành. Đến khi bị bắt, chửi giặc, bị giặc đâm chết ; Mỹ coi đem binh tượng đến phủ Thông Hoá (thuộc Thái Nguyên) đóng để đánh, giặc vây đánh hàng tuần, không giữ được, bị bắt, không chịu khuất, tự sát. (Việc ở năm Tự Đức thứ 23 [1870]) đến nay đình nghị, các viên ấy cái tội khi còn sống cố nhiên không thể từ chối được, nhưng đều biết gặp nạn bỏ mình, không để cho giặc làm nhơ nhục, không ví như các người bị mất thân, xin gia ân nêu khen, để khuyến khích người chết vì tiết nghĩa, mà khuyên người sau. Vua bảo rằng : Nghị như thế, người chết vì tiết nghĩa mà có công thì sẽ thế nào, nhưng tạm hãy hậu đãi.

Sức lại cho các nha trong Kinh, tỉnh ngoài, phàm việc nên tâu, nên tư và những giấy tờ tiếp nhận, đều phải tuỳ việc hoãn, việc cấp hết sức nghĩ làm. Bấy giờ các tỉnh, gián hoặc có việc nên tâu mà lại tư (như tỉnh Hà Nội bắt được kẻ phạm tội nặng không đem tâu lên, chỉ tư bộ Hình) 6 bộ tiếp được giấy tờ, cũng có việc bỏ qua đi, không làm phiếu dâng lên ngay (như bộ Hình tiếp công văn của Lưỡng Quảng, bộ Binh tiếp tập tâu của tỉnh Sơn Tây nói quản suất phần nhiều khuyết, đều không làm phiếu tâu ngay), vua lo rằng hoặc có giấu che để đến lỡ việc, cho nên mới sức lại.

Quan tỉnh Hà Nội xin cho người buôn nước Thanh lĩnh trưng các hạng thuế (như muối trắng, cau khô, tơ sống, the, là, lụa đã truội).

Vua bảo rằng : Phàm các hoá vật, qua cửa quan đã đánh thuế, ra cửa biển lại đánh thuế, nay lại cho trưng không có định sở, mượn phép Nhà nước để bóc lột dân ta mà béo cho người khác, chẳng phải là làm cho hết nước đi mà tìm cá ư, việc ấy nên đình, duy hoá vật nào quả là lậu thuế, lại đánh thuế có định sở, người buôn giảo quyệt không được làm hại dân, mới được.

Thực lục Chính biên về Hiến tổ Chương hoàng đế đã làm xong (là kỷ thứ 3), chuẩn cho chọn ngày tốt, giao cho khắc bản in, quan ở Sử quán đều thưởng khen có cấp bậc.

Đình lệ biền binh tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An và các tỉnh ở Bắc Kỳ về Kinh diễn tập. (Lệ cũ, về Kinh thao diễn thì : Các tỉnh Thanh Hoá, Sơn Tây, Ninh Bình làm ban thứ 1, các tỉnh Nghệ An, Bắc Ninh, Hải Dương làm ban thứ 2, các tỉnh Hưng Yên, Hà Nội, Nam Định làm ban thứ 3, hằng năm trước sau ngày mồng 1 tháng 2, đều chiểu ban thứ, mỗi tỉnh phái một vệ, cơ về Kinh thao diễn để cho quen luật quân, đó là khi trước việc ít, cho nên đặt ra nghị ấy. Gần đây, những biền binh ở 2 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An và các tỉnh Bắc Kỳ, sai phái nhiều ngả, thường thường hoãn miễn cho, đến mùa xuân sang năm chính gặp kỳ thao diễn ban thứ 2, nay chuẩn cho đều tạm đình, đợi khi ít việc, chiểu lệ cũ thi hành).

Cho lĩnh Bố chính tỉnh Cao Bằng (Quang lộc Tự khanh) là Nguyễn Đình Nhuận, thăng thụ Tả thị lang bộ Lại, hộ lý Tuần phủ Lạng - Bằng (Tuần phủ trước là Lương Tú Thứ bị ốm nghỉ giả hạn).

Tháng 12, sai tư cho các tỉnh trong Nam, ngoài Bắc hỏi tìm những sách còn lại của đế vương các đời ở nước ta (Tập thơ *Đại hương hải ấn* của Trần Nhân Tông sau khi đi tu soạn ra ; 2 quyển *Thuỷ vân tuỳ bút* do Anh tông soạn ; 2 quyển *Văn minh cổ suý* do Lê Thánh Tông soạn), trước Tổng đốc Hải - Yên Phạm Phú Thứ đã phụng mệnh tìm để mua chưa được, mới sai thông tư các tỉnh Nam - Bắc Kỳ, xét kỹ để tìm mua, người nào hễ có thì sức nộp, nếu không muốn nộp, do tỉnh mượn bản chính sao mà đệ lên.

Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh là Đoàn Văn Hội xin cho người khách trú ngụ là Trần Tường Phúc lĩnh trưng thuế muối ở cửa biển Luật[1] và cửa biển Nhượng[2] (đồng niên tiền thuế hơn 2.661 quan). Vua y cho.

Nguyên Bố chính Nam Định Phan Minh Huy, Án sát Tôn Thất Thận vì có việc đều phải tội. Trước Hộ đốc tỉnh ấy là Nguyễn Trọng Hợp đem tâu hặc 2 viên ấy các khoản tình tệ (Minh Huy bị một khoản phái binh xuống làng dân, một khoản cho đơn gây nên án mạng, một khoản làm nhà riêng phái quân canh giữ, một khoản

(1) *Luật tấn* : cửa biển Luật ở huyện Thiên Lộc.
(2) *Nhượng tấn* : cửa biển Nhượng ở huyện Cẩm Xuyên.

nhận bạc hối lộ của Thị Yên. Thận bị một khoản phái quân xuống làng dân, một khoản vì việc riêng xuống thăm mộ người đàn bà goá là Thị Đông), chuẩn cho đều phải giải chức, giao Bố chính, Án sát mới (Đồng Sĩ Vịnh, Nguyễn Duy Kế) hội đồng với Khâm phái Trần Đình Liêm xét nghĩ. Đến nay án đệ lên, Minh Huy phải phạt trượng hết bậc và tội đồ (theo khoản nặng nhận của đút lót), Thận phải cách chức, cho lui về nhàn tản (theo khoản nặng đi thăm mộ thiếu hạnh kiểm).

Định lại lệ người coi giữ kho tự lấy trộm tính tang xử tội. (Các người coi giữ kho, nếu có phát xuất ra việc tự lấy trộm tiền, gạo và đồ vật ở trong kho, phải tính tang xử tội. Tính tang thành tiền 1.000 quan trở xuống, trừ tội đồ và phạt trượng ra, còn tội lưu xử phải thực lưu, tội trảm xử phải giam hậu, đều không được chuẩn cho tội đồ, nhưng đều hạn cho 1 năm truy cho đủ, tội xử tử giảm đi 2 bậc, xử đồ 3 năm, tội lưu trở xuống được tha tội, đền không xong, chiểu án thi hành. Tính tang thành tiền 1.000 quan trở lên đến 3.000 quan, xử phải chém ngay (trở xuống) cho hạn 2 năm ; 3.000 quan trở lên đến 5.000 quan và ngoài 5.000 quan, cho hạn 3 năm, trong các hạn ấy mà đền xong, lượng cho giảm xử tội lưu, nếu đền không xong, lập tức chém ngay. (Chỉ nói xét xử kể tang, không phân biệt đã lâu hay là mới).

Định lại lệ các nha xét hỏi việc hình xét xử buộc tội nhầm, tha tội nhầm và quan xét lại đáng thưởng hay nên phạt. (Đình thần bàn xin chuẩn cho từ sau phàm các nha xét hỏi việc hình, không cứ tội nặng hay nhẹ, trong khi lấy cung định án, phải nên 10 phần công bằng cẩn thận, nếu đã làm án đệ lên, mà nha khác trích phát ra được việc thực, nếu hễ quan xét hỏi trước cố ý cởi, buộc, thêm bớt, phải chiểu luật nghĩ xử, (trong luật chép, phàm quan tư cố ý xuất nhập nhận tội, toàn xuất hay toàn nhập thì theo toàn tội xử tội, nếu tội nhẹ thêm lên làm nặng, tội nặng giảm xuống làm nhẹ, thì theo luật tăng giảm xử tội, xử đến tội chết thì cũng phải tội chết) còn hoặc nhầm mà buộc tội nhầm thì giảm xuống 2 bậc (nguyên trước luật giảm xuống 3 bậc), tha tội nhầm thì giảm 3 bậc (nguyên trước luật giảm 5 bậc). Duy có việc quan hệ đến xét định tội danh, không phải lại dịch được chuyên, nên chiểu lệ lấy trưởng quan làm đầu (năm Minh Mệnh thứ 13 [1833] nghị định : Phàm phân tích phải trái, nghị luận nên chăng, việc ấy do ở trưởng quan, lấy trưởng quan làm đầu ; việc kê cứu xem xét do ở lại dịch, lấy lại dịch làm đầu) còn thì theo thứ bậc mà giảm dần. Còn như quan xét lại, nên thưởng hay nên phạt, chiểu tội quan xét xử trước phải chịu làm thứ bậc (như quan xét hỏi trước bị giáng 1 cấp thì quan xét lại mà trích ra được thăng 1 trật, nhưng thưởng đến 4 trật là cùng, nếu không trích phát ra được, sau bị người khác kêu kiện phát ra, thì quan xét lại phải xử phân kém quan xét hỏi trước 1 bậc).

Cho Thị lang bộ Lại Trần Nhượng, đổi bổ Hàn lâm viện Trực học sĩ, sung chức dạy học ở Dục Đức đường. Nhượng từ rằng : Chức giáo đạo là để dạy bảo hoàng tử,

tất phải là người lão thành, phẩm hạnh văn học, mới mong không phụ, tôi tài thức học hạnh thực kém người nhiều, nay sung chọn vào chức ấy, sợ đến khi dẫn bảo ngăn ngừa không chắc nghe theo, rất sợ là ngồi làm vì mà phụ với trách nhiệm. Vua bảo rằng : Ngươi cố gắng đi, học không đủ thì giúp bằng cách lấy lời nói mà dạy không bằng lấy thân mà dạy, việc không cứ việc trong việc ngoài, thấy có lỗi thì phải sửa, cùng với Sư bảo là Lê Bá Thận lấy đạo chính làm tiêu biểu, thầy nghiêm rồi sau đạo tôn, khiến cho đức hạnh học vấn theo đạo chính cả, ngày thêm thuần hậu hiếu kính, mới xứng với mệnh lệnh công cử chọn bổ, nếu quá lắm, thì đem việc tâu lên, đừng để cho phóng đãng.

Người nhà của sứ nước Pháp đâm chết người làm thuê tên là Đá (người xã Hoà Đa, huyện Hương Trà), viên sứ ấy lấy 200 đồng bạc đền cho.

Hiệp trấn trấn Long Môn nước Thanh là Ngô Địch Văn, uỷ viên Đô phủ Mãn Tuấn, đi thuyền ra biển, bị gió giạt vào phận cửa biển tỉnh Quảng Bình, sai quan tỉnh liệu cấp bạc lạng và tiền, gạo phái người đưa giúp về.

Tàu buôn Sĩ Điện của nước Pháp bị đắm ở phận sông tỉnh Hà Nội, quan tỉnh phái đi cứu hộ. Việc ấy tâu lên, quan ở viện cho là tàu ấy vào sông, bướng không chịu nộp thuế, từ nay về sau, nếu có chìm đắm, xin đình việc phái người đi cứu. Vua bảo rằng : Nghĩ như thế hình như có trở ngại với hoà ước, hoà ước tuy chuyên chỉ đường biển phàm tàu của nước Tây có gặp nguy hiểm đều phải cứu giúp, nếu nói như thế sợ họ chấp trách, tưởng không gì bằng phàm có bị nạn thì cứu cho, cốt được rõ ràng, không cứu được thì thôi, mới là hết lòng nhân nghĩa và nghĩ cho ổn thoả, lục sức cho tuân hành. Quan ở viện tâu trả lời, xin từ nay phàm tàu nước Tây vào sông, nếu có bị đắm hay vỡ, phải quan hay người buôn nước ấy xin cứu rõ ràng, tức do quan sở tại phái người đi cứu, nếu vì gió bão hay nước lụt, thế cứu viện được, hoặc tàu đã vỡ tan, cứu cũng không kịp và không xin cứu thì thôi, không được trách nói, để cho có hạn định, nhưng do quan tỉnh ấy đem tình hình ấy báo cho viện lãnh sự nước ấy biết. Vua y lời ấy, sai lục sức giao 2 tỉnh Hà, Hải chuyển sức cho các tỉnh có đường sông thường phải đi qua theo thế mà làm.

Tỉnh Bắc Ninh có bệnh dịch (3 tổng Phụng Công, Hoà Bình, Đa Ngưu, huyện Văn Giang chết vì bệnh dịch rất nhiều) sai quan tỉnh cầu đảo, chữa thuốc và cấp tuất.

Tổng đốc Hải - Yên là Phạm Phú Thứ dâng sớ xin dời lỵ sở các phủ huyện làm ở nơi khác (lỵ sở phủ Ninh Giang nguyên trước ở xã Thanh Xuyên, nay dời đến xã Bất Bế ; phủ lỵ phủ Kiến Thuỵ nguyên trước ở xã Xuân La, nay dời đến 2 xã Nghiệp Hương, Phương Đường chỗ giáp cận ; huyện lỵ Tứ Kỳ trước ở xã La Tỉnh, nay dời đến xã Mặc Xá ; huyện lỵ An Dương nguyên trước ở xã An Khê, nay dời đến xã Hàng Kênh) những nhân công, vật liệu cần dùng, đều do dân trong hạt tự biện, hoặc khuyên dân quyên giúp, để đỡ phải cấp của công. Vua y cho.

Hỏi tìm người có thể làm được chức quan lại ở biên giới, lại đều cho tự tiến mình lên. Dụ rằng : Biên giới ở Bắc Kỳ, là việc lo rất lâu, trẫm từ trước đến nay, ngày đêm nghĩ kế cho dân sinh được giữ yên lâu dài, chưa được hả chút nào, các quan trong Kinh, tỉnh ngoài, há chưa biết hết, người quân tử cần giúp lúc nạn cấp, nhường lúc bằng phẳng, đợi công cử không bằng tự tiến mình lên là càng hăng hái, nay chuẩn cho trong Kinh, tỉnh ngoài không cứ là văn hay võ, hiện ở lỵ sở mình hay lỵ sở khác, từ tòng nhị phẩm trở xuống đến tứ, ngũ phẩm, người nào tự liệu là vốn quen việc ở biên giới, thực có tài lược, có thể đương được chức tuần tuyên kinh lý ở tỉnh Tuyên, tỉnh Thái, cho được tự tâu bày, đợi Chỉ chọn bổ. Nếu có thể đương nổi, đến đó cùng với Thống đốc Hoàng Tá Viêm, bày hết mưu kế, trù tính kỹ hơn làm thế nào khiến cho giặc cướp im hơi, nhân dân sum họp, biên giới yên tĩnh lâu dài, tuy có tốn bao nhiêu của, cũng tất chuẩn cho chi của công ra, nhưng phải lấy kỳ hạn báo việc làm, cốt phải theo như lời nói, tất được khen thưởng cất nhắc lên, nên hưởng ứng ngay, để yên lòng trẫm.

Định lại lệ gặp năm có tiết đại khánh hay thường khánh, tha miễn cho quan viên bị giáng cấp hay phạt bổng (nguyên lệ cũ, quan viên can phải tội công giáng cấp phạt bổng, mỗi khi gặp năm có tiết đại khánh hay thường khánh, đều do 3 bộ Lại, Hộ, Binh làm danh sách, chiểu lệ chuẩn cho khai phục, cải giáng, khoan tha có thứ bậc (giáng 1 - 2 cấp được khai phục hết, giáng 3 - 4 cấp đổi làm giáng 1 cấp, giáng 5 - 6 cấp, giáng 9 - 10 cấp đổi làm giáng 4 cấp, đều được lưu dụng, còn đến 10 cấp trở lên, thì cho 2 bộ Lại, Binh đem ra tâu lên, đợi Chỉ lượng cho thực giáng thực cách), thế mà năm gần đây quan có trách nhiệm xét nhiều, lâu năm mới làm danh sách, hoặc đã khấu trừ nên miễn, hoặc có lỗi phải phạt không, không đủ để khuyên răn ; đến nay chước định những năm có tiết thường khánh, quan viên can phải giáng phạt, trừ người nào có kỳ cấp có thể trừ được chiểu lệ thi hành ra, còn những người phải phạt bổng bao nhiêu năm tháng thì phải thực phạt ngay, đình việc làm danh sách tâu lên, người phải giáng cấp, chuẩn cho chiểu danh tâu lên, nhưng chiểu lệ trước đổi định lại, các người can tội công phải giáng lưu, giáng 1 cấp chuẩn cho khai phục ; giáng 2 - 3 cấp đổi làm giáng 1 cấp ; giáng 4 - 5 cấp đổi làm giáng 2 cấp ; giáng 6 - 7 cấp đổi giáng 3 cấp ; giáng 8 - 9 cấp đổi giáng 4 cấp ; 10 cấp trở lên đổi làm giáng 5 cấp cho có khác với năm có tiết đại khánh, người nào hiện trật chiểu với cấp bị giáng đã vừa phải, cùng với trật không ngang nhau, đến khi đó do 2 bộ Lại, Binh đem tâu lên đợi Chỉ, còn như năm đại khánh, thì giáng phạt, chuẩn cho theo như cũ mà làm, định làm lệnh).

Chuẩn định quan Kinh không được cử chức kinh huyện và phủ huyện quê hương mình, duy công cử thì được.

Năm ấy, các hạng thuyền ở Kinh và tỉnh ngoài đi tuần tiễu và chở hàng, tất cả 345 chiếc, bị lỡ việc, (vì gặp gió và giặc) mất 30 chiếc, còn thì đều về được thanh thoả.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LIX*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Mậu Dần, Tự Đức năm thứ 31 [1878], (Thanh, Quang Tự năm thứ 4), **mùa xuân, tháng giêng,** ngày mồng 1, vua nghĩ năm nay chính gặp tiết ngũ tuần đại khánh, đem hoàng thân, hoàng tử, văn võ bách quan kính đến cung Gia Thọ[1] làm lễ khánh hạ, lễ xong, ngự điện Cần Chính nhận lễ mừng, làm lễ tung hô, lễ xong, tuyên bố ân chiếu ngũ tuần đại khánh xuân thủ đàm ân của vua làm ở cửa Ngọ Môn, ban bố cho trong Kinh và các tỉnh ngoài ; Chiếu rằng :

Năm phúc thọ là một, tuổi ngải tuần[2] năm chục vừa hay, bốn mùa xuân ở đầu, hội thể nguyên 4 phương trông ngóng. Việc đã qua không thể nói, âm dương thêm bớt cùng nhau, rồi đây còn có thể theo, sau trước không ngớt lo nghĩ, điềm áo xanh[3] báo trước, há tự cầu nhiều phúc mà nên, gương kim giám trình bày, chỉ sợ trái lòng dân mới thế. Trẫm, sức cũng như con muỗi, trí không bằng con sâu, mỡ vì sáng mà đốt lên, quế có mọt mà không biết. Than lửa cháy không ngăn được, vạ lây đến cá dưới ao sâu ; nỡ đào ngòi không đề phòng, khó yên chim nhạn trong chằm nước. Nắng mưa chưa được thuận đều do không sáng mắt, sáng tai ; chân tay khó nhọc hoài, không mong gì được giàu, được mạnh. Mặt dày đã chán, đức bạc rất nhiều. Đương lo sửa điều lỗi còn chưa xong, đâu dám nhận phúc lành mà xa xỉ. Huống chi

---

(1) *Cung Gia Thọ* : cung của mẹ Dực Tông.

(2) *Ngải tuần* : ngải là 50 tuổi.

(3) *Áo xanh* : có việc gì hay thì có con chim xanh bay đến báo điềm trước, gọi là thanh y sứ giả.

nhiều bệnh thuốc chưa khỏi được, thực là không thường mệnh dễ biết đâu. Nay lấy tuổi thơ, sớm lên ngôi báu. Nên tính năm đã dài đến ba chục, mà sự công rất thẹn với người xưa. Nhưng nghĩ : liễu chưa rụng ngay, qua rét dữ há không may mắn, quả chưa ăn đến, nhờ phúc lành đâu được lặng yên. Ban phúc lành giữ nước nhà, thường mong cho lấy lại đất cũ ; chịu phúc lớn ở Vương mẫu[1], sớm hôm được thoả dạ hầu vui. Mới nhặt lời mọi người, châm chước cả phép trước. Tuỳ sức làm được, thà tiết kiệm mà được thích nghi ; ra ơn rất thành, muốn cho đều mà không lo ít. Người thôn quê có chút lòng thực, tuy lễ mọn cũng không hề chi, Phong nhân chúc[2] nói chi nhiều lời, sự lo nhục tránh sao cho khỏi. Đối thời nuôi vật, đặc ân trước ban ; giáng phúc khắp nơi, cùng vui chung cả, có các điều ban ơn kê ra sau này tất cả 17 điều : Thân phiên hoàng thân công, hoàng tử và quan viên văn lục phẩm, võ ngũ phẩm trở lên, đều ban tiệc yến một lần và gia thưởng đồng tiền bằng vàng, bạc có thứ bậc.

- Các quân thứ Tam Tuyên và Ninh - Thái, từ thống đốc cho đến binh dõng theo sai phái làm việc, chuẩn cho theo Dụ đều ban yến lạo một lần, lại đều gia thưởng tiền, đĩnh bằng vàng, bạc có thứ bậc.

- Các đàn Xã Tắc, đàn Sơn Xuyên, miếu lịch đại đế vương, Văn miếu, Võ miếu, miếu Đô thành hoàng, các đền Hiền lương, Trung nghĩa và các thần kỳ chép ở tự điển ở Kinh và tỉnh ngoài đều đến tế một tuần.

- Lăng tẩm đế vương các đời do quan địa phương khám xét, như có nơi nào khuyết hoại, thuê dân sửa sang hoàn bị, nghiêm cấm kiếm củi, chăn trâu, không được xâm phạm đến.

- Thần kỳ cả nước đã được dự phong tặng thì liệu cho phong tặng.

- Quan viên lớn nhỏ ở Kinh và tỉnh ngoài gián hoặc có nhân việc công nhầm lẫn, đã phải phạt bổng, giáng cấp, cách lưu, cho quan có trách nhiệm làm danh sách tâu xin giảm tha.

- Các tiền thuế thân, tiền đầu lõi, tiền dao dịch ở các địa phương về năm nay tạm hoãn cho 5 phần 10.

- Các hạng biền binh chính ngạch ứng điểm ở Kinh chuẩn cho chiểu thực số, đều thưởng 1 quan 4 tiền ; ngoài ra các hạng biền binh tạp ngạch theo lệ không phải ứng điểm, đều thưởng cho 8 tiền.

- Các trạm ở Kinh và tỉnh ngoài theo Dụ, chuẩn cho chiểu tuỳ nơi nhiều việc, ít việc, đều gia thưởng có thứ bậc.

---

(1) *Vương mẫu* : danh hiệu một bà tiên, đây thì chỉ vào mẹ Tự Đức.

(2) *Phong nhân* : một chức quan về đời Đường Nghiêu chúc vua Nghiêu sống lâu, giàu và nhiều con trai.

- Những người có tài giỏi phẩm hạnh tốt ẩn dật ở nơi sơn lâm ở các địa phương, chuẩn cho quan các địa phương ấy xét thực, tâu lên, đợi Chỉ lục dụng.

- Ở Kinh và tỉnh ngoài nếu có người vẫn giảng binh thư, dũng cảm biết phương lược, hoặc bắn giỏi, võ nghệ thuộc, hoặc tài lực hơn người, mang nặng đi được xa hoặc quen chế các thứ súng đạn, không cứ là đã ghi tên vào sổ quân, sổ dân hay chưa, cho do thượng ty các tỉnh ấy sát hạch, tống giao bộ Binh xét lại, đề tâu lên để đợi Chỉ lục dụng, có người tình nguyện ở lại để thi võ cử, cũng chuẩn cho thượng ty xét thực, cho vào thi.

- Chuẩn cho lấy năm nay là năm Mậu Dần làm ân khoa thi Hương, sang năm là năm Kỷ Mão làm ân khoa thi Hội (văn, võ cũng thế).

- Từ cuối tháng 12 năm Tự Đức thứ 30 [1877] trở về trước, có ai bị lỗi phải cách bãi, quan viên văn võ từ tứ phẩm trở lên, không cứ là xuất thân gì võ từ ngũ phẩm đến thất phẩm, gián hoặc có văn xuất thân do tiến sĩ, phó bảng, cử nhân võ do tiến sĩ, phó bảng võ và võ cử, trừ có thực trạng tham tang, cùng tuổi 65 trở lên và chưa đến tuổi ấy mà suy yếu, không phải bàn đến không kể, còn thì chuẩn cho 2 bộ Lại, Binh phân hạng làm thành danh sách, tâu lên đợi Chỉ, lượng cho lục dụng.

- Phủ, châu, huyện có người chăm nghề gốc, chăm việc làm ruộng, mà tô thuế thường đủ, lại thích làm việc nghĩa giúp dân nghèo, chuẩn cho quan địa phương xét thực tâu lên đợi Chỉ khen thưởng.

- Từ cuối tháng 12 năm Tự Đức thứ 30 trở về trước, những tạp phạm và tử tội đã kết án, mà tình có đáng tha thì chuẩn cho bộ Hình làm danh sách kê rõ tội danh, đợi Chỉ lượng cho giảm đẳng.

- Các hạng tù phạm phát lưu sung quân, làm lính, làm đứa ở, trừ những kẻ can tội trộm cướp làm giặc, gian ô, còn thì đều cho bộ Hình làm danh sách kê họ, tên, quê quán, sự trạng và phát phối ở địa phương nào, đợi Chỉ định đoạt.

- Những người quan, quả, cô độc ở sở Dưỡng tế, quan có trách nhiệm nên lưu tâm nuôi nấng cho đủ, chớ để cho mất nơi nương nhờ và gia cấp cho 1 lần, mỗi đàn ông, đàn bà đều 1 quan tiền.

Than ôi ! Một thuyền cùng giúp, lâu cùng quên trong khoảng đất chở trời che ; cả nhà vui vầy, tất không để chen lẫn kẻ vui người tủi, phúc ban ra khắp, nguyên không phải một mình trẫm làm thiện để hay riêng, theo đạo bình yên, thực mong cho trăm họ ngươi nhờ phúc mãi không chán, bá cáo khắp cả cho đều biết nghe.

Tháng chạp năm ngoái mưa rét, đến ngày mồng 1 đầu năm ấy, tạnh sáng, gió hoà, Mặt Trời tỏ. Vua cho là đáng mừng, làm 1 bài thơ (thơ 7 chữ và bài tự) thuật

đủ ý cầu 3 việc : (1 - Cầu cho 6 tỉnh chóng lấy lại. 2 - Cầu cho mắt thái hậu sáng thêm ra, Thái hậu tuổi thọ dài lâu. 3 - Cầu được điềm lành như thơ Lân chỉ[1] và phúc cho muôn dân, ban cho các quan văn để họa ; lại làm 1 bài thơ cổ phong, cũng thuật các ý lâu nay bệnh hoạn khó giải, có chịu cố gắng làm việc để trừ tệ, cũng đủ vui hơn là dâng chén rượu chúc thọ tung hô muôn tuổi, bảo cả ấn quan ban văn.

Khoản đãi tặng quan quân của thống lĩnh nước Thanh là Triệu Ốc, tỏ ý kỷ niệm năm có vui mừng và yên ủi lòng người xa (nguyên Thống lĩnh quân Tả hữu giang tỉnh Quảng Tây nước Thanh cai quản 4 dinh đóng ở 2 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn để đàn áp, tháng chạp năm ngoái chuẩn cho quan tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng sắm sẵn phẩm vật, đến tết Nguyên đán năm có lễ đại khánh này để khoản tặng, cho có hậu hơn năm thường). Tướng nước Pháp đóng ở tỉnh Gia Định và Khâm sứ sứ quán đóng ở Kinh cùng các người lãnh sự, thống nhiếp 3 sở Thương chính, cũng đều sai đưa phẩm vật khoản tặng.

Chuẩn cho các hoàng thân được tấn phong, truy tặng, truy phục, khởi phục[2], tặng bổng, tất cả 12 người (tấn phong Thọ Xuân quận vương Miên Định làm Thọ Xuân vương ; Tuy Lý công Miên Trinh làm Tuy Lý quận vương ; Tùng Hoá quận công Miên Ninh làm Tuân quốc công ; Thái quốc công Hồng Phó làm Thái Thịnh công ; Hoằng Trị quận công Hồng Tố làm Nghi quốc công ; Thiệu Phong quận công Miên Thoán làm Quỳnh quốc công ; Cẩm Xuyên quận công Miên Ký làm Cẩm quốc công ; Văn Lãng quận công Hồng Dật làm Lãng quốc công. Truy tặng Tùng Thiện Miên Thẩm làm Tùng Thiện quận vương ; nguyên Phú Bình công Miên Áo (trước bị cách đã truy phục tước quận công) được truy phục tước công ; nguyên Trấn Tĩnh quận công Miên Dần (trước giáng làm đình hầu) được khởi phục tước quận công ; Gia Hưng công Hồng Hưu mỗi năm được tặng tiền bổng 200 quan, gạo 50 phương). Ấn quan văn, võ trong Kinh và tỉnh ngoài được dự thăng cất lên, tất cả 27 người. (Thự Văn Minh điện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh Trần Tiễn Thành chuẩn cho thực thụ ; Hiệp biện Đại học sĩ sung Thống đốc đại thần Hoàng Tá Viêm thăng thự Đông các Đại học sĩ ; Tả quân Đô thống Lê Sĩ thăng thụ Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự ; thự Hiệp biện Đại học sĩ Lê Bá Thận chuẩn cho thực thụ ; Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Văn Tường thăng thụ Hiệp biện Đại học sĩ ; Tổng đốc Hải - Yên Phạm Phú Thứ thăng thự Hiệp biện Đại học sĩ ; lĩnh Thống chế Tôn Thất Thế thăng thự Đô thống ; Tổng đốc Bình - Phú Phạm Ý được gia hàm

(1) Thơ Lân chỉ ở *Kinh Thi*, nghĩa là chân con lân nó nhân hậu, mượn để ví với nhà phúc đức thì nhiều con cháu.

(2) *Tấn phong* là phong lên tước cao hơn ; *truy tặng* là tặng cho người đã chết ; *truy phục* là trước bị cách, mà phục hồi cho người đã chết ; *khởi phục* là phục chức tước cho người bị giáng.

Hiệp biện Đại học sĩ ; thự Tổng đốc An - Tĩnh Nguyễn Chính, lĩnh Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên Vũ Trọng Bình đều chuẩn cho thực thụ ; thự Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Định - Yên Nguyễn Trọng Hợp thực thụ Tuần phủ vẫn hộ lý ; thự Hữu tham tri bộ Hộ Đỗ Đệ, thự Tả tham tri bộ Hình Lê Đình Tuấn, lĩnh Hữu tham tri bộ Lễ Nguyễn Văn Thuý chuẩn cho đều được thực thụ, tất cả 14 người. Còn tam, tứ phẩm ấn quan 13 người, cũng chuẩn cho thực thụ, thăng thụ, đổi bổ đi nơi khác có thứ bậc). Lại chuẩn cho những viên phải cách được khai phục 4 người (nguyên Thượng thư bộ Lại Nguyễn Tư Giản được khai phục Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ sung quản viện ; nguyên Tham tri bộ Binh Trần Văn Tuy được khai phục Hồng lô Tự khanh hộ lý Tuần phủ Quảng Yên (Tuần phủ trước là Hồ Trọng Đĩnh về Kinh đợi Chỉ) ; nguyên Thượng thư bộ Hình Trần Bình được khai phục Thị độc ; nguyên Thị giảng Học sĩ Tham biện các vụ Lê Đại được khai phục Biên tu) đều bảo cho ý xuân thủ đàm ân về năm có tiết đại khánh.

Đình việc duyệt binh đầu mùa xuân (2 năm trước duyệt liền, năm nay lại hiện phái đi làm việc nhiều, cho nên đình duyệt).

Bờ cát thành biển ở cửa biển Thuận An lở khuyết, sai làm đàn cầu đảo, bồi lấp thêm vào, lại sai phái quân cắm kè lấp bằng đổ đất đá, cốt cho bờ biển vững chắc.

Tuần phủ Hưng Hoá là Nguyễn Huy Kỷ tâu lên nói : Binh đinh nhiều lần đi bắt giặc bị chết trận, đã theo lệ cấp tuất rồi, còn những người chết trận mà không có vợ con, số tiền cấp tuất xin phát giao cho viên quản suất, làm chay và tế một tuần, cho thoả linh hồn ngấm ngầm. Vua y cho.

Toán giặc nước Thanh là bọn Ông Thất tràn sang huyện Nguyên Bình chiếm cứ quấy nhiễu, quan tỉnh Cao Bằng là bọn Nguyễn Đình Nhuận, Trần Quang Huấn đem binh dõng hội với quan nước Thanh đánh bắt, được thắng trận, (việc ở tháng 10 năm trước) đến nay thưởng cấp kỷ và ngân tiền có thứ bậc.

Sai Khoa đạo Tạ Ngọc Đường đến Bình Thuận dò xét tình tệ. Bấy giờ, quan ở viện Cơ mật và nha Thương bạc[1] tâu nói : Tỉnh Bình Thuận động đất 3 lần, tai biến há không duyên cớ, hoặc hình ngục oan lạm không giãi tỏ ra, hoặc dân tình u ẩn không thấu đến trên, hoặc tình nước láng giềng chưa được ổn thoả, hoặc kẻ lại ác nghiệt kết oán, xin chọn phái chức khoa đạo công bằng liêm chính đến ngay, chiểu các tình hình nói trên, dò xét mật cho kỹ càng và ngoài ra còn có mối tệ gì quan

(1) *Thương bạc* : khi bấy giờ, người Pháp đã ở trong Nam Kỳ có nhiều tàu thuyền đi lại, triều đình có đặt ra nha Thương bạc, có Thương bạc đại thần đứng đầu để giao thiệp với Pháp và trông nom các thuyền buôn đi lại.

ngại, đều phải tâu ngay. Mới chuẩn lấy Ngọc Đường sung phái, Ngọc Đường liền đem các việc nha Doanh điền và Thương cục làm hại dân tâu lên :

- Một khoản : Tòng bát phẩm nha Doanh điền là Lê Quang Phẩm bức bắt thôn Vĩnh Hảo nhượng giao cho 1 xứ thục điền và chiếm đoạt 2 xứ điền thổ của thôn ấy mới khai khẩn, lại trong hạn ruộng đất chiếm đoạt, phàm trâu ngựa của thôn ấy nhầm dẫm phải, lập tức bắt giam, lấy tiền lễ nhiều.

- Một khoản : Cửa biển Phan Thiết tỉnh ấy từ trước đến giờ, thuyền buôn các tỉnh phần nhiều chở dầu, đường, cau khô và các thứ tạp hoá đến đó buôn bán, nay thương cục thu mua hết, dân không được trông cậy.

- Một khoản : Vạn ở sông làm nghề đánh cá không kém 100 gia đình, chỉ nhờ có muối rẻ có thể muối cá được, nay muối đều do Thương cục thu mua hết, để đợi chở đi, dân không được mua, đánh được cá cũng là vô dụng, nên gần đây thuyền đánh cá đều để ở bờ cả. Lại Thương cục mua bán với dân, so với dân mua bán với nhau thì khác hẳn, nên thuyền buôn không đến, vật giá cao vọt lên, dân phần nhiều bỏ nghề nghiệp, oán chửi ầm lên, về phần Thương cục không như thế không được, về phần dân cũng không được không oán như thế, cũng là cái thế xui nên). Xin bãi hết nha Doanh điền và Thương cục, để thoả lòng dân, mà đem lại khí hoà của Trời. Quan tỉnh Bình Thuận cũng đem các việc những tệ của Nguyễn Chính Tâm ở Thương cục tâu lên hặc tội :

- Đem kho muối ở các cửa biển niêm phong hết lại, cấm dân mua bán, mà không cho giá, để đường sinh lý của dân không trông vào đâu.

- Số muối thu mua giữ lại được hơn 50.000 cân, rồi lại chuyển đi bán lấy lợi, cùng là thuyền chở hàng hoá đến thì giảm giá mua ăn hiếp, dân gánh muối đi thì bắt hết mà giam giữ, tiền vốn của công thì giấu số gốc mà mưu chiếm lợi tức, phần đi lính của dân giàu thì cho đầu mộ mà không cho điền thế, dân gian có câu rằng : Phủ đều oán trách vang trời, chỉ vì Thương cục tranh lời của dân).

Vua cho là Thương cục là do tỉnh ấy tâu lên hặc tội, chuyên do Ngọc Đường tra xét ; còn nha Doanh điền là do viên Khâm phái ấy dò xét ra, chuẩn cho hội đồng với Bố chính mới là Trần Lưu Huệ tra xét. (Sau việc án về nha Doanh điền nghĩ xong trước, chuẩn cho Lê Quang Phẩm phải phạt trượng, cách chức, ruộng đất chiếm đoạt, giao trả về cho xã dân trước, Điền nông sứ là Phan Trung, Doanh điền sứ là Đặng Văn Duy, quan tỉnh là Hồ Đặng Phong, Nguyễn Xuân Ôn đều bị giáng phạt có thứ bậc).

Cho Lãnh binh ở quân thứ Nghĩa - Định là Ngô Đắc Quang lĩnh Phó đề đốc ở quân thứ ấy (Phó đề đốc trước là Lê Thập bị ốm nên khuyết).

Hai huyện Đồng Xuân, Tuy Hoà ở tỉnh Phú Yên thiếu ăn, chuẩn cho phát thóc kho ở huyện ra cho dân vay.

Để thêm ruộng tịch điền ở các tỉnh (tỉnh Quảng Nam nguyên trước 3 mẫu tăng thêm 3 mẫu 3 sào ; tỉnh Phú Yên nguyên trước 3 mẫu tăng thêm 3 mẫu ; tỉnh Bình Thuận nguyên trước 3 mẫu tăng thêm 1 mẫu 8 sào ; tỉnh Hà Tĩnh nguyên trước 1 mẫu 7 sào, tăng thêm 3 mẫu 8 sào ; tỉnh Nghệ An nguyên trước 3 mẫu tăng thêm 7 mẫu 3 sào ; tỉnh Thanh Hoá nguyên trước 3 mẫu 3 sào, tăng thêm 36 mẫu 7 sào ; tỉnh Ninh Bình nguyên trước 3 mẫu 7 sào, tăng thêm 2 mẫu ; tỉnh Hà Nội nguyên trước 2 mẫu 1 sào, tăng thêm 4 mẫu 2 sào ; tỉnh Nam Định 1 mẫu 5 sào, tăng thêm 12 mẫu ; tỉnh Hải Dương trước 3 mẫu 3 sào, tăng thêm 9 sào ; tỉnh Sơn Tây trước 4 mẫu 2 sào và tỉnh Bắc Ninh trước 3 mẫu, đều tăng thêm 3 mẫu 1 sào ; tỉnh Hưng Hoá trước 3 mẫu, tăng thêm 2 mẫu ; tỉnh Tuyên Quang trước 3 mẫu, tăng thêm 3 mẫu ; tỉnh Hưng Yên trước 3 mẫu, tăng thêm 6 mẫu ; tỉnh Thái Nguyên trước 3 mẫu, tăng thêm 2 mẫu ; tỉnh Quảng Yên trước 3 mẫu, tăng thêm 4 sào ; đó là đều tuỳ theo cung vào việc tế tự trong 1 năm liệu số thóc thiếu nhiều hay ít mà thêm lên.

Gia lương bổng cho hoàng trưởng tử. Lại giáng Dụ dạy rằng : Hoàng tử Ưng Chân, tuổi đã trưởng thành, học cũng hơi tiến, chỉ có tính nết chưa được thuần hậu, sửa mình sửa nhà chưa được hợp đạo, huống chi còn ứng tiếp sự vật ư ? Cho nên trước đã tấn phong, rồi lại đình chỉ, vì muốn cho tiến đức tu nghiệp, mấy năm nay chọn kỹ các bậc sư nho giao cho chức trách phụ đạo, nhưng xét ra, cũng chưa được hả lòng. Kìa như ngoài mặt thì được, việc làm lại trái, sao bằng cẩn thận ở chỗ chỉ một mình biết mà tự xét ở trong lòng, đem lòng hiếu sắc để yêu người hiền, là cái gốc chính tâm, học của thánh hiền, lấy bỏ lòng riêng của mình mà đem lại lễ nghĩa làm đầu, nếu chỉ lấy văn từ và lời nói để chữa những điều trái, thì không bằng không học mà trọng thực hành, huống chi đương độ tuổi trẻ học hành như lửa vừa cháy, như nước suối vừa chảy, thì công phu theo đường chính, chọn điều hay, lại là thế nào ? Cho nên nói rằng làm mọi việc có thì giờ rỗi rãi thì dùng để học văn, cốt ở lòng lành, dạy cho điều nghĩa, há có lòng nào ? Ban phúc ra ơn, không chỗ xa nào là không đến, há có chỗ rất gần mà bỏ sót ư ? Duy chỉ không lo người ngoài không biết mình, chỉ lo là mình không làm được, thánh nhân còn nói cần đến đạo làm con mà chưa làm được, thế cũng là đạo cốt yếu ngăn lời gièm chê, không gì bằng tự tu. Nay ngươi, vợ con đã nhiều, sự chi dùng hằng ngày tất thiếu tuy chưa phong cũng thêm cho lương, cho bắt đầu từ năm nay, mỗi năm cấp cho đủ 800 quan tiền và 500 phương gạo để cho đủ dùng mà chăm học. Nhưng trẫm vốn không muốn đem sự giàu sang kiêu lười để làm đãng lòng ngươi, chỉ mong cho ngươi ngay lòng sửa mình, hiếu thuận hiền lành cẩn thận, nhớ 3 điều răn, bỏ 3 điều chẳng ngờ, trong bụng ngoài mặt như một, lời nói việc làm không sai, để thành đức của ngươi, không

phụ lòng trẫm mà thôi, đâu có mong ngươi phải cảm ơn, phải báo đáp, ngươi nên nghĩ và cố gắng lên.

Khai phục nguyên hàm Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ cho Phạm Văn Nghị. Vua bảo Văn Nghị học hạnh tiết nghĩa, làm mô phạm cho sĩ phu tỉnh Nam Định, trước vì việc thất thủ, cùng can tội phải cách, đã lâu rồi, cũng đủ để tỏ rõ pháp luật của nước, nay nghĩ đến chí trước và công lao cũ, lại dạy bảo được nhiều người hậu tiến có thể khiến được, mới chuẩn cho khai phục, bảo cho làm việc khánh điển, cũng ngụ ý nên tỏ người tốt.

Cấp súng đạn của nước Pháp đưa tặng cho tỉnh Hà Nội (100 khẩu) sai quan tỉnh bàn với phái viên nước Pháp hiện đóng ở sở Thương chính, nhân tiện dạy cho quân ta học tập để cho am hiểu.

Tỉnh Quảng Nam đã lâu ít mưa, Khâm phái là Khoa đạo Trần Văn Úc (năm trước phụng phái đến Quảng Nam tra xét cái việc thuyền Lợi Tải sang Hương Cảng công cán về, đùn đẩy lẫn nhau, sổ chi tiêu không làm xong) đem việc ấy tâu lên (nói hạt ấy từ hạ tuần tháng 12 năm ngoái đến tháng giêng mùa xuân năm nay, bị hạn khô, trừ 1 huyện Hà Đông, ruộng gần khe núi vẫn còn có ẩm ướt ra, còn các phủ, huyện khác, việc làm ruộng không tiện, huyện Hoà Vinh (đất nhiều cát trắng) là quá hơn, thường cầu đảo chưa linh ứng, xét ra dân gian tích trữ lợi ít, lại ruộng cao rất nhiều, không có ngòi lạch để lợi lấy nước, lại thêm gió bắc rét lạnh, hoa lợi lúa ruộng sắp đến cháy khô. Hiện nay, giá gạo cao vọt lên (mỗi phương trên dưới 7 quan), lương thực của dân có vẻ khốn khổ và nói tưởng những tình hình như thế, không khỏi có can phạm đến khí hoà nên mới thế, xin nên sắc xuống cho quan tỉnh hỏi xét việc hình ngục ở trong hạt có oan lạm không và binh dân nên phải giúp đỡ, để cầu lấy khí hoà.

Vua xem tờ tâu nói rằng : Nơi gần Kinh kỳ ấy hơn 10 năm nay lụt, hạn đến mãi, quan tỉnh tuy đã thay đổi luôn, cũng chưa thấy triệu được khí hoà và làm được lợi, trẫm thường phải để bụng nghĩ, mới xuống Dụ bắt quan tỉnh là bọn Chu Đình Kế và Sơn phòng sứ là Nguyễn Tạo (người thổ trước, dưới cũng thế), Học chính là Nguyễn Đình Cựu xét tính kỹ càng và dự nghĩ mưu kế hay giúp đỡ cứu hoang, cốt cho 10 phần được chu đáo, nếu không có công trạng gì tất phải can đến lại nghị. Tỉnh Quảng Ngãi trở vào Nam sau cũng báo ít mưa, mới sai tải gạo ở Bắc Kỳ đem chứa ở 2 tỉnh Quảng Nam và Bình Định mỗi tỉnh 50.000 phương để cho đủ chi cấp.

Đắp lại đê sông ở phủ Bình Giang thuộc tỉnh Hải Dương (một dải đê cũ từ phận xã Phần Lâm đến cửa sông Kênh Khương nhiều chỗ vỡ lở, hai bên lại gần bờ ao khó lấy đất ; cho nên đổi đắp lại, từ phận xã ấy, qua các xã An Đỗ, Ngọc Chuế và Vệ Dương, suốt đến cửa sông ấy, vì hai bên là bình điền, lấy đất hơi tiện).

Ba huyện (Tuy Viễn, Tuy Phúc và Phù Cát) thuộc tỉnh Bình Định có tai nạn lệ khí.

Các huyện ở thượng du tỉnh Sơn Tây ruộng phần nhiều bỏ hoang, quan tỉnh là Vũ Trọng Bình tâu xin phái người quyên tiền được thưởng hàm Quang lộc Tự khanh là Đỗ Quang Tuấn (nguyên là Tú tài đã sát hạch) bàn tính việc chiêu dân khẩn điền, chiểu theo lệ lương tòng tam phẩm chi cấp, đốc thúc cùng phủ huyện mộ dân khai khẩn để có chuyên trách, vua y cho. (Sau tâu 8 huyện : Tam Dương, Hợp Thạch, Thanh Hà, Hạ Hoà, Ngọc Quan, Hùng Quan, Sơn Dương, Phù Ninh đã vỡ thành ruộng hơn 50.000 mẫu, theo lệ mới chia đều thuế thu nộp).

Dời đắp đê mới tỉnh Hà Nội và làm mỏ kè. Dời đắp chỗ đê vỡ tiếp giáp huyện Kim Bảng và xã Mễ Tráng, huyện Thanh Liêm, thuộc phủ Lý Nhân một đoạn dài 3.000 trượng[1] lại vì nơi đóng kho chứa thóc ở thành phủ huyện ấy, cho nên làm 3 chỗ bỏ mỏ kè).

Tháng 2, trả lại bổng lệ trước cho hoàng thân (thân đài, thân công, quốc công, quận công, công chúa), nội đình (từ nhất giai đến tài nhân chưa vào giai) và các quan văn, võ trong Kinh và tỉnh ngoài (tam phẩm trở lên).

Vua bảo bộ Hộ rằng : Trước vì có việc, nghĩa phải nên giảm, nay số thu vào tuy chưa được thừa thãi, cũng hơi hơn trước, việc cũng hơi thư, nên năm thứ 14 [1861] xin giảm bớt lệ lương bổng trong Kinh và tỉnh ngoài, chuẩn cho đều trở lại như lệ cũ, bắt đầu từ năm nay (nguyên lệ cũ giảm đều chua ở năm ấy).

Chước giảm lệ gia cấp của vương công kiêm nhiếp chức tôn chính (lệ trước, các tước vương công nếu được sung kiêm nhiếp chức tôn chính thì mỗi năm cấp thêm 500 quan tiền, 300 phương gạo, đến nay vì gia cấp được hơn quá nhiều, đổi làm tiền 400 quan, gạo 200 phương).

Khoa đạo Lưu Khắc Nhất tâu lên nói cái tệ cử tri phiếm lạm (tờ tâu nói Hộ đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Tư cử Tôn Thất Thận có thể làm Án sát Tham biện các vụ ; Ngô Quý Đồng cử Đặng Đức Mại có thể làm Án sát, Tán lý, Tán tương, sau can là hèn kém, trước sau không giống nhau. Lại có Án sát Nguyễn Phát, khoa cử Viên ngoại lang Lê Ngọc Uẩn có thể làm Án sát, Biện lý, xét lý lịch không có thực trạng gì ; lại như cử phủ, huyện viên chỉ có thể làm được các chỗ nhiều việc vừa, còn cử làm được nơi rất phiền kịch chỉ có 1 sớ của Biện lý bộ Lại Nguyễn Hữu Độ cử Tú tài mộ dõng là Nguyễn Thuật. Kể thì người làm được chỗ phiền kịch đã khó có người, thì người tầm thường việc gì phải cử nhiều). Xin từ nay, trong Kinh từ chính

(1) 3.000 trượng : chỗ này e nhầm, có đâu dài đến như thế.

khanh, á khanh, tỉnh ngoài từ đốc phủ trở lên, chuẩn cho được cử riêng hoặc cả nha cả tỉnh công cử, còn thì các ấn quan không được cử riêng, còn như các phủ huyện ít việc vừa hay nhiều việc, đều đình việc cử người mình biết.

Vua cho là xin như thế cũng hẹp, chỉ đình những chỗ ít việc vừa thì được, mới giáng Dụ nghiêm sức cho trong Kinh, tỉnh ngoài theo như Dụ trước (tháng 11 năm Tự Đức thứ 23 [1870] chọn cử phải cho được người, nếu không có tài đặc biệt, tiết tháo hơn người, cũng phải thực có tài hạnh, làm được việc, có nhiều người khen mà làm và chỗ làm việc không vượt quá, mới được bầu cử, nhưng phải chỉ rõ thực trạng, có thể làm được chức gì, đứng tên cam kết mới được. Còn các người từ trước cử vào chỗ ít việc vừa mà chưa bổ hết thì chuẩn cho bỏ việc ấy đi ; nếu người nào viết chữ tốt và có một tài một nghề, như có thể lấy được, cũng chuẩn cho làm tờ tâu riêng, không được cử lẫn cùng vào một tập tâu, để cho có phân biệt.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu xin chấn chỉnh việc quân. (Lời tâu nói phép dùng quân của triều nước ta rất nghiêm, dạy nuôi đầy đủ, gần đây quân ở Kinh 1 vệ 10 đội, đã được cho giảm dồn làm 8 đội, lại không thường đủ, Thanh Hoá, Nghệ An và Bắc Kỳ tuy không có dồn bổ, nhưng hiện số cũng thiếu nhiều, một khi có gọi đến, dồn phái linh tinh, gặp khi có việc khó mong đắc lực, xin quân ở Kinh chọn tuyển đủ ngạch cũ và cơ, vệ các dinh trong Kinh và tỉnh ngoài sức điền cho sung số, không được phân theo lại hoãn, nhưng phải huấn luyện thêm, chiểu lệ chia ban, để được dạy nuôi có sẵn).

Vua cho là lời tâu hợp với việc đời bấy giờ, nên thi hành, mới giáng Dụ chuẩn cho quan có chức trách, thực lực sung điền, gia tâm chấn chỉnh, nếu có không đủ số, nên chiểu tỉnh nào số quân khuyết nhiều và sai phái không đắc lực, thì gia đẳng nghiêm nghị. (Chỉ có các hạt : Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, lương thực của dân chưa thư, lùi hạn lính tuyển thêm cho 3 tháng, sau lại nhân có việc, về quân ở Kinh 1 vệ 10 đội, cũng không quả được như trước).

Thu thuế còn thiếu cho các trại Man ở tỉnh Khánh Hoà (8 trại : Làng Lò, Kha Đóng, La Vạn, Lục Vân, Kha Sĩ, Kha Tuân, Chế Trang, Ba Tô, trước vì bệnh truyền nhiễm chết phải lưu tán đi tránh, để thiếu thuế sáp ong về năm 27 và 28 [1874 - 1875] hơn 4.105 cân).

Định lại lệ niên khoá thanh tra. (Lệ trước : phủ Nội vụ 3 năm, Vũ khố 4 năm, kho ở Kinh và kho các tỉnh 6 năm một lần, đến nay đình lại đều 3 năm một lần. Lại sở thuốc súng, quân Thuỷ sư 12 năm một lần, đổi làm 5 năm một lần, nhưng chia làm niên khoá để tiện sai phái (kho ở cửa Thọ Chỉ Nội vụ, Thương trường, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình, lấy các năm Dần, Thân, Tỵ, Hợi làm khoá, tháng giêng

bắt đầu thi hành (dưới cũng thế) ; Mộc thương, Vũ khố, Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây, Nam Định, Hưng Yên, Quảng Yên, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng, lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm khoá ; Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, lấy các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi làm khoá ; sở thuốc súng, sở Thuỷ sư (lấy năm Dần bắt đầu phải làm việc) ; sở Thượng thiện, sở Lý thiện (đều năm Dần bắt đầu phải làm việc) ; sở Thượng trà, sở Võ bị, Thượng tứ, Loan giá, Thị vệ (đều năm Tý bắt đầu phải làm việc), số mục mà ít theo lệ trước 5 năm một lần).

Tỉnh Quảng Trị năm trước bị tai nạn dịch lệ (2 huyện Hải Lăng, Minh Linh thuộc phủ Triệu Phong từ tháng 8 năm thứ 29 [1876] đến tháng 8 năm ngoái, tất cả 4.326 người cả đàn ông, đàn bà), chuẩn cho những dân ở trong sổ đinh chết về bệnh truyền nhiễm thì chia từng hạng hoãn điền có thứ bậc. (Hạng nặng 3 năm, hạng nhẹ 2 năm).

Ngày Tân Sửu, tế Giao, Hoàng trưởng tử khâm mệnh kính làm lễ thay vua kính đến chiêm bái. Theo lệ cũ (lệ năm thứ 17 [1864]) các xã ở 6 huyện đều đặt hương án lạy mừng, chia làm 3 ban (mỗi năm 1 ban) đến nay vua cho là lễ lớn, năm chỉ 1 lần cùng lòng chiêm ngưỡng, mà thưa thớt quá, chưa đủ tỏ ra thịnh điển, chuẩn cho chia làm 2 ban, lấy năm sau làm bắt đầu.

Ân cấp cho 3 họ Tống, Trần, Hồ, là họ ngoại của vua, mỗi họ 300 quan tiền.

Phát chẩn cho 2 thôn Bình Ngô và Ngọc Đái ở tỉnh Thanh Hoá bị hoả tai.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm gần đây được thăng thự Đông các Đại học sĩ, Tá Viêm tâu xin truy trả lại ân mệnh tặng phong cho cha. (Cha là Hoàng Kim Sán Thượng thư bộ Binh, Tổng đốc Định - Yên, khi mất tặng Hiệp biện Đại học sĩ). Vua cho là thịnh điển của Nhà nước phải kính cẩn theo giữ, không chuẩn cho.

Định lại điều ước tha thuế quan tấn : Bấy giờ, những người buôn gian theo thương ước (khoản thứ 2) có điều khoản nộp thuế quan 1 lần, phần nhiều đến nha Thương chính xin sức cho miễn thuế, cho nên nghị định, trừ thuế thuốc phiện nguyên định không phải 1 lần ra, còn thì phàm những hàng hoá buôn, thứ nào từ ngoài biển vào cửa biển, lên suốt đến Vân Nam, hoặc đến nơi nào để bán, nha Thương chính chiểu thương ước kiểm soát đánh thuế, khi xong việc, đem danh hiệu chủ thuyền và những hòm siểng gói bọc bao nhiêu cái, hòm nào những thứ gì bao nhiêu, đều phải niêm phong rõ ràng, bạch cùng là thuế hàng hoá phải thu bao nhiêu, kê ra tất cả, tư trình quan Tổng lý Thương chính hoặc các quan kiêm lý kê đem danh hiệu chủ thuyền và số hòm, số hàng hoá chuyển tư cho các tỉnh có tuần ty sau này biết để thi hành. Hễ thuyền ấy tải hàng hoá đến nơi cửa quan, xuất trình

giấy biên trước của sở Thương chính, do ty quan ấy tức phải xét kiểm thuyền nào số mục các hạng so với tờ tư của quan Tổng lý và quan kiêm lý cùng hợp nhau và giấy niêm phong trước của nha Thương chính rõ ràng, xác thực thì chiểu thương ước tha thuế, nếu thuyền nào tuy có giấy của nha Thương chính cấp cho, mà không có giấy kê tư của quan Tổng lý hay kiêm ký, hoặc có giấy kê tư mà giấy niêm phong không y nguyên, cùng là biên tư hạng ấy mà lại tải hạng khác, hoặc tư ít mà tải nhiều thì chiểu như buôn gian, thuyền và hàng hoá tịch thu cả. Còn thuyền nào từ Vân Nam chạy xuống, đều cho do tuần ty xét kiểm trước, hạng nào chủ thuyền ấy khai rằng chở ra biển thì do tuần ty ấy xét thực tha thuế, nhưng phải lấy đủ giấy cam kết của thuyền ấy đính bẩm quan tỉnh sở tại chuyển tư cho nha Thương chính kiểm mà đánh thuế, nếu nha Thương chính đã tiếp giấy tỉnh tư, mà thuyền ấy lậu đi không đến cửa biển, tức phải tự xét, chiểu điều luật và thương ước nghĩ định thi hành, các điều khoản trên này đều do nha Thương chính tường với phái viên nước Tây biết trước để thi hành).

Vua bàn lấy 2 chữ "đại hưng" hoặc "đại hoá" để đổi đặt Quốc hiệu. Đại thần viện Cơ mật tâu nói : Chữ "hưng" tuy tốt nhưng xét đến sự thực thì chưa đủ, chữ "hoá" đã gồm cả gốc trước, lại hợp với tiếng nam, tưởng làm thoả đáng, duy có hiện nay nhiều việc, lòng người dễ dao động, nếu một khi trái đi, thói đời thấy nói sai, sợ không ngăn được, xin đợi khi nào ít việc sẽ thi hành. Vua cho là phải, rồi không quả quyết đổi.

Bãi Thương cục và nha Doanh điền tỉnh Bình Thuận. (Giao cho tỉnh ấy làm kiêm cả cho khỏi các mối tệ hại người buôn và nhiễu dân).

Tăng tiền cấp hằng tháng cho nha Thương chính Hà Nội học tiếng Tây, chữ Tây (năm trước mỗi tháng cấp 1 quan tiền, 1 phương gạo, đến nay chia hạng cấp thêm, hạng nhất 3 quan, hạng nhì 2 quan, hạng ba 1 quan 5 tiền, gạo đều theo như cũ), lại chuẩn cho đợi đủ 2 năm, cũng chiểu lệ sát hạch tại Kinh mà làm.

Kính tu bổ lại Hưng miếu[1].

Tháng 3, tiết Thanh minh, vua năm trước từng đã làm lễ yết bái, đến nay lại gặp năm đại khánh, trước ngày lễ khánh tiết 1 ngày kính đến điện Biểu Đức ở Xương Lăng[2] chiêm bái, đến chính ngày đại khánh kính đến lăng Trường Cơ[3] chiêm bái, Thái Thịnh công là Hồng Phó khâm mệnh kính làm lễ thay.

---

(1) *Hưng miếu* : miếu thờ Hiếu Khang sinh ra Thế tổ.

(2) *Xương Lăng lăng* : Hiến tổ ; *Biểu Đức* : điện ở bên tả Xương Lăng.

(3) *Trường Cơ lăng* : lăng Thái tổ Gia Dụ.

Bắt đầu định lệ sát hạch công tử, công tôn và công tằng tôn. (Phàm các công tử, công tôn, công tằng tôn hiện ở trong phủ học tập, hằng năm cứ 4 tháng quý, do phủ Tôn nhân hội đồng với Sử quán trích hỏi nghĩa sách, người thông cả hay thông vừa thì thưởng cho giấy mực, người không thông thì phạt roi, để mong cho tiến ích).

Định lại lệ bổng của quan người thổ.

Minh Mệnh năm thứ 19 [1838], chuẩn cho các phủ Man, thổ tri huyện, huyện thừa các huyện thuộc tỉnh Nghệ An, lệ bổng đồng niên chiết cấp cho mỗi người 5 lạng bạc, các hạt trong cả nước nơi nào có quan người thổ, cũng chiểu theo thể chiết cấp tất cả sau hoặc chiểu lệ cũ, hoặc không có chi cấp hoặc chiểu phẩm cấp cho việc làm không giống nhau, đến nay, chuẩn định từ sau phàm người thổ hiện lĩnh chức quan do Chính phủ bổ dụng và khi nào người nào hiện có đem quân đi làm việc sai phái, đều chiểu phẩm chi lương, nếu chỉ lĩnh chức thổ quan như thường, thì chiểu lệ định năm Minh Mệnh mà chi cấp, hoặc nguyên không cấp bổng đã yên, thì không phải cho phiếm.

Tấn phong Thọ Xuân huyện công là Hồng Cát làm Thọ Xuân quận công. (Hồng Cát là con Miên Định, Miên Định gần đây phong thân vương, Hồng Cát chiểu lệ được tấn phong).

Đàm Chí Thành, Lục Chi Bình năm trước ra thú và sắp xếp cho ở một nơi, xin đem Đề đốc Nguyễn Văn Hùng, Tiễu phủ sứ Vũ Huy Thuỵ (trước bị giặc bắt) nộp giúp bọn giặc Ông Thất để lĩnh bạc rồi đợi sắp xếp cho chỗ ở, Thống đốc Hoàng Tá Viêm hứa là đem nộp giúp 2 viên Văn Hùng, Huy Thuỵ, thì thưởng trước cho 1.000 lạng bạc. Sau Ông Thất uỷ đem nộp hộ một viên Huy Thuỵ, xin cấp cho vài trăm lạng bạc, đem về chia cấp cho quân, rồi sau mới theo lệnh, Chí Thành và Chi Bình cũng xin bảo đảm số bạc cấp ấy. Hoàng Tá Viêm theo thế cấp cho, rồi đem việc tâu lên.

Vua bảo Tá Viêm rằng : Bọn họ Đàm, họ Lục và Ông Thất tham lam, xảo quyệt khó uốn cho quen, phải chỉnh bị phô trương thanh thế, hội báo với quan nước Thanh cùng đánh, lấy oai làm cho sợ, mới có thể lấy ơn mà vỗ về, khiến cho chóng thực lòng hàng phục, không thì đánh giết hết. Sau rồi Ông Thất đem nộp Văn Hùng, dẫn cả đoàn ra thú và xin vỗ yên.

Vua lại bảo Tá Viêm rằng : Phải trù tính việc về sau cho ổn thoả, chớ để sự lo ở nơi biên giới. Văn Hùng và Huy Thuỵ đều cách chức cho làm việc chuộc tội (bọn họ Đàm, họ Lục rồi lại làm phản).

Đoàn thuộc của Phó đề đốc quân thứ Tam Tuyên Lưu Vĩnh Phúc là Hoàng Tài Gia đến Hà Nội, đi đường gặp phải binh nước Pháp, hai bên khích bác nhau. (Lãnh sự

Pháp nói : Tài Gia rút dao chực đâm, rồi lại trốn thoát. Bấy giờ, lĩnh Tổng đốc tỉnh Hà Nội là Trần Đình Túc ngăn lại ngay, tìm bắt để giải không được, tra chúng không rõ, nhưng tuỳ cơ nói cho viên lãnh sự biết) việc ấy tâu lên, quan viện Cơ mật và Thương bạc tâu lại nói : Lưu Vĩnh Phúc đối với người Pháp, hai bên vẫn thù nhau, đoàn thuộc của viên ấy nổi giận thì nhiều, xin sai tỉnh Hà Nội mật tư cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm chuyển tư cho Lưu Vĩnh Phúc biết, nghiêm cấm quân trong đoàn, sau này còn có thói quen ngang ngược để sinh ra trở ngại, chỉ trách cứ ở viên ấy. Vua nghe theo.

Hai tỉnh Quảng Trị và Nghệ An giá gạo đắt, sai xuất tiền gạo bán ra và cho dân vay (tỉnh Quảng Trị 10.000 hộc gạo, tỉnh Nghệ An 4.000 phương gạo, 4.000 quan tiền).

Khắc lại bài văn bia lầu Lưỡng Kiêm ở cửa biển Thuận An (việc chép rõ trong tập văn vua làm, nguyên trước chữ ở bia khắc rất nông, sai khơi sâu xuống, chia ra khắp cả mặt trước mặt sau, cho được rõ ràng).

Khơi vét đường sông thông thương tỉnh Hưng Yên. (Phó lãnh sự sở Thương chính ở Hải - Yên tư bàn với Tổng lý Thương chính là Phạm Phú Thứ nói : Việc đào sông để thông thương phải chi lấy ở tiền thuế, có cả ở thương ước (khoản thứ 10) chuyến này thuyền ấy đi đến Hà Nội, có những nơi thuộc về tỉnh Hưng Yên, từ sông Luộc đến ngã ba sông Nông Giang, lòng sông nông hẹp, phải khơi vét cả hai bên, mỗi bên 3 - 4 trượng để thông đường thông thương, thuê làm hết bao nhiêu, trích khấu lấy vào tiền thuế, cho nên chuẩn cho tỉnh Hưng Yên thuê dân phu khơi vét).

Tỉnh Quảng Trị có Linh mục người Nam là Lê Ấn can về việc tập mưu đi kiện, xin người kiện vu, họp đông người để hiếp quan (xã Xuân Hoà đi thưa, tra xét đã cung nhận) theo điều luật xui người kiện vu xử phạt trượng hết bậc và phát lưu, bọn Linh mục và Vũ Liên, Trần Doãn và Lê Cần xin biện tiền (1.170 quan tiền) để nộp chuộc tội, không cho. (Bấy giờ, cụ đạo và dân theo đạo can phạm phần nhiều do tướng nước Pháp, sứ nước Pháp đưa thư xin tra xét, sai đều chiểu ước chiểu luật xét trị).

Các tỉnh tả, hữu Trực kỳ giá gạo cao vọt lên, sai Ngự sử là bọn Nguyễn Sơn Tăng và Ngô Trọng Tố chia nhau đi xét khắp dân tình lại tệ, tâu lên

Bắt đầu thu thuế mỏ than ở tỉnh Quảng Yên (mỏ ấy chưa từng khai để lấy than, người buôn nước Thanh là Ngô Nguyên Thành xin hạn 40 năm, năm đầu xin miễn thuế để chi vào nhân công, vật liệu, năm sau chia ra từng thành thêm dần, thuế lệ năm thứ 1 : nộp 1.500 quan tiền, năm thứ 2 : 2.000 quan, năm thứ 3 : 3.000 quan, năm thứ 4 : 4.000 quan, năm thứ 5 : 5.000 quan, năm thứ 6 : 6.000 quan, từ năm thứ 7 đến năm thứ 20, mỗi năm 10.000 quan, từ năm thứ 21 đến năm thứ 30 mỗi năm 15.000 quan, từ năm thứ 31 đến năm thứ 40 mỗi năm 20.000 quan, nghị định chuẩn cho đổi làm hạn 30 năm, chước lượng chia ra từng thành, một nửa nộp tiền, một nửa

khấu bằng than. Lại sai quan tỉnh Thái Nguyên khám xét các mỏ vàng, bạc, chì, diêm tiêu, trước vẫn lấp kín, có nên khai để lấy, thì cho lĩnh trưng để thu hết lợi dưới đất).

Thưởng thụ cho Viên ngoại lang sung Giám đốc Hải phòng ở tỉnh Hải Dương là Lương Văn Tiến hàm Lang trung. Trước những dân lưu tán nước Thanh chia nhau ở các xứ : Đầm Hà, Hà Cối, Mã Tư, Đại Điền về hạt phủ Hải Ninh tỉnh Quảng Yên hơn 10 năm nay, chưa có người nào đến xin vỗ về cả. Đến nay, lĩnh Tổng đốc Phạm Phú Thứ phái uỷ Lương Văn Tiến đi, đem lợi hại mà hiểu dụ, lưu dân đều triệt bỏ luỹ, mở trại xin chịu thuế, quan Tổng đốc xem việc tâu lên, cho nên thưởng thụ. (Bấy giờ nhân quân thứ tâu xin đến đánh, lưu dân sợ hãi ; lại có thuyền Pháp đi tuần dẹp ngoài biển, cho nên dễ chiêu phủ).

Mùa hạ, tháng 4, mở ân khoa thi Hương văn 2 trường ở Thừa Thiên và Bình Định. Lệ cũ : 3 trường Thừa Thiên, Bình Định và Nghệ An thi văn vào tháng 7, thi võ (Thừa Thiên, Bình Định) vào tháng 8 ; 3 trường Thanh Hoá, Hà Nội, Nam Định thi văn vào tháng 10, thi võ (Thanh Hoá, Hà Nội) vào tháng 11, đều khảo hạch vào tháng 4 ; đến nay định lại 2 trường Thừa Thiên, Bình Định, tháng 6 thi văn, tháng 7 thi võ ; Thanh Hoá, Nghệ An, tháng 6 thi văn, tháng 7 thi võ (trường Thanh Hoá) còn khảo hạch đều phải trước 3 tháng (như tháng 4 thi văn thì tháng giêng khảo hạch, tháng 5 thi võ thì tháng 2 khảo hạch) bắt đầu từ khoa này, Hà Nội và Nam Định kỳ thi văn và võ vẫn theo như cũ.

Tỉnh Bắc Ninh có mưa đá (lại có trận mưa rót xuống cát vàng).

Chuẩn định lệ vị nhập lưu thư lại quyên tiền được thưởng (gần đây, vị nhập lưu thư lại làm việc ở các nha quyên tiền 800 quan hoặc bạc thành tiền 700 quan, đều chuẩn cho thưởng thụ tòng cửu phẩm thư lại, do bộ Lại đợi khuyết xét bổ, đến nay bộ Hộ nghị, học trò và dân tình nguyện quyên bát, cửu phẩm, đều chưa được bổ, quyên đến thất phẩm mà đi làm việc thì tất phải sát hạch trúng mới được xét bổ ; thế mà những người thư lại quyên thì được xét bổ ngay, so với học trò và người dân thực là chiếm riêng. Mới chuẩn cho từ nay, phàm những người thư lại mà tình nguyện quyên thì người nào làm việc được 3 năm trở lên, mới cho chiểu theo lệ trước quyên nộp (bạc thành tiền 700 quan thưởng tòng cửu phẩm, cứ 900 quan gia một trật ; tiền 800 quan thưởng tòng cửu phẩm, cứ 1.000 quan gia một trật), còn thì người nào làm việc được 2 năm trở lên, chiểu theo lệ trước đều quyên thêm 200 quan (là bạc thành tiền 900 quan thưởng tòng cửu phẩm, cứ 1.100 quan gia một trật ; tiền 1.000 quan thưởng tòng cửu phẩm, cứ 1.200 quan gia một trật) ; người làm việc được 1 năm và 6 - 7 tháng trở lên, lại quyên thêm 300 quan (là bạc thành tiền 1.000 quan thưởng tòng cửu phẩm, cứ 1.200 quan gia một trật ; tiền 1.100 quan

thưởng tòng cửu phẩm, cứ 1.300 quan gia một trật) mới được thưởng thụ đợi khuyết xét bổ, để có phân biệt).

Sơn phòng sứ tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Tạo theo Chỉ Dụ (tháng giêng) trù nghĩ tâu xin 8 điều : 1- Xin ngăn cấm núi có tiếng (núi Trà Sơn và núi Ngũ Hành) để cho mạch đất hồi lại. 2 - Xin làm thuỷ lợi (đắp bờ đê, mở đê sông) để giúp việc làm ruộng. 3 - Xin hoãn việc tuyển lính thêm, để cho dân ốm lâu được tỉnh lại. 4 - Xin trừ hết thuế ruộng, thuế thân năm nay. 5 - Xin thuế thu về mùa đông năm nay, đổi làm mùa hạ sang năm thu cả làm một (nói từ Quảng Bình trở vào Nam, thuế lệ năm chỉ thu một kỳ, đem thuế mùa đông dồn cả về mùa hạ, thế là có nơi chưa cày, cấy đã thu thuế trước). 6 - Xin chẩn cấp để thư cấp bách cho dân. 7 - Xin đình chỉ việc phái người đi xuống để khuyên quyên tiền. 8 - Xin đình việc kê đơn cho đi mua mỡ trâu, đã được bộ Hộ xét tâu lên (nói hoãn việc tuyển lính thêm, lượng cấp và cho dân vay, đình việc đi mua mỡ trâu đã được chuẩn cho thi hành, về thuỷ lợi thì tuỳ thế nên khai đắp, khám xét tâu lên, sẽ quyên trừ cho, nghiêm cấm phái người đi quyên để tạ sự nhiễu dân, thì do quan tỉnh và quan sơn phòng xét mà làm. Về khoản thuế hợp thu cả về mùa hạ, nên cho từ tỉnh Quảng Bình trở vào Nam, nhất luật như thế mà làm, để tiện cho dân, còn như 2 núi có tiếng, đá, gỗ, củi, than, dân nghèo đều nhờ vào đó, không nên nhất khái ngăn cấm).

Vua bảo rằng : Cốt được quan lại giỏi, biết chính thể và vận hội dễ làm thì yên, nếu khí vận không định, tục dân kiêu bạc, trẫm dù có lòng cũng chỉ than thở hoài, tuy người thổ trước chưa chắc hẳn không có lòng riêng, vì người, huống chi người khác ư ? Còn bàn về mạch 2 núi, cũng hơi giống như Án Tử [1] chỉ có đào đá xuyên vào mạch đất, có nên cấm, thì cũng có từng chỗ mà thôi, chuẩn cho Khâm thiên giám phái khám tâu xin thi hành, hoặc có thể yên được quỷ thần giúp được dân, còn việc quyên chuẩn, nếu không phải người đi nhưng sức cho dân, người giàu biết giúp đỡ nhau, rõ có công trạng thực, thì tâu lên để thưởng cũng tiện, còn thì theo như bộ nghị thi hành.

Đặt thêm chức Phó lãnh binh tỉnh Hà Tĩnh (tỉnh ấy dọc theo núi giáp đến biển, nhiều ngả, cho nên chuẩn cho đặt thêm 1 viên).

Vua rước Từ giá đi chơi hành cung ở cửa biển Thuận An nghỉ mát mùa hạ và xem bờ biển, 5 ngày về cung. Khi loan giá đi và về đều tâu nhã nhạc đại nhạc, là nghi tiết đón tiễn năm có lễ đại khánh. (Năm đại khánh ấy theo nghị chuẩn cho tham xét điển lễ thường, châm chước thi hành, cho khác với năm thường, dưới các thứ cũng thế).

---

(1) *Án Tử* : quan nước Tề về đời Xuân Thu, nhưng chưa tra được Án Tử làm việc gì mà giống với việc ấy.

Cho ruộng thờ cúng Lãnh binh đã chết là Trương Định. Khi bấy giờ, Bố chính tỉnh Quảng Ngãi là Trà Quý Bình tâu lên nói, một nhà Trương Định, cha con trung nghĩa, trên soi xét đến biết đã lâu, xin cấp cho ruộng thờ cúng, để sung vào đèn hương, viện Cơ mật xét lại, cho là người trong Nam mộ nghĩa như Trương Định thì có nhiều, chỉ thành tích chưa được hoàn toàn, nên đều chưa được xét đến, nghĩ nên đợi sẽ thi hành sau.

Vua không nghe, chuẩn cho ban cấp ngay 5 mẫu ruộng thờ cúng. (Trương Định là người huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng trích ruộng ở nơi cận tiện chỗ ở để cấp cho), lấy người họ viên ấy là Văn Hổ làm thừa tự, trông coi cày cấy để phụng thờ, vợ của viên đã chết ấy (Thị Thưởng) tuổi đã già không nương tựa vào đâu được, chuẩn cho quan tỉnh cấp dưỡng cho đủ (mỗi tháng cấp tiền 20 quan, gạo 2 phương), đến nay lại chuẩn cho sau khi chết cấp cho 100 quan tiền.

Bắt đầu mở trường cho nha Thương chính tỉnh Hải Dương học chữ Tây và tiếng Tây (là mới học, cùng mỗi tháng được cấp 1 quan tiền, 1 phương gạo).

Vua đi chơi núi Thuý Vân và cửa biển Tư Hiền, xem việc phòng giữ bờ biển, sau 5 ngày về cung.

Kỳ Anh quận công là Hồng Đĩnh, khinh thường pháp luật cậy quyền thế, bịa đặt cho người, đòi tiền, việc phát ra (quận công ấy đối với Lê Thị Đoá, trước thông gian, sau mua làm hầu, lại bảo là thất tiết, đánh đập, tưới dầu, quăng rắn vào người, để đòi lấy tiền bạc), được bộ Hình xét thực chiểu luật trái phép, tâu xin nghĩ xử cách mất tước công, thu lại tiền bạc trả cho chủ bị mất trước.

Vua bảo gỗ mục không thể chạm khắc được, rất trái với gia pháp, lại giáng Dụ chuẩn cho không được xưng là hoàng đệ dự lễ triều kiến, thông sức cho vương công tôn tước phủ Tôn nhân biết để răn chừa.

Sứ sang nước Thanh là bọn Bùi Ân Niên về đến Kinh vào yết kiến (tháng 8 năm Bính Tý ra cửa quan, tháng 3 năm nay mở cửa quan). Vua hỏi rằng : Nước Thanh vua còn nhỏ, lại chính sự do ở chốn cung vi, không biết làm thế nào mà trong nước cũng được yên tĩnh. Ân Niên tâu nói : Trong có Cung Thân vương là Hoà Thạc giúp việc, ngoài thì các tổng đốc cũng phần nhiều là bề tôi giỏi, trong nước được yên tĩnh, là do ở đó. (Lại phê hỏi nhiều khoản, Ân Niên sẽ mật tâu để trả lời).

Người nước Pháp là Bô-đi, Mã-đô, người nước I-ta-li là Lạc Ô, Kha-na Kỳ Ly-ô, lần lượt đưa thư đến (Bô-đi xin khai trưng mỏ than ở Quảng Yên ; Mã-đô xin nấu đường, nấu rượu và làm rượu mạch nha, nhưng xin cấp vốn cho, sau làm máy, sắm đồ dùng rồi trả lại ; Lạc Ô xin nước ta đặt lãnh sự ở nước ấy ; Ly-ô xin đặt y làm thống lãnh sự nước ấy), đều do Khâm sứ nước Pháp đệ đến nha Thương bạc nước ta

(lệ nước Pháp những thư riêng đều được gửi kèm), quan nha Thương bạc đem việc ấy hỏi sứ nước Pháp, sứ nước Pháp bàn rằng cho thì trả lời, không cho thì bỏ đi, lại nói lời nói không có căn cứ, cũng không cần phải trả lời. Sau các người ấy lại có người đưa thư xin trả lời cho biết, lại bàn lại với sứ nước Pháp, trả lời không cho.

Sai các quan phủ, tỉnh ở trong Kinh, tỉnh ngoài đem những thừa mục, biện lại các trạm sát hạch kỹ lưỡng, bỏ những người không biết chữ đi. Khi bấy giờ, biện lại ở trạm trong Kinh là Trần Hữu Học phát ống đựng thư nhầm lẫn, cho nên nghiêm sức sát hạch.

Bắt đầu đặt chức Đề đốc tỉnh Bắc Ninh (Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây là 5 tỉnh lớn ở Bắc Kỳ, đóng giữ nhiều ngả, 4 tỉnh trước đã cho đặt đề đốc, đến nay tỉnh này cũng đặt), lấy Chưởng vệ Phạm Văn Trì lĩnh chức ấy.

Đầu xuân, sai lĩnh Tổng đốc Hải Dương là Phạm Phú Thứ, Hộ đốc Bắc Ninh là Lê Hữu Tá mật đảo (khấn xin có điềm sinh con) ở đền thờ Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn (đều thuộc địa phận xã Kiếp Bạc, tỉnh Hải Dương, giáp tỉnh Bắc Ninh. Bấy giờ, quan tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh xin cầu đảo, bắt đầu cầu đảo 3 ngày đêm, sau hằng tháng cứ ngày 15 hội đảo, sau tháng chạp lại chuẩn cho đảo luôn hết năm). Đến nay, đình thần tâu bày xin lại cầu đảo ở các đền thiêng ở Kinh và tỉnh ngoài, tâu nói : Hoàng thượng ta tuổi đã cao, điềm sinh con chưa ứng, thần dân cả nước không ai là không ngóng trông, chúng tôi đã hỏi tìm thầy thuốc, may ra cũng có phương điều chữa, khốn nỗi chưa được người chữa có hiệu quả để tâu lên. Nhưng trộm nghĩ, lễ cầu tự từ xưa vẫn có, tế nhân tự mà ông Tắc sinh, cầu thần Giao môi mà ông Tiết sinh, cầu đảo ở núi Ni Sơn mà thánh Khổng sinh, lễ thần Thanh đế mà Chân Tôn sinh, thế là có lòng thành thì có thần, mà cầu đảo chưa từng không ứng nghiệm ; xét các địa phương ở Kinh và tỉnh ngoài các đền đã được phong tặng, từ trước đến nay, cầu đảo được ứng nghiệm, như đền Hưng Đạo vương cũng có, mà ở Kinh thì đền Ngọc Toản, miếu Hội đồng, cũng gọi là rõ linh nghiệm, nghĩ nên sinh trong Kinh, tỉnh ngoài thành kính cầu đảo). Vua bảo rằng : Hãy cứ nhất tâm, đợi xem linh nghiệm.

Tháng 5, mở ân khoa thi Hương võ ở 2 trường Thừa Thiên và Bình Định.

Vua lại đi chơi núi Thuý Vân và cửa biển Tư Hiền, xem phòng giữ bờ biển, 5 ngày về cung.

Các tỉnh Bắc Kỳ, gần đây có nhiều người nước Thanh tự xưng là phái đi việc công vượt qua biên giới sang, giấy tờ nhiều nơi cấp, khó phân biệt được thật hay giả ; đến nay lại có Quản đới là Lưu Tưởng Hoa tự xưng là Hiệp trấn Tầm Châu Lý Đương Tài uỷ đến hỏi việc cơ mật, đi khắp các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Hoá, rồi lại về thẳng.

Vua cho là việc làm ấy đã là trái lệ, mà toán giặc chưa dẹp yên, càng phải canh phòng nghiêm ngặt, mới sai đưa thư cho Tổng đốc Lưỡng Quảng và Tuần phủ Quảng Tây tra xét và yêu cầu tìm cách cho giặc còn sót lại rút về, cho việc đóng giữ biên giới được yên. (Trong thư nói : Chương trình nghị định khoảng năm Càn Long : Nhân dân Trung Quốc ra khỏi cửa quan để trao đổi buôn bán, chuẩn cho lĩnh chỉ bài đeo trong mình, ở 2 xứ Minh Giang, Long Châu đóng ấn chiểu cấp, đi đường qua các thôn ải, nước tôi xem xét, cho đi. Lại có việc gì tư báo theo lệ do tỉnh Quảng Tây tư cho để xét, nếu việc thuộc tiếp gần, tư báo tầm thường, thì hoặc do Khâm Châu tư cho tỉnh Quảng Yên hoặc do phủ Thái Bình tư cho tỉnh Lạng Sơn để xét, còn các việc không có bài phiếu và tự tiện thay đổi, cho được ngăn lại trở về, hoặc áp giải để tra xét. Khoảng năm Đồng Trị, bọn Lý Đức An, Vương Cảnh Tường, Trần Xương mạo đến cùng bắt kẻ phạm đã được Đại Hoàng đế[1] giáng Dụ cho bắt ngay để trừng trị, thế mà gần đây nhiều lần lại giả mạo bừa bãi, nhiều nơi cấp giấy phái đi như viên huyện Khánh Phù là họ Lưu cấp giấy cho bọn Chu Thuận đi bắt kẻ phạm ; viên Hiệp trấn Tầm Châu là họ Lý cấp giấy cho bọn Chung Vạn Tân, Lý Khải Đình, Lý Thế Tân đến tỉnh Hưng Hoá dò thám giặc, lại cấp giấy cho Trần Tá Bang mang công văn đến Thập Châu; viên Tả dinh Trấn Liễu là họ Đường cấp giấy cho Triệu Duy Thanh đi dò xét việc kín ; viên ở Khâm Châu là họ Đặng cấp giấy cho Hiệp Khánh Vân đi dò xét Diệp Thành Lâm ; lại như Lã Khai Khu mạo theo hội bài của tỉnh Quý Châu cấp cho đi đệ giấy tờ giả của Lưỡng Hồ[2] tra xét các việc những người bị hại, bị cướp, hoặc trái thể lệ tự tiện cấp, hoặc làm giấy giả mạo đi, trong đó thực hay dối không thể biện bạch được, nếu hết thảy đều theo Dụ mà bắt giữ lại sợ là trở ngại, nếu nhất khái cho đi, lại sợ trúng phải kế gian, nay bọn Lưu Tưởng Hoa đi qua tỉnh Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh đến tỉnh Sơn Tây, tỉnh Hưng Hoá nước tôi, tờ tư và giấy cấp cho xét ra có sai khác, rồi lại về thẳng, không khỏi có sự thoái thác giả mạo, xin tra xét xem Hiệp trấn họ Lý, nếu quả không cấp giấy cho đi, bọn Tưởng Hoa quả là mạo vượt biên giới thì xử trí ngay cho. Lại xét hiện nay đi buôn và tra xét đưa đến, việc gì phải do nha nào chuyên cấp, theo lệ sức rõ cho các địa phương sở tại và các phủ huyện, châu ấy cùng các dinh trấn hứa đóng giữ ở biên giới, đều phải chiểu lệ phát cấp giấy tờ trong đó nói rõ đi đến xứ nào, đem theo bao nhiêu người ? mang theo khí giới gì ? buôn thứ gì sẽ tư cho địa phương hạt nào được đến ấy biết và sức cho các cửa quan, đồn ải xét hỏi nghiêm ngặt, xét quả là thực thì cho đi, trái mạo thì cho bắt ngay để trị tội. Còn tự tiện cấp giấy ngoài lệ, nhất thiết cấm chỉ, để khỏi thói tệ như trước. Lại xin sức cho Thống lĩnh họ Triệu và các viên tiếp hạt, xét sự cơ tìm cách đem các giặc hiện còn sót lại,

(1) *Đại Hoàng đế* : chỉ vua nước Thanh.

(2) *Lưỡng Hồ* : hai tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc bên Trung Quốc.

rút về tất cả, không cho trốn sang, cho giặc ngoài biên chóng quét sạch, dân địa phương được yên tĩnh lâu dài. Đốc phủ tỉnh ấy (Tổng đốc Lưu Trường Hựu, Tuần phủ Dương Trọng Nhã) sau trả lời nói Lý Dương Tài đã phải hặc tội cách chức, còn thì đều theo như tờ tư làm việc.

Vua lại rước Từ giá đi chơi hành cung ở cửa biển Thuận An, nghỉ mát mùa hạ và xem bờ biển, 5 ngày về cung.

Tỉnh Quảng Yên có mưa đá to, nơi nào có đổ nhà chết người, thì chẩn cấp cho.

Trước làm việc các án đình thần xét lại, có án nào trước nghĩ xử chưa đúng, thì chỉ tâu xin nghĩ xử lại, còn như nha xét trước và Pháp ty không có nói đến. Đến nay, quan Nội các tâu xin từ nay về sau phàm đình thần xét lại, án nào tình tội nên giảm, mà tờ tâu trước nghĩ là phải chém ngay, phải giam và tình tội rất nặng, phải chém ngay, mà tờ tâu trước lại xin lưu giam, đã trải qua Pháp ty xét hỏi, cũng không vạch ra được, thì trừ chỉ 1 - 2 lần phạm xin nên tha thứ nghĩ xử, nếu đến 3 lần phạm, xin nên đem nha xét nghĩ trước, còn Pháp ty phân biệt nghĩ xử nghe theo.

Khiển trách và truất giáng quan lại tỉnh Quảng Bình. Khi ấy, tỉnh Quảng Bình tù tội nặng 15 tên vượt ngục, thuế chính cung lại thường để thiếu, vua cho là giữ gìn không được việc, kho tàng lại thiếu, giáng Dụ chuẩn cho Bố chính Nguyễn Hữu Hoán, Án sát Lũ Duy Vỹ đều phải giáng 3 cấp đổi đi nơi khác, các phủ huyện hiện tại chức, có để thiếu, không hỏi nhiều ít cũng giáng như thế.

Truy tặng Tương An công là Miên Bảo làm Tương An quận vương, Quảng Ninh công là Miên Bật làm Quảng Ninh quận vương, 2 công đều có học hạnh, vua vốn thân hậu, cho nên năm đại khánh ban ơn lần lượt đến và bảo cho ý nêu tỏ nết tốt.

Bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Phú Yên gần đây lại ít mưa, cầu đảo chưa được thấm nhuần lắm, giáng Dụ sức khuyên quan lại các tỉnh Hữu trực kỳ, đều trừ bỏ hết những thói tệ cũ, hết lòng thành cầu đảo khắp nơi, lại dự trù cứu mất mùa, cốt được chu đáo, không được chuyên cậy vào vận tải của công. Lại sai bộ Hộ, hiện nay mùa hạ tạnh nắng, phải vận tải ngay tiền, gạo phải chi để chứa sẵn đấy.

Kính khắc 2 bài thơ vua làm vịnh Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn ở đền thờ. Khi bấy giờ quan 2 tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh cùng cầu đảo, nhân tâu xin khắc hai bài thơ ấy, vua bảo rằng : Hưng Đạo vương trung hiếu công nghiệp, đáng nên nêu khen, rồi chuẩn định cách thức để khắc. (Hàng trước khắc chữ "*Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập*", hàng khác khắc chữ "Hưng Đạo vương" rồi khắc luôn bài trước, rồi sau khắc bài "Hưng Đạo trượng". Khắc luôn bài sau phàm những tên trong chỗ chua, đều cho khắc chữ "Hưng Đạo vương" để cho rõ sự tích, sau cùng khắc quan 2 tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh xin chỉ trích ra kính khắc).

Định lại lệ quan viên văn võ gặp tang cha, mẹ (lệ cũ, được nghỉ việc quan 12 tháng, đến nay chuẩn định trừ người nào giữ chức rất quan trọng, việc quân khẩn yếu quan trọng, phải dứt tình ở lại chức do tự đặc Chỉ ra không kể, còn thì đều cho về quê để tang 3 năm cho trọn đạo hiếu).

Hạt phủ Trấn Ninh, tỉnh Nghệ An có người nước Nam Chưởng đến huyện Quảng Du mua dân Man. Hạt phủ Trấn Biên có người nước Lã Tống đến các bọn Man ở 2 huyện Sầm Tộ và Sa Hổ đổi lấy tiền của. Chuẩn cho quan tỉnh phân phái quản, suất mỗi chức 1 người, biền binh 50 tên, đến ngay 3 huyện ấy, trấn áp tuần dẹp, cho dân ngoài biên được yên.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở phủ Thừa Thiên (Đoàn Văn Hiệp).

Bắt đầu làm nhà riêng để chụp ảnh. Bấy giờ, Trương Văn Sán sang Tây học tập về, do bộ Hộ trình tiểu phép chụp ảnh. (Phép chụp ảnh, phải có nhà riêng, dùng kính che cả 4 mặt cho sáng, mới phân biệt được râu, mày, hình dung, có giá để đồ chụp ảnh, bắt đầu cắm ống kính vào hòm máy, để lên trên cái giá, mở máy, bỏ cái nắp đậy ra, cho người ngồi trên cái ghế dựa trước ống kính, lấy cái trụ sắt đỡ đằng sau khăn ở đầu cho khỏi lay động, mới đem giá để máy chụp đưa đi đưa lại, khiến cho bóng người ở trong hòm kính rõ ràng. Xong rồi liền bỏ khuôn kính vuông ở mặt hòm đi, lấy khuôn kính bôi thuốc đổi đặt vào hòm máy, sẽ bỏ miếng ván che đi, khiến cho bóng người chiếu vào trong kính, liền để ván che vào, rồi nhẹ tay rút ra, đem vào chỗ kín, lấy nước thuốc rửa 3 lần, khiến cho bóng người dần hiện ra, đem phơi khô, để vào trong cái khuôn có hình chụp ảnh. Lại đem ngay tấm giấy in một mặt ngâm vào chậu nước thuốc, rồi phơi ở chỗ râm, lại đặt lên trên kính ảnh trước để trong khuôn, đem khuôn che áp vào, khiến cho bóng người thấu vào giấy, lại phơi khô rồi lấy ra, lại dùng nước thuốc rửa qua 3 lần, đợi khô, mới xem được và các thứ máy móc (1 cái chuông ở trong ống kính chụp ảnh, 1 cái hòm chụp ảnh, 2 cái trụ sắt, 1 cái khuôn để chặn giấy, 1 cái giá chụp hình). Nhân sai làm nhà riêng (ở bên hữu sở Thương bạc) cho Văn Sán làm việc chụp ảnh, quan dân có thuê chụp cũng cho.

Sai Hữu tham tri bộ Hình Phan Sĩ Thục, Viên ngoại lang bộ Hộ Lê Đĩnh khám và nghĩ định đường sông ở các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An vì bấy giờ lĩnh Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Văn Tường tâu xin đào sông. Tờ tâu nói : Việc vận tải là việc lớn, dư dật hay thiếu thốn quan hệ ở đó, những thứ ăn mặc và đồ dùng ở Kinh sư, phần nhiều sản xuất ở Nam Kỳ. Bắc Kỳ hằng năm vận tải, nhân giặc, nhân gió, tổn hại ở đường biển không biết là bao nhiêu, hiện nay vời thuê thuyền nước Thanh, hình như là kế trước mắt, mà không phải là cách lâu dài. Thế núi ở nước ta từ tây bắc kéo đến, nước theo núi mà chảy về phương nam làm sông

Cửu Long, thì đã ở về sau dãy núi. Còn như phía trước núi thì đoạn ấy đoạn khác đều đổ ra biển mà chắn ngang, đường nước chưa thông, việc buôn bán vận tải không ổn, đó là tạo hoá đợi người để làm. Người trước đã kinh lý nhiều, mà chưa thành công, là vì làm nên lợi nghìn muôn năm, không phải một người một đời mà làm được. Nay đường biên chưa yên ổn thì việc đào sông so với trước càng khẩn thiết lắm. Xét ra, từ tỉnh Quảng Nam trở vào Nam đến tỉnh Bình Thuận, thế núi mạnh cao mà nước nguồn thì chảy chậm, làm việc rất khó, xin hãy để đó rồi tính sau. Duy có từ tỉnh Quảng Trị trở ra Bắc, gián hoặc có chỗ đường nước không thông, 1 đoạn từ sông Minh Lương (thuộc tỉnh Quảng Trị) đến sông Nhật Lệ (thuộc tỉnh Quảng Bình) là trạm Hồ Xá, trong đó có núi bằng ngang qua, đi đường bộ phải suốt ngày đường, trước có sông cũ, nay bị cát lấp, 1 đoạn từ bến sông Nhật Lệ đến sông Linh Giang (cũng thuộc Quảng Bình) đi đường bộ gần 1 ngày, nguyên không có sông cũ, trong đó có một dải núi thẳng đến biển tuỳ thế làm việc, lâu cũng có thể khơi thông được. Một đoạn từ thượng lưu sông Linh Giang, chỗ chia dòng sông xã Minh Cầm, một đằng giáp với sông mới đào (từ đấy trở ra Bắc thuyền bè đều đi thông được), huyện Kỳ Anh, thuộc Hà Tĩnh đi đường bộ khoảng 3 ngày đường, một đằng giáp với đầu nguồn sông Lam Giang, thuộc Nghệ An, đường đi khoảng 2 ngày rưỡi, tính suốt cả 3 đoạn ước trên dưới 3 - 4 ngày đường. Trong đó, từ sông Linh Giang suốt đến 2 tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An, đoạn ấy có núi non ghềnh đá, tất phải khó nhọc phí tổn nhiều. Kể thì mưu việc lớn không kể phí tổn nhỏ, làm việc lâu dài không vội chóng xong, người nước Tây đào sông Đại Lãng, người nước Thanh đào sông Linh Cừ, việc khó khăn phí tổn gấp đôi, mà đều chỉ lấy kiên nhẫn mà làm được. Cửa biển Thiết Cảng ở nước ta, từ xưa cũng cho là khó, mà nay khai thông được, thì ở nơi khác hết sức mà mưu tính, tưởng cũng có thể được thành công, nếu muốn chứa vào kho được dư dụ, để phòng trước khi có việc không khơi sông thì không có kế gì khác xin phái người thổ trước hội đồng với quan tỉnh khám xét để thi hành.

Vua bảo rằng : Trước kia Hoàng Tá Viêm cũng rất muốn như thế, mới có mệnh lệnh ấy. Sau rồi bọn Sĩ Thục về nói toàn là sông núi ghềnh đá, có nhiều chỗ không thể làm được, nên lại đình.

Cho tàu Lợi Đạt hộ dẫn tàu Lợi Phiếm đến tỉnh Hải Dương để sung sai phái (2 tàu này đều của nước Pháp tặng cho). Tàu Lợi Đạt dài và to, có thể chở và đi tuần tiễu, tàu Lợi Phiếm hẹp mà nhỏ, thân nặng sức yếu, chỉ đi được ở sông, ở Kinh đường sông phần nhiều hẹp, cũng không thể sai phái được, mới cho đem đến tỉnh Hải Dương. Hạt ấy đường sông sâu suốt, hiện đang mở mang việc buôn, thuyền và hàng hoá đông đúc, hoặc có thể sung vào việc đi tuần ở sông, chở hàng hoá, ngõ hầu được việc.

Bắt đầu khai mỏ vàng ở Tĩnh Nê, thuộc tỉnh Cao Bằng (đồng niên thuế vàng 2 lạng 5 đồng cân).

Sét đánh núi thứ ba ở lăng Thiên Thụ (lửa phát ra cháy héo mất hơn 100 cây tùng non).

Mùa hạ năm ấy, các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Ninh Bình, Hưng Hoá, Quảng Yên lúa ruộng được mùa, ngoài ra có nơi nào tổn hại, thuế lệ đều chiểu từng hạng hoặc tha hoặc cho giảm có từng bậc. Các tỉnh Bắc Ninh, Hà Nội, Sơn Tây, Hưng Yên thuế phải nộp cũng cho nộp bằng tiền.

Thưởng cho người đàn bà làm việc nghĩa ở tỉnh Phú Yên (Trần Thị Thành, trước lạc quyên, đã thưởng 1 tấm biển có chữ "Hiếu nghĩa khả phong" nay lại quyên tiền trợ cấp, gia thưởng một tấm bia đá có chữ "Hiếu nghĩa lão phụ ").

Khi bấy giờ ở Kinh thành có kẻ nhân ban đêm lẻn vào ty Quang lộc ăn trộm đồ đạc. Vua bảo các quan đại thần rằng, chức quan ở Kinh sư, rất là quan trọng, người đời xưa như Hàn Diên Thọ[1] ân tín khắp 24 huyện mà lại dân không nỡ dối, Diên Đốc[2] chính mình xướng suất kẻ dưới, mà Tam phụ[3] được nhờ chính giáo, Trương Xưởng[4] nghiêm minh việc phạt kẻ có tội, mà người đánh trống mong được kêu lên, Lý Thân[5] cương nghiêm mà kẻ ác đều trốn đi, sử sách đến nay còn khen. Thế mà gần đây, những người giữ chức ấy, đã không dạy được dân có phong tục tốt, lại không dẹp được kẻ bạo, cấm được kẻ ngoan, chức trách ở chỗ nào ? Chuẩn cho đều nghiêm sức cho các quan phủ, huyện gia tâm dạy bảo khuyên răn, quan phủ Thừa Thiên lại phải gia tâm xem xét và đốc sức cho những người bộ hành cùng đạo phường, huyện, tổng trong ngoài ngày đêm tuần phòng, có kẻ bất lương thì bắt ngay để trị tội.

Thống lĩnh nước Thanh là Triệu Ốc về đóng ở Long Châu (đưa thư nói : Cất quân về trấn, còn bọn giặc sót lại, do ta dẹp yên) sai đưa thư nói liệu để quân dinh lại, để trấn biên phòng trong ngoài.

Tháng 6, mở ân khoa thi Hương văn 2 trường Thanh Hoá và Nghệ An.

Tổng đốc Hải - Yên là Phạm Phú Thứ tâu lên nói : Các nhà buôn chứa số gạo nhiều, xin tha cấm 1 tháng, cho vận tải đến cửa biển Ninh Hải, trình kiểm đánh thuế, rồi cho xuất dương mà bán. Vua cho là giá gạo ở Bắc Kỳ còn cao, không y cho.

---

(1) *Hàn Diên Thọ* : thời Hán Tuyên đế, làm chức Tả phùng dực, chăm lấy đức hoá dạy dân, trong quân được yên, dân không nỡ dối.

(2) *Diên Đốc* : thời nhà Hán làm Kinh Triệu doãn, có tiếng hay.

(3) *Tam phụ* : đời nhà Hán lấy Kinh Triệu, tả Phùng dực, hữu Phù phong làm Tam phụ.

(4) *Trương Xưởng* : đời Hán Tuyên đế làm Thứ sử châu Ký hay bắt trộm cướp, nhân dân được yên.

(5) *Lý Thân* : người đời Đường, có tiếng giỏi về thơ.

Lại sai tổng lý và đồn tấn các tỉnh, phủ, huyện ở Bắc Kỳ phải xét hỏi nghiêm ngặt, chớ để cho tiết lậu.

Ân cấp thuốc tử kim đĩnh cho trong Kinh, tỉnh ngoài và các quân thứ. (Do viện Thái y chế ra để cấp, tất cả hơn 2.000 đĩnh).

Vua lại đi chơi núi Thuý Vân và cửa biển Tư Hiền, xét xem phòng giữ bờ biển, 5 ngày về cung.

Phát chẩn cho 6 thôn ở Hà Nội bị hoả tai (Kim Cổ, Thuận Mỹ, An Nội, Cổ Vũ, Thượng Đông Thành, An Thái).

Vua lại rước Từ giá đi chơi cửa biển Thuận An, xem xét bờ biển, 6 ngày về cung.

Vua xét 2 bản án tâu lên về việc dân xã ở 2 tỉnh Hải Dương, Hà Nội khinh thường đánh viên huyện lệnh. (Tri huyện Tứ Kỳ ở tỉnh Hải Dương là Nguyễn Duy Thanh đi khám ruộng, đi qua đến xã Ngưu Uyên, nhân có việc dân kiện vợ Bùi Đình Kiêm tranh cướp lúa. Viên huyện đòi Đình Kiêm để hiểu thị, Đình Kiêm đánh trói viên huyện, án nghĩ Đình Kiêm phải tội trảm quyết, Duy Thanh giáng 2 cấp lưu, triệt hồi do bộ cải bổ. Tri huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nội là Tôn Huy Thân đi đốc thuế, bị Lý trưởng xã An Bùi là Phạm Văn Đệ khinh thường đánh, Văn Đệ bị xử trảm quyết, Huy Thân phải giáng 2 cấp lưu được chờ ở bộ.

Vua giáng Dụ cho trong Kinh, tỉnh ngoài rằng : Từ sau, phàm thượng ty các địa phương đều phải xét rõ các viên phủ, huyện, người nào tham nhũng bỉ ổi không làm được việc, dân tình không phục, thì phải tâu hặc ngay, nhưng phải giữ bụng công minh, không được tư vị nghe lời khuyên chê, dụng tình yêu ghét, lại phải giữ liêm chính cứng cát cho mà theo, để kẻ lại không nhiễu dân, dân yêu kẻ lại, nếu lại có phát ra việc như 2 huyện ấy, tất bị nghiêm nghĩ. Nhân dân các ngươi, đều là con đỏ của trẫm, từ sau đều phải cần kiệm yên phận, giữ lòng thực thà, lấy việc 2 huyện ấy làm răn chớ để cho cường hào dỗ dành được, đổi hết thói tệ, cùng hun đúc tục hay, gọi là nước có lễ nghĩa, càng là không hổ thẹn.

Bắt đầu làm đồn Vân Đồn ở tỉnh Quảng Yên (thuộc địa phận xã Vân Đồn, huyện Nghiêu Phong, núi và biển cùng chằng chịt, làm nơi xung yếu ở tỉnh ấy và tiếp giáp Hải Dương).

Chuẩn định lệ đổi phái và thưởng cho biền binh bắt giặc ở quân thứ Tuyên - Thái (cứ 6 tháng một lần đổi, đều thưởng cho tiền lương 1 tháng).

Tổng đốc Hải - Yên là Phạm Phú Thứ cho là phận sông 2 xã Quang Dực và Đông Lôi (thuộc huyện Bình Giang) hẹp hòi và cong queo, bắt dân khai đào để thông đường vận tải, công việc làm xong mới tâu lên, vua quở rằng : Của và sức dân có phải là nhỏ đâu, chuẩn cho đều phải giáng 3 cấp lưu.

Lĩnh Bố chính tỉnh Sơn Tây là Vũ Văn Lập can tội nói dối giấu giếm, án nghĩ phạt 100 trượng, đồ 3 năm (cha Văn Lập là Thế Tế nguyên can tội đồ, quyển đi thi của Văn Lập, ở chỗ cung khai theo lệ phải chua rõ 2 chữ can án, lại giấu bớt đi, đến nay được phong tặng, theo lệ có tờ khai, mới bày tỏ thú tội). Vua ban ân chuẩn cho cách chức, cho theo quân thứ Tam Tuyên sai phái làm việc chuộc tội.

Kinh sư và Nam Kỳ, Bắc Kỳ nhiều nơi tâu báo mong mưa. Vua rất tự trách mình, bảo các quan trong Kinh, tỉnh ngoài rằng : Từ khi sang mùa hạ đến giờ, tỉnh Quảng Nam trở vào Nam lại bị hạn lâu, các tỉnh trở ra Bắc cũng nhiều lần tâu mong mưa, trong đó cũng có 1 - 2 hạt liền cầu đảo thì ứng nghiệm ngay, rồi lại cháy khô, đều là chưa được thoả thuận, tất cả đều tâu cầu đảo, gần khắp cả nước, há được coi là thường ư ? Huống chi lại hoặc mưa đá, hoặc sét đánh, hoặc bị nạn sâu cắn lúa, điềm tốt điềm xấu khó biết, đói và mất mùa đáng lo, nay gọi là năm đại khánh, có mừng gì đâu, kìa như làm việc mừng, bày việc vui, muốn cùng cả nước cùng vui, nay nếu lúa phần nhiều không được gặt, dân lại túng đói, thì vui với ai, lại còn chúc hão nịnh hót làm gì ? Lòng lo của trẫm như đốt, không nói không được, trời đất hằng ngày soi xét, ở đấy, các quan có lỗi, ở một mình trẫm, thà giáng tai vạ, thì trẫm không có con, tật bệnh luôn trong mình, thực là đáng phải chịu, xin đừng tai vạ đến nhân dân để thêm lo cho trẫm. Các quan trong Kinh, tỉnh ngoài nếu đổi bỏ hết được lỗi trước, từ nay đều thực bụng làm việc thực, người không có ý riêng, việc tất phải làm nên, không để lo cho người trên, không để hại đến kẻ dưới, chóng đem lại khí hoà, nắm được mùa luôn, có thể hơi thư được lòng ta, thì tuy không chúc mừng, cũng thực đáng vui, đó không được như thế, thà rằng giữ tính sẵn có của trẫm, nhất thiết bãi hết, may trẫm được ít lỗi đó thôi. Vậy quan các tỉnh, phủ, huyện hiện đang cầu đảo, phải tự cố gắng thế nào, cho chóng được thấy mưa đã đủ ngấm, phải tâu ngay, không được che giấu chút nào và thường phải thương dân, dự trữ lương thực, cốt được ăn đủ, tuy không may có từng phương cũng không lưu tán chết đói ở ngoài đường, là thay việc trời đó, không những chỉ báo đến trẫm mà thôi. Sau rồi các hạt đều được ứng nghiệm tốt, chỉ có một tỉnh Quảng Nam là chậm. (Đến hạ tuần tháng 7 mới mưa, chưa được đủ ngấm). Vua cho là quan tỉnh không được sẵn lòng thành nên mới thế, đều lấy lại 6 tháng lương.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LX*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Tự Đức năm thứ 31 [1878], mùa thu, tháng 7, ngày Mậu Dần, mở ân khoa trường thi Hương võ tỉnh Thanh Hoá.

Tháng ấy, quân ở Kinh theo lệ có chia ban, vua bảo rằng phận quân tuy nhỏ, nhưng nghĩa tôn thân thì như một. Từ trước đến nay sai phái công việc hơi là bận nhọc, nay khánh tiết gần đến kỳ, mà lại chia ban, trong lòng thấy có chưa yên, mới chuẩn cho tạm ở lại đến tháng 7, tháng 8, tuỳ việc sai phái cho tiện đến kỳ được hầu xem, để yên lòng quân, rồi lấy ngày mồng 10 tháng 8 cho nghỉ việc đến cuối tháng, để được nhàn rỗi.

Ở Kinh sư mưa to, ngày 17 tháng trước mưa to, rồi lại nắng, đã sai Phủ doãn Vũ Văn Thanh cầu đảo ở đền Quan Công rõ thiêng chưa thấy ứng nghiệm, vua mới thân làm một bài thơ trách mình (thơ 5 chữ cổ phong) bảo cho đình thần ban văn, đình thần tâu xin tuyên đọc bài thơ ấy để cầu đảo.

Vua bảo rằng : Nếu hằng ngày soi xét không xa, thì một tấm khổ tâm của trẫm được có lòng thương đã lâu, đợi gì còn phải đọc thơ và đốt đi, nhờ ở cùng đem lòng thành đổi điều lỗi, hoặc có thể cảm cách triệu được khí hoà. Rồi sai Vũ Văn Thanh tiếp tục cầu đảo, được mưa nhỏ, lại sai xin mưa thêm, mới mưa to xuống. (Ngày mồng 7 mưa nhỏ, ngày 11 mưa to).

Huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh có sâu cắn lúa.

Hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi bị đói, dân phần nhiều dắt nhau qua cửa Hải Vân để kiếm ăn, sai quan phủ phát gạo kho ra để chẩn cấp (đàn ông, đàn bà mỗi người nửa bát gạo, 20 đồng tiền, trẻ con mỗi người 3 phân gạo, 10 đồng tiền) ; những người đi đứng không được thì làm chỗ để nuôi. Lại sai Thái bộc Tự khanh Đoàn Khắc Nhượng sung làm Khâm phái đến ngay 2 tỉnh ấy trông coi cùng cứu chữa, tìm cách làm ngay. Sau gần đến khánh tiết, Khắc Nhượng xin về bái chúa, vì sự cứu chữa đang cần, không chuẩn cho.

Vua sai bắc xe ngự đến đàn chay to bạt độ ở chùa Linh Mụ. Trước đây, bộ Lễ tâu xin theo lệ đàn chay to, đến khánh tiết tụng kinh chúc hỗ. Vua bảo rằng chúc thọ một người, không bằng cứu oan muôn người. Phật giáo hư vô mờ mịt, có cảm cách hay không, không bởi đâu mà biết được, trẫm từ trước đến nay cũng không tin, chỉ hết lòng ta, mong cho trung hồn được siêu bạt để giúp nước được trị yên lâu dài, mới sai làm đàn bạt độ ở chùa Linh Mụ, hội cả các sư ở chùa công phủ Thừa Thiên, lấy ngày trung nguyên khai kinh, tế chung cả các tướng sĩ chết trận ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ từ năm thứ nhất [1848] đến nay. (Thần bài ở 3 đàn, trên cạn chuẩn cho đề chung cả trong đó các án ở rạp giữa tả nhất, hữu nhất 2 bài vị, đều đề chung các vị quan to văn võ lần lượt chết vì việc nước và có công lao mà đã chết ở Kinh kỳ, Tả, Hữu trực kỳ và Nam Kỳ, Bắc Kỳ ; về bản triều, tả nhị, hữu nhị và 2 chái 4 bài vị đều đề chung các vị chức những người tiết quan tướng tá, tá lãnh văn võ lần lượt chết vì việc nước và có công lao mà chết ở Kinh kỳ, Tả, Hữu trực kỳ và Nam Kỳ, Bắc Kỳ về bản triều. Các án về rạp 2 bên tả, hữu 10 bài vị đều đề chung các linh hồn lại dịch, binh dõng lần lượt chết vì việc nước ở Kinh kỳ, Tả, Hữu trực kỳ và Nam Kỳ, Bắc Kỳ. Đàn dưới nước cũng thế. Từ năm thứ nhất [1848] đến trước tháng 7 năm thứ 13 [1860], số người được thờ tất cả hơn 9.470 viên, sau khi ấy đến tháng 7 năm nay [1878] số người hơn 4.670 viên. Còn sư ở các chùa công (khi bấy giờ sư ở các chùa từ Quảng Bình trở vào Nam xin đến Kinh) cho đều ở chùa ấy theo lệ thường chúc hỗ (đến ngày khánh tiết tụng kinh và chúc hỗ đều 1 ngày đêm), hoàng thân, hoàng tử, phủ Tôn nhân tâu xin mở một đàn 7 ngày, cũng không chuẩn cho. Đến nay (sau ngày trung nguyên 1 ngày), khi vua ngự đi xem, quan Kinh doãn mới cầu mưa, ngày 11 mưa to, sau lại nắng, vua nhân đốt hương mật đảo (cầu xin mưa thuận, gió hoà, hằng năm được mùa, dân yên) rồi về cung đêm hôm ấy (đêm 16) mưa to, qua 5 ngày nữa (ngày 21), lại mưa to, nhân làm 1 bài thơ (7 chữ cổ phong) để ghi chép việc ấy.

Khâm sai Nguyễn Sơn Tăng tâu xin lại đình việc tuyển thêm lính và đình việc xét xử hình án ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên (xin đình việc xét xử hình án 3 tháng, nói tỉnh Phú Yên hơn 100 việc án đã xét xử xong,

chỉ còn 7 án, tỉnh Quảng Ngãi còn hơn 10 án, tỉnh Quảng Nam hơn 50 án chưa xét xử xong, trong đó có 2 tên phạm vì bị giam đói khổ đến chết).

Vua bảo rằng : Việc tuyển lính thêm cũng là theo điển lệ cũ, để vững căn bản chốn Kinh sư, từ khi chước giảm đến nay đã hơn 20 năm, sinh dưỡng đã lâu ngày, không nên dùng dằng (trước kia phủ Thừa Thiên, 4 tỉnh trực Tả kỳ tuyển lính cứ 3 suất đinh lấy 1 lính ; khoảng năm Minh Mệnh chiểu số dân chước lượng tuyển thêm, mỗi vệ 500 tên, mỗi đội 50 tên ; Tự Đức năm đầu [1848] chước giảm 2 thành, năm thứ 29 [1876] chuẩn cho tuyển thêm, sau thường hoãn lại chưa thi hành), nhưng vì năm nay trẫm đến tuần 50 tuổi, sang năm cũng gặp luôn tiết thất tuần đại khánh của Hoàng thái hậu, lại nhân đại hạn và đói, mới xuống Dụ chuẩn cho đến mùa xuân năm thứ 33 [1880] tuân hành tất cả, còn xét xử việc hình, chuẩn cho đình 3 tháng.

Khâm phái Ngô Trọng Tố đem dân tình ở các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh tâu lên (nói các hạt tỉnh Quảng Bình nhân lúc giáp hạt và 2 tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, không có lúa chiêm, dân đều gieo neo) xin lượng cho lấy thóc bán ra, cho dân vay và chẩn cấp. Vua cho, sai các quan tỉnh xét tình dân mà làm cho được ổn thoả.

Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Lễ Lê Bá Thận có tội, bị phạt trượng và tội đồ. Trước Bá Thận nói là có bệnh lưu ở chỗ làm quan để điều dưỡng, gặp khi vua đi chơi cửa biển Thuận An, Bá Thận liền về nhà làm thêm nhà cửa, đến khi nghe tin vua về, vội vàng đi thuyền đến chỗ làm quan, lại gặp vua đi chơi vườn Dư Dã, sai chèo thuyền gấp không tránh, xung đột với nghi trưởng của đạo đi sau, bị nạn ở hành dinh, hặc tội tâu lên, giao cho bộ Lại nghị. Bá Thận nói thác là muốn đến để hầu thăm sức khoẻ vua. Vua ghét là xảo trá, giả dối, lại giao nghiêm xét, biết hết sự thực, kết án nghĩ tội dâng lên (phải phạt 100 trượng, đồ 3 năm).

Vua mới giáng Dụ bảo rõ chính tội rằng : Bá Thận thờ trẫm 31 năm nay, không phải là không lâu, từ ất bảng xuất thân, lên đến chức cao, không phải là không hậu, mà văn học tài trí phần nhiều không bằng người. Xét đến lý lịch cũng không có gì đáng khen, nhưng vì quen việc, cất nhắc đã đến trật cao, phải cảm kích cố gắng hơn lên, còn sợ chưa đền được. Thế mà cái tính tham bỉ lận khắc, che lấp đã sâu, quen làm dối trá, thác bệnh ở nơi làm quan, rồi tự tiện về nhà, đến khi nghe tin vua về, đi thuyền về chỗ làm quan đợi sẵn, không may lại gặp đường vua đi đã không giữ lễ tránh xa, lại muốn thoả lòng riêng thúc giục người đi theo cố chèo thuyền vượt qua, đã giao bộ Lại nghị. Hắn nên biết lỗi, cứ thực nhận lỗi, thì trẫm cũng khoan tha để cho đổi lỗi, thế mà lại thác làm có lòng trung ái, để che gian trái, phàm lỗi bày tỏ, người đều không thèm để mắt đến, thời lúc bình nhật bụng nghĩ và lời nói đã không

đáng hỏi đến rồi. Kể thì cái nết xấu của con người, không gì xấu hơn kiêu lận xảo trá, đối với bầu bạn mà nói còn không nỡ thế, huống chi đối với vua cha ư ? Việc ấy còn nỡ làm, thì việc gì mà chẳng nỡ được. Huống chi từng nghe nói hắn có nhiều ruộng nương nhà cửa, dùng mưu mẹo xâm chiếm, khắc ý sai khiến, một xã Dương Xuân đã không có người ở gần, người đều dám giận mà không dám nói, thường đã răn bảo, chỉ lỡ miệng nhận lỗi mà trong lòng không sửa đổi, tức như lần này về nhà làm thêm, cũng có thể chứng nghiệm được lòng tham không chán. Kìa như đại thần là cột đá của nước nhà, là gương mẫu cho liêu thuộc, vua đi ra ngoài, đáng lẽ phải ở chỗ làm quan, thêm bảo tuần phòng, mới yên được lòng, thế mà chăm nghĩ đến việc riêng của nhà, quên hết lễ nghĩa, trật cao, chức trách của khu mật, nên như thế ư ? Tình tội của hắn rất nặng, không thể không trừng trị một người để khuyên răn trăm người, không phải không nghĩ đến khánh tiết nên ban ơn, người có công khó nhọc cũ cũng nên tha, nhưng dối trá bỉ lậu đã quá, để lại cũng làm nhơ nhuốc cả hàng chầu, cậy quyền lại làm luỵ cho dân, chuẩn cho theo như nghĩ định chiếu án thi hành, để tỏ ra khuyên răn. Cho quan có trách nhiệm sao ngay lời Dụ này, án này và các tờ tâu của Lê Bá Thận, lục sức cho ở Kinh và tỉnh ngoài đều biết, từ vương công cho đến quan viên lớn nhỏ, đều nên coi đó làm răn, lấy lòng công bỏ hết lòng riêng, có điều hay càng cố gắng, có điều lỗi tất phải đổi đi, đừng nói dối lòng, đừng tiêu nhàm của, thì các việc không việc gì là không chấn chỉnh, dân vật không gì là không yên vui thịnh vượng mà phương xa không phương nào là không mến phục.

Vua lại hỏi Bá Thận từng đã giận con mà cắt cả tai, đã chuẩn cho giao xét, quả có việc ấy, nhân lại bảo bộ Hình rằng : Bá Thận sao tàn nhẫn trái bậy quá lắm. Vả lại để sống hay giết, cho hay lấy lại là do tự vua, người bề tôi nếu làm phúc làm uy, tất làm hại cho nhà ngươi, hắn đã làm càn, có liên quan đến phép nước, mà các quan nghe biết cũng giấu giếm cho, thế là đạo lý gì ? Mới chuẩn cho trừ tội riêng của Bá Thận không xét, còn những người cùng làm việc như Nguyễn Văn Thuý, Trần Thúc Nhận ở bộ Lễ, cùng những người không biết xem xét như kiêm quản viện Đô sát là Hoàng Diệu và bọn khoa đạo, đều giáng 2 cấp lưu. Lại thông Dụ cho quan viên trong ngoài, dùng hình phạt phải theo pháp luật, tuy là con cháu, cũng không được dùng đồ kim khí có mũi nhọn mà cắt, xẻo càn.

Cho thự Chưởng vệ quyền coi dinh Hổ oai là Nguyễn Bách lĩnh Đề đốc Kinh thành (thự Đề đốc trước là Tôn Thất Kỳ ốm nghỉ giả hạn).

Đặt thêm Phó đề đốc Kinh thành và Tham biện phủ Thừa Thiên (chánh ngũ phẩm) mỗi chức một viên. Vua cho là ở Kinh sư địa thế dài, công việc bận nhiều, cho nên giáng Dụ đặt thêm, lấy Lãnh binh tỉnh Quảng Trị là Nguyễn Hữu Thục, đổi bổ Vệ uý Cấm binh, lĩnh Phó đề đốc Kinh thành cùng làm việc phủ (Quang lộc tự

Thiếu khanh Ngô Tất Tố tham biện việc phủ). Lại vì ty Hộ thành tuần kiểm cả trong thành, ngoài thành, thế khó trông coi khắp cả được, chuẩn cho đặt thêm chánh, phó sứ mỗi chức 1 viên (nguyên trước Hộ thành chánh, phó sứ 2 viên, chia nhau đóng ở trong thành tuần kiểm, còn ngoài thành do chánh, phó võ học 2 viên chia nhau đóng để tuần kiểm, nay đặt thêm 2 viên lại đặt thêm bát, cửu phẩm, vị nhập lưu mỗi chức 1 người, theo đi đóng để tuần kiểm ngoài thành, còn chánh, phó võ học đình việc tuần kiểm, để chuyên việc dạy tập), Tri huyện huyện ở Kinh 6 viên, lại chuẩn cho theo lệ năm Minh Mệnh đặt ra, vì định điều tuy không gấp nhiều (huyện Hương Trà : số người 8.053 người, số ruộng hơn 10.234 mẫu ; huyện Phú Vinh : số người 6.921 người, số ruộng 12.697 mẫu ; Hương Thuỷ : số người 6.642 người, số ruộng 9.711 mẫu ; huyện Phú Lộc : số người 3.033 người, số ruộng hơn 9.931 mẫu, huyện Quảng Điền : số người 6.829 người, số ruộng hơn 9.468 mẫu ; huyện Phong Điền : số người 6.751 người, số ruộng hơn 8.914 mẫu) nhưng vì đầu núi, cửa biển xa cách không thể khắp được (trước vì việc ít nên bỏ bớt, lấy huyện Hương Trà kiêm nhiếp huyện Phú Vinh ; huyện Hương Thuỷ kiêm nhiếp huyện Phú Lộc, huyện Quảng Điền kiêm nhiếp huyện Phong Điền ; đến nay đặt 3 tri huyện Phú Vinh, Phú Lộc và Phong Điền, lại, lệ đều như trước).

Làm 18 toà lầu và rạp. (Tháng 2 bắt đầu làm, tháng này công việc xong khoảng năm Minh Mệnh lầu rạp hơn 70 sở, nay nghị chuẩn cho số ấy, trước cửa Ngọ Môn 1 lầu chính, 2 rạp lớn ; trước lầu Phu Văn 1 rạp ở dưới nước, trên bờ 2 bên tả, hữu 2 rạp ; Tôn nhân, đình thần, phủ Thừa Thiên, các tỉnh Nam Kỳ, Bắc Kỳ 6 rạp ; lại 6 huyện về phủ Thừa Thiên 1 rạp ; hộ dân, hộ phố 1 rạp ; hộ dân, hộ phố từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến Bình Thuận 1 rạp ; hộ dân, hộ phố từ Quảng Trị, Quảng Bình đến Thanh Hoá 2 rạp ; hộ dân, hộ phố ở Bắc Kỳ mỗi hộ 1 rạp) lấy Thượng thư bộ Công là Tôn Thất Tĩnh, Tham tri bộ Lại là Hoàng Diệu trông nom công việc ấy, sau xin bày câu đối ở lầu rạp.

Vua nhân nghĩ 4 chữ đại tự "sở kỳ vô dật"[1] ở bức hoành biên ở tầng trên lầu chính và 5 đôi câu đối ở các lầu rạp trên dưới (nói rõ tập văn vua làm, tập thứ 3, còn thì chia sai hoàng thân, hoàng tử, đình thần ban văn nghĩ soạn (tất cả 44 đôi câu đối), khúc nhạc khúc hát ở Kinh và tỉnh ngoài phần nhiều phụng mệnh nghĩ soạn bài mới (viện Hàn lâm phụng soạn 3 bài ca nhạc bài mới, khi lên ngai tấu bài "Hi khánh", khi dâng rượu chúc thọ, tấu bài "Hoàng khánh", khi về cung tấu bài "Tuy khánh", quan tỉnh Hải Dương phụng soạn 1 bài chúc hỗ khúc mới và 3 thể điệu hát, quan tỉnh Thanh Hoá phụng soạn 10 bài, còn các khúc thường tập như các

(1) *Sở kỳ vô dật* : chữ ở thiên *Vô dật* trong *Kinh Thư*, nghĩa là chuyên chú vào chỗ không nhàn rỗi vui chơi.

khúc ca cung nam, cung bắc, mạo mở, thơ thống, trong đó có chữ, nôm, câu điệu đều khác nhau). Còn như lễ điệp, biểu mừng của các tỉnh, cũng sai quan tỉnh nghĩ soạn để cho được quen, sau có lễ đại khánh cũng thế (trước đây câu đối và biểu, điệp do viện Hàn lâm nghĩ soạn, khi ấy Tuy Lý quận vương Miên Trinh soạn dâng bài thơ "Tự Đức thánh đức" có cả bài tự rằng : Kính xét : chữ sở, cũng như sao Bắc Thần ở vào ngôi ở yên đó mà không dời đi nơi khác, "sở kỳ vô dật" là lấy không nhàn rỗi làm chỗ ở nhất định. Phàm khi động, khi tĩnh, khi ăn, khi nghỉ không lúc nào không chuyên chú đến, không có thể lìa bỏ được giây phút nào, nếu lìa bỏ được thì không phải là chỗ ở. Phàm người ta tuy hoặc răn về chơi vui lười biếng, nhưng lúc làm, lúc thôi, có thể tạm thời mà không phải chuyên chú, cũng không phải gọi là chỗ ở được, một thiên *Vô dật*, nên từ mệnh Trời tinh vi, dưới đến ruộng nương khó nhọc, làng mạc oán trách, không việc gì là không chép đủ, mà cốt yếu chỉ ở không nhàn rỗi, vì từ xưa đến nay, người có nước nhà, mong mệnh Trời được lâu dài, tự cầu nhiều khúc, trải năm được dài, hưởng có nước lâu, không ai là không theo thế. Khổng Tử nói : "50 tuổi mà biết mệnh Trời", lại nói : Trời chuyển vận mạnh, người quân tử theo đấy tự hăng hái mà không lúc nào nghỉ, tự hăng hái tức là không nhàn rỗi, không nghỉ tức là chuyên chú vào đó, bắt chước Trời tức là biết mệnh Trời : Kể thì theo Trời chuyển vận mạnh, thì sống lâu ngang với Trời là lẽ tất nhiên. Kính thấy ý của Hoàng thượng ta cùng với Chu Công, Khổng Tử không chỗ nào là không hợp nhau. Như thế thì tuy có văn hay như Ban Cố, Tư Mã Thiên, tài giỏi như Yên, Hứa[1] vài mươi người, nghìn muôn lời nói, liền từng thiên, hàng chồng giấy, hết cả bút mực để khen chúc, cũng không sao phảng phất được ý nghĩa rộng sâu, lý trí tinh tường của 4 chữ Hoàng thượng ta đề ra. Nhưng đạo Trời cao càng mong cho cao, xéo lên đất dày càng mong cho dày, khắp cả gầm Trời, tất cả bên đất, phàm những hạng được nói, hoặc nói nhầm mà văn hoa như lời chúc "cửu như" ở *Kinh Thi*[2] hoặc giản dị mà chất phác như lời chúc Tam đa của Phong nhân chúc vua Nghiêu[3] không ai là không ngợi khen công đức để tỏ tấm lòng thành ; huống chi như tôi trước được bổ vào nhà Tôn học, phải làm bài chúc mừng là chức phận mình, không dám vì chất phác quê mùa không văn hoa mà tự bỏ chức phận trộm bắt chước bề tôi nhà Đường là Hàn Dũ làm bài thơ "*Nguyên hoà*[4] thánh đức", bề tôi nhà Tống là Thạch Giới[5] làm bài thơ "*Khánh lịch*[6] *thánh đức*", Kính làm

(1) *Yên, Hứa* : đời Đường Huyền Tông, Trương Duyệt phong Yên quốc công, Tô Đĩnh phong Hứa quốc công, đều văn chương nổi tiếng.

(2) *Cửu như* trong *Kinh Thi* : thơ Thiên bảo ở *Kinh Thi*, chúc tụng vua có 9 chữ *như* (xem ở *Kinh Thi*).

(3) Quan Phong nhân chúc vua Nghiêu sống lâu, giàu và nhiều con trai là *Tam đa*.

(4) *Nguyên Hòa* : niên hiệu Đường Hiến Tông.

(5) *Thạch Giới* : đời Tống Nhân Tông, văn học nổi tiếng có làm bài thơ *Khánh lịch thánh đức*.

(6) *Khánh lịch* : niên hiệu Tống Nhân Tông.

bài thơ "*Tự Đức thánh đức*", cúi đầu giập đầu dâng lên, thơ rằng : "Hoàng đế trị vì, từ Trời ban mệnh, gặp vận trùng hy[1], công bình chăm chính. Hoàng đế thánh chính, văn võ noi gương, gắng sức lo trị, không ở yên thường, trong yên ngoài ấm, bằng đế hơn vương[2], Hoàng đế đức hiếu, tiếng sắc hoà vui, hầu khi ăn nghỉ, khuya sớm không sai, dạy khắp bốn biển, làm gương cho người, cho đến muôn thuở, kính mến đời đời. Hoàng đế hậu hoà, thân cùng tôn tộc, đến hàng ức người, đều hưởng tước lộc. Hoàng đế hiếu học, lưu tâm cổ điển, Chu Khổng gốc nguồn, cốt ở chí thiện. Hoàng đế thông minh, giá hoà ấm ráo, thơ chính mà hay, văn dùng chép đạo. Hoàng đế sáng suốt, tai mắt thông minh, thưởng thiện trừng ác, giữ đạo công bình. Hoàng đế dạy người, chăm chỉ không mới, dân trọng có ba[3]. Vua thầy cùng nói, trong thánh ngoài vương, một mình đương nổi. Hoàng đế nhún nhường, trong lòng chính đáng, không nhận là hay, cầu người giúp thẳng. Hoàng đế thần võ, bỏ giáo múa cờ, không khoe thanh sắc, khắp đất nương nhờ. Hoàng đế ân rộng, nghĩ đến nhà gianh, tuổi già ưu đãi, cô độc không khinh, sửa sang giúp đỡ, muôn vật sinh thành. Hoàng đế nhân từ, khắp khoảng trời đất, dân ngu tối kia, sa vào pháp luật, ba lần tha cho, kính cẩn thương xót. Hoàng đế chính trị, Trời đất hoà vui, muôn dân nhờ cậy, chín cõi không ngoài. Hoàng đế muôn tuổi, như cây xuân này, như Trời cao vót, như đất rộng dày, chỉ Trời là lớn, thăm thẳm tột bậc, ngôi sao ở xa, kể hàng nghìn ức. Trông càng thấy cao, không thể dòm qua, xem Trời làm lịch, chức của Hy, Hoà[4], huống chỗ gan phổi, chầu chực không xa. Coi Tôn nhân phủ, phiên thần Miên Trinh, làm bài thơ này, để nối tụng thanh).

Vua khen rằng : Ta rất ít đức tối tăm, muôn phần không dám đương được thế, nhưng vương là bậc học nhiều văn hay, không nhân đề mục ấy để phô bày tài giỏi ra, thì vẫn không ai biết, ta cũng rất tiếc cho, muốn vương cùng với 2 gã họ Hàn, họ Thạch [5] để tiếng thơm muôn đời, để tỏ ra người thân của ta cũng có bậc hiền giả, đó cũng là việc tốt, mới sai sao ra giao cho Sử quán.

Mùa thu, tháng 8, ngày Kỷ Mão, sai Văn Minh điện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Binh Trần Tiễn Thành kính đến đàn Nam Giao ; Hữu quân Đô thống thự Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự Lê Sĩ kính đến đàn Xã Tắc làm kễ kính cáo tiết ngũ tuần đại khánh.

---

(1) *Trùng hy* : nghĩa là hai lần sáng, chữ ở *Kinh Thư*, ý nói đức của vua Thuấn cũng sáng như đức của vua Nghiêu.

(2) Bằng 5 đời đế, hơn 3 đời vương (tra ở *Từ Hải*, bộ *khẩu*, chữ *hàm*).

(3) *Tam trọng* : ba đạo trọng là vua, thầy và cha.

(4) *Hy, Hòa* : Hy thúc, Hòa thúc, Hy trọng, Hòa trọng, tên chức quan về đời Đường, Nghiêu xem thiên văn để làm lịch.

(5) *Hàn, Thạch* : Hàn Dũ nhà Đường, Thạch Giới nhà Tống nói ở trên.

Sứ bộ sang Tây về (tháng 10 năm ngoái đi đến tháng này về, theo lệ phải lần lượt từng ngày làm biên bản, chiểu khoản làm sổ biên số tổng cộng dâng lên. Đến ở nước Y Pha Nho 28 ngày, nước Y cung ứng khoản tiền 8.960 quan (sứ bộ 8 người, thuê hoả xa đi về, 2 cỗ xe song mã chực hầu và thuê sứ quán để ở, cả tiền cơm, cũng vào số tiền ấy), còn thì nước Pháp cung ứng (sứ bộ và khâm phái đi đấu xảo là Nguyễn Thành Ý, lúc đi 22 người, lúc về, Thành Ý còn ở lại, sứ bộ 14 người về trước) khoảng tiền 32.938 quan. Cho Nguyễn Tăng Doãn vẫn bổ Tả tham tri bộ Lại, lại sung làm việc viện Cơ mật và nha Thương bạc, nguyên Tả tham tri bộ Lại Hồ Trọng Đĩnh (trước Tuần phủ tỉnh Quảng Yên, nay về Kinh bổ Tham tri bộ Lại) đổi bổ Tả tham tri bộ Hình.

Khâm sai kinh lý Hà đê sứ Phạm Thận Duật, Thương biện Phạm Đăng Giảng đi việc công về. Trước vua muốn cầu cho đê sông được toàn lợi, mới uỷ bọn Thận Duật đi làm, đã 2 năm, chưa thấy được việc hoàn toàn, lại bảo phải khám xét cho kỹ càng và trù liệu xem thế nào. Sau bọn Thận Duật tâu bày liệu tính không thể làm cho xứng chức được. Tờ tâu nói : Thuỷ thế xứ Bắc Kỳ khó giữ được toàn lợi, nên chọn lợi nhiều hại ít thì làm, nhưng xét chỗ vỡ trước ở huyện Văn Giang, huyện Đông An trước khi chưa vỡ, nước lũ sông Nhị Hà không chia chảy được. Hằng năm chợt có mực nước quá ngày thường lan đến 4 - 5 tỉnh (các tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình bị lụt nhiều, Bắc Ninh, Hưng Yên đôi khi cũng có bị lụt) khi vỡ, thế nước rất mạnh, hoặc nhà cửa trong làng trôi đi, hoặc người và súc vật chết đuối, rất là thiệt hại. Từ sau khi đoạn đê ấy vỡ, các tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên bị lụt chỉ 17 huyện, lúa mùa tuy không thu hoạch được, nhưng lúa chiêm được lợi rất nhiều, lương thực của dân vẫn như thường, còn các tỉnh khác hai vụ chiêm, mùa phần nhiều được mùa. Trong đó nước sông Nhị Hà và sông Chiêm Đức ở Bắc Ninh, phận đê tuy hoặc có vỡ lở (các năm 28, 29, 30 vỡ luôn) mà thế nước tràn đến thì ít, không thiệt hại lắm. Tính suốt tình thế hiện nay ở Bắc Ninh thì chỗ đê vỡ ở huyện Văn Giang, huyện Đông An thực không thể lấp được. 17 huyện ở các tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên bị nước tràn đến tuỳ thế đắp đê nhỏ, để giữ lúa chiêm, khi thu gặt xong, để cho nước lụt tràn qua, để san tiêu nước sông Nhị Hà, không gì hơn kế ấy, đã cùng quan các tỉnh Hải Dương, Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh cùng tâu lên. Gần đây, 12 huyện thế nước tràn đến (Hải Dương 7 huyện, Bắc Ninh 5 huyện) và 2 huyện rưỡi trong đê nhỏ bên hữu sông Cửu An về tỉnh Hưng Yên, lúa ruộng đều được phong thu, còn 2 huyện Đông An, Ân Thi và hơn 20 xã linh tinh, hơn 10 xã ở huyện Văn Giang về tỉnh Bắc Ninh (do ở gần ngay chỗ đê vỡ), nhân bị đê cắt ở tỉnh Hưng Yên vỡ lở, lúa ruộng gián hoặc có nơi bị ngập, xem thế thì đê nhỏ để giữ lúa chiêm, không thể không được. Duy các xã về 2 huyện Đông An, Ân Thi, cái kế giữ gìn lúa chiêm, nghĩ nên đắp lại đoạn đê ở Nhị Mễ và

Điều Nha, tuỳ thế mà sửa đắp. Vả lại, năm trước nha Đê chính trù tính công việc tốn kể có vài trăm vạn mà cũng khó mong được việc hoàn toàn. Chúng tôi từ khi phụng phái đến nay, công việc ở các tỉnh, tính suốt số tiền chi cấp là hơn 170.000 quan, mà lúa chiêm vẫn chưa được toàn thu, nay nếu muốn đắp đê nhỏ mà tất giữ vững được lâu, các tỉnh ở Bắc Kỳ vụ chiêm, vụ mùa đều giữ được, tất được toàn lợi mà không hại đến dân địa phương ấy, tự liệu thế không thể làm cho xứng chức được).

Vua mới giáng Dụ bãi nha môn Đê chính, đem tập tâu ấy giao cho quan các tỉnh có sông khám xét rồi tâu lên, làm thế nào cho chóng đến tiết sương giáng thì bắt đầu đắp đê (nguyên trước sau tiết sương giáng khám nghĩ, vào khoảng tháng giêng, tháng 2 thì bắt đầu đắp) cho được vật liệu đầy đủ, công việc chắc chắn. (Sau quan tỉnh Nam Định, Hưng Yên hội tâu xin lại đắp chỗ đê vỡ ở huyện Văn Giang, đình việc đắp 2 đê Nhị Mễ và Điều Nha) cho bọn Thận Duật về Kinh để kịp khánh tiết. Đến nay, Thận Duật về đến Kinh đổi bổ Tả phó Đô ngự sử viện Đô sát (kiêm quản trước là Hồ Trọng Đĩnh chuẩn cho thôi).

Ngày Đinh Hợi, sai các hoàng thân công kính đến các miếu điện làm lễ kính cáo tiết ngũ tuần đại khánh.

Ngày Mậu Tý, vua thân đến Triệu miếu, Thái miếu[1] làm lễ chiêm bái. Trước đấy, vua bảo bộ Lễ rằng : Nay đến ngũ tuần chính thọ của trẫm, ơn nhờ phúc ấm, cảm tạ sao xiết, tuy đã sai quan kính cáo, nhưng chí tình nhờ mến không thể thôi được, lại chuẩn cho dự nghĩ nghi tiết, lễ phẩm có hơn năm thường (- Về nghi tiết : Vua mặc áo đẹp đều đến làm lễ 4 lạy ở chính án bên trong. - Về lễ phẩm : Ngày 11, cỗ bàn các thức ăn hạng nhất và lợn xôi đều 10 mâm, ngày 16, cỗ bàn các thức ăn hạng nhất và xôi lợn đều 4 mâm, ngày 19, các thức ăn quý hạng nhất 1 mâm, cỗ bàn hạng nhất, cơm và điểm tâm đều 2 mâm, lợn quay, lợn luộc hạng vừa mỗi thứ 1 con, xôi 1 mâm, 1 đĩa hoa quả, 6 mâm bánh chưng, bánh dày, thịt ninh và nem đều đựng vào mâm có chân, mỗi thứ 2 mâm, đều đến ngày ấy thì làm lễ).

Ngày Canh Dần, vua rước Từ giá đến chơi lầu chính xem các trò vui. Tháng trước được mưa to (ngày 21) sau khí nắng lại dữ, vua lấy làm lo, sai quan cầu mưa, chưa từng đi chơi (quan ở bộ theo khoảng năm Minh Mệnh, mồng 1 đầu tháng đi chơi, tâu xin, vua không nghe) đến chiều ngày hôm ấy mới đi. Giữa trưa hôm ấy có bóng mây rợp và điểm mưa, đến chiều Mặt Trời tạnh sáng, đến đêm trăng sáng, hôm sau mưa to suốt đêm (2 đêm ngày 14, 15). Vua mừng lắm, làm 1 bài thơ để kỷ niệm.

Trước đấy, chuẩn cho các quan văn võ ở các hạt sung làm được vua chấm tất cả 13 viên. (Thống đốc quân thứ Tam Tuyên Hoàng Tá Viêm, lĩnh Đề đốc Hải phòng

(1) *Triệu miếu* : thờ Triệu tổ và Hoàng hậu ; *Thái miếu* : thờ Thái tổ và Hoàng hậu.

Bình Định Hoàng Diên Nho, lĩnh Đề đốc Nam Định Lê Văn Điếm, Bố chính Thanh Hoá Trương Quang Đản, Thị giảng Học sĩ lĩnh Bố chính Hải Dương Vũ Túc, Hồng lô Tự khanh sung Nghĩa - Định Tiễu phủ sứ Trương Văn Đễ, Thị độc Học sĩ lĩnh Sơn phòng tỉnh Quảng Trị Phan Khắc Kiệm, Án sát Khánh Hoà Lê Liêm, Thị giảng lĩnh Án sát Bắc Ninh Bùi Phác, Thị giảng lĩnh Án sát Nghệ An Tôn Thất Lữ, Thị giảng lĩnh Án sát Tuyên Quang Phạm Am, Phó lãnh binh Quảng Bình Nguyễn Văn Tường, thự Phó lãnh binh tỉnh Hà Nội Hồ Như Phong) sai đều liệu ngày đi đường xa gần, phải mồng 10 tháng này trở đi thì đến Kinh, cho khỏi vắng chức vụ lâu. Đến nay vào yết kiến, vua đã đem việc ở biên giới hỏi Hoàng Tá Viêm (nhiều lần tâu trả lời công việc ở biên giới Bắc Kỳ đã chuẩn cho quân thứ Hưng Hoá do Đề đốc quân thứ Bắc - Thái Ngô Tất Ninh, Quang lộc tự Thiếu khanh sung Tán lý Dương Doãn Am quyền coi đóng giữ Tuần phủ Hưng Hoá Nguyễn Huy Kỷ, Thị lang lĩnh Tuần phủ Tuyên Quang Hoàng Tướng Hiệp đều hết lòng trông nom quân thứ Thái Nguyên và các việc về bọn giặc ra hàng, do Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái Lê Hữu Tá, Hồng lô Tự khanh sung Lạng - Bằng, Ninh - Thái quân thứ Tán tương Lương Quy Chính, Thị độc quyền lĩnh Bố chính Bắc Ninh Phan Đình Bình quyền chuyên trù tính), lại hỏi về sự làm việc của các quan văn và hiện trạng dọc đường đã đi qua để cho biết lợi hại.

Ngày Quý Tỵ, vua thân đến Hưng miếu, Thế miếu[1] làm lễ chiêm bái.

Ngày Bính Thân, vua thân đến điện Long An[2] làm lễ chiêm bái, lại ngự mũ áo đến đêm lên đàn Nam Giao làm lễ bái cáo (dâng hương điện bạch, tham thần, từ thần, thân rót 3 tuần rượu dâng lên).

Ngày Kỷ Hợi, vua thân đến cung Gia Thọ[3] dâng biểu mừng, bày lễ mừng, làm lễ chúc thọ, khi lễ xong, thánh từ ban cho các thứ yếu phẩm và ngọc gấm. (Ngọc như ý có 4 chữ vạn sự như ý, gấm hạng nhất màu chính vàng 5 sắc thêu kim tuyến các chữ phúc thọ du đồng, vân nhưng dịch diệp [4], gấm đoạn hạng nhất, màu đỏ thẫm 5 sắc, thêu kim tuyến chữ "phú quý trường thọ"). Vua giơ tay lên trán lạy mà lĩnh lấy, thân làm 1 bài biểu để tạ (chép rõ ở tập văn vua làm, tập thứ 3, trước đã sai xét nghi văn khoảng năm Minh Mệnh, Thiệu Trị, có được ban cho, đều không thấy chép, chỉ khoảng năm Thiệu Trị tiết tứ tuần đại khánh có chép thánh từ ban cho ngọc châu có chữ vạn thọ và áo hoàng bào 9 con rồng, nhà vua giơ tay lên trán bái tạ).

---

(1) *Hưng miếu* : thờ Hiếu Khang sinh ra Thế tổ ; *Thế miếu* : thờ Cao hoàng đế và Hoàng hậu.

(2) *Điện Long An* : thờ Hiến tổ Chương hoàng đế.

(3) *Cung Gia Thọ* : ở bên tây điện Cần Chính, là nơi mẹ vua ở.

(4) *Phúc thọ du đồng, vân nhưng dịch diệp* : phúc thọ cùng hưởng, con cháu hết đời nọ đến đời kia.

Ngày Nhâm Dần (là chính ngày tiết đại khánh), vua ngự điện Cần Chính, hoàng thân, hoàng tử, các quan văn võ kính dâng biểu mừng (miễn đọc) làm lễ khánh hạ, trên điện đều hô muôn tuổi, múa 8 hàng, tấu khúc nhạc. Lễ xong tuyên ân chiếu ở cửa Ngọ Môn, ban bố cho trong Kinh và tỉnh ngoài, tất cả 34 điều :

- Thân phiên, hoàng thân công, hoàng tử, công tử được tôn tước, quan viên văn võ ở Kinh, các tỉnh ngoài về Kinh chúc thọ và những viên văn từ thất phẩm, võ từ lục phẩm trở lên dự làm lầu rạp đều ban tiệc yến một lần, lại đều gia ân cho các thứ bậc.

- Công tôn, công tằng tôn và tôn thất xa gần, chuẩn đều gia ơn ban cho có thứ bậc.

- Các địa phương ở ngoài Kinh và những đốc, phủ, phòng luyện đề đốc, bố chính, án sát, chánh phó quản đạo, lãnh binh, chánh phó sứ, quản lý, đốc học, thương biện, bang biện, tham biện làm việc Hải phòng, Sơn phòng, Doanh điền, Thương chính, Tuần tải ty và chánh phó quản đốc các tàu thuỷ, viên nào lần này về Kinh chầu mừng đã được ban yến ra, còn thì đều ban thưởng có thứ bậc, văn võ dự vào hạng gia cấp ở khoản dưới, lại đều cho ngân tiền thay vào yến có thứ bậc.

- Hoàng thân công, hoàng tử tôn tước và văn từ lĩnh ngũ phẩm, võ từ lĩnh tứ phẩm trở lên ở Kinh, tỉnh ngoài và ngũ phẩm sung hiệp quản, đồng tri phủ, tri huyện, tri châu, dưới tên hiện không bị đeo chữ giáng, đều thưởng gia 1 cấp, thí sai, thí thự đều thưởng gia ân ban có thứ bậc.

- Các quân thứ Tam Tuyên, Ninh - Thái và Nghĩa - Định, trừ 2 viên thống đốc, tiễu phủ sứ đã sung vua chấm về Kinh không kể, còn từ tham tán, đề đốc đến văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở lên đều ban yến một lần, lại gia ban thưởng có thứ bậc, còn văn lục phẩm, võ ngũ phẩm cho đến cửu phẩm và binh dõng theo phái đi làm việc đều cho tiền thay vào yến. Còn văn lục phẩm, võ ngũ phẩm trở xuống đến cửu phẩm ở ba quân thứ ấy cùng binh dõng theo đi làm việc thuộc vào 2 quân thứ Tam Tuyên và Ninh - Thái lại đều gia thưởng tiền lương 1 tháng, những binh dõng theo đi làm việc thuộc quân thứ Nghĩa - Định đều gia thưởng tiền lương nửa tháng.

- Quan viên văn tứ phẩm ấn quan, võ tam phẩm trở lên ở Kinh và tỉnh ngoài, cha mẹ các viên ấy đã chiểu lệ được phong tặng không kể còn thì con mới được thăng, được gia phong tặng, thì đều chiểu phẩm phong tặng có thứ bậc.

- Quan viên văn võ ở Kinh và tỉnh ngoài, trừ cha mẹ các viên ấy đã chiểu lệ được phong tặng không kể, còn thì chánh tòng nhị phẩm phong tặng 2 đời, chánh tòng nhất phẩm phong tặng 3 đời, đều xem hàm của con cháu, lần lượt phong tặng.

- Quan viên văn võ ở Kinh và tỉnh ngoài trừ đã được gia cấp và theo lệ đã dự ban yến không kể, còn thì không phải hạng ấy trở xuống đến cửu phẩm và dự có chức hàm theo bộ theo tỉnh sai phái và các viên chờ bổ đều cho thưởng tiền lương 1 tháng rưỡi.

- Quan viên lớn nhỏ ở Kinh và tỉnh ngoài hiện ở hàm thự, thí sai cấp bằng, viên nhân sung lĩnh 1 trật, đều chuẩn cho thực thụ ngay, trong đó sung lĩnh 2 trật trở lên, chuẩn cho thăng 1 trật, vẫn lĩnh chức cũ.

- Quan viên lớn nhỏ ở Kinh và tỉnh ngoài không cứ tội danh công hay tư và không được xét công trừ tội, từ ngày 25 tháng 8 năm nay trở về trước, phàm những người đã phải cách lưu, giáng lưu, chuẩn cho quan có chức trách phân hạng làm danh sách tâu lên, lượng cho khai phục.

- Quan viên lớn nhỏ ở Kinh và tỉnh ngoài đã bị phạt bổng xử phân, không cứ tội danh công hay tư và không cho xét từ ngày 25 tháng 8 năm nay trở về trước đều rộng tha cho.

- Quan viên lớn nhỏ ở Kinh và tỉnh ngoài mà phải xử phân đình thăng, thì từ ngày 25 tháng 8 năm nay trở về trước đều được khoan tha.

- Quan viên hưu trí, trừ người bé nhỏ, tạp nhạp không kể, còn từ cửu phẩm trở lên và hưu dưỡng mà văn từ tứ phẩm, võ tam phẩm trở lên, đều do quan địa phương làm danh sách tâu lên cũng gia Dụ ban cho có thứ bậc.

- Quan viên phụ văn võ đã được dự phong, như có đến Kinh, đến tỉnh chúc thọ, chuẩn cho dự ban thưởng có thứ bậc.

- Các cử nhân, tôn sinh, giám sinh, ấm sinh, học sinh ở Giám, sinh viên trường võ học ở Kinh và ấm sinh, học sinh ở các tỉnh ngoài, chuẩn cho đều thưởng tiền lương một tháng.

- Những cử nhân, tôn sinh, giám sinh, ấm sinh học ở Giám, người nào đã đủ 3 năm trở lên, chuẩn cho quan ở Giám xét thực làm danh sách xin sát hạch lại chọn bổ, trong đó tuy là mới được vào Giám, nhưng xét tuổi đã đến 50 trở lên, cũng chuẩn cho chọn bổ, cùng các hạng học sinh trường võ học ở Kinh, người nào đã học được 3 năm trở lên, không cứ có phẩm hàm hay không, đã đi thi Hội hay chưa và thi Hội có dự trúng hay không đều do quan coi việc học ấy xét thực làm danh sách giao bộ tâu xin sai quan hội đồng sát hạch, chia hạng chọn bổ, những người đáng được chọn bổ trên đây đều chuẩn cho một lần mà thôi, người nào tình nguyện ở lại chờ khoa thi thì cũng cho.

- Tú tài các khoa, tuổi từ 40 trở lên, cho các địa phương cấp giấy về Kinh, do bộ Lại làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ xét thực lượng bổ, nếu có tình nguyện ở lại đợi khoa thi thì cũng cho.

- Anh danh, Giáo dưỡng và những người cũng hạng ấy theo học tập ở các tỉnh học đã lâu năm và mới bổ hoặc đình lại mà tài nghệ hơn người, cho thượng ty tỉnh ấy xét thực, tư cho bộ Binh sát hạch, làm danh sách tâu xin phân phái đi các tỉnh chờ bổ.

- Ở Kinh và tỉnh ngoài, có hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ, thượng ty tỉnh ấy xét hỏi kỹ càng đích có sự thực tâu lên chờ cho khen thưởng.

- Các quân dân 70 tuổi trở lên, đều cấp cho 1 phương gạo, 80 tuổi trở lên 2 phương, 100 tuổi trở lên thì cấp cho 1 tấm lụa 3 phương gạo, nhưng chiểu lệ để rõ để nêu khen.

- Những dân tuổi già đi chúc thọ từ 70 tuổi trở lên ở Kinh cho ăn cỗ uống rượu 2 ngày, ở các tỉnh ngoài cho ăn cỗ uống rượu 1 ngày.

- Vị nhập lưu thư lại, thừa biện, tuỳ biện và thông ngôn các nha môn ở Kinh và tỉnh ngoài đều thưởng tiền lương 1 tháng, còn thuộc lại, lễ sinh, y sinh, tượng y, pháp lục, chiêm hậu, hành nhân, tạp ngạch tư lại, không cứ có vào lệ ăn lương hay không, cho đến thông lại các phủ huyện, đều thưởng tiền lương nửa tháng.

- Các hạng biền binh chính ngạch ở Kinh, cho thưởng tiền lương 1 tháng, các hạng biền binh tạp ngạch và bọn thợ thuyền, biền binh các tỉnh phái giải đến Kinh và các binh phu chính ngạch ở ngoài, cho đều thưởng tiền lương nửa tháng.

- Các trạm ở Kinh và tỉnh ngoài tuỳ theo nhiều việc, ít việc, gia thưởng có thứ bậc.

- Tiền thuế thân, tiền thuế đầu lõi, tiền thuế điệu[1] ở các địa phương về năm nay, đã chuẩn cho 10 thành được tạm hoãn 5 thành, nay cho đem 5 thành ấy đều rộng tha cho cả.

- Các hộ biệt nạp ở các địa phương theo lệ không phải nộp thuế thân, cho đều chước giảm lệ nộp một lần có thứ bậc.

- Các thuế lệ tiền thóc, sản vật của các địa phương không phải để thiếu, vì có duyên cớ, cả hạt hoặc cả huyện châu nhờ ơn được hoãn lại và thóc cho cả dân vay hiện chưa trả xong, từ Tự Đức năm thứ 30 trở về trước các số ấy bao nhiêu, bộ Hộ làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ, lượng cho giảm hoặc tha.

- Bạc tiền thuế lệ của những người Minh Hương, người nước Thanh, dân Man, thuộc hộ, khách hộ, không phải là để thiếu vì có duyên cớ được hoãn lại ở các địa phương từ Tự Đức năm thứ 30 trở về trước, số ấy bao nhiêu cho bộ Hộ làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ liệu gia ân tha cho.

- Dân các hạt Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên trước vì bị giặc, bị lụt, hiện nay tình hình hơi cấp thiết, đều do quan tỉnh xét rõ, tâu xin liệu gia ân cứu giúp.

- Từ năm Tự Đức thứ 11 [1858] đến nay, những viên biền binh dõng lần lượt chết vì việc nước, người nào còn có cha mẹ và vợ cùng con từ 15 tuổi trở xuống,

---

(1) *Thuế điệu* : là thứ thuế phải đóng góp vào các việc tu bổ đê điều, cầu cống, dinh thự v.v...

chuẩn cho đều do quan địa phương xét làm danh sách, do quan có chức trách nghĩ xin ân cấp tiền gạo có thứ bậc.

- Các nhân viên bị lỗi, đã phát giao đi các xứ để hết sức làm việc chuộc tội và sung làm lính, phải khổ sai, thì chuẩn cho các thượng ty ấy và viên cai quản ấy đem họ, tên, tuổi, quê quán và tội trạng, làm danh sách tâu lên do bộ xét nghĩ, chờ ban ơn cho.

- Phàm các án bồi tang chưa xong, trừ rõ có thực trạng xén bớt gian xảo không kể, còn thì ở Kinh cho do bộ Hình, ở tỉnh ngoài do thượng ty tỉnh ấy, đều đem nguyên án bị can và số tang vật phải bồi cùng năm tháng giam thu lâu chóng, làm danh sách tâu lên, chờ Chỉ lượng cho chước giảm.

- Kỳ xét án về mùa thu năm nay, chuẩn cho đem các bản án, kiểm xét vài bốn lần, người nào phạm tội ác thâm trọng quan ngại thì chém ngay, còn kẻ phạm nào tình đáng thương mà khoan tha hoặc bị giam lâu mà già yếu, nên lượng giảm tha, chuẩn cho đem ra lần lượt xét nghĩ, tiến trình, đợi Chỉ, còn thì đều gia ân tạm hoãn một lần.

- Những tù phạm bị tội đồ dịch, trừ giặc cướp ra, còn thì không cứ niên hạn lâu hay chóng, chuẩn cho bộ Hình làm danh sách tâu lên, kê tên và quê, tội trạng, lượng cho giảm hoặc tha.

- Những dân nghèo tàn tật mà không kêu vào đâu được ở các hạt đều lượng chi tiền gạo chẩn cấp.

Giáng Dụ chuẩn cho phong tặng cha mẹ các cung giai[1] trong nội đình[2] và các cung giai triều trước có thứ bậc. (Năm thứ 28 [1875] nghị chuẩn năm có tiết đại khánh, các cung giai theo lệ được sơ phong tặng, gia phong tặng 1 - 2 - 3 đời).

Giáng Dụ ban cho công chúa và phi tần, nữ quan trong nội đình, viện Cung giám, quê ngoại, họ nhà vua, quý hương, quý huyện[3], cùng các người phụng trực ở các tôn sở, phụng thị ở cung Gia Thọ - đều có thứ bậc. (Các thứ từ kim đĩnh, kim tiền, ngân tiền, sa, đoạn và áo quần, tiền, lụa, trâu, gạo nếp, xôi, rượu. Dụ ban cho lần này và Dụ chuẩn cho phong tặng lần trước đều ở ngoài ân chiếu, giáng Dụ cho lấy ngày 25 tháng này điền vào).

Ngày Quý Mão, vua ngự điện Cần Chính, chuẩn cho làm lễ chúc thọ và ban cho rượu, cho Hoàng trưởng tử sung chúc thọ, Thái Thịnh công Hồng Phó sung chức bưng chén, Văn Minh điện Đại học sĩ lĩnh Thượng thư bộ Binh Trần Tiễn Thành

(1) *Cung giai* : cấp bậc ở trong cung.

(2) *Nội đình* : trong cung nhà vua.

(3) *Quý hương, quý huyện* : làng và huyện của vua.

sung chức bưng hồ rượu, thự Tiền quân Đô thống kiêm Chưởng Tả quân Tôn Thất Thế, Thống chế dinh Hùng nhuệ Hồ Ngoạn đều sung chức dâng đũa hầu ăn yến, còn thì sung túc vệ 2 bên tả, hữu (2 viên), túc vệ ở trước vua (8 viên), cầm gươm hầu ở trước điện (4 viên), khởi cư chú (4 viên), chầu chực sắc Chỉ (2 viên) theo như lệ, duy chỉ sung chức ban cho rượu, cho thêm 2 viên (lệ cũ 2 viên, nay thêm 2 viên, 4 viên quan to được ban rượu). Khi lễ chúc thọ xong, vua đã rót rượu vua dùng ban cho Hoàng trưởng tử và Hồng Phó, Tiễn Thành, lại rót rượu vua dùng ban cho Thọ Xuân vương Miên Định, thự Đông các Đại học sĩ Hoàng Tá Viêm, thự Chưởng phủ sự Lê Sĩ, Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Văn Tường, là đặc cách hậu đãi người thân, người hiền. (Ngoài ra các lệ thường đều tham khảo tiết đại khánh trước châm chước thi hành).

Thưởng cho Khâm sứ nước Pháp đóng ở sứ quán Kinh thành và các phái viên nước Pháp ở các Thương chính tỉnh Hải Dương, Hà Nội và Bình Định có thứ bậc (sứ nước Pháp đến ngày khánh tiết, kính dâng thư chúc thọ, sai lượng cấp từ khâm sứ, lãnh sự thống nhiếp cho đến y sinh, ký lục, thông ngôn, binh đinh đi theo, tiền vàng, tiền bạc, tiềm kẽm, hộp khảm xà cừ, the, lụa và các thứ xôi, lợn, bánh, quả).

Vua nhân các lễ phẩm về khánh tiết, có Tổng đốc An - Tĩnh Nguyễn Chính dâng con lân bằng trúc (viết chữ lên trên là con thuỵ lân[1]) và cái quạt bằng trúc, mới làm 1 bài thơ (cổ phong) ban cho và bảo cả lĩnh Đốc Hải Dương Phạm Phú Thứ, Tổng đốc Hà - Ninh Trần Đình Túc (Phú Thứ dâng ngọn bút bằng đồi mồi, Đình Túc dâng cái nghiên bằng hòn ngói ở cung Vị Ương, trong thơ vua làm có nói đến. Lần này có nhà dân ở Thanh Hoá đem nghìn lạng bạc tết làm lễ phẩm kính dâng, giáng Dụ cho là việc làm ấy không hợp, trả lại).

Quở và đổi bổ quan lại Quảng Nam, Quảng Ngãi. Khi ấy 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đói to, bọn côn đồ đi cướp ăn. Vua cho là Tuần phủ Quảng Nam là Chu Đình Kế văn thư câu nệ quá, biết việc hơi chậm ; Bố chính là Trần Văn Kế tuổi già sức yếu, Bố chính Quảng Ngãi là Trà Quý Bình bị bệnh hút thuốc phiện ; Án sát là Phạm Doãn Địch mới đến chưa am hiểu, đã phái bọn Chưởng vệ Nguyễn Đình Phả, Nội các Thị giảng Nguyễn Khắc Vỹ khám xét tâu lên (tháng trước phái đi) rồi đổi bổ Đình Kế thự Lễ bộ Hữu tham tri, cho Quang lộc Tự khanh, Biện lý bộ Lễ Lâm Hoành hộ lý Tuần phủ Nam - Ngãi, lại chuẩn cho Văn Kế bắt phải về hưu, Quý Bình giải chức chờ xét, Doãn Địch kinh điệu bổ chức khác nhưng đều chọn bổ ngay viên làm được việc đi thay, để kịp cứu chữa. Còn phủ huyện người nào nhu nhược, lại ở tỉnh và phủ, huyện, người nào tham lam xảo quyệt chuẩn cho quan cai trị

(1) *Thụy lân* : con lân có điềm hay.

mới phái đến xét rõ hặc tâu trị tội, dân đói có muốn đến hạt phủ Thừa Thiên xin phát chẩn và làm thuê sinh sống, đều cho.

Sai Tả tham tri bộ Lại Hoàng Diệu sung làm Khâm sai cầm cờ tiết đi đến tỉnh Quảng Nam cứu giúp. Diệu vào bệ kiến từ biệt xin đi, bảo cho tuỳ tiện làm việc cho thoả đáng, hiểu thị khuyên bảo dân nước ta hoặc người nước Thanh khiến cho người vui lòng quyên giúp, có thể công tư cùng giúp. Lại sai chọn uỷ nhiều người thổ trước, hết sức cứu giúp để vỗ yên dân. Khâm phái Đoàn Khắc Nhượng chuẩn cho đổi đi chuyên làm việc cứu giúp tỉnh Quảng Ngãi, nhân châm chước định lệ thưởng cho người bỏ tiền của để nuôi dân đói ở tỉnh Quảng Nam. (Người trong hạt, người nào nuôi được bao nhiêu dân đói, kể từ khi nhận nuôi đến khi cho về bao nhiêu ngày tháng (mỗi tháng đinh tráng phải cấp cho 1 phương gạo, 1 quan tiền, người già và trẻ con 20 bát gạo và 5 tiền), tính chiết cả tiền và gạo trị giá thành tiền bao nhiêu, trừ số Nhà nước cấp thêm không kể, cứ 600 quan tiền, thưởng thụ hàm tòng cửu phẩm (lệ cũ 800 quan), đàn bà thì thưởng 1 bức biển (lệ cũ 800 quan), cứ 800 quan gia lên một trật (lệ cũ 1.000 quan gia lên một trật), đàn bà thì thưởng thêm cho lụa hoa và ngân tiền. Trị giá thành tiền 500 quan trở xuống, cứ 40 quan thì tha cho thuế thân và dao dịch, hoặc con, em, cháu 2 người được miễn 1 năm (lệ cũ 50 quan cho miễn 1 năm), lần lượt gia lên dần, về thưởng hàm và thưởng bức biển, xin cho con cháu cũng được cho. Còn như người buôn nước Thanh, cứ 100 quan trở lên, thưởng 1 tấm bài bằng bạc nặng 5 đồng cân, 300 quan trở lên, thưởng 1 tấm bài bằng bạc nặng 8 đồng cân, 600 quan trở lên, thưởng 1 tấm bài bằng bạc nặng 1 lạng và 1 đồng tiền vàng nặng 2 đồng cân, 1.000 quan trở lên, thưởng 1 tấm bài bằng vàng nặng 5 đồng cân. Các bài vàng, bài bạc đều trên khắc ngang 2 chữ "thưởng tứ" dưới khắc dọc 2 chữ "hiếu nghĩa" và kim tiền ban cho đều có dây tua bằng tơ, từ 3.000 quan đến 10.000 quan trở lên, chước thưởng 1 bức biển trong khắc 4 chữ "Hiếu nghĩa khả phong"[1].

Tháng 9, ban cho dân già ở Kinh kỳ (dự lễ chúc thọ 786 người) ăn cỗ, uống rượu. Vua ngự chính lâu xem ăn uống, nhân Dụ rằng : Các ngươi khi về nhà, dạy bảo con em trong làng, chăm việc làm ruộng, trồng dâu, không được lười biếng. Đối với họ hàng, tất phải hiếu thuận, cấm uống rượu đánh bạc, gian tham trộm cắp, đừng để mắc phải trái đạo thường, phạm phải pháp luật. Phàm việc phải cần việc công thích việc nghĩa, không được lòng riêng mượn cớ trốn tránh, lại nên kính nhường lẫn nhau, đừng vì việc nhỏ tức khí mà tranh kiện, để mất cả sản nghiệp mà hại đường sinh sống. Kinh kỳ là nơi gương mẫu, thấm nhuần giáo hoá trước nhất, phong tục tất được thuần mỹ, xướng xuất cho những người ở ngoài ở xa, các ngươi

(1) *Hiếu nghĩa khả phong* : thích làm việc nghĩa đáng khen, để khuyến khích người khác.

phải thể theo cũng đều kính theo chớ quên. Nhân gia thưởng cho tiền vàng, tiền bạc có thứ bậc. (Thọ 100 tuổi trở lên, thưởng 1 đồng tiền vàng có chữ "vạn sự như ý" ; 90 tuổi trở lên tiền Phi long bằng bạc hạng lớn, hạng nhỏ mỗi thứ 1 đồng ; 80 tuổi trở lên thưởng 1 đồng tiền Phi long hạng lớn bằng bạc ; 70 tuổi trở lên thưởng 1 đồng tiền Phi long hạng nhỏ bằng bạc).

Các rạp của trong Kinh và các tỉnh ngoài (các rạp của phủ Tôn nhân, đình thần, Bắc Kỳ, tả, hữu Trực kỳ làm ở trước lầu cửa Ngọ Môn trong thành ; các rạp của nhà dân, nhà hàng phố ở phủ Thừa Thiên làm ở trước lầu Phu Văn ngoài thành, các lễ phẩm cung tiến đều bày ở trong rạp), tháng trước lúc tạnh, lúc mưa bất thường, vua chưa đến chơi, lòng chưa yên, đến nay sai bắc xe đi xem khắp cả, những dân nhà quê và dân thành phố đến rạp cúi đầu chúc thọ, đều ban cho ăn một lần.

Vua ngự thuyền lầu Tế Thông để xem, lại đi đến phía đông nam chỗ bến đò ngoài thành xem bắn súng Tây dương cho nhân dân cùng vui.

Cho tế ở đền các hoàng thân, vương công, công chúa đã chết. (Diên Khánh vương, Tùng Thiện quận vương, Tương An quận vương, Quảng Ninh quận vương, Kiến Thuỵ mậu vương, Kiên quốc công, Bảo Thuận Thái thái công chúa, Diên Phúc Trưởng công chúa đã chết) đến các họ ngoại và các bề tôi kỳ cựu có công. (Tuy Thịnh quận công tặng Thái sư Trương Đăng Quế ; Thái bảo Đông các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn ; Tiền quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự, An Viễn hầu tặng Thiếu bảo Vũ Văn Giải ; Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Lê Chỉ Tín ; cựu sứ thần : Hiệp biện Đại học sĩ tặng Thiếu bảo, Văn Minh điện Đại học sĩ Lê Đăng Doanh ; Tả, Hữu tham tri bộ Lại Hoàng Văn Diễn ; nguyên giáo đạo, Hữu tham tri bộ Lễ Hồ Văn Nghĩa ; Tả tham tri bộ Lễ Trần Quang Chung ; nguyên bạn độc Tả tham tri bộ Công tặng Thượng thư Nguyễn Hữu Hoà ; đầy tớ cũ nguyên Lang trung coi công việc cục Thông bảo tặng Tả thị lang bộ Lễ Nguyễn Thanh Nghị ; nguyên Chưởng vệ tặng Thống chế dinh Hổ oai Hoàng Ngọc Chung).

Thưởng cấp sắc thư và phẩm vật cho vua 2 nước Thuỷ Xá, Hoả Xá. (Khánh tiết trước, 2 nước ấy sai sứ là bọn Sơn Ngôi, Kiều Tầm cung tiến lễ phẩm (2 chiếc ngà voi) và biểu mừng, lần này dâng biểu mừng do tỉnh Phú Yên nghĩ tiến, lễ phẩm do tỉnh Phú Yên nhận đệ, sứ thần lạy mừng ở hành cung tỉnh Phú Yên. Đến nay phái quan thưởng cho kim tiền, ngân tiền và đoạn the, trừu, lụa, cả 2 người sứ thần, 4 người tuỳ tùng, còn lễ phẩm chuẩn cho trừ vào lễ cống năm sau, lần sau miễn cho không phải đi nữa).

Thưởng cấp cho các thổ tri phủ, tri châu, thổ ty, thổ mục ở 9 hạt Quảng Trị, Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng,

Thái Nguyên, kim tiền, ngân tiền có thứ bậc. (Khánh tiết tháng trước đều dâng lễ phẩm).

Thưởng cho giám mục, linh mục tỉnh Nghệ An kim tiền, ngân tiền và ăn yến có thứ bậc. (Tháng trước, khánh tiết Giám mục là Phê Chính Hoà đem 12 linh mục trong hạt, đều bày lễ ở nhà thờ của họ, hội cả giáo dân để chúc thọ, đến nay quan tỉnh tâu lên. Quan ở bộ nói hạt ấy so với các hạt riêng có một chút sáng suốt, cho nên chuẩn cho thưởng giám mục 1 đồng kim tiền, các linh mục mỗi người 1 đồng ngân tiền và tiền thay cho tiệc yến 40 quan.

Bắt đầu chế ấn kiềm cấp cho Quốc sử quán (trước kia tờ tâu, tờ tư hoặc dùng ấn tổng tài quan phòng hoặc dùng triện riêng của toản tu, chưa có tín lệnh Nhà nước cấp cho, đến nay chế cấp ấn đồng, khắc 4 chữ "Quốc sử quán ấn". Kiểm bằng ngà khắc 2 chữ Sử quán).

Dời sở thuế quan Lương Trường, tỉnh Nghệ An đến thôn Chi Cơ. (Nguyên trước ở đầu nguồn thôn Khoa Trường, các loại gỗ phần nhiều lậu thuế, chuẩn cho dời đến thượng lưu phận sông thôn ấy, thuyền bè xuôi xuống tất phải đi qua sở thuế quan ấy thì thuế khỏi lậu).

Bãi bỏ 2 đồn 2 xã Hải Yến và Đại Tiền thuộc tỉnh Thanh Hoá. (Xã Hải Yến thuộc huyện Quảng Xương, xã Đại Tiền thuộc huyện Hoằng Hoá, phận sông đối ngạn nhau, là nơi hiểm yếu, nước thuỷ triều dâng lên thượng lưu, trước vì có việc phòng giữ bờ biển, chuẩn cho đặt ra, đến nay ít việc nên bãi đi).

Cho Thị lang bộ Binh là Tôn Thất Phiên hộ lý Tổng đốc tỉnh Thanh Hoá, Tổng đốc trước là Tôn Thất Tự đổi bổ hàm Thống chế quyền Chưởng Tả quân kiêm coi dinh Kỳ võ, kiêm quản vệ Dực hùng.

Kỳ xét án mùa thu năm nay (trừ gia ân hoãn xét ra), các hạng tù tất cả 66 tên phạm, xử chém 3 tên, còn thì để giam đến phát đi làm đầy tớ có thứ bậc (lưu giam hậu 13 tên, nhưng lưu giảo giam hậu 5 tên, giảm xuống phát lưu 28 tên, giảm phát lưu sung quân 12 tên, giảm phát đi làm lính 2 tên, giảm phát đi làm đầy tớ 3 tên).

Tướng làm phản nước Thanh là Lý Dương Tài đánh quấy tỉnh thành Lạng Sơn, quan quân đánh cho thua bại, (Dương Tài người huyện Linh Sơn, tỉnh Quảng Đông, thuộc dưới quyền chỉ huy của Đề đốc Phùng Tử Tài, thự Hiệp trấn Tầm Châu, tỉnh Quảng Tây, trước tự tiện cho bọn Chung Vạn Tân, Trần Tá Bang đi đường tắt sang nước ta, bị nước ta tư xét. Dương Tài phải hặc tội cách chức, mới mạo ra là Lưỡng Quảng uỷ cho mộ vài nghìn quân gọi những giặc còn trốn trở về, đổi tên là Lý Đạt Đình, chia từng bọn ra làm hơn 10 dinh, ngày 29 tháng 8 chia 2 đường ra cửa quan quấy rối). Bấy giờ, bè lũ giặc Tài tràn sang chiếm giữ các phố Đồng Bộc và Kỳ Lừa (Dương Tài giữ phố Đồng Bộc, quân tiên phong là bọn Chung Vạn Tân,

Hoàng Nhị giữ phố Kỳ Lừa). Việc ấy tâu lên, vua sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm đến ngay Bắc Ninh để tiết chế công việc biên giới Bắc Kỳ, điệu quân ở Kinh và quân ở Thanh - Nghệ đều 500 tên phụ thuộc vào ; lại sai bọn Nguyễn Đình Nhuận làm Bố chính tỉnh Lạng Sơn, hộ lý Tuần phủ, ở gần ngay đấy tư cho Triệu Ốc nước Thanh (đóng ở Long Chấn) và tỉnh Bắc Ninh phái thêm quân đánh giúp, khi quân chưa đến, giặc Tài nhân lúc đêm canh tư đến đánh thành Lạng Sơn dữ dội, bọn Đình Nhuận chia uỷ văn võ, lại dịch, binh dõng lên thành, 4 mặt hết sức chống đánh, từ giờ Sửu đến giờ Mão, vừa đâm vừa bắn, bọn giặc chết rất nhiều, giặc ấy bỏ thang tre (hơn 20 chiếc), thang xếp (hơn 100 chiếc), búa sắt (6 chiếc) trốn về phố Đồng Bộc. Đình Nhuận vì binh dõng có ít mới phát tiền kho ra 300 quan, thưởng khuyến để cố sức giữ thành đợi quân cứu viện đến, rồi đem việc ấy tâu vào.

Vua bảo rằng : Xem tờ tâu, rất được vui mừng mới giáng Dụ khen thưởng cho Đình Nhuận thực thụ Tuần phủ, 1 tấm bài vàng có chữ thưởng công, Thị giảng Học sĩ lĩnh Án sát Lê Như Dụng thực thụ Án sát, Lãnh binh Nguyễn Như Cung thăng thụ Chưởng vệ, Phó lãnh binh Phan Tình thăng thụ Lãnh binh, bài vàng tía có chữ thưởng công mỗi người 1 tấm, gia thưởng cho binh dõng 1.000 quan tiền. Những viên làm việc chuộc tội là Nguyễn Hữu Chính (nguyên Bố chính tỉnh Hải Dương can vào việc thất thủ) được khai phục Tu soạn ; Nguyễn Thứ (nguyên Tuần phủ Ninh Bình can việc thất thủ) được khai phục Biên tu, đều chuẩn cho giúp việc ở tỉnh. Sau rồi, Triệu Ốc sai Phó tướng là Đảng Mẫn Tuyên đem quân 6 dinh hợp lại cùng đánh, lấy lại được 2 phố Đồng Bộc và Kỳ Lừa (khi ấy Quản đới là bọn Điền Phúc Chí, Phùng Đỉnh Hữu, Trần Đức Triều, Chu Bỉnh Lâm, Bang biện là Lâm Thọ Đường đều do Phó tướng Đảng Mẫn Tuyên điều khiển). Lại điệu thêm 2 dinh đều chia quân đi quanh đường đến ngay Bắc Ninh đánh giáp. Bỗng gặp bọn Lý Á Sinh (bọn quân Ông Thất, đã chịu vỗ yên rồi lại trốn), Lý Quảng Long (tức người họ Lý Tứ) và giặc Tài, ngụ ở Thái Nguyên (bọn đó 700 tên) từ Thái Nguyên kéo đến đồn Chu Bố (thuộc Lạng Sơn) chiếm giữ quấy nhiễu, nhân tạm đến địa phận Bắc Ninh sai Trần Đức Triều, Chu Bỉnh Lâm đi đánh.

Mùa đông, tháng 10, mở ân khoa trường thi Hương văn ở Hà Nội và Nam Định.

Vua bảo rằng xứ Thị vệ đặt ra để sung vào việc chầu chực kiểm xét, tiếp nhận giấy tờ, giữ các vật hạng của công, việc rất bề bộn. Từ trước, chức thống, quản lĩnh gián hoặc lấy quan văn nhị, tam phẩm sung vào, gần đây thống lĩnh đều là quan võ nên việc phần nhiều nhầm lẫn mới chuẩn cho ty Cẩn tín, đặt lang trung, viên ngoại mỗi chức 1 viên (gần đây chỉ đặt 1 viên ngoại), chọn người khoa mục chăm chỉ, được việc sung vào, ngày thường chia phiên ứng trực làm việc, việc gì quan trọng thì bọn thống quản, hiệp lĩnh ấy đều ký tên đóng ấn tâu lên. Việc gì nhỏ mà khẩn, mà bọn đại thần hiệp lĩnh không có ở đấy, thì cho một mình người đang trực ký tên

tiến lên, để cho có chuyên trách, nhiều việc, ít việc đều thích hợp, định làm lệ vĩnh viễn.

Vua xem nhật báo *Hương Cảng tân văn*, bàn về việc cốt yếu làm cho nước được mạnh, có các khoản thông thương và chống kẻ dám khinh, (1 - đóng tàu, 2 - đúc súng, 3 - học tiếng [ngoại quốc], 4 - luyện tập quân), ý muốn thi hành, sai quan viện Cơ mật xét nghĩ, rồi đem các lễ nghi định tâu lên :

Thông thương là việc rất cần kíp duy chỉ nước khác làm thì dễ, mà ta làm thì khó, vì các dân châu Âu phần nhiều theo nghề buôn, lại khéo đi biển. Những nơi biển rộng đảo xa, không chỗ nào là không đi đến, đi đến đâu lấy mới lạ làm thân thiết, cho nên kéo cả bọn đến được. Nước ta từ trước cấm ra nước ngoài, dân không đi buôn xa, trong nước không có bọn buôn, mà muốn dắt người buôn nước ngoài đến, thế chưa thể vội được ; huống chi tục pháp cả phương Tây đều cấm quan buôn, ta nếu đặt cửa hàng ở Hương Cảng, không những người được phái đi thực, sinh ra nhiều chi tiết, mà các nước nghe thấy, lại sợ là có liên quan đến sự thể. Nhưng nay cửa ngõ đã mở ra, họ đến mà mình không đi, thì tình tục không thông, các việc thường khó nghĩ định, xin do các địa phương đều thông sức cho trong hạt, không cứ người nước Thanh hay người Kinh, người nào có vật lực, tình nguyện đóng tàu đi đến Hương Cảng lập công ty để buôn bán thì đều cho trình quan chuẩn cho, có người buôn nước ta ở đấy, thì thuyền công của ta có thể mượn cớ đến đóng mà lấy việc đóng tàu, đúc súng, học tiếng, luyện tập quân đều là việc cốt yếu. Duy mưu tính trước thì khó, mà đổi phong tục tất phải dần dần, nước ta được yên lâu ngày người muốn tạm yên, lòng mở mang thì ít, ý trốn tránh thì nhiều, nay thay đổi hết, thực khó được như ý, tức như chọn người phái sung làm việc ở thuyền, người thường sợ khó, một khi đã xuống thuyền, không nói là thuyền hỏng, thì nói là máy liệt, để cầu đỗ lâu, tài liệu trong thuyền không chịu sửa sang, muốn cho chóng hỏng, may được dời đi chỗ khác, súng đạn tặng giao cho không có thời thường luyện tập, liền sửa sang lại sợ cũng sẽ bị rỉ hỏng, súng điểu sang mở đằng bụng, chia giao cho các tỉnh cũng muốn trả về, tình hình ấy đã thấy có. Còn học chữ và tiếng nói, ta đã thi hành, vẫn chưa thấy có công hiệu, hay là cũng do sự kén chọn khinh thường mà học thì ít. Xin thông sức cho các địa phương hết lòng hiểu dụ để mộ lấy người, không cứ là cử nhân, tú tài, học trò thí sinh, khoá sinh và con em các quan viên, trên dưới 20 tuổi, người nào thông nghĩa sách, biết chữ mà tình nguyện đi học thì đều chiểu lệ đi Hương Cảng, đi sang Tây, cấp cho tiền lệ phí, nhưng hạn cho 5 năm về sát hạch nếu thành tài, thì chiểu lệ cử tu bổ làm quan bổ dụng (nếu học được chữ, tiếng 1 nước và một nghề như đóng tàu, đúc súng, các đồ binh khí, khai mỏ, luyện tập quân, thì chiểu lệ tú tài hạch trúng bổ cửu phẩm ; học được chữ, tiếng 2 nước và 2 nghề, chiểu lệ cử nhân không phân số ; học được chữ, tiếng 3 nước

và 3 nghề, chiểu lệ cử nhân có phân số, đều bổ làm quan ngay) nhưng đều cho làm quan theo nghề của mình, để cho được thạo việc. Sau có cố gắng làm được việc, thì thăng lên cũng giống lệ các nha nhiều việc, ít việc, ngõ hầu hoặc có nhiều người muốn đi học mà có thể đủ dùng được. Lại các khoản ấy xin hãy hoãn lại, đợi kỳ sang cống nước Thanh, nên làm thế nào, sẽ tâu lên, tiện cho sứ thần tuỳ cơ liệu làm).

Vua cho là phải, nhưng chuẩn cho việc học chữ và tiếng thì lục sức cho thi hành ngay.

Phủ Tôn nhân và các quan đình thần nghĩ sang năm kính gặp tiết thất tuần đại khánh của Hoàng thái hậu, tâu xin tấn tôn huy hiệu. Vua Dụ rằng : Trẫm đã tâu lên xin Chỉ, được Từ dụ rằng : Thân già này tự nghĩ mình ít đức, đâu dám mong nhân từ phúc trạch của Tiên thánh một phần trong muôn phần, vả lại nước nhà mấy năm nay nhiều việc, không ví như lúc toàn thịnh ngày trước, bờ cõi bị mất chưa lấy lại được, thì thân già này cũng dự có phần trách nhiệm, nếu người ngoài không nỡ nói, há lại không tự biết. Kể thì làm mẹ cả nước, cũng đã tôn nhất trong nước, vẫn sự đức bạc, còn đáng thêm gì, hà tất phải nói làm theo lệ ấy, để nhận tiếng hão làm gì, từ nay nên đình chỉ, chớ nhàm, chỉ muốn công khanh các quan hết lòng giúp đỡ, lập nhiều công lao, để cho nhà vua may được hơi thư, điều dưỡng có công hiệu, mừng lấy lại được bờ cõi, vui chơi với cháu, thân già này được cập kiến, thế là thực tôn thân, thực báo đáp, cũng là thực phúc to, thực vui lớn. Lại mong cho biên giới được chóng yên, nhân dân được vui lợi, vận tải thuận tiện, lúa ruộng được mùa, không tổn hại về sự vận tải để phát chẩn cho vay bị chìm đắm mất, kho tàng đầy đủ, mỗi khi gặp 10 năm một tiết, ban ơn huệ khắp cả, để cho mọi người đều thấm nhuần ơn thực, thế là làm lễ khánh tiết thực đó. Còn như lầu rạp bày đặt, chỉ phí tổn không ích gì, bất tất phải làm là được, nhà vua nên đem các ý ấy truyền Dụ cho đều biết, phải kính theo Dụ này. Kính tuân, nghe lời ngọc, rất hợp lý, còn huy hiệu thường gia, chỉ là phép hủ từ đời Đường, đời Tống trở về sau mỗi khi gặp một việc thì gia thêm một hiệu, phiếm lạm chồng chất, danh quá với thực, người dưới nịnh hót người trên. Người ta không phải là Nghiêu, Thuấn ai được hay hết cả, thế là đức rất không đủ mà danh thì quá, càng thấy là không biết suy tính. Người làm vua, người làm bề tôi, không bắt chước Nghiêu, Thuấn thì bắt chước vào đâu, nên kính theo lời Từ dụ không nên theo lệ tâu xin, đợi được như lời Từ dụ làm việc có hiệu quả đáng mừng, khi ấy bèn thoả lòng muốn của mọi người, mới là thoả hợp. Vậy công việc phải làm về lễ đại khánh cũng phải tuân theo tiết kiệm, cốt hợp thời nghi, để xứng với lòng kiệm ước, cũng yên được lòng làm cho cha mẹ an tâm. Trẫm kính theo truyền Dụ, cho mọi người đều biết khắp cả.

Người buôn nước Thanh và nước Tây xin lĩnh trưng thuế các mỏ than (người buôn nước Thanh là Ngô Nguyên Thành xin trưng ở địa phận châu Tiên Yên, người

buôn nước Tây là Bô-đi xin trưng chỗ chân núi xứ Hợp Khê, tỉnh Quảng Yên, người buôn nước Thanh là Trần Mục Thân và người buôn nước Phổ là Li-di xin trưng ở phận núi Đông Triều và hạt tỉnh Quảng Yên). Quan ở viện Cơ mật và nha Thương bạc cho là mỏ than ta không phải am hiểu hết, việc khai để lấy, nếu gặp những chỗ có vàng, bạc, đồng, thiếc, chì, sắt, không có nghĩ định khoán ước gia thêm thuế, thì chúng được chiếm lợi to, xin phàm người lĩnh trưng, khi đào được thì phải báo quan ngay, để khám thực, không được ẩn lậu. Vua y theo.

Sai các địa phương thông sức cho trong hạt, người có vật lực, muốn đóng tàu thuỷ đi đến Hương Cảng để lập công ty buôn bán thì cũng cho.

Vua cho là quân ở Bắc Kỳ phần nhiều nhát và lười, xuống Dụ rằng : Triều ta tuyển lính, có phép trước để lại Nam, Bắc cũng như nhau, duy được yên lâu ngày, lòng người trễ nải, các hạt ở Bắc Kỳ tệ cũ ngày một thêm lên. Trong quân cởi áo giáp, ngọn giáo để trên chỗ rêu, gặp giặc không chống đánh được, đánh trận là thua, quân xứ Bắc đã không được việc, không thể không dựa trọng vào quân xứ Nam. Sao không nhớ từ Châu Hoan, Châu Diễn trở ra Bắc, cũng đất ấy cũng dân ấy, trước Nhân Tông nhà Trần bắt Ô Mã Nhi ở sông Bạch Đằng thì là quân của phiên vương các lộ, Lê Thái Tổ đánh được Liễu Thăng ở núi Mã Yên, thì là quân khởi nghĩa ở Lam Sơn. Khi ấy chưa có quân xứ Nam, mà luôn luôn đánh lui được giặc lớn, lập được công to, chẳng phải là quân xứ Bắc đấy ư ? Nay giặc họ Lý đã bị tội ở nước Thanh lại xâm lấn bờ cõi ta, người nước ta phải nên giết hết chúng rồi mới ăn cơm sớm, chớ để cho lan tràn thêm ra. Vậy các tướng sĩ, sĩ thứ theo đi đánh ở tỉnh và quân thứ đều phải hăng hái gấp trăm lần, một lòng trừ đuổi bọn giặc, không để cho bọn chúng được bức ở đây, cho dân ta yên nghiệp, giặc ngoài biên chóng quét sạch, mà quân ở Bắc Kỳ cũng rửa được tiếng xấu, rất là mong mỏi lắm.

Đinh lại lệ đài của phu trạm (phàm quan viên đến chỗ làm việc và nhân sai phái đi việc công, theo lệ được do trạm đài đệ, thì hết thảy phải theo lệ mà làm, hễ đến trạm nào thì đem giấy tờ giao cho bọn thừa mục, biện lại ở các trạm xem rõ phù hợp, phải theo trong giấy, theo lệ phái bắt, khi ấy vì quan viên phần nhiều tự tiện bắt phu trạm, cho nên định lại điều cấm.

Giáng Thượng thư bộ Công Tôn Thất Tĩnh làm Hữu thị lang. (Vì can việc ty Tài mộc thu gỗ hàm hỗn).

Đặt thêm chức Bang biện ở 6 phủ huyện thuộc tỉnh Bắc Ninh (Từ Sơn, Đa Phúc, Lạng Giang, Lục Ngạn, Đông Anh, Kim Anh).

Vua làm sớ tâu đệ lên vua nước Thanh xin sai quan kinh lý biên giới. Tháng trước giặc Tài lan tràn, giặc khác đi theo, đường Lạng Sơn trở ngại đã đưa thư cho tỉnh Quảng Tây, sợ có khi chưa đến. Gần đây, báo cho Triệu Ốc, cũng nói rằng quân ít không thể chia ra, còn đợi mộ thêm.

Vua nghĩ biên giới Bắc Kỳ, giặc nước Thanh dẹp đi rồi lại đến, trải hơn 10 năm, quân dân khó nhọc đã lâu, lấy nước Thanh đánh giặc nước Thanh, cũng là việc cần, cho nên giãi bày hiện trạng (nguyên lệ gửi cho tỉnh Quảng Tây) đổi làm gửi cho Tổng đốc tỉnh Quảng Đông là Lưu Trường Hựu, Tuần phủ là Trương Thụ Thanh. Một mặt dâng sớ xin chọn quan đại thần trung cần, tài lược đến ngay đóng quân ở chỗ tiếp giáp biên giới, kinh lý to tát một phen để cho nhân dân đều yên sinh nghiệp, quan lại đều chăm chức phận, đồn ải đều nghiêm canh phòng, kẻ đã đến thì bắt trừ cho hết, kẻ chưa đến thì lâu dài không trái vượt, lại một mặt tư ngay cho Tuần phủ tỉnh Quảng Tây là Dương Trọng Nhã, lại thêm quân cứu viện ngay để khỏi cái lo nước xa khó cứu được lửa gần.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm mới đến Bắc Ninh, đánh được bọn giặc Tài ở đồn Bắc Cần, giặc Tài trước bị Mẫn Tuyên[1] chia quân vây đánh, đem cả bọn 6.000 - 7.000 lan xuống trạm Lạng Nhân (dưới cũng thế, Quản cơ tác vi Lãnh binh là Nguyễn Văn Huề đem 500 quân cứu viện cho trạm Lạng Nhân, giữa đường gặp nhau cùng đánh, bị thua trở về, bọn giặc tràn sang đồn Lạng Quang (trên này đều thuộc tỉnh Lạng Sơn) úp đánh đồn Bắc Lệ (thuộc Bắc Ninh, dưới cũng thế) quyền Quản cơ là Nguyễn Văn Mưu, Lê Văn Vy tan chạy (Huề, Mưu và Vy đều bị cách cho làm việc chuộc tội). Bọn giặc quấy nhiễn đến đồn Bắc Cần, thế rất dữ tợn, Hộ đốc Bắc Ninh là bọn Lê Hữu Tá tư ngay cho 4 tỉnh Hải Dương, Hà Nội, Sơn Tây, Nam Định phái viện binh đến, lại tư cho lĩnh Đốc Hải - Yên là Phạm Phú Thứ thương thuyết với Lãnh sự Pháp phái quân bộ 40 - 50 tên và 1 chiếc tàu đến giúp. (Sau sai bàn việc tuần tập đường sông Hải Dương, Hà Nội để hộ việc buôn), đem việc tâu lên.

Vua giáng Dụ sai 4 tỉnh ấy gọi hết quân về nghỉ ra diễn tập để sai phái, lại sai các tỉnh biên giới Thái Nguyên, Hưng Hoá phải chặn giữ nghiêm ngặt, chớ để cho tràn vào, lại sinh ra việc khó và lục sức cho Tá Viêm biết mà làm. Bấy giờ, Tá Viêm ở đường đi, đã hội với Lưu Vĩnh Phúc chọn mộ hơn 1.000 quân người nước Thanh đợi để điều khiển, tiếp được lục sức ấy, mới tâu lên nói, tôi cùng Lưu đoàn đối với phái viên nước Pháp vốn không hợp nhau, nếu rút phái viên nước Pháp về thì sợ mất lòng và chuyên uỷ cho Lưu đoàn, thì binh dõng cũng ít, nghĩ xin chuyên làm việc ở Tam Tuyên chọn lấy một viên đại thần coi việc quân đồng nhung, điều khiển việc quân ở Lạng - Bằng, Ninh - Thái, Hà - Nam, Hải - Yên cho hợp tình thế. Vua không nghe, Dụ sai đi ngay tuỳ tiện làm việc, lại sai chọn cử viên làm việc giỏi cùng giúp việc, cho nên Tá Viêm đem bọn Trương Quang Đản, Lã Xuân Oai và Lê Thanh Thận

(1) *Mẫn Tuyên* : tức Đảng Mẫn Tuyên, Phó tướng của Triệu Ốc.

để xin. Vua mới sai Tả thị lang bộ Lại Trương Quang Đản sung Tham tán quân thứ Bắc Ninh, Tham tán trước là Lương Quy Chính đổi sung chức Tán lý, Thị độc Học sĩ Sơn phòng sứ tỉnh Ninh Bình là Lã Xuân Oai cũng sung Tán lý ; Biên tu lĩnh Tri phủ là Lê Thanh Thận sung Tán tương ; lại phục chức cho viên làm việc chuộc tội là Lê Hữu Thường (nguyên Hộ đốc Hải - Yên can việc thất thủ) hàm Tu soạn sung Thương biện Bắc Ninh tỉnh vụ. Đến nay, Tá Viêm từ Hà Nội dời đến Bắc Ninh đóng (quan quân hơn 5.400) chia quân sai đi tiến đánh, luôn mấy ngày thắng trận, lấy lại được đồn Bắc Cần (bắn chết tên cầm cờ đầu và bọn giặc, bắt được ấn bằng gỗ của giặc, giấy tờ của giặc đóng ấn 12 chữ "Phụng thiên thừa vận, hoàng đồ củng cố, đế đạo hà xương")[1], mới thưởng kim tiền trước cho 2 viên đắc lực (quyền Phó lãnh binh Trần Xuân Soạn, tác vi Lãnh binh Phan Đức, tiền vàng có chữ tam thọ mỗi người 1 đồng), thưởng tất cả cho 2.000 binh dõng 1.000 quan tiền và nghĩ cách thưởng (bắt sống được giặc Tài, thưởng bạc hoa 5.000 đồng, tinh binh vệ uý, trật tòng tam phẩm, nộp đầu giặc, rút đi một nửa, thưởng tinh binh cai đội, trật tòng ngũ phẩm. Ngoài ra, bắt được đầu sỏ giặc Thanh mà có tiếng, chia hạng thưởng cấp, còn như đánh dẹp thắng trận, nộp đầu giặc, cứ mỗi đầu thưởng 2 lạng bạc, bắt được Hán gian và man Nùng, mỗi tên thưởng 1 lạng, còn các việc bắt sống hay chém được đầu giặc lớn nhỏ và bắn chết, xét ra phiền toái không có bằng cứ thì đình chỉ) tâu lên.

Vua bảo rằng : Trận này được đủ để làm nhụt khí của giặc, nổi thanh thế lên, xuống Dụ gia thưởng và theo như nghĩ thi hành. Sau vì số giặc (giặc Tài kết hợp bọn côn đồ nước Thanh và dân đói ở Khâm Châu, lại có bọn giặc khác đi theo, kể có hàng nghìn, hàng vạn) gấp đôi số quân, sai đưa thư sang Quảng Đông, phái uỷ Tham tướng là Mạc Thiện Hỷ hiệp lực đánh giặc (trong thư nói các ý xin phái Tham tướng họ Mạc đem vài nghìn quân đi qua phủ Hải Ninh, tỉnh Quảng Yên đến ngay tỉnh Bắc Ninh hợp đánh ở mặt dưới, tư cho các dinh của Triệu Ốc chặn đánh ở mặt trên vì có việc ở biên giới không đi. (Tham tướng họ Mạc đóng giữ ở Biên châu tỉnh Quảng Đông, đang đánh bọn giặc Liêu Nhị, Lưu Nhị). Lại đưa sang tỉnh Quảng Tây, xin cấp thêm lương quân cho Triệu Ốc, thư cho việc sai khiến, để đạt khen để khuyến khích cho xong công việc tính làm (sau trả lời lại điều thêm dinh quân nữa).

Cho Tả tham tri bộ Lại Nguyễn Tăng Doãn thăng thự Thượng thư, sung đại thần viện Cơ mật. Vua cho là bọn Tăng Doãn đi sứ cũng có khó nhọc, vả lại chức chính khanh khuyết nhiều, không nên để thiếu mãi, cho nên có lệnh này, còn thì thăng trật có thứ bậc. (Phó sứ Tôn Thất Phiên thực thụ Thị lang vẫn chức Hộ đốc ;

(1) *Phụng thiên thừa vận, hoàng đồ củng cố, đế đạo hà xương* : nghĩa là vâng mệnh Trời, nối vận, cơ đồ nhà vua vững bền, đạo trị của nhà vua thịnh vượng lâu dài.

bồi sứ Hoàng Văn Vận thăng thụ Hồng lô Tự khanh, vẫn Biện lý bộ Lại, còn các người tuỳ hành đều cho 1 trật, thông dịch là Nguyễn Hữu Cư thăng 2 trật), nhưng chuẩn định từ sau phàm phái đi sứ xong việc công trở về, xét công lao tài năng, đợi chí thưởng khuyến, không thì không được viện lệ tâu xin, để ngăn sự mong muốn quá đáng. Lại cho Tham tri bộ Lễ là Đỗ Đệ thăng thụ Thượng thư bộ ấy ; Tả phó đô Ngự sử viện Đô sát Phạm Thận Duật thăng thụ Thượng thư bộ Hình, đều sung Phó tổng tài Sử quán kiêm quản Quốc tử giám ; Hữu tham tri bộ Hình Phan Sĩ Thục đổi bổ thự Tả tham tri bộ Lại ; Hữu tham tri bộ Lễ Chu Đình Kế đổi bổ thự Hữu tham tri bộ Hộ, viện Đô sát đổi giao Hồ Trọng Đĩnh kiêm trông coi.

Cho Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Kỳ võ Hoàng Văn Thu, Đề đốc Sơn Tây Ngô Tất Ninh, Đề đốc Nam Định Lê Văn Điếm, đều đổi bổ sung Đề đốc quân vụ ở quân thứ Bắc Ninh ; Lãnh binh Quảng Nam Nguyễn Thừa Duyệt sung Phó đề đốc ; Hồng lô Tự khanh Biện lý bộ Lại Hoàng Văn Vận sung Tán lý ; Hình khoa Chưởng ấn Cấp sự trung Trần Đình Liêm sung Tán tương (nguyên Chưởng vệ lĩnh Đề đốc Bắc Ninh Phạm Văn Trì, Tán tương Bắc thứ Phan Quang Huề đều khuyết).

Tỉnh Quảng Nam bị bão và nước lụt, (lần trước nước lụt sâu hơn 11 thước, lần sau nước lụt sâu hơn 9 thước), Khâm sai Hoàng Diệu phân phái đi chẩn cấp, lại phái tải gạo (5 thuyền gạo mỗi thuyền 70 - 80 phương hoặc 50 - 60 phương) phát ra bán, cho dân thế chấp đồ đồng để lĩnh gạo sinh sống. Khi ấy, có người khách nước Thanh ở phố Hội An đặt ra một nơi để thu nuôi những đứa con đem bán, đều đem việc tâu lên. Vua sai phái nhiều người chia đi phát chẩn, không nên bắt thế chấp mới bán gạo, cốt cho dân được sống cả là hơn. Sai nghiêm cấm người buôn nước Thanh, những đứa con mua được ấy không được đem về nước Thanh, nếu có mua để giúp người, thì để ở phố, đợi sau được thư, giao trả hoặc cho chuộc về, mới là biết việc nghĩa. Trong hạt nếu không giúp được, nên tuỳ tình cho đến Kinh, do các nhà quan hay nhà giàu tạm mua đem về nuôi giúp cho, nếu có mang đi rồi, sau có thuyền công đến Hương Cảng, chi của công ra chuộc về trả cho chủ có con.

Bắt đầu cấp đá lửa ở 2 hạt Quảng Nam, Quảng Ngãi cho các quân. (Từ trước đến nay, các quan lĩnh để dùng đều lấy đá lửa của nước Tây cấp phát, nước ấy từ trước đồ dùng vào việc binh, phần nhiều dùng thứ đá ấy, thường có đẽo để bán, cho nên phải đi mua thứ đá ấy được nhiều. Gần đây, máy súng của nước ấy đổi dùng đá lửa, nên khó tìm mua, mới sai 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi tìm lấy đá ở núi, bảo thợ đẽo làm thành phiến cho tốt để thí nghiệm, lửa loè ra so với thứ đá hiện cấp cho các quân xem ra tốt, cho nên chọn những thứ rất hợp thì sung để vua dùng, còn thì cất vào kho để lượng cấp cho các quân).

Tha giảm thuế ruộng cho các địa phương lúa mùa bị tai hại.

Tháng 11, mở ân khoa trường thi Hương võ ở Hà Nội.

Kinh sư mưa lụt luôn mấy ngày, bộ Lễ tâu xin làm lễ cầu tạnh. Vua cho là khí hậu hơi muộn, việc cấy lúa của nhà làm ruộng còn chậm, không cho cầu đảo nhàm, Dụ rằng : Lúc ngày thường biết ở chỗ nhà kín không hổ thẹn, thì [thần minh] ngày ngày soi xét cho ở đó, cầu đảo đã lâu rồi, nếu ngày thường không việc gì là không làm, khi có việc mới cầu thần, cách ấy kém lắm. Sau rồi 6 huyện giá gạo đắt, sai xuất gạo ở kho ra 6.000 phương phân phái đi chẩn cấp và cho dân vay.

Các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà mưa lụt, giá gạo đắt, sai xuất gạo kho giảm giá để bán ra cho dân và cấm những nhà giàu không được mua vơ vét, để làm ơn cho dân nghèo. Lại phái 2 chiếc thuyền bọc đồng chia nhau tải gạo ở cửa biển Thuận An (hoặc hơn 2.000 hoặc hơn 3.000 phương) để cho đủ cấp, lại sai Lãnh sự đóng ở Gia Định là Nguyễn Lập thuê thuyền buôn nước Tây và nước Thanh tải nhiều gạo để trợ phát cho dân đói.

Bỏ lệ cấm tiền đồng khác kiểu, để đánh thuế. Gần đây, các người buôn nước Thanh thu nhiều tiền đồng khác kiểu, tải đến các cửa biển từ tỉnh Quảng Nam trở vào Nam để trao đổi với nước ta, tháng trước đã chuẩn cho nhân dân, nếu có lấy nhầm, thì cho thú nộp ở tỉnh đổi cho tiền kẽm (mỗi quan tiền đồng đổi lĩnh 2 quan tiền kẽm, tiền đồng ấy đúc thành đồng để vào kho). Đến đây, bọn Khâm sai ở Quảng Nam là Hoàng Diệu, Hộ phủ là Lâm Hoành, Khâm phái Quảng Ngãi là Đoàn Khắc Nhượng, Bố chính là Đoàn Dao tâu lên nói : Người buôn nhân đó chọn lấy, dân nghèo mua gạo không được, tình lại càng khổ, đều xin bỏ cấm. Bộ Hộ nghị lại, cho là tiền như nước suối, phép phải lưu thông luôn, tiền hiệu nước ta, lưu hành ở các xứ Bằng Tường, Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây và Mã Cao, tỉnh Quảng Đông rất nhiều, họ dùng mà ta cấm, không những hại cho dân ngay ở trước mắt, sợ đến khi ta thiếu mà họ thừa. Nếu hoặc lo họ trà trộn, thì chỉ trong khoảng 5 - 6 phần, trà trộn được bao nhiêu, thà rằng cấm mà không tiện không chu đáo, sao bằng cho lưu thông để tìm tòi dồi dào thì hơn. Nay xin không cứ thuyền buôn nước nào, nếu có hiệu kiểm tiền đồng, tiền kẽm nước ta, đều cho đem đến buôn bán, nhưng khi vào cửa biển phải báo ngay cho quan coi cửa biển xét thực chiểu lệ đánh thuế (trăm phần thu 10 phần), nếu có ẩn lậu, chiểu thương ước tịch thu cả tiền trong thuyền vào Nhà nước, viên quan tỉnh và coi cửa biển không kiểm soát được, chiểu luật trị tội, người tố cáo ra mà được sự thực trích một nửa tiền ở thuyền để thưởng cho, như thế thì người buôn tham lợi tranh nhau mà đến, tốn đồng, kẽm, công thợ, vật liệu của người, mà sung vào tiền hiệu thuế quan của ta, tưởng cũng hơi tiện.

Vua bảo rằng : Hai hạt Lạng Sơn, Cao Bằng, quen dùng tiền nước Thanh, từ trước đến nay cũng cho, chuẩn cho lục sức thi hành ngay để giúp sự cấp bách cho dân.

Bắt đầu đặt nha Phòng khẩn ở tỉnh Hải Dương. Bọn giặc Tài gần đây lại chia ra quấy nhiễu 2 hạt Lạng Sơn, Bắc Ninh, 2 phủ huyện Đông Triều và Nam Sách hạt ấy giáp với Lạng Sơn, Bắc Ninh, đã chuẩn cho Đề đốc Tôn Thất Hoè đem 500 biền binh chia đóng đồn canh giữ. Đến nay, bọn lĩnh Tổng đốc Phạm Phú Thứ, Tuần phủ Lê Tiến Thông cho là quân ở lâu thì tốn nhiều, rỗi việc thì sinh lười, xét ra các huyện ấy, ruộng đất bỏ hoang rất nhiều (hơn 27.850 mẫu), nghĩ xin đặt nha Phòng khẩn ở xứ ấy để canh phòng và khai khẩn, hết sức làm việc, mới mong biên giới yên ổn lâu dài, mà lợi đất mới thu được hết, lâu ngày người và chỗ ở cùng quen, người mới thấy tính xa và tâu bày công việc canh phòng, khai khẩn. (Trích 500 quân đã tuyển phái trước và mộ thêm 500 đinh tráng, không cứ là dân nội tịch hay ngoại tịch, cho đủ số 1.000, dồn làm 2 vệ Sơn phòng nhất, nhị, mỗi vệ 10 đội, mỗi đội 50 người. Trong đó những quân tuyển trước, đã có quản suất, điển ty vẫn sung làm việc như cũ, còn quân mộ thêm lấy những đầu mục mộ được ấy sung vào, nhưng đều tạm miễn dao dịch cho, hằng tháng cấp cho quyền quản 2 quan tiền, quyền suất 1 quan 5 tiền, quyền điển ty và quân 1 quan tiền, gạo đều 1 phương, nhưng chỉ chi cho năm đầu 12 tháng, từ năm sau trở đi khai khẩn ra được thóc nhiều hay ít cũng đủ trông nhờ vào đó, số lượng ấy đình chỉ. Còn như biền binh tuyển trước, cho chi cấp đều như thường. Lại liệu cho vay tiền công 600 quan để tiện mua trâu cày và đồ làm ruộng. Khi có việc thì ra làm việc canh phòng đánh dẹp, khi không có việc thì chia ra đóng đồn khai khẩn ; nhưng liệu chỗ làm nhà quan, nhà quân để tiện đóng, ở. Quân mộ thì mỗi tên hạn cho năm đầu vỡ hoang 2 mẫu, năm sau vỡ hoang 3 mẫu, sau 3 năm thành điền, bắt đầu thu thuế, đồng niên số thóc thuế thu vào được bao nhiêu, chọn nơi chứa riêng để cung vào lương quân, còn quân chọn tuyển thay nhau trích đủ 1 vệ, thường sung vào việc canh phòng, khai khẩn. Quân ấy việc canh phòng hơi nặng, năm đầu cứ 2 tên 1 mẫu, năm sau 2 mẫu, thành điền được bao nhiêu thóc, được bao nhiêu vào sổ cất đi tất cả, hợp với số thóc thuế của quân mộ thu vào để chi dùng, nếu có hơi thừa, liệu trích nộp vào kho ở tỉnh, đề phòng việc trở ngại khác. Năm nào nếu gặp mất mùa, lấy đó chi cấp không đủ, bảo khám là thực, sẽ do kho tỉnh trích phát, nhưng đợi đến vụ sau thu hoạch được thì nộp trả, để trọng của công. Một vị quân mộ, tuỳ theo chỗ ở, làm sổ đinh, lập thành làng cày cấy khai khẩn cai quản lập nghiệp, ngày thường liệu phái đến nơi gần để tuần phòng, gặp có cấp báo, sẽ đòi ra chi lương cho hợp với quân được tuyển để sai phái. Số tiền được vay chia làm 3 thành, mỗi năm nộp trả 1 thành, cốt được đủ số, đợi đủ niên hạn số quân quả nhiên không thiếu, số ruộng khẩn được theo số khám thực xét cử lên, xin sẽ lượng cho chức hàm. Ngoài ra nếu có làm riêng, mộ thêm người lập ấp khai khẩn, cũng tuỳ theo số người chước lượng cho vay tiền, để giúp cho việc làm ruộng). Xin lấy Bố chính tỉnh ấy là Vũ Túc sung làm Chánh sứ, lĩnh Giáo thụ

Đặng Đình Huy sung làm Thương biện (2 viên đều người ở địa phương ấy), lại cấp cho 1 quả ấn phòng khẩn nha Quan phòng (trong khắc "Hải Dương phòng khẩn quan phòng") đặt bát, cửu phẩm mỗi chức 1 người, vị nhập lưu thư lại 4 người, riêng làm một nha. (Sau nếu những binh đinh ấy trốn thiếu, phòng phái bất lực và khẩn ruộng không thành hiệu, thì cứ chánh, phó sứ, thương biện, các viên khán đốc và những người quản suất, điển ty, phân biệt nghĩ xử).

Vua cho là việc ấy cũng là việc cốt yếu để hưng lợi trừ hại, đều y lời xin cho thi hành.

Quân đới nước Thanh là bọn Trần Đức Triều, Chu Bỉnh Lâm đánh hạ được đồn giặc Chu Bố, bắt sống bọn Lý Quảng Long hơn 200 người, giải về Long Châu, Thống đốc Hoàng Tá Viêm sai Tán lý Lã Xuân Oai đưa tặng quế Thanh, đuôi voi bọc bạc và đủ lễ vật để khao quân, lại thương thuyết việc đánh dẹp, rồi lại bắt được giặc sau là Trần Tá Bang.

Sai Bố chính tỉnh Bình Thuận là Trần Lưu Huệ đến Gia Định để tặng đáp lễ, (gửi tặng vua nước Pháp và tặng tướng nước Pháp cùng các viên hộ tiếp, hộ tống), vì năm trước sai sứ sang Pháp hỏi thăm, tặng phẩm vật và sai quan đi đấu xảo, người Pháp đều hậu lễ đưa về, cho nên đặc cách sai hỏi thăm và tặng lại. (Khâm sứ đóng ở Kinh và thông ngôn cũng dự thưởng cấp).

Ân thưởng những đầy tớ cũ khi chưa lên ngôi được thăng thụ đều có thứ bậc. Vua bảo rằng : Năm có khánh tiết cho đầy tớ cũ mà đến nay mới đến, cũng là cái ý nhà Hán nhớ người có công từ nước Đại[1] đến.

Phát chẩn cho dân hạt Hà Tĩnh bị hoả tai. (Xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân bị cháy hơn 400 nhà).

Định lại lệ các hạng binh phạm tội an trí vào một nơi để khai khẩn. (Phàm các hạng binh cho đi an trí để khai khẩn ở Sơn phòng các tỉnh, tù trốn, có tái phạm phải xử trảm quyết, mới trốn lần đầu không tái phạm, mà nguyên can tử tội phát đi sung quân, lưu, đồ, thường được giảm xuống làm binh và nhiều lần phạm tội trộm cướp, phạt trượng được tha, dân cung là người vốn ác, phải phạt trượng phải tội đồ, mãn hạn, dân không muốn nhận, phát đi làm binh thì đều xử trảm giam hậu, còn những người nguyên can án trộm cướp tội chỉ xử phạt trượng mà xét ra không rõ quê quán, và những kẻ phạm không phải can án trộm cướp mà xét ra không rõ quê quán, dồn vào lính mộ mới trốn lần đầu, đều xử sung quân, lại trốn lần nữa xử trảm giam hậu, lại giao an trí khai khẩn, trốn đến 3 lần, đều xử trảm quyết ngay).

---

(1) *Đại* : Hán Văn đế trước làm vua ở đất Đại sau làm vua nhà Hán, nhớ đến công của những người theo từ đất Đại đến.

Vua nghĩ sang năm kính gặp tiết thánh thọ thất tuần đại khánh, sai Tham tri bộ Công Hồ Trọng Đĩnh, Chưởng vệ Thần cơ Tôn Thất Phê trông coi việc làm lầu rạp.

Thời tiết gặp rét và mưa, sai ban cho quan quân thứ ở các tỉnh quế và dầu, lại cho Tổng đốc Hải - Yên Phạm Phú Thứ, Tổng đốc An - Tĩnh Nguyễn Chính mỗi người 10 chi sâm. Vua Dụ rằng : Các ngươi hoặc đảm đương nơi nhiều việc, hoặc ở nơi hàng ngũ quân đội, trẫm một lòng thể tất đến bề tôi, để tỏ ý đưa rượu để yên ủi rét, đều nên lĩnh lấy, đều nghĩ cảm khích cố gắng cho xứng lòng trẫm.

Bọn giặc Tài bị quan quân Bắc Ninh, Lạng Sơn hợp sức đánh, trốn sang Thái Nguyên chia từng ngả (bọn 400 người) úp đánh phá đồn Chợ Mới (cách tỉnh thành Thái Nguyên 1 ngày đường), Lãnh binh là Nguyễn Luận, viên làm việc chuộc tội là Vũ Huy Thuỵ bị chết, thế giặc lại nổi lên, đồn Bắc Kạn (cách đồn Chợ Mới 3 ngày đường) rồi cũng bỏ mất. Chuẩn cho Tán lý Lương Quy Chính, Bố chính Thái Nguyên bị cách cho làm việc chuộc tội là Mai Văn Chất, Án sát là Đỗ Trọng Vỹ đều cách lưu ; Tham tán Trương Quang Đản, Đề đốc Ngô Tất Ninh, Lê Văn Điếm, Thống đốc Hoàng Tá Viêm, phân biệt giáng lưu, nhưng dụ cho Tá Viêm phải trù tính việc đánh giặc. (Chặn ngay các đường quan yếu từ Thái Nguyên, Tuyên Quang đến Hưng Hoá, lại bàn chia quân giáp đánh).

Lĩnh Tri phủ phủ Hải Ninh là Bùi Tiến Tiên hội với Tham tướng nước Thanh là Mạc Thiện Hỷ đánh phá tan trại giặc ở phận rừng Đại Mộc Căn (thuộc địa phận xã Lộc Phù phủ ấy, giáp với tỉnh Quảng Đông). Trước đấy, giặc nước Thanh là bọn Liêu Nhị, Lưu Nhị, bị Thiện Hỷ vây đánh, trốn sang địa phận xã Quất Đông, tổng Bát Trang, phủ Hải Ninh quấy rối, cướp bóc, Tiến Tiên nhiều lần thúc đánh được thắng trận, đến nay bọn đầu sỏ giặc là Lưu Tảo Nhị trấn giữ phận rừng Đại Mộc Căn, Tiến Tiên phái biền binh bắt giặc đóng ở phủ đi đánh chợt gặp Thiện Hỷ đem quân đi tuần biên giới đến ngay đánh giúp chém được 50 - 60 tên, bắn chết rất nhiều, san bằng trại ấp, Tiến Tiên khoản tặng để khao quân (trâu, dê, lợn mỗi thứ 1 con ; gà, vịt mỗi thứ 4 con, gạo trắng 10 thúng, rượu 4 chĩnh, chè ô long 1 cân, bạc hoa viên 100 đồng, bạc hạng trung bình 1 hốt, số bạc đồng bạc hốt ấy, Thiện Hỷ trả lại). Thiện Hỷ khi ấy về chỗ đóng quân ở Quảng Đông, việc ấy tâu lên, thưởng thụ Tri phủ cho Tiến Tiên (nguyên Trước tác lĩnh Tri phủ), Hộ phủ Trần Văn Tuy, Án sát Chu Duy Chẩn điều khiển được việc, đều thưởng kỷ lục 2 thứ ; lại dụ sai đưa tặng Thiện Hỷ, rồi bàn đánh giúp, cho việc phòng giữ biên giới được yên.

Sai sứ sang nước Xiêm, lấy Biện lý bộ Công là Nguyễn Hiệp (nguyên trước là Trọng Biện sau mới đổi) sung làm Chánh sứ, Lang trung bộ Lại Đinh Văn Giản làm Phó sứ, nước ta gần đây có phái người đến phủ Trấn Ninh, bị quân nước Xiêm bắt nhầm. Nước ấy đều khoản đãi cho đưa về (phái viên quyền phủ Trấn Ninh là bọn Cao Bỉnh Tâm), đến nay lại đưa thư muốn tìm giao hiếu như cũ, cho nên sai bọn

Nguyễn Hiệp đi. (Lại sai bọn trẻ tuổi đi học là Hồ Khắc Hài theo phái viên sang Xiêm để học chữ và tiếng nói, lần này đưa thư cho tướng Pháp biết, cho đi bằng tàu thuỷ).

Tháng 12, bắt đầu thu thuế mỏ sắt ở Bàn Giản (thuộc huyện Lập Thạch), tỉnh Sơn Tây (đồng niên 300 cân).

Vua lần lượt hỏi Nguyễn Tăng Doãn, Nguyễn Thành Ý (Thành Ý sung Khâm phái đi đấu xảo, tháng trước cũng về) về việc sang Tây, Tăng Doãn, Thành Ý tâu trả lời.

(Tăng Doãn đệ nộp thư đáp lại của nước Pháp, nước Y Pha Nho và tâu trả lời nói : Nước ấy hiện nay đặt ra quân đội, làm ra tiền tài, mong cùng với nước Phổ Lỗ Sĩ cho hả dạ một phen, còn đối với nước ta thì chưa có ý gì khác. Duy tính họ hay ngờ và cố chấp, thấy việc của ta làm phần nhiều bồi hồi, lại thêm bọn lau nhau ở bên điêu toa thêu dệt vào, nên lòng ngờ ta, đề phòng ta, vẫn còn chưa bỏ hết. Vả lại, những nơi bến tàu buôn bán của nước ấy có 15 sở : (Tân thế giới 3 sở, A Phi Lợi Gia Châu 8 sở, 5 xứ Ấn Độ 1 sở, Áo Đại Lợi Á 2 sở, Nam Kỳ 1 sở) mà Nam Kỳ tôn là bậc nhất. Nước ấy sẽ lấy nơi ấy làm chỗ dừng chân cốt yếu sang phương Đông, việc ấy liên quan đến lợi hại rất lớn, thực không thể lấy lời nói mà tranh luận được. Hơn nữa, nước ấy hiện lập làm nước dân chủ, công hội, quyền dân trọng, mà quyền nước khinh, phàm việc lớn phải qua thượng hạ nghị viện, 2 viện cùng chuẩn y, mới được thi hành, không phải như trước kia, việc gì chỉ lo một lời nói của quốc trưởng mà định được. Đương tình thế ấy, chưa có cơ hội mưu tính lấy lại được, nếu tìm được lối khác, thì các nước phương Tây hiện đương cùng nước ấy kết hợp với nhau, các khâm sứ cũng là nòi giống nước ấy, cho nên việc rất mật chưa dễ nói được, nên chỉ chiểu theo làm việc thường thăm hỏi đáp lễ mà thôi. Lại tập tâu khác nói về việc phương Tây 7 khoản :

- Đặt xe lửa ở giữa biển nói ở đáy biển tầng thứ nhất và thứ hai tuy là bùn cát, mà tầng thứ 3 đều là chất đá, tầng thứ tư đều là đất dày, ở giữa đá đào làm đường xe, hoặc ở chỗ đất đá lẫn lộn, tuỳ thế mà làm, cho nên không đổ.

- Tàu chạy bằng hơi, nói là chia bổ khí âm đi mà chuyên lấy khí dương, thử cho chạy tàu thuỷ nhỏ, thì nhanh chóng cũng như đốt than mỏ - lời nói của người biên chép nói thế, cùng việc tàu chạy bằng hơi, do người Tân thế giới làm ra, chưa biết phép làm.

- Các nước phương Tây mạnh hay yếu, nói : Hiện nay, các nước chỉ nước Nga La Tư là mạnh nhất, lòng người suy phục thì nước Anh Cát Lợi hơi hơn, vì nước Anh là một nước lớn ở phương Tây quy mô rộng lớn, trên dưới cùng yên, thế nước ngày một lên, nơi bến tàu buôn bán hơn 30 sở, nay 5 xứ Ấn Độ lại muốn cùng

tôn vua nước Anh làm Quốc trưởng để giao thiệp buôn bán với nước ngoài, lại còn hơi giữ đạo công, cho nên suy phục.

- Về việc vợ chồng, nói : Phàm đã kết tóc với nhau, người vợ nếu có tư thông với ai theo lệ cũng không được bỏ và tục nước ấy một chồng, một vợ, nếu không có con trai, con gái cũng không được lấy vợ lẽ, vợ chết có thể lấy vợ kế, chồng chết có thể lại đi lấy chồng, trên dưới đều thế.

- Quan Tây phần nhiều tuổi cao chưa lấy vợ, hoặc sợ vợ có thể khống chế chồng, hoặc sợ vợ con làm đà luỵ, không thể đi xa được.

- Phong tục kính trọng Giáo chủ, phàm Giáo chủ chết, 3 ngày làm lễ đại liệm, 9 ngày dời quan tài đến đền Phê-rô (ở đô thành Rô-ma) để đấy, đợi ngày, tháng, năm nào, vị Giáo chủ mới kế tiếp ra đời, mới đem quan tài vị Giáo chủ cũ đi chôn, để tỏ ra khác với người thường. Lại nói : Phong tục phương Tây, khi đi chơi, vợ chồng cùng một xe, hoặc cha con, anh em, chị em cùng một xe, không thì đi xe một mình. Duy có yến hội nhảy đầm thì không cứ thân hay sơ, một người đàn ông, một người đàn bà, cầm tay nhau đứng múa đi vòng quanh trông rất không nhã, duy chưa thấy có mượn vợ ngồi cùng xe. Lại nói : Phàm sau khi chết, được một ngày đêm thì liệm chôn ngay, nhà giàu sang chẳng qua vài ba ngày mà thôi ; nhà giàu sang phần nhiều làm sẵn quan tài bằng đá, nhà nghèo hèn phần nhiều làm quan tài bằng gỗ ; chỗ chôn thì mỗi xứ làm 1 - 2 thành, hoặc vài ba thành, xa hơn với dân cư, giữa chia ra đường chữ thập, trồng từng hàng cây tùng. Không kể người hạng nào, chỗ chôn đều chiều dài 5 thước, chiều ngang 3 thước, người giàu sang cũng chôn ở bên thành, đều đầu hướng vào thành, chân hướng vào giữa ; người nghèo hèn chôn ở khoảng giữa chia từng hàng mà chôn, cũng đầu hướng vào thành, chân hướng vào giữa. Trong đó người giàu sang phần nhiều mua thêm đất chôn, rộng 6 - 7 thước, hoặc trên dưới 10 thước, trong huyệt đều xây bằng đá, mà để trống ở giữa (cũng phần nhiều làm sẵn) để đủ cất đặt quan quách (cũng có người không có quách), trên huyệt có xây nhà đá, hoặc tháp đá, cột đá, hoặc chỉ dựng 1 tấm đá lớn, tuỳ thế khắc họ tên quan tước, năm tháng ngày giờ sinh và chết của người chôn ấy, cũng đôi khi có chế khắc hình người chôn ấy nằm ngồi ở chỗ đó, 4 mặt đều vây lan can bằng sắt, trước huyệt chỉ trồng một vài chậu hoa ; còn người nghèo hèn thì ngăn lan can bằng gỗ, trước huyệt chỉ trồng 2 -3 cây lặt vặt để cho nhớ. Việc chôn trên đây, đều có thứ tự, người chôn sau kế tiếp ở bên người chôn trước, không được kén chọn. Còn như việc để tang cha mẹ, vợ chồng đều 1 năm, ngoài ra theo thứ bậc giảm dần. Lại Quốc trưởng nước này hoặc có con chết, thì Quốc trưởng nước khác và cả con, cũng có phân biệt để tang bao nhiêu ngày, gián hoặc cũng có tuỳ tình mà hội táng. Lại như người đứng đầu một toán quân mà chết, thì binh đinh trong dinh hoặc trong đội, cũng đều có phân biệt để tang bao nhiêu ngày. Còn phép để chở thì dùng sắc đen,

duy đều không có tế tự, đại khái các nước ở phương Tây đều thế. Thành Ý tâu lên đại khái cũng giống thế và nói muốn đến nước Anh nhưng ý người Pháp không muốn cho thuê thuyền, nên hãy đình chỉ.

Vua cho là lần này phái đi sứ, một là để sửa sang hoà hiếu, một là để rộng đường giao thiệp, mọi người cùng cử người hiểu biết, muốn cần cho làm được việc, nếu việc chính không làm được, cũng phải hỏi tìm người có nghề hoặc đồ vật tinh xảo, để học tập ngày một tiến lên, mới có chút bổ ích, thế mà không được một việc gì, tâu bày lại phần nhiều nói hão, giao xuống cho đình thần bàn, cho là không làm nổi chức phận, nghĩ xử cách mà ly chức. Vua đặc ân chuẩn cho Tăng Doãn giáng về hàm cũ (Tả tham tri), vẫn lĩnh Thượng thư, Thành Ý bị cách lưu.

Phát chẩn cho thôn An Mỹ, thuộc huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Nội bị hoả tai.

Cấp tiền gạo cho tàu nước Bút Tu Kê bị nạn gió bão. (Nước Bút Tu Kê tiếp giáp địa phận nước Y Pha Nho hơn 260 dặm, tàu ấy từ tỉnh Mã Cao chạy đến đảo Cù Lao có việc công, gặp gió giạt vào phận biển tỉnh Quảng Ngãi).

Bấy giờ, nhật báo Hương Cảng ngoa truyền rằng : Con cháu nhà Lý là bọn Lý Quảng Long, Lý Á Sinh câu kết với giặc ở Thái, đến hơn 100.000 người, tướng nước Pháp ngờ có hại đến sở Thương chính, nên đưa thư cho nước ta phái quân đánh giúp. Vua ngại là nói phiếm thêm sinh việc, sai quan nha Thương bạc đem tình hình giặc viết thư đưa cho biết (trong thư nói bọn giặc mạo xưng và hiện tình trốn xa) cho khỏi nghi ngờ.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi tỉnh Hưng Hoá (Trần Đình Xuân).

Cho lĩnh Đề đốc phủ Thừa Thiên là Nguyễn Hữu Thục đổi lĩnh Phó đề đốc tỉnh Nam Định, quản đốc công việc nha Tuần tải, Quản đốc trước ở nha ấy là Bùi Viện để thiếu rất nhiều, em viên ấy là Bùi Phủng nhận lĩnh chở thuê để khấu trừ, nhưng đều là người mới, Hộ đốc Nam Định là Nguyễn Trọng Hợp tâu xin uỷ người buôn nước Thanh là hiệu Bảo Phúc và quyền Hiệp quản là bọn Phan Đễ nhận làm đóng thuyền thu thúc binh dõng, rồi thu tiền bảo hiểm. Nguyễn Hữu Thục thì tâu xin chuyên trông coi việc ấy, hiểu dụ người buôn nước Thanh, tuỳ tiện thuê mộ, đình việc thu tiền bảo hiểm. Bộ Hộ xét lại, cho là 2 tập tâu xin, đều là có lòng đảm đương công việc, tuy trong đó chu đáo, sơ sài có khác nhau, nhưng hoặc việc đã làm qua, hoặc tình thế nên như thế, không ngại gì bàn soạn ổn thoả với nhau để cho được việc, xin lấy Hữu Thục đổi lĩnh chức ấy, Phan Đễ (nguyên hàm Lục phẩm Suất đội) và Đặng Văn Ứng (nguyên thuộc viên nha ấy) đều sung chức Phó quản đốc. Lại đặt thêm 1 chức Chủ sự sung làm Tham biện để mong cho được việc. Vua y cho, chuẩn cho Hữu Thục đi đường bộ đến trù tính với Trọng Hợp làm việc, rồi thì Trọng Hợp tâu nói Hữu Thục làm việc không hợp (chưa nghĩ chi biện việc gì, đã

vội lĩnh tiền công hơn 100.000 quan) và nói Hữu Thục tất không đương nổi được, mới đình chức Phó đề đốc của Nguyễn Hữu Thục, chuyên giao Trọng Hợp làm cho ổn thoả. Trọng Hợp mới sửa sang 4 chiếc thuyền hiệu (2 chiếc đóng ra, 2 chiếc thuê làm) chọn phái các viên lĩnh mộ, chia nhau cai quản quân luyện tập, quân thuỷ thủ người nước Thanh (hơn 130 người) ngồi các thuyền hiệu, chia làm ở toán tiền, trung, hậu, ra biển tuần tập, lại uỷ bọn bang biện người nước Thanh đứng ra bảo nhận thuê các hiệu thuyền nước Thanh đi tải).

Quân thứ Thái Nguyên đánh lấy lại được đồn Chợ Mới. Trước đấy, Hoàng Tá Viêm uỷ Trương Quang Đản đốc thúc bọn Lưu Vĩnh Phúc tiến đánh, đánh bọn giặc Tài thua luôn ở các xứ Linh Nham, Na Khôn, đã khen thưởng có thứ bậc. (Đốc thúc đánh là Lưu Vĩnh Phúc, Ngô Tất Ninh đều thưởng gia quân công 1 cấp, tiền vàng Tứ mỹ mỗi người 1 đồng, đoàn mục là Hoàng Thủ Trung thưởng tiền bằng bạc có chữ Sử dân phú thọ hạng lớn, hạng nhỏ mỗi thứ 4 đồng, bàn và trông coi là Trương Quang Đản thưởng kỷ lục 3 thứ, Lê Thanh Thận thưởng kỷ lục 2 thứ). Đến nay, Vĩnh Phúc lại mình đi trước thúc đánh, lấy lại được đồn ấy, Tá Viêm bèn chi trước 100 lạng bạc để thưởng cho, lại tâu gia thưởng một tấm bài thưởng công bằng vàng tía, để nêu công đầu. Vua đều y cho, dụ sai thúc ngay đi trước, cốt bắt được giặc Tài để giải giao cho quan nước Thanh.

Tuy Lý quận vương Miên Trinh thọ 60 tuổi. Vua ban cho 1 bài thơ (4 câu) và các phẩm vật, sai trung sứ đệ cấp.

Đề đốc tỉnh Quảng Tây nước Thanh là Phùng Tử Tài đem 26 dinh quân ra ngoài cửa quan hội lại cùng đánh. (Vua nước Thanh nhân sớ trước đệ lên, dự chuẩn cho Tổng đốc Lưỡng Quảng là Lưu Trường Hựu, Tuần phủ Quảng Đông là Trương Thụ Thanh tra rõ Khâm Châu, Linh Châu có bọn giặc Tài ẩn nấp hay không, đóng giữ tỉnh Quảng Tây là Tuần phủ Dương Trọng Nhã điều phái quan quân đuổi bắt giặc Tài, các kẻ bị dụ hiếp phải theo, hiểu dụ cho giải tán. Đề đốc Phùng Tử Tài đem quân ra cửa quan, chờ cơ hội đánh dẹp, tất cả các việc điều độ, vẫn cùng với Trọng Nhã hội bàn làm việc. Triệu Ốc gần đây bị hặc tội phải đổi, Tử Tài đem cả quân ở dinh, lấy tháng này bắt đầu đi, mồng 1 tháng giêng sang năm ra cửa quan.

Khâm sứ nước Pháp ở sứ quán đóng tại Kinh là Hoắc Đạo Sinh dâng thư chúc mừng ngày mồng 1 tháng giêng năm mới, thưởng cho sứ ấy và thuộc viên có thứ bậc. (Năm Tự Đức thứ 22 [1869] ngày mồng 1 tháng giêng, sứ ấy được cho vào triều yết, đến nay thương thuyết hằng năm các tiết lớn và khánh tiết, mời tiếp triều yến, cho tình ý được hợp. Vì ngày mồng 1 tháng giêng gần đến nơi, đường sá chưa sửa sang được, đợi đến sang năm tiết Đoan ngọ, tiết Vạn thọ sẽ thi hành, còn tiết này châm chước làm qua, thưởng cấp cho Khâm sứ 1 đồng tiền vàng hạng nhì

(nặng 5 đồng cân) có chữ "Vạn thế vĩnh lại"[1], một cái khay chè chân thấp bằng gỗ dẻ khảm xà cừ, 4 góc bịt thau, kỷ lục 2 người (1 người Tây, 1 người Nam), y sinh 1 người (người Tây), thông ngôn 1 người (người Nam) mỗi người đều 2 đồng tiền bằng bạc, nặng 2 đồng cân có chữ "Sử dân phú thọ"[2], lính Tây 1 người, 2 đồng tiền bằng bạc hạng vừa có 2 con rồng (nặng 2 đồng cân), tuỳ đinh 6 người (4 người Nam, 2 người Thanh) 40 quan tiền, ngày mồng 1 việc triều yến xong, do một viên ở bộ Lễ truyền cấp.

Chuẩn cho từ nay trở đi, phàm các quan ở phủ, tỉnh, huyện, châu, đều hạn cho tại chức 3 năm mãn khoá, xét công người nào binh lương đều đủ, việc hình án xét xử xong xuôi, địa phương được yên ổn, số đinh điền không thiếu mà lại tăng lên, thì phủ, huyện, châu do thượng ty, quan tỉnh do bộ, phải đem tâu rõ ràng, đợi cho khen thưởng thăng trật vẫn chuẩn cho ở lại chỗ cũ làm việc để hết tài năng. Người nào mãn khoá, mà binh lương thiếu thốn, xét xử không xong xuôi, đinh giảm bớt, ruộng bỏ hoang, dân không được yên, thì cũng đều chỉ thực đem tâu lên, đợi phải truất giáng, để tỏ phép lớn khuyên răn, định làm lệ mãi.

Hai tỉnh Bình Định, Phú Yên bị bão lụt (tỉnh Phú Yên hại hơn), quan tỉnh cũng đem việc dân đói tâu xin cứu giúp. Vua bảo bộ Hộ rằng : Năm nay Tả kỳ không may hai lần bị tai nạn riêng, kho chứa rất ít, cứu giúp không khắp, trẫm rất không yên tâm, bộ sao không nghĩ làm thế nào để cứu cấp, nếu buôn thóc gạo ở ngoài Bắc vào, chỉ có thể đến được Quảng Nam, mà tỉnh Quảng Ngãi đã quẫn, hoặc có thể đến được Bình Định, mà tỉnh Phú Yên cũng thế, thấy tình hình ấy sao nỡ ngồi mà nhìn, nay làm thế nào cho chóng cứu tế được mới yên lòng trẫm, phải nên xét thương, nghĩ tâu ngay. Quan ở bộ tâu trả lời nói : Tỉnh Bình Định thóc gạo hiện chứa được hơi dồi dào, trừ số liệu để lại chẩn cấp ra, trích ra 30.000 hộc, phương, do tỉnh ấy tải giao cho tỉnh Phú Yên 20.000 phương, tỉnh Quảng Ngãi 10.000 phương, lại sai tỉnh Quảng Ngãi phái đến tỉnh Quảng Nam nhận chở 10.000 phương (trước đã phát giao 10.000 phương) cho đủ chi cấp. Vua y cho.

Lại bảo các quan ở bộ rằng : Trẫm cùng các ngươi một ngày không ăn đã không chịu được, sao nỡ ngồi mà nhìn, nếu trong thì bộ, ngoài thì tỉnh làm không được việc, không nên làm quan nhận sự cung phụng của dân, lục sức cho các tỉnh ấy biết.

Chuẩn định niên hạn xét để tha những binh tù phải an trí đi khai khẩn. (Từ nay về sau, phàm các hạng binh tù phải an trí khai khẩn ở Sơn phòng và các nha Kinh lý, Điển nông, Doanh điền ở các tỉnh, trừ người bị tội đồ, tội lưu hết hạn do các nha

(1) *Vạn thế vĩnh lại* : muôn đời được nhờ mãi.

(2) *Sử dân phú thọ* : khiến cho dân được giàu và sống lâu.

ấy xét tha ra không kể, còn những tội phạm sung quân phát lưu được giảm phát hạn cho 12 năm (tính suốt cả trước bị giam, sau an trí định niên hạn ấy xét mà khấu trừ, như đã giam 1 năm nên để an trí 11 năm, đã giam 3 năm nên để an trí 9 năm), những người nguyên xử phải quân lưu, hạn cho 8 năm, phát làm binh, hạn cho 5 năm. Người nào cày cấy vỡ thành ruộng, mỗi tên phạm vỡ được từ 3 - 5 mẫu, do các nha ấy xét tâu xin giảm tha tội trước, người muốn ở lại thì cho cai quản lập nghiệp. Người xin về thì ruộng giao cho nha ấy nhận làm, người nào nói an trí là rừng núi nhiều sỏi đá đất xấu, thế khó vỡ làm, mà xét ra là yên phận thường cày cấy khai khẩn, không có trốn tránh, thực lòng hối cải, thì hết hạn cũng cho xét tâu, chờ được xét tha, giao về cho tổng lý nơi quê cũ xem xét quản nhận. Trong đó những tên phạm không rõ quê quán, cho giao cho tổng lý nơi ở ngụ hoặc quê mẹ, quê vợ vào sổ nhận quản, dao dịch cùng dân cùng chịu).

Trước Hộ đốc Định - Yên Nguyễn Trọng Hợp dâng tập tâu đem các khoản kho ở tỉnh thiếu hụt và nhũng tệ, xin chọn phái tra xét (việc ở tháng 10 năm thứ 21) [1868] đã chuẩn phái Khoa đạo Tống Phúc Trạch đến Hà Nội hội đồng với Bố chính Phan Minh Huy để tra (bấy giờ Bố chính Phan Đức Trạch đã đổi đi sung chức Tán tương ở quân thứ Thái Nguyên), sau rồi Minh Huy và Phúc Trạch lần lượt bị hặc phải tội, lại chuẩn cho Khoa đạo Trần Đình Liêm, hội đồng với bọn Bố chính Đồng Sĩ Vịnh, Án sát Nguyễn Duy Kế tiếp tục làm việc, xét ra số thiếu hụt rất nhiều (tiền, thóc, gạo kể tang tính thành tiền hơn 100.000 quan, khi ấy có khai ra Bố chính trước là Vũ Khoa, Sơn phòng Hà Nội là Dương Khuê có vay mượn, sau chuẩn cho bộ Hộ xét nghĩ, việc xem ở tháng 2 năm sau). Đến nay án chuẩn cho bọn chủ điển thủ, phòng bạ (Bùi Hữu Thuyết, Vũ Văn Cung, Lê Đức Tuấn, Hà Văn Vọng, Nguyễn Đình Tuân, Trần Danh Mỹ) đều phải trảm quyết giam bồi, Bố chính trước là Nguyễn Tạo (bấy giờ hiện đang sung chức Sơn phòng tỉnh Quảng Nam) bị cách cho làm việc chuộc tội, Phan Đức Trạch phải phạt trượng, phạt đồ hết bậc. (Đã chết chiểu thu sắc bằng).

Năm ấy, các hạng thuyền đi tuần và vận tải ở trong Kinh và tỉnh ngoài 150 chiếc, bị lỡ việc (vì gió) mất 10 chiếc, còn thì đều về thanh thoả.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXI*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Kỷ Mão, Tự Đức năm thứ 32 [1879], (Thanh, Quang Tự năm thứ 5), **mùa xuân, tháng giêng**, vua nghĩ năm nay kính gặp tiết thất tuần đại khánh của Hoàng thái hậu, ngày mồng một tháng giêng, thân đem hoàng thân, các quan văn, võ đến cung Gia Thọ, dâng tờ chúc mừng, làm lễ chúc mừng. Lễ xong, ngự điện Cần Chính nhận lễ mừng.

Ban xuân thủ ân chiếu tất cả 14 điều :

- Hoàng thân vương công, hoàng tử tôn tước và công tử, dự có yến lạy mừng và quan viên văn lục phẩm, võ ngũ phẩm trở lên đang được dự yến, cho ban yến một lần, các người trên đây cùng ở Kinh và tỉnh ngoài từ thống đốc, tham tán, đề đốc, tán lý, tán tương, tổng đốc, bố chính, án sát, chánh phó phòng luyện, chánh phó lãnh binh, quản lý, tiễu phủ, hải phòng, sơn phòng, doanh điền, điển nông, thương chính, chánh phó sứ, đốc học, thương biện, bang biện, tham biện và chánh phó quản đốc các tàu thuỷ, chánh phó đốc biện cục Thông bảo trở lên chuẩn đều thưởng cho có thứ bậc.

- Các công chúa, công nữ dự có đến lạy mừng, còn các phi tần, nữ quan, đều gia ân ban cho có thứ bậc.

- Miếu đế vương các đời, đền Khải thánh, Văn miếu, Võ miếu, miếu Thành hoàng, miếu Hội đồng, miếu Tiên y, đàn Tiên nông, núi sông, cầu phong, lệ tế và các thần kỳ dự ở điển thờ cùng các đền công thần khai quốc, trung hưng hiền lương, trung nghĩa, trung dũng chuẩn cho bộ Lễ xét lại, sắm lễ đều đến tế 1 tuần.

- Hoàng thân, quý chúa, phi tần đã mất đi và các từ đường họ ngoại cho đều ban tế 1 tuần.

- Quan viên lớn nhỏ ở Kinh và tỉnh ngoài gián hoặc có vì việc công nhầm lẫn, đã bị cách lưu và giáng phạt, chuẩn cho 3 bộ Lại, Hộ, Binh làm danh sách tâu lên, liệu ban ơn cho.

- Những tiền thuế thân, tiền đầu lõi, tiền thuế điệu và thuế biệt nạp thổ sản của các hạt về năm nay, chuẩn cho tạm hoãn 3 phần 10.

- Tiền thóc phải nộp về các hạng điền thổ ở các hạt, chuẩn cho tạm hoãn 3 phần 10.

- Các hạng biền binh chính ngạch hiện tại ứng điểm ở Kinh, chuẩn cho chiểu thực số đều thưởng tiền 1 quan 2 tiền, còn các hạng biền binh tạp ngạch theo lệ có ứng điểm, cho đều thưởng 7 tiền.

- Các hạng thợ thuyền ở Kinh và tỉnh ngoài cho đều thưởng tiền lương nửa tháng.

- Hiếu tử, thuận tôn, tiết phụ, nghĩa phu ở Kinh, quan cai quản xét hỏi cho kỹ có thể sự thực tâu lên, đợi Chỉ cho nêu thưởng.

- Các địa phương có kẻ tài phẩm hơn người, ẩn dật ở nơi núi rừng, chuẩn cho quan địa phương ấy xét thực tâu lên, châm chước cho lục dụng.

- Các địa phương như có người vẫn đọc binh thư, dũng cảm, biết phương pháp, hoặc cưỡi voi, ngựa bắn giỏi, võ nghệ tập quen, hoặc tài sức hơn người, nhấc nặng đi được xa, không cứ đã dự đăng vào sổ quân, sổ dân hay chưa cho đều do thượng ty ấy xét thực, tư cho bộ Binh sát hạch lại để tâu lên, đợi Chỉ tuỳ tài lục dụng.

- Các viên nhân bị lỗi, đã phát giao các xứ sai phái làm việc chuộc tội, chuẩn cho các thượng ty ấy và các quan cai quản, đem cả tên tuổi, quê quán, tội trạng, làm danh sách tâu lên do bộ xét nghĩ tâu lên, chờ Chỉ ban cho.

- Sở Dưỡng tế ở các hạt có những người quan, quả, cô độc và nghèo túng, ốm đau không kêu vào đâu được, quan có chức trách lưu tâm, thời thường cấp nuôi cho đủ, chớ để không có chỗ nương tựa).

Cung tiến 20.000 quan tiền kẽm lên cung Gia Thọ. (Hằng năm 10.000 quan, năm nay vì kính gặp khánh tiết, thêm lên 10.000 quan).

Truy trả lại hàm Tả tham tri bộ Lễ cho Lê Bá Thận. Trước Bá Thận đã phải tội, chiểu lệ giam ở nhà giam phủ Thừa Thiên, sau mắc bệnh nặng. Vua thương là người có công lao cũ, tha cho về nhà, đến nay chết, chuẩn cho truy phục hàm ấy cho con được tập ấm, lại cấp cho gấm, sa, vải, lụa và tiền. (Gấm Trung Hoa 1 cây, sa Trung Hoa, sa Nam mỗi thứ 3 tấm, nhiễu Nam 2 tấm, lụa 5 tấm, vải 10 tấm, tiền 700 quan) để lo liệu việc tang.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở tỉnh Bình Định. (Man Văn Tế và Hoàng Văn Phẩm).

Dân tỉnh Quảng Ngãi đói ngày càng quá lắm, bọn Khâm phái Đoàn Khắc Nhượng, lĩnh Bố chính Đoàn Dao xin các tổng ở thuộc hạt tạm làm tế dưỡng, lượng trích số tiền quyên 30.000 quan để mua gạo, giao cho các phủ, huyện, chọn cử nhân, tú tài mỗi tổng 1 người, coi cả tổng để chẩn cấp. Vua y cho.

Cho Hộ thành binh mã là Nguyễn Nhiêu thăng thụ Chưởng vệ, lĩnh Đề đốc Kinh thành, nguyên lĩnh Đề đốc Nguyễn Bách đổi lĩnh Phó đề đốc.

Tổng đốc An - Tĩnh là Nguyễn Chính tâu lên nói, gia thế vẫn theo nghiệp nho, ông là Nguyễn Yến đi học, dạy học trò, cha nguyên thụ Nhất đội Cai đội tỉnh Hưng Hoá là Nguyễn Thục, từng thông kinh sử thiệp liệp nghệ văn, tuy theo việc quân ngũ nhưng vẫn tích sách để dạy con, thường giao tiếp với các thân sĩ, văn nhân. Năm trước được tặng Kiến công Đô uý, là do nguyên bổ chức võ, cho nên tặng điển cũng theo hàng võ, nhưng xét ra, từ trước đến nay, con hiện bổ chức văn, thì cha mẹ không cứ là nghiệp nho, nghiệp y, nghiệp nông, đều so vào chức của con, phong tặng cũng theo hàm văn, lần này được phong tặng ông, bà và cha mẹ, xin gia ân cho chiểu theo hàm văn. Vua y cho.

Bấy giờ, thuyền buôn nước Pháp đến, phần nhiều đem theo súng và khí giới, không đem nộp cho viên tấn thủ, quan viện Cơ mật và Thương bạc cho là trái với hoà ước, xin thương thuyết với lãnh sự nước Pháp, cấm tự tiện đưa vào, vua nghe theo.

Viên phủ Thừa Thiên tâu lên nói : Trong hạt dân tình túng thiếu, xin thông sức cho các viên huyện hiểu thị khuyên các nhà giàu quyên tiền để chẩn cấp.

Vua bảo rằng, làm cha mẹ dân, phải hết sức làm thế nào để chu cấp, chớ mượn việc sinh tệ.

Các dinh quân nước Thanh, gần đây phần nhiều bắt phu đi chuyển vận, dân rất nhọc khốn, có người bị đánh mà chết. Vua bảo rằng : Hung ác ngang ngược như thế, dân đã khó nhọc lại bị hại, chịu sao nổi, phải thương thuyết với Đề đốc họ Phùng nghiêm sức cho các đạo từ sau không được như thế nữa.

Từ tỉnh Thanh Hoá trở vào Nam (Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị) giá gạo cao vọt lên, lương ăn của dân túng thiếu, Khoa đạo Nguyễn Xuân tâu xin bắt chước phép thanh miêu[1] đời xưa, liệu trích thóc ở kho ra cho dân vay, đợi đến mùa hạ lúa chín, cứ mỗi 10 hộc thóc thu thêm 2 hộc, chứa riêng vào kho, để phòng lâm thời cấp phát.

Vua bảo rằng : Các tỉnh ấy thường xét đến, nên bỏ thóc ra cho vay hoặc chẩn cấp, xin làm, việc gì phải thêm lợi, viện tệ chính ấy, rất không hợp thể.

---

(1) *Thanh miêu* : phép thanh miêu do Vương An Thạch nhà Tống lập ra, bỏ tiền cho dân vay, mùa xuân bỏ ra, mùa hạ thu về, tính lãi 2 phân.

Cho thự Hữu tham tri bộ Lễ Chu Đình Kế đổi bổ thự Tả tham tri bộ Hộ, Tuần phủ Trị - Bình Vũ Khoa, Sơn phòng Hà Nội Dương Khuê, vì phải cách chức cho làm việc chuộc tội. Trước đây Vũ Khoa sung phái đến Bắc Kỳ tìm thuốc, Dương Khuê từ Quảng Nam về sơn phòng, đường đi qua Nam Định, đều do Bố chính Phan Đức Trạch cho vay tiền, Đức Trạch sức cho thuộc lại coi kho đưa cho (Khoa 150 lạng, Khuê 100 lạng bạc), sau rồi kho ấy phát ra việc án, việc đưa cho bạc cũng phát xuất, đã chuẩn cho tâu về rõ ràng. Bọn Khoa và Khuê tâu trả lời phần nhiều giấu và giả dối, giao xuống cho bộ Hộ xét nghĩ. Đến nay án nghĩ, trừ Đức Trạch đã chết, đã có án trước, nghĩ xin chuẩn cho xử Khuê phải giáo giam hậu (chiểu luật người thường lấy trộm tiền lương của kho, tính tang luận tội), Vũ Khoa phải giáng 3 cấp đổi đi. (Khoa nguyên là Bố chính tỉnh Nam Định, đổi về chức ở Kinh, chiểu luật bỏ quan mà đòi vay tiền, kém khi ở quan 3 bậc). Nội các đổi nghĩ, tang số bạc vay đã giao trả, đều xử cách chức, tâu về không thực, đều xử tội trượng, tội đồ hết bậc (theo luật nặng). Vua gia ân chuẩn cho đều cách chức, giao cho quân thứ Tam Tuyên làm việc chuộc tội ; sau hạt Quảng Trị ái mộ Vũ Khoa, ký tên liền nhau vào đơn, xin bỏ ra 15.000 quan tiền kêu ở công chính đường chuộc tội cho Khoa.

Vua bảo rằng quan lại hiền lương từ đời xưa vẫn khó, Khoa trong lòng làm việc thế nào, mới được lòng dân như thế, chuẩn giao cho đình thần xét tâu lên. Đến khi đình nghĩ xin không chuẩn cho, Khoa sau cùng với Khuê cùng đi làm việc chuộc tội (sau Khoa và Khuê đều được chuẩn cho khai phục, khoảng năm Thành Thái, Khoa hiện lấy hàm Tổng đốc lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh về hưu trí).

Cho thự Hữu thạm tri bộ Lại Phan Sĩ Thục đổi bổ thự Tuần phủ Trị - Bình.

Nguyên Khâm phái sang Tây đấu xảo là Nguyễn Thành Ý tâu xin chọn phái học trò đến trường cơ khí ở cửa biển Thu Long học tập. Vua muốn sai Thành Ý đem đi, quan viện Cơ mật và Thương bạc tâu nói : Thành Ý trước sung Khâm phái, giao tiếp với nước ấy, có thể dạng, nếu phái mang đi học, sớm chiều bạn bè với nhau, sợ hoặc tai mắt người lấy làm lạ. Vua bảo rằng : Việc gì không phải là việc công nên có thực hiện, không nên nói không, quan của nước ấy khi làm lãnh sự hoặc quan to, khi lại làm người buôn như mọi người, có hèn gì đâu, thánh nhân cũng làm tiểu lại, là nhục ư ? Nói thế là mở đường tránh cho người, mong gì được thành tài. Rút cục chuẩn cho chọn người do Thành Ý sung phái đem đi.

Đình việc duyệt binh (vì duyệt luôn, cho nên đình).

Bấy giờ những kẻ phạm tội giam ở trại quân phủ Thừa Thiên, phần nhiều đói khổ đến chết, Khoa đạo là Nguyễn Sơn Tăng tâu xin sắc xuống cho quan ở phủ và quan các tỉnh sức xét những kẻ phạm tội phải giam, người nào can xét tầm thường, giao cho tổng lý lĩnh về, đợi lương thực của dân hơi thư, lại cho đòi đến xét, để cho những tạp phạm may được sống lâu dài.

Vua sai bộ Hình nghĩ rồi tâu trả lời. Quan ở bộ là Lê Đình Tuấn tâu lên nói việc Sơn Tăng xin, theo lệ cũng có, (nghị định năm Tự Đức thứ 3 [1850], phàm các hạng tù sung quân, lưu, đồ làm đầy tớ, hoặc đã phát phối, hoặc còn để giam chưa phát đi, cùng là trảm, giảo giam hậu và hiện giam để tra xét mà không có người cấp dưỡng, đều hằng tháng cấp cho lương ăn ; năm thứ 12 [1859] châm chước nghị lại, phàm các án tầm thường, tội chỉ phạt xuy, phạt trượng, cách bãi, mà án chưa kết, thì giao lĩnh cho ở ngoài ; đến năm thứ 19 [1866], nghị định, phàm kẻ phạm nào nhân chứng chưa đủ, tình trạng chưa rõ, còn phải đợi xét hỏi, tội phạt trượng trở xuống đem giam giữ tất cả để chết, thì quan xét hỏi có tội), nhưng lâu ngày sinh ra trễ nải, xin nên sức lại.

Vua bảo rằng : Phàm giam đọng nhiều người đều không tiện, quan có chức trách, đều phải kính xét đức ý, việc ấy việc khác đều xét xử cho xong, chớ lạm, chớ để cho thuộc hạ được dùng dằng làm trái mới được, làm thế nào xét hết xét luôn được, chỉ tự hỏi lòng không hổ thẹn là được, thông sức cho tuân theo mãi.

Tháng 2, định lại điều khoản những án từ sung quân, phát lưu trở xuống làm danh sách tư đi đệ lên xét lại. (Phàm các địa phương kết án từ tội sung quân, phát lưu trở xuống, đều phải hằng năm 4 tháng một lần làm tờ tư phát đệ, bộ Hình tiếp nhận các án từ tội quân lưu trở xuống cùng án tâu cùng đệ đi, do bộ Hình xét lại. Việc nào nên y nên đổi chuyển giao viện Đô sát xét lại, lại giao bộ Hình lục giao các nha xét hỏi việc hình trước nhận làm. Lại Pháp ty xét nghĩ những án có đơn kiện giao tra xét, gián hoặc có nghĩ xử tội quân lưu trở xuống, các địa phương làm tờ tư cho ty ấy xét và làm việc, do viên khoa đạo theo từng tháng lần lượt đến hỏi xét hội đồng với tá lãnh ty ấy xét hạch, chiểu từng tháng làm cho xong, để khỏi chồng chất, việc tha tội nhầm, buộc tội còn như gỡ cho người nhầm được giảm đẳng vẫn lấy đường quan làm đầu. Còn như xét lại mà sơ suất, bị người trích phát ra, đang phải xử phân, nghĩ xử kém quan xét hỏi trước một bậc, gián hoặc có nhiều khoản hơi nặng, đem đổi được vừa phải, tuỳ việc nghĩ thưởng, nếu để chồng chất không làm xong, chiểu lệ nghĩ xử).

Giám lâm phủ Nội vụ là Nguyễn Hữu Thanh nhận của đút lót phải tội đồ, Tham tri bộ Hình Lê Đình Tuấn, Biện lý Ngô Xuân Quỳnh, Nguyễn Văn Long đều phải giáng lưu có thứ bậc. (Chủ thủ kho dược phẩm Trần Duy Nghiêm năm ngoái can án ăn trộm quế của vua dùng, phải tội xử chém ngay, khi ấy có cung ra ngày được bổ có đút lót cho Hữu Thanh 30 lạng bạc, quan ở bộ cho lời cung ấy là việc khác, cùng bàn để đợi xét, không đem ngay Hữu Thanh tâu lên hặc tội và án cùng xét, bộ thuộc là Nguyễn Hữu Tán bèn đem tờ khai ấy bỏ đi, việc phát ra, Hữu Thanh phải tội ấy, quan ở bộ nhận lỗi, chiểu luật tư tình che giấu, xử nhẹ).

Tổng đốc Ninh - Thái là Lê Hữu Tá tâu lên nói : Quân nước Thanh và quan quân tiến đánh hạt Thái Nguyên, số ấy so với trước hơn gấp 5 lần, phải dùng nhiều lương, hạt ấy trừ 7 huyện về hạ du hiện đang đắp đê, các huyện Lục Ngạn, Hữu Lũng, Yên Dũng ở thượng du đều đã điêu tàn, chỉ cung được sự bắt gọi tầm thường, còn đến như việc vận giải, chỉ trách cứ vào 8 huyện ở thượng du, tuy anh đi em về, thế không cung cấp được. Hiện nay, các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, việc phòng giữ hơi thư, cũng là vô sự, xin lượng bắt dân phu để phụ giải, mới mong tiếp tế được.

Vua cho là điều động xa, khó nhọc nhiều, sai bộ nghĩ số phu phải phần thụ (Hà Nội 2.500, Hải Dương, Nam Định đều 1.000, tỉnh Hưng Yên 600) nhưng chuẩn cho người xin đi vận giải thì cho, hoặc xin nộp tiền thay cho mỗi tháng mỗi suất 6 quan, giao cho tỉnh Bắc thuê người làm.

Cho thự Thống chế quyền Chưởng Trung quân là Đinh Hội thực thụ Thống chế, vẫn quyền Chưởng vệ, quyền Chưởng Hữu dực dinh Vũ lâm là Trương Văn Hùng, quyền Chưởng dinh Tiền phong là Lê Bình, quyền Chưởng dinh Long võ là Phạm Trinh đều thăng thự Thống chế ; Vệ uý là Phan Văn Quý thăng thụ Chưởng vệ, quyền Chưởng dinh Hổ oai (năm trước Nguyễn Bách đổi lĩnh Đề đốc, chuẩn cho giao Nguyễn Thịnh (kiêm quản), Chưởng vệ lĩnh Đề đốc quân thứ Bắc - Thái là Ngô Tất Ninh được thực thụ ; Lãnh binh lĩnh Đề đốc Nghệ An là Lê Chuẩn được thăng thụ Chưởng vệ vẫn lĩnh Lãnh binh ; quyền sung Phó đề đốc Tam Tuyên quân thứ là Lưu Vĩnh Phúc được thực thụ.

Thự Bố chính Thái Nguyên là Mai Văn Chất vì việc quân bỏ bễ, phải cách chức cho làm việc chuộc tội. Trước đấy, Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu lên nói : Văn Chất việc bắt phu, việc vận lương và việc do thám đều hèn kém, xin cách chức ngay, cho đến quân thứ làm việc chuộc tội, Án sát Đỗ Trọng Vũ không giúp đỡ gì, xin cách chức trả về Thương biện.

Vua cho là tình thế hiện nay thực khó, không riêng một tỉnh ấy như thế, gia ân giáng Văn Chất làm Thị độc, Trọng Vũ làm Thị giảng, đều vẫn lĩnh chức cũ, để xem công việc về sau. Đến nay Tá Viêm lại tâu Văn Chất không có lòng cố gắng, để lại sự đến lỡ việc, mới chuẩn y lời Tá Viêm xin, để cho hết chức trách làm tướng, mà chức Bố chính có khuyết, thì lấy Thị giảng Học sĩ lĩnh Án sát Bắc Ninh là Bùi Phác lĩnh chức ấy.

Chuẩn cho Hoàng tử thứ hai ra ở nhà Chính Mông (làm ở bên tả nhà Duyệt Thị), đặt các chức tán thiện giảng tập và chính trị mỗi chức 1 viên.

Chuẩn cho từ sau phàm chức giáo huấn có khuyết, trước hết đem những cử nhân dự có phân số và lệ được bổ quan để điều bổ, còn tú tài người nào hễ sát hạch

được hạng ưu, nếu cần người lắm, mới được chọn bổ, còn thì phân bổ bát, cửu phẩm ở các nha trong Kinh và tỉnh ngoài cho có định chí.

Phó đổng lý thanh tra phủ Nội vụ là Nguyễn Ngọc Chấn vì mượn riêng đồ vật của kho (bút vua dùng và vải), việc phát giác, phải cách cho theo quân thứ làm việc sai phái.

Tàu công nước Anh Cát Lợi đến tỉnh Hải Dương, nha Thương chính đến thăm hỏi, lãnh sự nước Pháp bàn rằng : Tục phương Tây không có khoản đãi, quan tỉnh là Phạm Phú Thứ không nghe, đem phẩm vật khoản tặng (1 cân chè, 100 đồ quả). Quan viện Cơ mật, Thương bạc cho là tàu nước Pháp đi lại thường thường khoản tặng, nay tàu nước Anh đến, lại nói là tục phương Tây không có khoản đãi, chu đáo sơ sài khác nhau, tình chưa thể biết, quan tỉnh không nghe, tưởng cũng dò thấy lòng ngầm, nhưng tặng phẩm ấy so với khoản tặng nước Pháp hơi ít, nay xin từ sau có thuyền tàu công nước Anh đến, chiểu lệ khoản đãi nước Pháp phải hậu hơn để tỏ tình, khỏi bị nói dối được. Vua nghe theo.

Ngày Bính Thân, hoàng tôn sinh (tức là vua ngày nay), nguyên phi hoàng trưởng tử (tức hoàng thái hậu ngày nay), là họ Phan sinh ra, được đầy tháng, ban cho tên đẹp là Bảo Lân.

Quân nước Thanh vào chỗ người nước Pháp đóng (ở phố Hà Nội), bị người Pháp bắt được, quan tỉnh Hà Nội là Trần Đình Túc giảng giải trả cho về. Vua sắc cho quan tỉnh và sở Thương chính từ sau phải bảo thuộc hạ canh phòng xem xét, chớ để cho lại vào sinh sự.

Tha thuế cho nguyên Trà Vân (thuộc Bình Định, vì hoang man dân nghèo phải tản đi).

Tháng 3, bộ Hình bọn Phạm Thận Duật chọn cử thuộc viên là Tôn Thất Diên Điệp làm Lang trung. Vua bảo rằng : Lần trước chọn cử không cho (việc ở mùa đông năm ngoái), nay lại xin, đương được chức khuyết ấy, há không có người, sao lại vội cử, cố trái ý như thế, nên không chuẩn cho, để tỏ phép nhất định và ngăn thói xu phụ cầu cạnh.

Giặc trốn nước Thanh hơn 400 tên đốt phá xã Công Bật (thuộc tỉnh Thái Nguyên), quyền Phủ đoàn là Nguyễn Đình Đài (người xã Bộc Bố) đem binh dõng đánh dẹp thắng trận, được thưởng cấp có thứ bậc.

Truy thụ hàm Quang lộc Tự khanh cho lĩnh Bố chính Quảng Ngãi là Đoàn Dao, (Dao nguyên hàm Hồng lô Tự khanh lĩnh chức ấy, đến nay chết). Vua bảo rằng : Dao là người làm được việc, không may ốm đau chậm trễ, đến nay mới nhớ đến cất dùng, vội đã chết, không được thi thố hết tài, đáng tiếc.

Hộ lý Tuần phủ Nam - Ngãi là Lâm Hoành xin từ chức nhường cho Khâm sai Hoàng Diệu (người tỉnh Quảng Nam).

Vua bảo rằng : Năm trước, Nguỵ Khắc Đản lĩnh Bố chính Nghệ An, là vì bấy giờ dân lương, dân giáo cùng ngờ ghét nhau, chuẩn cho lấy người thổ trước sung làm việc, không được vin làm lệ thường, không chuẩn cho, mới lấy Thái bộc Tự khanh sung Khâm phái Quảng Ngãi Đoàn Khắc Nhượng thăng thụ Bố chính lĩnh Tuần phủ Nam - Ngãi, Hoành đổi lĩnh Bố chính Quảng Ngãi.

Trước bộ Lại theo nghị khảo sát công việc của các quan to. (Bố chính, án sát cứ 3 năm do tổng đốc, tuần phủ khảo sát một lần, tổng đốc, tuần phủ cứ 6 năm do khâm sai kinh lược đại thần khảo sát một lần).

Vua cho là nghĩ như thế chưa được chu đáo, giao đình thần nghị lại, đến nay tâu trả lời nói : Đốc, phủ, bố, án, phẩm trật tuy khác, nhưng đều là quan lại trị một phương cùng thành thống hạt, phàm việc tư bàn, đều được cùng nhau củ sát thì đốc, phủ không dám lấn át, bố, án cũng không dám trông ngóng tự vệ. Trước nghĩ xin bố, án chuyên do đốc, phủ Đông thành và thống hạt khảo sát, thì đốc, phủ, gián hoặc vì yêu ghét riêng, bố, án không khỏi bị phải ràng buộc, khoản ấy xin không nên bàn. Còn như đốc, phủ hạn 6 năm một lần xét, thì gián hoặc có người không đủ hạn mà đã dời đi nơi khác, không những người tốt thì khen thưởng sót, mà người xấu thì được quyền vị lâu, nếu khéo che đậy, thì ty thuộc cũng kiêng nể không nói, bọn đồng sự cũng tư vị che giấu cho, may được xót xa ngoài việc khảo sát. Xin cứ 4 năm (Thìn, Mùi, Tuất, Sửu) bộ Lại chiểu lệ tâu xin đợi chọn phái 2 viên kinh lược đại thần, chia đi Nam Kỳ, Bắc Kỳ, các đốc, phủ, bố, án đều do kinh lược đại thần khảo sát, trừ người tốt tính suốt chưa đủ niên hạn, không phải đem tâu không kể, còn thì người đã đủ hạn xét và trước ở tỉnh ấy đổi đi tỉnh khác tính suốt cũng 3 năm, thì cho đều do khâm sai đại thần chỉ ra thực trạng tốt xấu để khuyên răn, còn người xấu kém, không cứ đã đến hạn hay chưa đều cho chỉ ra hặc tội, còn như phủ, huyện ngày thường thanh liêm, công bằng hay tham nhũng, làm được việc hay là tầm thường thế nào, đã có thượng ty ấy cất nhắc hay di chuyển đổi bổ, đã đủ nêu rõ thăng giáng, còn có người xuất sắc mà thượng ty không nêu rõ, hèn kém mà thượng ty không đem hặc tội cũng đều do đại thần ấy lấy đủ sự thực đem tâu lên.

Vua bảo rằng chọn phái kinh lược thực là khó có người, không thể định làm khoá thường, nên tuỳ thời chọn phái, sẽ chiểu nghĩ mà làm. Duy có phép xét công hơn kém cùng với Dụ năm ngoái, chuẩn cho sau đều phải tuân theo cho đích xác mà thi hành, cũng đủ để cổ vũ khuyến khích. Lại chuẩn cho từ nay và sau đình thần hoặc cả viện Đô sát, cả bộ Lại, đích có nghe biết viên nào, không cứ quan trong hay quan ngoài, tốt hay xấu, mọi người đều khen hay đều chê, mà chưa từng phát ra, cứ

thực tâu lên, thì do công luận, không phải do sự yêu ghét mới có thể bất thần xét ra, khỏi để hại dân và mất người tốt, không tiện im lặng ngồi mà xem.

Tiết thanh minh, vua rước Từ giá đến điện Biểu Đức [1] chiêm yết.

Chuẩn cho các tỉnh từ tỉnh Thanh Hoá trở ra Bắc, hễ đến sau khi lúa chín, giá gạo giảm xuống, thì do quan liệu trích tiền kho, chia giao cho các phủ, huyện chiểu theo hiện giá thu mua (tỉnh lớn trên dưới 70.000 - 80.000 hộc, tỉnh vừa và tỉnh nhỏ trên dưới 40.000 - 50.000 hộc), tuỳ tiện vận tải chứa cất ở kho tỉnh hoặc kho ở cửa nha phủ, huyện, đợi sau giá hơi cao, chiểu giá bán ra, mới không lọt ra ngoài.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở tỉnh Quảng Nam (Nguyễn Văn Lượng).

Chuẩn định lệ quân dân vận tải ở biên giới Bắc Kỳ. Trước kia, dân phu các tỉnh đi vận tải, phải thuê trả tiền công, hoặc châm chước tuỳ theo tình dân được thư hay cấp thiết, hoặc lương quân hoãn hay khẩn cấp, hoặc đường sá xa hay gần, khó hay dễ đến khi có việc mới nghĩ xin, không khỏi sâm si. Đến nay, chuẩn định, phàm dân phu các hạt ấy, người nào hễ ngày thường ứng trực để vận tải quân trang hoả dược, đều phải tính ngày trả tiền thuê, không cứ hạt mình hay hạt khác, đường sá xa hay gần, mỗi tên mỗi ngày cấp 1 bát gạo, 40 đồng tiền. Tiền gạo giải đi đường bộ, mỗi tên gánh 20 quan tiền hoặc 1 phương gạo, mỗi ngày cấp 1 bát gạo và 2 tiền ; giải đi đường thuỷ cứ tiền 2.000 quan hoặc gạo 100 phương, mỗi ngày cấp 10 bát gạo, tiền 2 quan 4 tiền. Người nào là binh đinh phái đi vận tải, trừ lương tháng mỗi quan tiền, 1 phương gạo chiểu cấp ra không kể, cấp thêm mỗi ngày tiền 30 đồng. Nếu giữa đường bị bệnh, do quan phủ, huyện tỉnh sở tại tuỳ tiện làm nhà cho ở để nuôi và sức phát thuốc thang để điều trị. Trong đó binh đinh được cấp thêm : hạng nặng mỗi tên mỗi ngày 40 đồng tiền, hạng nhẹ 20 đồng tiền ; dân phu bị ốm đã không có tiền, có gạo công thuê, hạng nặng ngày cấp 2 tiền, hạng nhẹ 1 tiền, gạo đều nửa bát, để chi vào canh cháo. Tên nào bị ốm mà chết, thì dân phu cấp tiền 5 quan, binh đinh cấp tiền 12 quan, quan phải chôn cất cho, để tỏ lòng xót thương).

Vua Dụ rằng : Lấy sự vui lòng để sai khiến dân, dân quân có khó nhọc, đời xưa, đời nay không có cách gì khác, trẫm một lòng yêu dân, chưa từng khinh dùng sức dân, từ khi ở biên giới Bắc Kỳ các giặc tràn sang rồi đến nay, dân cũng khó nhọc ; năm ngoái giặc họ Lý lại kéo đến, cái thế cháy đồi không thể không ngăn ngừa, lại nhọc dân ta, ngày đêm đi làm việc, ở đường thì không khỏi đói khát, ở nhà thì mong nhớ không quên. Mỗi khi nghĩ đến tình trạng ấy, thương xót vô cùng, nhưng đi chỉ mong cho được yên, muốn dân chóng được yên, cho nên không thêm nhọc sức dân không được, dân ấy cũng là dân đời tam đại, há không có lòng trung ái đâu, nên phải tỏ tình thương dân khó nhọc, để nhân dân các ngươi đều biết ý trẫm.

---

(1) *Điện Biểu Đức* : điện ở Xương Lăng là lăng Hiến tổ.

Vua nghĩ các tỉnh ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ lương ăn của dân thiếu thốn, sắc cho quan phủ Thừa Thiên và các tỉnh tìm nhiều phương kế dự trù, nghĩ định tâu lên.

Dụ rằng : Năm có năm đói, năm được mùa là do trời làm nên, người đời xưa cũng có tai biến lụt hạn mà dân không đến nỗi cùng khốn, là vì súc tích được nhiều mà dự phòng trước, đời sau hoặc gặp tai biến mà phòng bị đầy đủ, xét năm mất mùa mà lo nghĩ khéo, đều có chính tích đáng truyền lại. Đời xưa, đời nay là người nào, thế mà không như thế, quan tỉnh thần các ngươi đều có trách nhiệm chăn dân, bắt phải giúp đỡ thì ngoài việc phát chẩn, cho vay không thi thố được mưu kế gì hầu để cho trẫm ngày đêm buồn rầu khó nhọc không lúc nào yên, làm yên tâm chăng ? Hay là để cho dân đi khắp mọi nơi kiếm ăn, trôi dạt đi đâu thì đi, mới là xứng chức chăng ? Bổng lộc của ngươi là máu mủ của dân, phàm có lòng người, đều phải tự xét, phàm các chính sách cứu đói, phòng đói đã hiểu thị đó, việc gì là châm chước có thể làm được, hoặc có phương pháp sinh hoạt khác, có thể thông biến mà thích hợp cho dân, đều phải dự nghĩ tâu xin làm ngay. Nếu cứ ngồi đó mà nhìn không có cách gì, lại phiền đến triều đình phải giúp đỡ, tất có trừng phạt nặng, quyết không để cho ngồi ăn không để hại dân làm gì. Sau rồi các tỉnh cũng có trù nghĩ tâu lên, nhưng hoặc việc đã thi hành, hoặc làm không xong đều để đó.

Mở ân khoa thi Hội văn.

Định lại lệ yết thị vấn thơ phú trường thi Hương, thi Hội. Năm ấy, kỳ đệ tam thi Hội, thơ phú phần nhiều âm vận áp dụng nhầm, mà văn lý đáng lấy, quan trường phê lấy, tâu lên đợi Chỉ.

Vua bảo rằng : Lệ đi thi được đem vấn vào trường hoặc có yết thị vấn hay không âm thanh của nước ta phần nhiều sai, hoặc nhân theo tránh chữ huý, đọc lại sai, vấn bằng còn có thể nhớ được, vấn trắc rất nhiều lại khó nhớ, huống chi là tục học ư ? Hoặc nghĩ đến kỳ thi thơ phú, in ra chữ vấn cấp phát cho, nhưng thi Hội còn dễ, thi Hương rất nhiều người, làm thế nào cho ổn thoả được. Bộ Lễ tâu đem vấn vào trường đã có nghiêm cấm (chiểu theo lệ đem giấy có chữ xét nghĩ, xem ở năm Minh Mệnh thứ 2 [1821]), duy có lệ định đầu bài thơ áp dụng vấn nào, sao những chữ trong vấn ấy yết thị, để tiện cho học trò sao nhận. Nay xin từ sau, phàm kỳ thi thơ phú khoa thi Hương, thi Hội, quan trường ra đầu bài được dùng vấn gì, thì sức ngay cho phòng thuộc lại sao những chữ trong vấn ấy và các vấn phú được thông dụng. (Xét trong vấn có chua thông nhau mới được yết thị, như loại vấn nhất đông và nhị đông, tứ chi và ngũ vi, vấn về thượng thanh, khứ thanh, nhập thanh đều khác, không được nhân thói quen dùng lẫn), sẽ đem niêm yết mỗi vi 2 biển, để tiện cho học trò sao nhận làm bài. Nếu lại theo thói quen áp dụng ép, dù văn lý đáng lấy, cũng phải đánh hỏng ngay, nhưng lấy khoa thi Hương năm nay làm bắt đầu. Vua y cho.

Chuẩn định lệ xét xử người đốc thu thuế, lĩnh trưng thuế. (Từ nay phàm không cứ thuế hạng nào (như các hạng thuốc phiện, thuế quan tân, tơ sống, bông sợi, củ nâu, cánh kiến, gỗ thiết mộc ở đầu nguồn, muối, dầu, đường, củ lạc, sắt nát, hoàng thảo, cau khô), đã chuẩn cho người lĩnh trưng thì do quan sở tại chiểu cứ thuế lệ, thời thường nghiêm sức theo kỳ đệ nộp, hoặc sức cho nộp thuế trước rồi thu sau, cốt phải nộp xong. Nếu hết hạn không xong, cứ người lĩnh trưng và người cam kết bảo đảm ấy mà tịch thu, không đủ thì cứ quan tỉnh ấy và thông, kinh, bát, cửu phẩm dự trông coi việc ấy chia cổ phần phải bồi (chia làm 10 thành, tổng đốc, bố chính mỗi người bồi 3 thành, án sát bồi 2 thành, thông, kinh 1 thành, bát, cửu phẩm 1 thành, nếu không có tổng đốc, chỉ đặt 2 viên tuần phủ, án sát, thì tuần phủ bồi 5 thành, án sát bồi 3 thành, thông, kinh 1 thành, bát, cửu phẩm 1 thành) và phân biệt nghị xử, để tỏ khuyên răn. (Thiếu chưa đến 2 thành được miễn nghị, hơn 2 thành thì : tổng đốc, bố chính phải giáng 1 cấp, án sát phạt bổng 1 năm, thông, kinh phạt bổng 9 tháng, bát, cửu phẩm phạt 40 roi ; thiếu đến 3 thành thì : tổng đốc, bố chính phải giáng 2 cấp, án sát phải giáng 1 cấp, thông, kinh phạt bổng 1 năm, bát, cửu phẩm phạt 50 roi ; thiếu 4 thành thì : tổng đốc, bố chính phải giáng 3 cấp, án sát phải giáng 2 cấp, thông, kinh phải giáng 1 cấp, bát, cửu phẩm phạt 60 trượng ; thiếu đến 5 thành thì : tổng đốc, bố chính phải giáng 4 cấp, án sát phải giáng 3 cấp, thông, kinh phải giáng 2 cấp đều được lưu, bát, cửu phẩm phải phạt 70 trượng ; thiếu đến 6 thành trở lên thì tổng đốc, bố chính phải giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác, án sát tội chỉ giáng đến 4 cấp là cùng, thông, kinh chỉ giáng 3 cấp đều được lưu, bát, cửu phẩm chỉ phạt 80 trượng, đều cho nộp tiền chuộc).

Tháng 3 nhuận, định rõ lại thời hạn làm bài trong các kỳ thi Hương, thi Hội. (Quy tắc trường thi Hương, thi Hội, học trò làm bài lấy sưu không xong [1] làm hạn, quá hạn ấy đem làm ngoài hàm. Gần đây, quan trường phần nhiều rộng tiếng khoan đại, hoặc cho đến canh một canh hai, học trò mới quen lấy làm thường. Đến nay định ngặt theo như lệ, quan trường nếu lại dung túng như trước, việc phát giác ra, tức thì chiểu luật trái lệnh nghiêm nghị thêm bậc lên.

Vua nghĩ năm nay gặp năm có tháng nhuận, lúa cấy sớm phần nhiều kém, sai Khâm thiên giám, phàm làm lịch phải dự tính trước lịch sang năm, nếu có để tháng nhuận vào tháng nào, thì phải tra xét ngay từ tháng 6, tháng 7 năm nay, tâu lên đợi Chỉ chuẩn cho thông sức cho trong Kinh và tỉnh ngoài để biết thời tiết. Lại đem các sách Tây như *Bác vật tân biên* nói về thiên văn địa khí liên quan đến phép làm lịch

(1) *Sưu không* : những nơi công sở, cứ hết ngày đến tối thì kiểm soát xem có còn kẻ gian nào lẩn quất ở trong không rồi đóng cửa thành để canh phòng ban đêm, trong trường thi đến hết ngày thì đánh 3 hồi trống gọi là trống sưu không hay là thu không, hết 3 hồi ấy mà ai không nộp quyển là ngoại hạn.

và các sách : *Vạn quốc công pháp*, *Hàng hải kim châm*[1], *Khai môi yếu pháp*[2], đều cần thiết về học thời vụ, sai quan tỉnh Hải Dương cho in nhiều bán rộng, để quan lại và học trò học tập cho biết để dùng.

Định lại lệ thưởng về bắt được giặc (bắt được giặc họ Lý thưởng cho 10.000 đồng bạc, bắt được giặc họ Lục thưởng cho 4.000 đồng, bắt được 2 giặc họ Ông và họ Đàm thưởng cho 2.000 đồng, chém giết được rút đi một nửa, còn thì theo như Chỉ chuẩn trước).

Thưởng cho quan về hưu trí mà sống lâu là Nguyễn Khắc Trạch ở tỉnh Hưng Yên (90 tuổi, nguyên Án sát) 40 lạng bạc, 4 tấm sa nam.

Nêu thưởng tiết phụ ở tỉnh Hưng Hoá (Trần Thị Củng được hạng thứ).

Lại đặt chức huấn đạo 2 huyện Tiên Minh, Đông Triều (thuộc Hải Dương) (2 huyện này về năm Tự Đức thứ 5 [1852] bỏ bớt đi, đến năm thứ 13 [1860] lại đặt huyện nha, còn như chức dạy học chưa đặt, đến nay quan tỉnh xin đặt theo như trước).

Tuần phủ tỉnh Quảng Yên là Trần Văn Tuy tâu lên nói xã Quan Lạn, Minh Châu, thuộc huyện Nghiêu Phong ở lánh xa ngoài biển, địa thế chơ vơ, giặc biển thời thường đi lại, dò biết người buôn nước Thanh muốn dẫn người Nhật Bản đến lập bến buôn bán ở nơi ấy, xin cho làm đồn để canh giữ, ở chỗ tiếp giáp 2 xã, có thể trông nom được cả hai bên. Vua nghe theo.

Vua cho là Thượng thư Phạm Thận Duật là người am hiểu hoà nhã, bảo Duật rằng : Ngươi không phải như người Bắc Kỳ am hiểu hơn Doãn [3] khuyên làm người danh thần, chớ có theo thói đời lúc lên lúc xuống. Khoa đạo là Trần Đức Nghiệp, Nguyễn Hàm Quang tâu nói : Trong ngoài đều là thần thiếp, chưa từng chia ra Nam, Bắc, bệ hạ nếu cho Duật không phải như người Bắc Kỳ mà yêu quý khác, trộm sợ thiên hạ nhòm được nông sâu, lời nói coi khác ngày nay lại nổi lên.

Vua cả giận bảo rằng : Các ngươi nói rất không phải, không phải người Bắc Kỳ là chuyên nói về phong thể, nghi tiết và cử chỉ, không phải như người Bắc Kỳ chưa am hiểu đó thôi. Trẫm từ trước đến nay, dùng người có phân biệt gì Nam, Bắc, hiện nay thứ bậc, chức vị, trong ngoài đều như nhau, thiên hạ cùng biết đã lâu, ngay như niên hạn cử nhân đã đổi theo như một, còn việc khác phần nhiều giống như thế, ai không cảm khích cố gắng, các ngươi không nhận, lại dám xướng lên nói bất chính, sẽ làm mê hoặc lòng người, hại việc không phải là nhỏ. Ở vào chức vị ngôn quan, sao được khinh thường như thế, không thể không trừng phạt. Hai viên ấy đều phải

(1) *Hàng hải kim châm* : tàu đi biển phải có địa bàn, địa bàn có kim chỉ nam để chỉ phương hướng.

(2) *Khai môi yếu pháp* : phương pháp cốt yếu về khai mỏ than.

(3) *Doãn* : Nguyễn Tăng Doãn, thự Thượng thư sung Cơ mật viện đại thần.

giáng 2 cấp lưu, răn cho chừa đi, cho hết tà hoặc, nếu lại nhầm lỡ nói càn, tất phải đuổi bỏ.

Giặc trốn nước Thanh là bè lũ Cao Thập Nhị đốt phá huyện lỵ huyện Thanh Sơn và các xã Hương Cần, Đồng Quán hạt ấy, sai quan tỉnh Hưng Hoá, một mặt phi tư cho Hoàng Tá Viêm phải điều độ ngay, một mặt đem ngay binh dõng tiến đánh và tư cho quan tỉnh Sơn Tây cũng phải canh giữ nghiêm cấm ngay.

Bấy giờ, vua nước Thanh lại sai Đề đốc Phùng Tử Tài ra cửa quan giúp việc đánh giặc, Than tán là Trương Quang Đản tâu lên nói : Đại quân của Đề đốc họ Phùng tiến sang đánh giặc, súng đạn và lương quân đều là việc cần, xin uỷ viên chuyên việc vận giải và đặt ra từng cục để tiện việc chuyển vận chi phát. (Cục Kỳ Lừa ở tỉnh Lạng Sơn, đổi làm phân cục chi ra và chuyển vận, phân cục súng đạn ở tỉnh Bắc Ninh đổi làm cục chuyển vận ở Bắc Ninh, huyện Lục Ngạn, tỉnh Sơn Tây đặt thêm cục chuyển vận, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Tuyên Quang đặt thêm cục chi phát súng đạn. Vua nghe theo.

Cho Hồng lô Tự khanh lĩnh Bố chính Thanh Hoá là Nguyễn Ngoạn sung chức Tiễu phủ sứ ở quân thứ Nghĩa - Định. (Tiễu phủ sứ trước là Trương Văn Đễ can án giao nghị).

Bấy giờ các quan địa phương ở ngoài nhiều người về Kinh lạy mừng. Vua cho là các hạt hoặc hiện đang phải phòng giữ đánh dẹp, hoặc đang phải giúp đỡ, công việc bề bộn, chức vụ không nên bỏ vắng, mới chuẩn cho các tỉnh Tả, Hữu trực kỳ mỗi tỉnh 1 viên, Bắc Kỳ 2 viên. (Về Tả trực kỳ : Bố chính tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Văn Phong ; Tả trực kỳ : Điển nông tỉnh Khánh Hoà là Phan Trung ; Hữu trực kỳ : Án sát tỉnh Quảng Trị là Tôn Thất Uý ; Hữu trực kỳ : Phó lãnh binh tỉnh Nghệ An là Nguyễn Văn Hậu ; Bắc Kỳ : Sơn phòng sứ tỉnh Sơn Tây là Tôn Thất Luận, Phó lãnh binh tỉnh Nam Định là Lương Văn Thái) sung làm khâm điểm, đến kỳ theo ban chúc mừng.

Thi Đình. Sai thự Thượng thư bộ Hình Phạm Thận Duật, Tả tham tri bộ Binh Lê Điều sung việc đọc quyển, Hữu thị lang bộ Công Nguyễn Văn Thận, Hữu thị lang bộ Lễ sung biện Các vụ Bùi Ân Niên sung việc duyệt quyển, cho bọn Đỗ Huy Liêu 6 tên đỗ Tiến sĩ và Đồng tiến sĩ xuất thân có thứ bậc, lại lấy đỗ Phó bảng 8 tên (Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân Đỗ Huy Liêu, Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân Phan Trọng Mưu, Vũ Tuấn, Nguyễn Dự, Phan Huy Nhuận, Trần Đình Phong, Phó bảng Ngô Trạch, Trần Huy Liễu, Trần Xuân Sắc, Tôn Thất Niêm, Nguyễn Lê Kháng, Nguyễn Đôn Tiết, Nguyễn Duy Hiệu). Khi ấy có 3 tên trúng cách là bọn Hoàng Trọng Túc, đều vì chữ viết sai nhầm, văn lý vụng kém bị truất. Nhân Dụ rằng : Một khoa Tiến sĩ là phép lớn kén chọn nhân tài, sau khi thi Hội, lại có thi Đình,

rất là thận trọng, đã chuẩn cho 4 kỳ thi Hội tính suốt được 4 phân trở lên, để vào hạng trúng cách, 3 kỳ tính suốt được 7 phân trở lên đều được dự thi Đình, muốn cất nhắc 10 người được 5, khiến cho người dưới không phàn nàn là bỏ sót nhân tài, mà người trên thu được hiệu quả được người tài giỏi. Thế mà 1 kỳ thi Hội khoa này, người dự trúng cách tất cả 17 tên, đến khi thi Đình, chỉ được có 1 quyển Đỗ Huy Liêu, so với các quyển thực có học vấn, không phải người mới học chỉ noi theo người làm nổi, nhưng cần được thông suốt rộng khắp như các người đỗ cao các khoa năm trước thì chưa được. Nhưng năm nay là ân khoa đặc cách, tạm cầu người giỏi trong đám kém, chuẩn y xét nghĩ thứ bậc làm chánh phó bảng 14 tên, để tỏ ra yêu học trò ; còn như 3 tên Hoàng Trọng Túc, Trần Danh Phương, Nguyễn Hy Kỹ, khi ấy thi Hội may mà trúng cách, đến khi thi Đình rút cục kém quá, đáng lẽ phải cách hết mới phải, tạm gia ân cho Trần Danh Phương cách mất Tú tài thượng hạng trả về làm học trò, bọn Nguyễn Hy Kỹ, Hoàng Trọng Túc đều cách Cử nhân giáng làm Tú tài, để răn người ít học, may mà được trúng. Từ nay về sau, thi Đình nếu có quyển nào kém lắm cũng để vào hạng bất cập, quan trường không được nhất khái lấy rộng, để sửa thói quen của học trò mà nghiêm trường quy.

Bấy giờ, những dân đói phần nhiều đến tỉnh Hà Nội để kiếm ăn (hơn 8.000 người), quan tỉnh là Trần Đình Túc tâu xin làm sở chẩn cấp.

Vua bảo rằng : Phàm việc chẩn cấp ở các tỉnh, phải đặt ra nhiều nơi mới đủ được, mà khỏi lẫn lộn, nghe nói vẫn hợp một nơi để chẩn cấp, nên sinh ra sự tranh cướp của người ốm đói, phải thông sức ngay và nghiêm cấm bọn bất lương mới được chu đáo.

Mùa hạ, tháng 4, vua rước Từ giá đi chơi cửa biển Thuận An, nghỉ mát mùa hè và xem bờ biển, 5 ngày về cung (vì năm có khánh tiết thuyền của Hoàng thái hậu và thuyền vua ngự dẫn ra Trúc Thành đến chợ Thái Dương, đều cử Nhã nhạc, sau cũng thế).

Cho Hữu thị lang bộ Công Nguyễn Văn Thận thăng thự Hữu tham tri bộ Hình.

Giặc ở tỉnh Tuyên Quang là bọn Bùi Đình Tần (người Mán, nguyên nhận chức nguỵ của chúa Thuận người Mèo xưng là Thống chế) đem bè lũ hơn 50 tên, quấy rối cướp bóc xã Hữu Sản. Tổng đoàn tổng Phùng Hành là Ma Văn Nghĩa, Mán mục là Triệu Văn Tài, Bàn Văn Chiểu hội lại cùng đánh, bắn chết Đình Tần, Tuần phủ Hoàng Tướng Hiệp đem việc tâu lên, thưởng cho ngân tiền có thứ bậc.

Mở ân khoa thi Hội võ, lấy trúng cách 1 tên, thứ trúng cách 25 tên, các người thứ trúng cách (không làm vẫn được đều đem làm Võ phó bảng, 1 tên trúng cách (Nguyễn Gia Trung) lại đợi đến sang năm, thi Hội xong cùng với các người trúng

cách, chuẩn cho vào phúc thí (sau đến khoa sau chuẩn cho Gia Trung vào thi, vì văn lý vụng kém, đem làm hạng Phó bảng).

Chuẩn cho những ấm sinh sát hạch được dự hạng bình, từ sau đổi bổ cung phụng (lệ cũ bổ đãi chiếu).

Thự Hiệp biện đại học sĩ lĩnh Tổng đốc Hải - Yên Phạm Phú Thứ, Tổng đốc An - Tĩnh Nguyễn Chính xin về Kinh lạy mừng, chuẩn cho lấy Hữu tham tri bộ Binh Lê Điều lĩnh Tổng đốc Hải - Yên ; Hữu tham tri bộ Lại Hoàng Diệu lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh.

Định lại điều cấm gạo ở Bắc Kỳ. Dụ rằng : Trẫm một lòng lo cho dân, thương dân không đủ ăn, chở gạo ra nước ngoài, đã từng cấm hẳn, thế mà người buôn thì muốn lấy lợi nhiều, quan tỉnh thì lỗi ở dung túng, hang tham khó lấp, chén rò khó hàn. Gần đây nghe thấy những thuyền buôn cứ đỗ không để đợi đến mùa hạ lúa chín rất nhiều, vậy quan các tỉnh có cửa biển phải phái ngay án sát hoặc lãnh binh, chia nhau đi mà kiểm xét. Nơi nào thóc có nhiều muốn bán mà không đắt, thì do quan chiểu giá chợ trả tiền ngay mà thu trữ lấy, không được làm khó dễ sách nhiễu, nếu dám bán ngầm cho thuyền buôn, chở trộm ra khỏi cửa biển và người buôn vơ vét cất chứa thì lập tức bắt ngay, gia đẳng trị tội nặng, tài sản trong thuyền tịch thu hết, phủ, huyện, người giữ cửa biển và tổng lý đều xử trị nghiêm ngặt, quan tỉnh không biết xét và đem tâu lên, tội cũng thế.

Lại cử người hiền tài và định phép thi. Dụ rằng : Quốc triều từ khi đại định đến nay, hàm dưỡng an nhàn, đặt nhà học, chấn hưng việc dạy, nuôi học trò, đã mấy trăm năm không phải là không đủ, nên được nhiều hiền tài, thịnh ngang với thời cổ. Thế mà từ khi có việc đến nay, trẫm nhiều lần đã xuống chiếu cầu nhân tài, nhớ người hiền như khát nước, mà không có một người hưởng ứng, rất không thể hiểu được, hay là quan có trách nhiệm không theo lời chiếu của trẫm, không có lòng tiến người hiền mà thế chăng ? Nếu bảo là đời quả không có nhân tài, không dám khinh thường cử lên, thì trẫm chưa thể tin được. Vả lại, nước trước kia, binh tài chả được bao nhiêu, bấy giờ tìm được các người giả làm kẻ chăn trâu như Đào Duy Từ, nằm mộng thấy hổ bay như Nguyễn Hữu Tiến[1] có thể chống được họ Trịnh, mở mang cơ đồ, truyền đến muôn đời, được người hiền tài thì thịnh vượng, chắc đã rõ ràng làm gương được. Huống chi nay tập quen đã lâu, 25 địa phương đất rất rộng, người rất đông, há không có người xứng được lòng mong ấy ư ? Sao không nghĩ tiến người hiền, vì nước là phận sự bậc nhất của người làm tôi, mà cam chịu tiếng chê, che lấp bỏ sót người hiền tài, há phải là tình ư ? Nay chuẩn cho ở Kinh và tỉnh ngoài, không cứ hạng người nào, đã làm quan hay chưa, ai am hiểu được tình hình

(1) Hai điển này chép ở *Thực lục Tiền biên* về đời Thái tổ Gia Dụ.

nơi xa, đương được việc lớn là bậc nhất, thứ đến yên được biên giới, mở mang bờ cõi, thứ đến người có mưu kế làm nên giàu mạnh, thứ nữa đến người hiểu kỹ nghệ, lợi đồ dùng có thể biết thực thấy rõ, cho được chỉ rõ sự thực, bảo cử lên, xét quả có hiệu quả, tất phải đặc cách cất nhắc, hậu thưởng để đền lại, đó là điều mong muốn của trẫm. Kể thì triều đình mở khoa thi, cầu nhân tài để giúp nước, sĩ phu nén chí chăm học để ra làm việc, không phải chỉ chuyên chuộng từng chương, từng câu lời lẽ văn hoa để làm đường nhanh chóng lấy áo xanh, áo tía, thế mà phép thi, phép học nhân theo phù phiếm, chưa đáp ứng thực dụng, nên châm chước sửa đổi thế nào đình thần phải hết lòng nghĩ định, xin chuẩn cho thi hành, không được cẩu thả cho xong việc. (Đình nghị xem ở tháng 11 năm sau).

Định lại phép thi Hội trúng cách vào thi Đình. Dụ rằng : Khoa thi Tiến sĩ là phép lớn kén chọn nhân tài từ nhà Đường, nhà Tống trở về sau, các bậc danh nho cự khanh đều ở đấy mà ra, thực là chọn rất tinh tường, lấy rất xứng đáng. Quốc triều ta, khoảng năm Minh Mệnh, người đỗ giáp đệ như Hà Quyền, lời văn thanh nhã đẹp đẽ, chầu thực ở Nội các, công việc phần nhiều tinh nhanh, thường được khen thưởng ; Phan Thanh Giản nết thuần thục học nhiều, thơ văn cũng nhiều bài được ; lại như Trương Quốc Dụng, Tô Trân, Đỗ Quang mọi người đều là người học uẩn súc, Đỗ Quang, Tô Trân trước ở toà Kinh diên, mỗi khi tiến giảng một bài, thì dẫn rộng các sách cùng nhau diễn dịch, nghĩa lý có phát minh nhiều, sau như Nguyễn Tư Giản học rộng lời tao nhã, Phạm Phú Thứ cũng là bậc thứ, gần đây như Phạm Thanh, Nguyễn Văn Giao, cũng là người giỏi một thời. Phạm Thanh thơ thì hơi kém nhưng giỏi về cổ văn, Nguyễn Văn Giao thì ngoài kinh sử ra không sách nào là không thiệp liệp. Lại như Trần Hy Tăng thông minh được trời ban cho, nói đến tài học còn chưa giỏi, nhưng đều cũng không thẹn với khoa danh, không phụ lòng tốt giáo dục. Ngoài ra, trẫm chưa biết khắp cả, cho nên không nói phiếm đến, duy có gần đây, người đỗ giáp đệ phần nhiều không phải là nhà nho lão thành, hoặc uẩn súc, khi thi Hội văn còn có thể lấy được, đến khi thi Đình, các điều tâu bày trả lời đều là lời bàn cũ, thậm chí đến nỗi sai nhầm không thông, phụ việc muốn hỏi nhiều lắm. Từ trước, các khoa phó bảng không được dự phúc thí, sau vì số trúng ít, cho vào thi Đình, là muốn không bỏ sót nhân tài, nhưng lấy nhiều không thể không quá lạm. Chuẩn cho định lại thi Hội, người nào hễ 4 kỳ được cả 5 phân và 3 kỳ 10 phân trở lên thì mới được trúng cách, cho vào thi Đình ; người nào hễ 4 kỳ 4 phân và 3 kỳ 8 - 9 phân thì đều đem vào hạng phó bảng, không được dự thi Đình, cho được kỹ lưỡng xứng đáng, mới mong đại khoa được nhân tài, để đáp tấm lòng cầu sĩ của trẫm, nhưng lấy khoa thi Hội sang năm bắt đầu thi hành.

Khi ấy, Lý Dương Tài giữ Đông Viên, đắp luỹ chống đánh, Đề đốc nước Thanh là Phùng Tử Tài phái Phó tướng là Ngô Thiên Hưng, Tham tướng là Lưu Kính đến

ngay 2 xã Tả Loan, Đinh Đại vây đánh để phân chia thế giặc, Thống lĩnh Trần Triều Cương bức thẳng Đông Viên. Giặc trốn đến các xứ Suối Lội, Đèo Bông. Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem ngay quân các đạo đóng chặn các đường hiểm yếu ở thượng du, Tham tán Trương Quang Đản phái Đề đốc quân thứ Tuyên Quang là Ngô Tất Ninh, Trần Mậu, Phó đề đốc là Lưu Vĩnh Phúc đều đem quân thuỷ lục, cùng với quân các dinh tiến đánh. Giặc đốt sào huyệt, đêm lẻn trốn vào Tam Hải[1] (đều thuộc Thái Nguyên). Đến nay Đề đốc quân thứ Thái Nguyên là Lê Văn Điếm, Phó đề đốc là Nguyễn Thừa Duyệt, cùng với 2 thống lĩnh họ Trần, họ Mã (quan nước Thanh chia đường tiến đánh Giả Nham, nguyên là tên đất) phá được, bắt được tỳ thiếp, người, ngựa của giặc họ Lý không biết bao nhiêu mà kể. Tin thắng trận tâu lên, vua thưởng lạo rất nhiều. (Quan ta thăng thưởng có thứ bậc, quân nước Thanh thưởng 3.000 lạng bạc và trâu, dê, lợn, rượu để khao quân). Nhân Dụ rằng : Tam Hải là một chằm hiểm ở tỉnh Thái Nguyên, giặc họ Lý đem bè lũ trốn giữ đấy, cùng với Lục Chi Bình cùng nương tựa lẫn nhau, thế mà quân các dinh cùng với quan quân ta thừa thắng phá luôn, tuy đầu sỏ giặc vẫn còn lọt lưới nhưng vì ta đánh giúp không ngoài vài tháng, nơi hiểm yếu của giặc dẹp yên được hết, quân kỷ luật và nghĩa khí như thế, khiến cho người vui vẻ chuyện trò mà khen ngợi. Quan quân thứ và quan tỉnh các ngươi tình phận càng nhiều, lòng trung nghĩa vốn có, đều nên cố gắng thêm lên, trù tính phân bố thế nào, đem ngay các bọn giặc bắt giết cho kỳ hết, mới là không phụ.

Hải phòng sứ tỉnh Bình Định là Nguyễn Văn Phong dâng sớ nói : Gần đây vì gió, vì giặc lỡ việc, ngạch thuyền buôn ít, mà việc phái đi vận tải càng nhiều, xin miễn cho việc vận tải để chúng vui lòng đóng thêm thuyền đánh thuế, rồi thuê thuyền nước Thanh vận tải. Quan bộ Hộ cho là thuyền đại dịch[2] nhất khái cho miễn vận tải, sợ có không tiện, xin do quan các địa phương xét nguyên có ngạch vận tải thì bắt phải sung điền. Cả Nam, Bắc cộng hơn 150 chiếc thuyền hiện còn có 21 chiếc cho tạm lĩnh tiền công để giúp cho việc sửa đóng thuyền, sau chiểu lệ khấu trừ, nếu không chịu đóng thuyền, sung điền, phải chiểu tính từ ngày thuyền vận tải thiếu thu lại số tiền rút làm thuỷ binh trước mỗi tên mỗi năm 30 quan (thuyền vận tải vào Nam và tỉnh Nghệ An, mỗi chiếc thuyền cấp 20 tên thuỷ thủ, thuyền vận tải ra Bắc, cấp 15 tên, nguyên rút ra làm thuỷ binh để sung vào). Gần đây thuyền thiếu không điền mà số binh vẫn rút như cũ, binh dao cùng dân cùng chịu, thuyền buôn đại dịch, miễn dịch cũng đều chiểu số khuyết sức điền cho đủ số, (Nam, Bắc cộng hơn 140 chiếc thuyền, hiện còn có 51 chiếc) thuyền nào muốn chở thì khi đến chở, liệu thêm cho giá cước, nếu không muốn chở thì đánh thuế thêm, rồi cho đi buôn.

---

(1) *Tam Hải* : tức hồ Ba Bể.

(2) *Thuyền đại dịch* : là thuyền tư tình nguyện nộp thuế xuất nhập khẩu để khỏi phải vận tải của công.

Vua bảo rằng : Từ trước thuyền buôn trong Nam, ngoài Bắc tụ tập ở chốn Kinh sư, không những kho công chứa đầy đủ, mà hoá vật rất nhiều, nhân dân yên vui, gần đây rất không được như trước, tất là có duyên cớ, bộ nghĩ chỉ nói đến việc lớn, còn như tường tất, thì trách nhiệm của địa phương phải làm thế nào, vì nước vì dân, tính lợi bỏ hại, cốt được như cũ, đều phải để tâm thực hành, tất có hiệu quả.

Tổng đốc tỉnh Hải Dương là Phạm Phú Thứ gần đây đem việc người buôn nước Tây, nước Thanh muốn cùng bọn Hán gian ngầm mưu gây việc mật tâu lên (nói cứ Tham biện sở Thương chính là Nguyễn Cư trình bày : Người buôn trước đây là Mô-răng Đi-ni báo rằng : Người buôn nước Tây và nước Thanh cho là nước ta cấm buôn nghiêm mật, không được thung dung tự tiện, đều đem lòng oán giận. Có người nước này tự xưng là con cháu nhà Lê, nay hiện chiêu dụ người các tỉnh ở Bắc Kỳ phò hắn làm minh chủ, ngầm hẹn với các nhà buôn, nếu giúp được nên việc, đều cho thung dung buôn bán, các người buôn có nhiều hưởng ứng, đã góp lại được hơn 100.000 đồng bạc, ngầm về Hương Cảng đặt mua các cỗ súng, hẹn trong 3 tháng thì khởi sự, từng dụ hắn vào bọn. Các lời như thế, tỉnh ấy đã hỏi ở dân gian cũng có truyền ngôn ấy, lại bàn với lãnh sự nước Tây, xét ý hắn, cũng lấy việc cấm gạo, rất mang lòng bất bình), xin châm chước bỏ việc cấp gạo độ 2 - 3 tháng để yên lòng người phương xa mà hết thù hằn bên ngoài.

Vua bảo rằng : Nước ta cùng với nước Pháp, trước kia thương ước đã thỏa thuận, cũng không có nghiêm khắc gì để đến người buôn phải oán, con cháu nhà Lê từ trước đến nay cũng không thấy có tình trạng gì, nếu quả là có, thì chẳng qua như loại tên Uẩn, tên Phương năm trước, giả mạo danh hiệu, lừa dối dân ngu, tự chóng phải giết mà thôi. Còn như việc cấm gạo, bỏ hay không là tự ta châm chước cho thích hợp, ước trước đã định, đâu được khinh thường nghe cho. Tỉnh ấy từ trước đến nay, phần nhiều để cho hạt gạo lọt ra ngoài, nếu nay lệnh cấm gạo ban xuống, người buôn gian giảo mưu lợi, xướng lên lời nói không căn cứ, toàn do lúc ngày thường làm việc, không khéo che giấu dung túng nên mới đến thế, một khi sợ tội, lại nói thác ra, để trút trách nhiệm, tội ấy đã không nói xiết, mới chuẩn cho Phú Thứ vẫn ở lại làm việc để chuộc tội trước. Bỗng Khâm phái là Ngự sử Dương Quán lại đem các khoản việc hạt ấy có nhiều người buôn nước Thanh chở trộm gạo và Giám đốc Hải phòng là Lương Văn Tiến (anh em ngoại của Phú Thứ) nhiều lần cậy thế tải gạo ra nước ngoài, tâu lên hặc tội, mới chuẩn cho Lê Điều đổi sung chức Khâm sai, phái thêm Chưởng ấn là Trần Văn Úc đi theo làm việc, lĩnh ngay cờ, bài đi đến giao cho Lê Điều, hội đồng đem cả các khoản tra rõ nghiêm nghĩ. (Sau Phú Thứ lần lượt đem các việc dò xét nghe nói Lãnh sự nước Tây ở Hà Nội mưu tính lấy tỉnh thành, lại phái viên nước Tây là Công Tăng Tinh tập họp các người buôn mua súng ống, khí giới muốn sinh sự ở Bắc Kỳ ; lại các người buôn nước Tây thường viết thư

kêu với tướng nước Pháp sớm muộn định lại thương ước, tư cho viện Cơ mật biết. Vua cho là Phú Thứ trước thì vội nghe hoang bảo, sau thì nhân lỗi đem nhiều khoản, để dọa triều đình, giáng ngay Dụ quở trách, nhưng bảo cho biết, giả sử có việc ấy cũng phải làm việc cho được ổn thỏa, nếu hơi có quá thẳng để tỏ lời nói của mình là thực, thì phải xử tội theo luật khích biến).

Trước vua cho là các tỉnh thượng du ở biên giới Bắc Kỳ đất rộng người ít, bỏ làm sào huyệt của giặc, làm hại càng nhiều, muốn mộ dân dời đến ở để cho biên giới được vững mạnh, đã chuẩn định công việc sức cho thi hành. (Các quan tỉnh phải khám xét ngay trong hạt, nơi nào nguyên có dân ở và ruộng đất đã cày cấy nộp thuế mà trốn đi bỏ hoang, thì phải chiêu dụ về ngay để ở và cày cấy. Nơi nào nguyên chưa ở và cày cấy, ruộng đất bỏ hoang, thì lần lượt mộ dân để khai khẩn. Nếu có thiếu vốn thì Nhà nước cấp vốn cho, đợi 5 năm nộp một nửa, cho miễn một nửa, ruộng đất đều làm nghiệp riêng đời đời, 10 năm mới bắt đầu thu thuế. Có quan lại tình nguyện chiêu mộ kinh lý, thì tuỳ nhiều ít định thưởng, nếu 5 năm không thành hiệu, đều phải giáng cách, bồi phí tổn. Nay bắt đầu làm việc, ứng mộ linh tinh, tạm cho quan châu, huyện, phủ, tỉnh sở tại trông coi làm việc đợi sau được nhiều, nên đặt huyện, châu, phủ, tỉnh, tiếp tục tâu lên). Đến nay lại Dụ rằng : Trong nước có phên che ở ngoài, cũng như người có 4 chân tay, nhà có cửa ngoài, 4 chân tay mạnh, cửa ngoài vững chắc, rồi sau mới có thể giữ được bên trong mà ngăn được kẻ quấy rối ở bên ngoài. Nước ta dọc theo biên giới, thượng du các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, địa thế dài rộng, ruộng đều cày cấy được, đất đều ở được, lại có mối lợi về núi rừng. Từ trước tiền của, thuế khoá cung nộp, gọi là phồn thịnh. Từ khi giặc ngoài biên quấy nhiễu đến nay, sự sinh sống tụ họp của dân ngày một tan đi, sự tích trữ ở nơi cửa ải ngày một trống rỗng, phái quân đi đóng giữ khó nhọc, đi lại phiền phí. Đời trước Hung Nô làm giặc, Triều Thố bàn xin mộ dân dời đến cửa ải để phòng rợ Hồ, người đất Khương thường làm phản, Triệu Sung Quốc dâng 12 kế về việc đóng đồn làm ruộng, người đời Hán thi hành, biên giới được ít việc. Hiện nay ở biên giới có việc, quan to địa phương các ngươi không bày tỏ được chút mưu kế gì, lại mình không đi trước để khuyên người, khiến cho người vui theo, thậm chí cho là đất ở xa, lam chướng nhiều, kêu ca tránh đến, so với người đời xưa, sao không biết xấu hổ. Trẫm thường ngày đêm lo nghĩ, chính sách mộ dân khẩn điền là việc cần phòng giữ biên giới ngày nay. Hiện nay, quân nước Thanh cùng quân ta tiến đánh, các giặc ngày gần đây bị bắt, việc ngoài biên sắp xong, công việc xếp đặt về sau phải nên bàn trước. Nay chuẩn cho từ tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ trở ra Bắc, bọn đốc, phủ, bố, án, đề, lãnh cho đến quan lại các phủ, huyện, đều theo lời Dụ bảo, hoặc chính mình tự đương,

hoặc khuyến xuất chiêu mộ, đến ngay kinh lý, nhưng đều phải đem việc tâu xin chuẩn cho để chóng được thi hành, cho có thành hiệu.

Nêu thưởng đàn bà thủ tiết ở tỉnh Nghệ An (Nguyễn Thị Trinh, hạng ưu).

Thuyền đi tuần của tỉnh Bình Định đến Thanh Hoá nhận tải các hoá vật, khi về đến ngoài biển Sầm Sơn (thuộc Thanh Hoá) bị giặc bắn cướp (1 suất đội, 2 đội trưởng cùng chết, binh đinh phiêu bạt chạy tan). Tổng đốc tỉnh Thanh Hoá là Tôn Thất Phiên xin phái tàu thuỷ sung đi tuần tiễu, vua bảo rằng : Trước bộ Hộ, bộ Binh đã nghị chuyên do tỉnh Nam Định phái đi tuần tiễu, nay sao lại có giặc làm trở ngại ấy, đường quan 2 bộ Hộ, Binh và Nguyễn Trọng Hợp đều phải giáng trước 2 cấp lưu, sức phải làm ngay, nếu lỡ việc luôn, tất can tội phải bồi.

Trước Diệp Thành Lâm, Văn Bỉnh Hùng xin được vỗ yên và sắp xếp cho chỗ ở (Hưng Hoá), đến nay 2 đoàn quân ấy lại gây tranh nhau, Thành Lâm lại đem quân cùng với viên phủ Điện Biên là Điêu Văn Xanh (người địa phương ấy) cùng đánh nhau, Thống đốc Hoàng Tá Viêm xin phái người đến, Bỉnh Hùng giả cách làm ra bài giải cho hắn yên lòng, để quyết ý tính Diệp Thành Lâm, rồi phái người mật báo Điêu Văn Xanh, việc ấy sao không đợi lệnh, nay đã như thế, phải cố sức làm cho xong việc ngay, để đền lỗi trước. Vua bảo rằng : Ngươi chuyên giữ trách nhiệm làm tướng, nói thì nghe, mưu kế thì theo, thế mà dẹp đám giặc ấy lâu năm không xong, trước đã khinh thường xin vỗ yên an trí, dạ thú khó dạy cho quen, đã lo chúng tráo trở, nay thì quả nhiên. Ngươi phải đem các đoàn quân ấy dẹp yên tất cả, mới có thể khoan tha được, không thì không thể từ chối được trách nhiệm. (Tuần phủ tỉnh Hưng Hoá là Nguyễn Huy Kỷ vì không khéo kiềm chế vỗ yên, phải giáng 2 cấp lưu).

Tháng 5, vua cho là địa phận các xã Hà Trữ, Hà Chiêm trước có ngòi nhỏ, có thể thông ra sông cái, sai đào cho sâu rộng thêm, để làm đường thuyền vua đi suốt. Phủ Thừa Thiên tuân lệnh đi khám trù tính công việc, làm tờ tâu lên (tính cả các đoạn dài suốt hơn 1.000 trượng, đều khai rộng 2 trượng, sâu 2 thước, nhân công phải dùng hết hơn 153.000 công).

Vua bảo rằng : Khai như đường kênh bị lấp, dài đủ cho thuyền đi, hoặc hơi kém cũng được, việc gì phải khó nhọc phí tổn nhiều quá, rất không phải ý trẫm, mới chuẩn cho mặt nước rộng suốt 8 thước, sâu 2 thước (lấy tháng về mùa hạ làm chuẩn) đủ thông được thuyền Bình Đĩnh mà thôi (tháng trước khai đường kênh bị lấp, chuẩn cho rộng 1 trượng 2 thước).

Khi ấy dân hạt Nghệ An xin để cho Tổng đốc Nguyễn Chính ở lại (có Chỉ triệu về Kinh), các viên hội đồng quyền chưởng đem việc ấy đề tâu lên. Vua xem tờ tâu, khen và vui lòng, bèn gia cho Nguyễn Chính làm Thái tử Thiếu bảo, thưởng cho

kim khánh hạng lớn có 4 chữ "Liêm bình cần cán" [1], chuẩn cho ở lại làm việc để thỏa lòng dân mong muốn. Hoàng Diệu (có Chỉ lĩnh Tổng đốc Nghệ An) vẫn giữ chức cũ (Hữu tham tri bộ Lại).

Lấy Tả tham tri bộ Hình Lê Đình Tuấn sung Thương biện Cơ mật viện sự vụ.

Tháng ấy, kính gặp tiết thất tuần đại khánh của Hoàng thái hậu. Ngày Bính Tuất, vua thân đến điện Long An [2] mật cáo, ngày Tân Mão, sai Thái Thịnh công là Hồng Phó kính cáo, lại sai Tả tham tri bộ Hình Lê Đình Tuấn đến đền Đức quốc công [3] kính cáo.

Quan Nội các là bọn Bùi Ân Niên, Nguyễn Thuật dâng *Tụng Hoàng hiếu* 7 chương :

1. Hiếu đức : Trời giúp vua Nam, vâng chịu nghiệp lớn, các thánh cùng noi, đức sáng vô hạn, tăng thêm phúc lớn, muôn tuổi không cùng, hoàng thái hậu thọ, đức hiếu hoàng cung.

2. Hiếu kính : Liệt tổ cảm cách, vui cả đến trời, trên cao rực rỡ, phù hộ muôn đời. Giữ cho giúp cho, lâu dài vâng mệnh, hoàng thái hậu thọ, nhà vua hiếu kính.

3. Hiếu dưỡng : Trường Lạc hầu cơm, Đông Triều [4] thăm hỏi, bốn biển chín châu, phụng dưỡng dưới gối, điện hoa ngày dài, tiệc quỳnh yến hưởng, hoàng thái hậu thọ, nhà vua hiếu dưỡng.

4. Hiếu mục : Cành nhiều lá tốt, gốc vững nước yên, hàng chiêu hàng mục, trăm đời lâu bền, rộng ban nhân từ, để hòa tôn tộc, hoàng thái hậu thọ, nhà vua hiếu mục.

5. Hiếu trị : Lồng lộng bằng phẳng, đường vua phải tuân, trọng trưởng kính già, thiên hạ cùng nhân, tôn thân một lòng, ban cho phúc chỉ, hoàng thái hậu thọ, nhà vua hiếu trị.

6. Hiếu cảm : Một lòng cung kính, thấu đến tam linh, đức khắp bốn cõi, nước là điển hình, khí hòa khắp cả, phép tốt tỏ ra, hoàng thái hậu thọ, hiếu của vua ta.

7. Hiếu khách : Trời đất lâu dài, điềm lành vui vẻ, mưa gió phải thời, thuận cả già trẻ, tiểu thần chúc tụng, muôn tuổi có thừa, hoàng thái hậu thọ, hiếu khách của vua .

Vua xem xong bảo rằng : Chưa là tài giỏi đặc biệt, vả lại khen quá, người nhận lấy phải thẹn, sai sao ra giao cho Sử quán.

---

(1) *Liêm bình cần cán* : thanh liêm, công bằng, chăm chỉ, làm việc giỏi.

(2) *Điện Long An* : là điện thờ Hiến tổ ở đấy.

(3) *Đền Đức quốc công* : đền ở phía tây Kinh thành thờ Đức quốc công là họ Phạm Đăng, có lẽ sinh ra hoàng thái hậu.

(4) *Trường Lạc, Đông Triều* : là tên cung của hoàng hậu ở.

Mới sắc cho các tỉnh nghĩ soạn các khúc hát, cho con hát diễn tập, đến nay 2 tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh tâu lên nói, đào nương đã thuộc được 4 - 5 bài ở trong sách *Ngự chế tổng vịnh* : (đào nương ở Bắc Ninh thuộc được 4 bài : Tiếng nước Chiêm Thành, đê Đỉnh Nhĩ, Yến Lan đình, Một quân kỵ dẹp được giặc ; đào nương ở Hải Dương thuộc được 5 bài : Vua Lạc Long trăm con trai, Cờ hoa lau, Trẻ con làng Phù Đổng, Yến Lan đình, đê Đỉnh Nhĩ). Bộ Lễ cho là những bài vua làm là trân trọng, mà người đem diễn tập hát xướng riêng rất là không hợp, xin nghiêm cấm ngay. Vua bảo rằng : Phàm ca hát ngâm vịnh, cho mọi người ai thích thì tập, như 1 bộ *Kinh Thi*, người đời xưa hòa vào đàn sáo, dâng khi yến hưởng, là để cho thấm sâu vào lòng người, là lấy thơ để dạy, việc gì mà cấm, người nào thuộc cho được hát riêng.

Chuẩn cho lập đàn chay ở chùa Diệu Đế, tụng kinh để chúc thọ.

Vua 2 nước Thuỷ Xá và Hỏa Xá sai Sơn Ngôi, Kiều Tầm đến dâng lễ chúc mừng (2 chiếc ngà voi) liền ban cho vua 2 nước ấy sắc Dụ và phẩm vật (kim tiền hạng vừa có 2 con rồng mỗi người 1 đồng, kim tiền có chữ "Vạn sự như ý", mỗi người 1 đồng, ngân tiền phi long hạng lớn, hạng nhỏ đều 1 đồng ngân tiền có 2 con rồng hạng nhỏ đều 1 đồng, tiền đồng lớn mỹ hiệu mạ bạc 10 đồng, sa vũ hoa sắc đỏ 2 tấm, sa hoa chính tơ 2 tấm, chén uống rượu bằng pha lê trắng đều 1 bộ, chén độc bạt [1] sắc trắng vẽ vàng của nước Tây 4 cái, ấm pha chè bằng sứ vẽ cây mẫu đơn và con phượng 2 cái, đĩa hạng vừa bằng đồ sứ hình bầu dục vẽ vàng, vẽ hình con voi, con hổ, cổ đồ, hoa cỏ 2 cái).

Ngày Nhâm Thìn, vua thân đem hoàng thân, các quan văn võ đến cung Gia Thọ làm lễ chúc mừng thượng thọ, sai Nghi quốc công là Hồng Tố bưng tờ chúc mừng, Gia Hưng công là Hồng Hưu bưng chén, Lãng quốc công là Hồng Dật bưng nậm rượu, làm lễ xong, chiều hôm ấy múa tam giáo ở trước sân cung, bài nhạc, khúc nhạc, hát xướng nhiều trò vui, đều lần lượt chầu hầu, (nghi tiết theo như năm thứ 22 [1869]).

Ngày Giáp Ngọ, vua ngự điện Cần Chính, nhận lễ mừng, ban yến thưởng cho có thứ bậc.

Ban ân chiếu tất cả 27 điều :

- Hoàng thân vương công, hoàng tử tôn tước, công tử, công tôn và văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở lên, đều ban tiệc yến một lần và gia thưởng ban cho có thứ bậc.

- Các công chúa, công nữ, công tôn nữ và các phi tần, nữ quan đều gia ân ban cho.

---

(1) *Độc bạt* : không hiểu nghĩa, chưa tra được.

- Phủ Tôn nhân, tôn thất xa gần, đều gia ân ban cho, trong đó không cứ là đàn ông hay đàn bà, 70 tuổi trở lên, đều lượng gia thưởng cách.

- Các phủ thiếp đều gia ân ban cho.

- Ở Kinh và tỉnh ngoài văn từ án sát, võ từ chánh phó phòng luyện, chánh phó lãnh binh và đốc học, các tỉnh từ bang biện, thương biện, tham biện, chánh phó quản lý, tiểu phủ, doanh điền, sơn phòng, hải phòng, điển nông, thương chính, chánh, phó đốc biện các tàu thuỷ cục Thông bảo trở lên, trừ viên nào lần này về Kinh chầu mừng đã dự ban yến không kể, còn thì đều thưởng cho có thứ bậc.

- Hoàng thân vương công, hoàng tử cùng văn, võ ấn quan ở Kinh và tỉnh ngoài, và ở Kinh tứ phẩm, ở ngoài tam phẩm trở lên, dưới chỗ tên hiệu không chua phải giáng, đều thưởng gia 1 cấp.

- Các quân thứ ở ngoài, từ thống đốc, tham tán, tán lý, tán tương, đề đốc, lãnh binh cho đến văn ngũ phẩm, võ tứ phẩm trở lên cho đều ban thưởng có thứ bậc, còn thì văn lục phẩm, võ ngũ phẩm trở xuống đến binh dõng, cho đều thưởng gạo, tiền lương 1 tháng.

- Ở Kinh và tỉnh ngoài văn tứ phẩm ấn quan, võ quan viên tam phẩm trở lên, trừ cha mẹ viên ấy đã được chiểu lệ phong tặng không kể, còn người nào mới được thăng ở trước ngày ban ân chiếu, đáng được phong tặng, thì đều chiểu phẩm phong tặng cha mẹ có thứ bậc.

- Quan viên văn, võ ở Kinh và tỉnh ngoài từ tứ phẩm trở lên, không cứ là còn sống hay đã chết, hiện có ông, bà, cha, mẹ còn sống thì đều khai rõ, cùng làm danh sách tâu lên nghĩ gia ân ban cho có thứ bậc.

- Quan viên văn võ, ở Kinh ngũ phẩm, ở tỉnh ngoài tứ phẩm trở xuống đến cửu phẩm, trừ đã được gia cấp ra, còn thì đều thưởng gạo, tiền lương 1 tháng.

- Từ ngày 19 tháng 5 năm nay trở về trước, ở Kinh và tỉnh ngoài, hoàng thân, công chúa, phi tần, quan viên văn, võ đã bị giáng, phạt, cách lưu, không cứ tội công hay tội tư và không cho xét công trừ tội, chuẩn cho 3 bộ Lại, Hộ, Binh làm danh sách, tâu lên đợi Chỉ, lượng cho ban ơn.

- Quan viên hưu trí văn từ ngũ phẩm, võ từ tứ phẩm trở lên, trừ người quê ở phủ Thừa Thiên, có theo ban chúc thọ, chuẩn cho ban yến không kể, còn đều do quan địa phương làm danh sách tâu lên, cũng gia ơn ban cho có thứ bậc.

- Họ nhà vua, làng của vua, huyện của vua, đều gia ân ban cho có thứ bậc.

- Họ Phạm thôn Đông làng Tân Niên, họ Hồ thôn Tây làng Linh Chiểu, họ Trần xã Văn Xá, họ Tống xã Bùi Xá, đều gia ân ban cho.

- Ở Kinh và tỉnh ngoài mệnh phụ, các quan văn, võ tam phẩm trở lên, đều được gia ân ban cho.

- Những cử nhân, tôn sinh, giám sinh, ấm sinh học ở Giám và học sinh sung làm sinh viên trường võ học, chuẩn cho đều thưởng tiền lương 1 tháng.

- Vị nhập lưu thư lại các nha môn ở Kinh, chuẩn cho đều thưởng tiền lương 1 tháng.

- Các hạng biền binh, thợ thuyền ở Kinh, trừ thuộc các phủ nha ra, còn đều thưởng tiền lương nửa tháng.

- Các trạm ở Kinh và tỉnh ngoài chiểu theo nhiều việc, ít việc gia thưởng có thứ bậc.

- Tiền thuế thân, tiền đầu lõi, tiền thuế tạp dịch và thuế biệt nạp bằng sản vật của các hạt trong năm nay, đã chuẩn cho tạm hoãn 3 phần 10, nay cho đem 3 phần ấy đều rộng tha cho cả.

- Tiền thóc phải nộp về các hạng ruộng đất của các hạt năm nay, đã chuẩn cho tạm hoãn 3 phần 10, nay cho đem 3 phần thành ấy đều rộng tha cho.

- Quan viên văn võ bị lỗi phải cách bãi, từ tứ phẩm trở lên, không cứ là có khoa mục hay không và văn, võ từ ngũ phẩm đến thất phẩm dự có khoa mục, từ cử nhân, võ cử xuất thân trở lên, trừ thực có đích trạng tham tang và 70 tuổi trở lên không kể, còn đều chuẩn cho 2 bộ Lại, Binh làm danh sách tâu lên, đợi Chỉ, lượng cho lục dụng.

- Phàm các án phải bồi tang vật chưa xong, trừ hiện có đích trạng xén bớt gian xảo không kể, còn thì ở Kinh chuẩn cho bộ Hình, ở tỉnh ngoài cho thượng ty tỉnh ấy đều đem án bị can trước cùng tang phải bồi và năm tháng giam thu lâu hay chóng, làm danh sách tâu lên đợi Chỉ, lượng cho khoan giảm.

- Các người quân và dân 80 tuổi trở lên, cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo ; 90 tuổi trở lên cấp cho 1 tấm vải, 2 phương gạo ; 100 tuổi trở lên, cấp cho 1 tấm lụa, 3 phương gạo, nhưng chiểu lệ đề tâu rõ để nêu khen.

- Các tỉnh nhiều lần bị giặc, bị lụt, bị đói, dân tình nếu có thiếu thốn, chuẩn cho quan tỉnh đều xét thực, phân biệt chước nghĩ cứu giúp, để cho được chóng tỉnh lại.

- Các hạng tù phạm sung quân lưu, đồ, phát đi làm lính, làm đầy tớ, trừ phạm phải tội nặng như ăn cướp làm giặc và đã được tha cho làm việc chuộc tội, đợi việc yên sẽ xét sau không kể, còn thì cho bộ Hình làm danh sách kê tên, quê quán và tội trạng, đợi Chỉ định đoạt.

- Những người quan, quả, cô, độc và nghèo ốm không kêu vào đâu được ở các hạt, chuẩn cho địa phương xét thực, đều lượng chẩn cấp cho, khi xong việc, cùng tâu trả lời, cốt đừng để cho không chỗ nương tựa.

Chuẩn cho các đồn ải phòng giữ bờ biển ở Kinh và các quân thứ Tam Tuyên, Ninh - Thái ở các tỉnh ngoài, từ nhân viên đến các binh dõng làm việc sai phái, gia thưởng cho tiền bạc thay vào ban yến có thứ bậc.

Sứ bộ sang nước Xiêm là bọn Nguyễn Hiệp về trả lại mệnh lệnh. Khi trước thuyền của sứ đến cửa biển Bắc Nòm nước Xiêm, vua nước ấy uỷ ngay quan nước ấy 6 - 7 viên và thuyền quân đi hộ vệ đến sứ quán, dẫn sứ giả đi thăm hỏi các hoàng thân, đại thần, sau yết kiến Quốc vương. Việc đem mệnh lệnh của vua xong cáo từ ra về, vua nước ấy bảo nước ấy cùng với nước ta có tình hiếu cũ, trước vì việc ở phủ Trấn Ninh, lâu nay lỗi cách, nay được tìm đến tình hiếu cũ, thực là trời xui nên. Vả lại, 2 nước địa giới tiếp giáp nhau, chỉ mong từ nay về sau giao hảo với nhau lâu dài, hoặc có kẻ côn đồ không tuân pháp độ 2 nước, cũng châm chước với nhau để trừ trị đi, để cho nhân dân đi lại buôn bán đều được yên ổn, đó là điều mong muốn, phiền về tâu với Hoàng thượng ta biết. Rồi đưa thư đáp tạ và phẩm vật chúc mừng Hoàng thái hậu thọ thất tuần, gửi sứ giả đem về dâng lên, rồi hẹn đến tháng 5 năm sau, sai sứ sang tạ, từ trước đến sau, yết kiến công hoặc yết kiến tư, vua tôi khoản tiếp, tình lễ thân hậu có nghĩa không quên như môi với răng.

Đến nay sứ về, vua hỏi về tình thế nước ấy, bọn Hiệp tâu trả lời, hỏi ra nước ấy trước có người nước Bút Tu Kê đó thông thương, đối với phương Tây tình thế đã biết được đại khái. Đến khi người nước Anh bắt đầu đến, chỉ cầu để thông thương, nước ấy mới cùng nước Anh lập hòa ước, người Anh không gây hấn vào đâu được, nên không mất đất, mà nước ấy lại gọi được lãnh sự 9 nước nghị hòa (Phú Lãng Sa, Y Pha Nho, Phổ Lỗ Sỹ, Mỹ Lợi Kiên, Bút Tu Kê, Ý Đại Lý, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Y Ta Ly) lấy nước Anh làm đầu, sau đến các nước, trong đó, đi lại giao tiếp sự thể dễ dàng, không bó buộc quan ngại chút nào, (vua nước Phật Lăng nếu có yến hội, cũng triệu lãnh sự các nước đến dự, ngồi cùng một bàn thù tiếp uống rượu. Ngày thường các lãnh sự cũng được bất thần vào chầu, quan viên lớn nhỏ nước Xiêm đều được đi lại giao tiếp riêng với lãnh sự các nước ấy như người một nước) mà nước ấy riêng giữ được quyền, (nước Xiêm dùng 1 viên quan người nước Anh giữ việc xem hoa tiêu ở biển, 1 người giữ việc điện báo, còn thì các lãnh sự ấy chỉ chủ việc thông thương, không được dự việc nước của nước ấy. Thuyền các nước đến buôn, thì thuế lệ xuất cảng, nhập cảng cũng do nước Xiêm chiểu thu, còn như các lãnh sự ấy có chỗ không phải, thì quan nước Xiêm hội đồng với các lãnh sự nói lẽ phải trái, viết thư về cho nước Tây ấy xử đoán). Sản vật bởi đất sinh ra, thì thóc gạo và gỗ là nhiều, ngoài ra như tô mộc, dầu, đường, hồ tiêu, đậu khấu các thứ ấy cũng đều có. Binh đinh thì để đủ canh giữ các công sở, còn thì cho về ; làm việc thì thuê người nước Thanh, nước Tây làm. Khi có việc thì triệu tập binh lương ở các trấn, tình thế hình như không có phòng bị gì, nhưng bên trong thì có các nước đồng minh chủ trì

hòa cục, bên ngoài có các thuộc quốc chống giữ, cho nên không bị người hiếp chế. Vả lại, người nước ấy toàn không biết chữ Hán, tiếng nói người Kinh, người nước Thanh, người nước Nam làm quan ở nước Xiêm, đối với chữ Hán mà lời và ý ẩn mật thì không thông hiểu cho lắm, lại nhà các quan đại thần đều có người Tây làm thuê và có lãnh sự Pháp ở đấy, xét tình viên lãnh sự ấy không muốn cho ta giao thiệp rộng, nên trong khi ứng đối, chỉ nói về việc thông hiếu, không tiện nói đến việc khác chút nào.

Vua cho là việc đi sứ ấy hơi có lặn lội khó nhọc nên ban thưởng có thứ bậc. (Chánh sứ Nguyễn Hiệp, Phó sứ Đinh Văn Giản thưởng gia 1 cấp, tuỳ phái lục, thất phẩm thưởng kỷ lục 2 thứ, bát, cửu phẩm thưởng 3 tháng tiền lương, lại chuẩn cho về bộ, nha cũ làm việc).

Quan ở quân thứ là Hoàng Tá Viêm dâng sớ lên nói : Sào huyệt bọn giặc ở Giả Nham đã phá được mà bọn giặc họ Đàm, họ Ông chưa bắt được, biền binh ở quân thứ mệt mỏi ốm đau, xin điệu đổi những tên khỏe mạnh để phòng canh giữ đánh dẹp. Vua cho là hiện nay sự thế đã thư, vô cớ mà gọi quân điệu đi, sợ tai mắt người lấy làm lạ, không y cho.

Mùa hạ năm nay, các tỉnh Nghệ An, Nam Định, Hải Dương, Quảng Yên được mùa to, các tỉnh Hà Nội, Hưng Yên, Hưng Hoá, Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Khánh Hòa được mùa vừa, còn nơi nào có bị tai hại, thì tô thuế đều chiểu hạng tha hay giảm có thứ bậc.

Quan quân ta hội với quân nước Thanh đánh sào huyệt giặc ở Tam Hải, bắt được ngụy Nguyên soái là Chung Vạn Tân, ngụy Tổng dinh là Lưu Đình Quang, ngụy Thừa tướng là Lý Xuân Phương, ngụy Quân sư là Lý Thế Thủ, ngụy Trung quân là Lưu Vĩnh Thắng, ngụy Tả tiên phong là Lý Dương Giai, Lý Thế Sinh, ngụy Hữu tiên phong là Lý Thế Tuyên, Lý Thế Bân, đều giao cho phái viên nước Thanh giải về nước.

Giáng Cung phi họ Lê làm Mẫn Tần (vì phi gần đây phần nhiều trễ nải sơ suất, cho nên sách phong trước lại cho ty có trách nhiệm giữ, đợi có biết sợ và gắng gượng, thì sẽ cấp trả lại cho).

Tháng 6, dân đói ở tỉnh Quảng Nam (lần lượt đến 130 người, cả đàn ông, đàn bà) đến kiếm ăn ở phủ Thừa Thiên, sai chiểu cấp tiền, gạo.

Tướng nước Pháp đóng ở Gia Định là La Phong về Tây, Lư-mi-đa sang thay.

Khâm sứ nước Pháp đóng ở Kinh là Hoắc Đạo Sinh về Tây, Lê Na sang thay.

Hai bộ Binh, Công tâu xin đến tháng giêng sang năm đúc đền 6 cỗ súng đồng thần uy Phục viễn đại tướng quân.

Vua bảo rằng : Các hạng súng thiếu rất nhiều, phái đi cũng rộng, tạm hoãn lại để nuôi của và nuôi sức, đợi quan viện Cơ mật, Thương bạc nghĩ phái người đi học, hoặc thuê được phép đúc giản tiện sẽ làm sau. (Sau cũng vì có việc mà đình chỉ).

Nguyên Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết (năm ngoái xin về Thanh Hoá chữa bệnh, có Chỉ hễ chữa khỏi bệnh thì về Kinh) lại vì bệnh xin ở lại tỉnh Thanh để điều trị, dâng sớ nói : Thanh Hoá là nơi phát phúc, căn bản rất quan trọng, gần đây nghe thấy phận rừng, phận biển chưa yên, mà bọn gian đồ người Kinh, người Thổ phần nhiều lẻn lút ở đó, không dám không tự để ý. Nếu được, chuẩn cho cùng bàn với quan tỉnh, xin đem hết ý kiến ngu giúp vào chỗ chưa chu đáo, may ra trong khi tĩnh dưỡng hoặc có thể báo đền được mảy may.

Vua bảo rằng : Tuy có lòng chọn việc, nhưng chứng nóng chưa hết, hãy cho ở lại điều trị, nếu có nghe thấy nghĩ ngươi việc gì nên làm, với quan tỉnh xét cho xác đáng mà làm cũng không hại gì, không phải lại thêm 1 quan tỉnh nữa.

Khi ấy Thị giảng Học sĩ sung Điển nông sứ tỉnh Khánh Hòa là Phan Trung, việc chúc hỗ xong, chuẩn cho hàm Tả thị lang bộ Hộ vẫn sung chức cũ.

Dụ rằng : Phan Trung vẫn có tiếng là người khảng khái, công khó nhọc cũ đáng ghi, trung nghĩa gốc ở tính trời, há vì xa xôi mà quên báo ân. Nay về chiêm bái, trông thấy mặt vẫn khen tấm lòng, công không thành nhưng tiết đáng chuộng, tuổi tuy già nhưng chí chưa suy, khen người trước khuyên người sau, càng nên thăng thưởng, người tầm thường chớ cho là già mà coi thường. Kìa như sĩ phu phải lập chí trước, chí có nhất định thì sự công danh tiết do đó mới thành. Nếu chí không bền, thì sợ được sợ hỏng, không việc gì là không làm, sao đáng gọi là sĩ phu được. Huống chi những bọn khéo nói làm ra vẻ lành, kiến thức thấp, chí khí hèn, ngày thường chỉ khéo thờ quan trên, để không mất danh dự, nịnh hót để cầu được dùng, trăm đường nịnh dối, một khi gặp việc, mất ngay tiết tháo, hoang mang không biết làm thế nào, đều do không có chí khí, không có kiến thức, sẽ đến mất phẩm hạnh, hại thanh danh. Nếu những bọn ấy, đâu phải là người vua quan đáng tiến dùng, mà sĩ phu lập thân, cũng đâu phải tự cam thấp hèn đến thế, phải thông sức ngay cho biết khuyên răn.

Tha giảm số tiền bạc phải nộp về năm nay cho 18 xã, động thuộc tỉnh Quảng Yên (vì cớ bị giặc quấy nhiễu, 6 xã động vào hạng thiệt hại lắm, được miễn tất cả, 12 xã, động vào hạng thiệt hại vừa, được miễn 5 thành).

Đê Văn Giang vỡ, Tuần phủ tỉnh Hưng Yên là Trần Văn Chuẩn, Án sát là Nguyễn Văn Trang và các nhân viên chuyên biện, tuỳ biện công việc đắp, đều phải giáng phạt có thứ bậc, lại sắc cho quan tỉnh tuỳ tiện nghi mà sửa đắp lại (tháng 10 năm ngoái chuẩn cho tỉnh Hưng Yên đắp đê huyện Văn Giang).

Tỉnh Hà Tĩnh thiếu ăn, sai phát tiền, thóc phát chẩn và cho dân vay.

Vua xem quân báo gần đây, Dụ cho bọn Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Tham tán Trương Quang Đản rằng : Lý Dương Tài là quân gian giảo của nước Thanh, cam lòng phản nghịch, dù có thế bách đường cùng, cũng tất tìm đường sống khác, đâu có chịu phơi xương ở chỗ núi hang, huống chi Lục Chi Bình rất là giảo hiệt, ở lâu nơi biên giới, tình thế quen thuộc, há chịu tự chết ư ? Thế mà tập tâu trước của Quang Đản, hoặc nhận là chúng đã ở trong đám xác chết, hoặc ngờ là chúng đã tự tận, Tá Viêm nghe thấy Đề đốc họ Phùng hẹn ngày chuyển về quân thứ Bắc Ninh, sức ngay sắm sẵn phẩm vật để tặng, ý muốn Đề đốc ấy về ngay, cùng cẩu thả cho xong việc cả, tướng soái như thế, còn có thể vì nước cứu dân được không ? Tá Viêm phải đến ngay chỗ Đề đốc ấy đóng quân, cùng với Quang Đản hội đồng với Đề đốc ấy bàn tính cốt làm thế nào đem bọn họ Lý, họ Lục, họ Đàm, họ Ông kết án trị tội và công việc xếp đặt về sau đều được chu đáo thỏa đáng, khỏi để lo ngại về sau. Nếu phen này Đề đốc ấy vào cửa quan, mà các giặc ấy không quét sạch được hết, thì cả nhà các ngươi cũng không đương được lầm lẫn lớn ấy, chớ có khinh thường.

Tuần phủ Nam - Ngãi là Đoàn Khắc Nhượng dâng sớ nói : Dân tình thiếu thốn, xin cho cứu giúp. Vua bảo rằng : Hạt ngươi lúa mới vừa gặt xong, lại tỏ ra túng thiếu, nên phải phòng bị trước, hoặc thu mua gạo buôn, hoặc khuyên quyên để thu mà nuôi dân, trù tính nhiều cách, cốt được tiếp tế, để xứng đáng trách nhiệm uỷ thác cho.

Trước Tuần phủ Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ tâu bày công việc xếp đặt về sau ở biên giới, đại khái nói :

- Bọn giặc Lý Dương Tài không giống như giặc Ngô Côn, mà truy nguyên về việc phải lo ngày nay, cũng bởi trước thì mượn quân, sau thì vỗ về an trí, cho chúng mộ phu khai mỏ, nên mới đến thế, nếu không nghĩ cách tự cường, tự trị, mà khư khư vào vỗ về an trí mộ phu khai mỏ, viện binh đánh giúp, tưởng cũng đều không phải là kế hay. Huống chi việc ngày nay, có 4 điều tệ : - Trước kia dọc biên giới dùng thổ quan, nay đổi thổ quan, dùng quan bổ đến, mà phên giậu ngày một mỏng, là một điều tệ. - Quân trước kia lấy châu Hoan, châu Ái là ưu binh, đem ra đánh tất được, từ khi đổi làm giản binh, trong đó phần nhiều là con em nhà phú hào, đến lượt ra lính, bỏ tiền ra thuê mướn, nên gặp giặc liền chạy, đó là hai điều tệ. - Từ trước đến nay, Bắc Kỳ có cấp báo gọi bắt quân Kinh, mũi tên hòn đạn theo nhau, tất có nạn chết chóc, từng trải lam chướng, không khỏi phải lo về thuỷ thổ, gọi bắt luôn luôn, trốn, chết, ra thú, thay thế, không ngày nào không, mà quân Kinh càng yếu, đó là ba điều tệ. - Đời xưa nói quân giản binh vài nghìn, không bằng quân triệu mộ 300, gần đây lính mộ chỉ số hư trương, số quân ứng mà chưa chắc đều đã khỏe

mạnh, gián hoặc có 1 - 2 người thực có sức khỏe, quan ở bộ cũng để đấy, không hỏi đến, như thế ai chẳng nản lòng, lính mộ toại thành vô dụng, đó là bốn điều tệ. Hiện nay, bọn giặc họ Lý dựa vào rừng núi giữ chỗ hiểm, quân ta cùng các dinh quân nước Thanh đi hội lại cùng đánh, lâu ngày cung cấp khổ dân, xin tự cho Tổng đốc Lưỡng Quảng rút hết quân các dinh về, còn 1 - 2 tên giặc trốn, lại xin chọn phái 2 quan đại thần cai quản đem quân tinh nhuệ đến thượng du các tỉnh (các hạt Phú Bình, Lạng Giang, Đa Phúc, thuộc Bắc Ninh, Thái Nguyên ; 2 huyện Tam Nông, Hạ Hòa thuộc Sơn Tây, Hưng Hoá) chọn chỗ đặt đồn để trấn áp. Còn quân giản binh (chỉ cả toàn kỳ mà nói) thì lấy một nửa mà chọn kỹ những người khỏe mạnh, một nửa thì cho về mà cho nộp tiền (mỗi tháng mỗi người đều 5 quan, để cấp thêm cho binh dõng), quân mộ thì lấy người hăng hái dữ tợn cấp thêm cho tiền gạo, chọn quan võ người nào có võ nghệ thao lược thì cai quản, huấn luyện, khiến cho cố gắng lập công, lúc không việc thì cấp cho trâu cày và đồ làm ruộng, khai khẩn những ruộng bỏ hoang để đủ dùng cho quân, các thổ dân ở thượng du có muốn theo đi khai khẩn cũng cho. Lại xét các man trưởng, người nào chăm việc công, thích việc nghĩa, được thổ dân tin phục thì xin cho phẩm hàm, khiến cho chiêu tập dân lưu tán đều về làm ăn sinh sống, mà các mỏ ở Tuyên, Cao, Thái, Lạng lần lượt khai ra, các tỉnh ở hạ du gặp có cấp báo, cũng nhờ đó để nương tựa nhau, còn như việc vỗ về an trí, chưa khỏi có lo ngại về sau. Xin các tỉnh dọc biên giới có việc, gấp đôi số quân đóng lên, quan tỉnh đều mộ lấy 1 đội quân khỏe mạnh mà được việc, để giúp vào canh phòng. Hai bên tả, hữu đã có 2 đồn to làm nổi thanh thế, thì các đồn linh tinh ở nơi lam chướng xin đều đình bãi, binh lực đã hợp tốn phí vô ích cũng bớt, không nói đến đánh mà chúng tự khuất phục như đánh, không nói để vỗ yên mà chúng tự đến xin vỗ yên, những sự đề phòng bất ngờ có thể tự tiêu ngầm, mà công hiệu kinh lý tuần tuyên, tưởng cũng dần dần đến được.

Vua bảo rằng : Nói thì dễ, làm thì khó, ngươi tự tính liệu, có thể ra sức làm được việc, tất phải xin đương lấy, trẫm đang thử xem có làm được không. Sau lại bày tỏ nghĩ định trước, cho là quả làm được kế sách ấy, thì tuy có chậm đến hàng năm, mới có thể hết được giặc, nhưng các tỉnh trung châu quân dân hơi được yên nghỉ, tài lực không khó nhọc phí tổn lắm, tưởng cũng là việc cần cho yên biên giới.

Vua răn hãy cố gắng thêm, không nên khoe khoang quá. Đến nay lại theo Chỉ, Dụ (xem ở năm thứ 30), xin tự đương chức kinh lý tuần tuyên và nói tỉnh Sơn Tây, tỉnh Bắc Ninh trên tiếp giáp các tỉnh Hưng, Tuyên, Cao, Thái, Lạng, dưới tiếp giáp các tỉnh Hà, Ninh, Định, Yên, suốt đến Thanh Hoá, làm nơi che giữ cho trung châu, phải hình thế vững mạnh để chế ngự các sự bạo động. Xin ở 2 tỉnh ấy, chọn nơi hình thế tiện đặt 3 đồn lớn, chọn quan trọng thần kiêm quản cả công việc ở quân thứ và ở tỉnh, cho việc phòng giữ được nghiêm.

Vua bảo gần đây chưa thấy người nào dấn mình đảm đương được, nên theo lời xin, để xem thành hiệu, rồi đem tập tâu của Nguyễn Hữu Độ lần lượt tâu lên, giao đình thần và Hoàng Tá Viêm xét tâu trả lời để thi hành, (tỉnh Sơn và tỉnh Bắc nên phải kinh lý, quan Nội các là Bùi Ân Niên trước đã tâu xin, các việc làm đồn, đóng quân và huấn luyện, mộ dân khai khẩn, nói rất rõ, vua rất lấy làm phải, nhưng khó có người, đến nay Hữu Độ lại đem ra nói, sự tình đại khái giống nhau, lại xin tự đảm đương, cho nên có Chỉ chuẩn cho này).

Vua rước Từ giá ra chơi cửa biển Thuận An nghỉ mát mùa hè và xem bờ biển, 6 ngày về cung.

Làm thêm luỹ lớn ở bờ bên hữu Lộ Châu, chia đặt các cỗ súng.

Bố chính tỉnh Quảng Ngãi là Lâm Hoành tâu lên nói : Dân tình thiếu ăn, chuẩn cho lấy gạo ở kho ra 4.000 phương để chẩn cấp cho dân, Hoành lại hiểu thị khuyên các nhà giàu quyên giúp, gia thưởng đều có thứ bậc (500 quan trở lên thưởng 1 chiếc bài bạc nặng 5 đồng cân, 1.000 quan trở lên, thưởng 1 chiếc bài bạc nặng 1 lạng).

Vua bảo rằng : Hạt ngươi vừa mới thu hoạch, thế mà nơi mất mùa vội đã kêu thiếu, nơi được mùa cũng lo không đủ, làm cho thêm lo phiền như thế, không biết trong Kinh, tỉnh ngoài chia chức thế nào ? Hầu để vua và dân chịu khổ một mình, mà mình cứ an nhiên ư ? Đình thần phải nghĩ cho chu đáo được việc, đâu được ngồi mà nhìn. Đình thần xin ở Kinh và tỉnh ngoài từ ấn quan trở lên, đều quyên lương để giúp vào việc phát chẩn, vua không cho.

Lý Dương Tài trốn đến tổng Nhu Viễn (thuộc Thái Nguyên), Tham tán Trương Quang Đản hội ngay đề đốc, tham tán chọn phái biền binh cùng với quân nước Thanh đuổi bắt và sức ngay cho tổng lý, hào mục thổ mán rình bắt. Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem việc tâu lên.

Vua Dụ rằng : Giặc Lý hiện còn chạy trốn, đem ngay tướng sĩ ta đi nhiều nơi tìm bắt, tổng lý nếu giết chết được bọn giặc, thì hậu thưởng ngay cho, còn những người thổ cấp đỡ riêng và dung túng cho bọn giặc, thì tra nã đích tên chém ngay và thương thuyết với Đề đốc họ Phùng cũng gia tâm lùng bắt, để cho các hạt Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá không sót một mống giặc nào, không được nói chiếu lệ hay báo chiếu lệ, có phụ trách nhiệm.

Trước đấy, đình thần trù nghĩ công việc xếp đặt về sau hoặc trích tờ tư nghĩ của quan nước Thanh, hoặc theo nghĩ định của các tỉnh biên giới, thi hành ngay, tất cả có 5 khoản :

1. Nói rõ các điều cấm ở cửa quan. (Năm Gia Khánh thứ 11 [1806], viên phủ Thái Bình có tư đến tỉnh Lạng Sơn, trong đó có nói : Lệ định, từ nay về sau xét rõ chỉ bài mang trong mình của dân buôn Trung Quốc ra khỏi cửa quan, xét có ấn cấp

của 2 nha Giang Châu, Long Châu là thực, không có bài chỉ tức là tự ý riêng vượt qua biên giới bắt giải để trừng trị. Năm Quang Tự thứ 4 [1878] Tổng đốc Lưỡng Quảng tư định chương trình, trong có một khoản nói : Phàm nhân dân ở Khâm Châu đi đến địa phận nước ta, phải do Khâm Châu tra rõ, ấn cấp bài phiếu, còn Quảng Đông, Quảng Tây cho đến các tỉnh ngoài, nếu có sức phái quan quân binh dịch đến nước ta sai phái việc gì, đều phải bẩm rõ đốc phủ tỉnh hạt ấy xét rõ, cấp giấy và ở trong giấy nói rõ không cho mang kèm hàng hoá lậu thuế, cũng không được sách nhiễu ở dọc đường và tư cho nước ta biết để tra xét cho ra cửa quan, còn quan quân binh dịch ở tỉnh ngoài, phải qua 2 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây ra cửa quan, thì đều phải tư cho đốc phủ tỉnh Quảng Đông tư cho quan địa phương ở nơi ra cửa quan biết. Nếu có tự xưng là được sai đi mà xét không có giấy cấp cho, thì bắt trở về, chớ để cho vào địa phận nước mình, để khỏi giả mạo. Điều cấm ở cửa quan trên đây phải tư cho quan nước Thanh theo thế mà thi hành. Còn như nước ta trước đặt ra các nơi quan ải, phải chiếu nghị năm Tự Đức thứ 28 [1875] chỗ nào là chỗ hẻo lánh xa, thì chọn 2 người thổ hào, thổ mục làm trưởng đồn, đem dân canh giữ, chỗ nào là đường cái thông hành, thì phái phẩm quan sở tại sung làm trưởng đồn, liệu bắt binh dõng đóng chặn, mỗi đồn cấp cho 1 quả ấn, cứ cách 30 - 40 dặm được để một đồn, nguyên có đường tắt phải chọn lấp hết, phàm hành khách đi lại đều cho đi ở trước đồn, không được tự do đi lại ở đường tắt, còn như nhân dân ở chỗ ấy và hành khách đi lại buôn bán, cho trưởng đồn ấy giúp đỡ cấp cho giấy để xét nghiệm (trong đoàn có mấy người ? Đến địa phương nào ? Đi về định hạn mấy ngày ? Phải biên rõ để dựa vào đấy mà tra xét), cho ra khỏi đồn, đi về theo như hạn, nếu có tình tiết gian tà do thám, cho sở tại bắt giao cho trưởng đồn xét trị, nếu gặp có bọn cướp to (100 - 200 đứa) bọn cướp nhỏ (20 - 30 đứa), công nhiên cướp bóc, cho trưởng đồn bên trong, bên ngoài thông báo cho nhau đem binh dõng đánh bắt).

2. Xử trí quân không có tiết chế. (Năm Đồng Trị thứ 13 [1874], đốc phủ Lưỡng Quảng cáo thị cho người nước Thanh, trong có nói : Những người Trung Quốc hiện ở nước ta, có kẻ đã từng phạm án ở Trung Quốc trốn đi, hiện biết hối tội, trở về Trung Quốc tự thú, phải đến chỗ quan địa phương nơi giáp giới và chỗ quan thống binh, trình rõ, đợi tra xét án cũ chiểu lệ thi hành. Nếu trước ở Trung Quốc vốn không phạm tội, sau ở nước ta sinh sự, thì nếu thực lòng hối cải xin về, cũng đến quan địa phương chỗ giáp giới và chỗ quan thống binh trình báo họ tên, quê quán hiện tại, đợi tra xét, phát cấp cho giấy đi đường, về quê an trí, nếu lại coi thường pháp luật sinh sự thì bắt chém ngay. Còn như dân thường ở Trung Quốc lưu lạc sang nước ta, hiện quả là muốn về, đều chuẩn cho báo với quan địa phương ở nơi giáp giới, phân biệt cho về an trí, nhưng phải chia ra từng lần, mỗi lần không được quá 100 người, không cho dắt díu các hạng người, nếu dám mang lòng bất trắc,

đem ngầm binh khí hoặc giả dối trà trộn vào biên giới sinh sự, các quan thống binh và các quan văn, võ địa phương phải ngăn chặn ngay. Đề đốc họ Phùng năm trước sang đánh giúp, cũng từng nói khi nào thắng trận kéo quân về, phàm người hết hạn sai phái, đều đem về nước hết cả không để lại một người nào để mối lo về sau, còn như lương quân, theo lệ có để tiền còn thừa lại, binh dõng sang lần này, quê nhà không phải giáp gần hết cả, khi nào thắng trận kéo quân về, phàm binh dõng bao nhiêu, rút về hết cả, đợi đến Liễu Châu, sẽ cấp cho số tiền thừa để lại, cho giải tán, sẽ được cận tiện quê nhà, không lưu tán làm bậy nữa. Các khoản trên này phải do quan nước Thanh theo đó mà thi hành, nhưng sức giao cho các tỉnh niêm yết và nghiêm sức cho tổng lý, đầu mục bang, phố trong hạt phàm người nước Thanh đến nơi, đều phải khai rõ họ tên, quê quán, người nào hễ có gia sản đóng thuế ở bang có người bảo đảm kết nhận, thì cho ở lại làm ăn sinh lý, người nào không có người quản nhận, thì bắt giao cho quân doanh hiện còn đóng đấy giải cho vào cửa quan. Nếu sau xét ra tên nào lẻn trốn, thì không là lính trốn tức là giặc trốn, phải bắt để trị tội ngay. Lần này sau khi quân nước Thanh vào cửa quan, các tỉnh dọc biên giới nước ta đều phái biền binh và hào mục sở tại đi xét bắt ngay, cốt cho trong 1 tháng phải hết, nếu có bắt được quân lêu lổng thì chém ngay ; còn những người Thanh đến ngụ ở các tỉnh dọc biên giới, người nào đã ở đến 2 - 3 đời thì sức cho để tóc, để tiện kiểm soát.

3. Liệu để quân đóng lại để đàn áp. (Các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn nước ta, địa thế giáp gần, rừng rậm bát ngát, lại giáp giới với nước Thanh, bọn giặc còn sót lại và bọn du côn dễ lẻn đến tụ họp. Năm trước, Đề đốc họ Phùng giúp ta đánh giặc, đem hết quân dinh rút vào cửa quan, giặc còn sót lại mới được lại nổi lên. Sau rồi họ Lưu, họ Triệu lại sang cùng đánh, tuy có liệu để quân đóng lại để đàn áp rồi lại rút về, giặc tàn và quân giải tán lại họp lại quấy nhiễu, nay như họ Lý, họ Lục, họ Đàm, họ Ông đều phải bắt giết, quân nước Thanh thắng trận rút về, xin liệu để lại 5 dinh thống lĩnh hoặc đốc đới 1 viên, quản đới 4 viên, chia đi đóng đồn, hạt Thái Nguyên 2 dinh, hạt Tuyên Quang 2 dinh, chỗ tiếp giáp Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn 1 dinh, để giúp việc trấn áp. Giặc còn sót nếu lại gọi nhau tụ tập, quân giải tán hoặc có trốn ở lại sinh sự, thì do quân nước Thanh liệu để lại ấy liệu tính giặc nhiều hay ít, điều đốc các dinh cùng với quan quân nước ta đánh bắt, đợi sau biên giới thực được yên ổn rồi sẽ rút về. Còn những viên hiện thuộc về trại quân của Đề đốc họ Phùng như : Trần Dĩ Mô, Trần Đức Triều, Chu Bỉnh Lâm, Vương Chính Minh, Lưu Ứng Cao, hoặc thông hiểu binh thư có dũng lược, hoặc địa thế am tường, hoặc tính dễ dàng, dân vui lòng muốn xin lưu lại, xin cho đều ở lại đóng đồn. Các khoản trên đây, tư cho quan nước Thanh chiểu theo làm việc, mà quan ở quân thứ nước ta cũng phải liệu để lại tham tán, tán lý, đề lĩnh

mỗi chức 1 viên 1.000 quân, 5 - 3 thớt voi, chọn chỗ đóng đồn, hễ giặc tụ họp ở chỗ nào, thì hội với quân nước Thanh đánh ngay, đợi dẹp yên tất cả, dân tự canh giữ được, sẽ định rút sau.

4. Gọi giặc ra thú trở về. (Các tỉnh ở biên giới Bắc Kỳ, bọn còn sót lại của Ngô Côn, Hoàng Sùng Anh vẫn chưa trừ được hết, nay giặc họ Lý lại quấy nhiễu, bè lũ thực nhiều, trừ Lý Dương Tài phải đánh riết trị tội nặng không kể, nếu bọn ấy quả là biết hối tội đầu hàng, tên nào ra thú ở quân nước Thanh, phải do quân ấy đem về, tên nào ra thú ở quân thứ ta, cũng đều giải giao cho quân ấy, cho về quê cũ, cho hết mầm ác.

5. Làm thành chòm trại để đoàn kết dân dõng. (Năm Tự Đức thứ 25 [1872], chuẩn định dân cư các tỉnh dọc biên giới đều chiểu tuỳ dân số nhiều ít, xa gần, hoặc 1 tổng chia làm 2 chòm, hoặc 2 tổng hợp làm 1 chòm, chọn nơi hình thế có thể cậy được, hoặc đắp luỹ đất, hoặc trồng tre gai, dân trong tổng đều họp ở trong chòm ấy cho tiện canh giữ. Còn như ngoài đồng có làm tạm nhà ở để cày cấy, đến khi gặt xong mang về chòm lớn để cấy, việc ấy nơi đã làm thì sửa sang thêm, nơi chưa làm thì theo như thế làm ngay. Năm thứ 28 [1875] quan tỉnh và quân thứ Tuyên Quang là Mai Quý, Lã Xuân Oai nghĩ tỉnh ấy xin đặt quản đoàn ở các phủ, huyện, châu cai quản các tổng đoàn, mỗi tổng đều đặt 1 đoàn mục, còn súng và khí giới, thuốc đạn, do bọn ấy sắm lấy, thiếu thì quan cấp cho, để phân phái canh giữ, cùng với tổng lý đem đoàn đinh đánh bắt, chém hoặc bắn được đầu sỏ giặc chết hay bị thương, chiểu lệ thưởng cho, phủ đoàn, huyện đoàn và quản mục cai quản đoàn binh, phân biệt nghĩ thưởng. Nếu không hết sức, để cho giặc trốn vào làng xóm và tổng xã ở bên cạnh, không chịu đi cứu viện, thì các quản đoàn, quản mục, chiểu thu mỗi tên 50 quan tiền, cấp cho những nhà bị cướp, lại nghĩ xử phạt trượng và cách chức cũng như tổng lý, nếu trong 6 năm, giữ được không có giặc cướp lén lút ở chỗ nào, phân biệt nghĩ thưởng, nay những tỉnh ở biên giới như : Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Quảng Yên và Tuyên Quang cũng như nhau, phải theo thế mà làm tất cả).

Vua sai sao lục giao cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm xét kỹ và sai chép ra cho các tham tán, đề đốc, tán lý cùng đốc, phủ, bố, án các tỉnh, xét bàn cho thỏa đáng, rồi đem ý kiến mình đoán định làm tập tâu đệ lên. Đến nay, Tá Viêm tâu trả lời theo như đình thần nghĩ định mới chuẩn cho theo từng khoản, viết thư đưa cho 2 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Đề đốc họ Phùng xin đều gia tâm hết sức làm việc. Lại sức ngay cho Tá Viêm, ở ta tất phải sửa soạn tụ tập ngăn chặn ngay, trấn áp, võ về thế nào quyết phải hết sức làm cho có hiệu quả, không được sợ việc cẩu thả cho xong việc, rất phụ trách nhiệm uỷ thác.

Cho dân thọ phủ Thừa Thiên là Nguyễn Văn Khê (104 tuổi, nhà nghèo không lấy gì nuôi mình được) tiền gạo chi cấp cho trọn đời (mỗi tháng 1 phương gạo, 1 quan tiền).

Tỉnh Bắc Ninh sét đánh ở cột cờ.

Sai các địa phương xét mộ những người học tập chữ và nghề nước Tây, đem tên tâu lên.

Tỉnh Nam Định bị đói, chuẩn cho quan tỉnh phát tiền kho ra hơn 73.000 quan để cấp cho dân vay.

Bọn ác Man ở tỉnh Quảng Nam xuống các xã, thôn (Tà My, Dương An, Mậu Ỷ, Hương Xá) đốt cướp tài vật, giết chết quân dân, việc ấy tâu lên, vua bảo rằng : Man ấy chẳng qua vì đi trộm cướp, không có trò gì khác, thế mà nhiều lần lên xuống, thường làm hại dân. Sứ thần không có gia tâm giữ đánh, quan tỉnh cũng không biết dự tính trước, để đến nỗi quân dân chết hại, Sơn phòng sứ là Phan Bính phải giáng 2 cấp, Tuần phủ là Đoàn Khắc Nhượng phải giáng 1 cấp, đều được lưu để răn.

Thọ Xuân vương Miên Định thọ 70 tuổi. Vua làm bài tự cùng bài ca và phẩm vật, sai trung sứ đệ đến ban cho.

Định lại lệ xét xử giản binh, mộ binh trốn thiếu. Trước đấy, vua cho là binh đinh trốn thiếu, đều do lúc ngày thường lỗi ở sự chọn cấp, thiếu sự yên ủi, nên mới đến thế, tuy có phái giải, rút cục không có ích gì, đã chuẩn cho bộ nghĩ thêm điều lệ tâu lên, đến nay nghĩ định tâu lên :

- Giản binh trốn thiếu, trong 1 năm mỗi thập trốn 3 - 4 tên, thì bắt đầu chiểu luật xử phạt 30 roi, chánh đội trưởng và cấp bằng đội trưởng đình thăng 1 năm, cứ 2 tên lại gia một bậc, đến 9 tên trở lên phạt 60 trượng, cách chức, trả về làm quân. Mỗi đội trốn đi 4 tên thì bắt đầu chiểu luật xử, suất đội phạt 40 roi, phạt lương 6 tháng (dưới cũng thế), cứ 2 tên lại gia lên một bậc, trốn đến 16 tên thì phải giáng 4 cấp, trên đây đều đổi đi chỗ khác (dưới cũng thế), trốn đến 18 tên trở lên thì phải cách dời khỏi chức ; quản vệ, quản cơ thì cứ 100 tên trốn đi 8 tên bắt đầu chiểu luật xử tội. Vệ cơ nào đủ 400 tên trở lên mà để trốn đi 32 tên, thì phạt 40 roi, cứ 16 tên trốn đi lại gia một bậc, trốn đến 144 tên thì cách dời khỏi chức ; 500 tên trở lên, để trốn đi 24 tên thì phạt 40 roi, cứ 12 tên lại gia lên một bậc, trốn đến ngoài 108 tên thì phải cách dời khỏi chức. Người cai quản 2 - 3 vệ cơ, cũng chiểu hiệu số, cứ 100 tên mà trốn đi 8 tên, tính suốt cả số thành chiểu luật nghĩ xử, số lẻ cứ 12 tên trốn đi 1 tên, thì bắt đầu chiểu luật nghĩ xử. Viên Thống chưởng chiểu theo lệ thống chưởng quân mộ xét xử như nhau (nói ở dưới). Điển ty chiểu theo lệ dinh vệ nghĩ xử :

- Phủ, huyện bắt lính để thiếu, lính do ở dân, nhưng chọn cấp trước hết do tổng lý, về việc chọn cấp đã không công bằng, các phủ huyện địa phương không kiểm xét được, cho nên thế rồi lại trốn liền. Từ nay, 2 tháng quý về mùa đông, mùa hạ, nơi nào hễ bắt lính mà thiếu từ một thành trở lên, lý trưởng phải phạt 90 trượng, cai phó tổng phạt 80 trượng, cứ mỗi một thành gia lên một bậc, lý trưởng thiếu 2 thành, cai phó tổng thiếu 3 thành thì phải cách bãi. Lại mục thì tính số thiếu trong huyện, chuyên biện bát, cửu phẩm thì tính số thiếu cả tỉnh thiếu 1 thành trở lên đều phạt 70 trượng, cứ mỗi 1 thành lại gia 1 bậc, 4 thành trở lên thì cách bãi ; phủ, huyện, châu, thiếu 2 thành trở lên, phạt 60 trượng, cứ mỗi 1 thành gia 1 bậc, thiếu đến 6 thành thì cách lưu. Thông, kinh chiểu theo phủ, huyện xử phán thuộc tội nặng xét xử như nhau ; thượng ty các tỉnh, thiếu 2 thành trở lên, phạt 50 roi, cứ mỗi 1 thành gia 1 bậc, thiếu đến 7 thành thì cách lưu. Đến kỳ giải cấp, hễ làng nào nhiều đinh, có vật lực, lấy đủ giấy của hương hào cam cung điền cấp, nếu ức cấp người cô đơn nghèo hèn và thuê người thay thế, việc phát giác ra, trừ tổng lý gia đẳng trị tội không kể, còn phủ, huyện thiên tư che chở, chiểu lệ làm không đủ chức phận mà cách chức.

- Lính mộ trong một năm đủ hay thiếu, từ trước đến nay xét xử có chia ra mộ trước và không phải mộ trước, đã đến giáng cách, trong đó mỗi vệ, cơ số quân nhiều ít hoặc không đều, chỉ tính số đến thế mới bắt tội, thì tội chưa đến phải cách mà ngạch đã thêm thiếu. Từ nay, trong một năm quân trong thập trốn đi 2 tên bắt đầu chiểu luật nghĩ xử đội trưởng và cấp bằng đội trưởng mộ trước, đều phạt ngay 70 trượng, mỗi 1 tên gia 1 bậc, trốn đến 5 tên phải cách đuổi về, đội trưởng và cấp bằng đội trưởng không phải mộ trước, đều phạt 60 trượng, mỗi 1 tên gia 1 bậc, trốn đến 6 tên đuổi xuống làm quân. Quân trong đội mà thiếu đến 4 tên, thì suất đội mộ trước phải phạt 50 roi và phạt lương 9 tháng (dưới cũng thế), cứ 2 tên lại gia 1 bậc, thiếu đến 14 tên thì cách dời khỏi chức, suất đội không phải mộ trước phải phạt 40 roi, cứ mỗi 2 tên lại gia 1 bậc, thiếu đến 16 tên thì cách dời khỏi chức ; quản vệ, quản cơ thì chiểu hiện số, cứ 500 tên mà trốn đi 30 tên trở lên, phạt 50 roi, cứ 15 tên gia 1 bậc, trốn đến ngoài 100 tên thì cách dời khỏi chức ; 400 tên mà trốn đến 24 tên thì phạt 50 roi, cứ mỗi 12 tên gia 1 bậc, ngoài 84 tên thì cách dời khỏi chức ; 300 tên trốn đi 18 tên trở lên thì phạt 50 roi, cứ mỗi 9 tên gia 1 bậc, trốn đến ngoài 63 tên thì cách dời khỏi chức ; 200 tên trốn đi 12 tên thì phạt 50 roi, cứ mỗi 6 tên gia 1 bậc, trốn đến ngoài 42 tên thì cách dời khỏi chức. Còn số lẻ, cứ 12 tên trốn đi 1 tên, bắt đầu chiểu luật nghĩ xử, điển ty cùng chiểu lệ viên quản nghĩ xử, cứ 100 tên trốn đi 6 tên bắt đầu chiểu luật nghĩ xử phạt 50 roi cho chuộc, chiểu số gia đẳng đến cách dời khỏi chức ; thống chưởng chiểu hiện số, cứ 100 tên trốn đi 6 tên hợp tính lại bắt đầu xử phạt 40 roi, chiểu số gia đẳng đến cách dời khỏi chức.

Lại vệ, đội nào thiếu bao nhiêu, do các thống chưởng chọn người được việc tư cho bộ Binh hội đồng tâu xin phát bằng lĩnh mộ, còn suất đội, đội trưởng và cấp bằng đội trưởng mộ trước và không phải mộ trước, nếu mộ được đủ số thiếu, trong một năm hoặc đủ được nửa số, đến cuối năm hiện còn thiếu bao nhiêu (trừ được thăng bổ hay thải hoặc chết không kể) đều chiểu số nghĩ xử, bắt phải mộ điền vào, lại đủ 1 năm, số trước đã không mộ đủ, hiện tại lại trốn thiếu thêm, tính suốt cả số thiếu nghĩ xử một thể).

Vua chuẩn cho theo như nghị thi hành.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXII*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Kỷ Mão, năm Tự Đức thứ 32 [1879], mùa thu, tháng 7, đặt thêm quan văn ở đồn cửa biển Trà Lý, tỉnh Nam Định (đồn cửa biển ấy cách xa tỉnh thành, kẻ buôn gian lậu dễ ra vào, chuyên giao cho phó lãnh binh canh phòng khó khắp, cho nên đặt thêm (ngũ, lục phẩm) một viên thương biện. Phàm công việc canh giữ hiệp cùng với viên lãnh binh hết lòng bàn tính) là theo lời xin của quan Tổng đốc Nguyễn Trọng Hợp.

Dân tỉnh Bình Định đói. Chuẩn sai quan tỉnh ấy xuất gạo trong kho lập sở Dưỡng tế và sức các phủ, huyện mua gạo nấu cháo, nấu cơm để cấp nuôi. (Hai tháng trước gạo đắt, kiếm ăn khó, đã cho quan tỉnh trích lấy hơn 2.000 hộc thóc, hơn 30.000 quan tiền, cấp thuê dân nghèo làm công thay cho phát chẩn ; người già, ốm yếu, trẻ nhỏ, thì tuỳ tiện chia cấp. Đến đây gạo ăn của dân rất khó kiếm, lại chuẩn cho châm chước thi hành).

Cho xã Bồ Đề, tỉnh Quảng Ngãi tạm vay 350 quan tiền kẽm làm guồng tát nước cho kịp mùa làm ruộng (xã ấy có cửa kênh Đống Dương, làm guồng tát nước để lấy nước vào ruộng).

Hộ lý Tổng đốc Bắc Ninh, Thái Nguyên là Lê Hữu Tá dâng sớ xin chọn người thay. Vua bảo rằng : Hạt ngươi là trấn to, hiện nay giặc cướp ngoài biên chưa yên, quân nước Thanh đến hội họp để đánh dẹp, việc phòng giữ quan trọng cần cấp, lẽ ra phải hết sức làm việc, mới là không phụ sự uỷ nhiệm, lại cáo ốm xin nghỉ ư ? Không cho nghỉ.

Cho Phó vệ uý là Lê Thuận Lý thăng Vệ uý lĩnh chức Phó đề đốc ở Kinh thành. (Nguyễn Bách ốm nghỉ).

Kính khắc xong bộ *Thực lục Chính biên* của Hiến tổ Chương hoàng đế, các quan sử thần được ban yến, thưởng cho có thứ bậc khác nhau.

Hộ lý Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Phiên cho là các thổ huyện ở thượng du giặc người Xá quấy rối cướp bóc, xin liệu phái quân ở tỉnh để canh giữ, đánh dẹp. Vua y cho.

Nêu thưởng dân tuổi thọ ở tỉnh Phú Yên. (Trần Văn Ngoan 102 tuổi, Trịnh Hoài Mỹ 100 tuổi).

Định rõ lại lệ xử tội về làm thiếu hụt kho riêng ở các phủ, huyện. (Kho riêng các phủ, huyện làm thiếu hụt đi, thì tội các viên phủ, huyện kém chủ thủ 2 bậc ; bố chính kiêm trông nom không chu đáo (tuần phủ kiêm bố chính cũng thế) và quản đạo, thì xử kém phủ, huyện 1 bậc. Số tang ăn bớt là bao nhiêu, trừ số tịch biên gia sản để thu lại không kể, còn thiếu bao nhiêu, chia làm 10 thành, các viên phủ, huyện phải đền 2 thành, bố chính, quản đạo phải đền 1 thành ; còn 7 thành cứ bọn chủ thủ phải đền).

Bố chính Quảng Ngãi là Lâm Hoành dâng sớ tâu : Dân hạt ấy quẫn bách ngày càng quá, xin trích lấy tiền, gạo ở kho chẩn cấp cho dân. Vua chuẩn cho trích ra 10.000 quan tiền, 10.000 phương gạo, lần lượt chẩn cấp và giao cho các phủ, huyện, cấp thuê dân nghèo sửa đắp cầu đường, thay cho phát chẩn. Nhân đó vua Dụ rằng : Tình dân ở Quảng Ngãi rất là đáng thương. Việc phát chẩn để cứu, hết thảy cứ đợi báo, thì dân đã khốn khổ lắm. Nên thông sức cho các địa phương, nếu có việc mà giống như thế, đều chiểu lệ mà làm, để hết trách nhiệm chăn dân và hết sức bàn tính, làm thế nào cốt sống được nhiều người, để trên được đỡ lo, dưới được giúp sự khẩn cấp, mới xứng chức vụ. Nếu quá lắm, thì trẫm cũng không nỡ nghe đến, huống chi bọn ngươi mắt trông thấy mà trong lòng yên ư ? Có người nào không khéo làm việc, để hại đến con đỏ của ta, là không làm tròn chức vụ. Giao cho bộ Lại tra ngay Đốc học Quảng Ngãi là ai ? hoặc gần đấy có người nào chăm chỉ được việc, tạm sung chức thương biện, chia nhau đi chẩn cứu ngay, lục sức ngay cho các tỉnh biết cả.

Khoa thi Hương võ năm ấy, hạng dự trúng 4 kỳ 96 quyển ; còn trúng 3 kỳ được 24 quyển (trong số ấy có người có ưu bình), quan trường tâu xin lấy cả. Bộ sợ nghị quá rộng, nghị bác đi. Vua gia ơn chuẩn cho đem là hạng võ cử, cho thỏa lòng mong của học trò.

Cho Chưởng vệ lĩnh chức Lãnh binh ở Lạng Sơn là Nguyễn Như Cung đổi bổ lĩnh chức Đề đốc ở Thanh Hoá. (Nguyễn Văn Văn bị ốm khuyết).

Người nước Thanh ở Quảng Nam là Hà Văn Đẩu giết chết dân thường (tên là Quế), quan tỉnh ấy xử tội trảm giam hậu [tội phải chém còn giam lại đợi xét]. Vua bảo rằng : Giết người phải tội chết là hình phạt thông thường từ xưa, luật đời gần đây phần nhiều cho khoan giảm, đến như kẻ cố ý giết người, còn được giam đợi xét. Thế là đối với kẻ đại hung ác thì không nỡ, mà đối với dân lành bị oan khổ thì nhẫn tâm, không trách được có kẻ không sợ pháp luật mà khinh thường sự giết người. Bèn sai đem chém.

Chưởng ấn được khâm phái đi là Vũ Ích Khiêm dâng sớ tâu : Ở Quảng Nam, hộ lấy vàng thường nhiều, dân nộp thuế chính cung thường ít. Nay xin 10 tên trong hộ lấy vàng, chỉ liệu để lại 2 - 3 tên đi lấy, nộp bằng vàng thực, còn thì rút về số dân chính cung, điền vào hạng lính chọn tuyển. Lại như hạt ấy có nhiều thôn xóm nho nhỏ, hoặc không có ruộng đất công hay tư, người ký ngụ cư ở đấy, hoặc chỉ 3 - 5 mẫu, không lấy gì mà sinh sống được. Nay xin cho quan tỉnh ấy và Doanh điền sứ khuyên bảo dân được tuỳ tiện đến chỗ bỏ không ở mạn núi, mạn biển, mộ người khai hoang lập ấp. Lại như thuyền chuyển vận vào Nam ra Bắc, hằng năm lĩnh tải không được bao nhiêu, mấy năm nay bọn giặc biển làm ngăn trở, thường thấy sút kém. Xin khuyên mộ người khách phụ thuộc các tỉnh, người nào có vật lực căn cước, cho mộ người cầm lái thuyền và thuỷ thủ, sắm lấy súng ống, khí giới mà lĩnh tải. Nếu có giặc quấy rối, mà có thể bắn giết được, về thanh thỏa, thì liệu thưởng để khuyến khích. Vua nghe theo. Rồi sau cho là năm gần đây khí chất vàng kiệt gần hết, đã chuẩn cho thuế vàng được chiết nạp bằng tiền, nay cứ bắt nộp vàng thực, thành quá nặng. Về các hộ lấy vàng ở Hà Đông (hơn 3.300 người) cho rút hết về làm dân chính cung tất cả, bất tất phải liệu cho ở lại nữa.

Vua nghĩ dân tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi thường bị đói, xuống Dụ quở quan hai tỉnh ấy rằng : Thiên tai lưu hành, Nhà nước đời nào cũng có, duy có làm hết việc người, để phòng cứu giúp, mới là được việc, người làm quan ngày thường được sự cung phụng của dân, thì khi có việc phải lo sự của dân, há nên ngồi nhìn dân đói đến chết ư ? Tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi bị mất mùa, lương thực khó khăn, tình dân khốn khổ, nhiều lần cứu chữa, mới được hơi thư. Nay lúa ruộng chiêm lại thiệt hại nhiều, trẫm lo đến khi mùa thu, mùa đông tiếp giáp, có khi không đủ ăn, đã cho quan ở bộ nghĩ tải gạo để dự trữ và sức cho quan tỉnh ấy trù liệu nhiều cách. Thế mà bọn ấy coi là nói suông, hư ứng tất cả, ngoài việc lấy của công phát chẩn ra, không kế hay nào khác nữa, đến nỗi lương thực của dân lại tỏ ra quẫn bách. Như tập tâu của tỉnh Quảng Ngãi thì hiện nay đói khốn quá lắm, trẫm mở ra xem, rất lấy làm thương, tình hình tỉnh Quảng Nam, tưởng cũng không khác gì, chỉ vì quan địa phương sợ tội, giấu không tâu lên mà thôi. Quan lại như thế, còn có thể thờ vua,

có thể cai trị dân được chăng ? Quan hai tỉnh ấy đều phải giáng 2 cấp, các viên phủ, huyện đều phải giáng 1 cấp, để biết phải cố gắng.

Sung làm việc ở Nội các là Nguyễn Thuật dâng sớ tâu : Tỉnh Quảng Nam nhiều lần gặp hạn, lụt, mùa hạ năm nay lại mất mùa. Hiện nay, gạo hạt không khó mua lắm, nhưng tiền rất hiếm, trở nên quẫn bách. Xin chi tiền trong kho ra, chia cho các phủ, huyện vay, huyện lớn khoảng 30.000 quan, huyện vừa, huyện nhỏ khoảng 20.000 quan, do quan phủ, huyện lĩnh về chia giao cho quan về hưu, cử tú, bách hộ các tổng trong hạt, người nào ngay thẳng, vật lực, hội đồng với tổng lý kết nhận, chiểu theo các xã thôn nào rất quẫn bách, không cứ là dân nội tịch hay ngoại tịch và già hay trẻ, cấp cho vay để mưu sự sống ; khi nào hơi thư, do quan phủ, huyện đòi thu đem nộp. Lại như binh lính ở Kinh, theo lệ có chia ban, nay hiện tình tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi như thế, binh lính ấy về nhà, không thể mưu sống được, thành ra ốm yếu. Năm nay, xin hãy cho đình lưu lại ở ngũ, nếu có việc công nào, phái đi làm việc, tưởng cũng tiện cả cho công và tư. Việc ấy giao xuống bộ bàn. Vua y theo.

Khi ấy, đê điều các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định nhiều nơi vỡ, quan các tỉnh đều dâng sớ tâu tình hình hơn kém về nước sông. Vua Dụ rằng : Tính của nước là chảy xuống chỗ thấp, trị thuỷ phải thuận theo tính của nước, khơi ra thì thông, lấp lại thì vỡ. Cho nên, xưa vua Vũ khơi đi mà thành công, ông Cổn ngăn lại mà thất bại. Kế hay nhất về việc trị sông của Giả Nhượng, cũng chỉ nhường cho nước chảy, dời dân đi mà thôi, chứ không có kế lạ gì khác. Gần đây, các tỉnh đều giữ ý kiến về giới hạn, chỉ nghĩ tiện cho mình, không tính đến lợi hại của cả sông, rốt cuộc cũng nhọc tốn mà không được việc, năm ấy năm khác chỉ thêm hại cho dân, đều do lấy sức làm cưỡng, không yên theo tự nhiên, làm cho được vô sự. Năm nay nước lụt rút xuống nên ở thượng du, đê chỗ nào thực có thể giữ được nguồn sống của dân, thì hãy nén đắp lấp lại, còn thì không nên đắp cưỡng, các đê bối đều bãi bỏ tất cả, cho nước chảy đi. Lại sai dân tuỳ thời dự tránh đi trước, xem một vài năm dòng sông chảy thuận đi thế nào, sẽ làm kế hay, chớ khiến dân đã khốn khổ về nước, lại khốn khổ về đê, nuôi của sức của dân, để dùng về sau này. Đó là rất thỏa đáng, quan địa phương chớ giữ ý kiến riêng của mình mà làm cưỡng.

Toán giặc ở đất nước Thanh tràn sang quấy rối ở Thái Nguyên. Bố chính là Bùi Phác, Án sát là Đỗ Trọng Vĩ, Tham tán là Trương Quang Đản đều phải giáng cấp được lưu lại làm việc.

Trước đây, vua đi chơi trực tỉnh Bình Thuận, Thống chế tạm giữ Trung quân là Đinh Hội sung vào hành dinh, vì can tội bất kính (thuyền của Hội chợt gần với

thuyền vua ngự, Hội ngồi nghiêm chỉnh đằng sau thuyền, không có dáng cung kính), án xử phải cách chức. Thượng thư là Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường dâng sớ tâu : Đinh Hội xuất thân là cử võ, theo làm việc ở hàng ngũ khoảng 40 năm nay, cũng gọi là khó nhọc, năm nay đã 72 tuổi, phải cách về, không khác gì dân thường, tình cũng đáng thương.

Vua bảo rằng : Hội là cố ý phạm tội, hai thuyền rất sát gần nhau, há lại không biết, thế mà nghiễm nhiên ngồi cao, như không để vào trong mắt, lòng hắn thực không thể biết được. Trẫm giao đình thần xét nghị, thực đã cẩn thận về hình phạt, vốn không phải lấy sự nhầm nhỡ mà bắt tội. Bèn giao đình thần bàn nghĩ lại tội. Đình thần xin theo Chỉ trước, để tỏ rõ lễ phép của kẻ làm tôi, không trừng phạt không được : Cho giáng làm Phó vệ uý quân Cấm binh, do bộ xét bổ.

Hoãn ngạch lính cho các xã, thôn bị điêu háo ở tỉnh Phú Yên.

Định rõ lại lệ cấp dưỡng của quan viên văn, võ về hưu. (Từ nay, phàm văn từ cửu phẩm, võ từ thất phẩm trở lên, nhờ ơn được về hưu, tuổi từ 60 trở lên, xét ra có một mình và nghèo, không người cấp nuôi, thì các ấn quan văn, võ chiểu lệ trước, do quan địa phương xét tâu xin chờ ân cách ; còn các thuộc viên, văn tứ phẩm, võ tam phẩm, hằng tháng đều cấp 3 quan tiền, 1 phương gạo ; văn lục, thất phẩm, võ ngũ phẩm đều cấp 1 quan 5 tiền, 1 phương gạo ; văn bát, cửu phẩm, võ lục, thất phẩm, đều cấp 1 quan tiền, 1 phương gạo ; võ bát, cửu phẩm và lại dịch, làm thợ, làm việc được 15 năm trở lên, binh đinh từng theo việc bắt giặc, đều không can án trốn tránh, thì hằng tháng đều cấp cho 5 tiền, nửa phương gạo, đến hết đời thì thôi).

Lãnh sự người Pháp đóng ở Hà Nội dò la nghe nói Thống đốc là Hoàng Tá Viêm, Đề đốc là Phùng Tử Tài chuyển về Sơn Tây, Bắc Ninh, sinh ngờ, hỏi về việc ấy. Quan tỉnh ấy là Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Độ chuyển tư cho tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh xét và phúc tư cho biết, lại tư cho các tỉnh tiếp gần (gần Sơn Tây thì Hưng Hoá, gần Bắc Ninh thì Thái Nguyên, Lạng Sơn) biết : Phàm việc gì có quan hệ đến sự thể, thì dự tư cho tỉnh ấy trước để tỉnh ấy trình cho viên lãnh sự ấy biết, cho khỏi nghi ngờ. Việc ấy đến tai vua, vua quở rằng : Túc và Độ phàm việc gì cũng hoang mang, nhút nhát, các tỉnh ở gần đấy, phàm việc gì há không nghe biết, hắn có hỏi, thì lấy sự thực trả lời, còn những việc không quan hệ gì đến họ, sao có thể việc gì cũng tư báo hết thảy, rất không hợp, không phải.

Tháng 8, dân bị lụt ở Tuyên Quang, có nhiều người phải lưu tán, sai Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Vũ Trọng Bình phái vận tiền, gạo để chẩn cấp.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu về công việc tra bắt bọn giặc ở Hưng Hoá, Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn. Vua Dụ rằng : Bọn giặc còn sót lại ở Hưng Hoá, cũng phải một phen rất chú ý xếp đặt ; sào huyệt của giặc ở

Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, tuy đã đánh phá, nhưng các tên đầu sỏ của giặc là Lý Lục, Ông Đàm vẫn còn chậm bị giết ; bọn lũ của chúng vẫn còn khi hiện khi ẩn. Ngươi phải cùng với Đề đốc họ Phùng bàn tính công việc, cho chóng dẹp xong ngay.

Bố chính Thái Nguyên là Bùi Phác dâng sớ đem mẫu mực hình dáng súng Phục ba tướng quân (súng nước Thanh) dâng lên. Vua sắc rằng : Từ nay có hạng nào có quan hệ đến đồ dùng việc binh mà nước ta chưa có, thì quan ở quân thứ, quan tỉnh cũng theo như thế mà tâu lên thi hành.

Định rõ lại điều lệ thi Hương võ. Khi ấy quan Khoa đạo là bọn Nguyễn Xuân tâu rằng : Thi võ với thi văn không giống nhau, vào thi xong, được hay hỏng thế nào, mọi người đều tự biết cả, quan trường ghi chép phê hạng để tiện lấy đỗ mà thôi. Quyển thi đều là chữ của quan trường, rọc phách, gói kín dán phách vào, bọn lại phòng rất dễ đem tên người kia đổi làm tên người này. Để làm trôi mưu gian, xin bãi bỏ việc niêm phong, soạn số, cho đỡ phiền phức, mà ngăn được cái tệ của lại dịch. Lại như kỳ gọi tên vào phúc hạch, thải loại số nhiều, cùng với 3 kỳ trước không khác gì. Đôi khi có người tài nghệ hơi khá, mà sức hoặc không đủ, chưa khỏi có sự thuê người vào thay về kỳ thứ nhất, để cầu được đỗ. Kỳ ấy số học trò còn nhiều, quan trường cũng không thể xét chọn được tất cả, trong đó không khỏi không có người lạm trúng. Xin kỳ phúc hạch đem làm kỳ thứ tư, yết bảng vào thi, theo như lệ 3 kỳ trước mà làm. Việc lấy đỗ xong, ngày ra bảng, quan trường ra cửa trường đem số lấy đỗ là bao nhiêu, gọi tên vào phúc hạch, rồi đem quyển kỳ đệ nhất đối chiếu so dáng mặt, điểm chỉ đều hợp, lại chiểu trong quyển mang tạ đi được bao nhiêu trượng thước, làm lại một lần, như có hơi kém trên dưới 1 - 2 trượng, cho dự hạng đỗ. Nếu tên nào kém quá, đích là mượn người làm thay, thì giao quan địa phương tra rõ, chiểu luật nghị xử. Vua chuẩn cho theo nghị mà làm, bắt đầu từ trường Bình Định khoa này.

Sai viện Cơ mật và Thương bạc đại thần viết thư đưa cho chủ suý Pháp. Khi ấy, vì lời nói vu vơ của Mô-răng, đã tư cho chủ suý Pháp để trị tội, lâu chưa thấy trả lời ; lại vì các việc Lãnh sự Kê đóng ở Hà thành từng gửi thư cho chủ suý (bảo nước ta cấm bán gạo, người buôn rất oán, phải xử trí ngay thế nào, không thì không khỏi có trở ngại) và có nhật báo nói bậy không đúng (bảo nước ta không cho xuất khẩu thóc gạo, việc buôn bán không được phát đạt được, nước Pháp nhiều lần có lời bàn tán, nước Pháp làm thuyền chiến, làm 9 chiếc thuyền thuỷ lôi, đem đến nước ta), cho nên đưa thư để hỏi.

Quan ở viện Cơ mật và Thương bạc đại thần tâu rằng : Tổng đốc Hải Dương là Phạm Phú Thứ với Lãnh sự Pháp, tình không ưa nhau, đến nỗi có lời oán trách. (Bảo rằng gạo bán ra, đối với người buôn phương Tây thì nghiêm cấm, mà đối với

người buôn nước Thanh thì bỏ cấm ; ở cửa Ninh Hải thì nghiêm cấm, mà ở cửa Trà Lý thì cho riêng. Phàm có việc ấy đều do Tổng đốc tỉnh Đông làm ra). Xin nên chọn phái người khác để thay. Vua cho là lời nói một mặt, không chuẩn cho đổi ; nhưng mật Dụ nghiêm trách Phú Thứ, để đổi lỗi cố làm, cho yên lòng người buôn, dập tắt lời vu vơ, không thế thì khép vào tội khiêu khích sinh ra biến mà xử trị.

Thọ Xuân vương kiêm quyền chức Tả tôn chính phủ Tôn nhân là Miên Định tâu rằng : Việc trong phủ quan trọng, chức tả, hữu tôn khanh xin đều dùng quan văn, lấy người ngoài sung vào, để giúp sự xét làm. Bèn cho Hữu thị lang bộ Lễ là Phạm Bính kiêm quyền chức Hữu tôn khanh, Tả thị lang bộ Binh là Tôn Thất Tràng đổi quyền chức Tả tôn khanh.

Chuẩn định từ nay phàm khoa đạo có khuyết, ở trong thì viên ngoại, chủ sự các bộ, ngũ lục phẩm ở quán các ; ở ngoài thì đốc học, người nào từng đã cai trị dân và quan phủ, huyện tại chức được trên 2 năm, xuất thân là tiến sĩ, phó bảng, cử nhân, giám sinh, tú tài, do bộ Lại kê cứu công việc và xét hỏi thêm, trừ người nào có vết tích kém và tầm thường già yếu ra không kể, còn người nào làm quan có tiếng hay, chăm chỉ được việc và thông hiểu chính thể, hơi có kiến thức, thì làm danh sách tâu lên để chọn dùng. Người ấy sau này có phát ra vết tích kém, nghĩ xử bộ Lại về tội kê cứu không đầy đủ.

Nước sông Lô, sông Thao, sông Đà thuộc Sơn Tây dâng to, đê bối tràn vỡ (Dân xã các phủ, huyện Quảng Oai, Bất Bạt, Yên Lãng, Lâm Thao, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Sơn Dương, Lập Thạch, Phù Ninh ở ven sông, nhà cửa trôi đổ, đều cho cứu giúp).

Quan 2 tỉnh Tuyên Quang, Cao Bằng vì tra bắt bọn giặc trốn không được việc, đều phải cách chức lưu lại làm việc.

Khi ấy, phái viên người Pháp cho là đoàn quân của Lưu Vĩnh Phúc đóng giữ ở Bảo Thắng, hại cho người đi buôn, xin bãi các tuần ty. Các quan tỉnh, quan ở quân thứ Bắc Kỳ cũng tâu bàn về công việc tuần ty và xử trí với đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc. Tuần phủ Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ xin bãi tuần ty 13 tỉnh, chuyên do sở Thương chính thu thuế ; Tổng đốc Hải Dương là Phạm Phú Thứ xin mỗi tỉnh đều đặt quan thu thuế, lại nghiêm cấm đoàn quân Vĩnh Phúc đi tống tiền nhà giàu, do quan Thống đốc nghĩ dời đến nơi khác, cấp phí tổn cho khai mỏ ở Bảo Hà, Bảo Thắng, Hà Dương. Nói với Pháp phái lính Tây đến đóng, để đường buôn bán được nghiêm. Cửa Trà Lý ở Nam Định thì đặt đồn lớn, phái nhiều quan quân làm việc thu thuế. Tuần phủ Hưng Hoá là Nguyễn Huy Kỷ nói triệt bỏ tuần ty, thì đoàn quân của Lưu Vĩnh Phúc không khỏi thất vọng. Quan ở quân thứ là Hoàng Tá Viêm tâu xin đổi bổ Vĩnh Phúc làm Đề đốc Cao - Lạng, dời đến đóng ở biên trấn ấy, nhưng lấy đất

sở tại Ngân Sơn thuộc tỉnh Cao Bằng cho làm đất được ăn lộc, lại cấp vốn cho sự sống để giành để dùng làm việc). Việc ấy giao xuống đình thần xét bàn, rồi nghị dâng lên. (Đặt ra tuần ty, phương Nam, phương Bắc có cả, điển lệ nước ta ban hành đã lâu, không can gì đến hiệp ước buôn bán, họ không nói thế nào để chia lợi được, cho nên mượn cớ là người đi buôn ở Bảo Thắng kêu khổ, tìm mối yêu cầu ta bãi đi, để thỏa cái ý lúc mới đến xin bỏ tuần ty. Lưu Vĩnh Phúc tuy chưa thuần thục hẳn, nhưng từ khi chịu ta vỗ yên đến giờ, hết sức lập công, đều vì thân mình không nghĩ gì về sau. Hắn đóng ở thượng du, người khác vướng mắc, ta khéo vỗ về, có thể giúp sức được 1 cánh tay, hắn đang lúc tiến thoái cùng đường, chưa dám làm bậy. Nay các tỉnh dâng sớ tâu, hoặc đem chức giữ của mình mà nói thiên một mặt (như Tổng đốc Hải Dương, Tuần phủ Hà Nội) hoặc khó giải quyết mà hư ứng (như Tuần phủ Hưng Hoá) hoặc theo lời của tay buôn lão luyện mưu lợi (như Nguyễn Hữu Độ) tưởng đều là chưa định được toàn cục. Duy có viên Thống đốc xin cho đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc dời đóng chỗ khác giành đất để dùng sau này, tuy đối với khoản tuần ty nên để hay bỏ, chưa có bàn nghĩ đến, nhưng về việc xử trí cho đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc, hơi có đầu mối. Xin do quan viên Thống đốc lấy tình mà hiểu bảo Vĩnh Phúc, nếu muốn đến Ngân Sơn khai mỏ mưu sự sống, thì theo lời xin nghĩ ấy, lấy đất phong cho và cấp vốn cho để kịp thời bắt đầu làm. Nếu hoặc chưa tiện, thì ở Bảo Thắng, Bảo Hà do quan phái người ngồi thu, mà cho một vài người ở đoàn ấy theo làm việc (như thuê người tài phú), để tỏ là ta không thiên tư. Mỗi tháng thu được bao nhiêu, hoặc nên châm chước chia cho hắn, nhận cấp cho bọn lũ, bắt phải giải tán, vừa để yên lòng đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc, vừa để cho lãnh sự người Tây khỏi nói đến. Đợi khi nào giặc ngoài biên yên ổn, có nên xếp đặt cách khác thế nào, sẽ tuỳ tiện bàn định mà làm, còn tuần ty các tỉnh xin hãy theo như cũ, không nên bãi bỏ, cố giữ phép thường của nước mình, để tiêu tán lòng nhòm ngó của người ngoài. Vua bảo rằng : Lời bàn đều chính đáng, nhưng chưa được chu đáo lắm, cho chép ra tất cả, giao cho Tá Viêm mật xét, nghĩ cho toàn cục được chu đáo ổn thỏa. Rồi sau Tá Viêm tâu : Theo lời bàn định của đình thần, xin cho tuần ty vẫn theo như cũ thu thuế, nhưng các sở thì phái quan ngồi thu. Duy ở Bảo Hà, Bảo Thắng vẫn cho đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc lĩnh trưng. Đình thần lại cho là phái quan không tiện, xin cho lĩnh trưng ; còn như Bảo Thắng tiếp giáp địa giới tỉnh Vân Nam, viên Thống đốc ở cõi biên đã lâu, tình thế đã biết rõ, do viên Thống đốc thân đến khám xét, hoặc nên chọn phái người địa phương ấy, hoặc phái quan quân đóng luôn làm việc thu thuế, do viên Thống đốc ấy tính liệu, phúc tâu lại cho được tường tất. Vua cho là phải.

Nêu thưởng dân sống lâu trăm tuổi ở tỉnh Quảng Nam (Phạm Văn Hân).

Lập vệ Võ sinh ở Kinh kỳ. (Đem võ sinh thi trúng kỳ thứ nhất, kỳ thứ hai, kỳ thứ ba từ Quảng Bình trở vào Nam dồn thành 1 vệ 10 đội, đặt 2 quản vệ, 10 suất đội, 1 điển ty, cấp cho lương hậu để luyện tập).

Sai các quan địa phương khuyên dân khai phá ruộng hoang. Vua Dụ rằng : Nguồn sống của dân cốt phải chăm chỉ, chăm chỉ thì không thiếu thốn, làm ruộng chăm gặt, rồi cũng có thu hoạch. Vả lại, trời sinh ra mùa, đất sinh ra của, vua lấy đạo chính mà dùng, là lời dạy từ xưa. Nay do các tỉnh, phủ, châu, huyện thời thường đi tuần, xem xét ruộng cao, ruộng thấp, tuỳ chỗ đất thích hợp, dạy cho trồng trọt ; nhân lúc thời tiết được tốt, giục cho cày ruộng, làm cỏ, phàm chỗ nào bỏ hoang có thể khai khẩn được, nơi xa hẻo lánh nào có thể vỡ được, thì gia tâm khuyên bảo ; có người nào không vốn, thì các người giàu trong làng giúp cho ; cốt cày phá được hết, không bỏ sót lợi thừa. Hạn từ năm nay đến cuối sang năm, các tỉnh, phủ, huyện, châu tư về bộ, sẽ tuỳ theo số ruộng khai khẩn thêm, có hay không, nhiều hay ít, phân lượt ra mà định thưởng phạt, để cho hết đạo khuyên giúp dân. Trong làng người nào vốn là chăm chỉ làm ruộng, trong nhà không được đầy đủ, lại có thể tư cấp cho thân thuộc, xóm làng, nên chọn ra để nêu thưởng, hoặc miễn ra binh, tạp dịch cho con cháu để khuyến khích.

Tỉnh Hải Dương 5 phủ, huyện (Bình Giang, Đường Hào, Vĩnh Lại, Vĩnh Bảo, Thanh Lâm) bị bão lụt, lúa ngoài đồng bị ngập.

Tha thuế về năm ngoái và năm trước nữa cho các xã, phố ở Lạng Sơn, vì có giặc quấy nhiễu phải bỏ thiếu lại, hoặc tha cả bạc tiền thuế thân phải nộp về năm nay.

Huyện Phù Ninh, phủ Đoan Hùng, tỉnh Sơn Tây bị mưa lụt, lúa ngoài đồng bị ngập mất.

Sai 5 tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Nam Định, Thái Nguyên phái bắt binh dân giải vận gạo lương đến Bắc Kạn, để kịp dùng cho việc quân.

Truy tặng thổ mục Nguyễn Đình Đài (người tỉnh Thái Nguyên) hàm Chánh ngũ phẩm Cai đội, cho con được tập ấm. (Đình Đài nhiều lần theo quân quan đi bắt giặc, có công khó nhọc, sau bị giặc giết chết).

Tham tri lĩnh Thượng thư bộ Lại phải cách, được lưu làm việc là Nguyễn Tăng Doãn chết (đỗ Cử nhân, người tỉnh Quảng Trị). Vua bảo rằng : Nguyễn Tăng Doãn đã sa ngã lại dậy, trẫm đã đặc cách cất dùng, để cho cảm kích hăng hái, nghĩ đến sự báo đền, từng phái đi xa vượt mấy lần biển khơi, tuy rằng không tài cán gì, cũng gọi là có khó nhọc. Chuẩn cho truy thụ hàm Thượng thư, gia ơn cho 300 quan tiền, sai quan đến tế 1 tuần.

Bọn ác Man ở Quảng Nam xuống đánh cướp đồn Phú Thịnh, Sơn phòng sứ là Phan Bính, Lãnh binh là Hoàng Văn Phố đều phải giáng được lưu lại làm việc.

Tỉnh Quảng Nam mưa to bị lụt, 4 huyện Hòa Vinh, Diên Phúc, Duy Xuyên, Quế Sơn, nhà cửa bị ngập nát, nhân dân chết đuối, (ngập 1.503 nóc nhà, chết 122 người, vừa đàn ông vừa đàn bà), sai quan tỉnh chia đi, phái người được việc, hội đồng với quan phủ, huyện cứu giúp ngay.

Thưởng cho Tú tài ở Quảng Nam là Trương Hoài Đĩnh hàm Tòng thất phẩm văn giai. (Trước đấy, dân tỉnh Quảng Nam bị đói, Đĩnh xuất ra hơn 2.600 quan tiền, cấp nuôi 1.055 người, vừa đàn ông vừa đàn bà, trong hơn 5 tháng, người nào chết, lại mua quan tài và chiếu liệm chôn cho).

Quan nhà Thanh thống lĩnh toàn quân hùng võ là Mã Vân Tiên đem 4 dinh trung, hậu, tả, hữu chia đường về nước. (Quản đới Tiền dinh là Lưu Tích Phồn còn ở lại đóng ở địa phận tổng Thượng Quan, Hạ Quan giáp Cao Bằng, Thái Nguyên, hợp với các dinh Tương vũ, bắt dẹp bọn giặc trốn).

Bọn giặc Man ở Quảng Ngãi xuống làng Vò giết chết quan quân và dân buôn. (Quyền quản là Nguyễn Văn Y, Đào Văn Hứa, Đội trưởng là Nguyễn Văn Thuế, Thư lại là Trần Đức Tú, binh là Nguyễn Văn Chử, dân buôn 23 người vừa đàn ông, vừa đàn bà). Quan ở quân thứ Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Ngoạn, quyền Phó lãnh binh là Trần Văn Lưỡng, vì không biết nghiêm đốc đánh dẹp, đều phải giáng 3 cấp, được lưu lại làm việc. Chuẩn cho bắt thêm 1.000 quân chia đi dẹp ngay.

Vua nghĩ các tỉnh trong Nam, ngoài Bắc, nhiều lần gặp phải nước lụt mất mùa, cứu chữa chưa thấm thía gì. Nhân thế Dụ rằng : Các hạt Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình liền tâu báo tai biến mất mùa ; 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi lại rất đáng thương. Kể ra, tai biến không phải sinh ra không đâu, vì chính sự mà điềm ra. Trẫm ngày thường đối với chính lệnh thưởng phạt, chỉ sợ một khi có thiên lệch, hoặc phạm đến khí hòa âm dương, lo sự đau khổ của dân hơn là đau khổ của mình, phòng sự đói của dân trước sự đói của mình. Mỗi khi có tai biến của dân tâu lên, sau khi mở xem, lòng rất thương xót. Không biết quan lại làm việc, có thể theo ý của trẫm không ? Thế mà hoặc chức việc không chăm, chỉ chăm lấy của lót, dân có sự đau khổ, không thương xót ngay, việc hình án có oan đọng, không biết xét xử cho xong, việc làm không tốt, đến nỗi phạm hòa khí như thế, đáng nên biếm truất, để răn người không làm tròn chức phận mà yên lòng dân. Nhưng trẫm lấy khoan nhân đối đãi, mong sự báo hiệu sau này. Đều nên thể theo lòng trẫm để làm lòng mình, coi việc công như việc nhà, để đem lại khí hòa của trời mà cứu sống bệnh dân. Lại châm chước tuỳ theo thiệt hại nhẹ nặng, hoặc chẩn cấp hoặc miễn giảm, gia tâm cứu chữa, để lòng trẫm chóng được thảnh thơi.

Khi ấy Đề đốc họ Phùng cho là tên Lý Dương Tài trốn về là do quan quân nước ta bao dung, giấu giếm để làm cớ nói. Vua Dụ cho quan quân các quân thứ các tỉnh

rằng : Giặc họ Lý vượt địa giới sang quấy rối, làm mối lo cho biên giới ta, quan dân nước ta khổ vì đánh dẹp, nhọc về kéo xe tải lương, không ai là không nghĩ lấy thịt nó để ăn, lột da nó để nằm, há có lòng nào bao dung, giấu giếm. Đề đốc họ Phùng lại không xét thấy tình, thiên nghe người nói, nói ra lời như thế, kẻ thần tử nghe lời nói ấy, tự hỏi trong lòng có yên không ? Vả lại, từ sau khi Giả Nham đã phá, nhiều lần đã nghiêm sức lùng bắt, chóng tâu công to. Thế mà dằng dai lâu ngày, khiến cho kẻ hơi tàn được còn sống tạm, lại rước lấy lời gièm chê như thế, thì lỗi đó đổ cho ai ? Các ngươi là quan tỉnh, quan ở quân thứ, người coi một phương diện, người giữ việc cầm quân, thì trách nhiệm giao phó ở đâu ? Bọn quan dân các ngươi được lâu ngày làm ăn yên ở, thì đạo tôn vua, thân người trên ở đâu ? Sao không hết sức tự lo toan, giết tên đầu sỏ bọn giặc ấy, để yên mối lo ngoài biên, nếu lại dùng dằng sợ khó, để cho kẻ phạm nghịch ấy còn ẩn ở trong cõi, bị họ chỉ trích, thì khó chối được tội ấy.

Sai Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Vũ Trọng Bình đến Thái Nguyên thương thuyết việc quân. Khi ấy giặc họ Lý trốn ở Giả Nham, Đề đốc họ Phùng điều động quân các đạo đến nơi ấy tìm nã. Vua cho là tên giặc ấy chỉ còn chút hơi tàn, mà thời tiết gặp lúc mưa lụt, quân nước Thanh họp lại nhiều, sợ khuân vác tải lương không đủ. Trọng Bình đã từng cùng làm việc với Đề đốc ấy, tình ý hợp nhau. Bàn cho đến thương thuyết, liệu giảm số quân phái đến Giả Nham, cho thư việc đài tải chuyển vận. Lại cho là từ khi cõi Bắc có việc, phu dịch và lương thực đều do Bắc Ninh phải cấp, dân tỉnh ấy khốn khổ vô cùng. Sai đi thương thuyết xong rồi về ngay tỉnh Bắc, tính cách cứu giúp, cốt cho đời sống của dân được tươi tỉnh, đồ dùng việc quân không thiếu, đợi khi yên ổn, rồi về lỵ sở. Là vì cớ thấy Trọng Bình vốn có tiếng là người tuần lương [giữ pháp luật lại có chính sự lương thiện].

Tháng 9, Chánh sứ nha Sơn phòng tỉnh Sơn Tây là Tôn Thất Luận, Phó sứ là Quách Đình Chính vì mộ dân khai khẩn không thành hiệu, đều phải giáng 3 cấp, điều đi nơi khác.

Trước đây, 2 đoàn quân của Đàm Chí Thành, Hoàng Ngọc Liên đến Tuyên Quang xin quy thuận. Viên Tuần phủ trước là Mai Quý tâu lên, chuẩn cho cấp lương ăn, giúp vốn, chọn đất ghép cho ở yên một nơi, (việc này vào năm thứ 29). Sau bọn ấy gây hiềm khích đánh nhau, viên Tuần phủ là Hoàng Tướng Hiệp tâu xin đem quân đến kinh lý. Đã chuẩn cho viên Thống đốc là Hoàng Tá Viêm cùng với Tướng Hiệp phải bàn tính cho thỏa đáng mà làm. Rồi thì Tướng Hiệp lại tâu : Thượng du hạt ấy hiện đã không có việc gì, nên thôi việc phái quân đến nữa, để khỏi bọn chúng nghi ngờ. Đến đây Chí Thành, Ngọc Liên lại đánh nhau, chia nhau quấy rối các miền thượng du tỉnh Tuyên. Vua cho là nhiều lần quan ở ngoài biên giới

không khéo làm việc, giáng Hoàng Tướng Hiệp làm Thái bộc Tự khanh vẫn lĩnh chức Tuần phủ, chua dưới là cách lưu ; Hoàng Tá Viêm phải cách chức được lưu lại ; Mai Quý truy giáng xuống làm Án sát.

Cho quyền Hữu tham tri bộ Hình là Nguyễn Văn Thận đổi bổ quyền Hữu tham tri bộ Công.

Tri huyện Quỳnh Côi là Đặng Toản vì ốm sinh lười, bị quan tỉnh tham hặc phải cách chức. Toản khiếu nại ở bộ Hình, quan ở bộ tâu rằng : Toản có công lấy lại được huyện lỵ, dẫn giặc trốn ra thú, (tháng 11, năm Tự Đức thứ 26, tỉnh thành có việc, bọn giặc cướp lấy huyện lỵ, Toản liền đoàn kết các thân hào, tổng lý lấy lại được huyện, lại giải nộp 15 tên giặc ra thú), đủ để bù được lỗi, xin đổi làm cách lưu. Vua y cho.

Tha 5 phần 10 thuế quan về tháng 6, tháng 7 cho tỉnh Bắc Ninh (vì cớ giặc quấy rối, người đi buôn có ít).

Sứ thần nước Y Pha Nho (Đôn-man Cô-ra-đô-ni) đến, cho Thượng thư bộ Lễ là Đỗ Đệ, Hữu tham tri bộ Lại là Hoàng Diệu sung làm Chánh, Phó sứ toàn quyền đại thần hội bàn hiệp ước buôn bán.

Cấp ruộng thờ tự cho Trung quân là Nguyễn Văn Thành, Tả quân là Lê Văn Duyệt đã chết.

Tỉnh Quảng Bình bị gió bão mưa to, nhà cửa đổ nát, thuyền bè đắm vỡ, dân chết đuối nhiều. Chuẩn cho theo lệ chẩn cấp tiền tuất.

Quan quân ta cùng với biền binh ở dinh quân nước Thanh bắt sống được tên đầu sỏ của giặc là Lý Dương Tài ở núi Hậu Sơn xứ Giả Nham (thuộc Thái Nguyên), áp giải đưa về nước Thanh.

Trước đây, ở Quảng Nam, Cử nhân là Nguyễn Phả, Tú tài là Nguyễn Vĩ Khiêm, Lê Viện, vì không có thực học, bị viên Khâm sai là Hoàng Diệu tham hặc. Sai bộ Hình tra xét, quả thực thế, đều phải tội sung làm quân, quan trường các khoa thi ấy và học quan đều phải giáng phạt có thứ bậc khác nhau.

Hai phủ huyện Yên Bình, Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang bị tai nạn sâu cắn lúa, (sau khi lụt sinh rất nhiều loài sâu đen, cắn lúa mạ, ăn tràn cả cỏ cây hoa quả). Quan tỉnh ấy tâu xin cúng tiễn để trừ. Vua bảo rằng : Đó là quan lại không tốt, không liêm, mới đến nỗi thế, phải tự xét mình cố sức làm việc để tiêu tan hết tai biến, không phải là hư văn lễ tiễn có thể trừ được.

Sai quan tỉnh, quan quân thứ tính nghĩ công việc sửa sang ven biên giới. Vua Dụ rằng : Các tỉnh ven biên giới Bắc Kỳ, địa thế dài xa, lại giáp liền với địa giới nhà Thanh, nếu không một phen sửa sang ra việc, thì mối lo ở ngoài biên sẽ không

bao giờ xong được. Tức như các nơi Giả Nham ở Thái Nguyên, An Hà ở Tuyên Quang, Thập Châu ở Hưng Hoá há nên bỏ cả là sào huyệt những kẻ trốn tránh ư ? Nếu bảo là khí độc rất nặng, không thể ở được, thì tỉnh thành Cao Bằng, Lạng Sơn cũng là nơi khí độc ngày xưa, mà nay sao lại dân cư đông đúc, đất cát mở mang như thế ư ? Gần đây các quan ở ven ngoài biên theo thói cũ cẩu thả, phòng giữ đơn hư, giặc trốn chiếm cứ quấy rối, nhân dân xiêu tán, xưa là khu chủ yếu, nay thành đất bỏ không, rất là đáng tiếc. Nếu được người để trị yên chống giữ, thì kẻ gian nhũng không sinh, người đi buôn, đi đường ngày càng đến đông, thì người ở khói lửa đông đúc, khí độc tự khắc tan hết, lo gì lâu năm không trừ được, dân xiêu tán không trở về ư ? Nay giao cho thống đốc, tham đốc, đề đốc, tham tán ở quân thứ và tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng đều phải bàn định thỏa đáng, chỗ nào xung yếu nên đóng nhiều binh, chỗ nào bỏ hoang nên cho khai phá, thổ binh có thể đoàn kết, huấn luyện được thì đoàn kết, huấn luyện, dân địa phương có thể liên lạc được thì liên lạc ; hoặc nên đặt thêm tỉnh, phủ, huyện, châu, công việc phải làm thế nào, cốt không để sót kế sách gì.

Đề đốc ở quân thứ Tuyên Quang là Trần Mân đánh phá bọn giặc trốn (bọn Đàm Ông) ở núi Hương Mang (chém được 32 tên, bắt được 9 tên). Chuẩn cho theo lệ ban thưởng.

Gia thưởng cho Nguyễn Thọ Khải (người tỉnh Thanh Hoá, trước đây quyên tiền được thưởng Chánh tứ phẩm) hàm Thái bộc Tự khanh (Thọ Khải quyên thêm 2.000 quan tiền, giúp về việc phát chẩn cho nên được gia thưởng).

Miễn giảm thuế thân năm nay và thuế để thiếu năm trước cho miền hạ du tỉnh Bắc Ninh. (Vì cớ có giặc, bị lụt, hạng thiệt hại quá lắm được miễn 7 thành, hạng vừa được miễn 5 thành, hạng vừa nữa được miễn 3 thành).

Kho thuốc súng tỉnh Thanh Hoá bị hỏa tai. (Cháy mất của kho công, quan tỉnh thần đều phải giáng, Đội trưởng là Trần Duy Giác phải phạt trượng (80 trượng), tội đồ (2 năm).

Xét hình án về mùa thu năm ấy, các hạng tù tất cả là 111 tội phạm ; phải chém 3 tên, còn thì giam lại chờ xét, hoãn chém ngay có thứ bậc khác nhau. (Tội phải chém được giam lại đợi xét 52 tên ; tội phải chém đem bêu đầu, tạm cho hoãn 1 tên, tội phải chém ngay nhưng được hoãn lại 1 tên, tội phải thắt cổ giam lại đợi xét 53 tên, tội phải thắt cổ ngay, nhưng được hoãn lại 1 tên).

Mùa đông, tháng 10, phái 2 vệ quân Vũ lâm, Long võ (514 người) đến Hà Nội. Vua cho tỉnh Hà Nội là nơi trọng yếu, phải đối phó bốn bề, binh ở Kinh phái ra đóng trước, đã điều động đến đồn Thục Luyện, hạt Hưng Hoá, dọc theo ngoài biên,

đòi gọi còn phiền, nên phái binh ở Kinh đến trấn áp, để đợi điều khiển, cho nên mới phái đi.

Khi ấy, bọn lũ của tên giặc trốn là Đàm Ông lẻn xuống đường sông Lô, sông Gâm (thuộc tỉnh Tuyên Quang) ngăn trở quấy rối đường tải lương. Bèn chuẩn cho 6 tỉnh (Sơn Tây, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương) thuê ngay 12 chiếc thuyền có mui (mỗi tỉnh 2 chiếc) giải giao cho tỉnh Tuyên Quang để sung việc tải lương.

Đặt đồn Cối Sơn, tỉnh Quảng Yên (ở chỗ tiếp giáp xã Đại Lai, tổng Hà Môn). Trước đây quan Khoa đạo được phái đi là Trần Đình Liêm tâu nói : Dân xiêu tán ở đất nước Thanh, nhiều lần làm hại ở ngoài biên. Hiện nay cuộc vỗ yên đã xong, mà bọn du đãng chưa thể đuổi hết, nhân lúc sơ hở trộm cướp, rủ nhau theo từng bọn ở hạt Hải Ninh, dân địa phương ấy không khỏi sẽ phải xiêu tán. Xin làm một đồn to ở xã Hà Cối, đắp lũy đặt súng, chọn phái đại viên đóng 300 - 400 quân để đàn áp. Chọn ra trong bọn du đãng người nào muốn làm ruộng, thì cấp cho trâu cày, người nào muốn đi buôn thì cấp cho vốn liếng, người nào không muốn cả hai việc ấy thì cấp lộ phí cho về.

Vua bảo rằng : Việc đó nên hay không, phải đến tận nơi mới biết, chuẩn cho quan 2 tỉnh Hải Dương, Quảng Yên khám thực, trù liệu tâu lên. Đến đây quan 2 tỉnh ấy tâu lại, theo như lời bàn nghị của Đình Liêm. Bèn chuẩn cho đặt. (Cho Lãnh binh là Tạ Hiện sung chức đóng giữ đồn ấy, Tri phủ Hải Ninh là Bùi Tiến Tiêu thăng hàm Thị độc sung làm Tuyên phủ sứ, làm công việc đóng đồn vỗ yên).

Miễn giảm thuế ruộng tô cho các địa phương bị tai hại về mùa thu.

Trợ cấp cho thuyền bị nạn bão của nước Xích Mao (giạt vào phận biển tỉnh Quảng Ngãi).

Định rõ lại lệ chọn bổ võ sinh. (Võ sinh hiện đã dồn thành đội, vệ, do các thống chưởng gặp khi có khuyết thập trưởng, ngũ trưởng, thì chọn người nào làm việc được 3 - 4 năm trở lên, là người chăm chỉ được việc, đã từng đi bắt giặc, được đem bổ trước ; không có người nào về hạng ấy, thì cho đem người làm việc lâu năm mà am luyện mà sung bổ ; nếu mới điền vào được 2 năm, chưa từng đi bắt giặc, dù thi trúng kỳ thứ nhất, thứ hai, thứ ba cũng không được viện bổ).

Hồng lô Tự khanh sung quản lý Thương cục tỉnh Bình Thuận là Nguyễn Chính Tâm, quan Khoa đạo là Tạ Ngọc Đường có tội, đều phải phạt trượng hết bậc đem đi đồ. Trước đây, Chính Tâm vì làm việc ở Thương cục, có nhiều sự nhũng tệ, bị quan tỉnh ấy tham hặc tâu lên. Vua sai Ngọc Đường tra xét, án nghĩ của Ngọc Đường, nhiều lời bênh vực Chính Tâm ; quan tỉnh ấy không cho là công bằng, lại đem cả Ngọc Đường hặc tâu. (Lại trích ra Ngọc Đường hút vụng thuốc phiện). Bèn cho

Tả thị lang bộ Lại là Hoàng Hữu Xứng sung làm Khâm sai đi tra xét lại. Chính Tâm, Ngọc Đường lại trích ra nhiều khoản của quan tỉnh, cũng cho xét cả. Đến đây án nghĩ xong, Ngọc Đường quả có nhận của đút lót của Chính Tâm, Chính Tâm bán muối lấy lợi ; (2 người này tính số tang đến ngoài 40 lạng) ; lại các việc trích ra đều là nói vu, bịa đặt ra, nên đều phải tội cả. (Ngọc Đường lại vì hút thuốc phiện phải tịch biên gia sản). Hữu Xứng vì tra ra sự thực án ấy và các án xét đều thấy đúng hẹn, được thưởng gia 1 cấp, kỷ lục 6 thứ.

Quan ở quân thứ Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Ngoạn phái quân tiến đánh giặc man Nước Năng, thắng trận. (Bắn chết 14 tên, thu dân Kinh về được 25 người, cả đàn ông, đàn bà) được thưởng kỷ lục và tiền lương bổng có thứ bậc khác nhau.

Thống đốc là Hoàng Tá Viêm dâng sớ tâu xin thương lượng phái đề đốc, tham tán mang theo binh dõng đã đoàn kết luyện tập, chia đường tiến đánh giặc trốn. Vua Dụ rằng : Phép đem quân đi đánh giặc, cố nhiên phải vừa đánh dẹp vừa vỗ về, duy bọn chúng đều là vật khó dạy cho quen thuần, 2 đoàn quân Văn Diệp, đều đã vỗ yên, ghép chỗ cho ở, không khỏi lại phải đánh dẹp, vết xe trước nên coi chừng. Lần này, các giặc khách tuy không thể giết hết được, cũng nên thi hành nghiêm ngặt, giao hết cho quản thúc ; bắt phải về nước, chớ có lại lầm lỡ để lo về sau.

Định rõ lại kỳ hạn thanh tra. (Tháng 2, năm Tự Đức thứ 31, chuẩn định các viện Thượng trà, Vũ bị, vệ Loan giá, viện Thượng tứ, 5 năm một lần khám xét, đều hạn 2 tháng ; các ty Lý thiện, Thượng thiện, xứ Thị vệ, kho thuốc súng, 5 năm một lần khám xét, (dưới cũng thế) đều hạn 3 tháng ; các tỉnh Quảng Trị, Phú Yên, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Yên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, đều hạn 4 tháng ; các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Ninh Bình, Hưng Yên, đều hạn 5 tháng ; các tỉnh Nghệ An, Bình Định, Thanh Hoá, Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định và phủ Nội vụ, Vũ khố, Thương trường đều hạn 6 tháng. Gần đây, phái viên thường xin gia thêm hạn. Đến đây, chuẩn định từ nay phàm viện nào được phái đi thanh tra, đều phải theo đúng hạn, như có việc nào thực khó kê cứu, trong tập tâu chỉ rõ việc ấy ra, liệu lượng cho gia hạn, hoặc 15 ngày, hoặc 20 ngày, đến 1 tháng thôi. Nếu hết hạn không xong, từ đồng lý trở xuống, phải phạt 50 roi, chiểu theo hạn trước gia thêm mỗi tháng 5 ngày. Lại không xong, phải phạt 60 trượng nhưng cho lại gia một hạn. Nếu lại không xong, thì các người theo làm việc phải giáng 2 cấp, đổi đi nơi khác, viên đồng lý phải giáng 1 cấp đổi đi nơi khác. Trong đó, dẫu quá hạn nhưng có lòng kê cứu tìm ra được sự gian tệ xác thực, thì công, lỗi trừ vào nhau. Nếu việc quan ngại tầm thường, đều chiểu lệ này trị tội).

Tháng 11, chuẩn định điều lệ thưởng phạt về nghĩa thương của xã. Khi ấy, quan Khoa đạo là Trần Đình Liêm tâu xin phái khám nghĩa thương của xã ở các phủ, các tỉnh ; dân xã nào hiện có thực số, thì cho được theo như cũ, xã nào phô trương số hão không có xác thực, thì cứ chiểu số khai trước, hạn đến kỳ được gặt thì sức thu, đem chứa ở kho phủ, huyện.

Vua bảo rằng : Hai việc ấy đều là việc cần vì dân phòng bị trước, không phải mượn để cho làm của công. Từ trước đến giờ, quan lại vì dân thì ít, phàm các việc chỉ hư ứng, để cho ý tốt phép hay không thể làm được, rất là đáng giận. Nay định chức ở phủ, huyện, là phải bộ Hộ nên định rõ điều lệ thưởng phạt, để việc làm có hơn không kém, mới mong có phòng bị không lo. Sau lời nghị của bộ dâng lên. (Nghĩa thương của xã ở các xã, thôn, đều nộp ở kho phủ, huyện, rồi do viên phủ, huyện chọn người coi giữ ; có người nào bớt xén thì phải tội và phải bồi, quan phủ, huyện cũng chiểu lệ "thiếu sự soi xét" xử tội. Đến hạn 3 năm, phủ, huyện nào số tiền thóc 10 thành, lợi được 9 thành (như 1.000 quan, 3 năm cả gốc, lãi thành 1.900 quan), các người chủ thủ được thưởng gia 1 trật, viên phủ, huyện được thưởng kỷ lục 2 thứ ; lợi được 4 - 5 thành, thì chủ thủ được thưởng tiền lương bổng 6 tháng, phủ, huyện được thưởng kỷ lục 1 thứ ; lợi được 1 - 3 thành thì thôi không thưởng, tuy không lợi lãi, nhưng không đến hụt thiếu gốc công, thì được miễn nghị. Như ở dân để thiếu, thì cứ người lĩnh nợ và các người bảo kết phải tịch biên để bồi, nếu không đủ thì phủ, huyện, lại lệ, chia từng thành bồi thay. Số mục tiêu đi, còn lại ở kho ấy, hằng năm đến cuối mùa hạ, mùa đông, đều phải bẩm, tư lên một lần. Người điển thủ nào đã đủ 3 năm, do tỉnh chọn phái người ngay thẳng được việc, chiểu theo nghị mới thi hành). Vua chuẩn cho theo như lời nghĩ thi hành.

Tuần phủ Tuyên Quang là Hoàng Tướng Hiệp dâng sớ nói : Đề đốc nhà Thanh là Phùng Tử Tài đưa thư bảo : Bọn giặc Đàm Ông trước kia quân nước Nam ta đánh tan, nên do quân nước Nam ta tự làm việc. Thống lĩnh là Lâm Phượng Minh cũng nói : Theo lệnh chủ tướng trước hết nã bắt tên Lý, tên Lục, còn hãy để đấy, xin đình việc thương thuyết.

Vua Dụ rằng : Quân ta nên tìm cách nã bắt được vài ba tên đầu sỏ của giặc, mới phục được lòng người, mà oai hùng cho quốc thể, há nên nhường hết cho người, phận sự ta làm chủ đất ta, lại không bằng người, trẫm rất thẹn và giận, quan tỉnh và quan ở quân thứ nên cẩn thận làm việc ngay.

Quan ở Nội các là bọn Bùi Ân Niên tâu xin nghiêm cấm tiền giả của người buôn nước Thanh. (Nói cái quyền đúc tiền là tự triều đình nắm giữ. Bữa nọ vì ở trực tỉnh phía Nam mất mùa dân đói, tiền giả nhân đó trà trộn vào, nhiều lần đã nghiêm cấm không được. Đình thần bàn xin đánh thuế nặng, cũng là không cấm mà hoá cấm. Nhưng biết đâu người giữ đồn cửa biển không giấu giếm dung túng, kẻ buôn

trí trá gian dối. Lại nghe tiền đồng hạng lớn, kẻ buôn kia dụng kế tìm đổi, đem về đúc lại. Hiện nay, tiền cũ tiêu dùng, 10 phần chỉ còn 1 - 3 phần ; sau này ở trong nước, đều là tiền của chúng, lâu ngày hư hỏng, lại không dùng được. Thế là cốt để cứu cái tệ tiền khan hiếm, mà trở thành cái lo không có tiền. Nếu không chước nghị kịp thời, thực sợ tiền đúc trộm ấy ngày nhiều, thông hành ngày rộng, cái tệ lưu truyền không thể nói xiết, tất đến vật giá đắt như vàng, tiền rẻ như đất, dù 10 phần bỏ đi 9 phần, cũng dùng gì được ? Nay xin phàm tiền giả ở dân, thì cho đều tiêu dùng 1 đồng ăn 1 đồng kẽm, hạn trong 6 tháng thì phải cấm hẳn. Ở kho công thì chuẩn cho kho ở Kinh, kho các tỉnh, đem số tiền ấy hiện chứa trong kho, trách cứ chủ thuyền tải đến trước, mà giao trả lại, nhưng bắt phải đem thứ tiền cũ 1 đồng ăn 6 đồng kẽm, đúng số nộp vào kho, hoặc không có tiền, khấu nộp bạc tốt cũng được. Nghiêm cấm từ nay không được tải đến nữa. Nếu dám trái lệnh, thì luật đúc trộm tiền, đã có hình phạt của nước, gia thêm mức mà trị tội nặng hơn).

Vua giao cho đình thần duyệt bàn, nghị dâng lên. (Tiêu lẫn tiền khác, trước thì là tạm thời, mà hại để lại ngày càng lắm. Huống chi cấm rồi mà lại tiêu, tiếng đồn đến nước ngoài, có quan hệ đến chính thể, chi bằng đổi sự ngang giá thì hơn. Về tiền đồng 6 - 7 phân của nước ta, vẫn theo như cũ ăn 6 đồng kẽm, tiền dáng khác tuy có trộn lẫn, mà đồng nào chất và sắc tiền hơi giống với tiền ta, thì đổi tiêu ăn 3 đồng kẽm, cho có phân biệt. Còn như đồng nào mỏng manh, sứt mẻ mà nhiều chất trộn lẫn, thì hiện ở kho công, cho chọn ra cất riêng để huỷ đi đúc lại ; ở dân thì cho chọn bỏ không tiêu ; các hạng tiền thuế, nhất thiết cấm nộp bằng tiền ấy, thì lợi của công hay tư, không đến nỗi thiếu nhiều, mà kẻ buôn trí trá không được lợi nhiều, tự khắc phải thôi. Rồi do quan phủ, tỉnh nghiêm sức cho người giữ đồn cửa biển và các xã, thôn, phường, phố ven biển canh phòng kiểm xét, có người nào tải trộm tiền ta ra nước ngoài và tiền lạ vào đến cửa biển, thì không cứ nhiều hay ít, đều khép vào tội buôn gian lậu mà trị tội). Vua bảo rằng : Chuẩn cho theo lời nghĩ thi hành, sau có chỗ nào không đầy đủ, lại nghị thêm.

Con gái Tả tôn chính phủ Tôn nhân Thọ Xuân vương Miên Định là Hạ Vân, ở quê chồng (Quảng Trị), tranh ruộng với người. Miên Định sai công tử Hồng Uyên và thuộc viên trong phủ là bọn Chủ sự Lê Hữu Lễ, Suất đội Nguyễn Thông đến tận nơi dò hỏi. Việc ấy đến tai vua, Miên Định và quan trong phủ (Tôn nhân) đều phải giáng phạt. (Miên Định vì việc riêng tự tiện sai phái, phải phạt bổng 3 năm ; quan trong phủ không biết can ngăn, Hữu tôn chính là Tuy Lý quận vương Miên Trinh phải phạt bổng 2 năm ; Thị lang kiêm Tả tôn khanh là Tôn Thất Tràng giáng làm Hồng lô Tự khanh). Rồi Dụ cho các hoàng thân rằng : Gia pháp triều ta rất hay, lệ định em, cháu, con trai, con gái nhà thế gia cự tộc, không được làm thông gia với các vương công, vì cũng sợ trong đó hoặc có kẻ con em không hiền, cậy thế

phạm pháp, thành ra không phải chí ý của triều đình khéo đãi thân phiên. Hiện nay, cái việc Hạ Vân là con Thọ Xuân vương, ý trẫm không thích nghe đến. Vả lại, phàm người rất thân, ở quanh trong Kinh kỳ, cũng muốn khiến cho gần Kinh sư là nơi tốt nhất, để đều hoá ra thiện. Huống chi con gái tước công sinh trưởng ở nơi buồng the sâu thẳm, quen thói kiêu căng xa xỉ, hoặc lỗi lễ phép, há nên một ngày xa lìa dạy bảo ư ? Từ nay, phàm con cháu các thân phiên, hoàng thân gả chồng, lấy vợ, phải theo lệ mà làm, cần phải đều là người ở Kinh, hoặc người quê ở hạt khác, cũng phải nhà ở tại Kinh, mới có thể được làm thông gia. Nếu ở ngoài, thì nhất thiết không cho. Từ trước đã có người nào như thế, cũng di chuyển về ở tại Kinh, không được trái phép mến riêng. Đó là trẫm thân ái, bảo toàn cho đấy. Tình phép đủ cả, các thân công nên đều theo ý ấy.

Giặc trốn ở đất Thanh sang là bọn Hoàng Phan Lâm đến phủ hạt Trấn Ninh, tỉnh Nghệ An xin ra thú. Tổng đốc là Nguyễn Chính dâng sớ tâu xin thương lượng phái Quản cơ là Nguyễn Văn Chư tạm sung chức Lãnh binh chuyến đi ấy, quản suất đem biền binh đến nơi tuần dẹp dò xét. Vua bảo rằng : Bọn giặc trốn đều là có lòng phóng túng, khó dạy cho thuần, các tỉnh cõi Bắc, việc vỗ yên không được, đáng làm gương sáng. Bọn ấy quả là xin thú, ngươi cũng nên xét kỹ, khu xử thế nào cho được chu thỏa, chớ để nuôi hổ đeo lo về sau.

Tuần phủ Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ trình bày tâu các chính sách lớn về việc quân và của dùng, đại lược cho là quân khỏe thì bọn giặc không dám manh tâm, giặc không manh tâm thì quân không dùng đến, không phải cung ứng gì, mà của ngày càng nhiều. Thế là của nhiều hay ít cũng quan hệ ở quân khỏe hay yếu mà thôi. Bèn trình bầy công việc dâng lên tất cả là 8 điều :

- Xin : Các tỉnh ven ngoài biên thì chọn người ở địa phương ấy mộ người lập thổ dõng, đều tự giữ lấy, để thư bớt sức binh ở trong Kinh, ngoài các trấn ; lại phái 2 quan to chuyên coi việc quân, chọn nơi rộng làm đồn lớn, phái quân đóng để trấn áp.

- Xin : Các tỉnh tuyển binh thì châm chước đi một nửa, chiểu thu mỗi tên mỗi năm 60 quan tiền, để cấp chi phí về việc quân, đợi sau hơi thư, sẽ theo như trước làm việc.

- Xin : Thi võ, là dân nội tịch, trừ người dự trúng ra không kể, còn thì đều dồn làm vệ Võ sĩ, chọn cử người nào xuất thân là cử võ, cho làm quản suất. Người nào trúng kỳ đệ nhị, đệ tam, thì cho làm ngũ trưởng, đội trưởng, mỗi tên hằng tháng cấp cho 3 quan tiền, 1 phương gạo, để huấn luyện thường xuyên ; có khuyết thì mộ thêm.

- Về việc lính mộ ở Bắc Kỳ, theo lệ phải dùng người trong Nam ; đến nỗi từ trước có nhiều người biên mạo tên. Nay xin lính mộ trong Nam, ngoài Bắc, không

cứ dân nội tịch hay ngoại tịch, cho theo thực đổi biên lại ; nhưng do các quan tỉnh hội lại cùng xét, người nào hễ mang tạ phải đi đủ 5 trượng trở lên, chọn quy làm lính mới mộ, như các hạng lính mộ cũ. Người nào xách tạ không đi đủ số trượng cũng dồn thành 1 - 2 đội, để phong sai việc công, không nên bắt phải về để bơ vơ ; có người nào trốn hay chết, không được điền người khác vào.

- Xin : Các tỉnh về kỳ trưng thu hai vụ hạ, đông, cứ trong số dân xã phải nộp, một nửa thực nộp bằng thóc, để phòng tải vận lương thực, một nửa chiểu theo giá chợ cho dân chiết nộp bằng tiền và nộp thêm phí tổn phụ mỗi hộc 5 tiền, cho dân được giảm khuân gánh đem nộp, thuế khoá không đến nỗi bỏ thiếu.

- Xin : Lính đóng ở Kinh và sai phái đi hàng trận, nên theo lệ chiểu cấp bằng gạo thực, còn như các tỉnh chi phát cả năm, trừ ra lính đi đóng đồn và tù binh, nhà dưỡng tế, vẫn được cấp bằng gạo thực thì không kể, còn quan lại, binh lính và lại, lệ, trạm phu các nha phủ, huyện, nhất thiết bổng lương đều cho chiết cấp bằng tiền.

- Xin : Kho chứa các tỉnh về vận tải đi và chứa để lại, xin do bộ Hộ tra xét tỉnh nào nên tải đi bao nhiêu, nên chứa lại bao nhiêu, trước kỳ ấy tư giao các tỉnh xét rõ số hiện chứa ở kho, nếu có thiếu thì đến kỳ thu hoạch xong, do tỉnh chi tiền kho ra mua, cốt cho đủ số tải đi, số chứa lại. Nếu giá rẻ thì không cứ đủ hay thiếu, mua nhiều để phòng năm mất nùa, lúc rẻ mua vào, lúc đắt bán ra, đều do quan tỉnh tuỳ tiện làm việc cho ổn thỏa.

- Xin : Tai hại về lụt, hạn, việc thuộc về cả tổng, cả làng, ruộng lúa đều bị bỏ, không cấy được, thì được miễn cả thuế lệ. Nếu là thiệt hại tầm thường, chỉ 4 - 6 phần, thì bãi việc khám biên, không nên chia thành miễn giảm, để bớt phiền khí. Như gặp năm khánh tiết được ân xá, cũng chỉ xá một khoản thuế thân thôi.

- Xin : Các tỉnh ven ngoài biên, đặt thêm kho chứa, có thể chứa được trên dưới 50.000 - 60.000 hộc thóc, hễ đến gặt xong, do tỉnh chi tiền ở kho ra, chiểu giá chợ trả thêm 1 - 2 tiền, thu mua để chứa ; bạc tiền như có thiếu tiêu, sẽ tư cho các tỉnh ở trung châu tải đến cấp cho để bớt phải vận tải mà công tư đều được tiện lợi).

Sớ dâng lên, vua cho là việc quân lính, việc của dùng, thì nhiều khoản, có khoản nên, có khoản không nên, giao cho đình thần xét nghĩ, chọn mà thi hành. (Sau đó, đình thần nghị : duy 2 khoản dân nội tịch đi thi võ dồn bổ làm võ sĩ và lính mộ ở Bắc Kỳ không được mạo ngạch người ở trong Nam, nên cho châm chước thi hành ; còn như phái trọng thần, đặt đồn lớn và ở các tỉnh 2 kỳ mùa hạ, mùa đông, mua chứa gạo, thì việc ấy đã thi hành rồi, ngoài ra hoặc không phải là việc thể tuất, hoặc làm không được, đều không nên bàn).

Tháng 12, ngày Canh Tý, có Nhật thực.

Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật (có tang dứt tình, bắt lại ra làm quan, đến Kinh) tâu rằng : Tôi hỏi ra nghe giá gạo các tỉnh ở Bắc Kỳ mỗi phương giá tiền 5 - 6 quan ; tôi đi đường qua các hạt Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, hỏi ra cũng thế ; duy 2 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị đến 7 - 8 quan ; đương lúc sau khi lúa mùa mới gặt này, mà giá gạo đã vọt cao như thế, sau này không khỏi lương thực khó khăn, rất đáng lo lắm. Xưa, thời vua Thuấn, dân đen khó kiếm gạo ăn, bị đói, sai ông Tắc gieo trăm giống thóc, tất là phải trồng nhiều thứ rau, quả thay cho thóc, mới có thể giúp được khỏi đói. Mùa thu năm nay bỗng mất mùa, thu hoạch không được bao nhiêu, mà sang năm lúa chiêm chín, thì còn lâu ngày. Nếu không có trồng trăm giống thóc như ông Tắc, dù hết lòng cứu chữa, cũng khó làm cho không đói. Xin sắc xuống cho quan các tỉnh, gia tâm khuyên bảo dân trong hạt, cốt phải kịp thời trồng nhiều các thứ khoai, củ, lúa, ngô, để thay cho thóc, tưởng đến sang năm lúa mùa xuân, mùa hạ giáp nhau, không đến nỗi chết đói nhiều. Vua bảo rằng : Đó cũng là một cách cứu giúp, bộ Hộ lục sức ngay cho các tỉnh, để không lại bị thiếu nữa.

Đề đốc nhà Thanh là Phùng Tử Tài trở về cửa quan, vua sai Tham tán là Trương Quang Đản (khi ấy đóng ở Thái Nguyên) về tỉnh Bắc đem phẩm vật để tặng. (Tặng thưởng họ Phùng 12 lạng kỳ nam, 24 lạng trầm hương, quế Thanh, quế Nghệ mỗi thứ 15 phiến, 2 đôi ngà voi, 2 chiếc sừng tê, 3 cân yến sào, 10 đôi đũa ngà, 2 chiếc quạt ngà, 15 tấm lụa nam tốt, 15 tấm nhiễu trơn, hàng nam, 10 tấm lụa nhỏ sợi dệt đậu. Còn các thống lĩnh, đốc đới, quản đới, đốc biện, sai quan, tiểu trưởng, thư chí các dinh, tặng chung 100 tấm quế Thanh, 300 phiến quế Nghệ, 50 cân kỳ nam, 40 cân trầm hương, 54 đôi ngà voi, 54 bộ lông đuôi voi bịt bạc, 620 tấm lụa nam tốt, 30 tấm sa tốt hàng nam, 380 tấm sa mỏng hàng nam, 350 tấm lụa nhỏ sợi dệt đậu ; binh dõng các dinh thưởng chung 15.000 lạng bạc). Tử Tài đều không nhận, liệu để lại 5 dinh viên biền nước Thanh chi đóng các tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng ; các tên ra thú đem cả về nước.

Vua bảo rằng : Đề đốc họ Phùng về, bọn giặc trốn tất lại tụ tập, các tỉnh Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, chuyên do Hoàng Tá Viêm, các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng chuyên do Trương Quang Đản, đều nên điều khiển đốc thúc đánh dẹp cốt yên ổn cả, nhưng chuẩn cho Tá Viêm kiêm cai quản, cho lệnh tướng thống nhất.

Giặc Man quấy rối cướp đồn Xuân Linh (thuộc tỉnh Quảng Ngãi), quan ở quân thứ Quảng Ngãi, Bình Định là Nguyễn Ngoạn quản đốc đem 1.000 biền binh tiến đến các sách Man đánh dẹp. Đầu mục người Man là bọn tên Trần, tên Rõ đem cả bọn đến thú, việc đến tai vua. Vua bảo rằng : Dẹp giặc nên phục được lòng chúng, mới được yên lâu. Binh pháp có nói : Đánh được lòng là hơn, đánh lấy thành là

kém. Cho nên Vũ hầu (Gia Cát) làm cho Mạch Hoạch phải phục, khó khăn đến 7 lần bắt 7 lần tha, vì cốt phục được lòng họ. Bọn ác Man ở Thạch Bích tuy không ví được với Mạch Hoạch, nhưng từ trước đến giờ, lúc thì phục tùng, lúc thì quấy rối, thói cũ không chừa ; quan quân đến nơi, thường thấy phá trại, giẫm phá lúa, muốn khiến cho chúng mất chỗ nương nhờ mà thôi, không có kế hay nào khác. Không biết là chúng không có chỗ nương nhờ, sao có thể cấm được chúng không ăn cướp. Cho nên chỉ cho họ sợ oai mà không mến đức, phục được ngoài mặt mà không phục được trong lòng, đem quân về chưa lâu, chúng nhân lúc sơ hở lại cướp, đó không phải là kế hay vỗ yên cho họ thuận theo. Bọn ngươi nên nghĩ làm thế nào cho họ lòng phục yên lâu mới được.

Bọn ác Man tỉnh Quảng Nam xuống xã Hương Xá đốt nhà cướp của (đốt 9 nhà, đâm chết 7 người). Sơn phòng sứ là Phan Bính phải cách chức, được lưu làm việc, Lãnh binh là Hoàng Văn Phố và quản vệ, suất đội đều phải giáng 4 cấp được lưu lại làm việc.

Vua Dụ rằng : Man ấy với Man ở Quảng Ngãi, Bình Định cùng một loài giặc, cậy núi khe làm nơi hiểm yếu, lấy cướp bóc làm nguồn sống, gần đây hung hăng mỗi ngày một quá lắm ; nếu không một phen đánh dữ, phá tan sào huyệt chúng, sao có thể cho chúng sợ hãi. Nhưng hiện nay tiết hậu mưa dầm, đem quân đi chưa tiện ; vả lại, nghiêm phòng chẹn chỗ hiểm yếu, đợi khoảng tháng 2, tháng 3 lại làm việc. Hiện nay tình hình Man ấy giao cho quan tỉnh ấy là bọn Đoàn Khắc Nhượng lập tức gọi ngay binh mãn ban 200 tên, chọn phái người được việc trông coi, thường uỷ cho Phó lãnh binh là Đoàn Đại Lợi và Sơn phòng sứ trước là Nguyễn Tạo cai quản mang đi, hợp với Phan Bính cùng làm việc ; còn Hoàng Văn Phố rút ngay về tỉnh làm việc quan.

Kỳ Ngoại hầu là bọn Hồng Chước (con Lạc Hoá quận công Miên Vũ), Hồng Thuynh (con Trấn Man quận công Miên Tích), Hồng Uấn (con Sơn Định quận công Miên Cung), Hồng Chuyên (là con Trấn Định quận công Miên Niết), tình nguyện ra làm việc. Tả tôn khanh phủ Tôn nhân là Tôn Thất Tràng xin giúp. Vua sai bổ làm Thừa biện ở các nha trong 6 bộ, học tập chính sự, đợi vài ba năm, người nào có thể làm được việc, do quan thượng ty xét tư lên, để bổ.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở tỉnh Phú Yên (Nguyễn Văn Nhiễm).

Truy nêu người tiết phụ ở tỉnh Hà Nội (Nguyễn Thị Hai, chồng chết, liều bỏ đời sống, hoàn toàn tiết nghĩa, người trong hạt bỏ tiền lập đền thờ ; các thân hào làm thơ ca phúng viếng, khen là trinh tiết, từng đã 10 năm. Đến nay quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua cho việc ấy có phần hơn người, gia ơn thưởng cho bức biển treo ở đền và cấp cho 200 quan tiền sửa sang đền thờ cho lịch sự).

Tỉnh Quảng Bình gạo đắt. Bố chính là Ngô Xuân Quỳnh xin trích lấy ở kho 50 phương gạo, 970 hộc thóc, giảm giá bán ra để giúp lương thực cho dân. Vua chuẩn y cho.

Hoãn thu vốn công về đường cát từ năm trước bỏ thiếu lại và tiền thóc vốn công cầm đợ cho vay ở tỉnh Quảng Nam. (Tiền : 434.000 quan ; thóc, gạo : 46.500 vừa hộc, vừa phương, vì cớ dân tình quẫn bách).

Đầu mục người Mán ở tỉnh Tuyên Quang là bọn Chúc Văn Kiền, Hoàng Tiến Văn đem binh dõng chém được bọn lũ của tên giặc trốn Đàm Ông (hơn 20 đứa) ở động Phù Loan. Thưởng cho ngân tiền có thứ bậc khác nhau.

Vua thấy hoàng thân và con các thân công, phần nhiều vì nghèo thiếu, xin lĩnh bổng lệ trước, nhân thế Dụ rằng : Nhà nước từ khi cất quân đánh giặc đến giờ, tiếp đến liền năm gặp nạn lụt, hạn, đói, mất mùa, kho chứa rất không đủ ; nhưng hậu ý của trẫm hậu đãi người thân, phàm việc đều theo lòng khoan ; chỉ vì mọi người không biết là đủ, được chỗ đất Lũng mong chỗ đất Thục [tức là được thế nọ mong thế kia], không chịu tiết kiệm, sẽ làm thế nào mà cấp cho được. Phàm có lòng người, cũng nên phải nghĩ, không nên coi làm hư văn. Từ nay, người nào không có duyên cớ lớn thì không cho.

Vua chịu khó làm công việc, Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật dâng sớ khẩn thiết can ngăn. Đại khái nói : Âm dương là đạo trời, ngày đêm là Mặt Trời chuyển vận, ban ngày thuộc dương mà ban đêm thuộc âm, dương thì động mà âm thì tĩnh. *Kinh Dịch* có nói : "Sớm chăm chỉ, tối lo sợ" , lại nói : "Đến tối thì yên nghỉ" vì ban ngày thì động mà ban đêm thì tĩnh, đó là bậc thánh nhân theo đạo trời mà thuận tính âm dương vậy. Ngày xưa, vua Vũ tiếc từng phân bóng Mặt Trời, vua Thang không bỏ thước bóng Mặt Trời, vua Văn Vương từ sớm đến Mặt Trời đã xế, không rỗi việc để ăn, đó là sự chăm chỉ của bậc thánh nhân đời xưa, cũng chỉ nói đến sớm không lười, trưa không lười, chiều không lười mà thôi. Tôi từ khi nhờ ơn cho về giữ chức ở Kinh, chiếu theo ban ứng trực, thường thấy ban đêm đến canh hai, canh ba, châu phê [phê bằng bút son] tập tâu giao ra, được thấy nhà vua chăm cố đến thế. Lại như khi tôi được lạm sung chức ở viện, thường đến nhà ngự y hỏi thăm sức khỏe, kính xem tập đơn của quan ở Y viện được hầu xem mạch, theo chứng bệnh, lập phương thuốc. Thần lui về tự nghĩ : Thiết tưởng nhà vua điềm sinh con trai còn muộn, hoặc do ở chân âm thiếu mà gan vượng ; chân âm sở dĩ thiếu, hoặc do ở chăm gắng quá độ, đêm khuya vẫn chưa ngủ yên. Cúi xin nhà vua, thuận tính âm dương, châm chước làm nghỉ cho vừa phải ; bớt chút khó nhọc, để nuôi khí hòa, khí âm bình thường, khí dương tụ đọng lại thì tinh thần mới đầy đủ, khỏe mạnh tiến phúc, mà điềm ứng sinh con trai sẽ ứng nghiệm, để trên được yên lòng thánh từ, dưới được thỏa lòng mong của thần dân trong nước).

Vua bảo rằng : Trẫm vốn yếu, từ bé đến lớn nhiều bệnh, lâu nay, thường nhân nhiều việc, tỳ, thận càng suy, gan càng vượng ; các bệnh sinh ra nhiều ; mà công việc rất bận rộn, làm cả ngày chưa xong, phải để đến đêm, làm cho xong mới được yên tâm. Các quan trong Kinh ngoài các trấn, ai biết ai tin, chẳng qua chỉ khó nhọc vô ích. Tờ sớ ấy cho các quan đình thần và Nội các đều xem cả.

Thương ước với nước Y Pha Nho đã xong. Tất cả 12 khoản :

- Chiểu theo khoản 11, định trong hòa ước với nước Phú Lãng Sa về năm Tự Đức thứ 27 [1874] của nước Đại Nam, thì nước Đại Nam cho người Tây dương và người các nước Tân thế giới thông thương ở cửa biển Thi Nại thuộc Bình Định, cửa biển Hải Ninh thuộc Hải Dương và từ cửa biển ấy theo ngược dòng sông Nhị Hà đến địa giới tỉnh Vân Nam nước Đại Thanh và mở cửa hàng ở Hà Nội ; nay cũng cho người nước Y Pha Nho được nhất luật buôn bán làm ăn ở các cửa biển và phố ấy ; nhưng trừ đất trên cạn ở ven bờ đều không được buôn bán vật hạng gì. Nếu trái điều cấm thì hoá vật buôn ấy do quan sở tại người Đại Nam tịch thu tất cả lại và nước Phú Lãng Sa đem điều ước đã nói ở khoản thứ 21 trong hòa ước chuyển nói với nước Y Pha Nho cùng theo ước mới ấy mà bỏ các khoản ước cũ. Ngày mồng 1 tháng 6 năm ấy, nước Y Pha Nho hiện đã ký nhận theo như các lời lẽ của nước Phú Lãng Sa chuyển nói lại cho biết.

- Vua nước Y Pha Nho chuẩn cho nhân dân nước Đại Nam đều được đến nước Y Pha Nho và các thuộc địa đi lại buôn bán, mua đất làm nhà và làm thuê các công nghệ ; đến ở chỗ nào, phải tuân theo luật lệ của nước Y Pha Nho. Vua nước Đại Nam chuẩn cho người trong nước, nếu có người nào tình nguyện đến nước Y Pha Nho làm thuê sinh sống cũng được ; duy đến nơi nào, quan nước Y Pha Nho phải tuân theo lệ ở trọ làm thuê của người phương Đông ra nước ngoài đã định ngày mồng 6 tháng 7 năm 1860 (dương lịch) và bảo hộ cho người làm thuê ấy ; về người làm thuê và chủ thuê cũng đều tuân theo lệ ấy. Lệ năm ấy, quan Toàn quyền đại thần nước Y Pha Nho đã trình nước Đại Nam xét biết. Trừ ra các khoản quan hệ đến Nam Kỳ, nước Đại Nam không nên biên vào thì không kể ; còn thì nước Đại Nam chuẩn theo các khoản sao ra chữ Pháp và dịch ra chữ Hán mỗi thứ một bản, đóng dấu ký tên, giao nước Đại Nam giữ để lưu chiểu, đợi khi thương ước trao đổi cho nhau xong, đều chiểu theo làm việc. Sau này có khoản nào nên định thêm cho tiện việc bảo hộ người làm thuê, thì quan 2 nước sẽ hội lại nghĩ định.

- Vua nước Đại Nam chuẩn cho nhân dân nước Y Pha Nho đến chỗ đã cho ở 2 cửa biển Thi Nại ở Bình Định, Ninh Hải ở Hải Dương và phố Hà Nội, đều được lập nghiệp làm nhà và làm các công nghệ sinh sống, cùng với người nước Phú Lãng Sa và nhân dân các nước khác đều bảo hộ như nhau không khác gì ; nhưng chỗ ở phải theo quan nước Đại Nam chỉ bảo, không được lẫn lộn. Trong đó, buôn bán ruộng

đất, phải nộp thuế lệ, do quan nước Đại Nam thu nộp, còn các cửa biển chưa cho mở hiệu buôn bán, đợi sau này buôn bán nếu có phồn thịnh lợi ích, nên mở hiệu buôn có lợi, sẽ do nước Đại Nam thi hành xét nghĩ.

- Nước Đại Nam muốn đặt lãnh sự ở các cửa biển, mở hiệu buôn và các thành phố ở nước Y Pha Nho và các thuộc địa, để tiện bảo hộ dân nước Đại Nam ; nước Y Pha Nho muốn đặt lãnh sự ở 2 cửa biển Thi Nại, Ninh Hải và phố Hà Nội ở nước Đại Nam cho mở hiệu buôn, để bảo hộ dân nước Y Pha Nho thì đều được tuỳ tiện xếp đặt. Duy có các viên lãnh sự phải có vua 2 nước của mình cấp bằng cho đi, mới được làm việc bổn phận, cũng giống như lãnh sự các nước. Giám mục, linh mục nước Y Pha Nho đều được chiểu việc nên làm ở khoản thứ 9 trong hòa ước năm Tự Đức thứ 27 theo làm đúng như thế, ước ấy hoàn toàn không thay đổi.

- Phàm có kiện tụng, như người nước Y Pha Nho kiện nhau, hoặc kiện với người nước khác, đều do quan lãnh sự nước Y Pha Nho xét xử ; hoặc viên lãnh sự nước Y Pha Nho có khuyết, được giao cho quan lãnh sự nước Phú Lãng Sa xét xử. Người nước Y Pha Nho kiện nhau với người nước Đại Nam, hoặc xin giải tỏ việc gì, trước hết do quan lãnh sự nước Y Pha Nho giữ công bằng phân xử cốt được ổn thỏa ; nếu có việc không thể hòa giải được, thì tư ngay cho quan nước Đại Nam hội đồng xét xử. Người nước Đại Nam kiện nhau với người nước Y Pha Nho, trước hết do quan nước Đại Nam giữ công bằng phân xử cốt được ổn thỏa ; nếu có việc không thể hòa giải được thì tư ngay cho quan lãnh sự nước Y Pha Nho hội đồng xét xử.

- Người nước Y Pha Nho trú ngụ ở các cửa biển và phố hiện được mở hiệu buôn bán ở nước Đại Nam, mà người nào phạm tội, thì giao cho quan lãnh sự nước Y Pha Nho xét xử, hoặc viên lãnh sự nước Y Pha Nho có khuyết, được do quan lãnh sự nước Phú Lãng Sa xét xử. Nếu người phạm tội ấy trốn tránh ở phận sự nước Đại Nam, phải tư cho quan nước Đại Nam bắt nã, thì quan nước Đại Nam cũng nên hết sức dò bắt, giao cho quan nước Y Pha Nho giải giao cho quản hạt Lữ Tống chiểu luật lệ nước Y Pha Nho trị tội. Người nước Đại Nam trú ngụ ở địa hạt nước Y Pha Nho, mà người nào phạm tội, thì nước Y Pha Nho chiểu luật nước mình xét xử, nhưng phải tư cho quan lãnh sự nước Đại Nam biết, người nước Đại Nam hiện ở trong nước, mà có việc gì phạm đến người nước Y Pha Nho, nên phải xử tội, thì giao mặc cho quan nước Đại Nam bắt nã, chiểu theo luật lệ nước mình xét xử.

- Người nước Y Pha Nho có phạm các tội làm loạn và trộm cướp, trốn đến địa hạt nước Đại Nam, thì quan nước Đại Nam phải hết sức dò bắt, giải giao cho quan lãnh sự nước Y Pha Nho ; hoặc quan lãnh sự nước Y Pha Nho có khuyết, được giao cho quan lãnh sự nước Phú Lãng Sa trị tội. Nếu người nước Đại Nam có phạm các tội làm loạn và trộm cướp, trốn đến địa hạt nước Y Pha Nho hoặc thuộc địa, thì

quan nước Y Pha Nho cũng nên hết sức dò bắt, giải giao cho quan nước Đại Nam xét xử.

- Người nước Y Pha Nho có người nào chết ở địa hạt nước Đại Nam, người nước Đại Nam có người nào chết ở địa hạt nước Y Pha Nho, thì tài sản của người chết ấy, phải đều giao cho người con cháu là người được thừa hưởng của người ấy ; nếu hiện không có người đáng được thừa hưởng, thì phải đều giao cho quan lãnh sự nước ấy chuyển giao cho thân thuộc người chết ấy ở nước nhận lấy ; nếu quan lãnh sự nước nào có khuyết như thuộc về nước Y Pha Nho, thì do nước Đại Nam tư giao cho nước Y Pha Nho giao về cho các thân nhân ở quê người ấy nhận lĩnh ; như thuộc về nước Đại Nam, thì do nước Y Pha Nho tư giao về nước Đại Nam nhận để thi hành.

- Các khoản trong thương ước nước Đại Nam cùng nước Phú Lãng Sa lập ra về năm Tự Đức thứ 27, trừ ra khoản thứ 4 nói về thuế lệ các hàng hoá thuyền buôn ở Gia Định tải vào các cửa biển mở hiệu buôn và từ các cửa biển mở hiệu buôn tải vào Gia Định, thì châm chước thu thuế một nửa, đó là hậu tình của nước Đại Nam và nước Phú Lãng Sa đối đãi với nhau thì không kể, còn trong thương ước không có khoản nào quan hệ đến công việc buôn bán, thì người nước Y Pha Nho, đều theo các khoản trong thương ước năm ấy làm theo giống như người các nước một loạt ; sau này, nước Đại Nam nếu có hậu tình chuẩn cho nước nào buôn mua khoản gì, thì nước Y Pha Nho cũng được giống như nước ấy.

- Các cửa biển đã cho mở hiệu buôn, trừ ra hạng gì trong thương ước cũ đã cấm thì không kể, còn các hoá vật cho được ra vào buôn bán. Duy các hàng hoá thóc, gạo, tơ, lụa, các thứ ấy là vật cần dùng của nước Đại Nam, người buôn thường được tuỳ tiện tải vào cửa biển và thành phố ; nếu tải ra, về thóc gạo phải có giấy tờ rõ ràng của triều đình nước Đại Nam tư giao cho quan Khâm sứ Phú Lãng Sa và quan Lãnh sự Y Pha Nho ở Kinh xét biết, mới được tải ra ; về tơ lụa, tất phải các xã thôn sở tại chịu nộp thuế thổ sản xong cả, và chờ triều đình nước Đại Nam đặt mua theo thị giá đủ dùng xong rồi, mới được tải ra.

- Phàm thương ước này đã định, kể từ sau khi hai nước trao đổi lẫn cho nhau, trong hạn ấy nếu có cần đổi khoản nào, thì tính từ ngày trong hai nước có một nước xướng nghị trở đi, đủ một năm, qua hai nước hội đồng nghị định, mới được thay đổi; nếu không cần đổi khoản nào, đều nên chiểu ước tuân giữ.

- Nay thương ước đã định, kể từ hôm đóng dấu ký tên, đủ một năm, chờ được vua hai nước xem và phê chuẩn, đóng ấn, việc xong, mới đem thương ước ấy đến ngoài Kinh thành nước Đại Nam giao cho nhau giữ để lưu chiểu và thi hành. Sứ nước ấy về nước, sai mang phẩm vật để tặng, (viên chánh sứ : 1 chiếc bài vàng,

1 chiếc bài bạc, 4 tấm nhiễu, sa tốt, lụa dày, sa hoa, trừu hoa, lụa sợi nhỏ đậu dày, mỗi thứ 4 tấm ; viên phó sứ : 1 chiếc bài vàng, 1 chiếc bài bạc, 2 tấm nhiễu, sa hoa, trừu hoa, sa nhỏ sợi, mỗi thứ 2 tấm ; viên thông ngôn : nhiễu, mỗi người đều 3 tấm ; quân theo hầu mỗi tên 1 đồng bạc ; quan năm dưới tàu : 1 chiếc bài vàng, 1 tấm nhiễu nam trơn nhuộm màu, 2 tấm lụa tơ nhỏ nam nhuộm màu ; quan hai, quan ba mỗi viên 1 tấm nhiễu trơn nam, 2 tấm lụa nhỏ sợi nam nhuộm màu, 2 tấm sa hoa nam nhuộm màu) và gửi tặng vua nước Y Pha Nho và quan dự bàn đi sứ có thứ bậc khác nhau. (Vua nước ấy 1 chiếc khánh vàng, 1 đạo thư từ, 1 chiếc tráp gỗ đỏ khảm xà cừ, 1 chiếc hòm áo bằng gỗ sơn then khảm xà cừ ; dự làm việc đi sứ 28 người, mỗi người 1 chiếc kim bội).

Cho Hoàng Tá Viêm, Trương Quang Đản, Ngô Tất Ninh, Lưu Vĩnh Phúc mặc áo rét, nhân thế bảo cho cái nghĩa được vua yên ủi, đương rét hoá ra ấm[1] và vui khổ cùng chung[2].

Lại đặt chuyên nha Vũ khố đốc công (nha ấy trước đặt đứng riêng một mình một nha, năm trước thuộc cả bộ Công, đến nay vì việc nhiều, cho nên đặt người chuyên trách riêng ; cho Biện lý bộ Công là Nguyễn Xuân Huyền trông coi).

Tổng đốc Hải - Yên là Phạm Phú Thứ vì ốm xin về Kinh điều dưỡng, đợi xử án. Bèn chuẩn cho cùng với Lê Tiến Thông (Tuần phủ) cùng về và Dụ cho Phú Thứ được đóng cửa các nghĩ lỗi, không được chầu hầu, đợi khi nào thực biết hối cải sẽ cho. Sau đó, Tổng đốc mới là Lê Điều lại tâu xin cho Phú Thứ ở lại vài tháng, để giúp cho am hiểu công việc, vua y cho. (Phú Thứ lại ở lại đến tháng 3 năm sau mới về).

Cho Chưởng vệ (Đề đốc quân thứ Bắc Ninh ốm về) là Hoàng Văn Thu lại tạm giữ dinh Kỳ võ. (Năm trước Văn Thu đóng ở quân thứ, chuẩn giao cho Hồ Ngoạn kiêm trông coi).

Năm này, các hạng thuyền tuần tiễu, vận tải ở ngoài Kinh, tất cả là 237 chiếc, hỏng việc (nhân gặp bão) 15 chiếc, còn đều về được thanh thỏa cả.

---

(1) Nguyên chữ Hán là "hiệp khoáng" : mặc áo bông. Trong sách *Tả truyện*, vua nước Sở đánh ấp Tiêu, quân sĩ nhiều người bị rét. Vua Sở đi tuần ba quân, vỗ về khuyến khích, quân lính được lời vua vỗ về, đều thấy nóng ấm như được mặc áo bông cả.

(2) Nguyên chữ Hán là "đồng bào" : cùng mặc chung áo bông, chữ ở thơ *Vô y* trong *Kinh Thi*, ý nói là vui khổ cùng nhau.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXIII*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Canh Thìn, năm Tự Đức thứ 33 [1880], (Thanh, Quang Tự năm thứ 6), **mùa xuân, tháng giêng,** sứ nước Pháp là Lê Na vào làm lễ chúc mừng.

Cho Hữu thị lang bộ Công là Tôn Thất Tĩnh thăng thụ Hữu tham tri bộ Hộ.

Dời huyện lỵ Kim Động (thuộc tỉnh Hưng Yên) đến xã Nhân Dục (trước ở xã Đằng Man, địa thế ở đó thấp hẹp cho nên dời chuyển đi).

Đình việc duyệt binh. (Vì cớ sai phái đi nhiều ngả, số còn để lại có ít).

Cho Hữu tham tri bộ Binh, sung chức Khâm sai là Lê Điều lĩnh Tổng đốc Hải - Yên, kiêm sung chức Tổng lý Thương chính đại thần ; Hồng lô Tự khanh lĩnh Bố chính Quảng Nam là Nguyễn Văn Phong thăng thự Thị lang lĩnh Tuần phủ Hải Dương ; hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái là Lê Hữu Tá đổi bổ Tả tham tri bộ Lại ; Tuần phủ Hưng Hoá là Nguyễn Huy Kỷ thăng thự Tổng đốc Ninh - Thái ; Quang lộc Tự khanh, Biện lý bộ Hình là Lương Tú Thứ thăng thự Thị lang lĩnh Tuần phủ Hưng Hoá ; Tuần phủ Ninh Bình là Đặng Toản lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh ; Tổng đốc trước là Nguyễn Chính về Kinh chờ Chỉ, lĩnh Bố chính Bắc Ninh là Phan Đình Bình, thăng thụ Thị lang lĩnh Tuần phủ Ninh Bình ; lĩnh Tuần phủ Thuận - Khánh là Hồ Đăng Phong thăng thự Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Bình - Phú (Tổng đốc trước là Phạm Ý ốm nghỉ) ; Hữu thị lang bộ Lại là Trần Nhượng thăng thự Tuần phủ Thuận - Khánh.

Cho Hữu tham tri bộ Lại là Hoàng Diệu thăng thự Tổng đốc Hà - Ninh ; Tả thị lang bộ Lại là Hoàng Hữu Xứng thăng thự Tuần phủ Hà Nội ; Tổng đốc Hà - Ninh là Trần Đình Túc gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ, được ở lại Hà Nội cùng với Tổng đốc, Tuần phủ mới cùng bàn làm việc. Vua bảo rằng : Trần Đình Túc tuy tuổi già, khí lực suy, nhưng còn có thể tĩnh trấn được. Trước kia việc ở 4 tỉnh, chịu mạo hiểm dấn mình làm việc, tài lược ấy đáng khen, chuẩn cho gia hàm, nhưng hãy ở lại năm ba tháng, khi viên mới đã quen, sẽ cho về hưu.

Cho Hữu thị lang bộ Lễ sung làm việc Nội các là Bùi Ân Niên thăng thự Hữu tham tri bộ Lại. Vua làm một bài thơ ban cho.

Giảm miễn 5 phần 10 thuế bạc (488 lạng) còn thiếu năm trước cho tỉnh Quảng Nam (vì cớ mất mùa luôn).

Ban bút nghiên cho sứ nước Pháp ở Kinh là Lê Na. Lê Na dâng thư tạ ơn, nói nhiều lần được nghe quan nước Y Pha Nho và Phú Lãng Sa đến, được cho kim tiền ; nay hắn được hậu đãi riêng, cảm bội vô cùng.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu công việc nghĩ định khu xử bọn giặc ra hàng. Vua Dụ rằng : Về việc xử trí những đứa ra thú, nghiêm trị bọn dõng trốn tránh, thì đã bảo ban bao nhiêu lần không sợ phiền. Thế mà, nay đoàn quân của Diệp thì nói rằng giải về yên trí ở Bảo Thắng, sẽ đợi bàn tính thi hành ; giặc ở tỉnh Tuyên ra hàng thì giao cho Hoàng Thủ Trung kiêm quản ; bọn dõng tan rã dùng dằng ở lại thì giao cho Phụng Đắc Cố dồn vào thành đội ; khu xử rối bời, chưa thấy đầu mối ; huống chi Phụng Đắc Cố là người mới theo về, mắt cú vọ, lòng lang sói, thế mà đem bọn dõng trốn tránh du côn giao cho hắn nhận coi, chẳng gần như thêm cánh cho hổ ư ? Ngươi nên tính kỹ mà làm cho khéo, để hết lo về sau.

Quan Khoa đạo là bọn Phạm Xưng (tên cũ là Hữu Thanh) dâng sớ tâu công việc các đồn (thuộc phủ Thừa Thiên) ở sông biển (thành Trấn Hải và luỹ trước đồn tả, hữu, địa thế chỗ khuyết nghiêng dốc, dưới chân lại thành ra đầm sâu. Nếu theo thế cũ, dời về sửa đắp ở gần đấy chưa chắc đã thành được luỹ bền chắc. Luỹ trước đồn bên tả, góc phía bắc hãy còn một đoạn luỹ cũ ; đồn bên hữu, góc đông nam có bãi cát dài thò ra, ôm vòng quanh mặt trước thành Trấn Hải. Xin nhân 2 góc ấy đắp vá làm ra cái góc thành, có thể đặt súng 10 được. Lại các đồn đường biển ở Thuỷ Tú, Quy Lai, Hòa Thuận, Hy Du, gần ngay bờ sông, mỗi khi có bão lụt, đắp xong lại lở ngay, thế khó vững bền được lâu. Về bờ bên tả ven sông, đoạn trên từ Bao Vinh đến Thuỷ Tú, đoạn dưới từ Thanh Phúc đến Lộ Châu, cùng chảy thuận đường với dòng sông không xói vào nhau, xin theo cũ đắp thêm cao có thể giữ được lụt, mặt luỹ có thể đặt được súng, mỗi đoạn liệu làm lầu canh, để tiện đi lại ứng tiếp).

Vua bảo rằng : Việc ấy thuộc về nha Hải phòng, tự có người chuyên trách, đâu có thể dễ dàng mà nói. Giao cho chánh, phó sứ nha Hải phòng bàn với tham tán ở phòng xét định, nếu có thể dùng được, cũng là việc họp nghĩ bổ ích rộng thêm.

Tỉnh Bình Định bị tai nạn dịch lệ, vua chuẩn cho chiểu lệ cấp tiền tuất có thứ bậc khác nhau. (Chết vì nhiễm bệnh 3.220 người vừa đàn ông, đàn bà ; người già, người lớn thì cấp 3 quan, trẻ con, đàn bà thì cấp 2 quan).

Bắt đầu đặt 2 đạo Lạng Giang, Đoan Hùng, cho Hoàng Tá Viêm kiêm chức Tĩnh biên sứ 2 đạo ; Tham tán là Trương Quang Đản thăng thụ Tham tri sung chức Tĩnh biên phó sứ ở Lạng Giang (trông coi việc quân các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng) ; lĩnh Tuần phủ Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ thăng thụ Thị lang sung chức Tĩnh biên phó sứ ở Đoan Hùng (trông coi việc quân các tỉnh Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang). Khi ấy, đình thần bàn công việc kinh lý biên giới phía Bắc (cho là các hạt Hưng Hoá, Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn năm trước thổ tù đời đời kế tiếp, người và thuỷ thổ thích hợp. Nay xin quan các tỉnh, phủ, huyện, châu tham dùng cả người địa phương ấy (quan ở tỉnh thì án sát hoặc lãnh binh, quan ở phủ, huyện, châu thì chức thừa hoặc chức uý) chuyên việc đoàn kết dân phu, lập ra trang trại và mộ dân ở ngoài sổ đinh, (không cứ người Kinh, người Thổ, người Mèo, người Nùng), lập thành xã, ấp ; nhưng chọn nơi nào có hình thế (ngày khác có thể làm tỉnh được), làm một vài đồn lớn, mang theo một vài trăm thổ binh, mộ thêm vài ba trăm người thủ dõng đóng ở đấy để khai khẩn đánh dẹp. Lại như một giải Lạng Giang ở vào chỗ Thái Nguyên, Lạng Sơn giáp Bắc Ninh, các huyện Đoan Hùng ở vào chỗ Tuyên Quang giáp Thái Nguyên, thuỷ thổ khá lành, đều có thể ở lâu được. Xin đặt làm 2 đạo (các huyện : Phượng Nhỡn, Bảo Lộc, Lục Ngạn, Hữu Lũng, Yên Thế, Yên Dũng phụ thuộc về đạo Lạng Giang ; các huyện Sơn Dương, Tây Quan, Hùng Quan, Tam Dương, Thanh Ba, Hạ Hòa phụ thuộc về đạo Đoan Hùng). Mỗi đạo đều đắp một thành đất, dinh thự, kho tàng, trại lính, y như tỉnh lỵ ; đặt 1 đề đốc, 2 lãnh binh, có trên dưới 2.000 binh dõng, có việc thì đi đánh dẹp, không việc thì đóng đồn vỡ hoang ; rồi chọn quan đại thần khỏe mạnh, được việc, am hiểu việc quân sung làm Tĩnh biên sứ 1 viên, làm phó sứ 2 viên, thời thường tuần xét điều khiển. Gần đây, Tham tán là Trương Quang Đản dâng sớ tâu xin tự nhận làm việc ấy, Tuần phủ Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ dâng sớ tâu xin tự đảm nhiệm, đều là có lòng làm việc, xin cho làm Phó sứ, mỗi người đều sung 1 đạo. Còn chức Chánh sứ thì do Thống đốc là Hoàng Tá Viêm lĩnh quản. Tất cả công việc 2 thành đều do chánh phó sứ tâu lên để bàn. Trong 3 năm nếu được yên ổn cả và mở mang, tự họp có sự thực, thì gia thưởng hoặc cho vượt thăng không cứ thứ bậc, hoặc phong tước trong 5 bậc. Nếu không thành thì chiểu quân pháp mà nghĩ xử. Lệ thưởng phạt các quan tỉnh thì kém sứ thần 1 bậc. Các người mộ dân khai khẩn, nếu

được thưởng phạt thì : Các miền hạ du đạo Lạng Giang, đạo Đoan Hùng, chiểu lệ năm thứ 28 (chép ở năm nay dưới đây cũng thế) mà làm ; các miền thượng du các tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn thì thưởng gấp đôi. Như mộ được 3 người, vỡ ruộng hoặc đất được 4 mẫu, thì thưởng cho cấp bằng tuỳ biện ; mộ được 6 người, vỡ được 8 mẫu ruộng hoặc đất, thì thưởng thí sai hay thự một trật ; mộ được 9 người, vỡ được 12 mẫu ruộng hoặc đất, thì thưởng hàm thực thụ, gia dần đến tứ phẩm là cùng). Phạt thì được giảm bậc : (Thiếu 1 - 2 thành thì miễn nghị ; 3 thành thì phải phạt 60 trượng ; đến 7 thành trở lên, thì phạt trượng hết bậc (100 trượng), cách chức, nhưng đều cho gia hạn ; nếu có thể sung điền được, thì liệu cho khai phục). Các người quản mộ, nên được thưởng phạt : thì về miền hạ du, chiểu lệ năm thứ 30 (chép ở năm nay) mà thi hành ; về miền thượng du, mỗi năm hạn phải mộ 50 người, vỡ 100 mẫu ruộng là đủ lệ, cứ tính theo thế mà chia định thưởng phạt, để khuyến khích thêm. Đợi các đồn ở miền thượng du sửa sang tạm xong, mới đem 2 tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên tiến đóng ở đấy, nhưng trích lấy các phủ, huyện giáp gần 2 tỉnh ấy (như các huyện Hàm Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ v.v...) cùng với đạo Lạng Giang, Đoan Hùng đặt làm 2 tỉnh. Thổ dân theo mộ, có người nào túng thiếu, nên cấp tiền cho mỗi người, ở nơi gần miền thượng du thì 10 quan, người xa thì 20 quan, sau cho nộp một nửa, miễn một nửa ; hoặc mua giao cho trâu cày, đồ làm ruộng, để được nương nhờ. Còn thổ hào như Triệu Đức Vọng ở Thái Nguyên, Hùng Ân, Hùng Phúc ở Tuyên Quang, Ân Lộc, Ân Thịnh ở Cao Bằng, Văn Lý, Vĩnh Tài ở Lạng Sơn, các họ Điêu Văn ở Hưng Hoá, cùng là người nước Thanh như Lương Tuấn Tú, sức cho đều mộ thổ dõng, phụ thuộc vào sứ thần 2 đạo ấy sai phái, hoặc đóng quân khai phá chặn ở các nơi hiểm yếu, để được nhiều người am hiểu được việc, chóng mong có thành hiệu. Vua chuẩn cho như lời nghị mà thi hành ; sai bọn Quang Đản, Hữu Độ đều quản nhận binh dõng ở quân thứ lên đóng đồn ở thượng du. (Đình thần trước xin đặt chức Tiễu phủ sứ, vua cho là quyền còn nhỏ, cho nên lại bàn, đặt chức Tĩnh biên sứ, nhân cử Quang Đản và Hữu Độ đều lĩnh chức ấy).

Hoãn kỳ tuyển lính cho các hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Khi ấy Bố chính Quảng Ngãi là Lâm Hoành dâng sớ tâu : Thuộc hạt ấy nhiều lần gặp mất mùa, lương thực của dân chưa thư, xin triển hoãn lại. Vua cho là tình hình các hạt Tả, Hữu trực kỳ cũng giống như tỉnh Quảng Ngãi, cho hoãn cả. (Hoãn đến tháng giêng năm sau).

Dân tỉnh Quảng Trị bị đói, Tuần phủ là Phan Sĩ Thục tâu xin trích tiền gạo ra, tải giao các phủ, huyện để phát chẩn. Vua chuẩn y cho.

Định rõ lại lệ trừng phạt về sổ sách chi tiêu ẩn lậu số mục. Khi ấy bộ Hộ bàn tâu : Các kho tàng trong Kinh và ngoài các tỉnh, sổ sách biên các khoản chi tiêu về

cuối tháng, cuối năm, số tiền thóc tiêu rồi, còn lại, có quan hệ đến sự thiếu đủ của vật hạng trong kho, chủ thủ và hộ phòng cùng làm, nếu hoặc kê lên lờ mờ, hoặc ẩn lậu số mục, thì là thông đồng làm gian, dự làm sẵn đường đất để ăn bớt ; mà trước đây xét xử chỉ khép vào tội nhầm lẫn (chỉ phạt 60 trượng), sợ cũng có phần quá nhẹ. Xin từ nay, phàm các bản số chi tiêu cuối tháng, cuối năm, như có phát ra các tình tệ ẩn lậu, có quan hệ đến số mục của công, thì chủ thủ và bát, cửu phẩm ở phòng hộ đều chiểu luật "Người coi giữ tự ăn trộm", về điều khoản "Tang vật chưa vào tay" (giảm 1 bậc) mà xử tội (như kê tang chiểu luật "Người coi giữ tự ăn trộm", phải phạt 80 trượng, giảm 1 bậc phạt 70 trượng v.v...). Các giám lâm, tá lãnh, đường quan được lần lượt giảm dần xuống. Vua nghe theo.

Lục Chi Bình mang bè lũ về sào huyệt cũ ở Yên Mã. (Trước vì giặc họ Lý phải bắt, mang bè lũ chạy trốn, đến nay lại trở về). Việc ấy đến tai vua, sắc cho quan quân thứ là Trương Quang Đản đốc thúc ngay thổ dõng 2 đạo Cao Bằng, Lạng Sơn đi gấp hợp với quân đi bắt giặc tiến đánh.

Tháng 2, Trần Đình Túc dâng sớ tâu : Địa phận xã Cao Đăng thuộc hạt tỉnh Hà Nội, tiếp giáp với sơn phận các tỉnh Sơn Tây, Hưng Hoá, Thanh Hoá, Ninh Bình, xin đặt đồn sơn phòng ở chỗ ấy, xây đắp thành trì, trại quân, kho tàng chứa lương, để tiện việc ngăn giữ. Vua sai tỉnh làm cho chóng để xong ngay việc ấy. (Rồi chuẩn cho đổi đặt đạo Mỹ Đức, còn đồn sơn phòng thì thôi không đặt nữa).

Chuẩn định lệ cấm tải trộm tiền dị dạng. (Từ nay phàm tiền dị dạng, nhất thiết nghiêm cấm, thuyền buôn các nước không được tải đến. Nếu chủ thuyền dụng tình giấu giếm, mà viên tỉnh phái và người coi giữ cửa biển tìm ra được sự thực, thì số tiền ấy một nửa nộp vào Nhà nước, một nửa trích ra để thưởng. Nếu viên tỉnh phái và người coi giữ cửa biển thông đồng giấu giếm, bị người khác trích phát ra, thì hàng hoá ở thuyền ấy, một nửa đem thưởng cho người tố cáo, viên tỉnh phái và người coi giữ cửa biển ấy không cứ số tang nhiều hay ít, phải xử chém ngay ; quan địa phương cũng nghiêm nghị cách đuổi).

Tổng đốc 2 tỉnh Quảng nước Thanh đưa thư đến nói về công việc dẹp bắt giặc trốn :

- Nói về phải theo hạn phải tra cho đích thực nơi trốn tránh của giặc họ Lục, rồi ước hội với quân dinh họ Phùng để phái quan ở dinh đến cùng bắt.

- Nói về trát phái cho Tham tướng là Ngô Địch Văn, đi tàu thuỷ định ngày đến Đông Kinh, Tây Cống để dò thám tình hình việc quân, xác thực, báo ngay.

- Nói về toán giặc bọn Ông Đàm nguyên trước ngụ ở nước Nam, nên do nước Nam tự làm việc, không phải như giặc họ Lý mạnh dữ, tất phải sức quân Trung Quốc

mới trị phục được. Nay giặc họ Lục hiện trốn, đã theo thưởng cầu bắt, nên đều nghiêm ngặt xét hỏi).

Vua sai đình thần khéo viết thư trả lời. Đại khái nói : Giặc họ Lý mới bị bắt, giặc họ Lục lại quấy rối, bọn giặc Ông Đàm lúc ra mặt đem bọn lũ đi theo, lúc thì ngấm ngầm câu kết, mà viên phủ bộ (tức là Tuần phủ) Quảng Tây Trương đại nhân, Đề đốc Phùng đại nhân tâu cho đem quân thắng trận về, nỡ để cái trách nhiệm chưa làm xong ấy giao cho nước tôi, nước tôi thế khó làm được một mình. Vả lại, nhờ ngài chiếu cố, thường phái người đến dò thám, như Ngô Địch Văn sang lần này, tưởng cũng là muốn thấy rõ tình thế trong ngoài, để rộng mưu giúp kẻ yếu, yêu nước nhỏ, chứ không những vì dân ngoài biên mà thôi. Không thế, thì việc gì phải ngay ngáy khó nhọc làm gì ? Xin ngài lượng xét cho : Làm thế nào mà có thể dẹp được sự lo lâu năm của nước tôi, hết mối lo ngày sau cho 2 bên, để yên dân ngoài biên, mà hợp được nghĩa như cái bình, cái chén [1] thì nước tôi thực lấy làm mong lắm.

Viên Võ cử trường thi võ Hà Nội là Bùi Duy Thiện thi phúc hạch nên phải truất. (Lệ định, xướng danh vào phúc hạch, thì sách tạ một lần, kém lắm thì đánh hỏng). Quan tỉnh ấy là bọn Trần Đình Túc tâu rằng : Tên ấy vì sau khi ốm, mới đến nỗi hơi kém như thế, xét ra không phải mượn người thay, xin cho dự trúng. Quan bộ Binh cho là trái lệ, xin xét nghĩ tội. Vua bảo rằng : Theo lời một bề, vội cho trừng phạt, sau này phàm có kẻ bị khuất ức, mọi người đều im miệng, thì ai dám tâu lên. Bùi Duy Thiện, giao cho bộ gọi đến hội đồng xét lại, nếu thực tài thì cho đỗ, không thực tài phải nghĩ xử nặng hơn, mới phải. Sau đó, Duy Thiện về Kinh thi lại, dự hạng trúng, cho đỗ Võ cử.

Cho Thái tử Thiếu bảo Tổng đốc Nghệ - Tĩnh là Nguyễn Chính làm Thượng thư bộ Lại, sung làm đại thần viện Cơ mật ; lại cho Chính vốn có văn học, cho kiêm chức Sư bảo (dạy học) ở 2 nhà Dục Đức, Chính Mông.

Chuẩn cho thờ thêm vào đền Trung Nghĩa 1.532 người. Gian chính giữa một bàn thờ tất cả 25 người : Chánh nhất phẩm (dưới cũng thế), thự Hữu quân Đô thống phủ Đô thống, Chưởng phủ sự Thắng Công nam, truy thụ hàm Chưởng phủ sự là Lê Đình Lý (người tỉnh Bình Định) ; Hiệp biện Đại học sĩ, tặng Đông các Đại học sĩ là Trương Quốc Dụng (người tỉnh Hà Tĩnh) ; Tòng nhất phẩm (dưới cũng thế), Thống chế tặng Đô thống phủ Đô thống là Lê Quang Tiến (người phủ Thừa Thiên) ; Thống chế tặng hàm Tả quân Đô thống là Nguyễn Doãn (người tỉnh Quảng Trị) ; Chánh nhị phẩm (dưới cũng thế), Chưởng vệ tặng Thống chế là Vũ Tảo (người

(1) Nguyên chữ Hán là : *bình chi khánh hĩ, duy lôi chi xỉ*, nghĩa là cái bình hết rượu, thì cái chén xấu hổ (điển ở *Kinh Thi*), ý nói : nước lớn có việc lo nghĩ, thì nước nhỏ cũng xấu hổ lây.

phủ Thừa Thiên) ; Chưởng vệ tặng Thống chế là Hồ Thiện (người tỉnh Quảng Trị) ; thự Tuần phủ Hà Nội tặng Thượng thư bộ Binh là Nguyễn Mại (người tỉnh Sơn Tây) Chưởng vệ truy thụ Đề đốc là Nguyễn Hữu Thân (người tỉnh Quảng Bình) (dưới cũng thế) ; Lãnh binh tặng Thống chế là Vũ Văn Phùng ; truy phục lại hàm Lãnh binh tặng Đề đốc là Nguyễn Mỹ (người tỉnh Quảng Trị) ; Vệ uý tặng Thống chế là Hoàng Ngọc Chung (người phủ Thừa Thiên) ; Tòng nhị phẩm (dưới cũng thế), Phó lãnh binh tặng Chưởng vệ là Trần Quang Hà (người tỉnh Quảng Ngãi) ; Lang trung tặng Hữu tham tri bộ Binh là Nguyễn Duy (người phủ Thừa Thiên), (dưới cũng thế) ; Chưởng vệ lĩnh Đề đốc là Ngô Đức Tu ; Chưởng vệ sung Đề đốc Ninh Lạc nam là Nguyễn Tiến Phác ; thự Tuần phủ Sơn Tây, truy thụ Tuần phủ là Bùi Ái (người tỉnh Ninh Bình) ; Bố chính tặng Tuần phủ là Bùi Huy Phan (người tỉnh Nam Định) ; Thị lang truy thụ Tuần phủ là Phan Đình Tuyển (người tỉnh Hà Tĩnh), thự Lãnh binh tặng Chưởng vệ là Lê Viết Cẩn (người tỉnh Quảng Nam) ; Lãnh binh tặng Chưởng vệ là Lê Tuân (người tỉnh Quảng Trị) ; Phó lãnh binh truy thụ hàm Lãnh binh tặng Chưởng vệ là Đặng Hữu Khuê (người phủ Thừa Thiên), (dưới cũng thế) ; Lãnh binh tặng Chưởng vệ là Trần Văn Uy ; truy thụ Lãnh binh tặng Chưởng vệ là Dương Quang Chúng.

Gian tả nhất một án thờ tất cả 76 người : Chánh tam phẩm (dưới cũng thế) Trấn thủ là Nguyễn Duy Tân ; Cấm binh Vệ uý là Trương Đăng Tiến ; Cấm binh Vệ uý là Trần Duy Trân ; Bố chính là Nguyễn Đăng Hành ; Lãnh binh là Đặng Bá Quán, Bùi Quang Chu ; Bố chính là Văn Đức Khuê ; Trực học sĩ là Nguyễn Di ; Tòng tam phẩm (dưới cũng thế), chư quân Vệ uý là Hoàng Văn Liễu ; Tuyển phong Phó vệ uý là Lê Phúc Thư ; Tinh binh Vệ uý là Lương Tài ; Cấm binh Phó vệ uý (dưới cũng thế) là Nguyễn Hồ, Nguyễn Tình Lương, Nguyễn Bá, Đinh Triệu Đông ; Quang lộc Tự khanh là Trần Xuân Hòa ; Cấm binh Phó vệ uý là Trần Đản ; Chư quân Vệ uý là Bùi Vịnh ; Phó lãnh binh (dưới cũng thế) là Phạm Viết Thuận, Nguyễn Văn Vận ; Cấm binh Phó vệ uý là Ngô Văn Vãng ; Phó lãnh binh (dưới cũng thế) là Trương Viết Cường, Hoàng Phiên, Ngô Văn Toản ; Chánh tứ phẩm (dưới cũng thế), Quản cơ (dưới cũng thế) là Lê Văn Bằng, Phan Văn Thống, Ngô Xiết, Trương Duyên, Đặng Ất ; chư quân Phó vệ uý là Tôn Thất Thi ; Quản cơ là Lê Văn Vinh ; Thị độc Học sĩ là Trần Hòa ; Quản cơ (dưới cũng thế) là Lê Hùng,Trần Siêu, Dương Như Chấn, Lê Thước, Hồ Lung, Lê Lộc, Hồ Tài, Nguyễn Đễ ; Lang trung là Đặng Văn Khải ; Phó vệ uý ở Nghệ An là Nguyễn Đình Hợp ; Quản cơ (dưới cũng thế) là Phan Đình Diên, Phạm Văn Trận, Tô Văn Hạnh, Lê Văn Tế, Dương Văn Cửu ; Tòng tứ phẩm (dưới cũng thế), Phó quản cơ (dưới cũng thế) là Lê Văn Xuân, Trương Văn Bính, Hồ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Nội, Phạm Hòa, Nguyễn Quế, Trần Hữu Thuận, Trịnh Đăng Ất, Lê Văn Khiêm, Văn Tiến Chiểu, Đinh Hữu Thịnh, Hồ Nhàn,

Trần Văn Thiệu, Nguyễn Văn Tài (người ở Thừa Thiên), Mai Dụ, Nguyễn Văn Ưng ; Hoàng Toản, Phạm Văn Tứ, Nguyễn Văn Tài (người ở Quảng Nam) ; Quản đạo là Phan Quang Vỹ ; Phó quản cơ (dưới cũng thế) là Trần Đăng Kiêm, Nguyễn Lương, Hồ Như Bách, Lê Văn Khuyến, Lê Thanh Thụy ; Thị giảng Học sĩ (dưới cũng thế) là Hoàng Tạo, Hoàng Hữu Tài ; Phó quản cơ là Dương Văn Chuẩn.

Gian hữu nhất một án thờ tất cả 75 người : Chánh tam phẩm (dưới cũng thế), Vệ uý (dưới cũng thế) là Vũ Văn Bỉnh, Nguyễn Văn Hợp ; Thị lang là Tôn Thất Trĩ ; Lãnh binh (dưới cũng thế) là Trần Đô, Vũ Thành, Phạm Xuân Quang, Đoàn Hùng, Đặng Văn Phong ; Tòng tam phẩm (dưới cũng thế), Trần sách quân Phó vệ uý là Ngô Văn Thụy, Nguyễn Văn Chất ; Phó lãnh binh là Vũ Hoan ; Phó vệ uý (dưới cũng thế) là Lâm Quang Hoành, Vũ Như Thành ; Phó lãnh binh là Hoàng Duật ; Cấm binh Phó vệ uý (dưới cũng thế) là Mai Trì (trước là Đặc), Trần Diệu ; Phó lãnh binh (dưới cũng thế) là Lê Quy, Nguyễn Bách ; Cấm binh Phó vệ uý (dưới cũng thế) là Nguyễn Huấn, Vũ Hổ, Trần Hữu Vận, Trần Lương Đăng, Trần Vĩnh Cát ; Chánh tứ phẩm (dưới cũng thế), Quản cơ (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Thức, Nguyễn Văn Hiệu, Dương Văn Phong ; Phó vệ uý là Trần Đôn Khâm ; chư quân Phó vệ uý là Hà Nguyệt ; Quản cơ là Trần Trang ; Án sát là Nguyễn Khoa Dục, Thị độc Học sĩ là Phạm Đức Hinh ; Quản cơ là Bùi Đức Tụng ; Thị độc Học sĩ là Doãn Chính ; Quản cơ là Lê Xuân ; Lang trung là Lê Đình Thức ; Quản cơ là Lê Nghị ; Án sát là Hoàng Văn Giảng ; Quản cơ (dưới cũng thế) là Hoàng Kiểm, Lê Mậu Chuyên ; Thị độc Học sĩ (dưới cũng thế) là Nguyễn Huy Quang, Vũ Tiến Đảng ; Quản cơ là Trần Duy Khoa ; Lang trung sung Bang biện là Nguyễn Tích ; Quản cơ (dưới cũng thế) là Trần Trì ; Tòng tứ phẩm, Phó quản cơ (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Bại, Đặng Công Huy, Hoàng Văn Cưu, Trần Văn Gia, Nguyễn Đình Hán, Nguyễn Tự, Trương Đức Quảng, Nguyễn Đình Thịnh, Hoàng Lô, Phan Hữu Diễn ; Thị giảng Học sĩ là Vũ Văn Bách ; Phó quản cơ (dưới cũng thế) là Nguyễn Huy Đường, Mai Nội, Tôn Thất Nhàn, Trần Hữu Niên, Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Đại Độ, Nguyễn Xuân Tư ; Cai đội quyền sung Lãnh binh, hàm Tòng tứ phẩm là Nguyễn Luân ; Thị giảng Học sĩ là Tôn Thất Phiên ; Phó quản cơ (dưới cũng thế) là Trương Tiễu, Trần Đình Tái, Hồ Thứ, Nguyễn Nghị, Hồ Đức Thiệt (trước là Hoạt), Đặng Văn Tú, Hoàng Văn Bích, Nguyễn Văn Triêm, Phan Văn Nghi, Lê Văn Ngọ.

Dãy bên đông, án thứ nhất thờ tất cả 151 người : Chánh ngũ phẩm, Cai đội (dưới cũng thế) là Đỗ Văn Mao, Hồ Văn Thục, Hoàng Văn Mãi, Trần Văn Chiến, Văn Phú Chư, Trần Nhật Hiển, Nguyễn Lược ; Thị độc là Nguyễn Thành ; Cai đội (dưới cũng thế) là Hoàng Hữu Chiểu (trước bên tả viết chữ nhật tức là chữ Chiếu), Hà Hổ, Phùng Sáng ; Thị độc là Lê Thanh Bạch, Nguyễn Huy Tân ; Cai đội (dưới

cũng thế) là Nguyễn Dũng, Nguyễn Văn Duy (trước là Giai), Nguyễn Văn Linh, Lê Phúc Đông, Hoàng Câu, Đặng Văn Bách ; Thị độc là Nguyễn Sĩ ; Cai đội sung Hiệp quản là Bùi Đăng Văn ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Túc, Nguyễn Văn Lật, Nguyễn Hoán, Lý Văn Chước, Nguyễn Văn Đắc, Phạm Khuê, Phạm Văn Tiệp, Nguyễn Văn Lăng, Nguyễn Đắc Nhàn, Trần Ngọc Liễn, Nguyễn Thọ Quản (trước là Viên), Nguyễn Duy Đức, Trần Hữu Thái, Hồ Quý, Nguyễn Đình Duyên, Lê Vạn Chung, Nguyễn Tú, Phạm Cấn, Trương Đức Hùng, Vũ Vinh, Nguyễn Hữu Lực, Nguyễn Văn Khu, Phan Văn Thiêm, Nguyễn Du, Ngô Văn Khám, Lê Văn Nhận, Nguyễn Đức Hiển, Vũ Viết Cận, Lê Văn Luận, Ngô Đính, Trịnh Xuân Hoành, Hà Văn Mão, Nguyễn Văn Kiên, Nguyễn Xuân Kiểm ; Quản đạo là Mạnh Tuyển ; Cai đội là Trần Tất ; Thị độc là Nguyễn Đức Dĩnh ; Cấm binh Cai đội là Cao Tình ; Tòng ngũ phẩm Cai đội (dưới cũng thế) là Lê Văn Xuyến, Hầu Cao Đạo, Nguyễn Đăng Tiến, Nguyễn Văn Nở, Sơn Đột, Nguyễn Văn Hào, Phạm Văn Ngoạn ; Chánh đội trưởng Suất đội là Nguyễn Văn Đạt ; Cai đội là Nguyễn Văn Do ; Chánh đội trưởng Suất đội là Lê Đặc ; Cai đội Bang biện Phó quản cơ Nguyễn Văn Truật ; Cai đội (dưới cũng thế) là Lê Lân, Nguyễn Đình Luyện ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội là Lê Văn Bạch (trước là Cẩm) ; Cai đội là Vũ Sự ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội là Trần Viết Xử ; Cai đội (dưới cũng thế) là Phạm Thu, Lê Văn Kiệm ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội Nguyễn Quang Bì ; Thừa chỉ là Nguyễn Tố Lập ; Cai đội là Nguyễn Oánh ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội (dưới cũng thế) là Trương Quang Viên, Hà Văn Lựu ; Cai đội là Văn Ngọc Thụy ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Dư, Trần Đang Huy ; Cai đội Dương Danh Nhung ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội Nguyễn Hữu Tình ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Tử Tháo, Lê Lễ ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội là Lê Bảng ; Cai đội là Nguyễn Văn Bài ; Tri phủ là Phan Văn Đạt, Cai đội là Cao Văn Hậu; Chánh đội trưởng Suất đội là Bùi Viết Quy ; Suất đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Hâm, Vương Bá Kỷ, Nguyễn Văn Tý (trước là Hảo), Lê Đình Trì, Phạm Viết Đắc, Phạm Thịnh, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Văn Hậu, Trần Văn Thứ, Nguyễn Xuân Phương ; Văn giai Tòng ngũ phẩm là Vũ Thuật ; Tinh binh Cai đội (dưới cũng thế) là Trần Đại Ninh, Vũ Thắng ; Văn giai Tòng ngũ phẩm là Nguyễn Bá Doãn ; Thị độc là Đinh Hữu Hoạch ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Hào, Ngô Văn Mạo, Nguyễn Đắc, Hà Văn Thành (người Hà Nội), Nguyễn Trọng Ân, Bùi Văn Lương, Ngô Văn Mao, Đào Văn Huân, Nguyễn Văn Huy ; Chánh đội trưởng Suất đội là Lê Văn Sĩ ; Cai đội (dưới cũng thế) là Phạm Văn Ngũ, Lê Huy, Hà Văn Thành (người ở Thừa Thiên), Lê Quang Mỹ, Đinh Trân, Nguyễn Văn Nghiêm, Nguyễn Văn Nhiêu, Nguyễn Văn Khanh, Trần Danh Hiển, Ngô Hữu Thành, Đặng Hữu Chính, Đỗ Tuấn, Trần Văn Luyện,

Đào Thuận ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội là Vũ Văn Thìn ; Cai đội là Phạm Văn Hiện ; Tòng ngũ phẩm văn giai là Nguyễn Trí ; Cai đội (dưới cũng thế) Trương Văn Thiện, Nguyễn Trọng Hoằng, Nguyễn Văn Túc ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội là Nguyễn Văn Đàm ; Chánh đội trưởng Suất đội là Nguyễn Văn Tư; Chánh đội trưởng Suất đội là Hồ Văn Phan ; Thị giảng là Trần Đình Lãng ; Chánh đội trưởng Suất đội là Hoàng Văn Phó ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Phú Lịch, Nguyễn Hữu Trữ, Nguyễn Lực, Vũ Văn Khuyến.

Dãy bên tây, án thứ nhất thờ tất cả 148 người : Chánh ngũ phẩm (dưới cũng thế), Cấm binh Cai đội là Bùi Văn Hoá, Nguyễn Đình Thuỳ, Lê Phụ Hoàng, Lê Văn Chẩm, Nguyễn Văn Nhàn, Nguyễn Hữu Chinh, Bùi Xuân Đài, Đinh Thanh, Nguyễn Văn Bồi (trước là Thường), Nguyễn Loan, Đoàn Lộc, Nguyễn Đằng ; Thị độc là Lê Huy Trạc ; Cấm binh Cai đội là Trần Văn Đệ ; Thị độc (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Sinh, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Trúc ; Thị độc (dưới cũng thế) là Trần Huy San, Nguyễn Ngọc Chấn ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Trạc, Trần Văn Vận, Trần Văn Liễu, Đỗ Văn Mão, Phan Tiến Xuân, Nguyễn Văn Bảng, Phạm Hữu Tuyển, Đoàn Phổ Thu, Đoàn Văn Bích, Nguyễn Văn Chí, Phạm Văn Tú, Lê Văn Hướng, Nguyễn Văn Hổ, Nguyễn Văn Hoài, Lê Văn Huề, Pham Văn Bồi, Bế Tỷ, Hồ Khắc Oai, Phạm Văn Khinh, Trần Tu, Phạm Canh, Trần Văn Vu, Phạm Văn Đạo, Hồ Bảo, Nguyễn Mộng, Trần Văn Quy ; Thị độc là Mai Huy Thuận ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Mô, Trần Văn Quảng, Dương Phú Liễm, Hoàng Cộng, Vũ Cạnh, Đinh Văn Doanh, Đoàn Văn Bàng, Hoàng Văn Kình, Phan Cảnh Nhị, Ung Văn Lý ; Tòng ngũ phẩm (dưới cũng thế), Cai đội các cơ (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Thư, Nguyễn Huy Dao, Nguyễn Đặng Nhưng, Bùi Văn Hạnh, Đồ Văn Sở, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Văn Đà, Nguyễn Văn Giám, Lê Tất Do, Nguyễn Văn Biểu, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Viết Ân, Nguyễn Văn Điều ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Quang Lộc, Phạm Văn Tạo, Nguyễn Văn Lễ ; Tinh binh Cai đội (dưới cũng thế) là Phạm Đăng Tự, Đoàn Văn Trọng, Nguyễn Đình Tụng, Vũ Văn Hòa, Lê Văn Lễ, Nguyễn Đăng Thành, Nguyễn Tâm Lược ; Cấm binh Chánh đội trưởng Suất đội là Nguyễn Hoằng Cát, Tinh binh Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Ích, Phùng Trọng Chân ; Suất đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Như Trương ; Hoàng Văn Thông; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Hữu, Nguyễn Túc, Trần Hữu Tuấn, Lê Đắc Quận, Hoàng Bá Thành, Phạm Văn Na, Nguyễn Đình Bao, Nguyễn Văn Hữu, Hoàng Phúc Lễ, Phạm Nhi, Bùi Văn Quý ; Thừa chỉ là Đặng Văn Lang ; Tinh binh Cai đội (dưới cũng thế) là Cao Đức Mậu, Dương Văn Kiểm, Trần Tâm ; Tri phủ là Nguyễn Công Quang ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Trí Chư, Vũ Đắc Lộc ; Tòng ngũ phẩm

văn giai là Lê Đức Cơ ; Cai đội (dưới cũng thế) là Lưu Văn Trí, Đào Xuân Quỳ, Ngô Triêm ; Suất đội là Phan Đức Vận ; Cai đội là Hoàng Trú ; Suất đội là Nguyễn Văn Tạo ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Huy, Trần Văn Nghị ; Suất đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Hoài, Hà Văn Niên ; Cai đội là Nguyễn Duy Đính ; Suất đội là Dương Đức Tiền ; Tinh binh Cai đội (dưới cũng thế) là Hoàng Văn Viện, Nguyễn Vị, Hà Văn Câu ; quyền sung Hiệp quản là Lê Văn Hổ ; Cai đội (dưới cũng thế) là Đào Đạo, Nguyễn Văn Huy ; Suất đội là Nguyễn Văn Môn ; Cai đội (dưới cũng thế) là Phạm Đình Môn, Vũ Văn Hoá, Trần Nghiêm ; sung Hiệp quản là Hoàng Đắc Nhị ; Cai đội là Trương Hữu Du ; Tri phủ là Bùi Văn Sán ; Cai đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Đình Khoa ; sung Hiệp quản là Lê Văn Đông ; Cai đội (dưới cũng thế) là Vũ Khuyên, Trần Văn Nhất, Vũ Thưởng ; Suất đội là Trần Văn Luận ; Cai đội là Trần Kình ; Suất đội là Trần Văn Hùng ; Thị giảng là Nguyễn Hữu Duân ; Cai đội (dưới cũng thế) là Ngô Triều, Hà Tiến Dĩnh ; Suất đội (dưới cũng thế) là Lê Văn Kỳ, Trương Hữu Phúc ; Cai đội là Lê Khắc Định ; Tri phủ là Doãn Đê ; Cai đội (dưới cũng thế) là Vũ Huy Bảng, Trương Ngọc Vũ.

Dãy bên đông, án thứ hai thờ tất cả 141 người : Chánh lục phẩm (dưới cũng thế) là Chủ sự Lê Đình Duật ; Suất đội là Nguyễn Như Xuân ; thí sai Cai đội là Nguyễn Hữu Trữ ; ngũ đẳng Thị vệ là Phan Gia Phiên ; Suất đội (dưới cũng thế) là Hoàng Văn Nho, Bùi Văn Trường, Lê Văn Hoài, Nguyễn Văn Thành, Trần Hữu Thịnh, Hồ Phác, Phạm Linh, Nguyễn Đăng, Nguyễn Chung, Nguyễn Niên, Phạm Văn Viễn, Đỗ Văn Phấn, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Đăng Dũng, Nguyễn Văn Cường, Bùi Văn Hạch, Đặng Văn Vỹ, Lê Văn Dương, Nguyễn Văn Hồi, Nguyễn Tiến Suất, Hồ Sơn, Lê Xuyến, Phan Thiện Quảng, Trương Mẫn ; Chủ sự là Phạm Chân ; Chánh lục phẩm là Bùi Phạm Thuỷ ; Suất đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Hữu Tự, Nguyễn Văn Thực ; Nguyễn Văn Dưỡng, Nguyễn Văn Vũ, Phan Văn Phi, Nguyễn Nghĩa, Hoàng Hiền Lộc, Trần Văn Chiểu, Trần Ngọc Khuê, Ngô Đắc Mưu, Đồng tri phủ là Đào Huy Diệu ; Suất đội (dưới cũng thế) là Bùi Văn Việt, Đặng Đình Lưu ; Cai đội là Nguyễn Đình Quý ; Suất đội là Nguyễn Đình Thạch ; Đồng tri phủ (dưới cũng thế) là Nguyễn Thận, Trịnh Bao, Lê Trần Thiện ; Suất đội (dưới cũng thế) là Lê Tiến Vân, Đoàn Của ; Tòng lục phẩm (dưới cũng thế) Tri huyện là Nguyễn Văn Năng ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Khổng Văn Chương, Lê Văn Tuân, Hoàng Đức Lợi, Hoàng Tiến Quốc, Phan Văn Bàn, Nguyễn Văn Bách, Trần Văn Thôn, Nguyễn Văn Hy, Nguyễn Văn Thị (trước là Đặc), Bùi Văn Tiết, Nguyễn Văn Trợ, Nguyễn Văn Phạt, Trần Văn Tý (trước là Hảo), Lê Văn Bách, Đào Văn Cốc, Nguyễn Văn Sung (trước là Nguyên), Nguyễn Văn Học, Lê Văn Ký, Nguyễn Văn Thọ, Phan Văn Tố, Nguyễn Văn Dịch, Phan Văn Trãi, Từ Văn Mão, Trương Quang Đông, Nguyễn Văn Xuân, Phan Văn Hổ, Lê Văn Trí, Lê Văn Linh,

Trần Đăng Giai, Trần Văn Thành, Trần Văn Thanh, Trần Văn Đảng, Dương Viết Dốc ; Tri huyện (dưới cũng thế) là Đỗ Trình Thụy, Ngô Trực Nghĩa ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Ty, Nguyễn Sĩ Hạnh (trước là Đức), Trần Ngọc Thụy, Mai Hữu Đắng ; Tòng lục phẩm văn giai là Nguyễn Đăng Trạch ; Cấm binh Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Kiêm Thanh, Đỗ Văn Bàn (trước là Minh), Vương Văn Tự, Nguyễn Văn Nhất, Lê Văn Tiền ; Tòng lục phẩm văn giai là Đặng Văn Uyên ; Chánh đội trưởng là Nguyễn Hương ; Tòng lục phẩm văn giai là Trần Đức Phác ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Trần Văn Tư, Ngô Văn Toại, Dương Công Đàn, Nguyễn Hữu Diệu, Nguyễn Khắc Kỷ, Nguyễn Văn Lộc, Lê Văn Loát, Dương Văn Tiền, Thông phán là Nguyễn Đức Du ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Loan, Vũ Văn Hoành, Nguyễn Văn Phong, Phan Gia Sách, Đoàn Văn Cơ, Trần Văn Hùng, Phạm Hữu Sắc, Nguyễn Văn Điện, Nguyễn Đức Duy, Bùi Văn Túc, Ngô Văn Tài, Lê Văn Lý, Nguyễn Hữu Khuông, Nguyễn Văn Lâm, Trần Văn Trị, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Văn Đạo, Vũ Bá Niên (trước là Nguyễn), Phùng Văn Hoan, Lê Văn Học, Phạm Đăng Phấn, Phạm Cù ; Tri huyện là Hà Đăng Dụng ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Phạm Tiến Nhị, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Văn Bảo, Ngô Văn Đãi, Nguyễn Văn Túc, Bùi Văn Từ, Phạm Văn Bình, Nguyễn Văn Cương, Lương Văn Thức.

Dãy bên tây, án thứ hai thờ tất cả 138 người : Chánh lục phẩm (dưới cũng thế) Đồng tri phủ là Nguyễn Khuê ; Tinh binh Chánh đội trưởng Suất đội (dưới cũng thế) Nguyễn Văn Túc, Vũ Văn Phong, Bùi Văn Lực, Nguyễn Văn Kinh ; Lê Văn Bảng, Đàm Danh Thanh, Bùi Văn Thiều, Trần Đình Quý, Trần Văn Tình, Hoàng Văn Ước, Vũ Bá Cừ, Cao Văn Trì ; Đồng tri phủ là Lê Bá Lân ; Chánh đội trưởng Suất đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Chế, Trần Viết Thỉnh, Đoàn Văn Tuân ; Trước tác là Trần Văn Mỹ ; Chánh đội trưởng Suất đội (dưới cũng thế) là Trần Văn Diên, Tạ Văn Lâu, Mai Văn Hòa, Bùi Văn Chiêm, Phạm Văn Quảng, Hoàng Văn Đường, Nguyễn Văn Lâm, Vũ Văn Ký, Nguyễn Văn Lý, Hồ Trọng Đằng, Nguyễn Văn Thính ; Trước tác là Nguyễn Đình Phương ; Chánh đội trưởng Suất đội (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Bách, Nguyễn Văn Vệ, Nguyễn Bá Kình, Nguyễn Văn Quán, Nguyễn Văn Tá, Nguyễn Xuân Khiêm, Nguyễn Đăng Đâu, Bùi Văn Dự, Ngô Văn Tòng, Man Đức Vy, Chu Văn Thân, Nguyễn Văn Sử, Lê Văn Môn, Nguyễn Văn Túc, Trần Hữu Châu, Nguyễn Tiến Khanh, Trần Văn Chất, Trần Văn Doanh, Gà Văn Hân, Phan Văn Thân ; Tòng lục phẩm (dưới cũng thế) Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Luân, Nguyễn Văn Vọng, Nguyễn Đăng Đạt, Phan Văn Chiểu, Nhữ Văn Chiểu, Hồ Văn Bình, Hoàng Văn Sầm, Nguyễn Tiến Thọ, Hoàng Văn Khánh, Lê Văn Cẩn, Nguyễn Văn Lai, Nguyễn Văn Loan, Lê Văn Cố, Nguyễn Văn Thú, Thân Văn Sinh, Nguyễn Văn Ban, Vũ Viết Trực,

Nguyễn Văn Thưởng, Trần Văn Thuận, Nguyễn Văn Sâm, Trần Văn Chiểu, Lê Thọ Dực, Nguyễn Văn Hoạch, Phạm Văn Đường, Hoàng Đình Trữ, Phan Thiên Quảng, Phạm Quay ; Thông phán là Đào Duy Hy ; Cấm binh Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Đái Duy Tuý, Nguyễn Văn Trứ, Nguyễn Đức Hòa, Đặng Soạn, Đỗ Văn Chức, Nguyễn Văn Tự, Ngô Văn Duệ, Trần Văn Nục, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Đình Đệ, Phan Văn Ân, Chu Văn Viện, Phạm Văn Đích, Nguyễn Văn Liễu, Lê Văn Phu, Mai Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Tín, Nguyễn Thuế, Vũ Văn Tài, Dương Như Huy, Nguyễn Tăng Khoái, Nguyễn Hữu Hiển, Trương Ngoan, Trịnh Văn Vân, Nguyễn Duy Hậu, Hồ Bá Củng, Nguyễn Xuân, Vũ Đình Cổn, Biện Văn Giáo, Phan Hữu Duệ ; Tòng lục phẩm văn giai là Nguyễn Tĩnh ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Thiết, Bùi Văn Gương, Nguyễn Văn Lẩm, Đặng Mạo ; Tu soạn là Tạ Văn Đình ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Mai Văn Cát, Hoàng Kiên, Trần Vy ; Phạm Đức Hựu, Phạm Văn Hiệu, Nguyễn Văn Cơ, Nguyễn Văn Lao, Vũ Văn Vân, Nguyễn Văn Định, Nguyễn Văn Sử, Nguyễn Văn Lễ, Lê Đức Huân, Nguyễn Văn Phi, Lê Văn Biểu, Trương Văn Tiền, Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Lưu Đức, Vũ Văn Dự, Lê Văn Chỗi, Nguyễn Văn Mãi, Phan Văn Lập, Nguyễn Văn Trúc, Tri châu là Ma Doãn Lương.

Dãy bên đông, án thứ ba thờ tất cả 395 người : Chánh thất phẩm (dưới cũng thế) Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Vũ Văn Chấn, Dương Văn Kim ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Quang, Trần Kim Sự ; Chánh thất phẩm Thiên hộ là Nguyễn Đức Tín ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Cao Hổ, Ngô Văn Ước ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Phạm Văn Thân, Lê Hữu Du, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Tạo, Phan Văn Diệm, Lê Văn Cải, Nguyễn Văn Giáo, Từ Văn Thịnh, Lâm Văn Can, Thái Văn Nhiễm, Nguyễn Văn Sắc, Hoàng Văn Ký, Nguyễn Văn Hoá, Lê Văn Kiệt, Nguyễn Văn Qua, Đào Văn Hán, Ngô Tòng Hòa, Lê Văn Khanh, Nguyễn Điểu, Nguyễn Văn Nghi ; Tư vụ là Lê Chính Nghị ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Đình Tuyên, Chử Biểu ; Trần Xuân Du, Vũ Đình Diễm, Trần Văn Khả, Nguyễn Duy Thọ, Nguyễn Huy Chước, Mai Viết Yên, Bùi Nghi, Nguyễn Văn Sĩ, Nguyễn Phùng, Trần Văn Tái, Đỗ Văn Phả, Lê Văn Mỹ, Nguyễn Đức Tuyên, Nguyễn Văn Thu, Nguyễn Hữu Tạo ; Chánh thất phẩm Thiên hộ là Đinh Công Dưỡng ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Âm, Đặng Đăng Khoa, Lê Thành Tập, Nguyễn Viết Đức, Bùi Đình Ngữ ; Chánh thất phẩm Thiên hộ là Nguyễn Lâm ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Trương Dưỡng, Vũ Văn Thành, Lê Đình Tư, Đỗ Danh Vân ; Chánh thất phẩm văn giai là Đào Ngọc Vinh ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Chế ; Lê Văn Đệ, Chu Văn Sâm, Lê Văn Tân, Nguyễn Văn Trại, Đường Văn Trí ; Chánh thất phẩm văn giai là Nguyễn Quý Doãn ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Lê Thanh Quang,

Nguyễn Đình Túc, Nguyễn Văn Hội, Nguyễn Thắng, Nguyễn Hữu Sơn, Nguyễn Văn Suất, Nguyễn Khắc Toại, Vũ Đình Quyên, Bùi Đình Trí, Mai Quang Khả ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Trần Thành, Thiều Văn Dưỡng, Hoàng Ký Chính ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Thiển, Lê Đình Kế, Đội trưởng (dưới cũng thế) là Đặng Tứ, Trần Huy Án, Hoàng Văn Dị, Phạm Duy Năng, Lê Văn Giản, Phạm Duy Thanh, Phạm Bản, Phạm Văn Cân, Mai Trác, Vương Văn Hộ, Hoàng Viết Thủ, Nguyễn Văn Thảo, Bùi Văn Kình, Nguyễn Văn Điều ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Lê Văn Bồng, Tăng Viết Hộ, Phan Long Hiền, Đặng Bá Bỉnh ; Chánh đội trưởng là Nguyễn Phả ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Hoàng Thậm, Phan Khắc Vân, Nguyễn Văn Ngữ, Mai Văn Đạt, Trương Văn Tiên ; Chánh đội trưởng Bùi Hữu Thuỳ ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Hiển, Nguyễn Văn Tịch, Phạm Văn Vịnh, Phan Khắc Bỉ, Trần Văn Hán, Bùi Văn Học, Đoàn Văn Ý, Lê Văn Kham, Bùi Văn Phác, Nguyễn Đình Tiến, Bùi Mộc ; Chánh đội trưởng là Trần Bích ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Trực, Nguyễn Văn Tề, Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Văn Thiện, Thái Văn Khiết, Hồ Văn Dụng, Thảo Văn Hợp, Nguyễn Văn Học, Hoàng Văn Ký, Đỗ Văn Phẫn, Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Văn Thịnh, Trần Văn Vị (trước là Chu), Thái Doãn Kế, Lê Đình Công, Phạm Văn Diễn, Trần Văn Dư, Phan Văn Bài, Nguyễn Văn Hoan, Nguyễn Dính, Trần Văn Sinh, Trương Vệ, Lê Văn Niên, Nguyễn Văn Thành, Lê Khánh Trực, Hà Văn Dưỡng, Vũ Văn Tiến, Nguyễn Văn Vị, Dương Đình Nho, Trần Văn Lộc, Trần Hữu Dốc, Nguyễn Hữu Tràng, Lê Văn Khoáng, Hoàng Văn Ngư, Lê Văn Kỳ, Nguyễn Văn Dậu, Thái Văn Ngôn, Mai Văn Mưu, Lê Văn Thành, Trần Văn Oai, Nguyễn Văn Viết, Tăng Văn Điểu ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Đăng Triềm, Nguyễn Sách, Đinh Công Khiêm, Nguyễn Bá Phú ; Chánh thất phẩm Thiên hộ là Đặng Huy Trinh (trước là Thái), Trần Chí Thiện ; Chánh thất phẩm Thiên hộ là Nguyễn Văn Hỗ ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Trần Văn Đá, Vũ Văn Liễu, Phạm Hữu Cát, Phan Thảo ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Đức Tuân, Nguyễn Văn Nhuận, Vũ Mão, Đinh Vĩnh, Trương Văn Do, Lê Văn Mão, Lê Văn Mỹ, Đặng Văn Tính, Nguyễn Văn Chân, Lê Văn Của, Nguyễn Văn Thảo, Đỗ Văn Đãi, Phạm Văn Giáo ; Chánh đội trưởng là Phan Trung ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Vũ Văn Cử, Nguyễn Văn Thuý, Lê Văn Phù ; Tòng thất phẩm (dưới cũng thế) Đội trưởng (dưới cũng thế) là Vương Đình Núc, Nguyễn Xuân Cẩn, Lê Văn Dù, Hồ Văn Cẩn, Lê Thanh Ngữ, Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Viết Sửu, Lê Tống Hoằng, Lã Đình Thoái, Lê Văn Nghiêm, Chu Văn Thi, Trần Hữu Chiêm, Nguyễn Văn Nghĩa, Trương Văn Tạo, Dương Văn Lịch, Nguyễn Văn Bản, Nguyễn Văn Mãi, Hồ Văn Loát, Nguyễn Văn Phi, Nguyễn Văn Trị, Kiều Bình, Bùi Thân, Nguyễn Đạt, Hoàng Ngọc Cù, Nguyễn Đạo, Hoàng Văn Thể, Phan Bạch (trước là Cẩm), Nguyễn Văn Mậu,

Nguyễn Tài, Đặng Cố, Đặng Vu, Vương Doanh, Lê Thoái, Nguyễn Hữu Điển, Nguyễn Văn Hào, Bạch Công Dưỡng, Đông Văn Nghiệp, Nguyễn Hữu Khuyến, Phạm Văn Do ; Tòng thất phẩm Thiên hộ là Nguyễn Lâm ; Đội trưởng Lê Đức Dĩ ; Chánh bát phẩm Thư lại là Nguyễn Đức Vĩnh ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Lê Oánh, Vũ Ưng, Vũ Văn Viết, Nguyễn Văn Điển, Cao Văn Mỹ, Bùi Duy Tê, Nguyễn Tứ, Dương Thông, Vũ Duy Hinh, Nguyễn Khương Giang, Trần Văn Tiếp, Hồ Văn Cát, Hồ Viết Dũng, Đỗ Văn Trưng, Nguyễn Lưu, Ngô Ngọc Huyên, Vũ Xuân Trương, Phạm Cải, Phạm Xỉ, Phạm Xuân Tô, Phạm Nhưng Tảo, Nguyễn Quyến, Phạm Dụ, Phạm Xuân Hạp, Nguyễn Văn Túc, Phạm Văn Kết, Phạm Ngọc Lợi, Phạm Sĩ Tựu, Phạm Khắc Âm, Tạ Trác, Phạm Duy, Trần Luận, Tạ Viễn, Vũ Văn Trang, Tống Văn Thanh, Phạm Văn Tiên, Nguyễn Văn Duyên, Vũ Văn Học, Phạm Điển, Phạm Tài, Vũ Luân, Lê Khắc Hệ, Mai Văn Triệu, Mai Văn Điển, Phạm Tình, Mai Bồng, Mai Khiết, Trương Giảng, Nguyễn Dương Quang, Phạm Quảng, Nguyễn Văn Hậu, Mai Đệ, Nguyễn Thuộc, Nguyễn Văn Giáo, Bùi Văn Mông, Vũ Văn Duyệt, Đặng Tri Nghị, Trần Văn Lương, Vũ Văn Đính, Đoàn Chiểu, Phạm Viết Vinh, Nguyễn Văn Sâm, Phạm Văn Chí, Phan Văn Tú, Đào Văn Chiểu, Nguyễn Hòa, Nguyễn Thành, Hoàng Tất Văn, Phan Thuận, Tạ Danh Đức, Phạm Tuỳ, Nguyễn Hữu Thắng, Nguyễn Văn Tha, Nguyễn Văn Thấu, Trịnh Sĩ Lý, Nguyễn Văn Khuyến, Nguyễn Văn Trang, Nguyễn Văn Huân, Lã Hữu Kiểu, Trịnh Đình Tân, Bùi Văn Đôn, Đinh Văn Định, Bùi Văn Tân, Trịnh Văn Kỳ, Lê Danh Kiền, Nguyễn Quang Diệu, Trịnh Văn Khải, Nguyễn Đình Thưởng, Trịnh Đình Viễn, Ngọ Văn Kỳ, Nguyễn Văn Tuyển, Nguyễn Văn Mai, Dương Văn Miễn, Dương Văn Biến, Lê Văn Xuyến, Nguyễn Ưng, Hoàng Văn Do, Vũ Văn Kế, Trần Văn Mô, Ngô Văn Dưỡng, Diệp Văn Tứ, Phan Văn Lợi, Cao Văn Vũ, Phan Văn Tuý, Đinh Văn Xuân, Lê Văn Kiền, Nguyễn Văn Hưởng, Nguyễn Đình Huy, Nguyễn Văn Quỳ, Phạm Văn Chiểu, Hoàng Văn Sảng, Nguyễn Văn Môn, Vũ Văn Đạt, Đoàn Văn Đồng, Lại Danh Hiển, Mai Văn Liêm, Mai Thi, Phạm Hữu Đạo, Nguyễn Văn Ân, Nguyễn Văn Ước, Phạm Văn Bách, Phạm Tải, Phạm Huỳnh, Đỗ Quang Thưởng, Đinh Văn Dụng, Đinh Văn Tuyển, Bùi Văn Lợi, Nguyễn Văn Oai, Nguyễn Tứ, Trương Đình Đa, Vũ Văn Bột, Trần Ngọc Chấn, Nguyễn Quang, Hoàng Văn Khoát, Nguyễn Văn Bằng, Nguyễn Văn Lễ, Nguyễn Đồng, Nguyễn Công Thuật, Trần Tử Giảng, Nguyễn Hợp, Nguyễn Đình Văn, Đoàn Văn Phát, Phan Hợp, Nguyễn Văn Quỳnh, Đỗ Đắc Xuân, Vũ Xuân Hiểu, Dương Văn Hoàn, Đào Văn Tuyên, Lê Đồn, Phạm Văn Hoan, Trần Văn Thị, Trần Đăng Dũng, Trần Viết Phùng, Lê Văn Nẫm, Nguyễn Tân, Đỗ Phú Vinh, Nguyễn Văn Cao, Nguyễn Văn Tùng, Vũ Văn Chợ, Nguyễn Văn Lai, Hoàng Văn Hựu, Hoàng Đức Mậu, Nguyễn Văn Ân, Nguyễn Trương Đức, Trần Văn Dụng, Đỗ Văn Vinh, Đỗ Văn Thân.

Dãy bên tây, án thứ ba thờ tất cả 390 người : Chánh thất phẩm (dưới cũng thế) Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Thiện, Hoàng Văn Đàm, Đỗ Văn Thiết, Lê Hữu Tài, Hoàng Văn Ưng, Nguyễn Văn Lộc, Lê Đức Lệ, Hà Phúc Điện, Trần Văn Nhu ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Của, Nguyễn Giác, Nguyễn Điểu, Trần Văn Ư, Hoàng Văn Huân, Hồ Văn Thứ, Trần Văn Củ, Nguyễn Văn Đinh ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Phạm Văn Lý, Nguyễn Văn Xuân, Hà Văn Sĩ, Dương Văn Lộc, Tống Văn Thành, Nguyễn Văn Hoan (trước là Quyền), Nguyễn Văn Hy, Trần Văn Dính (trước là Minh) ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Đặng Văn Tỷ, Nguyễn Sơn, Lê Đăng Đoán, Lê Văn Lộc (trước là Lục), Vũ Trí Lai, Nguyễn Văn Cấn, Hoàng Văn Phả, Hà Danh Cát, Nguyễn Văn Đàm, Biên tu là Nguyễn Huy Du ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Đắc Hải, Nguyễn Văn Kỷ, Nguyễn Văn Đâu, Nguyễn Văn Hội, Ngô Đặc, Giáp Văn Mưu, Nghiêm Giang, Cam Văn Giang, Nguyễn Hữu Điền, Dương Văn Ảnh, Nguyễn Văn Thỏa ; Đội trưởng là Phạm Quần ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Phỉ Công Thứ, Tống Văn Vinh, Bùi Văn Tường, Đỗ Kiêm Hoạt ; Đội trưởng là Vũ Định ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Hiển, Tạ Văn Nghinh, Đàm Văn Ngũ, Bùi Viết Nghi, Hoàng Công Hán ; Đội trưởng là Đỗ Văn Đạt ; Chánh đội trưởng là Lê Sinh Vũ ; Chánh thất phẩm Thiên hộ là Nguyễn Hữu Huân ; Đội trưởng là Từ Văn Thận ; Chánh đội trưởng là Phạm Đình Hán ; Đội trưởng là Nguyễn Đình Kiên, Chánh đội trưởng là Hồ Lương ; Đội trưởng là Trần Văn Trực; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Ngô Văn Thạnh, Nguyễn Đình Giác, Nguyễn Đình Trác, Trần Đức Mỹ ; Đội trưởng là Nguyễn Văn Hợp ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Viêm, Hoàng Văn Thâm, Nguyễn Văn Thông, Vũ Văn Đào, Lê Hữu Túc, Lê Văn Giữ (trước là Hưng), Đỗ Lễ, Đỗ Văn Kinh ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Bùi Văn Nhạ, Nhiếp Văn Hồ ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Hoàng Văn Bình, Thân Văn Tường, Trần Tiến Bính, Nguyễn Văn Nẫm, Đặng Thiện, Nguyễn Xuân Thu, Tăng Văn Đôn, Lê Văn Ban, Lê Văn Đăng, Đỗ Bình, Lê Văn Trừu, Trần Củ, Phạm Văn Bích, Phùng Đăng Cận, Trần Văn Trì, Nguyễn Học, Nguyễn Văn Nhung, Lê Trọng Trữ ; Đội trưởng là Nguyễn Văn Định ; Chánh đội trưởng là Chu Danh Túc ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Lộc, Đặng Đức Vy ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Bùi Đặng Kết, Nguyễn Khắc Cù ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Trần Văn Chinh, Hoàng Văn Trạch, Trần Hữu Hải, Nguyễn Đăng Quyền, Hoàng Văn Cảnh, Hoàng Văn Linh, Nguyễn Văn Bạ, Nguyễn Văn Xung. Đỗ Đức Số, Lê Đăng Lai ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Thái Văn Cát ; Đội trưởng là Hồ Văn Cường ; Chánh thất phẩm Thiên hộ là Nguyễn Đình Chính ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Tứ, Hoàng Văn Uy ; Chánh thất phẩm Thiên hộ là Khổng Duy Phiên ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế)

là Đinh Văn Tuệ, Lê Quang Độ ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Trần Văn Hiền, Nhâm Liên, Lê Đình Tô ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) Nguyễn Tâm Bạo, Hồ Đăng Quý, Nguyễn Duy Hiển ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Đăng Thân, Trần Hữu Bút, Nguyễn Tình, Trịnh Văn Viện, Hồ Bính, Trần Đức Dinh, Nguyễn Văn Thi, Dương Vĩnh Tế, Bùi Văn Chính, Lê Văn Ổn, Đặng Văn Thịnh, Nguyễn Văn Kinh, Nguyễn Văn Tòng, Trảo Văn Trực, Hồ Văn Chính, Thái Văn Sử, Hoàng Văn Tham, Vũ Văn Dính, Đoàn Văn Thảo, Trần Văn Lân ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Đỗ Văn Hội, Hoàng Văn Tăng, Nguyễn Văn Hạnh, Ngô Văn Nhạ, Vũ Hiệp ; Biên tu là Vũ Bình ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Lê Văn Dính, Phan Văn Đê, Bùi Văn Sách, Nguyễn Văn Sách ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Hồ Văn Điền, Nguyễn Văn Vân, Đặng Hữu Thính, Phan Văn Lai, Nguyễn Tam Cường, Hoàng Thế Viên, Phạm Văn Sáng, Nguyễn Cao Sự ; Chánh đội trưởng là Hồ Thọ ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Lê Văn Lịch, Đặng Văn Do, Nguyễn Văn Khoa ; Chánh đội trưởng (dưới cũng thế) là Phạm Văn Quán, Nguyễn Lãng, Lưu Xuân Phúc ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Đoàn Văn Nở, Vũ Văn Mao ; Chánh đội trưởng là Nguyễn Đức Trạch ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Phạm Văn Thai, Bùi Văn Bài ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Văn Hội ; Tòng thất phẩm (dưới cũng thế) là Nguyễn Sĩ Mưu, Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Văn Điểm, Hoàng Văn Nguyện, Nguyễn Văn Thuận, Đào Công Cao, Trương Phúc Thừa, Nguyễn Văn Thụy, Đỗ Văn Sơn, Nguyễn Văn Của, Hà Đồng, Vũ Văn Đồng (trước là Toàn), Trần Văn Bế, Trần Nguyên, Nguyễn Văn Đãi, Phạm Trung Lương, Vũ Văn Thung, Nguyễn Văn Lễ, Vũ Văn Ý, Nguyễn Văn Đặng, Lê Văn Dục, Nguyễn Trọng Thứ, Trương Tài, Trần Trợ, Hoàng Phó, Nguyễn Trị, Ma Ngọc Bằng, Nguyễn Văn Lưỡng, Đào Ngọc Ẩm ; Chánh đội trưởng là Đinh Văn Đắc ; hàm Tòng thất phẩm văn giai là Nguyễn Văn Thường; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Đinh Văn Hùng, Trần Đình Tự, Nguyễn Văn Thấu ; Tòng thất phẩm văn giai là Nguyễn Đức Biểu ; Đội trưởng là Nguyễn Công Hanh ; Chánh đội trưởng là Phan Văn Trinh ; Đội trưởng (dưới cũng thế) là Lê Hữu Tình, Bùi Viết Vy, Trần Đức Vũ, Nguyễn Văn Điểm, Đặng Đức Hoài, Nguyễn Văn Đạo, Nguyễn Quang Khanh, Nguyễn Văn Tình, Lê Viết Chân, Bùi Văn Trì, Bùi Văn Thọ, Phạm Văn Đán, Nguyễn Văn Doanh, Phạm Văn Sự, Phạm Văn Thịnh, Phạm Văn Học, Phạm Văn Trung, Phạm Văn Chất, Nguyễn Văn Khoái, Tạ Văn Đức, Đinh Văn Hanh, Nguyễn Văn Uyển, Đinh Văn Tuệ, Đinh Khắc Khiêm, Tạ Văn Lập, Nguyễn Văn Nho, Trần Văn Trào, Phạm Văn Phú, Nguyễn Văn Hanh, Dương Văn Bản, Đặng Văn Chất, Điền Duy Lợi, Điền Văn Cẩn, Điền Văn Tái, Lê Văn Giáo, Lê Văn Toản, Đinh Văn Thược, Đinh Văn Tự, Nguyễn Văn Chỉ, Vũ Văn Thức, Vũ Văn Sáu, Đào Văn Tôn, Đỗ Văn Học, Nguyễn Văn Biểu, Đinh Văn Sắt, Đặng Văn Bính, Đinh Đức Thái, Bùi Hàn,

Phạm Văn Tuyển, Phạm Văn Quỳ, Lê Văn Thổ, Lê Văn Quý, Phạm Phú Tịnh, Lê Văn Cương, Nguyễn Duy Hoạch, Hồ Văn Dũng, Chu Văn Tỷ, Nguyễn Văn Luỹ, Nguyễn Văn Xưng, Nguyễn Văn Thể, Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Văn Đức, Tô Văn Xuân, Lê Doãn Cảnh, Trịnh Văn Hào, Phạm Văn Lý, Trần Xiển, Nguyễn Văn Môn, Bùi Văn Thung, Lê Trọng Xuân, Lê Văn Viết (trước là Xương), Lê Đình Bỉnh, Hoàng Danh Toại, Phạm Văn Giáo, Điền Văn Kiến, Hoàng Khoan, Phạm Hữu Nghị, Hoàng Hữu Ích, Nguyễn Văn Đạm, Nguyễn Văn Cừu, Phạm Trinh, Nguyễn Văn A, Nguyễn Phùng Phán, Tạ Hữu Sĩ, Nguyễn Trượng, Dương Văn Phiến, Nguyễn Bút, Nguyễn Duy Mục, Phan Khắc Giản, Hoàng Văn Thưởng, Nguyễn Hòa, Nguyễn Khắc Gia, Nguyễn Sĩ Khản, Nguyễn Văn Lượng ; Kiểm thảo là Trần Cán ; đội trưởng (dưới cũng thế) là Nguyễn Đắc Trì, Dương Trí Luận, Bùi Thức, Nguyễn Đỗ Tràng, Đặng Đình Thú, Trần Văn Vy, Đoàn Văn Bảng, Nguyễn Văn Dụng, Lê Văn Lượng, Nguyễn Sửu, Nguyễn Văn Ý, Ngô Văn Cử, Nguyễn Văn Đấu, Phan Văn Vũ, Dương Sự, Lại Văn Trừu, Phạm Văn Phú, Trịnh Văn Toản, Tạ Văn Hy, Trịnh Văn Bính, Nguyễn Văn Khải, Trần Văn Hán, Đinh Văn Thuận, Đinh Văn Tuỳ, Đinh Văn Khôi, Đinh Văn Mưu, Đinh Văn Đảo, Trương Văn Đức (trước là Trị), Vũ Văn Nhiêu, Phạm Văn Long, Phạm Kỳ, Nguyễn Văn Thứ, Vũ Viết Thu, Phan Văn Thiểm, Vũ Oanh, Trần Văn Thước, Trần Quyết, Ngô Trọng, Trần Toán, Phạm Văn Thành, Phạm Văn Vũ, Vũ Duy Khảng, Đoàn Vân, Trần Sâm, Nguyễn Hán Súc, Nguyễn Văn Gian, Nguyễn Văn Hỷ, Hồ Văn Thú, Nguyễn Văn Trực, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Phiến, Phan Huyên, Thái Đình Thược, Nguyễn Mậu, Trần Vận, Phan Văn Chệu, Lê Văn Mai, Phạm Văn Sinh, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Văn Bài, Khấu Từ Thắm, Hoàng Văn Đức, Nguyễn Văn Xạ, Hoàng Văn Bằng, Nguyễn Đình Ổn, Lê Văn Chất, Nguyễn Hữu Súc, Nguyễn Văn Chiểu, Nguyễn Văn Biểu, Phạm Văn Bạch, Trịnh Văn Quỳnh, Hạ Văn Bản.

Trước đây, quan bộ Lễ, bộ Binh xét tâu lên, trong đó có đem Bố chính Bắc Ninh là Nguyễn Khắc Giai, thổ Tri huyện là Phì Chính, Trưởng sách là Loát Hoạch Bát, Thiên hộ là Hoàng Văn Long, Đội trưởng là Trịnh Văn Lục, Lê Đồng, Lê Bức ; Cai đội là Hoắc Công Thỏa, 8 người xin được thờ cả. Quan ở Nội các tâu rằng : Khắc Giai đi khám đê, bị giặc giết hại ; Phì Chính thu thuế, bị người Man bắn chết ; Hoạch Bát, Văn Long đều bị giặc Man lẻn giết ngầm ; bọn ấy lần ấy có quả là nhân đi việc công, bỗng gặp bất trắc, mà thấy nguy, bỏ mạng chết vì nghĩa, hết lòng trung, hoặc nhân việc riêng, rước lấy oan thì còn chưa thể biết được ; Văn Lục, Lê Đồng, Lê Bức đều là phái đi tải, vì bão hỏng việc và Công Thỏa (nguyên là kẻ ra thú trước, mộ được binh dõng, thưởng thụ Cai đội, tặng Quản cơ), tuy là bị chết trận nhưng nguyên là đứa ra thú, so với người trước sau toàn tiết có khác, nhất khái cho được thờ cả, sợ cũng chưa ổn. Vua bảo rằng : Trung nghĩa tất phải danh với thực

cùng xứng mới được, không được kê khai quá rộng, chuẩn cho theo nghị của Nội các.

Vua bảo bộ Lại rằng : Xuống dụ tìm hỏi người anh tài đã lâu, sao không thấy có tiến cử ? Bộ ngươi có biết trong Nam, ngoài Bắc, người nào thực có tài năng, am hiểu tình nước Tây dương, giỏi về việc ngoài ; người nào tinh giỏi nghề làm thuốc, chữa người khỏi tật bệnh ; người nào giỏi về thiên văn, bói toán rất nghiệm ; hoặc người nào văn học sâu rộng tinh thông, thơ văn hơn người ; hoặc người rất khéo, làm đồ đưa sang Tây, thì phải hết lòng xét hỏi tiến lên, vừa ý, mới là xứng chức.

Lại đặt chức Huấn đạo ở huyện Tam Dương (năm thứ tư giảm bớt chức ấy, học trò đến học tập ở nhà học phủ Vĩnh Tường, đến nay vì nhà học ở phủ xa cách, lại đặt để tiện cho học trò).

Sứ nước Pháp xin đặt nhà điện báo ở Bắc Kỳ (từ Hà Nội đi qua Hải Dương và Ninh Hải thẳng đến Đồ Sơn). Sai Viên ngoại lang bộ Công là Lê Văn Xuân để cùng phái viên các tỉnh khám xét làm việc.

Cửa ải Hải Vân có nạn hổ, ra lệnh phái viên binh ở dinh Thần cơ (4 suất đội, 40 binh lính) đến ngay chia đóng ở 4 trạm Thừa Hoá, Thừa Lưu, Thừa Phúc (thuộc phủ Thừa Thiên), Nam Chân (thuộc tỉnh Quảng Nam) do sở tại dẫn đến phận núi, tuỳ thế bắn bắt. Người bị hổ ăn thịt thì cấp cho tiền tuất (tráng hạng cấp 3 quan, già hay đàn bà thì 2 quan, trẻ con 1 quan).

Tổng đốc Hải - Yên (đã có Chỉ về Kinh, nhưng tạm ở lại làm việc) là Phạm Phú Thứ dâng sớ tâu : Sứ nước Pháp đưa thư đến, xin cho khai mỏ, lại xin bỏ lệnh cấm buôn gạo. Vua bảo rằng : Nếu cho khai mỏ ở thượng du, thì họ tự tiện đến các tỉnh, rất không tiện, trái với điều ước ; gạo hạt thì dân đương khó kiếm thức ăn, sao có thể bỏ cấm được, đợi khi được mùa mới cho. Phàm việc gì phải tự nắm lấy, xác thực có định kiến phải trái, há nên theo họ mà thay đổi.

Bảy huyện miền thượng du tỉnh Hải Dương bị đói. Sai quan tỉnh trích tiền kho và thóc nghĩa thương cấp cho vay.

Quan ở quân thứ tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh trù tính nghĩ định 5 điều về công việc giữ nơi biên giới :

- Xin đồn sở đặt trước ở Bắc Kạn, chọn cán lĩnh, thương biện mỗi chức 1 người, chiêu mộ thổ binh (500) hợp lại cùng giữ gìn. Lại chọn thổ hào, thổ mục ở Ba Bể chiêu mộ thổ dân canh giữ khai khẩn.

- Xin tuỳ tiện đặt thêm huyện châu quan chính phủ bổ đến và quan người địa phương ấy tham dùng cả.

- Xin vay tiền ở kho công 50.000 quan, gạo 5.000 - 6.000 phương và khuyên quyên thêm, lượng cấp lương tháng cho phu làm ruộng, để giúp cho việc khai khẩn

mở mang ; dân ở trung châu nếu có người nào xin theo mộ khai khẩn, thì người ở gần được cấp 10 quan, người ở xa được cấp 20 quan, đều hạn 5 năm phải trả lại.

- Xin ở quân thứ, trước phái 1.000 quân các tỉnh Bắc Kỳ đến đóng, thì nay cho về, lượng thu tiền lương để mộ cấp thổ dõng.

- Xin đem 2 phủ Thông Hoá, Tòng Hoá đặt thêm tỉnh mới ; 5 huyện, phủ Phú Bình và 2 huyện Đa Phúc, Hiệp Hòa thuộc tỉnh Bắc Ninh, đặt làm 1 phủ, đổi làm thuộc về tỉnh Thái, nhưng đặt tỉnh tạm ở xã Yên Đổ, thuộc huyện Đại Từ để làm việc, đợi năm ba năm chiêu dân khai khẩn hơi có thành hiệu, sẽ di chuyển thành tỉnh Thái đến địa phận 2 xã Nghĩa Hương, Hoàng Đàm (giáp giới 2 huyện Phổ Yên, Tư Nông).

Vua giao xuống cho đình thần bàn, đến khi nghị dâng lên, (bốn điều trên xin theo như thế, một điều dưới thì xin ở thượng du đặt một vài đồn lớn đóng quân làm việc ; lại ở Lạng Giang, đắp một thành đất, đợi kinh lý miền thượng du tạm xong, mới đem tỉnh Thái tiến đóng ở đấy, nhưng trích ra một, hai huyện giáp gần (như Phú Bình, Đồng Hỷ) gồm với thành đất Lạng Giang đặt tỉnh ; về tỉnh tạm ở Đại Từ thì xin thôi. Còn thành tỉnh Thái nên dời đi và các phủ huyện Phú Bình, Đa Phúc có nên trích lấy hợp lại, đợi khi nào việc kinh lý tạm xong, sẽ làm một thể). Vua chuẩn cho theo nghị của đình thần thi hành.

Tỉnh Hà Nội bị đói. Trần Đình Túc dâng sớ tâu xin trích thóc thuế thu thêm và khuyên bảo quyên giúp, đặt sở chẩn cấp. Vua bảo rằng : Nghe dân đói ở Hà Nội có nhiều người chết đói, tỉnh Hà Tĩnh giáp tỉnh Nghệ An cũng có, các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định, Hưng Yên, tưởng cũng không ít, thì trách nhiệm quan địa phương chăn dân ở đâu ? Liền khẩn sức phải gia tâm cứu giúp, cốt cho dân khỏi đói và xiêu tán.

Bọn Tả dực Quản đới là Dương Trứ Ân, mạc tân là Lý Đường ở đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc dẫn tên Văn Bỉnh Hùng đến thú, thưởng cho ngân tiền để tỏ ra khuyến khích.

Tháng 3, nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở tỉnh Quảng Trị, Quảng Ngãi. (Trần Văn Kế ở tỉnh Quảng Trị, Văn Phú Cẩn ở tỉnh Quảng Ngãi).

Kỳ thứ hai thi Hội khoa này, vua ra đầu bài nghĩ làm bài biểu của sĩ dân Bắc Kỳ xin chia đều thuế ruộng ở Bắc Kỳ, nhưng phải theo thể thức bài biểu của Hàn Dũ làm thay Bùi Tướng [1] từ quan. Học trò làm văn phần nhiều không hợp, quan trường xin theo từng đoạn trong lời lẽ bài văn để lấy đỗ. Vua bảo rằng : Từ trước đến giờ, chỉ dùng lối văn tứ lục của nhà Tống, lời văn chưa được già dặn, cho nên ra thế,

(1) *Bùi Tướng* : là Bùi Độ

để cho học trò biết có thú vị thực sự học tập rộng kiến văn nhiều, không đòi hỏi quá đáng ; nếu có tài làm được thì càng tốt.

Lại đặt viên Tri huyện huyện Việt Yên (thuộc tỉnh Bắc Ninh). Năm Tự Đức thứ 6 bỏ bớt, đến đây vì việc phòng giữ bắt giặc là cần, cho nên lại đặt).

Trước đây, Tuần phủ Ninh Bình là Đặng Toán được lĩnh chức Tổng đốc An - Tĩnh, dân trong hạt xin giữ lại Án sát là Lê Văn Duyên đem việc ấy đệ lên tâu xin. Vua bảo rằng : Không dân nào không phải là con đỏ, không việc nào không phải là việc công, trẫm đều muốn được người xứng đáng để giao phó, sao có thể tự chọn lấy được, đều phải yên thường giữ phận, tài giỏi hay không tự khắc rõ. Bọn ngươi không biết bảo ban yên ủi, lại theo lòng chúng, thế có nên không ? Toán chưa đến nhận chức, bị ốm chết. Vua lấy làm thương, bảo rằng : Toán vừa ngã lại dậy, chưa có công gì, nhưng cai trị ở đấy được lòng dân, đáng khen, cho gia ân cấp thêm tiền tuất (trước cấp 500 quan, cấp thêm 200 quan nữa) và cho được theo hàm mới, để tỏ khuyến khích.

Thuyền quân phái đi tuần của nước Pháp bắt được giặc nước Thanh là bọn Trương Ba Phúc, Chu Nghĩa Hợp (hơn 10 người vừa đàn ông, đàn bà) ở địa phận biển thuộc tỉnh Hải Dương, sai đem chém cả, thưởng cho ngân tiền đồ vật có thứ bậc khác nhau.

Toán giặc [người đất nước Thanh] hãm đồn Bắc Kạn, Phó đề đốc phải đóng ở đồn ấy là Nguyễn Thừa Duyệt bị chết. Khi ấy giặc đem cả bọn đến, thế rất hung hăng. Phó sứ là Trương Quang Đản cho là đồn ấy chơ vơ xa cách, đã hội bàn cho triệt về đóng ở Chợ Mới. Thừa Duyệt không nghe, muốn nhân ban đêm làm kế đánh úp. Không đánh được, bị giặc đánh lại, quân giặc nhiều, quân Duyệt ít, không địch được, mới tích các thứ thuốc đạn, lương thực, súng ống, khí giới lại, đốt đồn mà chết. Việc ấy đến tai vua, vua cách hàm Tham tri của Trương Quang Đản được lấy hàm Thị lang vẫn sung chức Tĩnh biên phó sứ, phải chua dưới là cách chức lưu nhiệm ; quan ở quân thứ quan tỉnh Thái Nguyên là Hoàng Văn Vận (Tán lý) Nguyễn Văn Vinh (Bố chính) Triệu Đức Vọng (Án sát) Lương Quy Chính (Tán lý trước phải cách) và các chánh, phó lãnh binh đều phải giáng 2 cấp lưu nhiệm (Quy Chính chưa có hàm thực, ghi vào lý lịch), Thừa Duyệt vì trái lệnh hỏng việc không được truy tặng, nhưng được tiền tuất gấp đôi.

Vua cho là hiện tình hạt tỉnh Thái có phần khẩn cấp, nếu chậm một ngày, không khỏi lòng giặc thêm hăng. Sai Thống đốc là Hoàng Tá Viêm phái ngay Đề đốc là Ngô Tất Ninh, Phó đề đốc là Lưu Vĩnh Phúc, Tán tương là Nguyễn Thiện đem binh dõng đoàn luyện chia đóng hạt tỉnh Thái tính việc đánh dẹp.

Đổi định lại lệ năm làm điệp phả. Vua Dụ rằng : Việc làm điệp phả là việc long trọng, trước kia xét làm, có phần phiền khó ; sau này chẳng qua chiểu theo công việc

từng năm điền lại mà thôi, mới định lệ bốn năm một lần làm, chưa khỏi phải làm luôn. Nay định : cứ 12 năm một lần làm, để cho giản tiện, nhưng lấy năm Bính Tý khoá trước làm bắt đầu, còn về năm nay, cho hãy đình làm việc, đợi đến năm Mậu bắt đầu làm tất cả, định làm lệ mãi.

Vua bảo quan Nội các rằng : Từ nay trở đi, thuộc viên ở Nội các, đều chọn người làm việc thông thạo chăm chỉ, hoặc văn học có thể dùng được, hoặc chữ viết tốt, ba điều ấy được một mới có thể cử sung làm việc, để phòng biên viết hay kê cứu, giúp sự không đủ của đường quan, không được cử quá rộng bỏ việc.

Bỏ bớt chức giáo thụ phủ An Nhân, thuộc tỉnh Bình Định. (Quan tỉnh Bình Định là Nguyễn Tràng dâng sớ tâu : Học trò hạt phủ ấy người nào được bổ làm học sinh, đều đến nhà học ở tỉnh học tập ; còn thì đều có thầy dạy học tư, số đến học tập viên giáo thụ không có mấy, xin bãi bỏ đi. Vua nghe theo).

Trước đây, Bố chính Bắc Ninh trước là Phan Đình Bình dâng sớ tâu : Thuế ruộng định lại, quan cho là thuế quân đều, dân bảo là thu thêm. Lại như thuế ruộng tư mỗi hộc thu thêm 1 bát, dân gian nhiều người nói là nặng khó chịu nổi. Về khoản thu thêm xin thôi. Đến đây bộ Hộ tâu rằng : Từ Hà Tĩnh trở ra Bắc, ruộng công là của cả dân, mà thuế so ra có phần nặng ; ruộng tư phần nhiều do bọn cường hào gian ác chiếm riêng, mà thuế so ra có phần nhẹ. Đổi làm thuế chia đều, cũng là muốn định ra phép thường, mà cho trong nước không có chính khác nhau ; lệnh thuế chia đều được thi hành, tuy thuế ruộng tư tăng mà thuế ruộng công giảm, tức như ba tỉnh lớn Hải Dương, Nam Định, Hà Nội, dân đều thu nộp, yên lặng không lời nào khác. Thì bảo là thu thêm, chẳng qua chỉ là lời bàn riêng của bọn đàn anh giàu có ở một hạt Bắc Ninh mà thôi. Làm việc nước phải tự có thể cách chính đại công bằng, sao được mọi người vui lòng cả. Huống chi, ruộng tư thu thêm, chứa riêng vào kho công, để phòng chẩn cấp, cũng là một việc cứu năm mất mùa. Xin theo lệ thi hành, để tỏ chính lệnh tin đúng ; đợi sau này kho chứa được nhiều, có nên châm chước miễn cho, sẽ do quan tỉnh ấy xét tâu lên. Vua nghe theo.

Quan ở quân thứ là Hoàng Tá Viêm trù tính dâng lên 6 điều về công việc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang :

- Dân xã nào hoặc có ẩn chứa giặc hoặc đưa lương thực đến cho giặc, thì đem hết dân ấy giải về gần quanh chỗ quan quân đóng, hoặc di chuyển đến tỉnh lân cận ở miền hạ du, an trí gán ghép vào một chỗ, cho khỏi bị giặc dụ dỗ. Đó cũng là cái ý triệt sạch lương thực ngoài đồng cho giặc không trông nhờ được, đợi khi việc yên, đều cho về tụ tập.

- Những tên ra hàng, tên nào khỏe mạnh thì hàng tháng cấp lương cho 1 lạng bạc, cho đi theo quân ; tên nào hung ác thì giết chết hết, tên nào già yếu ghép làm phu khai mỏ.

- Đoàn quân của Lưu Vĩnh Phúc khai sai đi là 1.500 người, nên định lại cấp cho lương hậu, quản đới mỗi người 1 tháng 6 lạng bạc, bang đới 5 lạng, đầu mục 4 lạng, bọn mang cờ đi đầu, xe súng, thần công, làm giấy tờ mỗi người 3 lạng, dõng đinh 2 lạng ; nhưng hạn cho 3 tháng, dẹp xong thì thôi. Nếu ngoài hạn chưa thể làm được việc, lại chiểu cấp như cũ (đầu mục mỗi tháng 6 quan tiền, dõng 4 quan, gạo đều 1 phương).

- Trong hạn 3 tháng, các bọn Đàm, Lục, Ông, Lý đều đem ra xử tội, thì chọn tỉnh nào nơi nào gần mỏ, đặt đồn đóng nghiêm ngặt, đem cả các đoàn mới cũ lượng bắt ở đấy, khai mỏ sinh sống.

Người lĩnh trưng các mỏ nếu có muốn lĩnh tiền vốn công (trên dưới 200.000 quan) hoặc bạc (trên dưới 20.000 lạng) cũng cho, sau 3 năm phải thu nộp 5 thành, 7 năm phải xong cả.

- Lính miền Bắc không được việc lắm, người nào tình nguyện bỏ tiền cho sai phái, thì nghĩ thu mỗi người mỗi tháng 10 quan, để sung vào tốn phí cấp cho lính dõng.

Vua bảo rằng : Việc ngoài biên đã lâu chưa xong, trẫm rất là sốt ruột, nếu cứ nhất khái bác bỏ đi, thì không khỏi để lo cho ngày sau. Về 3 khoản : dời dân đi nơi khác, làm sạch hết lúa rau ở đồng nội, cung cấp tiền công cho kẻ ra hàng và đổi cấp lương hậu cho đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc, hãy theo lời nghị thi hành. Nhân thế vua Dụ rằng : Gần đây của dùng và sức dân đều khốn quẫn, phàm người có tai mắt, tất phải đau lòng. Nay trẫm đã xét một tấm lòng khổ của các ngươi về tính việc ngoài biên, việc gì phần nhiều cũng nghe theo, ngươi nên thể theo lòng ấy, chớ lại theo như trước, mượn cớ cho tắc trách.

Lại Dụ cho Lưu Vĩnh Phúc rằng : Ngươi tuy là mới quy phụ nhưng thường đánh trận lập công, có lòng mưu việc báo đền, trẫm cũng đãi ngươi như tôi con của bản triều. Ngươi đã cùng với Thống đốc bàn định, trẫm đều nghe theo, cho xong công việc. Ngươi nên càng cảm kích, hăng hái, hết lòng làm việc cho được chóng xong. Có đức tốt được làm quan to, có công tốt thì được thưởng hậu, trẫm không sai lời.

Cho lĩnh Phó đề đốc ở quân thứ Quảng Ngãi, Bình Định là Ngô Đắc Quang đổi sung Phó đề đốc Sơn phòng ở Quảng Nam ; lại khôi phục Hồng lô Tự khanh sung Sơn phòng sứ tỉnh ấy trước là Nguyễn Văn Sán (có tang chưa hết) vẫn sung chức Sơn phòng sứ. Khi ấy, Tuần phủ Quảng Ngãi là Đoàn Khắc Nhượng, Sơn phòng sứ Quảng Nam là Phan Bính trù tính dâng 4 điều về công việc sơn phòng (- Đặt đồn canh giữ, rút binh ở tỉnh về, tuyển đinh tráng dồn thành đội ngũ. - Nghiêm cấm dân người Kinh không được buôn bán với người Man ; - Chiêu mộ dân khai vỡ ruộng hoang). Bộ Binh tâu rằng : Đặt đồn canh giữ là cốt để giữ cho dân. Nay đặt đồn ở

dưới, mà dân ta ở trên rừng rậm, nếu có bọn người Man rình mò quấy rối, đợi đồn đến cứu, thì đã cướp no chán đi xa rồi. Gần đây, theo lệ nha Sơn phòng, cho lính tỉnh đóng giữ, nếu rút lính tỉnh về, tuyển đinh tráng dồn thành đội ngũ, thay đổi lung tung, thành thêm khổ cho dân. Huống chi lính mộ, đều là bọn lông bông như bèo như cỏ, phần nhiều có tiếng không có thực, tưởng cũng tốn hão, rốt cuộc không thực dụng. Bọn Man ấy cùng với Man ở Quảng Ngãi cũng là cùng bọn cùng loài, đường rừng thông với nhau. Hiện nay bọn Man ở Quảng Ngãi, Bình Định ra thú, cho được buôn bán, không nên hết thảy đều cấm ; nếu nghiêm cấm riêng Man ấy, thì không khỏi chuyển đi buôn bán với Man khác. Vả lại, cái chỗ mà nha Sơn phòng hiện xin mộ dân khai khẩn, tiếp giáp địa giới Man, núi khe cách đứt, không có đồng rộng ruộng phẳng. Năm gần đây, Án sát phải cách là Phan Văn Xướng mộ dân khai khẩn đã 2 - 3 năm mà không thấy công hiệu gì. Sau đó Sơn phòng là Nguyễn Tạo khai phá mở mang, không đầy 3 - 4 năm quân dân đã có người trốn bỏ, người Mán, người Lèo lại quấy rối. Kể ra lấy cướp bóc làm nguồn sống, là thói thường của người Man, tất phải ra oai cho sợ, mới có thể khiến chúng khiếp hãi. Viên Tuần phủ và Sơn phòng sứ tỉnh ấy từng đã xin dẹp, nên đốc thúc làm việc, cho được chóng xong.

Vua bảo rằng : Chia ra phòng giữ nhiều, lại không thể cày cấy và ở được, cố nhiên là không tiện ; nhưng tỉnh ấy liền với tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Bình Định, 2 tỉnh đã đặt đồn phòng giữ, riêng tỉnh này không có, thì không khỏi thường bị cướp bóc, là sự thế phải thế. Các khoản của nha và tỉnh ấy nghĩ định, bộ bàn đã kỹ, thực là khó làm. Phan Bính đã kém lắm, Khắc Nhượng lại không giỏi, không chuyên, hai ba lần giao cho trù nghĩ, sau cũng tính toán không xong. Giao xuống đình thần xét định, hoặc chọn người thế nào cốt được thỏa đáng. Đình thần xin theo nghị của bộ, nhưng chọn 2 viên quan văn, võ quen việc và giỏi, chuyên coi việc ấy, mới mong làm được ổn thỏa. Xin cho Ngô Đắc Quang, Nguyễn Văn Sán làm chức ấy, Phan Bính giáng làm Thị giảng, đổi sung chức Thương biện ; việc đánh dẹp xong, thì hội đồng ngay với Tuần phủ tỉnh ấy, xét kỹ tình hình địa thế người Man, phàm tất cả công việc làm cho được tốt về sau phải hết lòng bàn định cho thỏa đáng. Vua nghe theo.

Thuyền nước Anh đưa giúp dân tị nạn nước ta về nước (dân tỉnh Quảng Ngãi đi buôn, vì gió giạt vào đảo Côn Lôn). Vua sai viết thư giao Nguyễn Thành Ý gửi cảm ơn lãnh sự nước Anh (hiện đóng ở Gia Định) và trích lấy đồ vật trong kho (1 cái tráp chữ nhật khảm xà cừ, 1 đồng ngân tiền) đưa thưởng quan ở thuyền ấy, để tỏ khuyến khích.

Làm kho lợp ngói ở cửa biển Đà Nẵng tỉnh Quảng Nam. (Tàu thuỷ đi ra Bắc chở gạo và đồ vật ở kho về bắt đầu chứa ở đây, lại bắt thuyền sau chở về Kinh).

Cho Phó vệ uý vệ Hữu bảo nhị là Đinh Hội tạm lĩnh chức Phó đề đốc ở quân thứ tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định. Tỉnh Quảng Trị bị bão lụt.

Chuẩn định luật đến người ngoài vượt kêu. (Từ nay, phàm quân, dân thuộc người nước ta, nếu có việc gì phải cần xét xử lại, trước hết phải qua ty cai quản của mình (như là quan, thì trước hết phải qua thượng ty ; là quân thì trước hết phải qua quản suất, là dân thì trước hết phải qua phủ, huyện, châu), tự mình đến kiện từ dưới là ty cai quản của mình, nếu không nhận xét, hoặc xét xử không minh, mới được đến kiện ở thượng ty và ty Tam pháp [1] nếu dám đi tắt đến kiện ở người ngoài, thì không cứ là được thực và nửa được nửa thua, như việc liên quan đến lấy vợ, gả chồng, trộm cướp, án mạng, của cải, vay nợ, thì chiểu luật "trái chế thư" xử phạt 100 trượng ; như việc liên quan đến tình tiết quan lại, thì gia thêm một bậc, xử tội đồ ; như việc liên quan đến việc quân, tình hình ngoài biên và cưỡng sách chống giữ, lại thêm một bậc, xử tội lưu ; không được viện lệ chiểu luật giảm nhẹ ; nếu việc kiện toàn không đúng thực, lại đều trị tội nặng thêm một bậc).

Mùa hạ, tháng 4, nêu thưởng người đàn bà có tiết nghĩa ở tỉnh Bắc Ninh. (Trần Thị Thỏa (vợ lẽ), Vũ Thị Nhạ, Nguyễn Thị Hán, Nguyễn Thị Bạch, Nguyễn Thị Hai, đều hạng bình ; Nguyễn Thị Trợ, Lê Thị Tế (vợ lẽ), Phạm Thị Huệ, Nguyễn Thị Phác (vợ lẽ), Dương Thị Khải, Nguyễn Thị Thảo, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Ảm, Nguyễn Thị Chừ, Nguyễn Thị Lương, Dương Thị Ca, Nguyễn Thị Bốn, Nguyễn Thị Hoan, Nguyễn Thị Hoãn, Ngô Thị Chỉnh, đều hạng thứ).

Bộ Lễ dâng quyển vào thi Hội. Vua bảo rằng : Văn chương bình nghị không nhất định, đều tuỳ theo ý kiến, là bệnh chung xưa nay ; duy sức học nhiều, biết đến nơi đến chốn thì có mấy ; chủ khảo cốt phải được người thì học trò mới phục. Lần này chỉ thấy được vài bài làm hay, còn thì bài sách đáp lại tầm thường, đều không đáng lấy. Ta cầu nhân tài như khát nước, sao không xứng ý, hay là nay tuổi càng cao thì hiểu biết càng tinh chăng ?

Tổng đốc Bình - Phú, gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ là Phạm Ý chết. Cấp cho 1.000 quan tiền, 2 cây gấm Trung Quốc, sai quan đến tế.

Trước đây, quan 2 tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh cầu đảo (điểm sinh con trai) ở đền thờ Hưng Đạo vương, 2 năm chưa thấy ứng nghiệm. Hộ lý Tổng đốc Định - Yên là Nguyễn Trọng Hợp lại mật xin cầu ở miếu, chùa xã Tức Mặc, tỉnh Nam Định. Vua bảo rằng : Trời là chủ cả các thần, các thần nếu có thiêng, thì từ trước đến giờ không oán không ghét, tự phải xin với trời, đâu đợi phải cầu nhảm làm gì.

---

(1) *Ty Tam pháp* : tức là bộ Hình, Đại lý tự, viện Đô sát, 3 ty họp lại xét.

Thự Tổng đốc Ninh - Thái là Nguyễn Huy Kỷ dâng sứ tâu : Đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc và binh dõng Lạng Sơn tiến đến hạt Thái Nguyên chi phí về việc quân rất nhiều, xin trích tiền bạc tỉnh khác giải giao cho nhận trữ để phòng chi tiêu. Vua sai trích ở Sơn Tây 30.000 quan tiền, ở Hà Nội 3.000 đồng bạc giao cho.

Tỉnh Hà Nội bị đói. Chuẩn cho quan tỉnh ấy trích thêm tiền, gạo ở kho đặt sở chia ra phát chẩn. (Tháng 2, tháng 3 bị đói, dân đến lĩnh chẩn từ 5.000 - 6.000 đến 10.000 người, đã cho trích thóc thu thêm và khuyên quyên giúp để phát chẩn nay lại cho trích tiền gạo cấp thêm, cứ 10 ngày phải đem tình hình tâu lên).

Nêu thưởng dân sống lâu 100 tuổi ở tỉnh Bình Định (Nguyễn Văn Điển, Trần Văn Hùng).

Cho Tuần phủ Hưng Yên là Trần Văn Chuẩn đổi lĩnh chức Tổng đốc An - Tĩnh ; thự Hữu tham tri bộ Công là Nguyễn Văn Thận đổi bổ thự Tuần phủ Hưng Yên.

Tuần phủ Lạng - Bằng là Nguyễn Đình Nhuận tâu nói : Thành tỉnh Lạng Sơn rất rộng, phòng giữ xem xét khó khắp. Xin chặn đặt tường ngăn (trước rộng hơn 700 trượng, xắn lấy 2 mặt, phía đông, phía bắc mỗi mặt dài 75 trượng làm hạn, 2 mặt phía tây, phía nam cũng theo như thế, xây lại mỗi mặt đều dài 75 trượng), bộ Binh, bộ Hộ, bộ Công xét bàn cũng giống thế ; vua hơi răn quở, tuy như thế, nhưng thấp mỏng khó giữ, hoặc nên theo như cũ cùng dân để giữ, có tiện không ? rồi không quả quyết làm.

Binh khoa Chưởng ấn là Ngô Xuân Mỹ tâu xin nghiêm cấm cửa quan bến tuần thu thuế quá lệ. Vua bảo rằng : Bọn lĩnh trưng thu thuế quá đáng, không khỏi hại dân ; trẫm thường lấy làm lạ, là các việc ấy không thấy dân kêu lên, là sợ rằng tra xét thêm phiền, lại sinh trái lẽ, nên không gì bằng nhịn đi. Vả lại, việc thu thuế rất rộng rất nhiều, triều đình khó lòng biết khắp, đặt ra quan chia chức vụ để nuôi trị dân, đặt ra pháp luật đã rõ, mà quan lại không thi hành cẩn thận, để đến nỗi làm hại dân, cũng không cấm đi. Chuẩn thông sức cho các tỉnh, nếu có tệ nào không biết trích ra trị tội, bị người tố cáo ra, tất phải xử tội nghiêm ngặt. Bộ cũng phải thường xét hỏi luôn, biết sự thực, có tệ thì phải sửa đổi.

Thi Điện. Cho thự Hiệp biện Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư bộ Hộ, Kỳ Vĩ bá là Nguyễn Văn Tường ; Tả tham tri bộ Hình là Lê Đình Tuấn sung chức Đọc quyển. Tả thị lang bộ Hộ là Bùi Văn Quế ; Hữu thị lang bộ Binh là Hà Văn Quan đều sung chức Duyệt quyển. Cho bọn Nguyễn Đình Dương 5 người đỗ Tiến sĩ, Đồng tiến sĩ xuất thân có thứ bậc khác nhau ; lại lấy Phó bảng 5 người. (Tiến sĩ là Nguyễn Đình Dương ; Đồng tiến sĩ là Đỗ Văn Ái, Khiếu Năng Tĩnh, Nguyễn Văn Trung, Hoàng Văn Hòe ; Phó bảng là Phan Văn Ái, Nguyễn Thái Tuân, Kiều Dực, Trần Kỷ, Phạm Hữu Dũng. Khoa này đã chuẩn cho ai 4 kỳ 8 phân trở lên là hạng trúng cách ; 4 kỳ

7 phân đến 4 phân và 3 kỳ 10 phân trở lên là hạng phó bảng. Hạng trúng cách được vào thi phúc hạch ở điện, phó bảng thì miễn thi phúc hạch. Đến kỳ lấy trúng cách 6 người, phó bảng 7 người. Vua cho là số ít, đều cho vào thi Đình, hạng trúng cách là Trương Đức Uẩn, Lê Thuý, hạng phó bảng là Trần Đạo Tiềm vì văn bài tầm thường hoặc có tỳ tích phạm khoản nặng bị truất).

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Vũ Trọng Bình dâng sớ tâu xin về quê thăm mộ. Vua y cho. Cho Tĩnh biên phó sứ ở Đoan Hùng là Nguyễn Hữu Độ tạm giữ ấn Tổng đốc quan phòng.

Sứ nước Pháp nghe nói tỉnh Quảng Nam có mỏ than, (khách buôn lĩnh trưng) yêu cầu xin đến khám ; chưa cho, sứ ấy lại thác ra việc mật đưa thẳng lên vua, ngầm gièm quan viện bạc đại thần, (trong thư nói : có người bất trung, bất công, đến nỗi ngờ nước ấy có ý gì khác, lấy nhiều của lót trả ơn của người nước Thanh ; lại nói : người cho lái buôn nước Thanh khai mỏ ấy chỉ mưu lợi cho mình, không làm lợi cho Nhà nước), quan viện bạc xin đưa thư cho chủ suý Pháp và sao bức thư của sứ ấy ghim vào gửi đi, để cho biết sứ ấy có sự không phải, để khỏi nghe một bề về sau.

Vua bảo rằng : Nay nếu đem lời nói không phải của hắn, vội viết thư cho chủ suý của hắn, không khỏi bênh nhau, bỏ đi, ích gì đến ta ; thế là đều không nhịn sự giận nhỏ, để lỡ việc lớn, không phải là khéo xử. Nên mật tư từ đầu cuối việc ấy giao cho Nguyễn Thành Ý theo thế nói cho chủ suý hắn biết.

Chuẩn cho sổ thu thuế các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Yên, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, từ nay trở đi cứ đến cuối năm khai chung làm một đệ lên. (Lúc bấy giờ vì số trưng thu của 6 tỉnh ven biên giới có ít, so với các tỉnh ở trung châu có khác ; nếu chiểu lệ chia khai 2 số mùa hạ, mùa đông, rất là phiền phức, đợi đến cuối năm đem cả số mục đã thu hay còn thiếu chia ra từng khoản khai chung một số, mà khép tội nghị xử).

Nước Xiêm đúng kỳ hạn (tháng 5 năm ấy) sai sứ sang đáp lễ, bị chủ suý Pháp nghi ngờ ngăn trở, đưa thư đến nói nước ta phải báo trước cho chủ suý Pháp biết, mới có thể cho sứ đến được. Vua sai quan ở viện chiểu tờ Hòa ước (khoản thứ 3 nói : Nước Đại Nam từ trước có giao thiệp với nước ngoài nào, cho sứ đi lại, nay được theo như cũ, không nên đổi khác) đem điều tín phân tích cho biết và đưa trả lời nước Xiêm, cho biết tình lý, không bị người làm mê hoặc. Nhưng chủ suý Pháp vẫn bịa ra việc để ngăn trở, cho nên sứ nước Xiêm không đến được.

Thủ hộ sứ ở tôn lăng là Tôn Thất Tích, Phó sứ là Tôn Thất Đông, Tôn Thất Hiền vì tự tiện bỏ thiếu túc trực, bộ Lễ nghĩ xin đều giáng 4 cấp, điệu đi nơi khác. Vua bảo rằng : Tôn miếu, tôn lăng là nơi quan trọng, cho nên theo lệ dùng người

trong tôn thất chầu trực, đã là người thân lại là bề tôi, thì lòng kính cẩn so với người thường có phần hơn thì mới phải. Thế mà bọn ấy tự bảo là chức nhàn rỗi, quen sự lười thiếu, còn đốc suất được ai nữa. Hãy tạm khoan cho một lần, đều đổi giáng 4 cấp, được lưu lại làm việc. Nếu phạm lần nữa thì không tha. Từ nay, phàm việc chầu trực không được khinh suất cử người không xứng đáng.

Khuyến khích phong hoá kẻ sĩ, chỉnh đốn phương pháp làm quan. Vua Dụ rằng : Làm việc nước cốt phải được nhân tài, được nhân tài cốt phải mở khoa thi để chọn học trò. Các khoa gần đây, học trò làm bài phần nhiều không xứng đầu bài, học đời xưa đã không nhớ rộng, bàn đời nay chỉ theo lời bàn cũ, mười phần ít khi được một hai, đến nỗi khó cho lựa chọn. Nhiều lần đã nghiêm sức, vẫn chưa có tiến. Có lẽ là học quan dạy học không chăm, học trò không chí cố học, hoặc ngồi không không chịu giảng dạy chỉ cầu cho đủ hạn xét công được thăng đi chỗ khác, hoặc vội viện niên lệ để xin ra làm chính sự, chạy chọt cầu cạnh thành thói quen, không thể không răn trị, để mong cho nên người tốt. Về học quan, ở trong Kinh, ngoài các tỉnh, các viên tế tửu, tư nghiệp, đốc học, giáo thụ, huấn đạo, người nào tại chức chưa đủ một năm, thì được tạm miễn, trên một năm phải giáng 1 cấp, trên 2 năm phải giáng 2 cấp, trên 3 năm phải giáng 3 cấp, đều được lưu lại làm việc, do quan có trách nhiệm tra xét thi hành, để tỏ sự trừng răn. Từ nay phàm làm chức học chính, tất phải người xuất thân là tiến sĩ, phó bảng, tuổi nhiều, học rộng ; nếu cần người cũng phải lấy cử nhân thực là lão thành học rộng mới được bổ ; giáo thụ, huấn đạo cũng chọn cử nhân thi Hội dự có phân số mà đứng tuổi, học rộng mới được bổ ; nếu cần người thì lấy cử nhân nhiều tuổi đi thi nhiều khoa, có thể dạy học được thì chọn bổ ; nếu lại cần thì lấy tú tài lão luyện, từng thi 4 - 5 khoa, hoặc địa phương tự chọn người lão nho trong hạt, mọi người cùng tin phục, xét thực mới được bổ. Lại cho là giáo chức trong Nam cũng nên lấy nhiều người ngoài Bắc để bổ, để cho học trò học được chóng tiến. Phàm học quan hay giáo chức, không có khẩn thiếu cần người, tất phải đủ hạn xét công, gặp khuyết mới được thuyên chuyển, không thì chiểu lệ được thăng nhưng mà vẫn lĩnh chức ấy. Cử nhân trên 35 tuổi đã từng thi Hội 3 khoa, trên 40 tuổi đã thi 2 khoa, mới được ra làm quan, để ở lâu chức nghiệp, không dám dạy học cẩu thả, mới mong được việc, để thu hiệu quả được người. Lại có người, lúc làm quan nhỏ thì chăm chỉ cẩn thận từng tý, không việc gì là không cố làm, để được lòng quan trên, mong được cất nhắc ; đến khi làm quan to, thì thay lòng đổi nết, cậy quyền, cậy tài, lòng tham không chán, muốn ruộng nhà tốt, của cải nhiều, phàm có lợi to gấp trăm ngày trước, không việc gì là không trăm cách mưu cầu, nhiều phương che chở. Ngày thường đã vậy, nếu hoặc gặp việc, thì giả thác ra tiếng sáng khôn, chỉ nghĩ toàn vẹn thân mình, giữ gìn vợ con, cho là đắc sách. Tóm lại là bởi ở trước khi chưa đỗ, thì chỉ nghĩ nhờ gửi

thầm vụng để cầu may được tiến thân, sau khi đã đỗ thì chỉ nghĩ lấy để bù lại, giống như người mắc nợ, mà người thực tài học giỏi để tâm đến việc trị nước giúp đời có được mấy đâu ? Vả lại, lệ định của triều ta, bổng lộc của quan viên hơi ít, không bằng các nước ; hơn nữa, vì việc công phải giáng phạt, trẫm cũng từng lấy làm thương ; nhưng nước nhỏ của thiếu, liệu thu vào để chi ra, chưa thấy có thừa. Ta thường muốn tăng thêm lương cho, nhưng không lấy vào đâu được. Làm việc mà sơ xuất lười biếng, pháp luật không thể bỏ qua, cũng không biết làm thế nào được. Còn như tuần tiết đưa đón, thuận với tình lễ có lấy không hại đến đức liêm, cũng không hại gì đến việc, thì cũng không cần hỏi đến. Tuy thế, người có nết trong sạch, tự phải rót nước suối uống vẫn giữ làm thanh liêm [1], từ chối vàng đút lót, giữ cẩn thận lúc một mình [2] cũng chỉ vì đạo nghĩa công liệt thế nào thôi, chứ có phải được tước lộc, văn pháp rồi mới làm được đâu ? Phàm lời trẫm nói, đều là bệnh chung cho đời sau này, vốn không một chút nào nghiêm khắc hão, người có lòng nên biên vào giải áo mà thường tỉnh ngộ, bỏ hết thói hủ, là trẫm mong lắm.

Đê nhỏ bằng cát ở tỉnh Hưng Yên bị vỡ (các phủ huyện Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ ngập mất lúa chiêm và nước xói vào các tổng Phụng Công, Đa Ngưu, Hòa Bình thuộc hạt Bắc Ninh). Quan tỉnh ấy tâu lên, Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật tâu rằng : Cái thế sông Nhị Hà chảy xuống Biển Đông, thực không thể ngăn được, thì cái đê nhỏ bằng cát thường vỡ ấy không thể lấp cưỡng được. Nghĩ nên bỏ mặc, cho đường nước chảy được rộng. Duy nay chỗ vỡ đã cho chảy thông, thì cái đê nhỏ riêng hạt Hải Dương ở về hạ lưu ngăn trở đường sông, như đê nhỏ ở tổng Phú Mễ, tưởng nên mở ở chỗ khác ra vài trăm trượng, cho nước theo đó chảy nhanh đến các ngã ba sông Quang Dực, Chanh Xuyên để chảy ra cửa biển Thái Bình. Lại ở 2 cửa sông Phần, sông Kinh cũng nên cho khơi thông, để nước theo đó chảy đến sông Hàm Giang rồi chảy ra các cửa biển Ngải Am, Văn Úc. Như thế thì nước sông Nhị Hà có chỗ chảy chia đi, có thể không ngại lắm.

Vua bảo rằng : Giữ nước sông khó được toàn lợi cả, như nói nước lụt bị nước triều ngăn trở, thì ví như khoảng mùa hạ, hằng ngày thường có gió đông ganh đua với gió nam, khi gió đông mạnh thì tự nhiên mát mẻ khoan khoái. Nay nếu có thể làm cho nước lụt chảy nhanh, thì nước triều tự nhiên lui đi. Tóm lại, vì cửa biển rất xa, khoảng giữa phần nhiều làm đê điều ngăn lấp quanh co, đến nỗi dòng nước không chảy nhanh, tự nhiên và ra chẳng ở chỗ này, thì ở chỗ kia. Nhớ lại từ lúc mới

---

(1) Ngô Ẩn thời Tấn, làm Thứ sử ở Quảng Châu, chỗ ấy có cái suối nước gọi là suối Tham, Ẩn lấy nước suối ấy để uống, sau Ẩn làm quan ở Châu ấy, càng thanh liêm hơn.

(2) Dương Chấn đời Hậu Hán, Vương Mật đêm đến cho Chấn 10 cân vàng, nói là đêm hôm không có ai biết. Chấn nói : Trời biết, đất biết, anh biết, ta biết, sao bảo là không ai biết. Nhất định không lấy, trả lại vàng ấy.

giữ nước sông, khai dòng sông Chiêm Đức, là muốn cho nước sông chảy về mạn đông, cho nên tỉnh Hải Dương trước không có đê giữ nước sông mà nay thì có, tỉnh Hà Nội trước thường bị hại mà nay thì yên. Là bởi sông mất đường cũ, không theo ngành chính chảy về Nam Định, tất phải chảy về Hải Dương, mà vỡ ngang ra. Người giữ nước sông phải xem tất cả các chằm ngòi sông biển trong cả xứ, chỗ nào cao, chỗ nào thấp, chỗ nào nhẹ, chỗ nào nặng mới được. Nói phải rõ ràng, làm phải có công hiệu, đâu có đều chia giới hạn, chỗ này thì lấp, chỗ kia thì khơi ; đến nỗi 10 năm nay thường vỡ không ngăn được, chẳng phải là lỗi của các quan ư ? Trẫm không thể đi đến tận nơi, mắt được trông thấy, vì dân tính kỹ kế hay an toàn, thực rất tiếc lắm. Giao cho bộ Công chép ra giao 3 tỉnh Hải Dương, Hưng Yên. Bắc Ninh phải cùng lòng bàn tính thế nào cho xứng ý trẫm.

Tháng 5, sở làm thuế gỗ ở Ninh Hải, tỉnh Hải Dương thu thuế làm khổ cho người buôn, Lãnh sự Pháp đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : Các sở quan tân, người nước Thanh lĩnh trưng tệ lắm, tuy thuế không thể thiếu được, nhưng tệ cũng nên trừ đi. Chuẩn giao cho quan tỉnh ấy phải xét hỏi luôn, quả có thu quá lạm, khổ cho dân, phải xét rõ ngay để trị tội, phái cho thuộc viên ngồi thu.

Phái thuyền Lợi Tải đến Hải Dương tải gạo. Hộ lý Tổng đốc là Lê Điều dâng sớ tâu : Đi đường biển từ chỗ đèn báo hiệu đến Ninh Hải, đường đi nước quanh co, phải có người Tây trông coi chỉ bảo, khi thuyền vào thì do người Tây ở chỗ đèn báo hiệu đưa vào, khi thuyền ra thì do người Tây ở Hải Phòng đưa ra, các thuyền ra vào đều không mắc, nhầm. Xin thuê người Tây làm việc đưa đường (thuê 8 đồng bạc) để được ổn thỏa và vẽ đồ bản dâng lên. Sai đem đồ bản giao cho viện giữ.

Sắc cho các công sở làm việc phải có kỳ hạn, tiết độ dưỡng sức, chớ để làm nhọc quá.

Định rõ lại niên khoá thanh tra. (Các viện Thượng trà, Vũ bị, Thượng tứ, vệ Loan giá, xứ Thị vệ, đội Thượng thiện, ty Lý thiện, dinh Thuỷ sư, Hỏa dược, lệ cũ đều 5 năm một lần thanh tra (Lý thiện, Thượng thiện, Hỏa dược, Thuỷ sư, đều bắt đầu năm Dần ; Thượng trà, Vũ bị, Thượng tứ, Loan giá, Thị vệ đều bắt đầu năm Tý). Nay đổi làm 3 năm, nhưng lấy năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm khoá thanh tra. Các tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Nam Định, Hưng Yên, Quảng Yên, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng lệ cũ lấy năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm khoá thanh tra. Nay đổi làm năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Mộc thương, Vũ khố, lệ cũ lấy năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm khoá thanh tra. Nay đổi làm năm Dần, Thân, Tỵ, Hợi. Còn kho cửa Thọ Chỉ, Nội vụ, Thương trường các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tịnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình (năm Dần, Thân, Tỵ, Hợi) ; Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận (năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) đều theo lệ cũ).

Chủ suý Pháp ở Gia Định là Ngu-mi-đa về Tây, Lê-mi sang thay.

Sai tỉnh Thanh Hoá làm thuyền đồng Chuẩn Kích.

Vua cho là việc quân ở biên giới phía Bắc lâu ngày chưa xong. Dụ cho quan ở quân thứ rằng : Biên giới phía Bắc, từ khi có việc quân đã vài chục năm nay, quân thì khổ về khí độc, dân thì nhọc về tải lương, mong được hơi yên để giải cái khổ cho quân dân ta, không ngờ giặc ấy chưa yên, giặc khác lại nổi lên, trẫm đã nghĩ đến tro tàn còn sót, lại cháy bùng lên, chỉ bảo kế sách trước khi việc xảy ra. Không biết quan ở biên trấn làm việc thế nào ? Cứ như tờ tâu thì Lục Chi Bình ở ngay Bắc Kạn, Lý Tổng Gia thì chia đóng luỹ liền nhau ; còn bè lũ như bọn Lý Á Sinh, Lý Thất Danh, Hoàng Đại Tài, Triệu Tam, Tô Nhị quấy rối tràn ở Bắc Ninh, Lạng Sơn, bọn Đàm Tứ Tỷ, Phan Như Lâm, Hoàng Nhị, Tạ Phúc Thiện, Phan Lục, Lý Đại, cướp bừa ở hạt tỉnh Tuyên. Tình hình như thế, rất đáng lấy làm lạ và đáng giận. Thống đốc Hoàng Tá Viêm trước đây cho là giặc cũ ở Tuyên Quang, Thái Nguyên tất phải đoàn quân của Lưu Vĩnh Phúc chuyên làm việc, mới có thể bắt hết được giặc, dâng sớ xin thưởng nhiều lương hậu, trẫm cũng chiều theo. Thế mà Lưu Vĩnh Phúc trước đã khẳng khái xin đi, nay lại thác bệnh quanh co, lòng hắn thực khó đoán trước được. Tĩnh biên phó sứ Trương Quang Đản cũng từng xin tự đương một đạo Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng. Thế mà từ khi đồn Bắc Kạn không giữ được đến nay, chịu để cho chúng ngông nghênh, chỉ những cố giữ một chỗ. Trẫm nghĩ các ngươi, tình thì liền với nhà vua, dòng dõi là quan đời đời, phận nghĩa rất trọng, cho nên giao cho việc ngoài biên, tuy công nghị chê trách, cũng không thể lay được. Các ngươi đều nên xếp đặt thế nào, cho việc ngoài biên chóng xong, trẫm cũng không che được công ấy ; nếu lại nhùng nhằng, không theo lời trước, sẽ tất đem bọn ngươi giao cho bộ Lại bàn tội.

Giặc Man quấy cướp 2 nguyên Chiên Đàn, Tĩnh Sơn, Sơn phòng tỉnh Quảng Nam là Phó đề đốc Ngô Đắc Quang xin phái thêm 500 quân khỏe tiến đánh. Vua bèn sai tuyển quân 2 vệ Hùng nhuệ tả, Hùng nhuệ hữu để sai đi. (Mỗi vệ 1 quản vệ, 4 suất đội, 200 quân).

Cho Tổng đốc Hà - Ninh gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ là Trần Đình Túc về hưu.

Khi ấy, quan quân nha Sơn phòng tỉnh Thanh Hoá bị chết về khí núi độc rất nhiều. (Bang biện là Lê Trung Lượng và quản suất, binh đinh, nhiều người bị chết về khí núi độc (chừng 86 người, Phòng sứ là Tôn Thất Trắc cũng chết về bệnh ấy). Vua nghe thấy bảo rằng : Người ta sinh ra, há không có mệnh ru ! sao khí độc có thể cướp mạng người được chóng đến thế ? Trắc lại ra làm quan chưa trổ tài, chẳng may vội chết, rất đáng thương tiếc. Xét ra, khi Mã Viện đi đánh giặc Man, đi sâu vào chỗ trên nắng, dưới ướt, khí núi độc đã nhiều, sao có thể thành công không việc gì ; lại như việc gần đây, quan quân nước Thanh từ xa đến xông pha, cũng không

đến nỗi quá lắm như thế. Huống chi chỗ đóng quân ở Sơn phòng cách tỉnh chỉ một ngày đường, có gì là độc lắm, hay là quan tỉnh ấy để ở ngoài bụng không phát nhiều thầy thuốc và thuốc đi theo chữa ngay, nên đến thế, để quan quân không may bị chết, rất trái ý trẫm. Vậy phát ngay cho đủ chớ để thiếu.

Mùa hạ năm ấy, ruộng lúa ở phủ Thừa Thiên và 15 tỉnh trong Nam ngoài Bắc (Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Quảng Trị, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Yên, Quảng Yên) được mùa ; còn nơi nào bị tai hại, về thuế ruộng đều chiếu hạng được miễn giảm có thứ bậc khác nhau.

Phó đề đốc ở nha Sơn phòng Quảng Nam là Ngô Đắc Quang dâng sớ nói : Từ đồn Trấn Định đến Thượng Lộ, có xứ Cầu Trò là nơi cổ họng chẹn giữ chỗ hiểm yếu, ác Man đi lại tất phải qua. Xin đặt đồn lớn đóng quân để chặn, vua nghe theo.

Giặc trốn là bọn Lý Á Sinh, Hoàng Đại, Đỗ Nhị chiếm cứ lan tràn, quấy cướp hạt Lạng Sơn. Phó lãnh binh là Hồ Viết Nghị đem binh dõng tiến đánh. Đến chòm Na Vọng bị giặc bắt giết chết. Bang biện đi chuyến ấy (Viên ngoại được sung làm Bang biện) là Vi Văn Lý phải cách được lưu lại làm việc, Phó sứ là Trương Quang Đản, quan tỉnh ấy là Nguyễn Đình Nhuận, Lê Như Dạng đều phải giáng 2 cấp được lưu lại làm việc. Viết Nghị được truy tặng Lãnh binh.

Tháng 6, phát chẩn cho xã Cảnh Dương, tỉnh Quảng Bình bị nạn cháy.

Sai sứ sang nhà Thanh (cống hằng năm). Hữu thị lang bộ Lại sung làm việc Nội các là Nguyễn Thuật được đổi bổ hàm bộ Lễ sung chức Chánh sứ, Thị độc Học sĩ sung chức Sử quán Toản tu là Trần Khánh Tiến được đổi thụ hàm Hồng lô Tự khanh ; Lang trung bộ Binh là Nguyễn Hoan được đổi thụ hàm Thị độc Học sĩ sung chức Phó sứ thứ nhất, thứ nhì. Thuật ra đi, vua làm thơ và bài ca đi xa tự tay viết để ban cho. Khi ấy, vì giặc người nước Thanh chưa yên, mới làm tờ sớ nói cả tình hình biên giới, sai Thuật mang đến Quảng Tây yêu cầu để tâu giúp, xin phái cho quân ở dinh để chặn dẹp.

Cho thự Hữu tham tri bộ Lại là Bùi Ân Niên tạm sung làm việc Nội các. Vì cớ trước đây Ân Niên ở Các lâu ngày, học thức am luyện. (Theo lệ đường quan ở Các không đặt quan nhị phẩm).

Kho Ất Tam ở Vũ khố bị cháy. Chánh, Phó giám lâm là bọn Phạm Tiến, Cao Hữu Tuấn phải tội đồ. (Rồi vì đã lo đến số thiếu không có mấy, được miễn tội đồ).

Đường cảng ở sông Vĩnh Định (thuộc hạt Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị) bị bồi nông, việc khơi vét đã xong, (các đường cảng Đa Nghi, Hội An, Đan Quế, Kim Long, Kim Giao) phái Lang trung là Đàm Quang Văn, Ngự sử là Nguyễn Hàm Quang đi khám.

Tỉnh Hưng Yên bị lụt vì mưa, đê nhỏ xã Phượng Lâu, xã Hoàng Xá bị vỡ.

Bãi bỏ kho riêng phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. (Thuế 3 huyện Đông Thành, Yên Thành, Quỳnh Lưu, phải nộp lên kho ở tỉnh).

Bọn giặc tỉnh Thái Nguyên chia bọn tràn xuống quấy rối, cướp bóc các xứ Lam Vĩ, Suối Âm và Đường Lang, Bình Gia, Xuân Dương, Thanh Vận. Sai quan quân thứ là Hoàng Tá Viêm sức ngay cho Lưu Vĩnh Phúc cai quản đem binh dõng đoàn quân ấy đến ngay quân thứ tỉnh Thái Nguyên để đánh dẹp.

Bãi việc thi phúc hạch võ. (Khoa ấy thi Hội võ trúng phó bảng 19 người, đều không thể làm được bài, cho nên bãi đi).

Tha miễn thuế để thiếu về năm nay và năm ngoái (84 lạng bạc, 1.771 quan tiền, 218 hộc thóc) cho 5 châu ở tỉnh Hưng Hoá (Ninh Biên, Lai Châu, Tuần Giáo, Luân Châu, Quỳnh Nhai). Trước đây, Điêu Văn Xanh cùng con là Văn Trì mộ người nước Thanh đem dân trong châu cùng với Văn Bỉnh, Hùng Diệp, Thành Lâm cùng cầm cự lại để giữ châu, dân trong châu không người nào theo giặc cả.

Vua Dụ Hoàng Tá Viêm rằng : Điêu Văn Xanh thuê mộ người nước Thanh, tụ tập thổ dõng, phần nhiều do dân trong châu bổ góp riêng để cung cấp, cho nên miễn cho để yên ủi lòng hắn.

Dân tỉnh Nghệ An bị đói. Có người đàn bà là Lê Thị Cảnh bỏ tiền ra thu nuôi, (trị giá thành tiền hơn 1.470 quan), được thưởng nhường cho mẹ chồng là Ngô Thị Luận (đã chết), quan tỉnh ấy đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : Thị Cảnh là một người đàn bà nhà quê, lại biết có lòng trung hậu, đáng khen, cho theo như lời xin cũng không hề gì. Về tấm biển thì truy thưởng cho Thị Luận, còn áo sa và ngân tiền thì thưởng cho Thị Cảnh, để được cùng thấm nhuần ơn huệ mà khuyến khích tục tốt.

Đặt thêm chức Phó lãnh binh tỉnh Quảng Yên (khi ấy có việc canh bắt giặc, cho nên đặt thêm).

Sứ nước Y Pha Nho lại sang. Vua sai Thượng thư bộ Lễ là Đỗ Đệ, Tả tham tri bộ Công là Hồ Trọng Đĩnh sung chức Chánh, Phó toàn quyền đại thần cùng giao hảo thương ước cho nhau.

Chủ suý nước Pháp cung tiến cá sấu. Chuẩn cho trích tiền vàng tiền bạc để tặng.

Lãnh binh ở quân thứ Thái Nguyên là bọn Nguyễn Lộc đốc thúc quân đi bắt giặc dẹp bọn giặc người Thanh, người thổ Mán được thắng trận (chém được 10 thủ cấp giặc người nước Thanh, 6 thủ cấp giặc thổ Mán ; thu được tang vật của giặc : 16 cờ, 9 súng điểu sang, 10 giáo sắt, 1 bài thưởng công). Thưởng cho bọn Nguyễn Lộc quân công kỷ lục 2 thứ, quan quân đi chuyến ấy được thưởng phẩm hàm, ngân tiền có thứ bậc khác nhau ; Phó sứ là Trương Quang Đản, Thương biện là Lương Quy Chính được ghi vào lý lịch và nghị thưởng.

Trương Quang Đản cho là việc vận lương phiền nhọc, xin dời quân về đóng ở đồn Đu và đồn Giang Tiên ; đồn Chợ Mới giao cho dân dõng canh giữ. Vua bảo rằng : Đóng quân ở Bắc Kạn, trơ trọi xa cách, về đóng ở Chợ Mới, để hòng làm việc cho chóng ; đã 4 tháng nay, chưa thu lại được, nay lại dời quân đi, chả hoá ra bảo cho giặc biết là nhát ư ? Ngươi nên xét kỹ, quả có thể 10 phần không ngại mới được. Nếu việc chưa chắc thì nên sửa chữa cầu cống, để thông đường tải lương ; đợi quân đoàn luyện đến nơi, hợp sức lại để đánh dẹp ngăn chặn không được mượn cớ thoái thác.

Bọn Phó đề đốc nha Sơn phòng Quảng Nam là Ngô Đắc Quang, Sơn phòng sứ là Nguyễn Văn Sán, Phó lãnh binh là Đoàn Đại Lợi, đem quan quân qua đường Kiền Lý tiến đánh giặc Man, Thương biện là Phan Bình, Nguyễn Tạo chia nhau đến đồn Trấn Định để ngăn chặn.

Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Phiên tâu rằng : Theo lệnh đi khám đường sông, có đường trọng yếu bên trong cửa biển, xin đặt đồn (xứ Tam Kỳ xã Nam Ngạn, hai bên đường cảng ở sông, mỗi bên đặt 1 đồn) bờ đối diện thuộc xã Phù Quang đặt 1 đồn) đặt súng (lớn nhỏ 20 cỗ khẩu) chọn phái quan quân (1 viên quản, 2 suất đội, 80 binh lính) đến giữ. Vua y cho.

Cho Thương biện ở quân thứ Ngãi - Định là Nguyễn Thân (con Nguyễn Tấn, hiện hàm Kiểm thảo) được mượn hàm Thị độc, sung chức Tán tương ở quân thứ ấy.

Bắt đầu đặt nha Doanh điền tỉnh Quảng Bình. Trước đây, Trưởng sử ở nhà Dục Đức là Bùi Ngọc Thụ tâu nói : Hắn quê ở tỉnh ấy, nơi thượng du, số đất bỏ không còn nhiều, xin về quê mộ dân khai phá, hoặc có thể tụ họp mở mang được. Vua bèn sai Hữu tham tri bộ Công là Nguyễn Văn Thận (người tỉnh Quảng Bình) sung làm khâm phái trở về xét khám. Tháng trước, Văn Thận tâu trả lời : Mạn thượng du tỉnh ấy các đất bỏ không màu mỡ còn nhiều, khí hậu đều tốt. Nếu được chuẩn cho làm việc, tất được thành hiệu. Bèn chuẩn cho đặt nha Doanh điền, thăng cho Ngọc Thụ hàm Lang trung, sung chức Doanh điền sứ. Các công việc nên làm ở nha ấy, lần lượt tâu lên để làm.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXIV*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Canh Thìn, Tự Đức năm thứ 33 [1880], mùa thu, tháng 7, Quản đạo Tân Hoá là Trần Văn Phác dâng sớ nói : Thuộc hạt đạo ấy, đất thì xa, khí độc thì nặng, quân đóng phục ở đấy, nhiều người trốn tránh ; xin trích lấy thủ hạ của Đinh Văn Vinh (người huyện Văn Chấn, được thưởng thụ Chánh cửu phẩm bách bộ, mộ đinh dõng theo việc quân thứ), 50 tên thổ dõng dồn làm một đội tuần thành, chi lương để phòng sai phái. Vua y cho.

Cho Thương biện ở quân thứ Thái Nguyên là Lương Quy Chính được khai phục hàm Biên tu, tạm sung chức Tán lý. (Quy Chính trước phải cách, cố sức làm việc để chuộc tội, rồi lượng cho tạm chức Thương biện ; đến nay Tĩnh biên phó sứ là Trương Quang Đản tâu xin cho chức Tán lý để được nhiều người cùng giúp việc, cho nên khai phục hàm cũ).

Định rõ lại lệ cấm chở trộm tiền dị dạng. (Từ nay trở đi, tiền dị dạng, thuyền buôn nếu có chở trộm đến cửa biển, là thuyền của người nước ta, thì chiểu luật lệ nước ta, thuyền và hàng hoá tịch thu hết, xử phạt hết mức trượng đem đi lưu ; nếu là người nước ngoài thì đều chiểu theo khoản thứ 24 trong thương ước tra bắt tịch thu hết, không được đến buôn nữa).

Thọ Xuân vương Miên Định vì con nối là Hồng Cát ốm chết, cho nên lo buồn, xin thôi việc ở phủ. Vua bảo rằng : Việc trong phủ không bận lắm, nghĩ vương là bậc lão thành am luyện, chủ trương coi bảo, khó gì mà phải chối từ, nên tự giữ gìn

để hưởng lâu tuổi trời. Các con thứ sẽ chọn người khá cho thay. Việc đó cũng là việc thường của nhà người ta, không nên thương tâm rồi ốm, nên nghĩ đến đền ơn nước cho trọn đời.

Châu Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang giá gạo đắt. Chuẩn cho quan tỉnh ấy xuất gạo trong kho chia cấp cho dân đói.

Khi ấy, Lãnh sự nước Pháp có xin mua gạo để xuất khẩu. Quan viện, bạc là bọn Trần Tiễn Thành tâu nói : 4 tỉnh Thanh Hoá, Hưng Yên, Bắc Ninh, hoặc là thượng du, số ruộng chiêm ít, hoặc vì mưa lụt, hơi bị thiệt hại, sợ có thiếu lương ăn, việc cấm xuất khẩu gạo, chưa nên nhất khái cho bỏ. Về 4 tỉnh Ninh Bình, Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, giá gạo đều được giảm xuống bình thường, xin quyền nghi cho tạm bỏ cấm 2 tháng, để tình nghĩa láng giềng được hậu. Vua y cho.

Bộ Lễ tâu xin gia tặng chữ mỹ tự cho các hiệu thần cả nước. Vua bảo rằng : Từ trước phong tặng đã có tự hiệu, nay mỗi nhân ân điển được gia thêm, tất đến chồng chất, không có ý nghĩa, mà gần như nịnh thần. Vả lại, như quan viên tuy có công to, cũng chẳng qua được 2 chữ tên thụy, một lần mà thôi, huống chi là xa rồi. Đình thần bàn định thế nào cho rất đáng, gặp ân điển thì cúng tế mà thôi ; duy vị thần nào chính đích, linh thiêng mà chưa được phong, mới nên phong một lần thôi. Rồi (tháng 9) chuẩn định : Từ nay gặp năm khánh tiết, các thần kỳ nào dự vào điển lệ được tế và các nơi phát tích, đóng đô, đóng đồn của đế vương các đời, hiện có đền thờ, cùng là các thần kỳ vẫn thờ ở các xã dân và các kho tàng đồn bảo, đồn biển, thành luỹ, đều đình bãi việc gia phong, nhưng đều được ân tế một lần. Còn các thần từ ở các kho tàng, đồn bảo, cửa biển, thành luỹ, không dự ân tế, thì mỗi sở cấp cho 15 quan tiền, giao cho quản suất biền binh sửa lễ đến tế. Còn dân các xã, thôn thì bãi bỏ việc chiểu cấp tiền công linh tinh, (theo như trước thì chia từng hạng châm chước cấp cho 10 quan hay 20 quan), nhưng mỗi phủ có kiêm lý 3 - 4 huyện thì đều được cấp 200 quan tiền, 2 huyện thì 150 quan, kiêm lý 1 huyện thì cho mỗi huyện 100 quan, giao cho viên phủ, huyện sửa lễ, làm đàn ở lỵ sở, liệu gọi mỗi xã 1 - 2 người đến đàn sở làm lễ, lễ xong đều cho ăn một lần. Còn như các hiệu thần chưa được phong, thì vị nào là chính thực linh ứng, sự tích rõ ràng, mà chưa được phong, cũng vào khi mới lên ngôi ân phong một lần.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Vũ Trọng Bình cử Đồng tri phủ ở phân phủ Vĩnh Tường là Nguyễn Phụng (người tỉnh Bình Định, đỗ Cử nhân) là người xuất sắc trong các phủ, huyện, nghĩ xin khen thưởng. Vua sai bộ Lại cứu xét phúc tâu. Quan ở bộ tâu là vì chức sự viên ấy chưa làm xong. (Năm thứ 31, thiếu thuế phải giáng 6 cấp được lưu lại làm việc ; năm thứ 30, thứ 31, hai lần giặc phát ra vì canh phòng sơ suất, phải giáng 4 cấp được lưu lại làm việc. Năm thứ 32, đê hạt phủ ấy vỡ, phải giáng 3 cấp, được lưu lại làm việc). Vua bảo rằng : Khen ngợi rất mực mà xét ra

việc ấy việc khác chưa làm xong, thì thưởng khuyến vào đâu ? Phải cẩn thận chớ như việc tăng số hộ khẩu gian dối.

Phó đề đốc ở Sơn phòng Quảng Nam là Ngô Đắc Quang tâu rằng : Quyền bộ biền đốc binh là bọn Lê Văn Hương 3 ngả tiến đến xứ Đầu Dốc gặp giặc, đánh nhau, giặc Man ấy nhiều người bị thương chết, kéo xác mà chạy. Bộ Binh xin xét để thưởng. Vua bảo rằng : Thuốc đạn chi cho việc bắn quá nhiều, chỉ nói suông là bắn chết, mà hoàn toàn không lấy được thủ cấp nào, thì có khi còn phải tội, chứ có gì là công. Từ nay, phàm việc bắt giặc, giết chết mà không nộp thủ cấp, đều không cho việc thưởng, theo như lệ mới ở biên giới phía Bắc, cho có sự thực.

Án sát Lạng Sơn là Lê Như Dạng và tác vi [1] Lãnh binh là bọn Đinh Quán Trinh đánh cho giặc trốn nước Thanh bị thua ở phủ Trường Khánh, được thưởng kỷ lục, ngân tiền có thứ bậc khác nhau.

Lại hoãn thu thuế 4 mỏ Hạt Ông, Bản Lỗ, Bản Đàm, Mường Lâm ở Hưng Hoá (vì có giặc, cho nên năm thứ 30 đã cho mỏ Hạt Ông cả năm nộp thuế bằng vàng 7 lạng, giảm xuống 2 lạng 1 đồng cân ; mỏ Bản Lỗ cả năm nộp thuế 10 lạng, giảm xuống 2 lạng ; mỏ Bản Đàm cả năm nộp thuế bằng diêm tiêu 100 cân, giảm xuống 50 cân ; mỏ Mường Lâm cả năm nộp thuế lưu hoàng 200 cân, giảm xuống 100 cân. Năm nay hết hạn, lại được triển hoãn lại), đợi sau 2 năm xét khám lại gia trưng.

Cho tỉnh Nghệ An lập ty Tài mộc. Trước đây, viên Tổng đốc trước tỉnh Nghệ An là Nguyễn Chính tâu nói : Hiện nay gỗ rất cần dùng, hạt ấy sẵn gỗ, lâm thời giao cho mua hay sức lấy, không khỏi chậm khó. Xin xét kỹ trong hạt hoặc 2 ty Phiên, Niết, người nào có phẩm hàm mà thông suốt nhanh nhẹn, chọn lấy một người xướng suất khuyên mộ, (không cứ quân dân hạng nào) đặt ty Tài mộc thuộc theo tỉnh, thường xuyên chia đường làm việc đẵn gỗ, cho có chuyên trách. Bèn chuẩn cho bộ Công bàn định công việc tâu lên. (Nghĩ đặt ty ấy 1 quản đốc (bát, cửu phẩm), 1 kiểm biện, 1 thừa biện (vị nhập lưu) cho được trước kỳ hạn tải gỗ lĩnh tiền đi đẵn, mỗi năm phải đủ số 2.000 cây hay phiến ; đến kỳ tải, do thông phán, kinh lịch ở phòng Công và quan tỉnh ấy xét thực tư bộ, phái thuyền đi chở. Trong 3 năm đủ số 1.000 cây, không có bị bác bỏ thì quản đốc được thăng 1 trật ; nếu sau khi lĩnh tiền, không nộp đủ gỗ, ngoài việc cứ ty ấy phải tội và phải đền ra không kể, quan tỉnh ấy cũng phải tội phải đền giảm đi một bậc). Đến nay chuẩn cho theo lời nghị ấy thi hành. (Rồi sau phủ Thừa Thiên và các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận cũng cho đều chiểu theo thế mà làm).

Cất nhắc Đồng tri phủ sung chức Giám lâm kho Hà Nội là Lê Viết Huy thăng hàm Thị độc lĩnh chức Án sát tỉnh Nghệ An. Khi ấy, Án sát tỉnh Nghệ khuyết, quan

(1) *Tác vi* : tức là không phải nguyên chân lãnh binh mà bổ sung chức lãnh binh.

bộ Lại là Nguyễn Chính tâu rằng : Lê Viết Huy trước cai trị ở huyện Thanh Chương (thuộc Nghệ An), huyện Đức Thọ (thuộc Hà Tĩnh) giữ mình trong sạch, người cha phải cấp cho ăn tiêu hằng ngày, khuyên phải cố giữ tiết tháo làm việc quan, tưởng cũng được sự giáo dục ở gia đình. Vả lại, dân hạt tỉnh Nghệ vừa lương vừa giáo, xử trí thực phiền và khó, tất phải người cầm lòng bình chính mới được. Về chức án sát khuyết ra, xin cho Viết Huy được làm. Vua bảo rằng : Viết Huy được nhiều người khen cử, chắc có thể được. Trong các phủ, huyện, người được như thế, chưa dễ có nhiều, phải nên không câu nệ cách thường, khen một người để khuyến khích muôn người. Bèn y theo lời tâu.

Bộ Hộ chước định điều lệ thu thuế quan. (Xin từ nay phàm thuyền nước Thanh mua hàng chở đến và ở các tỉnh đã đến ấy, có mua hàng hoá của ta mang về nước, thì đều theo nghị năm thứ 29 ; nếu mua hàng hoá tỉnh này đến bán tỉnh khác và chuyển vận về nước, thì qua cửa quan đều đánh thuế. Còn như dân buôn nước ta, xin theo lệ cũ, ở trong hạt thì chỗ trên đã lấy thuế rồi chỗ dưới được trừ ; đi sang hạt khác thì chiểu hàng hoá lại đánh thuế, để ngạch thuế khỏi thiếu. Lại như lĩnh trưng thuế lệ, điều cấm nghiêm kỹ, thế mà cái tệ thu quá mức, làm khó dễ, chưa thể bỏ hết. Nghĩ nên sức rõ, các tuần ty ở quan tân, đều phải tuân theo nghiêm chỉnh). Vua bảo rằng : Đây là chuyên chỉ hàng hoá đem đến, nếu là hàng hoá mua đem về, cũng chỉ đánh thuế một lần thôi. Như mua vật ấy, tỉnh ấy đã đánh thuế rồi, thì dù có mang đến hạt khác hoặc mang về nước, xác thực có bằng chứng, cũng miễn. Còn như hàng hoá mua đem về, mà chưa từng đánh thuế, không có bằng chứng, thì không cứ ở tỉnh ấy hay tỉnh khác mang về, đều đánh thuế một lần thôi. Như thế mới hợp với phép công chính chỗ trên đánh thuế rồi chỗ dưới được trừ, người buôn nước ta cũng thế. Nếu từ Nam Kỳ hoặc nước khác đến, thì tuy có bằng chứng cũng không kể. Vả lại, tình tệ lĩnh trưng, trước kia bàn đã nghiêm kỹ, nhưng phiền phức tỷ mỉ thì người ta dễ quên, cho nên không thi hành, lại sợ kiện cáo thêm phiền, cho nên tệ như cũ. Lập ra pháp luật, cốt dễ thi hành, mới có thể được hết tệ, vì cốt sự thực mà thôi.

Phủ Thừa Thiên và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ít mưa, sai quan phủ, quan tỉnh cầu đảo.

Quan phạm tội (phải tội lưu) là bọn Hoàng Thức (người phủ Thừa Thiên, nguyên là Hiệp lãnh Thị vệ), Phan Tài Uy (người tỉnh Quảng Ngãi, nguyên là Thành thủ uý), Hoàng Thâm (người tỉnh Quảng Ngãi, nguyên là Tĩnh man Tán tương) xin cố sức làm việc để chuộc tội. (Thức xin đến quân thứ Tam Tuyên, Thâm và Tài Uy đều xin đến nha Sơn phòng Quảng Nam). Bộ Binh đem việc ấy để tâu giúp. Vua y cho. Và bảo rằng : Trẫm chỉ vì việc công mà khoan cho, ở đời không người nào bỏ đi, có công thì thưởng, có tội thì răn, có lỗi biết đổi là quý,

tuy có ngón khôn cùng không thèm kể. Quan có trách nhiệm cần thể theo ý thực ấy của trẫm.

Tháng 8, ban tập văn thơ vua làm (tập đầu, tập thứ hai, 2 tập) cho hoàng thân, công chúa (người có học), ấn quan trong ngoài và học đường các tỉnh. (In bằng bản in chữ sắp vào tháo ra được).

Bố chính Thái Nguyên là Nguyễn Vinh tâu rằng : Thổ dân các châu, phủ Thông Hoá, Tòng Hoá, Bạch Thông, vì tránh giặc dời về trú ngụ quanh tỉnh, ước hơn 300 người, trong đó có những người trai trẻ xin triệu tập con em tự biện súng ống, khí giới theo quân đi bắt giặc. Xin lượng cấp lương ăn ; còn đàn bà, trẻ con và người già yếu thì cấp gạo để giúp cho sự sống hằng ngày. Vua y cho.

Giặc trốn vây sát đồn Điềm Hy (thuộc tỉnh Lạng Sơn), Lãnh binh Phan Tình đóng đấy để chặn. Việc đến tai vua, quan quân thứ và quan tỉnh đều phải giáng. Vua Dụ rằng : Tình hình bọn giặc hạt tỉnh Lạng cần phải dẹp yên, lại là nơi đường sứ đi qua (sứ bộ đã gần ra khỏi cửa quan) phải tính bàn trước. Tổng đốc Bắc Ninh là Nguyễn Huy Kỷ trước ở tỉnh Lạng, tình thế đã rõ, nên thương lượng phái ngay Đề đốc là Lê Trì, Lãnh binh là bọn Cù Thản đem quân tiến đến, Hoàng Tá Viêm nghiêm thúc Phó đề đốc Lưu Vĩnh Phúc đi ngay, Tuần phủ Lạng Sơn cũng phải bắt nhiều binh dõng lợi hại đánh dẹp, đem toán giặc ấy giết sạch, để đường sứ đi được yên, mới được đem quân về.

Thưởng cho tướng hiệu ở quân thứ. Vua sắc rằng : Nay gặp khánh tiết Vạn thọ, theo lệ có ban cấp quân thứ hiện làm việc đã lâu, không có công trạng gì, đó là lỗi của các quan to ; còn như tướng hiệu, đi đánh trận khó nhọc, trẫm từng thương nghĩ đến, trừ thống đốc, tham tán, đề đốc và quan tỉnh Lạng ra không kể, chuẩn thưởng cho tướng hiệu ở quân thứ từ lãnh binh trở xuống đến binh dõng, đều được tiền lương bổng 1 tháng.

Khi ấy, giặc ở Bắc Ninh, Lạng Sơn ngày càng quấy rối quá lắm. Vua Dụ quan ở quân thứ là Hoàng Tá Viêm rằng : Ngươi nhận chức coi một địa phương ấy đã lâu đến 11 năm, địa thế và tình hình giặc không việc gì là không am hiểu ; thế mà từ khi cai quản 2 tỉnh biên giới, dẹp yên các giặc, đều nhờ quân nước ngoài làm trọng. Quân nhà Thanh triệt hết, để lại một vài giặc tàn, lén lút sống sót ở Tuyên Quang, Thái Nguyên, ngươi đã cùng với đoàn Lưu Vĩnh Phúc bàn tính, dồn từng đoàn, cấp thêm lương, trẫm chiểu theo lời xin ấy, tháng tốn vạn lạng vàng, đều không sẻn tiếc ; cũng là muốn việc ngoài biên chóng xong. Tính từ tháng 4 đến nay, qua mùa hạ sang mùa thu, Lưu Vĩnh Phúc thì ở yên ở Bảo Thắng, ngươi thì đóng quân luyện tập, để cho giặc tàn được tụ họp. Lục Chi Bình thì hãm giữ Bắc Kạn, bọn Lý Á Sinh, Tài Cá Phổ, Hỏa Đại Gia chia nhau quấy rối phủ Lạng Giang, thuộc Bắc

Ninh, phủ Trường Khánh, thuộc Lạng Sơn, duyên do đến nỗi thế, là lỗi ở ai ? Ngươi nửa đêm tự xét, trên thì nói với vua cha, dưới thì bàn tính với tướng tá, bên trong thì quân dân trông nghe, bên ngoài thì nước bạn trông vào, quả đã hợp hay chưa ? Nên hết lòng làm việc đánh dẹp, lần lượt dẹp yên, không thì nhất định khó lòng mà trái phép tha tội cho được.

Lại Dụ Lưu Vĩnh Phúc rằng : Ngươi là dòng dõi phiên thần đời xưa, trước đây vì trốn tránh mới về, không chịu khuất phục giặc [Hoàng Sùng] Anh, mà bỏ chỗ tối đến chỗ sáng ; nhiều lần đem quân lính đi theo đánh giặc, để tỏ lòng thực. Trẫm coi ngươi như thần tử của bản triều, vì cũng tin là lòng thành tín, còn đợi có ngày cố gắng thêm, lập được công to tất được thưởng hậu, cố nhiên là không những thế mà thôi đâu. Ngươi nên đốc thúc ngay quân đoàn luyện, chia đường đánh cho tan nát, chớ để kẻ nào lọt lưới, sinh khó về sau, mới khỏi phụ ơn chịu thẹn, được tiếng khen về sau mãi mãi, ngươi nên suy nghĩ.

Thuộc viên cũ của Khuyến nông sứ Khánh Hòa Phan Trung là Nguyễn Văn Tính, Nguyễn Văn Khoa (đều là người trong Nam) tự tiện giết người (vợ Văn Tính tư thông với Đội trưởng Trần Truyền, Văn Khoa bắt được giao cho Văn Tính đem cả gian phu, gian phụ giết đi). Quan tỉnh và quan sứ nghĩ xử Văn Tính phải tội đồ 3 năm, Văn Khoa phải tội đồ 2 năm. Quan viện, bạc nghĩ xử lại Văn Tính phải tội thắt cổ được giam lại chờ xét, Văn Khoa phải tội đi đày 3.000 dặm. Vua cho là người trong Nam có nghĩa, khoan giảm cho một lần, y theo án quan tỉnh, quan sứ đã nghĩ xử. Lại Dụ rằng : Phan Trung, ngươi truyền cho bọn ấy biết lỗi phải đổi. Phàm việc gì quan đã xử trị, chớ như rợ mọi, tự ở ngoài pháp luật, sao gọi là nghĩa sĩ ; nhưng bọn ấy còn biết mến chủ đến đây, hơn hẳn kẻ ham của ngại việc dời đi, tự chịu nhơ bẩn với địch, không khác gì trời thẳm với vực sâu cách nhau xa). Giao cho Phan Trung giam lại bắt làm việc, hết hạn cũng quản thúc để sai phái.

Nêu thưởng người đàn bà tiết nghĩa ở Quảng Nam (là Vũ Thị Chân, hạng bình).

Tuần phủ Lạng - Bằng là Nguyễn Đình Nhuận cho là gần đến kỳ sứ đi qua, tâu xin điều động thêm quân lính để ngăn dẹp, cho đường sứ đi được yên.Vua bèn sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm sức ngay cho Phó đề đốc là Lưu Vĩnh Phúc đem đoàn quân đến ngay để hộ tống. Tĩnh biên phó sứ là Trương Quang Đản đến ngay Lạng Giang để xử trí, đợi sứ bộ ra khỏi cửa quan, đều lần lượt đánh dẹp, không để trở ngại về sau.

Cho Tuần phủ Lạng - Bằng là Nguyễn Đình Nhuận hộ lý Tổng đốc Định - Yên [Nam Định, Hưng Yên] (Tổng đốc trước là Nguyễn Trọng Hợp ốm nghỉ phép ở ngoài, rồi chuẩn cho phải chữa khỏi ngay, về Kinh chờ Chỉ) ; Tuần phủ Hưng Hoá là Lương Tú Thứ đổi bổ lĩnh chức Tuần phủ Lạng - Bằng ; Quang lộc Tự khanh

sung Sơn phòng sứ Hưng Hoá là Nguyễn Quang Bích thăng lĩnh Tuần phủ Hưng Hoá ; (rồi vì việc tỉnh Lạng chưa xong, cũng là trách nhiệm của Đình Nhuận chưa làm xong, chuẩn cho ở lại làm việc ; đến tháng 11 mới theo Chỉ chuẩn trước đến nhận chức).

Khi ấy, Phạm Phú Thứ (Tổng đốc Hải - Yên), Lê Tiến Thông (Tuần phủ Hải Dương) về Kinh đợi án. Gặp khánh tiết Vạn thọ, xin vào bái yết. Bộ Lại đem việc ấy tâu lên. Vua không cho, bảo rằng : Phú Thứ tuy có tài làm việc, nhưng lòng quá thiên tư, kiêu ngạo, phóng túng trái phép, không phải là đạo nho thần, ta thường răn bảo, không chịu sửa đổi ; Tiến Thông thì dựa dẫm theo người, rất phụ trách nhiệm giao uỷ cho, còn đương đổi lỗi hối tội chưa rồi, sao được coi thường cầu xin ; không đổi hết lỗi tất không thể dùng được, đó là tại mình tự bỏ, không phải là triều đình bỏ.

Phó đề đốc ở Sơn phòng Quảng Nam là Ngô Đắc Quang nhiều lần tiến đánh các trại man Giáo Dục, Gò Chiên, Nước Túng, Tù trưởng Man là bọn tên Thân, tên Nỗ, tên Trất, tên Nhũ mang theo bọn Man và khí giới của Man đến hàng. Việc ấy đến tai vua, vua Dụ rằng : Man ấy lúc thì phục hàng, lúc thì làm phản, hoảng hốt không thường, khi quân đến thì như giống muông ve vẫy đuôi cầu người thương, khi quân về thì thừa cơ trộm cướp lén lút. Nếu không một phen dẹp yên, ra việc, ân, uy đều rõ rệt, thì cũng không bao giờ xong. Ngươi nên nhân lúc thanh thế của quân lừng lẫy khắp nơi này, đánh dẹp cho chóng xong, khỏi phải ở lâu khí núi độc. Rồi gia cấp từ đề đốc đến binh đinh mỗi người tiền lương bổng 1 tháng.

Sai thổ mục, thổ hào, Thổ, Nùng, Mèo, Mán các tỉnh biên giới phía Bắc, mộ dõng đi đánh giặc. Vua Dụ rằng : Ngày xưa nhà Đường dẹp yên đất Hoài, đất Thái, chuyên dùng người thổ trước, nhà Hán đánh đất Triều Ca, đều mộ người khỏe mạnh. Mọi người đều vui lòng làm việc, sau được thành công. Vì là ở ngoài cõi đất xa xôi, hẻo lánh, chưa từng không có người can đảm vậy. Bọn ngươi sinh trưởng ở rừng núi, vốn có tiếng là tợn khỏe, trung nghĩa, thực thà, gần đây tuy phải điêu tán, nhưng cũng còn có người giỏi, chỗ nào cũng có, như ở Lạng Sơn thì Vi Văn Lý, Đinh Quán Trinh, Lư Vĩnh Tài ; Cao Bằng thì bọn Lương Tuấn Tú, Trình An Lộc, Bế Lê ; Thái Nguyên thì Triệu Đức Vọng ; Tuyên Quang thì anh em Nông Hùng Phúc ; Hưng Hoá thì cha con Điêu Văn Xanh, đều là nhà dòng dõi hào trưởng, đều được dân quy phụ tin theo, nhiều lần vì đánh giặc, dâng công ở quân dinh, đều nhận ơn hậu của triều đình. Tấm lòng yêu kính triều đình không nên bỏ qua. Người nào có thể giữ được một xứ, giết được một tên giặc, thì dân ta, đất ta, tự khắc tạm được yên dần, há nên bảo là không có người mà để cho chúng giày xéo ư ? Nay chuyển cho quan các quân thứ, các tỉnh, phải khéo hiểu dụ, sai ngay bọn ấy đều chiêu tập dân và chiêu mộ người khỏe mạnh trong hạt, cùng là người nước Thanh người nào ở nước ta đã lâu mà thực có căn cước đáng tin, mỗi người đều chiêu mộ trên dưới

300 hay 500 người, càng nhiều mà có sức khỏe càng tốt ; cần phải đều là người biết đánh giặc, quen đánh giặc, am hiểu đường lối, có tiếng là tay giỏi ; do quan địa phương xét thực, cấp cho nhiều tiền, gạo, rồi dồn thành từng toán, cho bọn ấy trông coi, chia đường đi đánh giặc. Đợi sau khi xong việc, đều chiểu theo công trạng, thưởng cho chức hàm, hoặc gia cho quan to chức lớn, có công lao to hơn thì chuẩn cho đời đời nối phong. Vả lại, giặc khách một ngày không dẹp sớm, thì bọn ngươi đều có cái khổ một ngày phải bỏ nhà thất nghiệp. Nên phải cùng bảo nhau, thề lòng giết giặc, trên để đền ơn đất nước, dưới để giữ vui gia đình, mà chịu cúi đầu người, có nên không ? Đó là ý thiết tha của trẫm thể tất đến dân ngoài biên, nói không thể hết lời được. Quan ở quân thứ, quan tỉnh nên hết lòng khuyên dụ, để họ thêm lòng cảm kích hăng hái ; lại sao lục đưa cho các thổ châu, để đều biết cả.

Định lệ quan viên ốm nghỉ phép và hết hạn xét bổ làm việc. (Từ nay, phàm các người được xét bổ, như chỗ tốt ở trung châu, từ thuộc viên tứ phẩm đến tòng cửu phẩm, người nào ốm nặng, do quan tượng ty nha cũ, quan tỉnh sở tại, khám quả thực cho hạn 1 tháng, chưa khỏi lại cho 1 hạn nữa, cũng chưa khỏi cho về quê dưỡng bệnh (lại 2 tháng), đợi khỏi chiểu lệ xét bổ làm việc ; (xét lúc tại chức trước, quả là được việc và không can khoản gì, quả không tính tránh nơi này đi nơi khác, tư bộ mới được xét bổ). Nếu nói dối là ốm và cố ý ở lì quê nhà, việc phát giác ra, thì không cứ là do khoa mục hay lại điển xuất thân và được bổ chỗ khuyết nào, (trung châu hay biên giới xa) từ tứ phẩm đến cửu phẩm, cách hết chức dịch một loạt, về sổ trong làng, không được gọi là hạng danh sắc. Các nha còn dám cử ra để bổ, thì chiểu luật "cử dụng quan lại có lỗi" để xử tội ; còn như nhân viên đi khám không theo sự thực thì chiểu luật "che chở cho nhau" phải giáng 3 cấp đổi đi nơi khác ; đường quan thì được giảm bậc, phải giáng 2 cấp lưu lại. Ai biết trích ra hặc trước, thì được miễn nghị. Nếu dụng tình yêu ghét, đem người ốm thực bảo là ốm dối, về người đi khám phải chiểu điều luật "tâu nói mờ ám" xử tội ; thượng ty thì giảm bậc nghĩ xử. Còn như bổ ở quân thứ ngoài biên và đóng đồn khai khẩn, tàu thuỷ, điển ty, chủ thủ và dực thiện, giám thủ mà mắc bệnh, khám thực đủ hạn 4 tháng, tuy xét là chăm chỉ được việc, cũng chiểu chức lúc mới bổ mà xét bổ, không được đổi bổ chức khuyết nào khác.

Tháng 9, trước đây Đội trưởng Dịch Man ở Sơn phòng Ngãi - Định là Nguyễn Tăng Đoan đến Man trao đổi hàng, thông đồng với người Man. Tiễu phủ sứ là Trương Văn Đễ, Phó đề đốc là Ngô Đắc Quang dụ bắt được đem giết đi. (Sợ nó trốn thoát, chém trước tâu lên sau). Bộ Hình cho là việc có nguyên nhân, xin xử tội nhẹ. Vua bảo rằng : Mạng người rất trọng, cho sống hay chết, không phải là kẻ thần hạ dám tự ý. Đời xưa phong tước cho người ở triều, giết người ở chợ, cùng với mọi người cùng lấy hay cùng bỏ đi là tỏ ra rất công vậy. Chính lệnh nhà vua còn đợi

3 lần xét lại, 5 lần tâu lên, không dám tự ý giết người, huống chi là kẻ bề tôi chỉ làm một chức ; đã bắt được đem về giam để tra xét, lo gì trốn thoát. Thế mà tình tội chưa được rõ ràng chính đáng, vội đã đem chém, sao được tự tiện đến thế ? Bộ Hình chức giữ phép nước, không biết giữ phép, dẫn luật nghị tội, một mực xử nhẹ, thế thì chức vụ ở đâu ? Bọn Phạm Thận Duật đều phải giáng 2 cấp được lưu lại. Án ấy giao cho nghĩ xử lại. Đến đây, quan ở bộ lại nghĩ xử bọn Văn Đễ phải tội chém được giam lại chờ xét. Án dâng lên, vua xử nhẹ cho, cách chức Văn Đễ, phái đi quân thứ Tuyên Quang theo Hoàng Tá Viêm cố sức làm việc chuộc tội. Khi ấy, Đắc Quang hiện phái đi dẹp giặc ở Quảng Nam, chuẩn cho đợi khi đem quân về, có được yên không sẽ phúc tâu lên.

Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Vũ Trọng Bình vào yết kiến. Vua thường cho gọi vào hầu, hỏi công việc biên giới ngoài Bắc. Nhân đó hỏi về việc Bắc Kỳ sau khi luôn mấy năm bị lụt lội và việc quân, nếu có việc hoãn cấp, lòng người có thể tin cậy được không ? Trọng Bình thưa : Lòng người đều muốn được yên, nhưng cho là có thể tin cậy, tôi là người ngu cũng chưa dám chắc. Lại hỏi về việc quân ở biên giới ngoài Bắc, chưa biết ngày nào xong được. Hiện nay người giúp việc, phần nhiều chưa có phẩm vị danh vọng cao, cho nên bàn bạc với Hoàng Tá Viêm nhiều khi không hợp. Ngươi nếu sung chức Hiệp đốc hoặc một chức gì về việc ngoài biên, tự liệu cùng với Tá Viêm bàn tính, tất phải nghe theo mà nên được việc không ? Trọng Bình thưa : Tôi tính thì thô suất, việc binh lại không được giỏi, không dám tự đương chức ấy, duy có cho tôi về tỉnh Sơn nhậm chức, nếu gặp việc cùng bàn, tưởng cũng có việc phải nghe. Lại hỏi : Ngươi trị dân thế nào mà được dân yêu ? Trọng Bình thưa : Duy có không dung túng bọn tư lại, nghiêm dẹp trộm cướp và sức các phủ, huyện nhất thiết các việc tạp tụng, không được bỏ lâu ; thuế lệ hằng năm, cũng chính mình xét đến, đều làm điều biết được thôi. Vua muốn lưu Trọng Bình ở lại sung làm quan bộ Lại, nhưng rồi cho là quan to ở Bắc Kỳ, phần nhiều là người mới, phải được bậc lão thành, để giúp cho việc trấn áp, mới cho hãy về lỵ sở nhậm chức.

Tỉnh Lạng Sơn bị sâu cắn lúa.

Khi ấy, giặc trốn ở Lạng Sơn, Tuyên Quang hợp với giặc ở Thái Nguyên kéo bừa xuống quấy rối tràn (quan quân bị thua ở Đèo Vang, bọn Lãnh binh là Trần Đình Kham, quyền phủ là Nguyễn Vụ đều bị giặc bắt) thế rất hung hăng. Vua sai Thống đốc là Hoàng Tá Viêm nghiêm thúc Lưu Vĩnh Phúc đem đoàn quân tiến đánh ; lại sai tỉnh Sơn Tây, tỉnh Nam Định trích phái quân ở Nghệ An đóng thú ; tỉnh Hà Nội, tỉnh Hải Dương trích phái quân ở Thanh Hoá đóng thú (mỗi tỉnh đều 200 quân) đến ngay quân thứ Thái Nguyên hội lại cùng đánh dẹp.

Thượng thư bộ Hộ là Nguyễn Văn Tường vì bị lời gièm (Nguyên Hiệp đốc là Tôn Thất Thuyết tâu nghĩ về việc tiền đồng dị dạng có nói : Thuyền nước khác

mang đến, hết lòng xin giúp ; lại nói : Cùng người chia lợi, mọt nước hại dân, lại ở Kinh đô đồn rằm là Văn Tường nhận nhiều của lót, tâu xin bỏ cấm), xin trả việc bộ Hộ, đổi sung bộ khác.

Vua Dụ rằng : Thuyết ít học không thông, lại có tật nóng nảy, nói càn, sao đáng kể ; lời đồn ở Kinh đô cũng không căn cứ ; người xưa không thể dẹp được lời gièm, cho nên nói : Cứu rét không gì bằng mặc hai lần áo cừu, dẹp lời gièm không gì bằng tự phải tu tỉnh. Nguyễn Văn Tường từ lúc giữ việc ở bộ Hộ đến giờ, có phần hết lòng trù tính, thuế khoá của nước có hơn lên ; đương lúc phải giữ đà về quân nhu bận rộn, đều được ổn thỏa cả. Trẫm đương trách uỷ cho làm có thành hiệu sao nên tự đẩy đem thoái thác.

Hai huyện ở tỉnh Hải Dương bị tai nạn sâu lúa. (Tục gọi là hỏa trùng [con rươi], huyện Vĩnh Bảo 8 tổng, huyện Vĩnh Lại 3 tổng, ruộng lúa bị thiệt hại).

Giặc trốn là Lục Chi Bình xin quy phục. Quan ở quân thứ tâu lên. Vua bảo rằng : Phép dùng việc quân, tuy là vừa đánh vừa vỗ về yên ủi, nhưng bọn giặc họ Lục vốn không phải là hạng dễ tập cho thuần được, há nên thường bị đánh lừa. Hoàng Tá Viêm và Trương Quang Đản phải xem cơ hội mà đuổi đánh, không nên nghe kế hoãn binh của hắn, làm mất cơ hội, mới là xong việc.

Vua bảo đình thần rằng : Bộ Binh việc nhiều, Trần Tiễn Thành gần đây già yếu, sức chẳng theo lòng, làm việc không khỏi chậm trễ đọng lại. Vả lại, chức việc của đại thần, không thân làm việc nhỏ. Từ nay, phàm việc ở bộ, các việc quan trọng như : cơ mưu, điều khiển việc quân, việc binh nhung nên làm hay nên bãi, phái quân trừ giặc, mới được trình báo đợi quyết định, làm phiếu luôn dâng lên, còn thì chuyên giao cho bọn tham tri, thị lang, biện lý hội đồng bàn tính cho xong, không để lỡ việc.

Cho Tả tham tri bộ Công là Hồ Trọng Đĩnh làm Tả tham tri bộ Hộ, vẫn trông coi viện Đô sát ; Tả tham tri bộ Hộ là Chu Đình Kế làm Tả tham tri bộ Công ; Tả tham tri bộ Lại là Lê Hữu Tá làm Tả tham tri bộ Binh ; thự Tham tri tạm sung làm việc Nội các là Bùi Ân Niên lại khai phục Hữu tham tri bộ Lại.

Vua thấy quan ở Nội các là Ngô Quý Đồng tấu đối nhiều sơ suất, bảo cho biết rằng : Ngươi nóng nảy suất lược nông nổi, không phải là khí độ cao xa to tát, vẫn muốn răn bảo, sợ chưa bỏ ngay được, đều do không tự xét ; như bọn Nguyễn Thuật cũng là người thế nào, há có già cả hơn ngươi chăng ? Trẫm, phàm người nào dạy dỗ không được, mới ruồng bỏ.

Quan phủ Thừa Thiên và quan các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định cho rằng liền năm mất mùa, tình dân điêu háo, về ngạch quân tuyển

thêm, xin triển hoãn lại 3 năm. Vua y cho. (Rồi sau hết hạn, vì bận việc, cũng không tuyển lại được).

Phủ Thừa Thiên lụt nước mưa. Vua bảo bộ Công rằng : Các cống tiêu nước ở bên trong, bên ngoài hoàng thành, cung thành, Kinh thành, lâu ngày bị lấp, để nước mưa ứ nhiều, bộ thông sức cho đều phải khơi thông. Lại như các nha thự, đường sá, chỗ nào thấp ướt, đều bồi đắp cao phẳng, để tiện ở và đi. Ty Công chính nên thường xem xét chớ quên.

Phó đề đốc nha Sơn phòng Quảng Nam là Ngô Đắc Quang tiến quân đến các sách Man : Giang Sân, Hô Linh, Suối Giờ, Ngọn Nước, Thanh Trúc, các Tù trưởng Man là bọn tên Xuân, tên Ngôn, tên Linh, tên Hươu, tên Sầm đem theo bọn lũ Man và khí giới Man đến hàng. Rồi vì mưa lụt, xin đem quân về. Vua y cho.

Tỉnh Quảng Nam bị bão lụt (8 xã, thôn gần sông ngòi ở huyện Hòa Vinh, nhà cửa, đình chùa, đò thuyền, cầu cống bị trôi hỏng, nhân dân chết đuối, ruộng lúa đổ ngập).

Cho dỡ kho tỉnh Bắc Ninh, dời về chỗ cũ. (Trước làm ở ngoài tỉnh thành, giáp xã Đáp Cầu ; năm Tự Đức thứ 17, đem làm ở phận sông huyện Gia Lâm để phòng vận tải ; đến nay về gần sông Nhị, không tiện, cho nên lại đem về chỗ cũ).

Xây đắp tường ngăn trong thành Hà Nội, (ở trong thành xây thêm 3 đoạn tường gạch, làm để ngăn cách, hành cung, 2 núi đất và các kho tàng, dinh thự công, đều ở trong chỗ ngăn, cho được kín đáo).

Bọn công tử Hồng Hoài dọa nạt quấy nhiễu nhà dân. (Hồng Hoài cưỡng lấy của dân, mưu cưỡng ép đàn bà goá ; Tôn Thất Sở hung tợn, kẻ gian ác dẫn dụ làm điều không phải ; Hồng Diêu cưỡng mượn thuyền của người, bắt dân canh giữ). Việc đến tai vua, vua bảo rằng : Cậy thế làm càn hại dân, không hết không thôi, nên phạt một người để răn trăm người, dùng việc hình để thôi không dùng việc hình. Bèn chuẩn cho Hồng Hoài, Tôn Thất Sở xử chém ngay, Hồng Diêu xử tội chém được giam lại đợi xét, (đều đổi theo họ mẹ). Rồi sai phủ Tôn nhân đem án ấy và lời trong Chỉ sao lục đưa cho các phủ đệ cùng tư giáo các hệ Tôn Thất và Dực Thiện đều biết cả, coi đấy làm răn, đều phải cố gắng răn cấm, kiểm thúc con em, nếu không biết cấm xét, phải gia mức trị tội nặng.

Tha giảm thuế để thiếu nhiều lần vì giặc, vì lụt cho tỉnh Sơn Tây. (Tiền 36.864 quan, thóc 36.589 hộc, gạo 4.704 phương, vải trắng 4.102 tấm. Hạt nào bị cả giặc, cả lụt thì nơi hại lắm được miễn 7 thành, thiệt hại vừa được miễn 5 thành, vừa nữa được miễn 3 thành ; hạt nào chỉ bị nạn lụt thôi, thì thiệt hại lắm được miễn 5 thành, thiệt hại vừa được miễn 3 thành, vừa nữa được miễn 2 thành).

Vua bảo bộ Lại rằng : 6 điều xét quan lại thì liêm làm gốc, phương pháp làm quan thì thanh làm đầu, trẫm xem sách không nhiều, nhưng thường thấy cổ nhân có người vì thanh liêm mà được khen thưởng. Nay quan lại cũng nhiều, há không có người nào có tiết tháo thanh liêm đáng khen ư ? Thế mà vì tham ô phải tội thì có, mà người thanh liêm chưa thấy tâu thưởng để khuyến khích. Có phạt không thưởng, cũng không phải là chính thể nên làm thế. Trẫm thường tính nghĩ, chưa biết làm cách nào, bộ phải hội đồng hết lòng bàn tính thế nào phân biệt người hay người dở, làm bản tâu lên, chờ Chỉ quyết định. Rồi sau lời nghị của bộ chưa được thỏa đáng, bèn giao xuống đình thần bàn. Rồi nghị dâng lên : (ấn quan các nha và kinh doãn, quan coi giữ việc học các tỉnh ; thì do bộ Lại và viện Đô sát ; viện Đô sát thì do bộ Lại ; bộ Lại thì do viện Đô sát ; thời thường xét kỹ, như có người nào làm việc đầy đủ bổn phận mà giữ được ngay thẳng trong sạch, thì làm bản tâu lên chờ khen. Thuộc viên các nha trong Kinh từ thất phẩm trở lên, phủ huyện, giáo huấn, thông kinh ở tỉnh ngoài, do các thượng ty xét kỹ người nào thanh liêm, làm phủ huyện thì 3 điều kiện thanh thỏa, làm tá lãnh thì tơ tào không việc để đọng, giáo huấn thì học hạnh chính, giảng tập cần, học trò nhiều người đỗ chính, phó bảng, cử nhân, cho đều bầu cử tâu lên, chờ được phá cách khen và cất nhắc ; người nào theo thường làm việc quan, tuy tài làm việc không đủ, cũng không bỏ việc, mà biết giữ ngay sạch, cũng cho cứ thực tâu lên, chờ được lượng cho thăng thưởng. Trong đó bộ Lại và viện Đô sát nếu có biết thực thấy rõ người nào, cũng nên trích ra tâu lên ; cùng là bộ Lại, viện Đô sát và các thượng ty có sót, đều cho các ty trong ngoài được đem người mình biết tâu lên. Về thưởng phạt thì chiểu theo lệ cử riêng hay cử chung thuộc viên tam, tứ phẩm gia thêm mức mà thi hành. Nếu có tình gì đút lót, dặn dò, thiên tư, thì chiểu luật trị tội nặng. Nếu trong nha, hạt mình có người hạng ấy, mà thượng ty không đề đạt cho, để bộ Lại, viện Đô sát, hoặc viên chọn phái, khâm phái dò hỏi ra và thượng ty nha khác, hạt khác tiến cử, sau quả là người ấy thanh liêm tài, giỏi, thì thượng ty hạt ấy phải chiểu luật "nên cống cử mà không cống cử" (1 người thì phạt 80 trượng, cứ 2 người thì thêm 1 bậc, tội chỉ đến phạt 100 trượng gia lên 1 bậc phân biệt xử tội, trong đó nha nào, hạt nào cử được 2 - 3 người liêm lại trở lên là thượng ty ấy biết tự mình liêm chính để xướng suất cho thuộc viên theo, thì do bộ Lại tâu lên xin khen để khuyến khích). Vua bảo rằng : Hãy theo thế, để cho biết chăm chỉ cố gắng, sau đó có trở ngại sẽ sửa đổi.

Mùa thu năm ấy, xét các hạng thì tất cả là 118 tội phạm, đem chém 7 tên, còn thì được hoãn chém, giam lại có thứ bậc khác nhau. (Cho lưu lại tội xử chém, giam lại chờ xét 54 tên, cho lưu lại tội thắt cổ, giam lại chờ xét 53 tên, tội chém bêu đầu để lại chưa chém 1 tên, tội chém ngay được để lại hoãn chém 2 tên, tội thắt cổ cho chết ngay được để hoãn lại 1 người).

Mùa đông, tháng 10, bắt đầu thu thuế thổ sản dầu hạt vông (tráng hạng mỗi người 29 cân, lão hạng chịu một nửa) ở 2 ấp Liên Khê, Dược Khê (thuộc tỉnh Thanh Hoá mới lập lên).

Hiệp quản Thanh Hoá là Lê Hữu Phòng (người phủ Thọ Xuân) đốt pháo thăng thiên chơi, cháy lây nhà dân (39 nóc), phải phạt 100 trượng, đồ 3 năm. Bắt nộp 19 quan tiền, 13 phương gạo, cấp cho các nhà bị cháy.

Bắt đầu đặt đạo Mỹ Đức, bãi 2 nha Sơn phòng Hà Nội, Sơn Tây. Trước đây, bọn Hoàng Diệu (thự Tổng đốc Hà - Ninh), Nguyễn Hữu Độ (thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên) dâng sớ nói : Việc sửa sang ở biên giới, hiện nay là việc cần, xét ra 2 huyện Chương Đức, Mỹ Lương, một dải rừng ngang, muôn lần núi cao, thổ man ở đông, địa thế dài xa, phía ngoài tiếp giáp Hưng Hoá, phía trong giáp Ninh Bình, Thanh Hoá, đường rừng tất phải đi qua, rất là xung yếu. Năm trước có việc, công văn đem đến đấy, quan quân đóng ở đấy, núi sông hiểm trở, thực đáng trông cậy, mấy năm gần đây, chuẩn cho đặt Sơn phòng, cũng là muốn vừa canh giữ, vừa khai khẩn, mong cho người ở nhiều đất mở rộng ; duy đất rừng xấu rắn, đất đá lẫn lộn, thế khó thành hiệu ngay. Hiện nay bọn giặc tàn chưa yên, cõi ngoài biên cố nhiên phải giữ, nhưng sự lo không ngờ ở trung châu, càng nên đặt đất dự phòng trước. Nay xin trích lấy 3 huyện Chương Đức, Hoài Yên (đều thuộc tỉnh Hà Nội) và Mỹ Lương (thuộc tỉnh Sơn Tây) đặt làm một đạo, bỏ bớt 2 nha Sơn phòng, cùng hợp vào đấy, thì quân dân canh giữ, khai khẩn đông đúc, mở mang, cũng có thể vững được đường sau của non sông ; nhưng nên xem chọn nơi hình thắng ở xã Cao Đăng đắp làm thành của đạo ; đặt chánh, phó quản đạo, chánh, phó lãnh binh, mỗi chức 1 người (lãnh binh dùng người địa phương). Phàm các việc công canh phòng, khai khẩn và binh lương án kiện, do quan ở đạo cùng bàn thỏa thuận làm việc, thuộc về thống hạt tỉnh Hà Nội, để tiện trông coi cả và đem đồ bản dâng lên. Vua nghe theo và cho lấy tên ấy [Mỹ Đức] để gọi.

Mùa thu năm ấy, ruộng lúa tỉnh Quảng Bình, Quảng Ngãi được mùa, còn hạt nào bị tai hại, về thuế lệ đều chiểu hạng miễn giảm có thứ bậc khác nhau.

Truy tặng những người đánh giặc bị chết trận trong các lần. (Từ năm Tự Đức thứ 15 đến năm thứ 27) từ Phó quản cơ là Trần Đăng Ngọ trở xuống tất cả 68 người. (Phó quản cơ là Trần Đăng Ngọ ; Cấm binh Cai đội là Nguyễn Duy Thanh, Nguyễn Đình Phẩm, Lê Tất Đạt ; Tinh binh Suất đội là Nguyễn Huy Bích ; Cấm binh Chánh đội trưởng là Vũ Vinh, Nguyễn Văn Kỳ, Nguyễn Văn Lợi, Trần Văn Bỉnh, Vũ Đình Xâm, Phạm Văn Na, Vũ Đức Mậu, Lê Quai, Nguyễn Đăng Lợi, Ngô Đức Tuấn ; Cấm binh Đội trưởng là Nguyễn Văn Cò ; Tinh binh Đội trưởng là Nguyễn Trọng Ngữ, Nguyễn Văn Sinh, Trịnh Đức Mỹ, Lê Chính, Lê Đình Quế, Đào Bá Tăng, Trương Xuân Hòe, Lê Phác, Nguyễn Điện, Nguyễn Viết Thìn, Nguyễn Nho Huấn,

Nguyễn Văn Diệu, Nguyễn Văn Niên, Trần Văn Triển, Nguyễn Văn Trữ, Đào Văn Đoan, Nguyễn Đình Phú, Chử Đức Kham, Nguyễn Văn Tập, Vũ Đình Tân, Đỗ Xuân Lễ, Đặng Đình Bàn, Đặng Đình Quang, Nguyễn Văn Phẩm, Bùi Hiển, Nguyễn Khắc Ngạch, Phương Sâm, Trần Đình Thị, Nguyễn Văn Tĩnh, Phạm Đình Cường, Nguyễn Văn Thăng, Nguyễn Văn Nãi, Nguyễn Văn Huy, Vũ Đình Thanh, Phạm Đình Tấu, Trần Văn Tú, Phạm Danh Ninh, Phạm Văn Khẳng, Phạm Đình Tiên, Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Văn Hành, Nguyễn Văn Xuyên, Đỗ Khắc Thận, Vũ Văn Bách, Đặng Văn Dửa, Nguyễn Văn Viên ; Chánh cửu phẩm bách hộ : Vũ Văn Tống, Nguyễn Văn Đàm, Hoàng Văn Sô, Nguyễn Văn Dậu, Nguyễn Văn Thành, đều được chiểu hàm truy tặng mà cấp tiền tuất ; Đăng Ngọ được 1 con tập ấm làm chánh cửu phẩm bách bộ, hoặc em hay cháu [gọi bằng chú, bác] thì kém một trật ; Duy Thanh, Đình Phẩm, Tất Đạt được 1 con tập ấm tòng cửu phẩm bách hộ, hoặc em hay cháu [gọi bằng chú, bác] được miễn ra lính, tạp dịch suốt đời ; Nguyễn Huy Bích trở xuống, miễn cho con hoặc em hay cháu [gọi bằng chú, bác] một người không phải ra lính, làm tạp dịch suốt đời).

Giặc trốn người nước Thanh cùng với giặc Xá họp bọn tràn xuống tụ họp ở các huyện Man Duy, Trình Cố (thuộc tỉnh Thanh Hoá). Vua sai Sơn phòng sứ là Lê Trí Thực đem quân dẹp bắt, được thắng trận. (Chém được 4 thủ cấp giặc trốn nước Thanh, thu được một ngọn mác sắt).

Lại đặt chức tả, hữu tá lý ở phủ Tôn nhân. (Năm Tự Đức thứ 10 bỏ bớt). Vua bảo rằng : Con cháu các tước công, họ Tôn thất ngày càng nhiều, 2 viên tôn khanh dạy bảo và kiểm xét không khắp, gián hoặc có kẻ du đãng cũng chẳng nghe biết đến, có thiếu thốn bổn phận. Nay lại đặt 2 viên tá lý, phàm việc phải xét bàn cho chu đáo.

Người tỉnh Quảng Bình là Phạm Văn Trân đánh chết con nuôi tên là Bích (vì lăng mạ nên giận mà đánh), quan tỉnh nghĩ xử đồ 3 năm.Vua bảo rằng : Ơn nuôi đã nhiều, thế mà dám không cung kính, đến phải giận, không kịp suy tính ; huống chi tên Trân đã gần 70 tuổi, chiểu lệ người già cho nộp tiền chuộc tội.

Bố chính Cao Bằng là Trần Văn Huấn dâng sớ tâu xin đặt ổ súng (ổ súng cao tất cả 11 thước, mỗi ổ đều để 3 cỗ súng lớn), để tiện khi cần đến thì bắn. Vua nghe theo.

Phó đề đốc đạo Thái Nguyên là Lưu Vĩnh Phúc đánh hạ được sào huyệt của giặc ở An Hân ; Quản đới đạo Tuyên Quang là bọn Hoàng Thủ Trung đánh úp phá được đồn giặc ở Đông Viên. Thưởng cho Vĩnh Phúc quân công gia 1 cấp và bài vàng tía, tiền vàng ; bọn Thủ Trung được thưởng tiền bằng vàng, bạc có thứ bậc ; Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Tham tán là Trương Quang Đản cũng đều thưởng gia cấp, kỷ lục.

Lại Dụ rằng : Trận đi này, nói là đồn giặc ở An Hân rất hiểm vững, đánh hạ được rất khó, thì chúng dựa vào chỗ hiểm bắn đánh, chủ khách thế khác nhau, sao quân dõng đoàn luyện bị thương chỉ vài chục người, cướp được tang vật của giặc cũng ít ; đồn Đông Viên thì tâu chém được đến hơn 60 thủ cấp giặc, lại không thu được tang vật ; ngươi sẽ bắt chước Phùng Tử Tài khuếch khoác để dối trá che bịt chăng ? Cửa vua tuy xa muôn dặm, nhưng oai nghiêm gần chỉ gang thước, lòng người bề tôi không nên còn chút yêu ghét giả dối ở chỗ đó. Bộ cũng chẳng xét, cứ theo thế mà tâu lên đúng như thế. Trẫm không phải là khắc nghiệt đâu, lý rất rõ ràng, nhân bảo cho biết.

Tĩnh biên phó sứ là Trương Quang Đản, Nguyễn Hữu Độ đều tâu xin chọn đất xây dựng thành của đạo (thành Lạng Giang làm ở xã Nhã Nam, huyện Yên Thế ; thành Đoan Hùng làm ở xã Quả Cảm, huyện Ngọc Quan) và trù tính dâng lên công việc đóng đồn khai khẩn :

- (Xin đắp thành luỹ. - Xin chọn đặt đề, lãnh, đốc binh để giúp việc bàn phái. - Xin chọn phái binh phòng khai khẩn. - Xin chiêu tập dân xiêu tán về, lượng cấp vốn công để giúp cho khai khẩn mở mang. - Xin đem phủ lỵ Đoan Hùng dời đi làm ở xã Đồng Văn, huyện Sơn Dương, kiêm cai trị cả 2 huyện Hùng Quan, Sơn Dương và lại đặt huyện Hữu Lũng. - Xin thuế lệ 5 huyện Phượng Nhỡn, Bảo Lộc, Yên Thế, Hữu Lũng, Lục Ngạn thuộc phận phủ Lạng Giang, đem nộp ở đạo Lạng Giang. - Xin mộ người khai mỏ để giúp việc canh phòng ngăn chặn). Vua bảo là làm việc không có thứ tự, bèn Dụ rằng : Trước kia cho bọn ngươi sung làm Tĩnh biên phó sứ, quản nhận ngay binh dõng ở quân thứ, tiến đến thượng du, cốt đem bọn giặc lâu năm, quét sạch cả một loạt ; đều chia đặt thừa uý và thổ quan, thổ binh đóng đồn, cốt không để ngại về sau. Nhưng về Đoan Hùng ở Sơn Tây, Lạng Giang ở Bắc Ninh, đều đặt đồn canh nghiêm giữ, nguyên ý chỉ vì hàng rào ngoài phiên ngày càng ít, cướp trộm khó dẹp yên, cho nên muốn ta tự hăng hái tự lo toan, đều phải phòng giữ, ta mỗi ngày tiến dần, thì giặc phải lui dần ; yên họp dân ta để vững vàng biên giới ta ; quan dân có thế dựa nhau, tuỳ tiện khai thác, để cho không còn giặc trốn, không đất bỏ không, mới là hay. Hiện nay, ở Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Ninh, các bọn giặc hung hăng, bọn ngươi chưa từng theo đến xem xét làm việc, các giặc ở thượng du làm thế nào cho có thể trừ hết ; yên họp dân ngoài biên, làm thế nào cho có thể đông đúc thêm ; thổ binh, thổ quan, xử trí thế nào cho có thể hùng mạnh hơn ; xem địa thế, chọn chỗ tiện làm thế nào cho có thể tiến dần. Phàm các điều khoản tính toán mở mang, đều bỏ qua cả, chỉ chú ý đến chỗ gần, mưu việc cố giữ một chỗ, sao không nghĩ đến việc nên trước, nên sau, nên khoan, nên gấp. Kể ra thì chọn đất tốt, đặt làm nơi canh phòng khai khẩn, việc làm cho tốt về sau, cố nhiên phải như thế, nhưng nghĩ đặt 2 chỗ, đều chỉ gần nơi Sơn Tây,

Bắc Ninh, mà bỏ xa các tỉnh ngoài biên ra ngoài bụng. Nếu đến lúc có việc, không khỏi mối lo như là tuy roi dài không tới bụng ngựa. Huống chi nay đánh dẹp các bọn giặc chưa xong, điều động phái binh dõng đi đã nhiều, còn có quân đâu mà xin phái đến rất nhiều ? Lại đặt nhiều viên dịch, xin nhiều điều khoản, những phí, nhọc mệt phiền nhiều, sẽ làm thế nào ? Nay do bọn ngươi phải hội đồng với chánh sứ và quan 2 tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây, đều khám lại ngay, xét kỹ hình thế, nếu nên đặt đạo ở 2 chỗ ấy, hoặc nên đặt ở chỗ nào, quả đã chẹn giữ được chỗ quan yếu, bốn mặt đều ứng phó, đều tiện, thì cùng nhau bàn tính, nhưng hãy theo loại cách thức đồn lớn, bắt chước kiểu đồn Thục Luyện v.v..., vẽ bản đồ rõ ràng, để tiện cho theo thế làm việc. Đợi khi nào đồn đóng gần xong, người có chỗ trông cậy được, mới nên nghĩ đặt quan quân, để binh dõng đóng giữ, đặt lại phủ, huyện, cho đến việc nghĩ cấp vốn công, chiêu mộ dân đến khai khẩn ruộng đất, khai lấy các mỏ, lần lượt trích ra tâu lên, theo khoản cho thi hành.

Giặc trốn người nước Thanh là bọn Lý Á Sinh, Lý Lục đem bè lũ tràn xuống quấy nhiễu các xứ Bắc Hợp, Bắc Mân, huyện Nguyên Bình. Bố chính Cao Bằng là Trần Văn Huấn xin thêm quân giúp cho việc đánh dẹp. Vua bảo rằng : Binh dõng của tỉnh ấy đã đến hơn 1.500 người, lại có quân của Lưu Vĩnh Phúc cùng giúp, nếu giặc đến hàng nghìn, cũng có thể chém giết được, huống chi chúng chỉ phô trương hão ư ? Ngày thường ngồi hưởng lộc, khi gặp việc lo nhỏ, đã hoảng hốt kêu xin. Cho tỉnh ấy tự tính lấy, không được việc thì chớ hối.

Lĩnh Tuần phủ Ninh Bình là Phan Đình Bình dâng sớ xin vào yết kiến. Vua Dụ rằng : Tỉnh ngươi hiện nay công việc tuy ít, nhưng việc đến không thể biết trước sao nên nê việc trước mắt mà coi thường việc không ngờ. Ngươi mới nhậm chức, các người cùng làm việc, chưa được quen việc, nhưng hãy ở lại hết lòng tu bổ điều lỗi, mong được hoàn toàn vững chắc, đợi khi Bắc Kỳ yên ổn sẽ xin, chưa muộn gì.

Hoãn ngạch quân để thiếu cho tỉnh Hải Dương. (Vì cớ giặc và lụt, điêu háo 5 thành có 75 xã thôn, được hoãn 1 năm ; điêu háo 3 - 4 thành có 34 xã thôn, được hoãn 6 tháng).

Tổng Canh Nông, tỉnh Hưng Yên có lúa hoá sinh. (Đã gặt lại mọc lên, ước 5 - 6 mẫu, lúa tốt gấp đôi). Tuần phủ là Nguyễn Văn Thận đem việc thóc ngoài đồng tự nhiên mọc ra tâu lên (năm Kiến Vũ thứ 2 đời Quang Vũ nhà Hán, thóc ngoài đồng mọc nhờ. Nhờ là vì không cày cấy mà mọc, nên gọi là nhờ), rồi lúa ấy chín, dân trong hạt là bọn Tú tài Nguyễn Hữu Đôn đem thóc ấy dâng tiến ; thưởng cho ngân tiền đều có thứ bậc khác nhau.

Bộ Lại, bộ Lễ tuân lệnh nghĩ định điều lệ sát hạch bổ quan các công tử học ở nhà. (Công tử học ở nhà, người nào chưa từng đi thi và đi thi mà không dự trúng kỳ

thứ nhất, tuổi từ 30 trở lên ; người nào đã từng thi, dự trúng 1 - 2 kỳ, tuổi từ 25 trở lên ; nếu có tình nguyện ra làm việc, do quan ở phủ tư bộ Lại đệ làm tờ tâu xin hội đồng với Nội các, viện Đô sát sát hạch, chiểu lệ sát hạch con cháu quan viên được ấm thụ hỏi về kinh nghĩa, văn sách và luận mỗi thứ một đạo, một bài hỏi về luật. Người nào thông cả, thì chiểu lệ công tử ở Giám thi bổ trúng hạng bình, bắt đầu thụ hàm kiểm thảo, kém thì thụ hàm điển tịch ; người nào hơi thông thì chiếu theo lệ hạng thứ, bắt đầu thụ hàm điển bạ ; kém thì thụ hàm cung phụng, rồi phân phái đi làm thừa biện ở 6 bộ hoặc các nha : nha nhiều việc thì đủ 2 năm, nha ít việc thì đủ 3 năm, đều do thượng ty chỗ làm việc xét quả là người thông thạo được việc, tư lên, do bộ Lại làm danh sách tâu lên, đều được thưởng 2 trật, sẽ bổ thực hàm. Sau đó được thuyên chuyển vẫn bổ làm quan ở Kinh, không phải phân phái đi các tỉnh và bổ quan ngoài. Nếu có người nào chưa thông, được ở lại học tập 3 năm, lại sát hạch lại, nếu vẫn không thông, không được sát hạch lại nữa).

Vua bảo rằng : Cháu các tước công ở nhà học tập, có người nào xin ra làm việc quan, cũng chiểu theo thế làm việc nhưng kém xuống một trật, đều bổ làm quan ngoài, cũng giống với họ Tôn thất, để cho đều có chức việc, cố học tập, nhiều người làm việc.

Tháng 11, làm chỗ ở khác 2 miếu Hội đồng, Thành hoàng và các đàn Xã tắc, Sơn xuyên, Tiên nông ở tỉnh Phú Yên. (Trước ở xã Xuân Đài, bị lụt cát bồi, chuẩn cho di chuyển đến địa phận xã Long Uyên).

Định lệ mộ dõng, cấp lương ở các tỉnh Bắc Kỳ. (Các hạt Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Cao Bằng, như có ứng mộ chỉnh đốn dồn lại thành toán, từ 100 người trở lên (dưới cũng thế), hễ người nào canh phòng trong hạt, về đầu mục chưa có phẩm hàm (dưới cũng thế), thì hằng tháng cấp 2 quan tiền, binh dõng 1 quan 5 tiền, gạo mỗi người 1 phương (dưới cũng thế), nếu có sai phái đi bắt giặc ở trong hạt và phái đi canh phòng vận tải ở hạt khác, thì đầu mục hằng tháng cấp 2 quan 5 tiền, binh dõng 2 quan ; người nào phái đi bắt giặc ở hạt khác, thì đầu mục hằng tháng cấp 4 quan, binh dõng 3 quan. Các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh như có ứng mộ phái đi làm việc (giống như trên) hễ người nào canh phòng và vận tải ở trong hạt, thì đầu mục hằng tháng cấp 1 quan 5 tiền, binh dõng 2 quan ; như có đánh bắt giặc ở trong hạt, thì đầu mục hằng tháng cấp 2 quan tiền, binh dõng 1 quan 5 tiền, nếu phái đi canh phòng, vận tải, bắt giặc ở thượng du, cũng chiểu lệ tỉnh biên phái đi mà cấp).

Sai quan tỉnh Hải Dương làm đồ vật thưởng cấp phái viên nước Pháp. (Tráp chữ nhật bằng gỗ khảm xà cừ và khay chè. Quan năm thì tráp, khay mỗi thứ 1 chiếc ; quan hai thì 1 tráp, có công thì thưởng thêm khánh vàng, tiền bằng vàng hay bạc ;

quân lính thì cấp cho đồ ăn và ngân tiền, vì cớ trước đây bắt được thuyền nước Thanh, có lòng làm việc giúp. Lại cho là việc ấy ở khi Sam-bô còn làm Lãnh sự, cũng sai quan Thương bạc trích lấy tráp, khay mỗi thứ 1 chiếc để thưởng tặng).

Lại đặt ty Khám biện ở bộ Công. (Năm Tự Đức thứ 4 bỏ bớt). Khi ấy, công việc nhiều ngả, mà việc liên quan với các ty, đã khám lại trù tính, không khỏi có thêm bớt vào trong đó, cho nên lại đặt. Ty ấy, lang trung, viên ngoại lang, tư vụ, bát, cửu phẩm mỗi chức 1 người, thư lại 8 người).

Định rõ lệ xử tội về điền lính. Vua cho là việc quân, việc lương như nhau cả, mà xử việc thiếu lính thì xử tội hơi nhẹ, chưa đủ để răn bảo. Bèn chuẩn cho từ nay phàm bắt lính, vẫn theo lệ trước, chia làm 2 quý mùa hạ, mùa đông, hạt nào thiếu số, theo đúng như lệ thu lương mà nghĩ tội. (Lại mục, tổng lý, chiểu theo lệ năm thứ 29 ; lý trưởng chiểu số lính trong xã, cai, phó tổng chiểu số lính trong tổng, chia làm 10 thành, nếu thiếu chưa đến 1 phần, thì phạt 100 trượng, phải nộp tiền chuộc ; thiếu 1 phần trở lên thì bãi dịch ; lại mục chiểu số lính trong phủ hay huyện, về phần việc của mình thiếu chưa đến 1 phần thì miễn nghị ; hơn 1 phần thì phạt 100 trượng, cho nộp tiền chuộc ; 2 phần trở lên, phải cách bãi ; tỉnh, phủ, huyện, thông, kinh, bát, cửu, chiểu lệ năm thứ 23, tỉnh, phủ, huyện, thiếu hơn 1 phần, phải giáng 1 cấp, hơn 2 phần phải giáng 2 cấp, hơn 3 phần phải giáng 3 cấp, hơn 4 phần phải giáng 4 cấp, đều được lưu lại làm việc, 5 phần trở lên phải giáng 4 cấp đổi đi nơi khác ; còn bát, cửu phẩm chuyên làm việc ấy thì chiểu theo phủ, huyện, châu trong tỉnh ấy, người nào phải trừng phạt phân xử tội nặng nhất thì theo một khoản nặng ấy mà bắt tội giống thế ; thông, kinh coi việc đốc thúc lại xử giảm cho một bậc ; còn như tổng đốc, tuần phủ thì xử giảm kém viên bố chính đốc thu 2 bậc). (Tỉnh nào không có bố chính phải chiểu theo tội bố chính mà xét nghĩ).

Dụ cho Hoàng Tá Viêm : Từ nay phàm việc đánh trận hạ thành bé nhỏ, đều lượng chi ngay ngân tiền thưởng cấp để khuyến khích ; còn thì đợi khi bắt được yên cả, dâng sớ tâu lên, ban thưởng một thể, để khỏi phiền nhảm. Trước đấy, Lưu Vĩnh Phúc đốc đem đại quân tiến đến Xuân Dương đánh phá đồn giặc. (Phá luôn 3 đồn, chém được 85 thủ cấp giặc).

Vua sai Trương Quang Đản xét ngay tâu lên, nhưng Quang Đản đã đem tang vật, thủ cấp giặc trình nộp lên viên Thống đốc rồi. Vua bèn sai Hoàng Tá Viêm xét thực chi thưởng. Khi ấy, phái viên Lạng Sơn là bọn Đinh Quán Trinh, Lư Vĩnh Tài đánh lấy được 2 đồn Bình Gia, Vân Mạc, cũng sai xét thưởng, nhân thế mới có Dụ ấy. Sau đó Hoàng Thủ Trung, Ngô Phượng Điển đánh phá sào huyệt giặc ở Bắc Kạn, Bắc Quan. (Thủ Trung chém được 79 thủ cấp giặc ở Bắc Kạn ; Phượng Điển đuổi chém được 6 thủ cấp giặc ở Bắc Quan). Quang Đản lại đem tâu lên nghĩ thưởng.

Vua quở là loanh quanh chậm trễ, mới sai Tá Viêm phải nghĩ cấp ngay. Rồi thì Vĩnh Phúc nói phao lên là tiền hoa hồng các trận không lấy vào đâu được và muốn xin về làm ruộng. Vua nghiêm quở Vĩnh Phúc, mà sai ngay Tá Viêm đi ngay thương lượng châm chước, để khỏi bất mãn ; và sai cần đốc tiến quân ngay, để dẹp yên sào huyệt giặc ở Ba Bể (Lục Chi Bình lẻn trốn ở đấy) và các giặc ẩn trốn.

Sai các tỉnh biên giới phía Bắc (Sơn Tây, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Cao Bằng) uỷ phái quân đến ngay các xứ giáp tỉnh Thái Nguyên chặn bắt giặc trốn. Vua cho là đại binh tiến đánh sát gần, thế giặc không khỏi không trốn tránh, cho nên có mệnh lệnh này. Rồi sau giặc trốn tràn xuống quấy rối ven biên giới Bắc Ninh, Lạng Sơn. (Các xã Vô Muộn, Hương Vĩ, Làng Lẫy, Đồng Ma, Bả Lộng, Nhã Nam, Thế Lộc, Phù Đô, Bắc Lệ, Nhật Lãng). Việc ấy đến tai vua, vua bảo rằng : Hai tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn, nhiều lần đã hiểu thị, lại có lệnh thống soái, đã không dẹp được, lại không canh phòng được, sự hèn kém không xứng chức đã quá lắm. Quan 2 tỉnh và phủ, huyện sở tại đều phải giáng 3 cấp được lưu lại làm việc.

Sai các tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn và Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên đều theo địa hạt canh phòng đánh dẹp. Khi ấy, sào huyệt giặc ở Thái Nguyên đều đã lần lượt đánh phá, bọn lũ còn lại tan chạy 4 phía, trốn tránh tạm sống, mà Tuần phủ Quảng Tây đưa thư đến từ chối, không kịp dẹp giúp, cho nên đặc biệt nghiêm dụ quan các tỉnh tìm nhiều cách bắt giết ngăn chặn.

Đình thần tuân Dụ (năm thứ 31) định rõ phép học, phép thi tâu lên :

(- Định rõ phép dạy. Sức rõ cho quan coi việc học trong, ngoài biết : Học phải cốt ở hạnh thực, văn bài phải cốt ở chính kinh, truyện, sử ; còn như các sách sử biên loại chí của nước ta và sách đời xưa, đời nay, sách của nước ngoài, sách nên học tập, thì in cấp cho các trường học, để truyền tập chung cả.

- Định rõ phép sát hạch. Từ nay đến năm thi Hương, do phủ, huyện, huấn, giáo sở tại sức cho các xã, thôn kê khai bao nhiêu người đi thi, ngày thường có hiếu thuận, ngay thẳng, cẩn thận không ? và ông cha ba đời có can liên án kiện không ? hương lý, thân thuộc ký tên bảo nhận, do quan phủ, huyện và giáo, huấn đều đến trước khi vào trường 4 tháng đem qua văn thể 3 kỳ (dưới cũng thế) cho thi khảo trước, chọn người đỗ làm danh sách chuyển giao cho quan ở Giám, quan coi việc học. Quan phủ Thừa Thiên và các tỉnh, đạo, đều đến trước khi vào trường 3 tháng, lại cùng với quan ở Giám, quan coi việc học sát hạch kỹ hơn, làm danh sách tư bộ.

- Lượng giảm số học trò đi thi. Từ nay số học trò lấy đỗ hạch : phủ Thừa Thiên 700 người ; tỉnh Quảng Trị 300 người ; tỉnh Quảng Bình 350 người ; tỉnh Quảng Nam

400 người ; tỉnh Bình Định 400 người ; tỉnh Quảng Ngãi 200 người ; tỉnh Nghệ An 800 người ; tỉnh Hà Tĩnh 400 người ; tỉnh Thanh Hoá 700 người ; tỉnh Ninh Bình 300 người ; tỉnh Nam Định 800 người ; tỉnh Hải Dương 500 người ; tỉnh Hưng Yên 250 người ; tỉnh Hà Nội 800 người ; tỉnh Bắc Ninh 500 người ; tỉnh Sơn Tây 500 người ; các tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên mỗi tỉnh trên dưới 100 người ; các tỉnh Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn mỗi tỉnh trên dưới 50 người.

- Châm chước phái quan trường. Trừ ra chánh, phó chủ khảo, giám sát, khoa đạo, vẫn theo như cũ ; còn thì đều chước lượng giảm bớt. Trường Thừa Thiên, Nam Định, Hà Nội, thì đề điệu, giám khảo, phân khảo mỗi chức đều 1 viên, phúc khảo 4 viên, sơ khảo 8 viên, lại phòng 25 người ; trường Thanh Hoá, Nghệ An, Bình Định thì đề điệu, giám khảo mỗi chức đều 1 viên, phúc khảo 2 viên, sơ khảo 4 viên, lại phòng 15 người.

- Định rõ lệ phạt. Phàm quyển thi có người làm bài không thành lời văn hay bỏ giấy trắng, không làm đủ quyển, cứ 1 tên thì giáo, huấn phải giáng 2 cấp, được lưu lại làm việc ; 2 tên thì phải giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác ; 3 tên trở lên thì cách chức không cho làm nữa. Quan ở Giám, quan coi việc học, được giảm 1 bậc ; 1 tên thì giáng 1 cấp ; 2 tên thì giáng 2 cấp ; 3 tên thì giáng 3 cấp, đều được lưu lại làm việc ; 4 tên thì giáng 4 cấp, điều đi nơi khác ; 5 tên trở lên thì cách chức không cho làm nữa. Còn như quan phủ, huyện và quan phủ [Thừa Thiên], quan các tỉnh chỉ là hội xét một thời gian, lại được giảm 1 bậc, tội chỉ phải giáng 4 cấp được lưu lại làm việc là cùng. Quan trường nếu có không trích ra được, thì đem các viên hiện có ký tên khép vào tội tư vị che chở ; các viên giám sát thì khép vào tội không biết xét ra. Còn như hương, lý, thân thuộc khai gian, thiếu sự thực, thì xử tội giảm 1 bậc).

Vua chuẩn cho theo nghị thi hành. Lại Dụ rằng : Từ nay về sau, phàm thi hạch, giáo tập ra đầu bài, phải chọn những bài sâu xa nhiều ý, hoặc cũng có khi dùng sách của các nhà làm sách ngày xưa, để thấy cái tài học rộng, cho xứng với ý trọng về văn.

Hiệp biện Đại học sĩ là Nguyễn Văn Tường tiến vị thuốc "thiên sinh ô truật". (Tường vì nghe viên sung chức ở Y viện trước là Đỗ Văn Tuyển nói : Mạch vua, tỳ hình như hơi kém, thứ truật này làm thuốc, bổ hơn bạch truật, cho nên gửi mua dâng tiến). Vua cho là vua tôi cùng bệnh càng thương nhau, khen để đáp lại.

Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Thận tâu xin bồi đắp đê công trong hạt. Bộ Công cho là đê bối trước đã cho bãi bỏ, cho nước tự chảy đi, mà nơi này là chỗ đường nước xói vào, cho bao đắp cưỡng, sau này chưa chắc không trở ngại. Vua bảo rằng : Đấy không phải như chỗ vỡ ở Văn Giang, tất phải đắp để giữ lúa chiêm, lại có thể giữ được đường quai của tỉnh ấy, chuẩn y lời xin, để tiện cho dân.

Cho trích bạc, tiền ở Hải Dương, Sơn Tây (Hải Dương 3.000 đồng bạc, Sơn Tây 20.000 quan tiền) giải đi giao cho tỉnh Tuyên Quang để phòng phát lương, vì binh dõng tỉnh ấy có nhiều (hiện đóng hơn 3.500 người) chi tiêu hết nhiều.

Bắt đầu đặt ra cục Thuyền chính. Trước đấy bộ Hộ tâu rằng : Vận tải là việc lớn, quan hệ đến việc tiêu dùng của nước, nhưng cũng xem thuyền bè có nhiều hay ít, để biết thừa hay thiếu. Gần đây, cái số vận tải rất không bằng trước, đều là người nhận tải không thực làm việc. Xin đặt cục Thuyền chính, chọn quan to văn võ mỗi đẳng 1 viên, chuyên trông coi việc ấy.

Vua giao xuống đình thần bàn, cũng cho là đặt ra ty Tào vận, lúc quốc sơ đã có viên quan to chuyên coi việc ấy, hết lòng làm việc thực, cho nên vận tải thường đầy đủ. Sau đó, ngạch thuyền giảm ít, lại không có viên quan to chuyên trông coi, mà đặt ra chức chuyển vận sứ chỉ là chủ trương chia ra chuyên tải vào Nam ra Bắc, đối với việc thuyền, không chút bổ ích. Gần đây thêm có tàu thuỷ, nhưng cái tệ cũng không phải chỉ một lần mà thôi, đều do việc không có người chuyên trách, cho nên không người thực sự làm việc, thường thường bị thiếu, là bởi cớ đó. Xin theo như lời bộ nghĩ, phàm tất cả công việc vận tải, đều do cục ấy bàn làm. (Trừ các việc tàu thuỷ bán đổi, và ty thuế quan các tỉnh, cùng là số khoang thuyền buôn của nước Thanh, nước Tây đến buôn và thuyền buôn đến Nam Kỳ mua gạo, thì vẫn do bộ Hộ ; còn thì do cục ấy tất cả). Lại nghĩ định điều khoản kiểm xét của cục ấy phải làm tiến trình :

(- Xin đặt riêng cục Thuyền chính ở cửa biển Thuận An hoặc Thanh Phúc, do bộ Công chọn nơi rộng rãi làm 2 tòa nhà ngói, 2 tòa nhà bếp, bên tả mặt trước làm 1 tòa nhà ngói, để làm chỗ ở làm việc quan ; chế và cấp cho 1 quả ấn đồng, (khắc 4 chữ "Thuyền chính chi ấn", 1 quả dấu kiểm nhỏ, 1 cái dấu làm tin bằng sừng, (đều khắc 2 chữ Thuyền chính) ; chọn quan nhị phẩm văn, võ mỗi đẳng 1 người chuyên việc trông coi. Về sang năm số thuyền của quan hay dân ở Kinh hay các tỉnh phải đi tuần tiễu, vận tải là bao nhiêu, đến mùa đông năm nay bộ Hộ, bộ Công đều phải kê danh sách từng hạng, tự cho cục ấy chấp chiểu, tuỳ theo hạng thuyền san bổ số ấy.

- Các hạng gỗ và đồ vật ở Bắc Kỳ và các tỉnh Thanh Hoá, Ninh Bình phải vận tải đến kho tạm ở 2 tỉnh Thanh Hoá, Nam Định, để phòng giao cho người tải đi, về sự đủ thiếu, thưởng phạt chưa từng định đến, nên thuyền phái đến tải, thường chậm thiếu. Nay xin các tỉnh ấy phải lượng tính số tiền, đồ vật, thóc gạo về sang năm nên tải mỗi thứ là bao nhiêu, thì vào mùa đông năm nay, bộ Hộ phải tư khai số mục trước, giao cho các tỉnh ấy theo đấy mà làm, cốt phải đến cuối tháng 2 đều đủ cả, đợi đến trước hoặc sau tiết Cốc vũ [1] thì nhận tải, cho kịp đến trước hoặc sau tiết

(1) *Cốc vũ* : tên 1 khí tiết trong 24 khí tiết của hằng năm, vào ngày 20, 21 tháng 4 dương lịch.

Tiểu mãn [1] thì về nộp. Nếu đến kỳ thuyền đến tải mà đồ vật của tỉnh ấy mỗi lần thiếu một thành, (như thuyền phải tải 10.000 cân, mà tỉnh giao đồ vật chỉ 9.000 cân, thế là thiếu 1 thành, còn thứ khác cũng theo thế) thì quan tỉnh như bố chính chuyên ty và tuần phủ kiêm bố chính (hoặc án sát cùng làm việc) xin đều giáng 2 cấp được lưu lại làm việc ; thông, kinh chuyên dự làm việc ấy và các phủ, huyện có liên quan đến việc vận tải, thì được giảm 1 bậc tức là đều giáng 1 cấp, đều được lưu lại làm việc. Thiếu đến 2 thành trở lên, cứ theo thế gia dần lên, (mỗi một thành thêm một bậc), tội chỉ đến giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác là cùng. Tổng đốc, tuần phủ (tỉnh nào có bố chính, dưới đây cũng thế) lại giảm cho một bậc nữa là xử phạt 60 trượng, chuẩn cho phạt bổng 1 năm, tội chỉ đến giáng 4 cấp được lưu lại là cùng. Tỉnh nào mỗi thứ 10 phần đều đủ cả, thì bố chính chuyên ty và tuần phủ kiêm bố chính (hoặc án sát cùng làm việc ấy) đều được thưởng gia 1 cấp ; thông, kinh chuyên dự làm việc ấy và các phủ, huyện có liên quan đến việc vận tải đều thưởng kỷ lục 2 thứ ; tổng đốc, tuần phủ thưởng kỷ lục 1 thứ.

Lại như thuyền ngày nào đến đồn cửa biển nhận tải, phải một mặt bẩm ngay quan tỉnh ấy phát đồ vật, một mặt trình về cục Thuyền chính biết, nhưng hạn cho trong 10 ngày giao nhận phải xong cả. Nếu ngoài hạn mà đồ vật tỉnh ấy còn chậm thiếu, thì cho quan ở thuyền tư về cục ấy tâu hặc ; hoặc tỉnh ấy giao đồ vật mà quan ở thuyền chậm trễ không chiểu nhận ngay, thì do quan tỉnh ấy tham hặc để trị tội. Mỗi lần chậm đến 10 ngày, thì quan tỉnh ấy như bố chính chuyên ty và tuần phủ kiêm bố chính (hoặc án sát cùng làm việc ấy) và quan ở thuyền đều phải giáng 1 cấp được lưu lại ; thông, kinh chuyên dự làm việc ấy và các phủ, huyện có liên quan đến việc vận tải, được giảm 1 bậc tức là phạt bổng 1 năm ; tổng đốc, tuần phủ lại giảm một bậc nữa, tức là phạt bổng 9 tháng. Cứ mỗi chậm 5 ngày nữa lại gia lên một bậc, tội chỉ đến giáng 4 cấp được lưu lại là cùng. Nhưng tính ngày chậm trễ phải ở lại là bao nhiêu ngày, nhân công phí tổn ở thuyền là bao nhiêu, chia làm 10 thành, bố chính chuyên ty và tuần phủ kiêm bố chính (hoặc án sát cùng làm việc ấy) chia nhau phải bồi 5 thành ; thông, kinh chuyên dự làm việc ấy và các phủ, huyện có liên quan đến việc vận tải phải bồi 3 thành ; tổng đốc tuần phủ phải bồi 3 thành. Nếu tỉnh đã giao, thuyền đã nhận đồ vật vừa phải, mà quan ở thuyền không cho đi ra khơi ngay, hoặc đi khơi mà lại đến đậu ở bến khác, đều do quan sở tại trình bày rõ ngày nào thuyền đến, ngày nào nhận đồ vật xong và ngày nào vào cửa biển dừng đậu, hoặc trời tạnh, gió thuận, hoặc gió mưa thế nào, tư cho cục ấy xét, quả là mượn cớ tìm tiện, thì quan ở thuyền và các người quản suất ngồi trong thuyền, đều xin chiểu luật "trái với chế thư", xử tội phạt đến hết bậc [100 trượng], giáng 4 cấp đổi đi nơi khác.

---

(1) *Tiểu mãn* : tên 1 khí tiết trong 24 khí tiết của hằng năm, vào ngày 21, 22 tháng 5 dương lịch.

- Các hạng thuyền của quan hay dân đi tuần tiễu hay vận tải, gián hoặc có tìm chỗ tiện, đậu yên, hoặc kèm hàng hoá mưu việc buôn, không cho thuyền chạy ngay, thì do viên tấn thủ các cửa biển, hễ thấy thuyền của quan hay dân dừng đậu ở địa phận đồn nào, phải đến ngay thuyền xét hỏi thuyền đến có việc gì và kiểm soát giấy tờ ở thuyền, quả là thuyền vận tải và có công cán việc gì đích thực, nếu có phải lấy nước, củi thì sức cho lấy ngay, xong việc thì cho thuyền chạy, không được đậu lại. Còn như mang hàng hoá riêng, mong để buôn bán và tìm chỗ tiện đậu yên, thì do quan tỉnh thấy coi hạt ấy trình rõ, quan tỉnh ấy một mặt đuổi đi, một mặt tư cho cục ấy tham hặc trị tội. Viên tấn thủ ấy nếu kiểm soát trích là được 10 chiếc trở lên, xin thưởng gia cho 2 cấp ; nếu kiểm soát không chu đáo, hoặc đồng tình nói dối giấu ẩn, bị người khác chỉ trích ra đúng thực, thì không cứ mấy chiếc, viên tấn thủ ấy và quan ở thuyền đều phải tội cách chức bãi bỏ, quân lính ở thuyền thì xử tội phạt 60 trượng, đồ 1 năm.

- Tàu thuỷ bọc đồng, thì thân tàu, buồng tàu, máy móc, buồm dây, súng ống, khí giới, cần phải hằng ngày thường sửa sang lau đánh. Từ trước đến giờ, các tàu thuỷ bọc đồng, quan thì ngày thường không biết khéo dẫn dụ, tìm chỗ tiện mà ở ; lính thì cứ theo phần, thổi nấu riêng ăn uống, chỗ ở ồn ào nhơ bẩn ; buồng tàu, súng ống, khí giới, đồ quân trang vứt bỏ bụi gỉ. Xét ra, các khoản về nội quy của tàu, thì năm Tự Đức thứ 29 đã châm chước nghĩ định chép rõ, giao các tàu bọc đồng tuân theo làm việc rồi. Hễ tàu đến cửa biển đậu lại, mỗi tháng 1 lần do cục Thuyền chính phái người đi khám, nếu bên trong, bên ngoài thân tàu và máy móc, buồng tàu, khí giới, bếp thổi nấu của binh ngũ, được mười phần nghiêm chỉnh, tinh nhuệ, bóng sạch, y như điều khoản thì thôi ; gián hoặc theo thói cũ lười biếng bừa bãi chưa được như phép, thì chánh, phó quản đốc và các người quản suất ở thuyền đều chiểu luật "không làm đủ chức vụ" phải cách).

Vua chuẩn cho theo nghị thi hành. Cho Tham tri bộ Công là Chu Đình Kế, Chưởng vệ Thuỷ sư là Lê Tiến Đức chuyên trông coi việc ấy, tạm ở sứ quán cửa Thuận An làm việc. Đình Kế cho là việc mới đặt ra, công việc khó, dâng sớ tâu xin cho Nguyễn Văn Tường cùng kiêm trắng coi, để giúp cho việc quyết đoán. Bèn cho Văn Tường sung làm kiêm quản đại thần.

Chuẩn định lệ thưởng cho người cứu đem về được đàn bà, trẻ con bị giặc cướp bắt đi (đàn bà 2 quan, trẻ con 1 quan).

Thưởng cho quân thứ ở biên giới phía Bắc. (Từ thống đốc đến lãnh binh đều thưởng áo quần, bạc lạng có thứ bậc khác nhau ; đốc binh đến hiệp quản đều gia thưởng bạc lạng ; cai suất đội đến binh đinh đoàn luyện và các người phái đi cố sức làm việc báo hiệu thưởng chung tất cả là 20.000 quan tiền). Khi ấy thường báo thắng trận, cho nên đặc cách thưởng cho. Nhân thế Dụ rằng : Nhà nước tích của để

đợi người có công, tính từ lúc có việc quân đội đến giờ gần 20 năm, dân khổ về phục dịch, nước nghèo về nuôi quân, phàm người có tai có mắt, không ai là không nghe thấy, trông thấy ; trẫm nghĩ các ngươi từ tướng đến quân, theo việc đi đánh giặc đã lâu, cho nên phàm thưởng cho, thường hậu đãi hơn. Các ngươi là tướng suý có nghĩ đến ơn "cởi áo mặc cho mình" mà thề xin dẹp yên bọn giặc không ? Các ngươi là tỳ hiệu có nghĩ đến câu "cùng anh em cùng mặc áo giáp" mà địch lại kẻ nhà vua đáng giận không ? sao chịu khổ ở hàng trận làm gì ?

Định rõ lệ phái các người kiểm soát các chòi canh gác, (từ đài Trấn Bình đến đài ngoài biển). Sở thứ nhất là đài Trấn Bình, thì do phủ Thừa Thiên ; sở thứ hai ở xã Trạc Linh, sở thứ ba là đồn lớn Triều Sơn, đều do đồn Triều Sơn trông coi ; sở thứ tư ở Thuỷ Tú, sở thứ năm là đồn Hòa Mô ở Thanh Phúc, đều do suất đội ở Thuỷ Tú, thuyền bọc đồng ở Thanh Phúc coi giữ ; sở thứ sáu ở Phúc Hòa, sở thứ bảy ở Thuận Hòa, đều do đồn bên hữu ở bên Quy Lai, đồn bên tả ở Thuận Hòa trông coi ; sở thứ tám ở Hy Du, sở thứ chín ở Lộ Châu, đều do đồn phía trước phía sau ở Lộ Châu trông coi ; sở thứ mười ở xã Thai Dương hạ ; sở thứ mười một là Phương đồn, đều do phòng tham. Các sở nói trên đây, hằng ngày bất thần đều cho phái viên đi kiểm soát, đều do phòng tham mỗi tháng 5 - 6 ngày lần lượt đi kiểm soát 1 lần ; bộ Binh mỗi tháng cũng phái thuộc viên đi kiểm soát 2 - 3 lần ; nếu có vắng thiếu thì hặc tâu đợi phạt.

Miễn thuế thuốc phiến vào cửa quan để thiếu cho tỉnh Lạng Sơn vì có giặc (Từ tháng 2 đến tháng 10 thiếu 2.000 quan).

Định rõ lệ cho các quân thứ tu bổ hay làm lại các thuyền. (Từ nay, phàm các hạng thuyền ở dinh, vệ các quân và Thuỷ sư coi giữ, thuyền nào là gỗ có tên, thì định lại cứ 6 tháng tu bổ một lần, đến 9 năm trở lên thì được làm lại).

Lĩnh Đề đốc ở quân thứ Tuyên Quang (Chưởng vệ lĩnh chức ấy) là Trần Mân chết. Truy thụ hàm Đề đốc. Vua cho là Mân làm việc ở quân thứ lâu ngày, có phần khó nhọc, gia ân cho chiểu hàm mới mà cấp tiền tuất gấp rưỡi.

Khi ấy, người đỗ Võ cử ở Hà Nội 27 người, đều vì nhà nghèo, cha mẹ già, xin theo tỉnh sai phái, học tập đợi khoa. Quan tỉnh ấy tâu lên. Vua hỏi bộ Binh. Trần Tiễn Thành thưa rằng : Võ cử đều phải học tập ở nhà Giám bên võ tất cả, ngày trước đặt ra phép ấy, để ngăn ngừa việc xảy ra dần dần và còn nhỏ nhặt tưởng đã có ý sâu xa.

Vua bảo rằng : Còn người có tên trong sổ làng, học riêng đi thi thì thế nào ? Chính sự rộng rãi, dân thì thuần hậu, đẽo bỏ đục chạm đi làm mộc mạc, lưới lọt cả cá lớn nuốt được thuyền, mà nước được thịnh trị, thì thế nào ? Mới đặc sai quan tỉnh xét thực, người nào thực có cha mẹ già, mà nhà không có con thứ, thì được ở lại tỉnh ; còn thì đều theo lệ học tập đợi khoa ở nhà Giám bên võ, để yên chí học trò.

Cho Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Vũ Trọng Bình đổi bổ làm Tổng đốc Định - Yên, kiêm trông coi các công việc tuần tiễu vận tải về phía bắc ; hộ lý Tổng đốc Định - Yên là Nguyễn Đình Nhuận đổi làm hộ lý Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên. Khi ấy Trọng Bình dâng sớ phúc tâu về công việc vận tải và tự xin đi lại đốc thúc việc vận tải. Vua cho là công việc về thuyền mới bắt đầu đặt riêng, tất phải bên trong, bên ngoài có người. Trọng Bình đã được việc, lại xin tự đương lấy, bèn cho được đổi cho nhau.

Binh phạm tội là Nguyễn Văn Nhỏ, trước can án ăn trộm, phải tội phạt trượng đem đi đồ, phát giao đi khai khẩn ở Sơn phòng tỉnh Quảng Trị. Khi đi đường bẻ khoá trốn về, lại can việc ăn trộm ở trong thành. Quan phủ Thừa Thiên là Nguyễn Nhiêu cho là cố phạm nghĩ xử chém ngay. Vua bảo rằng : chỉ mới phạm 2 lần, không nhiều, không nỡ khinh suất vội giết chết. Đặc cách cho đổi làm xử chém còn giam lại đợi xét, lại ghép đi khai khẩn.

Vua cho là chi tiêu cho quân thứ các tỉnh biên giới phía Bắc dùng bạc khá nhiều, nếu chỉ trích bằng bạc đồng, cũng khó kế tiếp. Sai bộ Hộ dự tính. Quan bộ Hộ tâu xin : Ở trung châu, từ Thanh Hoá trở ra Bắc, đều thu gấp tiền thuế mùa đông năm nay, lượng để đủ chi, còn thì phái mua bạc đĩnh, bạc lạng, bạc đồng cất vào kho và thông sức cho người lĩnh trưng thuế thuốc phiến vào cửa quan, người nào trưng trước nộp bằng tiền ; và tiền thuế các tỉnh hạt mùa đông này phải nộp, đều được mua bạc nộp thay thế, để phòng trích cấp chi phí việc quân và tải về Kinh phụng nộp. Vua nghe theo.

Các tỉnh Hưng Hoá, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương, Hà Nội ít mưa. Vua sai quan các tỉnh ấy cầu đảo, rồi được mưa.

Bố chính Phúc Yên là Đinh Nho Quang bị kiện về tội nhận của lót (Nho Quang trước đây vì chủ thủ trước là Nguyễn Khắc Hợp giả dối quan hàm và di dịch thay đổi tiền đồng, án xử phải tội đi đày. Hợp đem lòng oán, dặn bọn Phan Thành Giáo, Ngô Sung Thịnh kiện ở Bình Định về nhận của lót). Bộ Lại tâu giải chức của Nho Quang. Quan Khoa đạo là Phan Đình Phùng nói : Nho Quang cũng là quan to một tỉnh, lại vì lời nói của kẻ tiểu lại, vội bắt giải chức, so với tình lý, sợ chưa thỏa đáng. Vua cũng cho là không phải thể thống, đặc cách phái Giám sát Ngự sử là Đỗ Huy Điển đến hội với quan tỉnh Bình Định đòi người làm chứng để tra xét.

Tạm hoãn xét công, khuyên bảo trăm quan. Vua Dụ rằng : 3 năm một lần xét công, là phép cũ của Nhà nước, noi theo đã lâu. Bữa nọ, vì bận lo việc ngoài biên, tạm cho hoãn lại, đến nay công việc hơi ít, bèn lại cho thi hành. Không ngờ các ty lâu ngày lười quên, nay đã cuối năm mà các tờ tự tâu bày, vẫn chưa làm xong ; huống chi đến các tờ danh sách xét công, đủ niên hạn, bao giờ làm cho xong. Đó là

lỗi của các ngươi làm việc bổn phận mà không chăm chỉ. Còn các việc khác đại khái cũng giống như thế, thì pháp lệnh nào thi hành được ? Phàm người có hiểu biết, tưởng không nên chịu tự nhàn rỗi đến thế. Đáng lẽ nên đều phải nghĩ xử, để cho bảo phải sửa chữa cố gắng, nhưng nghĩ lệ ấy định hoãn đã lâu, người ra làm quan sau bỡ ngỡ sơ suất, hãy tạm khoan cho một lần, nhưng sức rõ lại cho biết. Song, trẫm nghĩ đời xưa 3 năm một lần xét công mới cho thăng giáng người hay người dở, không thưa không mau, tưởng cũng dễ làm. Huống chi ngày nay nhiều việc cần người, trong đó người tại chức chưa từng đủ hạn xét công thì nhiều, cũng có người đủ hạn xét công mà lời xét chỉ là làm việc quan thưởng phạt tầm thường, về việc lợi hại to lớn, có quan hệ, thì không nói rõ. Theo thế mà thưởng phạt, thăng giáng, sao đủ để tỏ ra kẻ đáng khuyến khích, kẻ đáng ngăn ngừa, không phải là đạo rất công, rất minh của nhà vua. Và như, có công thì thưởng, có tội thì phạt, từ trước đến giờ đều đã tuỳ việc tuỳ người mà cho thưởng phạt thăng giáng ; cho đến 3 công việc của quan địa phương, cũng đều đã theo lệ thời thường xét lại. Nếu sau đợi đến 3 năm mới cho thăng giáng, chẳng đã muộn ư ? Lại xem việc hiện nay, trong đó cố nhiên có người kia hơn người này, nhiều việc, ít việc cũng khác, mà nói chung thì đều là chưa được đầy đủ chức vụ. Tức như bộ Lại giữ việc cân nhắc, chỉ biết mở sổ lấy người, chưa nghe thấy tiến người hiền, bỏ người không tốt ; bộ Hộ thì vận tải thiếu nhiều, kho tàng không chứa đủ ; bộ Binh thì sổ ghi quân lệnh thường thiếu, dạy tập không tinh ; bộ Lễ thì giản dị mà chức đi sứ, chức hành nhân, thông dịch vẫn chưa được người ; bộ Hình thì chuyên cần mà án kiện còn bỏ đọng nhiều, chưa xử được xong hết ; còn bộ Công thì lại càng không đầy đủ chức vụ, tài liệu và ngạch thợ đều thiếu cả, phàm làm việc gì không biết tính liệu cho thực khéo bền, để hại của khổ dân, mà điện đường cầu cống, thường phải tu bổ luôn ; thuyền bè thiếu thốn, không đủ sai phái, công việc bên trong chưa xong, công việc bên ngoài cũng chưa thấy kham nổi ; quân lính và của dùng không được đầy đủ, trộm, cướp, đói, mất mùa, sao có thể dẹp được hết ; thậm chí làm việc quan hết thảy đều chậm lười, không khỏi thiếu chi dùng để lo về sau. Đó đều là phận thường mà còn thế ; còn như hai kỳ để lo đã lâu, phàm các quan lớn nhỏ của ta, không thi thố được chút mưu kế nào, thì nghĩa vua phải lo thì bề tôi nhục và cái tình cùng với nước cùng hưởng phúc cùng lo, còn ở chỗ nào ? Trẫm đã không có tài, mà các quan cũng lại chẳng nghĩ đến sẽ lấy gì để trên thì đền ơn gây dựng, nuôi nấng của các triều, dưới thì yên lòng mong của trăm họ đều trông vào ư ? Thế cho nên dù muốn lượng gia khen thưởng, cũng không công trạng nào đáng chỉ ra ; chê chích quá thì há nên dùng một hạng người khác. Trẫm đâu có thể dối lòng mà tự khen cho bề tôi của mình ; các quan chức cũng tự hỏi lòng chỉ xin nhận lấy mà không hổ thẹn. Về việc xét công lần này đã quá chậm muộn, chuẩn cho lại hoãn một thứ. Đợi đến khoá sau, các tờ tự

trình bày, hạn đến tháng 2 đã đều gửi đến bộ, tháng 4 đã đều đệ danh sách tâu lên ; các danh sách xét công, đủ niên hạn, thì tháng 4 đã phải gửi đều đến bộ, tháng 8 đã đều đệ danh sách tâu lên, không được lại chậm trái chút nào. Bấy giờ hết thảy chiểu lệ thi hành, mới là vừa phải, mà các quan được thư nhàn bày tỏ hết, tất có thể yên lòng ta. Người ban thưởng chắc có cớ nói, người nhận thưởng không có vẻ thẹn, ân nghĩa đủ cả, trên dưới đều yên, đó là trẫm mong lắm. Còn như lệ xét công, là theo phép xưa mà làm, nhưng trong đó quả đã tốt cả, có ích cho việc chính sự hay là còn thiên tư thiếu sót không thỏa đáng. Noi theo rất nhiều, cũng chưa đủ để rõ ra trừng răn hay khuyến khích. Chuẩn cho đình thần lại xét nghĩ kỹ, cốt được chu đáo, tâu lên, cho tiện noi theo mãi mãi.

Tha thóc tô hằng năm phải nộp cho 5 huyện (Đông Yên, Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ, Ân Thi) tỉnh Hưng Yên (vì có lụt).

Định lệ phái lính giúp việc đưa ma các tôn tước (quận công 150 người, huyện công, hương công 100 người, huyện hầu, hương hầu 50 người).

Cho Tĩnh biên phó sứ là Nguyễn Hữu Độ chuyển đi điều đốc ở quân thứ Thái Nguyên (Bắc Kạn, Chợ Mới). Trước đây, Hữu Độ đi điều đốc ở thượng du hạt Tuyên Quang ; đến đây Thống đốc là Hoàng Tá Viêm tâu nói : Hạ du ở Thái Nguyên, giặc thường lúc hiện lúc ẩn, mà một dải đường rừng ven biên giới, lại chính là nơi xung yếu. Phó sứ là Trương Quang Đản nên ở đất Thái, cho tiện ở giữa điều đốc ; xin thương uỷ do Nguyễn Hữu Độ đến Chợ Mới yên ủi Lưu Vĩnh Phúc, và điều đốc các đề đốc, tham tán đem ngay quân thẳng đánh Ba Bể. Vua nghe theo.

Chuẩn cho các phủ, huyện đều làm kỳ đài. Nơi nào (đã có thì xây đài, chưa có thành cũng đắp một nền đất. Cán cờ : phủ thì dài 2 trượng 7 thước, huyện thì dài 2 trượng 3 thước ; lá cờ đều dùng sại nam nhuộm màu vàng, đề tên phủ, huyện).

Cho Lãnh binh ở Hưng Hoá là Hoàng Tuyên thăng thụ Phó đề đốc ở quân thứ Hưng Hoá.

Tháng 12, định rõ lệ khép tội về thu lương. (Phàm ở các tỉnh, các cai lại, lại mục, tổng lý thu lương, đợi cả đến cuối năm thông tính số trưng thu trong một năm, thiếu bao nhiêu sẽ xử tội một lần. Người nào cuối năm thiếu bao nhiêu đã phải phạt trượng cách, hoặc phạt trượng được lưu làm việc, mà ở trong hạn định (4 tháng) hoặc hạn thứ hai mà thu bồi xong đủ, theo lệ cho lượng giảm ; nếu đến hạn thứ ba còn thiếu không xong và kỳ trước đã được lượng giảm cho ở lại làm việc, đến kỳ khác lại thiếu, thì lập tức chiểu lệ nghĩ xử, để ngăn sự cầu may).

Chuẩn cho điền thêm và dồn vào 4 đội lính mộ (từ đội ngũ đến đội bát) ở vệ Quảng Yên. (Tất cả 8 đội, hiện còn từ đội nhất đến đội tư).

Hoãn việc thanh tra ở Tuyên Quang, Thái Nguyên. (Vì số chi thu về việc quân nhiều, mà ty lại hiện phái đi nhiều ngả, cho nên hoãn đến tháng 8 năm sau).

Tha số tiền, gạo năm trước giải vận để thiếu lại cho dân hạt Bắc Ninh, Nam Định. (Năm thứ 24, giải vận tiền, gạo đến quân thứ Lạng Sơn, nhiều lần để thiếu : Bắc Ninh thiếu hơn 40.020 quan tiền, hơn 28.000 phương gạo ; Nam Định thiếu gạo hơn 142 phương. Vì dân 2 hạt ấy khó nhọc đã lâu, vả lại việc đã lâu ngày mai một, cho nên tha cho).

Sai Thống đốc là Hoàng Tá Viêm đến ngay đóng ở thành tỉnh Thái Nguyên. Khi ấy, Trương Quang Đản lại dâng sớ nói : Lưu Vĩnh Phúc cho là nhiều lần làm việc khó nhọc, chưa được nghị thưởng, nghi là có người ngoài gièm pha, làm hại, nên phẩm tước, bổng lộc chưa được dự, quân đoàn luyện áo quần chưa được cấp, mà đến cha mẹ cũng chưa được dự phong, xin để tâu giúp ; nếu không cho về làm ruộng, thì chờ được ân chuẩn đến mùa đông sang năm cho nghỉ phép về thăm nhà, thăm mộ. Quan ở bộ Binh là Trần Tiễn Thành cho là Vĩnh Phúc là Tá Viêm thu phục điều khiển, tình ý tin nhau đã lâu, xin cho Tá Viêm đến Thái Nguyên, để được đến gần, thúc thêm quân đi bắt giặc ; nhân đem ý triều đình hiểu bảo, cho Vĩnh Phúc cảm biết, yên tâm đánh giặc. Vua nghe theo. Trước đây, các trận đánh ở An Hân, Gốc Dũng, Na Hựu, Suối Tin, Bắc Quán, viên Phó đề đốc ấy theo thưởng đến hơn 5.500 lạng bạc. Tá Viêm cho là quá lệ, chỉ cấp 2.500 lạng. Đến nay vua cho là hắn là quan võ, chưa hiểu điển lệ, chuẩn cho như số cấp cho. Lại cho cha mẹ viên Phó đề đốc ấy cũng được theo lệ chiếu hàm truy tặng (Thị độc Học sĩ) và viên Phó đề đốc ấy cùng các thuộc viên đều chiếu phẩm chi bổng để tỏ ra như nhau một loạt.

Định rõ lệ ấm bổ trong họ Tôn thất. (Phàm quan viên họ Tôn thất, hễ người nào có công, chánh nhất phẩm ấm bổ : ban văn thì tòng ngũ phẩm hoặc thị giảng, ban võ thì cai đội các quân ; tòng nhất phẩm ấm bổ : văn thì chánh lục phẩm chủ sự hoặc trước tác, võ thì chánh đội trưởng suất đội các quân ; chánh nhị phẩm ấm bổ : văn thì tòng lục phẩm hoặc tu soạn, võ thì Cấm binh chánh đội trưởng ; tòng nhị phẩm ấm bổ ; văn thì tư vụ hoặc biên tu, võ thì chánh đội trưởng các quân ; chánh tam phẩm ấm bổ ; văn thì tòng thất phẩm hoặc kiểm thảo, võ thì đội trưởng các quân ; tòng tam phẩm ấm bổ : văn thì chánh bát phẩm chính ngạch hoặc điển tịch, võ thì chánh bát phẩm bách bộ ; chánh tứ phẩm ấm bổ : văn thì tòng bát phẩm chính ngạch hoặc điển bạ ; tòng tứ phẩm ấm bổ : chánh cửu phẩm chính ngạch hoặc cung phụng. Nếu không có thì đều kém một bậc. Còn con của các quan họ Tôn thất người nào được ấm bổ, tất phải có học thức, mới được ấm bổ việc hàm).

Truy thụ hàm Bố chính cho viên Thị giảng là Nguyễn Mậu Kiến (người tỉnh Nam Định). Trước đây, Mậu Kiến xin quyên hơn 200 mẫu ruộng tư sung làm ruộng lương nuôi quân, chưa kịp làm mà chết, người con theo số ruộng đã hứa quyên giao

cho các xã, trang (xã Đổng Trung, trang Thân Thượng, xã Luật Nội). Quan tỉnh Nam Định xét thực tâu lên. Vua cho là Mậu Kiến lúc sinh bình có lòng thích làm việc nghĩa, cho nên truy thụ hàm ấy để yên ủi khuyến khích.

Bãi bỏ nghi tiết các ngày kỵ ở Thái miếu rước thánh vị đến phối hưởng. Trước đây, các ngày kỵ ở nhà Thái miếu, thì trước một ngày, kính rước thánh vị đến điện thờ vị cúng kỵ, hôm ấy mang cả đồ thờ theo hầu. (Kỵ lăng Trường (tức lăng các vị đế như Trường Cơ, v.v...) thì rước cả vị chính, vị phối, đều mang đồ thờ theo hầu. Kỵ lăng Vĩnh [tức lăng các vị hầu như Vĩnh Cơ v.v...] thì chỉ rước vị phối, trích đem đồ thờ theo hầu ; vị chính để thờ yên, buổi sớm hiến trầu nước). Vua bảo rằng : Lễ bởi nghĩa mà làm ra, chỉ cốt trong lòng được yên, câu nệ quá thì không những mưa lụt không tiện mà luôn luôn khấn để rước đi, rất thấy phiền nhảm. Đặc cách sai phủ Tôn nhân và các chính khanh bàn, đều cho là việc ấy so với tình lễ cũng hợp. Bèn chuẩn định cho trước một ngày kính đến án thờ vị cũng giỗ hôm ấy làm lễ mật cáo, đình việc rước thánh vị. Đến ngày kỵ, kính đến điện thờ vị ấy làm lễ, còn đồ thờ vẫn để ở nhà tôn miếu, bày cúng trầu nước. Làm đồ thờ khác bày đặt ở điện vị kỵ ấy.

Bố chính Tuyên Quang là Hoàng Tướng Hiệp cho là năm trước tên Ông Thất xin quy phục, trót khinh suất đem của kho cấp cho quá nhiều. (Tiền khoản cấp 1.445 quan, bạc 1.000 lạng ; tiền khẩu lương 2.005 quan, gạo 1.188 phương) tự dâng sớ xin bồi. Vua bảo rằng : Việc ấy có thực, không phải như việc hư hão ở tỉnh Thái, đặc cách miễn cho.

Quan tỉnh Lạng Sơn tâu xin cho Thổ ty là Nguyễn Đình Hải sung làm Thiên hộ, cai quản 7 họ thổ ty. Vua y cho.

Viên Quản đới nước Thanh là Vi Hòa Lễ đến đổi, đóng ở các xứ Đồng Văn, Đồng Đăng thuộc Lạng Sơn. (Người đóng trước là Hồ Quốc Trụ ốm chết ; khi ấy Thống đới nước Thanh là Hầu Miễn Trung đóng ở Cầu Phong, Quản đới là Trần Đắc Quý đóng ở Kỳ Lừa và Vi Hòa Lễ, tất cả là 3 dinh).

Cấp tiền may áo quần cho các toán dõng ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên. (Mỗi người 3 quan 5 tiền).

Cho tỉnh Hải Dương trích giải súng mãnh hỏa của Tây dương (100 cây) và viên hạt nổ (2.500 viên) đến quân thứ Thái Nguyên.

Khi ấy, dân tỉnh Quảng Nam thường đến Kinh kiện nhảm. (Từ tháng giêng đến tháng 10, dân hạt ấy đến kiện ở Pháp ty cộng đến 39 lá đơn). Quan tỉnh ấy vì không biết hết lòng với việc dân, đều phải giáng (đều lưu lại làm việc).

Trước đây, thuyền Lợi Tế mắc cạn. Đến nay bộ Hình tâu xin chiểu số hàng hoá tải đi và thân thuyền, đồ vật phụ tùng vào thuyền trị giá là bao nhiêu, bắt quản đốc

và Cao Thọ Trương, Trần Thắc và các người quản tọa, phân tọa phải bồi. Vua cho rằng : Trị giá rất nhiều, bọn Thọ Trương sao có thể sung bồi được, đặc cách cho phải bồi thực giá số hàng nhận tải mà thôi ; còn thì đều tha cho.

Trương Văn Đễ trước ở quân thứ Quảng Ngãi, Bình Định, bọn sơn Man đêm đến cướp, biền binh hoặc có kẻ bị thương bị chết. Việc ấy giấu đi không tâu lên, bị quan Khoa đạo là Lê Huy Phan (từ trường thi Bình Định về) trích ra tâu lên. Đến nay tra ra quả thực, án nghĩ phạt trượng (80), tội đồ (2 năm). Đề đốc là Ngô Đắc Quang vì che chở phải giáng 3 cấp, đổi đi nơi khác. Vua cho là Văn Đễ từng đã phải cách, cố làm việc chuộc tội, miễn cho nghị tội lần nữa ; Đắc Quang hiện phái làm việc ở Sơn phòng Quảng Nam chưa xong, đặc cách cho chua dưới chân là phải giáng đổi đi, nhưng vẫn phái đi đánh giặc như trước.

Quan bộ Binh là Trần Tiễn Thành tâu nói : Các tiết lễ tháng chạp này, cần đến lính nhiều, mà số lính hiện có ít (trừ điển hộ, canh giữ, tuần phòng đóng giữ ra không kể, hiện còn hơn 180 người), xin cho đến ngày 21 tháng này, nghỉ các công sở, đến mồng 8 tháng giêng sang năm lại theo làm việc như trước. Vua y cho. Nhân đó cho từ nay đều như thế, duy gặp sở nào việc cần, lưu lại đến ngày 28 mới nghỉ.

Sai quan ở quân thứ Thái Nguyên chọn thợ vẽ địa đồ Ba Bể tiến lên để xem.

Quan ở nha Thuyền chính tâu xin làm thêm kho lợp ngói ở cửa Thuận An, để phòng tạm chứa khi cần đến và đổi phái tàu thuỷ đi tuần giữ. (Trở vào Nam thì phái tàu Lợi Đạt, trở ra Bắc thì phái tàu Thuận Tiệp, Lợi Tải). Vua y cho.

Quan tỉnh ở 5 tỉnh Bắc Kỳ (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định) dâng sớ và đồ bản, cho là thế nước sông Nhị Hà chảy mạnh xói vào, chỗ đê vỡ ở Văn Giang chính là chỗ chịu xung yếu, thế khó hàn lấp được. Nay xin chỗ vỡ ở Văn Giang, 2 sông Phần và sông Kinh, một nhánh thông đến Vực Ải, Nghĩa Trụ, ngã tư Huống ; một nhánh thông đến sông Kim Ngưu, qua sông Cửu An, hợp lại chảy ra ngã ba Văn Trương, rồi cùng chảy ra cửa Thái Bình, tuỳ thế khai dẫn cho được lưu thông. Về 3 tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên xin khai thêm 2 đoạn ở xã Cự Linh, Khúc Lộng (thuộc tỉnh Bắc Ninh) là dòng chảy cũ của sông Nghĩa Trụ, đào thẳng 3 đoạn ở Tòng Hoá, Văn Trương, Nhiếp Xá (thuộc 2 tỉnh Hải Dương, Hưng Yên) để tiện nước tiêu chảy đi.

Lưu Vĩnh Phúc từ khi Nguyễn Hữu Độ đến quân thứ, liền cáo ốm, ở lại Chợ Mới, uỷ riêng thuộc viên là bọn Hoàng Thủ Trung, Ngô Phượng Điển đem quân đi để sai phái. Lục Chi Bình nghe thấy quan quân tiến đánh, lại giả dối uỷ người đến xin quy phục, để hòng hoãn quân. Hữu Độ tin lòng y cho. Thế rồi không đến. Bèn uỷ bọn Thủ Trung tiến đánh, đến nơi thì giặc đã bỏ sào huyệt đi rồi. Hữu Độ vừa được Thống đốc tư rút về tỉnh Sơn. Vĩnh Phúc mới đem việc phá yên sào huyệt giặc

phi báo về quân thứ Thái Nguyên và chọn quân dõng phái thuộc viên là Ngô Phượng Điển, Dương Trứ Ân về Thái Nguyên để chờ sai phái ; hắn thì chuyển về Bảo Thắng. Quang Đản vẫn cứ nguyên tin báo của Vĩnh Phúc đem việc ấy tâu lên.

Vua cho là Vĩnh Phúc tự ý bỏ đi, tự ý ở lại, rất là ngang trái, liền giao cho Tá Viêm xét xem tình ý thế nào. Tá Viêm tâu lại rằng : Vĩnh Phúc ốm là tình thực, xin chữa cho chóng khỏi, đến ngay Thái Nguyên làm việc bắt giặc, vốn không có ý gì khác. Vua bèn chuẩn cho Vĩnh Phúc phải giáng 2 cấp, được lưu lại ; Tá Viêm điều khiển không nghiêm ; Quang Đản, Hữu Độ không biết bắt bẻ, đều phải giáng 1 cấp được lưu lại. Lại cho Ba Bể vốn gọi là hiểm yếu, mà đoàn dõng đánh phá dẹp yên rất là dễ dàng, đầu sỏ và bọn lũ của giặc, cùng tang vật khí giới không bắt chém, thu hoạch được gì, không khỏi là không nói dối ẩn giấu, lại giao cho Tá Viêm xét tâu lên. Còn như Tá Viêm trước đã xin cho Hữu Độ làm việc ở Thái Nguyên sau lại rút về Sơn Tây, lệnh của tướng có phần bất nhất. Sai Hữu Độ đi ngay điều đốc quân đoàn luyện theo chân giặc đánh dẹp cho được yên, để xứng với sự giao phó. Rồi vì Vĩnh Phúc ốm, được lùi hạn lại, chuẩn cho Hữu Độ vẫn ở Sơn Tây làm việc bắt giặc, việc tỉnh Thái Nguyên lại chuyên do Quang Đản điều khiển.

Bộ Hộ dâng sổ kế toán về đinh điền, tiền thóc, vàng bạc thuộc năm ấy : đinh : 770.364 người ; điền : 2.867.689 mẫu, lại 72.115 khoảnh, thửa ; tiền ; 3.252.699 quan ; thóc 2.633.585 hộc ; vàng : 41 lạng ; bạc : 63.983 lạng.

Năm ấy, các hạng thuyền tuần tiễu, vận tải ở trong Kinh, ngoài các tỉnh là 156 chiếc, xảy ra hỏng việc mất 10 chiếc (vì gió), còn thì đều về được thanh thỏa.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXV*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Tân Tỵ, Tự Đức năm thứ 34 [1881], (Thanh, Quang Tự năm thứ 7), **mùa xuân, tháng giêng**, sai các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh thuê thuyền buôn hay thuyền đánh cá ra Bắc tải gạo. Rồi vì lòng người không thích, tạm thuê đoàn thuyền nước Thanh để tải.

Khi ấy, bộ Binh có đem việc chém bắt giặc lặt vặt tâu xin nghĩ thưởng. Vua cho là xin nhảm không phải thể thống. Ra lệnh từ nay trở đi, quân đi dẹp giặc, dẹp được bọn giặc từ 50 đứa trở lên và bắt chém được 10 thủ cấp trở lên hãy tâu lên ; còn bọn linh tinh nhỏ mọn, đều chiểu lệ cấp tư bộ xét đúng mà thôi.

Vua cho là hiện nay gạo ở Kinh cần dùng, mà các tháng giêng, tháng hai, binh ở Kinh theo lệ có tập hợp tất cả để điểm duyệt và thợ làm ở các sở, cần lương khá nhiều. Sai bộ Binh, bộ Công chước lượng xem việc nào nên làm ngay, nên hoãn lại tâu lên. Bộ Binh tâu : Biền binh các hạng, hằng năm về tháng giêng tập hợp tất cả lại, đến tháng 7 chia ra từng ban, tổng cộng hơn 16.600 người, (trong đó đương ban hơn 10.680 người, tháng giêng năm nay đến hơn 5.980 người), xin gồm chia làm 3 ban, (Anh danh, Giáo dưỡng 2 ban về, 1 ban ở lại, còn thì 2 ban ở lại, 1 ban về, mỗi ban đều 2 tháng) nhưng đình điểm duyệt 1 lần. Bộ Công tâu : Nên phái đi làm việc 21 khoản, (biền binh cộng 3.077 người), hoãn đến mùa hạ làm việc 10 khoản, (biền binh cộng 3.039 người). Vua nghe theo.

Vua cho là Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Văn Tường kiêm nhiều chức, bận nhiều việc, cho trả bớt công việc nha Thương bạc ; cho quyền Hữu tham tri bộ Lại là Bùi Ân Niên sung làm quản lý Thương bạc sự vụ đại thần.

Sắc cho quan có trách nhiệm trù tính làm các mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng trong cả nước. (Khi ấy, các tỉnh tìm lấy than mỏ và sỏi đá, các mỏ gửi cho chủ suý nước Pháp nấu để thí nghiệm. Chủ suý ấy bảo là đã thí nghiệm thì sỏi đá, đều không thành thứ gì ; than mỏ thì lửa không nóng lắm, nhưng cũng dùng được. Nguyễn Thành Ý đem việc ấy tâu lên, vua bảo quan viện Cơ mật và nha Thương bạc rằng : Mọi việc mượn người, tóm lại như giấc mơ mộng, không có kỳ nào được nên việc, lo toan việc nước sao vụng đến thế, nhân đó sắc cho phải trù tính làm việc.

Chuẩn cho Văn Minh điện Đại học sĩ lĩnh chức Thượng thư bộ Binh là Trần Tiễn Thành đổi làm trông coi công việc bộ Binh ; thự Thượng thư bộ Lễ sung chức Phó tổng tài ở Quốc sử quán là Đỗ Đệ, thự Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật đều được thực thụ ; Tả tham tri bộ Binh là Lê Hữu Tá thăng thự Thượng thư bộ Binh ; Tả tham tri bộ Hộ tạm làm việc bộ Công là Hồ Trọng Đĩnh thăng thự Thượng thư bộ Công, nhưng kiêm coi viện Đô sát ; Hữu thị lang bộ Hộ là Bùi Văn Quế, Tả thị lang bộ Binh là Hà Văn Quan đều thăng thự Tả tham tri bộ ấy ; Hữu thị lang bộ Lại là Nguyễn Đình Thi thăng thự Hữu tham tri bộ ấy, nhưng sung chức Hiệp lý Thuỷ sư ở Kinh kỳ ; Tuần phủ lĩnh chức Tổng đốc Nghệ An, Hà Tĩnh là Trần Văn Chuẩn thăng thự Tổng đốc ; thự Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Bình Định, Phú Yên, kiêm coi công việc nha Thương chính là Hồ Đăng Phong, thự Thị lang hộ lý Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Phiên, đều được thực thụ vẫn làm hộ lý ; thự Tuần phủ Bình Thuận, Khánh Hoà là Trần Nhượng chuẩn cho thực thụ ; Quang lộc Tự khanh lĩnh chức Tuần phủ Hưng Hoá là Nguyễn Quang Bích được thăng thụ Bố chính nhưng lĩnh chức cũ.

Chuẩn cho thự Tiền quân Đô thống kiêm Chưởng Trung quân sung Thống quản Thị vệ đại thần là Tôn Thất Thế thự Thống chế lĩnh Chưởng vệ viện Thượng tứ ; kiêm quản Cẩn hộ sung quản lĩnh Thị vệ đại thần là Hồ Văn Hiển đều được thực thụ.

Định rõ lệ quan viên quyên tiền được thưởng. (Quan viên nào nhân cớ dân khó kiếm ăn hoặc công việc gì mà thích việc nghĩa bỏ của ra để giúp việc phát chẩn, giúp việc chi phí, trừ ra số quyên từ 200 quan trở lên, được chiểu lệ (chép ở năm thứ 18) cấp cho lục chỉ thì không kể, còn từ 100 quan trở lên, thì truyền Chỉ khen để khuyến khích, (lệ cũ, 100 quan trở lên, thì cấp cho lục chỉ, không đủ 100 quan thì truyền Chỉ khen để khuyến khích), không đủ 100 quan thì thôi.

Định rõ lệ các công tử tôn thất phạm điều cấm. (Con các vương công và tôn thất dự có chức quan, đều theo luật lệ "chức quan phạm tội" mà xét xử ; còn công tôn,

tôn sinh, hộ vệ tôn thất chưa có chức quan, có phạm tội mà tội tình nhẹ thì tư cho phủ Tôn nhân xét xử. Nếu can phạm là tội nặng thì chiểu theo nghị năm thứ 30, một mặt bắt giam, một mặt tư phủ Tôn nhân hội tra, phải xử tội chém hay thắt cổ, thì chiểu lệ đổi theo họ mẹ ; các tội phạm phát sung quân, lưu, đồ, người nào là phạm tội vặt mà tình có nên tha thì chiểu lệ chiết làm giam cấm ; người nào phạm tội thông gian, trộm cướp, giết người, nhận của đút lót làm cong pháp luật và can phạm danh nghĩa, ân xá thường không tha được, cùng với bọn tội phạm được hoãn xử tử, đều giam cấm ở ngục thất tỉnh Thừa Thiên).

Quan nha Thuyền chính tâu rằng : Cửa biển Thuận An, nước sâu chỉ trên dưới 6 thước, tàu thuỷ bọc đồng khó ra vào, xin chiểu theo như lối thuyền buôn bằng tre nhỏ ở Quảng Nam, làm cho cửa Thuận, cửa Đà mỗi cửa 20 chiếc, để phòng san tải. Vua y cho. (Sau đó, tỉnh Quảng Nam tư nói : Thuyền tre ấy san tải không được mấy, đi biển cũng có sự lo ngại, xin theo mẫu chỉ làm 5 chiếc, để khi cần ra vào vụng ấy vận tải, còn 5 chiếc xin chiểu giá thu mua thuyền hạng hơi to của dân, đề phòng sai phái. Bộ Công tâu xin do tỉnh ấy cho làm hoặc mua ngay, cốt đủ 20 chiếc. Vua bảo rằng : Chớ cưỡng dân mà phạm lỗi).

Định rõ chương trình trực hầu của vệ Tuyển phong nhất. (Đặt ra quân Túc vệ, đều lấy người có tài nghệ sức khoẻ để sung vào, quản suất cũng chọn người trung hậu, đoan chính sung vào trực hầu, đều là quân khoẻ trong cung cấm. Châm chước chương trình đặt trước, 2 viên quản vệ cùng với viên quản viên vệ Loan giá vào túc trực ở điện Cần Chính và cả suất đội biền binh theo hầu. Đến khi vua có ngự đi chơi đêm, thì liệu trích đi theo hầu ; gặp khi có phái thêm cần đến lính, thì phái tạm 1 - 2 ngày. Còn hết thảy các việc vặt làm ở các công sở, không được sai phái ; nếu có nên điều khiển, sẽ theo đặc Chỉ).

Đầu sỏ giặc người nước Thanh là bọn Lục, Ông, Hoàng, Lý[1] chia nhau đến quấy nhiễu bừa bãi các hạt Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn. Vua sai Tĩnh biên chánh, phó sứ nghiêm đốc Lưu Vĩnh Phúc đi ngay đánh dẹp, Vĩnh Phúc thoái thác là ốm, hơn một tháng chưa đến. Giặc liền tràn đến các xứ Yên Bình, Bất Bạt, lại sai kíp thúc Vĩnh Phúc dù ốm cũng cố gượng đến dẹp, khỏi đến nước lụt mùa hè thêm khó. Hoàng Tá Viêm dâng sớ nói Lưu Vĩnh Phúc đã hẹn ngày đến quân thứ và trình bày tình trạng khó làm. Vua cho là Vĩnh Phúc làm sẵn tường đất để trút bỏ công việc, xuống Dụ quở trách.

Thầy thuốc nước Pháp hẹn đi Biên Hoà, đến thượng du Bắc Kỳ tìm học bác vật. Nguyễn Thành Ý đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : Hắn đi không phải học bác vật, cũng nghi ta đi kinh lý miền núi và tìm đường đi dụ dỗ dân Man, đều có thâm ý,

---

(1) *Lục* : Lục Chi Bình ; *Ông* : Ông Thất ; *Hoàng* : Hoàng Đại ; *Lý* : Lý Á Sinh, Lý Lục.

không nên coi thường. Sai tư cho các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà trở ra Bắc và các nha Sơn phòng, Doanh điền, Điển nông phải canh phòng xem xét cẩn mật.

Khi ấy, người trong Nam nhiều người ốm đến ngụ hạt tỉnh Bình Thuận. Nguyễn Thông (Bố chính Bình Thuận trước, có bệnh xin cáo) nghĩ các khoản xin mộ dân khai khẩn, chiêu tập dân tâu lên :

(- Xin đặt ra xã Đông Châu [tức là xã những người cùng châu, huyện với nhau], chọn đặt một xã trưởng, các sĩ, dân người trong Nam đến xin hoãn cho 5 năm mới phải chịu thuế, nhưng được miễn ra lính, tạp dịch mãi mãi.

- Xin ở hai xứ Lạt Kiều, Linh Khê (thuộc Hàm Thuận) đặt làm hai trang Thanh Sơn, Lục Dã, sức cho người trong Nam đến làm nhà ở đấy cày cấy khai phá.

- Xin rút sĩ, dân lưu ngụ trong Nam về sổ ở làng.

- Xin đặt chức hương quan, gián hoặc người nào có tài văn, võ tiến dùng được, do hương quan xét cử.

- Xin quyên bạc, tiền đề phòng cho vay ; lại xin cố gượng ốm đi lại khuyên bảo).

Nghị ấy giao cho quan ở viện xét định, rồi tâu lại : (Ba khoản trên, nghĩ đã thoả đáng, xin y cho. Duy khoản rút về sổ làng, thì người nào đã ngụ ở các xã thôn nào, sổ ngạch đinh đã thành, không được đem về vào sổ, còn người nào chưa thành sổ ngạch, thực có cha, anh và quan viên cùng quê quán nhận biết mà muốn về ghi ở sổ làng, thì bẩm rõ ở tỉnh, để đem về ; nếu không muốn về, thì cho tuỳ tiện làm ăn sinh sống, không nên cưỡng bức. Và khoản cho hương quan xét cử, không có thể thống, nghĩ nên không cho. Nếu người nào có tài tiến dùng được, phải do quan tỉnh sở tại xét định thi hành. Và việc khuyên quyên được bao nhiêu, do quan phủ, huyện chiểu thu thực số bẩm tỉnh làm danh sách tâu lên, chiểu lệ xin thưởng ; nếu có ai lĩnh vay bao nhiêu, do phủ, huyện phê phát, tư bộ xét làm, để ngăn sự khai hão mà khỏi sự cầu may lạm dự). Vua chuẩn cho theo như lời nghĩ của viện. Cho Thông sung chức Doanh điền phó sứ. (Cấp cho ấn để dùng).

Bắt đầu làm rạp ở đàn Nam Giao. (Đàn ấy nguyên trước lộ thiên, năm trước gặp mưa ướt át, cho nên làm rạp để che).

Cho 3 tổng ở tỉnh Hưng Yên (Cổ Quán, Cao Mỗ, Phú Khê) làm 2 cửa cống ở Thổ Khối, Thọ Thành. (Theo thời chứa nước, tháo nước, cho lợi việc làm ruộng).

Định rõ lệ thi khảo khoá. (Hằng năm kỳ thi khảo khoá, chiểu theo số học trò chia làm 10 thành, ở trung châu lấy 4 thành, các tỉnh biên giới 5 - 6 thành ; quan coi việc học đều đem số học trò đi khoá và số lấy đỗ làm danh sách đệ lên bộ Lễ xét làm).

Sai 2 tỉnh Hưng Hoá, Thái Nguyên lượng phát thêm tiền gạo để chẩn cấp cho dân châu thổ lưu tán.

Tháng 2, quan Khâm sai nước Pháp là Lơ-cờ-lô đến Hải Dương thương thuyết việc buôn bán.

Giặc Xá ở huyện Man Duy, tỉnh Thanh Hoá xin hàng, rồi trốn đến Nghệ An cướp bóc. Vua sai đi dẹp được yên. Trước đây, toán giặc ở Tam Tuyên [1] bị quan bắt giặc đánh sát, trốn đến các xứ Trình Cố, gọi họp các người Xá rất nhiều. Tỉnh biên sứ đem quân đánh dẹp, toán giặc nước Thanh trốn về chỗ cũ, các Xá mục mới đến nha Sơn phòng, tỉnh Thanh Hoá xin quy phục. Quan tỉnh Thanh Hoá cho là Trình Cố yên ổn, tâu xin triệt quân. Các Xá rồi lại họp bọn trốn đến 2 phủ Ninh - Biên ở Nghệ An cướp bóc. Bèn sai quan tỉnh ấy là Trần Văn Chuẩn trù tính bố trí đánh dẹp, cốt bắt được cả bọn đưa ra xử tội, cho yên dân ở biên giới. Lại sai Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Phiên tìm cách chặn đánh, không chia giới hạn ngồi nhìn nhau.

Tạm đặt trạm tạm ở các cửa Trà Lý, Liêu Hải, thuộc tỉnh Nam Định, (vì cớ việc tuần tiễu vận tải phần nhiều chậm trễ).

Cho Bố chính lĩnh chức Tuần phủ Nam - Ngãi là Đoàn Khắc Nhượng được giữ hàm cũ về quê hưu dưỡng.

Cho lĩnh chức Hữu tham tri bộ Hộ là Bùi Văn Quế thự Tuần phủ Nam - Ngãi. Khi Quế vào bệ từ, vua dụ rằng : Hạt ấy luôn mấy năm bị đói, ngươi nên làm thế nào để cứu sống bệnh dân, chớ bắt chước cái dại ngồi làm vì, ăn lương không, thì mới được.

Thưởng cho học trò người Man ở huyện Hưng Hoá. Trước đây, Sơn phòng sứ Quảng Trị là Phan Khắc Kiệm tâu nói : Huyện Hưng Hoá khí độc nặng, dân thì quê mùa, từ trước đến giờ, chưa có người nào biết chữ, nên khiến cho biết văn học để cảm hoá dần ; và xin đem thí sinh là Tống Đức Long quyền hàm Tòng cửu phẩm, sung làm giáo tập ở huyện ấy. Đến nay theo học được 18 người. (Trong số ấy, 8 người đã viết được chữ Hán). Quan tỉnh ấy xét thực, đem việc ấy tâu lên. Vua cho là học trò người Man (8 người) hơi biết mộ học, chuẩn châm chước thưởng cho vải, rượu để khuyến khích ; người giáo tập là Đức Long cũng cho thực thụ.

Tổng đốc Hải - Yên là Lê Điều tuân đem số ruộng đất khẩn trưng tâu lên. Vua bảo rằng : Việc làm của tỉnh ngươi, hơi có kiến hiệu, đáng khen, nhưng hãy ghi lấy. Về hai hạt Kinh Môn, Nam Sách, ruộng đất bỏ hoang còn nhiều, do tỉnh ngươi và bọn doanh điền sứ đốc sức khai phá ra, đến hạn báo khám, bắt đầu thu thuế, cho nguồn lợi về ruộng đất khai được hết.

Hàn lâm viện Tu soạn là Phan Liêm mật tâu các việc mở ra buôn bán và góp vốn đi buôn, khai mỏ, học tập (tiếng nói và máy móc). Vua sai quan viện Cơ mật

(1) *Tam Tuyên* : Tuyên Quang, Hưng Hoá, Sơn Tây.

xét lại. Nhân đó bảo rằng : Việc làm ngày nay cũng nên làm như thế ; nhưng nói thì dễ, làm thì khó, nay nên làm thế nào cho chóng có hiệu quả, khỏi lỡ về sau. Sau rồi quan ở viện tâu rằng : Viên ấy tâu bày, không phải không có định kiến, nhưng trong đó về khoản mở ra buôn bán, việc làm có phần không tiện ; còn các khoản xin tư cho các tỉnh biết để xét, đợi có người xin đi, các tỉnh tâu lại, sẽ xin nghĩ định để làm. Vua bảo rằng : Bậc lão thành lo toan việc nước, chưa từng không kỹ lưỡng, nhưng cũng mưu tính thế nào để có thể mỗi ngày một tiến, nếu không tiến thì phải lùi mà thôi. Sự thế cố nhiên thế, bàn suông có bổ ích gì ?

Giáng viên thự Hiệp biện Đại học sĩ lĩnh chức Tổng đốc Hải - Yên trước là Phạm Phú Thứ làm Quang lộc Tự khanh ; lĩnh Tả tham tri bộ Binh, Tuần phủ Hải - Yên trước là Lê Tiến Thông làm Quang lộc tự Thiếu khanh, làm công việc bộ Hộ. Trước đây, bọ Phú Thứ can tội hoang báo (chép ở tháng 3 nhuận, năm thứ 32) và dung túng thuộc viên làm càn, (giám đốc Hải phòng là Lương Văn Tiến nhiều lần phạm cấm đáp tải gạo tư về Quảng Nam, Phú Thứ vì cớ là thân thuộc che giấu), các khoản ấy giao cho tra xét. Đến nay án dâng lên. (Việc hoang báo, án xử Phú Thứ, Tiến Thông đều phải phạt trượng tội đồ. Việc dung túng thuộc viên, án xử đều giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác). Vua bảo rằng : Phú Thứ có lòng rất thiên, phần nhiều che chở cho người làng, người họ ; lại tấu đối phần nhiều thêu dệt không đâu, cầu cho triều đình phải theo mới thích. Đáng lẽ phải nghiêm trị nghiêm ngặt, nhưng nghĩ, bắt đầu mở việc buôn bán, một mình đảm đương việc khó và xử trí dân lưu tán ở Hải Ninh, 2 việc ấy thật là được việc. Bèn chuẩn cho đổi làm giáng 3 cấp ; Tiến Thông không biết xét ra, phải giáng cũng như thế, đều đổi sang hàm này.

Bãi bỏ đội bắt hổ ở tỉnh Bình Thuận. (Năm thứ 30, vì các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà nhiều nạn hổ, chuẩn cho mỗi tỉnh chọn dân dõng dồn thành 1 - 2 hoặc 3 - 4 đội và đồ đạc để vây bắt, theo dọc đường tìm bắt hổ và chiểu thuế lệ tiền thóc chính cung ruộng tư, chia làm 10 thành, thu 1 thành, chứa riêng, để cấp lương tháng cho dân dõng). Quan tỉnh ấy cho là hư ứng vô ích, xin bãi đi, tỉnh Bình Định, tỉnh Khánh Hoà cũng xin bãi. Vua đều y cho.

Miễn các hạng thuế để thiếu về năm trước (năm thứ 31 - 32) cho 10 châu (xem ở trên) cho tỉnh Hưng Hoá (vì hạt ấy bị giặc quấy nhiễu đã lâu năm).

Người buôn nước Thanh là Lương Vân Phong lĩnh trưng mỏ than Nông Sơn ở Quảng Nam. (Trưng luôn 28 năm, cộng số tiền thuế là 311.500 quan).

Bộ Hộ đem tất cả số bạc tiền hiện trưng hơn kém về các thuế cả nước (thuyền buôn nước Thanh, cửa quan bến đò, đầu nguồn và các hàng hoá) và 3 sở Thương chính (Bình Định, Hà Nội, Hải Dương) về các năm thứ 31 - 32 dâng lên. (Về các tỉnh : năm thứ 31, tiền thuế 548.439 quan, bạc 121.726 lạng ; năm thứ 32, tiền thuế

668.399 quan, bạc 98.143 lạng ; về thương chính : năm thứ 31, bạc thuế 103.684 lạng ; năm thứ 32, bạc 69.142 lạng). Vua bảo rằng : Của chưa dư dụ, là do cớ nguồn lợi tự nhiên còn bỏ, cần gì phải bóp nặn làm gì ?

Cho tỉnh Nam Định dồn cơ Định uy vào cơ Tả tiệp. (Năm Minh Mệnh thứ 20, đặt đội Định uy nhất, các năm Thiệu Trị thứ 6, thứ 7, tuyển thêm các đội nhị, tam, tứ, ngũ, lục cộng 6 đội ; cơ Tả tiệp, ngạch cũ 10 đội, năm Tự Đức thứ 28, trích về Ninh Bình 4 đội, còn 6 đội. Năm nay số quân 2 cơ ấy là 568 người, dồn cả làm cơ Tả tiệp cho đủ 10 đội, để giữ lấy quân hiệu Ngũ tiệp ; còn số lẻ thừa lại dồn làm một đội, vẫn để quân hiệu là Định uy, đợi có xã thôn nào tuyển thêm, sẽ tuyển cho đủ ngạch 6 đội trước).

Định việc điểm binh về đầu xuân cho tỉnh Tuyên Quang, (vì cớ đi bắt giặc).

Sai các tỉnh sức rõ lại về báo khám các ruộng đất ẩn lậu. Khi ấy, tỉnh Nghệ An có phát ra cái án gian lậu (nguyên biên làm ruộng bỏ hoang mà khám ra thành ruộng thuộc). Bộ Hộ tâu xin thông sức cho trong hạt, có việc giống như thế, thì hạn trong 3 tháng phải báo khám và thông sức cho các tỉnh theo đó mà làm. Vua nghe theo.

Vua bảo quan viện Cơ mật, nha Thương bạc rằng : Nay việc giao thiệp nhiều, mà việc dịch thư từ giao cả cho Nguyễn Hoằng, hoặc nhòm nom thiên vị, tự tiện thêm vào làm hỏng việc ; người nước ta học đã thông nhiều, nên sức cho nhiều người dịch, để đối chiếu so sánh có hợp hay không, chớ chuyên nghe một người. Lại như, tên ký lục Hinh dịch chữ Hán, sai nhầm nhiều, quan Thương bạc tư cho sứ Pháp đổi người khác.

Quan tỉnh Quảng Nam và quan Sơn phòng trù tính nghĩ định công việc làm cho sau này được tốt. Vua sai đình thần thêm bớt để thi hành tất cả 7 điều :

- Hai nguyên Chiên Đàn, Tĩnh Sơn, đường rừng xa rộng, canh phòng nhiều ngả, 1 viên phó đề đốc trông chỗ này hỏng chỗ kia, xin đặt thêm : 1 phó lãnh binh để giúp việc thương lượng sai phái ; 1 viên quan văn ngũ phẩm, lục phẩm làm bang biện, để đốc việc giấy tờ.

- Hộ làm nghề lấy vàng trước, rút về làm dân nộp thuế chính cung 3.000 người, (chép ở năm thứ 32) xin chiểu lệ 3 đinh chọn 1, dồn làm 2 cơ nhất, nhị ở nha Sơn phòng ; chọn các viên phó bảng võ, võ cử xét bổ làm quản suất, để giúp việc luyện tập.

- Ở xứ Đèo Lung, xã Dương An xin đặt nha Sơn phòng, đắp thành bằng đất, đào hào rãnh, làm dinh thự, để làm chỗ đóng làm việc.

- Làm kho riêng ở phía trong thành của nha ấy, về thuế tô 3 tổng Tiên Giang, Đức Hoà, Vinh Quý ở thượng du huyện Hà Đông, đổi đến nộp ở kho ấy.

- Từ Tà My đến Thanh Trúc trước có con đường, trong đó từ Luồng Tĩnh, Kha Đáp đến dốc Bà Đằng dài suốt là 7.995 trượng, rất là xung yếu ; xin ở phía tây

con đường ấy, trồng tre xen vào, bên dưới đào hào đắp đường, để tiện đi lại ; phía đông phía tây đều làm đồn lớn, nha ấy ở giữa xem xét ; còn thì tuỳ chỗ xung yếu đều đặt đồn canh giữ.

- Đặt ra sở giao dịch 4 chỗ (Tà My, Hàng Tổng, Luồng Vàng, Ngã Hai) chọn một viên lục, thất phẩm người địa phương sung làm quản biện, thường đóng ở đồn Trấn Định, chuyên trông coi việc buôn bán, bách hộ hoặc cai tổng cựu 2 người làm phòng kiểm, cùng với viên tấn thủ làm việc tuần xét việc của sở. Phàm các hộ buôn lĩnh trưng, tất phải đến trường sở mua bán trao đổi, không được lên giao dịch thẳng với người Man, người nào trái lệnh, dò bắt được phải khép vào tội thông với giặc.

- Chọn những người dân từng buôn bán với người Man, dồn làm 1 đội dịch tiếng Man, chọn trong số thuộc biền người nào thông hiểu tiếng người Man, am hiểu tình hình người Man, cho làm suất đội 1 viên, kiêm làm việc lĩnh mua, khi cần đến phái đi dò thám.

Làm đền thờ viên Lãnh binh đã chết tỉnh An Giang là Trương Định. Vua thương Định là người trung, năm trước đã cấp cho 5 mẫu ruộng thờ cúng, đến nay lại sai làm đền ở xã Tư Cung, tỉnh Quảng Ngãi để thờ. (Vợ viên ấy là Lê Thị Thướng, trước đã được hằng tháng cấp cho 20 quan tiền, 1 phương gạo ; nay lại cho mỗi tháng thêm 10 quan, sai xã ấy thời thường thăm hỏi).

Khi ấy, các địa phương (Thừa Thiên, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, Sơn Tây, Hưng Hoá, Quảng Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà) ít mưa, ruộng lúa bị tổn hại. Quan phủ Thừa Thiên và quan các tỉnh ấy đem tình hình tâu lên. Vua bảo rằng : Chỉ báo không mà không nghĩ cách bổ cứu, thì còn dùng người chăn dắt làm gì ? Nhân đó, dụ cho các địa phương phải hết lòng khuyên bảo giúp đỡ, phòng bị trước, để cho lương ăn của dân thường được đầy đủ.

Thuyền máy Lợi Dụng đánh phá giặc biển ở địa phận ngoài khơi (cửa An Dụ, tỉnh Bình Định), (bắn chết 9 đứa, lấy được 2 chiếc thuyền, súng và khí giới rất nhiều). Trung được thưởng thăng Thái bộc Tự khanh (trước là Lang trung), viên biền ở thuyền đều được thưởng ghi công và thưởng chung cho 200 quan tiền.

Định lại gia cấp và cách thưởng cho thuyền vận tải. Khi ấy, sức làm thuyền vận tải, dân phần nhiều kêu ca và tránh lẩn. Vua đem việc ấy hỏi, quan Thuyền chính là Nguyễn Văn Tường thưa rằng : Vận tải là việc lớn, thế mà sự thế ngày càng khó. Thần đã hết lòng lo nghĩ, cũng không xếp đặt được. Nhưng việc ấy quan hệ đến sự cần dùng cho Nhà nước, cho việc quân, xin sắc cho đình thần bàn, để nhờ sự sáng suốt của mọi người. Đình thần cho là : Giá cấp cho thuyền vận tải đã không bằng giá cấp cho thuyền buôn nước Thanh, mà lẽ ra gặp sóng gió phải chia nhau bồi lại,

luỵ đến vợ con ; nên người đều tránh đi, mà ngạch thuyền vì thế giảm ít. Xin cho các tỉnh có ngạch vận tải, hết lòng hiểu bảo khuyên nhủ, lần lượt đóng thuyền, cốt đủ để tải, giá cấp thì chiểu theo lệ thuyền buôn nước Thanh. Lại phái một chiếc tàu thuỷ đi lại hộ vệ giúp. Không may bị thiệt hại, thực có tình trạng rõ ràng là bị sóng gió thì gia ân miễn cho tội đền. Trong đó người nào có thể xuất tiền của tự đóng một chiếc thuyền đi tải, xin tạm cấp cho bách hộ, đủ lượt chở, (3 năm 6 lượt) được thưởng thụ tòng cửu phẩm bách hộ. Như thế thì dân mới thích đi hưởng ứng mà ngạch thuyền sẽ được thưởng đủ. Còn như thuyền đi phục dịch, đã từng kêu xin chiểu bản phận đi tải, không muốn chung vào ngạch thuyền vận tải, xin theo ý muốn, không cần bắt ép làm gì. Vua nghe theo.

Vua bảo bộ Binh, bộ Công rằng : Quân khoẻ mới có thể giữ được trị yên. Nay vận hội thế giới, tất phải quân khoẻ, mới có thể làm cho phương xa sợ phục. Bọn ngươi vì trẫm, vì Nhà nước, phải chấn chỉnh nuôi luyện quân cho khoẻ.

Tháng 3, quan người Pháp là Cơ-ki-loặt (tháng trước đến Hải Dương, Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định) đến ở nha Hải phòng, Bình Định kiểm xét thuế lệ.

Hữu tham tri bộ Binh là Hà Văn Quan cho là Phạm Phú Thứ tuy là hàm lĩnh, nhưng tuổi và danh vọng vốn hơn, xin nhường để tên Phú Thứ ở trên. Vua bảo rằng : Triều đình không gì bằng tước, nhường nhau ở trong lòng mà thôi, không cho.

Trừ việc thuê mua sưu dịch cho 2 giáp Thanh Thuỷ, Chính Thượng (thuộc phủ Thừa Thiên). Khi ấy, vua năng đi chơi hành cung Thuận Trực, mà một đoạn sông Lợi Nông (ở địa phận 2 giáp ấy) nước nông, cho nên đặc cách chuẩn cho được trừ, để được chuyên việc khơi vét sông.

Phái Lãnh binh Bắc Ninh là Hồ Văn Phấn, Phó lãnh binh là Cù Thản cai quản đem quân và voi đến đóng đồn ở Lạng Giang (vì hạt ấy tiếp giáp với Lạng Sơn, Thái Nguyên).

Trừ thuế sắt cho 3 mỏ (Đồng Hoà, An Định, Bố Sơn) ở Bắc Ninh, (vì cớ giặc quấy rối).

Giặc trốn người nước Thanh lại quấy rối ở các xứ Văn Quan, Trường Khánh, tỉnh Lạng Sơn. Quan tỉnh ấy tâu lên. Vua bảo rằng : Quân tỉnh Lạng Sơn vốn có tiếng là được việc, sao không cố đánh giết hết, sẽ để lo về sau ư ?

Sai quan tỉnh Hà Nội, Sơn Tây và quan đạo Mỹ Đức lại hội khám trù tính làm thành ở đạo ấy. Khi ấy, quan ở đạo là Vũ Hữu Ngọc cho là chỗ khám trước (xã Cao Đăng) địa thế thấp ướt, hai bên tả hữu gần núi, lấy làm ngại, cho nên có mệnh lệnh này. Thế rồi hội tâu : Chỗ ấy núi sông vòng quanh, có phần tiện lợi, mà tiếp giáp đồng bằng, khí hậu lành tốt, bên tả hơi gần núi đá, nhưng nhọn nhỏ không ngại gì, bên hữu thì núi đất bao bọc ở trong thành, làm một đồn nhỏ, lại là cẩn mật ;

còn như địa thế hơi thấp thì liệu bồi đắp thêm một vài thước, cũng không hề gì. Bèn chuẩn cho khởi công làm ngay.

Quan quân tỉnh Lạng Sơn đánh phá đồn giặc ở Khâu Đặng, lại thắng trận ở Ba Xã, Phó lãnh binh là bọn Dương Đức Thông, Đinh Quán Trinh đều được thưởng gia cấp kỷ lục có thứ bậc khác nhau. Lại cho là phái viên nhà Thanh là bọn Trần Đắc Quý hội họp cùng đánh được việc, sai chi ra bạc và quế để khoản tặng. (Bạc 50 lạng, quế Thanh - Nghệ mỗi thứ 2 phiến).

Định rõ lệ binh và tù phạm tội trốn tránh ghép vào nơi khai khẩn ruộng đất. Từ nay phàm các hạng binh và tù (không cứ hạng nào) ghép đi khai khẩn ở Sơn phòng các tỉnh và các nha Kinh lý, Phòng khẩn, Điền nông, trốn lần đầu mà có tái phạm, xét ra tội đã can phạm ấy phải xử tội chém hay thắt cổ, thì theo lệ xử tội phải chém chém ngay, (lệ cũ, không cứ phạm tội nhẹ hay nặng, cũng đều chém ngay) ; ngoài ra tội phạm chỉ đến sung quân hay phải đi đày trở xuống, thì đều xử tội chém giam lại chờ xét, trốn đến hai lần mà phạm tội mới chém ngay. Còn như trốn mà không tái phạm, trước đây can tội xử tử, sung quân, đi đày, tội đồ, đã được giảm xuống làm tội phát binh và kẻ nào nhiều lần phạm tội trộm cắp phải phạt trượng, thích chữ vào mặt, dân khai là nhiều lần hung ác, hết hạn tội đồ, không muốn nhận lĩnh phát làm binh, nếu là trốn lần đầu, (án trước xử tội chém còn giam lại đợi xét) thì nay xử tội sung làm quân ; là lần thứ hai, (án trước xử chém ngay) thì nay xử tội chém nhưng còn giam đợi xét ; là lần thứ ba, mới xử tội chém ngay. Nếu trước can án ăn trộm, phải phạt trượng, không biết quê làng ở đâu, phát đi làm binh và người không phải can án ăn trộm, mà không biết quê làng ở đâu, phát đi làm binh, nếu là trốn lần thứ nhất (án trước xử sung làm quân) thì nay xử tội đồ ; là lần thứ hai, (án trước xử tội chém còn giam chờ lại xét) thì nay xử tội sung làm quân ; là lần thứ ba, (án trước xử chém ngay) thì nay xử tội chém nhưng còn giam lại chờ xét ; là lần thứ tư, mới xử tội chém ngay. Các tội nói trên đây mà tội trốn chưa đến xử chém, hãy đều ghi án, phạt trượng, đóng gông già hiệu, lại giao đi ghép vào nơi khai khẩn xét làm. Còn các lệ về trước đều bãi bỏ cả.

Quan cục Chiêu thương nước Thanh là Đường Đình Canh đến Kinh, tâu làm giúp việc vận tải. Vua chuẩn cho ban yến ở công đường bộ Lễ và khoản tặng đồ vật. (Nước Thanh năm trước vì phương tiện vận tải hiếm, lại cho là người đi buôn vận tải hàng hoá, lợi về thuyền của người Tây. Bèn đặt ra cục Chiêu thương, bỏ bạc công ra 100 vạn đồng và cho quan dân xuất tiền góp vốn đóng tàu thuỷ để chở lương công và đáp hàng hoá tư nhân đó để diễn tập đường biển. Hằng năm tính lãi, chiểu số tiền gốc chia tiền lãi đều nhau. Tuy nói rõ là làm việc tải gạo công, thực ra là ngầm chia lợi quyền của người Tây. Đến nay, thuyền ở cục ấy ngày càng nhiều,

tải việc công đã thừa, cho nên chia đi các nước tải tư lấy lợi. Đình Canh người tỉnh Quảng Đông, là quan Tam phẩm, dự làm việc ở cục ấy, lần này được Khâm sai thự lý thông thương đại thần là Lý Hồng Chương (hiện là Tổng đốc Trực Lệ, đóng ở Thiên Tân) phái uỷ đi và mang thư đưa đến cửa Tổng đốc Lưỡng Quảng là Trương Thụ Thanh từ Hương Cảng đến Hải Dương, đáp thuyền buôn đi suốt đến cửa Thuận An. Vua sai bọn Nguyễn Văn Thuý, Trần Thúc Nhận đón tiếp. Đình Canh nói rõ cục Chiêu thương để tải giúp và tỏ bày cái ý muốn cùng nước ta cùng mưu giàu mạnh. Vua sai quan viện Cơ mật và Thương bạc cùng bàn định chương trình, (đại khái mỗi năm vận tải 42 vạn, tháng giêng bắt đầu tải, đến tháng 7 thì xong. Từ Hải Phòng đến Thuận An, mỗi 100 phương giá cước là 140 quan. Thiếu hay mất đều phải đền. Nhưng ở Hải Phòng và cửa Thuận, cục ấy đều đặt kho phái người ở đấy làm việc) và viết thư trả lời bảo mang về trình viên Tổng đốc Quảng Đông xin làm chủ giúp cho. Khi về, đã ban yến, lại đem bạc 200 lạng, quế tốt Thanh - Nghệ - Quảng mỗi thứ 3 phiến, trầm hương, kỳ nam mỗi thứ 10 lạng để tặng. Đình Canh chỉ nhận các thứ quế, trầm hương, kỳ nam, còn bạc thì cố từ chối.

Phó đề đốc ở quân thứ Tam Tuyên là Lưu Vĩnh Phúc xin về quê nhà ở Khâm Châu thăm nhà, thăm mộ. Vua cho là giặc trốn chưa yên, hiện nay tỉnh Lạng có Thống lĩnh là Hoàng Quế Lan giúp việc đánh dẹp ; giặc lan tràn ở tỉnh Thái, thế tất hoành hành hơn. Dụ riêng cho Vĩnh Phúc đến ngay quân thứ Thái Nguyên đốc thúc đoàn quân dẹp yên mới y cho về phép. (Khi ấy lại cho là có thể nhân cơ hội được, sai hai phó sứ Tĩnh biên và các quân thứ Lạng Sơn, Bắc Ninh, Thái Nguyên nghiêm đốc binh dõng đều theo địa giới ngăn chặn chỗ xung yếu ; Hoàng Tá Viêm thì chuyển đến điều đốc ở chỗ giáp tỉnh Thái).

Cấp cho Phó đề đốc quân thứ Hưng Hoá là Hoàng Tuyên 100 quan tiền, vì thương là đi dẹp giặc bị thương vậy.

Cho quyền Hữu tham tri bộ Lại là Bùi Ân Niên được đổi bổ thự Hữu tham tri bộ Hộ, nhưng vẫn làm quản Thương bạc sự vụ đại thần.

Cho Đề đốc ở quân thứ Thái Nguyên là Ngô Tất Ninh đổi bổ làm Đề đốc quân thứ Hưng Yên.

Cho Quản cơ ở quân thứ Thái Nguyên là Nguyễn Văn Chư thăng thụ Phó lãnh binh, sung làm Phó đề đốc quân thứ ấy.

Miễn cho tiền thuê phu tải lương thay còn thiếu, lại cho 4 tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên. (Các năm thứ 32 - 33 để thiếu lại : Hà Nội hơn 75.000 quan ; Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên cộng hơn 79.600 quan). Khi ấy, quân nhà Thanh đã rút về, việc tải vận hơi thư, nên chuẩn cho được miễn, để tiện cho dân.

Bãi bỏ thuyền tuần tiễu về phía nam, (vì có tàu thuỷ tuần tiễu giúp, cho nên bãi đi, nhưng phải tải đồ vật).

Thuyền buôn nước Thanh đến đậu ở cửa Quyền, (thuộc tỉnh Nghệ An) mua người đem đi cả đàn ông, đàn bà 72 người, bị thuyền đi tuần của nước Pháp bắt được, giao cho quan Khâm phái ở Gia Định là Nguyễn Thành Ý nhận xét. Việc ấy đến tai vua, vua cho là viên tấn thủ xét hỏi không nghiêm, bắt tội. (Tấn thủ là Bùi Đức Tu phải giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác ; các viên phủ, huyện, tỉnh sở tại đều phải giáng hoặc lưu lại có thứ bậc khác nhau).

Sai Suất đội ở vệ Tuyển phong là Trần Hữu Viết đem 20 tên lính đến Gia Định học nghệ thuật bắn súng của người nước Pháp.

Hiệp đốc trước là Tôn Thất Thuyết từ Thanh Hoá về Kinh, (năm thứ 32, xin về tỉnh Thanh Hoá chữa bệnh, đến nay về Kinh), xin vào chiêu bái. Vua bảo rằng : Còn thác bệnh để tránh, chưa chịu cảm ngộ, không cho. Thuyết sợ, liền trần tình xin tha tội. Vua bảo rằng : Ngươi vốn có tính kiêu căng hẹp hòi, hay nghi ngờ người, đến nỗi chân hoả trong tim bốc lên, mê hoặc lệch về ngã khác, tính khí bất thường. Hiện nay bệnh ngươi ra sao, xin nghỉ phép bao lâu cho vừa, lại tâu lên. Thuyết dâng sớ xin tâu rằng : Tôi lâu nay bị ốm yếu, rút lại không làm được việc gì, sợ phụ lòng nhà vua gây dựng cho, xin ban ơn cho nghỉ một năm nữa chữa khỏi, lập tức xin cố sức làm việc ở Kinh, để giãi tỏ lòng quyến luyến mong mỏi. Vua bảo rằng : Ngươi phải điều dưỡng nhiều và học hỏi thêm, mới có thế nên người được.

Cho thự Tuần phủ Nam - Ngãi là Bùi Văn Quế đổi bổ thự Tuần phủ Thuận - Khánh ; thự Tuần phủ trước là Trần Nhượng đổi bổ thự Tuần phủ Nam - Ngãi.

Mùa hạ, tháng 4, quan quân ở quân thứ Thái Nguyên đánh phá bọn giặc tụ họp ở các xứ Ước Lễ, Phúc Bình, (chém được 35 thủ cấp). Phó sứ là Trương Quang Đản được gia thưởng 1 cấp, tướng biền đi đánh trận này, đều được thưởng gia cấp, kỷ lục và ngân bài có thứ bậc khác nhau ; Chánh đội trưởng là Dương Viết Tự hăng hái xông đi trước, bị chết trận được đặc cách tặng Cấm binh Cai đội.

Cho Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Định - Yên trước là Nguyễn Trọng Hợp (trước vì ốm xin nghỉ) đổi bổ Tả tham tri bộ Lại.

Sai Thống đốc là Hoàng Tá Viêm, Tuần phủ Hưng Hoá là Nguyễn Quang Bích nghiêm đốc quan quân ở quân thứ tỉnh ấy đi bốn mặt lùng bắt bọn giặc lưu động và tiến đánh đồn giặc ở bản Trù. (Khi ấy châu Phù Yên có giặc Thổ là Vi Anh chiêu tập giặc lưu động đắp đồn luỹ ở xứ ấy, chống cự quan quân).

Định rõ lại lệ quan viên có tang. (Văn từ thất phẩm, võ từ suất đội trở xuống, chiểu theo lệ năm Tự Đức thứ 3, được nghỉ việc quan về để tang 1 năm ; nếu có người nào tình nguyện nghỉ đến hết tang và người nào sau 3 tháng tình nhà thực là

nghèo túng khổ quẫn, tình nguyện ra làm việc, phải có lý trưởng, thân thuộc cam kết đều cho cả ; còn thì theo lệ năm thứ 31).

Cho Bố chính Cao Bằng là Trần Quang Huấn lĩnh Tuần phủ Thái Nguyên.

Vua rước Từ cung ngự chơi cửa Thuận An để hóng mát mùa hạ, duyệt quân phòng biển, 3 ngày về cung. Nhân đó, định lại kỳ hạn biền binh diễn hạch bắn súng lớn : Các tỉnh về phía Nam hạch về tháng 5, các tỉnh về phía Bắc hạch về tháng 6, cho khỏi phiền và chậm.

Đặt đồn Nhã Nam (đã chua ở trên). Khi ấy, Tĩnh biên phó sứ là Trương Quang Đản thường xin đặt đồn ở đấy ; đình nghị cũng nói địa thế Nhã Nam rất có thuận lợi, đặt đồn ở đấy thì trên có thể chế ngự được giặc trốn, dưới có thể giữ cho dân. Vua y cho.

Chuẩn định từ nay phàm ruộng đất cùng tranh nhau, bỏ thiếu thuế lệ, các quan tỉnh đến cai trị thay nhau mà xét xử chậm, đều phải đền. (Khi ấy, thôn Văn Diệm, tỉnh Hải Dương cùng với thôn Hán Lý thường tranh nhau ruộng, đã hơn 10 năm, quan tỉnh ấy dâng sớ đem số thuế về ruộng ấy bỏ thiếu lại từ các năm trước xin cho tha miễn. Bộ Hộ cho thế là dân mất sinh nghiệp, quan thiếu thuế chính cung, đều do quan tỉnh không biết theo hạn (2 tháng) xét xử, nên mới đến thế. Vì số thuế thiếu ấy cứ quan tỉnh từng cai trị lâu hay chóng chia nhau phải đền. Xin lục sức cho các nơi theo thế mà làm. Vua chuẩn y nghị của bộ.

Hoãn niên hạn thiếu lính cho các xã bị giặc ở Thái Nguyên, (được hoãn 5 năm là 9 xã, hoãn 4 năm là 18 xã, hoãn 3 năm là 11 xã).

Định rõ lại điền khoản công tác. (Sở nào công trình trọng đại, chiểu theo lệ cũ mà làm ; còn thì do bộ Công, bộ Binh cùng bàn, uỷ 1 viên đường quan kiêm việc trông coi, viện Đô sát phái ra 1 viên khoa đạo xem xét. Như có các nha nào nên sửa chữa, sau khi bộ khám xin được Chỉ, đợi tư cho quan đồng lý và quan kiêm đốc thực lĩnh đồ vật cần dùng khoảng được 5 - 6 phần sẽ xin phái thợ và cho hạn. Binh đinh như có lĩnh tải đồ vật phải tuỳ việc kê ngày đi đường, quân dinh thuỷ bộ sửa chữa các hạng thuyền, công việc xong, phải đợi bộ Công khám, quả là bền tốt, mới được sơn sắn ; và nhà tạm ra để làm việc, khi công việc xong, các cừ, sách chọn lấy 6 thành để sung nộp, nên phái binh đinh bao nhiêu, thì viên thống chưởng phải kê khai mỗi đội, vệ là bao nhiêu, tư trước cho bộ Công để kiểm đủ. Phàm việc làm phải chiểu theo số quân thừa hay thiếu, tính công cho hạn).

Sai Hàn lâm viện Tu soạn là Phan Liêm đến Quảng Yên hội khám mỏ than. Vua bảo quan ở viện Cơ mật và Thương bạc rằng : Việc ấy là quan trọng, chuẩn cấp cho Liêm một quả ấn "Kinh phái quan phòng" để sử dụng, không được nói không, không được việc thì có lỗi.

Sai Hữu thị lang bộ Lễ là Phạm Bính sung làm Khâm phái đến Hương Cảng. Trước đây, vua cho việc đi này là quan yếu, (bán 2 thuyền Lợi Tải, Thuận Tiệp, đặt đóng tàu thuỷ hạng vừa) sai đình thần chọn người phái đi. Đình thần đem Biện lý bộ Hộ là Lê Tiến Thông tiến cử. Thông vì mới phải giáng đổi sang chức khác, đến xin đình thần chọn người khác và tâu rằng : Đến nước người hỏi bán, có hại đến quốc thể, xin từ chối. Lại cử Thị lang bộ Hình là Nguyễn Văn Long. Văn Long lại lấy cớ là thực thà, quê độn, già yếu xin từ chối, bèn cử Bính. Vua bảo rằng : Người ta bảo Bính là không liêm chính lại xảo quyệt, quả có thế không ? Đình thần tâu : Bính lâu nay ở Kinh, hình như cẩn thận, còn như trong bụng, chưa được biết rõ. Vua bảo rằng : Phàm người có từng thử qua mới rõ, bèn cho Bính đi. (Khi ấy, lại sai bọn Trương Văn Thanh 12 người theo Bính đi học tiếng nói và kỹ nghệ). Tiến Thông phải giáng làm Chủ sự, Văn Long cũng phải giáng 3 cấp đổi đi chức khác. (Khi ấy, đình thần lại chọn cử Hình khoa Chưởng ấn là Nguyễn Hàm Quang sung làm Phó lãnh sự ở Gia Định. Kiêm quản viện thần là Hồ Trọng Đĩnh cho Hàm Quang là người có khí ương ngạnh, làm chức ấy không hợp. Rồi sau cử Hàm Quang là người ngay thẳng, có thể làm được ấn quan bên trong, bên ngoài. Đình thần nói : Ngay thẳng và ương ngạnh khác hẳn nhau. Nếu bảo khí ương ngạnh không hợp thì chưa nên vội tiến cử, nếu bảo là khí khái khả thủ thì chức Phó lãnh sự và ấn quan trong ngoài khác gì nhau). Việc tiến cử ấy sợ chưa được công, để cho các quan lớn nhỏ đều giữ ý kiến ấy, theo nhau bắt chước cái bậy, vì người chọn việc, thì tất cả các việc sẽ dùn cho ai ? Việc đời đương cần, lòng người mưu tiện, trộm nghĩ lấy làm lo. Vua cho Trọng Đĩnh đã bị đình thần chỉ trích, phạt bổng 9 tháng.

Bọn ác Man ở Quảng Nam quấy cướp các xã Phú Thọ, Trung Đạo, Xuân Bình, Trung Chính. Phó đề đốc Sơn phòng là Ngô Đắc Quang, Sơn phòng sứ là Nguyễn Văn Sán đều phải giáng.

Phát chẩn cho dân bị đói châu Hướng Hoá thuộc phủ Cam Lộ.

Khi ấy, toán giặc người nước Thanh thường bị thua, (tháng trước thua ở các xứ Khâu Đặng, lại thua ở Ước Lễ, Phúc Đình), bèn trốn đến các xứ Nam Tri, Nhân Giáp ở Thái Nguyên kêu gọi tụ họp. (Nam Tri thì bọn Lý Á Sinh, Trần Đại, Hoàng Đại, Hoàng Tam, Khang Thập ước 2.000 người ; Nhân Giáp thì bọn họ Lục, họ Đàm 1.000 người). Bọn ngoan Man ở Lũng Uy (thuộc đất Thái Nguyên) nhân đó cậy thế làm loạn. Tĩnh biên phó sứ là Trương Quang Đản dâng sớ xin trước đánh Lũng Uy, sau đến các giặc khác. Vua nghe theo lời tâu ấy. Lại cho là lần này quân luyện họp nhiều, chia dàn đã gần kín khắp, quân ngoài đều làm tiếp ứng, đặc sai Thống đốc là Hoàng Tá Viêm nghiêm thúc biền binh các đạo đi đánh. (Lại sai quan tỉnh xét xem quân nhà Thanh trận nào đại thắng, đích là thực lực, sẽ tuỳ tiện khoản tặng).

Vua sắc hỏi quan tỉnh Thanh Hoá rằng : Thổ dân ở biên giới ta, hoặc gọi là Mán, hoặc gọi là Lào, tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ lại gọi là Xá, nguyên uỷ và tính tình, ăn mặc cùng với người Mán, người Lào giống nhau hay khác ? Tổng đốc là Tôn Thất Phiên tâu rằng : Loại người Xá trước từ Ai Lao, Vạn Tượng, Nam Chưởng đến ở 3 huyện Trình - Sầm - Man[1], ăn mặc và tiếng nói cùng với người Mán, người Lào, người Thổ hơi khác.

Đổi định lại lệ thưởng phạt về đánh giặc Man ở Quảng Ngãi, Bình Định. Từ nay, phàm đánh giặc Man, có sự thực giết bắt được, chiểu theo nghị trước, chia làm 3 hạng châm chước ban thưởng. Về việc đánh nơi rất khó, bắt giết được tất cả thì viên quản được thưởng gia 1 cấp, suất đội được kỷ lục 2 thứ, biền binh và dân dõng đi trận ấy mỗi tên được thưởng 1 quan 5 tiền, lãnh binh được kỷ lục 3 thứ ; về việc đánh nơi hơi khó, bắt giết được tất cả thì viên quản được kỷ lục 3 thứ, suất đội được kỷ lục 1 thứ, binh dõng được 1 quan tiền, lãnh binh được kỷ lục 2 thứ ; về việc đánh nơi hơi dễ, bắt giết được tất cả thì viên quản được kỷ lục 2 thứ, suất đội được tiền bổng 3 tháng, binh dõng được 6 tiền, lãnh binh được kỷ lục 1 thứ ; về bắt giết được quá nửa, thì đều chiểu hạng giảm dần, bắt giết được nửa hoặc không được nửa, thì không cứ khó hay dễ, các quản, suất, lãnh binh đều không được thưởng, binh dõng đều được thưởng 3 tiền. Nếu trong địa phận bảo có giặc phát ra, quản suất lỗi về canh phòng sơ khoáng, để hại đến quan dân trong thành, trong đồn bảo từ 100 người trở lên thì viên quản phải giáng 4 cấp đổi đi nơi khác, suất đội phải giáng 3 cấp, lãnh binh phải giáng 2 cấp, quan ở quân thứ phải giáng 1 cấp, đều được lưu lại ; hại đến quân dân 70 người trở lên, thì viên quản phải giáng 3 cấp, suất đội, lãnh binh đều phải giáng 2 cấp, đều được lưu lại, quan ở quân thứ phải phạt bổng 1 năm ; hại đến quân dân 30 người trở lên, thì viên quản phải giáng 2 cấp, suất đội phải giáng 1 cấp, đều được lưu lại, lãnh binh phải phạt bổng 1 năm, quan ở quân thứ phải phạt bổng 9 tháng ; quản suất ở đồn bảo bên cạnh không đến cứu ứng, chiểu theo trên đều giảm 1 bậc mà nghĩ xử tội.

Đắp thành đạo Mỹ Đức. (Khi ấy, quan ở đạo nhiều người ốm vì khí độc. Việc ấy đến tai vua. Vua bảo rằng : Sợ khó khăn, sợ nguy hiểm như thế thì làm được việc gì ? Tỉnh Hà Nội có trách nhiệm thống suất, không được việc thì cũng can lỗi nặng. Về sau, quan ở viện lại cho là dân 3 huyện ấy ít, xin châm chước bắt dân phu 2 huyện Sơn Minh, Thanh Oai làm phụ, để được chóng xong. Vua y cho).

Tháng 5, Đề đốc quân thứ Hưng Hoá là Ngô Thất Ninh đánh phá Vạn Dâm, giữ được đồn giặc. Đồn ấy kiên cố hiểm trở, Tất Minh yết thị cách thưởng, bấy giờ quân tinh luyện là bọn Đồng Lợi mới đem đoàn quân tiến bắn phá bèn đánh được.

---

(1) *Man, Trình, Sầm* : tức là Man Duy, Trình Cố, Sầm Na, thuộc Thanh Hoá.

(Thưởng cho đoàn quân bạc đồng và tiền có thứ bậc khác nhau). Việc ấy đến tai vua, vua sắc cho Tất Ninh nhân thanh thế đó, tuỳ cơ đánh dẹp.

Hai hạt Quảng Nam, Quảng Ngãi, gió bắc nổi lên nhiều, thuyền bè của dân ở ven biển phần nhiều bị thiệt hại.

Truy tặng hàm Lãnh binh cho Nguyễn Đình Khạm. Trước đây, Đình Kham quyền chức Phó lãnh binh ở Thái Nguyên, phái đi phòng giữ dẹp giặc. Đến khi phủ tạm Tòng Hoá không giữ được, Kham bị giặc bắt, mắng giặc, bị giết chết, nên được truy tặng.

Doanh điền sứ Nam Định là bọn Đỗ Phát nghĩ xin các việc : Như chia nhau làm việc, (chánh phó sứ và bang biện, thương biện 4 người chia nhau trông coi 4 phủ trong hạt ; Chánh sứ là Đỗ Phát chuyên làm ruộng muối ở Giao Thuỷ ; Phó sứ là Lại Hợp Duy chuyên làm ruộng hoang ở Tiền Hải), phái thêm người (xin các phủ huyện chuyên phái thuộc viên được việc nhận làm tư sức ; lại đặt thêm tuỳ biện, trích lấy phu làm ruộng để sung sai phái), quyên tiền đắp đê (quyên đắp đê ở tổng Ninh Nhất để đón nước ngọt), đổi lại việc khai phá (các xã gần cửa biển thuộc huyện Giao Thuỷ, gần đây nước mặn tràn ngập nhiều, hiện tình ruộng bỏ hoang, người xiêu tán, khó phần cứu chữa, xin nhân đó vỡ thành ruộng muối, khám dần trừ bớt ngạch ruộng, để khỏi lưu tán). Vua cho là việc xin chuyên phái không phải thể lệ, không cho ; còn thì đều cho cả.

Nêu thưởng người đàn bà làm việc nghĩa ở tỉnh Nghệ An. (Tên là Nguyễn Thị Trinh. Khi ấy, quyên tiền lập nghĩa trang để các mộ vô chủ, thị bỏ ra đến 2.500 quan, lại cấp ruộng đất làm tế lễ. Vua chuẩn thưởng cho một tấm biển có bốn chữ "Hiếu nghĩa khả phúng", nghĩa là thích việc nghĩa đáng khen và 3 đồng tiền bằng bạc Song long [có 2 con rồng]).

Bộ Hộ cho là giá gạo ở Bắc Kỳ giảm xuống giá rẻ, xin cho các tỉnh trung châu từ Ninh Bình trở ra Bắc mua theo thị giá gạo trắng mỗi tỉnh 5.000 - 6.000 phương để cất riêng. Vua nghe theo. (Sau bỏ việc cấm mua gạo, việc ấy mới thôi).

Khơi thêm ngòi La Hào. (Ở huyện Phú Lộc, đường ngòi nông hẹp, khơi đi để tiện thuyền vua đi được thông đồng).

Cho thuộc khách là bọn Hầu Lợi Trinh trưng thuế thuốc phiện luôn 3 năm. (Giá trưng là 1.786.500 quan tiền, thế là hơn giá cũ hơn 527.300 quan), ở 13 hạt thuộc từ Quảng Trị trở ra Bắc (trừ các tỉnh Tuyên - Cao - Lạng - Thái, Hưng Hoá). Vua nhân đó bảo bộ Hộ rằng : Phàm người lĩnh trưng có tệ nhũng nhiễu, đều phải trị tội nặng hơn, chớ lợi về thuế, để khốn cho dân. (Bọn Đặng Quảng Thịnh có đơn xin trưng tăng thêm 370.500 quan, bọn Hầu Lợi Trinh lại xin theo giá của Quảng Thịnh. Vua y cho).

Làm nhà Chính Mông ra chỗ khác. (Nguyên trước làm ở bên hữu xứ Thị vệ, bên tả kho Thái Phục, địa thế chật hẹp. Vua chuẩn cho dời đến làm ở bên tả nhà Dục Đức).

Định rõ lại ngạch lính tuyển, lính mộ ở đội Thượng thiện. (Ngạch lính ở đội Thượng thiện là 101 người, thì lính tuyển 60 người, lính mộ 41 người). Lệ cũ, do ty Lý thiện chọn để điền vào. Khi ấy, ngạch lính mộ ở ty Lý thiện thiếu nhiều, không sung tuyển được. Quan bộ Binh nghĩ xin tuyển thêm lính tuyển (70 người) giảm bớt lính mộ (31 người) để khi cần đến chọn tuyển, khỏi đến thiếu người. Vua y cho.

Vua lại rước Từ cung ngự chơi cửa Thuận An, hóng mát mùa hạ, coi tập phòng canh giữ ngoài biển, 5 ngày về cung.

Làm nhà bia ở Khiêm cung. (Từ lúc bắt đầu khởi công đến lúc làm xong, tất cả hơn 9 tháng).

Định lại lệ thưởng thuyền tuần tiễu các tỉnh. Vua cho là gần đây ngoài Bắc có thuyền tuần tiễu của nước Thanh, trong Nam thì có tàu thuỷ, thuyền tuần tiễu của các tỉnh, không nên thưởng phiếm, cho nên giảm đi. (Nghị cũ, quản vệ, quản cơ được thăng 1 trật, đổi làm được gia 1 cấp ; suất đội được gia 1 cấp, đổi làm gia kỷ lục 3 thứ ; đội trưởng đến binh đinh được thưởng tiền lương 2 tháng, đổi làm 1 tháng rưỡi ; quan tỉnh được gia 1 cấp, đổi làm gia kỷ lục 2 thứ).

Kho thuốc súng tỉnh Cao Bằng bị cháy. (Tuần phủ trước là Trần Quang Huấn, Án sát trước là Phạm Giai đều phải giáng).

Gia cấp sắc văn cho các thần kỳ đã được phong. (Trước đây ân điển ngũ tuần khánh tiết có phong tặng thần kỳ cả nước, đình thần nghị xin theo nghị mới, chuẩn cho cấp tiền để tế, bãi việc gia phong. Quan khoa đạo cho là lấy tế thay phong, thì trong khi vâng làm, tình ý hoặc có chưa phu thoả, chưa hả lòng mong của thần và dân. Xin mỗi xã, thôn đồn ải chỉ cấp chung một đạo và gia thêm chữ mỹ hiệu. Vua nghe theo. Đến nay mới thi hành.

Chức Hành nhân là Nguyễn Hoằng phải cách, sai luân lưu giải giao về tỉnh Hà Tĩnh nghiêm ngặt quản thúc. Khi ấy, sứ nước Pháp xin vào tâu tận nơi, không cho. Hoằng đặt điều để doạ hão. (Sứ nước Pháp là Sam-bô nhiều lần qua nha Thương bạc xin vào chầu tâu việc. Quan viện Cơ mật và Thương bạc bàn là cho vào tận nơi tâu việc, không phải thể lệ, chỉ cho vào triều yết thôi. Viên sứ ấy lại nói chỉ được vào triều yết thì xin thôi. Hoằng nhân đó bẩm kín với quan viện Cơ mật và Thương bạc rằng chủ suý nước ấy đưa thư đều nói ta không cho viên sứ ấy vào chầu tâu việc, tất đem tàu binh đến ức hiếp. Quan Thương bạc cho riêng người thông ngôn

khác đến viên sứ ấy hỏi kín, thì không có chuyện ấy). Vua ghét là tráo trở, xảo quyệt, nên cho bắt tội.

Định lại lễ tế ở đền Quy quốc công, chiểu cấp tiền công. (Đền ấy có cấp tiền 100 mẫu ruộng để thờ cúng. Về sau, Tống Phúc Giai bán hết, việc phát giác ra, bộ Lễ xử tội Phúc Giai và các người họ thân và xin các tiết lễ cả năm ở đền Quy quốc công châm chước theo lệ các quốc công lĩnh tiền công hơn 140 quan để chi tiêu. Vua nghe theo).

Vua cho là 2 tàu Lợi Tải và Thuận Tiệp lâu chưa ra ngoài khơi, quở Khâm phái là Phạm Bính rằng : Bọn ngươi cố ý để chậm đến mùa thu, may được đình lại, dụng tâm cũng sâu sắc lắm. Bính sợ mới đi. (Sau Bính đến Hương Cảng, xin đem theo 12 người học sinh trẻ tuổi giao cho người nước Thanh ở Hương Cảng là Thạch Thanh Tuyền quản lĩnh đến trường người nước Anh học tập chữ và tiếng nước Anh, nước Pháp, nước Y Pha Nho và các nghề thiên văn, máy móc. Vua nghe theo).

Thống chế quyền Chưởng Tả quân là Tôn Thất Đống chết.

Tha giảm thuế ruộng cho các địa phương bị tai hại mùa hạ.

Dồn lại cơ Hưng chấn (thuộc Hưng Hoá) làm cơ Tân hùng thuộc về đạo Tân Hoá.

Cho Chưởng vệ quyền giữ Tả dực quân Vũ lâm là Nguyễn Thịnh thăng thự Thống chế tạm giữ Tả quân. Thịnh xin từ chối. Vua bảo rằng : Vì quan chọn người, cốt lấy người xứng mà thôi, ngươi sao lại từ chối. Lại cho thự Thống chế sung chức phòng luyện Hải phòng là Tôn Thất Duyệt đổi bổ thự Thống chế Tả dực quân Vũ lâm.

Tháng 6, vua đi chơi núi Thuý Vân, cửa biển Tư Hiền, duyệt xem tập quân phòng bị ngoài biển, 5 ngày về cung.

Đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc đánh phá toán giặc ở Lũng Uy. Khi ấy, giặc đã thua ở Bán Gạo, Cảm Quang (2 sào huyệt giặc ở Thái Nguyên) lui giữ Lũng Uy, Vĩnh Phúc treo giải thưởng, sai bọn Ngô Phượng Điển đem bọn luyện dõng đánh vào sào huyệt của giặc, giặc thua chạy. Quan ở quân thứ tâu lên, vua bảo là : Trận này chưa bắt được bọn đầu sỏ, nhưng phá chỗ ấy để thông đường sau, cũng hợp cơ nghi. Đặc cách cho Vĩnh Phúc được khai phục (Vĩnh Phúc trước vì tự tiện về, phải giáng 2 cấp, được lưu lại làm việc) và gia thưởng tiền vàng ; người đi đánh trận ấy, cũng đều được thăng thưởng. Rồi sau, bọn họ Lý, họ Lục, họ Đàm, họ Hoàng lẻn về Ba Bể, Vĩnh Phúc cùng với lĩnh Phó lãnh binh là Trần Xuân Soạn bàn chia làm 3 toán quân tiến đánh. (Lại đem Thổ, Man 3 tổng Đông Viên, Nhu Viễn, Quảng Khê đến Chợ Mới, để tuyệt lương của giặc). Giặc nghe tiếng liền trốn. (Họ Đàm trốn ở hạt tỉnh Tuyên, bọn họ Lục, họ Lý trốn ở mèo Thượng Na, tỉnh Cao Bằng). Binh dõng đến Đông Viên vì thiếu lương lại chuyển về tỉnh Thái Nguyên.

Vua mật bảo Hoàng Tá Viêm, Trương Quang Đản, Nguyễn Hữu Độ rằng : Dưới chỗ mồi thơm, tất có cá mắc. Đoàn quân ấy quả là thực lòng giết hết giặc, một trận giết được hết, thì cho đến muôn lạng vàng cũng không phải là không đáng ; tại sao lại cho giặc được rỗi, bề ngoài thì đánh, bề trong thì tha ngầm ; từ trước đến giờ, chưa từng bắt được một kẻ đầu sỏ nào cho hết mầm mống giặc ; mà bọn ngươi cũng không từng nghiêm đốc, trách rõ, để ngăn sự gian, nuôi giặc để lo, chỉ tốn hão không chán, lại sợ khó tiếp tục. Thì bảo không giữ giặc lại để mà nhờ, đóng quân lại để tự trọng, có được không ? Huống chi quân nước Thanh đương chia đường hội đánh, cốt để dẹp hết các bọn giặc, nếu không nhân đó tính gấp, còn đợi ngày nào ? Thì giờ không thể trở lại, giặc không thể tha được, bọn ngươi sao không nghĩ mà nỡ để cho đoàn quân ấy lần lữa không tiến. Ngươi là Hoàng Tá Viêm tuy có lòng đảm đương công việc, nhưng lòng thiên tư che lấp, lười biếng quá lắm, việc ở Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, thường thường cẩu thả, không được một việc gì. Ngươi tự hỏi lòng đã được yên chăng ? Vả lại, chánh, phó sứ bọn ngươi ba viên đều là thế thần, cùng với nước cùng hưởng phúc, nghĩa là phận không thể bỏ được chút nào, không làm xong việc, hầu đùn cho ai ? Huống chi trẫm đãi không bạc, tin dùng rất chuyên, thì bọn ngươi phải ngày đêm nên nghĩ làm thế nào để sớm hả lòng trẫm, không dám cẩu thả, để lo về sau, có như thế mới yên được lòng, hết được đạo, há đợi gói gươm, tước áo, mới biết sợ biết cố hay sao ? Còn như viên phó đề ấy, tuy là người mới phụ thuộc, chưa quen pháp độ, nhưng hắn có thể hơn hẳn cả bọn, sai khiến được người, cũng là nhờ ơn huệ của triều đình, anh linh của tôn xã, mới được có danh tiếng ấy, không thì cũng là một tên giặc cỏ thôi, dù mạnh mà làm gì ? Hắn không nghĩ sớm cố sức báo hiệu, để giữ vững ân vinh ; mà ngươi là Hoàng Tá Viêm cũng không nghĩ cái quyền bắt hay tha, do ở mình cả, dạy cho quen dần, để được tiếng khen mãi. Đó đều là rất cần không thể bỏ được, bảo cho thế, không còn gì hơn nữa. Bọn ngươi đều phải để bụng chớ quên, chóng sớm báo công, chớ hoặc lại lầm mới được.

Bộ Binh tâu rằng : Từ nay có quan võ nào nên được phong tặng, mà ông, cha hoặc là nghiệp nho, xin đều chức võ cấp phong, để rõ ra nhất định. Vua nghe theo.

Bắt đầu đặt đội phụ theo vào vệ Tuyển phong. (Các người phụ theo là con quan văn võ lục phẩm, hiệu số đến 46 tên, theo lệ Giáo dưỡng đặt thành đội).

Vua cho là quân bắt giặc ở 2 tỉnh Hưng Hoá, Nghệ An, hiện đang tiến đánh giặc Thổ, mà 3 huyện thổ ở thượng du tỉnh Thanh Hoá (Trình Cố, Man Duy, Sầm Na) cùng tiếp giáp đấy ; sai quan tỉnh đốc thúc ngay, Sơn phòng sứ là Lê Trí Thực sức cho binh dõng đóng ở đấy hết sức chặn giữ, để đợi thông báo. Thế rồi sau

Hoàng Tá Viêm tâu bọn giặc Vi Anh đã về Trình Cố. Vừa gặp giặc Xá xin thú, vua sợ bọn ấy hoặc cùng thông với người Xá, lại sai dò bắt ngặt hơn.

Có sao Chổi mọc. (Ở phía đông ngoài khu vực sao Tử Vi, dài 3 thước, 6 ngày thì mất). Quan Khoa đạo là bọn Nguyễn Xuân tâu lên : Năm nay trước đã hạn hán, nay lại có tai biến về sao, xin tạm đình việc ngự giá đi chơi lần này và các công việc tầm thường, để ứng lòng trời. Đình thần cho là ngự giá đi chơi cửa Thuận An, là tự mình chăm chỉ khó nhọc, sửa sang việc võ, cũng không phải là không sửa sang việc người ; còn như sửa chữa long trọng một vài sở, há nên giữa chừng mà thôi đi. Lòng lo chăm sợ hãi, chỉ ở sẵn có lòng thành từ lâu, không những vì một vài việc. Vua nhân thế bảo rằng : Cầu đảo đã lâu, há nên câu nệ.

Vua lại rước Từ cung ngự giá chơi cửa Thuận An, (bộ Binh dâng tờ tâu xin cho thi chèo thuyền. Vua cho rằng : Mỗi năm một lần mà thôi, miễn sự khó nhọc), 3 ngày về cung.

Giặc trốn người nước Thanh là Kinh Quyển Phúc, Hoàng Tam (bè lũ hơn 60 tên) hàng ở dinh quân nước Thanh. (Ngô Mậu Huân) quan tỉnh Cao Bằng tâu lên. Bộ Binh cho là việc võ yên không thành, xin cho quan tỉnh ấy đưa thư cho Hoàng Quế Lan hợp lại cùng đánh. Vua nghe theo. Thế rồi, Ngô Mậu Huân tâu đã giao cho Trần Đức Triều đem về Trà Lĩnh 27 tên ; còn thì cho theo Chu Bỉnh Lâm để tiện kiểm chế.

Tạm bỏ cấm mua gạo (từ tháng 7 nhuận đến cuối tháng 8 thôi) cho thuyền buôn các tỉnh (Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Nội). Khi ấy, giá gạo các tỉnh giảm sút bình thường, chủ suý và sứ Pháp nói về việc ấy, cho nên đặc cách tạm bỏ, để hậu tình đối với nước bạn. Sau vì lời của sứ Pháp, lại bỏ cấm thêm một tháng. Vua nhân đó bảo quan viện Cơ mật và Thương bạc rằng : Sau không được theo lời xin gia hạn đình cấm mãi, bảo cho người coi thường.

Cho phàm các nhà thờ ở mả và phần mộ [của các vương công] ở xã khác, địa thế xa cách, do quan địa phương bắt dân xã sở tại coi giữ, miễn cho sưu dịch.

Cấp thóc giống (vì dân châu ấy mới về, chưa thể mua để gieo được) cho châu Phù Yên (thuộc tỉnh Hưng Hoá).

Sắc cho bộ Binh tuyển thêm các quân thuỷ, bộ, huấn luyện nghệ võ kiêm tập phép bắn liên hoàn[1]. Hằng năm cứ tháng 5, tháng 6 đến cửa Thuận An để vua duyệt mỗi hạng quân một lần.

Kiến Hoà quận công Miên Diễu và công tử các phủ (11 phủ) đều lấy cớ có việc xin lĩnh trước bổng lệ 2 - 3 năm. Vua y cho. Vua nhân đó bảo quan phủ Tôn nhân

(1) *Liên hoàn* : có lẽ là súng cối xay.

rằng : Ơn của nước dùng là túi riêng, thì còn cảm khích bổ ích gì ? Bọn ngươi cũng nên tuỳ việc sửa lại. Rồi thì quan phủ Tôn nhân dâng sớ cho là bản triều chi phái nhà vua ngày càng nhiều, ngồi ăn hại lương của kho, mà không có việc gì. Ở rỗi ít học, chưa chắc giữ được cẩn thận. Xin phàm các công tử, công tôn học tập ở nhà đều châm chước sát hạch để bổ, (chiểu lệ hỏi về nghĩa sách, chữ luật mỗi thứ một bài và tờ tâu sơ qua loa 1 bài), con gái, cháu gái các tước công, người nào thuần cẩn, tình nguyện sung vào phụng trực các tôn sở, được cùng với con gái họ tôn thất cùng chọn bổ cả, để cho người nào cũng có việc làm, đều có quản thúc, may ra ngăn được phóng đãng mà khỏi tốn phí. Vua nghe theo.

Cho Tả tham tri bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp sung làm quản lý Thương bạc sự vụ đại thần.

Đê nhỏ xã Nhạn Trạch ở Hưng Yên bị vỡ.

Tỉnh Nam Định, Thanh Hoá có sâu cắn lúa.

Sao Chổi lại mọc. (Mọc ở phía bắc khu vực sao Tử Vi, dài 5 thước, 7 ngày thì mất).

Đặt đồn ở xã Hoàng Xá thuộc tỉnh Hải Dương. Chuẩn cho lượng trích các cơ Kiên, Nhuệ mỗi cơ đều hơn 500 người, dồn làm một vệ, để giúp sự canh phòng khai khẩn.

Khi ấy, việc giao thiệp nhiều, sứ Pháp thường bảo là chậm trễ. Nguyễn Trọng Hợp tâu rằng : Các việc giao thiệp đã do quan đại thần ở viện Cơ mật hội đồng xét tâu cho thi hành, chức tôi giảng thuyết với viên sứ ấy, việc gì quan trọng, đối với lý tất không thể theo được, tôi xin từ chối, không dám có chịu khuất chút nào ; nếu các khoản tầm thường không quản ngại gì lắm, xin sắc cho viện Cơ mật và Thương bạc tôi, trong khi theo lệnh bàn bạc, châm chước tình lý cốt theo rộng rãi qua loa, không có tính cách kéo dài để chậm. Lại xin chuẩn định, cứ mỗi tháng hai lần, (trừ khi có hội thương, nên lượng chước giảm) cùng với viên tham biện đi lại thăm hỏi đều được tuỳ tiện.

Vua bảo rằng : Biết nói tất biết làm, làm thế nào có hiệu quả, cho ngươi cứ việc làm, các quan đại thần cũng thể tất cho, có ngăn trở gì.

Cọc rào gỗ thuộc địa phận sông Cáp Châu, Hy Du, Lộ Châu, phần nhiều trôi mất. Quan Hải phòng theo lệ đi khám, cho là đường sông ấy nguyên đã có 2 đồn phía trước, phía sau, Lộ Châu ở phía tả, lại có đồn mới Lộ Châu ở phía hữu, đã đủ giữ chỗ hiểm yếu cho việc phòng giữ ở sông, các rào gỗ trôi mất, xin thôi cắm lại tất cả, để đỡ khó nhọc tốn phí. Vua cho là đê Lộ Châu chưa đắp, hãy cho cắm điền vào, cho việc phòng giữ được nghiêm.

Định lại lệ xử tội truy thu số tang bồi mà không hết sức. (Từ nay, phàm các án bồi tang, trừ người giám thu chưa đủ niên hạn, cùng là viên nhân nào tại chức, dịch chưa được 6 tháng và số thiếu không đến một phần được miễn nghị thì không kể ; còn thì phần thu trong một năm mà thiếu hơn 1 - 2 phần thì những người tại chức được một năm : phủ doãn, phủ thừa, án sát, chánh phó quản đạo phải phạt bổng 1 năm ; (lệ cũ 9 tháng) ; tổng đốc, tuần phủ, chánh phó đề đốc (tỉnh nào chỉ đặt bố chính, án sát, thì bắt tội bố chính, dưới cũng thế) phải phạt bổng 9 tháng, (lệ cũ 6 tháng) ; tá lãnh phải phạt bổng 6 tháng, (lệ cũ 3 tháng) ; lại điển phạt 30 roi, (lệ cũ 20 roi) ; phủ huyện phải phạt bổng 1 năm, (lệ cũ 3 tháng) ; lại mục phạt 50 roi, (lệ cũ 20 roi, dưới đây cũng thế) ; thông lại phạt 40 roi ; các tổng lý phần thu đều phạt 60 trượng. Thiếu hơn 3 - 4 phần, thì phủ doãn, phủ thừa, án sát, chánh phó quản đạo phải giáng 1 cấp, được lưu lại, (trước phạt bổng 1 năm) ; tổng đốc, tuần phủ, chánh, phó đề đốc phải phạt bổng 1 năm, (trước 9 tháng) ; tá lãnh phải phạt 9 tháng, (trước 6 tháng) ; lại điển 40 roi, (trước 30 roi) ; phủ huyện phải giáng 1 cấp, được lưu lại, (trước phạt 6 tháng) ; lại mục phạt 60 trượng, (trước 30 roi, dưới đây cũng thế) ; thông lại 50 roi, tổng lý đều 70 trượng. Thiếu hơn 5 - 6 phần, thì phủ doãn, phủ thừa, chánh, phó quản đạo phải giáng 2 cấp (trước 1 cấp), tổng đốc, tuần phủ, chánh, phó đề đốc phải giáng 1 cấp, (trước phạt 1 năm) ; đều được lưu lại ; tá lãnh phạt bổng 1 năm, (trước 9 tháng) ; lại điển 50 roi, (trước 40 roi, cách chức) ; phủ, huyện phải giáng 2 cấp, được lưu lại, (trước phạt 9 tháng) ; lại mục 60 trượng, (trước 40 roi, cách chức, dưới đây cũng thế) ; thông lại 50 roi, tổng lý đều 80 trượng. Thiếu hơn 7 - 8 phần, thì phủ doãn, phủ thừa, án sát, chánh, phó quản đạo phải giáng 3 cấp ; tổng đốc, tuần phủ, chánh, phó đề đốc phải giáng 2 cấp ; tá lãnh phải giáng 1 cấp, đều được lưu lại ; lại điển 60 trượng, phủ huyện phải giáng 3 cấp được lưu lại ; lại mục 80 trượng, thông lại 70 trượng, tổng lý đều 90 trượng. Thiếu 9 - 10 phần cho đến thiếu cả, thì phủ doãn, phủ thừa, án sát, chánh, phó quản đạo, phải giáng 4 cấp, đổi đi chức khác ; tổng đốc, tuần phủ, chánh phó đề đốc phải giáng 3 cấp, tá lãnh phải giáng 2 cấp, đều được lưu lại ; lại điển 70 trượng ; phủ, huyện phải giáng 4 cấp, đổi đi nơi khác ; lại mục phạt 90 trượng ; thông lại phạt 80 trượng ; tổng lý đều 100 trượng, phải bãi dịch, các viên nhân phần thu trên đây phần thu hễ tại chức dịch đã đủ 6 tháng, mà chưa đủ 1 năm, thì chiểu theo thế giảm dần xuống 1 bậc, (như tại chức 1 năm, thiếu 1 - 2 phần, phải phạt bổng 1 năm, thì người chưa đủ 1 năm phải phạt 9 tháng, còn thì theo thế mà suy ra), cùng là bát, cửu phẩm thư lại, lại mục, thông lại và các tổng lý phải phạt đánh roi, phạt trượng ; chưa đến bãi dịch, cho chiểu lệ nộp tiền chuộc tội. Còn các lệ định các lần đều bãi bỏ cả, để khỏi trùng điệp).

Mùa thu, tháng 7, chuẩn cho tỉnh Nghệ An đặt người khơi hộ 3 cảng Đích, My, Đâu, (gọi chung là thiết cảng, thuộc 2 huyện An Thành, Châu Lộc, tỉnh Nghệ An khai đào, việc chép ở trên), cảng phu được miễn thuế thân, thuế sắt ; trích lấy dân các xã, thôn ở ven cảng, đều đặt phu trưởng nhận việc trông coi. (Cảng Đích giao cho các xã, thôn : Châu Lạc, Thiều Xá, Đa Phúc, Tuấn Kiệt, An Xuân, Nho Lâm ; cảng My giao cho các xã, thôn : Kim Âu, Trung Mỹ, Ngu Lạc, Kim Bảng, Đông Xương, Vĩnh Nghĩa, Xuân Trường ; cảng Đâu giao cho các xã, thôn : Quý Hoà, Thanh Sơn, Văn Thai, hợp cộng số người là 440 người).

Phát chẩn cho dân đói tỉnh Bình Thuận (2 tổng ở phủ Ninh Thuận, 3 tổng ở phủ Hàm Thuận).

Đặt lỵ sở đạo Tân Hoá. Đạo ấy, năm trước (tháng 5 năm thứ 29) cho đặt 1 bảo lớn đóng làm việc, đợi sau vài ba năm, dân cư đông đúc sẽ tâu lên định lại. Đến nay, bọn Hoàng Tá Viêm xin đem các huyện châu Chiểu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Tuần Giáo, Ninh Biên, Thuận Châu, Mai Châu, Văn Chấn làm 1 đạo, đặt lỵ sở của đạo ở xã Nghĩa Lộ (thuộc huyện Văn Chấn) để tiện phân phái canh phòng, khai phá. Vua nghe theo.

Cho số thuế của 3 huyện Hạ Hoà, Cẩm Khê, Thanh Ba (thuộc Sơn Tây) đệ nộp ở đạo Tân Hoá và đồn Thục Luyện, cho đỡ công tải vận.

Đặt đồn nhỏ Quả Cảm ở phủ Đoan Hùng. (Vì thành đạo Đoan Hùng công việc trọng đại, chưa tiện bắt đầu đắp, cho nên tạm đặt đồn để chiêu tập dân canh phòng khai phá).

Tha tội cho bọn điển thủ Đội trưởng kho Lý Nhân (thuộc tỉnh Hà Nội) là Nguyễn Đình Lập và Nguyễn Đình Đoạn, được khai phục lại chức dịch. Trước đây, bọn Lập bị vu (bọn Lập trước biết chủ thủ là bọn Tạ Xuân Lâm thông đồng làm thiếu hụt của kho, bọn Xuân Lâm mang lòng hiềm mới vu cho bọn Lập lấy bớt tiền gạo), xử tội phải chém ; bọn Lập đã uỷ người kiện ở Pháp ty. Sai quan tỉnh là bọn Hoàng Diệu, Hoàng Hữu Xứng (đều tiếp đến thay chức, không phải người xét hỏi trước), tra xét lại, được sự thực bèn cho rửa oan. (Bọn Xuân Lâm phải tội vu cáo, xử chém, nhưng còn giam để bồi ; quan lại tra trước đều phải giáng, cách có thứ bậc khác nhau).

Sai quan 3 tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà, Phú Yên nghiêm sức phủ dụ dân Man. Khi ấy, viên Khâm phái là Nguyễn Thành Ý tâu : Man ấy thông thương với tỉnh Gia Định, mà Điển nông sứ là Phan Trung lại hỏi ra nghe nói người Tây dụ ngầm hoang Man ấy. Triều đình sợ hoặc sinh sự, cho nên sai quan chiêu tập phủ dụ.

Sao Chổi lại mọc. (Mọc ở phía tây đứng đầu sao Bắc Đẩu, dài hơn 3 thước, hơn 3 ngày thì mất).

Trồng lại cột cờ ở cửa Ngọ Môn. (Cột cũ mục nát, nghiêng lệch, cho nên trồng lại).

Đặt thêm Mỹ Lãng (ở xã Vĩnh Lãng, đạo Mỹ Đức) và Hà Bài (ở xã Kim Bài, tỉnh Hà Nội) 2 trạm, (mỗi trạm đặt 1 dịch thừa, 30 người phu, trích đinh tráng các xã, thôn phụ gần để sung vào).

Định rõ lệ mộ bổ lại dịch. (Phàm các nha ở trong Kinh, ngoài các tỉnh trái lệ mộ bổ lại dịch, ngày sau có phát ra tình tệ xén bớt làm thiếu của công, thì phần thiếu phải bồi, cứ viên dịch nha mộ ra trước phải bồi, để làm răn cho người khinh suất theo ý mình).

Chuẩn cho Thượng thư bộ Lễ là Đỗ Đệ về quê hưu trí ; cho Thái tử Thiếu bảo, Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Chính kiêm chức Phó tổng tài ở Sử quán.

Cho Tuần phủ Hà Tĩnh là Đoàn Văn Hội thăng thự Thượng thư bộ Lễ ; Thị lang bộ Binh là Nguyễn Hiệp hộ lý Tuần phủ Hà Tĩnh.

Tha và hoãn thuế để thiếu cho tỉnh Bắc Ninh. (Vì cớ giặc và lụt. Hạng thiệt hại quá lắm thì miễn tất cả ; hạng quá vừa thì miễn 7 thành ; hạng vừa thì miễn 5 thành ; còn hạng thiệt hại 5 - 3 thành, đều cho hoãn đến mùa hạ năm sau đem nộp).

Bãi bỏ lệ quan viên phải giáng đổi làm cách chức lưu lại. (Lệ cũ, người can phạm tội công phải giáng, ngang với trật hoặc quá trật của mình, đều do bộ Lại, bộ Binh trích ra tâu lên đổi làm cách chức lưu lại. Đến đây cho là cách lưu phải đợi 1 năm hết hạn, mới được đổi làm giáng lưu, còn giáng thì gặp khánh tiết thường được tâu lên đổi giảm. Đều nguyên là phải giáng, mà ban ơn không giống nhau, không phải để tỏ ra thể tất. Nhân thế, chuẩn cho từ nay phàm can phạm tội công, người nào mà hiện trật chiểu với cấp phải giáng đã vừa đúng và người trật không đủ để giáng, thì năm khánh tiết thường chuẩn cho tâu xin chiếu cấp đổi giảm, cho được thấm nhuần ân huệ cả, bỏ việc trích tâu đổi làm cách, để giữ đạo hậu mà bớt phiền văn).

Giặc Xá tràn đến quấy nhiễu 2 châu Thường Xuân, Lương Chánh ở Thanh Hoá. Tổng đốc là Tôn Thất Phiên uỷ cho Phó lãnh binh là Hồ Thanh Hanh đến ngay châu Quan Hoá hợp với Sơn phòng đóng đấy để trấn áp. Việc ấy đến tai vua, vua sai Phiên hội ngay với Sơn phòng tuỳ cơ đốc bắt. Lại sai quân 2 đạo Hưng Hoá, Nghệ An đến ngay Lao Tao (giáp tỉnh Nghệ An), Na Bình (giáp tỉnh Hưng Hoá) đợi báo hội lại cùng đánh.

Giặc Xá (tên Đạo Tôn, tên Đạo Ất) tràn đến quấy nhiễu ở huyện Sầm, tỉnh Nghệ An. Quan tỉnh uỷ cho Lãnh binh là Nguyễn Văn Hậu đem theo biền binh (300) tiến đánh.

Nước Y Pha Nho đưa thư cho quan Thương bạc đại thần nước ta. (Trong thư nói : Số tiền phải bồi và thương ước mới định, vua nước ấy đợi bộ "Bách tính công đồng" nghị định lại, sẽ trả lời).

Sứ nước Pháp là Lê Na đến cửa Thuận An, (Sam-bô đổi làm Lãnh sự ở Ninh Hải). Vua sai quan đến tiếp. Lê Na đã đến sứ quán, dâng thư chúc mừng. Vua sai viên làm ở ban (Chủ sự nha Thương bạc là Nguyễn Vỹ) đến thăm để đáp lại. Lại cho là viên sứ ấy năm trước đã từng sung làm Khâm sứ, đến nay lại đến, sai quan Thương bạc là Nguyễn Trọng Hợp đến thăm. Vua bảo rằng : Đời xưa có câu : "Vì người tri kỷ mà chết, lấy quốc sĩ mà đối đãi thì lại lấy quốc sĩ mà đáp lại". Ta với hắn phương trời xa cách, không dám gọi là tri kỷ, để cầu báo đáp. Duy cùng ở với nhau rất lâu, xét đến tâm tích, cũng thực là người tốt, hơi có biết nhau, cho nên lấy sự thực bảo nhau, giúp hay không giúp, há dám chắc đâu ? Nhưng nghĩ Hoắc sứ ở đây không lâu, còn biết nhân cơ hội lập công, để lại tiếng khen chung là danh thần 2 nước. Huống chi, hắn ở lâu nhiều hơn, há không làm được một việc tốt để tiếng lại mãi mãi hay sao ? Còn như đã không chịu giúp, lại theo mà lấn bức, tưởng không phải bậc quân tử, hay người có nhân lại dụng tâm thế. Thì đã phụ một lời tri kỷ, chẳng cũng nhiều lắm ư ? Nên đem ý ấy bảo cho hắn biết.

Sai Tả thị lang bộ Hình là Đặng Đức Địch sung làm Khâm sai đến tỉnh Phú Yên xét lại việc Bố chính là Đinh Nho Quang can việc kiện. Trước đây Đinh Nho Quang được uỷ phái đi bắt kẻ can phạm, sinh sự với người Pháp. (Dân trong hạt là Lê Văn Lợi năm trước tải lậu tiền đồng dị dạng, quan tỉnh ấy chiểu lệ tịch thu số tiền ấy và giam xét, tên ấy vượt nhà giam trốn đến cửa biển Thi Nại ở Bình Định nương nhờ viên Lãnh sự Pháp, viên ấy cho khai liều là quê ở Gia Định ; rồi nhận là người dân Tây, phải do viên Lãnh sự ấy xét xử. Đã chuẩn tư cho chủ suý nước Pháp, đợi chủ suý ấy xét định. Nho Quang không theo đợi, lại uỷ phái người đến cửa Thi Nại để bắt. Lãnh sự Pháp giải thoát cho Văn Lợi, đem đánh trói người được phái đi bắt ấy ; rồi tư cho quan tỉnh Bình Định phải trả lại số tiền đã tịch thu và phạt Nho Quang 20 đồng bạc). Tổng đốc Bình Định là Hồ Đăng Phong đem việc làm không hợp của Nho Quang tâu hặc, xin giải chức, do tỉnh ấy xét cả án trước (chép ở tháng 11 năm ngoái). Vua y cho. Thế rồi người nhà Nho Quang cho là tra xét không thẳng, đánh trống kêu lên. Vua chuẩn cho các hội đồng ấy tâu lại rõ ràng. Nhưng tập tâu phần nhiều là hồi hộ. Bèn cho Đức Địch đi tra xét lại và đem khoản sau xét cả một thể. Sau đó án xử chuẩn cho Nho Quang, khoản trước bị vu, được miễn nghị ; khoản sau không khéo làm việc, phải giáng 3 cấp được lưu lại. Tổng đốc là Hồ Đăng Phong, Khâm phái là Đỗ Huy Điển cũng đều phải giáng 3 cấp lưu lại. (Nho Quang can việc kiện trước, về người nguyên đơn là bọn Ngô Sung Thịnh,

Phan Thành Giáo thì khi đến tra xét đã khai thú là ngu dốt nghe Chủ thủ trước là Nguyễn Đức Hợp đút tiền sai kiện vu viên Bố chính ấy cho hả giận của hắn. Khi ấy, quan tỉnh Bình Định và quan Khâm phái bác đi giao cho phản cung như đơn trước. Sau đó, người nhà Nho Quang là Lê Đạt (trong đơn chỉ tên ấy là người nhận tang vật, hiện phải giam xét) lấy trộm được tờ khai thú của bọn Sung Thịnh, Thành Giáo, vượt giam về Kinh, đem các tình tra xét làm bịa ra ấy đánh trống kêu lên. Được chuẩn cho xét lại, thì bọn Sung Thịnh, Thành Giáo quả nhiên là do Nguyễn Đức Hợp xui giục. Cả 3 tên ấy phải tội đi đày hết bậc [lưu 3.000 dặm].

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXVI*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Tân Tỵ, Tự Đức năm thứ 34 [1881], tháng 7 nhuận, vua chuẩn định quan viên văn võ trong Kinh, các tỉnh ngoài, phàm các tháng nhuận đều được chuẩn theo phẩm lĩnh lương. (Hoàng thân, công chúa, phi tần, nữ quan, nội giám, các viện, tôn tước, tôn thất cũng thế cả), người vâng mệnh phái đi nước ngoài cũng vẫn cấp lương gấp đôi. Lấy tháng 7 nhuận năm nay làm bắt đầu. (Từ trước, bổng lệ gặp tháng nhuận là đình cấp. Vua bảo rằng : Tháng nhuận cũng thường làm việc công, sao lại không có lương. Bàn định lại để tỏ ra có lòng thể tất).

Đưa thư cho Tổng đốc 2 tỉnh Quảng và quan nước Anh ở Hương Cảng, cùng tướng nước Pháp ở Gia Định. Trước đấy, Điển nông phó sứ là Nguyễn Thông dâng sớ nói : Khách buôn nước Thanh đem tiền đồng kiểu lạ đến chứa ở phố Gia Định, mà dân tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà thông thương với nhau, những người buôn gian giảo mua tiền ấy chở về đổi lấy tiền kẽm, bạc đồng, sự tệ hại rất nhiều. Xin cho tiền ấy cứ 2 đồng ăn 1 đồng tiền của ta, khiến cho người buôn bán không còn lợi được.

Vua không cho. Nhân bảo đình thần rằng : Đúc tiền giả chuyên lấy lợi, người Anh ở Hương Cảng cũng rất ghét, nên người nước Thanh phần nhiều đúc trộm ở chỗ xa vắng. Bèn sai đưa thư cho đều vì nước ta nghiêm cấm, để trừ hết từ nguồn gốc.

Tổng thống Thuỷ sư nước Pháp là Đa Phù Cô đến công cán ở bờ biển tỉnh Hải Dương (rồi đến các tỉnh Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Sơn Tây, Hưng Hoá và đạo Mỹ Đức để du thám. Lại phái Thương biện là Ô Mốt đến Lạng Sơn).

Núi Thiện Thụ có hoả tai. (Lửa phát ra từ ngoài phận cấm cháy lan vào trong phận cấm).

Cho các quan chính khanh bất kỳ lúc nào đi lại đáp thăm với sứ nước Pháp (mỗi tháng 1 lần hoặc cách 1 tháng 1 lần).

Lại sắc cho quan quân thứ Tam Tuyên, treo giải thưởng người bắt thủ phạm giặc. Và có mưu kế gì để cho giặc trốn được kết án trị tội ngay, cho đều hết lòng trù tính tâu lên đợi chuẩn cho thi hành.

Lúc bấy giờ các giặc ở biên giới Bắc Kỳ thế cùng quẫn chạy trốn. (Trước đây, đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc tiến đóng ở Đông Phương Viên, đóng quân liên doanh đến thẳng Khâu Cẩm. Bọn Lý Thất, Trần Đại ước hơn 100 người trốn đến cướp xã Bằng Đức. Bọn Lý Á Sinh, Hoàng Đại, Vương Tam, Tô Nhị hợp bè lũ ước 400 người trốn đến xã Hạ Quan, quấy rối một dải Kim Mã, Nam Tri. Giặc họ Đàm trốn đi hạt Tuyên Quang, Thái Nguyên. Giặc họ Lục đem vợ con trốn đến xã Địa Linh. Vĩnh Phúc hiện đang chia quân đuổi bắt. Tướng nước Thanh là Chu Bính Lâm lại phái quân tuần tiễu đánh giúp ; tỉnh Cao Bằng lại uỷ Lương Tuấn Tú đốc thúc các toán quân giải vận lương thực, hiệp lực và bắt giúp, thế giặc rất cấp bách). Cho nên có mệnh lệnh ấy.

Thự Thượng thư bộ Công là Hồ Trọng Đĩnh vì ốm xin nghỉ. Vua bảo rằng : Đĩnh tính khí câu nệ, học thức tầm thường, nhưng vì thiếu người, tạm thử cho làm việc, thế mà mới được thăng, đã vội xin nghỉ, là tự bỏ thân phận của mình. Vậy cách hàm mới, cho lấy hàm cũ Tham tri, về quê điều dưỡng.

Vua sai tỉnh Hải Dương khắc in 4 bộ sách Tây (*Vạn quốc công pháp, Hàng hải kim trâm, Bác vật tân biên, Khai môi yếu pháp*) cấp phát cho các trường học trong Kinh và tỉnh ngoài để dùng học tập.

Định lại lệ xét án mùa thu.

Từ nay về sau, phàm đến kỳ xét án mùa thu, quan các địa phương phải trích đem những hạng trọng phạm như đầu đảng kẻ cướp, cố ý ăn trộm, giết người, hung cường cố phạm, đánh chết người, cố ý giết người, tình thực nên xử ngay, có ngờ nên giảm, cùng chưa được lần lượt xét và đã 5 lần xét mà thực là giữ phép không có một tý hung hãn nào, nên làm danh sách xin giảm, cùng là những việc không phải hạng ấy mà tội tình hơi nặng, đến xử tội trảm, tội giảo, thì đều cho biên vào danh sách xét đệ lên Pháp ty, chiểu lệ xét làm. Còn những việc đã 2 - 3 lần xét, chưa nên xử ngay, chưa nên giảm, cũng chưa hết kỳ xét, nên để giam đợi Chỉ đều làm hồ sơ riêng đệ lên Pháp ty, cùng là hồ sơ các hạng phạm việc bồi tang, người bệnh phong nuôi ở nhà, xét kỹ, nếu có việc nào ngờ, trích ra tâu xin xét lại. Nếu không thì chỉ đem họ tên tổng số làm chung một tờ tâu đợi vua xem, không phải lần lượt bày tâu lời thẩm).

Bọn công tử Hồng Uyên 25 người (con Thọ Xuân vương) vì gia đình nghèo túng, xin lĩnh trước lương 2 năm.

Vua bảo rằng : "Cái nghĩa giúp người túng không thêm cho người giàu", sợ không phải thế. Nhưng nghĩ vương là rất thân lại tuổi già tạm cho một lần. Vương nên khéo xử để khỏi khó khăn về sau. (Lúc bấy giờ trưởng công chúa là Lệ Nhàn, Đoan Lương, Nhàn Đức cũng nhờ tâu xin lĩnh lương trước 2 năm. Vua không cho, quan phủ Tôn nhân lại xin giúp. Vua bảo rằng : Em gái trẫm, trẫm há không thương ư ? Nhưng không hợp lẽ nên không cho, để ngăn mối tệ mà thôi).

Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật mật tâu 4 việc :

1. Xin đặt thêm đồn ở chỗ hiểm.

(Nha Sơn phòng các tỉnh Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hoá, nên cùng với tỉnh hợp làm một, chức sơn phòng phó sứ thì kiêm lĩnh tri phủ, chức sơn phòng chánh sứ nên cho tổng đốc, tuần phủ kiêm lĩnh, để thời thường đi lại đôn đốc. Còn nha Sơn phòng hoặc cho đặt ở phủ lỵ hoặc làm riêng ở chỗ khác, cốt được vững chắc, đợi sau dời đi nơi khác. Lại xin đặt thêm Tuần phủ ở Thanh Hoá và thêm Bố chính ở Ninh Bình).

2. Xin chứa đồ dùng.

(Giữ ở biển không bằng giữ ở sông, mà giữ ở sông chỉ có ngầm bỏ đá xuống là hay hơn cả, xin cho các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên đều đóng nhiều thuyền, để vận tải đường sông, đợi khi có cấp báo, cho đá đầy thuyền, chở đến chỗ hẹp nông ở sông Luộc (thuộc Hưng Yên), sông Chiêm Đức (thuộc Bắc Ninh) đánh chìm thuyền xuống, để cho tàu của chúng không đi qua được. Nếu đóng thuyền không kịp, thì lập tức khuyên thuyền buôn hoặc thuyền công làm ngay theo từng đoạn mà đánh chìm thuyền xuống. (Trong khi chở đá nên nói là dùng để bỏ kè).

3. Xin đem quân cứu viện cho chóng.

(Nghĩ xin các tỉnh ở Bắc Kỳ, nghe báo có giặc đến, một mặt tâu lên ngay, một mặt uỷ bố, án hoặc đề đốc, lãnh binh đem binh dõng đến ngay phủ lỵ, huyện lỵ tiếp giáp đốc thúc ngay viên phủ, huyện ấy cùng phủ, huyện gần đấy đi theo, rồi đem cả binh dõng tiến đến gần tỉnh thành 1 - 2 dặm đóng lại. Hoặc tuỳ cơ đánh lấy lại, hoặc đợi lính tỉnh láng giềng đến, hẹn ngày cùng đánh giặc. Nếu thế chưa đánh được, thì chọn chỗ hiểm đóng quân, cho thanh thế được mạnh, đợi có quan quân thứ đến, nghe theo sự điều khiển).

4. Xin xét cơ hội.

(Từ nay, phàm quân ta đối trận với chúng, nên tránh tầm súng của chúng, đợi sau khi chúng uống rượu mạnh, đã lâu, khí bớt hăng, mới có thể đánh được, hoặc

khi chưa giao chiến, chúng không uống rượu trước, cũng nên tuỳ thế giữ nhau, để bảo toàn lấy quân. Lại vì đánh bằng súng không được giỏi, nên dùng nhiều các thứ khiên mây thuỗn gỗ, gươm ngắn, tay thước, hoặc đặt phục binh đột kích, hoặc nhân ban đêm đánh úp, cần không nên đặt đồn ở gần chỗ thuyền chúng đậu và chỗ quân chúng đóng).

Vua cho là 4 việc tâu bày ấy, cũng có chỗ dùng được, sai Cơ mật viện đại thần mật xét bàn thêm, cho được chu đáo. Sau tờ tâu dâng lên :

(Các tỉnh khi trước kinh lý tưởng cũng đều chọn chỗ núi sông có hình thế tiện lợi. Nay việc giữ ở biển đã không cậy được, thì các chỗ giữ ở núi nghĩ nên sửa sang ngay, xin sắc cho quan tỉnh cai quản bắt cả quan đạo, nha Doanh điền, nha Sơn phòng, xét kỹ quả có hình thể có thể cậy được thì nhân đó làm thành trì kho chứa cho vững bền đầy đủ. Nguyên xin lấy đốc phủ kiêm sơn phòng và tỉnh Thanh, tỉnh Ninh đặt thêm tuần phủ, bố chính, xin không phải bàn.

Việc giữ ở sông rất cần, nhưng chứa đá lấp sông thì ngăn trở buôn bán vận tải mà dự đóng nhiều thuyền, để lâu thế tất mục nát, vận tải đá khối, chúng tất sinh nghi, việc làm có chỗ không tiện, xin cho quan các tỉnh có đường sông, thân đi đến nơi khám xét, lấy tiếng là sửa sang đê sông, chỗ nào bồi nông nên xây lấp, biên ghi trượng thước tất cả, lâm thời do quan tỉnh sở tại tìm cơ chước ứng, tưởng cũng kịp việc. Hiện nay các tỉnh chở gạo giao tải, đã cho đóng thuyền. Nay xin nhân thể dự đóng thuyền, một mặt dùng để vận tải, một mặt để lâm thời lấy dùng cũng tiện.

Khoản đem quân cứu viện nhanh chóng, rất hợp công việc xin cho các tỉnh mật ghi lấy để biết mà làm.

Việc binh có súng ống, có thể mạnh thế quân mà đánh giặc từ đằng xa. Nếu câu nệ là không giỏi mà muốn dùng thứ khác, sợ không phải tốt cả. Xin cho các địa phương phải phòng bị, thời thường kiểm xét, phàm tất cả những đồ để chống giữ và các thứ võ nghệ quân ta luyện tập, nên cần phải sửa sang ngay, cốt được vững bền thông thạo, để phòng khi hoãn cấp dùng đến, không phải xác định dùng khiên, mộc, gươm ngắn, tay thước làm gì).

Vua bảo rằng : Trẫm đã xem kỹ, nghĩ kỹ rồi. Khoản thứ nhất hiện đã làm, chưa được chu đáo, việc ấy cần phải làm, còn 3 khoản cũng nên biết trước, tính trước, gặp việc làm cho tốt, cho sao hết cả các khoản giao cho đốc, phủ các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An xem kín, rồi sao các việc phải làm thực, còn các khoản khác đều ghi nhớ lấy, thường thường lưu tâm trù tính tâu lên xin làm như thường, không có tiếng tăm dấu vết gì, mà việc nào việc ấy cũng xong cả, có thể được vững chắc, thế là đáp được ý trẫm.

Chuẩn cho nghị thêm điều lệ giam cấm quan phạm tội. Từ sau, phàm văn võ ấn quan trong Kinh và tỉnh ngoài, trừ ra người can tội xử tử theo lệ năm Tự Đức thứ 19, giam cấm ở nhà ngục phủ Thừa Thiên ; cùng người can tội đồ, tội lưu, tội sung quân, mà xét là nhân việc công, tội tình thuộc tội nhẹ, nên được bỏ gông, tuân theo năm Tự Đức thứ 11 ; cùng người lâm thời được tha giao phái đi làm việc chuộc tội do tự đặc ân và người nào là bồi tang chưa xong, phải giam thu không kể, còn thì can phải tội đồ, không cứ ở Kinh hay ở tỉnh ngoài, đều giải đến giam ở trại lính phủ Thừa Thiên, hết hạn trả về dân ; người can tội sung quân, tội lưu (tội tử hình giảm xuống phát quân lưu và nguyên nghĩ xử quân lưu) đều chiểu lệ tuỳ chỗ phát đi, nhưng đều giam riêng, để phân biệt với các tù khác. Gặp có công việc, các người phạm tội quân, lưu, đồ, đều do Thượng ty ấy (ở Kinh thì phủ Thừa Thiên, ở ngoài thì quan địa phương bắt đi làm việc, cho biết khổ nhục, hết hạn xét mà thi hành).

Định lại lệ thưởng người trích phát tiền dị dạng. (Từ sau, phàm tiền dị dạng chở đến, không cứ quân dân, các người coi đồn có trích phát được, trừ theo nguyên nghị thi hành ra, lại chiểu số tiền hiện trích phát là bao nhiêu, chiểu theo lệ quyên tiền nghị thưởng, mỗi 1.000 quan thưởng tòng cửu phẩm, 2.000 quan thưởng chánh cửu phẩm, 3.000 quan hay 4.000 quan thưởng tòng bát phẩm, 5.000 quan hay 6.000 quan thưởng chánh bát phẩm, 7.000 quan hay 8.000 quan thưởng tòng thất phẩm, 9.000 quan trở lên thưởng chánh thất phẩm, để biết khuyến khích).

Tháng 8, sửa điện Càn Thành đã xong, các quan xin dâng biểu mừng. Vua bảo rằng : Đấy là theo cũ sửa lại, nguyên không phải là làm mới, huống chi gần đây nhân có tai biến về sao, chưa biết thế nào, nên cùng lòng kính sợ, cốt cho tiêu hết tai biến thì hơn văn hão huyền.

Tổng đốc Định - Yên là Vũ Trọng Bình dâng sớ xin bộ phái người đến hội đồng thu thuế quan phù sa. Bộ Hộ cho là Trọng Bình là người thanh liêm làm việc giỏi, xin chuyển giao cho tỉnh phái người ngồi thu. Bỗng có người khách buôn là Dư Trung Phú xin trưng theo như giá (54.240 quan tiền). Vua bèn y cho, đình việc tỉnh phái.

Chuẩn cho dân Nùng ở Cao Bằng khai khẩn ruộng hoang của dân Thổ, cho ngạch ruộng của dân Nùng làm ruộng thế nghiệp mãi mãi. Vì cớ hạt Cao Bằng người Nùng nhiều, người Thổ ít (dân Nùng 73 người, dân Thổ 19 người, mà ruộng hoang nhiều đến hơn 9.900 mẫu).

Sai các phủ, tỉnh ở Trực kỳ làm gỗ phao nổi ở mặt sông (mỗi cái 50 cây, mỗi cây dài 4 thước, mặt rộng 1 thước 3 - 4 tấc, sơn dầu và đinh bao, đinh sắt, đai sắt đủ cả). Trước đây, Trần Tiễn Thành dâng mẫu chế gỗ phao nổi ở mặt sông. Vua cho việc thuộc phòng bị, sai bộ Công đưa mẫu thuê làm, hơn năm không đủ. Đến nay giao cho các phủ, tỉnh chia nhau làm, đem nộp để đủ dùng.

Nghị định công việc thu giải của cục Chiêu thương.

Vua cho là sang năm, quan nhà Thanh là Đường Đình Canh thầu chở gạo, cho nên sai quan ở bộ dự định :

(Quan nước Thanh ước trước định rằng : Mỗi năm nhận chở gạo ở Bắc Kỳ 420.000 phương, mỗi tháng các tỉnh chở gạo 60.000 phương, nếu các tỉnh chở đến 2.000 phương trở xuống, thì trong ngày hôm ấy phải nhận xong 10.000 phương thì 5 ngày nhận xong, nếu chậm mỗi 1 ngày phạt 100 quan tiền kẽm. Cục ấy chở gạo đến kho nước ta, số nhiều hay số ít, đều chiểu nhật kỳ ở trên nhận xong, nếu để chậm cũng phạt như thế.

Nay nghĩ định : Hằng năm từ mồng 1 tháng giêng đến cuối tháng 8, do tỉnh gần bờ biển, phái 1 quản vệ, 2 suất đội, 120 biền binh, thương trường phái 1 giám lâm, 6 bát cửu phẩm thư lại đến kho ở cửa biển, ở đấy làm việc, chia làm 3 phần, mỗi phần 5 cái hộc để gạt gạo, mỗi nơi có 1 cái kho, hằng ngày chiểu thu mỗi ngày đủ 2.000 phương, tạm chứa ở kho cửa biển và sau giao cho thuyền quân chở về kho ở Kinh, nộp cho xong. Nếu chậm trái cục ấy chiểu ước phạt bao nhiêu, cứ nhân viên chia nhau làm việc chia từng thành mà bồi cho đủ. Còn 20 thuyền quân chở gạo về kho ở Kinh, cũng chia làm 3 phần, mỗi phần mỗi tháng chở gạo phải đủ 20.000 phương, 3 ngày đi về 1 lần.

Lại phái thêm mỗi phần một người quản điển để biên nhận và kiểm đốc. Nếu chậm trái hoặc ăn bớt để thiếu, cứ nhân viên dự làm việc và thượng ty chiểu luật và theo ước phải bồi thường và nộp phạt. Lại thương trường đặt thêm một viên giám lâm để đi đến đốc thúc. Trước kho tạm ở cửa biển Thuận An làm thêm một dãy xưởng ngói, cho được rộng rãi, để tiện ra vào giao nhận).

Dạy khuyên quan lại các địa phương.

Dụ rằng : Đức tốt chỉ ở chính sự hay, chính sự cốt ở nuôi dân, dân là gốc nước, gốc vững nước mới yên. Bởi vì binh tài đều ở dân mà ra. Không nuôi dân mà muốn cho yên nước, cũng như người đi giật lùi mà mong tiến lên sao có thể được. Trẫm vốn đức mỏng chưa đủ nói đến các thứ chính tốt, duy từ lúc lên ngôi đến nay thường nghĩ đến việc yêu dân, tuy già cũng không suy kém chút nào, bởi bản tính như thế. Tuy gặp lúc nhiều việc, việc quân nổi lên, tiêu nhiều, hoàn cảnh ngặt của dùng thiếu, bất đắc dĩ phải lấy ở dân, hoặc gặp tai biến mất mùa, cùng khó rộng gia ơn giúp dân, nhưng lòng chưa từng một ngày không nghĩ khắp đến thiên hạ. Từ trước đến nay đã nhiều lần sắc cho quan lại địa phương, hết lòng vỗ nuôi dân, tuỳ việc làm nhanh, thì dân được nhờ ơn nhiều, khốn nỗi các quan rất nhiều, mọi người đều tự lòng riêng, chỉ mưu việc lợi, sao được mọi người đều như họ Thiệu, họ Đỗ,

họ Cung, họ Hoàng[1] để bõ lòng mong mỏi của trẫm. Người lương lại đời xưa, tự mình thi hành giáo hoá, để sửa phong tục cho dân, làm việc lợi, trừ việc hại, để đời sống của dân được thừa thãi, cho nên đến đâu thì dân ca tụng, đi rồi dân còn nhớ, hoặc làm đền thờ sống hoặc dựng bia ghi công, nay thì ngày thường đã không có chính sự tốt, lại có tiếng xấu, thì dân coi như hằn thù. Nếu có việc đến, còn mong có con em như chân tay để chống đỡ được ư ? Thế thì chỉ cầu lợi gần, mà quên lo xa, là không biết nghĩ quá lắm. Bọn ngươi đọc sách ra làm quan, mà việc làm và việc học xa cách nhau quá, thì còn đọc sách làm gì. Trẫm không dám nhất khái các ngươi đều như thế cả, nhưng nói về số nhiều, khiến cho người đã biết thì cố gắng, người chưa biết thì nên hối lỗi sửa đổi, vì thế phải lo xa nói thiết tha, không những vì nước thương dân, mà cũng là vì các người bảo toàn thân gia cùng hưởng phúc lâu dài. Bọn ngươi phải tự hăng hái tu tỉnh cố sức sửa mình làm gương cho thuộc lại, quan đứng đắn thì thuộc lại không ai là không đứng đắn, mối tệ trừ bỏ mà lợi khắc sinh ra thì dân được nhờ ơn, cố kết lòng dân, mới có thể trông cậy được.

Còn như quan ở Kinh lại là tiêu biểu cho quan ngoài, há chẳng nên giữ lòng cho ngay, giữ mình cho sạch, nghiêm cấm lại tệ để dân được yên, gốc được vững ư ? Đều nên nghĩ kỹ, chớ coi thường.

Tù sung quân là Hoàng Quang Tiết, trước vì lấy trộm của kho phải phát phối đi Bình Thuận. Cha hắn là Hoàng Quang Đặng lấy cớ già ốm, viện lệ xin cho con về nhà để nuôi nấng. Bộ Hình cho là trái lệ, bác đi. Vua thương Quang Đặng ốm đau khổ sở, đời tàn sống không được mấy ngày nữa, y cho.

Hà Nội mưa dầm (lúa mùa ngập hết).

Tha bạc thuế để thiếu từ năm trước cho (thổ dân lưu tán) 3 huyện Sầm Na, Man Duy, Trình Cố, tỉnh Thanh Hoá (tất cả hơn 3.299 lạng).

Định lại lệnh cấm tiền đồng dị dạng nhập cảng và đem vàng bạc xuất cảng.

(Lúc bấy giờ ngoài việc cấm tiền đồng dị dạng, vẫn còn gian lậu, mà vàng bạc phần nhiều bị người buôn nước Thanh mua chở đem đi, nên giá vàng bạc ngày càng đắt. Bộ Hộ dâng sớ nói về tệ ấy, cho nên sức lại cho các người coi đồn không được sơ suất, ẩn lậu và sức cho lại dân khi thu thuế, nộp thuế hay đổi chác, nếu thấy có tiền đồng mẻ hay mỏng và không phải chất đồng, phải chọn ra, không cho để lẫn, còn như người nước Thanh đi lại buôn bán, mang theo vàng bạc phải có giấy tư mới cho, nếu ẩn lậu không báo và mang trộm mà bắt được thì thưởng phạt theo như lệ chở trộm tiền).

---

(1) Thiệu Tín Thần, Đỗ Thi, Cung Toại, Hoàng Bá, đều là quan có đức chính tốt về đời Hán Tuyên đế (xem sử Trung Quốc).

Vua cho lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh là Nguyễn Hiệp hộ lý Tổng đốc Bình - Phú, Tả thị lang bộ Binh là Tôn Thất Trường lĩnh Tuần phủ Hà Tĩnh. Lúc bấy giờ Hồ Đăng Phong (hộ lý Tổng đốc Bình - Phú) vì ốm nghỉ, sai các quan chính khanh hội bàn cử người thay. Bọn Trần Tiễn Thành đem Phạm Thận Duật, Lê Đình Tuấn, Phạm Phú Thứ tâu lên. Vua bảo rằng : Các ngươi thường lấy danh vọng chọn người, như Đăng Phong có phải là người có danh vọng đâu. Nguyễn Hiệp am hiểu tình hình nước ngoài và hiểu rõ tình hình người Man Quảng Ngãi nên cho lấy chức lĩnh Tuần phủ mà hộ lý Tổng đốc Bình - Phú.

Tiết Vạn thọ. Lúc bấy giờ, vua cho là có tai biến về sao, tất cả nghi văn đều bỏ bớt cả, duy có đặt yến ca hát để thoả lòng trông ngóng của quan dân. Tôn nhân và đình thần dâng sớ nói rằng : Trên thì vua phải lo nghĩ, dưới thì dân phải khó nhọc, chúng tôi nghe hát lĩnh yến, lòng không tự yên, xin đều bỏ bớt. Vua không nghe.

Định lại phép thao diễn trận ngựa, trận voi.

(Cưỡi ngựa đeo thêm súng dài hoặc 1 cái dao chuôi lâm trận bắn đâm, để bù vào sức gươm không tới. Tập trận voi, thì để 1 súng thần công lên trên bành voi và 2 bên 2 khẩu súng hình miệng ốc, lâm trận bắn thực cho voi quen tiếng súng và hơi thuốc).

Lãnh binh ở Nghệ An là bọn Nguyễn Văn Hậu tiến đánh giặc Xá là Sầm Tộ. Giặc xin ra thú. Quan tỉnh đem việc tâu lên.

Vua bảo rằng : Đâu có lẽ quân đã đến đồn giặc mà không đánh ngay cho xong việc, còn nghe lời nói dối, bỏ đấy mà đi chỗ khác, nếu lỡ việc thì sao ? Quân đi đánh giặc, quen thói như thế, thực là hèn kém. Lập tức giáng bọn Hậu 2 cấp lưu.

Vua lại dụ rằng : Nếu không dẹp yên ngay, tất phải xử tội nặng. Sau đem quân đến, giặc đã trốn đi từ đêm, rồi vì quân phần nhiều bị lam chướng, rút quân về.

Chuẩn cho nguyên Kỳ Anh quận công là Hồng Đĩnh khai phục tước cũ. (Năm trước về việc mua nàng hầu bắt ức người ta đền tiền, phải cách).

Lúc bấy giờ, sứ nước Pháp là Lê Na đã sang thay nói với quan Thương bạc trong hoà ước có nói : Nước ta có việc, nước ấy phải giúp, tuy không có nói rõ là bảo hộ, nhưng ý nghĩa đã bao hàm ở trong. Nay khoản ấy triều đình nước ấy đã định làm, mà làm như thế, nước ấy không lấn quyền nước ta, chỉ bắt nước ta không được giao thiệp với nước khác thôi. Ta nếu không nghe, nước ấy cũng bắt phải làm cho được. Triều đình rất lấy làm lo. Quan viện Cơ mật và Thương bạc tâu nói : Tướng và sứ nước ấy để ý đã lâu, nay sẽ tính làm, mưu đã sắp thành, tưởng cũng khó tranh luận khúc chiết với nước ấy, tất phải phái người sang nước ấy hoặc có thể làm việc được, Khâm phái Nguyễn Thành Ý là người tài giỏi sáng suốt am hiểu, xin phái Biện lý Nguyễn Lập thay là Lãnh sự, để cho Nguyễn Thành Ý về Kinh, rồi bàn

hỏi tình trạng gần đây cử động nước ấy thế nào, có nên phái người sang nước ấy đem tình ý của ta cùng sự lý biện bạch, khiến cho công lý rõ ràng, hoặc có thể bài giải được, việc đi ấy nghĩ nên tư trước cho tướng và sứ nước ấy nói 2 khoản ta đã nói về đặt sứ và sai sứ đi, thì việc đặt sứ hiện nay đợi làm, còn như sai sứ đi là tình nghĩa hỏi thăm nên như thế, nước ta nhất định phải đi, nếu nước ấy có thuyền công cho tiện đáp đi cũng tốt, không được thế cũng nhân tiện đáp thuyền khác là ổn. Như thế nước ấy khỏi ngờ, mà nước ấy không nói vào đâu để ngăn cản được. Việc ấy nghĩ nên làm ngay khỏi lỡ việc sau.

Vua bảo rằng : Việc ấy trọng đại, tưởng nước ấy chưa dám trái lời ước, yêu cầu ngay, nhưng bọn ngươi ở ngoài giao tiếp với nước ấy và kiến văn hẳn rộng, tính việc trước cho khỏi lo, nên theo để cho làm hết chức phận.

Quan viện Cơ mật và Thương bạc lại tâu nói : Nước ấy đã mưu, không phải một ngày. Nay tuy chưa phát ngay, nhưng cũng không thôi hẳn. Nay nếu ta chỉ đến nước ấy, nói phân trần, sợ chưa chắc đã có cơ hội, mà ngăn ngừa ta giao thông với nước ngoài là chỗ giảo quyệt của nước ấy. Duy trong ước có một điều "nước ta muốn định thương ước với nước nào đều được tuỳ tiện" thì nước ấy đâu có thể trái lời ước được. Nhưng ta từ trước đến giờ chưa giao thông với các nước mà nước ấy lại không khỏi giữ ngầm ở trong, nên 6 - 7 năm nay, các nước chưa nước nào đến định thương ước với ta. Gần đây, ta cùng với nước Y Pha Nho định ước, giao ước với nhau đã lâu, mà nước ấy cũng chưa có đến, thì tình có đáng ngờ, cũng là tình của ta chưa thông với các nước, cho nên nước ấy được mưu làm tự chuyên. Vả lại, giao thiệp với nước ngoài thực khó, ta chỉ sợ khích nước ấy, lòng mưu tính ta, vì đó lại phát ra. Nay mưu của nước ấy sắp thành, ta há nên không giải quyết sớm, huống chi ta cũng cứ lý mà làm, làm sáng cho chúng biết, có trái ước gì đâu mà chúng vin cớ để nói được. Nguyễn Thành Ý bất nhật cũng về. Xin chờ Chỉ phái đến nước ấy hỏi thăm và đem việc ấy biện thuyết, nhân đến ngay các nước cũng tiện. Nhưng từ trước đến giờ thường bị nước ấy ngăn trở, vì ta không có tàu, chỉ đáp tàu với nước ấy, tuỳ theo nước ấy đi hay đứng mà phải thế. Nay xin sửa soạn tàu của ta, chọn người ở triều đình có lòng đảm đương công việc lấy 2 - 3 người, lấy cớ đi tìm học về bác vật, như nước Thanh cho người đi học các nước, tư rõ trước cho nước ấy biết. Đến lúc đi thì đến nước ấy trước, nhận chuyển đi các nước Y, Anh, Phổ, Mỹ, khiến cho các nước biết ta là tự chủ, nhân đó mà thông suốt tình ý. Tục Thái Tây thích giao thiệp chơi bời với nước xa, ta đến, tự khắc không nước nào không nhận, tưởng cũng có nước muốn giao thiệp thông thương với nước ta, thực khiến cho tình của ta thông suốt các nước, thì nước ấy không thể tự ý làm càn được. Nếu nước ấy có lòng nào bắt ức ta, ta cũng có thể cùng các nước điều đình giúp bàn lại, tưởng cũng là một mưu kế đấy.

Lại xét đến tàu máy hơi nước, hiện có tàu Lợi Đạt và tàu mới đóng ở Hương Cảng cũng có thể đi được, duy người ngắm hoa tiêu và máy tàu tất phải thuê người Tây, mới có thể quen biết đường biển đi sang Tây. Người nước ấy ra nước ngoài làm công là thói thường của nước Tây, tàu thuỷ, tàu binh của nước Thanh đều thuê người Tây làm ngắm hoa tiêu và máy tàu, tức như những tàu buôn của nước ta cũng đều thuê người Tây, không có trở ngại gì. Xin tư trước cho Khâm phái ở Hương Cảng là Phạm Bính, Hà Văn Trung thuê sẵn người Tây ngắm hoa tiêu và máy tàu đều một người, đợi quả quyết đi sẽ làm việc. Còn tàu đi cũng nên đáp tải ít nhiều hàng hoá vừa đủ tiền phí tổn nhỏ. Việc ấy nếu được chuẩn y thì công việc nên làm sẽ do quan có trách nhiệm chiểu từng khoản bàn định trước.

Lại việc đi này còn xa, nay gần mà có thể giao thông được thì ở Yên Kinh, sứ các nước đều ở đấy, nhiều lần sứ bộ ta sang Yên Kinh chưa biết bàn đến việc ấy, vì sự thể giao tế khác nhau, cho nên khó làm. Nay có cục Chiêu thương chở hàng thuê, do quan ở cục ấy giới thiệu, tưởng cũng là một cơ hội. Gần đây, tiếp được tin báo Đường Đình Canh tháng này cũng đến, xin do bọn tôi thương thuyết, nhờ viên ấy ngỏ ý với Tổng đốc Lý Hồng Chương nhờ mật dò ý sứ các nước Anh, Mỹ, Phổ để nắm được cốt yếu, thông thuyết giúp cho. Còn sứ nước Y Pha Nho ở đấy, nước ấy đã định ước với ta, thì nên bàn với họ. Nước Thanh gần đây tranh nước Lưu Cầu với nước Nhật Bản mà không được, nay nước ấy làm việc cho ta, cũng là làm việc cho nước ấy, tưởng cùng nòi giống với ta cũng lo, tất hết lòng mưu thực mà việc chóng xong, việc ấy năm trước có một nhật báo cũng có ý như thế, cũng có thể biết là lẽ ấy ai cũng đều biết. Nay xin cùng với các khoản trước xin chọn phái, đều phải cùng làm, may ra dẹp tan được, để giữ toàn cục.

Vua bảo rằng : Hiện nay đang mưa lụt, đợi Thành Ý về hỏi rõ và tàu bè đủ, mới có thể nói đến việc đi.

Bắc Kỳ bị bão to (Nam Định, Hưng Yên, Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Quảng Yên). Vua sai Khoa đạo là Phan Đình Phùng, Đặng Trần Hanh đi ngay xét hỏi và phát chẩn. Lúc bấy giờ bão đi đến đâu, dân cư phần nhiều nhà bị đổ nát, người chết đuối, quan tỉnh đều dâng sớ xin chẩn cấp. Duy Tổng đốc Bắc Ninh là Bùi Huy Kỷ dâng sớ nói : Lúa thóc bị tổn hại, nhưng dân ăn dùng cũng được tiếp tế. Xin đình việc phát chẩn. Còn như dân cùng cửa nhà bị đổ nát đã hiểu bảo những người hào phú giúp đỡ nhau làm nhà, cũng khỏi mất chỗ ở.

Bộ Hộ tâu rằng : Tỉnh Bắc Ninh tâu bày, tưởng là việc thực. Còn như việc chiểu từng nhà cấp tiền, từ trước đến nay phần nhiều bị lại dịch, tổng lý những nhiễu, xuống đến thôn dân, chẳng qua 10 phần chỉ còn 1 - 2 phần. Xin cho đều như tỉnh Bắc Ninh, khuyên bảo người hào phú, cùng giúp đỡ nhau làm nhà, tiền ấy để đợi khi ngặt nghèo, cấp phát ngay trước mặt.

Vua bảo rằng : Tệ ấy cố nhiên là có, nhưng thương dân như mình bị đau, của kho phát cho, chẳng qua chút đỉnh, sao đủ chữa và làm nhà, nhưng tình vua đối với dân nên như thế, há nỡ ngồi nhìn mà không thương ư. Duy chỉ quan phủ, huyện tự mình nghiêm cấm lại dịch cốt cho ơn trên xuống được khắp, thế là được. Rồi chuẩn cho quan tỉnh Bắc Ninh lập tức chiểu lệ cấp phát, không được hoãn.

Tháng 9, định lại lệ chủ thủ hụt thiếu của công đã bồi đền xong được giảm miễn tội.

(Phàm lại dịch người coi kho nếu có hụt thiếu của công, trừ người nào tự trích phát ra thú nhận và đền đủ, thì vẫn được làm việc như cũ. Việc phát ra mà đền xong, người có chức hàm thì giáng 2 cấp đổi đi nơi khác, không có chức hàm thì làm việc như cũ, 3 năm không được thăng và các khoản trong hạn đền xong, trước xử trảm hậu, thì giảm 2 bậc, xử tội mãn đồ, trước xử trảm quyết thì giảm 1 bậc xử mãn lưu, đều theo lệ cũ, không kể còn người nào là bị tội đồ, tội lưu đã lặc hạn mà trong hạn bồi xong, chỉ được miễn tội, về quê quán, không được giáng cấp và lưu làm việc. (Lệ trước, tội đồ, tội lưu trở lên trong hạn bồi xong, hễ có chức hàm thì giáng 2 cấp đổi đi nơi khác, không có trật để giáng, vẫn làm việc, 3 năm đình thăng).

Giặc trốn nước Thanh là bọn họ Lục, họ Đàm, họ Tô, họ Lý lại tụ tập ở các xứ Tào Thị, Chu Bố, Linh Đàm, Tĩnh Biên phó sứ là Trương Quang Đản lập tức phái tướng hiệu và Hoàng Thủ Trung đem quân chia đi đánh dẹp. Lại tư cho tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn thương thuyết với quan nước Thanh đóng giữ nghiêm ngặt, rồi tự xin chuyển về Nhã Nam, đốc suất mộ quân, thời thường đi lại điều khiển.

Vua bảo việc quân chợt một cái là đổi khác, lập tức sai Quang Đản đến ngay điều khiển đốc suất cho chóng xong việc.

Lĩnh Tổng đốc An - Tĩnh là Trần Văn Chuẩn dâng sớ nói công việc nghĩ đặt Sơn phòng ở Nghệ An. (Tìm đất làm đồn điền khai khẩn ruộng, để chi làm nha sở, cùng các việc trích phái giản binh, chiêu mộ người Kinh, người Thổ, liệu cấp tiền lương, quyền hạn thưởng phạt và liệu đặt tham biện viên dịch, chế cấp ấn quan phòng, cho đi mua muối, sắt tha thuế). Và xin kiêm sung làm sơn phòng chánh sứ. Vua y cho.

Đốc học Hà Nội là Vũ Như đến Kinh (nguyên được gần nhà để nuôi cha mẹ, lĩnh chức Đốc học Hà Nội, vì được cử là người văn học, đến Kinh để đợi sát hạch), xin vào chiêm bái. Vua y cho. Vũ Như dâng biểu trần tình. (Nói vì mẹ già, con bé cho nên bồi hồi trông ngóng. Nay gia tình hơi thư, muốn được hầu gần bóng sáng, hầu được bổ ích thêm những điều không biết, ngày sau không phải là người vô dụng ở triều đình).

Vua bảo rằng : Ngươi có lòng ấy thì nên cố sức làm việc, đem hiếu làm trung, ngươi nên nghĩ làm thế nào cho không hổ với khoa danh là được.

Bộ Công cho là việc làm các sở dùng gạch rất nhiều, mà các lò gạch ở Kinh, đóng và nung phần nhiều sống, non gãy vỡ. Xin gọi người làm nghề nung gạch ở Bắc Kỳ, mỗi tỉnh lấy một người về Kinh nung thử để làm. Vua nghe theo.

Định lại lệ thuyền đi tuần ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ. (Từ Kinh trở vào Nam chuyên dùng tàu Lợi Dụng, trở ra Bắc chuyên dùng tàu Lợi Đạt, còn các hạng đi tuần, cùng thuyền đi tuần vận tải của nha tuần tải, đều bãi đi cả. Đến mùa xuân năm sau bắt đầu thi hành.

Giảm và tha thuế để thiếu năm trước cho các huyện châu tỉnh Tuyên Quang (3 huyện Vĩnh Tuy, Vị Xuyên, Hàm Yên ; 2 châu Thu Châu, Chiêm Hoá bị giặc giã, ruộng bỏ hoang).

Sơn phòng sứ tỉnh Thanh Hoá là Lê Trí Thực vì sợ khó tránh việc, phải cách chức. (Lúc bấy giờ giặc trốn ở Hưng Hoá, đi lại ở thượng du tỉnh ấy, quan tỉnh đã tư ngay cho quan sơn phòng phải đến ngay châu Quan Hoá phòng giữ, Trí Thực bèn thác có bệnh, tìm nơi thuận tiện để ở, khi khám, không có ốm thực, cho nên phải tội).

Đặt chức tuần kiểm ở các cửa biển Bình Thuận. Vì hạt ấy giáp Gia Định, Biên Hoà, tiền đồng dị dạng phần nhiều chở vào, theo lệ thường phái người đi kiểm soát, thế không thể khắp được. (Lại sai Khâm phái ở Gia Định xét kỹ thuyền buôn của dân ta khi trở về hoặc có chở trộm tiền dị dạng, lập tức bắt lấy).

Án sát Quảng Bình là Phạm Vụ Mẫn nghĩ quê nhà (Nam Định) có nạn bão, nhà còn mẹ già, dâng sớ xin về thăm mẹ. Vua không cho. Nhân bảo bộ Lại rằng : Nay lo các quan quên mất việc công, nên ngăn chặn mầm mống ấy.

Giáng thự Thống chế Tả dực quân Vũ lâm là Tôn Thất Duyệt làm Vệ uý. Lúc bấy giờ, Duyệt trông coi sửa chữa kho hiệu Quảng Thịnh, tường cột đổ xuống, binh đinh bị thương chết. Duyệt xin nhận lỗi.

Vua bảo rằng : Duyệt không biết chăm, mới phái làm việc một lần mà không cẩn thận, còn có thể giao cho làm việc gì được. Vậy giáng chức để răn. Chuẩn cho thự Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Trương Văn Hùng làm thay, các quản suất cũng đều giáng 2 cấp đổi đi nơi khác.

Người buôn nước Tây (lũ Cô, Ra, Tinh 3 người) theo đường Hưng Hoá đi Vân Nam, đến đồn Lũng Lỗ, cùng khiêu khích với đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc rồi trở về. Lãnh sự Pháp đem việc ngăn trở việc buôn trách ta. Quan tỉnh Sơn Tây, Hưng Hoá đem việc tâu lên. Vua sai quan tỉnh Hà Nội, Hải Dương hỏi nguyên uỷ việc ấy biện bạch với họ, cốt cho phải nghe.

Cho Lãnh binh ở Ninh Bình là Đinh Tử Lượng thăng thụ Chưởng vệ quyền coi Tả dực quân Vũ lâm.

Cho hưu quan là Trần Đình Túc (gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ), Đỗ Đệ (Thượng thư bộ Lễ) được hằng năm chi nửa lương suốt đời.

Vua nghĩ Đình Túc có khó nhọc được việc, già mới nghỉ việc ; Đệ tuy không có công trạng, cũng biết cẩn thận chức vụ, vì ốm xin nghỉ, là bất đắc dĩ, không như người không có tài, chỉ tìm tiện riêng, cho nên đều gia ân để cho đủ nuôi. (Đình Túc đã nghe được lệnh, vì ốm không vào lạy tạ được, chỉ dâng biểu tạ, đợi lệnh ở bộ. Vua xem tờ biểu, giáng Dụ cho về, điều dưỡng nhiều hơn cho được trọn vẹn tuổi trời. Lại sai quan phủ Thừa Thiên thời thường thăm hỏi, khi nào Túc chết, tâu ngay cho biết, đợi Chỉ.

Cấp tiền tuất cho dân lặn xuống nước chết đuối. Lúc bấy giờ có thuyền tải tỉnh Thanh đắm ở cửa biển Hà Tĩnh, phái dân lặn xuống mò, 2 người bị chết đuối, quan thuyền chính cho là cùng là việc công sai, xin lượng cấp tiền tuất (mỗi người 2 quan). Vua y cho. Nhân sai thông sức xét thêm, nếu có 1 - 2 người bất hạnh, cũng theo thể lệ ấy mà cấp, nếu phiếm và ẩn lậu thì phải tội.

Sai Thuỷ sư theo kiểu thuyền "Thanh hương trường độ" đóng ngay 15 chiếc (thuyền dài 39 thước, ngang 5 thước 5 tấc, khoảng giữa sâu 2 thước, chở được 160 phương gạo) vì thuyền ấy nhẹ nhanh, có thể để san tải được.

Vua nghĩ người bỏ của ra được bổ quan, không khỏi quá lạm. Chuẩn cho từ sau phàm nhân việc (như quân cấp quân nhu, mộ dân khai khẩn ruộng, cứu giúp dân bị tai nạn) mà xin bỏ của ra do tự lòng thành thì lâm thời sẽ do quan có trách nhiệm tâu xin thưởng. Còn tất cả những lệ vô cớ quyên tiền được thưởng thì đình chỉ.

Bỏ bớt cửa Đông An ở cung thành, đổi xây bằng gạch, cửa ấy là cửa Đông Nhị ở cung thành, lâu ngày mục nát, bộ Công xin sửa lại. Vua cho là cửa ấy mặt trước có vườn cấm, đằng sau có cửa Tường Loan cùng gần, được tiện ra vào, sai xây thành bằng gạch, nhưng ở phía tả bên ngoài thành làm điếm để tiện cho lính điển hộ đóng giữ.

Sát hạch các viên nhân văn học được dự cử lên, cất nhắc bổ dùng.

Trước đây, vua sai các ấn quan trong ngoài xét cử những người văn học từ tảo, được 28 người đã đến Kinh. Vua ra đầu bài sát hạch. Vũ Như thứ nhất (Tiến sĩ, người Hà Nội), Hoàng Văn Hoè hạng thứ (Đồng tiến sĩ, người Bắc Ninh), Nguyễn Đình Dương (Tiến sĩ, người Sơn Tây), Nguyễn Hữu Chính (Tiến sĩ, người Nghệ An), Nguyễn Hoàn Hoành (Tú tài, người Quảng Nam), Lê Văn Tự (Cử nhân, người Nghệ An), Bùi Quang Oánh (Cử nhân, người Hải Dương), Phan Văn Ái (Phó bảng,

người Bắc Ninh), Đỗ Huy Liêu (Tiến sĩ, người Nam Định) cũng dự hạng thứ, đều gia phẩm trật và thưởng cho có cấp bậc.

(Đốc học Vũ Như thăng thụ Quang lộc Tự khanh ; Tu soạn Hoàng Văn Hoè thăng thụ Thị độc, tức lĩnh Tri phủ, đều thưởng một cái quạt gỗ đàn thơm, 1 đồng tiền vàng "Nhật nguyệt tinh vân", 5 ngọn bút văn chương, 1 thoi mực Long môn, 1 cái nghiên Đoạn khê của bộ Lại ; Tu soạn Nguyễn Đình Dương thăng thụ Thị độc, tức lĩnh Tri phủ; Kiểm thảo Nguyễn Hữu Chính thăng thụ Trước tác ; Tu soạn Phan Văn Ái, Lê Văn Tự đều lĩnh Đồng tri phủ ; Tri huyện Bùi Quang Oánh thăng thự Đồng tri phủ ; học sinh Tú tài Nguyễn Hoàn Hoành nhắc bổ Kiểm thảo, đều thưởng cho mỗi người một cái quạt tre hoa, 1 đồng tiền vàng tía "Nhật nguyệt tinh vân", bút hiệu ấy mỗi người 3 ngọn, nghiên mực mỗi người 1 cái).

Vua bảo rằng : Đấy cũng là tìm người giỏi ở trong đám kém chưa xứng, như thế là ý nghìn vàng [1] mua xương ngựa. Lại đặc cách cho Nguyễn Hoàn Hoành về quê theo như lệ vinh quy, người không dự hạng cũng cho tiền cấp ngựa trạm cho về quê. Có Vũ Kế Xuân là con Vũ Phạm Khải, đặc cách cho 30 lạng bạc tốt, giao cho Kế Xuân đem về), sửa lễ tế cha hắn để tỏ ý không quên bề tôi cũ, còn người cử Hoàng Văn Hoè là quan bộ Lễ ; cử Vũ Như và Lương Tư Thứ (lĩnh Tuần phủ Lạng Sơn) đều được thưởng kỷ lục 2 lần.

Xét án mùa thu năm ấy, các hạng tù 180 tên, xử chém 5 tên, còn thì lưu giam đến phát lưu có cấp bậc (vẫn để trảm giam hậu 82 tên, vẫn để giảo giam hậu 85 tên, phát quân 5 tên, phát lưu 3 tên).

Mùa đông, tháng 10, Thư lại Binh ty là Nguyễn Văn Thừa hút thuốc phiện trộm, bị tuần đinh ty thuế ngờ, đến khám xét. Thừa bèn viện tên Đỏ là thuộc hạ của sứ Pháp đánh bừa, sinh sự (tên Đỏ ở sứ quán nghe tên Thừa gọi, lập tức đang đêm đem bè lũ sang sông xúm lại đánh bừa, tuần đinh bị thương, bèn cùng nhau bắt tên Đỏ đem về trói giữ, đến lúc biết nó là thuộc hạ của sứ Pháp, mới tha nó ra. Sứ Pháp bênh thuộc hạ của hắn, cứ nha Thương bạc bắt thu bạc phạt cho thuế ty 500 đồng, lại bắt quan Thương bạc dẫn các chủ tuần ty đến tạ lỗi, lời nói rất là bất tốn. Quan Thương bạc bất đắc dĩ đều theo như chúng yêu cầu, mới thôi). Vua sai quan phủ Thừa Thiên bắt tên Thừa, xử tội theo quân luật. Lý trưởng Trần Văn Niên cùng bè lũ với tên Thừa cũng phải xử tội lưu, quan phủ, huyện và chánh sứ tuần bên ngoài đều cách lưu.

---

(1) Vua sai người nước Yên đi mua ngựa thiên lý, người ấy đem nghìn vàng đi mua xương ngựa ấy đem về. Vua hỏi, người nước Yên nói mua xương ngựa thì ngựa thiên lý sẽ đến nhiều. Ý nói người tài nhỏ còn trọng thì người tài lớn sẽ đến nhiều. (Truyện *Quách Ngỗi ở Chiến quốc sách*).

Giáng Đề đốc Kinh thành là Nguyễn Nhiêu làm Phó vệ uý Cấm binh. (Vì việc tên Đỏ, tuần phòng cấm trấp bất lực).

Lúc bấy giờ các địa phương lần lượt tâu lên án kiện cuối mùa hạ năm ngoái nhiều hơn quý trước.

Vua hỏi rằng : Giam lâu không xét xử, để đến nỗi phạm đến khí hoà, các quan phủ, tỉnh đều phải nghĩ xử nặng hơn.

Quan bộ Công nghĩ xin phàm những chỗ long trọng nghiêm cấm và sửa sang xây đắp, việc nào rất nặng, sức dân không làm nổi thì mới phái quân lính làm, còn thì đều do phủ Thừa Thiên thuê dân làm việc, để cho quân được thư thả luyện tập. Vua nghe theo. Sau rồi quan phủ Thừa Thiên tâu rằng : Từ trước thuê mượn làm việc, ở ngoài Kinh thành mà thôi. Còn ở trong thành, dân không được dự. Nay lấy dân 6 huyện làm cả công việc nhiều năm để lại, sợ các việc cùng làm, một khi phải làm khẩn cấp, muốn giữ cho không có tệ khác cũng khó.

Vua quở rằng : Việc công thì tìm lời khiếu nại, hình như vì dân, mà thực không vì dân, dân gian chơi không mà làm thuê rất nhiều. Nếu khéo làm việc thì dân được nhờ, khỏi cùng túng lạm pháp, mà công tư đều được việc. Chỉ quan lại phần nhiều làm việc riêng, nên sinh tệ mà thôi. Vả lại binh dân giúp đỡ nhau, binh để giữ nước, từ trước đến nay công việc nhiều, luyện tập ít, bọn ngươi há chả biết ư ? Cho nên muốn bớt công việc để được luyện tập cho thạo, thực là việc cần hiện nay. Bọn ngươi nếu có lòng cần cấp việc công, phải nghĩ, sao được theo lại dịch mà làm rối phép công.

Bố chính Quảng Ngãi là Nguyễn Khoa Luận tâu nói : Quân đội Thuỷ sư thuộc hạt ấy vì nợ trốn đi nhiều, bộ Binh xin sai quan Thuỷ sư đòi bọn đội trưởng, binh đinh xét nguyên uỷ nghĩ xử để trừng trị. Vua nghe theo.

Vua lại cho tệ ấy là thói quen, đều bởi thống chưởng, quản suất không biết xét thương, nên mới như thế. Sau đem tập ấy thông sức, cho đều gia tâm cấm trấp và xét xử.

Vua bảo quan bộ Lại rằng : Quan lại quen thác bệnh để tìm tiện, không có lòng làm việc công, được thanh thản thì mưu tiến, vấp váp thì giữ mình, lòng rất bạc bẽo, sĩ phong như thế, bộ nên sửa đổi, khiến cho đều thích việc nghĩa, chăm việc công. Nhân sai thông sức cho trong ngoài, để cho đều biết sửa mình, không tư vị.

Sai các tỉnh Bắc Kỳ phái người đến Thanh - Nghệ mua vật liệu thuê thợ đóng thuyền, để kịp đi vận tải (vì Bắc Kỳ ít lâm sản).

Giảm binh đinh theo hầu ở Dục Đức đường.

Vua nghĩ hoàng trưởng tử đã quen việc, cho nên giảm bớt lính đi. Lại nghe nói lính hầu đường ấy đều mặc nhung phục, nhân đó bảo rằng : Nhung phục hễ khi

khâm mệnh mới cho, mặc để theo hầu là phải, nếu ngày thường theo hầu cũng mặc nhung phục, thì không phải lễ. Lúc trẫm làm hoàng tử, đâu dám như thế.

Quan bắt giặc tỉnh Thanh Hoá đánh tan bọn giặc ở xứ Làng Bảng (thuộc huyện Man Duy). Lúc bấy giờ bọn giặc thua luôn, Hoàng Tài trúng đạn chết, bọn Vi Anh trốn tan. Quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua đều gia thưởng cho có cấp bậc (Thổ mục là Phạm Bá Ba một chiếc ngân bài, thưởng thăng 2 trật ; Phó lãnh binh Sơn phòng là Nguyễn Văn Niệm, Bang biện là Hồ Tư Cung đều thăng 1 trật, thưởng chung các người đi trận ấy 400 quan tiền).

Lại sai quan tỉnh đốc thúc ngay thừa thế thắng trận đuổi đánh, cho hết mầm mống giặc.

Phái viên tỉnh Quảng Yên là Phan Liêm (đi khám các mỏ) đem phép thí nghiệm than mỏ trình viện Cơ mật. (Đại khái nói : Sách Tây có nói than mỏ có 2 loại, một là than rắn, một là than mềm, than mềm tức là than nhiều khói, chất giống với cỏ cây, lúc đốt thì khí chất chóng tan, khói lửa rất nhiều, nếu không thông hơi mà nung thì thanh khối khô. Than rắn ở dưới đất đã chịu lửa nóng mà khí trong chất gần tan, cho nên đốt mà không có ngọn lửa và không có khói, có thể phát ra lửa nóng, không cần phải có ngọn lửa và có khói.

Một hạt Quảng Yên có nhiều than mỏ, mà mặt trên hơi khô, hơi sâu xuống thì mềm, sâu mãi có rắn hay không thì chưa biết. Nhưng đào xuống sâu thì nước suối phun lên, phải dùng máy hút nước mới có thể lấy được. Mỏ trong Hà Lầm là chỗ nhiều than nhất, chất than cũng tốt, nhưng mặt khô, khô thì ít dầu, dầu ít thì hơi ít, tàu thuỷ, máy nặng sức khoẻ chưa dùng được. Duy ở phương Tây không cứ than mỏ nào đều dùng được cả, không phải chỉ dùng để chạy tàu thuỷ, cũng có thể đem dùng vào việc khác.

Mỏ Nông Sơn ở Quảng Nam than cũng tốt, nhưng người nước Thanh chưa biết khai để lấy, nên có than và đá lẫn lộn khó dùng. Lại thấy nước ấy lấy than ở núi ngoài thuần chất hoá nhỏ, hoà với dầu phơi khô đóng thành bánh.

Lại nói : Than mỏ khô mà lò lửa tàu thuỷ của nước Pháp phải than có chất dầu mới có thể dùng được, nên hoà với dầu phơi khô để giúp sức mạnh. Xét kỹ dầu ấy là dầu cây thông, nhưng có đem theo một khí vị dầu "mặc quang" xem khi tàu thuỷ nước ấy đốt máy cho chạy, miệng ống khói có nhiều khói đen bay ra, tưởng là than hoà với dầu phơi khô. Nước ta có nhiều thứ dầu ấy, nên lấy vài tạ dầu cây thông và dầu mặc quang, một nửa dùng một mình than hoà dầu phơi khô đóng thành bánh, một nửa hoà với dầu mặc quang luyện đóng thành bánh, dùng thử hoặc có thể bổ ích đôi chút).

Quan viện Cơ mật tâu xin đợi lấy được sẽ giao cho tàu thuỷ theo phép thí nghiệm.

Bộ Công tâu nói : Hằng năm kính sửa cung điện, nhà cửa và sửa chữa tàu thuyền, phải dùng đến gỗ, đều giao cho các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Bình Định, Khánh Hoà, Bình Thuận mua nộp. Trong đó các thứ khuôn cửa, ngưỡng cửa, mè dui, đều là tấm mỏng, dù có vết hay cong, đều có thể hà tiện lấy mà dùng, nếu chiểu theo như trước làm việc, bắt phải chặt hay mua từng cây, từng phiến để tải nộp, không những chặt đẵn khó, vận tải nặng, mà đến lúc dùng còn phải cưa cắt, lại là phiền phí. Từ nay xin cứ theo từng hạng chiểu tính thước tấc bề mặt dày bao nhiêu, giao cho theo thế mà làm, để được giản tiện.

Vua bảo rằng : Như thế có thể bớt nhọc tốn mà dễ đủ, bớt được phần nào thì dân được nhờ phần ấy, quan có trách nhiệm thường để tâm vào việc ấy mới được.

Tỉnh Quảng Nam bị nạn bão.

Mùa thu năm ấy, lúa ruộng tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi được mùa, còn các tỉnh khác có bị tai hại thì thuế ruộng đều chiểu hạng tha giảm có thứ bậc.

Tha thuế bạc thiếu nhiều năm cho 2 phủ Trấn Ninh, Trấn Biên và bạn Yên Sơn, phủ Trấn Tĩnh, tỉnh Nghệ An, hơn 5.307 lạng 5 đồng cân, vì bị chiến tranh và bệnh dịch).

Sai Tả thị lang bộ Lễ là Trần Thúc Nhận đi Gia Định. Lúc bấy giờ, sứ nước Pháp đóng ở Kinh là Lê Na tư vị cố chấp ngang ngược (như việc bênh vực tên Đỏ). Triều đình lo tướng Pháp thiên vị nghe lời nói của hắn, có khi hại đến lòng tốt, bèn phái người đi tặng đồ vật hỏi thăm, nhân nói đến việc thực cho tướng ấy biết. Vừa gặp tướng Pháp đưa thư nói : Đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc ngăn trở việc thông thương, sai Thúc Nhận cùng đi để tranh luận cho khúc chiết.

Chuẩn cho từ nay, các công tử, công tôn học ở Quốc tử giám đủ 3 năm mà tuổi 25 trở lên, trong đó người nào thực có học hành tình nguyện đi làm việc quan, thì do Quốc tử giám xét thực, tư giao bộ Lễ xét đích thực hội đồng làm tờ tâu chuyển tư bộ Lại chiểu hạng xét bổ, cho được kịp thời hết sức làm việc. (Lệ trước phải học đủ 6 năm, mới được xét bổ).

Dỡ bỏ hàng rào gỗ ở sông Hy Hải và sông Phổ Lợi. Hải phòng sứ là bọn Trần Tiễn Thành tâu nói : Hai xứ ấy, hàng rào gỗ lâu ngày phần nhiều mẻ gãy, mà sông Phổ Lợi đằng trước có Cáp Châu, đằng sau có đồn Phổ Lợi, đường sông lại có hàng rào gỗ ở Lộ Châu, đủ giúp việc phòng bị, xin dỡ bỏ đi, cho khỏi trôi mất hư phí. Vua nghe theo.

Sai tỉnh Quảng Yên trao trả tù nước Thanh cho châu Ninh Minh.

Lúc bấy giờ, Quản đồn đồn Định Lập là Vi Quảng Trung đánh bắt được 2 tên giặc người nước Thanh, viên châu Ninh Minh tư nói : Giặc ấy là 2 họ Tô và Lân ở

châu ấy mưu làm trái phép, xin giao trả để kết án. Quan tỉnh đem việc tâu lên, cho nên vua sai giao trả.

Vua nghĩ nạn bão ở Bắc Kỳ tuy có chỗ nặng, chỗ nhẹ khác nhau, đều là tổn hại. Bèn sai bộ Hộ sức ngay để hỏi. Lại sai hỏi hai tỉnh Hà Nội, Hải Dương, nhà cửa thuyền bè của quan Tây và người buôn bán nước Tây, nước Thanh, nạn bão lần ấy đổ đắm nhiều hay ít, có chẩn cấp hay không ? (Sau tâu nói : Hiện nay nhà cửa thuyền bè đều đã tìm thấy, sửa chữa lại, chẩn cấp cứu giúp, lương thực của dân đều được hơi thư.

Bọn giặc họ Lục, họ Đàm lại chiếm cứ hồ Ba Bể. Quan quân thứ Tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm tâu nói : Bọn giặc ấy nương tựa vào núi và biển mà binh phu thuốc đạn còn thiếu, chưa thể hẹn ngày thu được thành công, xin lùi hạn đến tháng 3 năm sau dẹp yên.

Vua cho là bọn Tá Viêm thường thường khất lần, xuống Dụ quở trách, cho tạm hạn đến sang năm, nếu không dẹp yên, sẽ nghị tội nghiêm ngặt.

Sai quan tỉnh Hà Nội giải 3.000 đồng bạc Tây giao cho quân thứ Thái Nguyên chi cấp, cho việc vận tải được thư.

Phái viên nước Pháp đi xem các mỏ ở Quảng Nam và Bắc Kỳ. (Về sau lại từng đến Quảng Yên, Mỹ Đức, ý muốn đi thẳng lên Tuyên - Hưng - Thái - Lạng và thượng du tỉnh Sơn, tỉnh Bắc. Quan tỉnh Tuyên nói là có giặc ngăn trở. Quan viện Cơ mật và Thương bạc xin cho quan 2 tỉnh Hải Dương, Hà Nội đem sự thực thương thuyết với viên ấy, có khi ngăn được việc đi. Vua nghe theo.

Tha thuế quan tấn cho các tỉnh bị nạn bão ở Bắc Kỳ (Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên, Bắc Ninh, Sơn Tây), (từ ngày 16 tháng 8 trở về sau) 2 phần 10.

Bãi bỏ lính đội Lạc Hoá, phủ Lý Nhân (thuộc Hà Nội). Tiên tổ nước ấy trước là 2 đội Chiêm Hậu, Xiêm Hậu (đều người Man) tài bắn súng, bắn nỏ. Trước khi dẹp yên cả nước, chúng hết sức theo việc nghĩa, sau để đóng ở Bắc Thành. Khoảng năm Gia Long phái đến trấn Sơn Nam. Khoảng năm Minh Mệnh đổi tên đội thuộc vào trấn ấy, sau trấn đổi làm phủ, vẫn theo phủ sai phái. Đến nay con cháu không có nghề bắn giỏi, mà vỡ đất lập phường, cùng với người Kinh không khác, bèn bỏ đi, cho vào sổ đinh chịu sưu thuế ở phường Quy Lưu. (Năm Minh Mệnh thứ 20, đội Man ấy có đơn xin trưng 20 mẫu đất lậu. Năm Tự Đức thứ 3, chuẩn cho đặt là phường Quy Lưu).

Giặc trốn nước Thanh là bọn Lý Á Sinh lại tụ tập ở Na Lương, Vân Đồn, định quấy rối phủ Lạng Giang.

Quan tỉnh Bắc Ninh phái Lãnh binh Trần Xuân Soạn đem quân được luyện tập đi đánh.

Sai tỉnh Quảng Yên giao trả tù binh người nước Thanh cho Khâm Châu.

Trước đây, quân phủ Hải Ninh đánh giặc ở phận biển Đông Chàng, bắt được tướng giặc là Bàng Tín Sỹ, Dương Hoa Xuân. Châu Khâm nhà Thanh tư xin giao trả để kết án. Việc ấy tâu lên. Vua bèn sai quan tỉnh ấy đem bọn Tín Sỹ tra lấy khẩu cung. Đến nay cung nhận đích xác. Sai đưa về giết ở Khâm Châu.

Cấp thêm tiền lương cho các thương biện, tham biện viện Cơ mật và nha Thương bạc (mỗi người 200 quan), còn thuộc viên đều thêm gấp rưỡi lương. Những khoản giáng phạt, đều không phải khấu trừ.

Thưởng thụ phẩm hàm cho 19 suất đội theo quân thứ là bọn Hoàng Tái có cấp bậc. Bọn Tái đi theo quân thứ lâu ngày đều là khó nhọc. Bộ Binh nghĩ xin thăng thưởng để khuyến khích. Vua nghe theo. Nhân bảo rằng : Loại quân thứ ấy không nên quên.

Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Văn Thận dâng sớ xin kinh lý ruộng bỏ hoang ở Khoái Châu, Ân Thi.

Vua bảo rằng : Ngươi nên gia tâm trông coi cả, để xem thành hiệu. Nếu hư phí không thành công, cứ trách cứ ở người.

Đổi định quân thứ Ngãi - Định làm Sơn phòng Ngãi - Định.

Bộ Lễ làm danh sách đem số học trò trúng khảo khoá ở Kinh và các tỉnh ngoài dâng lên.

Vua dụ rằng : Tuy liệu định số trúng cho khỏi tệ lấy rộng quá, mà giảng dạy ngày càng rộng, học trò ngày càng giỏi, há phải là khắc nghiệt đâu, nên đều sức cho biết, thế thì đặt nhiều chức dạy học làm gì. Lại nghĩ, 2 tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn chưa có học trò đi khảo khoá, quan tỉnh không biết dạy bảo, nên mới thế. Cũng sai sức quở.

Chuẩn cho giảm bớt văn thư của bộ Hộ.

(1. Số mua vào bán ra ở các tỉnh bao nhiêu và số tiền gạo trích giải với nhau, mỗi năm 2 lần làm tờ tâu lên.

2. Cục Thông bảo đúc tiền, cứ đến cuối năm tâu cả một lần. Nhà buôn nộp hàng cho giá bao nhiêu, xin đến tỉnh khác đối giá để lĩnh, đều do bộ xét tư, cấp giấy cho đi lĩnh, cũng đến cuối năm làm tờ tâu.

3. Các tỉnh mua hàng tăng giá đến 4 thành trở lên, mới làm tờ tâu xin Chỉ lục sức cho tuân hành. Còn ngoài ra, đều do bộ chiểu lệ tư cho. Tỉnh nào giá gạo hơn lên hay giảm xuống đến 1 quan tiền trở lên, mới làm tờ tâu đệ lên, còn thì thôi.

4. Các tỉnh mua hàng theo đơn của bộ không đủ, đến chỗ gần tư cho phủ Thừa Thiên mua để nộp. Hoặc mua ở đấy không đủ, chuyển giao tỉnh khác mua, do bộ tư đi mà làm, không phải tâu).

Tháng 11, ngày mồng 1, tiết Đông chí. Vua cho miễn lễ triều tham. Lúc bấy giờ đình thần đem việc Bắc Kỳ bị nạn bão, tâu xin đình việc ban yến. Vua nghe theo, nhân miễn cả lễ ấy. (Tiết Đông chí năm ấy, lịch ta nói ngày mồng 1 là ngày Kỷ Sửu vào đầu giờ Tý 3 khắc 4 phân, mà lịch nước Thanh nói ngày mồng 2 là ngày Canh Dần vào giữa giờ Tý 2 khắc 1 phân). Vua cho hỏi Khâm thiên giám, quan ở Khâm thiên giám tâu cũng không được rõ. Vua bảo rằng : Việc quan hệ đến tiết hậu điển lễ, chuyên giữ chức phận ở chỗ nào ? Sai bộ Lễ xét nghĩ, quan ở Giám đều phải giáng.

Sắc cho quan quân thứ Tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm đem ngay quân đã luyện tập các đạo đến ngay sào huyệt giặc ở Tam Hải để vây đánh. Vua cho là giặc ấy đã thua to, mà binh, dõng, đoàn luyện đều đã họp đông, cho nên có mệnh lệnh ấy.

Tỉnh Nam Định mưa dầm, hại việc cấy.

Sắc cho các quan cử người có tài võ.

Vua bảo rằng : Ban văn, ban võ không thể bỏ bên nào, từ trước đến nay, thi võ cũng là theo lệ lấy đỗ chưa thấy có người nào tài cán khác thường. Nay sai bộ Binh và văn võ ấn quan trong Kinh, các tỉnh ngoài xét kỹ, không cứ đã làm quan hay chưa (từ quản suất đến binh dân), hoặc sức khoẻ hơn người, võ nghệ giỏi khoẻ, có thể địch được nhiều người, hoặc am hiểu 18 thứ binh khí, phép nào nghề nào rất giỏi, không ai địch nổi, hoặc phép bắn rất giỏi (như bắn súng điểu thương, cung tên, súng to, vốn học được phép bắn, bắn thường trúng cả), hoặc tinh thông binh thư, binh pháp có thể thi thố thực dụng được, hoặc rất biết kỹ thuật, có thể ngăn được thuyền, chế được súng, đương nổi trách nhiệm phòng thủ, nếu có được một điều, cũng cho chỉ thực bảo cử, liệu cấp cho lộ phí về Kinh để tháng 4 sang năm sát hạch cho làm việc.

Sai quan tỉnh Sơn Tây, Hà Nội cùng quan đạo Mỹ Đức hội lại cùng bắt bọn giặc là tên Lâu, tên Trữ và cứu giúp dân lưu tán ở Hà Nội. Lúc bấy giờ, Cao Hữu Sung (Bố chính) từ Hà Nội về Kinh vào chầu. Vua hỏi : Tình trạng gần đây của dân bị tai nạn trong hạt và tình hình đã trông thấy.

Hữu Sung dâng sớ đại khái nói : Việc ăn dùng của dân trong hạt chưa đến nỗi ngặt nghèo lắm. Duy dân ở trên cạn thì khổ vì gia sản tổn hại, dân ở mặt nước thì khổ vì thuyền bè đắm vỡ. Hiện nay giá vật liệu đắt, sửa chữa trăm phần ước được một vài phần mà thôi.

Vua hỏi tình trạng như thế, làm thế nào cho dân khỏi xiêu tán và chết đường.

Hữu Sung lại tâu : Các hạt tiếp giáp Hà Nội là Mỹ Lương, Đan Phượng, Chương Đức, Thanh Oai, gần đây có một bọn (tức là bọn tên Lâu) tụ họp làm bậy mà tỉnh phố Hà Nội có nhiều đứa hào mục khoẻ mạnh, nhân bị tai nạn mà đến trú ngụ, nếu không xử trí trước thì lầm mà theo, không khỏi sau này thành đám giặc to. Xin cho quan các tỉnh, đạo uỷ phái người hội lại cùng bắt bọn ấy. Và gọi dân xiêu về tìm cách giúp đỡ, không để cho mất chỗ ăn ở, thì phát chẩn cứu giúp tưởng dễ được việc mà dân bị tai nạn có thể chóng được sống lại. Vua nghe theo.

Sắc cho Thống đốc Tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm xử trí đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc. Trước đây, việc ngăn trở thông thương, quan tỉnh Hải Dương, Hà Nội biện thuyết với Lãnh sự nước Pháp, mà thư trả lời trước sau khác nhau. Đến nay, sứ nước Pháp đến nói với quan Thương bạc rằng : Thư của tướng Pháp nói đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc trái lời ước, ngăn trở việc thông thương, yêu cầu nước ta đuổi quân Lưu Vĩnh Phúc đi mới ổn, không thì xin đến mồng 1 tháng giêng Tây, nước ấy tất có xử trí.

Quan viện Cơ mật và nha Thương bạc cho là đã thương thuyết nhiều lần, tưởng hắn sẽ không chịu thôi, nếu ta không xử trí làm sớm, sợ lại quan ngại về sau. Xin sai Hoàng Tá Viêm chiểu hiện tình phải xử trí ngay. (Cần để cho đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc dời đến ở hồ Ba Bể, hoặc chỗ khác, cũng không ngoài địa phương Lạng - Bằng - Tuyên - Thái phải di cư ngay, khỏi sinh điều tiếng). Vua nghe theo.

Định lại lệ thưởng phạt các quan coi việc học.

Từ nay về sau, các quan học thần trong Kinh và tỉnh ngoài, sĩ số trong hạt từ 50 người trở xuống, nếu có 1 người đỗ phó bảng, thì những viên giáo thụ, huấn đạo tại chức đã đủ 3 năm được thưởng thăng 1 cấp, có 1 người đỗ tiến sĩ, thì được thưởng 1 cấp và kỷ lục 1 lần. Hạt nào sĩ số 60 tên đến 100 tên có 1 người đỗ phó bảng, thì giáo, huấn được thưởng kỷ lục 3 lần ; có 1 người đỗ tiến sĩ, thì giáo, huấn được thưởng 1 cấp. Sĩ số từ 100 đến 200 - 300 tên trở lên, có 1 người đỗ phó bảng, thì giáo, huấn được thưởng kỷ lục 2 lần, có 1 người đỗ tiến sĩ thì giáo, huấn được thưởng kỷ lục 3 lần. Các viên tế tửu, tư nghiệp, đốc học đều tính suốt sĩ số trong hạt trên dưới 100 tên, có 1 người đỗ phó bảng thì được thưởng kỷ lục 3 lần, có 1 người đỗ tiến sĩ thì được thưởng 1 cấp. Sĩ số từ 200 đến 400 - 500 tên, có 1 người đỗ phó bảng, thì được thưởng kỷ lục 2 lần, có 1 người đỗ tiến sĩ thì được thưởng kỷ lục 3 lần. Sĩ số từ 600 đến 1.000 tên trở lên, có 1 người đỗ phó bảng, thì được thưởng kỷ lục 1 lần, có 1 người đỗ tiến sĩ, thì được thưởng kỷ lục 2 lần. Các cách thưởng trên đây đều cứ mỗi 1 người thưởng thêm 1 bậc, có nhiều người đỗ theo thứ tự mà thưởng thêm dần. Nếu viên nào tại chức chỉ được 1 - 2 năm, thì cấp kỷ đáng được gia thưởng, chia từng thành mà rút thưởng đi. Còn như thi Hội không ai đỗ tiến sĩ, phó bảng, hạt nào kỳ thi Hương đã bị xử phạt, thì tha cho không phải xử phân nữa.

Hạt nào đã được miễn nghị và trong dự thưởng mà kỳ thi Hội không ai dự đỗ thì vẫn chiếu theo lệ cũ : Giáo, huấn cùng thượng ty học chính tại chức 1 năm, thì phạt lương 3 tháng, tại chức 1 năm rưỡi, thì phạt lương 6 tháng, tại chức 2 năm thì phạt lương 9 tháng, tại chức 3 năm thì phạt lương 1 năm. Trong đó, hạt này tuy có người đỗ, mà xét ra không có học ở các quan học chính ấy, thì vẫn chiếu lệ nghị xử. Nếu hạt này tuy không có người dự đỗ, mà học trò hạt khác đến học có dự đỗ thì cũng được chiếu lệ bàn thưởng.

Sai quan tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn dự chở lương quân đến các quân thứ thượng du. Lúc bấy giờ nghe nói thống lĩnh nước Thanh là Hoàng Quế Lan đem 2 đạo Tiền quân, Hữu quân tiến đến các xứ Nà Hựu, Chu Bố, Bản Hoài, Lũng Nham đánh giặc giúp, cho nên sai 2 tỉnh ấy bắt phu chở lương cốt để tiếp tế. (Rồi thì quân nước Thanh tiến đến đóng ở Thái Nguyên. Quan tỉnh Cao Bằng tâu là đường xa vận tải khó. Vua lại sai tỉnh Thái Nguyên chở lương giúp).

Vua lại cho là hiện nay quân được luyện tập tập hợp đã nhiều (giáp giới Bắc Ninh, Lạng Sơn có Ngô Phượng Điển và quân bắt giặc giáp giới Thái Nguyên, Cao Bằng, có Hoàng Thủ Trung cùng các tỉnh biên giới đều phái quân đến tiếp ứng), đặc cách sai Phó sứ Tĩnh biên là Trương Quang Đản đến ngay để đốc suất, cùng với quân nước Thanh hội lại đánh giặc. Nguyễn Hữu Độ hiện đóng ở quân thứ Tuyên Quang cũng sai liệu tiến đến đóng để đốc suất, để giúp cho cùng được việc. (Lúc bấy giờ đầu mục giặc là Mã Ngọc Bá ra thú, sai Trương Quang Đản thưởng cho tiền bạc để khuyến khích. Lại tháng trước quan nước Thanh là Hầu Miễn Trung đánh lấy lại được xứ Chu Bố, vua cũng sai Trương Quang Đản xét kỹ thưởng cho và uý lạo để cho yên lòng).

Chuẩn định lệ xét cử những người biết thiên văn, địa lý, làm thuốc, bói toán và xem tướng.

Vua dụ rằng : Các nghề thiên văn, địa lý, làm thuốc, xem bói, xem tướng, có giúp cho thực dụng, không giống như loài phù lục quái gở mê hoặc. Đời xưa có quan chuyên làm nghề ấy mà nghề đều tinh, thế mà nay nhiều lần tìm hỏi, lặng ngắt không trả lời, đó là quan địa phương không theo lời chiếu, há phải thiên hạ rộng như thế, đều không có người nào ư ? Đặc cách sai các thượng ty trong Kinh, các tỉnh ngoài nếu biết rõ có các hạng người ấy, quả là tài giỏi, cho đều đem tên cử lên, cấp cho lộ phí giao bộ Lễ tâu xin xét thực bổ dùng, lấy năm sau là năm Nhâm Ngọ bắt đầu thi hành, sau cứ 3 năm 1 khoá, lấy tháng 8 làm kỳ hội xét, định làm lệ mãi mãi.

Tả tham tri bộ Hình là Lê Đình Tuấn (Cử nhân, người Thừa Thiên) chết.

Vua nghe tin bảo rằng : Tuấn từng trải làm quan đã lâu, siêng năng cẩn thận, không thay đổi, vội mất đi, đáng tiếc, đặc cách cho thêm 30 quan tiền, cùng các thứ the lụa.

Sai các tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên chia từng thành đóng đền thuyền vận tải.

Lúc bấy giờ quan tỉnh Nghệ An là Trần Văn Chuẩn dâng sớ xin hoãn việc đóng thuyền vận tải. Đình thần cho là : Chi dùng trong nước trông vào gạo ở Bắc Kỳ mà vận tải không gì tiện bằng thuyền chở. Vả lại, quan nước Thanh vận tải giúp cũng là tuỳ tiện nhất thời, há nên năm ấy năm khác nương nhờ, nếu không có thuyền vận tải, không có cách gì khác. Xin châm chước chiểu các tỉnh nguyên trước có ngạch thuyền vận tải chia làm 3 năm, mỗi năm sức đóng phải đủ 1 thành (xã nào có vật lực thì xuất của ra hoặc góp vốn, không có vật lực thì cả xã theo lệ làm giấy lĩnh tiền công), ngõ hầu dễ bảo thúc các địa phương, mà ngạch thuyền may được thường đủ.

Vua nghe theo, chuẩn cho lấy năm sau làm bắt đầu.

Cho Vệ uý vệ Loan giá là Tôn Thất Côn thăng thụ Chưởng vệ, lĩnh chức Kinh thành Đề đốc.

Phó đề đốc quân thứ Thái Nguyên là Lưu Vĩnh Phúc xin về Khâm Châu thăm mồ mả. Vua y cho.

Vua cho là hiện nay quan võ thiếu người, sai thống chưởng ban võ, nếu có biết được chánh, phó vệ uý các vệ và lãnh binh, người nào khoẻ mạnh giỏi giang, thông hiểu việc quân, người đều tin phục thì cho đều chỉ tên bầu cử để bổ dụng.

Hoãn ngạch lính thiếu phải đền cho tỉnh Quảng Ngãi (vì năm trước có bệnh dịch, dân bị điêu háo).

Tha thuế cho 2 tổng Côn Lôn, Vĩnh Yên, tỉnh Tuyên Quang (vì có chiến tranh và mất mùa).

Cho thự Thượng thư bộ Binh là Lê Hữu Tá đổi bổ thự bộ Công, nguyên Hiệp đốc là Tôn Thất Thuyết thự Thượng thư bộ Binh.

Tỉnh Nam Định có Suất đội là Nguyễn Đình Kế vì bóc lột sách nhiễu quân lính, phải tội trảm quyết, nhưng lưu đợi xét. Quản cơ là Lã Văn Bình im lặng không phát giác ra cùng bị cách.

Vua bảo rằng : Bọn ấy không thương tình quân lính. Các Chưởng quản cũng không cấm trấp hặc tội tâu lên, nên quân lính phần nhiều thiếu và yếu ớt, thực là thiếu chức vụ. Sai bộ Hình đem việc ấy thông sức cho các trại quân trong Kinh cho đều yết thị ở doanh trại, ngày ngày trông xem mà răn chừa cho hết mối tệ.

Sai Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật xét lại sách *Việt sử cương mục*. Thận Duật nghĩ Vũ Như là người tài học rộng nhã, vả lại Hà Nội là Kinh đô cũ của đời Lý, Trần, Lê, Vũ Như sinh trưởng ở đấy, biết nhiều điển cũ lại sung làm việc ở Nội các, tiện việc tra xét, xin cho kiểm duyệt. Vua y cho.

Sai quan phủ Thừa Thiên và quan các tỉnh Trị, Bình, Nam, Ngãi, Bình Định, đều chiểu các phủ, huyện, tổng lý và các tỉnh lại chuyên làm việc ấy để thiếu ngạch lính thuộc hạt mình đều đem cách chức lưu dụng ngay, cho hạn (2 tháng) bắt phải điền đủ số lính thiếu.

Lúc bấy giờ, các hạng biền binh thuỷ bộ ở Kinh thiếu ngạch rất nhiều, trừ vệ Tả dinh Long võ ra, hiện thiếu 5.048 tên. Bộ đã giục giải mà lại dịch ở tỉnh hoặc bỏ bễ công văn của bộ, hoặc riêng cho hoãn lại. Địa phương cũng không nghiêm sức. Quan khoa đạo đem việc tâu lên rất nhiều. Vua cho là lỗi ở bộ Binh. Bấy giờ, bộ Binh tâu rằng : Lòng người trễ nải, không hạn ngặt phải điền, thì ngày càng thiếu thêm, sợ đến không thành đội ngũ. Xin theo nghĩ định chiểu cho gần đây (lính vệ Tả dinh Long võ thiếu, đều chiểu các phủ, huyện, tổng lý thuộc hạt đem cách chức trước, hẹn trong một tháng điền cho đủ, vẫn cho làm việc như cũ) mà thi hành, nhưng hạn cho 2 tháng điền đủ, vẫn cho làm việc như cũ. Nếu không xong, đều cách bãi, cho mọi người biết sợ mà cố gắng, thì ngạch lính tuyển có thể đủ được. Vua nghe theo.

Quan viện Cơ mật và Thương bạc đem công việc vâng phái sang Tây dâng lên.

Vua bảo rằng : Nguyễn Trọng Hợp có học thức, thi văn cũng hay và có tiết tháo, có quyết đoán, từ trước trẫm chưa biết, nay tiếc là muộn rồi. Nay nếu phái cho đi, đã thoả lòng ngày thường của viên ấy, ngõ hầu có ích cho nước. (Trọng Hợp trước có sớ xin đi Tây). Bèn sai Trọng Hợp sung chức Chánh phái ; Nguyễn Thành Ý làm Phó ; Vũ Ngọc Tuân, Phạm Như Xương làm Tham biện. Rồi lại vì nhiều việc không quả quyết đi.

Ban sâm, quế, bạc, the cho mẹ các quan Tổng đốc Hà - Ninh là Hoàng Diệu ; thự Tham tri bộ Binh là Hà Văn Quan ; Hộ đốc Bình - Phú là Nguyễn Hiệp ; sung biện Các vụ Vũ Như, đều có cấp bậc. Nhân thế dụ cho biết ý vua thể tất các bề tôi và trọng tuổi già. Lại sai 2 bộ Lại, Binh xét hỏi các quan văn, võ ấn quan trong ngoài, không cứ còn sống hay đã chết, mà còn có cha mẹ, thì kê tâu lên, vua đều ban ân cho :

(Cha mẹ các quan nhất, nhị, tam phẩm đều thưởng cho mỗi người 30 lạng bạc, 2 tấm the, 3 tấm lụa ; cha mẹ ấn quan tứ, ngũ phẩm mỗi người 20 lạng bạc, 1 tấm the, 2 tấm lụa. Lại ban thêm cho cha mẹ Tôn Thất Thuyết mỗi người 5 chi sâm, 5 thanh quế).

Tháng 12, Thống lĩnh nước Thanh là Hoàng Quế Lan đến tỉnh Cao Bằng. (Lúc bấy giờ giặc trốn nước Thanh trốn sang còn nhiều, Quế Lan sang hội với ta để cùng đánh giặc ấy).

Sai các phủ, huyện đặt nghĩa thương, đem tiền thóc ở nghĩa thương các xã về chứa cả ở đấy, để phòng cứu giúp khi mất mùa. Lại chọn tú tài hay bách hộ trong hạt mỗi huyện một người, cùng với nha lại coi giữ kho, để cùng ràng buộc lẫn nhau.

Định lại niên hạn đóng giữ bờ biển của dinh Thần cơ. Trước đấy, phái bắt linh tinh, không phái cả 1 vệ hay 1 đội, đến khi có việc, gọi đi không được nhanh chóng. Đến nay lần lượt phái 4 vệ tả, hữu, tiền, hậu (mỗi năm 2 vệ), mỗi năm thay đổi một lần, hết lượt lại bắt đầu.

Nước Y Pha Nho dâng tặng vua kim khánh (hạng nhất) và gửi tặng kim khánh cho các đại thần.

Quan viện Cơ mật là Trần Tiễn Thành và Thương bạc Nguyễn Văn Tường, Toàn quyền định ước là Đỗ Đệ mỗi người 1 kim khánh hạng nhì ; quản lý Thương chính Phạm Phú Thứ, Phó toàn quyền là Hoàng Diệu mỗi người 1 kim khánh hạng 3. Vì năm trước định hiệp ước, nước ta có đồ vật tặng nước ấy, nên họ tặng lại).

Bắt đầu đặt thị trường Bổng Khế ở tỉnh Bình Thuận. (Tỉnh ấy trước có chợ Giang Mâu, đường xa, nay chuẩn cho đặt thêm chợ ấy để tiện cho dân Man đi lại đổi chác mua bán, đồng niên tiền thuế 664 quan).

Quan Khoa đạo là Lê Đĩnh từ Hương Cảng về. (Trước cùng với bọn Phạm Bính, Hà Văn Quan đi Hương Cảng). Vua sắc hỏi rằng ngươi ở Hương Cảng có nghe biết sự gì ? Và họ có nói gì đến việc nước ta không ?

Đĩnh tâu rằng : Người nước Anh đặt quan làm việc, tự có trình hạn, lớn nhỏ đều có chuyên trách. Quân lính thì chọn những người khoẻ mạnh, ngày càng huấn luyện thêm về phép đánh trận, phép bắn súng và chia phái đi tuần phòng. Còn hết thảy công việc do quan thuê người làm, không bắt lính làm.

Lại nói : Các nước Thái Tây giàu mạnh, không ngoài việc buôn và việc quân mà thôi, lấy sức lực tàu binh để bảo vệ tàu buôn, tất phải trước hết lấy thuế tàu buôn để nuôi tàu binh, cho nên chỉnh đốn việc thông thương rất nhanh. Gần đây, nước Nhật Bản theo gót Thái Tây, thông thương khắp nơi, nước Thanh cũng bắt chước mà làm, (ở Hương Cảng thì đặt cục Chiêu thương đóng tàu thuỷ vận tải khách và hàng hoá. Lại xướng suất đặt công ty Triệu Hưng, đi sang nước Anh buôn bán, để làm cớ mở mang việc buôn, lại còn chọn thanh niên tuấn tú đi các nước học tập kỹ nghệ, hoặc đón thầy về các nước dạy bảo. Hiện nay các nghề làm súng, đóng tàu cho đến bao diêm, đá lửa lần lượt làm được cả) dần được cường thịnh. Hoặc khen nước ta vật sản vốn phong phú (như mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ than) người phần nhiều thông minh, nếu biết cố gắng làm việc thì dân giàu nước mạnh tự khắc chẳng khó. Duy chỉ văn thư rất phiền phức, làm việc phần nhiều câu nệ trở ngại mà thôi.

Quan Khoa đạo phái ra Bắc Kỳ là Phan Đình Phùng về tâu nói : Tuần phủ Bắc Ninh là Nguyễn Huy Kỷ lòng thiên về Phật giáo ; Tuần phủ Quảng Yên là Trần Văn Tuy say rượu cả ngày, phàm công việc 2 tỉnh ấy đều do bố chính, án sát nghĩ làm cả.

Quan Khoa đạo là Ngô Đôn, Vũ Hữu Liễn lại nói : Huy Kỷ là người dễ dàng, gần gụi với dân, mà đối với lại dịch gian giảo lại càng ức chế mạnh, từ trước đến giờ lại sợ, dân yên, hoặc có kẻ khen là Phật sống. Vua sai giao cả cho đình thần xét. Đình thần tâu nói : Huy Kỷ đã lòng thiên về Phật giáo, thì việc cùng người phương tiện, đối với gian lại, cường hào, đâu có ức chế mạnh, Ngô Đôn là dân trong hạt của Huy Kỷ, Vũ Hữu Liễn là thuộc hạ cũ của Huy Kỷ, tiếng khen Kỷ là Phật sống chưa chắc đã thật, nhưng chưa nghe có dấu tích gì kém, xin nên lưu nhiệm ; Trần Văn Tuy tính cũ không chừa, để ở lâu chỗ biên giới, sợ lúc hoãn có ngại, xin rút về chọn bổ chức ở Kinh, mà lấy Hoàng Vỹ (Phủ doãn Thừa Thiên) để thay Tuy. Vua nghe theo, nhưng nghiêm dụ Huy Kỷ hết lòng làm việc, không được đam mê như trước.

Tỉnh Nam Định có Suất đội Nguyễn Xuân Cung mạo đem tiền công tải nộp mua gạo bán lấy lãi, nói dối là gặp bão vất bớt tiền đi. Việc phát ra đã đền xong. Quan tỉnh ấy viện lệ chủ thủ đền xong xử tội giáng chức đổi đi nơi khác. Vua ghét là tham lam dối trá cách chức.

Dân An Châu (thuộc Hưng Hoá) là Lô Văn Nhâm vì anh là Văn Ngô tự tiện chiếm hết gia sản, lại đánh mắng thêm, bèn trốn sang Mộc Châu dụ bọn người Mèo về. Văn Ngô kháng cự rồi bị giết chết. Việc ấy tâu lên. Vua cho là Văn Nhâm mưu giết cả anh nó, hại luân thường quá lắm, đáng lẽ phải xử tội cực hình (lăng trì) nhưng Văn Ngô tham lam, tàn nhẫn tự chuốc lấy cái chết thì tội của Văn Nhâm cũng có duyên cớ, tạm cho đem chém.

Thưởng cho quan quân binh dõng ở Sơn phòng tỉnh Thanh Hoá 400 quan tiền (vì gần đến ngày Tết, các quân thứ biên giới Bắc Kỳ có thưởng cho tiền thay ban yến. Sơn phòng ấy tuy không giống như quân đi đánh trận lâu ngày, nhưng phòng thủ biên giới có khó nhọc, cho nên thưởng cho tất cả).

Truy thụ hàm Hiệp biện Đại học sĩ cho Phạm Phú Thứ. Trước đấy, Phú Thứ ở Hải Dương, vì can việc thiên tư Lương Văn Tiến chở gạo, phải giáng xuống Quang lộc Tự khanh, lĩnh Hữu tham tri bộ Binh. Rồi vì ốm về quê, đến nay chết.

Vua thương tiếc, bèn dụ rằng : Viên này từng trải nhiều khó nhọc, sang Trung Quốc, sang Tây, tuy sức yếu không từ chối ; việc thương chính ở Hải Dương lúc mới mở ra bèn hay vâng mệnh đi ngay, công việc đều xong xuôi, về sau có thể noi theo được. Tỉnh Quảng Yên dân xiêu tán, giặc giã quấy rối lâu năm, kinh lý cũng dẹp yên ; lập đồn điền ở Nam Sách, thực là lo xa, đó là công lao tài năng ngày

thường rực rỡ đáng nêu. Vậy gia ân cho truy phục hàm thự Hiệp biện Đại học sĩ, chuẩn cho được thực thụ, sai quan ban cho tuần tế, ban cho rượu đều 1 lần.

Vua sai trù tính đắp đê Lộ Châu (để ngăn nước mặn).

Vua thưởng cho quan quân thứ Tam Tuyên và viên biền, huyện, dõng các đạo có cấp bậc, thương là suốt năm nhọc khổ.

Sứ nước Pháp là Lê Na dâng thư chúc mừng. Lúc bấy giờ gần đến Tết, quan Thương bạc theo lệ đem đồ vật đến cho, Lê Na cố từ chối. Vua không vui lòng, muốn chối không nhận thư chúc Tết. Quan Thương bạc sợ hoặc lại có vẻ áy náy, mới nhận thư ấy.

Vua cho là đoàn quân Trung Hoà nhiều lần đi đánh giặc, trèo đèo lội suối khó nhọc, vậy Hoàng Thủ Trung cùng các đầu mục đều cho thăng thưởng có cấp bậc, (Thủ Trung thăng 3 trật, thưởng cho 1 đồng tiền vàng "Tứ mỹ". Còn các đầu mục cho thăng 1 trật, mỗi người được thưởng 1 đồng tiền vàng "Tam đa").

Lại cho là Lương Tuấn Tú (Thương biện Cao Bằng), Mạc Đình Ngô (Đốc binh) đánh giúp được việc, cũng cho thưởng cấp. Lần này quan nước Thanh đánh giặc giúp cũng là có lòng tốt, đặc cách sai đem đồ vật (các thứ quế, trầm, kỳ nam, đuôi voi, da voi) khoản tặng thống lĩnh và quản đới việc các dinh, để cho vui lòng.

Trước đây, Tổng đốc Lưỡng Quảng là Trương Thu Thanh đưa thư đến nói : Uỷ phái viên Đường Đình Canh đem cả tỉnh thuộc là bọn Mã Phục Bôn sang thăm đường sông và bắt đầu làm việc vận tải. Vua sai lục sức cho các tỉnh Bắc Kỳ biết để tuân hành, nếu quan nước Thanh đến, tuỳ tiện khoản tiếp. Lại xét kỹ hành chỉ thế nào tâu lên.

Đến nay Đình Canh đến phủ Hải Ninh, bèn đáp thuyền về Kinh. Vua sai quan Thương bạc là bọn Nguyễn Văn Thuý, Trần Thúc Nhận khoản tiếp.

(Đình Canh đưa một thư của Tổng đốc Quảng Đông giao cho quan Thương bạc tiến trình, (thư ấy đại khái nói : Việc vận tải lương, bắt đầu làm trước, nên cho đạo viên ấy đi đến kinh lý và có việc quan yếu phải bàn thì cho đạo viên ấy trình bày tại trước mặt), nhân thể xin vào yết kiến vua.

Vua cho là quan nước Thanh vào yết kiến, sợ sinh ngờ, bèn cho Nguyễn Văn Tường bàn kín với Đình Canh.

Đình Canh nói : Tháng 10 năm nay, Khâm sai nước Thanh đóng ở nước Anh là Tăng Ký Trạch báo tin rằng : Nghị viện nước Pháp bàn kín, Bắc Kỳ nước ta đất cát màu mỡ, núi sông lại nhiều, có mỏ vàng, bạc, đồng, sắt, than đá, xét ra tình thế, chỉ giở bàn tay là xong. Lãnh sự nước Pháp là Thoát Lãng lại đã xin đem 1.000 - 2.000 quân đánh lấy Bắc Kỳ. Nghị viện nước Pháp đã chuẩn y. Chẳng bao lâu tất đem

quân nước ấy cùng các đạo quân của Tây Cống khẩn cấp cùng phát đi. Còn nói là đuổi Lưu Vĩnh Phúc chỉ là nói thác ra mà thôi. Vua nước Thanh giao cho các nha môn quân cơ bàn cho thoả đáng, cho nên Tổng đốc tỉnh ấy phái đạo viên ấy báo tin cho nước ta, phải mưu tính ngay để mong giữ được.

Vua cho là thư của tổng đốc ấy đã hồn nhiên, ta cũng không nên lộ. Sai Văn Tường mật dặn Đình Canh 3 việc :

1. Nước ta triều cống nước Thanh, các nước đều biết. Nước Thanh đặt tổng lý nha môn, công luận ở đấy. Nếu họ sinh lòng trái lời ước thì nước Thanh nhận làm thuộc quốc của nước Thanh, cùng với các nước tranh luận, thì họ cũng không dám trái công luận, để làm theo ý riêng, nhưng cho nước ta đặt quan đón, đón chờ ở Kinh đô nước Thanh, nếu có việc gì được tố cáo ở tổng lý nha môn.

2. Ở Quảng Đông biện nghe lãnh sự các nước phần nhiều đóng ở đấy, muốn nhờ quan Tổng đốc Quảng Đông tâu xin chuẩn cho nước ta đặt 1 lãnh sự ở đấy để tiện đi lại buôn bán, thông báo tin tức, nhận cùng giao du với các nước để thông hiểu tình ý.

3. Nước ta muốn phái người đi khắp các nước như các nước Anh, Nga, Phổ, Pháp, Mỹ, Áo, Nhật Bản xem xét và học, chưa được thuận tiện. Nước Thanh có tàu thường đi lại các nước ấy, muốn nhờ đáp đi không trở ngại. Đến khi Đình Canh về, vua sai viết thư trả lời Tổng đốc Quảng Đông (đại khái nói : Đầu mối việc ấy đã hiểu qua cả. Nay nên làm thế nào mà có thể được tiện, đã như đạo viên họ Đường trình bày ở trước mặt tất cả). Và gửi thư cho thự lý thông thương Khâm sai đại thần nước Thanh là Lý Hồng Chương. Lại đều đem đồ vật gửi tặng : tặng Trương Thu Thanh, Lý Hồng Chương mỗi người một đôi ngà voi hạng nhất, một cái sừng tê hạng nhất, sau Tổng đốc họ Trương đem đồ vật ấy trả lại nói rằng nhận sợ nước Pháp ngờ, có việc gì khó giảng thuyết, Tổng đốc họ Lý cũng lấy thơ và tờ khải đưa cho để tỏ tình cùng khuyên về ý đều phải tự cường).

Năm ấy các hạng thuyền đi tuần và vận tải ở Kinh và tỉnh ngoài cộng 276 chiếc, bị hỏng việc (vì nạn bão và giặc) mất 36 chiếc, còn thì đều về được thanh thoả.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXVII*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Nhâm Ngọ, Tự Đức năm thứ 35 [1882], (Thanh, Quang Tự năm thứ 8), **mùa xuân, tháng giêng,** quan Khoa đạo là Lưu Khắc Nhất tâu nói : Giám lâm, chủ thủ các kho trong Kinh và các tỉnh ngoài thu chi hao thiếu, theo lệ có bắt tội và bồi thường. Nhưng chủ thủ theo lệ mãn khoá giao thay người khác, mà giám lâm chồng chất khoá vẫn lưu lại, sợ lại sinh tệ ở trong. Xin từ nay, phàm đến kỳ thanh tra, giám lâm, chủ thủ đều phải đổi cả. Duy 3 nha Nội vụ, Vũ khố, Thương trường ở Kinh công việc xem ra nhiều, lâm thời liệu để lại 1 - 2 viên giám lâm để cho người mới người cũ giúp nhau thôi. Vua nghe theo.

Định lại lệ để lính canh giữ sửa sang các tôn lăng. (Tiết Thanh minh, 3 lăng to để lính ở lại 15 ngày, còn các sở và khi vua thăm yết lăng, đều để lại 10 ngày. Đến tháng 4, tháng 5, tháng 6 để lại cả tháng để canh giữ sửa sang, nhưng đợi vài ba năm, nếu được sạch sẽ thì thôi, hoặc có sửa sang sẽ xin sau).

Bố chính trước là Đặng Tá (người huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên) có tập thơ, quan phủ Thừa Thiên là Tôn Thất Côn sao dâng lên. Vua sai Nội các, Quốc sử quán, viện Cơ mật hội lại cùng xét, cho hợp cả vào tập *Phong nhã thống biên* cũ theo thứ tự xếp đặt thành sách (chỉ chọn những bài rất hay). Lại sai lấy chiếu biểu sách bia thơ văn của văn thần soạn ra các lần cũng chọn những bài điển nhã làm riêng một quyển chớ để sót mất. (Sau nhân có việc chưa kịp làm).

Tàu nước Pháp đến cửa biển Lục Hải, tỉnh Quảng Yên tìm lấy than mỏ (ở Hà Lầm).

Chuẩn cho Kinh tượng mỗi tháng diễn tập trận voi 2 lần.

Sai quan Kinh dạy bảo con em học tập.

Trước đây, bộ Lễ làm danh sách dâng số học trò trúng khảo khoá năm ngoái của trong Kinh và các tỉnh ngoài.

Vua bảo rằng : Kinh sư là nơi văn hoá nhất, văn giáo trước nhất, mà số học trò trúng khoá lại kém 4 tỉnh trực, thế là lỗi tại quan Quốc tử giám, quan phủ cùng quan viên không dạy con em học tập. Cho nên có lệnh như thế.

Vua cho là việc duyệt binh thường hoãn. Võ biền, binh đinh và nhung phục, khí giới đều không được thông thạo, chỉnh tề. Sai bộ Binh dự sửa sang, nhưng cốt trong năm nay kiểm điểm chỉnh đốn đều tốt tất cả, từ sang năm về sau phải theo lệ làm việc.

Vua giáng Dụ quở quân thứ Bắc Kỳ. Lúc bấy giờ quan quân nước Thanh đánh dẹp rất mạnh, bọn giặc họ Lục, họ Đàm thua luôn chạy trốn (chốn chạy Ngũ đồng) mà quan quân thứ không hợp sức cùng đánh. Vua cho là vô tâm và cẩu thả, cho nên xuống Dụ quở mắng. Nhân sai Hoàng Tá Viêm đi đến Thái Nguyên đi lại với quan nước Thanh bàn bạc thăm hỏi ; Trương Quang Đản, Nguyễn Hữu Độ đều chia nhau đến ngay các quân thứ Tuyên Quang, Thái Nguyên bàn bạc và đốc thúc quan quân cùng hào mục sở tại, hết sức tìm bắt, cốt trong tháng ấy bắt hết tướng giặc kết án trị tội tất cả.

Giặc trốn nước Thanh tụ họp ở các xứ Phúc Lâm, Kim Quan, tỉnh Hải Dương. Các quan tỉnh, phủ, huyện vì canh phòng sơ sài đều phải giáng lưu.

Nêu thưởng tiết phụ tỉnh Hải Dương (Nguyễn Thị Thiến, hạng ưu).

Bãi nha Doanh điền phủ Thừa Thiên. Lúc bấy giờ, Doanh điền sứ là Chu Văn Khoa vì mộ dân khai khẩn bất lực (hết hạn 3 năm, thiếu đến 9 thành, lại gia hạn 1 năm, cũng không công hiệu chút nào) phải cách chức. Bộ Hộ tâu nói : Nơi trung châu trong phủ hạt, đã khuyên dân khai khẩn, thượng du lại không có đất bỏ không, chọn đặt như cũ cũng là hư phí, xin bãi nha ấy. Vua nghe theo.

Nước Y Pha Nho đưa thư xin ban kim tiền có dây buông xuống cho quan nước ấy. (Trước sứ nước Y Pha Nho đến đã có tặng đáp). Quan Thương bạc đem việc tâu lên.

Vua bảo rằng : Tặng cho tất phải là người dự làm việc có công, mới là không quá lạm. Vả lại, điều ước với nước Y Pha Nho, khoản ấy khoản khác không thực, (việc thông thương lâu không thi hành, khoản tiền đền cũng không trả lời). Hơn nữa, sứ thần lãnh sự ở nước ấy có liên can gì. Không cho.

Sai Lang trung bộ Binh là Nguyễn Lịch đi đến các tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam vẽ địa đồ, (hình thế núi sông và đường sá) hạn 6 tháng về. (Nhưng sai khi về

lại vẽ địa đồ phủ Thừa Thiên từ núi đến biển và giáp Quảng Trị, Quảng Nam, cùng biên cả).

Cho Thượng thư bộ Binh là Tôn Thất Thuyết kiêm sung Hải phòng sứ ở Kinh kỳ.

Định lại lệ phủ, huyện nhiều việc và nhiều việc vừa ở trong Kinh và các tỉnh ngoài. (8 phủ là : Điện Bàn, Hoài Nhân, Quảng Trạch, Tĩnh Gia, Kiến Thuỵ, Hải Ninh, Vĩnh Tường, phân phủ Đoan Hùng ; 7 huyện là : Hương Trà, Hà Đông, Hoà Vinh, Mộ Đức, Thọ Xương, Lục Ngạn, Tân Định là nơi nhiều việc nhất. 11 phủ là : Triệu Phong, Cam Lộ, Tương Dương, Hà Thành, Ứng Hoà, Tương An, Quảng Ninh, Quỳ Châu, Kinh Môn, Thái Bình, Từ Sơn ; 31 huyện và 1 châu là : Phú Vĩnh, Quảng Điền, Phong Điền, Hương Thuỷ, Phú Lộc, Duy Xuyên, Chân Lộc, Hưng Nguyên, Quỳnh Lưu, Hoằng Hoá, Cẩm Thuỷ, Chương Đức, An Dương, Thuỷ Đường, Đường Hào, Lập Thạch, Sơn Dương, Vị Xuyên, Phù Mỹ, Minh Linh, Minh Hoá, Văn Chấn, Thanh Thuỷ, Thanh Sơn, Chiêm Hoá, Vĩnh Tuy, Bình Xuyên, Võ Nhai, Thuỷ Anh, Tiền Hải, Tiên Du là nơi nhiều việc. 4 phủ là : Hoà An, Thái Bình phân phủ, An Bình, Trường Khánh và 10 huyện là : Quế Sơn, Tuy Hoà, Hải Lăng, Nam Trân, Trấn Yên, Lục Yên, Hàm Yên, Gia Bình, Thạch Yên, Nguyên Bình là nơi nhiều việc vừa. Còn các phủ, huyện 4 tỉnh đạo là Bình Thuận, Ninh Bình, Hưng Yên, Mỹ Đức đều theo như cũ).

Thuyền của phái viên nước Pháp đến Bình Định, Phú Yên khám đo cửa biển và vẽ đồ bản.

Bắt đầu đặt đèn hiệu ở địa phận 2 xã Thuận Hoà, Quy Lai (thuộc Thừa Thiên) để cho thuyền quan quân đi đêm nhận nhớ đường đi.

Giáng Hữu thị lang bộ Hình là Trần Duy Hoà làm Lang trung, bắt về hưu.

Lúc bấy giờ, kho tỉnh Nam Định phát ra tình tệ. Vua sai Duy Hoà đi tra xét, Duy Hoà đem bệnh tình bày kêu. Vua bảo rằng : Đang lúc việc nhiều cần, ngươi lại cáo ốm trốn tránh, cho ở lại, có ích gì, chuẩn cho giáng để cho chừa. Quan Khoa đạo là bọn Lưu Khắc Nhất giữ phép tâu lên cho người bề tôi thờ vua, sai đi đâu phải đi đấy, không được chọn việc. Việc đi tỉnh Nam Định ấy, so với việc đi quân thứ, đi đường biển có khác, nếu cứ thác bệnh để tránh như phái việc khác thì sao ? Nghị mới quan viên hễ có thác bệnh phải cách đuổi ngay, nghiêm minh biết là nhường nào. Viên ấy đã được cất nhắc làm đến ấn quan, chức giữ luật phép, nếu quả có đích tình dối trá tránh việc, chiểu lệ trị tội nặng, cũng không là oan. Nhưng xét viên ấy trước khi chưa được phái đi, dâng tờ tâu xin nghỉ đã 2 - 3 lần, thì trong đó bệnh tình hư thực vẫn chưa biết rõ, xin cho bộ Lại xét thực tâu lại, đợi Chỉ định đoạt.

Vua bảo rằng : Trẫm đã biết, cho nên đã châm chước cho. (Thác bệnh tránh việc theo lệ phải cách đuổi) thế mà lại còn tâu nhàm, có lẽ xin bắt tội thực thì gỡ cho, quan khoa đạo há nên như thế, đều phải quở mắng.

Cho Tả thị lang bộ Lễ là Phạm Bính thự Hữu tham tri bộ Hình ; Tả thị lang bộ Công là Lâm Hoành thự Tả tham tri bộ Công. Lúc bấy giờ biện lý Công bộ là Lê Hữu Thường cũng chuẩn cho thăng thự Tả thị lang. Khoa đạo là bọn Đinh Nho Điển, Đinh Viết Tân giữ lẽ tâu lên cho là : Phạm Bính người ta bảo là không liêm, lại khéo, đã đến tai vua, đến Hương Cảng lại bị người tố giác, thì tâm sự người ấy, chắc đã soi xét cho rồi, huống chi bộ Hình là luật phép ở đấy, giữ phép ở trên trời, coi ngục ở dương gian, khó tìm được người làm việc ấy, đâu có tham xảo mà có thể cầm cân thiên hạ được công bằng, cầm cương dân ấy được điều hoà ư ? Lê Hữu Thường trước ở Hải Dương, can phải khoản nặng cho khỏi tội chết, đã may lắm rồi, huống chi từ khi tha cho làm việc, lại được làm đến ấn quan, trong khi ấy không nghe có sự trạng khó nhọc, tài năng gì đủ để chuộc tội. Bỏ khí giới mà đến đóng đai đứng triều đình, vẫn là một người ấy, sao đủ làm răn. Hiện lĩnh Giáo thụ phủ Triệu Phong là Bùi Thức Kiên, tội tình cũng giống Lê Hữu Thường, xin đem xử trí một thể, cho thoả lời bàn công, mà răn về sau.

Vua cho là triều đình dùng người, công tội tự có xét liệu. Việc Bính tham xảo, chỉ nghe đại khái, không có sự thực, bọn Hữu Thường bị khoản nặng, lúc bấy giờ cũng có nhiều người, nên dùng thì dùng, há nên bỏ hết cả. Bọn Nho Điển khinh suất tâu lên, không nghe.

Tháng 2, ngày Đinh Tỵ, Nhật thực.

Giáng Tuần phủ Quảng Yên là Trần Văn Tuy làm Hồng lô Tự khanh, Biện lý bộ Binh. Cho Phủ doãn Thừa Thiên là Hoàng Vỹ thự Tuần phủ Quảng Yên (theo lời đình thần tâu xin tháng chạp năm ngoái).

Cấp tiền gạo cho dân xiêu tỉnh Quảng Nam (năm trước vì đói, xiêu đến ngụ ở đất Thừa Thiên) cho về quê quán, sinh nghiệp làm ăn.

Linh mục nước Pháp là Ma-đô-di, Lu-si, Ta-mê, chia nhau đến địa phương nước ta để giảng đạo Gia tô (Ma-đô-di đến các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà ; Lu-si đến các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên ; Ta-mê đến các tỉnh Hà Nội, Ninh Bình, Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thanh Hoá, Nam Định).

Khai đào sông Văn Giang (từ ngã ba sông Văn Chương đến sông Biện Tân, hai tỉnh Hải Dương, Hưng Yên cùng hội lại để đào).

Nước Xiêm dâng thư và tiến phương vật (vàng, bạc, vải, dầu, chiếu). Trước đây, sứ nước ta đi tặng, nước ấy ý muốn đáp lễ lại, vì tướng Pháp ở Gia Định ngăn trở, đã sai quan viện Cơ mật đưa thư trả lời biện triết giải thích. Đến nay, nước ấy mới thuê tàu An-ty-lạp (của người Pháp) chở đệ các phương vật đến đáp tạ. Vua sai viết thư trả lời. Lại cho là tàu ấy có công khó nhọc, thưởng cho 100 đồng bạc.

Tàu thuỷ nước Xích Mao đến cửa biển Cần Mông dò xét, đo đạc vẽ địa đồ.

Tướng nước Pháp phái tàu binh đến Bắc Kỳ nói phao là để đuổi quân Lưu Vĩnh Phúc và bảo vệ việc thông thương. Nguyễn Lập mật đem việc ấy tâu lên. Vua cho là phái viên nước Pháp muốn lấy Bắc Kỳ, chỉ mượn tiếng là đuổi quân Lưu Vĩnh Phúc, ý sâu xa thực không thể lường trước được, về ta cũng nên phòng bị trước. Vua sai mật sao tờ tư của Nguyễn Lập phát giao cho các tỉnh (Ninh Bình, Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên, Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Thái Nguyên) đều biết.

Nhân sắc rằng : Phàm việc cần phải làm cho khéo, chớ nên làm có thành tích, nếu có thể ngầm tiêu lặng đổi được cố nhiên là tốt. Nếu chúng dám ngang trái việc đến nơi, bất đắc dĩ, cho đều tuỳ việc nên làm, để hết trách nhiệm giữ đất đai.

Sai Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Tĩnh Biên phó sứ Trương Quang Đản, Nguyễn Hữu Độ xử trí đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc.

Sắc rằng : Xử trí đoàn quân họ Lưu, Tá Viêm phải chịu trách nhiệm, Quang Đản, Hữu Độ cũng phải giúp vào đấy. Nay nên khu xử sớm, khỏi để cho chúng vin cớ để nói, mà đoàn quân ấy cũng không đến nỗi không nơi nương tựa, còn gia quyến Lưu đoàn hiện ở Bảo Thắng bao nhiêu, cho chọn chỗ tiện lợi (Hưng Hoá hoặc Tuyên Quang, Thái Nguyên) và hiểu bảo cho đoàn ấy đều phải dời đi, để yên ở sinh nhai. Nếu có thiếu thốn sẽ xin liệu cấp... Và chọn phái người đến ngay đồn ấy đóng thay theo lệ trước thu thuế lấy của người thừa để cấp cho đoàn ấy. Việc đoàn ấy di cư xong, lập tức tư cho Hà Nội, Hải Dương, thông thuyết cho phái viên nước ấy biết. Lại phái người báo ngay cho Lưu Vĩnh Phúc về sớm để liệu thu xếp công việc. Và sức cho bọn Thủ Trung đang ở Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên yên tâm đánh giặc. Lại nghiêm cấm quân đoàn ấy không cho đi riêng đến các tỉnh hạ du gặp nhau sinh sự. Vả lại, làm như thế thông thuyết cho nước ấy rút lui yên ổn thì thôi, nếu vượt qua cố ý sinh sự, thì cho hai bên đều tự làm việc, về ta chiểu địa phận tự giữ, không nên can thiệp, đợi khi việc đến nơi, sự thể thế nào, có nên làm thì sẽ làm. Nhưng đó cũng là việc bất đắc dĩ, nếu làm cho hai bên đều bằng lòng ít việc thì hơn.

Cho Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Chính sung chức Kinh lược sứ ở Bắc Kỳ, Tham tri bộ Hộ kiêm quản Đô sát viện Bùi Ân Niên sung chức Phó sứ.

Lúc bấy giờ nước Pháp phái tàu binh đến Hà Nội, lòng người kinh hãi náo động, Thống đốc Hoàng Tá Viêm xin chọn lấy 1 viên đại thần có uy vọng đem lính Kinh sung làm Kinh lược đến đóng ở Sơn Tây, đốc sức quân Tĩnh Biên khẩn cấp đánh giặc khách để trấn áp.

Vua theo lời xin ấy, nên có lệnh ấy. Nhân mật dụ quan quân thứ các tỉnh rằng : Nếu nước ấy chỉ bảo vệ việc thông thương, thì đối xử cho khéo, chớ gây hấn trước, hoặc muốn báo thù với đoàn quân họ Lưu thì Thống đốc khiến cho trách. Nếu nước ấy cậy sức mạnh đến ngay phận núi để tranh, thì tuỳ nghi làm cho ổn thoả. Ta chỉ khuyên can, cốt được công bằng, chớ nên thiên vị bên nào, may mà vô sự thì thôi. Vạn bất đắc dĩ có phải lấy quân vận lương, thì đều phải làm ngay, chớ để lỡ việc chút nào. (Lại phái Tả thị lang bộ Hộ là Nguyễn Thành Ý đến Gia Định đem nguyên uỷ việc phải trái của đoàn quân họ Lưu và lợi hại ở Bắc Kỳ biện thuyết với tướng nước Pháp. Dụ rằng : Phàm làm kẻ sĩ được quý, tất phải trừ được hoạn nạn, gỡ được rối ren, người đời còn thế, huống chi là nghĩa giao làm con tin, hiến thân cho triều đình, sao nỡ làm ngơ, ngươi nên cố gắng, cho yên lòng mong của trẫm).

Quan tỉnh Hà Nội, Sơn Tây là bọn Hoàng Diệu, Nguyễn Đình Nhuận, Hoàng Hữu Xứng mật bày kế sách dự phòng, nói : "Hình thế Bắc Kỳ, bên tả từ Ninh Bình đến Mỹ Đức, Sơn, Hưng, bên hữu thì Bắc Ninh, Thái Nguyên và Đông Triều thuộc tỉnh Hải Dương, đều có phận núi hiểm yếu, có thể giữ được. Tự ta nên biết kinh lý, tất cho thượng du mạnh mẽ, để giữ trung châu, chúng tiện ở đường sông, không tiện ở đường núi, thì cũng biết là khó mà không dám động.

Lại xin sắc cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm về đóng ở hạt Sơn Tây, đặt đồn đóng quân cho việc phòng giữ bên trong được mạnh tất cả các công việc phòng bị, đều do quan các tỉnh các đạo và sơn phòng hết lòng cùng làm.

Vua cho là lời xin ấy cùng là phòng bị trước khi có việc, sai lục sức cho quân thứ các tỉnh tuân theo mà làm. Tỉnh Sơn Tây đã sai Kinh lược bọn Nguyễn Chính đi đến thành Sơn Tây đóng quân, cùng với Tá Viêm cùng bàn mà làm việc. Tá Viêm tuỳ chỗ đi đóng để tiện tin tức, nhưng phải theo Chỉ chuẩn cho đem ngay đoàn quân họ Lưu dời đi chỗ xa.

Chuẩn cho quyền coi dinh Kỳ võ là Hoàng Văn Thu đổi sang dinh Hùng nhuệ, quyền coi dinh Hùng nhuệ là Hồ Ngoạn đổi sang dinh Kỳ võ.

Tàu thuỷ nước Pháp (3 chiếc) bỏ neo ở phận biển Ni Sơn (thuộc tỉnh Ninh Bình), (lại có tàu thuỷ nhỏ đi đến nhà thờ, mượn thuyền của dân san chở các đồ vật), nhân dân sợ hãi.

Quan tỉnh là Phan Đình Bình tâu nói : Hình thế Bắc Kỳ, tỉnh tôi là chỗ địa đầu, quân lính chỉ có hơn 300 tên, phòng bị đơn sơ lắm. Xin tạm để quân đóng đồn cũ (200 tên đến thay quân đóng mới đi đổi) hợp với quân tỉnh ấy, để giúp việc chống giữ. Vua y cho.

Lệ trước hằng năm lễ tế Giao lớn, phàm người dự chấp sự ở đàn tròn, chỉ người bưng nậm, bưng chén và dâng lụa là được thưởng ngân tiền, còn thì đều không được

dự. Năm nay bộ Lễ xin đều liệu thưởng cho, cho đều được đội ơn. Vua y cho. Bèn thành lệ.

Cho Tả tham tri bộ Công chuyên coi việc thuyền là Chu Đình Kế kiêm cả Tham tri bộ Hộ, vì Thuyền chính có liên quan đến bộ Hộ.

Cấp tiền gạo cho con gái Đinh Bảo và các phủ thiếp trước được cấp suốt đời. Lúc bấy giờ Đinh Bảo hiện còn 2 con gái và 2 phủ thiếp, đã được tha cho tuỳ theo chỗ yên phận làm ăn. Tôn nhân phủ đem việc tâu lên.

Vua bảo quan phủ Tôn nhân rằng : Phép lập ra cùng chung cả thiên hạ, lời bàn của các quan không thể trái được. Trẫm há có lòng nào đâu. Nay đã lâu vẫn nhớ không quên, đã chuẩn cho năm mùa cúng tế rồi. Còn 4 thị ấy mỗi người hằng tháng cấp cho 2 quan tiền, 4 phương gạo, hết đời thì thôi. Còn ngoài ra không dám trái phép.

Định lại lệ duyệt tuyển và thưởng phạt về số đinh tăng giảm :

(1. Phép duyệt tuyển, tất cả niên hạn, bỏ tên trong sổ, biên vào sổ, chọn thải người già ốm, chiểu theo lệ khoảng năm Minh Mệnh và Tự Đức năm đầu mà làm. Duy đến năm duyệt tuyển, vào tháng giêng, tháng 2, các phủ tỉnh đạo đều sức cho phủ huyện chuyển sức tổng lý đến nha làm sổ, mỗi xã 4 bản, đệ lấy triện ấn đem nộp. Quan phủ tỉnh đạo xét thực, đem bản Giáp cùng sách thông quy đệ lên bộ. Còn bản Ất để ở tỉnh, bản Bính giao phủ huyện phụng giữ, bản Đinh phát cho dân lĩnh về. Lại dịch ở tỉnh và phủ huyện hoặc có hối lộ bổ ban phân bổ, việc phát giác chiểu luật nghĩ xử rất nặng.

2. Trừ đi biên vào sổ xong, tính suốt cả hạt tăng hay giảm, theo lệ năm Tự Đức thứ 14 chia làm 100 thành. (Lý trưởng tính theo số đinh trong xã, cai phó tổng tính theo tổng, phủ huyện tính theo số đinh phủ huyện, bố chính tính theo tỉnh, tỉnh nào không có bố chính thì tuần phủ cũng thế), gia nghĩ thưởng phạt bố chính, số đinh tăng từ 1 thành đến 5 thành được thưởng kỷ lục 1 lần, 6 thành đến 10 thành kỷ lục 2 lần, 11 thành đến 15 thành kỷ lục 3 lần, 16 thành đến 20 thành thưởng gia 1 cấp, 21 thành đến 25 thành thưởng gia 2 cấp, 26 thành đến 30 thành gia 3 cấp, 31 thành đến 35 thành thăng 1 trật, 36 thành trở lên nên thăng vượt bậc, thì lâm thời do thượng ty tâu xin đợi Chỉ vua.

Số đinh giảm 1 thành đến 5 thành thì phạt bổng 6 tháng, 6 thành đến 10 thành phạt bổng 1 năm, 11 thành đến 15 thành giáng 1 cấp lưu, 16 thành đến 20 thành giáng 1 cấp đổi đi nơi khác, 21 thành đến 25 thành giáng 2 cấp, 26 thành đến 30 thành giáng 3 cấp, 31 thành đến 35 thành giáng 4 cấp, 36 thành trở lên phải cách dời khỏi chức. Đốc phủ, án sát thưởng phạt kém bố chính 1 bậc, phủ huyện thưởng phạt hơn bố chính 1 bậc.

Cai phó tổng, số đinh tăng 1 thành đến 5 thành thì được thưởng 1 đồng ngân tiền hạng nhỏ ; 6 thành đến 10 thành thưởng 1 đồng ngân tiền hạng vừa ; 11 thành đến 15 thành thưởng ngân tiền hạng lớn, hạng nhỏ, mỗi thứ 1 đồng ; 16 thành đến 20 thành thưởng ngân tiền hạng lớn, hạng vừa, hạng nhỏ, mỗi thứ 1 đồng ; 21 thành đến 25 thành, thì phó tổng được thăng cai tổng, cai tổng thưởng chánh cửu phẩm bách hộ, vẫn lĩnh chức cũ (nếu là thí sai thì cho thực thụ, hoặc đã có phẩm hàm lĩnh chức ấy, lại lượng thăng 1 trật, vẫn lĩnh chức cũ) ; 26 thành đến 30 thành, phó tổng thưởng chánh cửu phẩm, cai tổng thưởng tòng bát phẩm bách hộ ; 31 thành đến 35 thành, phó tổng thưởng tòng bát phẩm, cai tổng thưởng chánh bát phẩm bách hộ ; 36 thành trở lên, phó tổng thưởng chánh bát phẩm, cai tổng thưởng tòng thất phẩm thiên hộ. Số đinh giảm 1 - 2 thành, cai phó tổng phải phạt 80 trượng ; 3 - 4 thành phạt 90 trượng ; giảm 5 thành thì cách chức ; giảm 6 thành đến 10 thành phải tội đồ 1 năm ; 11 thành đến 15 thành phải tội đồ 1 năm rưỡi ; giảm 16 thành đến 20 thành phải tội đồ 2 năm ; 21 thành đến 25 thành phải tội đồ 2 năm rưỡi ; giảm từ 26 thành trở lên phải tội đồ 3 năm. Lý trưởng thưởng phẩm hàm kém phó tổng 1 trật, còn thưởng ngân tiền và phạt cũng như cai, phó tổng.

3. Dân xiêu, người nào từ trước ngụ ở làng khác đã nhiều đời, cùng là nghèo đói đi ngụ làng khác, cùng nguyên quán cách xa, không tiện kéo về, hoặc thuở nhỏ lưu lạc, không nhớ nguyên quán, nếu xin ở lại mới cho đăng ký ở sổ ngụ quán, còn thì đều phải kéo về, cho sổ đinh nhất định).

Sắc cho thuộc lại các nha, không được kêu luôn, nếu xét ra có sự dối trá tránh việc, thì đường quan lập tức tâu hặc tội cách chức.

Quan tỉnh Cao Bằng tâu nói : Dân Man gần Chợ Dã tỉnh Thái Nguyên, bị giặc cướp phá, tràn đến ở cánh đồng hạt Cao Bằng. Xin sức cho dân ấy đều về hạ du tỉnh Thái Nguyên, tìm chỗ tiện để làm ăn sinh sống hoặc khai khẩn những ruộng bỏ không, cho khỏi lưu lạc. Vua nghe theo.

Dời làm kho thóc tỉnh Hải Dương ở Đồn Thuỷ (đồn gần tỉnh).

Bố chính Cao Bằng cũ là Nguyễn Cao xin đến hạt phủ Phú Bình (thuộc Thái Nguyên) mộ quân chọn đất để khai khẩn. Vua y cho.

Sai trong Kinh và các tỉnh ngoài sửa đắp cầu cống, đường sá.

Dụ rằng : Gần đây, các địa phương phần nhiều bỏ đường quan lộ không sửa sang, gián hoặc có chỗ vỡ lở, hoặc thành bụi rậm rạp, cùng là trước có cầu cống nay thành bến đò, việc chạy trạm thường phải chậm và lỡ việc, nên nhân lúc mùa làm ruộng nhàn rỗi, mùa xuân tạnh ráo, dân gian gạo đắt, sai đều thuê mướn dân nghèo, sửa đắp tất cả cho được hoàn chỉnh.

Tháng 3, sai quan 2 tỉnh Hà Nội, Hải Dương, tính uỷ quan văn, quan võ mỗi chức 1 viên đóng ở ngoài thành để tuần phòng. Lúc bấy giờ nước Pháp phái tàu binh đến thêm Hà Nội và liền đến bỏ neo ở phận sông tỉnh Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình, lòng người sợ hãi xôn xao.

Vua cho là quân nước ấy ở ngoài, mà quan quân ta đều ở trong thành, ban đêm tin tức sợ hoặc khó thông, cho nên có mệnh lệnh ấy.

Lại sai quan tỉnh lấy tín ước gửi thư trách phái viên nước Pháp, sứ nước Pháp ở Kinh cũng sai quan Thương bạc lấy sự việc hiện tại hỏi trách. (Lúc bấy giờ quan Thương bạc biện thuyết với sứ Pháp, viên ấy bảo phải thản nhiên, mới khỏi hiềm khích. Lại nói việc ở Hà Nội sợ không thôi, lại muốn từ chức về nước).

Vua biết lòng độc ác của nước ấy đã lộ ra, thở dài nói rằng : Việc ấy 2 mặt đều khó, không dự trước thì mắc mưu họ, dự trước mà không đích đáng cũng vô ích, chỉ ở người hào kiệt, dự bị mà không có hình tích, động có việc cũng đối phó được, thế là tốt, không nên lấy lời nói truyền đi.

Lại dời châu lỵ Tiên Yên (thuộc tỉnh Quảng Yên) đến xã Hải Lãng. (Châu lỵ nguyên ở Hải Lãng, trước vì giặc Tô Tứ quấy rối, dời đến trại dân xóm Hà Trường, đến nay hơi yên, nên lại dời về chỗ cũ).

Sai Tĩnh Biên phó sứ là Trương Quang Đản nghiêm đốc bộ biền binh dõng các đạo và làm với quan các dinh, tiến đánh dẹp yên ngay giặc ở biên giới. Lúc bấy giờ các toán giặc nhiều lần bị quan các dinh và quan quân đánh cho thua bại (các trận ở Bằng Châu, Phúc Lâm, Nghĩa Tá, Vân Đồn, quân ta đều thắng) mà các đầu mục giặc là họ Lục, họ Đàm, họ Lý vẫn chưa bắt được và dắt nhau họp bè lũ còn nhiều.

Vua sợ sau này không khỏi họp nhiều như muỗi, để khó về sau, cho nên nghiêm sức như thế.

Thống đốc quân thứ Tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm cho là Hà Nội đang náo động, xin rút quân ở quân thứ Thái Nguyên về. Vua cho là lũ lượt rút quân về hết, sợ giặc lại tụ họp và lại có thanh tích. Sai Tá Viêm hãy yên lòng dẹp bọn giặc ấy, mà giục Kinh lược sứ Nguyễn Chính đi mau đến Sơn Tây cùng bàn công việc.

Sức bảo công việc phòng thủ cho quan quân thứ các tỉnh Bắc Kỳ. Lúc bấy giờ các tỉnh ở Bắc Kỳ phần nhiều hoang mang (Ninh Bình tâu rằng tàu của Pháp đi lại mấy chiếc không rõ ; Nam Định tâu xin ngăn đắp đường sông, đặt lũy, đặt súng ; Trương Quang Đản thì rút quân thứ về Bắc Ninh).

Vua bảo các quan Cơ mật và Thương bạc rằng : Bọn ngươi thân đảm đương việc ấy sẽ làm thế nào ? Tâu rằng vừa rồi sai 2 tỉnh Hà Nội, Hải Dương uỷ quan đóng ở ngoài thành, cùng là một việc cần phòng giữ. Nay xin ở trong thì sửa sẵn binh đinh, súng đạn, khí giới, ở ngoài thì mật kết thân hào, đoàn kết con em. Lâm

thời thì trong ngoài giúp nhau, làm nhiều cách đánh lừa giặc. Còn như các việc ngăn lấp sông nên thôi, cho khỏi giặc ngờ mình chịu lỗi.

Vua bảo rằng : Chúng cậy tàu thuỷ làm tính mạng, các tỉnh nếu đều mật dự ổn thoả cả, nếu chúng có làm bậy ở một tỉnh, thì ở đường sông tàu của chúng thường đến, chọn chỗ nông hẹp đem đắp lấp ngay, thì trong ngoài không thông được với nhau, chúng chẳng bị khốn còn đợi gì. Duy làm việc ấy cốt ở người, cốt hợp thời nghi mà thôi, không nên vội vàng lầm lỡ, nhân sai lục sức cho các tỉnh biết.

Thưởng cấp tiền gạo cho các trạm từ Kinh trở ra Bắc có cấp bậc. (Trạm hơi nhiều việc thì mỗi trạm thưởng 40 quan tiền, 20 phương gạo. Trạm nhiều việc vừa thì mỗi trạm thưởng cho 30 quan tiền, 15 phương gạo).

Vua cho là hiện nay văn thư chạy báo còn nhiều, sứ bộ lại sắp về, phải đòi bắt nhiều, cho nên tha lỗi, nghĩ đến khó nhọc, thưởng cho thêm nhiều.

Dụ rằng : Phận sự lũ ngươi chỉ có thế thôi, mà quan hệ đến việc quân việc nước không nhỏ, biết đệ đi đúng hạn, đã yên tâm mà lại được thưởng, không thì hổ thẹn trong lòng mà phạt cũng theo ngay. Lũ ngươi còn có lương tâm, há thích làm việc ấy đâu ? (Lại cấp thêm mỗi trạm một con ngựa).

Tha thuế để thiếu cho hai tổng Yên Phú, Yên Vĩnh, tỉnh Tuyên Quang. (Vì cớ giặc quấy rối, dân xiêu tán).

Mới chuẩn cho các quân ở Kinh lĩnh trước nửa lương. (Từ sau đến kỳ lương, do Thống chưởng chiểu số lương hiện chi tháng trước ở trại quân cho đến trước sau ngày 20, tạm lĩnh một nửa, giữ để chi dùng. Đến mồng một tháng sau, thống chưởng phải chiểu biền binh hiện tại tư cho bộ Hộ để xét. Các vệ đội đều phải làm đơn khấu trừ để lĩnh, cốt đến thượng tuần phải xong, cho quân được nhờ tiếp tế).

Sai bộ Binh rút thêm biền binh về để cho huấn luyện. (Vì hiện nay làm việc nhiều nơi, số quân huấn luyện có ít. Bèn rút 2.400 bộ binh về, chọn quan võ hằng ngày diễn tập ở ngoài thành, phía tây nam).

Chuẩn cho thự Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Trương Văn Hùng thực thụ Thống chế quyền coi Trung quân, (Đinh Hội bị giáng chức, trước giao cho Tôn Thất Thải kiêm quản), cho Lãnh binh trước ở quân thứ Tuyên Quang cũ là Vũ Văn Đức thăng thụ Chưởng vệ quyền coi Hữu dực quân Vũ lâm.

Nêu thưởng thọ dân 100 tuổi tỉnh Quảng Nam (là Văn Phú Cẩn).

Điển nông sứ tỉnh Thanh Hoá là Phan Trung xét cử người trong Nam 10 người (Bùi Hy, Hồ Trác, Phạm Đình Thực, Mạc Khắc Thận, Nguyễn Nhược Thù, Nguyễn Trương, Đoàn Tiến Thiện, Phan Văn Phú, Trần Vũ, Phạm Hữu Tạo). Vua đều cho bổ dùng.

Nhân xuống Dụ rằng : Trẫm nuôi nấng cất nhắc người trong Nam như thế, đều nên cố gắng.

Người Pháp hạ thành Hà Nội, Tổng đốc là Hoàng Diệu tự tử.

Lúc bấy giờ người Pháp phái tàu binh đến thêm ở Cơ Xá và hằng ngày khiêu khích. (Phái viên nước Pháp, hằng ngày đem quân đeo khí giới đi lại ở ngoài thành, nói phao là vào đóng trong thành), Diệu phải phòng bị nghiêm ngặt. Phái viên nước Pháp tất muốn đều triệt bỏ cả. Diệu không nghe. Sáng sớm ngày mồng 8, người Pháp cho đưa chiến thư, Diệu uỷ Án sát Tôn Thất Bá ra ngoài thành để thương thuyết, Bá vừa ra khỏi thành, quân Pháp đã bắn ngay, Diệu cùng Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng chia đường đốc thúc quân lính chống đánh rất lâu, quân ta và quân Pháp đều bị thương và chết. Chợt thấy kho thuốc súng phá, quân ta rối loạn, quân Pháp bắc thang lên thành, thành bèn bị mất (chống nhau từ giờ Mão đến giờ Mùi mới mất), Diệu đi lẫn vào trong đám quân hỗn loạn, một mình đến trước đền Quan Công (ở ngoài tường ngăn trong thành), thắt cổ ở dưới gốc cây to. Đề đốc Lê Văn Trinh, Bố chính Phan Văn Tuyển, Lãnh binh Lê Trực, Phó lãnh binh Hồ Văn Phong, Nguyễn Đình Đường đều chạy cả. Ngay lúc ấy Hữu Xứng đi tìm hỏi Diệu, không biết Diệu ở đâu, bèn vào thềm bên tả hành cung, bỗng bị phái viên nước Pháp bắt giữ (phái viên nước Pháp muốn lấy lễ độ dụ Xứng, Xứng không chịu khuất phụ, chửi mắng hắn, cũng không bị giết, rồi sai đem Xứng về dinh Tuần phủ cũ giam lại), sau rồi phái viên nước Pháp đón Bá về (Bá chạy đến xã Nhân Mục) giao tỉnh thành cho, Bá vào thành cùng với Hữu Xứng, Xứng có bàn tạm nhận. (Lúc ấy Hữu Xứng đã nhịn ăn thành ốm, Bá mời vào, Hữu Xứng chối ngay, Bá 2 lần khóc nói sự lợi hại. Hữu Xứng lại nghĩ không tạm nhận sợ thêm khó, nhân cũng gượng dậy nghe theo, nhưng bàn do Bá nhận một mình, mà cùng ký tên tư cho Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính cùng các tỉnh láng giềng xem thế có thể thừa cơ được, nên làm ngay thì làm, chớ lấy nhận thành làm ngại và đem việc ấy nhận tội tâu lên) nhưng quân Pháp vẫn đóng giữ ở hành cung.

Vua cho là Hà Thành đã xảy ra việc, Nguyễn Chính nếu cùng Tá Viêm cùng đóng quân một nơi, thì ứng cứu điều khiển đều chưa tiện. Sai Nguyễn Chính lập tức về Mỹ Đức hoặc Nho Quan chọn chỗ đóng quân để có thể trông coi việc đánh và phòng thủ, phàm việc tư bàn với nhau.

Vua cho là Bình Thuận là chỗ địa đầu quan yếu. Dụ sai quan cùng với Điển nông chánh phó sứ trù tính mật làm phòng giữ. Lại sai đem đại khái việc Hà Nội hiện nay mật tư cho các tỉnh từ Quảng Nam trở vào Nam đến Bình Thuận, Quảng Trị trở ra Bắc đến Ninh Bình biết, đều biết để bụng đề phòng, vẫn nhàn tĩnh yên ổn, đối xử như thường cho dân được yên nghiệp làm ăn.

Cho Tổng đốc Hà - Ninh cũ đã hưu trí là Trần Đình Túc sung chức Khâm sai đại thần, đi tàu thuỷ nước Pháp đến Hà Nội bàn việc nhận tỉnh thành. Tĩnh Biên phó sứ Nguyễn Hữu Độ làm Phó.

Trước đây, Lê Na nói với quan Thương bạc rằng quan tỉnh Hà Nội nghi ngờ thì tất sinh sự, tưởng nên có người điều đình là ổn thoả. Vua cho là Hữu Độ đã từng giao thiệp với Pháp, cho sung chức Khâm sai đi để bàn bạc, Hữu Độ chưa đến nơi mà thành đã mất, Lê Na lại đưa thư cho quan Thương bạc nói rằng : Nước Pháp muốn chóng thành hoà hảo. Xin phái Tổng đốc mới đi tàu thuỷ của nước ấy đến ngay để giao nhận tỉnh thành. Quan Thương bạc đem việc tâu lên.

Vua cho là Đình Túc am hiểu lão luyện cho làm Khâm sai, mà cho Hữu Độ làm Phó, nhưng đều quyền chức Tổng đốc, Tuần phủ Hà Nội, đi đến tuỳ nghi chiếu nhận. Lại cho Biện lý bộ Binh là Hoàng Hữu Thường lĩnh Bố chính, sung biện Các vụ là Vũ Như sung chức Thương biện, cùng đi để chiêu phủ, hiểu thị là dẹp yên.

Cho quân tỉnh Nghệ An đóng ở các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương đều lưu lại để sai phái.

Lúc bấy giờ phái viên nước Pháp tuy nói là trả lại Hà Thành, nhưng quân Pháp vẫn đóng giữ. (Lại phá huỷ cửa thành vận tải súng đạn, khí giới). Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Kinh lược Nguyễn Chính, Bùi Ân Niên dâng sớ xin đánh, đại khái nói : Nước Pháp phái tàu binh đến lần này trái với sổ đã định ở ước trước ; tỉnh Hà Nội hỏi đến, thì nói là để đuổi đoàn quân họ Lưu. Đến lúc người giữ tỉnh hơi phòng bị ở trong thành thì liền đến đánh phá, liền lại giao trả lại. Ai phải ai trái, nên đã bá cáo cho các nước. Sau lại đổ lỗi cho quan tổng đốc cũ và lại tuyên ngôn chỗ nào phòng bị, chúng tất đến gây chuyện, khinh nhờn đến thế, ai không đau lòng. Từ khi nước ấy cầu hoà đến nay, cứ 10 năm đổi ước một lần, mỗi khi đến kỳ định ước thì chúng đem quân để dọa, phá thành trả thành, chẳng qua dọa bằng oai để thoả lòng mong muốn. Xem ý của nước ấy đặt thêm thương cục ở Vị Giang, tỉnh Nam Định và Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây, khiến cho ta không thi thố gì được, các tỉnh hèn nhát thuận theo, thì lấy như giở tay, hơi có phòng giữ nghiêm chỉnh thì cố sức đánh, không lấy được cả toàn hạt Bắc Kỳ không thôi, ý ấy đã lộ tất cả. Nếu dùng dằng ở chỗ ấy, cũng được tạm thời cùng yên, chỉ sợ dầm ngấm vào mưu của chúng, lại để vua phải lo nghĩ mà thôi. Bọn tôi xét kỹ tình thế, nên đánh một trận rồi mới hoà, hoạ là có thể ngăn được lòng tham của chúng. Nghĩ xin cho quan Thương bạc tranh luận khúc chiết lần này cho rõ phải trái. Nước ấy quả muốn hoà, thì tàu binh đóng ở nhà Thương chính Hà Nội, không được trái lời ước lại tăng thêm, đường thông thương có ngăn trở gì, do ta châm chước giải quyết, cùng là phải bồi phí tổn cho tỉnh thành Hà Nội và không được yêu sách khoản gì khác. Nước ấy thuận nghe tất cả, cố nhiên là tốt, thì được 1 - 2 việc, mới có thể hoà hiếu như trước. Nếu mọi việc chỉ giữ trịch

thượng, bọn tôi nhờ uy đức của nhà vua, cổ động quân dân, người giữ thì hết sức giữ vững, người đánh thì chia đường hợp sức cùng đánh, cốt mong giết hết tất cả để rửa thẹn trước.

Vua bảo rằng : Sao không lúc mới nghe Hà Thành có việc, vây ngay mà đánh, cho biết bó tay. Nay đã giao trả, đánh tất đổ lỗi cho ta, lại ngăn trở cơ hội không được sớm yên và đánh tất phải dùng đoàn quân họ Lưu, càng thêm cho chúng giận, khó giảng giải. Huống chi chúng vốn hay tức giận, chỉ mượn uy doạ nạt cầu cho được việc, nay nếu bức bách, sợ chúng phát làm bậy, giữ không giữ được. Nay hãy sửa sang thanh thế, xem chúng có cầu quá đáng hay không, việc bồi thường được vừa phải thì thôi, không thì đem quân mà đánh, đến thế là chúng tự làm ra, khó nói gượng để gỡ trách nhiệm được.

Khâm sai là Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Độ tâu nói : Phái viên nước Pháp vô cố gây việc ra, thế mà những tỉnh đạo gần đấy như Sơn Tây, Bắc Ninh, Mỹ Đức, lâm thời không biết từ xa ứng cứu, sau khi việc xong đã đến mấy tuần cũng chẳng thấy cử động gì, đều đóng quân tự giữ, để cho trước không có quân cứu viện, sau không có người làm ngay, Hà Nội công tư riêng chịu tổn hại, mà khí thế của nước ấy càng kiêu, nếu ta ỉm đi, không có biện bạch rõ ràng chính đáng, còn ra sự thể gì ? Sợ sau này nước ấy ai làm bậy như thế hầu đối đãi ra sao ?

Xin tự nhà vua quyết đoán, hoặc chuẩn y lời xin của đình thần, các thần (đình thần xin theo chuẩn cho làm ngay, Các thần xin cả nước đánh ồ ạt) hoặc phái người đi đến nước ấy hoặc tướng nước ấy, trách về cái lỗi đánh thành giết người, nên xử trí thế nào ? Công việc xếp đặt về sau của 2 nước lập rõ điều ước, mới có thể hoà hiếu lâu dài.

Vua bảo rằng : Cứ như lời tâu, cho việc đóng quân không tiến là không phải. Có lẽ quan quân thứ tâu nói lấy đánh làm việc chính, mà không theo việc làm của các ngươi, hoặc bọn ngươi thấy việc xem ra khó, cho nên làm ra lời ấy để tránh trách nhiệm. Vâng mệnh sai đi, há nên như thế. Bọn ngươi lại muốn tiến quân, không những ngăn trở sự cơ, mà muốn đổ lỗi cho triều đình đấy thôi. Trẫm rất không hài lòng. Vả lại việc không thể phải cả hai, mưu quý vạn toàn, đi sang nước ấy thì xa, không kịp việc, trách tướng và sứ thì thư phát đi, vẫn chưa trả lời ngay. Sự cơ phải đối phó ngay, há nên hoãn đợi, huống chi có phái viên nước ấy ở đấy cùng gần với các ngươi, thì nên trách, nên làm thế nào, sao không quyết định, mà xa đợi quan Thương bạc và tướng sứ nước ấy, sao kịp việc được. Nay cho Thống đốc theo Chỉ chuẩn cho trước dời đoàn quân họ Lưu đến Thái Nguyên, cho nước ấy khỏi mượn cớ đổ lỗi cho ta, bọn ngươi ở phủ, huyện ngoài thành, đều chiểu theo việc cho yên lòng dân.

Rồi đưa thư cho phái viên nước ấy trách về lòng dân, sĩ khí cùng giận đã nhiều, cũng khó cưỡng ép giảng giải được phải rút lui ngay, lòng căm phẫn của dân mới giải được, quan tỉnh mới dám nhận thành. Chúng hoặc yêu cầu quá đáng, cũng nên tính nghĩ thế nào, để cho phải nhụt, mà không có sự lo gì khác, cho làm hết trách nhiệm, chứ giữ hai mang, mà làm cho dân chúng nghe lầm.

Chọn thêm thuỷ binh tỉnh Ninh Bình. (Vì ngạch thuỷ binh, số đinh tráng còn nhiều, chuẩn cho quan tỉnh chọn thêm 62 tên để sai phái).

Trước đây, Tuần phủ Nam - Ngãi là Trần Nhượng đem việc bộ Hộ làm không hợp tâu lên :

1 khoản : Nguyên lĩnh thuế tỉnh ấy là Trịnh Xuân Điển chở tiền đem nộp đã từng xin cấm, quan ở bộ Lại đem việc Xuân Điển kêu xin, tâu xin giúp cho, trước sau bất nhất, việc thuộc thiên tư và nhầm.

1 khoản : Bộ Hộ đã xin cho Xuân Điển lĩnh trưng thuế thuốc phiện 7 hạt, nộp thuế ở Kinh trước rồi thu sau, lại vì tỉnh Quảng Nam xin cấm chở tiền, tư cho tỉnh ấy chiểu thu thuế thuốc phiện ấy, thế là muốn đổ tội bồi thường cho quan tỉnh. Hơn nữa, lúc trước tâu xin cho bọn Trình Thành Đạt, không tư hỏi căn cước, sau lại đem một tên Quách Nghiễn Khê cùng lĩnh trưng, lờ mờ không hợp. Nay xin dồn cả về bộ Hộ sức nộp vàng bạc, không đủ thì phải bồi thường.

1 khoản : Tỉnh ấy tâu bày sổ chi tiêu 7 bản, đã 4 năm nay, bộ ấy không xin gia hạn tư xét, cho bác đi cả, sự che lấp không nên để thêm ra.

1 khoản : Bộ Hộ tư cho các cửa biển trong tỉnh thu thuế thuyền mua hàng hoá của khách buôn nước Thanh, viện lệ trước sau khác nhau. Nay xin việc thuộc tư báo, dẫn dùng luật lệ, tất phải quyết định để ngăn coi thường pháp luật.

Quan ở bộ dâng sớ biện bạch : (Cho là Xuân Điển chở tiền, trước xin là ngăn mầm gian, sau xin cho là vì công khoá. Thuế thuốc phiện vì cấm chở tiền cho nên xin cho các tỉnh trưng thu, những là nộp trước thu sau, có gì là tội phải bồi thường, mà tỉnh ấy lại không chịu thu. Số chi tiêu của tỉnh ấy không nói rõ năm tháng, hoặc biên lẫn khó xét, cho nên bác đi. Thuế thuyền tải hàng hoá xuất khẩu của khách buôn nước Thanh, theo lệ gấp 2 thuyền của dân, sợ thuê thuyền của dân để mong nhẹ bớt nên tư cho tỉnh ấy châm chước mà làm cho thoả đáng, không dám cố chấp).

Vua cho là 1 việc chở tiền, đã xin cấm, lại xin cho trước sau bất nhất, quan ở bộ không đổ lỗi được. Còn như tiền thuế quan tỉnh không theo đem thu cũng là đùn đẩy, đều phải giáng cấp, lưu dụng.

Thưởng cho người lạc quyên tỉnh Hưng Yên là Đinh Khắc Khải hàm Quang lộc Tự khanh. Khắc Khải nguyên trước quyên hàm Tòng cửu phẩm văn giai, đến nay đến quân thứ quyên thêm (12.000 quan tiền), cho nên thưởng để khuyến khích.

Thưởng cho Biện lý bộ Lại là Tôn Thất Lương Thành 30 lạng bạc. Lúc bấy giờ có 2 người buôn nước Thanh là Lương Tín Hoà và Lý Chiểu tranh nhau trưng thuế quan ở Quảng Nam, Pháp ty và Nội các nghĩ bàn không hợp nhau. Vua bèn sai bộ Lại nghĩ định lại. Bộ Lại xin đều không cho trưng. Lương Thành nghĩ riêng cho là nếu muốn tăng thuế, thì sức cho Lý Chiểu theo giá đặt thêm sau cùng của Tín Hoà (đồng niên hơn 124.400 quan tiền) thu nộp. Nếu Lý Chiểu không bằng lòng thì giao cho Tín Hoà, mới thoả dạ người buôn, khỏi tranh nhau và hợp lẽ.

Vua cho là Lương Thành nghĩ xin hợp lý, cho nên đặc cách thưởng cho.

Vua cho là quan võ có nhiều người lười yếu, mà theo niên hạn để thăng, sai phái không được công trạng gì. Bèn sai bộ Binh xét kỹ quả là khoẻ mạnh làm việc giỏi mới cho thăng chức, còn người đủ niên lệ mà tầm thường già yếu thì không được thăng.

Quan bộ Binh tâu lại : Lệ trước cử nhân võ phần nhiều bổ ra các tỉnh ngoài, không mấy người bổ chức ở Kinh, nên quản suất ở Kinh ít người khoẻ mạnh. Xin từ nay về sau những cử nhân võ, người nào kỹ nghệ giỏi giang, thì chọn bổ làm suất đội các dinh, vệ ở Kinh, để giúp việc huấn luyện. Vua nghe theo.

Mới định lệ người văn học thi đỗ cử nhân võ đổi bổ sang văn giai.

(Lúc bấy giờ có tú tài thi đỗ cử nhân võ chỉ theo lệ võ cử mà bổ. Bộ Binh cho là chưa được phân biệt. Xin từ sau phàm tú tài, tôn sinh, ấm sinh cùng thí sinh mà thi đỗ cử nhân võ, đã thi Hội một lần (lệ võ cử phải hai lần thi Hội, hạng này chước định cho kịp thời làm việc), có tình nguyện đổi bổ, thì tú tài không phải hạch, còn tôn sinh, ấm sinh, thí sinh, do bộ Lại, bộ Binh hội lại sát hạch, dự trúng thì đều cho đổi hàm phái làm thừa biện ở bộ Binh, tú tài làm việc hơn 1 năm hay đủ 2 năm gặp huyện châu cầm phòng hoặc đồng tri phủ có khuyết đều cho đổi bổ lĩnh chức ấy, để cho người ta gột rửa mài giũa, may ra được nhiều nhân tài để dùng làm việc. Vua nghe theo, bèn định làm lệ).

Quan 5 tỉnh Hưng Yên, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh tâu xin gọi lính hạ ban để phòng bị. Vua nghe theo.

Khơi vét đường sông thuỷ quan Đông Thành (ở Kinh thành).

Vua cho triệu Ông Ích Khiêm về Kinh (lúc bấy giờ Khiêm đang ốm nghỉ phép).

Vua nghĩ Ông Ích Khiêm khó nhọc được việc, một hôm bảo bộ Lại rằng : Ích Khiêm khi nào quả được như thường phải về Kinh, chờ bổ dụng, đâu được tìm tự tiện bỏ, bèn cho triệu về Kinh.

Mật dụ cho quan các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình và Thanh Hoá, Nghệ An, hiểu bảo và cấm trấp dân lương, dân giáo cho đều cùng yên.

Vua xem sổ lính cuối năm của hạt Tam Tuyên (tất cả hơn 7.500 người) phàn nàn nói rằng : Số lính đông như thế, há không đủ làm việc, chỉ không hết lòng mà thôi. Có bầy tôi như thế, đáng phàn nàn.

Thôi không đánh thuế chở gạo nhập khẩu cho dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hoà.

Trước đây, nghiêm cấm chở gạo xuất khẩu mà nhập khẩu cũng chiểu lệ hàng hoá xét thu thuế. Đến nay, Tuần phủ Thuận - Khánh là Bùi Văn Quế cho là dân buôn trong hạt, đổi mua thóc gạo đem về trong hạt để ăn dùng, đổi chác, so với thuyền nước ngoài buôn bán có khác, xin thôi không đánh thuế, để cho dân vui lòng mua thóc gạo tích trữ để phòng năm mất mùa đói kém. Vua y cho. Nhân sai các tỉnh Bình, Phú, Nam, Ngãi đều thôi không đánh thuế.

Cho Bố chính Bình Thuận là Trần Lưu Huệ lĩnh Tuần phủ Thuận - Khánh (Tuần phủ cũ là Bùi Văn Quế ốm nghỉ).

Quan Thương bạc cho là quân Pháp ở Hà Nội chưa chịu rút đi hết. Xin đưa thư cho tướng nước Pháp ở Gia Định yêu cầu xử trí cho. Vua nghe theo.

Đặt trạm tạm thời ở tỉnh Ninh Bình vào đạo Mỹ Đức (3 trạm là Ngô Đồng, Tuân Dụ, Minh Nông vì đường trạm Hà Nội bị nghẽn).

Đặt thêm chức Phó đề đốc tỉnh Thanh Hoá và chức Phó lãnh binh tỉnh Ninh Bình (Thanh Hoá là nơi quê vua nghiêm trọng, Ninh Bình tiếp giáp với Hà Nội, hiện nay đều thuộc phải phòng bị). Cho Lãnh binh ở Thanh Hoá là Trần Đình Viện lĩnh chức Phó đề đốc. (Rồi lại cho nguyên Tiễu phủ bị cách, cho làm việc chuộc tội là Trương Văn Để mượn hàm Biên tu sung chức Thương biện Thanh Hoá, để có nhiều người cùng làm việc).

Trả lại hàm Chưởng vệ cho Đề đốc trước là Nguyễn Văn Hùng (người Quảng Bình) vẫn mang theo tước nam.

Trước Văn Hùng theo đi đánh giặc có quân công thăng đến Đề đốc, phong tước Mậu Công nam, sau rồi bị thua ở đồn Nà Miêu (năm Tự Đức thứ 29) bị giặc bắt, đến lúc về, theo quân thứ sai phái làm việc, đến nay chết. Vua nghĩ đến công lao khó nhọc, nên cho trả lại hàm Chưởng vệ.

Nước Thanh phái Lý Hùng Xương đi đến 5 hạt là Hà Nội, Ninh Bình, Hải Dương, Nam Định, Thanh Hoá dò xét giặc trốn.

Bọn Trương Văn Chính, Trần Ngọc Trưng 13 tên là dân 2 xã Phú Thứ, Thôi Ngôi, tỉnh Nam Định bỏ đạo theo về nghiệp nho.

Tham tri bộ Công là Lâm Hoành tâu nói : Cửa biển Thuận An là cửa ngõ Kinh sư, sự phòng bị rất là quan yếu. Người giữ chức vụ nên phải 10 phần sửa sang xem

xét, đề phòng sự không ngờ, thế mà từ tháng trước đến nay, nhiều lần tiếp các nha tư khẩn cấp, "những đồ dùng ở bờ biển ấy, trong đó mục nát hư hỏng kể đến trăm nghìn, tu bổ không phải 10 ngày kịp được, chợt có sự biến trông cậy vào đâu ?". Vả lại, lo ở nước ngoài đến nay, đã hơn 20 năm, việc phòng bị trước khi mưa, vẫn còn sơ sài, chức vụ ở đâu ? Không nghiêm trị bằng quân luật, sợ sau này không răn chừa, việc quân việc nước còn ra sao ?

Vua cho là lời nói ấy không phải là không kiến thức, duy người giữ việc ấy, có người làm đã lâu, có người mới làm, có người chuyên trách, có người kiêm biện, đều phân biệt giáng cách (đều lưu dụng) để răn.

Nhân bảo các quan giữ bờ biển rằng : Nguyên sửa sang thế nào, cho đều làm cho thoả đáng, phải cẩn mật được chắc chắn mà thôi, không được cái chèo cái sào đem thay đổi cả.

Khâm sứ đóng ở Kinh là Lê Na đưa thư nói việc phòng bị cửa biển Thuận An, lời nói rất ngang ngược khinh nhờn. Quan Thương bạc đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Chúng nói và làm như thế, làm sao tin được, phòng bị là việc thường của người có nước, đâu có thể bắt người chịu bó tay không làm gì mới thoả lòng ư ? Không trách phàm việc phòng bị của các tỉnh, chúng đều muốn triệt bỏ đi, thì khiến cho người làm thế nào được, hầu đem một chữ "hoà" trước sau đánh lừa ta chăng ?

Sai quan Thương bạc trách và tranh luận với sứ ấy. Lại đem thư ấy giao cho đình thần xét. Vua dụ rằng : Từng muốn cùng lòng hết sức làm việc để giữ được vạn toàn không quan ngại, thì nên làm thế nào để chặn lời nói của chúng, nên tính cho nhanh, tất phải mất hết trở ngại, để đối với thần và người.

Sai các tỉnh ở Bắc Kỳ chia cất thuốc súng (sợ việc ở Hà Thành).

Bãi bỏ việc đắp luỹ thêm quân ở cửa biển Thuận An.

Sau khi Hà Thành thất thủ, cửa Thuận phòng bị rất khẩn. Sứ nước Pháp tranh luận rất nhiều mà các quan trong Kinh và các tỉnh ngoài lại nhiều người dâng thư xin đánh, (tỉnh ngoài thì kinh lược, thống đốc cùng đốc phủ Hải Dương ; trong Kinh thì Vũ Văn Đức, Phạm Đình Thực đều có tờ mật tâu). Quan viện Cơ mật và Thương bạc là bọn Trần Tiễn Thành cho là những lời nói ấy so với thời thế chưa phải là kế sách nên làm, mà việc phòng giữ ở biển hiện chưa được chắc chắn làm thêm cũng chưa chắc đã vững bền, tỏ cho người biết bề ngoài, chỉ thêm nghi ngờ bắt bẻ. Xin đình việc đắp luỹ mới ở Thuận An mà rút hết biền binh phái thêm về Kinh chuyên việc huấn luyện. Quân lính cũ cũng do nha Hải phòng huấn luyện. Còn như những thứ hòm gỗ, bè nổi cũng đều theo lệ thường sửa chữa, để nuôi sức quân ta, mà vừa để cho chúng không thể lường tính được. Vua nghe theo lời ấy.

Phó sứ nha Doanh điền tỉnh Nam Định là Lại Hợp Duy bày tâu công việc khẩn điền và đào sông.

(Xin khuyên quyên, thuê đắp, nhân làm việc để thay phát chẩn. Mộ người có vật lực tự đem lương thực, điền khí đi theo để khai khẩn ruộng ; ấp nào có ruộng hoang chưa nhượng cho ai khai khẩn, gia hạn cho phải khai khẩn, nếu quá hạn không thành hiệu, thì đem ruộng ấy giao cho người mộ khẩn, thành điền, chiếu lệ lấy một nửa cho làm thế nghiệp, còn một nửa cho dân quân cấp. Các người lĩnh mộ và dẫn mộ, tư xin khen thưởng. Nếu muốn đi làm việc quan thì ruộng ấy giao cho dân cũ chia cấp. Người muốn ở lại ấp làm việc, thì chiểu số đinh ở ấp khai khẩn được ấy hao hụt bao nhiêu liệu để người mộ sung điền chịu sai dịch, lập riêng thành trại hay giáp, cùng với người mới mộ, dồn thành đội ngũ, do quan Doanh điền sứ sức sửa khí giới, lập ra trại nhà, cũng giữ giúp nhau cho xong việc làm ruộng.

Lại xin khai phận sông các xã Thanh Hương để tiêu nước ứ, đón nước ngọt vào ruộng).

Vua y cho.

Chuẩn cho tỉnh Thái Nguyên dồn mộ binh dõng. (Quân ở Thái Nguyên thượng du 400, hạ du 600).

Lúc bấy giờ Tĩnh Biên phó sứ là Trương Quang Đản chuyển về Bắc Ninh, bèn xin mộ thêm cho phòng bị được nghiêm. Quang Đản lại tư ngay bàn với Thống lĩnh quan nước Thanh đóng ở Lạng Sơn là Hoàng Quế Lan đem quân dinh ấy đến Bắc Ninh đóng để trấn áp.

Văn Minh điện Đại học sĩ là Trần Tiễn Thành theo lời Dụ xét cử Tham biện Hải phòng cửa Thuận An là Nguyễn Văn Thi và lĩnh Chủ sự quyền sung Viên ngoại lang bộ Binh là Lê Đại đều có thể làm được ấn quan. Vua y cho. Nhân bảo rằng : Cử người lên để thờ vua, là chức vụ quan đại thần. Ngươi trước cứ chỉ sai một người là Trần Văn Tuy, sao rất lâu mới thấy tiến cử, cũng là cẩn thận quá, nhưng phải được người đại tài, làm được việc lớn, mới xứng đáng, há như người tầm thường cóp nhặt nể nang mà cử đâu ? Bọn Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Chính, Tôn Thất Thuyết từ trước đến giờ chưa cử người nào, ý hẳn còn cẩn thận việc cử chăng ? Bảo cho biết tất cả.

Vua cho tỉnh Nam Định dồn tù phải giam (hơn 50 tên) làm đội Hiệu dõng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng một là ngày Bính Thìn, Nhật thực, đổi lấy ngày Đinh Tỵ là ngày mồng 2 làm lễ Hạ hưởng.

Tha và giảm thuế thiếu năm ngoái và năm trước cho dân tỉnh Lạng Sơn bị giặc cướp phá (thiệt hại nhất 29 xã cho tha miễn cả ; thiệt hại vừa 56 xã, tha giảm cho 5 thành) và hoãn điền lính khuyết một lần.

Xây đắp thành tỉnh Hà Tĩnh (năm trước lại đặt, chỉ đắp thành bằng đất, đến nay mới đổi xây bằng đá ong).

Đặt đường vận tải sông ở tỉnh Bắc Ninh (chở gạo tỉnh ấy đến Hải Phòng giao cho cục Chiêu thương nhận chở).

Tham tri bộ Công cũ là Hồ Trọng Đĩnh (Cử nhân, người ở Nghệ An, nguyên thự Thượng thư, trước cho giáng xuống hàm ấy, về quê điều dưỡng) chết. Vua cho khai phục hàm thự Thượng thư.

Sứ bộ đi sang nước Thanh là bọn Nguyễn Thuật về nước. Trước đấy sứ bộ về đến Lạng Sơn. Vua cho là Hà Nội chưa yên, sai hãy ở lại Lạng Sơn, đợi xét bảo không có điều gì trở ngại, mới được ra đi. Sau Thuật về đến Bắc Ninh, bèn xin đổi đường đi qua Sơn Tây theo thượng du Mỹ Đức, Ninh Bình về tỉnh Thanh Hoá. Đến nay đến Kinh.

Quan Khoa đạo là Lê Doãn Thành tâu nói : Nước Pháp cùng ta giảng hoà, đã có ước sẵn. Nay vô cớ đánh thành tỉnh, quấy ngoài phố, làm cừu địch với ta. Bọn Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Tĩnh Biên phó sứ Trương Quang Đản, trước đã không biết dự phòng, sau lại không biết đánh ngay, lại lần lữa trông ngóng, ngồi nhìn để lỡ sự cơ. Đến lúc nghe bàn trả lại tỉnh thành, mới dâng sớ tâu xin đánh. Bọn Kinh lược Nguyễn Chính, mình mang cờ tiết mao, phàm việc đều được tuỳ tiện làm việc, đang khi đi đường nghe tin báo lại tìm đường đi thẳng về Sơn Tây, xin tướng, xin quân, chưa nghe có thực hành một việc gì. Xin đều giao nghị xử, để răn về sau.

Vua cho lời tâu ấy là phải. (Sau đình thần bàn xin chuẩn cho bọn Tá Viêm đều giáng 4 cấp lưu).

Bộ Hộ làm tờ tâu đem số ruộng đất các quan tỉnh, phủ, huyện tỉnh Thanh Hoá khuyên bảo khai khẩn thêm tâu lên :

(Nguyên ruộng đất hoang của tỉnh ấy 36.522 mẫu, Tổng đốc Tôn Thất Phiên, Bố chính Phạm Đăng Giảng đốc thúc các phủ, huyện sức dân khai khẩn, chịu thuế hơn 3.859 mẫu. Trong đó, phủ Hà Trung nguyên ruộng đất hoang hơn 2.360 mẫu, Tri phủ Tôn Thất Vịnh đã khai khẩn chịu thuế 990 mẫu, phủ Quảng Hoá nguyên ruộng đất hoang hơn 4.249 mẫu, Tri phủ là Trần Pháp đã khai khẩn chịu thuế hơn 954 mẫu ; huyện Đông Sơn nguyên ruộng đất hoang hơn 350 mẫu, Tri huyện Trần Đình Bình đã khai khẩn chịu thuế hơn 210 mẫu ; huyện Quảng Xương nguyên ruộng đất hoang 191 mẫu ; Tri huyện Tôn Thất Đảo đã khẩn hoang chịu thuế 112 mẫu ; huyện Cẩm Thuỷ nguyên ruộng đất hoang 1.437 mẫu, Tri huyện Ngô Hữu Tạo đã khẩn hoang chịu thuế 376 mẫu ; hai huyện Hoằng, Mỹ nguyên ruộng đất hoang 4.275 mẫu, Tri huyện Trương Thiện Thuật đã khai khẩn chịu thuế hơn 560 mẫu ; huyện An Định nguyên ruộng đất hoang hơn 2.947 mẫu, Tri huyện Đào Việt Liêm

đã khẩn hoang chịu thuế hơn 393 mẫu ; huyện Nông Cống nguyên ruộng đất hoang 1.143 mẫu, Tri huyện Nguyễn Tường đã khai khẩn chịu thuế hơn 142 mẫu ; huyện Hậu Lộc nguyên ruộng đất hoang 621 mẫu, Tri huyện Nguyễn Đình Huân đã khẩn hoang chịu thuế 10 mẫu).

Vua sai chiểu theo nghị định năm Tự Đức thứ 25 mà làm.

Vua cho tế Tổng đốc Hà - Ninh là Hoàng Diệu và cho 100 quan tiền.

Vua bảo rằng : Hoàng Diệu hết lòng trung, chết vì tử tiết nghĩa hơn hẳn bè lũ. Trẫm rất thương tiếc, sai quan tỉnh Quảng Nam ban tế một tuần để yên ủi hồn trung một chút và cấp tiền 1.000 quan để nuôi mẹ viên ấy và chi việc đám ma.

Nêu thưởng cho dân thọ 100 tuổi tỉnh Quảng Ngãi (Đỗ Văn Tài 111 tuổi, Hoàng Văn Lưu, Dương Huy Đẩu đều 100 tuổi).

Cấp thêm tiền lương tháng cho lính mộ tỉnh Nam Định, Sơn Tây, Ninh Bình : (mỗi người 1 quan 1 tháng mà thôi).

Quan tỉnh Bình Định tâu nói : Tỉnh Bình Định là trấn lớn ở Tả kỳ, mà chỉ có 1 cơ bộ binh, 1 vệ thuỷ binh phòng bị, thực là đơn hư. Xin đem 500 dõng dân cơ Bình dũng đặt ra trước, đổi làm Tinh binh để phòng giữ. Vua nghe theo. Chuẩn cho dần làm cơ Bình Định hữu.

Thưởng phẩm hàm cho bọn Trần Bạch Lân quyền quản nha tuần tải Nam Định cũ, có cấp bậc.

(Trước đấy bọn Trần Bạch Lân đem binh dõng đi tuần ở phận biển Thập Bát Má Sơn bắt được thuyền giặc, đi tuần giữ 2 năm đường biển được yên ổn).

Bàn thêm lệ chủ thủ phải đền tang vật. (Người đồng phạm tang chưa đến 3.000 quan mà chia nhau phải đền không đến 200 quan, trong hạn đền xong, chiểu lệ cũ đều kém tội trước (trảm quyết) 2 bậc xử tội đồ 3 năm).

Sứ nước Pháp xin bỏ cấm buôn gạo. Quan Thương bạc tâu lên. Vua bảo rằng : Nước ấy đến ở lâu, dân gian phần nhiều hại về sinh lý, không biết lúa ruộng thế nào mà bỏ cấm. Sai trả lời cho sứ ấy biết.

Dụ các tỉnh lớn từ Thanh Hoá trở ra Bắc và các quan quân thứ liệu rút bớt binh dõng cho về để kịp mùa làm ruộng.

Vua nghe nói lúa chiêm năm nay ở Bắc Kỳ, các tỉnh gián hoặc có tỉnh được mùa, giá gạo giảm xuống, duy gần đây nhân có việc, lòng người ngờ sợ, bèn sai sức rõ cho phủ, huyện gia tâm khuyên bảo cho dân yên tâm làm ăn phải thu hoạch ngay khỏi bị bỏ phí.

Khâm sai Trần Đình Túc tâu nói : Hiện nay 3 tỉnh Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh hoặc giặc quân họ Lưu tập họp quân nghĩa dõng, hoặc ngăn lấp đường sông,

đem tờ hịch yết thị, hoặc chiêu mộ người nước Thanh, cắm chông đặt quân mai phục, tuy trách nhiệm giữ đất phải như thế. Nhưng đem đàn quân họp như đàn quạ, chống với giặc dữ như con cắt, dựa vào thành cao có vài trượng, mà đương với súng đi xa vài mươi dặm. Nếu nước ấy sinh lòng đến đánh, 3 tỉnh ấy quyết khó lòng giữ vững được. Tư bàn để làm việc cho ổn thoả, thì hoặc vin là việc ở thống đốc, hoặc vin là chưa được lệnh của triều đình. Gần đây, tỉnh Sơn Tây và quan Kinh lược tư lấy tiền gạo, dự làm lương cho quân, đều để cho nước ấy sinh lòng ngờ. Chẳng những một việc thương thuyết, tỉnh tôi khó nói nổi họ, mà đánh trước để khống chế người, chưa chắc nước ấy không lấy việc gần đây ở tỉnh tôi mà mưu tính 3 tỉnh ấy.

Xin thu về lệnh cũ, bỏ 4 chữ "Khâm sai đại thần" chỉ chuyên làm việc tỉnh, còn như công việc ở Bắc Kỳ xin chuyển giao cho Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính trông coi việc ấy cho hiệu lệnh được thống nhất mà mong làm được xong việc.

Vua dụ rằng : Ngươi được phái đi đã gần một tháng chỉ có nhận thành đã giao cho trước, còn thì không nói được một việc, lại muốn nói thác để tránh trách nhiệm. Vâng mệnh sai đi, mà lại như thế, đạo làm tôi để đâu ? Ngươi phải thương thuyết cho nước ấy rút quân ra khỏi thành, để quan quân ta tiện sửa sang làm việc. Và phái viên ấy ra khỏi thành, thì thuyền binh nước ấy đi hay ở thế nào cho người khỏi ngờ, để được hoà hiếu lâu dài.

Bọn Khâm sai Trần Đình Túc thương thuyết không được việc, đều phải giáng chức (đều lưu).

Phái Biện lý bộ Công là Phạm Hữu Hoá đi đến Hạ Châu, thuê nước Tây làm lại nồi hơi nước tàu Lợi Đạt (cho 19.800 đồng bạc).

Quan tỉnh Nghệ An xin đặt chính nha phòng khẩn ở xã Mặc Điền, phủ Anh Sơn, đặt đồn nhánh ở chỗ giáp giới 2 phủ Quỳ Châu, Tương Dương, (1 đồn ở chợ Hiếu phủ Quỳ, 1 đồn ở trạm Sòi Vàng phủ Tương), phái quân đóng đồn mộ người khai khẩn. Vua y cho.

Tỉnh Hải Dương có khách buôn là Hùng Tài Lộc, mặc quần áo Tây, đem gươm súng vào dinh Tổng đốc nói doạ nạt (nói : hắn thân với người quản biện ty thuế thuốc phiện, nếu có thiếu thuế thì do bộ xử trị, tỉnh sao được giam, nếu không tha ra, thì báo ngay quân Pháp đánh thành), liền đi ra. Đến đêm, lại thổi còi, đem người đi theo sấn đến cửa thành đánh phá, khắp cả thành sợ hãi xôn xao. Tổng đốc là Lê Điều sức bắt đem chém. Sau Lãnh sự nước Pháp bảo Tài Lộc là người nước Anh, Lãnh sự nước Anh đưa thư đến yêu sách bắt đền.

Việc ấy tâu lên. Vua sai quan viện Cơ mật đưa thư cho Tổng đốc nước Anh (ở Hương Cảng) biết rõ sự tình và tư cho Nguyễn Lập giữ lý biện chiết với Lãnh sự nước Anh (ở Gia Định). (Sau Lãnh sự Pháp trừ lấy 2.000 đồng bạc thuế thương

chính, nói là đền cho quan nước Anh, giao cho vợ con tên ấy. Đã sức cho sứ thần đến Hương Cảng hỏi quan nước Anh, thì quan nước Anh không nhận, nhưng bạc ấy, người Pháp cũng không thấy trả lại).

Lúc bấy giờ phái viên nước Pháp thường nói phải đuổi đoàn quân họ Lưu cho yên đường thông thương mới chịu rút quân.

Vua đã nhiều lần Dụ cho Hoàng Tá Viêm làm ngay. Lại sai Nguyễn Hữu Độ đi đến chỗ đóng quân của Hoàng Tá Viêm và các tỉnh Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh bắt phải dời quân giải tán của đoàn ấy đi nơi khác, không được lần lữa hai mang, để cho lỡ việc.

Tá Viêm không chịu theo Dụ, lại tâu rằng : Quan Khâm sai giao nhận chưa xong, mà thương thuyết cũng không được việc gì, xét về tình trạng, nước ấy trao trả tỉnh thành, vốn không phải lòng thực. Nay đã giữ được các viên Khâm sai ở trong tay tha hồ muốn làm gì thì làm. Nếu ta nghe nước ấy đuổi quân đoàn ấy đi, các tỉnh không phòng bị, có thể thừa thế được, thì lấn áp làm càn. Nếu đoàn ấy làm việc cho ta, phòng bị hơi vững, thế chưa làm gì được, thì yêu sách nhiều khoản.

Xin sắc cho quan Thương bạc biện thuyết với Khâm sứ nước ấy rút tàu binh đi, ta bèn giải tán binh dõng. Nếu nước ấy vin cớ nói là bảo hộ sở buôn, bắt quan Khâm sai cam đoan, sở buôn không trở ngại gì. Tôi cũng xin ra giữ quân đoàn ấy không dám làm bậy. Nếu nước ấy có đem đường thông thương trở ngại ra nói, xin phải bàn là tất phải nghị định chương trình có đủ giấy tờ rõ ràng tư cho quan nước Thanh biết, mới hợp sự thể.

Lại nói : "Toàn hạt Bắc Kỳ chỉ có tỉnh Sơn Tây là chỗ thượng du, đường sông hơi nông, lòng dân còn chưa thuận, có thể làm chỗ chống giữ. Nay nếu theo Chỉ đem quân đoàn ấy dời hết về Thái Nguyên, mà tôi về đồn Thục Luyện, đến khi có việc sợ không thể đối phó ngay được. Thành Sơn Tây khi có dao động, lại thêm khó ra, xin nên theo Dụ trước, liệu dời đến chỗ thuận tiện, mới hợp sự cơ".

Vua quở rằng : Cái tội trái mệnh lệnh quyết không thể chối được, tự bảo rằng "tướng ở ngoài, mệnh lệnh của vua có không nghe được chăng ? thì không biết làm thế nào cho hết giặc, thế mà lần lữa hai mang, không nghĩ đến lo nhọc, vẫn yên tâm được ư ?".

Lại chuẩn cho Tá Viêm theo ngay Dụ về Thục Luyện, đoàn quân họ Lưu dời hết về Thái Nguyên để cùng đánh giặc khách. Quân ở Bảo Thắng cũng hiện bảo dời đi cho chóng xong, để khỏi nói nhiều sinh sự.

Tháng 5, vua sai bắt trói ngay quan tỉnh Hà Nội (Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng, Bố chính Phan Văn Tuyển, Án sát Tôn Thất Bá, Đề đốc Lê Văn Trinh, Chánh lãnh binh Hồ Như Phong, Phó lãnh binh Nguyễn Đình Dường, Lê Trực) về Kinh đợi án.

Vua Dụ rằng : Vừa rồi Hà Thành có việc, Hoàng Diệu thề quyết chí cố giữ, thà chết không hai lòng, các quan chính nên cố sức làm việc đến chết, mới hợp nghĩa hiến thân cho nước, thế mà hết lòng trung chết vì tiết nghĩa, chỉ có một mình Hoàng Diệu. Bọn Lê Văn Trinh đều là quan to một tỉnh, sợ chết, tham sống, bỏ thành chạy trốn ; Phan Văn Tuyển lại trốn trước đến Sơn Tây, thì hèn nhát không tài quá lắm ; Hoàng Hữu Xứng tuy không ra khỏi thành nhưng không biết cùng sống thác với thành ; Tôn Thất Bá ra ngoài thương thuyết lại cùng với chúng dần dà trốn khéo, quan giữ đất đai, gặp khi hoạn nạn, há nên như thế. Đều phải cách chức trước, trói giải ngay về Kinh xét rõ, để tỏ rõ phép luật. Còn quản suất giữ thành và quan phủ huyện, thông phán, kinh lịch giao cả cho đốc phủ mới xét rõ tâu lên. (Sau đến năm Tự Đức thứ 36, tháng 11, nghị chuẩn cho Diệu được bày thờ ở đền Trung Nghĩa. Bọn Xứng đều cách chức cho làm việc chuộc tội, (sau đều cho khai phục), Tuyển phải cách chức về quê chịu sai dịch).

Chuẩn cho Kinh lược Nguyễn Chính liệu đem biền binh đi ngay đến gần chỗ Hoàng Tá Viêm đóng chọn đất đóng đồn đi lại, bàn bạc với Tá Viêm cho xác đáng, lập tức theo Chỉ chuẩn cho gần đấy và đem ngay đoàn quân họ Lưu dời đi cho xong, để tiện bàn bạc cho được việc.

Tá Viêm lại tâu : Người Pháp đến lần này, lòng dối trá, không thể lường được, mà thành Sơn Tây là nơi trọng yếu cho cả Bắc Kỳ, nếu thành Sơn Tây bị vấp, không những toàn kỳ dao động, mà chợt đến dụng binh không có chỗ đứng chân. Nay việc dời đoàn quân ấy, xin theo Chỉ chuẩn làm ngay.

Còn như tỉnh Sơn Tây xin cho quan Kinh lược đóng và trông coi để giữ cho không lo ngại.

Vua bảo rằng : Dời đoàn quân ấy là việc cần, không dời không được, nhưng cũng đến Thái Nguyên, Tuyên Quang, hoặc về Thục Luyện dẹp giặc như trước mà thôi, hãy tạm tránh xa, xem chúng còn làm trò trống gì, sẽ theo mà đối phó, cũng không là muộn, mà lỗi ấy đã không thể đổ cho ta được. Xét đến lợi hại, hoãn cấp không làm thế không xong. Nếu đánh không đánh, hoà không hoà, lưỡng lự giữ nhau sẽ không bao giờ xong, mà lỗi về ta cả, ngươi nói thế nào để giải được. Còn việc ngầm giữ Sơn, Hưng là trách nhiệm của ngươi, nay lại muốn đùn đẩy cho Kinh lược có được không ? Quan đại thần dụng tâm, đâu nên như thế, nhưng hai tỉnh ấy có một người là tội đầu, Kinh lược là thứ, rất không thể chối được. Nhưng chỉ cố giữ một thành, sao bằng tiến lui, không phương hướng, ai còn nhòm được, chỉ có khéo đối phó mà thôi.

Hoàng Tá Viêm điệu quân đoàn ấy chia đi các hạt Tuyên Quang, Thái Nguyên và Đà Giang (thượng du tỉnh Sơn Tây), mà tự về đóng đồn ở Thục Luyện, Lưu Vĩnh Phúc xin về Bảo Thắng sửa soạn việc nhà.

Vua bảo Tá Viêm rằng : Ở Bảo Thắng ngươi cũng nên hết sức bàn bạc yên ủi, chọn đất dời đi ổn thoả, cho chóng được ở yên sinh sống, chớ để bận về sau.

Vua rước Từ giá (mẹ vua) ra chơi cửa biển Thuận An, nghỉ mát mùa hè và xem việc phòng giữ bờ biển, 3 ngày về cung, Chánh phó sứ Hải phòng trở xuống đều thưởng cho tiền lương một tháng.

Trường thi võ, kỳ thứ nhất thi mang nặng, quan trường không cho bọc tay mang gạch. Võ sinh là bọn Lê Doãn Tế (người Quảng Nam) làm náo loạn trong trường chạy ra, bắt được. Việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Thi văn còn nghiêm, huống chi thi võ càng nên giữ phép làm đầu, thế mà dám khinh thường làm bậy, mầm ấy không thể để lớn thêm ra. Lê Doãn Tế (thủ xướng) tạm rộng cho một lần, xử tội trảm giam hậu để tỏ răn rõ ràng. (Khoa ấy võ sĩ trường Thanh Hoá, Bình Định đều hợp thi ở trường Thừa Thiên, sau vì có việc, thi võ lại không cử hành).

Đặt thêm quản cơ ở Anh danh, Giáo dưỡng, mỗi đội 1 người, chuyên sung cai quản huấn luyện, nhưng đều lấy người xuất thân ở Anh danh, Giáo dưỡng làm chức ấy.

Vụ lúa chiêm năm ấy các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Khánh Hoà, Ninh Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh được mùa to, Thái Nguyên được mùa vừa, còn các tỉnh khác lúa bị tai hại thì thuế tô đều chiểu từng hạng tha giảm có từng bậc.

Chọn các hạng súng lớn 20 cỗ đem đặt ở thành Trấn Hải, liệu đem biền binh tập bắn.

Trước đấy, Bố chính Quảng Bình là Hoàng Văn Vận nhũng lạm tang vật, tư tình nhiều khoản (dụng tình giấu giếm mạo nhận tiền công, tư tình nhận trâu của dân) bị Án sát Phạm Vũ Mẫn chỉ tên hặc tâu. Đến nay án nghĩ chuẩn cho phải tội lưu, phát đi an trí ở Bình Thuận. Vũ Mẫn vì tố giác được thực, được thăng thụ Thị giảng Học sĩ, vẫn lĩnh chức cũ.

Tỉnh Phú Yên có tai nạn bệnh dịch. Vua sai quan tỉnh ấy gia tâm chữa chạy. (Hơn 1 tháng dần bớt).

Thăng thưởng cho quan quân các quân thứ, (người nào đi theo quân thứ 4 - 5 năm trở lên, có chém bắt được giặc và người không bắt chém được giặc mà ở quân thứ đến 6 - 7 năm, thì phân biệt cho thăng thụ và khen thưởng) có cấp bậc.

Quan quân đạo Tấn Hoá và quân được huấn luyện là Hoàng Tuấn Phương tiến đánh sào huyệt giặc Lan Mã, (bọn giặc Thật Châu), thắng trận, Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem việc tâu lên. Vua sai thừa thắng, theo chân đánh, cốt bắt được bọn tướng giặc ấy kết án trị tội cho hết sạch khí độc ở biên giới.

Cho ngành Thịnh Thái công Hồng Phó đặt tên đổi theo bộ Mã. (Nguyên cho đặt tên theo bộ Cân, nay số tên đã hết, còn lại phần nhiều không phải chữ hay, cho nên cho đổi).

Cách Cử nhân của Phạm Viết Duy (người xã Chính Mông, tỉnh Quảng Ngãi). (Viết Duy lấy vợ của Phan Nghị, là Cử nhân đỗ đồng khoa, lại đang cư tang, bị vợ lên tỉnh kêu kiện).

Cho Lãnh binh tỉnh Quảng Yên là Tạ Hiện thăng Chưởng vệ lĩnh Đề đốc Bắc Ninh (Đề đốc cũ là Lê Trì tầm thường phải triệt về đợi xét).

Phát chẩn cho thôn Lý Hoà (thuộc huyện Bố Trạch), tỉnh Quảng Bình bị hoả tai (256 hộ).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXVIII*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Nhâm Ngọ, Tự Đức năm thứ 35 [1882], mùa hạ, tháng 6, vua sai viện Thái y phái Cửu phẩm y sinh là Nguyễn Văn Tâm đi sang Hương Cảng học phép trồng đậu của Y viện Đông Hoa.

Quan tỉnh Quảng Yên cho dân phủ Hải Ninh đến Hải Dương, Hải Phòng mua gạo.

Vua bảo rằng : Hạt ấy địa thế hẻo lánh, ruộng cấy lúa có ít, nên gặp năm được mùa, dân chưa đủ ăn, vẫn phải cho mua gạo thông thương dân mới được tiện. Duy gần đây, tệ gian cũng nhiều, hạt gạo thường lọt ra nước ngoài. Chuẩn cho chiểu lệ cứ 4 tháng mạnh đến tỉnh Hải Dương mua gạo chở về mỗi tháng 1 lần.

Cấp tiền gạo cho dân 2 xã (Đào Xá, An Cần) tỉnh Hưng Yên bị lính Pháp đốt nhà, giết người.

Bản thảo sách *Đại Nam nhất thống chí* đã xong. Quan Quốc sử quán tâu xin cho thợ khắc bản in.

Vua bảo rằng : Cần phải tinh tường mới khắc, để khỏi bị chê về sau như sách *Việt sử* cũ. Lại cho là bản thảo là cứ theo từ năm Tự Đức thứ 18 trở về trước mà làm, sau này thay đổi tỉnh, đạo (như Quảng Trị, Phú Yên, Hà Tĩnh năm Tự Đức thứ 18 trở về trước là đạo, sau đổi đặt là tỉnh và các phủ, huyện thuộc các tỉnh Hà Nội, Ninh Bình, Sơn Tây, Bắc Ninh gián hoặc có chia ra hợp lúc) và những trung thần, nghĩa sĩ còn nhiều người chưa kịp biên tiếp lại sai biên thêm từ năm Tự Đức thứ 34 trở về trước làm hạn. (Sau biên thêm chưa kịp tiến trình, đến năm Hàm Nghi thứ nhất, bản thảo ấy vì có việc bị thất lạc).

Bắt đầu đặt nha Sơn phòng ở tỉnh Hà Tĩnh. (Ở 2 đồn Quy Hợp, Hà Tiên thuộc địa hạt 2 huyện Hương Sơn, Hương Khê đến tỉnh thành độ 2 ngày đường). Chế cấp cho ấn quan phòng và dấu kiểm, đặt 1 phó sứ (vì nha Sơn phòng ấy ít việc, không đặt chánh sứ, tuần phủ phải đi lại kiểm đốc), 2 tham biện (lấy 2 viên huyện hạt ấy sung chức tham biện). Chủ sự, tư vụ, bát, cửu phẩm mỗi chức 1 người, thư lại, thông ngôn, y thuộc mỗi chức 2 người, liệu trích 270 lính tỉnh, thuộc vào nha ấy.

Chọn các hạng súng lớn 6 cỗ, chia đặt ở cửa biển Tư Hiền đem biền binh diễn tập.

Cho dân Man thượng du tỉnh Thái Nguyên chuyển về ở hạ du để hết giúp lương cho giặc. Vì thế, dân ở Bạch Thông, Võ Nhai và dân ở gần hồ Ba Bể di cư về xung quanh tỉnh, khoảng 3.000 người. Vua sai liệu cấp cho lương ăn.

Sai bàn kỹ về thuỵ hiệu xuất đế nhà Lê. Vua cho là xuất đế nhà Lê nối theo đời cuối nhà Lê, việc nước nát loạn quá lắm, dẫu có người hiền triết cũng không cứu được, huống chi vua ấy là người ngờ vực khắc nghiệt, còn làm gì được. Duy bị người lừa dối, kiềm chế ở quê người đến nỗi đau đớn mà chết, thân tuy chết nhưng lòng không chết thực cũng đáng thương. Tuy khảng khái không bằng Trạng Liệt nhà Minh, Trùng Quang nhà Trần, nhưng theo nghĩa vua chết theo Xã tắc, cũng là không hổ thẹn, đã gia ơn hậu táng, việc ban ơn cho nước bị diệt, cùng đã hết lòng nhân nghĩa. Nhưng quan bộ Lễ lúc bấy giờ chưa kịp xét xin, nên thuỵ hiệu còn thiếu nên truy đặt tên thuỵ là Mẫn đế, giao cho văn ban đình thần xét xem có hợp không. Sau tâu trả lời : Xuất đế trước tên thuỵ là chữ "Nghị", xét ra không có chứng cớ rõ ràng, xin theo lời phê thi hành. Bài vị viết lại các chữ "Lê Mẫn hoàng đế".

Vua bảo rằng : Việc ấy không cần kíp, phải xét cho kỹ hãy làm (sau đến năm Kiến Phúc thứ nhất, vẫn theo lệnh trước truy đặt tên thuỵ là Mẫn hoàng đế).

Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật tâu nói : Bộ sách *Việt sử* các kỷ từ đời Đinh đến đời Lê đã kiểm duyệt rồi xin lần lượt viết kỹ (1 bản viết chữ theo lối nhà Tống, 1 bản viết chữ chân phương, đều biên những chữ vua ngự phê ở thượng tầng) giao cho tỉnh Hải Dương khắc bản in. Vua nghe. (Đến năm Kiến Phúc thứ nhất, hiện đang theo thế mà làm, việc bàn truy thuỵ Mẫn đế, cũng đã biên thêm vào).

Nêu thưởng tiết phụ tỉnh Thừa Thiên. (Nguyễn Thị Thuần, Nguyễn Thị Quản đều hạng bình).

Sai chọn công nữ, công tôn nữ, tôn thất nữ 30 tuổi trở lên, thực là ở goá, tính nết thuần cẩn, thì cho sung làm phụng trực các tôn điện, nhưng lấy 3 năm hay 5 năm làm hạn, nếu ai muốn ở lại thì không cứ hạn.

Vua đi chơi cửa biển Tư Hiền, xem xét việc phòng giữ cửa biển, 3 ngày về cung.

Sai Kinh lược sứ Nguyễn Chính chọn đất đóng quân, để thời thường đi đến các tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương xét hỏi dân tình lại tệ và những người gian nhũng làm hại dân thì tâu vào.

Kinh lược sứ là Nguyễn Chính, Bùi Ân Niên tâu nói : Hiện nay theo lệnh đi đến các tỉnh xét hỏi, quân đi theo đánh bắt giặc cướp chỉ có 400 tên, phân phái không đủ. Xin để lại quân 2 vệ Tiền phong, Long võ (200 tên trước thuộc sai phái, nay về đóng ở Nghệ An) mang đi theo để sai phái. Vua y cho.

Chuẩn định lệ bắt đầu bổ võ cử cũng như ban văn. (Lệ định võ cử bổ thí sai đội suất, 3 năm không có lỗi mới được thực thụ. Nay chiểu theo lệ cử nhân văn bắt đầu bổ, không kể người phải xử phân đình lưu, đủ hạn bổ thụ ngay, sau đều chiểu lệ người làm quan mà làm).

Cha con Tri châu Lai Châu, tỉnh Hưng Hoá là Điêu Văn Xanh bị đầu mục giặc là Vy Anh quấy rối, bỏ châu lỵ đi chỗ khác. Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem việc tâu lên.

Vua bảo rằng : Cha con Điêu Văn Xanh là thổ hào, dân trong châu vẫn tín phục. Hiện nay chẳng qua bọn giặc lẻ tẻ tràn đến quấy rối, mà con tên ấy là Điêu Văn Bảo, hiện cai trị châu Mai Sơn, cũng đã chống đỡ nhau, nếu quả là đi nơi khác, chưa chắc đã trốn đi hẳn, một mặt sức hỏi Điêu Văn Bảo xem cha, anh tên ấy ở đâu, một mặt phái người được việc đi khắp xét hỏi gọi về ngay cho giữ chức cũ, để tỏ ý triều đình thu dụng thổ tù.

Vua bảo bộ Binh rằng : Gần đây Hà Thành có việc, các quân thứ hiện làm việc thế nào ít thấy tâu báo, Trương Quang Đản chỉ tâu có một vài đứa đầu mục vô danh đến quân dinh xin thú mà thôi, còn như giặc giảo quyệt như bọn họ Lục, họ Đàm, ẩn nấp ở chỗ nào, quân nước Thanh cùng quân ta không nghe thấy có dò xét gì. Hoàng Tá Viêm chỉ nói giặc ở Lai Châu, ngoài ra lại không nghĩ đến. Nay việc ở biên giới đã làm được 8 - 9 phần, binh dõng còn để lại nhiều, mỗi ngày tiêu hàng nghìn bạc, lúc này không quét cho sạch, chẳng hoá ra vì nghẹn mà bỏ bữa ăn, thực sợ tro tàn lại cháy, công phu trước bỏ hết, thì làm thế nào.

Lại nghe nói, quân nước Thanh sang lần này gián hoặc có quấy rối, dân ngoài biên khổ không chịu được, vả lại sau khi tàn phá, nếu làm như thế dân chịu sao được. Nên sức cho Tuần phủ Lạng Sơn là Trương Tư Thứ nói khéo với Hoàng Quế Lan nghiêm cấm bộ đội, chớ làm cho dân phải khổ mới được.

Phái viên nước Pháp xin đặt đồn ở sông Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây (thuộc huyện Bạch Hạc), vua không nghe.

Cho nguyên Hộ đốc Bình - Phú là Hồ Đăng Phong (năm trước ốm nghỉ) đổi bổ làm Tả tham tri bộ Binh.

Lúc bấy giờ Thống đốc Hoàng Tá Viêm nghĩ việc dời đoàn quân họ Lưu là việc khó khăn, tâu xin giao việc ấy cho quyền Tuần phủ Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ khu xử. (Nói Nguyễn Hữu Độ đi lại với Lưu Vĩnh Phúc rất là chu đáo và tháng trước, Hữu Độ đã hứa cấp cho bạc tiền, viên ấy lấy lời nói của Hữu Độ làm xứng ý).

Vua sai sức hỏi Hữu Độ xem có quả thế hay không, nay nên trù nghĩ thế nào, tâu trả lời ngay. Nguyễn Hữu Độ tâu rằng : "Lưu đoàn tính vốn hung ác, trước đã tuân lệnh đến bảo đoàn ấy nên dời đến Thái Nguyên đánh dẹp bọn giặc khách, đoàn ấy nói phàm việc đi hay ở, chỉ theo hiệu lệnh của Thống đốc, khiến cho dời đến Thái Nguyên đã khó, huống chi dời ra Bảo Thắng lại càng khó. Đang lúc sự thế cùng bách này, nếu trước hiểu bảo về nghĩa phận mà hắn cố chấp không theo, cũng nên dụ bằng hậu lợi hoặc có thể nghe theo rút đi, cũng được bớt việc. Tôi đến bàn kín với Thống đốc Hoàng Tá Viêm về việc ấy, Thống đốc trả lời rằng : Chỉ nên bảo cho chúng biết đức ý của triều đình, cũng là hiện nay hòa hiếu như trước, quan quân theo lời Dụ đều giải tán, yên lặng đợi lệnh. Còn như dời khỏi Bảo Thắng, ý ấy chớ vội hở ra, thì việc xử trí đoàn quân họ Lưu, trong bụng Thống đốc đã có kế hoạch sẵn rồi, tôi đâu dám khinh thường nói đến việc cấp cho tiền bạc. Vả lại, Thống đốc danh vọng to, chức quyền trọng, Vĩnh Phúc theo liền ở trại quân đã 10 năm nay, còn nói là không có ân ý có thể tin được, tôi là kẻ tân tiến danh vọng ít, đi lại với hắn chưa đầy 1 tháng, có ân ý gì mà cảm động được họ. Việc xử trí đoàn quân của họ Lưu xin giao cho quan Thống đốc theo Dụ chuẩn cho làm cho ổn thoả, để làm việc từ trước đến sau được trọn vẹn".

Vua Dụ rằng : Nguyễn Hữu Độ trước cùng Trương Quang Đản đều sung Tĩnh Biên phó sứ, cùng với Thống đốc Hoàng Tá Viêm cùng làm việc, gần đây vì việc ở Hà Thành khẩn cấp, chuẩn cho chuyển về quyền Tuần phủ Hà Nội, nay lập tức điệu về chức Phó sứ trước, cùng đóng với Tá Viêm, bắt 3 viên Chánh, Phó sứ ấy đều hết lòng xử trí cho khéo, phải làm việc cho xong việc, quyết nhiên không thể đổ cho ai được.

Cho thự Thống chế dinh Long võ là Phạm Trinh về quê hưu trí, cho Lãnh binh ở Nam Định là Nguyễn Hữu Ngoạn thăng thụ Chưởng vệ quyền coi dinh Long võ.

Cho Quang lộc Tự khanh Thương biện Hà Nội tỉnh vụ là Vũ Như quyền sung Tuần phủ Hà Nội.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu 3 điều xin chấn chỉnh việc quân 3 tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh.

(1 - Quân 3 tỉnh ấy vốn có tiếng là dũng cảm, gần đây nhiều người già yếu không ra hồn lính, xét ra bởi vì tổng lý tha người giàu bắt người nghèo đi lính, quan phủ, huyện chia nhau ăn tiền, mà quan tỉnh không chịu chấn chỉnh. Xin cứ đến kỳ

giải lính cho đủ, tất do phủ, huyện xét hỏi tên nào đích là nhà có đa đinh, có vật lực, thân thể khoẻ mạnh, lấy đủ hào mục cam đoan mới cho điền thế. Nếu nhẹ dạ nghe lời tổng lý bắt ức người nghèo, con mồ côi và thuê người đi thay, việc ấy phát giác ra, trừ tổng lý đã trị tội rất nặng không kể, phủ, huyện chiểu lệ không hết chức vụ phải cách chức. Quan tỉnh cũng theo thứ bậc giảm dần.

2 - Quan tỉnh thường xem xét quản suất, người nào không làm nổi việc thì bắt phải về hưu, người làm việc giỏi thì không cứ có phẩm hàm hay không đều xét xin sung bổ, hoặc thí sai, quyền sung, để đủ sai phái. Sau có phát ra dấu tích hèn kém, theo tội cử nhầm trị tội.

3 - Khi bắt lính điền thế, ban quản suất thường hay đòi ăn tiền lễ. Nay xin mỗi suất lính chỉ cho phụ cấp 10 quan tiền, để chi vào áo quần, gươm, nón cho lính ấy, nếu còn quen tệ cũ sách nhiễu, thống, quản, chưởng, lĩnh dò xét hặc tội tâu lên, lập tức đem kẻ phạm chém ngay).

Vua bảo rằng : Đấy là bệnh chung, hãy cố sức thi hành ở 3 tỉnh ấy 1 - 2 năm xem thế nào tâu lại, sẽ cho thi hành khắp cả các tỉnh.

Cho Nguyễn Hanh theo chức cũ (Đô thống Hậu quân sung Hải phòng sứ) đến đóng ở đồn cửa biển Thuận An cho có chuyên trách, tất cả các việc phải làm phòng thủ ở đồn ấy như thành luỹ, khí giới, đốc sức lũ phòng luyện, tham biện thời thường sửa sang huấn luyện để cho chỗ cửa ngõ Kinh sư được mười phần vững chắc. Hanh tâu nói : "Xin cho Phó phòng luyện là Lê Viết Diễn chia đóng ở các đồn Lộ Châu tân luỹ, Hải Trình, Quy Lai, Trung Hữu, Triều Sơn ở phận sông bên hữu ; Phó tham biện là Nguyễn Văn Thi chia đóng ở các đồn Lộ Châu tiền hậu, Hy Du, Thuận Hoà, Thuỷ Tú ở phận sông bên tả ; còn như đồn vuông, luỹ tả hữu Hải Thành ở cửa biển ấy và các đồn Hoà Quân, Trấn Lãng, Cáp Châu, Phổ Lợi đã có Phòng luyện là Ngô Đạt, Tham biện là Cao Hữu Sung trông coi, tôi cũng thời thường đi lại đốc sức, ngõ hầu đều có người theo địa phận xem xét chỉnh đốn, mới được chu đáo, vững chắc". Vua y cho.

Thị vệ hiệp lãnh là Nguyễn Văn Thành thân hành đưa con gái đến Dục Đức đường làm thứ thiếp, lạm dùng võng đỏ bằng đầu, nói dối là được Từ chỉ (lệnh của Thái hậu), thị vệ là bọn Nguyễn Tường đem việc tâu lên.

Vua bảo rằng : Quan viên giao thiệp riêng với hoàng thân, hoàng tử, đã nhiều lần nghiêm cấm, cho đến việc lấy vợ lấy chồng, đều có lệ nhất định, Nguyễn Văn Thành mình hầu chỗ cấm cận, càng nên giữ phép, thế mà tự mình phạm phép trước, đến lúc hỏi lại không thú thực, lại dám nói bậy là có Từ chỉ, tội lại càng nặng. Xử tội mãn trượng (100 trượng), đồ 3 năm. Hoàng trưởng tử cũng chuẩn cho phạt bổng 2 năm.

Đê cũ huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh bị vỡ. Vua nghe tin, sai quan Khoa đạo là Trần Danh Trứ (lúc bấy giờ được phái đến Nam Định tra án) đến tận nơi xét rõ dân tình tâu lên. Danh Trứ liền tâu nói : Nước lụt hơi muộn, lúa chiêm đã gặt xong, dân tình không tổn hại gì. Xin bàn do quan 2 tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên (chỗ đê vỡ ấy ở giáp hạt Hưng Yên) liền bắt dân trong hạt, tuỳ tiện quyên tiền mà làm, để chống giữ nước. Vua y cho.

Quan tỉnh Hà Nội dâng sớ nói : "Kho tỉnh ấy hiện chứa và các hạng thuế phải thu, tiền có ít mà thóc gạo nhiều. Vậy thóc phải thu năm nay, một nửa xin chiểu giá chợ (mỗi phương thóc 2 quan 9 tiền) và thêm tiền vận tải (1 tiền), liệu thêm lên giá mỗi phương thóc 3 quan 5 tiền, cho dân nộp thay bằng tiền". Vua y cho.

Quyền lĩnh Tổng đốc Hà - Ninh là Trần Đình Túc vì ốm xin nghỉ. Vua bảo rằng : Ngươi nên cố gắng cùng làm để cho xong việc. Đợi việc ở Hà Nội yên ổn, trẫm không bắt ép, chỉ toàn danh phận của ngươi mà thôi.

Mùa thu, tháng 7, tỉnh Quảng Trị bị nạn bão. Vua sai quan tỉnh khám thực cứu giúp cho dân. (Sau rồi quan tỉnh ấy không đem ngay việc làm tâu lên, bộ tư giục 2 - 3 lần, đến hơn 3 tháng mới có tập tâu dâng lên, phải tội không để tâm đến dân, phải giáng cách có cấp bậc (quan tỉnh phải cách, quan phủ, huyện phải giáng 4 cấp, đều lưu dụng).

Biển tỉnh Bình Thuận có tiếng kêu hình như tiếng súng (tiếng lớn, tiếng nhỏ xen nhau phát ra suốt ngày, tiếng vang suốt đến Bắc Kỳ).

Cấp cho trẻ lạ tỉnh Hưng Yên là Nguyễn Văn Kỳ (lên 8 tuổi, nhà nghèo mà thông minh, chăm học) mỗi tháng 3 quan tiền, 1 phương gạo, áo quần mỗi thứ 2 cái, mỗi năm cho 1 lần. (Văn Kỳ sau bị quan nước Pháp mang sang nước ấy).

Cho trường thi Hương tỉnh Hà Nội thi chung cả ở Nam Định (sau lại hoãn).

Thuyền giặc biển đậu ở cửa biển tỉnh Hà Tĩnh. Quan coi cửa biển ấy bắt được quân giặc và cỗ súng đem giải nộp. Vua cho tiền để thưởng.

Cấp thêm tiền gạo cho dân bị hoả tai ở quanh thành Hà Nội. (Lệ trước, hạng thiệt hại nặng mỗi hộ cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo ; hạng thiệt hại nhẹ thì 1 quan tiền, nửa phương gạo. Nay cấp thêm hạng thiệt hại nặng nhất mỗi hộ 3 quan tiền, 1 hộc thóc ; hạng thiệt hại nặng vừa mỗi hộ 2 quan tiền, 1 hộc thóc ; hạng thiệt hại nhẹ mỗi hộ 1 quan tiền, 1 hộc thóc. Vì tỉnh ấy có chiến tranh, dân bị thiệt hại lắm.

Lúc bấy giờ nước Thanh nghe biết Hà Thành ta có việc, hai tỉnh Quảng và tỉnh Vân Nam đều phái nhiều quân đến đóng ở ven biên giới Trung Quốc. (2 phủ Lâm An, Khai Hoá giáp tỉnh Hưng Hoá ; các châu Quy Thuận giáp tỉnh Cao Bằng ; Long Châu giáp tỉnh Lạng Sơn ; Liêm Châu, Quỳnh Châu giáp tỉnh Quảng Yên). Sai quan

tỉnh Vân Nam là Tạ Kính Bưu đem trước 3 dinh đến Quán Ty (thuộc huyện Trấn Yên, tỉnh Hưng Hoá) mà các đạo cùng báo nhau lần lượt ra cửa quan đóng để trấn áp, dân gian ở Bắc Kỳ đồn bậy rằng : Người nước Thanh đến tranh lấy Bắc Kỳ làm kế tự giữ. Tuần phủ Hưng Hoá là Nguyễn Quang Bích đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Lấy lòng kẻ tiểu nhân do bụng người quân tử, người nước Thanh đâu có làm việc bất nghĩa như thế, nhân đem thư của Tổng đốc Quảng Đông đưa đến bảo cho quan các tỉnh biết, sai đều gia tâm khuyên bảo sĩ dân, chớ đem lời đồn phi lý mà làm mê hoặc nhau. (Trong thư nói : Việc quân Pháp xâm chiếm Hà Nội, đã do quan Tổng lý các quốc sự vụ là Vương đại thần tâu lên, Đại hoàng đế xuống chiếu cho các đốc phủ Vân Nam, Lưỡng Quảng gia tâm phòng giữ và cho Vương đại thần đến tận nơi hỏi sứ thần Pháp đóng ở Trung Hoa bảo về nước Việt Nam thuộc Trung Hoa, nay nghe quân Pháp đánh giữ thành nước Việt, có ngại đến nghĩa giao hiếu của 2 nước, nếu do sứ thần nước Pháp đem nghĩa ấy chuyển bảo cho Bộ Ngoại giao Pháp, cốt cho trọn nghĩa bang giao. Lại cho Tăng đại thần sang sứ nước Pháp giục, Bộ Ngoại giao nước Pháp ra lệnh cho quân Pháp ở Việt Nam rút ra hỏi thành trì Hà Nội để giữ vững tình hữu nghị, đó đều là thiên triều yêu mến thuộc quốc không lúc nào ngơi, trừ ra tuỳ thời đến nước Pháp bàn bạc và đợi nước Pháp trả lời chước lượng làm việc không kể, cùng nên tư cho biết để tra xét). Vua lại cho là quân nước Thanh nếu sang, ta là chủ nên tuỳ nghi khoản tiếp, dò xét cốt cho đắc thể, chớ để mất lòng. (Lúc trước Hà Thành thất thủ, vua nước Thanh dụ ngay cho các nha môn quân cơ trù tính việc phòng bị ngoài biên cho chu đáo, Tổng đốc Trực Lệ kiêm Biện thông thương sự vụ đại thần là Trương Thụ Thanh (trước làm Tổng đốc Lưỡng Quảng) tâu rằng : Theo độc ác ngầm của nước Pháp, Nam Kỳ của Việt Nam đã bị bỏ mất, Bắc Kỳ đâu dễ giữ được, mà nước Pháp còn lần chần nghĩ kỹ, chưa dám thôn tính ngay, cố nhiên là bởi Bắc Kỳ hiểm trở, sức hoặc không thể lấy ngay được, cũng ngại vô cớ nổi lên chiến tranh, sợ Trung Quốc hỏi đến, cho nên buộc nước Việt Nam ngay vào trong điều ước thông thương, nhân lúc sơ hở làm ra trái ước, bắt làm ước lại, tức bề trong thu được lợi đất đai mà bề ngoài chối cái tiếng cướp nước, nước ấy không có thế đến phạm Trung Quốc, ta cũng không có lẽ sinh sự với nước ấy trước, đây là mưu xảo trá của nước Pháp, mà Trung Quốc mưu tính nước Việt càng không thể hoãn được. Tổng lý nha môn Vương đại thần nghĩ nước Việt Nam bị nạn, nước Pháp ngày càng lấn, mà tính đến thêm quân cứu viện chưa kịp, lo vì mất hết rào giậu. Tôi nghĩ các tỉnh ở Bắc Kỳ thực nước ấy vẫn nhòm ngó, thực là phên che của tỉnh Vân Nam và Lưỡng Quãng, trong 3 tháng quân Pháp đánh phá Bắc Kỳ, sự cơ ngày càng gấp, sau người Pháp lại đem thành trì giao trả cho quan Nam, quỷ quyệt biến đổi luôn, ý không thể lường biết được, thực sợ lại dùng mưu cũ chiếm giữ 6 tỉnh ở Nam Kỳ, làm hoà ước mới,

thu Bắc Kỳ ở trong tay, bắt nước Việt Nam phải theo, việc quả đến thế, nhân đấy đối phó càng khó. Cách phòng giữ biên giới của Trung Quốc ngày nay chỉ có sai quân đóng giữ của tỉnh Vân Nam, Quảng Đông giữ ở ngoài biên giới vẫn lấy tiếng là đánh thổ phỉ nước Việt Nam để mưu tiến lên, tức làm chỗ cho quân ta đóng giữ, hoặc khỏi sự lo người Pháp lấn dần. Tóm lại, Hồng Hà là Pháp vẫn chú ý, Bắc Kỳ là ta tất phải tránh, giữ ở 4 bên, phòng bị trước khi có việc. Nước Việt Nam khó mong tự tính được, nước Trung Quốc tất không nên tự để lỡ việc".

Vua nước Thanh mới giáng Dụ cho bọn quyền Tổng đốc Quảng Đông là Du Khoan, Tuần phủ Quảng Tây là Nghê Văn Uốt, Tổng đốc Vân Quý là Lưu Trường Hựu đều sửa tuyển quân thuỷ, quân bộ chia đóng chỗ yếu hại, để làm thanh thế cứu viện xa cho Bảo Thắng, chớ chỉ làm kế đóng cửa tự giữ).

Phái viên nước Pháp nghe biết quân nước Thanh tụ tập đông cũng đem thêm tàu binh đến đóng ở các xứ Sơn Tây, Hưng Hoá, Bạch Hạc (mỗi nơi 2 chiếc). Hoàng Tá Viêm lại giục ngay Lưu Vĩnh Phúc về Thục Luyện và sai các toán quân huấn luyện đến Hưng Hoá, Thái Nguyên đều triệu về đóng ở chỗ gần tỉnh Sơn Tây.

Vua sắc cho Thống đốc cùng 2 Phó sứ Tĩnh Biên, các đạo quân ở Tam Tuyên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, hễ có quân nước Thanh đến đóng gần, đều phải cấm trấp thuộc hạ yên lặng để đợi lệnh, không được hành động bậy, xem hai bên làm việc cử động thế nào, tâu lên ngay.

Thuyền giặc biển đến cướp giết dân ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Quan tỉnh và quan huyện vì không đánh bắt được giặc ấy, đều phải giáng chức. Những dân bị nạn đều cho tiền tuất.

Thự Thượng thư bộ Công là Lê Hữu Tá (Cử nhân, người Sơn Tây) chết, vua cho truy thụ hàm Thượng thư.

Cho Tĩnh Biên phó sứ đạo Lạng Giang là Trương Quang Đản thự Tuần phủ Bắc Ninh, hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái, vẫn kiêm sung quân vụ Lạng, Bằng, Ninh, Thái. (Thự Tổng đốc trước là Nguyễn Huy Kỷ ốm nghỉ).

Ở núi Cửu Đầu, làng Hướng Hoá, tỉnh Quảng Yên, người nước Thanh đem nhau đến ở, số người càng nhiều, quan tỉnh ấy xin biên thêm vào sổ đinh cho đóng thuế.

Vua bảo rằng : Làng ấy ở xa ngoài hải đảo, bọn côn đồ lẫn lộn, nên xét người lương thiện thì cho ở, người bất đắc chí thì đuổi đi, để khỏi ngại về sau.

Vua Dụ bộ Hình rằng : Đối với tình quân nên phải thể tất thương yêu. Ngày thường có vỗ nuôi sẵn thì đến khi có việc cùng hăng hái, cùng vững chắc. Nhưng cần phải mọi việc được thực, không lạm, quân lính mới biết ơn biết phép. Nay các

Thống chưởng đều chọn chỗ tiện ở xa, không từng thân đến trại lính, quân lính thì tệ ốm yếu, thiếu khí giới, quân phục thì hỏng nát, đều không biết đến, còn nói gì đến vỗ nuôi, huấn luyện sẵn sàng được. Bộ nên nghiêm sức cho các Thống chưởng phải tự mình xem xét.

Vua cho là Hà Thành Pháp đã giao trả, không phải thương thuyết gì. Cho Trần Đình Túc bỏ bớt hàm Khâm sai, chuyên làm việc tỉnh ấy.

Phủ Thừa Thiên mưa to luôn mãi. Vua sai quan phủ ấy cầu tạnh.

Vua Dụ phủ Tôn nhân rằng : Dòng dõi nhà vua ngày càng phồn thịnh, quan trong phủ tất phải có nhiều người để kiểm soát, dạy bảo ; khiến cho công tử, công tính đều làm điều phải, tránh sự bậy, chăm học thành tài, mới có thể dùng được. Thọ Xuân vương tuổi già, việc ở phủ không thể làm được, chỉ nhờ đức vọng lão thành để làm gương mẫu, giúp việc phải có người tinh nhanh, khoẻ mạnh, để cùng làm việc. Vởy, Tuy Lý quận vương đổi sang quyền chức Hữu tôn chính ; Gia Hưng công Hồng Hưu quyền chức Tả tôn nhân ; Lãng quốc công Hồng Dật quyền chức Hữu tôn nhân. Vả lại, ngoài trong đều phục, nhờ người rất thân của ta, đều nên cẩn thận chức vụ, cho kẻ dưới bắt chước, không phạm sự bậy, cùng hoá thành người tốt, công tử, công tính, công tộc đều tốt đẹp cả, làm thành vững của ta, mới xứng ý trẫm.

Tha thuế lệ cho 3 xã (Giản Ngoại, Lục Giới, Hữu Thượng) phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh. Vì liền mấy năm bị giặc quấy rối và bị nạn hổ làm hại người.

Quân tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn quân nước Thanh bắt được tướng giặc là Lục Chi Bình giải nộp. Vua sai thưởng cho (quân tỉnh Tuyên) và khoản đãi uỷ lạo (quan nước Thanh).

Cho Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật kiêm sung chức Sư bảo ở Dục Đức đường và Chính Mông đường.

Dụ rằng : Đời xưa con của vua tất phải đặt chức sư phó có đức hiền cho đến các chức dụ đức, tán thiện cũng chọn người đoan chính thuần cẩn, để cho ngày đêm cùng ở trông thấy việc phải, nghe những lời hay, để tiến đến chỗ sáng tỏ, việc để giúp dạy, có các thứ ấy. Chức sư phó ở hai nhà Dục Đức, Chính Mông trước Nguyễn Chính kiêm sung chức ấy, gần đây vì phái đi làm việc khác, không có người dạy bảo, đã không được dạy, tất có lầm lỗi, không có sư phó nghiêm chính, sao được đúc nên đức nghiệp. Thượng thư bộ Hình sung Cơ mật viện đại thần Phạm Thận Duật là người rất có phẩm hạnh, văn học cũng khá, cho theo hàm của mình kiêm sung chức Sư bảo 2 nhà Dục Đức và Chính Mông, phải thời thường đôn đốc thúc bảo ban, lại đều đặt thêm chức tán thiện, giảng tập mỗi chức 1 người, ngày đêm cùng giảng kiêm thúc chớ để cho phóng đãng, ngoài ra không được nuôi dung người nào, để khỏi dỗ bậy sinh hư, các ngươi đều nên thể tất lòng trẫm, làm hết chức vụ.

Tháng 8, đặt thêm ổ súng ở thành Trấn Hải.

Ngày Quý Hợi, sao sa, có tiếng vang như sấm.

Dời làm thành chính phủ và phân phủ Yên Khánh (thuộc tỉnh Ninh Bình). (Chính phủ ở hạt huyện Yên Mô ; phân phủ ở địa phận 2 hạt Phong Doanh, Ý Yên).

Sao dài mọc ở phương Đông. Nửa canh 5, mọc ra ở phận sao Dực, sao Chẩn, từ dưới mọc lên, dưới đỏ trên trắng, dài như tấm lụa, hơn 1 tháng ngắn bớt dần, đi đến sao Thiên Lang thì mất. (Hạ tuần tháng 12).

Thôi việc ăn yến mừng tiết Vạn thọ. (Vì ở Bắc Kỳ có việc và có sao mọc ra, cho nên xuống Dụ cho đình việc ấy).

Làm đền thờ Kiên quốc công ở phường Dưỡng Sinh (ở trong Kinh thành).

Lại dùng Ông Ích Khiêm làm Hồng lô Tự khanh Biện lý bộ Hộ.

Kinh lý sứ ở An Khê, tỉnh Bình Định là Nguyễn Trường xin trích tiền quyên thuê dân phụ vào việc khai khẩn ruộng hoang. Vua y cho.

Cho hoàng tử thứ 3 ra ở nhà Dưỡng Thiện (nhà ấy làm ở bên tả nhà Duyệt Thị, là nền cũ nhà Chính Mông), cho Thị lang sung biện Các vụ là Nguyễn Thuật gia hàm Tham tri, sung chức dạy bảo ở nhà ấy.

Dụ rằng : Trẫm nuôi con nhỏ là Ưng Đăng ở trong cung từ khi lên 2 tuổi, đến nay hiện 14 năm rồi, đã gần trưởng thành, dạy cho đọc sách, tập làm thơ văn, hơi biết một tý, tính cũng hơi sáng, biết sợ, tưởng cũng dễ dạy, nhưng còn học một buổi, nghỉ 10 buổi nên chưa chóng thông. Nay cho ra ở nhà Dưỡng Thiện để cho gần thầy học sớm tối học dùi mài hầu được tiến đức, Nội các Thị lang Nguyễn Thuật được gặp biết sớm là người thông hiểu, cẩn thận, cho gia hàm Tham tri, kiêm sung chức dạy bảo ở nhà ấy. Ngươi nhân lúc việc công được rỗi, hằng ngày đi đến đốc thúc bảo bọn tán thiện giảng tập, dạy chăm dỗ khéo, cho kiến văn ngày một rộng ra và xét bảo đường thuộc kính cẩn hầu hạ, chớ phạm vào làm bậy, để cho hoàng tử chóng được có đức tốt, học thông nết thuần, mới xứng đáng với ân mệnh.

Nghiêm cấm các bộ, nha trong Kinh và tỉnh ngoài không được mộ vị nhập lưu thư lại ngoài ngạch.

Vũ Văn Mai là dân tỉnh Phú Yên xin lấy thuật phù thuỷ chữa bệnh cho người để đến chết, xử tội trảm giam hậu.

Tháng 9, quan tỉnh Nam Định là Vũ Trọng Bình, Đồng Sĩ Vịnh, Hồ Bá Ôn, Lê Văn Điếm mộ thuê quân nước Thanh, cấp lương quá lệ, đều phải giáng lưu và bắt bồi thường 6 thành.

Bắt thêm chức Kinh thành Đề đốc chuyên cai quản ty Hộ thành binh mã (cấp cho ấn Kinh thành Đề đốc quan phòng), Kinh thành Đề đốc cũ đổi làm Đề đốc phủ Thừa Thiên, chuyên làm việc ở phủ. (Vẫn dùng ấn phủ Thừa Thiên).

Vua cho Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Vũ Văn Đức đổi làm Kinh thành Đề đốc ; Đô chỉ huy sứ vệ Cẩm y là Phạm Viết Trang thăng thụ Thống chế dực ấy.

Lại thi hành lệ sinh viên do đình thần sát hạch rồi bổ. Vua cho rằng : "Sinh viên học ở Quốc tử giám do đình thần sát hạch, bổ dùng, năm trước đã bãi bỏ, cũng là bớt sự phiền. Nhưng từ trước đến nay, phàm bổ quan đều xét thực mà còn bổ lạm, huống chi danh sách khảo hạch của quan ở Quốc tử giám quả đã đích đáng chưa, mà lấy làm bằng". Bèn lại cho thi hành lệ đình thần sát hạch rồi bổ (về các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi), người không đỗ thì đình lại một khoá, lại sát hạch lại, nếu không đỗ thì bổ kém một trật.

Dời viện Cơ mật đến phòng Thượng bảo Nội các (ở chái bên tả Tả vu) và làm thêm nhà vuông. (Trước viện Cơ mật đóng ở chái bên hữu Tả vu, đến nay vì chật hẹp, chỗ ngồi của đường quan thuộc viên cùng chỗ chứa cất văn thư không được phân biệt lắm, gặp có việc mật không tiện bàn bạc. Bàn cho làm nhà vuông (1 gian 2 chái) ở đằng sau chái bên tả, làm chỗ quan viện Cơ mật, Thương bạc ngồi bàn và trực đêm, mà lấy chái ấy làm chỗ viện thuộc làm việc quan, còn phòng Thượng bảo dời đến chái bên hữu Tả vu, chỗ trụ sở của viện trước).

Sai thị vệ mang áo ngự đi cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Tham tán Trương Quang Đản, mỗi người một cặp, bảo về áo ấy là áo vua mặc, nay ban cho để tỏ ý vua tôi như một, đó là thương yêu đặc biệt.

Bỏ trường bắn tập súng lớn ở xã Thai Dương.

Cho các tỉnh ở Bắc Kỳ tiền gạo được tuỳ tiện đem cất.

Đặt thêm chức Phó lãnh binh ở nha Sơn phòng tỉnh Hà Tĩnh.

Đổi cấp ruộng tự điền cho An Viễn hầu Vũ Văn Giải. Văn Giải trước ngụ ở xã Dương Xuân huyện Hương Thuỷ, phủ Thừa Thiên, quan phủ lại đem ruộng xã Phú Ngạn, huyện Quảng Điền cấp cho, xã Phú Ngạn viện lệ kêu lên (lệ định các công thần được cấp tự điền không cứ công điền hay quan điền của xã, thôn nào, thôn nào hễ số ruộng nhiều, chiểu theo huyện hạt nhà thờ của công thần ở đấy mà xét cấp). Vua cho đổi cấp, quan phủ Thừa Thiên đều phải phạt.

Tuần phủ Tuyên Quang là Hoàng Tướng Hiệp tâu nói : Quan nước Thanh đóng ở Thái Nguyên là Triệu Ốc xin cấp gạo, lương. Vua bảo rằng : Phàm ở địa phận nước ta mới mua để cấp, còn ở địa phận nước Thanh thì thôi.

Phủ Ứng Hoà (thuộc Hà Nội) có bọn côn đồ lẻn vào thành phủ đốt phá, tha tù bị giam, lại cướp lấy ấn phủ rồi đi. Tri phủ là Đinh Gia Lễ, cùng Suất đội đóng giữ là Trần Đình Tân không chịu đem quân chống đánh, việc ấy tâu lên, vua cho là viên phủ cùng trú phòng, phòng xét sơ hở, đều cách chức cho làm việc chuộc tội, quan tỉnh không biết phòng giữ nghiêm ngặt, đều phải giáng lưu (giáng 3 cấp), sai

Kinh lược là Nguyễn Chính, Bùi Ân Niên đem quân tinh nhuệ chia đi tìm bắt. (Sau bọn ấy nghe tin bị nã bắt đều trốn đi, còn bè lũ lục đục bị kết án trị tội hơn 10 tên. Duy đầu sỏ là tên Tư So, tên Lý Hoà chưa bắt được, sau lại vì lắm việc không nã ngặt nữa).

Tha giảm thuế cho dân các xã tỉnh Tuyên Quang bị giặc cướp phá và giảm thuế bạc cho người Thanh, người Nùng. Sai quan tỉnh phải vỗ yên ngay cho dân chóng được hồi phục.

Chuẩn cho lĩnh trưng mỏ than Nông Sơn (thuộc tỉnh Quảng Nam) ; thuộc khách là Lương Vân Phong mua đóng tàu thuỷ nhỏ đi đường sông chở than đến Đà Nẵng. Ông Ích Khiêm rất lo về tạ sự, xin cấm bãi ngay. Vua không nghe.

Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Văn Thận cho là tuần phòng sai phái cần nhiều người, tâu xin rút quân nguyên trước thuộc tỉnh Hải Dương về, cho đi sai phái.

Vua bảo rằng : "Quân với dân là một, dân đều là quân cả. Nếu được lòng dân thì dân tự làm ra giữ, có gì đáng lo", không cho.

Phó đề đốc Sơn phòng tỉnh Quảng Nam là Ngô Đắc Quang tâu xin mở một con đường ở khoảng giữa đồn phía đông (14 đồn), đồn phía tây (2 đồn), đặt thêm đồn đóng quân.

Vua bảo rằng : Chặn giữ chỗ hiểm yếu là việc cần của nhà binh, nhưng phải vừa phải, chớ đặt ra nhiều đồn quá, khó canh phòng cho chu đáo được.

Tỉnh Hưng Yên bị nạn bão, quân và dân nhiều người bị chết bẹp, chết đuối. Vua cho hoãn việc bắt lính điền thế 3 năm.

Quan nước Thanh là Hoàng Quế Lan thống lĩnh 12 dinh phòng quân ở tả giang, tả lộ, chia đóng các hạt Lạng Sơn, Bắc Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên ; Triệu Ốc thống lĩnh 5 dinh phòng quân ở hữu giang, hữu lộ, chia đóng bên trong cửa quan và 2 hạt Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Cho Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật sung chức Phó tổng tài Sử quán.

Phủ Thừa Thiên và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình bị nạn bão, tỉnh Hà Tĩnh bị lụt to, vua sai phát chẩn cho dân.

Doanh điền sứ Nam Định là Đỗ Phát tâu xin đem ruộng nhượng điền của dân các xã lập làm trại Sĩ Hội. Vua y cho.

Chuẩn cho niên hạn cử nhân đi làm việc quan lại theo như cũ. (Lệ cũ, tuổi 30 trở lên đã 2 lần thi Hội, tuổi 40 trở lên không cứ thi Hội mấy khoa, đều cho xét bổ. Tự Đức năm thứ 33, định lại tuổi 30 trở lên đã 3 lần thi Hội, tuổi 40 trở lên 2 lần thi Hội, tuổi 50 trở lên không cứ thi Hội mấy khoa. Đến nay vì cần người, lại theo như cũ).

Vua Dụ các bề tôi rằng : Đạo làm bầy tôi, việc công và việc tư, nghĩa không tạm lẫn, gần đây không hiểu nghĩa lớn, nhân lười thành ra thoái thác, nhân thoái thác thành ra dối trá, các viên đi công sai gần đây hoặc đi thẳng về quê nhà, hoặc tuỳ chỗ ở lại lâu, đi về phần nhiều không đúng hạn, coi việc công làm không để ý, lấy khéo tránh làm đắc sách, thói ấy thực đáng ghét và khinh. Vậy từ nay, phàm đi công sai, nhận chức còn dám thoái thác chậm chạp để quá hạn, thì chiểu luật nghĩ xử nặng thêm.

Lúc bấy giờ vì Bùi Ước, Nguyễn Phiên được phái đi chấm thi, thác ốm ở chậm lại, cho nên giáng Dụ như thế.

Sách *Minh Mệnh chính yếu* viết lại đã xong. (Sách này chép những lời nói phải, nết tốt, ý hay, phép tốt, trích những điều cốt yếu ở trong thực lục ra, chia ra từng loại cộng 22 mục. (Kính Trời, bắt chước tổ tiên, hậu đãi người thân, thể tất bề tôi, cầu người hiền, đặt ra quan, đặt việc binh cẩn thận, việc hình, tài phú, pháp độ, trọng văn, cổ động, chăm làm việc, yêu dân, trọng nông, sùng kiệm, lễ nhạc, giáo hoá, mở rộng đường can ngăn, giữ vững bờ cõi, vỗ yên biên giới, mến người phương xa). Minh Mệnh năm thứ 18, tháng 5, viện Cơ mật bọn Hà Quyền tâu xin xét biên, tháng 8 năm thứ 21, sơ thảo xong, còn nhiều thiếu sót, tháng 10 năm Thiệu Trị thứ nhất giáng Dụ giao cho Sử quán sửa làm, tháng 9 năm Tự Đức thứ 12, lại sắc cho xét và sửa chữa, đến nay làm xong). Vua kính xem xét, đổi tiêu đề, giao Sử quán lĩnh về chiểu theo cho chỗ chữa lại mà làm.

Nhân phê bảo rằng : Nay đã gọi là sách chính yếu, mà sách ấy còn rườm nhiều, nhưng trẫm không dám bỏ bớt nhiều, chỉ bỏ những việc quá phiếm 1 - 2 điều mà thôi. Vả lại *Trinh Quán chính yếu* (của Đường Thái Tông) chỉ chép lời nói, đây lại chép cả việc làm, càng đủ làm phép. Nên đem tâu xin chuẩn cho và làm phàm lệ, biên lên đầu sách, để tỏ là không dám làm bài tựa, nhưng xem xét xong, khắc in ban hành, truyền bá trong nước và cho con cháu muôn đời tuân theo, bắt chước mãi mãi thì cũng đủ rồi.

Kỳ xét án về mùa thu năm ấy, các hạng tù cộng 91 tên, xử chém 10 tên, còn thì hoãn từ chém đến phát sung quân có thứ bậc. (Vẫn để hoãn chém 32 tên, để trảm giam hậu 23 tên, để giảo giam hậu 17 tên, phát lưu 7 tên, phát sung quân 2 tên). Lệ trước, ngày tiến bản án để xét, thôi không bái mạng tiến bài. Vua mặc áo đen, Pháp ty cũng mặc áo màu ấy, để tỏ ý thương xót cẩn thận. Năm ấy Pháp ty theo lệ tâu lên, vua bảo rằng : Thương xót cẩn thận ở trong lòng ta, không gặp ngày giỗ không nên đổi áo mặc. Vả lại, đình việc bái mạng tiến bài cũng thấy nhiều trở ngại, không bằng cứ mặc áo thường, mới chuẩn cho từ sau thôi hẳn lệ ấy.

Mùa đông, tháng 11, lại đặt huyện nha huyện Hữu Lũng, tỉnh Bắc Ninh (năm Tự Đức thứ 4 bỏ bớt huyện ấy, đến nay vì huyện ấy bị giặc phá, ruộng bỏ hoang, dân tan đi khắp nơi, mà đất giáp tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên rừng rậm kéo dài, thuộc về Lạng Giang phân phủ thì xa, thế khó chiêu dụ dân trở về, cho nên lại đặt, còn viên Tri huyện thì dùng người ở địa phương ấy).

Cho thự Lãnh binh tỉnh Nghệ An là Đặng Văn Tại thực thụ Lãnh binh, lĩnh Đề đốc Hà Nội. (Tỉnh thành giao trả lại, đến nay mới đặt lại).

Thưởng cho Tri phủ Nghĩa Hưng là Đinh Văn Chất 1 cái kim khánh có chữ "Liêm bình cần cán". (Kinh lược Nguyễn Chính xét tâu chấp trị, dân không nhiễu, gặp việc thì thực hành, nên mới thưởng cho).

Dụ quan lại, thân sĩ, hào mục Bắc Kỳ rằng : "Trời giúp dân đặt ra vua, thầy để làm người trên, để cai trị, để trị rối loạn, mở bảo sự mê hoặc mà giữ lấy mệnh Trời, thế gọi là nghĩa. Nghĩa ở đấy mà phận được định. Thế mà có người bỏ nghĩa lớn vượt bổn phận, tự cắt đứt mình với Trời Đất, cha mẹ, thì cũng chỉ có vài ba viên quan hiền tài cùng sư nho quân tử, lại dịch trong làng cùng răn bảo dắt díu nhau, để chuyển hoá ngầm. Hà Nội trước nhân có việc, xử trí chưa xong, nhiều lần phủ Lý Nhân báo có cướp, phủ Ứng Hoà báo có giặc, chống lệnh của triều đình, quan lại công nhiên cướp lấy bọn tù đem đi, đối với giáo hoá triều đình, nghĩa phận vua tôi, chẳng hoá ra có trái lắm ư ?". Đại khái dân khí không yên, vì phong tục không chính, mà tiêm nhiễm đã lâu nên mới đến thế, không thế thì người xưa dùng để đánh quân Nguyên, quân Minh là dùng dân nào ? Năm trước, giặc Hải Dương quấy một tỉnh Nam Định, vì dân tốt, quan tốt, đặc cách được khen thưởng, lại là dân nào ? Quan và dân ngày nay, có giữ được làm dân Nam Định mà không làm dân Hà Nội hay không ? Ở Bắc Kỳ từ khi biên thuỳ có việc, hơn 10 năm nay, cung đốn vận tải, của thiếu sức hết, lại thêm nạn bão, nạn lụt, dân chưa được yên nghỉ. Trẫm một khi nghĩ đến lại động lòng thương. Hiện nay nạn bên ngoài chưa dẹp được, lòng dân chưa yên, quả biết nghĩ lo phòng trước, trên dưới cũng một lòng, triều dã như một thì canh giữ nom nhòm không nên quên, binh sĩ phải khuyên nhau, bỏ điều ấy không làm, mà chỉ muốn theo kẻ làm loạn giúp kẻ bạo ngược, để trên thì bỏ mất phép vua, dưới làm hại dân chúng, có được không ? Trẫm ở chỗ thâm cung, chỉ biết thay Trời coi dân như con, vì dân chọn quan, còn việc dẹp giặc, yên dân, khen người tốt, bỏ người xấu, phân biệt cấm trấp trước, thì khi thừa hành đã có người chịu trách nhiệm.

Nay cho nghiêm sức cho các quan tỉnh, phủ, huyện, châu cho đến tổng lý, thân sĩ ở các hạt Bắc Kỳ, phàm người có trách nhiệm với xã dân, đều nên sửa mình cho đứng đắn để xướng suất người dưới, cần thêm dạy bảo, lúc ngày thường thì răn xa xỉ, chuộng tiết kiệm, vỗ nuôi răn bảo, khiến cho dân giàu mà thích lễ nghĩa, hăng hái mà biết lễ phép. Hoặc có giặc cướp lén lút, thì đốc sức nã bắt, không tiếc công

sức, cốt bắt được tướng giặc, không để mầm mống mọc ra như ở Hà Nội. Khi có ý không cố gắng, hoặc khinh rẻ nhân dân, dung túng kẻ gian nhũng để lo về sau, thì cái tội quan địa phương thiếu chức phận quyết không thể tha nhẹ được. Đến lúc ấy dù muốn giữ mình tránh khéo cũng không thể được, quan và sĩ dân các ngươi nên nhớ lấy mà cố gắng, để đón lấy phúc tốt. Chớ có coi thường lời trẫm, thêm sự hối về sau".

Cho Phó đề đốc quân thứ Thái Nguyên là Nguyễn Văn Chư lĩnh Đề đốc Bắc Ninh. (Đề đốc cũ là Tạ Hiện về Kinh đợi xét).

Lúc bấy giờ có bọn Miếu lang là Nguyễn Hữu Trung, Nguyễn Văn Thành (người huyện Tống Sơn) lâu không được thăng bổ.

Vua bảo rằng : Người huyện Tống Sơn mà bổ vào ty Cảnh tất đều được thăng chuyển, sao riêng bọn này lâu không được lên bậc. Vậy 2 tên ấy chuẩn cho bộ xét nên bổ chức gì thì đổi bổ, từ nay ai đã đến hàm tột bậc mà làm việc rất lâu năm, cũng cho đem tâu lên.

Cho quyền Tổng đốc Hà - Ninh là Trần Đình Túc vẫn theo như cũ về quê hưu trí. Thị lang sung Phó sứ Tĩnh Biên là Nguyễn Hữu Độ đổi bổ hộ Tổng đốc Hà - Ninh. Hữu Độ dâng sớ xin từ. (Tờ sớ nói : Nếu đến làm việc ở Hà Thành, cùng đóng với chúng, bị chúng kìm chế, đóng ở ngoài thành, tất chúng sinh ngờ, xin chọn quan trọng thần tài giỏi để thay, cho tôi lại đến đồn Thục Luyện cùng đóng với Hoàng Tá Viêm bàn tính việc biên thuỳ, để làm trọn công việc).

Vua bảo rằng : Rất cần người, ngươi đã quen việc, lại khéo ứng biến, không nên chối, nên tuỳ việc làm cho ổn thoả, chớ sơ suất mà lỡ việc, sai phái đi nhận chức ngay.

Sai Tuần phủ Thuận - Khánh là Trần Lưu Huệ, Điển nông phó sứ Nguyễn Thông hội đồng với phái viên nước Pháp khám xét địa giới phận Nam ở Bình Thuận và Biên Hoà. (Núi Thần Quy trở vào Nam thuộc tỉnh Biên Hoà, trở ra Bắc thuộc tỉnh Bình Thuận).

Vụ lúa mùa năm ấy có tỉnh Bình Định, Phú Yên, Bắc Ninh, Sơn Tây, Mỹ Đức, Hưng Hoá lúa ruộng được mùa to. Còn các tỉnh khác có bị tai hại, thì thuế điền đều chiểu theo từng hạng cho tha hoặc giảm có từng bậc.

Tha hẳn các hạng thuế cho 7 châu (Quỳnh Nhai, Lai Châu, Tuần Giáo, Luân Châu, Ninh Biên, Thuận Châu, Mai Sơn) thuộc đạo Tân Hoá. (Các thứ thuế là tiền thóc, vàng, bạc và diêm tiêu) vì bị giặc quấy rối.

Sửa chữa miếu đế vương các đời ở tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ và ở Bắc Kỳ.

Vua Dụ các quan ở biên giới rằng : Làm bề tôi không được giao thiệp riêng, là nghĩa nên thế, phàm việc đều có thông thuộc, là phép phải thế nên theo. Nhiều lần

đã Dụ cho các hạt tiếp giáp với nước Thanh là Cao Bằng, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Tuyên Quang và Quảng Yên. Nếu nước ấy có báo thẳng việc gì, lập tức tâu lên đợi Chỉ. Nếu gặp việc quân khẩn cấp, cũng do tỉnh bẩm lên, không được tự tiện bẩm báo với quan nước ấy. Quân dân có cầu xét việc gì cũng không được đến kêu với nước ngoài, tất cả các việc là để giữ gìn cho quan lại, quân dân của ta. Thế mà những người thừa hành lâu ngày bỏ quên, tức như Châu uý Thoát Lãng là Lư Vĩnh Tài qua giới hạn bẩm với phân phủ Long Châu, sao trái phép và sơ suất đến như thế. Quan lại ta còn dám phạm điều cấm, chẳng trách nhiều nha môn tự tiện phái người đi, mà thói tệ chưa thể hết được. Vậy Lư Vĩnh Tài giao cho đình thần nghĩ xử cho chừa lại sức rõ điều cấm, nên phải kính theo. (Lúc bấy giờ Vĩnh Tài bắt được giặc người nước Thanh, không bẩm lên quan tỉnh Lạng Sơn, lại qua biên giới bẩm với phân phủ Long Châu. Việc ấy tâu lên, vua giao cho nghị xử. Sau vì Vĩnh Tài là thổ quan chưa quen việc, gia ân cho cách lưu. Bèn sức rõ điều cấm : Từ sau quan lại, thổ mục tiếp được phái viên nước Thanh đến có việc gì, hay có giấy tờ gì, đều phải bẩm tỉnh, không được quen thói cũ, tự nhận làm, là trái điều cấm).

Cho đem đồ vật tặng Tổng đốc, Án sát nước Anh ở Hương Cảng. (Trước đây, viện Cơ mật và Thương bạc bàn rằng tiền giả đem vào nước ta là do người buôn nước Thanh đúc ra ở Hương Cảng, muốn ngăn tệ ấy, trước lấp tự nguồn, tâu xin đưa thư cho quan nước Anh xem xét giúp cho. Sau rồi quan nước Anh sai người dò xét bắt được thực tang xét xử trị tội, do phái viên sang Hương Cảng báo cho biết. Vua cho đem phẩm vật để tặng. (Kim tiền có dây đeo và hộp khảm xà cừ mỗi thứ 1 cái, Tổng đốc và Án sát cũng như nhau). Quan nước Thanh cũng dâng thư tạ ơn).

Tướng giặc trốn ở hạt Hưng Hoá là Đàm Chí Thành (tức là Đàm Tứ Tỷ) đến dinh Quản Đới nước Thanh là Tạ Hữu Công xin thú.

Biện lý bộ Hộ là Ông Ích Khiêm tâu dâng kế sách quốc phú binh cường. Đại khái nói rằng : Đặt ra quân trước hết phải làm ra của, sinh ra của không gì bằng khai mỏ các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Tam Tuyên có rất nhiều sản vật mỏ. (Các thứ vàng, bạc, đồng, sắt, chì, kẽm, gang, diêm tiêu, than đá và các thứ không ở mỏ như gỗ, muối, nhựa thông, dầu hồi, củ nâu, v.v...). Tôi từ lúc theo đi đánh giặc, đi qua các mỏ, hỏi các phụ lão, sự lợi hại nghe được rõ ràng, nghĩ kế hoạch làm cho nước giàu quân mạnh, tưởng không ngoài việc khai mỏ. Nay xin mỗi mỏ đặt chánh, phó sứ mỗi chức 1 người, chiêu mộ phu mỏ, sửa sang đồ dùng đứng ra làm. Lại chọn văn, võ đại thần mỗi chức một viên, sung làm Bắc Kỳ kinh lược chánh phó sứ kiêm sung chức chánh, phó thống khoáng đại thần, trông coi đàn áp, cho có cai quản. Lại ở dinh đóng quân giáp hạt Bắc Ninh, Thái Nguyên, mở cục đúc tiền, đặt trường diễn võ, chọn quân khoẻ mạnh dạy tập, để giúp vào sai phái trấn áp, mà phòng có khi dùng đến.

Vua cho là phải, nhưng vì việc phòng giữ biên giới chưa thư không thi hành được.

Tháng 11, chuẩn cho đem đầu tướng giặc Lục Chi Bình treo ở địa phương Tuyên Quang, Thái Nguyên cho mọi người biết.

Thự Thống chế quyền Chưởng Tả quân là Nguyễn Thịnh chết. Chuẩn cho thực thụ, chiểu hàm mới cấp tiền tuất. Lại cho thêm 100 quan tiền cùng các thứ sa nam (3 tấm), lụa (5 tấm), vải (10 tấm).

Giáng Dụ từ nay có quan to văn, võ chánh nhị phẩm trở lên ở Kinh và các tỉnh ngoài, tuổi đến 70, sinh ngày tháng năm nào, cho 2 bộ Lại, Binh tâu lên trước, đợi theo công trạng liệu thưởng cho, để hợp với ý trọng người nhiều tuổi, thể tất bề tôi.

Cho Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Phạm Viết Trang quyền Chưởng Tả quân ; Chưởng vệ lĩnh Đề đốc Thanh Hoá là Nguyễn Như Cung thăng thự Thống chế dực ấy.

Công tử Hồng Cạnh ở phủ Vĩnh Lộc quận công đi lại với người thông ngôn ở sứ quán để mượn tiền. Phủ Tôn nhân đem việc tâu lên, Hồng Cạnh phải phạt 80 trượng, quận công phải phạt bổng 1 năm.

Ngày sinh nhật thọ 70 của Văn Minh điện Đại học sĩ là Trần Tiễn Thành. Vua làm một bài thơ (nói về ý từ khi gặp biết trước sau khuyên cùng giúp việc, xem ở tập thứ 3 thơ vua làm) dùng đoạn gấm làm bức trướng, chính tay vua viết bài thơ, cùng phẩm vật mừng thọ (áo chầu chánh nhất phẩm 1 bộ, gậy linh thọ 1 cái, chén ngọc 1 đôi, bình vẽ hoa 1 đôi và các thứ kim tiền, ngân tiền, gấm đoạn sa trừu). Sai quan Nội các là Hồng Sâm đến tận nhà tuyên Dụ ban cho.

Sai quan tỉnh Lạng Sơn gửi sang Hương Cảng hỏi mua 200 cây súng Tây, 2 hòm đạn (giá hơn 414 lạng bạc) để phòng dùng cho việc quân tỉnh ấy.

Chuẩn cho từ nay các công tử đã có tôn tước, cùng chưa được phong cũng thế, chỉ viết tên, công tôn trở xuống thì viết Tôn thất, để phân biệt người thân, người sơ.

Bọn Tấn thủ cửa biển Y Bích tỉnh Thanh Hoá là Trần Văn Tuyên, trụ thủ thư là Suất đội Hoàng Ngọc Quang cùng với Quản bang đoàn thuyền đánh cá nước Thanh là Lý Tân Hoảng đánh bắt được bọn giặc biển (18 đứa), thuyền (2 chiếc) và súng ống, khí giới, quan tỉnh đem việc tâu lên. Vua sai thưởng cho đoàn ấy hơn 1.100 quan tiền để khuyến khích, bọn Văn Tuyên chia hạng nghĩ thưởng có cấp bậc.

Tha thuế ruộng đất bỏ hoang cho tỉnh Hưng Yên, huyện Đông An 14 xã, thôn, vì đê vỡ cát lấp lên, bỏ hoang hơn 2.000 mẫu).

Vua ban phẩm vật mừng tuổi thọ 70 cho Vũ Trọng Bình. Dụ rằng : Tổng đốc Định - Yên là Vũ Trọng Bình làm quan liền 3 triều vua, tuy tính thiên lệnh, vận

mệnh bĩ, cho nên thường vấp váp, nhưng một lòng thực thà trung thành, lo việc vua, yêu việc nước, đến già không thay đổi, trẫm cũng yêu mến không lúc nào quên. Vậy ban cho viên ấy đồ mừng thọ 70 tuổi, để khuyên người siêng năng khó nhọc và tỏ ý nuôi người già cả. (Các thứ mừng thọ : 7 đĩnh bạc hạng 10 lạng, sa dày hoa tứ hữu thuần tơ màu đỏ, màu bảo lam mỗi thứ 1 tấm, nhiễu hoa mẫu đơn, hồ điệp thuần tơ màu bảo lam 1 tấm, nhiễu nam hoa ngũ hồ, tứ hải, bát biểu nhất gia màu đỏ 1 tấm, nhiễu nam hoa tứ hữu trắng 1 tấm).

Giáng Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Hùng nhuệ là Hoàng Văn Thu làm Vệ uý, năm trước Văn Thu làm Đề đốc quân thứ Bắc Ninh, Thống đốc Hoàng Tá Viêm nói về hàng trận sơ khoáng, vua cho rút về, đổi bổ hàm ấy. Lại nhiều lần coi làm các cung điện liền bị dột ngay, bị bộ Công hặc tội, chuẩn cho giao bộ Binh xét nghĩ. Đến nay bộ bàn : Viên ấy hàng trận như thế, làm việc như thế, quả là người tầm thường, cho nên phải giáng.

Tháng 12, dời đắp đê công tỉnh Hưng Yên. Lúc bấy giờ, đê công xã Diên An (1 đoạn dài 100 thước) bị nước sông bên hữu chảy xuyên vào, mé ngoài sạt lở, quan tỉnh là Nguyễn Văn Thận tâu xin đem đắp vào bên trong 1 đoạn dài 130 trượng, chiểu theo cách thức đê sông cái (mặt rộng, thân cao đều 1 trượng 2 thước, chân đê rộng 7 trượng) khởi công. Vua y cho.

Tỉnh Thanh Hoá khởi công đóng thuyền công (thuyền Hải vận đi tuần và thuyền vận tải kiểu nước Thanh cộng 9 cái), công việc đã làm xong.

Biện lý bộ Binh là Lê Đại tâu xin sai bọn Trần Hữu Viết đi học bắn súng ở nước Thanh về (17 người chia nhau dạy các quân thân binh, cấm binh (cấp cho súng Tây và thuốc đạn) 3 tháng phải thành thuộc, xét nghĩ thưởng phạt. Vua y cho.

Quan quân thứ Tam Tuyên tiến đánh toán giặc nước Thanh ở Thập Châu, thắng trận. (Chém giặc hơn 200 đầu, thu được súng ống và khí giới rất nhiều). Bọn Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Bố chính Hưng Hoá Lê Lượng, Lãnh binh Nguyễn Hữu Phu, Đốc đới Hoàng Thủ Trung đều được thưởng kỷ lục, kim tiền, ngân tiền có cấp bậc. Các quân lính đi trận ấy thưởng chung 600 quan tiền.

Sai Thượng thư bộ Hình là Phạm Thận Duật sung chức Khâm sai đại thần ; Thị lang gia hàm Tham tri Nguyễn Thuật làm Phó, đi sang Thiên Tân nước Thanh làm việc công ; Biện lý bộ Hộ là Nguyễn Phiên sung chức Khâm phái đóng ở Quảng Đông để đệ tin báo. Từ khi Hà Nội có việc ta đã đưa thư cho Tổng đốc Quảng Đông là Dụ Khoan, Tăng Quốc Thuyên nhờ liệu định cho thoả đáng. Đến nay, Tổng đốc họ Tăng uỷ cục Chiêu thương là Đường Đình Canh, tỉnh thuộc là bọn Mã Phục Đôn, Chu Bỉnh Lân cùng với phái viên Yên Kinh là Đường Cảnh Tùng (Chủ sự, Tiến sĩ xuất thân, phụng mật Chỉ đến nước ta dò xét) đến hỏi hiện tình và

bàn việc nên làm. (Có câu nói rằng : Dùng sức mà đánh chưa thấy thừa sức, lấy lý mà biện bác hoặc có thể giải được). Đã phái Nguyễn Thuật sang làm Khâm sai cùng đi với quan nước Thanh đến trình Tổng đốc Quảng Đông nhờ chuyển lên giúp. Bỗng tiếp được điện tín của Lý Hồng Chương mời đại thần nước ta độ 2 - 3 người đến Thiên Tân để hỏi han và bàn việc đối phó với nước Pháp. Vua bèn sai bọn Thận Duật đem quốc thư đi.

(Nước Thanh được tin là Hà Nội thất thủ, lập tức sai Lý Hồng Chương thương thuyết với Công sứ nước Pháp là Bảo Hải, Bảo Hải cũng muốn thuận theo viết thư về nước Pháp xét định cho, nên Lý Hồng Chương mới có điện tín ấy. Rồi đến tháng 2 năm sau, bọn Thận Duật đến Thiên Tân thì nước Pháp đã có thư đến nói không chịu điều đình và vin lấy cớ hoà ước năm Giáp Tuất có câu "Nước Đại Nam có quyền tự chủ, không phải theo phục nước nào" không cho nước Thanh nhận nước ta làm thuộc quốc. Lại rút sứ Bảo Hải về, mà cho Đức Lý Cố sang thay. Sau lại lấy việc thuỷ sư nước ấy là Lý Ba Lợi chết ở Cầu Giấy làm thâm thù, lý luận càng không ăn thua gì. Lý Hồng Chương lại đưa thư báo cho Tăng Kỷ Trạch là Khâm sứ nhà Thanh đóng ở nước Anh, sai liên ước với sứ các nước Anh, Nga, Phổ để giảng giải việc ấy, mà cũng chưa có thư trả lời. Đến tháng 8, vừa được hoà ước mới của Lãng quốc công có khoản "Nước Thanh cũng không được dự việc của nước ta, bèn vin lấy cớ ấy, nhân để trút trách nhiệm. Nguyễn Phiên đóng ở Quảng Đông thì Tổng đốc Quảng Đông cũng sợ người Pháp giận, nhiều lần cầu vào yết kiến đều lấy cớ ốm từ chối, rồi đều đến mùa đông năm ấy lục tục trở về").

Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Ninh Bình, Khánh Hoà ít mưa. Vua sai quan cầu mưa, liền được mưa.

Rộng giảm thuế sáp cho dân Man tỉnh Khánh Hoà 5 thành. (Vì mấy năm liền bị đói và bệnh dịch).

Dân tỉnh Quảng Nam đói, Tuần phủ là Trần Nhượng tâu xin hoãn tha các thuế thiếu và tiền vay. (Hoãn thuế phải nộp và thuế để thiếu năm trước. Miễn tiền vay đợ và tiền vay của nghĩa thương). Vua bảo rằng : Trẫm rất thương dân hạt ấy, gia ân y theo lời xin một lần, phận sự phải làm cho xong, nếu thường phiền xin cứu giúp là không làm hết chức vụ.

Tỉnh Quảng Trị gạo đắt. Vua sai trích thóc kho giảm giá bán ra, để giúp lương ăn cho dân.

Đường Đình Canh ở cục Chiêu thương tâu xin đóng tàu thuỷ nhỏ đi vào trong sông 7 tỉnh ở Bắc Kỳ, để chở lương đến Hải Phòng chuyển đến cửa biển Thuận An. Vua không cho.

Án sát Bắc Ninh là Tôn Thất Loan tâu xin thôi việc đắp đê Văn Giang.

Vua bảo rằng : Mỗi năm một lần đắp, tốn kém vô cùng, dân càng khổ lắm, mà có thấy lợi đâu, tạm đình 1 - 2 năm, xem ra sao, sẽ tính.

Các quan quân thứ Tam Tuyên tiến đánh giặc ở Thập Châu bắt được đầu mục giặc là Vi Tam đem chém, rồi tâu lên.

Vua bảo rằng : Hiện nay, giặc ở châu ấy đã gần dẹp yên xếp đặt vỗ yên dân, đấy là việc cốt yếu. Quan Thống đốc bàn với quan tỉnh Hưng Hoá hết lòng trù tính cốt được yên lâu dài. Gần đây nghe nói bọn giặc ấy trốn đến tụ họp ở Mang San tỉnh Nghệ An, quan 2 tỉnh Thanh, Nghệ đều nên liệu phái người đi dò bắt cho được dẹp yên tất cả, quyết không để lo ngại về sau.

Lúc bấy giờ bọn cướp ở phủ Ứng Hoà đã bắt được (giải giao tỉnh Sơn Tây xét hỏi kết án) vẫn còn đầu mục trốn xa, mà các tỉnh Nam Định, Hưng Yên lại có tàu nước Pháp đi lại thăm dò. Kinh lược phó sứ là Bùi Ân Niên dâng sớ xin do tỉnh Hà Nội chọn tuyển lấy 400 - 500 quân khoẻ mạnh, bàn giao cho quan tỉnh văn, võ mỗi chức một viên, đem đi trong hạt tuỳ chỗ mà đóng quân để trấn áp tuần dẹp và quan tỉnh Sơn Tây, đạo Mỹ Đức đều liệu trích binh dõng đắc lực 300 - 400 tên bàn giao cho viên quan tài giỏi chia đóng ở các chỗ giáp giới như các hạt Quốc Oai, Đan Phượng (Sơn Tây), Mỹ Lương, Chương Đức (Mỹ Đức) nghiêm sức các phủ, huyện hết lòng ngăn chặn, chỗ nào cũng có quân, tiếng gọi là để bắt kẻ cướp, nhưng ngầm có cái thế núi sông tiếp ứng với nhau, trong thì ngăn chặn được mầm sắp mọc, ngoài thì ngăn chặn được việc chưa lộ ra. Vua cho là phải.

Sức lại cho các quan quân thứ, quan tỉnh, quan Kinh lược phải bí mật dự phòng.

Dụ rằng : Phép dụng binh chỉ có dự sẵn và cẩn thận. Trước đấy phái viên nước Pháp sinh sự ở Hà Thành, các ngươi quan quân thứ, quan tỉnh đều ở gần mà không biết đến cứu viện, mới đến lỡ việc, vì các ngươi không dự bị sẵn, cho nên không ứng cứu ngay được, việc ấy đủ làm gương. Nay trải 3 mùa mà quân nước ấy chưa chịu rút về, lòng chúng không thể tin được, thì sự cơ càng phải cẩn thận. Nay hiện đang thương thuyết chưa xong, sơ hở không chu đáo một tý, lâm sự sao đối phó ngay được.

Vậy các ngươi tuân theo lời Dụ trước, phòng bị nghiêm ngặt kỹ hơn, lại tìm cách ngăn hẳn bọn Hán gian, cốt để cho nhân dân sở tại được ở yên, bọn bất lương không dỗ dành làm loạn được, thì tự khắc chúng không xen vào đâu được. Phải làm thế nào không động có tiếng tăm gì, mà có khí thế không thể phạm đến, lâm sự có cơ đối phó nhanh chóng mới xứng với trách nhiệm giao phó cho.

Ngươi Hoàng Tá Viêm và quan các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên cũng nên nói khéo yêu cầu các đạo quân nước Thanh ở lại lấy bắt giặc làm việc chính, vẫn đóng ở chỗ cũ, cốt phải cùng lòng xem xét, mới toàn cục diện. Các ngươi phải kính tuân theo. Chớ được phút nào quên lãng.

Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Văn Thận tâu xin khuyên quyên tiền gạo, triệu tập mộ quân (hơn 1.600 người), chi lương để sai phái. Vua không cho.

Sao Chổi mọc. (Mọc ở phận sao Thất, dài hơn 1 thước, dần dần đến hơn 2 thước, 3 ngày thì lặn).

Giáng phong Hoàng quý phi Vũ Thị làm Trung phi, theo giai cũ.

Dụ rằng : Hoàng quý phi Vũ Thị là người cố cựu, tuổi đã cùng già, trẫm đãi rất hậu, cho nên tấn tôn đến trên bậc nhất, để cho cai quản 6 thượng [1], bảo ban siêng năng cung kính, để đỡ việc vặt cho trẫm, ân vinh nào bằng. Tưởng tuổi càng cao thì đức càng tốt, được xứng với ân mạnh. Không ngờ từ đấy đến nay không để ý chút nào, mặc cho chúng siêng hay lười, không từng răn bảo, phàm việc cũng không khỏi để phiền đến trẫm, đã phụ chức vụ, là do tự mình đã lười còn bảo người sao được. Nhưng trẫm thường bao dung không nỡ quở trách lắm, thế mà từ khi trẫm bị ốm nặng đến nay, đáng lẽ phải lo chăm hơn ngày thường, nâng đỡ hầu hạ, ăn uống được thích hợp, mới xứng ngôi cao đạo hậu, sao lại cứ một mực lười biếng, không thấy có ý thương yêu, thậm chí ngày thường dâng cơm cũng cố ý để chậm, no đói thất thường, nuôi chẳng ra gì, thuốc sao bổ được. Kìa như đạo đàn bà lấy thuận làm chính, trông nom nấu ăn làm đầu, sớm tối săn sóc, điều dưỡng đến nơi đến chốn, còn sợ chưa yên lòng, chưa xứng chức vị, lại khinh nhờn không kính như thế, thì tình phận chức sự để đâu. Lại thêm nhờn ơn cậy yêu, một khi có lỗi phải phạt, hình như có dáng oán, ăn tiêu xa xỉ lại dám kêu nhàm cầu ban ơn, sao không nghĩ vị lộc đến thế, đã hơn người gấp vạn phần, có thiếu gì mà còn cầu xin không chán, nếu có người bắt chước dại thì đổ lỗi cho ai ? Chứa lỗi đã nhiều không biết hối cải chút nào. Kìa phép đặt ra là công cộng cả nước, sửa sang việc nhà rồi mới trị được nước. Nếu nghĩ là người cũ, thường thường bao dung, thì người ngu lại làm càn lấy sự may mà được khỏi tội làm đắc ý, không biết sợ hãi đổi lỗi chút nào, thì không phải là gây dựng cách bảo toàn, cho nên phải phạt một người để răn trăm người, thấy phép mới biết ơn. Vậy Hoàng quý phi Vũ Thị cho giáng phong làm Trung phi theo bậc cũ, chuyên coi việc thượng nghi không phải cai quản tất cả, cho khỏi quá lạm, cho biết nghĩ đến danh nghĩa, đổi lỗi sửa mới, may được tốt về sau, đó là ân nghĩa đều đủ cả. Nếu vẫn như trước không chừa, đó là gỗ nát không thể chạm được, còn dạy làm sao được, ngươi nên kính theo, trẫm không nói nữa.

Năm ấy, các hạng thuyền đi tuần, vận tải ở trong Kinh và các tỉnh ngoài cộng 156 chiếc, hỏng việc (vì nạn gió và giặc cướp) mất 11 chiếc, còn thì đều về được thanh thoả cả.

---

(1) *Sáu thượng* : nữ quan có 6 thượng là thượng cung, thượng nghi, thượng thực, thượng phục, thượng tẩm và thượng công. (Xem *Từ nguyên*, chữ *lục*).

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXIX*

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Quý Mùi, Tự Đức năm thứ 36 [1883], (Thanh, Quang Tự năm thứ 9), **mùa xuân, tháng giêng**. Lúc bấy giờ tỉnh Nghệ An có Lao Lã cùng với giặc Xá họp nhau ở xã Trịnh Na (thuộc huyện Hội Nguyên, phủ Tương Dương) quấy nhiễu. Tri phủ Tương Dương là Nguyễn Tài Tuyển xin phái quân quan tiến đánh. Vua Dụ sai Tổng đốc Trần Văn Chuẩn phái 1 viên lãnh binh đến ngay thượng du đánh dẹp cho trong hạt được yên.

Tướng nước Pháp ở Gia Định là Lê My về Tây. Tam Sung đến thay. (Từ đấy trở đi chữ Phú đổi chép là chữ Pháp theo bản dịch của Trung Quốc).

Lãnh binh quan đường thuỷ tỉnh Quảng Yên là bọn Hà Văn Thạc đánh bắt được thuyền và tên giặc người nước Thanh, có đủ tang vật. Vua cho thưởng tiền có cấp bậc.

Tha tù phạm quân lưu (97 tên) tỉnh Bình Thuận chia ra giao cho 2 nha Kinh lý ở Bình Định và Điển nông ở Khánh Hoà quản thúc và xếp đặt chỗ ở để khai khẩn ruộng hoang.

Giúp đỡ cho thuyền buôn nước Thanh bị nạn gió bão. (Thuyền ở Phúc Kiến giạt vào phận biển tỉnh Phú Yên).

Quan tỉnh Hà Nội tâu xin đắp đê mới (ở địa phận các xã Quang Am, Lê Xá thuộc huyện Duy Xuyên) và đào một dòng sông ở đất bãi (phận sông hai xã Đỗ Xá, Đinh Xã) để bớt thế nước. Vua y cho.

Giúp đỡ cho dân xã Đại Bái, tỉnh Bắc Ninh bị hoả tai. (Cháy mất 218 hộ, dân có người bị thương chết).

Ngày Quý Tỵ, cho phong Hoàng trưởng tử làm Thuỵ quốc công. Sách văn rằng : Trẫm nghĩ nhà Chu ban cho núi, sông, ruộng đất, cốt để vững chắc giậu phên, nhà Hán lời thề sông cạn đá mòn, là để lâu dài con cháu, chính tự thân người thân trước, đạo ở khen người tốt nhiều, huống chi được giáo dục đã lâu như Ưng Chân, hiện nay qua sân, đã được nghe *Kinh Thi*, *Kinh Lễ*, mấy năm ra Các, lại thường gần chính đạo chính ngôn. Vun trồng cốt cho gốc tốt tươi, dạy bảo mong cho làm điều phải, cũng đã có con cái, há còn chưa biết đâu, cần phải phong hầu, quẻ xem không trái vì không những thân yêu, muốn cho phú quý tỏ ra trẫm có lòng hiền từ ; thực muốn cho học hạnh cần phải siêng năng, mở cho ngươi con đường tu tiến, vì thế nên tấn phong ngươi làm Thuỵ quốc công, ban cho sách mệnh, mong rằng kính theo lòng trẫm ; chớ bỏ chức mình, nghĩ ở nhà làm gì cho vui, cùng với nước cùng được hưởng phúc, là đạo thần tử, thế giữ chữ "trung hiếu làm phên che, hoà với anh em, nghĩ đến kế nhà vua chứa phúc đức, như cây cùng chống giữ, như thành càng vững bền", đó là lòng mong của trẫm, phải kính cẩn tuân theo.

Cùng ngày hôm ấy, cho phòng hoàng tử thứ 2 làm Kiến Giang quận công. Sách văn rằng : Trẫm nghĩ công nuôi đạo chính ở quẻ Mông, khuyên cho để tiến ; nghĩa phong tước hầu ở quẻ Dự, cùng hưởng phúc lành, nghĩa vốn gốc ở người sinh ra, ân phải nhớ đến công nuôi nấng. Ngươi là Ưng Kỹ là con của Kiên quốc công Hồng Cai, ôi em ta, đã vun trồng từ thuở nhỏ, trẻ mồ côi được nuôi nấng đã lâu năm, núi lặng suối trong chính đang lúc tuổi trẻ ; móng sương cánh gió có thể đi đường xa, nếu không cho bổng lộc nhiều, sao khuyên bảo được tu tiến, phải học thi, học lễ, nhớ lời răn qua sân cải Bá Ngư ; muốn cho giàu cho sang, nên càng nghĩ yêu nhà yêu cả quạ.

Vì thế nên tấn phong ngươi làm Kiến Giang quận công, ban cho sắc mệnh, mong rằng dốc lòng hiếu kính ; thuật nghiệp thường chăm, đời đời phong tước vẻ vang, tình nặng mật thiết ; phên giậu nhà vua bền vững, tốt còn gì hơn, để cùng hưởng tôn vinh ; nên chớ phụ ân mệnh thì ta vui lắm, phúc tốt của ngươi phải kính cẩn tuân theo.

Định lại lệ cấm giết trâu, cấm nấu rượu.

(Về cấm giết trâu : Dân gian vô cố tự ý mổ trâu, cùng các hàng chợ mổ trộm trâu để bán, thì phải phạt tội 100 trượng, đóng gông bêu 1 tháng. Lại thu 20 quan tiền để thưởng cho người cáo giác. Tổng lý, phường trưởng không biết xét ra, cũng phải tội như kẻ mổ trâu, quan phủ, huyện không biết quở phạt phải 70 trượng, giáng 1 cấp lưu, quan địa phương phải phạt lương 1 năm. Con trâu già gầy mà chết thì theo lệ cũ mà làm.

Về nấu rượu : Dân gian có tự ý nấu rượu, chiểu theo lệ tự ý mổ trâu xử tội. Làng xóm hàng chợ họp nhau uống rượu say thì phải mỗi người 100 trượng, đóng gông bêu 3 tháng. Những người không rõ quê quán, không làm nghề nghiệp gì, thì phát đi sơn phòng an trí để khai hoang. Nếu vì say rượu lầm lỡ mà can án, không xử nặng nhẹ, cũng chiểu án xử tội, không được kêu xin giảm nhẹ. Tổng lý, phường trưởng thiên tư giấu giếm, cũng phải tội như kẻ phạm tội).

Vua cho là cục Chiêu thương chở giúp gạo lương mỗi năm 42 vạn phương chi phát đầy đủ, vả lại gạo khó để lâu, sai bộ Hộ nên bàn với viên ở cục ấy liệu đổi chở bằng thóc cho tiện để lâu. (Sau bàn định chở 1 nửa gạo 1 nửa thóc, giá thuê chở thóc kém giá gạo 1 phần 3).

Giáng thự Thượng thư bộ Lễ là Đoàn Văn Hội làm Tả tham tri bộ ấy. Ngày mồng 1 Tết, vua ngự điện Cần Chính nhận lễ mừng, nhạc tấu không hợp, vua cho là tết Nguyên đán là lễ lớn, mà bộ Lễ không biết bảo ban, rất là lười biếng, khinh thường. Văn Hội là Bộ trưởng nên cho giáng đổi, Tham tri Nguyễn Văn Thuý, Thị lang Trần Thúc Nhận cũng đều giáng 1 cấp lưu.

Tỉnh Quảng Trị gạo đắt, dân đói, quan tỉnh vì cứu giúp chậm trễ, lười biếng đều phải giáng chức. (Tuần phủ Phan Sĩ Thục giáng làm Viên ngoại lang ; Án sát Nguyễn Tăng Dược giáng làm Tư vụ).

Nêu thưởng tiết phụ tỉnh Hải Dương (Nguyễn Thị Dung hạng bình).

Cho Hữu thị lang bộ Lại là Đinh Nho Quang thăng thự Tuần phủ Trị - Bình.

Tàu chở gạo của cục Chiêu thương (tàu thuỷ Nghĩa Lợi) mắc cạn va chạm hư hỏng ở ngoài cửa biển Thuận An (chết đuối mất 8 người). Vua cho cấp tiền tuất rất hậu.

Vua gần đây vì mọi việc bề bộn, khó nhọc, trong mình mỏi mệt. Đình thần tâu xin 5 ngày hay 10 ngày một lần coi chầu để cho đỡ nhọc. Vua không nghe.

Cho tỉnh Nam Định mộ thêm quân nước Thanh và chọn dồn võ sĩ để đủ người canh phòng, sai phái.

Cho thự Hữu quân Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự là Lê Sỹ ; thự Hậu quân Đô thống sung Phó sứ Hải phòng là Nguyễn Hanh đều được thực thụ ; Chưởng vệ quyền coi dinh Thần cơ là Tôn Thất Phê thăng thụ Thống chế ; Thuỷ sư Đề đốc là Nguyễn Bái thăng thụ Thuỷ sư Đô thống.

Cho Tả tham tri bộ Lại sung Thương bạc đại thần là Nguyễn Trọng Hợp thăng thự Thượng thư bộ ấy ; Tuần phủ Nam - Ngãi là Trần Nhượng đổi bổ Tả tham tri bộ Công ; Tả thị lang bộ Hình là Đặng Đức Địch thăng thự Tuần phủ Nam - Ngãi.

Các nơi ven biên giới Bắc Kỳ, từ sau khi có giặc quấy rối, nhân dân phần nhiều bị kẻ gian dỗ mua, giặc ngoài biên cướp bắt và quân nước Thanh đem về nước Thanh (Bằng Tường, Ninh Minh, Thái Bình, Nam Ninh, Ngô Châu, Quế Lâm). Sứ thần là Nguyễn Thuật đi sứ về, đem tình hình tâu lên.

Vua rất thương, bèn nghiêm sức các hạt ven biên giới xét bắt trị tội rất nặng và tư giấy cho Tuần phủ Quảng Tây nghiêm sức cho quan các dinh tra xét quân tan đi từ trước có người bị cướp, chiểu lý cho về.

Cho Chưởng vệ lĩnh Đề đốc Nghệ An là Lê Chuẩn thăng thự Thống chế sung chức Phòng luyện Hải phòng Thuận An, Chưởng vệ sung Phòng luyện là Ngô Đạt đổi lĩnh Đề đốc Nghệ An.

Cho Chưởng vệ trước lĩnh Đề đốc Bắc Ninh là Tạ Hiện quyền coi dinh Hùng nhuệ (nguyên Thống chế Hoàng Văn Thu bị giáng). Trước đấy, quan tỉnh Bắc Ninh được tin vợ Hiện đi đạo Gia tô, sợ quan ngại, mật tâu xin chuẩn cho rút về, do bộ Binh xét nghĩ. Sau rồi quan ở bộ tâu lại rằng : Xem người Hiện sức vóc khoẻ mạnh, nét mặt hùng vĩ, ăn nói hơi có nghĩa lý, chỉ vì viên ấy hơi biết văn tự, hoặc có tự phụ, nên không được người đồng sự bằng lòng mà thôi, lại xin đổi bổ chức ở Kinh. Cho nên có mệnh lệnh ấy.

Phái viên nước Pháp từ Ninh Bình đến chơi xem động Từ Thức (ở huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung) tỉnh Thanh Hoá, quan tỉnh đem việc ấy tâu lên. Vua sai tư cho tỉnh Ninh Bình từ sau viên ấy có đi như thế, phải nói khéo để ngăn.

Lúc bấy giờ tàu chiến nước Pháp đến thêm, mà nước Thanh mới phái đến chỉ có 3 dinh, hiện đóng ở Quán Ty đi lại dò xét. Tổng đốc Bắc Ninh là Trương Quang Đản dâng sớ nói : Nước Pháp phái thêm tàu chiến sấn đến, đã bức hơn trước. Ta há nên im lặng, chịu phép để đợi quân nước ngoài từ xa đến, việc cùng chậm lắm. Nghĩ nên chỉnh bị ngay các thứ đối phó với giặc, hầu khỏi đến khi có việc hấp tấp, xin mật sức cho Thống đốc Hoàng Tá Viêm điệu ngay Lưu Vĩnh Phúc đem quân về Sơn Tây cùng đóng cho nhiều quân, cho Lương Tuấn Tú sung chức Tiễu phủ sứ Cao Bằng, Thái Nguyên, chiêu mộ 1.000 quân tinh nhuệ, chuyển xuống chỗ giáp giới Bắc Ninh, Thái Nguyên đóng để trấn áp, cho chúng bớt hăng hái rút lui, cố nhiên là tốt. Nếu có sinh sự ở Nam Định, Ninh Bình, xin do Kinh lược Nguyễn Chính bàn bạc đốc sức 2 tỉnh ấy tuỳ cơ chống giữ. Phó kinh lược Bùi Ân Niên bàn với tỉnh Hải Dương đem quân đánh thẳng ở bờ biển, 2 đạo quân Sơn Tây, Bắc Ninh tuỳ thế ập lại cùng đánh. Lại xin văn từ bố, án, võ từ đề, lãnh trở xuống, người nào nếu có ngăn trở nhút nhát, cho Kinh lược Chánh phó sứ Tĩnh Biên chỉ tên hoặc xích lại tâu lên hoặc chém ngay, rao khắp trong quân, cho nghiêm hiệu lệnh.

Vua theo lời tâu ấy. Nhân bảo rằng : Quyền của tướng lâm sự tuỳ theo việc phải mà làm, chưa thể nhất khái định được, cốt được việc mà thôi.

Kinh lược Phó sứ là Bùi Ân Niên, Bắc Ninh Tổng đốc là Trương Quang Đản cho là hạt Bắc Ninh gần sát với đồn thuỷ của Pháp, chống giữ rất khẩn cấp, mật tư cho tỉnh Lạng Sơn bàn với Hoàng Quế Lan chọn phái quân một vài dinh đóng thêm ở đồn Nhã Nam tỉnh Bắc. Lương Quy Chính, Nguyễn Cao, Trần Xuân Soạn liệu trích quân ở quân thứ và toán quân ở Cao Bằng, Lạng Sơn về tỉnh chia nhau đóng giữ. Ân Niên xin vẫn ở lại tỉnh Bắc để trấn áp, cùng với Quang Đản trù nghĩ công việc phòng bị.

Vua cho là tỉnh Bắc, hiện nay ở tỉnh và quân thứ cũng đã nhiều người, tỉnh Hải Dương là chỗ xung yếu, chưa có thương tá, sai Ân Niên chọn chỗ nào trung độ, lâm thời có thể đối phó ngay được, thì đóng để tiện bàn với Kinh lược, Thống đốc, tính liệu đối phó cốt cho kịp việc.

Trước đây, dân hạt Hải Dương là Trương Khắc Kiệm, Nguyễn Đức Học cùng với bọn Cao Bá Liên (con Bá Đạt người ở Bắc Ninh), Tú tài Nguyễn Viết Tạo (người Thanh Hoá) sao đọc nguỵ thư (năm Tự Đức thứ 27, giặc Vạn cùng bọn giặc Quang xã Phù Lưu làm ra) bị Cai tổng Thuỷ Đường tố giác. Vua sai quan tỉnh xét xử. Đến nay án thành, Khắc Kiệm phải tội xử chém. Đức Học (nghe tin bắt ra thú) được giảm xử tội sung quân, Bá Liên phải tội trảm giam hậu (trước can án làm giặc hiện đang trốn). Còn các người khác đều phải phạt trượng, phạt lưu.

Tháng 2, quan tỉnh Hà Nội tâu nói : Thành tỉnh ấy quân Pháp chưa rút, làm việc thường bị bó buộc, xin nên tính chỗ tốt khác, ngõ hầu gặp việc làm được nhanh chóng.

Vua bảo rằng : Há nên bỏ hết thành cũ, cho chúng càng làm càn, nhưng cùng đóng cả cùng quẫn bức, nên cùng bàn với nhau, chia uỷ đi đóng chỗ khác. Còn thì ở lại tỉnh thành, tuỳ cơ mà làm cho khéo.

Quan tỉnh Nam Định tâu nói : Từ khi sông Cấm mở ra, thuyền buôn chuyên chở hàng hoá ra vào ở đấy, còn thuyền qua cửa biển Trà Lý rất ít, thuế quan thu vào không được mấy, mà lương bổng quân đóng đồn chi phí rất nhiều, xin đóng cửa ty thuế quan, thôi không đánh thuế, quân đóng đồn rút đi, chỉ để lại một đội để đóng giữ.

Vua cho là cửa Trà Lý trước đặt đồn bảo là để phòng kẻ gian, không phải chỉ vì việc thuế quan, tạm theo lời xin ấy, nên thường kiểm soát, để ngăn mầm gian.

Tổng đốc Định - Yên là Vũ Trọng Bình tâu nói : Do thám được tin quân Pháp đóng thêm quân ở Hải Dương 500 tên, đóng ở Hà Nội hơn 1.000 tên.

Vua mật Dụ rằng : Theo lời chỉ bảo làm việc cho khéo, không được hoang mang chán nản.

Lúc bấy giờ đường cửa biển Thuận An ngày càng bồi nông. Vua bảo bộ Hộ rằng : Thế cũng may lắm, nhưng đường sau này vận tải chưa biết làm thế nào, về số gạo hiện chứa, không nên bán nhiều, việc nên tính trước.

Trước đây, quan bộ Hộ cho là cục Chiêu thương đồng niên chở gạo, số gạo rất nhiều, mà đến khoảng tháng giêng, tháng hai, thường khổ về gạo đắt, dân thiếu ăn, đã tâu xin chuẩn cho đợi gạo chở được hơi nhiều, liệu đem bán cho dân, khiến cho công, tư đều tiện lợi. Cho nên lại răn đình lại.

Kinh lược Phó sứ Bùi Ân Niên xin chiêu mộ thủ dõng, rồi chọn lấy 1.000 quân tinh nhanh, khoẻ mạnh chi lương để sai phái. Vua y cho.

Thự lý Thông thương đại thần nước Thanh là Lý Hồng Chương được thư đến hỏi về việc nước Pháp.

(Trước đã gửi điện giục, nay lại tiếp tục thư nói : Việc quý quốc giao thiệp với nước Pháp, sau khi bản thự về Thiên Tân coi việc nhiều lần nghe tin, đã cho bộ đường Lưỡng Quảng sao thư của quý quốc trước sau gửi đến để cho biết, bỗng gặp Công sứ Bảo nước Pháp đóng ở Trung Quốc đi qua Thiên Tân cùng hỏi bàn ngay trước mặt, định đem lời bàn thoả đáng, phép hay có ích cả 2 nước, nhưng Bắc - Nam cách nhau đường xa, chưa biết hiện tình thế nào. Quý quốc là phên giậu của bản triều, hơn 200 năm rất là cung kính, Tổng lý các quốc sự vụ là Vương đại thần và bản thự gặp việc liên quan đến, rất muốn khu xử giúp cho thoả đáng, mong rằng theo điện tín trước, phái ngay đại thần đến Thiên Tân, hỏi kín cặn kẽ cho tiện, tuỳ cơ tìm cách điều đình với Công sứ nước Pháp).

Vua sai viết thư trả lời :

(Đại khái nói các việc trước đã sai sứ thần đem thư đi, lại đem các việc nước Pháp phái thêm tàu binh đến nói cố đánh quân Lưu Vĩnh Phúc để thông sang Vân Nam, khiến cho nước Nam chịu cho nước ấy bảo hộ và đóng quân ở các kho Hà Nội, Hải Dương, xin chuyển đạt giúp đến Tổng lý các quốc nha môn xem cơ sự xử trí khéo giúp cho, cho nước ấy phải nghe).

Tổng đốc Định - Yên là Vũ Trọng Bình lại xin lấp chặt đường sông.

Vua bảo rằng : Trước vì nước ấy mới trao trả Hà Thành, giảng hoà hay đánh chưa định, không rút không được. Nay nước ấy đã đem thêm tàu binh, thì kế sách tự giữ của các tỉnh, không thể hơi hoãn được. Vậy Nam Định, Hưng Yên, Ninh Bình các đường nhỏ, sông nhỏ có thể đến tỉnh thành được thế có thể chặn lấp được thì phải làm ngay cho tất vững chắc.

Nước Pháp phái tàu binh đánh ngay tỉnh thành Nam Định (ngày 18), quan tỉnh ấy chia quân chống cự, người Pháp đánh bắn cả ngày không hạ được. Ngày hôm sau quân Pháp đến sông Vị Hoàng, bắn vào trong thành, mà bộ binh sấn vào

cửa Đông, bọn Tổng đốc Vũ Trọng Bình, Bố chính Đồng Sĩ Vịnh ở trong thành chống giữ, Đề đốc Lê Văn Điếm, Án sát Hồ Bá Ôn ra ngoài thành đánh nhau với chúng, chống nhau từ giờ Mão đến giờ Ngọ. Lúc bấy giờ Kinh lược là Nguyễn Chính đóng quân ở xã Đặng Xá (thuộc huyện Mỹ Lộc) không dám đến cứu, Điếm chết trận, Ôn bị thương, quan quân vỡ tan, thành bèn mất. Việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Nước ấy mưu tính hạt Nam Định, bọn ngươi biết tình hình ấy đã lâu, phải tính toán phòng bị, lại đã cho Kinh lược Nguyễn Chính đem quân đến đóng để cùng nhau cùng giữ, thì mưu kế đã sẵn, người lại nhiều không hấp tấp, đơn hư như Hà Thành. Bọn ngươi chịu trách nhiệm uỷ thác mà như thế, hầu cho là cửa vua xa muôn dặm ư ? Hãy đợi rảnh việc sẽ xét nghĩ. (Sau giao cho Kinh lược Nguyễn Chính xét sự trạng tâu lên).

Khi ấy phái viên nước Pháp đem tàu binh đến Nam Định, Bùi Ân Niên, Trương Quang Đản điệu phái binh dõng các đạo đến các bờ sông Gia Lâm, Văn Giang, Đông Ngàn, tuỳ địa thế quân để trấn áp, liền dâng sớ nói hiện nay quân luyện các đạo đều đã nghiêm chỉnh, nghĩ nên khởi sự trước ở chỗ chúng đóng quân ở Hà Nội, may nhờ uy phúc Nhà nước, có thể hạ ngay được Đồn Thuỷ của chúng, một mặt thì phái quân đóng giữ, một mặt chọn đem vài đạo quân luyện đi gấp đến Nam Định ứng cứu, ngõ hầu kịp sự cơ. Chợt có tin báo tỉnh Nam Định thất thủ đến.

Vua bảo rằng : Sự thế tỉnh Nam so với trước đã khác, cứ theo Hà Nội báo rằng : Quân Pháp hiện đến hạt ngươi mưu tính quấy rối, tỉnh ngươi tướng biền, binh dõng đã họp đông, nếu chúng dám phạm đến, phải dập tắt ngay, chớ để cho chúng đắc chí và tư bàn với Thống đốc Hoàng Tá Viêm góp sức làm cho nhanh.

Công sứ nước Pháp đóng ở Kinh là Lê Na hạ cờ khâm sứ để về nước.

Tàu thuỷ nước Pháp (1 cái lớn, 1 cái nhỏ) tiến đóng bờ phía nam cửa Lục Hải tỉnh Quảng Yên, quân Pháp lên núi làm nhà dựng cờ. Vua nghe tin, sai quan tỉnh tư bàn với Lãnh sự Pháp ở Hải Dương sai tàu ấy phải rút ngay, không được như thế, hại sự hoà hiếu mà có lỗi.

Phái thêm 500 biền binh đóng thêm ở các đồn Lộ Châu, Triều Sơn.

Hai hạt Quảng Nam, Quảng Ngãi gạo đắt. Vua cho những thuyền buôn bán gạo vào cửa biển được miễn thuế.

Vua cho là lính trạm chạy giấy nhiều và khó nhọc, cấp thêm tiền gạo cho trạm từ Kinh trở ra Bắc, có cấp bậc. (Trạm ở trung châu khá lắm việc thì cấp cho mỗi trạm 40 quan tiền, 25 phương gạo ; trạm nhiều việc vừa thì 30 quan tiền, 15 phương gạo ; trạm ở ven biên giới khá lắm việc thì cấp mỗi trạm 30 quan tiền, 15 phương gạo ; trạm nhiều việc vừa thì 20 quan tiền, 10 phương gạo).

Sơn phòng sứ tỉnh Thanh Hoá là Hồ Tư Cung tâu xin mộ lập 7 xã, thôn, phố (Lạp Lộc, Văn Hanh, Phan Long, Ngọc An, Ân Xá, Đông Sơn, Sơn Phòng) làm sổ sách, cấp triện thu thuế. Vua y cho.

Tha bắt lính thu thuế cho dân các xã bị giặc phá huyện Sơn Dương (thuộc tỉnh Sơn Tây) 4 năm.

Quan viện Cơ mật và Thương bạc tâu xin sai Kinh lược Nguyễn Chính chọn đất đóng quân và tư bàn với Thống đốc Hoàng Tá Viêm tuỳ cơ lấy lại thành Nam Định. Nghiêm sức cho thân sĩ các phủ, huyện đoàn kết xã dân, canh giữ để cho chúng chỉ giữ tỉnh thành không được lấn xuống, mới có thể tính dần được.

Vua bảo rằng : Từ trước đến nay, thân sĩ đã xin đoàn kết để ứng cứu bảo vệ, sao lúc ấy không tính ngay, cho chúng có thì giờ được voi đòi tiên, lan tràn khó tính, sĩ khí ngày càng tiêu hết. Nguyễn Chính đã cho chọn đất đóng quân để làm thanh thế cho quan tỉnh, nay cũng không được công trạng gì, phải giáng 4 cấp lưu, phải lấy lại ngay tỉnh thành, để chuộc tội trước.

Sai Thống chế Hữu dực quân Vũ lâm là Nguyễn Như Cung đem 500 lính Kinh (quân Vũ lâm và Thượng tứ) đi đến tỉnh Thanh Hoá (vẫn sung Đề đốc) phòng bị cho nghiêm và dồn thêm thổ dõng cùng lính mộ cũ (650 tên) chi lương chia phái đi đóng giữ, cho sức quân được dày dặn.

Cấp thêm tiền lương tháng cho lính Kinh có cấp bậc. (Các quân Vũ lâm, Cấm binh, các bảo, Thuỷ sư, Kinh tượng, Thượng tứ, Kỳ võ, trước cấp mỗi tên mỗi tháng 1 quan, nay cấp thêm 1 quan, tức mỗi tháng mỗi tên đều 2 quan ; quân đội Long thuyền trước cấp mỗi tên mỗi tháng 1 quan 5 tiền, nay cấp thêm 5 tiền nữa, tức mỗi tên mỗi tháng cũng 2 quan tiền).

Vua bảo rằng : Ngay lúc trước lệ định cũng đã châm chước công việc nhiều, ít, tính sổ thu, chi mà đặt ra thứ bậc, lương ăn của quân tuy chưa được thừa thãi, cũng chưa từng kêu thiếu. Gần đây, thống chưởng không biết vỗ về thương quân, quản suất, thư lại nhân đó mà bắt đóng góp, tiền lương khấu trừ hết, đến cả của nhà mỗi người ra làm lính, cả nhà phải chịu luỵ hoặc nhân đói mà ốm, hoặc mang nợ mà trốn. Nếu muốn tăng lương gấp 3, gấp 4, sao cho đầy túi riêng của kẻ tham được. Huống chi, mấy năm nay lắm việc, nước nghèo về chi cho việc quân, kho chứa so với trước rất kém, tất cả công việc phải giảm bớt cả, mà số chi tiêu hằng năm chưa thấy có thừa, làm thế nào cho kế tiếp được. Nhưng nghĩ các dinh, vệ sai phái làm công việc, hoặc có lúc đi đánh giặc, so với người khác, rất có khó nhọc, vậy cho đều cấp thêm tiền lương tháng, để tỏ lòng thể tất.

Quan Kinh lược Nguyễn Chính phái Phó lãnh binh tỉnh Thanh Hoá là Hồ Thanh Hanh đem quân (300) đến đóng giữ núi Tam Điệp và 2 đồn Nhân Sơn, Chính Đại.

Vua nghe tin bảo rằng : Đóng giữ chỗ ấy là cần thiết, phải phái thêm cho được việc, đường thuỷ đạo tất phải lấp, cho khỏi chia sức quân ra.

Cho Chưởng vệ quyền coi dinh Hùng nhuệ là Tạ Hiện đổi lĩnh Đề đốc Nam Định. Nam Định thất thủ, Hiện xin gấp về ngay tập hợp thân hào, chiêu mộ thủ dõng, lấy lại tỉnh thành để báo ơn nước. Vua cho đi đường trạm về ngay, đổi lĩnh chức ấy.

Cho Phó phòng luyện Hải phòng là Trần Văn Cư thăng thụ Vệ uý quyền coi dinh Hùng nhuệ.

Chuẩn cho các lộc điền, tự điền của các công thần, chiểu mẫu mà cấp tiền (mỗi mẫu 40 quan tiền, trích tiền thuế các xã thôn nhận ruộng cấp thêm) giao cho người chủ tự thờ cúng. Lúc bấy giờ lộc điền, tự điền của các công thần bị con cháu bất tiếu, phần nhiều nhân nghèo, đem ruộng bán thuê lấy tiền tư tiêu, việc thờ cúng ở từ đường toàn không lo nghĩ.

Vua nghe biết việc ấy, bèn sai đổi cấp bằng tiền.

Quân Pháp sang sông, sấn vào chỗ đóng quân ở Gia Lâm khiêu chiến. Ngày hôm ấy (ngày 19) Tổng đốc Bắc Ninh là Trương Quang Đản đem quân đến ngay điều đốc, Kinh lược Phó sứ Bùi Ân Niên cùng đem quân đến tiếp, hợp với quân ở quân thứ đánh bắn, quân Pháp rút lui về giữ phố Dốc Gạch (quân Pháp chết 5, bị thương 6, trong đó có quan Ba bị thương ; quân ta 6 người bị thương). Sáng hôm sau (ngày 20), Pháp phái thêm quân lại đến, binh dõng, quân thứ Bắc Ninh giữ chỗ hiểm yếu nấp bắn, quân Pháp vừa đánh vừa lùi (quân Pháp chết 9, bị thương 1 ; quân ta bị thương 10, chết 5). Đến chiều hôm ấy (độ giờ Mùi), quân Pháp đến thẳng trên đê, bắn loạn xạ, binh dõng đánh giáp lá cà dữ dội, 2 bên chết và bị thương ngang nhau (quân Pháp bị thương hơn 20 tên, trong đó có quan Hai bị thương ; quân ta chết 13 người, bị thương hơn 30 người, Phó đề đốc Trần Xuân Soạn cũng bị thương nhẹ), Quang Đản cùng với Tán lý Lương Quy Chính đem thêm quân chia từng toán đến ứng cứu, đạo quân của Ân Niên cũng tiếp đến, đạo quân của Thương biện Nguyễn Cao, Lãnh binh Hồ Văn Phấn cũng đều đến tiếp, quân Pháp chống địch không nổi, rút quân xuống tàu, chạy về Đồn Thuỷ, Hà Nội.

Việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng : Người Pháp vô cố trái lời ước, đã sinh sự ở Hà Nội, Nam Định, lại chia quân quấy rối hạt ngươi, quan tỉnh và quan quân các ngươi lại biết cổ động binh dõng 3 lần giao chiến không sợ sệt chút nào, khiến cho chúng phải lui về giữ sào huyệt, thực là đáng khen. Vậy Trần Xuân Soạn đốc chiến bị thương, thưởng thăng 1 trật và cho 10 lạng bạc để điều trị ; Trương Quang Đản hiện dự điều khiển, thưởng quân công kỷ lục 3 lần và 1 đồng kim tiền tứ mỹ ; Bùi Ân Niên đến cứu viện thưởng quân công kỷ lục 2 lần và 1 đồng kim tiền Tam thọ ;

Lương Quy Chính, Nguyễn Cao, Hồ Văn Phấn đều thưởng kỷ lục 1 lần ; binh dõng thưởng chung 650 quan tiền. Quan quân binh dõng bị chết, đều cho tăng hàm, cấp tiền tuất và cho nhiêu ấm. Quan quân thứ, quan tỉnh các ngươi nên cố gắng nhiều hơn, một lòng hết sức giết bọn giặc, bắt tướng giặc, cốt cho đất ta được yên, mà oai nước được mạnh. Hoàng Tá Viêm chỉ đem nhiều quân đóng mãi ở Sơn Tây, tỉnh Nam Định không giữ được, đã như không nghe thấy. Nay chúng lại quấy hạt Bắc Ninh, cũng không tiến đi một bước, phái một quân lính đến ngay đánh cứu, đối với luật quân và đạo làm bề tôi, đều có sai trái, lập tức cách chức cho lưu dụng, cho công lệnh được nghiêm.

Lại mật Dụ các quan quân thứ, quan tỉnh rằng : Thống đốc Hoàng Tá Viêm là trọng thần của Nhà nước, nhận tiết việt đã lâu, binh lính mạnh giỏi đều thuộc dưới quyền, là then khoá cửa phương Bắc, giữ che của một phương, trông cậy biết là nhường nào. Ngươi nên khuyến khích tướng sĩ, quyết kế tiến đánh, cốt giết tướng giặc, thì bọn khác tất phải lui, ngươi nên nhớ lấy, chớ phụ lòng uỷ thác trông mong. Một đạo Bắc Ninh thì đã đánh nhau với chúng, cùng có tổn thương, bọn ngươi Trương Quang Đản, Bùi Ân Niên đều nên cố gắng hơn lên, đốc sức binh dõng, cốt phải đại thắng, cho chúng sợ không dám hành động.

Còn các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, phàm đường đi đến của chúng chỗ nào dễ chặn thì hoặc ngầm đóng cọc, hoặc đánh đắm thuyền, cốt làm thế nào cho chúng lên khiến cho giặc đi lại lui không đi được. Các ngươi nên tính ngay, phải chu đáo, phải kiên cố.

Một đạo Sơn Tây cũng nên hợp sức cố đánh, bày mưu đánh cho được, cốt chóng thành công cho đỡ lo nghĩ ngày đêm.

Ninh Bình lại là chỗ họng cổ, quan hệ không phải là ít, bọn Phan Đình Bình, các ngươi khéo dùng thổ dõng, dân binh hết lòng phòng bị trước cho mười phần vững chắc, mới xứng với trách nhiệm bắt phải làm xong. Còn ngoài ra ai có mưu kế hay, binh tinh nhuệ, đánh giặc tất thắng, giữ thành tất vững, đều cho các quan quân thứ, quan tỉnh hết lòng mà làm, không thể chỉ bảo nhất định, gió to mới biết cây cứng, Nhà nước nuôi sĩ phu, hơn 100 năm nay, bọn ngươi mong báo ơn nước, chính ở ngày nay đều tự tính nghĩ, không phiền phải bảo nhiều.

Tháng 3, đặt thêm súng lớn ở phía đông bắc Kinh thành.

Tạm đình các hạng biền binh (hơn 1.500 người) ở các sở thợ, rút về để huấn luyện.

Hậu cấp cho thuyền người nước Thanh bị nạn gió bão. (Thuyền Hải Nam 518 người đi đến nước Xiêm làm thuê vì bị bão giạt vào phận biển tỉnh Quảng Bình, quan tỉnh chiểu lệ nạn bão cấp cho. Nay cấp thêm cho mỗi người 3 quan tiền, cho đưa đến cửa biển Đà Nẵng đi thuyền về nước).

Vua mật Dụ bọn Hoàng Tá Viêm, Nguyễn Chính rằng : Dẹp yên biên giới, lập được công, quan hệ ở tướng giỏi và ba quân dũng cảm hay nhút nhát, tình hình giặc sợ sệt làm càn, trông ở đấy. Bọn ngươi đã đương chức tiết chế, hiện cầm cờ tiết mao, quyền ấy không phải là không tôn trọng. Viêm thì nói rằng : "Vạn phần đánh được cả", Chính thì nói "khiến cho giặc không dám trông thẳng", nói sao hăng hái thế ? Thế mà lâu nay lần chần, không thấy thi thố gì. Nguyễn Chính chuyên coi một đạo để chống đỡ cho Nam Định, đến khi chúng đánh thành chỉ nói phi tư, phi sức, phái triệt, phái phòng không chịu dời đi một bước để đến nỗi thành ấy không giữ được. Nay lui về huyện Vụ Bản, cho xa thành đích, giữ thân chăng ? giữ nước chăng ? sao mà im lặng đến thế. Hoàng Tá Viêm binh dõng đều khen là quân tinh nhuệ, thế mà vừa rồi báo tin tiến đóng Hà Nội, cũng không tiến đến, chúng mưu quấy hạt Bắc Ninh, lại không đến cứu, việc làm như thế, hầu coi việc binh làm trò chơi ư ? Hầu coi mệnh vua cũng không nhận được chăng ? Sao để sự lo cho ta đến thế, có bề tôi như thế, còn nhờ sao được. Đáng lẽ đem ngay quân pháp làm việc, tạm nghĩ rã cánh lúc này bay cao lúc khác, cổ nhân cùng nhiều người tự cố gắng mà trẫm cũng không phải ít ân. Bọn ngươi nên tính kỹ làm cho thoả đáng, để hả lòng công phẫn, lừng lẫy uy thanh của nước, nếu còn chậm trễ lỡ việc tất phạm quân luật, chớ kêu là không bảo trước.

Thân sĩ tỉnh Quảng Trị mật tâu công việc đánh dẹp. Vua bảo rằng : Công việc hiện nay, triều đình đã tự có xử trí, đều nên yên lặng để trấn tĩnh, không nên hấp tấp, nhọc nhiễu hại dân, không tiện.

Đặt thêm súng lớn ở đồn trước đồn sau Lộ Châu (súng đại bác 20 cỗ, súng quá sơn 30 cỗ).

Nêu thưởng tiết phụ tỉnh Nghệ An (Phan Thị Én - vợ kế - hạng ưu, Nguyễn Thị Viện, hạng bình).

Lại cho các binh dõng chết trận, người nào nhà có cha mẹ tuổi 60 trở lên, con trai, con gái tuổi 15 trở xuống mà không có người nuôi nấng, thì chiểu lệ cấp dưỡng, để tỏ lòng thể tất.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tiến đóng ở Sơn Tây, chiêu tập thân hào sĩ dõng đã mộ từ trước gần 30.000 người, luyện tập đã giỏi được hơn 3.400 người, tâu xin chi lương để sai phái.

Vua bảo rằng : Phàm các quân mộ, nếu mấy vạn người cũng nên sung mộ, nhưng đến lúc lâm trận, phần nhiều vỡ chạy, không đắc lực lắm, cần chọn lấy người mạnh giỏi, ngõ hầu khỏi tốn phí.

Quan Kinh lược Nguyễn Chính xét rõ việc Nam Định thất thủ tâu lên.

Vua Dụ rằng : Nguyễn Chính làm hỏng việc đến thế, há lại khoan tha, cho giáng làm Quang lộc Tự khanh, sung chức Tán lý theo Thống đốc điều khiển, còn cờ tiết mao cho Thống đốc thu lại đem nộp ; Hoàng Tá Viêm lần lữa không được việc, giáng làm Tổng đốc ; các quan tỉnh ấy là Vũ Trọng Bình, Đồng Sĩ Vịnh cùng bọn lãnh, quản suất có trách nhiệm chống giữ đều cách chức, phái đi làm quân đi trước làm việc để chuộc tội, còn nhút nhát rút lui chút nào lập tức chém ngay. Đề đốc Lê Văn Điểm liều mình ở chốn chiến trường, khí tiết dũng cảm đáng khen, gia tặng hàm Đô thống, cho thờ vào đền Trung Nghĩa để khuyến khích các quan võ địch với kẻ thù hết lòng tiết nghĩa ; Bát phẩm Nguyễn Bản là một sĩ nhân trong hạt, trước vì quyên tiền được thưởng hàm, đến nay có việc lại biết đem quân mộ vào thành theo quan quân chống giữ, bị chúng bắn chết, cũng là đáng khen, cho truy thụ hàm Tu soạn, thờ ở đền làng ; Án sát Hồ Bá Ôn bị thương còn hơn người chạy trước, cấp cho 30 lạng bạc để điều trị.

Vua lại cho là tỉnh thành Nam Định tuy chưa lấy lại được, nhưng cai trị không nên bỏ trống lâu, bèn cho thự Tuần phủ Hà Tĩnh là Tôn Thất Trường hộ lý Tổng đốc Định - Yên, bố, án, lãnh binh cũng đều chọn bổ cho đủ người. (Bố chính Lại Hợp Ngoạn, Án sát Phạm Vụ Mẫn (đều người Nam Định), Chánh, Phó lãnh binh là Vũ Liên, Lê Khoa) sai đi ngay chọn đất đóng ở, cùng làm việc, cũng Dụ rằng : Bọn ngươi nên soi gương xe trước, cố gắng thêm lên, đều nên tự nghĩ, trẫm không nói lần nữa. (Rồi sai đòi bọn Vũ Trọng Bình về Kinh xét nghĩ đến tháng 11 án dâng lên, cũng theo Dụ trước, cho cách chức làm việc chuộc tội, rồi lại đều cho khai phục, Nguyễn Bản người Nam Định là con Án sát Lạng Sơn cũ Nguyễn Mậu Kiến).

Trước đây, Kinh lược Phó sứ Bùi Ân Niên được chuẩn cho đổi làm Tham tán, hoặc chia ra đạo riêng, hoặc cùng làm việc, do Hoàng Tá Viêm cùng bàn giao cho làm việc. Ân Niên cho là viên ấy cùng Thống đốc ý kiến không hợp, xin cho chuyên sung đạo riêng cùng với Tổng đốc Bắc Ninh là Trương Quang Đản trù tính việc đánh giặc, nếu hoặc việc quân đã có nhiều người, xin về triều đợi tội.

Hoàng Tá Viêm cũng tâu nói : Ân Niên đối với việc quân am hiểu lắm, xin triệu về làm việc ở Kinh. Vua bèn cho Ân Niên về Kinh đợi Chỉ, đạo quân thuộc Ân Niên trước đều giao cho Tá Viêm sai phái.

Khi Ân Niên chưa có Chỉ vua triệu về Kinh, Tá Viêm đã thường giục giao quân, lại đem quân lệnh ra bảo ngay.

Ân Niên tâu nói : "Việc đánh ở Hà Nội, đã có Chỉ Dụ nghiêm ngặt, giả sử quan Thống đốc, trước khi Nam Định chưa có việc, tiến ngay đến bức Hà Thành, khiến cho chúng trông chỗ nọ bỏ chỗ kia, không dám bừa bãi ở Nam Định, há không là việc tốt ư ? Lại cứ đóng ở Sơn Tây không tiến quân, cho nên chúng có thì giờ tính

đánh giữ Nam Định, sự thế thêm khó khăn. Nếu đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc không đến thì các tỉnh ở Bắc Kỳ hoặc có trở ngại, quan Thống đốc ấy cũng chỉ ngồi nhìn, điều khiển như thế mà muốn làm xong việc lớn, thực là vạn phần khó khăn. Nay đoàn quân họ Lưu đã đến, lại đem rút cả đạo quân tỉnh Bắc đến Sơn Tây. Hiện nay người Pháp hòng quấy rối Bắc Ninh, việc đóng để phòng giữ rất khẩn, đã đem việc ấy trình lại, mà quan Tổng đốc ấy không có xét bàn, thường tự rút quân, tất muốn ích cho mình mà hại cho người bên cạnh, lại muốn đem việc trái lệnh lỡ việc buộc cho người, quan đại thần dụng tâm như thế, thực không thể hiểu được. Gần đây, cứ lời Vĩnh Phúc trả lời người phái đi, thì việc tiến quân hay đóng lại, chóng hay chậm, quan Thống đốc ấy cũng chỉ theo chủ định của Vĩnh Phúc, lại không nghĩ đến việc nước, chỉ biết cậy quyền áp chế người dưới, khiến cho người ta không làm được việc gì. Vả lại, trận đánh ở Gia Lâm, tôi cùng Quang Đản đều lạm dự được thưởng, mà quan Thống đốc ấy lại phải quở trách nhẹ, không khỏi có ý thắc mắc. Nhà vua sáng suốt ở trên, hiềm khích có làm gì, tôi chỉ nghĩ hết sức báo ơn nước, dám có lòng nào, nhưng thấy sự thế như thế, nói ra cố nhiên là có tội, mà không nói cũng sợ có tội". Sớ dâng lên.

Vua cho là đạo Sơn Tây binh tướng đã nhiều, mà đạo Bắc Ninh binh tướng hơi ít, Ân Niên cũng chưa thấy có việc gì kém, lại cho vẫn sung chức Tham tán, cai quản binh dõng đạo quân cũ cùng với Trương Quang Đản cố gắng làm việc, cho xong việc định làm ; đạo Nam Định gia sung Tán lý là Nguyễn Chính cũng cho coi đạo khác đều do Tá Viêm tiết chế điều khiển, bảo cho ý hết lòng về việc nước, không nên kẻ khác người giống.

Cho Tả thị lang bộ Hộ là Cao Hữu Sung hộ lý Tuần phủ Hà Tĩnh.

Giặc biển quấy phá phủ Kiến Thuỵ (thuộc Hải Dương) cướp bóc no chán, rồi xuống thuyền đi. Quyền Tri phủ là Trần Ngọc Liễn phải cất chức, quan tỉnh là bọn Lê Điều, Nguyễn Văn Phong đều phải giáng lưu.

Bố chính tỉnh Quảng Tây nước Thanh là Từ Diên Húc ra ngoài cửa quan đóng quân để trấn áp.

Cho thự Tuần phủ Lạng - Bằng là Lương Tư Thứ sung chức Tham tán quân thứ Tam Tuyên. Lĩnh Đốc học Ninh Bình là Lã Xuân Oai thăng thự Tuần phủ Lạng - Bằng.

Thống lĩnh nước Thanh là Hoàng Quế Lan đến đóng quân ở phủ Lạng Giang, điệu phái Quản đới là Trần Đắc Quý đem quân tiến đóng huyện Yên Dũng ; Bang đới là Diệp Phùng Xuân tiến đóng bờ bên tả sông Đáp Cầu, Thống đốc là Vy Hoà Lễ tiến đóng ở Hùng Lãm để làm thanh thế ứng cứu. Quan quân thứ tỉnh Bắc bàn với Quế Lan đem quân sang sông chọn chỗ đóng quân, sau rồi Quế Lan bảo rằng chưa

tiếp được công văn thượng quốc, chưa dám hội lại làm việc, nhưng xét hạt Bắc Ninh, đất giáp sông Đại Hà, gần với sào huyệt cũ của bọn chúng, mà 2 sông (Chiêm Đức, Nguyệt Đức) ở trước, sau tỉnh thành, cần phải đóng giữ, nên mộ nhiều quân khách để sai phái. Và phái một toán quân ở Cao Bằng, Lạng Sơn đóng gần quân dinh. Nếu chúng có theo sông Nguyệt Đức đến sẽ phái quân dinh, đổi quần áo đánh giúp. Còn như con đường Từ Sơn, Gia Lâm, do nước ta tự làm lấy, đợi không kỳ ngày nào theo tờ tư của quan Tuần phủ Quảng Tây đưa đến, dời đến gần tỉnh thành hội tính toàn cục.

Ân Niên, Quang Đản đem việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Nước Thanh đã lo ngại sinh ra hiềm khích, viên Thống lĩnh ấy đã đóng ở Lạng Giang, không từng sang sông, ý ấy có thể biết được. Rút cục, việc ta ta phải làm là chính. Vậy cho các ngươi quan quân thú, quan tỉnh kuyến khích tướng biền phải tự gắng sức, cho hết đạo bầy tôi, mà làm cho thế nước mạnh mẽ, chớ có chỉ trông cậy vào người, hơi tỏ ra lười biếng. Nhưng viên ấy đã về đóng gần, cũng nên khoản đãi, thăm hỏi. Và tuyên ngôn quân nước Thanh đến giúp cho nổi thanh thế.

Quan tỉnh Thanh Hoá tâu nói : Phái viên nước Pháp muốn đến cửa Chính Đại yết sức triệt bỏ tuần ty.

(Lần ấy có linh mục Phát Diệm là Trần Lục đưa thư nói : Phái viên nước Pháp đến Ninh Bình khám 2 cửa tuần Trì Chính, An Phú, lại đi đến cửa tuần Chính Đại yết thị bãi bỏ tuần ty ấy).

Vua cho là tỉnh Thanh Hoá không thuộc về Bắc Kỳ, đấy là Trần Lục nịnh hót mà chỉ, sai Đình Bình bắt Trần Lục nói với phái viên nước Pháp phải thôi.

Lại sai quan tỉnh Thanh Hoá tuỳ cơ châm chước mà làm, cần cho bớt việc, nhưng việc phòng bị bên trong không được sơ sài chút nào.

Cho dân bị giặc phá ở các phủ, huyện đạo Tân Hoá vay tiền.

Cấp thêm gạo cước cho các chủ thuyền đi tải ở Thanh, Nghệ, Tĩnh. (Từ Thanh Hoá vào Kinh, lệ trước cứ 100 phương gạo thì cấp gạo 15 phương, nay thêm 4 phương, cộng 19 phương ; từ Nghệ - Tĩnh, lệ trước cứ 100 phương cấp gạo 12 phương, nay thêm 3 phương, cộng 15 phương).

Vì Bắc Kỳ vận tải ngăn trở, cho nên cho thêm để cho dân vui lòng đi tải.

Tỉnh Bình Định ít mưa, lúa ruộng tổn hại nhiều, Tổng đốc là Nguyễn Hiệp tâu xin dụ trích 30.000 quan tiền ở kho nghĩa thương xã và tiền khuyến quyên, đợi thu hoạch xong, mua thóc về chứa để cấp cho dân. Vua y cho.

Tàu Lợi Đạt sang Hương Cảng sửa chữa, khi về phái đi tuần ở phận biển Ninh Bình, Thanh Hoá, hộ dẫn đoàn thuyền vận tải.

Bố chính Thái Nguyên là Vũ Giác xin chiêu mộ điền tốt đóng đồn để khai khẩn ruộng hoang. Vua y cho.

Tặng hàm Quang lộc Tự khanh cho Án sát Nam Định trước là Hồ Bá Ôn (người Nghệ An, đỗ Phó bảng, bổ chức Thừa chỉ lĩnh Án sát).

Trước đấy Nam Định thất thủ, Ôn bị thương ngay tại trận, đến nay chết. Vua nghe tin nói rằng : Không tránh sự chết, cùng chết với thành, hơn người tránh nạn xa lắm. Bèn cho đặc cách truy tặng, lại chiểu hàm tặng cho tiền tuất và tập ấm.

Tham tán quân thứ Bắc Ninh là Bùi Ân Niên tâu xin các quân lệ thuộc các đạo, chiểu lệ theo đi đánh giặc, cấp thêm lương tháng (mỗi tên mỗi tháng 3 quan tiền, 1 phương gạo). Vua y cho.

Gạo hiện chứa trong kho cửa biển ở Kinh chưa được thừa thãi. Bộ Hộ tâu xin kỳ lương tháng sau, gạo lương của quan viên văn, võ và các hệ Tôn thất, Quốc tử giám, võ học đường, cùng gạo lương cấp thêm cho các hạng biền binh đều chiểu giá mỗi tháng 4 quan tiền chiết cấp bằng tiền. Vua y cho.

Bắc thêm thuyền công, thuyền của dân (107 chiếc) ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ để chở tiền, gạo, đồ vật, gỗ, đá ở 2 hạt Thanh Hoá, Hà Tĩnh về Kinh. Vì gạo và đồ vật cần lắm.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu nói : Phái viên ở Yên Kinh là Đường Cảnh Tùng đến quân thứ, (Cảnh Tùng tháng chạp năm ngoái từ Kinh về Hải Phòng, lại đi bộ đến các tỉnh Bắc Kỳ, tra xét tình hình biên giới, đến nay cáo từ về nước) cùng nhau bàn luận thấy có nghĩa phẫn lắm, bàn tính việc quân, rất là có lý, lại thêm Lưu Vĩnh Phúc là người cùng làng với viên ấy, rất là kính trọng. Nếu được viên ấy ở lại đấy, tự khắc mọi việc làm chóng xong. Xin tư cho quan Tổng đốc Quảng Đông giữ viên ấy ở lại làm việc quân, tưởng cũng giúp được một tay. Vua nghe theo. (Sau triều đình nước Thanh chuẩn y cho).

Mùa hạ, tháng 4, tướng giặc Bắc Ninh là Phạm Văn Khoả, Nguyễn Văn Câu chịu tội chết. (Văn Khoả người huyện Đông Anh, nguỵ xưng là Ngũ quân đại nguyên soái ; Văn Câu người huyện Đông Anh, nguỵ xưng là Điệu bát, họp bè lũ quấy rối, cướp bóc, lại dán giấy ở các xã thôn, tống tiền bạc và thuốc súng đạn. Quan tỉnh Bắc Ninh phái quân đánh bắt, liền trốn tan. Đến nay bắt được, đều chiểu luật xử trị, thưởng cho người thám bắt đắc lực là bọn Cai tổng Dương Văn Phối, thưởng công ngân bài và tiền có cấp bậc, Tri huyện Nguỵ Khắc Kiều được thưởng kỷ lục một lần).

Tiễu trưởng quan nước Thanh (bọn Trần Văn Cao, Trần Tài) bắn chết tướng giặc ở Tuyên Quang, Thái Nguyên là Dương Đại Gia Hoả ở chỗ sườn núi, Thống lĩnh là Triệu Ốc sai đem đầu tướng giặc ấy đến các hạt Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn truyền bá cho mọi người biết.

Hoàng Tá Viêm dâng sớ xin tha tù sung quân ở Hưng Hoá là bọn Hà Văn Giới (hơn 30 đứa), cho lệ thuộc quân thứ để đánh giặc.

Vua bảo rằng : Quân cảm tử, phần nhiều ở trong tù phạm, chọn lấy kẻ dũng cảm, chỉ ở tướng khéo khuyên dùng mà thôi. Vua y cho.

Dời kho tỉnh Ninh Bình đến làm ở phủ mới Yên Khánh (vì cớ tỉnh thành gần ngay sông Cái).

Khâm phái Gia Định là Nguyễn Lập dâng sớ xin : Việc đánh giặc không nên bắt quan văn làm. Quan viện Cơ mật tâu nói : Xung phong đánh trận là quan võ, mà trù tính điều khiển là quan văn, đã đảm đương công việc thì trách nhiệm không thể trốn được, há nên thiên vị mà nói để kẻ sợ hãi nhút nhát được để mượn cớ. Vua cho là phải.

Giặc biển đánh phá thành phủ Thái Bình (thuộc tỉnh Nam Định) (thuyền giặc hơn 60 chiếc, bọn giặc khoảng 500 hay 600 tên). Bọn Đề đốc Tạ Hiện, Hiệp quản Hoàng Văn Phú, tỉnh Nam Định, cùng với đạo quân tỉnh Hưng Yên, chia từng đạo đánh đuổi, lấy lại phủ lỵ. Vua thưởng cho có cấp bậc.

Coi Thuỷ sư nước Pháp là Vi-e (có tên là Lý Hoa Lợi) uỷ phái viên đem bán gạo chứa ở cục Chiêu thương Hải Dương và thu các thuế xuất nhập cảng, thuế thuốc phiện sống và gạo.

Tổng đốc Ninh - Thái là Trương Quang Đản tâu nói : Kho ở tỉnh ấy hiện chứa tiền ít (hơn 20.000 quan) mà thóc gạo rất nhiều (hơn 200.000 hộc). Vậy thuế vụ hạ năm nay và thóc để thiếu từ năm trước (hơn 70.000 hộc) xin cho dân chiết nộp bằng tiền (mỗi hộc thóc giá 3 quan 7 tiền) để tiêu dùng được thư. Vua y cho.

Cấp tiền cho dân hạt Bình Thuận mua trâu cày. (Vì trâu bị chết dịch, cấp tiền cho mua mỗi con trâu giá 20 quan tiền).

Cho trích thuế đinh, điền 2 huyện Hương Sơn, Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh do nha Sơn phòng thu nộp để phát lương cho quân.

Truy tặng hàm Phó quản cơ cho Suất đội Hà Nội là Đỗ Đăng Lân (ấm thụ cho con hoặc em hay cháu một người làm Chánh cửu phẩm bách hộ). Vì khi Hà Thành thất thủ, Lân bị người Pháp giết chết, cho nên truy tặng cho hàm ấy.

Chưởng vệ quyền coi dinh Hổ oai là Phan Văn Quý phải cách. Văn Quý làm việc phần nhiều chậm trễ, bộ Binh xét nghĩ là tầm thường. Vua cho là hiện nay

thiếu người, tạm cho lưu chức. Đến nay, vua đi chơi sông Lợi Nông, Văn Quý được sung theo hầu lại bỏ vắng, bị Khoa đạo hặc tội tâu lên, lại nói vì ban võ không uỷ báo. Sau rồi xét ra quả là đùn đẩy. Vua bèn cho cách chức, về quê. Cho Vệ uý Nguyễn Văn Sỹ quyền coi dinh Hổ oai.

Tàu Pháp kiểm soát đuổi phái viên ngồi thu thuế quan Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên.

Nha Hải phòng Kinh kỳ tâu xin cắm liền hàng rào bằng gỗ và lấp bằng sọt đá ở cửa hàng rào Lộ Châu. Vua y cho.

Quan quân thứ Sơn Tây đánh quân Pháp ở Cầu Giấy (ở phía tây ngoài cửa ô La Thành, tỉnh Hà Nội) thắng trận to.

Lúc bấy giờ Thống đốc Hoàng Tá Viêm đem binh dõng quân thứ Sơn Tây cùng đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc về phủ Hoài Đức (thuộc Hà Nội) đóng quân liên nhiều. Sai đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc ra khiêu chiến, quân Pháp không ra, chợt nghe tin báo Chưởng thuỷ sư Pháp kiểm điểm quân và súng đạn, định đến đánh úp. Vĩnh Phúc bèn chia quân đoàn ấy phục trước. Sáng sớm ngày hôm ấy (ngày 13), Chưởng thuỷ sư nước Pháp là Vi-e đem quân (hơn 600) đến thẳng Cầu Giấy, quân phục binh vùng dậy đánh mãnh liệt. Cánh bên tả là Dương Trứ Ấn bị chết trận, cánh bên hữu là Ngô Phượng Điển bị thương, quân đoàn ấy hơi lui. Vĩnh Phúc cùng Hoàng Thủ Trung xông ra dấn vào trận đạn, cố sức đánh. Quân Pháp thua chạy, đuổi theo chém được Vi-e ở cửa ô (và quan Hai, quan Ba mỗi chức 1 tên, quân Pháp chết 20 tên, bị trọng thương 60 tên, thương nhẹ rất nhiều). Tin thắng trận tâu lên. Vua mừng lắm, thưởng Vĩnh Phúc thăng thụ Đề đốc, cho mũ áo Chánh nhị phẩm, gia thưởng 1 cái kim bài có chữ "trung dũng" ; Hoàng Thủ Trung (Tuyên uý đồng tri Tòng lục phẩm) thăng thụ Tuyên uý sứ (Tòng tứ) lĩnh chức Lãnh binh, gia thưởng 1 cái kim bài bằng vàng tía có chữ "thưởng công" ; Ngô Phượng Điển (Phòng ngự đồng tri, Tòng lục phẩm) thăng thụ Tuyên uý phó sứ lĩnh chức Phó lãnh binh, trích bạc lạng, sâm, quế cấp cho để điều trị, gia thưởng 1.000 lạng bạc, lại thưởng chung cho quân đi đánh trận ấy 2.000 quan tiền ; Thống đốc Hoàng Tá Viêm (trước lưu) điều khiển được việc, chuẩn cho khai phục nguyên hàm, gia thưởng quân công 2 cấp. Dương Trứ Ấn (Tòng bát phẩm bách hộ) chết trận, được truy thụ Tuyên uý phó sứ gia tặng hàm Phó lãnh binh, còn thì đều tặng hàm và cho tiền tuất có cấp bậc.

Lãnh sự nước Pháp đưa thư đến xin trả xác (Chưởng thuỷ sư và quan Hai, quan Ba nước Pháp). Vua không cho. Sai quân thứ Sơn Tây tạm chôn, đợi xét.

Phát chẩn cho dân đói các tỉnh Hải Dương, Hà Nội, Ninh Bình.

Lúc bấy giờ, quân thứ Bắc Ninh dò biết quân ở quân thứ Sơn Tây lại chuyển xuống đánh nữa (quân tỉnh Sơn Tây và 1 - 2 toán quân họ Lưu chuyển xuống

mặt phố Hà Nội), Tham tán quân thứ Bắc Ninh là Bùi Ân Niên, Tổng đốc là Trương Quang Đản liền phái binh dõng sang sông, hội lại cùng đánh. Lại sai binh dõng ở quân thứ đem súng lớn đến trên đê sông Nhị Hà, bắn luôn mấy ngày. (Thuyền binh nước Pháp cũng có tổn thương). Sau rồi quân ở quân thứ Sơn Tây rút về chỗ đóng cũ (phủ Hoài Đức). Vừa gặp nước mùa hạ lên to, bèn đem cỗ súng chuyển về chia đặt ở bờ sông Chiêm Đức và điệu binh dõng phái sang sông trước về đóng ở Gia Lâm, để phòng bị được nghiêm. Việc ấy đến tai vua.

Vua bảo rằng : Binh luyện sao đã rút về, không trách mấy ngày nay mong tin thắng trận không thấy, đánh giặc chỉ có 2 quân thứ các ngươi, bọn ngươi đều nên nghĩ kỹ, làm thế nào cho xứng đáng mới được.

Bố chính Quảng Tây là Từ Diên Húc từ Lạng Sơn đến Bắc Kỳ, Tham tán Bùi Ân Niên đến yết kiến, đem hiện tình Bắc Kỳ thương thuyết. Diên Húc nói rằng : Sang lần này tất vì nước Nam cứu ứng, duy mùa xuân năm nay, Lý Hồng Chương gặp mặt trách Công sứ Pháp (ở Thiên Tân) là Bảo Hải (nói nước Nam là thuộc quốc cũ của nước Thanh, đã hoà, sao được cùng phạm). Bảo Hải đưa trình tờ hoà ước. (Trong hoà ước có câu "nước Nam là nước tự chủ") bảo rằng không can thiệp gì đến Trung Quốc, cho nên Trung Quốc lấy giúp ngầm làm chủ, cốt không để cho nước ấy mượn cớ. Nếu quả là cùng xâm phạm, thì tất phải chiến tranh. Nay đã giúp súng ống cho đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc, lại khuyên cố sức đánh giúp.

Ân Niên dâng sớ nói : Bố chính họ Từ sang lần này thực có ý cứu giúp nước ta. Xin sắc cho quan ở bộ viết thư yên ủi khuyên cố sức mưu toan. Vua bèn sai viết thư hỏi thăm và yên ủi.

Gia hàm Hiệp biện Đại học sĩ về hưu trí là Trần Đình Túc nghỉ việc quân nhu khẩn cấp, xin từ nửa lương suốt đời.

Vua bảo rằng : Nghĩ công trạng trước, cho cứ lĩnh, có thiếu đâu phải vì thế.

Xếp đặt dân nghèo tỉnh Quảng Ngãi đến tỉnh Bình Định (nha Kinh lý) và tỉnh Thuận - Khánh (nha Doanh điền) liệu cấp vốn công cho khai khẩn ruộng hoang cày cấy. Lúc bấy giờ những kẻ du thủ du thực ở Quảng Ngãi phần nhiều đáp tàu buôn đến 6 tỉnh Nam Kỳ để kiếm ăn, đã bị quan Pháp giao trả về (hơn 100 tên). Khâm phái ở Gia Định là Nguyễn Lập đem việc ấy tâu lên, cho nên vua sai phân phát, xếp đặt cho chỗ ở.

Khâm phái kiêm Lãnh sự ở Gia Định là Nguyễn Lập về quê chữa bệnh, lại cho Tả thị lang bộ Hộ là Nguyễn Thành Ý làm thay.

Khách nước Thanh là bọn Chu Nhi giả mạo làm phái viên nước Tây dương, doạ nạt phố Hà Nội. Vua sai đem chém.

Tháng 5, phủ Thừa Thiên bị hạn. Vua sai cầu đảo, được mưa. Vua bảo rằng : Đang nắng dữ thế mà được ứng ngay, tuy không phải sức người, cũng là hết lòng thành nên mới được như thế, thưởng cho quan phủ và 6 viên huyện có cấp bậc.

Bọn Phó lãnh binh tỉnh Quảng Yên là Hoàng Côn đánh bắt giặc biển (tướng giặc là tên Bình, tên Mía, đầu mục giặc là tên Nghĩa) thắng trận. (Bắn chìm thuyền giặc, chém bắt được và thu tang vật không kể xiết). Vua thưởng phẩm hàm, kỷ lục, kim tiền có cấp bậc, binh dõng đi đánh trận ấy, thưởng chung 300 quan tiền.

Bố chính nước Thanh là Từ Diên Húc cùng với Thống lĩnh Hoàng Quế Lan, Triệu Ốc đem quân đến thành tỉnh Bắc Ninh. Diên Húc phái Chủ sự là Đường Cảnh Tùng đem quân tinh nhuệ (200) đến chỗ đóng của đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc trù tính làm việc. Lại uỷ Quế Lan, Triệu Ốc đến Từ Sơn xem xét hình thế, chia quân đóng đồn. (Từ tỉnh thành đến Đáp Cầu 5 dinh, ở Yên Dũng 1 dinh, Lạng Giang 1 dinh). Ân Niên đệ lễ vật (trâu, dê, lợn, gạo, rượu, chè, quả) đến khoản tặng, nói rằng : Quý đại nhân sang lần này vâng tờ Dụ rõ ràng (vua nước Thanh Dụ cho giữ gìn Bắc Kỳ), xin hết sức giúp cho.

Diên Húc nói rằng : Định vài ngày nữa về Long Châu bàn định công việc. Việc ấy tâu lên.

Vua bảo rằng : Bố chính họ Từ sang lần này là đặc cách sai đi để giữ Bắc Kỳ, có Dụ bảo rõ ràng, đem cả quan các dinh đến Bắc Ninh rất gần, không những nước ấy đã biết, các quân thứ các tỉnh của ta cũng cùng trông cậy, thế mà vừa mới đến, chưa thấy có chút công trạng đã vội muốn về Long Châu, sao đi lại nhiều quá như thế, cô phụ lòng trông ngóng của người thì sao ? Bọn ngươi nên gia tâm thương thuyết với viên Bố chính ấy, xem sự cơ hết sức làm việc.

Sau rồi Diên Húc chuyển về Long Châu, vẫn để Quế Lan, Triệu Ốc đóng ở lại.

Quân Pháp đã thua, phái viên nước Pháp ở Hà Nội lại sai người về Gia Định đem thêm tàu binh chạy đến Bắc Kỳ. Khâm phái là Nguyễn Thành Ý đem việc tâu lên.

Vua Dụ rằng : Hoàng Tá Viêm, Lưu Vĩnh Phúc, sau khi đánh được thắng trận, đã lâu ngày, không thấy thừa thế tính ngay, lại để cho chúng có thì giờ mưu việc cứu viện, thì đến bao giờ mới phá được sào huyệt, đánh đắm được tàu cho chúng chạy xa để lấy lại 2 tỉnh, cho yên lòng mọi người. Vả lại, thế cưỡi hổ đã thành, ta không tính chúng, chúng cũng tính ta, tính trước được thì thắng, nên cùng lòng hợp sức tính ngay, khỏi đến nỗi đắp núi còn thiếu một sọt đất. Trẫm hằng ngày mong mỏi, các ngươi nên hết lòng tính ngay mới được. Lại sai tư cho các quân thứ, các tỉnh biết để cố gắng tính ngay. Và tư cho Khâm sai đóng ở Thiên Tân, Khâm phái đóng ở Quảng Đông, bẩm khéo với Lý Hồng Chương và Tổng đốc Quảng Đông trù tính ngay cho, để khỏi sinh khó khăn.

Vụ lúa chiêm năm ấy, tỉnh Sơn Tây được mùa to. Còn các địa phương có bị tổn thương, thì thuế ruộng đều chiếu hạng tha giảm thuế có thứ bậc.

Tháng 6, nghiêm cấm thuyền buôn từ Quảng Bình trở ra Bắc, không được đi lại buôn bán ở Nam Định, người nào trái lệnh thì bắt trị tội. Sau khi hạt ấy có việc, bọn giặc quấy rối bừa, thuyền buôn đi lại, sợ giúp lương cho giặc, cho nên mới cấm.

Tàu nước Pháp (một cái lớn, một cái vừa) đi qua sông Hát đến phận sông Nhật Chiểu (thuộc Sơn Tây), viên huyện Phúc Thọ là Tôn Thất Hoành, Bang biện là Nguyễn Hội, quyền Lãnh binh là Đặng Văn Tiếp chặn lại, bắn chết 1 tên lính Pháp, tàu Pháp rút ngay, đều thưởng kỷ lục có cấp bậc, thưởng chung cho binh dõng 100 quan tiền.

Cấm nhân dân Bắc Kỳ không được đem gạo bán cho khách buôn và chở thuê cho chúng. Gần đây, nước Pháp phái người chuyên thu thuế buôn, cho gạo xuất cảng, quan tỉnh Hải Dương sợ gạo lọt ra nước ngoài nhiều, nhân dân thiếu ăn, tâu xin cấm. Vua y cho.

Khâm phái ở Gia Định là Nguyễn Thành Ý về Kinh. (Tháng trước tướng nước Pháp cho người báo với Thành Ý, nói phái viên từ trước đến giờ làm việc không thấy bớt được việc gì, ở đây sợ có hại cho 6 tỉnh, nên dời khỏi địa hạt Sài Gòn ngay, Thành Ý bèn sức cho nha thuộc cùng binh đinh ở lại đợi xét, rồi cùng với Phó lãnh sự là Trần Doãn Khanh đi tàu thuỷ về Kinh). Vua cho đổi làm thự Hữu tham tri bộ Binh.

Cho Thị lang bộ Binh là Lê Liêm đổi lĩnh Tuần phủ Thuận - Khánh (Tuần phủ cũ là Trần Lưu Huệ ốm nghỉ).

Vua bị ốm, làm sẵn tờ di chiếu cho Hoàng trưởng tử nối ngôi.

Trước, vua từ hạ tuần tháng 4 hơi yếu, vài ngày dần khỏi, cố sức làm việc, những chương sớ các nơi, đều cho theo như thường dâng tâu, tuỳ việc phê phó. Rồi nhân khó nhọc, thành ra ốm nặng, quan viện Thái y hầu thuốc không có hiệu quả. Đến ngày 14 tháng ấy là ngày Nhâm Tuất, tuyên triệu Cơ mật viện đại thần là Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết vào hầu, vua ở trong cung, chính tay phê vào tờ di chiếu cho Hoàng trưởng tử Thuỵ quốc công nối ngôi vua.

Chiếu rằng : Trẫm là con thứ 2 của bà cả của đức Tiên đế, nhờ trời đất ông cha cho nối nghiệp lớn, làm vua nước Nam 36 năm nay, lo sợ hằng ngày, thường sợ không làm nổi, khốn nỗi người yếu, đức mỏng, tài kém, lỗi nhiều, đang mong đổi lỗi chưa xong, đâu dám quá nghĩ thành ốm. Duy lo lắng đã lâu, lại thêm khó nhọc, năm trước đã phát bệnh ho, hạ tuần tháng 4 năm nay, bệnh bỗng phát to, trăm chứng hư tổn, đều phát ra cả, đã uống thuốc để chữa, càng ngày càng tăng,

lòng thành đến nay mới được hơi có cơ hội, không may mà vội chết, để thương đến muôn đời. Trời khó tin, mạnh không thường, phàm việc phải dự bị trước. Trẫm nuôi sẵn 3 con, Ưng Chân, cố nhiên là học lâu trưởng thành, chính danh đã lâu, nhưng mặt hơi có tật, giấu kín không rõ ràng, sợ sau không sáng, tính lại hiếu dâm, cũng rất là không tốt, chưa chắc đương nổi việc lớn. Nhưng nước cần có vua nhiều tuổi, đương lúc khó khăn này, không dùng hắn thì dùng ai ? Sau khi trẫm muôn tuổi, nên cho Hoàng tử Thuỵ quốc công Ưng Chân nối nghiệp lớn, lên ngôi Hoàng đế. Ngươi nên nghĩ kỹ sáng nghiệp thủ thành đều khó khăn, nối theo không dễ, không dám bừa bãi chút nào, chỉ mong cho được việc, không thẹn với mệnh Trời.

Tấn tôn Hoàng thái hậu làm Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu, ngõ hầu trẫm báo ơn muôn phần được một phần. Tôn Trung phi làm Hoàng thái hậu, coi việc bên trong, dạy bảo vua nối ngôi. Trẫm chỉ có một mẹ một con, ngày thường nương nhờ nhau, nay không được tống chung mẹ, là trẫm đại bất hiếu. Mẹ con ngươi nên khéo thờ Thái hoàng Thái hậu, cốt cho vui lòng, ngày càng mạnh khoẻ, tiếng tốt trọn vẹn. Gia pháp bản triều rất nghiêm, từ trước không có lệ buông dèm nghe chính sự. Bọn Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết cùng ta gặp biết, tuy có sớm muộn hơi khác, mà lòng trung thành yêu mến chăm lo như một, từng làm việc nơi cơ yếu đã lâu, thân được chỉ bảo, nếu có gặp việc khó khăn, cũng giải quyết được. Vậy cho Trần Tiễn Thành sung làm Phụ chính đại thần, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết sung cùng là Phụ chính đại thần. Bọn ngươi nên nghiêm sắc mặt đứng ở triều đình, giữ mình đứng đắn, đốc suất quan thuộc, mọi việc cùng lòng làm cho thoả đáng, trên giúp vua nối ngôi điều không biết đến, dưới chữa chỗ lệch lạc cho các quan, để Nhà nước yên như núi Thái Sơn, thế là không phụ sự uỷ thác. Thống đốc Hoàng Tá Viêm, thân tuy ở ngoài, thực quan hệ việc biên phòng, lâu nay dẹp yên biên giới Bắc Kỳ, trung thành công nghiệp rực rỡ, cho ngươi làm Trấn Bắc Đại tướng quân, các việc quân bình tây định bắc, đều giao cho cả, ngươi nên cố gắng, chớ bỏ mất mệnh lệnh của trẫm. Thọ Xuân vương, Tuy Lý quận vương đều là rất thân, tuổi và đức cùng cao, trẫm vẫn kính trọng, phàm thấy việc Nhà nước có điều gì không phải, nên nói hết để sửa chữa, cho đều được tốt, mới yên trong lòng. Còn ngoài ra hoàng thân, quốc thích, các quan lớn nhỏ trong ngoài đều là phận nghĩa vua tôi, việc gì đợi kể tên, đều đem lòng trung lương để giúp vua các ngươi, giúp được việc khó lúc này để tiếng về sau mãi cùng nước cùng hưởng phúc vô cùng, phải kính theo Dụ này.

Lại cho Hoàng tử thứ 3 sung làm Hoàng tử. Lăng mộ đều làm theo tiết kiệm. Về miếu hiệu xưng tôn trẫm không có công to không được gọi là tổ, sẽ nói rõ ở tờ di chúc sau này.

(Trong di chúc có nói : 1. Trong 3 người con, thì Ưng Chân đã nói rồi, Ưng Kỹ người yếu hay ốm, có tâm tật, học chưa thông mà kiêu ngạo, hay bới việc riêng của người cho lạm thẳng, đều không phải là tư chất thuần lương theo lời phải, sợ bọn ngươi khó lấy lời nói can được. Duy con út là Ưng Đăng hầu hạ cẩn thận biết sợ, dạy được chưa thấy có vết gì, nhưng tuổi còn ít, đang học chưa thông, đương lúc khó khăn này chưa chắc đã am hiểu. Cho nên, trẫm cắt bỏ lòng riêng, theo lẽ công, quyết thi hành mưu kế lớn là vì Xã tắc. Nghĩ ơn nuôi nấng đã hết lòng, không nên để cho phân biệt, nhưng chưa kịp làm, nay cho sung làm Hoàng tử cho đổi tên là Ưng Hỗ. Ngươi là Ưng Chân phong cho tước công, xây dựng cửa nhà vườn ruộng, phái người cẩn thận sung làm giúp việc, chọn con gái lương gia làm thiếp hầu, khiến cho học hành thông thuần, giữ phú quý mãi, anh em các ngươi, biết hoà thuận yêu mến nhau, trước sau như một, cũng có thể yên lòng ta ở dưới chín suối.

2. Điện Hoà Khiêm làm chỗ chôn, sau làm chỗ thờ, còn điện Lương Khiêm để làm chỗ thờ vọng mẹ ta, sau cũng đặt một án không, không có bài vị, bọn ngươi cũng sớm tối dầu chè, thờ phụng cho cẩn thận, cho tấm lòng ngày thường nhờ nhau không quên, 2 nhà từ trước vẫn dùng thì nhà Học Thiện hai phi ở, nhà Minh Ôn thì chứa đồ thờ, hoặc tiếp khách, còn thì chia nhau mà ở. Nữ quan thì để lại Thị Kiên, Thị Để, Thị Siêu, Thị Lai. Thái giám là Nguyễn Phượng cùng một người cung giám đủ làm việc. Còn thì để hầu vua nối ngôi, chúng đều hơi quen.

3. Các ngọc trân châu, kim cương, khoảng năm Minh Mệnh, Thiệu Trị mua nhiều để làm mũ đai vua dùng, nay thì một tý không dùng, trẫm từ khi lên ngôi đến nay, những ngọc đem làm đều là đồ cũ, vua Hạ, vua Vũ ăn mặc tiết kiệm mà sắm mũ áo tế trời đất thì rất tốt đẹp, thực là thế đấy. Trẫm từ trước đến giờ, người yếu, mũ áo ít dùng đã lâu là ý đã nghĩ đến việc ấy. Còn việc khâm liệm, vẫn mặc khăn áo thường mà thôi, tất cả mũ đai châu ngọc là thứ khó mua, để lại cho vua nối ngôi truyền cho con cháu đời đời dùng mãi. Sau có đời nào giàu có thừa thãi thì làm lại. Phàm là thần tử, người nào trái lệnh là bất trung, bất hiếu, không có tội nào to lớn hơn nữa, quyết không thể trái được. Lăng mộ cũng đều theo tiết kiệm không được trái ý trẫm. Trẫm có tội với tổ tiên, không dám thờ vào Thế miếu, trước đã nói rồi, chỉ có quan và dân lượng thứ cho. Miếu hiệu đều xưng tông, như phép nhà Hán, không đặt nhiều tên thuỵ. Trẫm không có công to, không được xưng là tổ, cũng nên theo thế mà làm).

Ngày 16 là ngày Giáp Tý, giờ Thìn, vua mất ở điện chính Càn Thành. Đặt vào quan tài, hoàng thân và các quan văn võ đều ở cả đấy, mở tờ di chiếu ở điện Cần Chính, vua nối ngôi là Hoàng trưởng tử Thuỵ quốc công khóc lạy nhận mệnh lệnh vào điện Hoàng Phúc cư tang. (Vua nối ngôi vào tôn điện mới được 3 ngày, bị Văn Tường và Thuyết truất bỏ đi, đón Lãng quốc công là Hồng Dật lập lên làm vua,

mới được 4 tháng, lại bỏ và giết đi. Vua nối ngôi (Ưng Chân) sau cũng bị giam rồi giết. (Xem phụ chép ở dưới và phụ chép ở Đệ ngũ kỷ). Đến năm Thành Thái thứ 4, truy tôn làm Cung Huệ hoàng đế).

Ngày Giáp Tuất làm lễ thành phục. Tháng 8, ngày Mậu Thân, rước quan tài ra đi, ngày Canh Tuất, đặt ở điện Hoà Khiêm. Tháng 10, ngày Canh Thân, kính dâng tôn thuỵ là Kế thiên Hanh vận, Chí thành, Đạt hiếu, Thể kiện, Đôn nhân, Khiêm cung, Minh lược, Duệ văn, Anh hoàng đế. Miếu hiệu là Thánh tổ. Tháng 11, ngày Bính Thân đổi dâng miếu hiệu là Dực Tông. Tháng 12, ngày Mậu Thân, an táng, làm lễ tuỵ [1], đặt tên lăng là Khiêm lăng. Ngày Kỷ Dậu đề thần chủ, rước về điện Hoà Khiêm, an vị. Đồng Khánh năm thứ 2, tháng 12, ngày Ất Dậu rước thần chủ lên thờ ở Thế miếu. Rước thánh vị lên thờ phụ ở điện Phụng Tiên.

Vua thông minh, nhân hiếu, yêu dân, trọng học trò, cẩn thận lo sợ, chăm chỉ chính sự, 36 năm thường như một ngày. Khi mới lên ngôi, tế Giao, tế Hưởng, tất thân hành làm lễ, sau hơn 10 năm, lo nghĩ nhiều thành bệnh, thường sai người tế thay, nhưng vẫn miễn cưỡng làm lễ một tuần sơ hiến, hoặc tự đến chiêm bái trước, lòng vẫn áy náy như không tế. Thờ Hoàng thái hậu rất cung kính, giữ đạo làm con, mỗi ngày một lần vào chầu. Đến cung bà mẹ thì sửa mình nín hơi, quỳ xuống hỏi thăm sức khoẻ, rồi lại bàn luận sách vở, cùng sự tích nhân vật xưa nay, hoặc đồng hồ xuống đến 4 - 5 khắc chưa từng trễ nải. Khi muôn việc đã rỗi, làm nhiều thơ văn, viết ra là thành bài, không cần nghĩ ngợi mà dồi dào rộng rãi như nước chảy không ngớt, các lời bàn biện bác, đều có thể phân tích ngờ vực để khuyên răn về sau, thường ghét thói cách học trò thấp kém, câu nệ sáo cũ, thường đổi phép thi, định giáo điều, ngoài khoa chính lại mở khoa hoành từ, khoa nhã sĩ, khoa yêm bác, học trò có nghề gì, tài gì cất nhắc chọn yêu rất chu đáo. Bởi thế, học trò đèn sách tranh nhau tự dùi mài văn chương được biến đổi. Khi ra coi chầu chắp tay ngồi im, không nói lầm lỗi của người, sĩ phu có tội phần nhiều tha cho, người phạm tội nặng, cũng chỉ nghiêm cấm đợi xét, không khinh thường bắt tội, rất chăm lo đến ẩn tình của dân, khi mưa khi nắng, công việc làm ruộng thời thường hỏi han đến, tha tô, giảm thuế, không năm nào không. Từ khi người Pháp đến, khoảng 3 - 4 năm nước nghèo về việc quân, lại thêm biên giới phía Bắc, phải đánh giặc luôn, nhọc tốn rất nhiều, sự cơ bèn thành khấp khểnh. Đến lúc hoà nghị thành, liền mất đất Nam Kỳ, thường sai sứ đi để mong chuộc đất, mà chưa được thoả lòng, thường vẫn không vui, thường nói rằng : Bờ cõi cũ chưa lấy lại được, ngày sau trẫm không dám vào nhà Thế miếu, thương xót lộ ra lời nói đến như thế, cho nên đặt nha Sơn phòng, nha Hải phòng, đặt nha Doanh điền, đặt sở Đồn điền, lại đặt ty Bình chuẩn, mở

(1) *Lễ tuỵ* : làm lễ đặt xuống đường ngầm đẩy vào trong mộ.

Thương chính, sốt sắng muốn cho nước được giàu mạnh, nhưng khi thừa hành chưa có người được xứng đáng, ở trong cung không ham gì khác chỉ thỉnh thoảng đi săn, hoặc 3 - 5 ngày đi một lần, các quan thường can ngăn luôn. Vua cũng tự nhận lỗi, nhưng lo nghĩ ốm yếu, phiền uất không đi săn, như thế không được thư thái, cho nên mượn việc đi săn để giải trí, mà công việc chưa từng bỏ trễ chút nào. Than ôi, cứ theo thiên tư thánh học, hiếu văn, thủ thành của nhà vua, nếu gặp vận thịnh thì vua Thành, vua Khang nhà Chu, vua Văn, vua Cảnh nhà Hán sao đủ nói được !.

CHÍNH BIÊN

ĐỆ TỨ KỶ - *QUYỂN LXX*

PHỤ CHÉP VUA BỊ TRUẤT BỎ

Trước cho đặt tên là Hồng Dật, là con thứ 29 của Hiến tổ Chương hoàng đế, mẹ là Thuỵ tần Trương Thị, sinh vào tháng 9 năm Thiệu Trị thứ 7. Năm Tự Đức thứ 18, phong làm Văn Lãng quận công, năm Tự Đức thứ 31, tấn phong làm Lãng quốc công. Năm thứ 35, kiêm nhiếp chức Hữu Tôn nhân phủ Tôn nhân. Nhân vua nối ngôi (Ưng Chân) bị bỏ, được lập lên làm vua. Mở thơ để hệ trong hòm vàng có 20 chữ, lấy chữ thứ 3 là chữ Thăng làm tên, 2 chữ tên cũ [Hồng Dật] làm tên tự. Mới được 4 tháng cũng bị bỏ và bị giết. Năm Đồng Khánh thứ 2 bàn chuẩn cho theo lệ Tống Tử Dục[1], Tề Chiêu Nghiệp[2] là Phế đế, chép là Phế đế. Năm Thành Thái thứ 5, ban cho chép là Lãng quốc công. Tháng 7 năm Thành Thái thứ 11, sách này làm xong dâng lên. Đến tháng 10 năm ấy, vì phủ Tôn nhân tâu xin chuẩn cho theo lời bàn lại đổi chép là Phế đế.

Quý Mùi, năm Tự Đức thứ 36 [1883], tháng 6, ngày Mậu Thìn, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết bỏ vua nối ngôi, lập em út vua là Lãng quốc công Hồng Dật. Trước đây, vua mới mất đi, chọn nuôi Hoàng trưởng tử, cùng trước sau nuôi ở trong cung 2 công tử nữa là hoàng tử thứ 2, hoàng tử thứ 3. Vua cho là hoàng tử thứ 3 tuổi còn bé, hầu hạ cẩn thận, biết sợ, rất yêu. Mà về Hoàng trưởng tử thì dạy bảo càng nghiêm, thường vì lầm lỗi bị quở. Văn Tường nghĩ là Hoàng trưởng tử

(1) *Tống Tử Dục* là Thương Ngô vương đời Tống Nam - Bắc triều, là Phế đế.
(2) *Tề Chiêu Nghiệp* là Uất Lâm vương đời Tề Nam - Bắc triều, là Phế đế.

tất không được lập lên làm vua, mới khinh thường Hoàng trưởng tử mà chỉ để tâm đến hoàng tử thứ 3. Đến nay, tờ chiếu để lại cho nối ngôi lại là Hoàng trưởng tử, Văn Tường trong lòng không được yên, Thuyết cũng không bằng lòng với tự quân. Gặp khi tự quân ở điện Hoàng Phúc đem nhiều người riêng vào hầu hộ vệ ở điện Hoàng Phúc và các sở Quang Minh. (Đều sai chế bài cấp cho để đeo), bọn ấy nhân đó ra vào tự do, các tờ tâu khẩn cấp của các quân thứ các tỉnh tâu lên, có khi để ở trong điện một đêm, vẫn chưa giao ra. Lại trong khi làm lễ điện (cúng vua mới chết) vẫn mặc áo sắc lục cũ, hoặc sai chế ngay các đồ dùng riêng (các thứ quần áo đồ dùng).

Văn Tường bảo kín Thuyết rằng : Tiên đế đã bảo vua nối ngôi chưa chắc đương nổi việc lớn, lại giao cho ngôi lớn. Nay bắt đầu, cử động đã như thế, huống chi là ngày sau ư ? Đó là việc lo riêng cho chúng ta. Thuyết vốn tính cương trực, lại cậy quyền cầm quân liền mật đáp rằng : Cứ như lời chiếu thì mưu tính là vì Xã tắc, bất đắc dĩ mà làm việc nhỏ như Y Doãn, Hoắc Quang[1], cũng là chí của Tiên đế, nhân thế cũng có ý mưu bỏ đi.

Sau rồi vua nối ngôi lại nghĩ trong tờ di chiếu răn bảo có những câu không tốt, không thể truyền bá cho mọi người nghe. Triệu các Phụ chính đại thần, cần bớt một đoạn ấy đi, không tuyên lục ra. Trần Tiễn Thành bảo thế cũng ổn, 2 người đều thưa rằng : Xin nhà vua quyết định, vua nối ngôi tin là cùng bằng lòng, bèn sai sao tờ di chiếu, tự tay xoá bỏ đoạn ấy đi. Dặn Trần Tiễn Thành nhớ mà làm. Hai người ra bàn kín với nhau rằng được rồi mưu ấy bèn nhất định. Đến lúc tuyên đọc tờ chiếu, Văn Tường cáo ốm không đứng vào ban chầu, Thuyết đứng vào bên Trần Tiễn Thành, Tiễn Thành đọc đến đoạn ấy đọc nhỏ hàm hồ không rõ, Văn Tường ở trái bên đông, làm ra vẻ quái lạ, nói rằng vua nối ngôi sao được giấu bớt di chiếu của Tiên đế, bậy bạ không gì to hơn nữa, còn có thể nối theo tôn miếu Xã tắc được ư ? Tuyên đọc xong, hai người hỏi vặn Tiễn Thành, Tiễn Thành biết là bị chúng đánh lừa, nói chữa rằng, có phải là không đọc đâu, nhưng lão phu có bệnh ho, đọc đến đây hết hơi, tiếng nhỏ mà thôi. Thuyết chứng tỏ là không phải, cho là càn bậy, cũng như lời Văn Tường nói rồi nhân phái quân túc vệ canh gác trong ngoài cung thành rất nghiêm (bắt hết cả người riêng của vua nối ngôi là bọn Nguyễn Như Khuê hơn 10 người giao cho đem gông cùm lại). Họp hoàng thân và các quan ở Tả vu, 2 người tuyên bố về việc tội lỗi của vua nối ngôi xin bỏ đi, lập vua khác. Tiễn Thành muốn can ngăn, Thuyết trừng mắt nhìn, nói rằng ông cũng có tội to, còn nói gì. Trong khoa đạo có Chưởng ấn là Phan Đình Phùng tiến lên nói rằng : Vua nối ngôi nếu có lỗi, chưa thấy can ngăn đã vội bàn như thế, việc bỏ vua dựng vua là việc to,

---

(1) Y Doãn đuổi vua là Thái Giáp ra ở Đông cung 3 năm sau lại đón về cho làm vua. Hoắc Quang làm tướng, bỏ vua là Xương Ấp vương, lập Hán Tuyên đế làm vua. (Xem *Bắc sử*).

lại dễ dàng quá thế. Thuyết quát lên sai tả hữu đem Đình Phùng trói để ở trại quân Cẩm y bảo đợi để nghiêm trị. (Lúc bấy giờ, 4 - 5 người theo sau Đình Phùng nghe Thuyết thét trói Đình Phùng tức đều lui tan) cho nên Tiễn Thành và hoàng thân, các quan không ai dám trái, rồi cùng ký tên tâu xin ý Chỉ của Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu truất bỏ đi. Sai đưa vua nối ngôi lại về chỗ ở cũ là Dục Đức đường, canh phòng rất kỹ, khi mật bàn người được lập, Văn Tường để ý đến hoàng tử thứ 3 mà Thuyết thì cho là hoàng đệ Lãng quốc công có tư chất thông minh, vốn quen biết sẵn, để ý đến Lãng quốc công, Văn Tường tính là không tranh nổi, cũng theo lời ấy, rồi đem ý xin lập vua nhiều tuổi tâu trước với cung Gia Thọ (tức Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu) để lĩnh Chỉ. Được ý Chỉ truyền rằng : Hiện nay trong thì lo về vua mới mất, ngoài thì lo có giặc ngoại xâm, người ít tuổi thực không đương nổi, nhưng thân này già cả, sao biết được, phần nhiều nhờ Tôn nhân, Phụ chính, đình thần, cùng nhau chọn các hoàng đệ ai nên lập thì lập lên làm vua. Thuyết bèn đến phòng cơ mật bảo bọn Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp, Thị lang Lâm Hoành, Trần Thúc Nhận, Hoàng Hữu Thường, Thị vệ đại thần Tôn Thất Thái rằng : Ngày nay phi tìm vua nhiều tuổi cho Xã Tắc, không ai hơn Lãng quốc công, các ông nên phải nói.

Lúc bấy giờ, bên ngoài nghe tin cấp báo đương gấp, chợt có việc biến bên trong, đều không ai biết làm thế nào, đến khi hội bàn ở Tả vu, Văn Tường và Thuyết hỏi trước các thân phiên, hoàng thân thì đều nói rằng : Tuy cũng ở trong tôn thống, nhưng ngày thường mỗi người ở riêng một nhà, không biết rõ được, xin 3 đại thần cùng đình thần liệu bàn. Tường, Thuyết lại hỏi đình thần nói ngày nay việc không thể hoãn được. Trọng Hợp bèn nói trong các hoàng đệ có Lãng quốc công vốn khen là có học, được Tiên đế cho sung chức Tôn đài, nay hiện việc như thế, chưa biết Lãng quốc công có đương được không ? Lãng quốc công đứng dậy khóc nói rằng : Tôi là con út của Tiên đế, tư chất tầm thường, thực vạn vạn phần, không dám nhận. Văn Tường và Thuyết đều nói rằng đấy thực là phúc của Xã Tắc, xin đừng chối. Bèn cùng các quan ký tên tâu xin ý Chỉ của Thái hoàng Thái hậu lập Quốc công làm vua.

(Bài biểu khuyến tiến cùng công việc làm lễ lên ngôi vua và các nghi tiết nghĩ định đều theo lệ cũ. Duy trong bài văn tiến điện cáo vua đã mất đi, lúc chưa tấn tôn thì xưng là "tự quân đệ thần", lúc đã tấn tôn thì xưng là "tự hoàng đệ đệ thần").

Sai quyền Chưởng Trung quân là Trương Văn Hùng, Tham tri bộ Hộ là Chu Đình Kế sung chức trông coi nghi lễ việc tang ; Thống chế quân Vũ lâm là Đinh Tử Lượng, Thị lang bộ Binh là Nguyễn Khoa Luận làm Phó.

Định phép để tang vua cho trong Kinh và tỉnh ngoài. (Nghi chú đều theo lệ năm Thiệu Trị thứ 7 châm chước mà làm. Trong đó có con trai, con gái các công chúa, lệ định mặc áo sổ gấu 3 năm, nay đổi làm để tang 5 tháng).

Ngày Giáp Tuất, làm lễ thành phục ở điện Càn Thành. (Lúc bấy giờ có hưu quan là Trần Đình Túc xin vào lạy chịu tang). Vua y cho.

Ngày Ất Hợi, vua nhận tôn hiệu. (Ngày hôm ấy, làm lễ tấn tôn ở điện Thái Hoà, lúc đang bài ban, có một con quạ bay đến đậu ở cây trước điện, kêu to 4 tiếng. Lại lúc tuyên chiếu, có đàn dê đi ngang qua bên ngoài cầu Kim Thuỷ, có người cho là điềm không tốt).

Lấy năm sau là năm Giáp Thân làm Hiệp Hoà năm đầu, ân chiếu 26 điều. (Rồi vua bị truất bỏ, trong các điều, nhiều điều chưa kịp làm).

Hình khoa Chưởng ấn là Phan Đình Phùng phải cách. Lúc bấy giờ Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết cho là Đình Phùng trái bướng, xin giao bộ Hình nghiêm giam xét xử, án dâng lên, phải cách chức trả về quê.

Tuần phủ Quảng Nam là Đặng Đức Địch tâu xin làm đồn, dời súng đến, làm hàng rào, đắp luỹ và đoàn kết hương dõng, chọn dồn võ sinh để làm kế phòng bị. Vua giao cho viện Cơ mật xét rồi tâu lên. Viện cho là đường sông tỉnh ấy cùng với thành tỉnh hơi xa, lại chống đánh nước ấy không nên toàn trông cậy vào đồn luỹ, làm trước tỏ ra khó nhọc phiền nhiễu, cũng là chưa tốt. Nên do quan tỉnh tuỳ nghi châm chước mà làm, không nên bỏ bễ quá, cũng không nên vội vàng quá. Việc đoàn kết hương dõng dự dồn võ sinh cũng là nên làm, xin do tỉnh ấy làm cho khéo, chớ để phiền nhiễu cho dân. Vua nghe theo.

Giam bọn Nguyễn Như Khuê 14 người vào ngục.

(Rồi án xử Như Khuê phải xử tội chém, nhưng giao cho phủ Thừa Thiên nghiêm giam đợi năm sau sẽ thi hành. (Nhân gặp ngày khánh điển tấn tôn), Nguyễn Văn Phúc, Nguyễn Văn Thiêm phải xử tội lưu, Nguyễn Thuý, Ngô Oánh, Nguyễn Trực phải đi khổ sai ở đồn Trấn Lao ; Nguyễn Văn Kham phải tội đồ ; Bùi Duy Giản, Nguyễn Chính Hùng, Nguyễn Hữu Đôn, Hoàng Đình Lệ, Hồ Văn Thiệu, Lê Văn Bảng, Vũ Văn Tha đều được rộng tha, giao cho dân xã quản thúc rất ngặt).

Vua cho triệu Phó đề đốc quân thứ Bắc Ninh là Trần Xuân Soạn, Thương biện tỉnh Thanh Hoá là Trương Văn Đễ về Kinh. (Vì việc phòng giữ ở Kinh, chính khẩn cấp, cho nên triệu về).

Lúc bấy giờ quân ở lính Kinh phải đi làm việc nhiều ngả. Vua sai lấy quân ở quân thứ Quảng Ngãi, Bình Định (1.000 tên), quân tỉnh Nghệ An (500 tên) về Kinh để đợi sai phái. (Quân ở quân thứ Ngãi - Định do Tiểu phủ sứ là Nguyễn Ngoạn cai quản đem về Kinh).

Cho Hữu quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự là Kiên Dũng nam Lê Sỹ sung chức Phó sứ Hải phòng cửa biển Thuận An. (Sung chức Phó sứ trước là Hậu quân Đô thống Nguyễn Hanh nghỉ ốm).

Lễ tấn quang xong, tấn phong cho hoàng thân từ Tuy Lý quận vương đến Tuy Hoà quận công 6 người.

Tuy Lý quận vương là Miên Trinh làm Tuy Lý vương ; Gia Hưng công Hồng Hưu làm Gia Hưng quận vương ; Quỳnh quốc công Miên Triện làm Hoằng Hoá công ; Kỳ Nội hầu Miên Phú khai phục tước Phù My quận công ; An Phúc quận công Hồng Kiên làm Thường quốc công ; Tuy Hoà quận công Hồng Truyền làm Phụng quốc công.

Thăng chức cho các quan từ Văn Minh điện Đại học sĩ Trần Tiễn Thành đến các quan Tham tri, Tuần phủ 26 người. (Phụ chính đại thần Văn Minh điện Đại học sĩ quản lý Binh bộ sự vụ là Trần Tiễn Thành thăng thụ Thái bảo ; Cần Chính điện Đại học sĩ Phụ chính đại thần, Thái tử Thái phó lĩnh Hộ bộ Thượng thư Kỳ Vĩ bá Nguyễn Văn Tường thăng thụ Văn Minh điện Đại học sĩ, tấn phong Kỳ Vĩ hầu ; lĩnh Binh bộ Thượng thư Vệ Chính nam Tôn Thất Thuyết thăng thụ Điện tiền tướng quân, Hiệp biện Đại học sĩ, tấn phong Vệ Chính bá, đều cho mỗi người 1 cái khánh ngọc, lại ban thêm cho Tôn Thất Thuyết một cái bài đeo bằng vàng. Thống đốc Trấn bắc Đại tướng quân Địch Trung tử Hoàng Tá Viêm tấn phong Địch Trung bá ; thự Lại bộ Thượng thư quản Thương bạc sự vụ đại thần Nguyễn Trọng Hợp thực thụ Thượng thư ; thự Tổng đốc An - Tĩnh Trần Văn Chuẩn đổi bổ thự Công bộ Thượng thư kiêm quản Quốc tử giám ; Văn thần phụ mã, Tham tri sung Tham tán quân thứ Bắc Ninh Bùi Ân Niên sung Tham tán đại thần ; Tả tham tri bộ Công Trần Nhượng đổi bổ Tuần phủ, hộ lý Tổng đốc An - Tĩnh kiêm sung Sơn phòng sứ ; Tả tham tri bộ Lễ Đoàn Văn Hội đổi bổ Tả tham tri bộ Lại kiêm quản viện Đô sát ; Hữu tham tri bộ Lễ Nguyễn Văn Thuý đổi làm Tả tham tri ; Hữu thị lang Trần Thúc Nhận thăng thụ Hữu tham tri bộ Lễ ; thự Hữu tham tri bộ Công sung Phó phòng luyện Thuận An Lâm Hoành chuẩn cho thực thụ vẫn giữ chức cũ ; thự Tham tri sung Tham tán quân thứ Sơn Tây Lương Tư Thứ thực thụ Tham tri ; Thị lang lĩnh Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Thanh Hoá Tôn Thất Phiên đổi bổ thự Tả tham tri bộ Công ; thự Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Định - Yên Tôn Thất Trường thực thụ Tuần phủ đổi lĩnh Tổng đốc Thanh Hoá ; thự Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Nguyễn Đình Nhuận, thự Tổng đốc Hải Dương cách lưu là Lê Điền đều được thực thụ (Lê Điền tha cho cách lưu) ; thự Tuần phủ hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái Trương Quang Đản thực thụ Tuần phủ ; Thị lang hộ lý Tổng đốc Hà - Ninh Nguyễn Hữu Độ thăng thụ Tuần phủ, đều vẫn hộ lý Tổng đốc ; Thị lang lĩnh Tuần phủ Ninh Bình Phan Đình Bình thực thụ Tuần phủ, hộ lý Tổng đốc Định - Yên ; Thị lang lĩnh Tuần phủ Hải Dương Nguyễn Văn Phong thực thụ Tuần phủ ; thự Tuần phủ Quảng Yên Hoàng Vỹ, Bố chính lĩnh Tuần phủ Tuyên Quang Hoàng Tướng Hiệp đều được thực thụ ; Bố chính lĩnh Tuần phủ Hưng Hoá Nguyễn Quang Bích, Thị lang sung Tiểu phủ sứ

Cao Bằng, Thái Nguyên Lương Tuấn Tú đều thăng thự Tuần phủ ; Bố chính Sơn Tây Tôn Thất Uý theo nguyên hàm hộ lý Tuần phủ Ninh Bình).

Tam tứ phẩm ấn quan 8 người :

(Thự Hữu thị lang bộ Binh Nguyễn Khoa Luận cho thực thụ ; lĩnh Trực học sĩ sung chức Toản tu ở Sử quán Nguyễn Khuyến thăng thụ Quang lộc Tự khanh, vẫn sung chức cũ ; thự Hồng lô Tự khanh lĩnh Phủ doãn Đào Tiến thực thụ Hồng lô Tự khanh ; Quốc tử giám Tế tửu Nguyễn Liên thăng thụ Quang lộc Tự khanh, đều vẫn lĩnh chức cũ ; Thái bộc Tự khanh, hộ lý Nội vụ cách lưu Nguyễn Hữu Huê thăng thự Thái thường Tự khanh (tha cho cách lưu) ; Thị giảng học sĩ Biện lý Binh bộ sung Tham biện Thương bạc Phạm Như Xương thăng thụ Hồng lô Tự khanh, vẫn sung chức cũ ; Hồng lô tự Thiếu khanh biện lý Binh bộ Lê Đại thăng thụ Quang lộc tự Thiếu khanh vẫn giữ chức Biện lý ; Hồng lô tự Thiếu khanh lĩnh Thủ hộ phó sứ Tôn Thất Triệt đổi bổ Biện lý bộ Lại).

Thăng thụ, thực thụ, khai phục, cải điệu, đều có cấp bậc. Lại vì quở trách đổi sang chức khác 3 người : (Tả thị lang bộ Lại kiêm nhiếp Tả tôn khanh phủ Tôn nhân là Lương Thành đổi bổ Tả thị lang bộ Lễ ; biện lý bộ Công kiêm nhiếp Hữu tôn khanh phủ Tôn nhân là Tôn Thất Loan theo nguyên hàm lĩnh Thủ hộ phó sứ, đều đình việc kiêm nhiếp ; Thái bộc Tự khanh hộ lý Thương trường là Trần Trị sai chọn viên khác thay vào), đều vì vui mừng ban ơn mà có ý khuyên răn ở đấy, nên giáng Dụ.

Cho Lãnh binh Hà Tĩnh là Nguyễn Hữu Linh thăng thự Đề đốc Hải phòng tỉnh Bình Định.

Quan viện Cơ mật tâu nói : Phái viên nước Pháp từ sau trận Cầu Giấy, không ra đánh một trận nào, quân ta thắng trận mà không thừa thế tiến đánh lại vội rút lui, hơn một tuần không tiến đánh, đó là quan quân thứ để cho giặc có thì giờ thực là thất cơ lắm, xin nghiêm sức cho quan quân thứ chia đường tiến đánh, cho chúng không dám mưu toan việc khác. Vua nghe theo.

Cho phong Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc làm Nghĩa Lương nam. Vì Vĩnh Phúc có nhiều chiến công, cho nên nhân lễ tấn quang ban ân.

Thống đốc Hoàng Tá Viêm rút đạo quân của Tán lý Nguyễn Chính về Hà Nội.

Vua dụ quở rằng : Đạo quân của Nguyễn Chính trước được chuẩn cho đóng giữ thành Nam Định, thành ấy bị giặc đánh chiếm, viên ấy không cứu viện được, đã có Chỉ giáng trật, cho sung chức Tán lý, hạn cho 2 tháng cùng với quan tỉnh ấy đánh lấy lại thành, nếu không xong việc sẽ giao nghiêm nghị một thể. Nay tỉnh ấy quân chưa về ngũ hết, lương giáo còn phải ngăn ngừa cấm chấp, đạo quân ấy cần phải ở đấy để vỗ yên nhân dân, trấn áp giặc Kinh, hoặc chia ra từng đạo đánh gấp hoặc

cùng với Sơn Tây, Bắc Ninh hẹn ngày cùng đánh giặc, há chẳng chia được thế giặc ư ? Sao lại vội đem rút đi. Đây là viên Tán lý ấy tự tính là hạn ngặt đã hết, không lấy lại được, sợ tội, muốn được tránh trách nhiệm trước, mà quan Thống đốc cũng nghe theo, điều khiển như thế thực là trái phép. Vậy Hoàng Tá Viêm cho giáng một cấp lưu, để cho tỉnh ngộ. Còn Nguyễn Chính cho theo Chỉ chuẩn cho trước cùng với bọn Vũ Trọng Bình đều rút ngay về Kinh đợi xét để tỏ tín lệnh.

Quan viện Cơ mật lại tâu : "Ta cùng với nước Pháp, mạnh yếu khác nhau, cho nên trước thì 3 tỉnh, sau rồi 6 tỉnh Nam Kỳ đã bị chúng chiếm cứ. Vừa rồi đến Bắc Kỳ chiếm lấy 4 tỉnh rồi lại trả liền, nay lại lấy Nam Định, Hà Nội mà chiếm cứ, hoà ước rõ ràng, mà chúng dám coi thường như thế, thì hoà ước cũng không đủ cậy. Ta đã chịu khuất không dám tranh đua sức mạnh mà chúng cũng chưa từng thương kẻ yếu. Tuy thông sang Vân Nam, là nguyện vọng của chúng, nhưng việc mượn đường chưa chắc đã thực cả. (Vừa rồi nghe tin nhật báo : nói muốn đến Thuận An bắt hiếp phải hoà), đấy là do một vài kẻ cầu công, nguyên không phải do nước ấy cùng bàn, mà ta chỉ lần chần nhát yếu, không dám làm gì, dần dần đến cái thế không thể làm được. Nay nhờ Tiên đế đưa thư cho nước Thanh nói rõ nghĩa lớn, Lý Hồng Chương trù lượng phái quân sang, làm thanh thế ứng cứu ở xa, cho nên chúng chưa thể nuốt được. Nhưng hiện nay thế thành ra cưỡi hổ, tên đã ở cung, nếu không đánh tan sào huyệt, thì chúng có thì giờ mưu tính, không những yêu sách nhiều cách, Lý Hồng Chương ngại về điều đình, mà đến cửa Thuận An bắt hiếp phải hoà, ta cũng khó giành được phần thắng.

Xin lại giáng Dụ nghiêm sức các quan quân thứ chia quân tiến đánh, cho chúng nhọc về phòng bị, không có thì giờ mưu tính việc khác, thì ta mới được giữ vững để đợi nước Thanh xử trí.

Vua bảo rằng : Trí khôn mọi người đã định, việc thành là ở quả quyết, tạm nghe theo.

Khâm sai sang Quảng Đông đón thầy thuốc là Hồng Sâm đã về, nghĩ rằng phái đi không được việc, xin nhận tội. Vua tha cho, vẫn cho sung biện Các vụ như cũ, (trước đây vua mất đi bị ốm, sai Hồng Sâm đi đón thầy thuốc).

Đem tỉnh thành Hải Dương làm ở trấn cũ, (ở xã Phúc Cầu, huyện Đường An) vì tỉnh ấy gần ngay đường sông cho nên dời đi).

Mùa thu, tháng 7, bàn rõ điển lễ tấn tôn Khiêm hoàng hậu và Hoàng thái phi. Tôn nhân và đình thần tuân theo di chiếu, nghĩ xin tấn tôn Trung phi làm Hoàng thái hậu. Trung phi đến cung Gia Thọ lạy và từ chối (có nói : Nếu dạy được Thuỵ quốc công, mới dám nhận tấn tôn, nay Thuỵ quốc công như thế, cũng dự có lỗi không dám nhận, xin từ và xin đến Khiêm cung để hầu Tiên đế). Vua lại mời

Trung phi ngự điện Cao Ninh, thân hành làm lễ bái yết và dâng cơm. Trung phi lại cố từ. Vua bèn sắc sai các quan bàn kỹ thế nào cho hợp lễ chế và đem bàn thêm nghi chế tấn tôn lệnh từ. Đến nay, Tôn nhân, hoàng thân, đình thần xem xét điển lễ cũ : (Đời Tống, tấn vương Quang Nghĩa lên ngôi vua, gọi Tống hậu là Khai Bảo hoàng hậu, dời sang ở Tây cung. Thần Tông mất (Hướng hậu không có con) lập Diên An quận vương Dong (con thứ 6 của Thần Tông) làm Hoàng thái tử, thế là Triết Tông tôn Hoàng thái hậu (hậu của Anh Tông là Cao Thị) gọi là Thái hoàng Thái hậu, Hoàng hậu (hậu của Thần Tông là Hướng Thị) gọi là Hoàng thái hậu, Đức phi Chu Thị là Hoàng thái phi (mẹ đẻ ra Triết Tông). Năm Nguyên Phù thứ 2, lập Hiền phi Lưu Thị làm Hoàng hậu. Năm thứ 3, Triết Tông chết, không có con, Thuỵ vương Cát (con thứ 10 của Thần Tông) lên ngôi vua, đó là Huy Tông, tôn Hoàng hậu Lưu Thị làm Nguyên Phù hoàng hậu. Năm Kiên Trung Tĩnh Quốc thứ nhất, Hoàng thái hậu Hướng Thị mất, truy tôn Thái phi Trần Thị (mẹ đẻ ra Huy Tông) làm Khâm từ Hoàng hậu).

Và xét cả điển trước của bản triều. (Gia Long năm thứ 5 sách lập vương hậu Tống Thị làm Hoàng hậu. Năm thứ 13, Hoàng hậu Tống thị mất, sách phong tôn thuỵ là Giản cung, Trai hiếu, Dực chính, Thuận nguyên Hoàng hậu. Minh Mệnh năm thứ nhất, gia tôn tên thuỵ hoàng tỷ là Thừa Thiên tá thánh, Hậu đức, Từ nhân, Giản cung, Trai hiếu, Đức chính, Thuận nguyên Cao hoàng hậu. Năm thứ 2, tôn hoàng mẫu làm Hoàng thái hậu. Thiệu Trị năm thứ 5, tấn tôn là Thánh tổ mẫu Nhân tuyên Từ khánh Phúc thọ Du ninh Thái hoàng Thái hậu. Năm thứ 6, Thái hoàng Thái hậu chết, tôn tên thuỵ là Thuận thiên, Hưng thánh, Quang dụ, Hoá cơ, Nhân tuyên, Từ khánh, Đức trạch nguyên công Cao hoàng hậu). Châm chước nghĩ định Trung phi, xin lấy mỹ tự tên cung tôn làm Khiêm hoàng hậu, tôn lệnh từ thì tôn làm Hoàng thái phi. Duy việc tấn tôn Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu là theo ý hiếu kính của Tiên đế, tưởng nên châm chước tình lễ. Đây là di chiếu, thiên hạ thần dân đều gọi chung, xin tuân theo mà làm. Lời bàn ấy dâng lên.

Vua lại sai Tuy Lý vương cùng Nội các, Sử quán, Quốc tử giám hội đồng xét lại cho kỹ, cho là các lẽ bàn định ở trên, so với tình lý đều đã thoả hợp. Trong ấy về khoản lấy mỹ tự làm hiệu, đã có điển cố, như Bảo Lịch Thái hậu nhà Đường ở điện Nghĩa An gọi là Nghĩa An Thái hậu ; Hiển Túc Thái hậu nhà Tống ở cung Ninh Đức gọi là Ninh Đức hoàng hậu. Việc xin tôn Trung phi làm Khiêm hoàng hậu, chiếu với điển cũ cũng đúng, xin theo lời nghị mà làm.

Vua đem tập tâu ấy tâu lên Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu, bèn cho thi hành.

Mật Dụ quở Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Tổng đốc Bắc Ninh Trương Quang Đản rằng : Tá Viêm cầm binh quyền đã lâu vốn là người trọng vọng, việc quân ở

Bắc Kỳ đều thống thuộc cả, mà lại tạm bợ dùng dằng, cho giặc có thì giờ, hầu như mệnh lệnh vua có không nhận được chăng ? Sao lại lười biếng bỏ phí thì giờ đến thế, quân ở quân thứ Nam Định có bao nhiêu, mà dám khiêu chiến với chúng. Gần đây lại tư cho đạo quân Nguyễn Chính về gần, để giữ lấy quân, điều khiển như thế, không biết bụng người nghĩ thế nào ?

Còn quân thứ Bắc Ninh Trương Quang Đản là đời đời làm quan, nên được chọn dùng đảm nhận riêng một thành, trù tính việc quân, tuy có thống thuộc nguyên soái, nhưng đã đảm đương một đạo quân, há không đáng tự bày mưu kế, thế mà không biết một lòng cùng lo để báo ơn nước, mà đều tự chia ra không từng tiến đánh, thống tướng như thế, tham tá lại như thế, thì công cuộc đánh giặc sao cho chóng xong, Nhà nước còn nương tựa vào đâu.

Vả lại, việc đánh trận lấy mưu mà thắng, lo nghĩ lấy nhất định làm mạnh. Nay quân đội đã mộ thêm rồi, quân các dinh đã đến thêm rồi, thế trận đã thành, người họp đã đông, không phải là không thừa cơ được, cũng quyết không có lý giữa chừng lại bỏ. Nay cho Hoàng Tá Viêm lập tức cổ động tướng biền, hẹn cùng các quân thứ, hoặc chia đường tiến đánh, hoặc hợp sức đánh mạnh, hạn trong một tháng, đem các sở Thương chính ở Hà Nội, Nam Định san bằng tất cả, hoặc có mưu kế gì có thể đánh cho chóng xong, cũng cho tâu lên đợi Chỉ quyết định. Nếu còn kéo dài ngày để quân lính mỏi mệt thì quân luật rất nghiêm. Trẫm theo ý của Tiên đế giao cho làm việc, cũng phải theo ý của Tiên đế để thi hành phép nước, công luận còn đó, chớ nghĩ ta ít tuổi chưa am hiểu, cũng chớ bảo là các bề tôi không có người để thay, phải nghĩ cố gắng, chớ để lỡ việc sau.

Nêu thưởng dân thọ 100 tuổi ở tỉnh Quảng Ngãi (Ngô Văn Hợp, Phạm Văn Vỹ, Nguyễn Cung, Nguyễn Văn Thiệu, Đặng Văn Nhàn).

Cho Tuần phủ Lạng - Bằng là Lã Xuân Oai sung chức Hậu mệnh chánh sứ ; Trực học sĩ Toản tu ở Sử quán là Nguyễn Khuyến làm Phó sứ.

(Lúc bấy giờ đã báo việc hiếu của cả nước, sẽ cử hành điển lệ bang giao, cho nên sai đi đến cửa Nam Quan đợi lệnh. Sau lại xin cho sứ đi đường biển, bọn Xuân Oai đều rút về chức cũ, rồi không đi nữa. Năm ấy làm lại hoà ước mới, sau rồi không sai đi nữa).

Thuế quan tân ở Hà Nội, phái viên nước Pháp không cho biên sao. (Trước đây, thuế quan tân, phái viên nước Pháp thu cả, ta phái người hằng ngày biên sao, cho biết số mục, nay phái viên nước ấy không cho biên sao). Quan tỉnh là Nguyễn Hữu Độ đem việc ấy tâu lên, quan viện Cơ mật và Thương bạc tâu xin đợi có gửi thư cho tướng nước ấy sẽ đem việc ấy nói kèm cho biết và giải quyết cho. Vua cho là phải.

Lúc bấy giờ người xã Long Hồ (huyện Hương Trà) là Nguyễn Văn Thịnh đi đến bến đò Vạn Xuân (gần thành ngoài cửa tây nam) nhân say rượu nói liên thanh, nói đến việc tự tiện bỏ vua này lập vua khác, nói nhiều câu bất tốn. Bọn Tường, Thuyết tâu xin đem chém bêu đầu ở chỗ phạm tội. Vua không nghe, cho đổi làm tội trảm giam hậu. (Sau vua bị truất bỏ, Văn Thịnh mới được tha).

Tỉnh Sơn Tây có người xã Hữu Bằng là Nguyễn Văn Lập đi làm việc chuộc tội thay cho cha. (Cha Văn Lập là Văn Chấn đỗ Tú tài, can án cùng cả dân bắt giết bọn tên Tá 4 mạng, phải tội giảo giam hậu, rồi được tha cho làm việc chuộc tội, nay nhân già ốm) được phái đi mật thám, bỗng bị lính Pháp bắn chết, quan tỉnh tâu xin trừ vào tội tha cho Văn Chấn. Bộ Hình tâu lên. Vua sai tha cho Văn Chấn về yên nghiệp, Văn Lập vì hiếu, quyên sinh, cho thưởng 1 tấm biển 4 chữ "hiếu hạnh khả phong", sa, lụa mỗi thứ 1 tấm.

Cho các quan địa phương đến Kinh làm lễ dâng hương và ở lại đợi 2 lễ tôn thuỵ và an táng. (Quảng Nam (án sát trở xuống) - Đỗ Huy Điển ; Quảng Trị - Phạm Thanh Thục ; Hà Tĩnh - Trần Văn Dư ; Phú Yên - Vũ Doãn Đôn ; Tuyên Quang - Lê Thanh ; Hà Nội (Lãnh binh) - Trần Văn Tài).

Phái thêm Khoa đạo Lương Xuân Huyến, Nguyễn Văn Nhượng đến Nội vụ, Vũ khố hội đồng làm việc chi thu. (Vì đại lễ tang nghi, chi tiêu rất nhiều, lại ty và kẻ coi kho nhũng lạm nhiều cách, cho nên phái thêm).

Vua sai bàn kỹ việc biên khánh tiết hằng năm lên tầng trên ở lịch mới.

Tôn nhân, đình thần, Sử quán xem xét cổ điển. (Sinh nhật của vua như Đường Huyền Tông gọi là Thiên thu tiết, lại đổi là Thiên trường tiết ; Hán Cao gọi là Thánh thọ tiết, Chu Thái Tổ gọi là Vĩnh thọ tiết ; Minh Thế Tông gọi là Vạn khánh tiết. Sinh nhật hoàng hậu, như Hồng Vũ hoàng hậu gọi là Thiên thu tiết ; Hưng Quốc thái hậu gọi là Thiên thu nhật ; Túc hoàng hậu gọi là Vạn thọ thánh tiết).

Nghĩ xin khánh tiết của Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu xin vẫn biên là Thánh thọ tiết ; Hoàng thái phi xin biên là Trường xuân tiết ; Khiêm hoàng hậu xin biên là Thiên thu tiết. Vua nghe theo.

Tàu nước Pháp đỗ ở cửa biển Thi Nại tỉnh Bình Định. (Trước đây, Lãnh sự nước Pháp từ biệt ra đi, trụ sở giao cho quan tỉnh trông coi. Đến nay, tàu nước Pháp đậu ở cửa biển, đến xem trụ sở và hỏi mỗi tháng thu thuế được bao nhiêu).

Đặt thêm viên chuyên coi ty Trấn phủ, lấy Chánh phó quản cơ các quan sung làm chức ấy. (Cấp cho áo đi trận, bài đeo, bài ngà, ấn kiếm để dùng).

Thống đốc Hoàng Tá Viêm xin dồn sẵn binh dõng 2 tỉnh Sơn Tây, Hà Nội và thổ binh đạo Mỹ Đức cho phòng điều khiển. Vua y cho.

Cho biền binh các sở công tác tầm thường, đều rút về ngũ, cho bớt khó nhọc và nuôi sức.

Sai Tham tri bộ Binh là Nguyễn Thành Ý đem hành nhân[1] Nguyễn Cư đến tạm đóng ở cửa biển Thuận An. (Đợi có tàu của Toàn quyền nước Pháp là Hà A Mang đến để thương thuyết).

Phó sứ ty Từ tế hữu là Hồng Tế vì hành động có lỗi (mặc áo trắng, đi giày đi lại ở trước điện, thẳng đến chỗ 9 đỉnh xem huy hiệu, bảo lính lấy đồ đồng thờ các vị tòng tự múc nước giặt áo, cho gánh nước đem đến trong cửa Sùng Thành tắm gội và chửi mắng binh đinh trong ty) bị Khoa đạo là Lưu Khắc Nhất hặc tội tâu lên. Vua sai cách chức, xích giao cho bộ Hình nghĩ xử, án dâng lên phải tội trảm giam hậu.

Cho Đô thống Tiền quân Tôn Thất Thế thăng thự Chưởng phủ sự ; Thống chế lĩnh Chưởng vệ viện Thượng tứ Hồ Văn Hiển thăng thự Đô thống ; Chưởng vệ quyền Chưởng Tả dực quân Vũ lâm Đinh Tử Lượng, Chưởng vệ sung Quản thị vệ Nguyễn Đình Phổ đều thăng thự Thống chế ; Chưởng vệ quyền Chưởng dinh Kỳ võ Hồ Ngoạn khai phục Thống chế, lĩnh Đề đốc phủ Thừa Thiên là Tôn Thất Côn được thực thụ.

Tàu nước Pháp đỗ ở cửa biển Tư Hiền, xuống thuyền ván gỗ sam vào đo đường cửa biển, rồi chạy đi. Quan viện Cơ mật và Thương bạc tâu xin từ sau có tàu nước ấy chạy đến, như 1 - 2 thuyền ván gỗ sam nhỏ muốn vào trong cửa biển, thì phải xét và hỏi thăm để đáp, nếu vào nhiều quá, (3 - 4 chiếc trở lên), thì thương thuyết ngăn lại không được cho, do quan coi cửa biển ấy theo ước thúc làm ngay cho kịp việc.

Vua bảo rằng : Hai đồn đóng giữ cửa biển ở Kinh vừa không đủ trông cậy, nếu không biết cơ nghi, hiểu lý thế thì không được, nên giữ gìn mà thôi, không nên gây hiềm khích.

Quản đốc tàu thuỷ (Lợi Đạt, Thuận Tiệp) đi tuần miền Nam là bọn Trần Văn Tỉnh, Nguyễn Văn Phó đánh giặc ở hòn đảo Đồi Mồi (thuộc phận biển tỉnh Khánh Hoà) thắng trận. (Bắt được 1 chiếc thuyền giặc, 2 tên giặc biển). Vua thưởng kỷ lục và tiền có cấp bậc. Chánh, phó quản đốc đề-u kỷ lục 2 lần, biền binh mỗi chiếc tàu 100 quan tiền).

Quan tỉnh Nghệ An nghĩ thượng du hạt ấy, hiện cần phòng thủ đánh dẹp. Xin để lại cả bộ Binh (1.990 tên) trước chia làm 2 ban, (1 ban làm việc, 1 ban về nghỉ) nay xin để lại cả pháo binh (87 tên) để lại một nửa thuỷ binh (410 tên) trước chia làm 4 ban (1 ban làm việc, 3 ban về nghỉ), nay xin để lại 2 ban, mỗi ban 205 tên, luyện tập phòng thủ như trước, khi nào hơi thư việc, sẽ chiểu lệ cũ mà làm. Vua y cho.

---

(1) Hành nhân là thông ngôn.

Sai đòi Võ sinh 4 tỉnh trực (Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Bình, Quảng Trị) họp cả ở nhà Võ học huấn luyện, để phòng lâm thời sai phái.

Tàu nước Pháp (13 chiếc) đỗ ở trước sông Đồn Thuỷ (Hà Nội), đào chân đê, đắp đường sá và làm luỹ hàng rào, ổ súng, quan tỉnh vẽ đồ bản dâng lên.

Tàu nước Pháp (6 chiếc) từ Bắc Kỳ chạy đến cửa biển Trà Úc, Hải phòng sứ tỉnh Quảng Nam đem việc ấy tâu lên. Quan viện Cơ mật tâu nói : Phái viên nước Pháp từ trước chỉ làm việc ở Bắc Kỳ, 2 bên giữ nhau, mà chúng lại bỏ đấy mà mưu toan chỗ khác, thì bởi quân thứ Bắc Kỳ giữ lâu cho giặc được rồi thì giờ. Chúng mưu tính chỗ khác, thì sức lực chia ra, quan quân thứ không nhân lúc này tiến đánh ngay, còn đợi lúc nào ? Xin tư ngay cho 2 quân thứ Sơn Tây, Bắc Ninh biết rõ tình hình ấy lập tức phải đánh ngay, để bắt buộc thế giặc.

Vua cho lời tâu ấy là phải, sai lục sức ngay... Vì nước Pháp phái tàu binh đến cửa Trà Úc rất nhiều, giáp gần với cửa biển Thuận An. Vua sai Chưởng vệ (trực thần) là Nguyễn Văn Sỹ, đem đi một lá cờ lệnh, một cái ngự bài binh sự giao cho tướng quân Tôn Thất Thuyết được tiện nghi làm việc. Lại răn rằng : Nếu giảng hoà được, cũng nên tòng quyền làm kế hoãn binh, hết thảy mọi việc cốt phải muôn phần, không còn lo ngại để giữ tôn miếu xã tắc, là sức người cả. Nếu cậy khoẻ hiếu thắng, không biết cơ nghi, tất phải trách cứ rất nặng. (Sau cửa Thuận An thất thủ, lại đệ cờ bài nộp lại).

Nước Pháp phái đem tàu binh (8 chiếc) đánh lấy thành Trấn Hải cửa biển Thuận An. (Từ ngày 15 đến ngày 18, đánh bắn suốt ngày), quan giữ cửa biển là Lê Sỹ (Hữu quân), Lê Chuẩn (Thống chế), Lâm Hoành (Tham tri), Nguyễn Trung (Chưởng vệ) đều chết trận.

Lúc bấy giờ, tàu của Pháp từ Trà Úc chạy đến ngoài cửa biển Thuận An, bỏ neo, lập tức đưa chiến thư.

Vua sai Nguyễn Thành Ý đến trước để giảng thuyết, phái viên nước ấy mượn cớ, (bảo rằng, Thành Ý trước ở Gia Định, tướng nước ấy không bằng lòng, nay đến thương thuyết, là khinh sứ phái) để chống cự.

Vua lại sai Trần Thúc Nhận, Phạm Như Xương đi tiếp theo, đại khái đem các việc vua cũ mới chết, vua mới mới lên ngôi giữ lễ bàn bạc. Thúc Nhận, Như Xương vừa đến thành Trấn Hải, tàu Pháp đánh bắn luôn mấy ngày không ra cửa biển được (đến lúc thành Trấn Hải không giữ được, Thúc Nhận tự nhảy xuống biển chết), quan giữ cửa biển là bọn Lê Sỹ đều chia quân đóng giữ các đồn, chống giữ được 2 ngày, phái viên nước Pháp bèn chia quân xuống thuyền gỗ sam theo đường sau Thai Dương đánh úp. Đạo quân Trương Văn Đễ thua chạy, quân Pháp thừa thế tiến

đánh, đại bác từ tàu bắn vào, Lê Sỹ, Lê Chuẩn, Lâm Hoành, Nguyễn Trung đều bị bại, quân chạy tan, thành bèn mất.

Vua nghe tin báo, lập tức sai Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp đến ngay thành Trấn Hải bàn hoà. Lại sắc cho các đồn sở từ Lộ Châu trở lên đều phải canh giữ phòng thủ cho nghiêm. Nếu tàu nước ấy có đến đồn nào, tức phải treo cờ trắng, không được bắn khiêu khích. (Lúc bấy giờ, tỉnh cũ tỉnh mới Hải Dương cũng bị mất, chợt báo tin đến, cho nên việc nghị hoà càng quyết định).

Sai Tham tri bộ Hộ là Chu Đình Kế đi sung chức Kiểm đốc đài Trấn Bình. (Vì các đồn từ Trấn Định đến Lộ Châu, chưa có quan to trấn áp).

Khâm sai Bắc Kỳ Toàn quyền đại thần của nước Pháp là Hà A Mang cũng đưa thư đến bàn hoà.

Vua sai triệu gia Hiệp biện Đại học sĩ hưu trí là Trần Đình Túc (ở xã Bàn Môn, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên) cho lĩnh Thượng thư bộ Lễ sung chức Toàn quyền đại thần ; Thượng thư bộ Lại sung Cơ mật viện đại thần là Nguyễn Trọng Hợp làm Phó, để đến sứ quán bàn định hoà ước.

Trọng Hợp từ cửa Thuận An về nói : Nước ấy hẹn đến sứ quán Kinh thành định hoà ước, cho nên có mệnh lệnh ấy. (Lần này hoà ước nhiều khoản chưa được thoả đáng, sau 2 - 3 lần bàn định, đến tháng 5 năm Kiến Phúc thứ nhất mới thành, cùng giao cho nhau).

Lại cho Tham tri bộ Hình là Phạm Bính, Thị lang bộ Hộ là Phan Văn Dư sung chức Hộ tiếp sứ.

Lúc bấy giờ thành Hải Dương đã báo không giữ được, sinh viên Quốc tử giám tình nguyện đi đánh giặc, quan ở Quốc tử giám là bọn Nguyễn Liên đem việc ấy tâu xin. Vua bảo rằng : Quan cùng các học trò ở Giám muốn ném bút đi đánh giặc, rõ có lòng siêng việc vua, giận quân thù, nhưng nay chúng đã xin hoà, việc đã được bớt, bọn ngươi cứ học tập như cũ.

Tham biện đồn Hoà Quân là Ông Ích Khiêm rút quân về (ước hơn 700) đến bến đò Nam Phố, tiếng trống vẫn còn chưa thôi. Việc ấy đến tai vua, vua quở. Rồi đổi làm Biện lý bộ Lễ. (Toán quân ấy giao cho Tôn Thất Thuyết dồn lại để sai phái).

Thăng cho viên ở Anh danh là Lê Văn Phú làm Quản cơ. (Văn Phú là thân thuộc phi tần của vua, cho nên cho thăng, nhưng cho ở nha, chiểu hàm cho ăn lương).

Rút biền binh các đồn từ Lộ Châu trở lên và đem đặt cỗ súng đi chỗ khác.

Cho Hoàng Hữu Thường (Tham biện Nội các) sung chức Tham biện định hoà ước, chuyên giữ công việc văn thư) là theo lời xin của Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hợp. (Sau có điều khoản phải bàn lại, do Trọng Hợp một mình làm việc, Đình Túc cho về hưu trí như cũ).

Quan quân ở quân thứ Sơn Tây đánh tan quân Pháp ở các xứ Hương Canh, Phú Diễn.

Người Pháp từ sau khi thua ở Cầu Giấy, đem thêm tàu binh đến chiêu mộ quân khách, cùng dân đi đạo, quyết ý đánh một trận to với quân thứ Sơn Tây để báo thù. Đến nay (ngày 13) quân thuỷ, quân bộ, 4 đạo đến đánh các đồn Hương Canh, Phú Diễn (thuộc phủ Hoài Đức), Hoàng Xá, Đại Cát (thuộc huyện Đan Phượng) thế rất dữ dội. Thống đốc Hoàng Tá Viêm đốc thúc quan quân cùng đoàn quân họ Lưu 4 mặt tiếp ứng, quan nước Thanh là Đường Cảnh Tùng cũng phái quân các dinh cùng đánh giúp, các đạo quân đều hăng hái cố đánh, từ giờ Mão đến giờ Dậu, quân Pháp thua chạy, các quân thừa thắng bắn và chém hơn 200 tên, rồi đem tin thắng trận ấy tâu lên. Lúc bấy giờ thành tỉnh Hải Dương đã thất thủ. Vua có vẻ buồn nói rằng : Lang sói đương nhông nháo, bắt làm gì đám cầy cáo, xem tờ tâu cũng không biết là mừng, giao cho viện Cơ mật và bộ Binh khu xử, quan ở viện, bộ tâu rằng : Quân thứ ấy có thắng trận như thế, cố nhiên phải khen thưởng, nhưng nay tình thế đã khác, sẽ đợi nghĩ định sau. Vua nghe theo.

Sam-bô nước Pháp lại đến làm Khâm sứ ở Kinh.

Sắc cho rút quân đóng ở cửa biển Tư Hiền về thành.

Cho Thượng thư bộ Công là Trần Văn Chuẩn sung chức Thương bạc đại thần.

Vua sai viết thư đưa sang Tổng đốc Lưỡng Quảng và Lý Hồng Chương cùng Tổng lý nha môn nước Thanh. (Nói các ý phái viên nước Pháp đến cửa Thuận An ức hiếp phải hoà).

Cho Tả tham tri bộ Lại là Đoàn Văn Hội sung chức trông coi nghi lễ tang (thay Chu Đình Kế).

Vua dụ bảo các quan quân thứ Bắc Kỳ rằng : Tàu binh nước Pháp đến cửa Thuận An, bắn ngay chiếm cứ các đồn Trấn Hải, Thai Dương, thế rất nguy cấp, quan quân hiện đang nghiêm giữ, chợt có phái viên nước ấy là Khâm sai Bắc Kỳ Toàn quyền đại thần Hà A Mang đưa thư đến bàn hoà. Các điều khoản trong thư ấy có nhiều khoản rất không thể được. Nhưng nay quan tài Tiên đế chưa rước an táng, Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu và Hoàng thái phi tuổi nhiều, già yếu và đang lúc thương xót, mà gặp biến cố như thế. Lại tiếp tỉnh Hải Dương phi báo là thành ấy thất thủ. Trẫm lo nghĩ việc trong việc ngoài, trên thì rất lo tôn miếu xã tắc, dưới thì không nỡ để quân dân nhọc khổ. Đã phái bọn Toàn quyền đại thần Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hợp cùng với nước ấy bàn định hoà ước ấy, tuy chưa được 2 nước ký tên đóng ấn, nhưng đã cùng với Toàn quyền nước ấy bàn định, trong ấy khoản thứ 4 nói hiện nay quân đánh dẹp ở Bắc Kỳ tức khắc gọi về, trừ ra quan quân trong

ngạch thời bình vô sự thì đóng lại. Lại khoản thứ 5 nói nên lập tức rút quan quân ở Bắc Kỳ đều về chỗ làm việc cũ của mình, lại phái quan viên điền bổ ngạch khuyết, lại nên cùng với nước Pháp 2 bên bàn bạc cấp bằng thực thụ cho các quan viên mà nước Pháp hiện đã đặt ra, các việc như thế. Trừ cả hoà ước sẽ cho sao lục để thi hành ra, còn quân thứ hiện tại ở Bắc Kỳ đại tướng quân đến biền binh đoàn dõng đều phải lập tức triệt bãi, hoặc về Kinh, hoặc về tỉnh, hoặc về chức cũ, đều nên theo như cũ, cho khỏi ngăn trở lỡ việc. Việc ấy là trẫm tạm châm chước thời nghi, vạn bất đắc dĩ, muốn trên thì yên linh hồn Tiên đế, yên lòng 2 cung, dưới thì toàn tính mạng muôn dân, đã bảo Tôn nhân, đình thần tuân hành để thư việc cấp trước mắt. Ngươi các quan quân thứ nên thể tất kính làm, chớ vin công nghị, theo ý kiến riêng, để lo cho vua cha làm gì.

Lúc bấy giờ đến kỳ thu thuế, cai lại cùng phòng hộ chia phái người biên thu, lắm sự tệ hại (hoặc biên khống, hoặc đổi chác, hoặc lấn lạp hoặc đòi ăn lễ). Bộ Hộ tâu xin thôi không phái (cai lại và phòng hộ) chỉ giao cho người giữ kho làm việc thu. Vua giao cho đình thần xét rồi tâu lên, cho là việc bộ Hộ nghĩ định, chính muốn bớt phiền trừ tệ, xin y cho. Nhưng do quan các tỉnh, phủ, đạo ấy nghiêm sức cho các người chủ thủ giám lâm giữ kho, hễ đến kỳ thu thuế, dân xã đem nộp, lập tức thu cho xong, phát phái lai cho về. Nếu dám làm khó khăn sách nhiễu, cho dân xã ấy đến đệ đơn kiện ở quan bố chính, quan bố chính ấy nếu có dung ẩn, thì cho đến kêu ở tỉnh bên cạnh, còn người giữ kho thì chiếu luật doạ nạt lấy tiền xử tội, ty Bố chính cũng chiểu luật che chở xét xử. Vua nghe theo.

Truy tặng Hữu quân Đô thống Chưởng phủ sự Kiên Dũng nam là Lê Sỹ làm Kiên Dũng tử ; Thống chế Lê Chuẩn làm Đô thống ; Tham tri Lâm Hoành làm Thượng thư bộ Công ; thự Chưởng vệ Nguyễn Trung làm Chưởng vệ, đều chiểu theo hàm tặng cấp tiền tuất và ấm thụ cho con. Lại cho thêm tiền lụa có cấp bậc :

(Lê Sỹ, Lâm Hoành đều mỗi người 1 tấm nhiễu Trung Quốc, 1 tấm lụa nam bằng tơ 8 sợi, 3 tấm sa nam hạng tốt, 2 tấm nhiễu, 5 tấm lụa màu, 10 tấm vải, 400 quan tiền ; Lê Chuẩn, 1 tấm lụa nam bằng tơ 8 sợi, 2 tấm sa nam tốt, còn nhiễu nam, lụa vải và tiền cũng như 2 người trên ; Nguyễn Trung, 1 tấm lụa nam bằng tơ 8 sợi, 2 tấm sa nam tốt, 1 tấm nhiễu nam, 3 tấm lụa màu, 5 tấm vải, 200 quan tiền).

Sai quan các tỉnh ban tế một tuần. (Sau cho thờ vào đền Trung Nghĩa).

Vì gần đến kỳ rước vua đi an táng, sai Tiền quân Đô thống Tôn Thất Thế, Thượng thư bộ Binh là Tôn Thất Thuyết sung chức Tổng hộ đại thần ; Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp, Thống chế Phạm Viết Tráng làm Phó ; Chưởng vệ Nguyễn Văn Cư, Ngô Đình Bàn sung làm Đề đốc đường thuỷ ; Mai Văn Nghị, Trịnh Văn Lạc sung làm Đề đốc đường bộ, do viên Tổng hộ sai phái.

Tháng 8, ngày Kỷ Dậu, rước quan tài vua đến bến sông Hương lên thuyền rồng (do xuồng máy chạy nhanh hộ dẫn) đến bến đò Khiêm cung, lên đường bộ rước đi. Ngày Canh Tuất, đặt quan tài ở điện Hoà Khiêm.

(Lúc bấy giờ tiết đã sang thu, mưa gió luôn mấy ngày, ngày hôm ấy trời tạnh ráo, rước đám đúng như nghi tiết). Làm lễ xong, thưởng cho các người đi đưa đám từ Tôn nhân, vương công, đại thần và các viên biền đều có thứ bậc khác nhau.

Lính Pháp vào huyện An Dương (thuộc Hải Dương, bắt hiếp viên Tri huyện là Trần Đôn xuống thuyền. Đôn nhảy xuống sông chết. (Đôn bị người Pháp bức bách xuống tàu thuỷ nhỏ, đem lên tỉnh thành. Đôn không chịu đi, nhảy xuống sông trẫm mình).

Cấm những lời đồn bậy không có căn cứ.

Vua dụ rằng : Tháng trước, người Pháp tràn đến cửa Thuận An, lòng người rối loạn. Vừa gặp phái viên của họ đưa thư bàn về việc hoà. Trẫm tạm châm chước thời nghi không nỡ để dân, binh gian khổ mãi. Đã phái đại thần đi bàn định hoà ước, giao hiếu nghỉ quân, là vì mưu tính cho nhân dân. Những điều khoản hoà ước đã công bố cho công chúng biết, không lo về sự ta nói dối họ, họ đánh lừa ta nữa. Thế mà có bọn không biết gì, chỉ đặt ra lời nói không căn cứ, làm cho mọi người dao động. Hoặc có kẻ nói là giả hoà rồi lại đánh nhau ; hoặc có kẻ giữ ý kiến về lương, giáo nọ kia để doạ nạt nhau mà nói cho sướng miệng. Thậm chí nhân dân huyên náo, một người nghe bóng, trăm người nghe đồn, không có đích kiến gì, mang túi đội hòm, cõng trẻ dắt già, tự đem nhau chạy trốn, không ở đích chỗ nào. Ở phủ Thừa Thiên là tệ hơn cả ; 2 tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình gián hoặc cũng có như thế. Phủ doãn cùng tỉnh thần có nghe thấy cũng bỏ đấy không hỏi gì. Đến như các học trò ở Quốc tử giám, trước đã xin đi đánh giặc, ta đã không cho. Nay lại nhân thể để cầu tiếng trung nghĩa. Tin tức truyền đi, càng sinh ra mối ngờ vực. Những thói điêu ngoa như thế, đáng chán đáng giận.

Nay chuẩn cho phủ thần (Thừa Thiên) tỉnh thần đến nơi hiểu bảo dẹp yên và thông sức cho các viên phủ, huyện đi khắp trong hạt, hiểu bảo nhân dân, đều yên thường giữ phận. Nếu ai còn dám nói bậy làm rối loạn nhân dân, dò được đích xác, sẽ đem chém đầu để cho làm gương răn. Quan ở Quốc tử giám cũng nên dạy bảo sinh viên, học tập như thường, không được nói bậy bừa bãi, để tự mắc phải tội. Chức phận các người, đều là chỗ mở đầu phong hoá, chức trách thân dân, cốt phải trên thể theo lòng trẫm, dưới nghĩ đến kế của nước, làm thế nào cho yên được chí hướng của dân, chỉnh đốn được phong hoá của sĩ phu, đều nên tuân theo mà làm cho khéo. Nếu không thì đã có phép công, quyết nhiên không rộng tha đâu ?

Cho Tả tham tri bộ Lại là Đoàn Văn Hội đổi sang bộ Công. Cát Tùng Thiện huyện công là Hồng Phì làm Tả tham tri bộ Lại. Phì dâng sớ xin từ, lại xin hồi tị, (vì Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp trước là giảng tập, tức là thầy học). Vua không nghe.

Đổng lý tang nghi là Nguyễn Khoa Luận nhân vì trời mưa, đội nón đi vào dưới thềm cửa Khiêm cung. Trực thần, khoa đạo tâu lên tham hặc, Luận phải giáng (2 cấp) đổi đi nơi khác.

Khoa đạo là Hoàng Côn, Đặng Trần Hanh tâu nói : Hôm trước ở Tả vu điện Cần Chính, cứ viên đồng Phụ chính đại thần là Tôn Thất Thuyết nói rõ là có một đoạn trong di chiếu của Tiên đế răn bảo vua nguyên nối ngôi, vì vua nguyên nối ngôi sao lục ra đã bỏ bớt đi ; đại thần Trần Tiễn Thành tuyên đọc cũng bỏ đoạn ấy đi, có phần không phải. Trẫm xét : Ngày Tiên đế ngồi tựa ghế ngọc, các Phụ chính đại thần đã xin bớt việc phó thác tôn miếu, xã tắc là việc trọng đại, lo sâu nghĩ xa, cho nên nói khẩn thiết như thế. Đại thần được dự nghe mệnh lệnh dặn lại, phải nên trên thể theo ý của Tiên đế mà tuyên bố cho mọi người nghe, lại coi như bỏ rơi, trước đã xin bớt mà không được, nay lại tự bỏ đi không đọc. Tôi cho là vua nguyên nối ngôi bỏ bớt lời di chiếu, chưa chắc đã không phải tự viên đại thần ấy dẫn đường ra trước. Vậy xin giao cho đình thần bàn, mọi người đều xin chiểu luật "chuyển tả chế thư sai lầm" mà xử tội trượng cách chức.

Vua cho là đời xưa thời bình chính giản cũng còn dùng người cũ, nữa là ngày nay thời khó khăn, việc nhiều, há nên đem viên đại thần 4 triều, lầm một cái, mà không dung thứ ư ? Đổi làm giáng 2 cấp lưu.

Tàu nước Pháp qua ngoài khơi đồn cửa biển Y Bích (thuộc Thanh Hoá) bắn súng lớn rồi đi.

Lại bỏ vua nguyên nối ngôi trước là Thuỵ quốc công làm công tử, dời ra ở giảng đường viện Thái y.

Trước đây, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết đem lỗi của vua nguyên nối ngôi trước, xin sắc cho phủ Tôn nhân, đình thần hội bàn. Đến bấy giờ lời bàn dâng lên, xin chiểu theo như lệ Xương Ấp vương[1] (tước cả chức tước và ấp phong) đuổi về ngạch cũ (công tử), vẫn để nguyên tên cũ, cái nhà ở cũ xoá bỏ tên gọi của đường (Dục Đức) đi, vẫn được ở đấy như cũ. Cần chi tiêu sai bảo gì, liệu đặt người dạy bảo thì đều ty có chức trách nghĩ làm. Lại thường kiểm thúc xem xét để tỏ ra ân tình và pháp luật đều vẹn cả.

---

(1) Xương Ấp vương tên là Hạ, là cháu gọi Hán Vũ đế bằng ông nội, cha là Ai Vương Bác, con thứ 5 của Vũ đế, nối ngôi Hán Chiêu đế, vì có nhiều lỗi, Hoắc Quang phế bỏ đi làm Xương Ấp vương rồi lập Tuyên đế.

Vua nói rằng : Bàn về xử trí nguyên tự quân như Xương Ấp vương cũng đã thoả đáng. Duy có việc vẫn cho ở nhà cũ, kẻ ra người vào hỗn hợp, phòng giữ kiểm soát khó chu đáo. Lại giao cho Cơ mật viện và Thương bạc bàn lại. Rồi phúc tâu xin để cho ở một cái nhà cũ, 1 cái nhà bếp, 5 tên lính hầu, để phòng sai khiến. Và đổi đặt một viên Dực thiện đi lại coi xét dạy bảo, nhưng bắt Đề đốc Kinh thành cùng các viên ở phủ Thừa Thiên phải để ý phòng giữ (không cho những người tạp nhạp ra vào). Và phủ Tôn nhân thời thường kiểm soát.

Vua nói rằng cái nhà ấy sâu rộng, coi xét làm sao được. Bèn cho nguyên tự quân dời đến ở giảng đường viện Thái y. Vất bỏ cái biển (Dục Đức) ở cửa cái nhà cũ đi. Chuẩn cho lấy cái nhà trước làm nhà Đề đốc Kinh thành ; nhà sau làm biệt thự của Nội các.

Trước đây, tỉnh Hải Dương tuân Dụ dời đặt thành mới, cho chở các thứ tiền, gạo, khí giới cùng thuốc đạn dời chứa một nơi. Án sát là Lê Mộ Khải cùng Đề đốc là Tôn Thất Hoè đến tỉnh mới đốc công. Tổng đốc là Lê Điều, Bố chính là Vũ Túc đến ở nhà quan cư Văn miếu. Lưu Thuỷ sư Phó lãnh binh là Nguyễn Viết Vinh đóng giữ thành cũ. Phái viên của Pháp nghe tin, bèn đem 4 chiếc tàu chiến kéo lên đồn Đông Tân (ngày mồng 10 tháng 7), chia lính lên bộ vào thành cũ, lên cột cờ kéo cờ tam tài. Lại chia quân chiếm giữ cửa thành. Nguyễn Viết Vinh cũng rút quân đến tỉnh mới cùng đóng. Phái viên của Pháp lại đem một toán quân đến tỉnh mới đánh phá. Lê Điều uỷ cho Đề đốc là Tôn Thất Hoè, Lãnh binh là Văn Phú Lương đem quân ra đánh, rồi cũng nối đến tiếp ứng. Rồi sau quân Pháp từ đằng sau đánh úp. Quân ta không chống nổi, đều sợ chạy tan. Bọn Lê Điều lui đóng ở huyện hạt Cẩm Giàng, Đường Hào.

Đến bấy giờ vì đã nghị hoà, chuẩn cho theo ước mới, cùng họ thương thuyết trả lại tỉnh lỵ cũ, đợi sẽ thi hành. (Khoản thứ 5 trong hoà ước có nói : Nên rút quân quan Bắc Kỳ, đều về chỗ lỵ sở cũ).

Đặt thêm chức Phó đề đốc Kinh thành. Cho Phó đề đốc quân thứ Bắc Ninh là Trần Xuân Soạn (đến Kinh đợi phái) sung làm chức ấy.

Cho Tiền quân Đô thống phủ Đô thống thự Chưởng phủ là Tôn Thất Thạ kiêm coi Vũ thần phò mã cùng Anh danh, Giáo dưỡng, Kim ngô. Thự Chưởng vệ là Ngô Đình Bàn quyền coi Hữu dực dinh Vũ lâm. Kinh thành Đề đốc là Vũ Văn Đức kiêm coi 2 vệ Hữu bảo nhất, Hữu bảo nhị. Thống chế quyền Chưởng Tả quân là Phạm Viết Trang kiêm quản Võ học sinh.

Thưởng gia cấp kỷ lục quân công cho bọn Hàn Bá Minh là đoàn luyện ở quân thứ Bắc Kỳ, cộng 7 người.

Trước đây, trận đánh ở Cầu Giấy, Hà Nội (ngày tháng 4) bọn ấy đều có công đánh giặc. Đến bấy giờ hoà nghị đã thành được thưởng có thứ bậc khác nhau. (Hàn Bá Minh, Lương Mậu Lâm, Tòng bát phẩm bá hộ ; Hàn Tái Văn, Lưu Văn Khiêm, Lưu Khải Nguyên, Tạ Bính An, Đặng Ngộ Lâm, Trương Trung Nguyên, Chánh cửu phẩm bá hộ).

Ngày Bính Thìn, sắc Mặt Trời xanh. (Lúc mới sáng thì sắc xanh, rồi dần dần biến ra trắng, người đi đường không có bóng, suốt ngày không lúc nào có ánh sáng), Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết dâng sớ xin vua trách mình, sửa chính sự, sắc cho đình thần xét kỹ có điều gì không hợp lẽ, lập tức tâu lên sửa chữa, ngõ hầu hồi lại ý trời. Lại tự cho là giúp đỡ vua không có tài năng gì, xin thu lại mệnh lệnh phụ chính đi. Vua nói rằng : Nên đều cùng lòng giúp nước, chia sự lo, cùng làm việc, chớ nên mượn cớ để tránh.

Nhân Dụ rằng : Trời với người cảm ứng nhau rất là không sai. Trẫm đức bạc, không cảm cách được lòng trời, cho nên Mặt Trời báo cho biết trước. Trẫm ngày đêm lo sợ, chưa hiểu cớ sao ? Hoặc là bổ quan nhũng lạm, thưởng phạt không đúng ? Hoặc lời gièm pha gây ra nghi hoặc, tình kẻ dưới bị che lấp ? Không thăng lên chăng ? Hoặc là đức trạch chưa xuống tới dân chăng ? Hoặc là chính sự có thiếu sót lầm lẫn chăng ? Hoặc là quan ngục chưa xét ra chăng ? Có một điều trong ấy cũng đủ cho trời giận. Các quan trong ngoài đều là tay chân tai mắt của trẫm, đều phải nghĩ tìm những điều lầm lẫn nói ra cho hết, chớ có ẩn giấu. May ra chính sự của người sửa tốt thì lòng trời cảm ứng, chuyển tai hoạ thành điềm lành, mới thấy lòng trời thương yêu ta.

Lúc bấy giờ, quân thứ Bắc Kỳ chưa rút hết quân.

Vua nói rằng : Hoàng Tá Viêm nếu không khéo làm lại sinh ra một việc khó.

Nhân lại Dụ rằng : Vừa rồi chiến thuyền nước Pháp đến Thuận An, liền mấy ngày đánh chiếm đồn cửa biển, rồi lại có thư đến bàn hoà, mà những khoản trong hoà ước, có nhiều điều bị kém, bị nhục khó chịu. Đáng lẽ ta không nghe. Nhưng vì Từ cung tuổi già, linh cữu của Tiên đế chưa chôn, lòng trẫm rất không yên. Đã Dụ cho văn, võ đình thần lấy hoà ước làm cuộc nhất định. Lại phái Toàn quyền đại thần cùng họ định ước, đó là việc vạn bất đắc dĩ. Trước đã Dụ bảo tưởng cũng đã rõ ràng. Các quan ở quân thứ, quan tỉnh nên đều thể theo mà làm. Nay nên do quan quân thứ viết thư hỏi Toàn quyền nước Pháp nên chiểu theo hoà ước giao trả cho ta các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, để quan ta cai trị, thì quân thứ các ngươi lập tức rút binh dõng về để tỏ là ta thực tiễn hoà ước. Còn đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc cùng quan nước Thanh không phải ta sai bảo được. Đã ước cùng quan nước Pháp tự làm lấy, đối với ta không can thiệp gì. Cũng nên do quân thứ đem sự tình ấy viết thư cho Toàn quyền nước Pháp biết. Như thế mới hợp thời thế.

Xây huyệt ở Khiêm lăng. Sai Vũ lâm Thống chế là Đinh Tử Lượng, thự Tả tham tri bộ Công là Tôn Thất Phiên chuyên coi làm việc ấy.

Thượng thư bộ Binh là Tôn Thất Thuyết xin thôi không giữ việc binh, cho dẹp tắt lời bàn bậy. Vua cho là việc binh khó tìm người thay, sai Cơ mật viện và Thương bạc xét tâu. Rồi sau tâu nói : Việc binh từ lâu vẫn lần lữa theo cũ, thực khó tìm người giữ nổi chức ấy. Nay viên ấy vì người ta chê trách nhiều, mà cố xin từ chức. Nếu được từ chức về dưỡng bệnh, thực bởi tự lòng Hoàng thượng chiều thương, không có điều gì đáng bàn. Nhưng đang lúc lòng người ngờ sợ này mà tự ý dò tính, hoặc cho là chỗ vua tôi có điều ngờ vực nhau, sợ không thể làm cho thoả mãn được tai mắt mọi người. Nghĩ xin chọn ở trong 3 bộ Lại, Hộ, Công, liệu cho đổi lẫn để tỏ lòng chí công, mà im được lời bàn bậy.

Vua cho là phải. Đổi Thuyết làm Thượng thư bộ Lễ (ấn triện bộ Binh giao cho bọn Tham tri là Hà Văn Quan hội đồng quyền giữ). Rồi lại vì Nguyễn Trọng Hợp đi công sai vắng, lại đổi Thuyết làm Thượng thư bộ Lại (chức Chính khanh bộ Lễ vẫn khuyết).

Cho Hành nhân quản đốc là Nguyễn Hữu Cư làm Tham biện Thương bạc.

Lúc bấy giờ, Nội vụ, Vũ khố chi tiêu khá nhiều (thường chiểu theo như lệ trước mà chi). Vua Dụ cho bộ Hộ từ sau việc gì cũng liệu chi rút bớt đi.

Tỉnh Quảng Nam có dân thọ, Lê Văn Kỵ thọ vừa 100 tuổi, bộ Lễ theo lệ xin nêu thưởng. Vua nói rằng : Trước kia phong phú, hiện nay nhiều việc, sao không châm chước đổi đi, mà việc gì cũng theo lệ, thì quốc dụng làm thế nào ? (Rồi theo nghị đổi lại, chép ở dưới này).

Phái viên Pháp lại đem thuyền quân đến Sơn Tây gây hấn khích. Quân ta chống đánh lại, chúng phải rút lui.

Lúc bấy giờ, tàu Pháp 12 chiếc, lính hơn 2.000, đường thuỷ, đường bộ cùng tiến lên. Thống đốc Hoàng Tá Viêm, đoàn quân Lưu Vĩnh Phúc cùng biền binh nước Thanh cự đánh giặc Pháp ở các xã Thượng Mỗ, Hạ Mỗ (thuộc phủ Hoài Đức), Đoài Khê (thuộc huyện Đan Phượng), đánh nhau dữ 3 ngày đêm (từ mồng 1 đến mồng 3). Quân Pháp lại thua (bắn vỡ tàu to vừa, tàu nhỏ 3 chiếc, bắn chết hơn 300 lính Pháp).

Tá Viêm đem tin thắng trận tâu lên và nói việc rút binh dõng về. Xin bàn với quan nhà Thanh cùng Lưu Vĩnh Phúc tạm về Sơn Tây đóng quân, sẽ xét nghĩ tâu sau.

Vua cho là hiện nay đã giảng hoà quân thứ cần phải rút bãi quân đi ngay. Nhân Dụ rằng : Quân của Pháp đến Thuận An, bắt ép phải hoà. Ta cùng các quan cũng đã biết trước. Nhưng thế lực kẻ mạnh người yếu, không làm sao được, tưởng bọn

Hoàng Tá Viêm cũng đã biết rõ rồi. Lần này ngẫu nhiên gặp biến cố, dẫu từ trước chưa có bao giờ, mà Kinh sư được yên tĩnh, đều nhờ uy linh của miếu xã, phúc lớn của Nhà nước, mới được như thế. Ta vẫn biết cục hoà ước có nhiều điều khó chịu, nhưng vì thế bách buộc, không thế không được. Nay cục hoà mới định, lòng người tạm yên. Ngươi bọn Hoàng tướng quân nên xét lẽ phải trái, cân nhắc nặng nhẹ, theo tờ Dụ trước, lấy sự tin tỏ cho họ biết. Nếu cố chấp ý kiến riêng mà bàn khác đi, thì một góc xa xôi, nếu có thể chắc là giữ được, nhưng còn Kinh sư và Tôn miếu, Xã Tắc thì làm thế nào ? Huống chi họ nhiều lần nói xin ta rút quân, cho nên không làm thế không được. Trẫm đã hiểu Dụ cặn kẽ, nên kính cẩn tuân theo, chớ trái mệnh lệnh của trẫm.

Cho Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp làm Khâm sai đại thần, Thượng thư bộ Công là Trần Văn Chuẩn, Tham tri bộ Lại là Hồng Phì đều làm Phó khâm sai ; Biện lý bộ Lễ là Đinh Văn Giản làm Tham biện, đi ra Bắc Kỳ hội cùng Toàn quyền đại thần nước Pháp bàn mọi việc (tất cả các việc giao nhận thành trì, hiểu dụ dẹp yên nhân dân, cùng rút bỏ binh dõng).

Các tỉnh Bắc Kỳ (Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hưng Hoá, Ninh Bình) bị bão lụt. Vua Dụ sai quan tỉnh thần đến nơi khám xét, hết lòng giúp đỡ.

Đổi định lệ bổ Võ tòng lục phẩm và công tử thi đỗ cử nhân võ. (Lệ cũ : Những người tòng lục phẩm cùng công tử thi đỗ võ cử, thì bổ Cấm binh suất đội, hoặc Tinh binh cai đội (đều hàm tòng ngũ phẩm). Nay đổi bổ Tinh binh suất đội thự Cấm binh suất đội (hàm chánh lục phẩm, thự tòng ngũ phẩm).

Phái viên nước Pháp đem lính kỵ mã (hơn 300 tên) đi đường bộ đến huyện Nam Chân (thuộc Nam Định), dân trong hạt sợ hãi náo động. Vua sắc sai tỉnh thần mật sức trong hạt, chớ có khiêu khích, nhưng xét kỹ xem bọn ấy tiến dừng thế nào, lục báo sau.

Gạo kho cửa biển Thuận An (kho tạm) chở về kho ở Kinh. Lang trung Thuyền chính là Nguyễn Văn Tán, Phó giám lâm Thương trường là Nguyễn Văn Cư cùng bọn chủ thủ hội đồng ao lại để chứa. Thu được nhiều mà báo có ít. (Biên bản của hội đồng, gạo 8.140 phương, đến lúc ao lại, thừa gạo ra 789 phương) bị Chưởng vệ là Trần Khắc Trung, Viên ngoại là Nguyễn Tuấn tố giác ra. Bộ Hộ và Thuyền chính đem việc tham hặc lên.

Vua sai khoá tay bọn Tán, Cư lại, giao cho ty Tam pháp xét xử. Đến khi án dâng lên, Văn Tán, Văn Cư phải tội lưu ; Giám lâm là Trần Tri bị giáng (4 cấp) đổi đi nơi khác. Còn viên dịch ở kho ấy đều phải tội có thứ bậc khác nhau.

Quan nước Pháp bắt hiếp tỉnh thần Hải Dương đến Hải Phòng. Bố chính là Vũ Túc (Cử nhân, người Nam Định) uất tức rồi chết. (Khi ấy, phái viên nước Pháp yêu cầu

Tổng đốc là Lê Điền, Tuần phủ là Nguyễn Văn Phong, cùng Túc đến Hải Phòng ở dưới thuyền bắt làm mọi việc, nhưng cho việc đinh, điền là việc của bố chính, bắt Túc phải khai ra giao cho họ. Túc không chịu khai, nhân thế không chịu được sự họ làm nhục tức uất lên rồi chết. Đến sau bọn khâm sai đến thương thuyết, các viên đốc, phủ mới được về tỉnh lỵ. Lê Điền nhân vì ốm cáo nghỉ).

Cho lĩnh Tuần phủ Hà Nội là Vũ Như làm Tả thị lang bộ Binh. (Vì Như cùng với phái viên Pháp không hợp nhau).

Nhắc viên Cẩm y Hiệu uý là Nguyễn Duy Thiện làm Nhị đẳng thị vệ (vì Duy Thiện là cháu gọi vua bằng cậu).

Tổng đốc Quảng Đông nước Thanh là Tăng Quốc Thuyên đưa thư trả lời. (Nói là đã đem các văn thư của nước ta chuyển đạt lên rồi). Vua xem thư nói rằng : Xem kỹ thì biết viên Tổng đốc này hình như sợ người Pháp hiểm thù, cũng đồng ý với Cung Thân Vương, Lý Hồng Chương, cho nên từ trước không chịu ra mặt giúp đỡ ta. Nay dẫu có ý tốt cũng muộn quá rồi. Huống chi họ còn đang biện luận chưa biết bao giờ xong, chỉ phô trương đến nghĩa hão mà không ích gì vậy.

Thưởng kỷ lục gia cấp cho bọn Sơn phòng sứ Nghệ An là bọn Lê Doãn Nhạ có thứ bậc khác nhau. (Mộ được 90 tên người Man, khai khẩn ruộng đất được hơn 2.070 mẫu. Thưởng cho Doãn Nhạ kỷ lục 2 thứ ; Tham biện là Nguyễn Tài Tuyển gia 1 cấp ; Hồ Duy Tĩnh thăng 1 trật. Lại thưởng cho tỉnh thần là Trần Văn Chuẩn kỷ lục 2 thứ).

Vua lại sai tỉnh thần cùng Sơn phòng sứ xét kỹ miền thượng du các hạt, liệu đặt đồn điền chi nhánh, trích những giản binh, mộ binh, tuỳ thế khai khẩn. Và hiểu bảo thổ dân các mán quy thành thôn ấp, làm thành sổ điền nhận nộp thuế, cốt mong cho có thành hiệu.

Phụ chính đại thần là Trần Tiễn Thành vì tật cũ lại phát ra, (hai chân đau buốt khó đi), tháng trước đã xin miễn cho không phải vào chầu, lưu ở công đường làm việc. Đến bấy giờ lại xin nghỉ việc Cơ mật, về ở nhà trọ để chữa bệnh. Vua cho nghỉ việc.

Tháng 9, định lại lệ thưởng cho các thọ quan, thọ dân, ngũ đại đồng đường, hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ (chiểu lệ năm Tự Đức thứ 29, đều giảm đi một nửa, quan dân thọ 100 tuổi, về quan : nhất phẩm thì thưởng 50 lạng bạc, quan nhị phẩm thì 40 lạng, sa nam, sa bắc mỗi thứ đều 1 tấm, trừu lụa nam mỗi thứ đều 2 tấm, biển ngạch 1 tấm (sơn khắc chữ vẫn theo lệ cũ), Nhà nước làm nhà để treo biển ấy. Quan tam, tứ phẩm thì 30 lạng bạc, sa nam, sa bắc mỗi thứ 1 tấm, trừu lụa nam mỗi thứ 1 tấm, biển ngạch 1 tấm, Nhà nước làm nhà cho để treo biển ; quan ngũ, lục phẩm, thì bạc 20 lạng, sa nam, lụa nam mỗi thứ 1 tấm, Nhà nước

không làm nhà cho (dưới này cũng thế) ; quan thất, bát, cửu phẩm thì đều 12 lạng bạc, sa nam, trừu nam mỗi thứ đều 1 tấm, biển ngạch 1 bức ; học trò hương trưởng đều thưởng 10 lạng bạc, vải lụa mỗi thứ 1 tấm, biển ngạch 1 bức. Về dân : đàn ông 8 lạng bạc, vải lụa mỗi thứ 1 tấm, biển ngạch 1 bức.

- Quan viên thọ 90 tuổi : Về quan : nhất phẩm thưởng 30 lạng bạc, quan nhị phẩm 20 lạng bạc, quan tam phẩm 18 lạng bạc, sa màu mỗi viên đều 3 tấm. Văn giai tứ, ngũ phẩm và quan phủ, huyện, châu ; võ giai quan tứ phẩm, đều thưởng 10 lạng bạc, 2 tấm sa nam.

- Quan viên thọ 80 tuổi : Quan nhất phẩm 20 lạng bạc, quan nhị phẩm 15 lạng bạc, quan tam phẩm 10 lạng bạc, sa nam mỗi viên đều 2 tấm. Văn tứ phẩm, võ tam phẩm đều 8 lạng bạc, sa nam 1 tấm.

- Cách thưởng cho quan dân thọ 100 tuổi mà ngũ đại đồng đường (mức thưởng về thọ 100 tuổi, sẽ chiếu theo khoản trên mà làm, không ở lệ này. Nhưng nếu cùng báo việc thọ với việc ngũ đại đồng đường một lúc thì được thưởng cả 2 việc. Nếu báo riêng sẽ theo khoản mà thưởng có thứ bậc khác nhau, dưới này cũng thế). Quan nhất, nhị, tam phẩm, thưởng 15 lạng bạc, sa nam 3 tấm, lụa màu và vải mỗi thứ 3 tấm. Biển ngạch 1 bức (sơn và khắc chữ vẫn theo như lệ cũ), Nhà nước làm nhà cho để treo biển. Quan tứ, ngũ, lục phẩm bạc 12 lạng, sa nam 2 tấm, lụa màu và vải mỗi thứ 2 tấm, một bức biển ngạch, Nhà nước không làm nhà cho để treo biển (dưới này cũng thế). Quan thất, bát, cửu phẩm, bạc 10 lạng, sa nam 1 tấm, lụa màu, vải mỗi thứ 2 tấm, biển ngạch 1 bức. Học trò, hương trưởng bạc 6 lạng, vải lụa mỗi thứ 1 tấm. Là dân : đàn ông bạc 4 lạng, vải lụa mỗi thứ 1 tấm.

- Mức thưởng cho quan, dân thọ 70, 80, 90 tuổi trở lên, mà ngũ đại đồng đường, về quan nhất, nhị, tam phẩm thưởng 10 lạng bạc, sa nam 2 tấm, lụa màu 2 tấm, vải màu 3 tấm, biển ngạch 1 bức, Nhà nước làm nhà cho để treo biển. Quan tứ, ngũ, lục phẩm, thưởng 8 lạng bạc, sa nam 1 tấm, lụa màu 1 tấm, vải màu 2 tấm, biển ngạch 1 bức, Nhà nước không làm nhà cho để treo biển (dưới này cũng thế). Quan thất, bát, cửu phẩm thưởng 6 lạng bạc, sa nam 1 tấm, vải màu, lụa màu mỗi thứ 1 tấm, biển ngạch 1 bức. Học trò, hương trưởng 5 lạng bạc, vải, lụa màu mỗi thứ 1 tấm. Là dân : đàn ông thưởng 3 lạng bạc, vải màu 1 tấm.

- Mức thưởng về hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ : Hạng ưu 15 lạng bạc, 1 tấm sa nam, biển ngạch 1 bức (sơn và khắc chữ theo lệ cũ), Nhà nước làm nhà cho để treo biển. Còn tiết phụ mà là vợ thứ, vợ lẽ, thì thưởng bạc 10 lạng, sa nam 1 tấm, biển ngạch 1 bức, không được Nhà nước làm nhà cho để treo biển (dưới này cũng thế). Hạng bình : 10 lạng bạc, sa nam 1 tấm, biển ngạch 1 bức, nếu là vợ thứ, vợ lẽ thì thưởng 8 lạng bạc. Hạng thứ : thưởng 8 lạng bạc, nếu là vợ lẽ, vợ thứ thì 6 lạng).

Ngày Tân Tỵ, vua cho đón Hoàng thái phi vào ở cung Khôn Thái. (Dâng lên 50 lạng vàng, 100 đĩnh bạc (mỗi đĩnh 10 lạng), các thứ gấm lụa màu hàng nam, hàng bắc 100 tấm, lụa màu vải màu cùng lụa thổ 300 tấm, tiền đồng 3.000 quan, tiền kẽm 2.000 quan).

Thưởng kim tiền, ngân tiền cho khâm sứ và ký lục, thông ngôn đóng ở Kinh đều có thứ bậc khác nhau. (Thưởng Khâm sứ người Pháp kim tiền hạng lớn 1 đồng, ngân tiền hạng vừa 1 đồng ; ký lục, ngân tiền hạng vừa 1 đồng ; thông ngôn, ngân tiền hạng nhỏ 1 đồng).

Phái viên nước Pháp đem quân (hơn 500 lính) đến Sơn Tây đào lấy đầu và xác của thuỷ sư đem về.

Vua Dụ các quân thứ, tỉnh thần và thân hào Bắc Kỳ rằng : Từ khi Bắc Kỳ có việc chiến tranh đến nay, dân binh khó nhọc, chi tiêu cũng tốn. Vừa rồi người Pháp đưa thư đến xin hoà, trẫm không nỡ để dân binh mắc phải tên đạn, đã phái đại thần là Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hợp cùng nước Pháp giảng định điều lệ hoà ước. Duy trong hoà ước còn có điều chưa rõ, sẽ bàn đổi lại sau. Nhưng đã nói là hoà, nên làm cho tốt. Đã Dụ các tỉnh thần, thứ thần rút bỏ binh dõng, đều cho về chỗ cũ và phái cho Khâm sai là bọn Nguyễn Trọng Hợp đến nơi để khu xử. Vậy nay các tỉnh thần, thứ thần nên lập tức theo lời Dụ bảo đều về lỵ sở, trừ ra chiểu theo thường lệ phải lưu lính lại để sai phái, còn đều triệt bãi, tha cho về làng, để cùng yên ở làm ăn, mà hậu việc hoà hiếu mãi mãi với nước Pháp. Nếu trong hoà ước có khoản nào rất quan ngại, thì lập tức một mặt tâu lên, một mặt tư cho quan Khâm sai thương thuyết với người Pháp làm cho thoả đáng. Còn thân hào, sĩ thứ đều nên yên thường giữ phận, để đợi triều đình xử trí. Chuẩn cho sao lục ra rồi đi ngựa chạy ngay cho các tỉnh thần, thứ thần đều lập tức kính theo mà làm cho ổn thoả. Nếu cố chấp ý kiến riêng, làm cho lo ngại thì quyết khó lòng tránh khỏi lỗi được. Đều phải tuân theo đấy.

Công sứ Pháp đến thẳng ngoài cửa Khiêm cung chơi xem. Người đóng ở đấy và quản suất không bảo ban ngăn cản được, đều phải giáng 2 cấp lưu.

Dụ cho các nha môn xét việc hình án phải đúng hạn xét xử kết án, cho xong những việc oan uổng để chậm trễ. (Mỗi hạn 3 tháng, quá hạn không kết án xong, gia một bậc nghị xử). Nếu còn vẫn để chậm như cũ sẽ gia lên 2 bậc mà trị tội nặng. Lúc bấy giờ các phủ, huyện, tỉnh Thanh Hoá xét án để chậm trễ, cho nên vua Dụ như thế.

Phái viên nước Pháp đến thẳng núi Linh Thái (thuộc cửa biển Tư Hiền) nêu lên đánh dấu 3 chỗ (trên ngọn núi 1 chỗ, đồn cũ 1 chỗ, đường cảng 1 chỗ). Phủ doãn Thừa Thiên đem việc ấy tâu lên. Vua sai Cơ mật viện, Thương bạc lấy lời nói khéo

thương thuyết (nói là trong hoà ước, không nói đến chỗ ấy), xem họ trả lời thế nào. (Phái viên Pháp trả lời rằng : Đo nước vẽ đồ bản, nêu lên để ngắm).

Cho Tả tham tri bộ Công là Đoàn Văn Hội thăng thự Thượng thư. Văn Hội dâng sớ xin từ. (Trong sớ đại khái nói các ý : Chức Thượng thư là họng lưỡi của trời, chức ngôi và trách nhiệm rất là long trọng, thần có tài đức gì đủ đương chức ấy. Hiện nay văn học, chính sự, tưởng cũng không thiếu gì người. Xin nhà vua thu về mệnh lệnh ấy, chọn người khác thay). Vua nói rằng : Ngươi trước làm Tuần phủ Hà Tĩnh, coi việc nước như việc nhà, kẻ gian lại không nói dối được. Đến bấy giờ dân hạt ấy còn khen ngợi không thôi. Nếu không phải là người liêm, bình, cần, cán, sao được bia miệng mọi người nói như thế. Nay chức chính khanh thiếu người, mà bộ ngươi hiện đang xây dựng tôn lăng, các vật hạng rất là phiền phức nặng nề, ngươi có thể làm nổi việc như trước, mới là hết trách nhiệm, từ làm gì ?

Tàu nước Pháp ngăn chặn bến đò Ninh Bình, đóng quân ở núi Dục Thuý, đặt công sứ đóng ở đấy làm việc. Lại dỡ phủ mới Yên Khánh (trước đây, tỉnh thần theo lời Dụ, đem tiền lương khí giới chứa ở đấy) bắt tỉnh thần soạn giao sổ đinh điền cho họ. Tỉnh Quảng Yên, người Pháp cùng đặt công sứ và đóng quân.

Khi ấy, vua ngự điện Văn Minh xét xử chính sự. Đình thần theo lệ. (Lệ gặp quốc tang, các quan chầu ở tiện điện và đi theo hầu đều đội khẩu trang mặc áo thâm) đều đội khăn trắng vào chầu. Vua sắc từ sau vào chầu hay đi theo hầu, đều mặc khăn áo thâm, ở ngoài thì theo lệ mặc khăn áo trắng. Phủ Tôn nhân và đình thần tâu rằng : Quốc tang là lễ to, quan trong lòng thương cảm đức Tiên đế chầu trời, phận tôi con ai cũng như ai. Nay xin từ nay trở đi, khi đi theo hầu xa giá, thì theo sắc lệnh mặc áo khăn thâm. Còn như khi chầu ở tiện điện, tuân theo nghị cũ đội khăn trắng. Nếu hôm nào chầu lạy thì đội khăn thâm. Khi vào hầu không phải đổi khăn trắng thêm phiền. Còn ngày thường đều đội khăn trắng cho hợp tình lễ.

Vua nói rằng : Hiếu kính ai cũng một lòng, có kiêng kỵ gì ? Các quan không cứ gì khi vào chầu lạy hay theo hầu, đều cho đội khăn trắng.

Trước đây, Phó quản đốc tàu Lợi Đạt là Phan Đình Thông từ Hương Cảng về, giấu bạc làm của riêng, bị người làm trong thuyền tố giác, phải giam cứu. Đến bấy giờ án xử, Thông phải tội đồ. Vua cho việc ấy phát ra trước khi có ân xá, cho miễn tội đồ, nhưng cách chức về làng làm dân đinh.

Cho thự Đô thống lĩnh Chưởng vệ viện Thượng tứ là Hồ Văn Hiển đổi lĩnh Đô thống Hữu quân ; thự Thống chế sung quản Thị vệ là Nguyễn Đình Phổ cai quản viện Thượng tứ.

Cho Tham tán đại thần quân thứ Bắc Ninh là Bùi Ân Niên lĩnh Tổng đốc Ninh - Thái. Ân Niên dâng sớ từ. Lại xin theo Dụ trước, chuẩn cho đương ốm cũng cố

gượng vào Kinh. Vua không nghe, bắt phải đi cung chức ngay. Phàm có việc gì khẩn cấp quan ngại, thì một mặt tư quan Khâm sai thương thuyết với quan Pháp, một mặt tư viện Cơ mật tâu lên. Nhưng nên cũng bàn định với các người đồng sự, việc gì cũng làm cho thoả đáng mới được. Rồi sau Ân Niên lại cáo ốm không đi cung chức.

Cho giảm 7 phần 10 về tiền thuế cửa tuần tỉnh Tuyên Quang. (Vì các tỉnh hạ du có việc chiến tranh, đường sông còn nghẽn, ít người buôn bán, cho nên giảm bớt).

Bộ Hộ tâu nói : Trung phi đã tôn làm Khiêm hoàng hậu. Lệ lương chưa bàn định. Xin chiểu lệ trên bậc thứ nhất mà chi lương (cả năm tiền 1.000 quan, gạo 300 phương). Vua nói rằng : Mẹ ta là Hoàng thái phi cùng Khiêm hoàng hậu đồng niên tiền gạo bao nhiêu, do 2 bộ Hộ, Lễ bàn định khác nhau cho có thứ bậc. Hay là như lệ mỗi năm cứ tháng 12, tiến lên cung Gia Thọ 10.000 quan tiền, thì châm chước tiến lên Hoàng thái phi 6.000 quan tiền, Khiêm hoàng hậu 4.000 quan. Nhưng hiện nay kho tàng chưa thừa thãi, việc tiến lương bổng của 2 vị ấy, nên châm chước nghĩ định thế nào cho thoả đáng, sẽ bắt đầu từ tháng giêng năm sau. (Rồi sau bàn định : Hằng năm, tết Nguyên đán dâng Hoàng thái phi 6 lạng vàng, 6.000 quan tiền, 1.000 phương gạo ; dâng Khiêm hoàng hậu 4 lạng vàng, 4.000 quan tiền, 800 phương gạo).

Tuần phủ Quảng Tây nước Thanh là Nghê Văn Uý đưa thư trả lời báo rằng : Nước Thanh sẽ sai sứ sang phong sắc. Vua sai Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Hữu Cư đi đến sứ quán nói cho sứ nước Pháp biết. (Rồi thì sứ nước Pháp đòi xem tờ biểu báo tang của nước ta và bản chính thư trả lời của Tuần phủ Quảng Tây. Vua lại sai viện Cơ mật và Thương bạc soạn giao cho họ xem).

Ban thưởng cho hoàng tử, hoàng nữ, cùng các người ở Dưỡng Thiện đường và từ hoàng thân, tước công đến các ngành tôn thất 19.550 quan tiền. (Lễ lên ngôi đã thành, đến bây giờ mới thưởng).

Nêu thưởng tiết phụ tỉnh Thanh Hoá (là Phan Thị Thơm, hạng thứ).

Dời đặt huyện lỵ huyện Minh Hoá (thuộc tỉnh Quảng Bình) đến trang Minh Cầm. (Trước huyện lỵ đặt ở phường Xuân Canh, núi ở xung quanh, khí độc nặng nề).

Tổng đốc Thanh Hoá là Tôn Thất Trường tâu nói Đề đốc Nam Định là Tạ Hiện dũng cảm, giỏi giang, đã từng đánh nhau với Pháp. Nay đã định hoà ước, để Hiện ở đấy không tiện. Thanh Hoá là quê hương nhà vua, chỗ đất quan trọng, xin đổi viên ấy làm Đề đốc, để giúp làm công việc. Nhưng hiện nay đã mộ nghĩa dõng, cáo ốm đi ở một chỗ. Phái viên Pháp đã đòi hắn không đến. Triều đình quan ngại là đổi viên ấy về tỉnh Thanh, lại sinh ra thanh tích. Vua không cho.

Sai tỉnh thần Bắc Ninh, Hưng Yên, chiếu số mẫu ruộng bổ thu tiền quyên. (Bắc Ninh ruộng hơn 390.200 mẫu, Hưng Yên ruộng 148.934 mẫu, chiếu số mỗi mẫu thu tiền quyên 15 đồng) để cung cấp cho lính các quân dinh (lúc ấy lính ở các quân dinh đóng ở tỉnh Bắc số nhiều, phu dịch, củi, dầu cần và nhiều. Cho nên, quyên thêm để cấp cho họ).

Dời đặt Văn miếu tỉnh Cao Bằng đến xã Ngọc Pha (gần tỉnh thành ấy).

Mùa đông, tháng 10, phái viên nước Pháp đem lính mộ đi đến đạo Mỹ Đức (thuộc Hà Nội) lấy hiếp 2 thớt voi đem về. (Lúc bấy giờ một toán lính mộ phao tin rằng đi lấy đạo Mỹ Đức. Phái viên nước Pháp đem quân đi dò bắt. Nhân thể lấy voi của ta dắt về trụ sở ở Hà Nội).

Đầu mục giặc ở Hà Nội là tên So họp bọn lũ (hơn 200 tên) sấn đến 2 xã Hương Quan, Ngãi Cầu (thuộc phủ Hoài Đức) cướp bóc đốt phá. Thự Đề đốc là Đặng Văn Tại đốc chiến, bị giặc giết chết. Người tuỳ phái (1 cử võ, 2 tên lính, 1 người dân) cũng có người bị chết. Ban cho hàm và tiền tuất có thứ bậc khác nhau. (Đặng Văn Tại tặng hàm Đề đốc, Võ cử là Trần Văn Xuân tặng hàm Cấm binh Đội trưởng ; lính 2 tên được tặng hàm Chánh bát phẩm ; dân 1 tên được tặng hàm Tòng cửu phẩm).

Vua lại sắc sai tỉnh thần nghiêm đốc Phó lãnh binh là Lê Thìn, Tri phủ là Phạm Ngọc Côn dò bắt cho được bọn lũ của giặc, để chuộc tội trước. (Lê Thìn, Phạm Ngọc Côn khi ấy không đến ứng cứu đuổi bắt, đều phải cách chức, lưu dụng).

Hải Phòng thuộc tỉnh Hải Dương có nhiều giặc cướp. Công sứ nước Pháp yêu cầu ta phái lính tỉnh (200 tên) đi Hải Phòng để đánh giặc. Vua y cho.

Phái viên nước Pháp đi đến tỉnh Hưng Yên xem hành cung, yêu cầu sửa làm trụ sở và hỏi số lượng tiền súng và khí giới.

Giảm 7 phần 10 thuế cửa tuần và giảm 4 phần 10 thuế thuốc phiện cho tỉnh Hưng Hoá.

Triệt Đề đốc Nam Định là Tạ Hiện và Đề đốc Hải Dương là Tôn Thất Hoè về Kinh. (Hoè từ khi phái viên Pháp mời đi Hải Phòng, liền giả cách ốm ở một nơi, không về làm việc. Phái viên Pháp đã tìm bắt, cho nên triệt về cả một thể. Hiện sau này được quan tỉnh Thanh Hoá đề đạt nói là quan nhà Thanh cấp cho ấn đề đốc uỷ cho đi liên lạc các quan, thân chiêu tập bọn nghĩa dõng, đợi quân nhà Thanh đến cùng họp làm việc. Viên ấy xin lưu lại đấy làm việc, để dân được yên ở, mà tiện việc thù tiếp).

Cho Lãnh binh Hà Nội là Trương Văn Hậu thăng thự Đề đốc. Phó vệ uý Hữu bảo là Vũ Văn Dũng thăng thự Đề đốc Hải Dương.

Rút bớt lương bổng của các viên biền thự Thanh bình. (Vì gặp quốc tang, bọn ca công không phải làm việc gì).

Tỉnh Thanh Hoá bị nạn bão, nước biển dâng lên kho chứa thóc tạm ở Ngọc Úc (thuộc cửa Bạng) gạo lương bị nước mặn thấm ướt. Bộ Hộ tâu xin cho tỉnh ấy tuỳ tiện phơi khô để chi phát lương cho khỏi để lâu hao nhiều. Vua theo lời tâu ấy, nhưng lại sai tỉnh thần khám xét, để giúp đỡ dân bị thiệt hại.

Lúc bấy giờ thân hào, xã dân ở Thừa Thiên, Quảng Trị cùng nhau đoàn kết, chiêu mộ dân dõng. Vua Dụ sai phủ doãn, tỉnh thần hiểu thị nghiêm sức để cho họ yên thường giữ phận, chớ phạm việc trái phép.

Thống lĩnh nước Thanh là Hoàng Quế Lan mộ thêm biền binh ở quân dinh, muốn vào thành tỉnh Bắc Ninh đóng quân. Tỉnh thần là Trương Quang Đản đem việc ấy tâu lên. Vua nói rằng : Họ nghe tin là không khỏi có lỗi. Nếu quan khâm sai có mồm mép biện bác cũng còn có cơ nói.

Ngày Canh Thân, kính dâng tôn thuỵ của Đại hành hoàng đế. Trước đây, vua Dụ sai bàn dâng thuỵ hiệu, Hoàng thân Tôn nhân, văn võ đình thần hội đồng bàn soạn. Đến bấy giờ tâu xin kính dâng tôn thuỵ chữ hay là : Kế thiên hanh vận, Chí thành đạt hiếu, Thể kiện đôn nhân, Khiêm cung Minh lược, Duệ văn Anh hoàng đế. Miếu hiệu gọi là Thành tổ. Vua y theo. Bèn dâng sách vàng, ấn vàng, dâng tôn thuỵ : Chữ trong kim sách rằng : Thần nghe : Tiên vương đặt ra thuỵ hiệu là bắt chước Mặt Trời sáng, thần tử muốn tỏ lòng tôn sùng, xưng là Trời để đặt tên hàm, cho nên khắc vào đỉnh đặt tên hiệu ở miếu, có biên chép vào sách vở, đức như thánh, công như thần, lời khen chung cả thiên hạ. Kính nghĩ : Đức Đại hành hoàng đế, đạo đức và việc làm sách hợp với trời đất, giúp đỡ sửa nên, bổ cứu chỗ thiếu của việc trời, công việc kính răn, kéo lại thịnh trị của vận nước. Đức sáng và chất thực ngày một mới thêm, học rộng khắp sâu sắc, thời thường tăng mãi. Lòng thành biểu hiện ở khi làm việc, càng lâu ngày càng rõ ràng, lòng hiếu tỏ ra ở khi phụng dưỡng, đáng truyền lại để làm phép. Sự thực cố gắng mạnh mẽ, bắt chước đạo trời, lòng nhân đãi ngộ ân cần, ơn trạch rộng khắp, khánh điển không chuộng hư văn, chương sớ không cho gọi là thánh, nhún thấp mình đúng với đức khiêm nhường, phiên vương miễn cho chầu lạy, đại thần ban cho bài thơ đãi người dưới, nghĩ hết đạo cung kính. Kể về thông minh thì biết khắp việc đời, không điều gì u ẩn là không biết ; kể về tài lược, thì biết trước cơ sự, tuỳ việc nên rắn mềm mà thi hành. Bụng nghĩ sửa chữa, lượng rộng cùng dáng nghiêm lòng vững mà đều tỏ ra ; văn chương thiên tài, lời hay cùng đức tốt công to mà đều không nát, 36 năm nối ngôi trời, làm rạng rỡ mưu tốt của thánh thần truyền nối ; kế ức nghìn năm để tiếng tốt, nên chính trị giáo hoá

như ngọc báu vàng mười. To như trời không hình dung nổi, chẳng phải thánh sao được thế ư ? Đương nghe lời chúc của Phong Nhân[1] như vua Đế Nghiêu, vội xót nỗi rơi cung ở Kinh Sơn[2] như Hoàng Đế. Một niềm nối noi không quên, kính nhờ phúc cả. Trong lòng ngợi khen khôn xuể, xin tiến tên hay. Nay đã chọn ngày tốt, cáo yết Giao, Miếu, tâu lên Từ cung, thân đem phủ Tôn nhân, các quan văn võ, kính đệ kim sách dâng tôn thuỵ là :

- Kế thiên hanh vận, Chí thành đạt hiếu, Thể kiện đôn nhân, Khiêm cung, Minh lược, Duệ văn Anh hoàng đế. Miếu hiệu là Thành tổ. Mong rằng : Xét soi lòng hiếu hưởng, nhận lấy xưng triệu tốt, sáng giọi đến trời, linh thanh còn mãi ; ban cho nhiều phúc, hưởng mãi không cùng.

Lễ dâng tôn thuỵ xong, sau một ngày ban ân chiếu 12 điều là :

- Hoàng thân là vương công, quốc công, quận công trong Kinh, ngoài các tỉnh, văn từ tứ phẩm, võ từ tam phẩm trở lên, dưới tên hiệu không chua là bị giáng cấp thì đều thưởng gia 1 cấp.

- Trong Kinh, ngoài các tỉnh, văn từ tứ phẩm, võ từ ngũ phẩm trở xuống, đều thưởng cho 1 tháng lương tiền và gạo.

- Hoàng tử chưa phong tước công, đợi đủ 3 năm, chuẩn cho phủ Tôn nhân hội đồng với bộ Lễ bàn tâu xin Chỉ làm sách phong.

- Công tử, công tôn, nhân viên tôn thất, ai có văn học giỏi giang, tài nghệ hơn người, không cứ đã làm quan hay chưa, đều do phủ Tôn nhân hội đồng với 2 bộ Lại, Binh sát hạch làm bản tâu lên, liệu cho bổ dùng.

- Những lăng tẩm của đế vương các đời, do quan địa phương khám xét, nếu có đổ nát thì thuê dân sửa chữa cho hoàn chỉnh ; nhưng nghiêm cấm dân sở tại không được hái củi ở đấy, để tỏ đạo hậu.

- Những đền thờ các lăng và nhà thờ ở Kinh, đều sai quan đến tế một tuần.

- Quan viên trong ngoài, nhân việc công lầm lẫn đã được giáng cấp, cách lưu, ai giáng 4 cấp trở lên, đổi làm giáng 3 cấp ; ai giáng 3 cấp, đổi làm giáng 2 cấp ; ai giáng 2 cấp, đổi làm giáng 1 cấp ; ai giáng 1 cấp thì cho khai phục cả. Ai bị cách lưu, đổi làm giáng 4 cấp, vẫn lưu làm chức sự.

- Những công tính (các người họ xa của nhà vua) ở tỉnh Thanh Hoá đều gia ân, ban cho tiền.

---

(1) Xưa vua Nghiêu đi chơi núi Hoạ Sơn, Phong Nhân (tên quan ngày xưa) xin chúc vua thọ, giàu, nhiều con trai.

(2) Ngày xưa vua Hoàng Đế đúc vạc ở Kinh Sơn, khi đúc xong, có con rồng ở trên trời xoà yếm và râu xuống đón, Hoàng đế cưỡi lên con rồng, các quan văn nắm lấy râu rồng, râu bị đứt rơi xuống, rơi cả cái cung của Hoàng đế xuống, trăm họ đón lấy cái cung ấy mà kêu khóc.

- Gia Miêu ngoại trang ở huyện Tống Sơn là quê quán nhà vua, thì gia ơn thưởng cho 1.000 quan tiền.

- Thuế lệ tiền, thóc về đinh, điền, thổ sản của người huyện Tống Sơn, trừ ra số thuế về sang năm phải nộp là bao nhiêu, đã có ân chiếu cho miễn cả rồi, ngoài ra chuẩn cho đem thuế lệ, tiền thóc về đinh điền về năm Hiệp Hoà thứ 2, thứ 3 và từ năm Hiệp Hoà thứ nhất đến năm thứ 3, hết thảy các thứ sai dịch đều cho miễn cả.

- Các địa phương có hiếu tử, thuận tôn, nghĩa phu, tiết phụ, do thượng ty xét hỏi kỹ, đem việc tâu lên, giao bộ xét tâu, đợi Chỉ cho nêu thưởng.

- Các người can án trốn tránh, từ ngày 13 tháng 10 năm Tự Đức thứ 36 trở về trước, không cứ là thủ phạm hay tòng phạm, nếu biết hối tội quay đầu về, đều cho đến quan địa phương sở tại mà ra thú, hạn trong 6 tháng là cùng, nhưng phải do thượng ty địa phương ấy đem tuổi, quê quán và tội trạng các tên ấy làm danh sách đưa vào bộ, làm bản tâu lên, đợi Chỉ cho giảm tội).

Sứ nước Pháp đưa thư nói nên cho quan binh nước ấy ra vào cửa thành, không nên nghiêm cấm quá. Duy các nơi cấm địa, nên cắm biển yết thị để cho họ biết mà tránh, không đi vào. Vua chuẩn cho quan Thương bạc thương thuyết rằng : Hiện nay 2 nước giao hoà, đi lại không có gì ngờ vực. Duy Bắc Kỳ còn phải bàn bạc hiểu bảo, vì dân tình chưa được yên ổn một loạt. Việc ấy nên hãy đình đợi đến lúc giao trả xong các tỉnh Bắc Kỳ sẽ bàn.

Bọn công tính quê ngoại ở quý huyện, quý hương đến Kinh làm lễ dâng hương (lễ phúng Tiên đế), đến lúc về, vua thưởng cho ngân tiền và sa có thứ bậc khác nhau. (Mỗi người 1 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn, 1 tấm sa thường).

Sứ nước Pháp cung tiến các phẩm nghi : (bội tinh hạng nhất 1 hộp cùng 1 lá thư ; súng 2 nòng 1 khẩu, súng ngắn đi ngựa 2 khẩu, súng lục 1 khẩu và đều có đồ phụ tùng chứa vào 1 hòm. Đồng hồ 3 cái, bình cắm hoa hạng lớn 3 cái, gấm tây tơ đậu có 5 sắc 1 tấm). Lại gửi tặng bội tinh cho Toàn quyền cũ là Trần Đình Túc.

Thống chế dinh Kỳ võ là Hồ Ngoạn lên thọ 70 tuổi. Vua ban cho 30 lạng bạc, sa Trung Quốc 1 tấm, sa nam, trừu nam, mỗi thứ 2 tấm. Sai Thị vệ là Vũ Văn Ty đem đến cấp cho.

Tán tương quân thứ Sơn Tây là Nguyễn Thiện Thuật (Cử nhân, người Hải Dương) nhận trát của quan nhà Thanh đem quân nhà Thanh về Hải Dương gọi họp quân nghĩa dõng, đánh nhau với Pháp, các nơi trong hạt ấy đều khởi quân để ứng theo. (Các toán quân khởi nghĩa đều do Thiện Thuật lĩnh văn bằng của quan nhà Thanh, từ đấy về sau thường thường đến sát tỉnh thành đánh nhau với Pháp, bên nào cũng có tử thương).

Tuy Lý vương Miên Trinh đến sứ quán (xin thuốc chữa bệnh), quan viện Cơ mật và Thương bạc đem việc ấy tâu lên. Vua cho triệu Miên Trinh vào nhà Duyệt Thị, truyền Chỉ bảo rằng sở ấy không nên đi lại luôn luôn. Vua lại phê bảo quan viện Cơ mật rằng : Thân vương ấy, tuổi cao đức tốt, lại có học thức, thực là người yêu nước trung thành, tưởng không ngại gì. Trẫm đã hỏi : Về sau có việc gì bàn bạc hay hỏi thăm viên sứ ấy thì sai cùng đi với đình thần cùng đến sứ quán, có được không ? Vương đã bằng lòng. Chuẩn cho về sau có hỏi thăm hay bàn bạc khoản gì, chuẩn cho thân vương ấy cùng đi với đình thần.

Thuyền giặc biển vào ăn cướp xã Hà Gián, châu Tiên Yên (thuộc tỉnh Quảng Yên), Lãnh binh Thuỷ đạo là bọn Hà Văn Thạc tuần phòng bất lực, đều phải giáng lưu.

Vua sắc sai tỉnh thần khẩn sức cho thuỷ đạo phải hết lòng tìm bắt, cho đường biển được yên ổn.

Bộ Binh tâu nói : Binh các dinh Vũ lâm, Cấm binh, Thần cơ ở Kinh (hơn 5.700 tên, trừ phái đi canh gác công tác các sở hơn 4.120 tên, hiện còn hơn 1.640 tên), hiện nay công việc kiến trúc đã thư, xin trích lấy 300 tên tuổi khoẻ mạnh (Vũ lâm 100 tên, Cấm binh 150 tên, Thần cơ 50 tên) cấp cho súng mở bụng, đến giáo trường đài Trấn Bình học tập ; còn lại hơn 1.340 tên thì lính ở Thần cơ chia đi 4 mặt trên thành, phân phái đi coi giữ súng đạn khí giới ; lính ở dinh Vũ lâm, Cấm binh, chọn người quản suất đem đến trường luyện tập như cũ. Vua nói rằng : Trừ ra người nào được huấn luyện thì không kể, còn như canh giữ các sở, cùng học tập súng mở bụng, chuẩn cho võ ban cùng khoa đạo chiểu lệ cắt lượt nhau đi tuần xét, cho khỏi nhàn rỗi khoáng khiếm.

Sai Thừa Thiên, Quảng Trị mua thóc gạo theo thị giá (2 - 3 vạn hộc) để dự bị cấp lương. (Vì cớ gạo ở kho Kinh có ít, mà phát lương nhiều).

Phái viên nước Pháp bắt Tuần phủ Hải Dương là Nguyễn Văn Phong, Tuần phủ Quảng Yên là Hoàng Vỹ (ngờ là giao thông với quân thứ Sơn Tây). Rồi thì đều đem xuống thuyền chở về Gia Định. Lại bắt Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Văn Thận, (Cử nhân, người Quảng Bình), Án sát là Vũ Ích Khiêm (Văn Thận nhiều lần tải thuốc súng và lương thực đi Sơn Tây, tờ tư của Thận bị người Pháp bắt được đem về Hà Nội, rồi đem Văn Thận ra bắn chết ; Ích Khiêm sau được tha, nhân cáo bệnh về nghỉ).

Cho thự Bố chính Hải Dương là Nguyễn Khắc Vỹ thăng lĩnh Tuần phủ Hải Dương. Thự Tuần phủ Quảng Trị là Đinh Nho Quang đổi thự Tuần phủ Hưng Yên.

Sứ Pháp cho mời Tuy Lý vương Miên Trinh đến sứ quán. Vua nhân thể sai đem các việc ở tỉnh, ở quân thứ về Sơn Tây, Bắc Ninh thương thuyết. (Lúc bấy giờ,

sứ Pháp đưa thư đến yêu cầu ta bỏ các quan quân thứ ở Sơn Tây, Bắc Ninh, cho nên vua sai đi thương thuyết bỏ việc ấy đi), sứ Pháp nhân xin vào chầu vua. Tuy Lý vương đem việc tâu lên. Vua lại sai Tuy Lý vương đi bàn định về nghi lễ yết kiến. Lại sai Tham tri bộ Lễ là Nguyễn Văn Thuý, Tham tri bộ Binh là Hà Văn Quan, Tham biện Nội các là Hoàng Hữu Thường cùng sung làm tiếp hộ sứ. Rồi sau sứ Pháp vào yết kiến vua ở điện Văn Minh, cất mũ vái một vái. Vua hỏi han yên ủi (hỏi thăm sức khoẻ của Giám quốc nước Pháp và yên ủi viên sứ ấy).

Ngày Đinh Sửu, Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết phế vua, giết đi và giết cả đại thần Trần Tiễn Thành. Lập Hoàng tử thứ 3 lên làm vua.

Trước đây, Phế đế đã nối ngôi, Tường, Thuyết cậy công tôn lập lên, việc gì cũng chuyên quyền làm bậy. Vua ghét 2 người ấy, muốn tước bớt quyền đi. Cho nên, ngoài mặt vẫn hậu đãi, quý trọng mà trong cũng ức chế nhiều. (Như việc đổi Thuyết sang bộ Lại, không cho giữ binh quyền. Lại tờ tâu của 6 bộ, đều giao cho Nội các duyệt tâu, không chuyên giao cho 2 người ấy). Gặp khi những người thân tín của vua là Tham tri bộ Lại Hồng Phì, Tham biện Nội các Hồng Sâm đều có tờ mật tâu xin bỏ kẻ quyền thần, vua nhân cùng Hồng Phì, Hồng Sâm mật mưu việc ấy. Tuy Lý vương Miên Trinh, Huyện công Hồng Tu đều có dự mưu. (Hồng Tu, Hồng Sâm đều là con Tuy Lý vương). Tường, Thuyết đã biết việc ấy. Vua lại muốn dùng mẹo để 2 người giết nhau. Triệu Văn Tường vào nói chuyện, thì bảo Văn Tường là người trung thành, vẫn rất tin cậy. Còn Thuyết rất ngang ngược, dặn Văn Tường tìm cách bỏ Thuyết đi. Thuyết vào hầu, vua cũng nói như thế. Hai người lại ra, đều đem lời nói ấy mật bảo nhau, nhân mưu việc bỏ vua mà lập vua khác. Thuyết bèn lấy cớ là Thuận An sau khi thất thủ, phủ hạt Thừa Thiên nên tự tìm cách bảo vệ gia hương, phát hổ phù [1] ra mật sai mộ nhiều hương dõng (nhưng sai người thân tín là Kỳ Nội hầu Hồng Chuyên, Phò mã Đặng Huy Cát chia nhau cai quản) để phòng sai khiến. Người ngoài chưa ai biết cả. Gần đây, phái viên nước Pháp nhân hoà nghị đến xin chầu yết. Hai người kiếm cớ tránh mặt, không dự việc ấy. Vua lại đặc cách sai Tuy Lý vương chuyên đi lại sứ quán bàn bạc. Hai người ngờ vua đem mưu ấy dặn Tuy Lý vương cầu cứu với người Pháp. Bèn vào ngày Bính Tý là ngày 29 tháng ấy, lúc canh hai, các cửa Hoàng thành, Kinh thành đã đóng kín, Thuyết thu hết cả chìa khoá cửa. Bèn trước nói dối là đêm ấy nghe nói ngoài thành có bọn bậy bạ họp kẻ dị dạng, xin tự điểm biền binh, mật phòng bị sẵn, biên ra, giao cho quan trực hầu tâu lên. Rồi ngoài thì phát ra hổ phù, sai họp tất cả mộ dõng ở bờ phía nam sông Hương. Trong thì đòi gọi các quân đều mang khí giới, do các viên Ông Ích Khiêm, Trương Văn Đễ đi trước dẫn đến đóng ở sở Tịch điền. Cho mời

(1) *Hổ phù* : là tín hiệu dùng để trưng triệu quân lính.

văn, võ đình thần người nào hiện ở ngoài Hoàng thành, cũng đến công đường bộ Hộ (chỗ Văn Tường ở). Hai người bảo rằng : Lãng quốc công nối ngôi đến nay, làm việc phần nhiều trái phép cũ ; lại gần gũi người bậy (ngầm chỉ bọn Hồng Phì, Hồng Sâm, Hồng Tu) người đều không phục. Nay nên xin bỏ đi, đón Hoàng tử thứ 3 lên nối nghiệp lớn. Lúc bấy giờ các quan đều vốn sợ uy lệnh của 2 người ấy, không ai dám nói điều gì khác, Hai người bèn một mặt dự làm tờ tâu, một mặt đem văn, võ đình thần chuyển đến sở Tịch điền. (Duy có Thượng thư bộ Công là Đoàn Văn Hội cáo ốm không đến). Sai đem tờ tâu lấy chữ các quan ký tên. Lúc bấy giờ đã trống canh tư, bèn sai Hậu quân là Nguyễn Hanh, Thị lang bộ Binh là Lê Đại, trích phái biền binh đi đến nhà Dưỡng Thiện ở Khiêm lăng (Hoàng tử thứ 3 nguyên ở Dưỡng Thiện đường, ở bên hữu nhà Duyệt Thị gần đấy, rước linh cữu Tiên đế ở điện Hoà Khiêm tại Khiêm cung. Hoàng tử thứ 3, theo đến ở nhà quan xá ngoài cửa Vụ Khiêm. Nhân thể cũng gọi là Dưỡng Thiện đường) đón Hoàng tử thứ 3. Lúc mờ sáng, về đỗ ở điện Quan Canh sở Tịch điền. Hai người cùng các quan ở sở ấy đều lần lượt lạy mừng. (Khi ấy, bọn Hanh mới đến đón, hoàng tử thứ 3 rất sợ hãi. Bọn Hanh ôm lên võng rước đi. Đến khi về đến nơi, hai người nói với hoàng tử thứ 3 là xin lập lên làm vua. Hoàng tử thứ 3 nói rằng ta còn bé, sợ không làm nổi. Hai người nói rằng : Tiên đế đã có ý ấy, nhưng chưa kịp làm. Nay là mệnh trời vậy. Xin nghĩ đến Tôn miếu, Xã tắc là quan trọng). Đến sáng rõ, (tức ngày Đinh Sửu là ngày 30 tháng 10), hai người thông báo cho các quan hiện túc trực đêm ở ấy ở trong Nội (văn trực thần là Tham tri Hà Văn Quan, võ trực thần là quyền Chưởng dinh Hùng nhuệ Trần Văn Cư, Tham biện viện Cơ mật là Hồ Lệ, Tham biện Nội các là Lê Duy Thuỵ, Thị vệ sứ đại thần là Tiền quân Tôn Thất Thạ đều đến họp. Lúc bấy giờ Đoàn Văn Hội cùng đến).

Khi đồng hồ 5 - 6 chuyển, vua mới biết là có sự biến. Hỏi đến những người trực hầu, thì chỉ có vài người cung Thái giám. Vội vàng thất thố, không biết làm thế nào, chỉ phải dự phê tờ chiếu nhường ngôi, để đợi.

Đến giờ Mùi, hai người đón Hoàng tử thứ 3 vào viện Cơ mật tạm nghỉ và đem tờ tâu bỏ vua cũ lập vua mới, tâu lên Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu lấy ý Chỉ để thi hành. Lại sai mở cửa mạn tây nam (ngày hôm ấy cửa 4 mặt Kinh thành đóng kín cả ngày), cho gọi các hoàng thân, cũng đều lục tục vào Tả vũ. Đến nơi thì ai cũng im lặng, chỉ trông nhau mà thôi. (Duy Tuy Lý vương, Hồng Tu, Hồng Sâm ở ngoài, nghe biết tin sợ bị vạ lây, bèn đem gia quyến đến chỗ phái viên Pháp đóng ở Thuận An cầu cứu. Hoàng Hoá công Miên Triện, Hải Ninh quận công Miên Tằng cũng sợ hãi đi mất. Sau đấy vài ngày, Hồng Phì đi công sai ngoài Bắc về, đến đầu địa giới Quảng Trị nghe biết tin tự cho là nguy, lập tức thuê thuyền đến hội với Tuy Lý vương. Sau vì phái viên Pháp giao trả về, cùng với Hồng Tu, Hồng Sâm đều bị nạn).

Lúc bấy giờ, vua sai thái giám là Trần Đạt đem tờ chiếu nhường ngôi, yêu cầu lui về chỗ phủ cũ. Hai người giả cách nhận lời, sai Tôn Thất Thạ đem võng đưa vua cùng phi tần nội cung cho về phủ cũ (ở địa phận xã Phú Xuân). Nhưng mật dặn riêng Ích Khiêm, Văn Đễ trực trước ở ngoài cửa Hiển Nhân, đón đường sai đưa vua đến nhà Hộ Thành, cho uống thuốc độc giết đi. (Hộ Thành nha nguyên trước là Dục Đức đường mới đổi tên. Lúc bấy giờ những phi tần đã cho về trước để hộ vệ đưa vua. Khi đến đấy, Ích Khiêm, Văn Đễ cho thuốc độc vào nước chè dâng lên, vua không chịu uống. Văn Đễ ra lạy khóc khuyên rằng : Vua tôi đến lúc biến không thể làm thế nào được. Vua nói rằng : Ta lại không được bằng Thuỵ quốc công à ? Còn lần chần không uống. Ích Khiêm bèn đem nước chè ấy đổ vào miệng vua. Lập tức phát lên như người phải gió. Một lúc lâu Trần Xuân Soạn ra truyền nói rằng : Nếu để chậm quá sẽ phải tội nặng, lập tức lấy tay bóp họng vua lè lưỡi, lồi mắt ra, rồi vua mới chết. Đến lúc đưa vua về phủ, thấy chỗ cổ họng vua sưng như cái cung giương lên, ai cũng thấy làm lạ). Ích Khiêm, Văn Đễ vào bảo rằng : Lãng quốc công đến đấy đã uống thuốc độc chết rồi. Hai người bèn rước Hoàng tử thứ 3 vào ở điện Hoàng Phúc, đợi sẽ chọn ngày tốt tôn lên làm vua.

Trần Tiễn Thành cùng 2 người ấy vẫn không bằng lòng nhau. Trước đây vì việc tuyên chiến, đã bị 2 người ấy tham hặc nhiếc móc, giận không quên được. Bọn Hồng Phì mật tâu xin bỏ cường thần, Tiễn Thành cũng có đi lại mật với nhau. (Tiễn Thành đêm thường ngầm đến dinh thự Hồng Phì bàn kín với nhau). Hai người đã biết. Cho nên việc Tiễn Thành cáo ốm xin về nhà riêng, đều do 2 người bắt buộc. Đêm hôm trước họp nhau ở sở Tịch điền, 2 người cũng có đem bản thảo tờ tâu đến tường với Tiễn Thành yêu cầu phải theo làm việc ấy. Tiễn Thành lại khước từ, nói rằng : Bỏ vua nọ lập vua kia, sao có thể làm mãi ? Tôi đã bãi chức về nhà, không dám dự việc ấy. Hai người lại càng ngờ mà ghét. Nhân thể đêm ấy cũng sai người đến giết Tiễn Thành ở nhà riêng. (Nhà ở ấp Doanh Thị Trung).

Ngày hôm sau (tức là mồng 1 tháng 11), hai người tâu xin chôn vua bằng lễ nghi quốc công, giao cho phủ Tôn nhân chiểu lệ chôn cất. Còn Tiễn Thành thì do phủ Thừa Thiên khám biên cho là bị kẻ cướp giết chết. Đến lúc việc phát ra, ai cũng biết là do 2 người ấy sai người giết, mà chả ai dám nói ra.

BẢNG SÁCH DẪN

ĐẠI NAM THỰC LỤC - CHÍNH BIÊN - *ĐỆ TỨ KỶ*

A

Á Lữ (xã) : 73
Ai Lao (nước) : 93, 468
Ái Nghĩa (sông) : 117, 118, 189, 213
An Biên (chợ) : 175
An Biên (đồn) : 245
An Biên (phố) : 197
An Bình (phân phủ) : 510
An Chinh (thôn) : 122
An Dụ (cửa biển) : 461
An Dương (huyện) : 165, 175, 242, 265, 510, 593
An Định (huyện) : 526
An Định (mỏ) : 119, 462
An Giang : 10, 81, 461
An Khê (xã, thôn) : 242, 243, 265, 542
An Hà (xã) : 375
An Lâm : 33
An Lập (châu) : 26
An Long : 36, 126, 128
An Phúc (huyện) : 160
An Phúc quận công : 582
An Sinh (xã) : 73
An Thành (huyện) : 73, 476
An-ti-lạp (tàu) : 163, 511
An Viên : 106
An Xuân (xã) : 476
Áng (vụng) : 184
Âu Dương Lân : 121
Âu Dương Tu : 123

B

Ba Bể : 343, 407, 441, 449, 452, 453, 471, 497, 500, 534
Ba-long-bô (khâm sứ Pháp) : 107, 109, 114

Ba Sát (sông) : 167

Ba Tô (trại) : 276

Ba Xã : 463

Bá Vân (xã) : 115

Bạch Cương Chính : 169

Bạch Đằng (sông) : 150, 313

Bạch Hạc (huyện) : 19, 535, 540

Bạch Hạc (sông) : 535

Bạch Quế Hương : 36, 162, 181, 201

Bạch Thông (huyện) : 154, 427, 534

Bái Đô (tổng) : 136

Bái Đô (xã) : 476

Bàn Văn Chiểu : 340

Bản Đàm (mỏ) : 425

Bản Lỗ (mỏ) : 425

Bản Quả : 109

Bành Thành : 229

Bao Vinh : 390

Bao Vĩnh (xã) : 44

Bảo Cố : 202

Bảo Định (đồn) : 148

Bảo Đức (thôn) : 122

Bảo Thắng : 85, 86, 150, 231, 232, 233, 234, 369, 370, 390, 427, 453, 512, 529, 530, 531, 536, 540

Bắc Cần : 314, 315

Bắc Kạn (đồn) : 51, 320, 371, 407, 409, 419, 422, 427, 440, 449

Bắc Kỳ : 7, 8, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 25, 38, 43, 44, 48, 51, 54, 68, 69, 80, 81, 86, 87, 92, 114, 115, 117, 119, 128, 133, 135, 136, 143, 150, 151, 152, 158, 159, 160, 161, 164, 165, 167, 179, 183, 186, 193, 194, 200, 202, 203, 211, 216, 225, 236, 243, 245, 250, 258, 260, 263, 266, 274, 276, 284, 287, 289, 290, 291, 293, 296, 299, 300, 301, 308, 310, 313, 314, 330, 334, 335, 336, 338, 339, 341, 344, 345, 354, 359, 369, 374, 380, 381, 382, 407, 408, 431, 438, 439, 443, 452, 456, 469, 481, 482, 489, 491, 494, 497, 499, 502, 505, 506, 509, 512, 513, 516, 519, 524, 527, 528, 529, 530, 538, 539, 540, 542, 543, 546, 547, 548, 551, 557, 566, 567, 568, 571, 572, 573, 574, 584, 586, 589, 590, 591, 592, 595, 596, 598, 601, 607

Bắc Ninh : 7, 16, 23, 34, 42, 53, 54, 64, 67, 71, 72, 73, 77, 78, 81, 84, 86, 88, 90, 100, 102, 103, 107, 112, 116, 117, 118, 119, 125, 126, 132, 134, 135, 138, 139, 141, 142, 143, 151, 157, 158, 162, 165, 176, 180, 184, 189, 190, 191, 195, 196, 199, 202, 215, 228, 233, 243, 245, 250, 258, 259, 263, 265, 273, 277, 281, 284, 285, 289, 299, 301, 304, 310, 313, 314, 315, 316, 318, 320, 332, 339, 348, 352, 354, 355, 363, 366, 367, 371, 373, 374, 375, 377, 382, 388, 389,

391, 406, 407, 408, 409, 410, 413, 417, 418, 419, 420, 424, 427, 433, 437, 438, 439, 441, 442, 447, 450, 452, 461, 462, 464, 477, 482, 483, 489, 490, 492, 493, 497, 498, 501, 505, 512, 513, 516, 519, 520, 525, 526, 527, 529, 531, 532, 533, 535, 538, 540, 541, 544, 546, 547, 548, 550, 551, 555, 557, 558, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 570, 572, 581, 582, 584, 585, 586, 589, 595, 602, 604, 605, 608, 609

Bắc Ninh (thành) : 243

Bắc Nòm (cửa biển) : 351

Bắc Pha : 109, 150

Bắc Quan : 440

Bằng Tường : 154, 317, 557

Bất Bạt (huyện) : 144, 200, 369, 456

Bế Lê : 429

Bế Thị Nhu : 179

Bế Tỷ : 398

Bi-di-o (quan ba Pháp) : 180

Biên Hoà : 456, 491, 547

Biện Sơn : 128

Biện Sơn (cửa biển) : 199

Biện Văn Giáo : 401

Bình Định : 6, 8, 12, 22, 55, 66, 77, 88, 104, 118, 122, 123, 124, 131, 136, 141, 143, 157, 162, 163, 179, 194, 196, 206, 213, 227, 235, 236, 242, 243, 244, 250, 253, 257, 274, 275, 276, 277, 281, 284, 293, 301, 306, 317, 325, 329, 333, 343, 346, 363, 368, 372, 377, 382, 383, 385, 391, 394, 410, 411, 412, 413, 414, 418, 420, 424, 425, 426, 432, 442, 447, 452, 455, 459, 461, 462, 468, 478, 479, 496, 502, 503, 510, 511, 523, 527, 531, 542, 547, 554, 567, 571, 581, 583, 587

Bình Định (trường thi) : 66, 77, 206, 250, 281, 284, 368, 442, 452, 531

Bình Lộc (xã) : 122, 276

Bình Phú (xã) : 202

Bình Thuận : 10, 17, 22, 28, 29, 39, 51, 56, 66, 72, 76, 79, 80, 101, 109, 114, 118, 121, 142, 148, 157, 158, 160, 162, 177, 192, 211, 225, 227, 235, 239, 244, 253, 256, 271, 272, 273, 277, 278, 286, 288, 296, 319, 366, 376, 377, 418, 425, 442, 455, 457, 459, 476, 480, 486, 491, 496, 504, 510, 511, 518, 523, 531, 538, 547, 554, 569

Bình Xuyên (huyện) : 510

Bô-đi (người Pháp) : 283, 313

Bô-giăng (tướng Pháp) : 178

Bô-liêm (người Pháp) : 244

Bồ Đề (xã) : 363

Bồng Sơn (huyện) : 201

Bùi Ái : 395

Bùi Ân Niên (tức Bùi Văn Dị) : 125, 180, 283, 339, 347, 356, 378, 390, 420,

432, 455, 464, 512, 519, 535, 544, 552, 557, 558, 559, 560, 562, 563, 565, 568, 570, 571, 582, 602
Bùi Duy Tê : 403
Bùi Duy Thiện : 394
Bùi Đình Kiêm : 290
Bùi Đình Ngữ : 401
Bùi Đình Tần : 340
Bùi Đình Trí : 402
Bùi Đăng Văn : 397
Bùi Đức Tụng : 396
Bùi Hiển : 436
Bùi Huy Phan : 395
Bùi Hy : 517
Bùi Ngọc Thụ : 422
Bùi Đức Tu : 465
Bùi Đức Tụng : 396
Bùi Mộc : 402
Bùi Nghi : 401
Bùi Phác : 301, 332, 366, 368
Bùi Phạm Thuỷ : 399
Bùi Phủng : 323
Bùi Quang Chu : 395
Bùi Tập : 156
Bùi Thái Bút : 42, 203
Bùi Thân : 402
Bùi Thức : 406
Bùi Thức Kiên : 40, 42, 511
Bùi Thức Tiên : 203
Bùi Tiến Tiêu : 376
Bùi Ước : 545
Bùi Văn Bài : 405
Bùi Văn Chiêm : 400
Bùi Văn Chính : 405
Bùi Văn Cộng (100 tuổi) : 130
Bùi Văn Dự : 400
Bùi Văn Đính : 185
Bùi Văn Đôn : 403
Bùi Văn Gương : 401
Bùi Văn Kình : 402
Bùi Văn Hà (100 tuổi) : 131
Bùi Văn Hạch : 399
Bùi Văn Hạnh : 398
Bùi Văn Hoá : 398
Bùi Văn Học : 402
Bùi Văn Lợi : 403
Bùi Văn Lực : 400
Bùi Văn Lương : 397
Bùi Văn Mông : 403
Bùi Văn Nhạ : 404
Bùi Văn Phác : 402
Bùi Văn Quế : 414, 455, 458, 465, 523
Bùi Văn Quý : 398
Bùi Văn Sách : 405
Bùi Văn Sán : 399
Bùi Văn Tân : 403
Bùi Văn Thiều : 400

Bùi Văn Thọ : 405
Bùi Văn Thú : 42
Bùi Văn Thung : 406
Bùi Văn Tiết : 399
Bùi Văn Trì : 405
Bùi Văn Trường : 399
Bùi Văn Túc : 400
Bùi Văn Từ : 400
Bùi Văn Tường : 404
Bùi Văn Việt : 399
Bùi Viện : 252, 323
Bùi Viết Hoá : 398
Bùi Viết Lương : 397
Bùi Viết Quy : 397
Bùi Viết Quý : 398
Bùi Vịnh : 395
Bùi Viết Vy : 185, 405
Bùi Xuân Đài : 398

C

Cam Cát (huyện) : 75
Cam Lộ (châu : 251
Cam Lộ (đạo) : 71, 165, 228
Cam Lộ (phủ) : 467, 510
Cam Môn (huyện) : 65
Cam Văn Giang : 404
Cảm Hoá (huyện) : 154, 458
Can Lộc (huyện) : 160
Cạn (tên đồn) : 198
Cảnh Dương (xã) : 420
Cao Bá Liên : 558
Cao Bằng : 26, 77, 78, 103, 109, 115, 118, 119, 143, 147, 148, 157, 162, 169, 174, 179, 180, 184, 186, 190, 193, 197, 198, 205, 209, 212, 213, 215, 225, 236, 239, 248, 250, 253, 262, 263, 270, 271, 277, 289, 301, 304, 308, 314, 317, 345, 358, 359, 367, 368, 369, 370, 372, 375, 377, 382, 391, 392, 393, 414, 415, 418, 419, 428, 429, 436, 438, 439, 441, 451, 466, 470, 471, 473, 481, 484, 490, 500, 501, 503, 506, 515, 538, 544, 548, 552, 557, 558, 566, 567, 569, 582, 586, 604
Cao Bá Đạt : 558
Cao Bỉnh Trâm : 223
Cao Bỉnh Tâm : 162, 320
Cao Đăng (xã) : 393, 435, 462
Cao Đằng (xã) : 64
Cao Đệ : 125
Cao Đức Mậu : 398
Cao Hữu Sung : 117, 189, 499, 537, 566
Cao Hữu Trung : 210
Cao Hữu Tuấn : 420

Cao Lô : 108
Cao Thập Nhị : 339
Cao Thọ Trương : 211, 452
Cao Thượng (xã) : 192
Cao Tình : 397
Cao Văn Hậu : 397
Cao Hổ : 401
Cao Văn Mỹ : 403
Cao Văn Trì : 400
Cao Văn Vũ : 403
Cáp Châu (đồn) : 537
Cáp Châu (sông) : 474, 496
Cát Bà : 164
Cát Ngạn (tổng) : 18
Cấm (sông) : 67, 176, 558
Cẩm Giàng (huyện) : 242, 595
Cẩm quốc công : 270
Cẩm Thuỷ (huyện) : 510, 526
Cẩm Xuyên (huyện) : 48
Cẩm Xuyên quận công : 228, 229, 270
Cần Chính (điện) : 107, 120, 267, 301, 302, 305, 327, 348, 456, 556, 575, 594
Cầu Giấy : 18, 551, 570, 583, 591, 596
Cổ Linh : 214
Cổ Loa : 73, 88
Cối Sơn (đồn) : 376
Côn Lôn (đảo) : 412
Côn Lôn (tổng) : 502
Cồn Cỏ : 181
Công Bật (xã) : 333
Công Luận (xã) : 151
Cơ-ki-loạt (người Pháp) : 462
Cơ Sa (huyện) : 86
Cù (đảo) : 323
Cù Lao (đảo) : 323
Cù Thản : 427, 462
Cự Linh (xã) : 452
Cương Gián (xã) : 319
Cửu An (sông) : 185, 188, 202, 299, 452

CH

Chanh (sông) : 150, 257, 259
Chanh Xuyên (sông) : 417
Chân Lộc (huyện) : 510
Châu Lạc (xã) : 476
Chí Đốc (nguồn) : 143, 201
Chiêm (hòn) : 164
Chiêm Đức (tức sông Thiên Đức) : 38, 150, 299, 418, 482, 567, 571
Chiêm Hậu (đội) : 497
Chiêm Hoá (châu) : 491, 510

Chiên Đàn (nguyên) : 419, 460

Chính Thượng (giáp) : 462

Chính yếu bảo huấn (tên sách) : 255

Chế Trang (trại) : 276

Chợ Dã : 515

Chợ Mới (đồn) : 320, 324, 409, 422, 449, 452, 471

Chu Bỉnh Lâm : 310, 319, 358, 473

Chu Bỉnh Lân : 550

Chu Bố (đồn) : 310, 319, 490, 501

Chu Duy Chẩn : 320

Chu Duy Tĩnh : 104

Chu Duy Trinh : 102

Chu Đình Kế : 8, 19, 34, 166, 225, 274, 306, 316, 330, 432, 445, 514, 580, 590, 591

Chu Kiến Tân : 9, 23, 128

Chu Nghĩa Hợp : 409

Chu Thành Huy : 169

Chu Thành Quang : 184

Chu Tường Lân : 51, 83

Chu Văn Khoa : 509

Chu Văn Sâm : 401

Chu Văn Thân : 400

Chu Văn Thi : 402

Chu Văn Tỷ : 406

Chu Văn Viện : 401

Chử Biểu : 401

Chử Đức Kham : 436

Chương Đức (huyện) : 15, 17, 52, 156, 435, 500, 510, 552

D

Di-bô-lê (linh mục người Pháp) : 194

Diên An : 202, 550, 585

Diên Đốc : 289

Diên Tự công : 94

Diệp Phùng Xuân : 566

Diệp Thành Lâm : 181, 196, 215, 285, 346

Diệu Đế (chùa) : 348

Doãn Chính : 398

Doãn Đê : 399

Doãn Khuê : 42, 81

Diệp Văn Tứ : 403

Du-bi-lê (tướng Pháp) : 9, 15, 69, 83, 107, 155, 163, 178, 253

Du Khoan : 540

Du Xuyên (đồn) : 43

Dục Thuý (núi) : 602

Duy Xuyên (huyện) : 117, 118, 196, 372, 510, 554

Dương Bá Nghị : 167

Dương Công Đàn : 400
Dương Danh Nhung : 397
Dương Doãn Am : 301
Dương Đại : 241
Dương Đại Gia Hoả : 569
Dương Đình Hoà : 207
Dương Đình Nho : 402
Dương Đình Tín : 124
Dương Đức Hoá (100 tuổi) : 33
Dương Đức Thông : 463
Dương Đức Tiến : 399
Dương Huy Đẩu (100 tuổi) : 527
Dương Khuê : 156, 326, 330
Dương Liệt (xã) : 159
Dương Như Chấn : 395
Dương Như Huy : 401
Dương Phú Liễm : 398
Dương Quán : 344
Dương Quang Chúng : 395
Dương Sự : 406
Dương Thành : 241
Dương Thông : 403
Dương Trọng Nhã : 286, 314, 324
Dương Trí Luận : 406
Dương Trứ Ân : 408, 453
Dương Văn Ảnh : 404
Dương Văn Bản : 405
Dương Văn Biến : 403
Dương Văn Cửu : 395
Dương Văn Chuẩn : 396
Dương Văn Kiểm : 398
Dương Văn Kiều : 104
Dương Văn Kim : 401
Dương Văn Hoàn : 403
Dương Văn Lịch : 402
Dương Văn Lộc : 404
Dương Văn Miễn : 403
Dương Văn Phiến : 406
Dương Văn Phong : 396
Dương Văn Phối : 568
Dương Văn Tiền : 400
Dương Vĩnh Tế : 405
Dương Xuân (xã) : 139, 295, 543

Đ

Đà (sông) : 150, 369
Đa Nghi (cảng) : 420
Đa Phúc (huyện) : 313, 365, 408
Đa Phúc (xã) : 476
Đà Nẵng : 38, 128, 185, 230, 244, 412, 544, 563
Đà Nẵng (cửa biển) : 412, 563

Đài Đồn : 69
Đái Duy Tuý : 401
Đại Cát (đồn) : 591
Đại Điền (xã) : 122, 281
Đại Đồng : 36
Đại Mỗ (làng) : 37
Đại Mộc Căn (rừng) : 320
Đại Mỹ (xã) : 122
Đại Nam : 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 98, 385, 386, 387, 415, 551
Đại Nam nhất thống chí (tên sách) : 533
Đại Nam tu trân điển lệ hội biên (sách) : 105
Đại Từ (huyện) : 23, 115, 154, 408
Đái Duy Tuý : 401
Đàm (họ) : 338, 471, 481
Đàm Ban : 192
Đàm Chí Thành : 279, 373, 548
Đàm Danh Thanh : 400
Đàm Ông : 375, 376, 378, 384
Đàm Quang Văn : 23, 148, 212, 226, 420
Đàm Tứ : 214
Đàm Tứ Tỷ : 203, 205, 212, 419, 548
Đàm Văn Ngũ : 404
Đám Dài : 96, 158
Đan Quế (cảng) : 420
Đảng Mẫn Tuyên : 310
Đào Công Cao : 405
Đào Ngọc Ẩm : 405
Đào Ngọc Vinh : 401
Đào Thuận : 398
Đào Tiến : 583
Đào Trọng Kỳ : 66, 115
Đào Văn Cốc : 399
Đào Văn Chiểu : 403
Đào Văn Đoan : 436
Đào Văn Hán : 401
Đào Văn Huân : 397
Đào Văn Hứa : 372
Đào Văn Luyện (100 tuổi) : 33
Đào Văn Tồn : 405
Đào Văn Tuyên : 403
Đào Việt Liêm : 526
Đạo Khê (sông) : 202
Đáp Cầu : 175, 433, 566, 572
Đáy (sông) : 150
Đằng Huy (tàu) : 37, 53, 101, 164, 178, 184, 211, 262
Đặng Ất : 395
Đặng Bá Bỉnh : 402
Đặng Bá Quán : 395
Đặng Cố : 403
Đặng Công Huy : 396
Đặng Duy Ngọ : 41, 42
Đặng Duy Trinh : 248
Đặng Đăng Khoa : 401
Đặng Đình Bàn : 436

Đặng Đình Hợp : 185
Đặng Đình Huy : 319
Đặng Đình Lưu : 399
Đặng Đình Quang : 436
Đặng Đình Thú : 406
Đặng Đức Đạt : 245
Đặng Đức Địch : 478, 556, 581
Đặng Đức Hoài : 405
Đặng Đức Mai : 275
Đặng Đức Vy : 404
Đặng Huy Cát : 609
Đặng Huy Hoán : 186
Đặng Huy Trinh : 402
Đặng Huy Trứ : 64
Đặng Hữu Chính : 397
Đặng Hữu Chuẩn : 156
Đặng Hữu Khuê : 395
Đặng Hữu Thính : 405
Đặng Mạo : 401
Đặng Như Mai : 8, 23, 66
Đặng Phác (tức Đặng Ngọc Phác, Ngọc Cầu) : 38
Đặng Soạn : 401
Đặng Tá : 508
Đặng Toán (Kim Toản) : 41, 409
Đặng Toản : 374, 389
Đặng Tri Nghị : 403
Đặng Tứ : 402
Đặng Tường Ký : 245
Đặng Văn Bách : 397
Đặng Văn Bính : 405
Đặng Văn Chất : 405
Đặng Văn Do : 405
Đặng Văn Duy : 272
Đặng Văn Dửa : 436
Đặng Văn Khải : 395
Đặng Văn Kiều : 9, 19, 26, 247
Đặng Văn Hoà : 156
Đặng Văn Lang : 398
Đặng Văn Nhàn : 586
Đặng Văn Phong : 396
Đặng Văn Siêu : 40, 41, 203
Đặng Văn Tại : 546, 604
Đặng Văn Thịnh : 405
Đặng Văn Tiếp : 573
Đặng Văn Tính : 402
Đặng Văn Tú : 396
Đặng Văn Tỷ : 404
Đặng Văn Uyên : 400
Đặng Văn Ứng : 323
Đặng Vu : 403
Đặng Xuân Bảng : 27, 41, 203
Đầm Hà : 281
Đầm Lộng : 108
Đèo Con (xứ) : 48
Điểm Hy (đồn) : 427
Điền Duy Lợi : 405

Điền Phúc Chí : 310
Điền Văn Cẩn : 405
Điền Văn Kiến : 406
Điền Văn Tái : 405
Điện Bàn (phủ) : 510
Điêu Văn (họ) : 392
Điêu Văn Bảo : 535
Điêu Văn Xanh : 346, 421, 429, 535
Điều Nha (đê) : 202
Đinh Bảo : 514
Đinh Công Dưỡng : 401
Đinh Công Khiêm : 402
Đinh Đại : 236, 343
Đinh Gia Lễ : 543
Đinh Hội : 41, 223, 332, 366, 367, 413, 517
Đinh Hữu Hoạch : 397
Đinh Hữu Thịnh : 395
Đinh Khắc Khải : 521
Đinh Khắc Khiêm : 405
Đinh Nho Điển : 125
Đinh Nho Quang : 447, 478, 556, 608
Đinh Quán Trinh : 77, 209, 425, 429, 440, 463
Đinh Tiên Hoàng : 72
Đinh Thanh : 398
Đinh Trân : 397
Đinh Triệu Đông : 395
Đinh Tử Lượng : 492, 580, 588, 597
Đinh Văn Chất : 125, 546
Đinh Văn Doanh : 398
Đinh Văn Dụng : 403
Đinh Văn Đảo : 406
Đinh Văn Đắc : 405
Đinh Văn Định : 403
Đinh Văn Giản : 320, 352, 598
Đinh Văn Khoa : 398
Đinh Văn Khôi : 406
Đinh Văn Hanh : 405
Đinh Văn Hạnh : 185
Đinh Văn Hoàn : 185
Đinh Văn Hùng : 405
Đinh Văn Mưu : 406
Đinh Văn Sắt : 405
Đinh Văn Thuận : 406
Đinh Văn Thược : 405
Đinh Văn Tiến : 200
Đinh Văn Tuệ : 405
Đinh Văn Tuỳ : 406
Đinh Văn Tuyển : 403
Đinh Văn Tự : 405
Đinh Văn Vinh : 423
Đinh Văn Xâm : 185
Đinh Văn Xuân : 403
Đinh Viết Tân : 511
Đinh Vĩnh : 402
Định Châu (huyện) : 154

Định Tường : 10, 256
Đoan Hùng (phủ) : 36, 371, 391, 392, 415, 437, 476, 510
Đoan Lễ (đồn) : 64
Đoàn Chiểu : 403
Đoàn Của : 399
Đoàn Dao : 317, 329, 333
Đoàn Đại Lợi : 383, 422
Đoàn Hùng : 396
Đoàn Huyền : 41, 42
Đoàn Khắc Nhượng : 293, 307, 317, 329, 334, 354, 360, 383, 411, 458
Đoàn Lộc : 398
Đoàn Như Bích : 17
Đoàn Phổ Thu : 398
Đoàn Thọ : 41, 42, 110
Đoàn Tiến Thiện : 121, 517
Đoàn Văn Bàng : 398
Đoàn Văn Bảng : 406
Đoàn Văn Bích : 398
Đoàn Văn Cơ : 400
Đoàn Văn Điểm : 183
Đoàn Văn Đồng : 403
Đoàn Văn Hiệp : 287
Đoàn Văn Hội (tức Văn Bình) : 76, 165, 263, 477, 556, 582, 591, 594, 602, 610
Đoàn Văn Nở : 405
Đoàn Văn Phát : 403
Đoàn Văn Thảo : 405
Đoàn Văn Trọng : 398
Đoàn Văn Tuân : 400
Đoàn Văn Ý : 402
Đồ Văn Sở : 398
Đỗ Bình : 404
Đỗ Đăng Lân : 569
Đỗ Đệ : 39, 50, 180, 271, 316, 374, 421, 455, 477, 492, 504
Đỗ Đức Số : 404
Đỗ Huy Điển : 125, 447, 478, 587
Đỗ Huy Liêu : 339, 340, 493
Đỗ Kiêm Hoạt : 404
Đỗ Lễ : 404
Đỗ Nhị : 420
Đỗ Phát : 26, 42, 81, 469
Đỗ Phú Vinh : 403
Đỗ Quang : 74, 342
Đỗ Quang Thưởng : 403
Đỗ Quang Tuấn : 275
Đỗ Thiện Kế : 125
Đỗ Trình Thuỵ : 400
Đỗ Trọng Vĩ : 320, 366
Đỗ Tuần : 397
Đỗ Văn Ái : 414
Đỗ Văn Bàn : 400
Đỗ Văn Chức : 401
Đỗ Văn Đãi : 402
Đỗ Văn Đạt : 404
Đỗ Văn Kinh : 404

Đỗ Văn Học : 405
Đỗ Văn Hội : 405
Đỗ Văn Mao : 396
Đỗ Văn Mão : 398
Đỗ Văn Phả : 402
Đỗ Văn Phấn : 399
Đỗ Văn Phẫn : 402
Đỗ Văn Sơn (100 tuổi) : 174, 405
Đỗ Văn Tài (100 tuổi) : 527
Đỗ Văn Thân : 403
Đỗ Văn Thiết : 404
Đỗ Văn Thôn : 242
Đỗ Văn Trưng : 403
Đỗ Văn Tuyển : 442
Đỗ Văn Vinh : 403
Đỗ Xuân Lễ : 436
Độc Bộ (đồn) : 106
Đồi Mồi (đảo) : 588
Đội Trà : 43
Đồn Thuỷ : 109, 515, 560, 562, 589
Đồn Sơn (xã) : 175
Đông An (cửa cung thánh) : 492
Đông An (huyện) : 151, 258, 260, 299, 549
Đông Anh (huyện) : 196, 313, 568
Đông Lỗ : 106, 192
Đông Lôi : 290
Đông Mỗ (bến tuần) : 51
Đông Ngạc (xã) : 37
Đông Ngạn : 72, 73, 196
Đông Thái (thôn) : 126
Đông Thành (huyện) : 73, 421
Đông Thành (sông) : 522
Đông Triều (huyện) : 49, 53, 73, 165, 175, 318, 338, 513
Đông Triều (núi) : 313
Đông Triều (tên cung) : 347
Đông Văn Nghiệp : 403
Đông Viên (đồn) : 342, 343, 436, 437, 471
Đông Xương (xã) : 476
Đồng Binh (đồn) : 64
Đồng Hòa (mỏ) : 462
Đồng Hỷ (huyện) : 24, 154, 392, 408
Đồng Sĩ Vịnh : 37, 38, 80, 264, 326, 542, 560, 565
Đồng Văn (phố) : 174
Đồng Văn (xã) : 437
Đồng Văn (xứ) : 451
Đống Dương (kênh) : 363
Đức Bố (xã) : 196
Đức Hòa (kho) : 460
Đức Lân (tổng) : 160
Đường An (huyện) : 242, 584
Đường Cảnh Tùng : 550, 568, 572, 591
Đường Đình Canh : 463, 485, 489, 506, 550, 551

Đường Hào (huyện) : 197, 242, 371, 510, 595

Đường Long (xã) : 127

Đường Thiên (ấp) : 211

Đường Văn : 184, 204, 205, 212, 214, 215, 245

E

E-mi-ly (Toàn quyền Pháp) : 48

G

Gà Văn Hân : 400

Gia Bình (huyện) : 73, 510

Gia Định : 7, 8, 10, 11, 12, 14, 15, 22, 48, 56, 62, 65, 68, 71, 76, 80, 83, 94, 101, 107, 109, 115, 125, 139, 155, 163, 166, 178, 203, 251, 252, 253, 270, 317, 319, 352, 387, 412, 419, 465, 467, 476, 478, 480, 491, 496, 511, 513, 523, 528, 554, 569, 571, 572, 573, 589, 608

Gia Định (thành) : 12, 15, 62

Gia Long : 104, 123, 161, 168, 208, 248, 497, 585

Gia Thọ (cung) : 78, 120, 267, 301, 305, 327, 328, 348, 580, 584, 603

Gia tô (đạo) : 511, 557

Gia Viên (xã) : 121

Giang Sân (sách) : 433

Giao Thuỷ (huyện) : 469

Giáp Văn Mưu : 404

H

Hà Bắc (tổng) : 150

Hà Châu : 200, 211

Hà Cối : 198, 281

Hà Cối (sông) : 198

Hà Cối (xã) : 376

Hà Danh Cát : 404

Hà Duy Phiên : 22, 157

Hà Duy Phương : 157

Hà Dương : 128, 369

Hà Đông (huyện) : 274, 365, 460, 510

Hà Đồng : 405

Hà Hổ : 396

Hà Nam (tổng) : 150

Hà Nguyệt : 396

Hà Niệm Thượng : 43

Hà Niệm Trung : 43

Hà Nội : 6, 7, 8, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 21, 23, 26, 34, 37, 39, 40, 41, 42, 43, 49, 51, 53, 54, 63, 64, 65, 66, 67, 70, 76, 77, 81, 87, 95, 103, 109, 111, 112, 119, 124, 130, 138, 139, 141, 142, 143, 144, 151, 153, 154, 155, 156, 157, 159, 162, 164, 170, 171, 176, 180, 183, 185, 186, 190, 192, 194, 202, 203, 206, 209, 213, 215, 223, 229, 245, 251, 252, 256, 257, 258, 259, 262, 263, 265, 273, 274, 275, 277, 278, 279, 280, 281, 284, 285, 289, 290, 299, 301, 306, 310, 314, 315, 317, 323, 326, 330, 332, 333, 340, 344, 352, 354, 366, 367, 369, 370, 371, 372, 375, 376, 377, 380, 383, 385, 386, 390, 391, 393, 394, 395, 397, 407, 408, 410, 414, 418, 424, 425, 431, 433, 435, 442, 446, 447, 452, 459, 461, 462, 464, 468, 473, 476, 477, 480, 482, 483, 486, 489, 490, 491, 492, 497, 499, 500, 502, 511, 512, 513, 516, 518, 519, 520, 523, 526, 529, 533, 535, 536, 538, 539, 543, 546, 547, 550, 551, 552, 554, 558, 559, 560, 562, 564, 565, 569, 570, 571, 572, 583, 584, 586, 587, 589, 596, 598, 599, 604, 608

Hà Nội (trường thi) : 7, 37, 66, 77, 206, 281

Hà Phúc Điện : 404

Hà Quyền : 342, 545

Hà Thanh (phủ) : 160

Hà Thành (phủ) : 510, 518, 519, 520, 524, 530, 535, 536, 538, 539, 541, 547, 552, 559, 560, 565, 569

Hà Tiên : 10, 534

Hà Tĩnh : 9, 22, 23, 24, 25, 27, 34, 37, 39, 43, 48, 49, 50, 51, 64, 66, 74, 75, 108, 110, 111, 130, 132, 136, 142, 153, 160, 162, 164, 165, 167, 178, 179, 184, 186, 203, 235, 236, 242, 257, 263, 273, 276, 282, 287, 288, 292, 294, 319, 329, 330, 352, 354, 377, 382, 394, 395, 408, 410, 418, 426, 442, 454, 455, 461, 470, 477, 487, 492, 502, 522, 526, 533, 534, 538, 540, 543, 544, 565, 566, 568, 569, 583, 587, 602

Hà Trung : 526, 557

Hà Văn Câu : 399

Hà Văn Dưỡng : 402

Hà Văn Đẩu : 365

Hà Văn Giới : 569

Hà Văn Lưu : 397

Hà Văn Mão : 397

Hà Văn Niên : 399

Hà Văn Quan : 166, 187, 234, 239, 240, 414, 455, 462, 503, 504, 597, 609, 610

Hà Văn Sĩ : 404

Hà Văn Thạc : 554, 608

Hà Văn Thành (người Hà Nội) : 397

Hà Văn Thành (người Thừa Thiên) : 397

Hà Văn Trung : 38, 489

Hà Văn Vọng : 326

Hạ Hòa (huyện) : 275, 476

Hạ Xá (xã) : 37

Hải Dương : 6, 12, 16, 18, 19, 21, 34, 37, 41, 49, 54, 65, 67, 71, 73, 76, 77, 79, 87, 90, 91, 93, 95, 99, 102, 108, 109, 110, 112, 115, 119, 121, 124, 125, 126, 131, 134, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 147, 151, 157, 159, 160, 162, 165, 174, 175, 176, 180, 189, 190, 193, 197, 198, 202, 213, 215, 223, 228, 232, 234, 242, 244, 251, 255, 256, 258, 259, 263, 273, 274, 277, 281, 283, 284, 286, 288, 290, 296, 299, 301, 304, 306, 310, 314, 318, 319, 332, 333, 338, 344, 348, 352, 368, 369, 370, 371, 372, 376, 377, 385, 389, 407, 408, 409, 410, 413, 417, 418, 424, 429, 431, 432, 438, 439, 441, 442, 443, 447, 451, 452, 458, 459, 461, 462, 464, 466, 473, 474, 480, 481, 483, 489, 491, 492, 497, 500, 505, 509, 511, 512, 513, 515, 516, 519, 523, 524, 528, 533, 534, 535, 544, 546, 551, 556, 557, 558, 559, 560, 563, 566, 569, 570, 573, 582, 584, 590, 591, 593, 595, 596, 598, 604, 607, 608

Hải Lăng (huyện) : 277, 420, 510

Hải Ninh (cửa biển) : 59, 385

Hải Ninh (phủ) : 23, 28, 88, 90, 108, 137, 147, 211, 226, 231, 232, 233, 281, 315, 320, 376, 459, 498, 506, 510, 533

Hải Ninh quận công : 610

Hải phòng (nha) : 37, 391, 462, 524, 570, 576

Hải Vân (ải) : 293, 407

Hải Yến (xã) : 150, 309

Hàm Thuận (phủ) : 253, 457, 476

Hàm Yên (huyện) : 73, 105, 124, 374, 392, 491, 510

Hàn Diên Thọ : 289

Hát (sông) : 150, 573

Hạt Ông (mỏ) : 425

Hầu Cao Đạo : 397

Hầu Lợi Trinh : 469

Hậu bảo (vệ) : 243

Hiên (tên người) : 50

Hiền Lương (đền) : 23, 235, 268

Hiệp Hòa (huyện) : 408

Hiệp Khánh Vân : 285

Hiếu Tư (điện) : 72

Hòa An (phủ) : 510

Hòa Đa (huyện) : 72, 225, 265

Hòa Khiêm (điện) : 72, 575, 576, 593, 610

Hoà Quân (đồn) : 537, 590

Hòa Vinh (huyện) : 196, 274, 372, 433, 510

Hoả Đại Gia : 427

Hoả Xá (nước) : 179, 308, 348

Hoài An (huyện) : 39

Hoài Đức (phủ) : 570, 571, 591, 597, 604

Hoài Nhân (phủ) : 510

Hoài Yên (huyện) : 156, 435

Hoàng Anh : 26, 33, 36, 50, 65, 67, 77, 86, 100, 101, 107, 109, 128, 133, 135, 199

Hoàng Bá Thành : 398

Hoàng Câu : 397

Hoàng Côn : 239, 572, 594

Hoàng Công Hán : 404

Hoàng Cộng : 398

Hoàng Cù : 41, 203

Hoàng Diên Nho : 301

Hoàng Diệu (tức Hoàng Kim Tích) : 158, 158, 250, 256, 295, 296, 307, 316, 317, 334, 341, 347, 374, 390, 435, 476, 503, 504, 513, 518, 527, 530

Hoàng Duật : 396

Hoàng Đại : 420, 467, 481

Hoàng Đại Tài : 419

Hoàng Đình Huân : 185

Hoàng Đình Lệ : 581

Hoàng Đình Thượng : 96, 135, 158, 178, 211

Hoàng Đình Trữ : 401

Hoàng Đức Đính : 110

Hoàng Đức Lợi : 399

Hoàng Đức Mậu : 403

Hoàng Đức Ngư : 131

Hoàng Hiền Lộc : 399

Hoàng Hữu Chiểu : 396

Hoàng Hữu Ích : 406

Hoàng Hữu Tài : 396

Hoàng Hữu Thường : 125, 519, 580, 590, 609

Hoàng Hữu Xứng : 43, 170, 242, 251, 377, 390, 476, 503, 518, 529, 530

Hoàng Khoan : 406

Hoàng Kiểm : 396

Hoàng Ký Chính : 402

Hoàng Lâm : 224

Hoàng Lô : 396

Hoàng Mai (xã) : 43, 44

Hoàng Ngọc Bạch : 169

Hoàng Ngọc Chung : 308, 395

Hoàng Ngọc Liên : 373

Hoàng Ngọc Quang : 549

Hoàng Nhị : 310, 419

Hoàng Phan Lâm : 380

Hoàng Phiên : 395

Hoàng Phúc : 575, 579

Hoàng Phúc Lễ : 398

Hoàng Quế Lan : 464, 473, 501, 503, 525, 535, 544, 558, 566, 572, 605

Hoàng Sùng Anh : 231, 359

Hoàng Tá Viêm (tức Hoàng Kế Viêm) : 18, 23, 24, 27, 33, 36, 43, 50, 65, 67, 77, 85, 86, 90, 95, 100, 107, 111, 116, 118, 119, 125, 133, 135, 137, 138, 140, 141, 144, 152, 168, 169, 170, 174, 181, 196, 198, 199, 200, 203, 209, 211, 213, 214, 217, 223, 224, 231, 232, 239, 241, 248, 250, 253, 257, 258, 260, 266, 270, 276, 277, 279, 280, 288, 300, 301, 306, 310, 314, 319, 320, 324, 332, 339, 343, 346, 352, 354, 356, 359, 367, 369, 373, 374, 377, 382, 388, 390, 391, 409, 410, 419, 421, 427, 428, 431, 432, 436, 440, 449, 450, 456, 464, 465, 467, 472, 473, 476, 497, 499, 500, 509, 512, 513, 516, 518, 519, 526, 528, 529, 530, 531, 535, 536, 540, 543, 547, 550, 552, 557, 560, 560, 561, 563, 564, 565, 568, 569, 570, 572, 574, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 591, 596, 597, 598

Hoàng Tái : 498

Hoàng Tạo : 38, 262, 396

Hoàng Tài Gia : 279

Hoàng Tam : 467, 473

Hoàng Tất Văn : 403

Hoàng Thâm : 153, 426

Hoàng Thậm : 402

Hoàng Thế Viên : 405

Hoàng Thủ Trung : 324, 390, 436, 440, 452, 490, 501, 506, 550, 570

Hoàng Thức : 426

Hoàng Tiến Văn : 384

Hoàng Tiến Quốc : 399

Hoàng Toản : 396

Hoàng Trọng Túc : 339, 340

Hoàng Tuấn Phương : 531

Hoàng Tường Anh : 260

Hoàng Tướng Hiệp : 41, 78, 165, 202, 242, 248, 260, 301, 340, 373, 374, 378, 451, 543, 582

Hoàng Văn Bằng : 406

Hoàng Văn Bích : 396

Hoàng Văn Bình : 404

Hoàng Văn Cảnh : 404

Hoàng Văn Cưu : 396

Hoàng Văn Dị : 402

Hoàng Văn Diễn : 308

Hoàng Văn Do : 403

Hoàng Văn Đàm : 404

Hoàng Văn Đức : 406

Hoàng Văn Đường : 400

Hoàng Văn Giảng : 396

Hoàng Văn Hao (100 tuổi) : 33

Hoàng Văn Hoè : 492, 493

Hoàng Văn Huân : 404

Hoàng Văn Hựu : 403
Hoàng Văn Khánh : 400
Hoàng Văn Khoát : 403
Hoàng Văn Kình : 398
Hoàng Văn Ký : 401, 402
Hoàng Văn Liễu : 395
Hoàng Văn Linh : 404
Hoàng Văn Long : 406
Hoàng Văn Lưu : 527
Hoàng Văn Mãi : 396
Hoàng Văn Nho : 399
Hoàng Văn Nguyện : 405
Hoàng Văn Ngư : 402
Hoàng Văn Phả : 404
Hoàng Văn Phẩm : 329
Hoàng Văn Phó : 398
Hoàng Văn Phố : 371, 383
Hoàng Văn Phú : 569
Hoàng Văn Sảng : 403
Hoàng Văn Sầm : 400
Hoàng Văn Sô : 436
Hoàng Văn Tăng : 405
Hoàng Văn Tham : 405
Hoàng Văn Thâm : 404
Hoàng Văn Thể : 402
Hoàng Văn Thông : 398
Hoàng Văn Thu : 98, 125, 186, 316, 388, 513, 550, 557
Hoàng Văn Thưởng : 406
Hoàng Văn Trạch : 404
Hoàng Văn Tuyển : 80, 95, 143, 148, 153, 170
Hoàng Văn Tường : 190
Hoàng Văn Ưng : 404
Hoàng Văn Ước : 400
Hoàng Văn Uy : 404
Hoàng Văn Vận : 251, 255, 316, 409
Hoàng Văn Xưởng : 169
Hoàng Viết Thủ : 402
Hoàng Xá (đồn) : 591
Hoàng Xá (xã) : 202, 420, 474
Hoành Sơn (núi) : 39
Hoắc Công Thoả : 406
Hoắc Đạo Sinh (tướng Pháp) : 7, 8, 52, 203, 210, 245, 253, 324, 352
Hoằng Hoá (huyện) : 309, 510
Hoằng Hoá công : 582
Hồ Bá Củng : 401
Hồ Bá Ôn : 125, 542, 560, 565, 568
Hồ Bảo : 398
Hồ Bính : 405
Hồ Đăng Phong : 256, 389, 455, 478, 487, 535
Hồ Đăng Chất : 42, 203
Hồ Đăng Quý : 405
Hồ Đức Thiệt (trước là Hoạt) : 396
Hồ Khắc Oai : 398
Hồ Lung : 395

Hồ Lương : 404
Hồ Ngoạn : 306, 388, 513, 588, 607
Hồ Nhàn : 395
Hồ Như Phong : 301, 529
Hồ Phác : 399
Hồ Quý : 397
Hồ Tài : 395
Hồ Thiện : 395
Hồ Thọ : 405
Hồ Thứ : 396
Hồ Trọng Đằng : 400
Hồ Trọng Đĩnh : 37, 64, 88, 96, 105, 108, 148, 159, 212, 226, 232, 252, 271, 299, 300, 316, 320, 421, 432, 455, 467, 481, 526
Hồ Tư Cung : 43, 97, 495, 561
Hồ Oai : 8, 19, 34, 64, 88, 100
Hồ Văn Bình : 400
Hồ Văn Cát : 403
Hồ Văn Cẩn : 402
Hồ Văn Chiểu : 395
Hồ Văn Chính : 405
Hồ Văn Cường : 404
Hồ Văn Dụng : 402
Hồ Văn Dũng : 405
Hồ Văn Điển : 405
Hồ Văn Hiển : 455, 588, 602
Hồ Văn Long : 156, 262
Hồ Văn Nghĩa : 308
Hồ Văn Phan : 398
Hồ Văn Phấn : 462, 562, 563
Hồ Văn Phong : 518
Hồ Văn Thiệu : 581
Hồ Văn Thú : 406
Hồ Văn Thục : 396
Hồ Văn Thứ : 404
Hồ Văn Vạn : 90, 93, 94, 95
Hồ Viên : 241
Hồ Viết Dũng : 403
Hồ Viết Nghị : 420
Hồi Xuân (đồn) : 117
Hội An : 316, 420
Hội điển (sách) : 23
Hội đồng (miếu) : 284, 327, 439
Hồng Cạnh : 549
Hồng Cát : 279, 423
Hồng Chuyên : 383, 609
Hồng Chước : 383
Hồng Dật : 229, 270, 348, 541, 575, 578
Hồng Diêu : 433
Hồng Đình (quận công) : 229
Hồng Đĩnh : 283, 487
Hồng Phì : 594, 598, 609, 610, 611
Hồng Phó : 229, 270, 278, 305, 306, 347, 532
Hồng Sâm : 218, 549, 584, 609, 610
Hồng Tế : 588
Hồng Tố : 229, 270, 348
Hồng Tu : 609, 610

Hồng Uấn : 383

Hồng Uyên : 379, 482

Huân (tức cả Huân, cả Ôn) : 122

Hùng Ân : 217, 392

Hùng Tài Lộc : 528

Huống (ngã tư) : 452

Hưng Đạo vương : 284, 286, 413

Hưng Hoá : 17, 20, 24, 43, 50, 67, 68, 77, 85, 109, 116, 118, 124, 127, 132, 136, 137, 139, 140, 141, 144, 149, 157, 162, 165, 168, 169, 170, 174, 181, 185, 192, 193, 200, 209, 210, 211, 213, 232, 233, 239, 257, 258, 271, 273, 277, 284, 285, 289, 301, 304, 308, 314, 320, 323, 329, 338, 339, 345, 346, 352, 355, 356, 359, 367, 369, 370, 373, 375, 377, 382, 389, 391, 392, 393, 415, 418, 421, 424, 425, 428, 429, 431, 435, 439, 441, 442, 447, 449, 455, 457, 458, 459, 461, 464, 465, 468, 469, 471, 472, 491, 497, 505, 511, 512, 513, 535, 538, 539, 540, 547, 548, 550, 552, 569, 582, 598, 604

Hưng Học (xã) : 150

Hưng Nhân (thôn) : 192

Hưng Nguyên (huyện) : 510

Hưng Yên : 6, 16, 27, 36, 50, 54, 100, 111, 112, 114, 119, 131, 134, 139, 142, 151, 157, 161, 162, 165, 180, 185, 186, 188, 190, 196, 201, 202, 209, 213, 228, 237, 251, 256, 258, 259, 260, 263, 273, 277, 280, 289, 299, 300, 304, 332, 338, 352, 353, 366, 372, 376, 377, 389, 408, 414, 417, 418, 420, 424, 428, 438, 441, 442, 449, 452, 457, 461, 464, 474, 482, 483, 489, 497, 498, 510, 511, 512, 521, 522, 531, 533, 535, 538, 544, 549, 550, 552, 553, 559, 563, 570, 598, 604, 608

Hương Cảng : 37, 101, 274, 311, 313, 316, 323, 344, 464, 467, 471, 480, 489, 504, 511, 528, 529, 533, 548, 549, 568, 602

Hương Cảng tân văn : 311

Hương Canh (đồn) : 591

Hương Hoá (huyện) : 153

Hương Khê (huyện) : 24, 25, 160, 242, 534, 569

Hương Sơn (huyện) : 24, 75, 126, 160, 534, 569

Hương Thuỷ (huyện) : 44, 139, 296, 510, 543

Hương Trà (huyện) : 44, 92, 265, 296, 510, 587

Hướng Hoá (châu) : 467

Hướng Hoá (làng) : 147, 540

Hữu Bằng (xã) : 126, 587

Hữu Lũng (huyện) : 332, 391, 437, 546

Hữu Sản (xã) : 340

Hữu Thanh : 196

Hy Du : 390, 446, 474, 537

Hy Tăng : 76

K

Kê-la-đích (sứ thần Pháp) : 53, 192
Kiến Giang quận công : 555
Kiến Thuỵ (phủ) : 180, 265, 510, 566
Kiến Thuỵ công : 217
Kiến Thuỵ mậu vương : 308
Kiến Xương (phủ) : 115
Kiều Bình : 402
Kiều Dực : 414
Kiều Tầm : 308, 348
Kiều Văn Cơ : 178, 184
Kim Anh (huyện) : 67, 196, 313
Kim Âu (xã) : 476
Kim Bảng (huyện) : 275
Kim Bảng (xã) : 476
Kim Bôi (núi, còn gọi là Chợ Bến) : 154
Kim Đôi (xã) : 44
Kim Động (huyện) : 389, 417, 449
Kim Giao (cảng) : 420
Kim Linh (huyện) : 86
Kim Long (cảng) : 420
Kim Long (nhà thờ) : 37
Kim Lũ (sách) : 25
Kim Mã (tên đất) : 205, 481
Kim Mã (tổng) : 253
Kim Ngưu (sông) : 452
Kim Thuỷ (cầu) : 581
Kinh (sông) : 417, 452
Kinh Doanh (tổng) : 160
Kinh Dương (sông) : 202
Kinh Khương (sông) : 258
Kinh Môn : 49, 53, 458, 510
Kỳ Anh (huyện) : 48, 288
Kỳ Anh quận công : 229, 283
Kỳ Sơn (huyện) : 34

KH

Kha Đóng (trại) : 276
Kha-na Kỳ-ly-ô (người Pháp) : 283
Kha Sĩ (trại) : 276
Kha Tuân (trại) : 276
Kha-răng (người Pháp) : 15, 51, 63, 83
Kha-răng-du Ly-pha-lang E-mi-ly (người Pháp) : 48, 54
Khách Công : 49, 88
Khai Hoá (huyện) : 217, 538
Khánh Chủ (sở) : 70

Khánh Hoà : 23, 39, 49, 66, 73, 77, 81, 118, 122, 123, 126, 131, 136, 157, 158, 160, 162, 194, 244, 276, 277, 301, 317, 339, 352, 353, 377, 418, 420, 425, 428, 442, 455, 457, 459, 461, 476, 480, 496, 511, 523, 531, 551, 554, 588

Khang tế lục : 15

Khâm (huyện) : 163

Khâm Châu : 211, 212, 285, 315, 324, 357, 464, 498, 502

Khâm định Đại Nam hội điển : 104

Khâm định khang tế : 15

Khâm định Việt sử Cương mục : 108

Khâu Đặng : 463, 467

Khấu Từ Thắm : 406

Khoái Lạc (tổng) : 136

Khổng Duy Phiên : 404

Khổng Văn Chương : 399

Khuất Duy Nhận : 247

Khuất Văn Nhiễm : 185

Khúc Lộng (xã) : 452

Khung Giang : 98

Khung Giang bát vật đồ chí : 27

L

La-đăng (phái viên nước Pháp) : 49, 65, 85, 95, 125, 140, 232

La Khê (xã) : 150

La-phong (người Pháp) : 253

La Quang Lý : 190

La Sơn (huyện) : 160

La Vạn (trại) : 276

Lã Đình Thoái : 402

Lã Hữu Kiều : 403

Lã Khai Khu : 285

Lã Tống (nước) : 287

Lã Xuân Oai : 136, 314, 315, 319, 359, 566, 586

Lạc Ô (người I-ta-li) : 283

Lai Châu : 421, 476, 535, 547

Lại Danh Hiển : 403

Lại Hợp Duy : 469, 525

Lại Hợp Ngoạn : 565

Làng Lò (trại) : 276

Lạng Giang (phủ) : 67, 313, 355, 391, 392, 408, 427, 428, 437, 462, 497, 540, 541, 546, 566, 567, 572

Lạng Giang quận công : 256

Lạng Nhân (trạm) : 314

Lạng Sơn : 24, 26, 28, 40, 41, 74, 77, 78, 109, 111, 115, 118, 119, 133, 143, 147, 150, 154, 157, 162, 169, 174, 180, 184, 186, 190, 191, 193, 197, 198, 200, 205, 209, 212, 213, 215,

223, 225, 235, 237, 245, 249, 257, 263, 270, 277, 285, 301, 304, 308, 309, 310, 313, 314, 317, 318, 320, 339, 345, 355, 356, 358, 359, 364, 367, 368, 369, 371, 375, 377, 382, 391, 392, 393, 414, 415, 418, 419, 420, 425, 427, 428, 429, 431, 437, 439, 440, 441, 442, 446, 450, 451, 456, 462, 463, 464, 469, 480, 490, 493, 497, 498, 500, 501, 525, 526, 535, 538, 540, 544, 546, 548, 549, 552, 558, 565, 566, 567, 569, 571, 586

Lãng sa kỳ đăng hiệu : 27

Lào (người) : 468

Lạt Kiều (xứ) : 457

Lăng Sao : 192

Lâm An (phủ) : 538

Lâm Hoành : 29, 178, 306, 317, 334, 356, 364, 392, 511, 523, 580, 582, 589, 590, 592

Lâm Phú Ký : 210

Lâm Phượng Minh : 378

Lâm Quang Hoành : 396

Lâm Thao : 369

Lâm Thọ : 310

Lâm Thọ Đường : 310

Lân Du (tổng) : 136

Lập Thạch (huyện) : 33, 257, 321, 369, 510

Lê Ấn : 280

Lê Bá Lân : 400

Lê Bá Thận : 23, 34, 37, 38, 39, 48, 49, 51, 66, 69, 102, 133, 162, 179, 230, 247, 255, 265, 270, 294, 295, 328

Lê Bảng : 231, 397

Lê Bình : 25, 34, 332

Lê Bức : 406

Lê Cát : 180

Lê Cần : 280

Lê Chỉ Tín : 308

Lê Chính Nghị : 401

Lê Chuẩn : 191, 332, 557, 589, 590, 592

Lê Danh Kiền : 403

Lê Doãn Cảnh : 406

Lê Doãn Nhạ : 599

Lê Doãn Tế : 531

Lê Doãn Thành : 526

Lê Duy Hoán : 94

Lê Duy Kiến : 6, 7, 94

Lê Duy Quý : 95

Lê Duy Thuỵ : 125, 610

Lê Đại : 247, 271, 525, 550, 583, 610

Lê Đại Hành : 72

Lê Đản : 38

Lê Đắc Quang : 77

Lê Đắc Quận : 398

Lê Đặc : 397

Lê Đăng Doanh : 308

Lê Đăng Đoán : 404

Lê Đăng Lai : 404

Lê Điều : 171, 179, 339, 341, 344, 388, 389, 418, 458, 528, 566, 595
Lê Đình Bỉnh : 406
Lê Đình Công : 402
Lê Đình Diên : 81
Lê Đình Duật : 399
Lê Đình Dương : 239
Lê Đình Kế : 402
Lê Đình Lý : 394
Lê Đình Quế : 435
Lê Đình Quyên : 115
Lê Đình Thức : 396
Lê Đình Tô : 405
Lê Đình Trì : 397
Lê Đình Tuấn : 77, 141, 158, 164, 195, 225, 271, 331, 347, 414, 487, 501
Lê Đình Tư : 401
Lê Đĩnh : 287, 504
Lê Đồn : 403
Lê Đồng : 406
Lê Đức Cơ : 399
Lê Đức Dĩ : 403
Lê Đức Huân : 401
Lê Đức Lệ : 404
Lê Đức Tuấn : 326
Lê Huy : 247, 397
Lê Huy Trạc : 398
Lê Huy Phan : 452
Lê Hữu Du : 401
Lê Hữu Dực : 21
Lê Hữu Huân : 39
Lê Hữu Lễ : 379
Lê Hữu Phòng : 435
Lê Hữu Tá : 125, 174, 189, 198, 243, 258, 284, 301, 314, 332, 363, 389, 432, 455, 502, 540
Lê Hữu Tài : 404
Lê Hữu Tình : 405
Lê Hữu Thường : 41, 43, 158, 203, 315, 511
Lê Hữu Túc : 404
Lê Khánh Trực : 402
Lê Khắc Định : 399
Lê Khắc Hệ : 403
Lê Khoa : 565
Lê Kinh Hợp : 75, 167
Lê Lâm : 397
Lê Liêm : 301, 573
Lê Lộc : 395
Lê Lượng : 550
Lê Mậu Chuyên : 396
Lê Minh Thuyết : 158
Lê-my (người Pháp) : 419
Lê Na (sứ thần Pháp) : 23, 26, 34, 128, 133, 139, 169, 187, 203, 352, 389, 390, 478, 487, 496, 506, 519, 524, 560
Lê Nghị : 396
Lê Ngọc Toản : 28

Lê Ngọc Uẩn : 275
Lê Nhất Hoản : 48
Lê Như Dạng : 420, 425
Lê Như Dụng : 310
Lê Oánh : 403
Lê Phụ Hoàng : 398
Lê Phúc Đông : 397
Lê Phúc Thư : 395
Lê Quai : 435
Lê Quang Độ : 405
Lê Quang Mỹ : 397
Lê Quang Phẩm : 272
Lê Quang Tiến : 394
Lê Quy : 396
Lê Sĩ : 18, 98, 124, 270, 298, 306, 556, 581, 589, 590, 592
Lê Sinh Vũ : 404
Lê Tất Do : 398
Lê Thanh : 587
Lê Thanh Bạch : 396
Lê Thanh Danh : 33
Lê Thanh Ngữ : 402
Lê Thanh Quang : 401
Lê Thanh Thận : 314, 315, 324
Lê Thanh Thuỵ : 396
Lê Thành Tập : 401
Lê Thập : 34, 201, 272
Lê Thị Cảnh : 421
Lê Thị Đoá : 283
Lê Thị Đoàn : 23
Lê Thị Luận : 83
Lê Thị Tế : 413
Lê Thị Thướng : 461
Lê Thị Thưởng (vợ Trương Định) : 82
Lê Thọ : 401
Lê Thoái : 403
Lê Thuận Lý : 364
Lê Thuý : 415
Lê Thước : 395
Lê Tiến Đức : 415
Lê Tiến Khoa : 40, 41, 203
Lê Tiến Thông : 256, 318, 388, 429, 459, 467
Lê Tiến Vân : 399
Lê Tiến Vịnh : 183
Lê Tống Hoằng : 402
Lê Trần Thiện : 399
Lê Trì : 427, 532
Lê Trí Thực : 436, 472, 491
Lê Trinh : 125
Lê Trung Lượng : 76, 419
Lê Trung Thành : 185
Lê Trung Thế : 185
Lê Tuân : 395
Lê Tuấn : 8, 9, 22, 27, 142, 213
Lê Tước : 44, 98
Lê Vạn Chung : 397
Lê Văn Bạch : 397

Lê Văn Bách : 399
Lê Văn Ban : 404
Lê Văn Bảng : 400, 581
Lê Văn Bằng : 395
Lê Văn Biểu : 401
Lê Văn Cải : 401
Lê Văn Cẩn : 400
Lê Văn Chẩm : 398
Lê Văn Chất : 406
Lê Văn Chỗi : 401
Lê Văn Cố : 400
Lê Văn Của : 402
Lê Văn Cương : 406
Lê Văn Dã : 41
Lê Văn Danh : 41, 203
Lê Văn Dính : 405
Lê Văn Dù : 402
Lê Văn Dục : 405
Lê Văn Duyên : 409
Lê Văn Duyệt : 374
Lê Văn Dương : 399
Lê Văn Đăng : 404
Lê Văn Đệ : 401
Lê Văn Điếm : 43, 301, 316, 320, 343, 542, 560, 565
Lê Văn Đông : 399
Lê Văn Giản : 402
Lê Văn Giáo : 405
Lê Văn Giữ : 404
Lê Văn Học : 400
Lê Văn Hoài : 399
Lê Văn Hổ : 43, 200, 399
Lê Văn Huề : 398
Lê Văn Hương : 425
Lê Văn Hướng : 398
Lê Văn Kham : 402
Lê Văn Khanh : 401
Lê Văn Khiêm : 395
Lê Văn Khoáng : 402
Lê Văn Khuê : 42, 203
Lê Văn Khuyến : 396
Lê Văn Kiệm : 397
Lê Văn Kiền : 403
Lê Văn Kiệt : 401
Lê Văn Kỳ : 399, 402
Lê Văn Ký : 399
Lê Văn Kỵ : 597
Lê Văn Lễ : 398
Lê Văn Lịch : 405
Lê Văn Linh : 399
Lê Văn Loát : 400
Lê Văn Lợi : 478
Lê Văn Lộc : 404
Lê Văn Luận : 397
Lê Văn Lượng : 406
Lê Văn Lý : 400
Lê Văn Mai : 406

Lê Văn Mão : 402
Lê Văn Môn : 400
Lê Văn Mỹ : 401, 402
Lê Văn Nẫm : 403
Lê Văn Nhận : 397
Lê Văn Nghiêm : 402
Lê Văn Ngọ : 396
Lê Văn Niên : 402
Lê Văn Ổn : 405
Lê Văn Phổ : 72, 121
Lê Văn Phu : 401
Lê Văn Phù : 402
Lê Văn Phú : 590
Lê Văn Quý : 406
Lê Văn Sĩ : 397
Lê Văn Tân : 401
Lê Văn Tế : 395
Lê Văn Thành : 402
Lê Văn Thất : 34
Lê Văn Thổ : 406
Lê Văn Thu : 78
Lê Văn Tiền : 400
Lê Văn Toản : 405
Lê Văn Tốn : 52
Lê Văn Trí : 399
Lê Văn Trinh : 41, 194, 518, 529, 530
Lê Văn Trừu : 404
Lê Văn Tuân : 399
Lê Văn Tự : 492, 493
Lê Văn Xuân : 395, 407
Lê Văn Xuyến : 397
Lê Văn Vị : 314
Lê Văn Vinh : 395
Lê Vi Quý : 43
Lê Viện : 374
Lê Viết Cẩn : 395
Lê Viết Chân : 405
Lê Viết Diễn : 537
Lê Viết Huy : 425, 426
Lê Xuyến : 399
Liêm Châu (phủ) : 538
Liên Xá (đồn) : 64
Liêu Hải (cửa biển) : 458
Liêu Nhị : 315, 320
Liệt truyện : 255
Linh Châu : 324
Linh Giang (sông) : 39, 288
Linh Hồ : 150
Linh Khê (xã) : 457
Linh Mụ (chùa) : 293
Linh Nham : 324
Loát Hoạch Bát : 406
Long An (điện) : 72, 124, 301, 347
Long Châu (phủ) : 205, 212, 249, 285, 289, 319, 357, 538, 548, 572
Long Giang : 153
Lô (sông) : 67, 68, 150, 369, 376

Lô Văn Nhâm : 505

Lộ Châu : 356, 390, 446, 474, 496, 506, 537, 560, 564, 570, 590

Lộc Phù (trại) : 211, 320

Lộc Tuyến : 262

Lôi Dương (huyện) : 136

Lộng Khê (đồn) : 133

Lơ-cờ-lô (Khâm sai Pháp) : 458

Lợi Dụng (tàu) : 193, 200, 461, 491

Lợi Đạt (tàu) : 193, 200, 206, 288, 452, 489, 491, 528, 568, 588, 602

Lợi Nông (sông) : 462, 570

Lợi Phiếm (tàu) : 193, 200, 206, 288

Lợi Tải (tàu) : 200, 206, 418, 452, 467, 471

Lợi Tế (tàu) : 193, 200, 206, 211, 262, 451

Lũ Duy Vỹ : 286

Lu-si (linh mục người Pháp) : 511

Lục Chi Bình : 184, 203, 205, 212, 214, 279, 343, 354, 393, 419, 427, 432, 441, 452, 541, 549

Lục Dã (trang) : 457

Lục Đầu (sông) : 150, 175, 176

Lục Ngạn (huyện) : 176, 313, 332, 339, 391, 437, 510

Lục Vân (trại) : 276

Lục Yên (châu) : 109, 121, 510

Luân Châu (châu) : 211, 421, 547

Lũng Kim : 198, 205, 214

Lũng Lô (đồn) : 491

Lũng Nham : 501

Lũng Uy : 467, 471

Lư-mi-đa (tên người Pháp) : 352

Lư Vĩnh Tài : 174, 429, 440, 548

Lữ Tống : 386

Lương Chánh (châu) : 117, 477

Lương Dự Khánh : 18

Lương Quy Chính : 154, 190, 191, 198, 243, 301, 315, 320, 409, 421, 423, 558, 562, 563

Lương Tài : 395

Lương Thành : 522, 583

Lương Tín Hoà : 522

Lương Tri (tổng) : 160

Lương Tuấn Tú : 77, 136, 392, 429, 481, 506, 557, 583

Lương Tư Thứ (tức Huy Ý) : 116, 215, 493, 566, 582

Lương Tú Thứ : 223, 237, 263, 389, 428

Lương Văn Quang : 36

Lương Văn Thái : 339

Lương Văn Thức : 400

Lương Văn Tiến : 198, 281, 344, 459, 505

Lương Xuân Huyến : 587

Lưu Đình Quang : 352

Lưu Khắc Nhất : 275, 508, 510, 588

Lưu Khê (xã) : 150

Lưu Kính : 342
Lưu Nhị : 315, 320
Lưu Ngọc Thành : 26, 118, 138, 143, 212
Lưu Trường Hựu : 89, 286, 314, 324, 540
Lưu Tưởng Hoa : 284, 285
Lưu Văn Chước : 397
Lưu Văn Trí : 399
Lưu Vĩnh Phúc : 18, 36, 67, 77, 86, 107, 109, 126, 141, 150, 152, 169, 231, 232, 279, 280, 314, 324, 332, 343, 369, 370, 388, 408, 409, 411, 414, 419, 421, 427, 428, 431, 436, 438, 440, 449, 450, 452, 456, 464, 471, 481, 491, 496, 500, 502, 507, 512, 530, 536, 540, 557, 559, 566, 568, 570, 571, 572, 583, 596, 597
Lưu Vĩnh Thắng : 352
Lưu Xuân Phúc : 405
Lý Á Sinh : 310, 323, 419, 420, 427, 438, 467, 481, 497
Lý (đảo) : 164
Lý Chiểu : 522
Lý Dương Tài : 286, 309, 342, 354, 356, 359, 372, 374
Lý Đạt Đình : 309
Lý Đức An : 285
Lý Đường : 408
Lý Hồng Chương : 89, 464, 489, 507, 551, 559, 571, 572, 584, 591, 599
Lý Hùng Xương : 523
Lý Khải Đình : 285
Lý Lục : 205, 368, 438, 456
Lý Nhân (phủ) : 52, 275, 476, 497, 546
Lý Quảng Long : 184, 310, 319, 323
Lý Tân Hoảng : 549
Lý Thất : 481
Lý Thất Danh : 419
Lý Thân : 289
Lý Thế Bân : 352
Lý Thế Sinh : 352
Lý Thế Tân : 285
Lý Thế Thủ : 352
Lý Thế Tuyên : 352
Lý Văn Chước : 397
Lý Xuân Phương : 352

M

Ma-đô-di (người Pháp) : 511
Ma Doãn Lương : 401
Ma Ngọc Bằng : 405
Ma Sĩ Hùng : 164
Ma Văn Nghĩa : 340
Ma Xuân Vinh : 119

Mã-đô (người Pháp) : 283
Mã Nhị : 169, 212
Mã Phục Bôn : 506
Mã Tư : 281
Mã Vân Tiên : 372
Mã Viện : 419
Mã Vương Bá : 205
Mạc Đình Ngô : 506
Mạc Khắc Thận : 517
Mạc Thiện Hỷ : 315, 320
Mạch Hoạch : 383
Mai (tên người) : 19, 82
Mai Bồng : 403
Mai Châu (châu) : 136, 476
Mai Chuẩn : 197
Mai Dụ : 396
Mai Đệ : 403
Mai Đĩnh : 197
Mai Đức Nghị : 101
Mai Hắc Đế (miếu) : 73
Mai Huy Thuận : 398
Mai Hữu Đắng : 400
Mai Khiết : 403
Mai Nội : 396
Mai Phu : 197
Mai Quang Khả : 402
Mai Quý : 103, 105, 136, 184, 185, 197, 211, 215, 235, 359, 373, 374
Mai Thi : 403
Mai Tích : 197
Mai Trác : 402
Mai Trì : 396
Mai Văn Chất : 124, 320, 332
Mai Viết Yên : 401
Man (người) : 8, 25, 103, 118, 157, 164, 194, 201, 382, 406, 411, 412, 430, 458, 461, 487, 497, 599
Man Duy (huyện) : 117, 136, 472, 468
Man Đức Vy : 400
Mang San (bến đò) : 552
Mán (người) : 136, 138, 217, 340, 384, 412, 429
Mạnh Tuyển : 22, 27, 34, 397
Mão Chi (bến tuần) : 51
Mẫn Tần : 352
Mẫn Thoả (tàu) : 49, 126, 128, 155, 169, 262
Mặc Xá (xã) : 265
Mèo (đồn) : 198, 200
Mèo (người) : 138, 217, 340, 391, 429, 505
Mễ Tráng (xã) : 275
Miên Áo : 270
Miên Bảo : 286
Miên Bật : 286
Miên Dần : 108, 140, 270
Miên Định : 27, 103, 218, 270, 279, 306, 360, 369, 379, 423

Miên Ký : 228, 229, 270
Miên Liệu : 229
Miên Nghi : 27, 50
Miên Ninh : 270
Miên Thẩm : 270
Miên Thoán : 228, 229, 270
Miên Tri : 103
Miên Triện : 582, 610
Miên Trinh : 270, 297, 298, 324, 379, 582, 608, 609
Miên Trữ : 108
Minh Chính (huyện) : 86
Minh Hoá (huyện) : 86, 510, 603
Minh Linh (huyện) : 277, 510
Minh Mệnh : 6, 28, 44, 65, 73, 74, 93, 104, 110, 116, 123, 127, 149, 160, 168, 169, 171, 177, 182, 186, 208, 220, 240, 247, 254, 264, 279, 294, 296, 300, 301, 336, 342, 460, 497, 514, 545, 575, 585
Minh Mệnh chính yếu : 545
Minh Nông (trạm) : 523
Mộ Đức (huyện) : 510
Mũi Dao (xứ) : 48
Mường Lâm (mỏ) : 425
Mỹ Đức (đạo, huyện, tỉnh) : 156, 393, 435, 462, 468, 477, 480, 497, 499, 510, 513, 518, 520, 523, 526, 547, 552, 587, 604
Mỹ Khê : 118
Mỹ Lộc (xã) : 73, 122, 560
Mỹ Lương (huyện) : 144, 435, 500, 552
Mỹ Thịnh (xã) : 158

N

Na Hương (chùa) : 65
Na Khôn (xứ) : 324
Na Lương (đồn) : 497
Nam Chưởng (nước) : 98, 162, 163, 287, 468
Nam Định : 6, 7, 16, 18, 21, 26, 36, 37, 41, 42, 49, 50, 66, 67, 70, 73, 77, 78, 81, 87, 106, 111, 112, 115, 124, 126, 128, 133, 135, 139, 141, 142, 144, 148, 150, 153, 157, 161, 162, 166, 167, 170, 171, 183, 185, 186, 200, 201, 206, 209, 252, 253, 255, 256, 258, 259, 263, 273, 274, 277, 281, 284, 299, 300, 301, 310, 314, 316, 323, 330, 332, 339, 346, 352, 360, 363, 366, 369, 371, 372, 376, 377, 395, 408, 410, 413, 418, 424, 428, 431, 441, 442, 443, 450, 451, 452, 458, 460, 461, 462, 464, 469, 473, 474, 480, 483, 489, 491, 493, 497, 499, 502, 505, 510, 511, 512, 516, 519, 523, 525, 527, 529, 535, 536, 538, 542, 544, 546, 552, 556, 557,

558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 568, 569, 573, 583, 584, 586, 596, 598, 603, 604

Nam Định (trường thi) : 77, 281, 442

Nam Đường (huyện) : 73

Nam Giao (đàn) : 298, 301, 457

Nam Hải (đồn) : 63, 67

Nam Kỳ : 9, 27, 44, 54, 62, 63, 68, 80, 82, 86, 94, 101, 114, 116, 136, 143, 159, 164, 166, 182, 183, 236, 239, 254, 256, 287, 291, 293, 296, 321, 334, 336, 385, 426, 443, 491, 539, 568, 571, 576, 584

Nam Kỳ điều lệ : 27

Ninh Minh : 317, 496, 557

Nam Ninh (phủ) : 557

Nam Sách (huyện) : 49, 131, 318, 458, 505

Nam Trân (huyện) : 510

Ni (núi) : 164

Ni Sơn (núi) : 284

Ninh Biên (châu, huyện) : 421, 476, 547

Ninh Bình : 16, 18, 20, 23, 36, 41, 42, 49, 54, 67, 72, 87, 108, 111, 112, 136, 139, 142, 157, 160, 162, 164, 166, 174, 186, 233, 263, 273, 276, 289, 299, 308, 310, 315, 372, 376, 377, 389, 393, 395, 409, 418, 424, 435, 438, 442, 443, 460, 461, 462, 469, 473, 480, 482, 483, 492, 510, 511, 512, 513, 516, 518, 521, 522, 523, 526, 527, 531533, 535, 542, 551, 557, 559, 563, 566, 567, 568, 569, 570, 582, 583, 598, 602

Ninh Giang (phủ) : 49, 265

Ninh Hải (cửa biển) : 12, 13, 54, 57, 63, 67, 70, 109, 179, 289, 369, 385, 386, 407, 418, 478

Ninh Thuận (phủ) : 160, 476

Ninh Thuận công : 27

Ninh Thuận quận vương : 50

Nông Cống (huyện) : 136, 527

Nông Giang (sông) : 280

Nông Hùng Phúc : 77, 429

Nông Sơn (mỏ than) : 459, 495, 544

Nông Văn Vân : 197

Nùng (người) : 157, 391, 484, 544

NG

Ngân Sơn (đồn) : 205, 370

Ngân Sơn (mỏ bạc) : 370

Nghê Văn Uý : 603

Nghệ An : 8, 16, 18, 19, 22, 23, 24, 26, 28, 33, 34, 37, 39, 43, 44, 45, 49, 50, 51, 64, 66, 73, 74, 77, 82, 88, 90, 98,

100, 108, 110, 112, 117, 118, 119, 124, 126, 128, 136, 142, 144, 153, 156, 160, 162, 164, 170, 181, 186, 191, 196, 197, 201, 206, 209, 212, 214, 241, 250, 257, 263, 273, 276, 279, 280, 281, 287, 288, 289, 294, 301, 308, 309, 310, 329, 332, 334, 339, 343, 346, 347, 352, 377, 380, 382, 395, 408, 418, 421, 425, 426, 431, 442, 454, 455, 458, 460, 461, 463, 464, 465, 469, 472, 476, 477, 483, 487, 490, 492, 494, 496, 502, 519, 522, 526, 528, 535, 536, 546, 552, 554, 557, 564, 567, 568, 581, 588, 599

Nghệ An (trường thi) : 66, 77, 206, 250, 281, 284, 289, 442

Nghi Xuân (huyện) : 160, 292, 319

Nghĩa Đô (xã) : 37

Nghĩa Trụ (sông) : 202, 258, 452

Nghiêm Giang : 404

Nghiêm Xuân Lượng : 42

Nghiêu Phong (huyện) : 105, 290, 338

Ngọ Văn Kỳ : 403

Ngọc Châu (núi) : 43

Ngọc Lặc (tổng) : 136

Ngọc Lâm : 192

Ngọc Pha (xã) : 604

Ngọn Nước (sách) : 433

Ngô Côn : 133, 354, 359

Ngô Châu : 557

Ngô Đắc Mưu : 399

Ngô Đắc Quang (tức Đắc Hộ) : 21, 25, 272, 411, 412, 419, 420, 422, 425, 429, 430, 433, 452, 467, 544

Ngô Đặc : 404

Ngô Địch Văn : 265, 393, 394

Ngô Đính : 397

Ngô Đôn : 505

Ngô Đức Bình : 72

Ngô Đức Tu : 395

Ngô Đức Tuấn : 435

Ngô Gia Hậu (giám mục) : 144

Ngô Hữu Thành : 397

Ngô Mậu Huân : 473

Ngô Ngọc Huyên : 403

Ngô Nguyên Thành : 280, 312

Ngô Nhị : 217

Ngô Phú Diên : 26

Ngô Phượng Điển : 440, 452, 453, 471, 501, 570

Ngô Quý Đồng : 218, 275, 432

Ngô Quý Thông : 104

Ngô Tất Ninh : 106, 200, 301, 316, 320, 324, 332, 343, 388, 409, 464

Ngô Tất Tố : 296

Ngô Thị Luận : 421

Ngô Thị Chỉnh : 413

Ngô Thiên Hưng : 342

Ngô Tòng Hoá : 401

Ngô Trạch : 339
Ngô Triêm : 399
Ngô Triều : 399
Ngô Trọng Tố : 256, 280, 294
Ngô Văn Cử : 406
Ngô Văn Duệ : 401
Ngô Văn Dưỡng : 403
Ngô Văn Đãi : 400
Ngô Văn Hợp : 586
Ngô Văn Khám : 397
Ngô Văn Mao : 397
Ngô Văn Mạo : 397
Ngô Văn Nhạ : 405
Ngô Văn Tài : 400
Ngô Văn Thạnh : 404
Ngô Văn Thuỵ : 396
Ngô Văn Toại : 400
Ngô Văn Toản : 395
Ngô Văn Tòng : 400
Ngô Văn Ước : 401
Ngô Văn Vãng : 395
Ngô Xiết : 395
Ngô Xuân Mỹ : 414
Ngô Xuân Quỳnh : 105, 331, 384
Ngu-mi-đa (người Pháp) : 419
Ngũ Hành (núi) : 282
Nguỵ Khắc Đản : 334
Nguỵ Khắc Kiều : 568
Nguyên Bình (huyện) : 271, 438, 510
Nguyễn Bá : 395
Nguyễn Bá Doãn : 397
Nguyễn Bá Kình : 400
Nguyễn Bá Phú : 402
Nguyễn Bách : 295, 329, 332, 364, 396
Nguyễn Bái : 250, 556
Nguyễn Bản (101 tuổi) : 565
Nguyễn Bỉnh : 37, 81
Nguyễn Cao : 515, 558, 562, 563
Nguyễn Cao Sự : 405
Nguyễn Chí : 183, 223, 247
Nguyễn Chính : 8, 17, 23, 25, 29, 44, 66, 90, 95, 126, 128, 133, 156, 162, 212, 223, 271, 272, 306, 320, 329, 341, 346, 376, 380, 389, 394, 425, 426, 477, 512, 513, 516, 518, 519, 525, 526, 528, 530, 535, 541, 544, 546, 557, 560, 561, 564, 565, 566, 583, 584, 586
Nguyễn Chính Hùng : 581
Nguyễn Chính Tâm : 225
Nguyễn Chế : 401
Nguyễn Chung : 399
Nguyễn Công Hanh : 405
Nguyễn Công Quang : 398
Nguyễn Công Thuật : 403
Nguyễn Của : 404
Nguyễn Cư : 344, 588
Nguyễn Cửu Trường : 246

Nguyễn Di : 395
Nguyễn Dính : 402
Nguyễn Doãn : 394
Nguyễn Du : 397
Nguyễn Duật : 234
Nguyễn Dục : 18, 189, 238
Nguyễn Duy : 127, 395
Nguyễn Duy Chí : 27
Nguyễn Duy Đính : 399
Nguyễn Duy Đức : 397
Nguyễn Duy Hậu : 401
Nguyễn Duy Hiển : 405
Nguyễn Duy Hiệu : 339
Nguyễn Duy Hoạch : 406
Nguyễn Duy Kế : 264, 326
Nguyễn Duy Mục : 406
Nguyễn Duy Tân : 395
Nguyễn Duy Thanh : 290, 435
Nguyễn Duy Thiện : 599
Nguyễn Duy Thọ : 401
Nguyễn Duy Tự : 41, 42
Nguyễn Dự : 339
Nguyễn Dương Quang : 403
Nguyễn Đại : 41, 203
Nguyễn Đại Độ : 396
Nguyễn Đạo : 402
Nguyễn Đạt : 402
Nguyễn Đắc : 397
Nguyễn Đắc Danh : 41, 203
Nguyễn Đắc Hải : 404
Nguyễn Đắc Nhàn : 397
Nguyễn Đắc Trì : 406
Nguyễn Đăng : 399
Nguyễn Đăng Dũng : 399
Nguyễn Đăng Đạt : 400
Nguyễn Đăng Đâu : 400
Nguyễn Đăng Hành : 395
Nguyễn Đăng Lợi : 435
Nguyễn Đăng Nghiễm : 40, 41, 203
Nguyễn Đăng Ngoạn : 17
Nguyễn Đăng Thành : 398
Nguyễn Đăng Quyền : 404
Nguyễn Đăng Tiến : 397
Nguyễn Đăng Triềm : 402
Nguyễn Đằng : 398
Nguyễn Đặng Nhưng : 398
Nguyễn Đễ : 395
Nguyễn Địch : 167
Nguyễn Địch Cát : 38
Nguyễn Điền : 185
Nguyễn Điểu : 401, 404
Nguyễn Đình Bao : 398
Nguyễn Đình Chính : 404
Nguyễn Đình Cựu : 274
Nguyễn Đình Duyên : 397
Nguyễn Đình Dương : 414, 492, 493

Nguyễn Đình Dường : 529
Nguyễn Đình Đài : 333, 371
Nguyễn Đình Đệ : 401
Nguyễn Đình Đoan : 476
Nguyễn Đình Đoạn : 476
Nguyễn Đình Đường : 518
Nguyễn Đình Giác : 404
Nguyễn Đình Hải : 451
Nguyễn Đình Hán : 396
Nguyễn Đình Hợp : 395
Nguyễn Đình Huân : 209, 527
Nguyễn Đình Huy : 403
Nguyễn Đình Kế : 502
Nguyễn Đình Kham : 469
Nguyễn Đình Khoa : 34, 399
Nguyễn Đình Kiên : 404
Nguyễn Đình Lập : 476
Nguyễn Đình Luyện : 397
Nguyễn Đình Nhuận : 248, 263, 271, 310, 414, 420, 428, 447, 513, 582
Nguyễn Đình Ổn : 406
Nguyễn Đình Phả : 306
Nguyễn Đình Phẩm : 435
Nguyễn Đình Phổ : 588, 602
Nguyễn Đình Phú : 436
Nguyễn Đình Phương : 400
Nguyễn Đình Quý : 399
Nguyễn Đình Thạch : 399
Nguyễn Đình Thi : 43, 49, 50, 183, 455
Nguyễn Đình Thịnh : 396
Nguyễn Đình Thuỳ : 398
Nguyễn Đình Thưởng : 403
Nguyễn Đình Tiến : 402
Nguyễn Đình Tiếp : 247
Nguyễn Đình Trác : 404
Nguyễn Đình Tuân : 326
Nguyễn Đình Túc : 402
Nguyễn Đình Tụng : 398
Nguyễn Đình Tuyên : 401
Nguyễn Đỗ Tràng : 406
Nguyễn Đôn : 19, 26, 82
Nguyễn Đôn Tiết : 339
Nguyễn Đồng : 403
Nguyễn Đức Biểu : 405
Nguyễn Đức Dĩnh : 397
Nguyễn Đức Du : 400
Nguyễn Đức Duy : 400
Nguyễn Đức Đạt : 54, 161, 165
Nguyễn Đức Hiển : 397
Nguyễn Đức Hoà : 401
Nguyễn Đức Học : 558
Nguyễn Đức Hợp : 479
Nguyễn Đức Kỳ : 248
Nguyễn Đức Tín : 401
Nguyễn Đức Trạch : 405
Nguyễn Đức Tuân : 402
Nguyễn Đức Tuyên : 401

Nguyễn Đức Vĩnh : 403
Nguyễn Gia Trung : 340
Nguyễn Gia Trưng : 231
Nguyễn Giao : 194
Nguyễn Hàm Anh : 49
Nguyễn Hàm Quang : 338, 420, 467
Nguyễn Hanh : 88, 186, 537, 556, 581, 610
Nguyễn Hâm : 397
Nguyễn Hiên : 42, 203
Nguyễn Hiệp : 320, 321, 351, 352, 477, 487, 503, 567
Nguyễn Hoà : 403
Nguyễn Hoan : 420
Nguyễn Hoán : 397
Nguyễn Hoàn Hoành : 492, 493
Nguyễn Hoằng : 7, 16, 99, 121, 460, 470
Nguyễn Hoằng Cát : 398
Nguyễn Hồ : 395
Nguyễn Hội : 573
Nguyễn Hợp : 403
Nguyễn Huấn : 396
Nguyễn Huy Bích : 435, 436
Nguyễn Huy Chước : 401
Nguyễn Huy Côn : 37
Nguyễn Huy Dao : 398
Nguyễn Huy Diệu : 18
Nguyễn Huy Du : 231, 404
Nguyễn Huy Điển : 25, 34, 75
Nguyễn Huy Đường : 396
Nguyễn Huy Kỷ : 67, 127, 200, 233, 271, 301, 346, 369, 389, 414, 427, 505, 540
Nguyễn Huy Quang : 396
Nguyễn Huy Tân : 396
Nguyễn Hương : 400
Nguyễn Hữu : 398
Nguyễn Hữu Chinh : 398
Nguyễn Hữu Chính : 41, 125, 203, 310, 492, 493
Nguyễn Hữu Cư : 121, 316, 597, 603
Nguyễn Hữu Diệu : 400
Nguyễn Hữu Duân : 399
Nguyễn Hữu Điền : 403, 404
Nguyễn Hữu Độ : 151, 154, 155, 178, 179, 239, 247, 251, 256, 257, 275, 354, 356, 367, 369, 370, 380, 391, 415, 435, 437, 449, 452, 472, 501, 509, 512, 519, 520, 529, 536, 547, 582, 586
Nguyễn Hữu Đôn : 438, 581
Nguyễn Hữu Hiển : 401
Nguyễn Hữu Hoà : 308
Nguyễn Hữu Hoán : 49, 203, 286
Nguyễn Hữu Huân : 121, 404
Nguyễn Hữu Huê : 583
Nguyễn Hữu Khuông : 400
Nguyễn Hữu Khuyến : 403
Nguyễn Hữu Linh : 583
Nguyễn Hữu Lực : 397

Nguyễn Hữu Nghi : 156
Nguyễn Hữu Ngoạn : 536
Nguyễn Hữu Nhu : 203
Nguyễn Hữu Phu : 550
Nguyễn Hữu Sơn : 402
Nguyễn Hữu Súc : 406
Nguyễn Hữu Tán : 331
Nguyễn Hữu Tạo : 401
Nguyễn Hữu Tình : 397
Nguyễn Hữu Thanh : 195, 331
Nguyễn Hữu Thân : 395
Nguyễn Hữu Thắng : 403
Nguyễn Hữu Thục : 295, 323, 324
Nguyễn Hữu Tràng : 402
Nguyễn Hữu Trung : 547
Nguyễn Hữu Trữ : 398, 399
Nguyễn Hữu Tự : 399
Nguyễn Hy Kỹ : 340
Nguyễn Khắc Cù : 404
Nguyễn Khắc Gia : 406
Nguyễn Khắc Giai : 406
Nguyễn Khắc Hợp : 447
Nguyễn Khắc Kỷ : 400
Nguyễn Khắc Ngạch : 436
Nguyễn Khắc Toại : 402
Nguyễn Khắc Trạch : 338
Nguyễn Khắc Uy : 40, 41
Nguyễn Khắc Vỹ : 306, 608
Nguyễn Khoa Dục : 396
Nguyễn Khoa Luận : 186, 494, 580, 583, 594
Nguyễn Khuê : 400
Nguyễn Khuyến : 43, 235, 583, 586
Nguyễn Khương Giang : 403
Nguyễn Kiêm Thanh : 400
Nguyễn Lãng : 405
Nguyễn Lâm (tức Thế Trâm) : 189, 401, 403
Nguyễn Lẫm : 186
Nguyễn Lân : 127
Nguyễn Lập : 195, 252, 317, 487, 512, 528, 569, 571
Nguyễn Lê Kháng : 339
Nguyễn Lệ Trạch : 42
Nguyễn Lịch : 509
Nguyễn Liên : 583, 590
Nguyễn Loan : 398, 400
Nguyễn Lộc : 421
Nguyễn Luân : 396
Nguyễn Luận : 320
Nguyễn Lực : 398
Nguyễn Lược : 396
Nguyễn Lương : 396
Nguyễn Lương Hồ : 396
Nguyễn Lưu : 403
Nguyễn Lưu Đức : 401
Nguyễn Mại : 395

Nguyễn Mậu : 406
Nguyễn Mậu Đạo : 132
Nguyễn Mậu Kiến : 190, 191, 209, 450, 565
Nguyễn Mô : 398
Nguyễn Mộng : 398
Nguyễn Mỹ : 395
Nguyễn Nghị : 396
Nguyễn Nghĩa : 399
Nguyễn Ngoạn : 339, 372, 377, 382, 581
Nguyễn Ngọc Chấn : 189, 333, 398
Nguyễn Nhiêu : 329, 447, 494
Nguyễn Nho Huấn : 435
Nguyễn Như Cung : 310, 364, 549, 561
Nguyễn Như Khuê : 579, 581
Nguyễn Như Thản : 185
Nguyễn Như Trương : 398
Nguyễn Như Xuân : 399
Nguyễn Nhược Thù : 517
Nguyễn Niên : 399
Nguyễn Oánh : 397
Nguyễn Phả : 374, 402
Nguyễn Phác : 192
Nguyễn Phan : 236, 248
Nguyễn Phát : 275
Nguyễn Phiên : 49, 245, 545, 550, 551
Nguyễn Phiến : 406
Nguyễn Phú Lịch : 398
Nguyễn Phùng : 401
Nguyễn Phùng Phán : 406
Nguyễn Phụng : 424
Nguyễn Phượng : 575
Nguyễn Quán : 185
Nguyễn Quang : 239, 403
Nguyễn Quang Bì : 397
Nguyễn Quang Bích : 108, 168, 429, 455, 465, 539, 582
Nguyễn Quang Bình : 93
Nguyễn Quang Diệu : 403
Nguyễn Quang Khanh : 405
Nguyễn Quang Lộc : 398
Nguyễn Quế : 395
Nguyễn Quý Cát : 52
Nguyễn Quý Doãn : 401
Nguyễn Quý Lợi : 42
Nguyễn Quyến : 403
Nguyễn Sách : 402
Nguyễn Sĩ Hạnh (trước là Đức) : 400
Nguyễn Sĩ Khản : 406
Nguyễn Sơn : 404
Nguyễn Sơn Tăng : 280, 293, 330
Nguyễn Tài Tuyển : 239, 554, 599
Nguyễn Tái : 128, 256, 257
Nguyễn Tam Cường : 405
Nguyễn Tán : 194
Nguyễn Tạo : 117, 118, 148, 189, 274, 282, 326, 383, 401, 412, 422
Nguyễn Tâm Bạo : 405

Nguyễn Tâm Lược : 398
Nguyễn Tăng Cáp : 194
Nguyễn Tăng Doãn : 27, 48, 51, 54, 65, 70, 71, 76, 85, 190, 255, 299, 315, 321, 338, 371
Nguyễn Tăng Dược : 556
Nguyễn Tăng Đoan : 430
Nguyễn Tăng Khoái : 401
Nguyễn Thái Tuân : 414
Nguyễn Thanh Chiếu : 234
Nguyễn Thanh Luật : 21
Nguyễn Thanh Nghị : 308
Nguyễn Thanh Tân : 210
Nguyễn Thành : 81, 396, 403
Nguyễn Thành Ý : 76, 252, 299, 321, 330, 412, 415, 455, 456, 465, 476, 487, 488, 503, 513, 571, 572, 573, 588, 589
Nguyễn Thị Ảm : 413
Nguyễn Thị Bốn : 413
Nguyễn Thị Chữ : 413
Nguyễn Thị Dạng : 237
Nguyễn Thị Dung : 556
Nguyễn Thị Dư : 148, 149
Nguyễn Thị Đô : 183
Nguyễn Thị Hai : 383, 413
Nguyễn Thị Hán : 413
Nguyễn Thị Hoan : 413
Nguyễn Thị Hoãn : 413
Nguyễn Thị Loan : 413
Nguyễn Thị Lương : 413
Nguyễn Thị Phác : 413
Nguyễn Thị Quản : 534
Nguyễn Thị Tám : 183
Nguyễn Thị Thảo : 413
Nguyễn Thị Thiến : 509
Nguyễn Thị Thuần : 534
Nguyễn Thị Trinh : 346, 469
Nguyễn Thị Trợ : 413
Nguyễn Thị Viện : 564
Nguyễn Thiện : 409
Nguyễn Thiện Thuật : 607
Nguyễn Thịnh : 186, 332, 471, 549
Nguyễn Thọ Khải : 375
Nguyễn Thọ Quản : 397
Nguyễn Thông : 239, 379, 457, 480, 547
Nguyễn Thuật : 189, 196, 234, 239, 275, 347, 366, 420, 432, 526, 542, 550, 551, 557
Nguyễn Thục : 329
Nguyễn Thuế : 401
Nguyễn Thuộc : 403
Nguyễn Thứ : 42, 203, 310
Nguyễn Thừa Duyệt : 316, 343, 409
Nguyễn Tích : 52, 396
Nguyễn Tiến Phác : 395
Nguyễn Tình : 405
Nguyễn Tình Lương : 395

Nguyễn Tĩnh : 401
Nguyễn Tố Lập : 397
Nguyễn Tràng : 410
Nguyễn Tri Phương : 40, 42, 110, 127
Nguyễn Trí Chư : 398
Nguyễn Trọng Ân : 397
Nguyễn Trọng Ấn : 39
Nguyễn Trọng Hoằng : 398
Nguyễn Trọng Hợp : 50, 126, 161, 171, 188, 195, 256, 258, 263, 271, 323, 326, 346, 363, 413, 428, 465, 474, 478, 503, 556, 580, 582, 590, 591, 592, 594, 597, 598, 601
Nguyễn Trọng Ngữ : 435
Nguyễn Trọng Quang : 174
Nguyễn Trọng Thứ : 405
Nguyễn Trúc : 398
Nguyễn Trung : 589, 590, 592
Nguyễn Trung Mậu : 157
Nguyễn Trực : 39, 581
Nguyễn Trương Đức : 403
Nguyễn Tú : 397
Nguyễn Túc : 37, 38, 397, 398
Nguyễn Tuý : 110
Nguyễn Tư Giản (tức Văn Phú hay Địch Giản) : 25, 34, 38, 69, 77, 83, 125, 132, 271, 342
Nguyễn Tư Hội : 157
Nguyễn Tứ : 403
Nguyễn Tự : 396
Nguyễn Tử Tháo : 397
Nguyễn Tường : 527, 537
Nguyễn Văn : 26
Nguyễn Văn Ái : 200
Nguyễn Văn Bạ : 404
Nguyễn Văn Bách : 399, 400
Nguyễn Văn Bài : 397, 406
Nguyễn Văn Bại : 396
Nguyễn Văn Ban : 400
Nguyễn Văn Bản (100 tuổi) : 33, 402
Nguyễn Văn Bảng : 398
Nguyễn Văn Bảo : 400
Nguyễn Văn Bằng : 403
Nguyễn Văn Bích : 42, 203
Nguyễn Văn Bình : 247
Nguyễn Văn Biểu : 398, 405, 406
Nguyễn Văn Bồi : 398
Nguyễn Văn Cán : 195
Nguyễn Văn Cao : 403
Nguyễn Văn Câu : 568
Nguyễn Văn Cấn : 404
Nguyễn Văn Chân : 402
Nguyễn Văn Chất : 139, 396
Nguyễn Văn Chế : 400
Nguyễn Văn Chí : 398
Nguyễn Văn Chỉ : 405
Nguyễn Văn Chiểu : 406

Nguyễn Văn Chinh : 253
Nguyễn Văn Chính : 401
Nguyễn Văn Chư : 41, 42, 380, 464, 547
Nguyễn Văn Chử : 372
Nguyễn Văn Cò : 435
Nguyễn Văn Của : 405
Nguyễn Văn Cư : 592, 598
Nguyễn Văn Cừu : 406
Nguyễn Văn Cương : 400
Nguyễn Văn Cường : 398, 399
Nguyễn Văn Đà : 398
Nguyễn Văn Đãi : 405
Nguyễn Văn Đàm : 398, 404, 436
Nguyễn Văn Đạm : 406
Nguyễn Văn Đạo : 400, 405
Nguyễn Văn Đạt : 397
Nguyễn Văn Đâu : 404
Nguyễn Văn Đấu : 406
Nguyễn Văn Đắc : 397
Nguyễn Văn Đặng : 405
Nguyễn Văn Địch : 234
Nguyễn Văn Điềm : 406
Nguyễn Văn Điểm : 405
Nguyễn Văn Điền : 414
Nguyễn Văn Điển : 403
Nguyễn Văn Điện : 400
Nguyễn Văn Điều : 398, 402
Nguyễn Văn Đinh : 404
Nguyễn Văn Định : 401
Nguyễn Văn Đức : 406
Nguyễn Văn Giao : 191, 240, 342
Nguyễn Văn Hanh : 405
Nguyễn Văn Hạnh : 405
Nguyễn Văn Hành : 436
Nguyễn Văn Hào : 397, 403
Nguyễn Văn Hân : 197
Nguyễn Văn Hậu : 339, 397, 403, 477, 487
Nguyễn Văn Hiển : 402
Nguyễn Văn Hiệu : 396, 402
Nguyễn Văn Hoá : 398, 400, 401
Nguyễn Văn Hoạch : 401
Nguyễn Văn Học : 399, 402
Nguyễn Văn Hoài : 398, 399
Nguyễn Văn Hoan : 402, 404
Nguyễn Văn Hộ : 397
Nguyễn Văn Hổ : 398
Nguyễn Văn Hỗ : 402
Nguyễn Văn Hồi : 399
Nguyễn Văn Hội : 39, 402, 404, 405
Nguyễn Văn Hợp : 396, 404
Nguyễn Văn Huân : 403
Nguyễn Văn Huề : 314
Nguyễn Văn Hùng : 34, 43, 49, 50, 88, 90, 106, 180, 198, 200, 279, 523
Nguyễn Văn Huy : 397, 399, 436
Nguyễn Văn Hưởng : 403

Nguyễn Văn Hữu : 398
Nguyễn Văn Hy : 399, 402
Nguyễn Văn Hỷ : 406
Nguyễn Văn Khải : 406
Nguyễn Văn Kham : 581
Nguyễn Văn Khanh : 397
Nguyễn Văn Khánh (100 tuổi) : 33
Nguyễn Văn Khê : 360
Nguyễn Văn Khoa : 405, 428
Nguyễn Văn Khoái : 405
Nguyễn Văn Khu : 397
Nguyễn Văn Khuyến : 403
Nguyễn Văn Kiên : 397
Nguyễn Văn Kinh : 400, 405
Nguyễn Văn Kình : 185
Nguyễn Văn Kỳ : 396, 435, 538
Nguyễn Văn Kỷ : 404
Nguyễn Văn Lai : 400, 403
Nguyễn Văn Lại : 42
Nguyễn Văn Lao : 401
Nguyễn Văn Lâm : 400
Nguyễn Văn Lẩm : 401
Nguyễn Văn Lập : 587
Nguyễn Văn Lật : 397
Nguyễn Văn Lăng : 397
Nguyễn Văn Lễ : 398, 401, 403, 405
Nguyễn Văn Liễu : 401
Nguyễn Văn Linh : 397
Nguyễn Văn Loan : 400
Nguyễn Văn Long : 331, 467
Nguyễn Văn Lợi : 203, 406, 435, 436
Nguyễn Văn Lộc : 400, 404
Nguyễn Văn Luân : 400
Nguyễn Văn Luỹ : 406
Nguyễn Văn Luyến : 185
Nguyễn Văn Lương (100 tuổi) : 124
Nguyễn Văn Lượng : 335, 406
Nguyễn Văn Lưỡng : 405
Nguyễn Văn Lý : 400
Nguyễn Văn Mai : 403
Nguyễn Văn Mãi : 401, 402
Nguyễn Văn Mậu : 402
Nguyễn Văn Môn : 399, 403, 406
Nguyễn Văn Mưu : 314
Nguyễn Văn Mỹ : 185
Nguyễn Văn Nghi : 401
Nguyễn Văn Nghị : 195
Nguyễn Văn Nghĩa : 402
Nguyễn Văn Nghiêm : 397
Nguyễn Văn Ngữ : 402
Nguyễn Văn Nhàn : 398
Nguyễn Văn Nhất : 400
Nguyễn Văn Nhiễm : 383
Nguyễn Văn Nhiêu : 397
Nguyễn Văn Nho : 405
Nguyễn Văn Nhỏ : 447

Nguyễn Văn Nhuận : 83, 402
Nguyễn Văn Nhung : 404
Nguyễn Văn Nhượng : 587
Nguyễn Văn Nãi : 436
Nguyễn Văn Nẫm : 404
Nguyễn Văn Năng : 399
Nguyễn Văn Niệm : 495
Nguyễn Văn Niên : 436
Nguyễn Văn Nở : 397
Nguyễn Văn Nội : 395
Nguyễn Văn Phạt : 399
Nguyễn Văn Phẩm : 436
Nguyễn Văn Phi : 401, 402
Nguyễn Văn Phó : 588
Nguyễn Văn Phong : 156, 339, 343, 389, 400, 566, 582, 599, 608
Nguyễn Văn Phúc : 581
Nguyễn Văn Phương : 76, 80
Nguyễn Văn Qua : 401
Nguyễn Văn Quán : 400
Nguyễn Văn Quang : 401
Nguyễn Văn Quy : 115
Nguyễn Văn Quỳ : 403
Nguyễn Văn Quỳnh : 403
Nguyễn Văn Sách : 405
Nguyễn Văn Sán : 411, 412, 422, 467
Nguyễn Văn Sâm : 401, 403
Nguyễn Văn Sắc : 401
Nguyễn Văn Sĩ : 401, 570, 589
Nguyễn Văn Sinh : 398, 435
Nguyễn Văn Sơn : 406
Nguyễn Văn Suất : 402
Nguyễn Văn Sung : 399
Nguyễn Văn Sử : 400, 401
Nguyễn Văn Tá : 400
Nguyễn Văn Tài : 396
Nguyễn Văn Tạo : 399
Nguyễn Văn Tán : 598
Nguyễn Văn Tâm : 533
Nguyễn Văn Tập : 436
Nguyễn Văn Tề : 402
Nguyễn Văn Tịch : 402
Nguyễn Văn Tín : 401
Nguyễn Văn Tình : 405
Nguyễn Văn Tính : 428
Nguyễn Văn Tĩnh : 436
Nguyễn Văn Tha : 403
Nguyễn Văn Thạch : 195
Nguyễn Văn Tham : 185
Nguyễn Văn Thanh : 401
Nguyễn Văn Thành : 374, 399, 402, 436, 537, 547
Nguyễn Văn Thảo : 402
Nguyễn Văn Thận : 188, 213, 251, 256, 339, 340, 374, 414, 422, 438, 498, 544, 550, 553, 608
Nguyễn Văn Thấu : 403, 405
Nguyễn Văn Thăng : 436

Nguyễn Văn Thể : 406
Nguyễn Văn Thi : 397, 405, 525, 537
Nguyễn Văn Thiêm : 581
Nguyễn Văn Thiện : 402, 404
Nguyễn Văn Thiển : 402
Nguyễn Văn Thiệu : 586
Nguyễn Văn Thiết : 401
Nguyễn Văn Thịnh : 397, 400, 402, 587
Nguyễn Văn Thính : 400
Nguyễn Văn Thọ : 399
Nguyễn Văn Thoả : 404
Nguyễn Văn Thông : 404
Nguyễn Văn Thu : 401
Nguyễn Văn Thú : 400
Nguyễn Văn Thuận : 405
Nguyễn Văn Thuế : 372
Nguyễn Văn Thuý : 39, 132, 166, 224, 271, 295, 402, 464, 506, 556, 582, 609
Nguyễn Văn Thuỵ : 405
Nguyễn Văn Thư : 398
Nguyễn Văn Thứ : 406
Nguyễn Văn Thừa : 493
Nguyễn Văn Thức : 396
Nguyễn Văn Thực : 399
Nguyễn Văn Thường : 405
Nguyễn Văn Tòng : 405
Nguyễn Văn Tố : 197
Nguyễn Văn Trại : 401
Nguyễn Văn Trang : 190, 353, 403
Nguyễn Văn Trí : 402
Nguyễn Văn Trị : 402
Nguyễn Văn Triêm : 397
Nguyễn Văn Trọng : 406
Nguyễn Văn Trợ : 399
Nguyễn Văn Truật : 397
Nguyễn Văn Trúc : 401
Nguyễn Văn Trung : 414
Nguyễn Văn Trứ : 401
Nguyễn Văn Trữ : 436
Nguyễn Văn Trực : 402, 406
Nguyễn Văn Túc : 398, 400, 402, 403
Nguyễn Văn Tùng : 403
Nguyễn Văn Tuyển : 403
Nguyễn Văn Tư : 398
Nguyễn Văn Tứ : 185, 404
Nguyễn Văn Tự : 401
Nguyễn Văn Tường : 7, 8, 9, 16, 17, 27, 37, 39, 41, 48, 51, 52, 54, 63, 65, 67, 68, 69, 71, 77, 107, 109, 125, 126, 133, 153, 154, 161, 179, 187, 207, 239, 270, 287, 301, 306, 367, 414, 431, 432, 442, 445, 455, 461, 504, 506, 525, 573, 574, 578, 581, 582, 594, 596, 603, 609
Nguyễn Văn Ty : 400
Nguyễn Văn Tý : 397
Nguyễn Văn Vân : 234, 405
Nguyễn Văn Vận : 395
Nguyễn Văn Văn : 364

Nguyễn Văn Vệ : 400
Nguyễn Văn Vị : 402
Nguyễn Văn Viêm : 404
Nguyễn Văn Viên : 436
Nguyễn Văn Viết : 402
Nguyễn Văn Vinh : 401, 405, 409
Nguyễn Văn Vọng : 400
Nguyễn Văn Vụ : 195
Nguyễn Văn Vũ : 399
Nguyễn Văn Vỹ : 38
Nguyễn Vỹ : 156, 374, 478
Nguyễn Vinh : 427
Nguyễn Viết Ân : 398
Nguyễn Viết Đức : 401
Nguyễn Viết Sửu : 402
Nguyễn Viết Tạo : 558
Nguyễn Viết Tiến : 185
Nguyễn Viết Thìn : 435
Nguyễn Viết Vinh : 595
Nguyễn Vụ : 431
Nguyễn Xuân : 329, 368, 401, 473
Nguyễn Xuân Cẩn : 402
Nguyễn Xuân Cung : 505
Nguyễn Xuân Huyền : 388
Nguyễn Xuân Kiểm : 397
Nguyễn Xuân Khiêm : 400
Nguyễn Xuân Ôn : 272
Nguyễn Xuân Phương : 397
Nguyễn Xuân Thu : 404
Nguyễn Xuân Tư : 396
Nguyệt Đức (sông) : 150, 175, 567
Nguyệt Điều (xã) : 139
Ngự chế Việt sử tổng vịnh : 246, 253, 286

NH

Nhã Nam (đồn, xã) : 437, 441, 466, 490, 558
Nhạn Tháp (xã) : 151
Nhâm Liên : 405
Nhất thống chí : 255
Nhật Chiểu (sông) : 573
Nhị Hà (sông) : 12, 13, 203, 257, 258, 259, 299, 385, 417, 452, 571
Nhị Mễ (đê, xã) : 202, 299, 300
Nhiếp Văn Hồ : 404
Nho Lâm (xã) : 476
Nho Quan (phủ) : 164
Nhữ Văn Chiểu : 400

O

Ông (họ) : 242, 338, 352, 354, 358
Ông Đàm : 368, 393, 394
Ông Ích Khiêm : 41, 79, 99, 119, 213, 522, 542, 544, 548, 590, 609
Ông Thất : 205, 214, 215, 253, 271, 279, 310, 451, 456

P

Phạm Am : 301
Phạm Bá Ba : 495
Phạm Bá Hoán : 185
Phạm Bản : 402
Phạm Bành : 186, 187
Phạm Bính : 369, 467, 471, 489, 504, 511, 590
Phạm Bỉnh : 81
Phạm Cải : 403
Phạm Cấn : 397
Phạm Chân : 399
Phạm Cù : 400
Phạm Danh Ninh : 436
Phạm Doãn Địch : 306
Phạm Duy : 403
Phạm Duy Năng : 402
Phạm Duy Thanh : 402
Phạm Duy Trinh : 126
Phạm Đăng Ân : 115
Phạm Đăng Giảng : 76, 299, 526
Phạm Đăng Phẫn : 400
Phạm Đăng Tuấn : 42, 203
Phạm Đăng Tự : 398
Phạm Đề : 239
Phạm Điển : 403
Phạm Đình Cường : 436
Phạm Đình Hán : 404
Phạm Đình Môn : 399
Phạm Đình Tòu : 436
Phạm Đình Tiên : 436
Phạm Đình Thực : 524
Phạm Đức Hinh : 396
Phạm Đức Hựu : 401
Phạm Đức Trạch : 170
Phạm Giai : 470
Phạm Huỳnh : 403
Phạm Hữu Cát : 402
Phạm Hữu Dũng : 414

Phạm Hữu Đạo : 403
Phạm Hữu Hoá : 528
Phạm Hữu Nghị : 406
Phạm Hữu Quý : 126
Phạm Hữu Sắc : 400
Phạm Hữu Tạo : 517
Phạm Hữu Tuyển : 398
Phạm Hy Lương : 19, 26
Phạm Hy Lượng : 82
Phạm Khắc Âm : 403
Phạm Khuê : 397
Phạm Linh : 399
Phạm Na : 398
Phạm Nhi : 398
Phạm Như Xương : 125, 503, 583, 589
Phạm Nhưng Tảo : 403
Phạm Phổ : 197
Phạm Phú Thứ : 23, 25, 69, 70, 76, 79, 85, 95, 99, 110, 117, 119, 131, 135, 160, 170, 175, 189, 190, 197, 232, 245, 258, 263, 265, 270, 280, 281, 284, 289, 290, 306, 314, 318, 320, 333, 341, 342, 344, 368, 369, 388, 407, 429, 459, 462, 487, 504, 505
Phạm Phú Tịnh : 406
Phạm Quang Diệu : 52
Phạm Quảng : 403
Phạm Quay : 401
Phạm Quần : 404
Phạm Sĩ Thục : 242
Phạm Sĩ Tựu : 403
Phạm Tài : 403
Phạm Tải : 403
Phạm Tam Tỉnh : 246
Phạm Tình : 403
Phạm Thanh : 22, 191, 197, 240, 342
Phạm Thanh Thục : 587
Phạm Thận Duật : 7, 76, 103, 141, 156, 174, 188, 202, 228, 256, 257, 299, 316, 333, 338, 339, 382, 384, 417, 431, 455, 482, 487, 502, 541, 544, 550
Phạm Thị Đoan : 183
Phạm Thị Giảng : 183
Phạm Thị Huệ : 413
Phạm Thị Năm : 180
Phạm Thịnh : 397
Phạm Thu : 397
Phạm Tiến : 34, 49, 50, 420
Phạm Tiến Nhị : 400
Phạm Tình : 403
Phạm Trinh : 110, 193, 332, 406, 536
Phạm Trung Lương : 405
Phạm Tuỳ : 403
Phạm Văn Bách : 403
Phạm Văn Bạch : 406
Phạm Văn Bích : 404
Phạm Văn Bình : 400
Phạm Văn Cân : 402

Phạm Văn Chất : 405
Phạm Văn Chí : 403
Phạm Văn Chiểu : 403
Phạm Văn Diễn : 402
Phạm Văn Do : 403
Phạm Văn Đán : 405
Phạm Văn Đạo : 398
Phạm Văn Đệ : 290
Phạm Văn Đích : 401
Phạm Văn Đường : 401
Phạm Văn Giáo : 402, 406
Phạm Văn Hành : 239
Phạm Văn Hân : 370
Phạm Văn Hiện : 398
Phạm Văn Hiệu : 401
Phạm Văn Học : 405
Phạm Văn Hoan : 403
Phạm Văn Kết : 403
Phạm Văn Khẳng : 436
Phạm Văn Khinh : 398
Phạm Văn Khoả : 568
Phạm Văn Long : 406
Phạm Văn Lý : 404, 406
Phạm Văn Na : 398, 435
Phạm Văn Nghị : 26, 42, 81, 106, 274
Phạm Văn Ngoạn : 397
Phạm Văn Ngũ : 397
Phạm Văn Phú : 405, 406
Phạm Văn Quán : 405
Phạm Văn Quảng : 400
Phạm Văn Sáng : 405
Phạm Văn Sinh : 406
Phạm Văn Sự : 405
Phạm Văn Tại : 239
Phạm Văn Tạo : 398
Phạm Văn Tiên : 403
Phạm Văn Tiệp : 397
Phạm Văn Thai : 405
Phạm Văn Thành : 406
Phạm Văn Thân : 401
Phạm Văn Thịnh : 405
Phạm Văn Trân : 436
Phạm Văn Trận : 395
Phạm Văn Trì : 284, 316
Phạm Văn Trung : 405
Phạm Văn Tú : 398
Phạm Văn Tuệ : 167
Phạm Văn Tuyển : 406
Phạm Văn Tứ : 396
Phạm Văn Viễn : 399
Phạm Văn Vịnh : 402
Phạm Văn Vũ : 406
Phạm Văn Vỹ : 586
Phạm Viết Duy : 532
Phạm Viết Đắc : 397
Phạm Viết Thuận : 395

Phạm Viết Trang : 160, 543, 549, 595
Phạm Viết Tráng : 592
Phạm Viết Vinh : 403
Phạm Vũ Mẫn : 531
Phạm Xỉ : 403
Phạm Xuân : 125
Phạm Xuân Hạp : 403
Phạm Xuân Lượng : 203
Phạm Xuân Quang : 396
Phạm Xuân Tô : 403
Phạm Xưng : 390
Phạm Ý : 49, 53, 70, 107, 109, 125, 126, 143, 190, 201, 243, 270, 389, 413
Phan Bạch : 402
Phan Bình : 422
Phan Bính : 360, 371, 383, 411, 412
Phan Cảnh Nhị : 398
Phan Du : 125
Phan Dư : 66
Phan Đắc Điển : 23
Phan Đễ : 323
Phan Đình Bình : 40, 41, 108, 243, 301, 389, 410, 438, 513, 563, 582
Phan Đình Diên : 395
Phan Đình Phùng : 239, 447, 489, 505
Phan Đình Thông : 602
Phan Đình Tuấn : 126
Phan Đình Tuyển : 395
Phan Đức : 315
Phan Đức Trạch : 39, 326, 330
Phan Đức Vận : 399
Phan Gia Sách : 400
Phan Hợp : 403
Phan Huân : 38, 167
Phan Huy Nhuận : 339
Phan Huy Kiêm : 99, 144
Phan Huyên : 406
Phan Hữu Diễn : 396
Phan Khắc Bỉ : 402
Phan Khắc Giản : 406
Phan Khắc Khải : 156
Phan Khắc Kiệm : 251, 301, 458
Phan Khắc Thận : 156
Phan Khắc Vân : 402
Phan Kiêm Ích : 76
Phan Liêm : 458, 466, 495
Phan Long : 561
Phan Long Hiền : 402
Phan Lục : 419
Phan Minh Huy : 263, 326
Phan Như Lâm : 419
Phan Nghị : 532
Phan Quang Huề : 316
Phan Quang Vỹ : 396
Phan Sĩ Thục : 71, 80, 88, 104, 143, 287, 316, 330, 392, 556
Phan Tài Uy : 426
Phan Thanh Giản : 342

Phan Thành Giáo : 447, 479
Phan Thảo : 402
Phan Thị Én : 564
Phan Thị Thơm : 603
Phan Thiên Quảng : 401
Phan Thiện Quảng : 399
Phan Thiết (cửa biển) : 272
Phan Thuận : 403
Phan Thúc Trực : 246
Phan Tiến Xuân : 398
Phan Tình : 310, 427
Phan Tôn : 195
Phan Trọng Mưu : 339
Phan Trung : 39, 66, 142, 272, 339, 353, 402, 428, 476, 517
Phan Văn Ái : 414, 492, 493
Phan Văn Ân : 401
Phan Văn Bài : 402
Phan Văn Bàn : 399
Phan Văn Chệu : 406
Phan Văn Chiểu : 400
Phan Văn Cựu : 153
Phan Văn Diệm : 401
Phan Văn Dư : 18, 590
Phan Văn Đạt : 397
Phan Văn Đê : 405
Phan Văn Điển : 242
Phan Văn Hổ : 399
Phan Văn Lai : 405
Phan Văn Lập : 401
Phan Văn Lợi : 403
Phan Văn Nhã : 132
Phan Văn Nghi : 396
Phan Văn Phi : 399
Phan Văn Phu : 517
Phan Văn Quý : 332, 569
Phan Văn Thân : 400
Phan Văn Thiêm : 397
Phan Văn Thiểm : 406
Phan Văn Thông : 185
Phan Văn Thống : 395
Phan Văn Tín : 78
Phan Văn Tĩnh : 185
Phan Văn Tố : 399
Phan Văn Trãi : 399
Phan Văn Trinh : 405
Phan Văn Tú : 403
Phan Văn Tuý : 403
Phan Văn Tuyển : 50, 518, 529, 530
Phan Văn Việt : 155
Phan Văn Vũ : 406
Phan Văn Xương : 412
Phân Dương (ngã ba) : 202
Phần (sông) : 417, 452
Phê Chính Hoà : 309
Phi Liệt (xã) : 159
Phì Chính : 406

Phỉ Công Thứ : 404
Phong Doanh (huyện) : 166, 542
Phong Điền (huyện) : 296, 510
Phong Lưu (xã) : 150
Phong Trạch (vườn) : 159
Phổ Yên (huyện) : 24, 115, 154, 408
Phu-chi-nhi (giám mục người Pháp) : 185
Phù Cát (huyện) : 201, 275
Phù Cừ (huyện) : 260, 417, 449
Phù Lỗ (tổng) : 196
Phù Lưu (sở, xã) : 70, 558
Phù Mỹ (huyện) : 201, 253, 510
Phù Ninh (huyện) : 257, 275, 369, 371
Phù Yên (châu, huyện) : 211, 465, 473
Phú Bình (huyện) : 355, 392, 408
Phú Bình (phủ) : 515
Phú Bình công : 270
Phú Diễn (đồn) : 591
Phú Lãng Sa (nước) : 351, 385, 386, 387, 390
Phú Lợi (xã) : 122
Phú Lộc (huyện) : 296, 469, 510, 590
Phú Lộc (xã) : 122
Phú Lương (huyện) : 154
Phú Thái (thôn) : 92
Phú Thị (huyện) : 73
Phú Vinh (huyện) : 218, 296
Phú Vĩnh (huyện) : 510
Phú Xuyên (huyện) : 323
Phú Yên : 22, 72, 77, 118, 121, 124, 131, 136, 148, 157, 160, 163, 244, 273, 276, 277, 286, 289, 293, 308, 317, 325, 364, 367, 377, 383, 418, 420, 425, 426, 439, 442, 455, 459, 461, 476, 478, 502, 510, 511, 523, 531, 533, 542, 547, 554, 587
Phúc Bình : 465
Phúc Sơn (đồn) : 148
Phúc Thọ (huyện) : 73, 573
Phùng Danh Lưu : 139
Phùng Đình Hữu : 310
Phùng Hành (tổng) : 340
Phùng Sáng : 396
Phùng Trọng Chân : 396
Phùng Tử Tài : 309, 324, 339, 342, 367, 378, 382, 437
Phùng Văn Hoan : 400
Phụng Công (tổng) : 265, 417
Phụng Công (xã) : 202
Phụng Đắc Cố : 390
Phương La (tổng) : 196
Phượng Lâu (xã) : 202
Phụng Tiên (điện) : 72, 576
Phương Sâm : 436

Q

Quách Đình Chính : 373

Quan Hoá (châu) : 477, 491

Quang Dực (sông) : 417

Quang Minh (sở) : 579

Quảng Bình : 24, 25, 34, 39, 43, 45, 51, 64, 66, 78, 86, 87, 110, 111, 128, 132, 136, 142, 156, 162, 165, 167, 174, 179, 257, 265, 276, 282, 286, 287, 288, 289, 293, 294, 296, 301, 329, 371, 374, 377, 382, 384, 392, 395, 418, 420, 422, 425, 432, 435, 436, 441, 454, 491, 496, 502, 511, 522, 523, 531, 532, 544, 563, 573, 589, 593, 603, 608

Quảng Điền (huyện) : 64, 296, 508, 510, 543

Quảng Hoá (phủ) : 117, 526

Quảng Hợp (thôn) : 72

Quảng Lãng (sông) : 202, 258

Quảng Nam : 16, 23, 33, 50, 76, 79, 83, 88, 102, 108, 109, 117, 118, 124, 131, 136, 142, 148, 162, 163, 179, 185, 186, 189, 194, 195, 196, 201, 210, 213, 217, 225, 234, 235, 238, 257, 273, 274, 276, 282, 286, 288, 291, 293, 294, 296, 306, 307, 316, 317, 325, 326, 330, 334, 335, 339, 352, 360, 365, 366, 370, 371, 372, 374, 377, 383, 384, 389, 390, 392, 395, 396, 407, 412, 415, 418, 419, 420, 422, 425, 426, 428, 429, 431, 433, 451, 452, 456, 459, 460, 461, 467, 469, 492, 495, 496, 497, 502, 509, 510, 511, 517, 518, 521, 522, 523, 527, 531, 544, 551, 560, 581, 587, 589, 597

Quảng Ngãi : 21, 22, 33, 39, 40, 50, 77, 82, 88, 118, 124, 142, 143, 148, 153, 162, 163, 174, 179, 189, 194, 199, 201, 210, 231, 234, 235, 239, 242, 244, 257, 261, 274, 276, 283, 286, 293, 294, 296, 306, 307, 316, 317, 323, 325, 329, 333, 334, 356, 363, 364, 365, 366, 372, 376, 377, 383, 392, 395, 408, 411, 412, 413, 418, 426, 432, 435, 442, 452, 461, 468, 469, 487, 494, 496, 502, 511, 523, 527, 532, 560, 571, 586

Quảng Ninh (phủ) : 510

Quảng Ninh công : 286

Quảng Ninh quận vương : 286, 308

Quảng Oai (huyện) : 369

Quảng Tây : 6, 78, 89, 115, 127, 154, 192, 205, 212, 270, 285, 309, 313, 314, 315, 317, 324, 357, 359, 394, 420, 441, 540, 557, 566, 567, 571, 603

Quảng Thi (tổng) : 136

Quảng Trạch (phủ) : 86, 510

Quảng Trị : 22, 45, 50, 51, 108, 136, 142, 153, 160, 162, 165, 181, 185, 213, 226, 243, 251, 257, 276, 277, 280, 287, 288, 289, 295, 296, 301, 308, 329, 330, 339, 371, 377, 379, 382, 392, 394, 395, 408, 413, 418, 420, 425, 432, 441, 447, 458, 461, 469, 510, 511, 518, 522, 531, 533, 538, 544, 551, 556, 564, 587, 589, 593, 605, 608, 610

Quảng Tuần (cửa biển) : 51

Quảng Yên : 23, 28, 49, 54, 64, 77, 79, 88, 96, 105, 108, 115, 118, 135, 137, 139, 142, 144, 147, 150, 157, 158, 159, 162, 164, 165, 174, 178, 198, 201, 211, 213, 226, 232, 237, 238, 241, 250, 252, 271, 273, 277, 280, 281, 283, 285, 286, 289, 290, 299, 304, 313, 315, 338, 352, 353, 359, 376, 377, 415, 418, 420, 421, 449, 461, 466, 489, 495, 496, 497, 498, 505, 508, 511, 512, 516, 532, 533, 538, 540, 548, 554, 560, 572, 582, 602, 608

Quận Bắc (tên người) : 15

Quất (vụng) : 164

Quất Đông (xã) : 320

Quế Sơn (huyện) : 117, 196, 372, 510

Quy quốc công (đền) : 471

Quy Thuận (châu) : 538

Quỳ Châu (phủ) : 24, 28, 66, 510, 528

Quý Hoà (xã) : 476

Quý Hương : 212

Quyền (cửa sông) : 8, 465

Quỳnh Biểu (xã) : 150

Quỳnh Châu (phủ) : 538

Quỳnh Côi (huyện) : 374

Quỳnh Lâu (xã) : 150

Quỳnh Lưu (huyện) : 43, 421, 510

Quỳnh Nhai (huyện) : 211, 421, 476, 547

Quỳnh quốc công : 270, 582

S

Sài Giang (sông) : 189

Sài Trang : 202

Sam Cầu (xã) : 138

Sắc-tê (tàu Pháp) : 125

Sầm Na (huyện) : 117, 136, 181, 472, 468

Sầm Tộ (huyện) : 287, 487

Sô-ma-rô (tướng Pháp) : 51

Sơn Châu : 43

Sơn Dương (huyện) : 164, 275, 369, 391, 437, 510, 561

Sơn Đột : 397

Sơn Ngôi : 308, 348

Sơn Tây : 21, 24, 33, 41, 43, 50, 54, 73, 88, 100, 103, 107, 112, 116, 117, 126,

131, 132, 137, 139, 141, 142, 143, 144, 152, 153, 156, 162, 164, 165, 168, 190, 195, 200, 201, 230, 252, 257, 259, 262, 263, 273, 275, 277, 284, 285, 289, 291, 299, 304, 314, 316, 321, 339, 355, 366, 367, 369, 371, 373, 375, 376, 377, 382, 391, 393, 395, 408, 414, 418, 431, 433, 435, 437, 438, 439, 441, 442, 443, 447, 453, 461, 462, 476, 480, 483, 489, 491, 492, 497, 499, 511, 512, 513, 516, 519, 520, 526, 527, 528, 529, 530, 533, 535, 540, 547, 552, 557, 561, 563, 564, 565, 566, 570, 571, 573, 582, 583, 584, 587, 589, 591, 597, 601, 607, 608, 609

Suối Bốc (đồn) : 111

Suối Giờ : 433

T

Ta-mê (linh mục người Pháp) : 511

Tà My : 360, 460, 461

Tạ Danh Đức : 403

Tạ Hiện : 376, 532, 547, 557, 562, 569, 603, 604

Tạ Ngọc Đường : 271, 376

Tạ Phúc Thiện : 419

Tạ Thúc Dĩnh : 125

Tạ Trác : 403

Tạ Văn Đình : 401

Tạ Văn Đức : 405

Tạ Văn Hy : 406

Tạ Văn Lập : 405

Tạ Văn Lâu : 400

Tạ Văn Nghinh : 404

Tạ Văn Phượng : 93

Tạ Viễn : 403

Tài Cá Phổ : 427

Tam Nông (huyện) : 355

Tam Sung : 554

Tăng Quốc Thuyên : 550, 599

Tăng Văn Điểu : 402

Tăng Văn Đôn : 404

Tân An : 238

Tân Bình : 238

Tân Định (huyện) : 510

Tân Hoá : 170, 423, 471, 476, 547, 567

Tân Hỷ : 238

Tân Mỹ : 238

Tân Phú (thôn) : 131

Tân Phượng (thôn) : 131

Tấn (tên người) : 19, 37, 82

Tăng Viết Hộ : 402

Tiên Du (huyện) : 510

Tiên Giang (tổng) : 460
Tiên Lục : 192
Tiên Lữ (huyện) : 417, 449
Tiền Hải (huyện) : 166, 469, 510
Tĩnh Gia (phủ) : 43, 217, 510
Tĩnh Nê (mỏ vàng) : 289
Tĩnh Sơn (nguyên) : 419, 460
Tòng Hoá quận công : 108
Tô Huân : 27, 34
Tô Nguyên Chương : 212, 214, 223, 235
Tô Nhị : 419, 481
Tô Trân : 74, 342
Tô Văn Hạnh : 395
Tô Văn Xuân : 406
Tôn Huy Thân : 290
Tôn Thất Bá : 256, 518, 529, 530
Tôn Thất Côn : 502, 508, 588
Tôn Thất Diên : 333
Tôn Thất Duyệt : 21, 471, 491
Tôn Thất Dực : 121
Tôn Thất Đản (tức Nguyễn Đản) : 27
Tôn Thất Đảo : 526
Tôn Thất Đính : 147
Tôn Thất Đông : 415
Tôn Thất Đổng : 471
Tôn Thất Đường : 89
Tôn Thất Hiền : 415
Tôn Thất Hiệp : 213
Tôn Thất Hoà : 159
Tôn Thất Hoành : 573
Tôn Thất Hội : 256
Tôn Thất Hoè : 318, 595, 604
Tôn Thất Kỳ : 186, 295
Tôn Thất Lệ : 178
Tôn Thất Loan : 551, 583
Tôn Thất Luân : 339, 373
Tôn Thất Lữ : 301
Tôn Thất Lương Thành : 522
Tôn Thất Niêm : 339
Tôn Thất Nhàn : 396
Tôn Thất Phê : 34, 139, 187, 320, 556
Tôn Thất Phiên : 54, 132, 133, 179, 239, 255, 309, 315, 346, 364, 396, 422, 455, 458, 468, 477, 526, 582, 597
Tôn Thất Soạn : 158
Tôn Thất Sở : 433
Tôn Thất Thạ : 595, 610, 611
Tôn Thất Thái : 580
Tôn Thất Thải : 125, 171, 517
Tôn Thất Thận : 263, 275
Tôn Thất Thế : 139, 270, 306, 455, 588, 592
Tôn Thất Thi : 395
Tôn Thất Thuyết : 18, 23, 24, 43, 49, 50, 67, 71, 74, 79, 83, 84, 88, 95, 102, 103, 106, 111, 118, 119, 124, 125, 133, 135, 138, 141, 147, 152, 153, 169, 174, 175, 180, 184, 191, 193,

195, 198, 200, 211, 213, 214, 215, 223, 224, 241, 243, 253, 431, 465, 502, 503, 510, 525, 573, 574, 578, 581, 582, 589, 590, 592, 594, 596, 597, 609

Tôn Thất Tích : 75, 178, 179, 415

Tôn Thất Tĩnh : 43, 97, 117, 161, 171, 235, 236, 296, 313, 389

Tôn Thất Trạc : 239, 240

Tôn Thất Tràng : 369, 379, 383

Tôn Thất Trắc : 40, 41, 419

Tôn Thất Trĩ : 396

Tôn Thất Triệt : 8, 19, 26, 33, 82, 583

Tôn Thất Trường : 487, 565, 582, 603

Tôn Thất Tư : 98, 99, 185, 186, 275

Tôn Thất Tự : 309

Tôn Thất Ty : 103, 139, 171

Tôn Thất Uý : 339, 583

Tôn Thất Vịnh : 526

Tống Duy Tân : 125

Tống Đức Long : 458

Tống Hữu Trí : 38

Tống Phúc Giai : 471

Tống Phúc Trạch : 186, 187, 256, 257, 326

Tống Sơn (huyện) : 547, 607

Tống Văn Thanh : 403

Tống Văn Thành : 404

Tống Văn Vinh : 404

Tụ Long : 128

Tuân Dụ (trạm) : 523

Tuần Giáo (châu) : 211, 421, 476, 547

Tuần La : 43

Tuấn Kiệt (xã) : 476

Tùng Hoá quận công : 270

Tùng Thiện quận vương : 270, 308

Tuy Hoà (huyện) : 273, 510

Tuy Hoà quận công : 582

Tuy Lý công : 270

Tuy Lý quận vương : 270, 297, 324, 379, 541, 574, 582

Tuy Lý vương : 582, 585, 608, 609, 610

Tuy Thịnh quận công : 101, 308

Tuy Viễn (huyện) : 201, 275

Tuyên Quang : 26, 33, 36, 41, 43, 50, 67, 68, 73, 77, 86, 103, 105, 111, 118, 119, 121, 124, 126, 128, 133, 135, 137, 138, 140, 141, 149, 154, 157, 162, 164, 185, 194, 197, 198, 199, 203, 211, 215, 217, 235, 237, 242, 260, 273, 277, 301, 304, 308, 320, 339, 340, 343, 345, 356, 358, 359, 367, 368, 369, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 382, 384, 391, 392, 410, 415, 418, 419, 424, 427, 429, 431, 436, 437, 439, 441, 442, 443, 446, 449, 450, 451, 456, 460, 472, 481, 491, 498, 501, 502, 509, 511, 512, 517, 530, 541, 543, 544, 548, 549, 552, 569, 582, 587, 603

Tư Hiền (cửa biển) : 34, 45, 121, 239, 244, 283, 284, 290, 471, 534, 588, 591, 601
Tư Hoà (cửa biển) : 36
Tư Nông (huyện) : 24, 154, 408
Từ (vụng) : 164
Từ Diên Húc : 566, 571, 572
Từ Gia Dương : 23
Từ Hồ : 202
Từ Sơn (phủ) : 196, 313, 510, 567, 572
Từ Thức (động) : 557
Từ Úc : 128
Từ Văn Mão : 399
Từ Văn Sĩ : 148, 149
Từ Văn Thận : 404
Từ Văn Thịnh : 401
Tứ Cung (xã) : 82
Tứ Kỳ (huyện) : 242, 265, 290
Tức Mặc (xã) : 73, 413
Tương An (huyện, phủ) : 164, 260, 510
Tương An công : 286
Tương An quận vương : 286, 308
Tương Dương (huyện) : 510, 528, 554
Tương Yên (huyện) : 121

TH

Thạch Bích (man) : 383
Thạch Hà (huyện) : 25, 27, 48, 540
Thạch Kiều (xã) : 196
Thạch Lâm (mỏ bạc) : 148
Thạch Quảng : 136
Thạch Thanh Tuyền : 471
Thạch Thành (nguyên) : 72
Thạch Yên (huyện) : 510
Thai Dương (chợ) : 214
Thai Dương (cửa biển) : 156
Thai Dương (đồn, xã) : 446, 543, 589, 591
Thai Suý : 72
Thái Bình (cửa biển) : 417, 452
Thái Bình (phủ) : 237, 245, 249, 285, 356, 510, 557, 569
Thái Cần (cửa biển) : 231
Thái Doãn Kế : 402
Thái Dương (chợ) : 340
Thái Nguyên : 6, 9, 24, 25, 42, 43, 51, 64, 81, 83, 83, 84, 86, 88, 103, 115, 116, 118, 119, 124, 125, 133, 138, 141, 143, 147, 150, 153, 154, 157, 162, 166, 174, 180, 184, 185, 188, 192, 193, 194, 195, 197, 198, 200, 201, 205, 209, 211, 213, 215, 228, 232, 233, 243, 248, 253, 262, 273, 277, 281, 301, 304, 309, 310, 314, 320, 324, 326, 332, 333, 339, 343, 345,

352, 355, 356, 358, 359, 363, 366, 367, 368, 371, 372, 373, 374, 375, 377, 382, 391, 392, 407, 409, 414, 415, 418, 419, 420, 421, 423, 427, 429, 431, 436, 437, 439, 441, 442, 449, 450, 451, 452, 453, 456, 457, 462, 464, 465, 466, 467, 469, 471, 472, 481, 489, 497, 501, 502, 509, 512, 513, 515, 516, 520, 525, 529, 530, 531, 534, 540, 543, 544, 546, 547, 548, 549, 552, 557, 568, 569, 583

Thái Thuận (thôn) : 122

Thái Văn Cát : 404

Thái Văn Khiết : 402

Thái Văn Nhiễm : 401

Thái Văn Ngôn : 402

Thái Văn Sử : 405

Thanh (người) : 106, 141, 142, 325, 358, 421, 544

Thanh (nước) : 6, 9, 15, 21, 24, 29, 33, 51, 67, 68, 71, 72, 77, 78, 81, 85, 88, 89, 90, 95, 98, 103, 107, 108, 111, 118, 121, 124, 125, 127, 128, 130, 131, 133, 135, 138, 142, 148, 152, 154, 156, 159, 161, 162, 168, 170, 174, 178, 179, 180, 181, 184, 192, 194, 195, 196, 198, 199, 203, 205, 206, 209, 210, 212, 214, 215, 217, 233, 235, 237, 241, 242, 244, 245, 253, 260, 262, 265, 270, 271, 279, 280, 281, 283, 284, 287, 288, 289, 304, 307, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 319, 320, 323, 324, 329, 332, 333, 338, 339, 342, 343, 344, 345, 351, 352, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 363, 365, 366, 368, 369, 373, 374, 376, 378, 382, 392, 393, 409, 415, 418, 419, 420, 421, 425, 426, 429, 436, 438, 440, 443, 451, 454, 456, 458, 459, 461, 462, 463, 465, 467, 470, 471, 472, 473, 480, 481, 485, 486, 488, 489, 490, 495, 496, 497, 498, 499, 501, 502, 503, 504, 506, 507, 509, 521, 522, 523, 525, 526, 528, 529, 535, 538, 539, 540, 541, 542, 544, 548, 549, 550, 551, 552, 554, 556, 557, 559, 563, 566, 567, 568, 569, 571, 584, 591, 596, 597, 599, 603, 605

Thanh Ba (huyện hạt) : 391, 476

Thanh Chương (huyện) : 8, 24, 426

Thanh Hoá : 6, 7, 8, 39, 43, 45, 50, 51, 66, 67, 73, 77, 94, 97, 100, 108, 114, 117, 124, 126, 128, 136, 142, 156, 157, 161, 162, 166, 170, 171, 181, 185, 186, 194, 199, 201, 206, 210, 213, 214, 217, 228, 233, 235, 250, 251, 257, 263, 273, 275, 276, 277, 281, 289, 292, 296, 301, 306, 308, 309, 329, 335, 339, 346, 353, 355, 364, 375, 377, 382, 393, 418, 419, 422, 424, 431, 435, 436, 442, 443, 447, 455, 458, 461, 465, 468, 472, 474, 477, 482, 483, 486, 491, 495, 496, 502, 505, 511, 517, 522, 523,

526, 527, 531, 549, 550, 557, 558, 561, 567, 568, 581, 582, 594, 601, 603, 604, 605, 606

Thanh Hoá (trường thi) : 66, 77, 206, 250, 281, 289, 442, 531

Thanh Lãng (sách) : 25, 51

Thanh Liêm (huyện) : 17, 275

Thanh Lương : 192

Thanh Miện (huyện) : 242

Thanh Nga (ngã ba) : 202

Thanh - Nghệ : 22, 77, 98, 108, 112, 196, 241, 250, 310, 463, 464, 494, 536, 552, 567

Thanh Oai (huyện) : 15, 52, 468, 500

Thanh Sơn (huyện) : 140, 168, 211, 339, 457, 476, 510

Thanh Thuỷ (giáp) : 462

Thanh Thuỷ (huyện) : 211, 510

Thanh Trì (huyện) : 15

Thanh Trúc (thôn) : 433, 460

Thành hoàng (miếu) : 327, 439

Thao (sông) : 67, 68, 85, 127, 150, 192, 203, 369

Thảo Văn Hợp : 402

Thân Trọng Chữ : 156

Thân Văn Nhiếp : 143, 156

Thân Văn Sinh : 400

Thân Văn Tường : 404

Thần Đầu : 48

Thập Châu : 127, 140, 162, 285, 375, 550, 552

Thi Điện : 240, 414

Thi Đình : 125, 259, 339, 340, 342, 415

Thi Hội : 7, 22, 46, 74, 75, 101, 111, 116, 125, 240, 247, 259, 269, 303, 336, 337, 339, 340, 342, 408, 413, 416, 421, 500, 501, 522, 544

Thi Hương : 7, 22, 37, 46, 66, 74, 77, 110, 197, 206, 250, 259, 269, 281, 284, 289, 292, 310, 317, 336, 337, 364, 368, 441, 500, 538

Thi Khảo khoá : 457

Thị Đông : 264

Thi Nại (cửa biển) : 12, 55, 63, 128, 179, 194, 196, 385, 386, 478, 587

Thiên Thụ (lăng) : 289

Thiện Kỵ (xã) : 44

Thiều Văn Dưỡng : 402

Thịnh Minh (xã) : 122

Thọ Lộc (thôn) : 122

Thọ Thành (cửa cống) : 457

Thọ Xuân (phủ) : 117, 435

Thọ Xuân công : 27

Thọ Xuân huyện công : 279

Thọ Xuân quận vương : 80, 218, 270, 279

Thọ Xuân vương : 270, 306, 360, 369, 379, 380, 423, 482, 541, 574

Thọ Xương (huyện) : 510

Thoát Lãng (châu) : 174, 506, 548

Thổ (người) : 23, 28, 66, 75, 86, 111, 138, 144, 148, 164, 279, 282, 288, 307, 334, 353, 391, 421, 468, 484, 490

Thông Hoá : 212, 262, 408, 427

Thu Châu (châu) : 73, 105, 124, 491

Thu Long (cửa biển) : 330

Thuận An (cửa biển) : 20, 21, 33, 45, 49, 62, 109, 117, 121, 124, 126, 128, 163, 183, 187, 214, 238, 242, 244, 262, 271, 280, 282, 286, 290, 294, 317, 340, 356, 443, 445, 452, 456, 464, 466, 470, 473, 478, 485, 523, 524, 525, 531, 537, 551, 556, 557, 559, 581, 582, 584, 588, 589, 590, 591, 593, 596, 597, 598, 609, 610

Thuận Châu : 211, 233, 476, 547

Thuận Hoà (xã) : 446, 510, 537

Thuận Tiệp (tàu) : 49, 164, 200, 452, 467, 471, 588

Thục Luyện (đồn) : 168, 375, 438, 476, 529, 530, 540, 547

Thục Luyện (xã) : 140

Thuý Vân (núi) : 34, 36, 239, 244, 283, 284, 290, 471

Thuỷ Anh (huyện) : 510

Thuỷ Đường (huyện) : 49, 53, 510, 558

Thuỷ Vĩ (châu) : 20, 203

Thuỷ Xá (nước) : 101, 179, 308, 348

Thuỵ Nguyên (huyện) : 136

Thư Lâm (tổng) : 196

Thừa Hoá (trạm) : 407

Thừa Lưu (trạm) : 407

Thừa Phúc (cửa biển) : 22

Thừa Phúc (trạm) : 407

Thừa Thiên (phủ) : 22, 27, 37, 44, 66, 67, 77, 78, 82, 88, 92, 107, 123, 127, 148, 155, 156, 159, 162, 164, 172, 184, 185, 189, 192, 206, 210, 211, 213, 235, 250, 253, 254, 256, 257, 276, 281, 284, 287, 289, 293, 294, 295, 296, 307, 308, 323, 329, 330, 336, 346, 349, 352, 360, 377, 390, 392, 394, 395, 396, 397, 407, 418, 420, 425, 426, 432, 433, 441, 442, 446, 447, 456, 461, 462, 484, 492, 493, 494, 501, 503, 505, 508, 509, 510, 511, 531, 534, 541, 542, 543, 544, 572, 581, 585, 588, 589, 590, 593, 595, 601, 605, 608, 609, 611

Thừa Thiên (tỉnh) : 289, 377, 456, 531, 534, 590

Thừa Thiên (trường thi) : 66, 77, 206, 250, 281, 284, 442, 531

Thực lục Chính biên : 255, 263, 364

Thực lục Tiền biên : 255

Thường Xuân (châu) : 117, 477

Thượng Đông Thành (thôn) : 290

Thượng Đồng : 202

Thượng Hội (xã) : 37

Thượng Lưu (tổng) : 86

Thượng Phúc (huyện) : 119

Thượng Thạch (huyện) : 154

Thượng Vụ : 192

TR

Trà Kiều (xã) : 196
Trà Lý (cửa biển) : 144, 363, 369, 458, 558
Trà Linh (núi) : 225
Trà Quý Bình : 235, 283, 306
Trà Sơn : 196
Trà Sơn (núi) : 282
Trà Úc : 589
Trà Vân (nguyên) : 143, 333
Trảo Văn Trực : 405
Trần Bạch Lân : 527
Trần Bân : 126, 185
Trần Bích : 402
Trần Bình : 21, 24, 68, 76, 83, 121, 126, 143, 150, 156, 175, 236, 247, 271
Trần Cán : 406
Trần Chí Thiện : 402
Trần Củ : 404
Trần Chước : 200
Trần Chước Quýnh : 23
Trần Danh Hiển : 397
Trần Danh Mỹ : 326
Trần Danh Phương : 340
Trần Danh Trứ : 538
Trần Dĩ Mô : 358
Trần Diệu : 396
Trần Doãn : 280
Trần Duy Giác : 375
Trần Duy Hoà : 510
Trần Duy Khoa : 396
Trần Duy Nghiêm : 331
Trần Duy Trân : 395
Trần Đang Huy : 397
Trần Đại Ninh : 397
Trần Đản : 395
Trần Đạo Tiềm : 415
Trần Đạt : 611
Trần Đắc Quý : 451, 463, 566
Trần Đăng Giai : 400
Trần Điển : 76
Trần Đình Bình : 526
Trần Đình Kham : 431
Trần Đình Lãng : 398
Trần Đình Liêm : 153, 264, 316, 326, 376, 378
Trần Đình Phong : 249, 339
Trần Đình Quý : 400
Trần Đình Tái : 396
Trần Đình Tân : 543
Trần Đình Thị : 436
Trần Đình Thức : 48
Trần Đình Túc : 7, 24, 52, 85, 95, 156, 189, 190, 251, 256, 258, 280, 306,

333, 340, 367, 390, 393, 394, 408, 419, 492, 519, 520, 527, 528, 538, 541, 547, 571, 581, 590, 591, 601, 607
Trần Đình Tự : 405
Trần Đình Viện : 523
Trần Đình Xuân : 323
Trần Đô : 396
Trần Đôn Khâm : 396
Trần Đức Dinh : 405
Trần Đức Mậu : 167
Trần Đức Mỹ : 404
Trần Đức Nghiệp : 338
Trần Đức Phác : 38, 400
Trần Đức Triều : 310, 319, 358, 473 Trần Đức Vũ : 405
Trần Hanh : 489, 594
Trần Hoà : 395
Trần Huy Án : 402
Trần Huy Liễu : 339
Trần Huy San : 398
Trần Hữu Bút : 405
Trần Hữu Châu : 400
Trần Hữu Chiêm : 402
Trần Hữu Dốc : 402
Trần Hữu Hải : 404
Trần Hữu Học : 284
Trần Hữu Khác : 239
Trần Hữu Niên : 185, 396
Trần Hữu Thái : 397
Trần Hữu Thịnh : 399
Trần Hữu Thuận : 395
Trần Hữu Tuấn : 398
Trần Hữu Vận : 396
Trần Hữu Viết : 465, 550
Trần Hy Tăng (tức Trần Bích San) : 39, 51, 66, 156, 165, 190, 251, 255, 342
Trần Khai Kim : 142
Trần Kim Sự : 401
Trần Kình : 399
Trần Khánh Tiến : 420
Trần Khắc Trung : 598
Trần Kỷ : 414
Trần Lục : 567
Trần Luận : 403
Trần Lương Đăng : 396
Trần Lưu Huệ : 272, 319, 529, 547, 573
Trần Mậu : 343
Trần Nghiêm : 399
Trần Ngọc Chấn : 403
Trần Ngọc Khuê : 399
Trần Ngọc Liễn : 397, 566
Trần Ngọc Thuỵ : 400
Trần Ngọc Trúc : 177
Trần Ngọc Trưng : 523
Trần Nguyên : 405
Trần Nhân Tông : 263
Trần Nhật Hiển : 396
Trần Nhị : 241

Trần Như Sơn : 170
Trần Nhượng : 455, 465, 521, 551, 556, 582
Trần Pháp : 526
Trần Phát : 239
Trần Phong Điển : 210
Trần Quang Cán (tức Đội Lựu) : 24, 34, 65
Trần Quang Chung : 308
Trần Quang Hà : 395
Trần Quang Huấn : 271, 466, 470
Trần Quốc Tuấn (đền) : 284, 286, 413
Trần Quyết : 406
Trần Tài : 569
Trần Tâm : 398
Trần Thành : 402
Trần Thắc : 452
Trần Thị : 585
Trần Thị Củng : 338
Trần Thị Nghiêm : 230
Trần Thị Thành : 289
Trần Thị Thoả : 413
Trần Thúc Nhận : 234, 239, 240, 295, 464, 496, 506, 556, 580, 582, 589
Trần Tiễn Thành : 37, 86, 97, 98, 124, 178, 255, 270, 298, 305, 367, 424, 432, 446, 450, 452, 455, 484, 487, 496, 504, 524, 525, 549, 573, 574, 579, 582, 594, 596, 599, 609
Trần Trang : 396
Trần Tri : 598
Trần Trì : 396
Trần Trị : 583
Trần Triều Cương : 343
Trần Trợ : 405
Trần Truyền : 428
Trần Tu : 398
Trần Tư : 229
Trần Tử Giảng : 403
Trần Tường : 263
Trần Văn Cao : 569
Trần Văn Chất : 400
Trần Văn Chiếu : 396
Trần Văn Chiểu : 399, 401
Trần Văn Chinh : 404
Trần Văn Chuẩn : 39, 66, 165, 180, 184, 188, 198, 200, 213, 258, 353, 414, 455, 458, 490, 502, 554, 582, 591, 598, 599
Trần Văn Củ : 404
Trần Văn Cư : 562, 610
Trần Văn Diên : 400
Trần Văn Dính : 404
Trần Văn Doanh : 400
Trần Văn Dụng : 404
Trần Văn Dư : 402, 587
Trần Văn Đá : 402
Trần Văn Đảng : 400
Trần Văn Đệ : 398

Trần Văn Hán : 402, 406
Trần Văn Hiền : 405
Trần Văn Huấn : 436, 438
Trần Văn Hùng : 399, 400, 414
Trần Văn Kế : 306, 408
Trần Văn Khả : 185, 401
Trần Văn Kiểm (100 tuổi) : 33
Trần Văn Lân : 405
Trần Văn Liễu : 398
Trần Văn Lộc : 402
Trần Văn Luận : 399
Trần Văn Luyện : 397
Trần Văn Lương : 403
Trần Văn Lưỡng : 372
Trần Văn Mô : 403
Trần Văn Mỹ : 262, 400
Trần Văn Nghị : 399
Trần Văn Nghiệp : 156
Trần Văn Ngoan : 364
Trần Văn Nhất : 399
Trần Văn Nhu : 404
Trần Văn Niên : 493
Trần Văn Nục : 401
Trần Văn Oai : 402
Trần Văn Phác : 423
Trần Văn Quảng : 398
Trần Văn Quy : 398
Trần Văn Sinh : 402
Trần Văn Rư : 125
Trần Văn Tài : 587
Trần Văn Tái : 401
Trần Văn Thanh : 400
Trần Văn Thành : 400
Trần Văn Thị : 403
Trần Văn Thiềm : 225
Trần Văn Thiều : 16, 83, 117, 210
Trần Văn Thiệu : 396
Trần Văn Thôn : 399
Trần Văn Thuận : 401
Trần Văn Thứ : 397
Trần Văn Thước : 406
Trần Văn Tiếp : 403
Trần Văn Tình : 400
Trần Văn Tỉnh : 588
Trần Văn Trào : 405
Trần Văn Trì : 404
Trần Văn Trị : 400
Trần Văn Triển : 436
Trần Văn Trung : 156
Trần Văn Trực : 404
Trần Văn Tú : 436
Trần Văn Tuy : 27, 75, 98, 99, 148, 170, 251, 271, 320, 338, 505, 511, 525
Trần Văn Tuyên : 549
Trần Văn Tư : 400
Trần Văn Tý : 399
Trần Văn Úc : 274, 344

Trần Văn Uy : 395
Trần Văn Ư : 404
Trần Viết Xử : 397
Trần Vĩnh Cát : 396
Trần Vy : 401
Trần Vũ : 517
Trần Xiển : 406
Trần Xuân Du : 401
Trần Xuân Hoà : 395
Trần Xuân Sắc : 339
Trần Xuân Soạn : 315, 471, 498, 558, 562, 581, 595, 611
Trấn Biên (phủ) : 211, 287, 496
Trấn Hải (thành) : 390, 531, 542, 589, 590, 591
Trấn Lao (đồn) : 153, 581
Trấn Ninh (phủ) : 33, 88, 162, 163, 181, 223, 287, 320, 351, 380, 496
Trấn Tĩnh (phủ) : 496
Trấn Tĩnh Đình hầu : 140
Trấn Tĩnh Đường hầu : 140
Trấn Tĩnh quận công : 108, 140, 270
Trấn Yên (huyện) : 20, 510, 539
Trận (tên người) : 67, 106
Triệu Ba Đan : 51, 83
Triệu Duy Thanh : 285
Triệu Đạo : 107
Triệu Đức Vọng : 392, 409, 429
Triệu Ốc : 118, 125, 133, 135, 138, 154, 159, 270, 289, 310, 313, 315, 324, 543, 544, 569, 572
Triệu Phong (phủ) : 277, 510, 511
Triệu Phong quận công : 228, 229
Triệu Quảng Hán : 92, 609
Triệu Sung Quốc : 345
Triệu Tam : 419
Triệu Tiến Quốc : 164
Triệu Văn Tài : 340
Trinh quán chính yếu (tên sách) : 545
Trình Âu : 262
Trình Cố (huyện) : 6, 97, 117, 136, 436, 458, 472, 473, 486
Trịnh Bao : 399
Trịnh Đăng Ất : 395
Trịnh Hoài Mỹ : 364
Trịnh Sĩ Lý : 403
Trịnh Văn Bính : 406
Trịnh Văn Hào : 406
Trịnh Văn Khải : 403
Trịnh Văn Kỳ : 403
Trịnh Văn Lạc : 592
Trịnh Văn Lục : 406
Trịnh Văn Quỳnh : 406
Trịnh Văn Toản : 406
Trịnh Văn Vân : 401
Trịnh Văn Viện : 405
Trịnh Xuân Điền : 521

Trịnh Xuân Hoành : 397

Trôi (sông) : 150

Trung Năng (xã) : 115

Trung Nghĩa (đền) : 109, 110, 129, 235, 268, 394, 530, 565, 592

Trung Phúc (xã) : 196

Trung Quốc: 7, 70, 94, 249, 285, 356, 357, 393, 413, 505, 538, 539, 540, 554, 559, 571, 592, 607

Trùng Khánh (phủ) : 28, 209, 425, 428, 462, 510

Trương Ba Phúc : 409

Trương Duyên : 395

Trương Dương (phủ) : 24, 34

Trương Dưỡng : 401

Trương Đăng Quế : 101, 308

Trương Đăng Tiến : 395

Trương Đình Ba : 403

Trương Đình Đa : 403

Trương Định : 81, 82, 283, 461

Trương Đức Hùng : 397

Trương Đức Quảng : 396

Trương Đức Uẩn : 415

Trương Gia Hội : 141, 142, 177, 225, 256

Trương Giảng : 403

Trương Hoài Đĩnh : 372

Trương Hữu Du : 399

Trương Hữu Phúc : 399

Trương Khắc Kiệm : 558

Trương Mẫn : 399

Trương Ngoan : 401

Trương Ngọc Vũ : 399

Trương Phúc Thừa : 405

Trương Quang Đản : 97, 117, 136, 171, 186, 301, 314, 315, 320, 324, 339, 343, 354, 356, 366, 382, 388, 391, 419, 420, 421, 422, 423, 428, 432, 436, 437, 440, 449, 450, 465, 466, 467, 472, 490, 501, 509, 512, 516, 525, 526, 535, 536, 540, 543, 557, 558, 560, 562, 563, 565, 566, 569, 571, 582, 586, 605

Trương Quang Thủ : 25, 34, 51, 128

Trương Quang Viên : 397

Trương Quốc Dụng : 342, 394

Trương Tài : 405

Trương Thập : 211, 212, 226

Trương Thập Nhị : 184, 214

Trương Thị : 578

Trương Thiện Thuật : 526

Trương Tiễu : 396

Trương Thụ Thanh : 314, 324, 464, 539

Trương Tu Chí : 231

Trương Tu Phúc : 231

Trương Văn Ban : 106, 211

Trương Văn Bính : 395

Trương Văn Chính : 523

Trương Văn Do : 402

Trương Văn Đễ : 43, 49, 50, 67, 106, 201, 213, 301339, 430, 452, 523, 581, 589, 609

Trương Văn Đức : 406

Trương Văn Hậu : 604

Trương Văn Hùng : 160, 193, 332, 491, 517, 580

Trương Văn Sán : 287

Trương Văn Tạo : 402

Trương Văn Thanh : 467

Trương Văn Thiện : 398

Trương Văn Tiên : 402

Trương Văn Tiền : 401

Trương Vệ : 402

Trương Vĩnh Ký : 166

Trương Xưởng : 289

Trường Cơ (lăng) : 278, 451

Trường Định (phủ) : 28, 209

Trường Khánh (phủ) : 28, 209, 425, 428, 462, 510

Trường Lạc (cung) : 347

Trường Lạc (xã) : 122

U

Úc Tân : 193

Ung Văn Lý : 398

Uy quốc công : 213

Uyên giám loại hàm (sách) : 168

Ưng Chân : 79, 231, 273, 555, 574, 575, 576, 578

Ưng Đăng : 79, 542, 575

Ưng Hỗ : 575

Ưng Kỹ : 555, 575

Ưng Thị : 79

Ứng Hoà (phủ) : 39, 156, 510, 543, 546, 552

V

Vạn Phái : 192

Vạn Phúc : 119

Vạn Phúc (tổng) : 160

Vạn Tượng (nước) : 98, 468

Văn Bàn (châu) : 211, 398

Văn Bỉnh Hùng : 346, 408

Văn Chấn (châu, huyện) : 20, 211, 423, 476, 510

Văn Đức Khuê : 395

Văn Giang (đê) : 108, 119, 151, 159, 184, 202, 353, 442, 452, 538, 551

Văn Giang (huyện) : 257, 258, 265, 299, 300, 353, 538

Văn Giang (sông) : 511, 560
Văn Lãng (huyện) : 154
Văn Lãng quận công : 166, 229, 270, 578
Văn miếu : 268, 327, 595, 604
Văn Minh (điện) : 65, 96, 602, 609
Văn Ngọc Thuỵ : 397
Văn Phú Cẩn : 408, 517
Văn Phú Chư : 396
Văn Phú Lương : 595
Văn Thai (xã) : 476
Văn Tiến Chiểu : 395
Văn Úc (cửa biển) : 417
Vân (núi) : 164
Vân Đồn (đồn) : 290, 497, 516
Vân Mạc (đồn) : 400, 440
Vân Trai (tổng) : 199
Vi-e (người Pháp) : 569, 570
Vi Văn Lý : 209, 420, 429
Vĩ Dã (xã) : 170
Vị Dương (xã) : 150
Vị Hoàng (sông) : 559
Vị Xuyên (châu) : 121, 491, 510
Việt Nam : 539, 540
Việt Yên (huyện) : 409
Vinh Quý (kho) : 460
Vĩnh Bảo (huyện) : 371, 432
Vĩnh Điện (sông) : 117, 118, 189
Vĩnh Định (sông) : 420
Vĩnh Hảo (thôn) : 272
Vĩnh Lại (huyện) : 371, 432
Vĩnh Lại hầu : 101
Vĩnh Long : 10
Vĩnh Lộc (huyện) : 136
Vĩnh Lộc quận công : 103, 549
Vĩnh Nghĩa (xã) : 476
Vĩnh Tuy (huyện) : 121, 491, 510
Vĩnh Tường (phủ) : 369, 407, 424, 510
Võ Nhai (huyện) : 154, 510, 534
Vũ Bá Cừ : 400
Vũ Bá Niên : 400
Vũ Cạnh : 398
Vũ Duy Hinh : 403
Vũ Duy Khảng : 406
Vũ Duy Thanh : 246
Vũ Duy Trinh : 102
Vũ Duy Vỹ : 179
Vũ Đắc Lộc : 398
Vũ Đình Cổn : 401
Vũ Đình Diễm : 401
Vũ Đình Quyên : 402
Vũ Đình Tân : 436
Vũ Đình Thanh : 436
Vũ Đình Xâm : 435
Vũ Định : 404
Vũ Đức Mậu : 435
Vũ Đường : 40, 41, 203

Vũ Giác (tức Chù) : 568
Vũ Hiệp : 405
Vũ Hoan : 396
Vũ Hổ : 396
Vũ Huy Bảng : 399
Vũ Huy Dực : 246
Vũ Huy Thuỵ : 51, 84, 180, 198, 200, 279, 320
Vũ Hữu Liễn : 505
Vũ Hữu Lợi : 125
Vũ Hữu Ngọc : 462
Vũ Ích Khiêm : 86, 365, 608
Vũ Kế Xuân : 493
Vũ Khoa : 104, 143, 228, 326, 330
Vũ Lã : 39, 51, 66, 88, 175, 184
Vũ Liên : 280, 565
Vũ Luân : 403
Vũ Mão : 402
Vũ Như Thành : 396
Vũ Nhự : 490, 492, 493, 502, 503, 519, 536, 599
Vũ Phạm Khải : 493
Vũ Tảo : 394
Vũ Thành : 396
Vũ Thắng : 397
Vũ Thị : 553
Vũ Thị Chân : 428
Vũ Thị Nhạ : 413
Vũ Thị Sáu : 183
Vũ Thuật : 397
Vũ Tiến Đảng : 396
Vũ Trí Lai : 404
Vũ Trọng Bình : 6, 25, 38, 41, 66, 90, 118, 119, 132, 137, 141, 162, 251, 258, 271, 275, 367, 373, 415, 424, 431, 447, 484, 542, 549, 558, 559, 560, 565, 584
Vũ Tuấn : 339
Vũ Túc : 131, 301, 318, 595, 598
Vũ Ưng : 403
Vũ Văn Bách : 396
Vũ Văn Bỉnh : 396
Vũ Văn Chấn : 401
Vũ Văn Chợ : 403
Vũ Văn Cung : 326
Vũ Văn Cử : 402
Vũ Văn Đào : 404
Vũ Văn Đạt : 403
Vũ Văn Đính : 403
Vũ Văn Đức : 517, 524, 543, 595
Vũ Văn Giải : 308, 543
Vũ Văn Hoà : 398
Vũ Văn Hoá : 399
Vũ Văn Hoành : 400
Vũ Văn Học : 403
Vũ Văn Kế : 403
Vũ Văn Khuyến : 398
Vũ Văn Ký : 400

Vũ Văn Lập : 291
Vũ Văn Liễu : 402
Vũ Văn Mai : 542
Vũ Văn Mao : 405
Vũ Văn Nhiêu : 406
Vũ Văn Phong : 400
Vũ Văn Phú : 252
Vũ Văn Phùng : 395
Vũ Văn Sáu : 405
Vũ Văn Tài : 401
Vũ Văn Tha : 581
Vũ Văn Thanh : 292
Vũ Văn Thành : 401
Vũ Văn Thìn : 398
Vũ Văn Thung : 405
Vũ Văn Thức : 405
Vũ Văn Tiến : 402
Vũ Văn Tống : 436
Vũ Văn Trang : 403
Vũ Văn Ty : 607
Vũ Viết Cận : 397
Vũ Viết Thu : 406
Vũ Viết Trực : 406
Vũ Vinh : 397
Vũ Xuân Cẩn : 156, 308
Vũ Xuân Đạm : 156
Vũ Xuân Hiểu : 403
Vũ Xuân Trương : 403
Vụ Bản (huyện) : 564
Vực Ải : 452
Vương Bá Kỷ : 397
Vương Cảnh Tường : 285
Vương Doanh : 403
Vương Đình Núc : 402
Vương Văn Hộ : 402
Vương Văn Tự : 400
Vy Hoà Lễ : 566

X

Xá (người) : 364, 458, 468, 473
Xá Lượng (xã) : 34
Xích Mao (nước Anh) : 234, 376, 512
Xiêm (nước) : 75, 223, 224, 320, 321, 351, 352, 415, 511, 563
Xiêm Hậu (đội, người Man) : 497
Xiêm Man : 98
Xuân Dục (xã) : 197
Xuân Linh (đồn) : 382
Xuân Nộn (tổng) : 196
Xuất Đế (nhà Lê) : 94, 534
Xương Lăng (lăng) : 278

Y

Y Bích (cửa biển) : 549, 594
Y Cau (xã) : 20
Ý Yên (huyện) : 166, 542
Yên Bình (phủ) : 374, 456
Yên Dũng (huyện) : 67, 332, 391, 566, 572
Yên Định (huyện) : 136, 192
Yên Đổ (xã) : 408
Yên Hưng (xã) : 150
Yên Lạc : 369
Yên Phong (huyện) : 196
Yên Thế (huyện) : 391, 437
Yên Trì (xã) : 150
Yên Trường (tổng) : 136

MỤC LỤC

CHÍNH BIÊN - ĐỆ TỨ KỶ

THỰC LỤC VỀ DỰC TÔNG ANH HOÀNG ĐẾ

Trang

- Quyển L (1874) 5
- Quyển LI (1874) 36
- Quyển LII (1874) 69
- Quyển LIII (1875) 96
- Quyển LIV (1875) 131
- Quyển LV (1876) 161
- Quyển LVI (1876) 192
- Quyển LVII (1877) 217
- Quyển LVIII (1877) 246
- Quyển LIX (1878) 267
- Quyển LX (1878) 292
- Quyển LXI (1879) 327
- Quyển LXII (1879) 363
- Quyển LXIII (1880) 389
- Quyển LXIV (1880) 423
- Quyển LXV (1881) 454
- Quyển LXVI (1881) 480

- Quyển LXVII (1882) 508
- Quyển LXVIII (1882) 533
- Quyển LXIX (1883) 554
- Quyển LXX (1883) 578

Bảng sách dẫn 612

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại Tp. Đà Nẵng HUỲNH BÁ VÂN
Viện trưởng Viện Sử học TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Biên tập nội dung :
NÔNG THỊ HUỆ - LƯU HOA SƠN

Trình bày bìa :
NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in và phụ trách phần chữ Hán :
NGUYỄN ĐỨC NHUỆ – NGUYỄN HỮU TÂM

Phụ trách phần Sách dẫn :
NGÔ VŨ HẢI HẰNG

Chế bản :
VIỆN SỬ HỌC

ĐẠI NAM THỰC LỤC - TẬP TÁM
Mã số : 7X416N6-CNĐ

In 1.200 bản, khổ 16x24cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam-260 Hùng Vương, Tam Kỳ. Số XB : 10-2006/CXB/169-2018/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2007.

ĐẠI NAM THỰC LỤC

大南實錄

50 NĂM
THÀNH LẬP
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

ĐẠI NAM THỰC LỤC

大南實錄

8 934980 693148

Giá : 123.000đ